LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 167

MA HA CHỈ QUÁN

SỐ 1911
(QUYỂN 1 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1911

MA-HA CHỈ QUÁN

Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai đời Tùy giảng.
Đệ tử là Quán Đảnh ghi chép.

QUYỂN 1
(Phần Đầu)

"Chỉ Quán minh tĩnh" đời trước chưa từng nghe. Vào ngày hai mươi sáu tháng bốn niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tư đời Tùy, ngài Trí Giả trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu , một mùa hạ phu dương (giảng) hai thời. Tuy nhạo thuyết không cùng mới đến thấy cảnh chuyển pháp luân ngừng chuyển nên phần sau không giảng. Nhưng ấp dòng tìm nguồn, nghe hương tìm gốc. Luận nói rằng: Ta tu hành không có thầy chỉ dạy. Kinh chép: Thọ ký việt ở Định Quang. Sách nói: Sinh ra đã biết là bậc thượng, học mới biết là bậc kế là lượng. Pháp môn rộng lớn mầu nhiệm, là thiên chân độc lãng , là từ lam đến xanh. Người tu hành nếu nghe phó pháp tạng thì biết được nguồn gốc tổ tông (tông nguyên). Đức Đại giác Thế Tôn nhiều kiếp hạnh mãn, sáu năm khổ hạnh, chỉ một ngón tay mà hàng phục được ma vương. Ban đầu ở vườn Nai, chặng giữa ở núi Linh Thứu, cuối cùng ở Hạc lâm (Sa-La) , phó pháp cho ngài Đại Ca-diếp, sau Đại Ca-diếp phân chia xá-lợi cho tám nước rồi kiết tập Tam tạng và truyền lại cho ngài A-nan. A-nan nhập Tam-muội Niết-bàn giữa dòng sông, trao truyền lại cho ngài Thương-na-hòa-tu. Thương-na-hòa-tu nhập chánh định dùng tay chỉ lên hư không thì như có dòng cam lồ chảy xuống, hóa hiện năm trăm pháp môn để hàng phục năm trăm đệ tử của Ưu-ba-cúc-đa, về sau phó pháp cho Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa khi còn ở thế tục đã chứng quả thứ ba, sau khi thọ giới đắc quả thứ tư

và trao truyền lại cho ngài Đề-ca-đa. Đề-ca-đa đăng đàn chứng đắc Sơ quả, ba phen yết-ma chứng đắc Tứ quả, sau phó pháp lại cho ngài Di-già-ca. Di-già-ca phó pháp cho ngài Phật-đà-nan-đề. Phật-đà-nan-đề phó pháp cho ngài Phật-đà-mật-đa, Phật-đà-mật-đa trao truyền pháp ba quy y cho vua và hàng phục được Toán giả. Về sau phó pháp cho ngài Hiếp Tỳ-kheo. Hiếp Tỳ-kheo khi mới sinh râu tóc đều bạc, tay phát ra ánh sáng vàng chói cầm quyển kinh, về sau phó pháp cho ngài Phú-na-xa. Phú-na-xa nhận thấy Mã Minh là người luận biện tài giỏi nên cạo tóc nhận làm đệ tử. Mã Minh ngoài tài hùng biện còn giỏi đánh đàn, Ngài có âm thanh tuyệt diệu, giảng nói pháp vô thường, khổ, không, người nghe dễ ngộ đạo, về sau phó pháp lại cho ngài Tỳ-la. Tỳ-la soạn luận Vô ngã, luận hướng về sự tiêu diệt tà kiến, về sau phó pháp cho ngài Long Thọ. Thọ sinh ra sinh thân, long trở thành Pháp thân, sau phó pháp cho ngài Đề-bà. Đề-bà thấy mắt của một vị thần thờ ở miếu, bị hủng sâu nên múc mắt mình cúng thí, về sau phó pháp lại cho ngài La-hầu-la. La-hầu-la biết tên Quỷ Viết hàng phục được ngoại đạo, về sau phó pháp cho ngài Tăng-khư-nan-đề. Nan-đề nói kệ và thử vị La-hán, về sau phó pháp cho ngài Tăng-khư-da-xa. Tăng-khư-da-xa dạo chơi trên biển thấy ngôi thành mà nói kệ, về sau phó pháp cho ngài Cưu-ma-la-đà, vị này có tài cỡi ngựa và ghi nhớ mầu sắc của ngựa, về sau phó pháp cho ngài Xà-dạ-na. Xà-dạ-na vì người phạm tội nặng làm hầm lửa, khuyên họ xuống đó sám hối, thì tội tiêu và hầm lửa biến thành ao sen, về sau phó pháp cho ngài Bàn Đà. Bàn Đà phó pháp ngài Ma-noa-la. Ma-noa-la chia sông Hằng làm hai phần, tự giáo hóa một phần, về sau phó pháp cho ngài Hạc-lặc-dạ-na. Hạc-lặc-dạ-na phó pháp lại cho ngài Sư Tử. Sư Tử bị vua Đàn-di-la vung kiếm chém vào cổ, máu chảy như sữa. Những vị được phó pháp truyền thừa bắt đầu từ ngài Ca-diếp cuối cùng là ngài Sư Tử là hai mươi ba vị. Ngài Mạt-điền-địa cùng ngài Thương-na đồng thời được chọn là vị thứ hai mươi bốn, các vị đều từ miệng vàng thọ ký cho nhau, đều là các bậc Thánh có khả năng đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh. Ngày xưa vua không lập chuồng ngựa ở chùa, chỉ lập chuồng ngựa ở nhưng nơi có mổ xẻ, huống chi ở đời gặp được bậc Thánh là điều tốt, đâu không lợi ích ư!

Lại nữa, Bà-la-môn bán sọ đầu người chết, buôn bán lời hoặc được phân nửa, hoặc không được. Người được lời thì xây tháp lễ bái cúng dường, được sinh lên cõi trời. Công đức nghe pháp quan trọng như thế, Đức Phật vì lợi ích này mà truyền trao Pháp nhãn tạng. Bộ Chỉ Quán này ngài Thiên Thai Trí Giả thuyết pháp môn mà tự mình đã

thực hành trong . Khi ngài Trí Giả mới sinh ra thì trong nhà sáng rực mắt có hai đồng tử (con ngươi). Sau ngài thực hành Pháp Hoa kinh Sám phát Đà-la-ni, thay Pháp sư Thọ giảng Kim tự chữ vàng Bát-nhã . Đời Trần và Tùy hai nước đều tôn ngài làm thầy, cuối đời ngài ngồi thiền an nhiên thị tịch. Giai vị ngài ở Ngũ phẩm, Kinh nói: "Bố thí bốn trăm muôn ức na-do-tha người trong nước, mỗi người đều đầy đủ bảy báu, lại giáo hóa khiến đắc sáu thần thông, không bằng khiến cho người mới phát tâm tùy hỷ gấp trăm ngàn muôn lần": Huống chi ngũ phẩm ư? Văn chép: Tức sứ giả của Như Lai, người được Như Lai sai đến làm việc của Như Lai. Đại kinh chép: Là Bồ-tát Sơ y. Ngài Trí Giả là học trò ngài Nam Nhạc, ngài Nam Nhạc đức hạnh không thể nghĩ bàn, mười năm chuyên tụng kinh, bảy năm Phương Đẳng, chín tuần thường ngồi, nhất thời lúc viên chứng, thông suốt các pháp môn Tiểu thừa, Đại thừa. Ngài Nam Nhạc là học trò của Thiền sư Tuệ Văn. Ngài Tuệ Văn họ Cao, người Bắc Tề, Ngài thường đi bộ một mình ở bờ sông Hoài, các pháp môn mà Ngài thông hiểu người đời chẳng biết được, chân đạp đất, đầu đội trời, chẳng ai biết cao sâu. Ngài dụng tâm nương Thích luận. Luận là do ngài Long Thọ giảng nói, trong phó pháp Tạng ngài là vị Tổ thứ mười ba. Bộ Quán Tâm luận của ngài Trí Giả có câu: "Quy mạng Long Thọ sư", thì nghiệm biết Long Thọ là bậc cao tổ.

Có người nghi rằng: Những điều mà Trung luận loại bỏ thì Chỉ Quán kiến lập, làm sao đồng được? Song ở Thiên Trúc các nhà chú giải luận gồm bảy mươi nhà, không lẽ là Thanh mục mà chẳng phải các sư ư? Lại nữa, Luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo...

Ngài Thiên Thai được Nam Nhạc truyền cho ba thứ Chỉ Quán: 1. Tiệm thứ; 2. Bất định; 3. Viên đốn. Đều thuộc Đại thừa, đều duyên với Thật tướng, đồng gọi là Chỉ Quán. Tiệm thì đầu cạn sau sâu, giống như bậc thềm. Bất định thì trước sau xen nhau, như đặt viên Kim cương giữa ánh nắng mặt trời. Viên đốn thì trước sau bất nhị, như người có thần thông bay lên hư không. Vì ba căn tánh của chúng sinh mà nói ba pháp môn, dẫn ba thí dụ, đây là phần nói lược đã xong. Lại đến phần nói rộng: tiệm thì ban đầu cũng biết thật tướng, thật tướng khó hiểu, tiệm thứ thì dễ thực hành thứ nhất: trước tu tập trở về giới, bỏ tà hướng về chánh, dừng hỏa huyết đao, đạt đến ba đường lành. Thứ hai: Kế tu thiền định. Dừng ham muốn tán loạn, đạt đạo định sắc, vô sắc, Thứ hai: Tu vô lậu, ngăn cấm (chỉ) ngục ba cõi, đạt đạo Niết-bàn, Thứ tư: Tu Từ bi. Dừng ở nơi tự chứng, đạt đạo Bồ-đề, Thứ năm: Sau tu Thật tướng. Dừng

(chỉ) thiên về hai bên, đạt đạo thường trú. Đây gọi là đầu cạn sau sâu, tướng Chỉ Quán tiệm thứ .

Bất định: Không phân biệt giai vị, căn cứ trước tiệm sau đốn, luân phiên trước sau, cạn sâu xen nhau . Hoặc sự hoặc lý, hoặc chỉ thế giới là Đệ nhất nghĩa, hoặc chỉ cho Đệ nhất nghĩa là vị nhân đối trị; hoặc dứt quán là chỉ, hoặc chiếu chỉ là quán, cho nên ngọi bất định Chỉ Quán.

Có người nghi rằng: Giáo cảnh tên đồng, tướng đốn có khác, nhưng đồng mà không đồng, không đồng mà đồng. Trong tiệm thứ có sáu, thiện ác mỗi thứ có ba. Trong vô lậu gồm có ba, tất cả có mười hai thứ khác nhau, lấy số nhiều mà nói nên gọi là Bất định. Chương này đồng với Đại thừa, đồng với thật tướng, đồng gọi là Chỉ Quán, vì sao gọi là sai biệt. Nhưng đồng mà không đồng, không đồng mà đồng, trong tiệm thứ có chín thứ khác nhau, trong bất định có bốn thứ khác nhau, tổng cộng có mười ba thứ khác nhau, theo số nhiều mà nói cho nên gọi là bất đồng, tất cả các bậc Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt, tức là nghĩa đó.

Viên đốn: Ban đầu duyên thật tướng tạo cảnh tức Trung, đều là chân thật, hệ duyên pháp giới, một niệm pháp giới, một sắc một hương đều là Trung đạo, cõi của chính mình và cõi Phật, cõi chúng sinh cũng như vậy, ấm nhập đều như, không có khổ để xả, vô minh trần lao tức là Bồ-đề, không có tập để dứt; biên tà đều là trung chánh, không có đạo để tu; sinh tử tức Niết-bàn, không có diệt để chứng. Không khổ, không tập cho nên không có thế gian, không đạo, không diệt cho nên không có xuất thế gian, thuần một thật tướng, ngoài thật tướng không còn có pháp nào riêng khác nữa. Pháp tánh (tịch nhiên) vắng lặng gọi là Chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là Quán, tuy nói từ đầu đến cuối mà không hai không khác, ấy gọi là viên đốn Chỉ Quán. Tiệm và bất định nêu ra mà không luận bàn, nay nương vào kinh lại nói rõ viên đốn. Như biểu đạt diệu đức sâu xa. Hiền Thủ nói: Bồ-tát ở nơi sinh tử khi nhất hướng mới phát tâm cầu đạo Bồ-đề vững chắc chẳng thể động. Công đức một niệm kia sâu rộng không bờ bến, Đức Như Lai phân biệt nói suốt kiếp cũng không hết, Bồ-tát này nghe, viên pháp khởi, viên tín lập, viên hạnh trụ, viên vị dùng viên công đức để tự trang nghiêm, dùng viên lực dụng kiến lập chúng sinh.

Nghe viên pháp như thế nào, nghe sinh tử tức Pháp thân, phiền não tức Bát-nhã, kết nghiệp tức giải thoát. Tuy có ba tên gọi mà không phải ba thể, chỉ mà một thể mà đặt ba tên gọi, là tướng ba tức một, kỳ thật không có khác nhau. Pháp thân rốt ráo Bát-nhã giải thoát cũng rốt

ráo, Bát-nhã thanh tịnh, các thứ khác cũng thanh tịnh. Giải thoát tự tại, các thứ khác cũng tự tại. Nghe tất cả pháp cũng như vậy, đều đầy đủ Phật pháp không có giảm bớt, đó gọi là nghe Viên pháp.

Thế nào là Viên tín? Tin tất cả pháp tức không, tức giả, tức trung, chẳng phải một hai ba mà là một hai ba. Không có một hai ba mà già (ngăn) một hai ba, mà một hai ba là chiếu, một hai ba không ngăn không chiếu, đều rốt ráo thanh tịnh, tự tại. Nghe sâu thì không sợ nghe rộng thì không nghi, nghe chẳng sâu chẳng rộng thì ý có sức mạnh, đó gọi là Viên tín.

Thế nào là Viên hạnh? Nhất hướng chuyên cầu vô thượng Bồ-đề, ngay nơi biên mà là trung, chẳng thú hướng chỗ nào khác, tam đế viên tu chẳng gọi là vô biên, Sở tịch hữu biên , sở động, chẳng động chẳng tịch trực nhập Trung đạo, đó gọi là Viên hạnh.

Thế nào là nhập Viên vị? Khi nhập sơ trụ thì một trụ tất cả trụ, tất cả rốt ráo, tất cả thanh tịnh, tất cả tự tại, đó gọi là Viên vị.

Thế nào là Viên tự tại trang nghiêm? Kinh kia có nói rộng về tướng tự tại, hoặc đối với căn này nhập chánh thọ; hoặc đối với căn kia khởi xuất thuyết; hoặc đối với một căn có cả nhập xuất, hoặc đối với một căn không có nhập xuất, mỗi một căn khác còn lại cũng giống như vậy. Hoặc đối với trần này nhập chánh thọ, hoặc đối với trần kia khởi xuất thuyết, hoặc đối với một trần có cả nhập xuất, hoặc đối với một trần không có nhập xuất, ngoài ra mỗi một trần khác cũng giống như vậy. Hoặc đối với phương này nhập chánh thọ, hoặc đối với phương kia khởi xuất thuyết, hoặc đối một phương có cả nhập xuất, hoặc đối một phương không có nhập xuất. Hoặc đối với một vật nhập chánh thọ, hoặc đối một vật khởi xuất thuyết, hoặc đối một vật có cả nhập xuất, hoặc đối một vật không có nhập xuất. Nếu nói xác thật thì chỉ là đối với một căn một trần tức nhập tức xuất, tức song nhập xuất, tức không nhập xuất, đối với chánh báo mỗi mỗi tự tại. Đối với y báo cũng như vậy, đó gọi là Viên tự tại trang nghiêm.

Thí như ánh sáng mặt trời chiếu soi khắp bốn châu thiên hạ mà chỗ thì giữa trưa, chỗ thì sáng, chỗ thì chiều tối, chỗ thì nửa đêm, luân hồi bất đồng. Chỉ là một mặt trời mà bốn chỗ thấy khác nhau, Bồ-tát tự tại cũng giống như vậy.

Thế nào là Viên kiến lập chúng sinh? Hoặc phát ra một luồng ánh sáng có thể khiến chúng sinh được lợi ích "tức Không, tức giả, "tức trung", được cái lợi ích nhập xuất, song nhập xuất, không nhập xuất, trải qua sự đi đứng nằm ngồi, nói năng im lặng, tạo tác cũng như vậy.

Người hữu duyên thì thấy như mắt thấy ánh sáng, người vô duyên thì bất giác như người mù thường tối tăm, cho nên nêu long vương làm ví dụ. Dọc thì khắp sáu tầng trời, ngang thì khắp bốn cõi, nổi các thứ mây, sấm (sét các thứ), chớp lóe các thứ mưa các thứ mưa, rồng ở trong bổn cung vẫn không chuyển không động, đối với tất cả sự thi thiết đều khác nhau, Bồ-tát cũng giống như vậy, bên trong tự thông đạt tức không, tức giả, tức trung, bất động pháp tánh , mà khiến đạt được các thứ lợi ích, được các thứ dụng, đó gọi là viên lực dụng kiến lập chúng sinh.

Người mới phát tâm còn như vậy huống chi là những người trung tâm, hậu tâm, Đức Như Lai ân cần khen ngợi pháp này, người nghe vui mừng, Thường-đề thỉnh phía Đông, Thiện Tài cầu phía Nam. Bồ-tát Dược Vương đốt cánh tay, Phổ Minh chặt đầu, một ngày ba lần xả, hằng hà sa thân còn không đủ sức báo đáp một câu, huống chi hai vai gánh vác trăm ngàn muôn kiếp, đâu thể báo đáp ân Phật pháp. Một kinh một thuyết như ở đây, các kinh khác cũng vậy.

Có người nghi rằng: Dư Tam-muội nguyện nghe thành chứng, nhưng kinh luận rộng lớn không thể dẫn chứng xác thật được, chỉ lược nêu một hai. Kinh Tịnh Danh chép: Ban đầu ngồi dưới gốc cây hàng phục ma quân, chứng đắc cam lồ thành đạo Chánh giác, ba phen quay chuyển pháp luân luân nơi Đại thiên thế giới. Pháp luân xưa nay thường thanh tịnh, trời người nhờ đó mà chứng được đạo, Tam bảo nhờ đó mà xuất hiện ở thế gian. Đây tức là sự mở đầu của Tiệm giáo. Lại nói rằng: Đức Phật dùng một âm thanh giảng nói giáo pháp, chúng sinh tùy loại đều được hiểu. Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng, hoặc sinh tâm nhàm chán xa lìa, hoặc dứt nghi, đây là thần lực bất cộng pháp. Đây là chứng bất định giáo.

Lại nói rằng: Nói pháp không có cũng chẳng không, do nhân duyên nên các pháp sinh, vô ngã, vô tạo, vô thọ giả, nghiệp thiện ác không tiêu mất. Đây là chứng Đốn giáo. Đại phẩm chép: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp nói, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Dùng các sắc bao bọc hạt châu ma-ni rồi đặt vào trong nước thì nước tùy theo vật mà đổi màu, đây là chứng bất định. Lại nói rằng: Khi mới phát tâm tức ngồi đạo tràng, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh, đây là chứng Đốn. Kinh Pháp Hoa chép: Người như vậy nên dùng pháp này để dẫn nhập vào Phật tuệ, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Nếu không tin pháp này, đối với các pháp sâu xa khác mà chỉ dạy làm lợi lạc an vui, đây là chứng Bất định. Lại nói rằng: Chánh trực xả phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, đây là chứng Đốn. Đại kinh chép: Từ bò vắt ra sữa, cho

đến đề hồ, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Bỏ chất độc vào trong sữa, thì sữa ấy là chất giết người, cho đến bỏ độc vào trong đề hồ, thì đề hồ ấy là chất giết người, đây là chứng Bất định. Lại nói rằng: "Núi Tuyết có thứ cỏ tên là nhẫn nhục, nếu bò ăn vào thì được thành đề hồ, đây là chứng Đốn.

Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Phật quay chuyển pháp luân trước hết rưới cho chúng sinh vài giọt nước pháp, gội bớt những bụi bặm tham dục nhơ nhớp, mới mở cửa Niết-bàn, quạt ngọn gió giải thoát thổi lồng lên, xa gần đều được mát mẻ, đuổi tan không khí nóng bức bực bội, dần dần nói nghĩa lý sâu xa của mười hai nhân duyên dùng để rưới tắt ngọn lửa vô minh đang bừng cháy dữ dội, như ánh nắng mặt trời rọi một chỗ, kế là tuôn xối mưa pháp vô thượng Đại thừa, thấm nhuần các chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, đây là chứng Tiệm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Rồng Sa-già-la phun nước mưa như biển, đất khác không chịu nỗi. Phật vì người căn tánh bậc thượng mà nói viên mãn Tu-đa-la, hàng Nhị thừa như điếc như câm. Kinh Tịnh Danh chép: Vào rừng Chiêm-bặc không ngửi thấy các mùi hương khác, người vào nhà này chỉ nghe mùi hương công đức của các Đức Phật. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Giã muôn thứ hương vô hành viên, nếu đốt một chút nhỏ thì cũng đầy đủ thứ các mùi. Kinh Đại Phẩm chép: Dùng nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, phải học Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Pháp Hoa chép: Tay chắp tâm cung kính, muốn nghe đạo đầy đủ. Đại kinh chép: Thí như có người tắm dưới biển lớn, nên biết người này đã dùng nước của các dòng sông. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt trời phát ra ánh sáng trước chiếu trên đỉnh núi, kế là chiếu các hang núi (u cốc), kế là chiếu xuống đất bằng, đất bằng là bất định, hang cốc là Tiệm, núi cao là Đốn. Từ trước đến nay đều là lời nói thành thật từ miệng vàng (kim khẩu) của bậc Thánh. Pháp mà ba đời Đức Như Lai tôn trọng, quá khứ quá khứ, lâu xa lâu xa, xa tận từ vô thỉ; hiện tại hiện tại, vô biên vô tế, vị lai vị lai, xoay vần không cùng tận, như quá khứ hiện tại , vị lai không thể bàn luận, nên biết Chỉ Quán là thầy của các Đức Phật, do pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, lạc, ngã, tịnh... cũng giống như vậy. Dẫn chứng như vậy lẽ nào lại không tin ư? Đã tin pháp kia thì cần phải biết ba văn, Thứ Đệ Thiền Môn gồm có ba mươi quyển, mười quyển này do ngài Pháp Thận ở chùa Đại Trang Nghiêm ghi chép riêng. Văn bất định như sáu diệu môn, dùng bất định ý trải qua mười hai thiền, chín tưởng, tám bối, quán luyện huân tu, nhân duyên lục Độ vô ngại xoay chuyển ngang dọc tự tại. Đây là Trần Thượng Thư ra lệnh Mao Hỷ thỉnh ngài

Trí Giả giảng nói văn này.

Về văn viên đốn, là mười quyển do ngài Quán Đảnh trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kính Châu ghi chép. Tuy có ba văn nhưng không được chấp văn mà tự làm hại.

Luận chép: Hoặc thấy, hoặc không thấy Bát-nhã đều bị trói buộc, đều được giải thoát. Văn cũng theo thông lệ như vậy.

Có người nghi rằng: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. Đại Kinh chép: Đời đời không thể nói, cho đến bất sinh bất sinh không thể nói, hoặc thông, hoặc biệt, đường ngôn ngữ bặt, không năng thuyết, không sở thuyết. Thân Tử nói: Ta nghe trong giải thoát không có ngôn thuyết, cho nên ta đối với điều này không biết làm thế nào. Kinh Tịnh Danh chép: Pháp sở thuyết kia, là không có nói, không có chỉ bày, đối với người nghe pháp kia không có nghe, không có đắc, người ấy không thể nói pháp này là không thể nói, mà nói là chỉ bày cho người, nhưng chỉ dẫn một bên không thấy hai điều kia. Đại Kinh chép: Có nhân duyên cho nên cũng có thể được nói. Pháp Hoa chép: Dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên nói cho chúng sinh nghe, lại chép: Dùng năng lực phương tiện cho nên vì năm Tỳ-kheo mà nói, hoặc Thông hoặc Biệt đều có thể được nói. Đại Kinh chép: Người có mắt nói cho người mù nghe, đây chỉ cho chân đế có thể nói. Kinh Thiên Vương Bát-nhã chép: Tổng trì không có văn tự, văn tự hiển bày tổng trì, đây chỉ cho tục đế có thể nói. Lại nữa, Đức Như Lai thường nương vào nhị đế để nói pháp. Kinh Tịnh Danh chép: Văn tự tánh lìa tức là giải thoát, ngay nơi nói là không nói. Đại Kinh chép: Nếu biết Như Lai thường không nói pháp ấy tức là học rộng, đây chỉ cho không nói mà là nói. Kinh Tư Ích chép: Đức Phật và đệ tử thường thực hành hai việc: Hoặc nói, hoặc im lặng. Kinh Pháp Hoa chép: Đứng ngồi lui tới đều giảng nói pháp mầu tuôn chảy như mưa lớn. Lại chép rằng: Nếu muốn cầu Phật đạo phải thường theo người học rộng, bậc Thiện tri thức là nhân duyên lớn, đó là giáo hóa, dẫn dắt giúp cho được thấy đạo. Đại Kinh chép: Mây sấm giữa hư không sinh hoa trên ngà voi, nay cũng như thế, một bề không nói; hoặc tranh luận nói hay im lặng, không hiểu ý giáo thì cách lý càng xa, lìa nói không có lý, lìa lý không có nói, tức nói mà không nói, không nói tức là nói, không hai không khác, ngay nơi sự mà chân, lòng đại bi thương xót tất cả vô văn, như mặt trăng ẩn khuất sau núi, gió sinh trưởng thái hư động chuyển, cây chuyển động theo. Nay ý người chậm lụt quan sát kỹ lưỡng sâu xa thì khó. Mắt nương sắc nhập vào giả, văn thì dễ, nếu văn dồi dào là hại, nên biết văn chẳng

phải văn, thông đạt tất cả văn chẳng phải văn chẳng phải không phải văn, có thể đối với một văn mà có thể hiểu được tất cả, chính là nghĩa này, dùng ba thứ văn làm thành một môn. Đã nói lược phần duyên khởi xong.

Nay sẽ khai thành mười chương: 1. Đại ý; 2. Thích danh; 3. Thể tướng; 4. Nhiếp pháp; 5. Thiên viên; 6. Phương tiện; 7. Chánh quán; 8. Quả báo; 9. Khởi giáo; 10. Chỉ quy. Mười là phương pháp đếm số, không nhiều không ít.

Trước hết là nêu kỳ hạn ngắn gọn, cuối cùng thì quy về tông đến cùng cực. Từ đầu đến cuối tổng kết trong mười chương.

Sinh khởi, chỉ là có thứ lớp mười chương, chí lý vắng lặng, vô sinh vô diệt, vô sinh là vô khởi, vô khởi là có nhân duyên cho nên mười chương thông là sinh khởi biệt, luận riêng chương trước là sinh, chương kế là khởi, duyên do thứ lớp cũng giống như vậy. Cái gọi là rằng do si hoặc che lấp từ vô lượng kiếp không biết vô minh tức là minh, nay khai giác cái đó cho nên nói đại ý, đã biết vô minh tức là minh không còn lưu chuyển, cho nên gọi là chỉ, trong sáng thanh tịnh gọi là Quán. Đã nghe danh được thể, thể tức là nhiếp pháp, thuộc về thiên viên, dùng thiên viên giải khởi đối với phương tiện, phương iện đã lập chánh quán liền thành, thành chánh quán tức là đã đạt được quả báo nhiệm mầu, từ khi tự mình đắc pháp khởi giáo dạy người, mình và người đều an vui, đồng quy về cõi thường tịch. Do vì không thông đạt vô sinh vô khởi, cho nên sinh khởi, đã hiểu rõ vô sinh vô khởi, tâm hành tịch diệt, đường ngôn ngữ dứt, tịch nhiên thanh tịnh.

Về phân biệt, công đức của mười chương như báu ở trong đảy, không lấy ra chỉ cho người thì người không thấy. Nay mười chương bao nhiêu chân bao nhiêu tục, bao nhiêu phi chân, phi tục, bao nhiêu Thánh nói, Thánh im lặng, chẳng nói, chẳng im lặng, bao nhiêu định, bao nhiêu tuệ, bao nhiêu chẳng phải định tuệ, bao nhiêu mắt chân, bao nhiêu chẳng phải mắt chân, bao nhiêu nhân quả, bao nhiêu chẳng phải nhân quả, bao nhiêu tự tha, chẳng phải tự tha, bao nhiêu cộng, bất cộng, chẳng phải cộng, chẳng phải bất cộng, bao nhiêu thông biệt, chẳng thông biệt, bao nhiêu rộng lược, chẳng phải rộng lược, bao nhiêu ngang dọc, chẳng phải ngang dọc. Các thứ như vậy nên tự tại mà hỏi.

Tám chương đầu ngay nơi tục là chân, một chương quả báo ngay nơi chân là tục, chương chỉ quy chẳng phải chân chẳng phải tục. Chương chánh quán Thánh im lặng, ngoài ra tám chương Thánh nói, chương chỉ quy chẳng phải nói, chẳng phải im lặng, chánh quán một phần là định,

tám chương còn lại một phần là tuệ, chương "Chỉ qui" chẳng phải định chẳng phải tuệ. Từ chương "Đại ý" cho đến chương "Chánh quán" là nhân. Chương quả báo là quả, chương chỉ quy chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Tám chương trước tự tu hành phát khởi và giáo hóa người, chương chỉ quy chẳng phải tự tha chẳng phải tha. Đại ý đến khởi giáo là mắt, phương tiện đến quả báo là chân, chỉ quy chẳng phải mắt, chẳng phải chân. Đại ý đến chánh quán là chung, quả báo khởi giáo khác nhau, chỉ quy chẳng phải chung, chẳng phải không chung. Chương đại ý là thông, tám chương là biệt, chỉ quy chẳng thông, chẳng biệt. Đại ý lược tám chương là rộng, chỉ quy chẳng rộng chẳng lược. Chương thể tướng là dọc, tám chương khác là ngang, chỉ quy là chẳng ngang, chẳng dọc.

Về Liệu giản, hỏi rằng: Lược chỉ ra đại ý, đồng khác như thế nào? Đáp: Thông thì tên khác ý đồng, biệt thì lược chỉ ba môn, đại ý ở nơi nhất đốn.

Hỏi: Y cứ Hiển giáo mà luận về hiển quán, thì cũng nên y cứ vào bí giáo luận về Mật quán sao? Đáp: Đã phân chia hiển bí, nay chỉ nói hiển, không nói bí.

Hỏi: Phân môn có thể như vậy mà tùy ý luận bàn được không? Đáp: Có khi được có khi không được. Giáo là lời nói của bậc Thánh bên trên gia bị cho kẻ dưới, Thánh có thể hiển hay bí, cả hai đều thuyết, hễ là người giảng nói chỉ có thể truyền hiển, không thể truyền bí, người nghe nhân đâu mà thực hành quán. Trường hợp được là người đạt quả vị sáu căn thanh tịnh thì có thể dùng một âm thanh nhiệm mầu trùm khắp ba ngàn cõi, tùy ý tất cả mọi nơi có thể đến thì có thể truyền bí giáo. Nếu người tu quán phát tâm tu hiển pháp, không phát thì không tu. Người phát túc tập (thói quen từ đời trước) thì được luận về mật quán.

Hỏi: Trước cạn sau sâu là tiệm quán, trước sâu sau cạn là quán tướng gì? Đáp: Là bất định quán.

Hỏi: Từ đầu đến cuối đều cạn là quán tướng gì? Đáp: Ý nghĩa của Tiểu thừa chẳng phải tướng ba thứ Chỉ Quán.

Hỏi: Tiểu thừa cũng do Phật nói. Vì sao ý nói chẳng phải, nếu nói chẳng phải không lẽ nói tiệm. Đáp: Đã chia ra Tiểu thừa, Đại thừa, Tiểu thừa chẳng phải luận, nay nói tiệm là từ chỗ vi tế đến chỗ rõ ràng, (tòng vi trí trứ) mà gọi là Tiệm! Tiểu thừa từ đầu đến cuối đều không biết thật tướng, cho nên chẳng phải tiệm ở đây nói.

Hỏi: Nêu bày ba văn: Văn là sắc, sắc là môn hay chẳng phải môn? Nếu sắc là môn thì sắc là thật tướng, làm sao thông, nếu chẳng

phải môn, vì sao lại nói một sắc một hương đều là Trung đạo ư? Đáp: Văn môn đều là thật tướng, do chúng sinh thường hay điên đảo cho nên dùng văn để chỉ bày, tức nơi văn mà biết rõ văn chẳng phải văn, chẳng phải văn, chẳng phải không phải văn. Văn là môn kia đối với môn mà chứng đắc thật tướng, văn là môn kia, môn đầy đủ tất cả pháp, tức môn, tức chẳng phải môn, tức chẳng phải môn chẳng phải không phải môn.

Giải thích: Là giải thích mười chương, trước hết giải thích đại ý, là tổng quát từ đầu đến cuối, ý rộng khó thấy biết, nay tóm lược làm năm: Nghĩa là phát đại tâm, tụ đại hạnh, cảm đại quả, nêu đại cương, quy Đại sư.

Thế nào là phát đại tâm? Do chúng sinh mê muội điên đảo không tự hiểu biết, nên khuyên bảo giúp họ tỉnh ngộ, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh. Thế nào là đại hạnh? Lại phát tâm mong cầu không gì lay chuyển, không bao giờ thấu đạt kỳ hạn, khuyên gắng sức tinh tấn thực hành bốn thứ Tam-muội. Thế nào là cảm đại quả? Tuy không cầu Phạm thiên mà Phạm thiên tự ứng, khen ngợi quả báo nhiệm mầu làm cho tâm kia an vui tự tại. Thế nào là nêu đại cương? Các thứ kinh luận khai thông trí tuệ cho người, nhưng chấp bên này, nghi bên kia là một chẳng phải nhiều, nghe tuyết cho là băng, cho đến nghe chim hạc cho là động chuyển, nay thông dung kinh luận giải kết vượt ngoài sự hạn chế. Thế nào là quy Đại sư? Pháp không có thỉ chung, không có thông bít, nếu biết pháp giới, pháp giới vô thỉ chung, vô thông bít, bỗng nhiên bừng sáng vô ngại tự tại.

Sinh khởi có năm là lược, hiển có mười là rộng v.v... y cứ vào sự phát tâm lại chia làm ba: 1. Phương tín; 2. Giải phi; 3. Hiển thị. Bồ-đề là tiếng Thiên Trúc, Hán dịch là Đạo, Chất-đa là tiếng Thiên Trúc, Hán dịch là Tâm, tức tâm tư duy hiểu biết. Thiên Trúc còn gọi là Ô-dật-đà, Hán dịch là tâm, chỉ cái cốt lõi tinh yếu chứa nhóm được. Nay nói giản phi là tâm chọn lựa chứa nhóm loài cây cỏ, v.v...

Tâm chuyên suy nghĩ. Đạo cũng có thông, có biệt, nay cũng giản lược chia làm mười: Nếu tâm kia niệm niệm chuyên tham sân si, huân tập khó bỏ, có bỏ cũng không dễ gì, ngày tháng thêm nhiều, khởi thượng phẩm thập ác, như năm thứ Phiến-đề-la, hạng người này phát tâm địa ngục, đi vào đường hỏa đồ. Hoặc tâm niệm ưa thích nhiều quyến thuộc như biển thâu tóm các dòng, như lửa đốt cháy củi, thì sinh trung phẩm thập ác, như Điều-đạt dụ dỗ Tăng chúng, đây là phát tâm súc sinh, đi vào đường huyết đồ. Hoặc tâm niệm ham muốn được danh tiếng, vang khắp bốn phương tám hướng, khen ngợi ca tụng, mà thật chất bên trong

không có gì, chỉ rỗng không, làm sao sánh với Thánh hiền thì sinh hạ phẩm thập ác, như Ma-kiền-đề sinh tâm quỷ, đi vào đường đao đồ. Hoặc tâm niệm thường muốn hơn người khác không nhịn nhục chịu hạ mình, khinh thường người, coi trọng mình, như chim ác bay cao nhìn xuống, mà bên ngoài tỏ bày nhân nghĩa lễ trí tín, thì sinh hạ phẩm thiện tâm, đi vào đường A-tu-la. Hoặc tâm niệm ưa thích thú vui của thế gian, an phận với thân hình hôi thối, vui với tâm si hận, thì sinh trung phẩm thiện tâm, đi vào đường người. Hoặc tâm niệm biết ba đường ác khổ rất nhiều, khổ vui của nhân gian đua tranh lẫn nhau, cõi trời hoàn toàn vui, vì cái vui ở cõi trời có quan hệ với sáu căn không ngoài sáu trần, thì sinh thượng phẩm thiện tâm, đi vào đường trời. Hoặc tâm niệm muốn được oai thế lớn, thân miệng vừa mới tạo tác thì tất cả phụ theo, thì sinh tâm làm chủ cõi Dục đi vào đường ma-la. Hoặc tâm niệm muốn được trí tuệ lợi ích biện tài, thông minh hiền triết, xem xét thấu đạt sáu hợp, mười phương rõ ràng, thì sinh tâm thế trí, thực hành đạo Ni-kiền. Hoặc tâm niệm niệm năm trần sáu dục, sự dục lạc bên ngoài sâu kín vi tế, vui Tam thiền như suối đá, sự vui kia chồng chất bên trong, thì sinh tâm phạm hạnh, đi vào đường Sắc, Vô sắc. Hoặc tâm niệm niệm biết thiện ác xoay vần, phàm phu đam mê tửu sắc hiền Thánh quở trách, phá ác do tịnh tuệ, tịnh tuệ do tịnh thiền, tịnh thiền do tịnh giới, chuộng ba pháp này như đói khát, thì sinh tâm vô lậu, đi vào đường Nhị thừa, hoặc tâm hoặc đường kia chẳng phải nhiều lắm, lược nói mười thứ thôi! Hoặc khai trên hợp dưới, hoặc khai dưới hợp trên, khiến cho mười phương đầy đủ mà thôi!

Nêu một thứ là nói nguyên nhân mở đầu, cái nào mạnh thì lôi trước. Như luận chép: Tâm phá giới đọa vào địa ngục, tâm san tham đọa vào ngạ quỷ, tâm không biết hổ thẹn đọa vào súc sinh, tức là nghĩa này. Hoặc trước khởi tâm sai trái, hoặc trước khởi tâm phải đúng, hoặc đúng sai đều khởi, thí như voi, cá, gió đều làm đục nước ao. Voi dụ bên ngoài, cá dụ bên trong, gió dụ cho đều sinh khởi, lại voi là dụ các điều sai trái từ bên ngoài mà khởi, cá là dụ bên trong quán sự yếu đuối làm hai bên chuyển động, gió là dụ trong ngoài tạp uế cấu bẩn hòa hợp. Lại chín thứ là sinh tử như tằm tự trói buộc, một thứ sau là Niết-bàn như nai khỉ chạy nhảy, tuy đã tự thoát nhưng chưa đầy đủ Phật pháp, đều là trái cho nên chọn cả hai. Chín thứ trước là thế gian bất động bất xuất, một thứ sau tuy xuất mà không có đại bi đều chẳng đúng, nên bỏ cả hai. Hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thiện ác nhiễm tịnh, buộc thoát chân tục... các pháp môn cũng giống như vậy. Lại chín pháp là căn cứ vào khổ đế thế

gian, một pháp sau chẳng phải khổ đế, khúc chiết vụng về, gần gũi thân thiết, cho nên cả hai chẳng đúng, đều phải bỏ. Kế là hữu vi vô vi, căn cứ tập đế, một thứ sau chẳng phải tập đế, tuy chẳng phải tập đế nhưng do khúc chiết vụng về, gần gũi thân thiết nên phải bỏ cả hai. Kế đến thiện ác nhiễm tịnh là y cứ theo đạo đế, một thứ sau là đạo đế, tuy là đạo đế cũng phải bỏ như trước. Kế là buộc thoát chân tục y cứ vào diệt đế, một thứ sau tuy là diệt đế cũng phải bỏ như trước. Nếu hiểu được ý này, trải qua tất cả căn trần, ba nghiệp bốn nghi, sinh tâm động niệm, đều quán sát đây, chớ để cho tâm ô nhiễm sinh khởi. Dù khởi mau diệt như người có mắt sáng có thể tránh đường hiểm ác, ở đời có người thông minh thì dứt bỏ các điều ác, hành giả sơ tâm nếu thấy ý này rất là thế gian mà vẫn nương tựa.

Hỏi: Hành giả tự phát tâm hay người khác dạy phát tâm ư? Đáp: Mình và người cùng lìa, đều không thật có, chỉ là do cảm ứng đạo giao mà nói về phát tâm đó thôi! Như con rơi vào nước lửa thì cha mẹ tìm bới để cứu cho bằng được.

Kinh Tịnh Danh chép: Người con kia mắc bệnh, cha mẹ cũng bệnh theo. Đại kinh chép: Cha mẹ đối với bệnh của con thì tâm rất chú trọng lo lắng, lay động núi pháp tánh, nhập vào biển sinh tử, cho nên có bệnh hạnh, anh nhi hạnh, đó gọi là cảm ứng phát tâm. Thiền Kinh chép: Đức Phật dùng bốn Tùy để nói pháp đó là: Tùy lạc, tùy nghi, tùy trị, tùy nghĩa, vừa giúp cho ý kia nói, tâm kia vui, hỗ trợ cho sự huân tập đời trước, khiến dễ thọ hành, xem bệnh nặng nhẹ để cho thuốc nhiều ít, khi căn cơ đạo pháp thuần thục thì nghe liền ngộ đạo, đâu chẳng phải tùy căn cơ cảm ứng lợi ích. Luận Trí Độ nói bốn Tất-đàn, thế gian gián cách gọi là thế giới Tất-đàn, tùy theo kia có khả năng gọi là vị nhân Tất-đàn, hai thứ Tất-đàn đồng với bốn tùy, cũng là ý cảm ứng, lại dẫn năm lần lại nữa trong luận: 1. Nói về các hạnh Bồ-tát, nói kinh Bát-nhã ba-la-mật. 2. Khiến Bồ-tát tăng thêm Tam-muội niệm Phật. 3. Nói tướng mạo của bậc Bạt trí. 4. Nhổ sạch gốc rễ tà ác của đệ tử. 5. Nói Đệ nhất nghĩa, nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Năm lần lại nữa này cùng với bốn tùy, bốn tất đề không khác, lại đồng với năm nhân duyên. Hoặc không tùy cơ xúc não người khác, nói đối với kia không có lợi ích, hoặc mưa đại bi thấm nhuần muôn vật. Luận nói rằng: Pháp chân chánh cho đến người nói, chúng nghe khó được, như vậy thì sinh tử chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thật tướng chẳng khó chẳng dễ, chẳng có chẳng không, đây gọi là chân pháp, có thể nói nghe như ở đây gọi là nói nghe chân thật. Có ba thứ Tất-đàn gọi là hữu biên, Đệ

nhất nghĩa gọi là phi hữu biên, phi vô biên, cho nên biết duyên khởi có thể hiểu rõ Đại sự là ý cảm ứng. Nhưng bốn tùy, bốn tất, năm duyên tên tuy khác nhưng ý đồng. Nay nói bốn tùy là đại bi ứng lợi ích, Tất-đàn là lân mẫn thi thiết cùng khắp, do hai bên có khác đó thôi! Nói nhân duyên là hoặc nhân nơi Thánh, duyên nơi Phàm, hoặc nhân nơi Phàm, duyên nơi Thánh, thì đường cảm ứng giao nhau. Nên biết ba pháp lời nói ý nghĩa phù hợp nhau thì ý đồng, tùy sự ham muốn an vui thiên về ngôn ngữ để tu nhân, thế giới thiên về ngôn ngữ mà chịu báo cách nhau, do nhân quả khác nhau đó thôi!

Tiện nghi thì chọn lựa pháp thích nghi với người, vì người là xem xét pháp thích hợp với người, đây là do sự vui mừng đến khác nhau. Lại nữa, năm nhân duyên, vì chúng sinh tin ưa là nhân nên Phật nói một pháp tất cả pháp, là tâm đại Bồ-đề, đối với kinh là ưa muốn, với luận là thế giới, chúng sinh có đại tinh tấn mạnh mẽ nên Phật nói một hạnh tất cả hạnh, thì bốn thứ Tam-muội đối với kinh là tiện nghi, với luận là vị nhân. Chúng sinh có đại bi bình đẳng làm nhân, chiêu cảm Phật nói một phá tất cả phá, đạt được quả báo tốt đẹp và thông hiểu kinh luận, đối với kinh luận đều là đối trị. Chúng sinh có con mắt trí tuệ như Phật, làm nhân chiêu cảm quả Phật nói một rốt ráo, tất cả rốt ráo, được nói chỉ quy về vắng lặng, đối với kinh luận đều là Đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, năm duyên, năm lần lại nữa, tâm Bồ-đề là gốc của các hạnh, luận nêu các hạnh do nhánh và gốc khác nhau đó thôi! Bốn Tam-muội là thông tu, niệm Phật là biệt tu, bởi thông biệt có khác nhau. Thắng báo nói đầy đủ, y báo chánh báo, tập quả báo quả, bậc Bạt trí thiên nêu về tướng tập quả nhập vị, vì song và một là khác. Trừ kinh luận nghi trệ, kinh luận là chỗ sinh khởi nghi chấp, cứu đệ tử ra khỏi tà ác là khởi sự hơn người, người và xứ khác nhau đó thôi! Bổn mạt cứu cánh đẳng và Đệ nhất nghĩa tên đồng dễ thấy, sở dĩ không khác là vì nghĩa đồng. Lại nữa, Thánh nói nhiều mối, hoặc nói có thứ lớp, hoặc nói không thứ lớp, hoặc nói đầy đủ, hoặc nói không đầy đủ, hoặc nói lẫn lộn, hoặc nói không lẫn lộn, chúng sinh thọ nhận sự lợi ích khác nhau, hoặc lợi ích có thứ lớp, hoặc không có thứ lớp, hoặc lợi ích đầy đủ, hoặc không đầy đủ; hoặc lợi ích lẫn lộn, hoặc không lẫn lộn; hoặc bốn Tất-đàn thành năm duyên, năm duyên thành bốn Tất-đàn, hoặc bốn Tất-đàn một nhân duyên, một nhân duyên thành một tất, hoặc mỗi nhân duyên đều đủ bốn tất, bốn tất đầy đủ năm duyên, như vậy... các thứ thành tựu hiển bày lẫn nhau, lại dùng ba Chỉ Quán kết buộc, có thể dùng ý để biết. Lại dùng một Chỉ Quán để kết, phát tâm Bồ-đề tức

là quán, dứt tâm tà vọng tức là chỉ, lại năm chương là lược, còn mười chương là rộng. Năm chương đầu chỉ là một ý phát tâm Bồ-đề đó thôi! Phương tiện, chánh quán chỉ là bốn Tam-muội. Một chương quả báo là nói về sự nghịch thuận, nghịch tức là quả báo hai bên, thuận tức quả báo tốt đẹp cao quý. Một chương khởi giáo là xoay chuyển tự tâm làm lợi ích cho người khác, hoặc làm thân Phật lập bày quyền thật, hoặc làm hình tượng trong chín cõi, khen ngợi tiệm đốn, chuyển tiệm đốn, mở rộng tiệm đốn. Chương chỉ quy là đồng quy đại xứ, trong bí mật tạng cho nên biết lược rộng ý đồng.

Hiển lại chia làm ba: 1. Tứ đế; 2. Bốn hoằng; 3. Sáu tức. Danh tướng Tứ đế vượt ngoài phẩm Thánh Hạnh của đại kinh, đó là sinh diệt, vô sinh diệt, vô lượng, vô tác. Sinh diệt: Khổ tập là nhân quả thế gian, đạo diệt là nhân quả xuất thế gian. Khổ thì ba tướng dời đổi, tập thì bốn tâm trôi chảy, đạo thì đối trị dễ đoạt, diệt thì diệt hữu lại vô. Dù thế gian hay xuất thế gian cũng đều biến đổi, cho nên gọi là sinh diệt Tứ đế. Vô sinh: Khổ không bức bách tất cả đều không, há hữu không có thể bỏ không, ngay nơi sắc là không, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy, cho nên không có sự bức bách. Tập không có tướng hòa hợp; nhân quả đều không, há có nhân không và quả không hợp nhau, trải qua tất cả tham sân si cũng giống như vậy. Đạo không có hai tướng, không có năng trị sở trị, không còn không có một, làm sao có hai ư? Pháp vốn không như vậy thì không diệt, bất nhiên bất diệt nên gọi là vô sinh Tứ đế. Vô lượng là phân biệt so sánh khổ có vô lượng tướng, nghĩa là một pháp giới khổ còn có bao nhiêu, huống chi mười pháp giới thì có biết bao nhiêu, hàng Nhị thừa hoặc trí hoặc nhãn chẳng thể thấy biết, chính là hàng Bồ-tát mới hiểu biết được, nghĩa là địa ngục có nhiều sự khác nhau, cắt chẻ nấu nướng thiêu đốt còn lại bao nhiêu thứ không thể kể hết, huống chi trong các cõi khác có bao nhiêu sắc, bao nhiêu thọ tưởng hành thức, cát bụi sông biển đâu có cùng tận, cho nên Nhị thừa chẳng thấy biết được, mắt trí của Bồ-tát mới thông suốt được. Lại tập có vô lượng tướng, đó là tham dục, sân, si các thứ tâm, các thứ thân miệng, tập nghiệp bao nhiêu, thân cong thì bóng vẹo, tiếng ồn thì âm hỗn tạp, Bồ-tát chiếu soi không lầm lẫn. Lại đạo có vô lượng tướng, nghĩa là phân tích thân thể vụng về khéo léo, phương tiện cong thẳng, dài ngắn quyền thật, Bồ-tát hiểu rõ không lầm lộn, lại diệt có vô lượng tướng, phương tiện như vậy làm diệt kiến đế, phương tiện như vậy làm diệt tư duy, mỗi thứ có bao nhiêu chánh trợ, Bồ-tát thông suốt không một mảy may sai khác. Lại phương tiện tức không bao nhiêu chánh trợ, bao nhiêu

đều không. Tuy không bao nhiêu mà phân biệt bao nhiêu không lầm không loạn. Lại phương tiện như vậy có thể phân tích diệt trừ tứ trú. Lại phương tiện như vậy có công năng thể nhận diệt trừ tứ trú, phương tiện như vậy diệt được trần sa, phương tiện như vậy diệt được vô minh, dù bao nhiêu thứ kia cũng không xen lẫn. Lại ba thứ Tất-đàn phân biệt cho nên có bao nhiêu, Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thì không bao nhiêu, tuy không bao nhiêu theo số nhiều mà luận cho nên nói bao nhiêu, gọi là Vô lượng Tứ đế.

Vô tác Tứ đế: Đều là thật tướng không thể suy nghĩ bàn luận, chẳng phải chỉ Đệ nhất nghĩa đế không còn bao nhiêu, hoặc ba Tất-đàn và tất cả pháp không còn bao nhiêu, nghĩa đây có thể biết không ghi chép lại. Hoặc dùng Tứ đế đối thắng với các cõi có thêm có bớt. Đồng cư có bốn, phương tiện thì ba, thật báo thì hai, Tịch Quang chỉ có một. Nếu đối bề ngang thì đồng cư sinh diệt, phương tiện vô sinh diệt, thật báo vô lượng. Tịch Quang vô tác v.v... lại gọi chung là Tứ đế, gọi riêng là Thập nhị nhân duyên. Khổ gồm bảy chi: Khổ thức, danh sắc sáu nhập, xúc, thọ, sinh, già chết. Tập gồm năm chi: vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Đạo là phương tiện nhân duyên đối trị, diệt là vô minh diệt, cho đến già chết diệt, cho nên Đại kinh khai bốn thứ Tứ đế, cũng khai bốn thứ Thập nhị nhân duyên, hạng hạ trí quán xét cho nên chứng đắc Thanh văn Bồ-đề, hạng trung trí quán cho nên chứng đắc Duyên giác Bồ-đề, hạng thượng trí quán cho nên chứng đắc Bồ-tát Bồ-đề, bậc thượng thượng trí quán cho nên chứng đắc Phật Bồ-đề. Lại nữa, bài kệ Trung luận chép: "Pháp do nhân duyên sinh, tức là sinh diệt, ta nói tức là không, là vô sinh diệt, cũng gọi giả danh, là vô lượng, cũng gọi là nghĩa Trung đạo, là vô tác". Lại giải thích rằng: Nhân duyên tức là Tập, sở sinh tức là Khổ, phương tiện diệt khổ là Đạo, khổ tập tận là Diệt. Lại kệ nói: Nhân duyên, nhân duyên tức vô minh, pháp sở sinh tức hành, danh sắc, sáu nhập, v.v... Cho nên văn nói: Vì đệ tử lợi căn nói tướng Thập nhị nhân duyên bất sinh bất diệt, chỉ cho hai mươi lăm phẩm trước, vì đệ tử độn căn, nói tướng Thập nhị nhân duyên sinh diệt, chỉ cho hai phẩm sau. Nên biết luận kệ nói chung tức bốn loại Tứ đế, nói riêng tức bốn thứ Thập nhị nhân duyên. Đã phân biệt bốn loại Tứ đế đã xong, các kinh nói rõ các thứ phát tâm Bồ-đề. Hoặc nói suy tìm các lý phát tâm Bồ-đề, hoặc thấy các tướng Phật phát tâm Bồ-đề, hoặc thấy các thần thông, hoặc nghe các pháp, hoặc dạo chơi các cõi, hoặc thấy các chúng, hoặc thấy tu các hạnh, hoặc thấy các pháp diệt, hoặc thấy các lỗi lầm, hoặc thấy người chịu các khổ mà phát tâm Bồ-đề, lược

nêu mười thứ làm đầu nói rộng, v.v....

Suy lý phát tâm: Pháp tánh vốn sẵn có của con người thì như vậy, Tập không làm nhiễm ô, Khổ không thể xúc não, Đạo không thể thông, diệt không thể tịnh, như mây che ánh trăng nhưng không thể làm hại trăng dứt trừ phiền não rồi thì mới , tự thấy được pháp tánh. Kinh dạy: Diệt chẳng phải chân đế, nhân diệt hợp với chân, diệt mà còn chẳng phải chân, thì ba đế cũng vậy. Trong phiền não không có Bồ-đề, trong Bồ-đề không có phiền não, đó gọi là suy tìm sinh diệt Tứ đế, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô sinh Tứ đế, mà phát tâm Bồ-đề, Pháp tánh không khác khổ tập, chỉ mê khổ tập mất pháp tánh, như nước kết thành băng, không có băng riêng. Thấu đạt Khổ Tập vô khổ tập thì hợp với pháp tánh, khổ tập còn như vậy huống gì đạo diệt. Kinh dạy: Phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não, đó gọi là suy tìm vô sinh Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô lượng. Xét pháp tánh ấy gọi là thật tướng, còn chẳng phải cảnh giới của hàng Nhị thừa, huống chi là phàm phu, vượt ngoài hai bên mà bày tỏ riêng có tịnh pháp riêng, như mười ví dụ trong Kinh Phật Tạng, v.v... đó gọi là suy tìm vô lượng Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, mà phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô tác: Pháp tánh và tất cả pháp không hai không khác, pháp phàm phu còn như vậy huống chi là Nhị thừa! Lìa pháp phàm phu lại cầu thật tướng, như tránh không ở chỗ này, tìm không ở chỗ kia, tức pháp phàm phu là thật tướng, không cần phải bỏ phàm mà hướng Thánh. Kinh dạy: Sinh tử: Sinh tử tức Niết-bàn, một sắc một hương đều là Trung đạo, đó gọi là suy tìm Vô tác Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, phát tâm Bồ-đề. Nếu suy tìm một pháp tức là thông suốt pháp giới, đạt đến cùng nguồn tột đáy, rốt ráo ngang dọc, sự lý đầy đủ, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, đầy đủ trong đó, mới gọi là phát tâm Bồ-đề. Bồ-đề gọi Đạo, Đạo năng thông đến bờ bên kia, ngang dọc, gọi là phát tâm ba-la-mật, cho nên đối với sự suy tìm lý tạo tác cạn sâu sự lý cùng khắp. Đoạn dưới mỗi pháp theo lệ như vậy.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 1
(Phần Cuối)

Thấy tướng tốt của Phật mà phát tâm: Hoặc thấy Như Lai, thân do cha mẹ sinh, thân tướng sáng ngời, hiểu rõ được thân tướng tốt đẹp sáng ngời, Tỳ-thủ-yết-ma không thể làm được, hơn tướng tốt của vua Chuyển luân ở thế gian ít có, trên trời dưới trời không ai bằng Phật, khắp mười phương thế giới cũng không ai sánh bằng. Nguyện tôi đồng với bậc Thánh Pháp Vương, tôi độ chúng sinh vô ương số. Đó gọi là thấy tướng tốt của ứng thân Phật, thượng cầu hạ hóa phát tâm Bồ-đề. Hoặc thấy Như Lai, biết Như Lai là không phải Như Lai, hoặc thấy tướng tốt, biết tướng tốt chẳng phải tướng tốt, Như Lai và tướng tốt đều như hư không, trong hư không không có Phật, huống chi là có tướng tốt. Thấy Như Lai chẳng phải Như Lai tức là thấy Như Lai, thấy tướng tốt chẳng phải tướng tốt tức là thấy các tướng. Nguyện tôi được thành Phật đồng với bậc Thánh Pháp Vương, ta độ chúng sinh vô ương số, đó gọi là thấy tướng tốt của thắng ứng thân, thượng cầu hạ hóa phát tâm Bồ-đề. Nếu thấy thân tướng Như Lai, tất cả không chỗ nào không hiện, như gương sạch thấy các hình bóng, mỗi tướng tốt của phàm Thánh không thể ở một bên, Phạm thiên không thể thấy đảnh Phật, Mục-liên không thể nghe biết âm thanh Phật vang đến đâu. Luận nói rằng: Vô hình bậc nhất, thể chẳng trang nghiêm mà trang nghiêm, nguyện tôi được thành Phật, bằng với bậc Thánh Pháp Vương, đó gọi là thấy tướng tốt của báo thân Phật, trên cầu, dưới hóa mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc thấy Như Lai, biết trí tuệ của Như Lai, thấu suốt tướng tội phước, chiếu khắp mười phương. Pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu, đầy đủ ba mươi hai tướng, mỗi tướng tốt tức là thật tướng. Thật tướng pháp giới đầy đủ không thiếu. Nguyện tôi được đồng với bậc Thánh Pháp Vương, đó là thấy tướng tốt của Pháp thân Phật thượng cầu hạ hóa mà phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là thấy các thứ thần thông biến hóa của Phật mà phát tâm Bồ-đề? Như thấy Như Lai nương thiền căn bản, nhất tâm thực hành

một, không được nhiều, hoặc phát ra một luồng ánh sáng, từ địa ngục A-tỳ lên đến trời Hữu đảnh, hỏa quang chiếu sáng khắp trời đất đều thông suốt, mặt trời mặt trăng cất giấu ánh sáng thiên quang ẩn không hiện, nguyện tôi được thành Phật, đồng với bậc Thánh Pháp Vương v.v... Hoặc thấy Như Lai nương vào lý vô sinh của Như Lai, không dùng hai tướng ứng với các chúng sanh, có thể khiến cho chúng sinh, đều thấy Đức Phật ở trước mặt mình, nguyện tôi được thành Phật, đồng với bậc Thánh Pháp Vương, v.v....

Hoặc thấy Như Lai nương vào Như Lai tạng Tam-muội chánh thọ, ở các cõi nước nhiều như bụi trong mười phương sinh khởi bốn uy nghi, mà đối với pháp tánh không hề lay động, nguyện tôi được thành Phật, đồng với bậc Thánh Pháp Vương... Hoặc thấy Như Lai và các thần thông không hai không khác, Như Lai tạo ra thần thông biến hóa, thần thông biến hóa tạo ra Như Lai, vô ký hóa hóa, hóa lại tác hóa, không thể cùng tận, đều không thể suy nghĩ bàn luận, đều là thật tướng mà làm Phật sự, nguyện tôi được thành Phật, đồng với bậc Thánh Pháp Vương...

Thế nào là nghe các pháp phát tâm Bồ-đề? Hoặc nghe từ Phật và Thiện tri thức, hoặc từ kinh điển, nghe một câu sinh diệt, thì hiểu pháp thế gian, xuất thế gian, vừa mới sinh diệt niệm niệm dời đổi, giới, tuệ giải thoát, vắng lặng là chân, nguyện tôi thành Phật nói được đạo thanh tịnh, v.v... hoặc nghe sinh diệt thì hiểu Tứ đế đều bất sinh bất diệt, trong hư không không có gai nhọn thì nhổ cái gì? Cái gì là khổ, cái gì tập, tu, chứng? Rốt ráo thanh tịnh, năng sở vắng lặng, nguyện tôi thành Phật nói được đạo thanh tịnh... hoặc nghe sinh diệt thì hiểu rằng inh diệt đối với bất sinh diệt là hai, chẳng sinh diệt chẳng phải không sinh diệt là Trung, Trung đạo thanh tịnh, riêng bặt dứt, nhưng vượt ngoài biểu hiện của sinh tử Niết-bàn, nguyện tôi thành Phật sẽ nói cho chúng sinh nghe đạo tối thượng, riêng nhổ mà được ra, như hoa vượt khỏi mặt nước, như trăng giữa hư không, v.v... hoặc nghe sinh diệt, thì hiểu được sinh diệt, không sinh diệt, chẳng sinh diệt chẳng phải không sinh diệt, song chiếu sinh diệt bất sinh diệt, ngay nơi một là ba, ngay nơi ba là một. Pháp giới bí mật đầy đủ thường lạc. Nguyện tôi thành Phật sẽ nói cho chúng sinh nghe tạng bí mật. Như người có phước đức cầm đá chấp thạch thì đá thành vật báu, cầm chất độc thì chất độc thành thuốc v.v... Hoặc nghe vô sinh, thì cho rằng hàng Nhị thừa không sinh trong ba cõi. Nếu Bồ-tát chưa được vô sinh, nghe vô sinh, nghĩa là Ba thừa đều không sinh trong ba cõi, nếu nghe vô sinh, thì Nhị thừa chẳng phân, chỉ tại Bồ-tát, Bồ-tát trước không có phần đoạn sinh, kế không có biến dịch sinh, nếu nghe

vô sinh, một vô sinh thì tất cả đều vô sinh. Hoặc nghe vô lượng, một câu lệ cho như đây, nếu nghe vô lượng, nghĩa là hàng Nhị thừa phương tiện đạo Tứ đế, thập lục đế, v.v... dùng làm vô lượng. Nếu nghe vô lượng, hàng Nhị thừa tự dùng hàng phục hoặc nghiệp, không thể hóa tha, hàng Bồ-tát dụng vô lượng này tự dứt bỏ hoặc nghiệp, cũng hóa tha. Nếu nghe vô lượng, nghĩa là hàng Nhị thừa không phân, chỉ tại Bồ-tát, Bồ-tát dùng để dứt trần sa trong ba cõi, cũng có thể hàng phục trần sa ngoài ba cõi, nếu nghe vô lượng, nghĩa là hàng Nhị thừa không phân, chỉ tại Bồ-tát, Bồ-tát dùng để dứt bỏ trần sa trong ba cõi cũng hàng phục vô minh. Nếu nghe vô lượng, chỉ tại Bồ-tát, Bồ-tát dùng để hàng phục dứt bỏ vô minh. Hoặc nghe một câu vô tác, lệ cũng như đây. Nếu nghe vô tác, nghĩa là chẳng phải Phật, trời, người, Tu-la tạo tác, hàng Nhị thừa chứng vô tác này. Kinh Tư Ích nói rằng: Chúng tôi học vô tác đã thực hành chứng đắc, mà Bồ-tát không thể chứng đắc v.v... hoặc nghe vô tác nghĩa là ba thừa đều có khả năng chứng đắc. Nếu nghe vô tác, nghĩa là chẳng phải cảnh giới của hàng Nhị thừa, huống chi là phàm phu, Bồ-tát phá quyền vô tác, chứng thật vô tác. Nếu nghe vô tác, nghĩa là ngay nơi quyền vô tác chứng thật vô tác. Hiểu được ý này, hễ nghe bất cứ một câu nào đều thông đạt các câu, cho đến tất cả câu, tất cả pháp, không có chướng ngại v.v... một thuyết nhiều cách hiểu thì nghĩa khó nói, lại y cứ vào của kệ luận mà nói lại.

Như nói: "Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, đã nói do nhân duyên sinh thì đâu được nói tức không, phải phân tích nhân duyên cho cùng tận mới hiểu được không, mới gọi là tức không. Cũng gọi là giả danh, hữu vi luống dối yếu kém, không có thế độc lập, mượn các duyên mà thành, mượn duyên cho nên giả, chẳng phải giả thi thiết quyền. Cũng gọi nghĩa Trung đạo: Lìa đoạn thường thì gọi là Trung đạo, chẳng phải Phật tánh Trung đạo. Nếu hiểu được như thế thì tuy ba câu đều không, vẫn không thành tức không, huống gì là tức giả tức trung, đây là nghĩa sinh diệt Tứ đế. Nếu pháp do nhân duyên sinh thì không cần phá diệt, thể tức là không mà không được tức giả, tức trung. Dù thực hành giả trung đều thuận nhập vào không. Vì sao? Vì các pháp đều tức không, vô chủ ngã, giả cũng tức không, vì giả thi thiết, trung cũng tức không vì lìa đoạn thường hai bên. Đây ba phen nói tuy khác và cùng đều thuận nhập vào không, lui sụt chẳng phải Nhị thừa phân tích pháp, tiến tới chẳng phải biệt, chẳng phải viên, cho đến ý đều không như ba con thú qua sông. Nếu cho rằng tức không, tức giả, tức trung, là ba thứ quanh co, mỗi thứ đều có khác. Ba lời nói đều không, vô chủ cho

nên không, luống dối cho nên không, vô biên cho nên không. Ba thứ đều không, đồng có tên gọi cho nên giả. Ba lời nói đều là Trung, trung chân, trung cơ, trung thực cho nên đều Trung, đây là lược Biệt mà mất Viên... Hoặc nói tức không, tức giả, tức trung, tuy ba mà một, tuy một mà ba, không ngăn ngại lẫn nhau. Ba thứ đều không, là ngôn ngữ suy tư bặt dứt. Ba thứ đều giả, vì có tên gọi. Ba thứ đều trung, tức là thật tướng. Chỉ lấy không làm tên, tức đầy đủ giả trung, ngộ được không tức ngộ được giả và trung, ngoài ra các thứ khác cũng giống như vậy. Phải biết nghe một pháp, phát sinh các thứ hiểu biết, lập các nguyện, tức là các thứ phát tâm Bồ-đề. Đây cũng có thể hiểu, cõi tịnh độ theo chúng tu hành pháp diệt, chịu khổ sinh khởi lỗi lầm, v.v... phát tâm Bồ-đề, lệ như trước có thể hiểu, không chép lại.

Phần trên đã nói nhiều, ở đây dùng ba thứ Chỉ Quán để tổng kết. Nhưng pháp tánh chẳng phải một pháp làm sao dùng ba bốn thứ để suy tìm. Ở đây nói một hai ba bốn, nói pháp tánh là sở mê, khổ tập là năng mê, năng mê có nặng có nhẹ, sở mê có tức lìa, y cứ vào trong ngoài cõi phân biệt có bốn thứ khổ tập, y cứ vào căn tánh chấp lý thì có một, hai, ba, bốn khác nhau, v.v... Nếu trong cõi người độn căn mê chân nặng, khổ tập cũng nặng, người lợi căn mê chân nhẹ, khổ tập cũng nhẹ, ngoài giới người độn căn, lợi căn mê nặng nhẹ cũng giống như vậy. Pháp tánh là sở giải, đạo diệt là năng giải, sở giải có tức lìa, năng giải có khéo léo, có vụng về, người độn căn trong giới nội sở giải lìa năng giải thì vụng về, người lợi căn sở giải tức năng giải cũng khéo léo. Người độn căn, lợi căn giới ngoại tức lìa khéo léo vụng về cũng giống như vậy. Vì sao? Vì sự lý đã khác, mê hoặc cũng nhiều, thí như hai cha con bị người đi đường nổi sân đánh, cả hai đều trọng thương. Sân để thí dụ cho tập, đánh dụ cho khổ. Hoặc nói rằng phiền não tức pháp tánh, sự lý tương tức, khổ tập thì nhẹ, thật chẳng phải cốt nhục hai cha con sân đánh thì khinh rẽ. Thô tế cành gốc chung riêng, cùng khắp, không cùng khắp, khó dễ, v.v... cũng giống như vậy. Hoặc nói: giới nội khổ tập ngưng trệ là nặng, giới ngoại thăng xuất là nhẹ; hoặc giới nội da mê hoặc cho nên cạn, giới ngoại thịt mê hoặc cho nên sâu. Hoặc nói: Giới nội tùy ý người cho nên vụng về, giới ngoại tùy ý mình cho nên khéo léo. Hoặc nói: Giới nội xứng hợp căn cơ cho nên khéo léo, giới ngoại không xứng hợp căn cơ cho nên vụng về. Hoặc nói: Giới nội có năng sở cho nên thô, giới ngoại không có năng sở cho nên tế. Có chỗ nói giới nội đường nhỏ cùng cực ở hóa thành cho nên tế, giới ngoại đường rất lớn ở bảo sở cho nên thô. Hoặc nói: Khách trần giới nội nên gọi là cành lá, giới ngoại

đồng thể nên gọi là gốc.

Hoặc nói: Giới nội ở ban đầu cho nên nói là gốc, giới ngoại ở sau cùng cho nên nói cành lá. Hoặc nói: Giới nội lớn nhỏ là đồng cho nên Thông, giới ngoại chỉ riêng đường lớn cho nên Biệt. Hoặc nói: Giới nội thiên chấp một nên cho nên cạn nhỏ gọi là Biệt, giới ngoại viên cho nên lớn không ngăn cách, gọi là Thông. Hoặc nói: Giới nội ngắn cho nên không cùng khắp, giới ngoại trùm khắp pháp giới cho nên cùng khắp. Hoặc nói: Giới nội tại tất cả hiền Thánh đều đồng cho nên trùm khắp, giới ngoại riêng nơi duyên lớn cho nên không cùng khắp. Hoặc nói: Giới nội dụng Nhị thừa phương tiện cho nên khó dứt bỏ, giới ngoại chỉ nương tuệ vô ngại cho nên dễ dứt bỏ. Các thứ như vậy... Nói xen lẫn nhau. Ở đây nếu kết thúc thì dễ hiểu. Hoặc thực hành cạn sâu, nặng nhẹ, là thứ lớp quán ý; hoặc thực hành nhất thật Tứ đế không phân biệt, là viên quán ý; hoặc thực hành nặng nhẹ lẫn nhau là bất định quán ý, đều là pháp tướng Đại thừa cho nên cần phải biết. Nếu thấy được ý này thì biết ba thứ: tiệm thứ hiển thị, bất định hiển và viên đốn hiển.

Hỏi: Tập đã có bốn, quả khổ tại sao có hai?

Đáp: Hoặc phiền não tùy nơi giải tập thì có bốn, giải tùy nơi hoặc phiền não, thì chỉ chiêu cảm hai thứ tử, lệ như hàng Tiểu thừa, hoặc tùy nơi giải thì có kiến đế tư duy; nếu giải tùy hoặc thì chỉ là một phần đoạn sinh tử mà thôi!

Hỏi: Khổ tập có thể là pháp do nhân duyên sinh, đạo diệt vì sao như vậy? Đáp: Khổ tập là sở phá, đạo diệt là năng phá, năng phá từ sở phá mà đặt tên, đều là pháp do nhân duyên sinh. Cho nên Đại kinh chép: Nhân diệt vô minh thì ngay lập tức chứng Tam-bồ-đề, cũng là nhân duyên.

Hỏi: Pháp tánh là sở mê, vì sao có hai, vì sao có bốn? Đáp: Vì pháp tánh tùy quyền thật nên có hai, pháp tánh tùy căn duyên nên có bốn. Nếu thấy được ý này lệ như thấy tướng nghe pháp cho đến khởi quá, chẳng hạn như thực hành bốn thứ phân biệt nói rộng v.v...

Y cứ vào bốn thệ nguyện rộng lớn thì hiển thị là trước suy tìm pháp tánh, nghe các pháp kia đã hiểu rõ, vì người chưa hiểu lại căn cứ vào bốn hoằng thệ, lại nữa, trong Tứ đế phần nhiều y cứ vào giải để nói về thượng cầu hạ hóa, trong bốn hoằng thệ phần lớn y cứ vào nguyện nói về thượng cầu hạ hóa, lại trong Tứ đế đều y cứ vào các Đức Phật ba đời nói về thượng cầu hạ hóa, trong bốn hoằng thệ phần nhiều y cứ vào Phật đời vị lai nói về thượng cầu hạ hóa, lại trong Tứ đế phần nhiều y cứ vào các căn để nói về thượng cầu hạ hóa, trong bốn hoằng thệ chuyên y

cứ vào ý căn để nói về thượng cầu hạ hóa, phân biệt như đây khiến cho dễ hiểu, hiểu được ý không đợi chờ. Tâm phàm phu không riêng sinh, phải nương vào duyên khởi, ý căn là nhân, pháp trần là duyên, tâm sở khởi là pháp sở sinh, đây là ba tướng căn trần, năng, sở biến đổi chuyển động, riêng khởi riêng tàn lụi, vừa mới sinh diệt, niệm niệm không dừng, nhấp nháy như ánh chớp, nhanh chóng như dòng nước chảy, sắc như bóng thọ như bọt nước, tưởng là lửa, hành là vực, thức là huyễn, tất cả y báo cõi nước, ruộng vườn, nhà cửa vợ con, tài sản, chỉ một niệm tan mất, chợt có chợt không, ba cõi vô thường, tất cả đều khổ, bốn ngọn núi hợp lại cũng không tránh khỏi, chỉ nên chuyên tâm giữ giới định tuệ, phá thẳng điên đảo, cắt ngang biển tử, vượt thoát các dòng. Kinh chép: Ngày xưa ta và các thầy không thấy bốn chân đế, cho nên xoay vần mãi trong nhà lửa, như vậy thì làm sao có thể ham vui buông thả giỡn cười được, vì vậy nên từ bi khởi phát bốn thệ nguyện rộng lớn, cứu khổ ban vui, ví như Đức Thích-ca thấy cày đất làm ruộng, Đức Di-lặc quán thấy sự hủy hoại đền đài, tức là nghĩa này. Do hiểu rõ Tứ đế cho nên chẳng bị chín phược, phát bốn thệ nguyện rộng lớn, cho nên chẳng phải một thoát, chính là chẳng phược chẳng thoát, phát tâm Bồ-đề chân chánh, hiển bày nghĩa này đã rõ.

Kế đến là quán căn trần đối nhau, một niệm tâm khởi, năng sinh sở sinh đều tức không. Vọng nên tâm khởi, khởi không tự tánh, không tha tánh, không phải cộng tánh, không phải vô nhân tánh. Khi khởi, không từ mình, người, cùng lìa mà đến, khi đi không hướng đến Đông Nam Tây Bắc mà đi, tâm này không ở trong, ngoài, hai bên, chặng giữa, cũng không thường tự có, chỉ có tên gọi, gọi đó là tâm. Chữ ấy không trụ, cũng chẳng phải không trụ, không thật có cho nên sinh tức vô sinh, cũng chẳng phải vô sinh, hữu vô đều vắng lặng, người phàm phu cho người có trí biết vô, như trăng đáy nước được vui mất buồn, bậc đại nhân lấy bỏ đều không vui hay buồn, kính soi hình bóng huyễn hóa cũng giống như vậy. Kinh Tư Ích chép: Khổ vô sinh, tập không hòa hợp, đạo không hai, diệt bất sinh. Đại kinh chép: Giải khổ vô khổ mà có chân đế, cho đến giải diệt vô diệt mà có chân đế, tập đã tức không, chẳng nên như nai khát nước chạy tìm ánh nắng mặt trời, khổ đã tức không, chẳng nên như con khỉ ngu si kia chụp lấy mặt trăng đáy nước; đạo đã tức không, chẳng nên nói tôi thực hành tức không, không thực hành chẳng tức không, như dụ chiếc bè qua sông, pháp còn nên xả bỏ huống gì chẳng phải pháp; Diệt đã tức không, chẳng nên nói chúng sinh thọ mạng, ai diệt ở đây mà chứng diệt nơi kia. Sinh tử tức không làm sao

có thể xả, Niết-bàn tức không làm sao có thể đắc? Kinh chép: Ta không muốn cho đối với pháp vô sinh có tu đạo, nếu bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo; ta không muốn cho đối với pháp vô sinh có đắc quả, hoặc Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, y theo lệ cũng nên nói: ta không muốn cho đối với pháp vô sinh có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; ta không muốn đối với pháp vô sinh có tham dục, sân nhuế, ngu si, chỉ xót thương nghĩ đến chúng sinh phát thệ nguyện dứt trừ hai thứ khổ và cho hai thứ vui. Do thấu đạt khổ tập là không cho nên chẳng có chín phược, thấu đạt triệt không nên chẳng có một thoát, ấy gọi là chẳng phược chẳng thoát, phát tâm Bồ-đề chân chánh, hiển bày nghĩa này đã rõ.

Quán căn trần nhất niệm tâm khởi, tâm khởi tức là giả, tâm giả danh là gốc của mê giải, nghĩa là Tứ đế có vô lượng tướng, ba cõi không có pháp riêng chỉ do một tâm tạo tác, tâm như người thợ khéo vẽ muôn hình sắc, tâm tạo thành sáu đường, phân biệt so sánh vô lượng thứ khác nhau, nghĩa là thấy ưa thích tập tướng giới nội nặng nhẹ như vậy, tập tướng nặng nhẹ của giới ngoại sinh tử như vậy là phần đoạn khổ tướng nặng nhẹ, khổ tướng nặng nhẹ của giới ngoại xoay vần trở lại tâm này mà sinh sự hiểu biết. Thí như người thợ vẽ dùng các mầu sắc tô vẽ thành nhiều mầu sắc đẹp. Có chỗ nói quán thân bất tịnh cho đến quán tâm vô thường, đạo phẩm như vậy xoay vần thông đến hóa thành. Quán thân thì thân không, cho đến quán tâm thì tâm không: trong không chẳng có vô thường, cho đến không có bất tịnh, như vậy đạo phẩm thẳng thông đến hóa thành. Quán thân vô thường, vô thường tức không, cho đến quán thân pháp tánh, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải không, chẳng phải bất không, cho đến quán tâm cũng giống như vậy. Đạo phẩm như vậy xoay vần thông đến bảo sở, quán thân pháp tánh chẳng tịnh, chẳng phải bất tịnh, soi chiếu cả hai tịnh và bất tịnh, cho đến quán tâm pháp tánh, thường, vô thường, song chiếu thường vô thường. Đạo phẩm như vậy thẳng chung đến bảo sở, người ấy kiến đế diệt gọi là Tu-đà-hoàn, người ấy tư duy diệt gọi là Tam quả, người ấy kiến diệt gọi là Kiến địa, người ấy tư duy diệt gọi là bạc, gọi là lìa, gọi là đã phân biệt, cho đến xâm tập gọi là Bích-chi-phật, người ấy kiến tư diệt gọi là Thập trụ, trần Sa-diệt gọi là Thập hạnh, Thập hồi hướng, vô minh diệt gọi là Thập địa Đẳng giác Diệu giác, người ấy kiến tư, trần Sa-diệt gọi là Thập tín, vô minh diệt gọi là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác. Phân biệt mười sáu môn đạo diệt khác nhau và tất cả hằng sa Phật pháp, phân biệt so sánh không thể nói, không thể nói, như xem quả xoài trong lòng bàn tay

không có lầm lẫn, đến từ tâm sinh, không phải các nơi khác đến, quán một tâm này thì thông suốt tất cả không thể nói tâm, không thể nói tâm năng thông, không thể nói pháp, không thể nói pháp năng thông, không thể nói phi tâm phi pháp, tất cả tâm cũng giống như vậy. Chín phược phàm phu không hiểu không biết, như đứa bé nhà giàu không biết gì ngồi trong kho báu, đều không hiểu biết động chuyển trở ngại, làm tổn thương đảo châu báu, hàng Nhị thừa bệnh nóng, gọi các thứ trân báu là quỷ cọp rồng rắn, vất bỏ rong ruổi, cam chịu đau khổ hơn năm mươi năm, tuy phược thoát có khác nhau nhưng cũng đều nghèo nàn. Như Lai có trân báu vô thượng, , khởi đại Từ bi, thệ nguyện cứu khổ ban vui, đó gọi là chẳng phược chẳng thoát, phát tâm Bồ-đề chân chánh, hiển bày nghĩa này đã rõ.

Kế là nói căn trần đối nhau: Một niệm tâm khởi tức không, tức giả, tức trung: Hoặc căn, hoặc trần đều là pháp giới, đều là rốt ráo không, đều là Như Lai tạng, đều là Trung đạo. Vì sao tức không đều từ duyên sinh? Duyên sinh tức vô chủ, vô chủ tức không. Vì sao tức giả? Vô chủ mà sinh tức là giả. Vì sao tức trung? Không vượt ngoài pháp tánh đều là tức trung. Phải biết một niệm tức không, tức giả, tức trung, đều rốt ráo không, là Như Lai tạng, đều là thật tướng, chẳng phải ba mà ba, ba mà không phải ba, chẳng hợp chẳng tan mà hợp mà tan, chẳng phải chẳng hợp, chẳng phải chẳng tan, không phải một khác mà là một khác, thí như chiếc gương sạch, sạch dụ tức không, hình tượng dụ tức giả, gương dụ tức trung, không hợp không tan, hợp tan rõ ràng, không một hai ba, hai ba không ngăn ngại, một niệm tâm này không ngang không dọc, không thể suy nghĩ bàn luận, chẳng phải chỉ có mình, như thế mà Phật và chúng sinh cũng giống như thế. Kinh Hoa Nghiêm chép: Ba thứ tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau, phải biết tự tâm mình đầy đủ tất cả pháp. Kinh Tư Ích chép: Người ngu đối với ấm, giới nhập mà muốn cầu Bồ-đề, ấm, giới, nhập chính Bồ-đề, lìa là không có Bồ-đề. Kinh Tịnh Danh chép: Như Lai cầu giải thoát ngay trong tâm hạnh của chúng sinh, chúng sinh tức là Bồ-đề, không còn đắc nữa, chúng sinh tức là Niết-bàn, không còn diệt nữa, một tâm đã vậy các tâm khác cũng vậy, tất cả pháp cũng giống như vậy. Phổ Hiền Quán chép: Tỳ-lô-giá-na trùm khắp mọi nơi, tức là nghĩa ấy. Nên biết tất cả pháp tức là Phật pháp, pháp giới Như Lai cũng vậy. Vì sao lại nói rằng tâm pháp giới như hư không, lại nói: Vô minh là minh, tức rốt ráo không, ở đây nêu không là nói đầu mối, không tức bất không, cũng tức chẳng không, chẳng bất không. Lại nói: Trong một hạt bụi có quyển kinh Đại Thiên, trong tâm

đầy đủ tất cả Phật pháp, như hạt giống, như hoàn hương thơm, đây nêu có là nói đầu mối. Hữu tức bất hữu, cũng tức chẳng phải hữu, chẳng phải bất hữu. Lại nói một sắc một hương đều là Trung đạo, ở đây nêu Trung đạo là nói đầu mối. Tuy trung mà biên, tức chẳng phải biên, chẳng phải bất biên, đầy đủ không thiếu sót, chớ cố chấp ngôn ngữ mà tác hại Viên giáo, vu báng ý Thánh, nếu hiểu được như vậy, căn trần một niệm tâm khởi. Căn tức tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp tạng, trần cũng giống như vậy. Một niệm tâm khởi cũng có tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp tạng, Phật pháp giới đối với pháp giới khởi pháp giới, thì đều là Phật pháp, sinh tử tức Niết-bàn đó gọi là khổ đế, một trần có ba trần, một tâm có ba tâm, mỗi trần có tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp môn trần lao, mỗi tâm cũng giống như vậy, tham sân si cũng tức là Bồ-đề, phiền não cũng tức là Bồ-đề, đó gọi là Tập đế, mỗi pháp môn trần lao tức là tám mươi bốn ngàn (84.000) các pháp môn Tam-muội, cũng là tám mươi bốn ngàn (84.000) các pháp môn đà-la-ni, cũng là tám mươi bốn ngàn (84.000) các pháp môn đối trị, cũng thành tám mươi bốn ngàn (84.000) các ba-la-mật. Vô minh chuyển tức biến gọi là minh, như băng chảy thành nước, lại chẳng phải vật xa, không từ nơi khác đến, chỉ một niệm tâm cùng khắp đều đầy đủ, như viên ngọc như ý chẳng phải có bảo, chẳng phải không có bảo, nếu nói không tức là nói dối, nếu nói có tức là tà kiến, không thể dùng tâm mà biết, không thể dùng lời phân biệt, chúng sinh không suy nghĩ bàn luận được, không bị trói buộc đối với pháp mà tưởng là buộc trói, đối với pháp vô thoát mà cầu thoát, cho nên khởi tâm đại bi, phát bốn thệ nguyện rộng lớn, nhổ gốc hai thứ khổ và hai thứ vui, cho nên gọi là chẳng buộc chẳng thoát phát tâm Bồ-đề chân chánh. Ba thứ trước đều nói theo Tứ đế, ở đây là y cứ vào pháp tạng trần lao Tam-muội ba-la-mật, nghĩa ấy rõ ràng.

Hỏi: Trước khi phân biệt thì chẳng phải đều nói chẳng phải, nay hiển thị vì sao đều nói là phải? Đáp: Nói đều là phải, đều chẳng buộc chẳng thoát, cho nên nói đều là phải. Vì nói chung cho đều trên cầu; lại thứ lớp dần vào đến nơi chân thật, cho nên nói đều là phải; lại thật khó biết, mượn quyền mà bày thật, cho nên nói "đều là phải", ba thứ này là mô phỏng theo thế giới Tất-đàn nói "đều là phải". Lại nữa, quyền không thâu nhiếp thật, thật thì thâu nhiếp quyền, muốn khiến cho sự thâu nhiếp dễ thấy cho nên nói "đều là phải", một thứ này là bắt chước vị nhân Tất-đàn cho nên nói là phải. Lại, một tâm Bồ-đề là tất cả tâm Bồ-đề, nếu không nói thì không biết tất cả cho nên nói đều là phải, một thứ này là mô phỏng theo đối trị Tất-đàn nói là phải. Nếu nói một cách

rốt ráo thì ba thứ trước là y cứ vào quyền, một thứ sau là y cứ vào thật, thí như người thầy thuốc giỏi có một phương pháp bí truyền thâu nhiếp hết các phương pháp, công hiệu thuốc A-già-đà bao trùm các thứ thuốc khác, như ăn cháo sữa không còn cần các thứ khác, tất cả được đầy đủ như ngọc Như ý, quyền thật hiển bày nghĩa kia có thể biết, lại nhất thị là một việc nhân duyên lớn. Vì sao gọi là Nhất? Vì nhất thật bất hư, nhất đạo thanh tịnh, tất cả không ngăn ngại, người nhất đạo vượt ngoài sinh tử. Vì sao gọi là đại? Vì tánh kia rộng lớn bao trùm tất cả, là thừa của đại trí đại đoạn đại nhân, Đại sư tử rống ích lợi lớn cho phàm Thánh, cho nên gọi là Đại. Sự là nghi thức của các Đức Phật ba đời mười phương, nhờ đây mà tự thành Phật đạo, do đây mà hóa độ chúng sinh, cho nên gọi là Sự. Nhân duyên: Chúng sinh nhờ duyên này mà cảm đến Phật, Phật do duyên này mà khởi ứng, cho nên gọi là Nhân duyên. Lại nữa, chữ "Thị" là không thể nói ba, không thể nói một, không thể nói chẳng phải ba, chẳng phải một mà nói là ba là một, cho nên nói bất khả tư nghị. Lại, Thị là chẳng tác pháp, chẳng phải Phật, Trời, Người, A-tu-la tạo tác, thường cảnh vô tướng, thường trí vô duyên, do trí vô duyên duyên với cảnh vô tướng, cảnh vô tướng nương trí vô duyên, trí cảnh thầm hợp một mà nói cảnh trí, cho nên gọi là vô tác, lại thị, như trong kinh Văn-thù Vấn chép: Phá tất cả phát gọi là phát tâm Bồ-đề, thường tùy tướng Bồ-đề mà phát tâm Bồ-đề, lại không phát mà phát, không tùy mà tùy, lại vượt qua tất cả phá, vượt qua tất cả tùy, song chiếu phá tùy gọi là phát tâm Bồ-đề, như ba thứ này không một không khác, như lý như sự, chẳng phải lý, chẳng phải sự, cho nên gọi là Thị. Nếu lệ với nghĩa này thì vô tác bất khả tư nghị. Một việc nhân duyên lớn, v.v... các pháp môn đều nói phá đều có tùy, đều nói phi phá, phi tùy song chiếu phá tùy, lại ba thứ trước là bậc thượng, trung, hạ trí quán, một thứ sau là của bậc thượng thượng trí quán, ba thứ trước là cộng, một thứ sau là bất cộng, ba thứ trước là nông cạn quanh co, một thứ sau là sâu xa thẳng thắn, v.v... Ba thứ trước là đại trong tiểu, một thứ sau là đại trong đại, thượng trong thượng, viên trong viên, mãn trong mãn, thật trong thật, chân trong chân, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, huyền trong huyền, diệu trong diệu, bất khả tư nghị trong bất khả tư nghị, nếu có thể như đây phân biệt chẳng phải hiển thị đây thì thể quyền thức thật mà phát tâm ấy, tất cả hạt giống Phật này, thí như Kim cương từ tánh vàng sinh, tâm Bồ-đề Phật từ đại bi khởi, là trước tiên trong các hành, như uống thuốc A-sa-la trước dùng nước trong, là đầu tiên trong các hành, như trong các căn, mạng căn là tối thắng, trong chánh pháp của Đức Phật tâm chánh

hạnh này là đứng đầu, như Thái tử mới sinh đã có đầy đủ tướng uy nghi Vương tử, Đại thần cung kính có tiếng tăm lớn, như chim Ca-lăng-tần-già khi còn trong trứng âm thanh đã vang khắp, hơn hẳn các loài chim khác. Tâm Bồ-đề này có thế lực rộng lớn, như dây đàn bằng gân sư tử, như sữa sư tử, như chày Kim cương, như mũi tên của Na-la-diên, đầy đủ các vật báu có thể dứt được sự nghèo khổ, như hạt ngọc như ý, tuy có chút biếng nhác, có chút mất oai nghi nhưng công đức còn hơn hàng Nhị thừa, tóm lại, tâm này đầy đủ tất cả công đức Bồ-tát, có thể thành Vô thượng Chánh giác của ba đời. Nếu hiểu tâm này thì sẽ thông đạt pháp Chỉ Quán, vô phát vô ngại tức là quán, tánh kia vắng lặng tức là chỉ, Chỉ Quán tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức Chỉ Quán. Kinh Bảo Lương chép: Tỳ-kheo không tu pháp của Tỳ-kheo, Đại Thiên không chứa, huống chi thọ nhận sự cúng dường của người, sáu mươi Tỳ-kheo khóc lóc bạch Phật: "Chúng con thà chết, không thể thọ nhận sự cúng dường của người." Đại Thiên không chứa, huống chi thọ nhận sự cúng dường của người. Phật dạy: "Lành thay! Các thầy biết sinh tâm hỗ thẹn." Một vị Tỳ-kheo khác bạch Phật: "Phải có những điều kiện nào Tỳ-kheo mới được thọ nhận sự cúng dường?" Phật dạy: "Nếu là Tỳ-kheo cần phải thường tu nghiệp của Tăng, được lợi ích của Tăng, người đó đáng nhận sự cúng dường, Tứ quả tứ hướng là số Tăng, ba mươi bảy Phẩm trợ đạo là nghiệp của Tăng, Tứ quả là lợi ích của Tăng." Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Nếu phát tâm Đại thừa thì phải làm thế nào?" Phật dạy: "Nếu phát tâm Đại thừa nên cầu nhất thiết trí, thì không bị rơi vào số bất tu nghiệp, bất đắc lợi, thì có thể được thọ sự cúng dường." Tỳ-kheo kinh sợ hỏi: "Thế nào là người được thọ sự cúng dường?" Phật dạy: "Người này thọ y, dùng trải khắp mặt đất, thọ đoàn thực như núi Tu-di, cũng có thể báo ân thí chủ đầy đủ, phải biết rằng cực quả của Tiểu thừa không bằng Sơ quả của Đại thừa." Lại nữa, kinh Như Lai Mật Tạng chép: Nếu người cha là Duyên giác mà làm hại, trộm vật Tam bảo, mẹ là La-hán mà làm việc nhiễm ô, không thật sự hủy báng Phật, nói hai lưỡi ly gián hiền Thánh, dùng lời ác hủy báng bậc Thánh, làm hủy hoại động loạn người cầu pháp, gây năm tội nghịch, sơ nghiệp của sân, đoạt vật của người giữ giới là tham, biên kiến là si, đó gọi là người ác, gây ra mười điều ác, nếu biết Như Lai nói pháp nhân duyên, vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, vô sinh vô diệt, vô nhiễm vô trước, bản tánh thanh tịnh, lại đối với tất cả pháp biết bản tánh thanh tịnh, hiểu biết tín nhập, thì ta không nói người này hướng đến quả địa ngục và các đường ác. Vì sao? Vì pháp không chứa nhóm pháp không tập não, tất cả pháp bất sinh bất

trụ, do nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi, khởi rồi lại diệt. Nếu tâm sinh rồi diệt, thì tất cả kết sử cũng sinh rồi diệt, như vậy thì được giải không phạm, nếu có phạm, có trụ mà không có nơi chốn, như căn nhà tối trăm năm nếu khi đốt đèn thì bóng tối không thể nói ta là chủ nhà, trú đây lâu ngày mà không chịu đi, nếu ánh sáng được đốt lên thì bóng tối liền tan mất, nghĩa kia cũng giống như vậy. Kinh này chỉ đủ bốn thứ, phát tâm Bồ-đề trước. Nếu biết Như Lai nói pháp nhân duyên, tức chỉ sơ tâm Bồ-đề, như vô sinh vô diệt chỉ cho thứ hai phát tâm Bồ-đề, như bản tánh thanh tịnh là chỉ cho thứ ba phát tâm Bồ-đề, hoặc đối với tất cả pháp biết bản Thánh thanh tịnh là chỉ cho thứ tư phát tâm Bồ-đề. Sơ tâm Bồ-đề đã dứt mười điều ác chồng chất, huống chi tâm Bồ-đề thứ hai, thứ ba, thứ tư ư? Hành giả nghe công đức cao quý nhiệm mầu này nên tự vui mừng sung sướng, như hoa y lan ở chỗ tối được ánh sáng chiên-đàn.

Hỏi: Nhân duyên nói chung, vì sao ý sơ quán riêng đặt tên kia? Đáp: Do lúc ban đầu đặt tên đó thôi. Lại nữa, nhân duyên sự tướng sơ quán gọi là Tiện, nếu nói sinh diệt tức là Biệt, ba thứ sau theo lệ có thông, có biệt, mà theo biệt đặt tên đó thôi. Căn cứ vào lục tức hiển thị ấy, là sơ tâm hay hậu tâm? Đáp: Như nói về sự nóng bỏng, thì chẳng phải sơ không lìa sơ, chẳng phải hậu không lìa hậu, nếu có người trí tin một cách đầy đủ, nghe một niệm liền tin cho nên không hủy báng người trí cho nên không sợ, sơ hay hậu cũng đều như vậy; hoặc không tin mà cao tìm cầu Thánh cảnh thì chẳng phải trí phần của mình! Nếu người vô trí khởi tăng thượng mạn, cho rằng mình ngang bằng với Đức Phật thì sơ hậu đều trái. Vì việc này cho nên phải biết sáu tức: lý tức, danh tự tức, quán hạnh tức, tương tự tức, phân chân tức, cứu cánh tức, sáu tức này từ phàm cho đến Thánh đều đầy đủ, ban đầu phàm cho nên dứt sự nghi ngờ sợ hãi, cuối cùng Thánh cho đến dứt đại kiêu mạn, v.v...

Lý tức: Một niệm tâm tức là lý Như Lai tạng. Vì Như cho nên tức không, vì Tạng cho nên tức giả, vì lý cho nên tức trung, ba trí trong một tâm đầy đủ bất khả tư nghì. Như trên nói ba đế một đế chẳng phải ba chẳng phải một, một sắc một hương đầy đủ tất cả pháp, tất cả tâm cũng giống như vậy, đó gọi là lý tức, là tâm Bồ-đề, cũng là lý tức Chỉ Quán, ngay nơi tịch gọi là chỉ, ngay nơi chiếu gọi là quán. Danh tự tức: lý tuy tức là nhưng trong cuộc sống hàng ngày không biết, do chưa nghe ba đế, hoàn toàn không biết Phật pháp, nghe mắt trâu dê không hiểu biết phương hướng, hoặc do bậc tri thức, hoặc từ kinh quyển, nghe ở trên nói nhất thật Bồ-đề, đối với danh tự mà thông đạt hiểu biết, biết tất cả pháp đều là Phật pháp, đó gọi là danh tự tức Bồ-đề, cũng là danh tự

Chỉ Quán. Hoặc chưa nghe thời gian, nơi chốn mà rong ruổi tìm cầu, đã được nghe rồi, phan duyên tìm kiếm tâm dừng nghỉ gọi là Chỉ, chỉ tin pháp tánh không tin các pháp khác gọi là Quán. Quán hạnh tức, hoặc chỉ nghe tên miệng nói như sâu, ăn lá tình cờ được thành chữ, do sâu không biết chữ hay không phải chữ, đã không thông đạt đâu phải Bồ-đề, quyết phải quán tâm rõ ràng, lý tuệ tương ứng, việc làm đúng như lời nói, lời nói đúng như việc làm. Kinh Hoa Thủ chép: Nói năng nhiều mà không thực hành thì không nên nói, chỉ tâm thực hành Bồ-đề, tâm miệng này tương ưng gọi là quán hạnh Bồ-đề. Thích Luận bốn câu bình luận văn tuệ đầy đủ, như mắt được ánh sáng mặt trời chiếu rõ không bị che chướng, quán hạnh cũng giống như vậy, tuy chưa khế lý, quán tâm không dừng, như ví dụ đích bắn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, đó gọi là quán hạnh Bồ-đề, cũng gọi là quán hạnh Chỉ Quán. Thường thực hành tưởng này gọi là quán, dứt các tưởng khác gọi là chỉ... Tương tự tức thị Bồ đề: Do kia càng quán càng hiểu rõ, càng chỉ càng tịch, như siêng năng bắn gần trúng đích gọi là tương tự quán tuệ, tất cả nghề nghiệp nuôi sống ở thế gian không chống trái nhau, tất cả tư tưởng so lường trước đều có nói trong kinh Phật, như trong sáu căn thanh tịnh nói: Viên phục vô minh gọi là chỉ, tự Trung đạo tuệ gọi là quán, v.v... Phần chân tức: Nhờ năng lực tương tự quán nhập đồng luân vị, ban đầu phá vô minh thấy Phật tánh, mở kho báu, bày chân như, gọi là Phát tâm trụ cho đến Đẳng giác, vô minh mỏng manh trí tuệ chuyển chấp, như từ ngày mùng một đến ngày mười bốn trăng sáng gần tròn, bóng tối gần tắt hết. Nếu người đáng dùng thân Phật để được độ thì tức là tám tướng thành đạo, đáng dùng thân của chín pháp giới để được độ, thì dụng Phổ môn thị hiện, như kinh nói rộng, đó gọi là phần chân Bồ-đề, cũng gọi là phần chân Chỉ Quán, phần chân trí đoạn. Cứu cánh tức Bồ-đề: Đẳng giác một phen chuyển nhập Diệu giác, ánh sáng trí tuệ tròn đầy, không còn thêm được nữa, gọi là quả Bồ-đề. Đại Niết-bàn đoạn, không còn đoạn được nữa, gọi là quả quả. Đẳng giác chưa thông suốt, chỉ có Phật mới thông suốt, không có đạo để nói cho nên gọi là cứu cánh Bồ-đề, cùng gọi cứu cánh Chỉ Quán. Tổng quát dùng thí dụ: Thí như người nhà nghèo có kho báu mà không biết, có người hiểu biết chỉ bảo, người ấy liền hiểu biết, làm cỏ trừ cỏ dơ rồi, đào bới dần dần được gần kho, gần rồi mở kho lấy hết ra dùng, hợp với sáu ví dụ có thể biết.

Hỏi: Thích luận nói năm Bồ-đề, nghĩa thế nào? Đáp: Luận phân chia biệt vị theo chiều dọc, ở đây chia Viên vị theo chiều dọc, hợp lại phát tâm đối với danh tự, phục tâm đối với quán hạnh, minh tâm đối với

tương tự, xuất đáo đối với phần chân, vô thượng đối với cứu cánh. Lại dùng tên gọi kia gọi là Viên vị, phát tâm gọi là Thập trụ, phục tâm là Thập hạnh.

Hỏi: Trú đã đoạn, hạnh làm sao phục. Đáp: Ở đây dùng chân đạo phục, chẳng hạn như Tiểu thừa phá kiến gọi là đoạn tư duy, gọi là phục. "Minh tâm" là Thập hồi hướng, "xuất đáo" là Thập địa, "vô thượng" là Diệu giác, lại từ Thập trụ đầy đủ năm Bồ-đề, cho đến Diệu giác rốt ráo năm Bồ-đề, cho nên Địa Nghĩa nói rằng: Từ một địa ban đầu đầy đủ công đức các địa, tức là nghĩa ở đây.

Hỏi: Do ý gì mà y cứ vào Viên để nói sáu tức?

Đáp: Viên quán các pháp đều nói sáu tức, cho nên dùng ý viên y cứ vào tất cả pháp, đều dùng sáu tức để chia vị, các thứ còn lại không như vậy cho nên không dùng, đang dùng giáo kia tại sao nói không được, nông cạn chẳng phải ý của chánh giáo, nhưng từ trên đến đây là phân biệt với phi, trước y cứ khổ đế thăng trầm thế gian phân biệt mà thôi! Kế đến là y cứ vào Tứ đế trí quanh co, nông cạn để phân biệt, kế là y cứ tứ hoằng hạnh nguyện, kế là y cứ lục tức vị, xoay vần sâu xa vi tế mới gọi là hiển thị, cho nên biết minh nguyệt thần châu ở trong chín lớp sâu dưới cổ con ly long, người có chí có đức mới đạt đến được, đâu như người đời thô cạn hão huyền trống rỗng, cạnh tranh chấp ngói đá cỏ cây vọng cho là vật báu, như kẻ học thấp kém (mạt học) nhận phần ngoài da thái quá mà chẳng hiểu biết gì cả.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 2
(Phần Đầu)

Hai là khuyến tấn, bốn thứ Tam-muội nhập Bồ-tát vị, nói Chỉ Quán này, là muốn bước lên địa vị Diệu giác chẳng phải tu hành không có thềm bậc, khép hiểu biết dùi mài thì đề hồ có thể được. Kinh Pháp Hoa chép: Lại thấy Phật đệ tử tu các hạnh để cầu Phật đạo. Hành pháp rất nhiều lược nêu ra có bốn: 1. Thường ngồi; 2. Thường đi; 3. Nửa đi nửa ngồi; 4. Chẳng đi chẳng ngồi. Thông thường gọi chung Tam-muội là điều trực định. Đại luận chép: Khéo an trụ tâm một chỗ bất động, ấy gọi là Tam-muội. Pháp giới là nhất xứ (một chỗ), chánh quán năng trụ bất động, bốn hạnh làm duyên, quán tâm nương nhờ duyên điều trực, cho nên gọi là Tam-muội.

1. Thường ngồi: Nghĩa là Văn-thù thuyết Bát-nhã và Văn-thù vấn Bát-nhã gọi là Nhất hạnh Tam-muội. Ở đây trước nêu rõ phương pháp, kế đến nói về khuyến tu. Về phương pháp: Thân nói về khai ngăn, miệng nói về nói nín, ý nói về Chỉ Quán. Thân khai thường ngồi, ngăn đi đứng nằm, hoặc có thể ở riêng chúng thì càng tốt, ở trong một ngôi nhà yên tĩnh hoặc chỗ vắng lặng, xa lìa nơi ồn ào ngồi trên giường dây bên cạnh không có các chỗ ngồi khác, như vậy chín mươi ngày làm một kỳ hạn, ngồi ngay ngắn không lay động, không cong người, không dựa kề, phải ngồi tự thệ, hông không dựa vào giường, huống là nằm như thây chết mà đứng vui chơi, trừ kinh hành, ăn uống, tiện lợi, ngồi thẳng mặt ngó về phía bất cứ một Đức Phật nào, thời khắc nối nhau không để phí một khoảnh khắc, chỗ khai là chuyên ngồi, chỗ ngăn cấm thì chớ phạm, không khinh thường Phật, không phụ tâm mình, không lừa dối chúng sinh.

Miệng thì luận về nói năng hay im lặng, nếu ngồi mỏi mệt, hoặc tật bệnh khốn khổ, hoặc bị ngủ nghỉ che lấp, nghiệp chướng trong ngoài xâm đoạt, tâm chánh niệm không thể xua tan, thì phải chuyên niệm danh hiệu một Đức Phật, hổ thẹn mà thành tâm sám hối quy mạng,

cùng xưng danh hiệu các Đức Phật trong mười phương, công đức cũng bình đẳng. Vì sao? Vì như người buồn vui uất ức trong lòng mà nói ra được, hoặc khóc hay cười thì thoải mái, người tu hành cũng giống như vậy, gió xúc phạm vào bảy chỗ thì thành thân nghiệp, âm thanh phát ra khỏi môi gọi là khẩu nghiệp, hai thứ có thể trợ giúp lẫn nhau, ý cảm đến Đức Phật ứng xuống, như người kéo nặng tự sức không thể kéo tới trước được, phải nhờ người bên cạnh giúp mới nâng lên nổi, người tu hành cũng giống như vậy. Tâm yếu đuối không thể dứt bỏ nghiệp chướng, xưng danh thỉnh các Ngài che chở, để duyên ác không thể phá hoại. Nếu đối với pháp môn chưa hiểu thì phải gần gũi để được giảng lý Bát-nhã, như nghe tu học có thể chứng nhập Tam-muội Nhất hạnh, tận mặt thấy các Đức Phật, các Bồ-tát, tụng kinh tụng chú còn làm ồn ào chỗ thanh tịnh, huống gì nói chuyện thế tục ư!

Ý thì luận về Chỉ Quán: là ngồi thẳng chánh niệm, dứt bỏ ác giác, xả các loạn tưởng, chớ suy nghĩ lăng xăng, không chấp tướng mạo, chỉ duyên vào pháp giới, nhất niệm pháp giới. Nhiều duyên là chỉ, nhất niệm là quán, tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không trước không sau, không còn bờ mé. Về không biết, không nói, nếu không biết không nói thì chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng biết, chẳng phải không biết là lìa hai bên, trụ vô sở trụ, như các Đức Phật an trụ trong pháp giới vắng lặng. Nghe pháp sâu xa nhiệm mầu này chớ nên kinh sợ, pháp giới này cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi cảnh giới bất khả tư nghì, cũng gọi là Bát-nhã, cũng gọi là bất sinh bất diệt. Tất cả pháp như vậy cùng pháp giới không hai không khác. Nghe không hai không khác chớ nên nghi ngờ, có thể như vậy mà quán thì gọi là quán mười hiệu của Như Lai, khi quán Như Lai không cho Như Lai là Như Lai, không có Như Lai là Như Lai, cũng không có trí Như Lai hiểu biết Như Lai, Như Lai và trí Như Lai không có hai tướng, không có tướng động, không có tướng tác, không ở tại phương hướng, không lìa phương hướng, chẳng phải ba đời, chẳng phải không có ba đời, chẳng phải hai tướng, chẳng phải không có hai tướng, chẳng phải tướng cấu uế, chẳng phải tướng thanh tịnh, quán Như Lai như thế rất là ít có, giống như hư không chẳng có lầm lỗi, thêm vững chánh niệm. Thấy tướng tốt của Phật như soi gương, soi nước, tự thấy hình bóng mình. Ban đầu thấy một Đức Phật, kế đến thấy các Đức Phật khắp mười phương, không dùng thần thông để thấy Phật, chỉ trụ ở đây thấy được các Đức Phật, nghe Phật nói pháp, chứng được nghĩa như thật, vì tất cả chúng sinh thấy Như Lai mà không chấp tướng Như Lai; giáo hóa tất cả chúng sinh hướng đến Niết-bàn mà không chấp tướng

Niết-bàn, vì tất cả chúng sinh phát đại trang nghiêm mà không thấy tướng trang nghiêm. Vô hình vô tướng, không thấy nghe hiểu biết, Phật không chứng đắc gọi là ít có. Vì sao? Vì Phật tức là pháp giới, nếu dùng pháp giới chứng pháp giới tức là tranh luận, vô chứng vô đắc, quán tướng chúng sinh như tướng các Đức Phật, giới lượng chúng sinh như giới lượng các Đức Phật, giới lượng các Đức Phật không thể suy nghĩ bàn luận, giới lượng chúng sinh cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Cõi chúng sinh trụ như cõi hư không trụ, vì pháp bất trụ, vì pháp vô tướng nên trụ trong Bát-nhã. Không thấy có pháp phàm phu thì làm sao xả, không thấy Thánh pháp thì làm sao chấp, sinh tử Niết-bàn, cấu tịnh cũng giống như vậy, không bỏ không chấp chỉ trụ thật tế. Quán chúng sinh như thế mới là pháp giới Phật chân thật, quán các phiền não, tham dục, sân nhuế, thường là hạnh vắng lặng, là hạnh bất động, chẳng phải pháp sinh tử, chẳng phải pháp Niết-bàn. Không xả các kiến, không xả vô vi, mà tu Phật đạo, chẳng tu đạo chẳng phải không tu đạo, đó gọi là chánh trụ phiền não pháp giới.

Quán nghiệp trọng: Không ngoài năm tội nghịch. Năm tội nghịch tức là Bồ-đề, Bồ-đề và năm tội nghịch không có hai tướng. Vô giác, là vô tri, vô phân biệt là tướng tội nghịch, tướng thật tướng đều bất khả tư nghì, không thể phá hoại, vốn không có bản tánh, tất cả nghiệp duyên đều trụ trong thật tế, không đến không đi, chẳng nhân chẳng quả, đó gọi là quán nghiệp, tức là pháp giới ấn. Pháp giới ấn, bốn ma không thể phá hoại được, không thể tìm dịp làm hại được. Vì sao? Vì ma tức là pháp giới ấn, pháp giới ấn làm sao hủy hoại pháp giới ấn được. Do ý này, đối với tất cả pháp cũng có thể hiểu. Những điều nói trên là văn kinh. Về khuyến tu, là công đức xứng thật khen thưởng đối với người tu hành. Pháp giới pháp là pháp chân thật của Phật, là ấn Bồ-đề. Người nghe pháp này mà không kinh sợ, là người ở chỗ trăm ngàn muôn ức Phật đã gieo trồng gốc đức, thí như Trưởng giả mất ngọc ma-ni sau tìm lại được tâm rất vui mừng. Bốn chúng không nghe pháp này thì tâm khổ não, hoặc nghe tin hiểu vui mừng cũng giống như vậy, phải biết người ấy tức là thấy Phật, đã từng nghe pháp này với ngài Văn-thù. Thân Tử nói: Xét hiểu nghĩa này gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát. Ngài Di-lặc nói: Người ấy được gần gũi Phật, ngồi tòa Phật, giác ngộ được pháp này. Cho nên Văn-thù nói: Nghe pháp này không sợ hãi tức là thấy Phật. Phật dạy: Liền trụ địa vị không lui sụt, đầy đủ sáu ba-la-mật, đầy đủ tất cả Phật pháp. Nếu người muốn được tất cả Phật pháp, tướng tốt oai nghi, âm thanh nói pháp, mười Lực vô úy thì phải thực hành yam muội Nhất hạnh này, khuyên

răn thực hành không biếng nhác thì sẽ được đắc nhập, như sửa mài ngọc ma-ni cho sáng đẹp, chứng đắc công đức bất khả tư nghì. Bồ-tát có khả năng hiểu biết, mau chứng đắc Bồ-đề, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe không kinh sợ, liền xuất gia với Phật. Tín sĩ, tín nữ nghe không sợ hãi liền quy y chân thật, lời khen tặng này nằm ngoài hai kinh kia.

2. Thường hành Tam-muội: Trước hết là phương pháp, kế đến là khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, miệng nói năng im lặng, ý Chỉ Quán. Pháp này rút ra trong kinh Bát-chu Tam-muội, dịch là Phật lập. Phật lập có ba nghĩa: 1. Phật uy lực; 2. Tam-muội lực; 3. Hành giả bản công đức lực. Có thể ở trong định thấy các Đức Phật mười phương đứng ở trước mặt, như mắt người trong sáng ban đêm thấy sao, thấy các Đức Phật trong mười phương cũng nhiều như vậy, cho nên gọi Tam-muội Phật lập. Kệ trong luận Thập trụ Bà-sa chép: Tam-muội trụ xứ ấy, trong ít nhiều sai biệt. Các tướng như vậy cũng phải luận về nghĩa. Trụ xứ: hoặc ở Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, phát huy thế lực có thể sinh Tam-muội, cho nên gọi là Trụ xứ. Sơ thiền ít, Nhị thiền vừa, Tam thiền, Tứ thiền nhiều. Hoặc trụ trong thời gian ngắn gọi là thiểu (ít), hoặc thấy thế giới thiểu, hoặc thấy Phật thiểu, cho nên gọi là thiểu (ít), trung nhiều cũng giống như vậy. Thân khai thường hành, khi thực hành pháp này thì tránh ác tri thức và người si, thân thuộc hàng xóm, thường ở một chỗ, không được hy vọng người khác, có mong cầu gì, thường khất thực không nhận thỉnh riêng, trang sức đạo tràng, sắm đầy đủ các thứ hương thơm, quả hoa cúng dường, tắm gội thân sạch sẽ, hai bên ra vào thay đổi y phục, chỉ chuyên thực hành chín mươi ngày làm một kỳ hạn, thỉnh cầu minh sư giỏi luật nội ngoại, có khả năng dứt bỏ chướng ngại, nghe được pháp Tam-muội như được thấy Thế tôn, không nghi ngờ, không tức giận, không thấy ngắn dài, phải lóc da thịt cúng dường thầy, huống là các thứ khác ư? Hầu thầy như đầy tớ hầu chủ, đối với thầy sinh tâm ác thì cầu pháp Tam-muội cuối cùng khó được, phải che chở bên ngoài như mẹ nuôi con, phải đồng hành như cùng đi vào đường nguy hiểm, cần phải thệ nguyện trong kỳ hạn, khiến cho gân cốt của ta khô mục, học Tam-muội này không được thì không bao giờ dừng nghỉ, khởi đại tín tâm, không thể hủy hoại, khởi đại tinh tấn không ai sánh bằng, thâm nhập trí tuệ không ai sánh bằng, thường thực hành theo thầy tốt, trong suốt ba tháng không được nghĩ đến sự ham muốn của thế gian, dù chỉ trong khoảnh khắc, trong ba tháng không được nằm, dù chỉ trong chốc lát, suốt ba tháng đi không được dừng nghỉ, trừ ngồi ăn. Nói kinh cho người nghe không được mong cầu cơm áo. Kệ trong luận Bà-sa nói

rằng: Gần gũi Thiện tri thức, tinh tấn không biếng nhác, trí tuệ rất vững chắc, sức tin không vọng động.

Về miệng nói nín: Trong chín mươi ngày thân thường thực hành không dừng nghỉ, chín mươi ngày miệng thường xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà không dừng nghỉ, hoặc vừa xướng vừa niệm, chín mươi ngày tâm thường niệm Phật Được-di-đà không dừng nghỉ. Hoặc trước niệm sau xướng, hoặc trước xướng sau niệm, xướng niệm nối nhau không lúc nào dừng nghỉ. Hoặc xướng Di-đà tức là xướng công đức của các Đức Phật khắp mười phương... chỉ chuyên lấy đức Di-đà làm chủ pháp môn, nêu lời cốt yếu. Từng bước từng niệm, từng tiếng chỉ duyên theo Đức Phật A-di-đà.

Ý luận về Chỉ Quán, Niệm Đức Di-đà ở cõi Tây phương cách đây mười muôn ức cõi Phật, ở nơi đó có đất báu, ao báu, cây báu, nhà báu, ngồi nói kinh giữa chúng Bồ-tát, ba tháng thường niệm Phật. Niệm như thế nào? Niệm ba mươi hai tướng, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới chân, mỗi mỗi nghịch duyên lại niệm các tướng cho đến tướng vô kiến đảnh, cũng nên từ trên đảnh, tướng thuận duyên cho đến bánh xe ngàn căm, khiến cho ta cũng bằng tướng ấy; lại nghĩ ta sẽ từ tâm thành Phật, từ thân thành Phật. Phật không dụng tâm để đắc, không dụng thân để đắc, không dụng tâm đắc Phật sắc, không dụng sắc đắc Phật tâm. Vì sao? Vì tâm là Phật vô tâm, sắc là Phật vô sắc, cho nên không dụng sắc tâm để chứng đắc Tam-bồ-đề. Phật sắc đã hết cho đến thức đã hết, lời Đức Phật nói cũng hết, người si không biết người trí hiểu rõ. Không dụng thân miệng thành Phật, không dùng trí tuệ thành Phật. Vì sao? Vì cầu trí tuệ không thật có, tự tìm cầu ta hoàn toàn không thật có, cũng không thật thấy, tất cả pháp vốn không bị hoại diệt, vốn đã bặt gốc, như mộng thấy bảy báu thân thuộc vui mừng, thức dậy rồi tìm nhớ không biết ở đâu! Niệm Phật cũng giống như vậy. Lại, như ở nước Xá-vệ có người nữ tên Tu-môn nghe việc này tâm rất vui mừng, ban đêm mộng làm việc gì khi tỉnh dậy nhớ đến việc đó, nghĩ rằng kia không đến, ta cũng không đi mà sự vui rõ ràng, phải biết niệm Phật cũng giống như vậy. Như có người đói khát lạnh lẽo, mộng thấy ăn đồ ngon ngọt, khi thức dậy thì bụng vẫn đói, tự nghĩ tất cả pháp sở hữu đều như mộng, phải niệm Phật như vậy, thường niệm không được dừng nghỉ, nhờ công lực của sự niệm này sẽ sinh về cõi nước của Phật A-di-đà, đó gọi là như tướng niệm. Như người dùng vật báu để gần ngọc lưu ly thì vật báu ảnh hiện trong đó, cũng như Tỳ-kheo quán hài cốt mà sinh ra các ánh sáng, đây không phải người đem đến, cũng không có hài cốt, chỉ do ý khởi mà

thôi! Như hình tượng trong gương không phải từ ngoài đến, cũng không phải ở trong sinh, do gương trong sáng cho nên tự thấy hình kia. Người tu hành sắc thanh tịnh thì tất cả thanh tịnh, muốn thấy Phật liền thấy Phật, thấy liền hỏi, hỏi liền báo, nghe kinh rất vui mừng.

Tự nghĩ Phật từ chỗ nào đến, ta cũng không có chỗ đi, ta niệm liền thấy, các tưởng Phật tâm, tự thấy tâm, thấy Phật tâm, do Phật tâm này là tâm ta thấy Phật, tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tưởng gọi là si tâm, không tưởng gọi là Nê-hoàn, pháp này không thể chỉ bày, nếu chỉ nghĩ việc làm thì dù có niệm cũng hoàn toàn không được gì. Kệ nói rằng: Tâm không hề biết tâm, có tâm không thấy tâm, tâm khởi tưởng tức si, không tưởng tức Nê-hoàn. Các Đức Phật từ tâm mà được giải thoát, tâm ấy không cấu nhiễm gọi là thanh tịnh. Năm đường trong sạch, không thọ sắc, có người hiểu ý này mới thành đại đạo, đó gọi là Phật ấn, không tham không đắm, không cầu không tưởng, tất cả hết, sở dục hết, không từ đâu sinh, diệt không đi về đâu, không bị bại hoại, đạo quan trọng là gốc đạo, đó là ấn mà Nhị thừa không thể phá hoại, huống chi ma ư!...

Luận Bà-sa nói Bồ-tát tân phát ý trước niệm sắc tướng Phật thể tướng của tướng, tướng nghiệp, tướng quả, tướng dụng được chút ít thế lực, kế niệm bốn mươi pháp bất cộng của Phật, tâm được thế lực bậc trung, kế niệm thật tướng của Phật, chứng đắc thế lực, kế là niệm thật tướng của Phật chứng đắc thế lực tối thượng, nhưng không đắm chấp sắc thân và Pháp thân. Kệ nói rằng: Không tham đắc sắc thân, Pháp thân cũng không đắm, khéo biết tất cả pháp, vắng lặng như hư không.

Về khuyên tu: Nếu có người muốn được trí tuệ như biển lớn, khiến cho người không thể làm thầy ta, thì ngồi đây không vận thần thông đều thấy các Đức Phật, đều nghe nói, đều thọ trì, Tam-muội thường hành, đối với các công đức thì công đức này là bậc nhất trên hết. Pháp Tam-muội này là mẹ của các Đức Phật, Phật nhãn là cha của Phật, vô sinh là mẹ của đại bi, tất cả các Đức Phật đều từ hai pháp này mà sinh, nghiền nát cả đất và cỏ cây trong đại thiên thành bụi vi trần, một hạt bụi là một cõi Phật, vật báu đầy khắp trong thế giới đem bố thí thì phước kia rất nhiều, nhưng không bằng không kinh sợ pháp Tam-muội này, huống chi kính tín, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người nghe, huống chi định tâm tu tập, như thời gian cấu tạo thành sữa bò, huống chi có thể thành tựu pháp Tam-muội này, cho nên là vô lượng vô lượng. Luận Bà-sa chép: Kiếp hỏa mà quan tặc oán độc, rồng thú dữ các bệnh xâm tổn người ấy thì không có việc ấy, người ấy thường được tám bộ trời, rồng, các Đức

Phật đều cùng hộ niệm khen ngợi, đều cùng muốn thấy, cùng đến chỗ người ấy. Nếu nghe pháp Tam-muội này thì được bốn lần công đức đều tùy hỷ, các Đức Phật, Bồ-tát ba đời đều tùy hỷ, lại thù thắng hơn bốn lần công đức trên, nếu không tu pháp này thì như đánh mất vô lượng vật báu quý giá, trời người đều lo buồn, như người nghẹt mũi cầm chiên-đàn mà không biết hương thơm, như con nhà nông treo ngọc ma-ni trên đầu bò...

3. Nói về bán hành bán tọa (nửa đi nửa ngồi): Cũng trước là phương pháp, kế là khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, miệng nói nín, ý Chỉ Quán. Pháp này xuất xứ từ hai kinh: Kinh Phương Đẳng chép: Đi nhiễu một trăm hai mươi vòng rồi trở về ngồi tư duy. Kinh Pháp Hoa chép: Người kia hoặc đi, hoặc đứng mà đọc tụng kinh này, hoặc ngồi tư duy kinh này, thì ta cỡi voi trắng sáu ngà hiện trước mặt người ấy, cho nên biết tất cả đều lấy nửa đi, nửa ngồi làm phương pháp. Phương đẳng chí tôn không thể như vậy, nếu muốn tu tập thần minh làm chứng, trước hết cầu mộng vương, nếu được thấy một lần thì cho phép sám hối, ở nơi đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, dùng bùn đất thơm tô trét ngoài trong nhà, tạo lập đàn tràng, họa vẽ cờ phướn năm màu, đốt hương chiên-đàn hải ngạn, trải tòa cao, thỉnh hai mươi bốn tôn trượng, nhiều hơn cũng không ngại, thiết lập thực phẩm quý giá phải hết lòng, phải đắp mang y phục, giầy dép sạch mới, ra vào cởi mặc không để cho lẫn lộn, bảy ngày ăn chay, mỗi ngày ba lần tắm gội, ngày đầu cúng dường tăng tùy ý nhiều ít, thỉnh riêng một vị luật sư thông giỏi nội ngoại làm thầy, thọ hai mươi bốn giới và chú Đà-la-ni, đối trước thầy xưng tội, chủ yếu hàng tháng vào ngày tám, ngày mười lăm, phải lấy bảy ngày làm một kỳ hạn, quyết không thể giảm bớt, nếu có thể càng tăng tiến thì tùy ý chịu đựng được. Mười người trở lại không được vượt hơn, người thế tục cũng được, cần phải may riêng đầy đủ ba y đúng với nghi thức Phật pháp.

Miệng nói nín, tụng trước một thiên chú Đà-la-ni để cho lợi lạc, vào ngày mùng một đều trì tụng khác miệng đồng lời, ba biến triệu thỉnh Tam bảo và các Đức Phật mười phương, Phương đẳng phụ mẫu, Thập pháp vương tử, triệu thỉnh pháp trong bộ Quốc Thanh bách lục, thỉnh xong đốt hương chí thành niệm ba nghiệp cúng dường. Cúng dường xong lễ lạy trước rồi thỉnh Tam bảo, lễ xong tâm chí thành buồn rơi lệ, bày tỏ sám hối tội lỗi xong, đứng dậy đi nhiễu một trăm hai mươi vòng, một vòng tụng một bài chú không chậm không nhanh, không cao không thấp, đi quanh tụng chú xong, lễ Thập Phật Phương Đẳng, Thập pháp

vương tử, làm như vậy xong rồi, trở về ngồi tư duy, tư duy xong lại đứng dậy đi nhiễu tụng chú, đi quanh tụng chú xong lại trở về ngồi tư duy, vòng quanh rồi trở lại từ đầu, suốt trong bảy ngày, pháp ấy như vậy, từ thời thứ hai lược triệu thỉnh, các thời khác đều như thường.

Ý Chỉ Quán: Kinh dạy tư duy, tư duy Ma-ha đãn trì Đà-la-ni, Hán dịch là Đại bí yếu ngăn ác giữ thiện. Bí yếu còn là thật tướng Trung đạo chánh không. Kinh dạy: Ta từ trong chân thật đến. Chân thật là tướng vắng lặng, tướng vắng lặng ấy không có sở cầu, người cầu cũng không, được là dính mắc, thật là đến ngữ là hỏi, thảy đều không, Niết-bàn vắng lặng cũng đều là không, tất cả hư không phân giới cũng lại đều không. Đối với vô sở cầu ta cố ý cầu, pháp không không chân thật như vậy, phải làm sao để cầu! Cầu trong sáu Ba-la-mật, ở đây đồng với thập bát không của Đại phẩm. Đại kinh chép: Thành Ca-tỳ-la không, Như Lai không, đại Niết-bàn không, không có gì khác. Do không tuệ này trải qua tất cả sự việc đều thành quán.

Phương Đẳng: Hoặc nói là rộng lớn bình đẳng, ở đây nói phương là pháp. Bát-nhã có bốn phương pháp, nghĩa là bốn môn nhập vào ao mát mẽ tức là phương, lý sở khế bình đẳng, đại tuệ tức là bình đẳng. Khiến cầu mộng vương tức là nhị quán phương tiện trước. Đạo tràng tức là cảnh giới thanh tịnh. Diệt trừ được vỏ bọc năm trụ phiền não, hiển bày nguồn gốc thật tướng, cũng là định tuệ dùng để trang nghiêm Pháp thân. Hương xoa tức vô thượng Thi-la (giới). Lọng năm màu: Quán năm ấm tránh khỏi sự trói buộc, sinh khởi tâm đại Từ bi, bao trùm khắp pháp giới. Đàn tròn: Tức thật tướng bất động địa. Phướn thêu vẽ năm màu tức trở lại trên pháp giới mê lầm, sinh hiểu động xuất, cờ phướn và đàn tràng không lìa nhau, tức động xuất, bất động xuất không lìa nhau. Hương đèn tức giới tuệ. Tòa cao tức các pháp không, tất cả các Đức Phật đều dừng nơi không này.

Hai mươi bốn tượng, tức là trí quán mười hai nhân duyên nghịch thuận rõ ràng. Thức ăn ngon: Tức là vô thường, khổ, đáp lại trợ đạo quán. Y mới sạch, tức là tịch diệt nhẫn, vì sân nên hoặc nghiệp chồng chất chứa nhóm, lại bỗng nhiên sân khởi nên gọi là tâm. Bảy ngày tức là bảy giác chi, một ngày tức nhất thật đế, ta tắm gội ba lần tức quán nhất thật, tu ba quán, sạch ba chướng, tịnh ba trí.

Nhất sư: Tức nhất thật đế. Hai mươi bốn giới, Quán nghịch thuận mười hai nhân duyên phát sinh đạo cộng giới. Chú: Là dặn dò. Kinh Anh lạc nói mười hai nhân duyên có mười thứ, tức có một trăm hai mươi chi, một chú một chi, tóm lại mà nói chỉ là ba đường, đó là: Nghiệp,

khổ, phiền não. Nay chú nhân duyên này tức là chú nơi ba đường mà luận về sự sám hối. Sự sám hối khổ đạo, nghiệp đạo, lý sám hối phiền não. Văn chép: Phạm giới Sa-di cho đến giới Tỳ-kheo nếu không sinh lại thì không có việc đó, tức là văn sám hối nghiệp đạo. Các căn nhãn, nhĩ thanh tịnh tức văn sám hối khổ đạo. Đến ngày thứ bảy thấy các Đức Phật trong mười phương nghe pháp được không lui sụt, tức văn sám phiền não đạo. Ba chướng dứt thì cây mười hai nhân duyên gãy đổ, cũng là nhà năm uẩn trống không, tư duy thật tướng chính là phá điều này đây, cho nên gọi là thật pháp sám hối của các Đức Phật.

Khuyến tu: Các Đức Phật đắc đạo đều do pháp này, gọi Phật là cha mẹ, là vật báu vô thượng của thế gian. Nếu tu hành chứng được toàn phần bảo, chỉ đọc tụng thì đắc trung phần bảo, dùng hương hoa cúng dường đắc hạ phần bảo. Đức Phật cùng ngài Văn-thù nói hạ phần bảo không thể cùng tận, huống chi là trung phần, thượng phần ư? Hoặc có người chứa nhóm vật báu từ dưới đất lên đến cõi Phạm thiên để cúng dường Phật, thì phước đức cũng không bằng hành trì kinh này, một bữa ăn no đủ thân thể, như kinh có nói rộng. Theo kinh Pháp Hoa cũng nói rõ phương pháp khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, khẩu nói nín, ý Chỉ Quán. Thân khai làm mười: 1. Nghiêm tịnh đạo tràng, 2. Tịnh thân, 3. Ba nghiệp cúng dường, 4. Thỉnh Phật, 5. Lễ Phật, 6. Sáu căn sám hối, 7. Đi nhiễu, 8. Tụng kinh, 9. Ngồi thiền, 10. Chứng tướng. Riêng có một quyển tên là Pháp Hoa Tam-muội do Đại sư Thiên Thai soạn để truyền bá ở đời, làm tông chỉ cho người tu hành, bộ này bao gồm cả nói nín, không phải luận bàn riêng. Về ý Chỉ Quán, Phổ Hiền Quán chép: Chuyên tụng Đại thừa không nhập Tam-muội, ngày đêm sám hối tội của sáu căn. Phẩm An Lạc Hạnh chép: Đối với các pháp vô sở hành, cũng không hành, không phân biệt, hai kinh vốn nương nhau thành, đâu thể chấp văn chống trái nhau, vì duyên trước sau xen nhau nêu ra, nên chẳng khác nhau nhiều. Phẩm An Lạc Hạnh chép: Hộ trì đọc tụng, giải thích dốc lòng lễ bái v.v... há chẳng phải sự ư? Quán kinh nói về vô tướng sám hối, tâm ta tự không tội phước vô chủ, mặt trời trí tuệ có công năng làm tiêu trừ, há chẳng phải lý ư? Ngài Nam Nhạc nói: Hữu tướng an lạc hạnh, vô tướng an lạc hạnh đâu chẳng phải căn cứ sự lý mà được tên như vậy ư? Đặc biệt người tu hành trải qua sự tu sáu căn sám hối, ngộ nhập cho nên gọi là hữu tướng. Như trực quán tất cả pháp đều không làm phương tiện, cho nên gọi là Vô tướng. Khi chứng được điều vi diệu thì cả hai đều xả bỏ, nếu hiểu được ý này thì đối với hai kinh không còn nghi ngờ. Ở đây nói về văn tu quán: Nói voi trắng sáu

ngà: Là Bồ-tát vô lậu, chứng sáu thần thông, có ngà bén nhọn, thông suốt nhanh nhẹn; voi có sức mạnh tiêu biểu Pháp thân gánh vác, vô lậu là không ô nhiễm gọi là bạch. Có ba người, một người cầm chày Kim cương, một người cầm vòng Kim cương, một người cầm hạt ngọc như ý, là tiêu biểu ba trí ở trên đảnh vô lậu... chày so sánh với voi năng hành, tiêu biểu cho trí tuệ dẫn dắt tu hành, vòng luân chuyển tiêu biểu vượt ra ngoài giả, như ý tiêu biểu cho trung. Trên ngà có ao là tiêu biểu tám giải thoát đó là thể của thiền, thông là dụng của định, vì thể dụng không lìa nhau. Trong ngà có ao, trong ao có hoa, hoa tiêu biểu cho diệu nhân. Dùng năng lực thần thông làm thanh tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sinh tức là nhân. Nhân từ sự thông suốt mà sinh, như hoa từ trong ao mọc lên. Trong hoa có người nữ là tiêu biểu cho lòng từ. Nếu không có lòng từ vô duyên thì đâu có thể hối thúc thân khiến vào trong Ta-bà này. Thông do vận lòng từ, như người nữ dơ cao cành hoa, người nữ cầm nhạc khí là tiêu biểu cho bốn nhiếp pháp, từ tu thân miệng hiện các đồng sự lợi hành, tài thí pháp thí dắt dẫn chúng sinh nhiều mối, như trăm ngàn âm thanh nhạc khí vô lượng. Nếu bày hỷ kiến thân, là phổ hiện sắc thân Tam-muội. Tùy theo sở thích của chúng sanh mà hiện, chưa hẳn đều là tạo tượng bạch ngọc.

Nói Đà-la-ni, là từ bi huân tập miệng nói các pháp, đều là tên khác của Pháp Hoa Tam-muội . Hiểu được ý này thì đối với thân voi được tự tại thực hành pháp môn.

Khuyến tu: Phổ Hiền Quán chép: Nếu bảy chúng phạm giới, muốn dứt trừ tội nặng sinh tử trong trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp trong khoảng thời gian búng ngón tay, muốn phát tâm Bồ-đề không dứt phiền não mà nhập vào Niết-bàn, không lìa năm dục mà thanh tịnh các căn. Thấy việc chướng bên ngoài, muốn thấy phân thân của Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo, muốn đắc Pháp Hoa Tam-muội nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, ở trong chúng tám bộ trời, rồng, v.v... Nói pháp, muốn được ngài Văn-thù, Dược Vương, các Đại Bồ-tát cầm hương hoa trụ giữa hư không hầu hạ cung phụng thì phải tu tập kinh Pháp Hoa, đọc tụng kinh Đại thừa, nghĩ nhớ việc Đại thừa, khiến cho không tuệ này cùng tương ưng với tâm, nghĩ nhớ mẹ các Bồ-tát, vô thượng phương tiện thù thắng từ tư duy thật tướng sinh ra, các tội như giọt sương mai, trí tuệ mặt trời có công năng tiêu trừ, thành tựu các việc như đây thì không gì là không đầy đủ. Người trì kinh này được thấy, ta cũng thấy được nơi ông, cũng cúng dường Phật Đa Bảo và Phật phân thân, khiến các Đức Phật vui mừng, như kinh nói

rộng. Ai nghe pháp như vậy, mà không phát tâm Bồ-đề, trừ hạng người không ra gì, người si, người mê mờ vô trí tuệ.

4. Phi hành phi tọa Tam-muội: Trên chuyên thực hành đi và ngồi, ở đây đã khác trên, làm thành bốn câu cho nên gọi là phi hành phi tọa. Sự thật thông suốt đi, ngồi và tất cả việc mà ngài Nam Nhạc gọi là tùy tự ý. Ý khởi tức tu Tam-muội, đại phẩm gọi là giác ý Tam-muội, ý nghĩa thú hướng đều hiểu biết rõ ràng. Tuy có ba tên gọi mà kỳ thật chỉ là một pháp.

Nay y vào kinh mà giải thích tên gọi. Giác là chiếu rõ, ý là tâm sở, Tam-muội như trước đã giải thích. Hành là khi tâm sở khởi trở lại soi chiếu quán sát, không thấy động tĩnh căn nguyên chung cực, chỗ đến chỗ đi, cho nên gọi là giác ý. Các số vô lượng, vì sao đối ý mà nói về giác, cùng tột nguồn gốc các pháp đều do ý tạo ra, cho nên dùng ý làm đầu mối của lời nói. Đối cảnh hiểu biết khác với gỗ đá gọi là tâm. Kế đến tâm tính gọi là ý. Phân biệt biết rõ gọi là thức. Như vậy phân biệt tùy tâm tưởng thấy có sự trái ngược bên trong thì đâu thể gọi là giác được, giác là hiểu biết trong tâm chẳng phải có ý, cũng chẳng phải không có ý, trong tâm chẳng có thức cũng chẳng phải không có thức, trong ý chẳng phải có tâm cũng chẳng phải không có tâm, trong ý chẳng phải có thức, cũng chẳng phải không có thức, trong thức chẳng phải có ý cũng chẳng phải không có ý, trong thức chẳng phải có tâm cũng chẳng phải không có tâm. Tâm, ý, thức chẳng phải một cho nên đặt ba tên, chẳng phải ba cho nên nói một tánh. Nếu biết danh chẳng phải danh thì tánh cũng chẳng phải tánh. Chẳng phải danh nên không phải ba phi tánh, cho nên chẳng phải một, chẳng phải ba nên không tán, chẳng phải một nên bất hợp, bất hợp nên bất không, vì bất tán nên bất hữu, vì chẳng phải hữu nên bất thường, vì chẳng phải không nên bất đoạn. Nếu không thấy thường đoạn thì rốt cuộc không thấy một khác, nếu quán ý thì thâu nhiếp tâm thức, tất cả pháp cũng vậy. Nếu phá ý thì vô minh hoại, các kiến sử đều còn sót lại hết, cho nên các pháp tuy nhiều nhưng chỉ nêu ý để nói về Tam-muội. Quán sát thì điều hòa thẳng ngay cho nên nói giác ý Tam-muội. Tùy tự ý phi hành phi tọa y cứ theo đây có thể hiểu. Ở đây chia làm bốn: 1. Y cứ vào các kinh; 2. Y cứ vào các điều lành; 3. Y cứ vào các điều ác; 4. Y cứ vào các điều vô ký. Hành pháp của các kinh, ba thứ trên không thâu nhiếp, tức thuộc tùy tự ý. Vả lại y cứ vào thỉnh Quán Âm chỉ bày tướng kia, ở nơi yên tịnh trang nghiêm đạo tràng, dùng phướn lọng, hương đèn thỉnh tượng Di-đà và tượng hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí đặt ở phương Tây, lập nhành dương nước

sạch, nếu tiện lợi hai bên thì dùng hương xoa thân, tắm gội sạch sẽ, đắp mặc y mới, ăn chay, phải hướng về phía Tây năm vóc gieo sát đất lễ lạy Tam bảo bảy vị: Thích Tôn, đức Di-đà, ba Đà-la-ni, hai vị Bồ-tát Thánh chúng, lạy rồi quỳ gối chắp tay đốt hương rải hoa, dốc lòng vận tưởng như thường pháp, cúng dường rồi thân ngồi kiết già ngay ngắn, buộc niệm quán sổ tức, mười hơi thở làm một niệm, mười niệm thành tựu rồi đứng dậy thắp hương, vì chúng sinh ba lần xướng thỉnh Tam bảo, thỉnh rồi ba lần xưng danh Tam bảo, rồi lại xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Chắp mười ngón tay, tụng bốn hàng kệ xong lại tụng ba biến chú, hoặc một biến hoặc bảy biến, xem thời sáng chiều, tụng chú xong bày tỏ sám hối, tự mình nhớ tội đã phạm, tắm rửa sạch sẽ sám hối rồi lễ lạy các tượng đã thỉnh ở trên. Lễ rồi, một người bước lên tòa cao, hoặc xướng hoặc tụng văn kinh này, các người khác lắng nghe, trước ngọ đầu hôm phương pháp kia cũng giống như đây, các thời khác nghi thức như thường. Nếu có gì nghi ngờ thiếu sót thì có thể tìm xem trong kinh có bổ túc thêm...

Kinh chép: Nhãn tương ưng với sắc, thì làm sao nhiếp trụ! Cho đến ý tương ưng với phan duyên làm sao nhiếp trụ! Kinh Đại Tập chép: Như tâm trụ, như tức không. Văn này mỗi mỗi đều nhập mé thật, tức là tên khác của như không! Đất không vững chắc, hoặc cho đất là hữu, hữu tức thật, thật là nghĩa vững chắc, hoặc nói đất là không, là vừa có vừa không, chẳng hữu chẳng vô, là sự thật, đều là nghĩa vững chắc. Nay nói rốt cuộc không thể quên được tánh vững chắc kia. Tánh nước không trụ, cho nước là hữu, hữu tức là trụ, cho đến cho rằng nước là chẳng hữu chẳng vô, cũng tức là trụ. Nay không trụ hữu bốn câu, cũng không trụ trong vô bốn câu, cũng không trụ trong thể nói, cho nên nói tánh nước bất trụ. Tánh gió vô ngại; Quán gió là hữu, hữu tức là ngại, cho đến nói gió là chẳng hữu chẳng vô, cũng vô vô bốn câu, cho nên nói tánh gió vô ngại. Hỏa đại không thật. Hỏa không tự mình sinh cho đến không từ vô nhân sinh, vốn không tự tánh, nương duyên mà có, cho nên nói không thật. Quán sắc đã vậy, thọ, tưởng, hành, thức mỗi ấm đều nhập vào mé như thật. Quán ấm đã vậy, mười hai nhân duyên những tiếng vang dội trong hang cốc, như cây chuối đứng vững giữa sương mù... Một lúc vận niệm, khiến không quán thành, khuyên cần phải tu tập cho được tương ưng, quán gốc tuệ không thể thiếu. Tiêu trừ hàng phục độc hại Đà-la-ni năng phá chướng. Người Tỳ-xá-ly bình phục như cũ, phá ác nghiệp Đà-la-ni, năng phá nghiệp chướng, phá người phạm hạnh tiêu trừ phân uế, khiến được thanh tịnh. Chương cú sáu chữ Đà-la-ni năng phá, phiền não

chướng thanh tịnh, đối với ba độc căn thành Phật đạo không nghi ngờ. Sáu chữ tức là sáu Quán Thế Âm, năng phá ba chướng trong sáu đường, có chỗ nói đại bi Quan Thế Âm phá địa ngục đạo ba chướng. Đường này khổ nặng phải dùng đại bi. Đại từ Quán Thế Âm phá ba chướng trong đường ngạ quỷ, đường này đói khát phải dùng Đại từ. Sư tử vô úy Quán Thế Âm phá ba chướng A-tu-la đạo, đường này hay sinh nghi ngờ, ganh tị thiên chấp nên dùng phổ chiếu. Trời, người, trượng phu, Quán Thế Âm phá ba chướng cõi người, cõi người có sự lý, sự hàng phục tâm kiêu mạn, gọi là trời người, lý thì thấy Phật tánh nên gọi Trượng phu. Đại Phạm thâm viễn Quán Thế Âm phá ba chướng cõi trời, Phạm là chủ cõi trời, tiêu biểu cho sự làm chủ thần dân. Quảng lục Quán Thế Âm tức là hai mươi lăm Tam-muội. Đại bi tức vô cấu Tam-muội. Đại từ tức tâm lạc Tam-muội, Trượng phu tức bốn Tam-muội như huyễn v.v... Đại phạm tức mười bảy Tam-muội như bất động, v.v... Tự suy tư có thể biết. Kinh này chung cho hàng Tam thừa sám hối. Nếu tự mình điều phục, tự dứt trừ các kết tặc thì thành A-la-hán, hoặc phước dày lợi căn quán vô minh, hành v.v... Thành Duyên giác đạo; hoặc khởi đại bi thân sáng như lưu ly, trong lỗ chân lông thấy Phật, đắc Thủ-lăng-nghiêm, trụ không lui sụt. Các kinh Đại thừa có lưu loại này, hoặc Thất Phật, Bát Bồ-tát sám, hoặc Bồ-tát Hư không tạng tám trăm ngày ở nơi nhà xí như thế đều là tùy tự ý nhiếp...

2. Nói rõ các điều lành chia làm hai; Trước phân biệt tứ vận, kế nêu rõ các điều lành. Ban đầu nói về tứ vận. Tâm thức không có hình tướng, không thể thấy, y cứ vào bốn tướng để phân biệt. Đó là Vị niệm, Dục niệm, Chính niệm, Dĩ niệm. Vị niệm là tâm chưa sinh khởi. Dục niệm là tâm sắp sinh khởi, chính niệm là đang duyên cảnh mà trụ, niệm dĩ là đã duyên cảnh rồi. Nếu thấu đạt được bốn ý này, tức nhất nhất tướng vô tướng.

Hỏi: Chưa niệm chưa khởi, đã niệm đã khởi, hai thứ này đều vô tâm, vô tâm thì vô tướng, làm sao quán được? Đáp: Chưa niệm tuy chưa khởi, nhưng chẳng phải rốt ráo không, như người tuy hiện tại chưa tạo tác nhưng về sau thì tạo tác, không thể vì chưa tạo tác mà nói là không có người làm. Nếu nhất định không có người, thì sau đó ai làm, do có người mà chưa làm đó thôi! Thì sẽ có người làm, tâm cũng giống như vậy. Nhân vì chưa niệm nên nói sắp có niệm, nếu không chưa niệm tại sao có sắp niệm được. Vì vậy nên chưa niệm chưa có nhưng chẳng phải rốt ráo không niệm. Niệm rồi tuy diệt cũng có thể quán sát được, như người đã làm xong không được nói là không làm. Nếu nhất định không

có người thì trước ai làm. Niệm rồi tâm diệt cũng giống như vậy, không được nói diệt hẳn, nếu cho rằng diệt hẳn thì đó là đoạn kiến không nhân không quả, vì vậy cho nên niệm rồi tuy diệt cũng có thể quán được.

Hỏi: Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, nếu lìa ba đời thì không có tâm riêng, vậy phải quán tâm nào? Đáp: Ông hỏi sai, nếu quá khứ diệt hẳn thì rốt cuộc không thể biết, vị lai chưa sinh khởi không thể biết, hiện tại không trụ không thể biết, thì làm sao mà các bậc Thánh biết tâm ba đời. Quỷ thần còn biết tự tha trong ba đời, vì sao trong Phật pháp người tu hành khởi kiến chấp đoạn diệt lông rùa sừng thỏ! Phải biết tâm ba đời tuy không nhất định là thật nhưng cũng có thể biết được, cho nên kệ nói rằng: Điều các Đức Phật nói, tuy không cũng không đoạn, nối nhau cũng không thường, tội phước cũng chẳng mất. Nếu khởi đoạn diệt thì như người mù nhìn sắc, đối với Phật pháp không có chánh quán, mắt không đạt được gì, hành giả đã biết tâm có bốn tướng, tùy tâm sinh khởi các niệm thiện ác, dùng trí không chấp trước trở lại soi chiếu quán sát.

Kế đến là nêu rõ việc lành, việc lành rất nhiều, nên căn cứ sáu Độ, nếu có các trần phải xả bỏ sáu thọ, hoặc không có tài vật thì phải vận sáu tác. Xả vận luận chung có mười hai việc. Trước nói khi nhãn thọ sắc, chưa thấy, sắp thấy, đang thấy, thấy rồi, bốn vận tâm đều không thể thấy, cũng không thể không thấy, lại quán giác sắc tâm, không phải từ ngoài đến, bên ngoài đến đối với ta không liên quan, không từ bên trong ra, bên trong ra thì không đợi nhân duyên, đã không trong ngoài, cũng không ở giữa, không thường tự có, phải biết hiểu rõ sắc ấy rốt ráo vắng lặng. Sắc sở quán bình đẳng với không, sắc Năng quán đồng với người mù cho đến ý duyên pháp, chưa duyên, sắp duyên, đang duyên, duyên rồi, bốn tâm đều không thật có. Trở lại quán biết tâm pháp không từ ngoài đến, không phải ở trong ra, không có pháp trần, không pháp tức bình đẳng với không, đó gọi là quán giác sáu thọ v.v... Nhãn căn, sắc trần, không minh, mỗi duyên đều không thấy, cũng không phân biệt, do nhân duyên hòa hợp sinh ra nhãn thức, nhãn thức nhân duyên sinh ý thức, khi ý thức sinh thì có khả năng phân biệt. Nương ý thức thì có nhãn thức, nhãn thức có khả năng thấy, thấy rồi sinh lòng tham, tham nhiễm nơi sắc, làm hủy hoại giới đã thọ, đây là bốn vận địa ngục. Ý thật ưa thích sắc mà che giấu không nói, đây là bốn vận quỷ đạo. Đối diện sắc sinh tham đắm rồi chấp ngã sở là thuộc về bốn vận súc sinh. Sắc ta, sắc người, ta hơn, người thua là thuộc bốn vận A-tu-la. Người tặng biếu sắc cho ta, ta không cho, không lấy, đối với sắc trên khởi lòng

nhân nhượng tin hiểu v.v... là thuộc năm giới mười điều lành thuộc bốn vận trời người. Quán bốn vận tâm, tướng tâm sinh diệt, tâm tâm bất trú, tâm tâm ba thọ, tâm tâm không tự tại, tâm tâm thuộc nhân duyên. Bốn vận Nhị thừa. Bốn vận quán mình thì có lỗi như đây, bốn vận quán người cũng giống như vậy, liền khởi từ bi mà thực hành sáu Độ. Vì sao? Vì tánh tướng sáu thọ như đây từ vô lượng kiếp đến nay ngu si ôm chấp không xả bỏ được, có xả cũng không thể quên; Nay quán trần chẳng phải trần, đối với trần không thọ, quán căn chẳng phải căn đối mình không chấp, quán người không thật có, cũng không thọ, ba việc đều không thì gọi Đàn ba-la-mật.

Kinh Kim Cương Bát-nhã chép: Nếu trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí, đó gọi là trụ tướng bố thí, như người vào nhà tối thì không thấy gì, không trụ thanh vị bố thí, đó là vô tướng bố thí, như người có mắt sáng, mặt trời chiếu soi thì thấy các mầu sắc, nói thẳng không thấy tướng lược còn khó hiểu. Nay không thấy sắc, có tướng không tướng, cũng là tướng hữu vô, chẳng phải tướng hữu vô. Hoặc mỗi nơi đều chấp tướng, dẫn khiến ra khỏi, không khởi sáu mươi hai kiến chấp chính gọi là vô tướng đàn ba-la-mật đến bờ bên kia. Tất cả pháp hướng đến đàn ba-la-mật thành Đại thừa gọi là bốn vận của Bồ-tát, lại quán bốn vận đồng với hư không tức là thường, không thọ bốn vận đồng với hư không tức là thường, không thọ bốn vận tức là lạc, không vì bốn vận khởi nghiệp tức là ngã, bốn vận không ô nhiễm tức là tịnh, đó gọi là Phật pháp bốn vận. Như vậy bốn vận tuy không, trong không thấy có đủ bốn vận, cho đến thấy khắp hằng sa Phật pháp thành Đại thừa, đó gọi là giả danh bốn vận. Hoặc không nên lẽ ra không đủ thập pháp giới, pháp giới từ nhân duyên sinh, thể lại chẳng phải hữu, chẳng phải có cho nên không, chẳng phải không cho nên có, chẳng thể không hữu, song chiếu không hữu, ba đế rõ ràng, đầy đủ Phật tri kiến, đối với bốn vận tâm đầy đủ rõ ràng. Quán thanh hương vị xúc pháp, năm thọ bốn vận tâm, viên giác ba đế, không thể suy nghĩ bàn luận, cũng lại như vậy, y cứ theo trước có thể biết, không phiền ghi chép lại.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 2
(Phần Cuối)

Kế đến là quán sáu tác hành đàn, quán chưa niệm hành, sắp hành, đang hành, hành rồi. Bốn vận nhanh chậm đều không thật có, cũng không thấy không thật có, trở lại quán biết tâm không từ bên ngoài đến, không ở bên trong ra, không ở giữa, không thường tự có. Vô hành, vô hành là rốt ráo vắng lặng. Do tâm vận sai khiến cho nên có khứ lai, hoặc vì phá hủy giới, hoặc lừa dối người khác, hoặc quyến thuộc, hoặc vì thắng người kia, hoặc vì nghĩa nhượng, hoặc vì thiện thiền, hoặc vì Niết-bàn, hoặc vì từ bi. Xả sáu trần, vận sáu tác, phương tiện khứ lai, giở chân lên đặt chân xuống đều như huyễn hóa, mơ màng không thật, bỗng quên năng quên sở. Đường ngàn dặm không gọi là xa, vài bước chân không cho là gần, hễ có tạo tác đều không luống uổng công lao kia, không hy vọng họ đền ơn, trụ đàn như thế nhiếp thành tất cả hằng sa Phật pháp, đầy đủ Đại thừa có khả năng đến bờ bên kia, lại quán một vận tâm đầy đủ mười pháp, một không hẳn là một cho nên được gọi là mười, mười không hẳn là mười cho nên được gọi là một, chẳng một chẳng mười, song chiếu một mười. Trong một niệm tâm đầy đủ ba đế, đứng, ngồi, nằm, nói, nín tạo tác cũng giống như vậy, căn cứ theo trước có thể biết. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: Lại thấy Phật tử sắm áo quần tốt đem dùng bố thí để cầu Phật đạo chính là nghĩa này.

Trước đã căn cứ mười hai việc mà nói chung về Đàn. Nay y cứ mỗi việc đều nói về sáu độ. Hành giả khi thực hành dùng mắt đại bi quán chúng sinh, không thấy có tướng chúng sinh, chúng sinh đối với Bồ-tát không có tâm sợ hãi, đó gọi là hành đúng Đàn ba-la-mật. Đối với chúng sinh không bị tổn thương, không thấy có tướng tội phước, đó gọi là Thi ba-la-mật. Khi thực hành tâm tưởng không khởi, cũng không lay động, không có trụ xứ, ấm giới nhập, v.v... cũng đều bất động, đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Khi đi không thấy có giở chân lên, đặt chân xuống, tâm không phải trước suy nghĩ sau mới hiểu biết, đối với

tất cả pháp không có sinh trú diệt, đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Thân tâm không thấy có sinh tử, Niết-bàn, đối với tất cả pháp không thọ niệm chấp đắm, không mùi vị, không loạn động, đó gọi là Thiền ba-la-mật. Khi đi, sáu phần như đầu, v.v... Như mây, như hình bóng, mộng, huyễn, tiếng vang, không sinh diệt đoạn thường, ấm giới nhập vắng lặng, không buộc không thoát, đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Đầy đủ như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có nói rộng. Lại nữa, trong khi đi thì vắng lặng có tướng định, nếu không xem xét thì nơi định thì sinh nhiễm, tham đắm thiền vị. Nay quán định tâm, tâm còn vô tâm định ở chỗ nào? Phải biết định này từ điên đảo sinh, như vậy khi quán chẳng thấy không và bất không, tức phá tướng định, không sinh tham đắm, do phương tiện sinh đây là giải thoát của Bồ-tát Bồ tát giải. Hành giả chưa ngộ hoặc chấp ngã có thể quán tâm, gọi là diệu tuệ. Chấp tuệ tự cao, đó gọi là trí chướng, đồng với ngoại đạo kia không được giải thoát, liền soi chiếu trở lại tâm năng quán không thấy trụ xứ, cũng không khởi diệt. Rốt ráo không có quán và chẳng quán, quán ấy đã không, thì ai quán các pháp. Không có quán tâm tức là lìa quán tưởng. Đại luận chép: Niệm tưởng quán rồi, dứt tâm hý luận, trừ vô lượng tội, tâm thanh tịnh thường nhất, người tài giỏi như vậy tôn trọng có khả năng thấy Bát-nhã. Kinh Đại Tập chép: Quán sát tâm tâm tức là ý này. Như vậy trong khi đi đầy đủ ba Tam-muội, ban đầu quán phá tất cả các hữu tướng, không thấy trong ngoài, tức không Tam-muội, kế đến là phá hoại Không tướng, gọi là Vô tướng Tam-muội, sau cùng quán không thấy tạo tác, tức vô tác Tam-muội, lại phá ba đảo ba độc vượt dòng ba hữu, hàng phục bốn ma oán, thành Ba-la-mật, nhiếp thọ pháp giới, thêm lớn đầy đủ tất cả pháp môn, đâu chỉ sáu Độ, ba Tam-muội mà thôi! Nếu trong khi đi đầy đủ tất cả pháp, mười một việc còn lại cũng giống như vậy. Kế đến lại nắm giữ sáu trần như để dầu vào bát, không nghiêng để đổ ra ngoài một giọt. Lại trong sáu tác uy nghi nghiêm túc tiến lùi có thứ lớp, chỉ gọi là trì giới, trì giới quả báo vượt ngoài sự thọ vui, chẳng phải Tam-muội thì không gọi là Ba-la-mật. Nếu được quán tuệ thì mười hai việc Thi-la tự thành, nghĩa là quán chưa thấy sắc, muốn thấy, đang thấy, thấy rồi, bốn vận tâm, các thứ tìm cầu không được, tâm sinh khởi cũng không thật, tâm năng quán, không trong ngoài, không đến đi, vắng lặng không sinh diệt. Có thể quán bảy chi thân miệng thanh tịnh tợ hư không, như vậy là do giữ giới không thiếu sót, không phá giới, không xuyên tạc ba thứ luật nghi giới, phá bốn vận các ác giác quán, tức giữ giới không lầm lẫn, không bị bốn vận làm loạn tức là giữ gìn định cộng giới. Bốn vận tâm không khởi tức là

giữ đạo cộng giới. Phân biệt các thứ bốn vận không dính mắc, tức giữ giới vô trước. Phân biệt bốn vận không lầm lẫn, tức là giữ giới mà người trí khen ngợi. Biết bốn vận thâu nhiếp các pháp, tức giữ giới tự tại của Đại thừa. Hiểu rõ bốn vận thâu nhiếp các pháp, tức là giữ giới rốt ráo. Tâm đã thanh tịnh, ngăn che hai biên, chính nhập Trung đạo, song chiếu nhị đế, cảnh giới bất khả tư nghị của các Đức Phật đầy đủ không thiếu sót. Sắc ấy là sắc pháp, người thọ không thật có, ba việc đều quên tức là Đàn, đối với sắc, sắc giả thì an tâm bất động gọi là Nhẫn, đối với sắc sắc giả không ô nhiễm, không xen hở gọi là Tỳ-lê-da, không bị sắc sắc giả làm loạn động gọi là thiền, sắc sắc giả như huyễn như hóa gọi là Bát-nhã, sắc sắc giả như hư không gọi là Không Tam-muội, không thấy có không này gọi là Vô tướng Tam-muội, vô năng vô sở gọi là Vô tác Tam-muội, đâu chỉ ba đế sáu Độ ba không, tất cả Hằng sa các Đức Phật đều lệ theo đây có thể hiểu. Quán sắc trần đã như vậy, thì năm trần còn lại cũng vậy, sáu thọ sáu tác cũng vậy. Kinh Pháp Hoa chép: Lại thấy Phật tử, oai nghi đầy đủ để cầu Phật đạo, tức là nghĩa này.

Kế đến nói nhẫn thiện, lại y cứ vào tác thọ đều có nghịch thuận, thuận thì vừa ý, nghịch thì không vừa ý, đối với nghịch trái không sân, đối với thuận không ưa đắm. Vô kiến vô kiến giả, vô tác vô tác giả, đều như trên đã nói. Kế nữa là tinh tấn thiện. Người xưa nói: Tinh tấn không có tự thể riêng, chỉ đốc thúc các hành, theo nghĩa mà suy xét thì nên có tự thể riêng. Chẳng hạn như vô minh có chung trong các sử, lại có vô minh riêng, nay lại nhờ vào tâm siêng năng tụng kinh, do tinh tấn ngày đêm không bỏ sót mà được lợi ích, nhưng chẳng phải trí tuệ Tam-muội. Nay quán hơi thở tiếp xúc bảy chỗ, hòa hợp phát ra âm thanh như tiếng vang, không trong không ngoài, không năng tụng sở tụng, đều dùng bốn vận tìm xét, đối với trần, bất khởi thọ giả, với duyên không sinh người làm ra, phiền não không làm đứt quãng việc đọc tụng, giảng nói, niệm niệm chảy vào biển đại Niết-bàn, đó gọi là tinh tấn...

Kế là nói về các thiền, căn bản là chín tưởng, tám bối xả v.v... chỉ là thiền, chẳng phải ba-la-mật. Quán nhập định bốn vận còn không thấy tâm, chỗ nào có định, tức là đạt thật tướng thiền, dùng thiền thâu nhiếp tất cả pháp, cho nên nói về giải thứ năm, tưởng thứ tám xong. Nêu rõ mười Lực, bốn Vô úy, tất cả pháp, các Luận sư không thấu đạt tôn chỉ mầu nhiệm, đều cho rằng luận lầm lẫn chưa nên nói điều này. Đây là luận chủ nêu tám tưởng để tác, tướng Ma-ha diễn (Đại thừa), cho nên giải thích rộng các pháp đó thôi, v.v...

Kế là nói về trí tuệ: Thích luận nói có tám thứ giải Bát-nhã. Nay

lại y cứ vào thế trí để quán sáu thọ sáu tác, bốn vận suy tìm thế trí để quán sáu thọ sáu tác, bốn vận suy tìm thế trí không thật có, đều như trên nói, y cứ vào tất cả pháp lành cũng giống như vậy.

Hỏi: Nếu một pháp thâu nhiếp tất cả pháp, chỉ dùng quán là đủ, tại sao cần phải dùng Chỉ? Một độ là đủ, đâu cần năm độ kia? Đáp: Sáu Độ uyển chuyển thành tựu cho nhau, như mặc áo giáp vào trận không thể không bí mật v.v... Quán như đèn, chỉ như nhà tối, giặt y cắt cỏ, v.v... lại Bát-nhã là pháp giới, trùm khắp thâu nhiếp tất cả, cũng không cần các pháp khác, các pháp khác là pháp giới, cũng thâu nhiếp tất cả, cũng không cần Bát-nhã. Lại nữa, Bát-nhã tức các pháp, các pháp tức Bát-nhã, không hai không khác, v.v...

Vì tùy tự ý, trải qua các việc ác: Xét rằng thiện ác không nhất định, như các điều xấu là việc ác, vượt qua được là việc lành, quả báo trời người hết sẽ đọa vào ba đường trở lại là ác. Vì sao? Vì xấu ác vượt qua được thì đều chẳng động xuất, thể đều là ác, hàng Nhị thừa thoát khỏi khổ gọi là thiện. Hàng Nhị thừa tuy thiện nhưng chỉ tự độ, chẳng phải tướng thiện nhân. Đại luận chép: Thà bị bệnh, có tâm dã can chứ không sinh làm Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết sinh tử, Niết-bàn đều là ác, sáu Độ Bồ-tát từ bi bao gồm cứu giúp, đây chính gọi là thiện. Tuy có thể bao gồm cứu giúp, như đồ độc chứa thức ăn, người ăn vào thì chết, cũng lại là ác, ba thừa đồng dứt, đây mới gọi là tốt, nhưng không thấy lý riêng, lại thuộc về hai bên, vô minh chưa hết thì còn gọi là ác, Biệt giáo là thiện, tuy thấy lý riêng nhưng còn nương phương tiện không thể gọi là lý. Đại kinh chép: Từ trước đây chúng ta đều là người tà kiến. Tà đâu chẳng phải ác, chỉ pháp Viên giáo gọi là thiện; Thiện thuận với thật tướng gọi là Đạo, trái thật tướng gọi là Phi đạo. Nếu thấu hiểu các điều ác chẳng phải ác, đều là thật tướng, tức thực hành phi đạo mà thông đạt Phật đạo. Nếu đối với Phật đạo sinh chấp, không tiêu cam lộ, đạo thành phi đạo. Như thế mà nói về nghĩa thiện ác thì thông, nay y cứ vào biệt để nói về thiện ác. Sự suy tính là thiện, các điều tệ xấu là ác, pháp lành dùng quán như trên nói, y cứ vào điều ác nói về quán, ở đây sẽ nói. Trước tuy quán thiện mà xấu ác kia không dứt, phiền não cuồn cuộn không lúc nào không khởi, nếu quán điều ác của người khác cũng vô lượng, cho nên khi tu tất cả pháp thế gian không thể tưởng vui, thì không thấy người tốt, không có cõi nước tốt, toàn các việc xấu ác mà tự trói buộc bên trong, dù cho không hoàn toàn có điều xấu ác nhưng riêng khởi bất thiện, hoặc nhiều san tham, hoặc thường phạm giới, thường sân hận, thường biếng nhác, thường thích vị rượu, căn tánh dễ bị đoạt

mất ắt có lỗi lầm, ác không có lỗi, người xuất gia lìa thế gian, tu hành còn không đầy đủ, bạch y thọ dục chẳng phải người hành đạo, người kia gọi là ác, bậc La-hán còn xét lại thói quen, huống gì phàm phu. Nếu phàm phu buông thả theo điều xấu ác, tinh thần suy bại, không có kỳ hạn thoát khỏi, phải ở trong đường ác mà tu quán tuệ, như thời Phật còn tại thế người tại gia mang vợ nách con, chăm lo công việc thế tục hoàn thiện đều có thể đắc đạo. Ương-quật-ma-la càng sát sinh càng từ bi. Kỳ-đà Mạt-lợi chỉ có uống rượu làm giới, Hòa-tu-mật-đa dâm mà phạm hạnh, Đề-bà-đạt-đa tà kiến tức chánh. Nếu trong các điều ác một bề là ác, thì người ấy không được tu đạo, những người này mãi mãi làm phàm phu. Do trong ác có đạo, tuy làm các việc xấu, mà được thành Thánh, cho nên biết điều ác không chướng ngại đạo. Lại đạo không ngăn được ác. Bậc Tu-đà-hoàn dâm dục chuyển thạnh, rốt ráo còn mạn, thân tử sinh sân, đối với vô lậu kia có tổn ích gì, thí như trong hư không sáng tối không trừ diệt nhau, hiển xuất Phật Bồ-đề, tức là ý này. Nếu tánh người nặng về tham dục, uế trược hừng hẫy, dù đối trị chiết phục lại càng thêm mạnh mẽ, chỉ muốn theo xu hướng của mình. Vì sao? Vì điều xấu không khởi thì không cần phải tu quán, thí như dây câu, cá mạnh dây yếu thì không thể kéo lên được, chỉ khiến mồi vào miệng cá, thì tùy theo xa gần mặc cho cá dẫy dụa chìm nổi dưới nước, không lâu sẽ bắt nó được, đối với việc xấu tu quán cũng giống như vậy, xấu tức là cá dữ, quán tức là mồi câu, nếu không có cá thì không dùng mồi câu, chỉ khiến được cá thì phần lớn đều thích dùng mồi câu, tùy thích không bỏ, điều xấu này không bao lâu theo đà phát triển thì làm sao mà quán! Nếu tham dục, sắp tham dục, đang tham dục, tham dục rồi. Vì đang chưa tham thì dục diệt, sắp tham thì dục sinh, vì đang chưa tham thì dục không diệt, sắp tham thì dục sinh, cũng diệt cũng không diệt, sắp tham thì dục sinh, chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt, sắp tham thì dục sinh, nếu chưa diệt thì dục sinh, đó tức là lìa, ngay nơi diệt mà sinh, sinh diệt trái nhau, hoặc lìa mà sinh, sinh thì không có nhân. Chưa tham thì không diệt mà dục sinh thì đó tức là lìa, nếu tức tức hai sinh tướng đều là sinh thì không cùng, nếu lìa sinh cũng vô nhân, hoặc vừa diệt vừa bất diệt mà dục sinh, hoặc từ diệt sinh không cần cũng không diệt, nếu từ bất diệt sinh thì không cần cũng diệt. Nhân bất định làm sao sinh quả định. Nếu thể kia là một thì tánh kia trái nhau, nếu thể kia là khác thì vốn không liên quan. Hoặc chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt mà muốn tham dục sinh, cả hai đều chẳng thể có là vô, nếu cả hai chẳng phải là có thì vì sao nói cả hai đều phi! Nếu cả hai phi thì vô vô

làm sao sinh. Bốn câu như vậy không thấy dục tham, dục sinh, xoay vần bốn câu, không thấy chưa tham sắp diệt, dục tham thì dục sinh, bất sinh, vừa sinh vừa không sinh, chẳng sinh chẳng không sinh, cũng như trên nói. Quán tham dục xấu ác rốt ráo vắng lặng, song chiếu rõ ràng đều như trên nói, đó gọi là mỗi câu. Nếu việc xấu thường khởi thì quán này thường chiếu, cũng không thấy khởi, cũng không thấy chiếu, mà khởi mà chiếu, lại quán điều xấu này do đâu mà trần khởi! Sắc ư? Hay các thứ khác ư? Do đâu mà tác khởi! Hành ư? Hay các thứ khác ư? Nếu do sắc là chưa thấy, sắp thấy, đang thấy, thấy rồi, nếu do hành, là chưa hành, sắp hành, đang hành, hành rồi, vì sao sự khởi! Vì hủy giới ư? Vì quyến thuộc ư? Vì luống dối ư? Vì ganh ghét ư? Vì nhân nhượng ư? Vì khéo thiền ư? Vì Niết-bàn ư? Vì bốn đức ư? Vì sáu Độ, vì ba Tam-muội ư? Vì hằng sa Phật pháp ư? Như vậy khi quán đối với trần không thọ, đối với duyên không tác, nhưng đối với trần thọ căn nguyên, song chiếu phân biệt. Huyễn hóa và không, cho đến pháp tánh không ngăn ngại nhau. Vì sao? Vì nếu điều xấu ngăn ngại pháp tánh, pháp tánh lẽ ra bị phá hoại, nếu pháp tánh ngăn ngại điều xấu, thì điều xấu lẽ ra không được sinh khởi, phải biết điều xấu tức là pháp tánh, điều xấu khởi tức pháp tánh khởi, điều xấu dứt tức pháp tánh dứt.

Kinh Vô Hành chép: Tham dục tức là đạo, nhuế si cũng như vậy, trong ba pháp như vậy đầy đủ tất cả các pháp, như người lìa tham dục mà lại cầu Bồ-đề, thí như trời và đất, tham dục tức Bồ-đề. Kinh Tịnh Danh chép: Thực hành phi đạo, thông đạt Phật đạo, tất cả chúng sinh tức là tướng Bồ-đề, không còn đắc nữa, tức là tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa, vì tăng thượng mạn nói lìa dâm nộ si gọi là giải thoát, không tăng thượng mạn nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát. Tất cả trần lao là hạt giống Như Lai, núi biển sắc vị không hai không khác, tức quán các việc ác, lý không thể suy nghĩ bàn luận. Thường tu quán tuệ, tương ưng với lý xấu, thí như hình bóng, đó gọi là quán hạnh vị, đối với tất cả pháp ác, sản nghiệp thế gian, đều không chống trái với thật tướng, gọi là tương tự vị. Tiến nhập lần lượt phá cội rễ xấu, gốc là vô minh, gốc nghiêng đổ thì cành lá gãy, hiển hiện Phật tánh, đó gọi là phần chứng chân thật vị, cho đến các Đức Phật diệt hết nguồn gốc xấu ác, gọi là cứu cánh vị. Ở trong tham xấu đầy đủ sáu tức, ngang đầy đủ các độ, tất cả pháp nêu bày như trên... Tiếp đến quán sân tệ xấu, nếu người nặng nề sân hận, chứa đầy trong lòng, nối nhau thường sinh khởi, muốn dứt không dứt được, muốn hàng phục cũng không hàng phục được, phải nhậm vận theo sự khởi chiếu để quán, quán bốn thứ tướng sân từ đâu sinh, hoặc không thấy kia

sinh cũng không thấy kia diệt, lần lượt mười hai việc sân từ đâu sinh, ai là người sân, sân là gì? Như vậy khi quán không được sân, dấu vết qua lại, tướng mạo vắng lặng. Quán sân mười pháp giới, quán sân bốn đức như trên nói... Đó gọi là đối với sân phi đạo mà thông đạt Phật đạo. Quán các thứ tệ: Phạm giới, biếng nhác, loạn tà, ngu si, v.v... và ngoài ra tất cả việc ác cũng giống như vậy.

Quán chẳng thiện chẳng ác, tức là pháp vô ký như mới mở mắt chào đời, do đó phải quán như đây. Có người căn tánh, tánh không làm lành, cũng không làm ác thì không tùy tự ý, nhân duyên xuất thế người này phải làm sao? Đại Luận chép: Trong vô ký có Bát-nhã ba-la-mật, tức được tu quán. Quán vô ký này cùng với thiện ác là khác hay đồng ư? Đồng thì chẳng phải vô ký, khác thì là ký diệt vô ký sinh, ký không diệt vô ký sinh, ký vừa diệt vừa bất diệt vô ký sinh, ký chẳng diệt, chẳng bất diệt vô ký sinh, ký vừa diệt vừa bất diệt vô ký sinh, ký chẳng diệt chẳng bất diệt vô ký sinh. Cầu ký không thể được, huống gì là vô ký, cùng với ký là đồng hay khác. Chẳng đồng cho nên không hợp, chẳng khác cho nên không tán, chẳng hợp cho nên không sinh, chẳng tán cho nên không diệt. Lại lần lượt trong mười hai việc từ chỗ nào sinh vô ký? Vì sao sinh vô ký? Cái gì là vô ký! Như đây khi quán đồng với tướng hư không. Lại một pháp vô ký sinh ra mười pháp giới và tất cả pháp. Lại nữa, vô ký tức pháp tánh, pháp tánh thường vắng lặng, tức là nghĩa chỉ, tịch mà thường chiếu tức là nghĩa quán. Đối với Vô ký phi đạo, mà thông đạt Phật đạo. Vô ký là pháp giới theo chiều ngang đạt được các pháp, dọc đạt được sáu vị, cao rộng đầy đủ, giống như trên nói. Lại nữa, chỉ y cứ vào điều lành tối hậu để nói về tùy tự ý, đây là thứ đệ ý. Nếu thiện ác đều nói tùy tự ý thì tức là đốn ý, nếu y cứ vào điều lành để nói về tùy tự ý, thì đây là bất định ý...

Lại nữa, bốn thứ Tam-muội phương pháp đều khác nhau, lý quán thì đồng, nhưng phương pháp tam hành phần nhiều phát sinh pháp môn trợ đạo. Lại động chướng đạo, tùy tự ý đã ít phương pháp, ít phát khởi việc đó, nếu chỉ giải phương pháp để phát sinh trợ đạo thì sự tướng không thể thông đạt, hoặc giải lý quán sự thì đều thông suốt. Lại không đắc lý quán ý, thì sự tướng trợ đạo cũng không thành, đắc lý quán ý thì sự tướng Tam-muội nhậm vận tự thành. Nếu sự tướng hành đạo nhập đạo tràng được dụng tâm, vượt ra thì không thể, tùy tự ý thì không gián đoạn. Phương pháp hạn cuộc có ba, lý quán không có bốn...

Hỏi: Ba thứ Tam-muội trên đều có khuyến tu, sao riêng ở đây lại không có? Đáp: Sáu tế phi đạo tức là giải thoát, độn căn chướng nặng

nghe rồi quên mất. Nếu càng khuyến tu thì càng mất tôn chỉ, cứ theo phía Bắc dòng sông có người thực hành Đại thừa không, không cấm bắt rắn, nay sẽ nói vị Tiên sư kia đối với pháp lành thực hành quán trải qua thời gian lâu mà không thấu suốt, tâm buông thả hướng về pháp ác thực hành quán, đạt được chút định tâm mỏng manh không giải, không hiểu căn duyên, không thấu đạt ý Phật, toàn đem pháp này một bề dạy người khác, dạy người khác đã lâu nhưng chỉ có một hai người được lợi ích, như sâu ăn lá tình cờ thành chữ, liền cho là chứng cho là việc thật, còn ngoài ra là nói dối, cười nhạo người giữ giới tu điều lành, cho là phi đạo, chỉ dạy người làm nhiều việc ác, mắt mù không phân biệt phải trái, thần căn lại chậm phiền não lại sâu dày, nghe lời người nói, thuận theo dục tình, đều tin phục nghe theo, phế bỏ giới cấm, đều tạo tội chất chứa như núi, khiến cho trăm họ tiêu diệt như cỏ, Quốc vương đại thần nhân đó phá diệt Phật pháp, khí độc thâm nhập đến nay vẫn chưa sửa đổi. Sử ký chép rằng: Cuối đời nhà Chu, có người trùm đầu tóc, hở thân không nương theo lễ độ, thường đem binh xâm lấn các nước không dứt, hay bị thua do đó mà tổn thất, nhà Chu dần dần diệt vong. Lại họ Nguyễn đến, chiếm đoạt tài sản, tịch thu đất đai của nhà Chu, về sau con cháu trong làng đều học theo lễ độ, bọn tôi tớ bị nhục mới hiểu được lẽ tự nhiên, theo lễ phép trở về với ruộng vườn nhà cửa. Đó gọi là họ Tư Mã, dùng văn tự ghi chép việc xưa, sự hủy diệt đó cũng do nghiệp ma cao ngạo của nhà Chu. Đây chính là yêu quái phá diệt Phật pháp, cũng là thời đại yêu quái, đâu có liên quan gì đến ý tùy tự ý. Vì sao? Vì như người ngu tâm không có trí tuệ hiểu biết nên tin Bổn sư mình nói, lại mến chuộng sự thấu hiểu trước quyết cho là đạo, lại thuận tình cho là dễ, buông thả tâm ý, chọn lựa sự vui thích mà không sửa đổi mê lầm. Thí như Tây Thi vốn bị tâm bệnh, thường ưa nhăn mặt, trăm nét đẹp đều chuyển lại càng đẹp thêm. Có người nữ ở gần đó vốn rất tệ xấu, mà bắt chước Tây Thi nhăn mặt thì lại càng đáng ghét, người nghèo đi từ xa đến, người giàu đóng cửa. Người từ dưới huyệt sâu bay lên cao mà đi qua, những người kia cũng giống như vậy. Người ngông cuồng tạo nghiệp nặng, đọa vào địa ngục thật đáng thương thay! Đã ưa thích dục lạc không thể tự ngừng dứt, cũng như con ruồi vì bãi nước nhổ mà bị dính vào, người buông thả việc tu hành đại khái cũng giống như việc ấy, vị Bổn sư kia có lỗi không thấu đạt căn tánh, không hiểu ý Phật, Phật dạy tham dục tức là đạo. Đức Phật thấy căn cơ nên biết một hạng chúng sinh thấp kém phước mỏng, quyết không thể ở trong đường lành tu đạo; hoặc mặc cho tội kia trôi mãi không dứt, khiến cho đối với việc tham dục tu tập Chỉ Quán, không

thể dừng được, cho nên đặt ra thuyết này. Thí như cha mẹ thấy con bị bệnh, không thích ứng với các thứ thuốc khác, phải là thuốc rồng vàng uống vào bệnh mới lành. Đức Phật cũng giống như vậy, nói pháp thích nghi với căn cơ chúng sinh, ngựa giỏi thấy bóng rọi thì liền chạy theo đường chính, tham dục tức là đạo, ý Phật như đây; nếu có chúng sinh không thích nghi với điều ác mà tu Chỉ Quán thì Phật dạy các điều lành gọi là Đạo. Phật có hai thuyết, nay ông tại sao quở trách thiện và ác, nếu như vậy thì ông hơn Phật, cùng ở trước Phật rõ ràng trái ngược, lại nữa thời tiết khó sinh khởi, việc vua buộc ràng không thể tu điều lành, khiến đối với điều ác mà tu tập Chỉ Quán. Nay ông không có nạn, không câu chấp, vì sao ý toàn dùng thuốc sữa để đầu độc tuệ mạng người khác? Trong kinh A-hàm chép: Người khéo biết việc chăn trâu khiến cho đàn trâu an ổn. Nếu ưa cứu giúp có nạn gấp mà không đạt được cho mình, nên theo giúp việc ác, giúp việc ác khó gấp trăm lần, không bằng một lần của việc lành. Nay ông không có việc may mắn đối với việc tốt cứu giúp điều lành như đuổi trâu, vì sao trong đường ác mình và người đều đắm chìm, phá hoại Phật pháp, làm tổn mất uy quang, lầm lẫn hệ lụy đến chúng sinh. Đại ác tri thức không hiểu ý Phật có lỗi lầm như vậy. Lại nữa, hai đường đều có năng thông, vì khó theo đường hiểm, thiện ác đều thông, quán xét căn cơ đi vào đường xấu, ông bỏ thiện chuyên ác, năng thông đạt phi đạo, sao không dẫm đạp trên nước lửa xuyên qua vách núi, đường hiểm thế gian còn không thể thông, huống gì hành ác, không hợp chánh đạo, đâu thể được ư? Lại không thể biết căn duyên ngay nơi một người, tức thời ưa thiện, tức thời ưa ác, sự ưa thích không nhất định, huống chi vô lượng người ư? Mà toàn dùng tham dục để giáo hóa người.

Kinh Tịnh Danh chép: Ta nghĩ hàng Thanh văn không quán căn cơ của người không nên nói pháp, hàng Nhị thừa không quán còn tự lầm chọn căn cơ, huống chi ông mù tâm loạn mắt không thấy ư? Tự mình trái với kinh, không thích ưng căn cơ nghĩa lý, vì sao lại mê hoặc ngu độn đến nỗi như vậy? Nếu thấy có người không biết cơ nghi, thực hành thuyết này thì đó là thây chết trong biển giới, phải y luật để tẫn trị, không để cho cây độc lớn lên nương gá. Lại nữa, xem xét hành động việc ác kia tức là thiên về tà, ông cho rằng tham dục tức là đạo rồi lăng nhục tất cả người nữ, mà không biết sân nhuế tức là đạo hại, tất cả người nam chỉ ưa thích xúc chạm trơn láng là đạo, sợ sự xúc chạm đánh tát thô rít thì không có đạo. Hành một không hành một, một có đạo, một không có đạo, si ám như bôi sơn cho dơ bẩn tổn hại, thí như thây

chết làm hôi vườn hoa thơm v.v... khó mà thực hành khắp như trước; trước đem nước lửa, dao gậy đến trước người kia, người kia liền im lặng. Hoặc đáp rằng: Ông không thấy ta thường vào, đây là trái với tâm, lời nói không hổ thẹn, cũng không chứng đắc ý sáu tức, do đó phải thuyết như thế.

Ba hành pháp trên khuyên bảo sách tấn việc khó, cần phải khuyến tu, tùy tự ý hòa nhập vào việc ác, một phen đến thì dễ, cần phải răn cấm, như uống thang thuốc đại hoàng, được đầy đủ bổ khoẻ, v.v...

Hỏi: Trung đạo Chỉ Quán dùng một tâm ấy để hành dụng là đủ, đâu cần rắc rối bốn thứ Tam-muội, trải qua các việc thiện ác trải qua mười hai việc, nước đục thì ngọc mờ tối gió nhiều sóng vỗ, đâu có ích gì đối với sự lắng tĩnh ư? Đáp: Thí như người nghèo được chút ít tiện nghi cho là đủ, không còn ham muốn gì. Như một thứ quán tâm, nếu tâm có nhiều thứ thì sẽ không biết làm sao! Đây là tự hành là lỗi, nếu dùng để dạy người thì người đó căn tánh sai khác nhau, một người phiền não đã tự vô lượng, huống chi nhiều người. Thí như thầy thuốc gom tất cả các thứ thuốc để trị tất cả bệnh, một loại người bệnh thì cần một thứ thuốc để trị một thứ bệnh nhưng quái lạ thay nhiều thầy thì nhiều thuốc. Câu hỏi của ông cũng giống như vậy. Phiền não tâm bệnh vô lượng vô biên, như một người thì nhiều người cũng như vậy. Vì sao một người? Như người muốn nghe bốn thứ Tam-muội, nghe rồi vui mừng nói lại cho mọi người nghe, gọi là thế giới Tất đàn. Do nghe bốn thứ lần lượt tu hành, sinh ra pháp lành, tức nói đủ bốn, gọi là các các vị nhân. Hoặc nên thường ngồi để đối trị các việc ác, cho đến trong tùy tự ý đối trị các việc ác, đó gọi là đối trị Tất đàn. Người ấy phải đầy đủ bốn pháp, hoát nhiên chứng ngộ, gọi là Đệ nhất nghĩa Tất đàn. Chỉ vì một người còn phải nói bốn pháp, vì sao không dùng ư? Nếu vì nhiều người, một người ưa thường ngồi, ba người chẳng muốn, một người muốn thường đi, ba người chẳng muốn, muốn khắp đến mọi người, tức thế giới Tất-đàn, ba thứ Tất-đàn còn lại giống như vậy, lại y cứ một thứ Tam-muội, cũng đầy đủ ý của bốn Tất-đàn. Nếu ưa đi thì đi, ưa ngồi thì ngồi, khi đi nếu gốc lành khai phát nhập các pháp môn, khi ấy nên đi; nếu khi ngồi tâm địa mát mẻ, vui vẻ sung sướng thì khi ấy nên ngồi. Nếu khi ngồi mà hôn trầm thì nên đi cho phấn chấn, khi đi tán loạn làm động mệt nhọc khổ sở thì nên ngồi. Nếu khi đi mà tinh thần vắng lặng yên tịnh thì nên đi, nếu khi ngồi mà vắng lặng sáng suốt lợi lạc thì nên ngồi, ba thứ còn lại cũng giống như vậy... Hỏi: Khéo nâng đỡ lý có thể tu Chỉ Quán, ác trái ý làm sao tu Chỉ Quán? Đáp: Đại luận nói căn ngăn che có bốn: 1. Căn

lợi không ngăn. 2. Căn lợi có ngăn. 3. Căn độn không ngăn. 4. Căn độn có ngăn. Câu đầu thuộc thượng phẩm, khi Phật còn tại thế ngài Thân Tử v.v... là hạng người ấy vậy. Người tu hành đối với pháp lành tu Chỉ Quán, vì khuyến tu pháp lành đời vị lai không ngăn, thường tu tập Chỉ Quán khiến hạng lợi căn kia, hoặc quá khứ đầy đủ hai nghĩa này. Đời nay tu ít thì được tương ưng, từ quán hạnh vị nhập vào tương tự chân thật. Đời này không được nhập, đời trước không có hai nghĩa, nay y cứ vào sự tu điều lành khiến đời vị lai mau nhập, câu kế là đắc đạo, lợi căn mà tội chứa nhóm chướng sâu nặng, Xà Vương, Ương-quật thời Phật còn tại thế, rõ ràng là hạng người ấy. Tội nghịch ngăn trọng, phải vào địa ngục, gặp Phật nghe Pháp Hoát nhiên thành Thánh, do lợi căn cho nên ngăn che không bị chướng. Thời nay người tu hành đối với pháp ác tu Chỉ Quán, tức là ý này. Do khởi niệm ác cho nên đời vị lai có sự ngăn che, nhờ tu Chỉ Quán nên đời sau được lợi căn, nếu gặp được Thiện tri thức thì mau nhập chánh đạo, vì sao nói pháp ác trái lý, không chịu tu Chỉ Quán ư? Kế nữa độn căn không bị ngăn che, Châu-lợi-bàn-đặc khi Đức Phật còn tại thế là chỉ cho hạng người ấy. Tuy ba nghiệp không lỗi nhưng căn tánh quá chậm lụt, chín mươi ngày tụng kệ của Cưu-ma-la, người trí thân, miệng, ý không gây ra các nghiệp ác, thường buộc niệm hiện tiền không ham đắm các thú vui, cũng không chịu khổ hạnh vô ích của thế gian. Thời nay tuy giữ giới hành thiện nhưng không học Chỉ Quán thì đời vị lai tuy không bị ngăn che nhưng rất khó ngộ đạo .

Câu cuối: Tức chỉ tất cả người làm ác, lại không tu Chỉ Quán. Không tu Chỉ Quán nên không đắc đạo, người độn căn cho dù vì họ mà nói ngàn lần họ cũng ngớ ngẩn chẳng hiểu gì cả, phần nhiều gây ra tội ác, ngăn chướng nhiều mối, như người bị ghẻ lở dùng kim châm chích tận xương tủy mà vẫn không hay biết, chỉ dùng các việc ác mà tự trói buộc bên trong, do nghĩa này điều lành tuy trợ giúp lý đạo, nhưng do Chỉ Quán, điều ác tuy trái lý nhưng lợi căn phá sự ngăn che, chỉ có đạo là tôn quý, đâu thể cho rằng ác mà bỏ Chỉ Quán. Đại Kinh chép: Đối với giới mà hoãn thì không gọi là hoãn, nương vào hoãn mới gọi là hoãn. Lẽ ra nên nói đầy đủ rõ ràng thong thả gấp gáp bốn câu, hợp với thượng căn ngăn nghĩa, v.v...

Lại kinh chép: Thà làm Đề-bà-đạt-đa chứ không làm Phật Uất-đầu-lam-phất tức là nghĩa ấy. Nên siêng năng lắng nghe suy nghĩ tu tập, lúc đầu không dừng nghĩ, như người Bà-la-môn say cạo tóc, gái điếm đắp ca-sa...

Thứ ba là nói về đại quả báo thanh tịnh của Bồ-tát: Nói Chỉ Quán

này, nếu tu hành trái với Trung đạo thì có quả báo hai bên, nếu tu hành thuận lý Trung đạo thì có quả báo cao quý nhiệm mầu, cho dù chưa thể vượt ngoài phần đoạn sinh tử nhưng có thể đạt được hoa báo cũng khác với bảy thứ phương tiện, huống chi quả báo chân thật ư? Bảy lớp thành thơm cầu bến như họa vẽ tức là tướng ấy. Nghĩa này ở trong lớp thứ tám, sau sẽ phân biệt rộng.

Hỏi: Theo thứ lớp thiền môn nêu rõ sự tu chứng và quả báo này tại sao có đồng có khác? Đáp: Tu gọi là tập hành, chứng gọi là phát đắc, lại tu gọi là tập nhân, chứng gọi là tập quả, đều tức sinh có thể đạt được. Nay nói về quả báo cách đời sau, do đó gọi là khác, hàng Nhị thừa chỉ có tập quả không có báo quả, hàng Đại thừa có đủ cả... Thứ tư là nêu chung đại cương các kinh luận. Nói là Chỉ Quán: Như người khéo dụng Chỉ Quán quán tâm, thì bên trong trí tuệ sáng suốt, thông đạt các giáo tiệm đốn, như chỉ một hạt bụi lấy ra quyển kinh Đại thiên, hiểu rõ hằng sa các Đức Phật trong nhất tâm, hoặc muốn bên ngoài lợi ích chúng sinh, phù hợp căn cơ để nói giáo, tùy theo người có khả năng lãnh nạp xứng với kia mà nói, cho đến khi thành Phật giáo hóa chúng sinh. Hoặc làm Pháp vương nói pháp đốn tiện, hoặc làm Bồ-tát, hoặc làm Thanh văn, trời, người, ma, quỷ, mười pháp giới hình tượng đối dương phát khởi, hoặc bị Phật hỏi mà đáp rộng nghĩa tiệm đốn; hoặc y cứ căn cơ hỏi Phật, Phật đáp chuyển pháp luân đốn tiệm, nghĩa đây đến lớp thứ chín sẽ nói rộng, trong nhiếp pháp cũng lược chỉ bày.

Thứ năm quy về chỗ rộng lớn, các pháp rốt ráo không. Nói là Chỉ Quán này, xét rằng keo dễ dính tay, mộng mị khó tỉnh, đối văn ngang ý tự cho là đúng, cạnh tranh chấp ngói cho là ngọc lưu ly, việc gần nói rõ mà còn không biết, huống chi mật giáo lý xa đâu thể không lầm, vì ý này cho nên phải luận về chỉ quy. Chỉ quy là tôn chỉ, ý nghĩa của văn, như các dòng nước chảy hướng ra biển, hơi lửa bốc cháy hướng lên hư không, hiểu được mật ý sâu xa thì không gì chướng ngại. Thí như vị đại thần có trí hiểu được mật ý của vua, nghe nói gì đều hiểu biết, đến địa vị Nhất thiết trí, hiểu được ý này tức là hiểu được chỉ quy. Chỉ là tự hướng đến ba đức, quy là dẫn dắt người khác đồng nhập vào ba đức, cho nên gọi là chỉ quy. Lại nữa, tự nhập ba đức gọi là quy, khuyên bảo người khác nhập ba đức gọi là chỉ cho nên gọi chỉ quy. Nay lại nói chung, nói riêng về chỉ quy, các Đức Phật vì một việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, thị hiện các hình tượng, đều muốn chúng sinh đồng thấy Pháp thân, thấy Pháp thân rồi, Phật và chúng sinh đồng trở về Pháp thân. Lại, Phật nói các pháp đều giúp cho chúng sinh rốt ráo được Nhất thiết

chủng trí của Như Lai, chủng trí đầy đủ rồi, Phật và chúng sinh đồng trở về Bát-nhã. Lại nữa, Phật hiện các thứ phương tiện thần thông biến hóa giải thoát các sự trói buộc, không muốn chỉ riêng một người được diệt độ, đã diệt độ rồi Phật và chúng sinh đồng trở về giải thoát.

Đại Kinh chép: Đặt các con trong kho bí mật, không bao lâu nữa ta cũng an trụ trong đó, đây gọi là tướng chung về chỉ quy. Tướng riêng: Thân có ba thứ. 1. Sắc thân. 2. Pháp môn thân. 3. Thật tướng thân. Nếu dứt hóa mà nói về quy thì Sắc thân quy giải thoát, thân Pháp môn quy Bát-nhã, thân Thật tướng quy Pháp thân. Bát-nhã thuyết có ba thứ: 1. Thuyết đạo chủng trí; 2. Thuyết Nhất thiết trí; 3. Thuyết Nhất thiết chủng trí. Nếu dứt hóa mà nói về quy thì trí Đạo chủng quy giải thoát, nhất thiết trí quy Bát-nhã, nhất thiết chủng trí quy về Pháp thân. Giải thoát có ba thứ: 1. Giải phược vô tri; 2. Giải phược thủ tướng; 3. Giải phược vô minh. Nếu dứt hóa mà quy chân thì giải mở phược vô tri quy về giải thoát, giải mở phược thủ tướng quy về Bát-nhã, giải mở phược vô minh quy về Pháp thân. Do nghĩa này nên tướng riêng chỉ quy cũng quy về ba đức trong bí mật tạng. Lại nữa, ba đức chẳng phải ba, chẳng phải một, không thể suy nghĩ bàn luận. Vì sao? Vì nếu nói Pháp thân chẳng Pháp thân là chẳng phải Pháp thân, nên biết Pháp thân vừa là thân vừa là chẳng thân, chẳng phải thân, chẳng phải chẳng phải thân. Trụ trong Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện các thứ, làm ra các sắc tượng, cho nên gọi là Thân. Những điều đã làm đều quy về giải thoát. Trí tuệ chiếu soi các sắc, phi sắc, cho nên gọi là phi thân. Những điều đã làm đều quy về Bát-nhã, thân thật tướng chẳng phải thân sắc tượng, chẳng phải thân pháp môn, vì vậy cho nên chẳng phải thân chẳng phải chẳng phải thân. Những điều đã làm đều quy về Pháp thân, hiểu rõ ba thân không có tướng một khác, đó gọi là quy. Nói ba thân này không phải tướng một, đó gọi là chỉ, đều nhập bí tạng, cho nên gọi chỉ quy. Nếu nói Bát-nhã thẳng Bát-nhã là chẳng phải Bát-nhã. Nên biết Bát-nhã vừa biết vừa chẳng biết, chẳng phải biết chẳng phải chẳng biết. Đạo chủng trí Bát-nhã biết khắp thế tục nên gọi là biết. Những điều đã làm đều quy về giải thoát, nhất thiết chủng trí Bát-nhã biết khắp chân đế nên gọi là chẳng biết. Những việc đã làm đều quy về Bát-nhã, nhất thiết chủng trí Bát-nhã biết khắp trong đó, cho nên gọi là chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết. Những điều đã làm đều quy về Pháp thân, thấu đạt ba Bát-nhã không có tướng một khác, đó gọi là Quy. Nói ba Bát-nhã không có tướng một khác đó gọi là Chỉ, đều nhập vào bí tạng cho nên gọi là chỉ quy. Nếu nói giải thoát thẳng giải thoát là chẳng phải giải thoát. Nên

biết giải thoát vừa giải thoát vừa chẳng giải thoát, chẳng phải giải thoát, chẳng phải chẳng giải thoát, phương tiện tịnh giải thoát điều phục chúng sinh không bị ô nhiễm nên gọi là Thoát. Những điều đã làm đều quy về giải thoát. Viên tịnh giải thoát không thấy chúng sinh và tướng giải thoát, cho nên gọi là chẳng phải giải thoát. Những việc đã làm đều quy về Bát-nhã, tánh tịnh giải thoát thì chẳng giải thoát, chẳng phải chẳng thoát, những điều đã làm đều quy về Pháp thân, hoặc thấu đạt hoặc giảng nói, ba thứ giải thoát này chẳng phải tướng một khác, đều nhập bí tạng cho nên gọi là chỉ quy.

Lại nữa, ba đức chẳng mới chẳng cũ mà mới mà cũ. Vì sao? Vì ba chướng làm chướng ngại ba đức, vô minh chướng ngại Pháp thân, thủ tướng chướng ngại Bát-nhã, vô tri chướng ngại giải thoát. Vì ba chướng trước có tên gọi, nên ba đức phá ba chướng. Nay mới bắt đầu được hiển hiện cho nên gọi là mới, ba chướng tức ba đức, ba đức tức ba chướng, ba chướng tức ba đức, ba chướng chẳng phải cũ, ba đức tức ba chướng, ba đức chẳng phải mới. Chẳng mới mà mới thì có phát tâm chứng đắc ba đức, cho đến rốt ráo đắc ba đức. Chẳng cũ mà cũ thì có phát tâm đối trị ba chướng, cho đến rốt ráo đối trị ba chướng. Mới chẳng mới, cũ chẳng cũ thì có ly tánh ba đức, nếu đạt chung ba đức chẳng mới chẳng cũ mà mới mà cũ, không có tướng một khác, vì người khác cũng như vậy, tức là chỉ quy về bí mật tạng. Lại nói ấy: Vô minh trước có tên gọi, Pháp thân là minh phá tan vô minh gọi là mới, vô minh tức minh, minh tức vô minh, vô minh tức minh, vô minh chẳng phải cũ, minh tức vô minh, minh thì chẳng phải mới. Vì thủ tướng trước có tên gọi là cũ, nên vô tướng phá tướng, vô tướng gọi là mới, tướng tức vô tướng, vô tướng tức tướng, đâu có gì mới, đâu có gì cũ. Nếu thấu đạt chung riêng mới cũ không có tướng một khác, nếu nói cho người khác nghe cũng giống như vậy, đó gọi là chỉ quy nhập bí mật tạng. Dọc ngang khai hợp đầu cuối v.v... cũng đều như vậy. lại nữa, chỉ quy cũng giống như vậy. Nghĩa là chỉ, chẳng phải chỉ, chẳng phải chỉ chẳng phải chẳng chỉ; quy, chẳng phải quy, chẳng phải quy chẳng phải chẳng quy, mỗi mỗi đều nhập vào bí mật tạng, lệ như trên có thể biết, chỉ là tự mình thực hành, chẳng phải chỉ là giáo hóa người khác, chẳng chỉ chẳng phải chẳng chỉ là không có tự tha, chỉ quy ba đức vắng lặng như thế có danh tự nào để nói bày, không biết dùng tên gì, gượng gọi Trung đạo thật tướng Pháp thân chẳng phải Chỉ chẳng phải Quán v.v... cũng lại gượng gọi Nhất thiết chủng trí bình đẳng đại bi Bát-nhã ba-la-mật quán v.v... cũng lại gượng gọi Thủ-lăng-nghiêm định Đại Bát-niết-bàn bất khả tư nghị giải thoát chỉ v.v... Phải

biết các thứ tướng, các thứ thuyết, các thứ thần lực, mỗi mỗi đều nhập vào Bí mật tạng. Thế nào là chỉ quy, chỉ quy về chỗ nào! Ai là người chỉ quy? Đường ngôn ngữ bặt, chỗ tâm hành diệt, vắng lặng hoàn toàn như hư không, đó gọi là chỉ quy, đến lớp thứ mười sẽ nói rộng.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 3
(Phần Đầu)

Thứ hai: Giải thích tên gọi Chỉ quán: Đại khái đã nói như trên, lại dùng nghĩa gì lập tên chỉ quán? lược có bốn phần:

1. Tương đãi.
2. Tuyệt đãi.
3. Hội dị.
4. Thông ba đức.

1. Tương đãi: Chỉ quán đều có ba nghĩa: Nghĩa dứt, nghĩa dừng, nghĩa đối bất chỉ chỉ.

Nghĩa dứt là các giác quán vọng niệm tư tưởng vắng lặng dừng nghỉ. Kinh tịnh danh ghi chép: Thế nào là phan duyên? Nghĩa là duyên ba cõi. Thế nào gọi là dứt phan duyên? Nghĩa là tâm không sở đắc, đây là y cứ vào nơi phá mà đặt tên, là nghĩa chỉ tức.

Nghĩa dừng: Là duyên tâm đế lý, buộc niệm hiện tiền, dừng trụ bất động.

Kinh Nhân Vương chép: Nhập lý Bát-nhã gọi là Trú.

Đại Phẩm chép: Dùng pháp bất trú trú trong Bát-nhã Ba-la-mật. Đây là y cứ vào năng chỉ mà đặt tên, tức là nghỉa đình chỉ.

Đối với bất chỉ để nói rõ chỉ: Nói tuy thông ý trên thì hẳn. Vì sao? Vì hai chữ chỉ trên đối lại với sự trôi lăn của sinh tử. Theo luận Niết-bàn thì chỉ tức, tâm hành ngoài lý, theo luận Niết-bàn thì đình chỉ. Đây đây là y cứ vào trí đoạn mà nói chung: về tướng đãi. Nay riêng y vào đế lý nói về tướng đãi, vô minh tức pháp tánh, pháp tánh tức vô minh, vô minh cũng chẳng chỉ, chẳng bất chỉ mà gọi vô minh là bất chỉ, pháp tánh cũng chẳng chỉ, chẳng bất chỉ mà gọi pháp tánh là chỉ. Ở đây đợi sự bất chỉ của vô minh gọi là pháp tánh là chỉ, như kinh nói pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, mà nói pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, mà nói pháp tánh vắng lặng, pháp tánh chẳng nhơ chẳng sạch, mà nói pháp tánh thanh tịnh, đó gọi là đối bất chỉ mà nói về chỉ.

Quán cũng có ba nghĩa: Nghĩa quán xuyếtn, nghĩa quán đạt, và nghĩa bất đối bất quán xuyến.

Nghĩa quán xuyến: Dùng trí tuệ sắc bén để dứt bỏ phiền não.

Đại Kinh chép: Sắc bén dẻo dai như vạc chảo, mặt đất vững chắc như bàn đá sạn sỏi, thẳng đến kim cương. Kinh Pháp Hoa chép: Đào đến cao nguyên vẫn còn thấy đất khô ráo, gia công đào không ngừng thì dần dần đến bùn, đây là y cứ vào sở phá mà đặt tên quán xuyên quán.

Nghĩa quán đạt: Quán trí thông đạt khế hợp với chân như.

Kinh Thụy ứng chép: Dứt tâm, đạt được nguồn cội nên hiệu là sa-môn.

Đại Luận chép: Tâm thanh tịnh thường nhất, thì thấy được Bát-nhã. Đây là y cứ năng quán mà đặt tên, nên lập nghĩa quán đạt quán.

Nghĩa đối bất quán quán: Lời nói tuy thông ý trên nhưng khác hẳn. Hai quán trên cũng chung cho đối với sinh tử di mật mà nói về quán xuyến, đối mê hoặc tối tăm mà nói về quán đạt. Đây y cứ chung vào trí đoạn tương đãi mà nói về quán. Nay riêng căn cứ đế lý. Vô minh tức pháp tánh, pháp tánh tức vô minh, vô minh chẳng phải quán chẳng phải bất quán mà gọi vô minh là bất quán, pháp tánh cũng chẳng phải quán, chẳng phải bất quán mà gọi pháp tánh là quán.

Như kinh chép: Pháp tánh chẳng sáng chẳng tối mà gọi pháp tánh là minh, Đệ nhất nghĩa không chẳng trí chẳng ngu mà gọi Đệ nhất nghĩa không là trí, đó là đối bất quán mà nói về quán. Cho nên, chỉ quán mỗi thứ từ ba nghĩa mà đặt tên.

2. Tuyệt đãi nói về chỉ quán:

Tức phá ba thứ chỉ quán tương đãi ở trước. Trước phá theo chiều ngang, kế phá dọc. Nếu chỉ tức (thì) chỉ từ sở phá đặt tên, chiếu cảnh làm chánh, dứt hoặc làm bên. Đã từ sở lìa đặt tên thì tên từ một bên mà đặt tức rơi vào tánh khác. Nếu dừng chỉ thì chỉ từ năng phá đặt tên, chiếu cảnh làm chánh, dứt hoặc làm bên. Đã nói năng chiếu thì tên từ trí sinh, tức rơi vào tự tánh. Nếu chẳng phải vọng tưởng dứt cho nên chỉ, chẳng phải trú lý cho nên chỉ, trí đoạn nhân duyên cho nên chỉ, tên từ hiệp sinh thì rơi vào cộng tánh. Nếu chẳng phải sở phá, chẳng phải năng phá mà nói chỉ thì đây rơi vào vô nhân tánh, cho nên ngài Long Thọ nói: Các pháp không tự mình sinh, cũng không từ vậy khác sinh, bất cộng bất vô nhân cho nên nói vô sinh. Vô sinh chỉ quán đâu phải từ bốn câu mà đặt tên, bốn câu đặt tên là do nhân đối đãi sinh, đáng nghĩ đáng nói, đó là do kết hoặc mà sinh, đáng phá đáng hoại, sinh ra khởi diệt trôi chảy, vì sao nói đình chỉ! Sinh ra mê hoặc điên đảo, vì sao nói

quán đạt ư! Lại phát theo chiều dọc, nếu từ bốn câu sinh, tức sinh sinh phi chỉ quán: Nếu tăng chỉ dứt kiến tư dừng trú nơi chân đế, đây chính là chỉ quán đối đãi sinh sinh nói sinh bất sinh. Hoặc dùng tâm không nhập vào giả ngừng dứt trần sa, dừng trụ tục lý, đây là chỉ quán đối đãi sinh bất sinh nói bất sinh sinh. Hoặc ngừng dứt vô minh, dừng ở lý trong tâm, đây là đối đãi sinh tử Niết-bàn hai bên không dừng mà nói về chỉ quán đều là đối đãi có thể duy nghĩ bàn luận, sinh kết hoặc có thể phá hoại, còn chưa gọi là chỉ, huống gì là bất chỉ, còn tự chẳng phỉ quán, huống gì bất quán.vì sao? Vì chấp còn sót lại không hết, vì đường ngôn ngữ chưa bặt, vì nghiệp quả chưa dứt. Nay nói tuyệt đãi chỉ quán: Là bặt dứt các sự đối đãi ngang dọc, bặt các sự nghĩ nghì, bặt dứt các phiền não, các nghiệp, các quả, bặt dứt các giáo quán chứng... thảy đều không sinh, cho nên gọi là chỉ. Chỉ cũng không thật có, quán sự mờ tối như cảnh, cảnh đã vắng lặng thanh tịnh, còn không thanh tịnh, đâu lại có quán! chí quán còn không, đâu được đối đãi không chỉ quán nói đối với chỉ quán, đối với chỉ quán nói không chỉ quán. đãi chỉ, bất chỉ nói là chẳng phải chỉ, chẳng phải bất chỉ, cho nên biết chỉ, bất chỉ đều không thật có, chẳng phải chỉ chẳng phải bất chỉ cũng không thật có. Đối đãi đã bặt dứt thì chẳng chẳng phải hữu vi, không thể dùng tự ái suy tư được, cho nên chẳng có con đường ngôn thuyết, chẳng có cảnh tâm thức, đã không có danh tướng kết hoặc bất sinh thì vô sinh tử, không thể phá hoại, diệt tuyệt tuyệt diệt cho nên gọi là tuyệt đãi chỉ, tư tưởng diên đảo dứt cho nên gọi là tuyệt đãi quán, cũng là tuyệt hữu vi chỉ quán, cho đến tuyệt đãi quán, cũng là tuyệt hữu vi chỉ quán cho đến tuyệt sinh tử chỉ quán... tuyệt đãi chỉ quán thì không thể nói. Nếu có nhân duyên bốn tất-đàn cho nên cũng có thể đắc. Hoặc có thế giới nhân duyên thì sẽ khác mà nói, hoặc có nhân duyên vì người thì chung cho ba đức mà nói, hoặc có nhân duyên đối trị thì đối đãi lẫn nhau mà nói hoặc có nhân duyên Đệ nhất nghĩa thì bặt đối đãi mà nói, gọi là Chỉ quán. Tên gọi này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa, cũng không thường tự có, chữ này không trụ cũng chẳng không trụ, chữ này không ở trong bốn câu ngang, bốn câu dọc, cho nên nói chữ này không trụ; cũng không ở trong không ngang không dọc, cho nên nói cũng chẳng phải không trụ, vì chữ này không thật có cho nên gọi là tuyệt đãi chỉ quán, cũng gọi bất tư nghì chỉ quán, cũng gọi là vô sinh chỉ quán, cũng gọi là nhất đại sự chỉ quán. cho nên, như thế đại sự không đối với tiểu sự, thí như hư không do tiểu hư không mà gọi là đại, chỉ quán cũng vậy. Không do sự ngu loạn mà gọi là chỉ quán, không thể đối đãi riêng một pháp giới, cho nên

gọi tuyệt đãi chỉ quán. người đời y cứ vào các thứ ngôn ngữ để giải thích nghĩa duyệt đãi, cuối cùng không tuyệt được. Vì sao? Vì chúng phàm tình sinh thường chạy theo vọng tưởng suy tìm các thứ, phân biệt ngộ và chưa ngộ, tâm và không tâ, phàm Thánh khác nhau. Tuyệt thì đối đãi với bất tuyệt, bất tư nghì đối đãi với tư nghì, xoay vần đối đãi lẫn nhau, không hề có chỗ nương tựa. Nếu được ý quên lời, tâm hành cũng dứt, tùy trí mà ngộ sự mầu nhiệm không còn phân biệt, cũng không nói ngộ, không ngộ, Thánh, không Thánh, tâm, không tâm, nghĩ nghì, không nghĩ nghì... các thứ vọng tưởng duyên lý phân biệt đều gọi là đãi. Trí tuệ chân thật khai thác bặt dứt các thứ đối đãi này, tuyệt rồi lại tuyệt, như lửa gỗ ở trước gọi là tuyệt đãi. Cho nên, kinh Tịnh Danh chép: Các pháp không đối đãi lẫn nhau, cho đến một niệm không trụ tức là ý này. Nếu vậy, tuyệt đãi chính là cảnh Thánh, sơ tâm không phân, ở đây dùng sáu tức vọng tìm, sơ tâm không mất, cảnh Thánh không xen lạm.

3. Hội dị:

Tuyệt đãi chỉ quán cũng gọi là bất khả tư nghì, cũng gọi là đại.

Đại Kinh chép: Đại gọi là bất khả tư nghì. Các kinh luận khác hoặc gọi viễn ly, hoặc gọi bất trú bất trước vô vi tịch diệt, không phân biệt thiền định trừ bỏ... như vậy tất cả đều là tên khác của chỉ. Chỉ đã bặt dứt đại bất khả tư nghị, viễn ly... đều bặt dứt đại bất khả tư nghì, chỗ khác hoặc gọi là tri kiến hiểu biết sáng suốt trí tuệ chiếu soi thấu suốt tất cả... đều là tên khác của quán. Quán đã bặt dứt đại bất khả tư nghì, tri kiến... đều bặt dứt đại bất khả tư nghì. Vì sao? Vì Bát-nhã là tên một pháp do Đức Phật nói có nhiều tên, giải thoát cũng như vậy, có nhiều tên gọi, cũng như hư không chẳng thật có, bất động, không ngăn ngại. Nên biết ba đức chỉ là một pháp, tùy chúng sinh phân biệt mà đặt tên khác. Nếu nghe dứt bặt đối đãi thì cẩn thận chớ lo sợ, hoặc nghe hội dị cẩn thận chở nghi ngờ mà làm tổn thương chính mình. lại chỉ quán tự tương hội. Chỉ cũng gọi quán, cũng gọi bất chỉ, quán cũng gọi chỉ, cũng gọi bất quán, tức trước đã giải thích tên gọi ý đồng.

4. Chung cho ba đức:

Nếu các kinh khác tên đều là chỉ quán, tên thì vô lượng, nghĩa cũng vô lượng, vì sao chỉ dùng ba nghĩa giải thích chỉ quán ư! Vì đối với ba đức mà làm ra giải thích này. Các pháp vô lượng vì sao chỉ đối với ba đức?

Đại Luận chép: Bồ-tát từ khi mới phát tâm thường quán Niết-bàn hành đạo.

Đại Kinh chép: Phật và chúng sinh thảy đều được an trí trong bí

mật tạng, bí mật tức Niết-bàn, Niết-bàn tức ba đức, ba đức tức chỉ quán, mình và người từ đầu đến cuối đều được tu hành thể nhập, cho nên đối dụng. Hoặc dụng hai chữ mà cùng chung cho ba đức, chỉ tức là đoạn, đoạn chung cho giải thoát, quán tức là trí, trí chung cho Bát-nhã chỉ quán... ấy gọi là xả tướng, xả tướng tức là chung với pháp thân. Lại, chỉ tức là Xa-ma-tha, quán tức là Tỳ-bà-xá-ba, tha-na... tức là Ưu-tất-xoa, chung cho ba đức như trước.

Hỏi: Chỉ quán là hai pháp đâu dược chung cho ba đức bất khả tư nghì ư?

Đáp: Vì lại dùng bất khả tư nghì chỉ quán cho nên được chung. Lại nữa, đại phẩm nói mười tám không giải thích Bát-nhã, một trăm lẻ tám Tam-muội giải thích thiền. Tuy trước sau hai lần giải thích, đâu phải chỉ có thiền không có Bát-nhã, hay Bát-nhã không có thiền, đặc biệt không hai mà hai, hai mà không hai, không hai tức pháp thân, hai tức định tuệ, ba pháp này không thể lìa nhau, vì vậy cho nên Đại Kinh chép: Phật tánh có năm tên, hoặc gọi là Thủ-lăng-nghiêm, hoặc gọi Bát-nhã. Nay chẳng phải chỉ, chẳng phải quán, hoặc gọi Bát-nhã. Nay chẳng phải chỉ, hoặc gọi là chỉ, hoặc gọi là quán, tức là bất tư nghì chỉ quán, chung cho ba đức bất tư nghì. Lại nữa, chỉ quán mỗi thứ chung cho ba đức ấy, là trong chỉ có quán, trong quán có chỉ, như chủ dứt chỉ là chỉ thiện, thuộc về định môn, tức thông với giải thoát. Đình chỉ chỉ là hành thiện, thuộc về quán môn, tức thông với Bát-nhã. Chẳng phải chỉ chỉ thuộc về lý tức thông với pháp thân, nghĩa kia có thể thấy. Xuyên quán quán là chỉ thiện, thuộc về định môn, tức thông với giải thoát. Quán đạt quán là hành thiện, thuộc về quán môn, tức thông với Bát-nhã. Chẳng phải quán quán, thuộc về lý, tức thông với pháp thân ý cũng có thể thấy. Lại nữa, chỉ quán đều thông với ba đức, là chỉ dứt chỉ, quán xuyên quán, đều từ chỗ lìa mà được tên, tức thông với giải thoát. Đình chỉ chỉ, quán đạt quán đều từ trí năng duyên mà được tên, tức thông với Bát-nhã, chẳng phải chỉ chỉ, chẳng phải quán quán đều gọi là pháp tánh, tức thông với pháp thân... lại nữa, ba đức thông với chỉ quán, lại dùng ba đức đều thông với hai chữ, lại ứng ba đức mỗi đức thông với hai chữ, ba đức đều thông: Giải thoát thông với chỉ, Bát-nhã thông với quán, pháp thân thông với phi chỉ phi quán. Ba đức mỗi đức thông với chỉ quán. Giải thoát là đầy đủ giải thoát, đủ có ba thứ phương tiện giải thoát, thông với chỉ dứtchỉ, viên tịnh giải thoát thông với đình chỉ chỉ, tánh tịnh giải thoát thông với phi chỉ chỉ. Bát-nhã là đầy đủ Bát-nhã, đủ có ba thứ: Đại tuệ Bát-nhã, thông với quán xuyên quán, đạo chủng tuệ

Bát-nhã thông với quán đạt quán, nhất thiết chủng tuệ Bát-nhã thông với phi quán quán. pháp thân đầy đủ cũng có ba thứ: Sắc thân, thông với nhất chỉ nhất quán, pháp môn thân, thông với nhất chỉ nhất quán, và thật tướng thân, thông với nhất chỉ nhất quan, nghĩa kia có thể thấy. Nếu tin ba đức bặt dứt đại bất khả tư nghì, thông với nghĩa đã nói, phải tin chỉ quán, dứt bặt đại bất khả tư nghị. Hoặc tin ba pháp Niết-bàn đầy đủ gọi là bí mật tang, cũng tin tam chỉ đầy đủ gọi là đại tịch định, gọi là bí mật tạng, cũng tin quán đầy đủ gọi là đại trí tuệ, gọi là bí mật tạng, cũng tin phi chỉ phi quán ba pháp đầy đủ gọi là bí mật tạng. Hoặc tin ba đức không dọc không ngang không chung không riêng như ba điểm ba mắt, cũng tin tam chỉ tam quán không đọc không ngang, không chung không riêng. Nhưng các kinh chỉ nêu về một pháp để hiển bày nghĩa đầu mới. Như Thủ-lăng-nghiêm riêng nêu chỉ biên; chỗ đầy đủ tất cả pháp, không giải bớt, cũng gọi là bí mật tạng. Luận trí độ kinh pháp hoa riêng nêu quán biên quán, đầy đủ tất cả pháp không giảm bớt, Niết-bàn nêu ba pháp, đầy đủ pháp cũng không nhiều, cũng gọi là bí mật tạng, chỉ quán cũng như vậy. Hoặc khai hợp, khai cũng không nhiều, hợp cũng không ít, mỗi mỗi đều là pháp giới thâu nhiếp tất cả pháp, đều gọi bí mật tạng. Riêng nêu còn như vậy huống chi Viên nêu ư! Chỉ quán thông với ba đức đã như vậy, thông với các tên khác, xa lìa tri kiến... cũng giống như vậy. Lại thông với các tam danh: Nghĩa là tam Bồ-đề, tam Phật tánh, Tam bảo... tất cả ba pháp cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nghĩa chữ không ngang, không dọc?

Đáp: Các sư Tiểu thừa nói hạt giống trí đã viên, quả trói buộc vẫn còn, giải thoát chưa đầy đủ, thân còn tạp thực, lại đeo mang vô thường, một thắng hai thua thí như băng qua sông, vượt lửa.

Lại nói rằng:

Trước có thân tướng tốt, kế là được hạt giống trí Bát-nhã, sau cùng là diệt thân trí mới đầy đủ giải thoát. Đã có nghĩa trên dưới, trước sau, thí như từ ba chấm của chữ thủy. Hoặc nhập diệt định có thân mà vô trí, La-hán tại vô sắc có trí mà vô thân. Nếu nhập vào vô dư chỉ có cách tự mình điều hòa mà giải thoát, nghĩa này mỗi mỗi không liên quan nhau. Tinh thì ngang, lụy thì dọc, phần thì khác.

Các sư thuộc Đại thừa nói: Pháp thân là chánh thể, dù có Phật hay không Phật vốn tự có, chẳng phải nay mới có. Liễu nhân Bát-nhã không lụy giải thoát, hai thứ này phải có cách đời, trải qua đời thường có tịnh uế, nghĩa của chữ theo chiều dọc. Lại nói ba đức không có trước sau, một thể đầy đủ, do thể theo nghĩa mà có ba thứ khác nhau, bởi do nghĩa

thì ngang còn thể thì dọc. Lại nói nghĩa của thể đều không khác nhau, sự khác nhau về ẩn hiện không khác nhau chưa tránh khỏi bề ngang, ẩn hiển khác nhau chưa tránh khỏi bề dọc. Các thứ giải thích như vậy đâu có hợp với kinh. Nay nói ra ba đức đều bất khả tư nghì sao bỗng nhiên là một, đều bất khả tư nghì sao bỗng nhiên bề ngang, đều bất khả tư nghì sao bỗng nhiên là một, đều bất khả tư nghì sao bỗng nhiên là khác. Đây là y cứ vào lý tạng mà giải thích. Thân thường tồn, trí viên mãn, dứt bỏ đầy đủ, tất cả đều là Phật pháp, chẳng có ưu biệt, cho nên chẳng theo chiều dọc. Tam đức tướng minh (ngầm) đồng là một pháp giới. Vượt ngoài pháp giới thì chỗ nào lại còn có pháp riêng, cho nên không phải bề ngang, có khả năng kiến lập các thứ cho nên không phải một, đồng quy Đệ nhất nghĩa cho nên không phải khác. Đây là y cứ vào nhân thực hành để giải thích. Tức một mà ba cho nên không phải ngang, tức ba mà một cho nên không phải dọc, không ba mà ba cho nên không phải một, không một mà một cho nên không phải khác. Đây là y cứ vào chữ dùng để giải thích. Nghĩa chữ y chân thật là như thế.

Hỏi: Ba đức bốn đức ý kia như thế nào?

Đáp: Luận chung về ba đức mỗi đức đều thường lạc ngã tịnh.

Đại Kinh chép: Thầy của các đức đó chính là pháp. Do pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, pháp tức là pháp thân, Phật tức Bát-nhã giải thoát, cho nên thường không hiểu.

Đại Kinh chép: Nhân diệt là sắc, đạt được thường sắc, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy, thì pháp thân đều thường, lạc, ngã, tịnh, hai đức cũng như vậy. Nếu y vào một thứ chuyển sắc thành pháp thân, pháp thân thường lạc, chuyển thức tưởng thành Bát-nhã. Bát-nhã tức là tịnh, chuyển thọ hành thành giải thoát, giải thoát thì ngã. Lại nương niệm xứ chuyển thức thành thường, chuyển thọ thành lạc, chuyển tưởng hành thành ngã, chuyển sắc thành tịnh. Cho nên, Chung riêng mỗi thứ có hai các biểu: Y theo là nghĩa Đốn, y theo biệt nghĩa tiệm...

Hỏi: Ba chướng và ba đạo đều chướng ngại ba đức, ba chướng khai thông đến cùng tột, ba đạo bốn đảo cũng nên khai thông đến cùng cực ư?

Đáp: Trường hợp như thế nào? Nghiệp có ba thứ: Nghiệp hữu lậu, nghiệp vô lậu, nghiệp phi lậu phi vô lậu, chiêu cảm ra ba thứ quả báo, nghĩa là phần đoạn phương tiện thật báo, báo do ba thứ phiền não, đó là thủ tướng, trần sa và vô minh. Lại y cứ vào ba thứ báo, mỗi thứ khai ra ba đường, căn cứ vào ba thứ phiền não, mỗi thứ phiền não khai ra bốn đảo.

Thứ ba: Giải thích thể tướng chỉ quán. Đã biết đại ý thông suốt như trước, danh tự rộng xa nếu hướng về thì phải hiểu lý thể sâu xa mầu nhiệm, nương vào bốn ý thô để hiển thể:

1. Giáo tướng.
2. Nhãn trí.
3. Cảnh giới.
4. Đắc thất.

Lý nương giáo để hiển bày, giáo pháp đã nhiều cho nên dụng tướng hiển bày, nhập lý môn khác nhau cho nên dụng nhãn trí hiển bày, đế có quyền có thật cho nên dụng cảnh giới hiển bày, người có ly có hợp cho nên dùng đắc thất (Được mất) hiển bày. Pháp hoa Sớ dùng bốn một để nói về thật, ở đây dùng bốn khoa hiển bày thể, có thể chứng đắc tướng loại. Giáo tướng hiển, chỉ quán gọi là giáo thông với phàm Thánh, không thể y cứ vào tên gọi chung mà tìm thể riêng, cho nên dùng tướng để phân biệt. Nêu phàm dùng chỉ thiện để trị là chỉ tướng, hành thiện sở sinh là quán tướng, lại bốn thiền, bốn tâm vô lượng là chỉ tướng, sáu hạnh là quán tướng, những điều này đều chưa thoát khỏi sinh, tử tức hữu lậu làm tướng, cho nên Đại Luận chép: Trừ núi Ma-lê ngoài ra không gì vượt hơn chiên-đàn, trừ trí tuệ ba thừa ngoài ra không có trí tuệ chân thật, cho nên chẳng phải điều ở đây nói. Nếu hàng Nhị thừa dùng chín tưởng, mười tưởng, tám bối xả, chín định thứ đệ, phần nhiều là sự thiền, nhất vãng chỉ tướng, có tác tứ đế tuệ là quán tướng, chỉ quán đây tuy vượt ngoài sinh tử mà là vạng độ. Diệt sắc nhập vào không, không này cũng được gọi là chỉ, cũng đượcc gọi là phi chỉ phi bất chỉ, nhưng không được gọi quán. vì sao? Vì nguội thân bặt trí nên không gọi quán, chỉ là chia chẻ pháp vô lậu làm tướng, chẳng phải đều ở đây nói. Khéo độ chỉ có ba thứ:

1. Thể chân chỉ.
2. Phương tiện tùy duyên chỉ.
3. Tức nhị biên phân biệt chỉ.

1. Thể chân chỉ: Các pháp từ duyên sinh, nhân duyên không, vô chủ, tức tâm thấu đạt nguồn gốc cho nên được gọi là Sa-môn. Biết nhân duyên giả hợp, huyễn hóa tánh không, cho nên gọi là Thể, phan duyên vọng tưởng, được không tức dứt, không tức là chân cho nên nói thể chân chỉ.

2. Phương tiện tùy duyên chỉ: Nếu hàng tam thừa đều dùng không lời nói đạo, dứt phiền não nhập chân, chân thì không khác, chỉ nói phiền não và tập hữu tận bất tận; hoặc hàng Nhị thừa thể nhập chân không

cần phương tiện. Chỉ; chỉ hàng Bồ tát nhập Giả, chính ưng hành dụng, biết không phi không, cho nên nói "phương tiện", phân biệt được bệnh cho nên nói tùy duyên, tâm an tục đế cho nên nói là chỉ. Kinh nói động chỉ tâm thường nhất cũng được chúng ý này.

3. Tức nhị biên phân biệt chỉ: Sinh tử lưu động Niết-bàn bảo chứng, đều là thiên hành thiên dụng, không hợp trung đạo. Nay biết tục chẳng phải tục, tục biên vắng lặng, cũng không được chẳng phải tục, không biên vắng lặng, gọi là tức nhị biên chỉ. Tên của ba chỉ này tuy chưa thấy trong kinh luận nhưng ánh sáng của ba pháp quán tùy nghĩa mà đặt tên.

Thích Luận chép: Bồ-tát y theo kinh giáo đặt tên gọi danh là pháp thí, đặt tên không có lỗi lầm. Nếu tìm kinh được tên thì phù hợp với nghĩa này. Nói rõ ba chỉ này cùng với trước giải thích danh, danh thì tượng tự đồng, tướng kia thì khác. Đồng là chỉ dứt chỉ, dường như thể chân, đình chỉ chỉ dường như phương tiện tùy duyên, phi chỉ dường như dứt hai bên, tướng kia thì biệt, có chỗ nói tướng ba đế. Ba thứ trước thành ba thứ kế một thứ sau đủ cả ba thứ trước. Vì sao? Như khi thể chân chỉ thấu đạt nhân duyên giả danh không, vô chủ, lưu động ác dứt, đó gọi là nghĩa chỉ tức. Đình tâm tại lý chính là thấu đạt nhân duyên, đó gọi là nghĩa đình chỉ, lý này tức chân, chân tức bổn nguyên, bổn nguyên không phải chỉ và bất chỉ, là phi chỉ chỉ, ba nghĩa này cùng thành tướng của thể chân chỉ; hoặc phương tiện chỉ thì chiếu giả tự tại, tán loạn không biết dừng nhỉ, gọi là nghĩa chỉ dứt. Đình tâm giả lý như tịnh danh nhập Tam-muội quán, căn tánh Tỳ-kheo phân biệt được bệnh và thuốc, đó là nghĩa đình chỉ, lý giả bất động là phi chỉ chỉ, ba nghĩa như vậy cộng thành tướng phương tiện tùy duyên chỉ. Khi dứt được hai bên thì hai tướng sinh tử, Niết-bàn đều dứt, gọi là nghĩa chỉ tức. Nhập lý Bát-nhã gọi là trú duyên tâm trung đạo, đó là nghĩa đình chỉ, lý thật tướng này chẳng phải chỉ bất chỉ, là nghĩa phi chỉ chỉ, ba nghĩa này công thành tướng tức nhị biên chỉ, cho nên khác hẳn với trước, cũng chẳng phải cái ở đây dùng. Kế đến là nơi về tướng quán. Quán có ba thứ: Từ giả nhập không gọi là nhị đế quán, Từ không nhập Giả, gọi là Bình đẳng quán Hai quán này làm phương tiện đạo được nhập Trung đạo song chiếu nhị đế, tâm tâm vắng lặng tự nhiên lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã, gọi là trung đạo Đệ nhất nghĩa đế quán. tên này xuất xứ từ kinh Anh lạc nói về nhị đế, quán giả là giải thích nhập không không do giải thích mà hiểu rõ, năng sở hiệp luận cho nên gọi nhị đế quán. lại hiểu không chẳng phải chỉ thấy không, cũng hiểu là giả như mây ngăn che sự chướng, trên hiển hiện, dưới sáng rõ,

do chân giả hiển bày được gọi là nhị đế quan. Nay do giả hợp chân cớ gì mà ý chẳng phải nhị đế quán. lại tục là chỗ phá, chân là chỗ dụng, nếu theo chỗ phá nên gọi là Tục đế quan, hoặc theo chỗ dụng nên gọi chân đế quán. Phá dụng hiệp lại mà nói cho nên gọi là nhị đế quán. lại phân biệt có ba thứ: Y cứ vào giáo có tùy tình nhị đế quán, y cứ vào hạnh có tùy tình trí nhị đế quán, y cứ vào sự chứng có tùy trí nhị đế quán. công phu sơ quán tuy chưa khế hợp với chân nhưng chỉ có tùy giáo tùy hạnh mà nói về nhị đế quán.

Hỏi: Sơ quán phá dụng, hiệp với tên của thọ, đệ nhị quán cũng phá dụng, đáng lẽ cũng gọi là nhị đế phải không?

Đáp: Pháp quán thứ ba cũng phá dụng vì sao không theo bên hơn mà thọ nhận tên gọi nhị đế. Sau tuy phá dụng lại phải theo bên hơn được tên gọi bình đẳng.

Hỏi: Pháp quán thứ ba cũng phá dụng vì sao không theo bên hơn mà thọ nhận tên?

Đáp: Hai thứ quán trước có sự chậm lụt cho nên càng phá càng dụng, pháp quán thứ ba không trì trệ chỉ theo dụng mà được tên, không thể xếp vào một được.

Hỏi: Hai quán trước đều quán nhị đế, cũng phải đều nhập nhị đế phải không?

Đáp: Ban đầu là phá bệnh cho nên quán giả, vì dụng chân cho nên quán chân, do đó cho nên nói đều quán. một dụng, một không dụng, cho nên nói không đều nhập.

Hỏi: Chân và trung đều được gọi là đế, trong cõi, ngoài cõi, tục tục thì phi lý, tại sao xưng đế?

Đáp: Kinh địa Trì nói có hai pháp tánh:

1. Sự pháp tánh tánh sai biệt.

2. Chân pháp tánh tánh chân thật, tức là tên khác của nhị đế. Đã đều được gọi là pháp tánh, thì đâu có ý gì mà lại không được đều gọi là đế.

Hỏi: Nếu vậy thì đều gọi là Niết-bàn ư?

Đáp: Kinh chép: Người nghèo được vật báu cho đến loài khỉ được rượu. Lại phi tưởng định tức Niết-bàn thế lực, tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Nếu vậy thì đều là vô lậu ư?

Đáp: Luận chép: Chánh kiến thế gian, chánh kiến xuất thế gian.

Hỏi: Nếu vậy đều vô sinh ư?

Đáp: Kinh chép: Khác tướng xen lẫn là vô.

Hỏi: Từ giả nhập không thì phải phá giả mà nhân không ư?

Đáp: Theo phương pháp chúng thì lẻ ra nên có bốn câu: Không phá nhập, phá nhập, phá không nhập, không phá không nhập, cho đến ba mươi sáu câu như ở dưới sẽ nói:

Từ không nhập giả gọi là bình quán; nếu là nhập không thì còn không có cái không có thể có, làm sao có giả để nhập. Phải biết đây quán là hóa độ chúng sinh, biết chân, phi chân phương xuất giả cho nên nói từ không. Phân biệt thuốc và bệnh mà không sai lầm cho nên nói nhập giả. Bình đẳng là y cứ vào trước mà gọi là bình đẳng. Trước quán phá giả, bệnh không dụng pháp giả chỉ dụng pháp chân. Phá một chưa pháp một thì không gọi là bình đẳng. Sau quán phá không bệnh lại dùng pháp giả, phá dụng đã quân bình khác thời trông mong vào nhau cho nên nói là bình đẳng. Nay sẽ thí dụ: Như người mù mới được sáng mắt thấy thông thấy sắc, tuy thấy sắc mà không thể phân biệt các thứ cỏ cây, cành lá, gốc rễ và các loại thuốc độc khi từ giả nhập không tùy trì, cũng thấy nhị đế mà không thể dụng giả. Nếu người sau khi mở mắt thấy không, thấy sắc, tức là hiểu thông suốt các thứ nhân duyên, dược thực thô tế đều hiểu, đều dùng làm lợi ích cho chúng sinh. Thí dụ này từ không nhập giả cũng đầy đủ chân tục, chính dụng nơi giả để giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi nhập giả. Lại nói bình đẳng, ý như trước nói. Trung đạo Đệ nhất nghĩa quán: Trước quán giả không là không sinh tử, sau quán không không là không Niết-bàn, cả hai đều ngăn hai bên, đó gọi là nhị không quán là phương tiện đạo được hội nhập trung đạo, cho nên nói tâm tâm vắng lặng, chảy vào biển Tát-bà-nhã. Lại ban đầu quán dụng không, sau quán dụng giả, đó gọi là phương tiện song tồn (cả hai đều tồn tại). Khi nhập Trung đạo thì có thể song chiếu hai đế, cho nên kinh chép: Nếu tâm ở trong định thì biết được pháp tướng sinh diệt thế gian. Hai quán trước là hai thứ phương tiện, ý ở đây vậy.

Hỏi: Đại Kinh chép: Định nhiều tuệ nhiều đều không thấy Phật tánh, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Thứ lớp ba quán, Nhị thừa, cho đến Bồ-tát Thông giáo có phần sơ quán, đây thuộc định nhiều tuệ ít nên không thấy Phật tánh, Bồ-tát Biệt giáo có phần nhị quán, đây thuộc tuệ nhiều định ít cũng không thấy Phật tánh. Nhị quán làm phương tiện được nhập quán thứ ba thì thấy Phật tánh.

Hỏi: kinh chép: Hành Bồ-tát thập trụ dùng tuệ nhãn cho nên thấy chẳng rõ ràng, chẳng phải hoàn toàn không thấy, sơ quán là giai vị tuệ nhãn, đệ nhị quán là giai vị pháp nhân, tại sao lại nói hai thứ nhãn hoàn toàn không thấy ư?

Đáp: Thứ lớp nhãn kia thiên về định tuệ nên Phật quở trách, không thể nói kia thấy. Cái gọi là tuệ nhãn thấy là vì tên gọi ấy đồng với thật, là giai vị Thập trú của Viên giáo. Ba quán hiện tiền nhập lý ba đế, gọi là Trụ, gọi là trụ là tuệ nhãn đó thôi. Cho nên, kinh Pháp Hoa chép: Mong được tuệ nhãn thanh tịnh bậc nhất như đức Thế Tôn, như tuệ nhãn kia phân biệt thấy chưa rõ, cho nên nói như ban đêm thấy sắc, thấy chim nhạn bay giữa hư không, tuệ nhãn của hàng Nhị thừa chẳng biết được tên gọi này. Cho nên, trong Pháp Hoa thí dụ có người đào đất lên cao nguyên chỉ thấy toàn đất khô, ra công không ngừng thì dần thấy đất ướt, rồi dần dần đến bước sau cùng thì thấy nước. Đất khô dụ cho sơ quán, đất ướt dụ quán thứ hai, bùn dụ quán thứ ba, nước dụ Viên đốn quán. lại thí dụ đối với giáo, tam tạng giáo không giải thích trung đạo như đất khô, Thông giáo như đất ướt, Biệt giáo như bùn. Viên giáo giải thích trung đạo như trước, đối với nhị giáo không giải thích nhị hành không đến, tuệ nhãn thiên về không đâu được thấy tánh, nếu thấy tánh thì không có việc ấy. Ba quán này cùng với ba quán trước tên thì một dường như nghĩa đồng, tướng thì khác. Về đồng, trước là quán xuyên quán, các thứ luống dối dường như từ giả nhập không, trước quán đạt, quán đạt lý lý hòa thì đạt được sự sự hòa, dường như nhập giả bình đẳng quán, trước bất quán, quán dường như trung đạo về tướng khác: Trước là tướng nhất đế nay là tướng ba đế, lại ba quán trước không thông thành ba quán sau, ba quán sau đủ cả ba quán trước. Vì sao? Vì như từ giả nhập không phá vách đá tứ trụ, đây đâu chẳng phải nghĩa quán xuyên. Đã nhập không, không tức là lý, trí năng hiển lý tức nghĩa quán đạt. Lý không này tức là nghĩa phi quán quán, ba nghĩa này cộng thành nhập không quán tướng. Từ không nhập giả cũng đầy đủ ba nghĩa, vì sao? Vì hiểu rằng pháp giả danh phá chướng vô tri, tức là nghĩa quán xuyên. Chiếu lý giả danh, phân biệt không lầm lẫn, tức là nghĩa quán đạt. Lý giả thường nhiên tức nghĩa bất quán quán, ba nghĩa này cộng thành tướng giả quán. quán trung đạo cũng đầy đủ ba nghĩa: Không dối với hai bên tức là nghĩa quán xuyên, chánh nhập trung đạo tức là nghĩa quán đạt, trung đạo pháp tánh tức là nghĩa bất quán quán, ba nghĩa này cộng thành Trung đạo quán tướng.

Đây nương vào Ma-ha-diễn (Đại thừa) mà nói về tướng ba chỉ ba quán, do nghĩa tùy tướng nên mỗi mỗi đều khác nhau. Nếu nói về ba quán thì có quyền thật sâu cạn, nếu nói về ba trí thì có hơn kém trước sau. Nếu nói về ba nhân thì có các địa vị lớn, nhỏ, đây thứ lớp phân trương, chẳng phải ở đây dùng. Tướng viên đốn chỉ quán: Dùng chỉ

duyên đối với đế thì một đế mà ba đế, dùng đế nhiều đối với chỉ thì một chỉ mà ba chỉ. Thí như ba tướng trong một niệm tâm, tuy một niệm tâm mà có ba tướng, chỉ đế cũng như vậy. Pháp sở chỉ tuy một mà ba, tâm năng chỉ tuy ba mà một. Dùng quán quán cảnh thì một mà ba cảnh, dùng cảnh phát huy quán thì một quán mà ba quán, như ba mắt trên mặt của Ma-hê-thủ-la, tuy là ba mắt mà là một mặt, quán cảnh cũng giống như vậy. Quán ba tức là một, phát một tức là ba, không thể suy nghĩ bàn luận. Không quyền không thật, không hơn không kém, không trước không sau không chung không riêng, không đại không tiểu cho nên trung luận chép: Pháp do nhân duyên sinh tức không, tức giả, tức trung. Lại như kinh kim cương Bát-nhã chép: Như người có mắt sáng và có ánh mặt trời thì thấy được các sắc. Nếu chỉ riêng mắt thấy, thì đâu cần ánh mặt trời. Nếu chẳng có sắc, thì tuy có mắt có ánh mặt trời cũng chẳng có gì để thấy, như vậy ba pháp không khác thì không lìa nhau. Mắt dụ cho chỉ, mặt trời dụ cho quán, sắc dụ cho cảnh, ba pháp này không trước không sau, trong một lúc nói về ba, trong ba nói về một cũng giống như vậy. Nếu thấy ý này thì hiểu được tướng chỉ quán của giáo viên đốn. Đâu chỉ có ba một một ba, gom chung các nghĩa trước đều ở trong một tâm, tướng kia như thế nào? Thể vô minh điên đảo tức là tướng chân thật, gọi là thể chân chỉ? Thật tướng này trùm khắp tất cả các nơi, tùy duyên trải qua cảnh, an tâm bất động, gọi là tùy duyên phương tiện chỉ. Sinh tử Niết-bàn tĩnh hay dán đều dừng nghĩ, gọi là tức nhị biên chỉ. Thể của tất cả các giả thảy đều là không, không tức Thật tướng, gọi là nhập không quán. Khi đạt được không này thì quán thần hợp với trung đạo, biết được pháp tướng sinh diệt của thế gian thấy đúng như thật, gọi là nhập giả quán. không tuệ này tức là Trung đạo, không hai không khác, gọi là Trung đạo quán. khi htể chân chánh thì ngũ trụ bà đá, sạn sỏi một niệm dừng nghĩ, gọi là nghĩa chỉ tức. Tâm duyên Trung đạo, nhập vào tuệ thật tướng, gọi là nghĩa đình chỉ. Tánh thật tướng tức là nghĩa chẳng phải chỉ, chẳng phải bất chỉ. Lại một niệm này năng xuyên ngũ trụ, thấu đạt thật tướng, thật tướng chẳng phải quán, các nghĩa này chỉ ở trong một niệm tâm, bất động mé chân thật, mà có các thứ khác nhau.

Kinh dạy: Khéo phân biệt tướng các pháp, đối với Đệ nhất nghĩa mà bất động. Tuy nhiều tên gọi nhưng là một trong các pháp Bát-nhã, Phật nói các tên gọi, các tên gọi đều tròn đầy, các nghĩa cũng tròn đầy, tướng đối đãi bặt đối dãi, đối với thể bất khả tư nghì, thì bất khả tư nghì cho nên không có chướng ngại, vì không có chướng ngại cho nên đầy đủ

không thiếu sót, tướng của viên đốn giáo này hiển bày thể chỉ quán.

Nói về nhãn trí: thể thì phi tri, phi kiến, phi nhân, phi quả, tự nói cho mình đã khó, huống chi dạy bảo cho người, tuy không thể thấy biết do nhờ nhãn trí (mắt trí) thì có thể biết thấy, tuy phi nhân quả nhưng do quả hiển bày. Chỉ quán là nhân, trí nhãn là quả, nhân là do hiển bày xa của thể, quả là do hiển bày gần của thể, thể kia sâu xa nhiệm màu, không thể phân biệt, nhờ vào nhãn trí khiến thể có thể hiểu. Nay trước nói về thứ lớp của nhãn trí. Ba chỉ ba quán là nhân, ba trí ba nhãn sở đắc là quả.

Ba chỉ: Nếu thể chân chỉ, vọng hoặc không sinh, nhân chỉ phát định, định sinh vô lậu, trí nhãn khai thông cho nên thấy Đệ nhất nghĩa, chân đế Tam-muội thành, cho nên chỉ công năng thành nhãn, nhãn thấy được thể, chứng đắc chân thể. Hoặc tùy duyên chỉ sâu xa chân vượt ngoài giả tâm, an trụ tục đế, nhờ chỉ này mà đắc Đà-la-ni, Đà-la-ni phân biệt được thuốc và bệnh, pháp nhãn bỗng nhiên khai mở, phá tan sự chướng, thông đạt vô tri, thường ở trong Tam-muội, không dùng hai tướng để thấy các cõi Phật thì Tam-muội tục đế thành. Đó là chỉ có công năng phát nhãn, nhãn có công năng đắc thể, đắc tục thể. Nếu dứt hai bên thì sinh tử, Niết-bàn, không, hữu đều vắng lặng, nhờ chỉ này mà phát sinh trung đạo định, Phật nhãn bỗng nhiên khai mở, chiếu soi cùng khắp, Trung đạo Tam-muội thành, cho nên chỉ có công năng đắc nhãn, nhãn có công năng đắc thể, chứng đắc thể trung đạo. Ba quán, nếu từ giả nhập không, không tuệ tương ưng tức năng phá kiến tư hoặc thành tựu nhất thiết trí, trí năng đắc thể đắc chân thể. Hoặc từ không nhập giả phân biệt các pháp môn thuốc và bệnh, tức phá vô tri, tựu trí đạo chủng, trí năng đắc thể đắc tục thể. Hoặc ngăn cả hai bên gọi nhập trung phương tiện, năng phá vô minh thành tựu nhất thiết chủng trí, trí năng đắc thể trung đạo thể. Cho nên, ba chỉ ba quán cộng thành ba nhãn ba trí, đều đắc ba thể. Cho nên, hiển thể mà bàn luận nhãn trí, tức là ý này.

Hỏi: Mắt thấy, trí hiểu biết, biết và thấy khác nhau ư?

Đáp: Đây ứng với bốn câu phân biệt, biết mà chẳng thấy, thấy mà chẳng biết, vừa biết vừa thấy, không biết không thấy, phàm phu không chứng cho nên không thấy, không nghe cho nên không biết, hàng Nhị thừa có chứng cho nên cũng thấy, nghe nên cũng biết, hàng Bích-chi-Phật chứng cho nên thấy, không nghe cho nên không biết, hàng phương tiện đạo nghe cho nên biết, chưa chứng cho nên không thấy. Lại nữa, hàng Tín hạnh nhờ nghe cho nên có tuệ, nhờ tuệ cho nên phát sinh vô

lậu, đắc nhất thiết trí. Trí này nhở nghe cho nên gọi là trí biết, hàng Pháp hành suy nghĩ cho nên được định, nhờ định mà phát sinh vô lậu thành tuệ nhãn. Nhãn này nhờ thiền nên đượcđịnh, nhờ định mà phát sinh vô lậu thành tuệ nhãn. Nhãn này nhờ thiền được gọi nhãn kiến, song sự thấy biết đồng với chứng chân đế, từ chỗ sở nhân, vẫn được đặt tên cho nên nói thấy biết. Đây y cứ vào tuệ nhãn Nhất thiết trí mà tạo sự phân biệt này, ngoài ra hai nhãn hai trí đều lệ theo đó. Nếu nhất tâm nhãn trí thì không như thế. hoặc nói về chỉ quán nhãn trí không thứ lớp: Như trước đã nói, chỉ tức là quán, quán tức là chỉ, không hai không khác, nguyên nhân đắc thể gần cũng giống như vậy. Nhãn tức là trí, trí tức nhãn, vì nhãn cho nên luận về thấy trí, cho nên luận về biết, biết tức là thấy, thấy tức là biết. Phật nhãn đầy đủ năm nhãn, Phật trí đầy đủ ba trí, vương Tam-muội, tất cả Tam-muội đều nhập vào trong đó. Thủ-lăng-nghiêm thâu nhiếp tất cả định.

Đại Phẩm chép: Muốn đắc đạo tuệ, đạo chủng tuệ, Nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, thì phải học Bát-nhã.

Hỏi: Thích Luận chép: Ba ở trong nhất tâm, tại sao nói muốn đắc đạo tuệ... phải học Bát-nhã?

Đáp: Thật vậy, ba trí ở trong nhất tâm, vì để nói cho người nghe cho dễ hiểu nên nói như vậy.

Kim cương Bát-nhã chép: Như Lai có nhục nhãn không?

Đáp rằng: Có. Cho đến như lai có Phật nhãn không?

Đáp: có. Tuy có năm nhãn nhưng thật không bay ra. Chỉ y cứ vào một nhãn là đủ cả năm nhãn, có năm dụng năng chiếu năm cảnh. Vì sao? Vì Phật nhãn cũng soi chiếu được sắc thô, như cái thấy của người cũng hơn cái thấy của người khác gọi là nhục nhãn, cũng có thể chiếu soi sắc tế như cái thấy của trời cũng hơn cái thấy của trời gọi là thiên nhãn. Thấu hiểu sắc thô tế không như cái thấy của Nhị thừa, gọi là tuệ nhãn; thấu đạt giả danh không lầm lẫn như Bồ-tát thấy gọi là pháp nhãn; đối với các pháp đều thấy thật tướng gọi là Phật nhãn. Nên biết Phật nhãn soi chiếu hoàn toàn không bỏ sót, cho nên kinh dạy: Năm nhãn đầy đủ thành Bồ-tát, mãi mãi làm cha mẹ với ba cõi. Nhưng gọi riêng Phật nhãn là như các dòng nước đều chảy ra biển, mất đi tên gọi gốc, chẳng phải không có bốn dụng. Trí Phật chiếu không, như hành nhị thừa thấy, Gọi là nhất thiết chủng trí, trí Phật soi chiếu giả, như sự thấy biết của Bồ-tát. Gọi là trí đạo chủng, trí Phật chiếu soi không, giả trung đều thấy thật tướng gọi là nhất thiết chủng trí. Cho nên, nói ba trí Có đươc trong một tâm. Cho nên, biết một tâm ba chỉ thành tưu. Ba nhãn,

thấy ba đế bất tư nghị. Cái thấy này chỉ mà được cho nên được gọi tên là nhãn. Một tâm ba quán thành ba trí, biết ba cảnh bất tư nghị. Trí này từ quán mà được cho nên được gọi là trí, cảnh và đế hai bên khác nhau. Thấy và biết nhãn mục rất xưng hợp không nên nói riêng. Nay dùng cảnh để hiển bày trí, khiến ba quán để hiểu, dùng đế để soi chiếu khiến ba chỉ có hiểu. Tuy ba phen nói mà lý thật là một pháp bất khả tư nghì đó thôi. Dùng một pháp nhãn trí này để đắc thể chỉ quán viên đốn. Giải thích như ở đây vốn dối với sự quán tâm thật chẳng phải đọc kinh an trí theo thứ lớp so sánh, vì tránh người nghi ngờ, làm lòng tin thêm vững, may mắn hợp với kinh điển, cho nên dẫn ra làm chứng.

3. Nói về cảnh giới: Nếu hiểu được lý của việc năng hiển nhãn trí thì không đợi thuyết hiển bày đế cảnh, vì chưa hiểu, lại một khoa này, tín hạnh còn học rộng, do sự phân biệt này mà hiểu về viên diệu, pháp hành tông quán sâu nhờ đây mà tư duy để thấy chánh cảnh. Căn cứ vào đây chia làm hai:

1. Nói rõ cảnh ý.

2. Nói về các cảnh ly hiệp.

Kinh chép: Vì các chúng sinh khai mở tri kiến Phật. nếu không có cảnh làm trung gian thì trí không biết gì mắt không thấy gì, phải biết cần có cảnh Phật nhãn.

Kinh chép: Người đời làm sao có thiên nhãn, chân thật không dùng ahi tướng thấy cõi nước các Đức Phật nên không có cảnh thế tục thì nhãn này không nên thấy được cõi Phật.

Kinh chép: Thiên nhãn khai mở tuệ nhãn thấy chân, cho nên biết phải có cảnh tuệ nhãn, ba đế lý này bất khả tư nghị, không có tánh quyết định, thật không thể nói. Nếu vì duyên nói thì không ngoài ba ý:

1. Tùy tình nói, tức là ý người khác nói.

2. Tùy tình trí nói, tức là tùy ý mình và người khác nói.

3. Tùy trú nói, tức tùy ý mình nói.

Thế nào là tùy tình nói ba đế? Như người mù không thấy biết sữa nên hỏi người khác rằng màu sắc của sữa giống màu gì?

Người khác đáp: Màu trắng như vỏ ốc, tuyết, hạc... tuy nghe nói như vậy nhưng cũng chẳng biết màu sắc thật của sữa, vì vậy những người mù mỗi người đều hiểu khác nhau tranh nhau chấp vỏ ốc, khởi lên bốn thứ tranh chấp, phàm tình ngu si cũng giống như vậy, không hiểu đế phương tiện đại bi do đó mà phân biệt. Hoặc căn cứ vào hữu môn nói ba đế, như người mù nghe nói vỏ ốc; hoặc y cứ vào không môn nói về ba đế như người mù nghe nói vỏ ốc; hoặc y cứ không hữu môn nói về

ba đế như người mù nghe nói về tuyết, hoặc tạo tác phi không phi hữu môn, nói về ba đế biết như người mù nghe nói về hạc. Tuy nghe thuyết này nhưng chưa tức là đế lý, do đó các phàm phu cuối cùng không thể thấy được tướng thường, lạc, ngã, tịnh chân thật, tuy chưa được thấy nhưng đều chấp không chấp có, phải trái lẫn nhau, cho nên thường giải thích hai đế có tới hai mươi ba nhà giải thích, nhưng mỗi nàh khác nhau, đều có sự thống biết riêng, họ đều dẫn trong kinh luận nên chẳng biết ai đúng ai sai, nếu nói đều đúng thì lý vô lượng, nếu nói đều sai thì phải có căn cứ, vì nghĩa này cho nên chấp mình chẳng phải người khác, chỉ uống cam lồ tổn thương mạng chết sớm. Kinh dạy rằng khi ngài Văn-thù và ngài Di-lặc chưa chứng ngộ, hai ngài cùng tranh chấp về hai đế cả hai đều đọa vào địa ngục. Đời nay phàm tình cố chấp chặc một văn, tuy cho rằng sợ trái với tôn chỉ của Phật, những người như vậy đều chưa hiểu tùy tình ba đế. Nếu hiểu được ý này nghe nói các thứ, liền biết Như Lai tùy thuận căn tình, căn tình đã nhiều, nói không phải một thứ, đây tức là tùy ý người khác mà nói ba đế. Tùy tình trí nói ba đế, y cứ vào tình nói hai, y cứ vào trí nói một, nếu vậy không được dùng một mà nói ba, đây là y cứ vào phàm tình, phàm tình đều là phương tiên, tuy tức một mà ba nhưng tóm lược làm hai. Nếu y cứ vào Thánh trí thì Thánh trí đều là thật chứng đắc, tuy tức một mà ba nhưng tóm lược làm một, tình trí vọng vào nhau cho nên nói ba đế như người ở giai vị tương tự. Khi sáu căn thanh tịnh còn chưa phát được cái thấy chân thật đối với Trung đạo, tuy quán ba đế nhưng y cứ vào giai vị mà nói chỉ phá bốn trụ và Trần sa hoặc, đã chứng phương tiện đạo, chỉ tóm lược làm hai đế. Nếu nhập sơ trụ, phá vô minh, thấy Phật tánh, song chiếu hai đế mới gọi là trí, cũng đầy đủ ba đế chỉ câu thúc làm trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Tình trí hiệp lại mà luận, tức tùy ý mình và người mà nói.

Tùy trí ba đế: Từ sơ trụ bỏ hết lỗi lầm, chỉ nói trong đó dứt bặt sự thấy nghe, chân tục cũng vậy. Ba đế màu nhiệm chỉ trí soi chiếu, không thể chỉ không thể tư duy, người nghe sợ hãi, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là thế pháp, không có tướng mạo, bách phi thấu suốt, bốn cú đều mất, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tận. Đường ngôn ngữ bặt, chỗ tâm hành diệt, không thể dùng vọng tưởng của phàm tình, hoặc một hoặc ba đều bặt tâm trong mong, hàng Nhị thừa còn chẳng so sánh được, huống chi phàm phu, như màu sắc chân thật của sữa mở mắt mới thấy, luống phí lời nói mà người mù cùng cũng không biết, nói như vậy gọi là tùy trí nói về tướng ba đế, tức

là tùy ý mình nói.

Ở đây lại dẫn văn kinh nói về hai đế, hiển bày khuyết thành tựu ba đế. Nếu nói hàng phàm phu thì có khả năng thể đạt nhân duyên sinh đối với quán giải, đâu chẳng phải tùy tình mà nói thế tục, thể nhân duyên tức không, đâu chẳng phải tùy tình nói chân, nếu như thế tức là tùy tình nói hai đế. Nếu nói tâm của phàm phu thấy gọi là tục đế, tâm bậc Thánh thấy gọi là chân đế, nói như thế há chẳng phải tùy tình trí nói hai đế? Hoặc nói phàm phu hành thế gian mà không biết tướng thế gian, phàm phu còn không biết tục đế thế gian, làm sao biết được chân? Cho nên biết hai đế kẻ phàm tình chẳng thể biết được. Nói như thế đâu chẳng phải tùy trí nói hai đế. Hai đế đã có nói ba phen, ba lệ theo đây có thể hiểu. Có người nghi rằng: Nếu nói Phật thường y vào hai đế nói pháp cho nên có ba phen nói về ý hai đế, nay cũng lệ theo đây. Đức Phật thường ưa thích trung đạo, nhập thai, đản sinh, xuất gia, thành đạo, nhập diệt đều vào lúc nửa đêm, một sắc một hương đều là Trung đạo, nếu nói Trung đạo đâu chẳng phải ba ý phó duyên ư! Lại mỗi lời nói đều đầy đủ ý bốn tất-đàn, tùy bốn ý trong tình. Xét rằng đế lý không thể nói, nói phải mượn lời, lời phải hợp với tình, tình phải vui mừng. Hoặc nghe chân hoan hỷ, hoặc nghe tục hoan hỷ, hoặc nghe tục hoan hỷ, hoặc nghe Trung hoan hỷ, đây tức là tùy tình trung dụng ý thế giới tất-đàn. Sự tiện nghi của chúng sinh khách nhau, hoặc nghe nói không có giới tuệ tăng tưởng, hoặc nghe nói có giới tuệ tăng trưởng, hoặc nghe nói trung giới tuệ tăng trưởng, đây tức là tùy tình trung dụng ý vị nhân tất-đàn. Người tu hành phá ác khác nhau, hoặc nghe pháp hữu năng phá thùy niện giác quán... hoặc nghe pháp vô năng phá thùy tán... hoặc nghe pháp trung năng phá thùy tán... đây tức tùy tình trung dụngý đối trị tất-đàn. Chúng sinh ngộ nhập khác nhau, hoặc nghe không khai giải, hoặc nghe có siêu việt tỏ ngộ, hoặc nghe trung mà phát khởi thấu triệt, cho đến quán tâm cũng như vậy, hoặc nói hữu quán bừng tỉnh như áng mây, hoặc thực hành vô quán diệt mất thân tâm, hoặc thực hành trung quán tinh thần sáng tỏ, các thứ như vậy khác nhau, nên tại một không tại hai, nên tại hai không tại một, cho nên nói: Phật nói sinh pháp đối với pháp vô sinh được độ, Phật nói pháp vô sinh đối với sinh pháp được độ, đây tức là dụng ý Đệ nhất nghĩa tất-đàn.

Cho nên Kinh Pháp Hoa chép: Đức Phật biết các dục, các hạnh, các tánh, các sự nhớ tưởng của chúng sinh, tức là bốn ý này. Vì sao? Vì các dục là tùy thế giới, các tánh là sinh thiện, các hành là đối trị, các sự nhớ tưởng là Đệ nhất nghĩa. Vì sao tánh thuộc sinh thiện, hành thuộc

về đối trị phá ác ư. Nếu nói chung thì tánh thiện có mờ tối có hiển rõ, hành ác cũng có mờ tối, có hiển rõ. Nay theo nghĩa tiện thì, thiện là thầm nép phục, ác là hình bóng hiểu bày, như khi Đức Phật chưa ra đời, thì hàng ba thừa gối lành thầm nép phục, không hiện, cho nên nói tánh thiện thầm hợp.

Nếu nghe ba đế thì điều lành này phát sinh, cho nên biết các tánh phải thuộc về sinh thiện, có thể đối với vị nhân tất-đàn. Lại khi Phật chưa ra đời, ác hạnh của các chúng sinh ảnh hiển, tà quấy lỗi lầm hiện tiền. Đức Phật vì phá ác này cho nên nói ba đế, nên biết các hành thuộc về phá ác, tức đối trị tất-đàn. Các sự nhớ tưởng là Đệ nhất nghĩa: Tưởng là tuệ số, nghiêng lệch cho nên thành tâm trái ngược, thấy trái ngược... nếu gặp được tri thức chánh tưởng tuệ thì thành ba bất đảo, Đức Phật muốn chúng sinh tưởng tuệ này nên nói ba đế, tức Đệ nhất nghĩa. Tùy tình nói ba đế đã đầy đủ bốn ý. Tùy hình trí, tùy trí nói ba đế lệ theo đây có thể hiểu, cho nên ba lần bốn là mười hai thứ nói về ba đế khác nhau. Đâu thể dùng phàm tình hạn cuộc vào Thánh, nghĩa là chỉ một thứ tranh chấp tự hủy hoại. Nếu biết Thánh nói không có bờ mé, cuối cùng không phải đây kia, khởi tăng thượng mạn, cống cao lăng mạ. Như người trí và người mù chớ có cạnh tranh về màu sắc của sữa, siêng năng thực hành phương tiện hổ thẹn dùng ba chỉ chứng ba nhãn, thấy ba pháp, đạt được ba trí, biết ba đế, thấy trung rõ ràng, song chiếu sáng tỏ, như mây trừ phát chướng, trên hiển bày, dưới rõ sáng. Bấy giờ, mới có thể xét kỹ phải trái, quyết định như sư tử hống. Thần cho rằng tùy tình là đều cho, tùy tình trí là nửa cho nửa đoạt lấy, tùy trí là đều đoạt, vì sao? Như bậc Thánh nói với phàm rằng: Nay ông tâm tưởng tức là tục, có khả năng thể đạt tục hư tức là chân, đâu phải đều cho tướng. Nay biết trăm ngàn lần suy tìm giới hạn đều là tục, chỉ có sự hiểu biết của bậc Thánh là chân, há chẳng phải tướng nửa cho nửa đoạt ư? Nói về hai đế, phàm phu đều không hiểu bậc thượng Thánh riêng biết, đây đâu phải đều đoạt ở. Đây giải thích dễ hiểu cho nên ghi chép ra đây.

Nói về cảnh trí lìa hợp: Trước cảnh kế là trí. Các kinh nói đế, hoặc bốn ba hai một, lìa hợp khác nhau, nay sẽ nói chung ba giáo là giáo phương tiện, chỉ nói rõ hai đế. Bồ-tát sơ tâm trong tâm duyên vào chân, hàng phục được tứ trụ, khiến phiền não tiêu trừ, ba A-tăng-kỳ tu sáu Độ muôn hạnh, khiến thân công đức đầy đủ, trăm kiếp được tướng tốt, đạt được năm thần thông, đắc pháp nhãn soi chiếu tục đế, phân biệt căn tánh, điều hòa thuần thục chúng sinh mà làm Phật sự, hậu tâm ngồi đạo tràng, ba mươi bốn tâm đoạn hết, kiến tư hoặc. Ba mươi tư tâm là

tám tâm nhẫn, tám tâm trí, chín tâm vô ngại, ngại tâm giải thoát, cộng chung ba mươi tâm.

Lại kinh chép: Trong một niệm có đến sáu trăm lần sinh diệt.

Thành luận sư nói: Trong một niệm có sáu mươi sát-na. chỉ là một niệm từ giả nhập không, đắc tuệ nhãn, chiếu chân đế mà được thành thật. Trước đã chiếu tục, kế lại chiếu chân, nhị đế cả hai rõ ràng, khác với đệ tử Bồ-tát chỉ chiếu tục không chiếu chân, hàng Nhị thừa chỉ chiếu chân không chiếu tục, Đức Phật thì bao gồm tất cả tục chân, lại thêm trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Tam tạng nhị đế đã là phương tiện, trong nhị đế lại thêm trung đạo, trong phương tiện lại thêm phương tiện, chiếu kiến đế này lại thêm Phật nhãn, biết đế này cho nên lại thêm nhất thiết chủng trí, lìa thì có hai hiệp thì có ba, đó gọi là tướng ly hợp của hai đế, ba trong pháp tam tạng giáo.

Kế là hàng tam thừa dùng vô ngôn thuyết đạo dứt bỏ phiền não. Nói về đế ly hợp: Tục đế thì đồng, chân đế thì khác.

Đại Luận chép: Không có hai thứ:

1. Đản không.

2. Bất đản không.

Đại Kinh chép: Hành Nhị thừa chỉ thấy không, chẳng thấy bất không, người có trí chẳng những thấy không mà còn thấy bất không, bất không tức đại Niết-bàn. Hàng Nhị thừa đãn không, bậc trí giả như lửa đom đóm, hàng Bồ-tát trí tuệ như mặt trời. Đã không, khác với trí thì biệt có hai đế khác nhau, nhưng nay hiệp thành một chân đế, hàng Nhị thừa thể giải nhập chân, chỉ nhập đãn không, không thể từ đãn không nhập giả, không có dụng hóa tha, Bồ-tát thể giả, nhập đãn chân, có thể từ đãn không nhập giả, không có dụng hóa tha, Bồ-tát thể giả, nhập đãn chân, có thể từ đãn không nhập giả, hóa độ chúng sinh, thanh tịnh cõi nước Phật, Bồ-tát thượng căn thể giả nhập chân. Trước nhập đãn không, kế nhập bất đãn không, thì phá vô minh, thấy Phật tánh, hoàn toàn khác với chân trước, đâu thể đồng làm một chân đế ư? Xưa các nhà hoa nghiêm nói rằng: Phật quả vượt ngoài hai đế, được phần ý này mà tác nghĩa không thành, không biết trí Phật riêng chiếu cảnh gì, riêng đoạn hoặc gì, nếu hiểu được ý này vượt ngoài nghĩa thì thành tựu. Các nhà khai thiện thì nói rằng: Quả Phật không vượt ngoài hai đế, không năng động khác nhị đế, tác nghĩa lại không thành, nếu hiểu được ý này thì vượt ngoài nghĩa cũng thành. Xưa nay gọi đây là dòng gió hai đế, ý là ở đây. khi đãn không, bất đãn không hiệp thì chỉ là một chân đế, khi lìa thành hai chân đế, khác các nhà tam tạng. Tam tạng kia thuộc đế

thứ ba, chỉ có tên trung đạo, không thể tự thể riêng, nhãn không riêng thấy, trí không biết riêng, ở đây thì hông như vậy. Đế thứ ba cũng gọi là chân đế, cũng gọi Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, có tự thể riêng, biết riêng đó là tướng ly hợp của hai đế, ba đế đạo Đệ nhất nghĩa đế, có tự thể riêng thấy riêng, biết riêng đó là tướng ly hợp của hai đế, ba đế thuộc Thông giáo.

Kể là: Biệt giáo nói về hai đế và sự tìm khác ở đoạn trước. Chân tục ở trước hiệp thành tục của biệt gia, tục ấy là thế giới cách biệt, tục thì có chân thì vô. Phàm phu thuộc về tục đế, Nhị thừa thuộc về chân đế. Đã có sự khác nhau giữa có và không cho nên gọi là Trục. Kinh thắng man gọi Nhị thừa là chúng sinh tác không, loạn ý.

Đại Kinh chép: Ta và Di-lạc cùng luận về thế đế, năm trăm Thanh văn nói về chân đế: Hoặc luận nhị đế, tục đế không khai; hoặc tác ba đế khai hữu là tục, khai vô là chân, đối bất đãn không làm Đệ nhất nghĩa đế, đó gọi là tướng ly hợp của Biệt giáo.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 3
(Phần Cuối)

Kế là Viên giáo chỉ nói nhất thật đế.

Đại kinh chép: Thật là nhất đế mà phương tiện cho nên nói ba. Nay cũng lệ theo đây. Thật là nhất đế mà phương tiện cho nên nói ba.

Kinh Pháp Hoa chép: Lại dùng phương tiện khác để trợ giúp hiển bày Đệ nhất nghĩa, đó gọi là tướng ly hợp hai đế ba đế nhất đế của Viên giáo.

Kế là nói tứ đế ly hợp: Trước thì ba đế hai đế nhất đế đều biện rõ theo chiều dọc, tứ đế thì nói về chiều ngang, có bốn loại tứ đế, đó là sinh diệt, vô sinh diệt, vô lượng và vô tác... sinh diệt tứ đế tức là theo chiều ngang khai hai đế tam tạng giáo, vô sinh tứ đế tức là ngang khai hai đế Thông giáo. Vô lượng tứ đế tức là theo chiều ngang khai hai đế Biệt giáo, vô tác tứ đế tứ là ngang khai nhất thật đế Viên giáo. Nay hợp luận Trung quán hợp với bốn loại tứ đế này.

Luận nói rằng: Pháp do nhân duyên sinh tức sinh diệt tứ đế; ta nói tức là không, tức là vô sinh tứ đế; cũng gọi là giả danh, tức vô lượng tứ đế; cũng gọi trung đạo, tức vô tác tứ đế.

Nói về trí ly hợp: Các kinh hoặc nói nhất thiết trí, hai, ba, bốn cho đến mười một trí... nếu nói ba trí có thể dùng quán ba đế, nếu như tăng giảm phải quán thế nào! Về nhất trí, kinh chép: Tất cả các Đức Như Lai cùng đồng một pháp thân, nhất tâm nhất trí tuệ lực vô úy cũng giống như vậy. Chỉ có nhất Phật trí tức nhất thiết chủng trí, một tướng vắng lặng tướng, các thứ hành loại tướng mạo đều biết, gọi là nhất thiết chủng trí. Trí này quán tam đế, nếu nói một tướng vắng lặng tướng, tức là quán trung đạo; hoặc nói các thứ hành loại tướng mạo đều biết, tức là song chiếu hai đế; hoặc hai trí thì đó là quyền thật. Quyền tức nhất thiết trí trí đạo chủng, quán hai đế hữu vô . thực tức nhất thiết chủng trí, quán Trung đạo đế. Ba trí quán ba đế có thể hiểu không nói.

Bốn trí: Như trong kinh đại phẩm nói: Đạo tuệ, đạo chủng tuệ,

nhất thiết trí, nhất trí thiết chủng. Thích luận giải thích việc này có nhiều thứ: Hoặc trong nhân chỉ có lý thể, thì gọi là đạo tuệ, đạo chủng tuệ, trong quả sự lý đều đầy đủ gọi là nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí. Hoặc nói trong nhân quyền thật cho nên nói đạo tuệ, đạo chủng tuệ, nhập không gọi là thật tuệ, nhập giả gọi là quyền tuệ. Hoặc nói trong quả quyền thật cho nên nói nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, thẳng duyên trung đạo gọi là nhất thiết trí, song chiếu hai đế gọi là nhất thiết chủng trí. Hoặc nói chung riêng trong nhân, chung riêng trong quả, hoặc nói đạo tuệ, đạo chủng tuệ là chỉ nói về quyền thật, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí là lại nói về quyền thật, các thứ bốn trí giải thích như vậy. Bốn trí chỉ là chiếu ba đế. Như trong kinh có nói năm đế, sáu, bảy, tám, chín cho đến vô lượng đế, hiểu được ý này, giải thích khiến nhập vào ba đế. Mười một trí; thế trí khác tâm trí, hai thứ chiếu tục đế, tám trí quán chân đế, như thật trí quán trung đạo, đó gọi là trí có ly hợp mà ba đế bất động... lại nữa, trí đế đều khai tùy theo kia ít nhiều tự nhiếp vào nhau như ba đế thì có ba trí, hai đế thì có hai trí, nghĩa này có thể hiểu. Lại, trí đế đều không khai: Vả lại căn cứ một đế một trí không thêm không bớt, đây cũng có thể hiểu. Hoặc trí tuy khai hiệp kết cuộc là thật trí năng hiển thật thể. Kế đến y cứ vào đế trí hiệp lại luận rõ, tam tạng giáo chân đế phát sinh một nhãn một trí, tục đế phát sinh một nhãn mộ trí, hai đế cùng phát một nhãn một trí, tuệ nhãn nhất thiết trí duyên chân đế, pháp nhãn trí đạo chủng duyên tục đế, Phật nhãn nhất thiết chủng trí đều chuyên cả hai đế chân tục, không đắc đạo song chiếu, chỉ đắc đạo tiền hậu cùng chiếu thôi! Chân đế của Thông giáo phát sinh hai nhãn hai trí, tục đế phát sinh một nhãn một trí, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí cùng duyên chân đế, đạo trí chủng duyên tục đế. Hoặc tạo biệt tiếp thông, tục đế phát một nhãn một trí, chân đế phát một nhãn một trí. Khai chân phát xuất từ bên trong một nhãn một trí, trí duyên đế cũng như vậy. Ba đế của Biệt giáo mỗi đế đều phát một nhãn một trí, trí duyên đế cũng như vậy. Nếu Biệt giáo có hai đế, trong tục không phát một nhãn một trí, trong tục có phát một nhãn trí một trí, chân đế phát một nhãn một trí. Trí duyên đế cũng như vậy.

Viên giáo: Nhất thật đế phát ba nhãn ba trí, trí duyên đế cũng giống như vậy.

Hỏi: Vì sao dùng biệt tiếp thông?

Đáp: Ban đầu dùng hai quán không và giả để phá hết lậu-hoặc trong chân đế tục đế rồi. Mới nghe Trung đạo. Vì thế mà phải tu quán phá vô minh, được tám tướng thành Phật. Phật này là quả, hai quán

trước là nhân, cho nên nói dùng biệt tiếp thông. Không dùng quả Phật này tiếp nhân của ba A-tăng-kỳ trăm kiếp, gieo trồng tướng tốt, cho nên không tiếp tam tạng giáo; không đem quả này để tiếp nhân của Thập địa, cho nên không tiếp Biệt giáo. Chẳng đem quả này để tiếp Thập trụ đoạn vô minh, cho nên chẳng tiếp Viên giáo, chỉ được dùng biệt tiếp thông, nghĩa ấy như vậy.

Nói rõ đắc thất (được mất): Thất tức tư nghì, đắc tức bất tư nghì. Nếu nói trí do tâm sinh tự có thể chiếu cảnh, như đuốc chiếu soi vật, nếu chiếu hay chưa chiếu, vật này vẫn vốn có, hoặc quán hay không quán cảnh vẫn tự thiên nhiên. Đế trí chẳng thuận theo nhau chẳng dựa vào nhau (bất tương do tạ) nói trí không tự trí, do nương cảnh cho nên có trí, cảnh không tự có cảnh do trí cho nên có cảnh, như dài ngắn đối đãi lẫn nhau, đây là do tướng mà có. Hoặc nói cảnh không tự cảnh, cũng không do trí, cho nên có cảnh, cảnh trí do nhân duyên cho nên có cảnh, trí cũng lệ theo đây. đây là do cộng hợp mà đặt tên; nếu nói đều không như ba thứ trên, chỉ tự nhiên như vậy, tức là cảnh trí vô nhân. Bốn cách giải này đều có lỗi. Vì sao? Vì có bốn thủ thì có nơi nương tựa, nương dựa thì có phải trái, phải trái thì có ái nhuế, ái nhuế sinh tất cả phiền não, do phiền não sinh cho nên lý luận tranh cạnh sinh, tranh cạnh sinh cho nên thân riêng ý khởi nghiệp, nghiệp sinh cho nên luân hồi trong biển khổ, không kỳ hạn giải thoát. Phải biết bốn thủ là nguồn gốc của sinh tử, cho nên ngài Long Thọ dẹp nó: Các pháp không tự sinh, đâu đắc tự cảnh trí nhân duyên, "Vô tha sinh" thì làm sao đắc Tương do cảnh trí? "Vô cộng sinh" thì làm sao đắc Nhân duyên cảnh trí? "Vô vô nhân sinh" thì làm sao đắc cảnh trí tự nhiên.

Nếu chấp bốn kiến trước: Ngu hoặc lăng xăng làm sao gọi là trí! Nay do không tự sinh... phá bốn tánh. Vì tánh diệt cho nên không nương tựa, cho đến không có nghiệp khổ... tâm thanh tịnh thường nhất thì thấy được Bát-nhã, do nghĩa này cho nên tự cảnh trí khổ tập không sinh, tức sinh sinh không thể nói. Cho nên, ngài Thân Tử im lặng; cho đến cảnh trí vô nhân, khổ tập không sinh, tức là bất sinh bất sinh không thể nói. Cho nên, ngài Tịnh Danh im lặng, đường ngôn ngữ bặt, chỗ tâm hành diệt. Tuy không thể nói có nhân duyên bốn tất-đàn, nên cũng có thể được nói, hoặc nói tự sinh cảnh trí, cho đến hoặc nói cảnh trí vô nhân, tuy bốn lần nói tánh chấp lâu phá, như trước chỉ có tên gọi, tên gọi vô tánh, chữ vô tánh là chữ vô trụ, cũng chẳng phải bất trụ, đó gọi là bất khả tư nghị.

Cho nên, kinh Kim Quang Minh chép: Trí cảnh bất khả tư nghì,

trí chiếu bất khả tư nghị tức là ý này. Nếu phá bốn tánh cảnh trí, thì đó gọi là thật tuệ, hoặc bốn tất-đàn có duyên nói bốn cảnh trí, đây gọi là quyền tuệ, như vậy cảnh trí phàm phu cả hai đầu mất, hành Nhị thừa một được một mất, hàng Bồ-tát cả hai đều được. Vì sao? Vì hàng phàm phu có bốn tánh tự tu hành gọi là mất, không có bốn tất-đàn giáo hóa chúng sinh gọi là mất. Hàng Nhị thừa phá bốn tánh, nhập nghĩa đệ nhất tự tu hành là được, không độ chúng sinh giáo hóa chúng sinh là mất, hàng Bồ-tát đầy đủ cho nên cả hai đều được; lại nữa cả hai đều mất gọi là tư nghì thất, hàng Nhị thừa một được một mất, đều là tư nghì, hàng Bồ-tát cả hai đều được, đều bất tư nghi. Đây là y cứ Thông giáo nêu rõ được mất, hoặc Biệt giáo vọng đến Thông giáo, cả hai đều được, đều là tư nghị, Biệt giáo cả hai đều được, đều bất tư nghị; hoặc Viên giáo vọng Biệt giáo, Biệt giáo giáo đạo cả hai đều được, đều làtư nghị. Vì sao? Vì giáo môn phương tiện, hoặc nói vô minh sinh tất cả pháp, hoặc nói pháp tánh sinh tất cả pháp... hoặc nói duyên tu hiển bày chân tu, hoặc nói chân tự hiển bày, chấp đây trở lại thành tánh, lỗi đọa vào sự tư nghị, nếu chứng đạo ấy thì bất tư nghị. Hoặc Viên giáo giáo chứng đều bất tư nghị. Vì sao? Vì chí lý không nói nên gọi là duyên bốn thuyết, chỉ có giả danh, tên gọi là giả danh, danh tức vô sinh, cho nên giáo chứng đều bất khả tư nghị. Không suy không nghĩ cho nên không nương tựa không hý luận kết nghiệp, vì vô nghiệp cho nên không sinh tử đó gọi là tự tu hành là được (đắc), đối với thật thể dùng không thể nói để nói, giáo hóa dẫn dắt chúng sinh vượt ra sinh tử, chứng đắc thật thể, đó gọi là mình và người đều đắc thể.

Thứ tư: Nói về nhiếp pháp: Có người nghi rằng tên gọi chỉ quán lược nhiếp pháp không cùng khắp, nay thì không như vậy, chỉ quán tổng trì thâu tóm tất cả các pháp. Vì sao? Vì chỉ có công năng làm cho các pháp vắng lặng, như người châm cứu đúng huyệt thì hết bệnh quán năng chiếu lý, như được hạt châu vương thì các báu đều đạt được, đầy đủ tất cả Phật pháp. Kinh Phẩm nêu có một trăm hai mươi điều và tất cả pháp, đều nói nên học Bát-nhã. Bát-nhã chỉ là quán trí, quán trí đã thâu nhiếp tất cả pháp, lại chỉ là vua của Tam-muội, tất cả Tam-muội đều nhập trong đó. Nay lại nói rộng về nhiếp pháp gồm có sáu ý:

1. Nhiếp tất cả lý.
2. Nhiếp tất cả Hoặc.
3. Nhiếp tất cả trí.
4. Nhiếp tất cả hạnh.
5. Nhiếp tất cả vị.

6. Nhiếp tất cả giáo.

Sáu thứ lớp này là: Dù có Phật không Phật lý tánh vẫn thường trú, do mê lý cho nên khởi hoặc sinh tử, thuận lý mà quán cho nên luận về trí. Giải cho nên lập hạnh, do hạnh cho nên chứng vị, vị đầy đủ cho nên giáo hóa chúng sinh. Các thứ lờp sự lý, giải hạnh, nhân quả, tự tha... đều thấu nhiếp trọn trong chỉ quán.

1. Dùng ba chỉ quán nhiếp tất cả lý: Lý là đế pháp, như trên khai hợp thiên viên khác nhau, ngoài quyền thật không còn có lý khác như trừ Ma-lê sơn thì không có Chiên-đàn, nếu còn có tức là nói dối, đã dùng chỉ quán hiển bày thật thể, tức là thâu nhiếp tất cả lý.

2. Chỉ quán nhiếp tất cả hoặc: Do mê đế cho nên khởi hoặc, mê tức vô minh. Nếu mê quyền lý thì có giới nội tương ưng gọi là độc đầu. Cùng với Kiến tư các sử (phiền não) hợp, thì gọi là Tương ưng. Bất tương ứng thì gọi là Độc đầu. Do sự này, không biết cho nên khởi tham, không biết thì là vô minh, khởi tham là hành, là thức, thức cùng với bốn ấm khởi gọi là danh sắc, sắc động các căn gọi là sáu nhập, sáu nhập sở chấp gọi là xúc, xúc thuận theo trần gọi là thọ, thọ mà hỷ lạc thì gọi là ái, ái câu sinh trói buộc gọi là thủ, tạo nghiệp đời sau gọi là hữu, đời vì lai khởi gọi là sinh, ấm chín muồi là già, xả bỏ ấm là chết, mười hai thứ này xoay vần lẫn lộn làm nhân quả cho nhau. Phiền não chung cho nghiệp, nghiệp chung cho khổ, khổ chung cho phiền não, cho nên gọi ba đường luận thành duy thức chép: Tiền hành hậu tam trung. Hậu hành tiền thất trung. Bảy là nghiệp, còn gọi là đạo, năng thông đến đời sau, ba thứ sáu chẳng phải nghiệp mà thông đến bảy, cũng được gọi là đạo, trong kinh cũng gọi là thập nhị khiên liên, thập nhị luân (mười hai thứ tiếp nối, mười hai thứ xoay vần). Trói buộc không cùng, cho nên gọi là luân. Ba đời giáo cách nên gọi là phần đoạn, che lấp lý chân đế không được giải thoát, đây tức là bệnh nói bệnh liền biết thuốc, thuốc liền từ giả nhập vào không chỉ quán, quán thuốc thì biết bệnh, cho nên hoặc này thuộc về không chỉ quán. nếu mê thật lý thì có giới ngoại tương ưng với các vô minh như độc đầu... vì sao? Vì giới nội tuy dứt tương ưng độc đầu mà thói quen vẫn còn, trong hàng Tiểu thừa thói quen chẳng phải chánh sử, hàng Đại thừa thật thuyết thì thói quen tức biệt hoặc, gọi là vô minh giới ngoại.

Luận Bảo Tánh chép: Hành Nhị thừa tuy có vô thường, khổ, không, vô ngã... đối trị, nhưng đối với pháp thân Phật vẫn là điên đảo, điên đảo tức là vô minh độc đầu. Trí nghiệp vô lậu là thực hành ba thứ ý sinh thân, cũng là năm thứ ý sinh thân. Ý tức là thức, thức tức là danh

sắc, sáu nhập, xúc thọ, vô minh vi tế hoặc nghiệp, hý luận chưa rốt ráo diệt, tức là ái thủ, phiền não nhiễm nghiệp, nhiễm sinh nhiễm, chưa rốt ráo, tức là hữu, ba thứ ý nhân đổi dời tức là sinh, quả kia biến đổi tức là già chết, mười hai thứ này là quả vô lậu trong bốn thứ chướng, gọi là duyên tướng sinh hoại; duyên là phiền não đạo, tướng là nghiệp đạo, sinh hoại tức khổ đạo, cho nên biết giới ngoại có mười hai nhân duyên. Vì sao? Từ Đức Phật trở xuống đều có vô minh, vô minh thấm nhuần nghiệp, nghiệp đã bị thấm nhuần thì ắt phải khô. Mười hai loại này xoay vần tuy không lui sụt nhưng đọa lạc xuống dần, không chướng ngại từ vô minh xoay vần đến già chết, từ già chết xoay vần đến vô minh, làm chướng ngại thật lý, bởi do hoặc này, hoặc này được đối trị bằng hai quan nhập giả nhập trung, lại phân biệt. Vì sao? Vì ba thứ ý sinh thân gồm có nhiều thứ. Nếu phân tích thể Nhị thừa và Bồ-tát không giáo... trước dứt hết hoặc trong giới nội, nhưng chưa từng tu tập giả trung, sinh ở giới ngoại, giới ngoại hoặc hoàn toàn chưa hàng phục thì căn kia độn. Hoặc đối với kia khi tu tập quán cần phải thứ lớp lần lượt trải qua nhiều kiếp tu hành, học tập hằng sa Phật pháp, trước hết phá Trần sa hoặc, trần sa tuy không sinh tưởng nhưng làm chướng ngại sự hóa đạo, cho nên cần phải dứt trước, dứt hoặc này chỉ là điều tâm, mới hàng phục hoặc giới ngoại, tiến lên là dứt ba đường, tương ưng với độc đầu chi mạt đều bỏ, cho nên biết giả quán chính thâu nhiếp được trần sa, cũng thâu nhiếp được vô minh. Nếu hoặc chung của hai hạng người Biệt giáo, Viên giáo trước dứt hết thì biệt hoặc bị hàng phục, sinh về cõi kia, được thần căn thuộc về lợi, chỉ tu trung quán trị ba đường kia, từ Sơ địa đến địa cuối cùng, trong mỗi địa đều có ba đường. Mỗi địa vô minh diệt từng phần, nghiệp diệt khổ diệt, mỗi địa tương ưng bỏ thì độc đầu cũng bỏ, mỗi địa tuy có trí nhưng trí và vô minh lẫn lộn, lẫn lộn cho nên cũng được gọi là trí chướng, do vì chướng ngại trí trên phần, chỉ trong tâm Phật mới không có vô minh, thì phiền não dứt hết, vì phiền não dứt hết cho nên nghiệp hết, nghiệp hết cho nên khổ hết, ba đường rốt ráo chỉ còn như lai, cho nên Trung quán thâu nhiếp được hoặc giới ngoại.

3. Chỉ quán thâu nhiếp tất cả trí: Các trí ly hợp như trước đã nói. Ba quán trước thâu nhiếp tất cả. Thế trí không chiếu lý, thâu nhiếp trong mười một trí, nếu nói rộng thành hai mươi trí thì cũng thuộc về ba quán.

4. Chỉ quán thâu nhiếp tất cả hạnh: Trước trí là giải, giải mà không hành thì rốt cuộc cũng không đâu. Hạnh có hai thứ: Nghĩa là tuệ hạnh hành hạnh, như tuệ hạnh hành hạnh trong tam tạng giáo cho đến

tuệ hạnh hành hạnh trong Viên giáo. Tuệ hạnh là chánh hạnh, hành hạnh là trợ hạnh, Tỳ-bà-xá-na (quán) có công năng phá phiền não, lại phải dùng năng lực Ma-tha (chỉ) để giúp chánh tri kiến, hai hạnh chánh trợ tùy trí mà chuyển, như chân theo mắt. Nếu trong tam tạng giáo, vô thường tích quán là tuệ hạnh, bất tịnh từ tâm... là hành hạnh, hai hạnh này theo trí phân tích mà nhập không, nếu đối với Thông giáo mà thể nhập pháp như huyễn hóa thì đó là tuệ hạnh, trải qua tất cả sổ tức, niệm xứ, duyên sự chỉ quán là hành hạnh, hai hạnh này tùy thể pháp trí nhập không. Nếu vì giáo hóa chúng sinh đạo chủng trí duyên tục lý thuộc tuệ hạnh, duyên tục sự thuộc về hành hạnh, hai hạnh này tùy đạo chủng trí nhập giả. Nếu trung đạo duyên theo thật tướng, nhất đạo thanh tịnh là tuệ hạnh, trải qua tất cả pháp môn, các độ đều là Ma-ha-diễn mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, niệm xứ tức là ngồi đạo tràng... là hành hạnh, hai hạnh này tùy trung trí nhập thật tướng. Lại nữa, căn bản là bốn thiền định tuệ... cho nên thâu nhiếp cả hai, cõi dục định ít tuệ nhiều quán nhiếp, trung gian cũng thế. Tứ không thì định nhiều tuệ ít thuộc về chỉ, bốn tâm vô lượng ba tâm trước thuộc về quán, xả tâm thuộc về chủ chín tưởng tám niệm mười tưởng thuộc về quán. trong toán bối xả, ba bối xả trước thuộc về quán. Năm thứ sau thuộc về chỉ. Chín định thứ lớp như sư tử mạnh mẽ vượt lên... là thuộc về Chỉ. Bốn Niệm xứ là tuệ tánh thuộc về quán. Nếu thực hành bốn ý chỉ thuyết: Là thực hành tâm ghi chép điều bất tịnh... đây thuộc về chỉ nhưng cuối cùng là quán làm chủ. Bốn Chánh cần làm thành niệm xứ một lần trải qua thuộc về quán, nếu hai điều ác không sinh là thuộc về chỉ, hai điều lành sinh là thuộc về quán. bốn Như ý túc từ bốn nhân duyên mà được định, tức quả là tên thuộc về chỉ. Năm căn: Ba căn tín, tấn, tuệ thuộc về quán, niệm định, thuộc về chỉ, lại tín niệm thuộc cả hai năm lực cũng như vậy. Bảy giác phần: Trạch pháp, hỷ tấn... thuộc về quán, trừ xả định thuộc về chỉ, niệm thuộc cả hai (Chỉ và Quán). Tám chánh: Chánh kiến, chánh tư duy thuộc về quán, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng thuộc giới, tức thuộc về chỉ, chánh niệm chánh định chánh tinh tấn thuộc về chỉ. Bốn Đế ba đế là hạnh hữu vi thuộc quán môn, diệt đế là hạnh vô vi thuộc Chỉ môn. Thập lục hạnh (mười sáu hành tướng của Tứ đế) đều là quán môn, bốn thệ nguyện rộng lớn nương tứ đế khởi như kia. Mười tám pháp bất cộng, ba nghiệp tùy trí tuệ hành thuộc về quán. Ba vô thất thuộc về chỉ, biết ba đời thuộc về quán, ngoài ra có thể biết.

Bốn vô uý: Nhất thiết trí vô úy thuộc về quán, lậu tận vô úy thuộc về chỉ, chí xứ đạo thuộc về quán, chướng đạo thuộc về chỉ. Ba Tam-

muội môn thuộc về chỉ ba môn giải thoát thuộc về quán sáu độ: Ba thứ trước là công đức thuộc về chỉ, ba thứ sau là trí tuệ thuộc về quán. lại công đức năm dộ thuộc về chỉ, Bát-nhã thuộc về quán, lại sáu Độ đều là công đức trang nghiêm, thuộc về chỉ, cho đến chín thứ thiền của Đại thừa, một trăm lẻ tám Tam-muội đều thuộc về chỉ, mười tám không, mười dụ, năm trăm Đà-la-ni đều thuộc về quán. Tất cả tuệ hạnh, như vậy... hành hạnh đều thuộc về chỉ quán, nên biết chỉ quán tên gọi thì lược, nhiếp nghĩa thì rộng...

5. Nhiếp tất cả vị: Nếu nói nhất địa tức nhị địa, nhị địa tức tam địa thì vắng lặng chân như làm gì có thư lớp địa vị, đây thì không có địa vị thứ lớp. Lại nữa, trong kinh Đại thừa thì xứ xứ đều nói tất cả địa vị, bởi do vô sinh vô diệt chánh tuệ vô sở đắc, có công năng đối trị nghiệp khổ phiền não. Nếu ba đường tịnh thì đối với pháp vô vi làng gì có sai biệt địa vị thứ lớp. Nếu phân tích pháp nhập không, hai môn hữu vô đã dứt bỏ được ba đường, như luận Tỳ-đàm nói bảy hiền bảy Thánh bốn quả Sa-môn. Luận Thành Duy Thức nói hai mươi bảy Thánh hiền... tướng vị khác nhau, cho đến giai vị phi hữu phi vô môn đều là Tích không quán. hoặc thể pháp bốn môn nhập không dứt bỏ ba đường, như trong đại phẩm nói ba thừa và mười giai vị, từ càn tuệ địa cho đến địa thứ tám nhập không thuộc về chỉ quán, hoặc giai vị từ không nhập giả, tu trải qua biệt hạnh, bất đắc ý thành ba mươi tâm hàng phục hoặc, tức thuộc về hai quán không giả, nếu đắc ý thì phá được ba đường thành giai vị thập địa, tức thuộc về quán thứ ba, hoặc toàn dùng giả thuộc về quán, cho đến bốn môn cũng như vậy. Hoặc viên tín giải hạnh ngay nơi sự mà chân, từ quán hạnh nhập tương tự, tiến lên phá vô minh khai thị chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật. Gồm bốn mươi hai địa vị đồng ngồi thừa báu thẳng đến đạo tràng, kinh Niết-bàn nói ngày mười lăm ánh sáng mặt trời, mặt trăng dụng xoay chuyển hiển bày, dụ cho trí đức, ngày mười sáu ánh sáng mặt trăng, mặt trời dụng giảm dần, dụ cho đoạn đức, cũng như mười bốn thứ Bát-nhã là nhân vị, mười lăm như diệu giác là quả vị, đều thuộc về Trung quán cho nên bốn môn cũng giống như vậy.

Hỏi: Đại thừa không nói địa vị chỉ quán làm sao biết thuộc về loại nào?

Đáp: Kinh luận Đại thừa đều nói về địa vị, ông sợ địa vị nhập vô địa vị, không tánh khỏi không bị trói buộc, lìa tánh văn tự tức là giải thoát, tuy nói địa vị tức vô địa vị.

Trung luận chép: Như người ngoại đạo phá nhân quả thế gian thì không có đời nay đời sau, phá nhân quả xuất thế gian thì không có

Tam bảo bốn Đế, bốn quả Sa-môn, không có Tam bảo như thế, thấy đã không diệt thì không có Tam bảo, bốn Đế, bốn quả Sa-môn trong tam tạng giáo. Vẫn chưa đắc Chuyết độ đạo quả, thì chỗ nào mà có Tam bảo Tứ đế bốn quả sa môn của ba phiên sau?, đây là bác bỏ ngoại đạo hoàn toàn hông có Tam bảo... lần thứ tư. Nếu bác bỏ khác vọng, chỉ có Tam bảo, bốn Đế bốn quả sa-môn trong tam tạng giáo thì, không có đạo quả của ba phần sau. Như điều ta phá tức có Tam bảo bốn Đế bốn quả sa-môn. Vì sao? Vì nếu phân tích phá phiền não nghiệp khổ giới nội, thì có tam tạng giáo, tam bảo, bốn Đế, bốn quả sa-môn, nếu thể phá thì có Tam bảo, bốn Đế, bốn quả sa-môn ba lần. Chỉ một lời này có thể trị được sự ngưng trệ bên trong, phá sự tà vậy bên ngoài, bỏ sựtà tiểu hai bên, Tam bảo, bốn Đế chân chánh được thành. Vì sao nói không ư! Chỉ có vị không, vị chẳng chứng thì không rõ ràng, nay chỉ tin giáo, giáo có thì giai vị rõ ràng, giáo không thì hoát nhiên đồng với không tịnh. Nghĩa vô là cú nghĩa của Bồ-tát, y cứ vào không mà luận về giai vị thì giai vị không thật có, không nên sinh tranh luận. Lại y cứ hai kệ bốn câu trong Trung Luận cũng có nghĩa địa vị, kệ nói rằng: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không tức phá phiền não nghiệp khổ, lại có Tu-đà-hoàn hoặc trí hoặc đoạn, Bồ-tát này là pháp nhẫn vô sinh. Lục địa ngang bằng với Nhị thừa thất địa là phương tiện, Thập địa là như Phật, địa vị này tự rõ ràng, tại sao nói không?

Kệ chép: Cũng gọi là giả danh, là dần dần phá ba đường của giới ngoại, tức có bốn mươi hai địa vị Hiền Thánh, vì sao nói không?

Kệ chép: Cũng gọi nghĩa Trung đạo, tức là viên phá năm trụ, liền có giai vị sáu tức, vì sao nói không? Chỉ dùng bốn câu thâu nhiếp tất cả địa vị, tất cả địa vị không ra bốn câu không ra ngoài chỉ quán, cho nên nói thâu nhiếp địa vị.

6. Thâu nhiếp tất cả giáo: Luận tỳ-sa chép: Tâm có khả năng vì tất cả pháp đặt ra tên gọi, nếu có tâm thì không có tất cả tên gọi, phải biết tên gọi thế gian, xuất thế gian đều từ tâm khởi. Nếu quán tâm không ngay thẳng thì càng thuận dòng vô minh, sẽ có tất cả các ác giáo sinh khởi, đó là chín mươi lăm thứ giào tà kiến sinh, cũng có các thiện giáo khởi. Tại sao danh giáo xuất thế gian đều từ tâm khởi?

Luận Kiên Ý Ngũ hành lục giáp, âm dương bát quái, ngũ kinh tử sử, thế trí vô đạo danh giáo, đều từ tâm khởi. Tánh chép: Có một quyển đại kinh lớn như Tam thiên đại thiên thế giới, ghi chép sự việc trong đại thiên thế giới sự. Như trung, như tiểu, tứ thiên hạ ba cõi... là đại, đều ghi chép việc ấy ở trong một hạt bụi. Một hạt bụi đã như vậy tất cả hạt bụi

cũng như vậy. Một người xuất thế dùng thiên nhãn thanh tịnh này thấy quyển đại kinh này mà khởi ý rằng: Vì sao đại kinh trong hạt bụi mà không làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, liền dùng phương tiện phá vượt ra quyển kinh này để lợi ích người khác. Kinh nói quyển kinh trí tuệ vô ngại của như lai đầy đủ trong thân chúng sinh, do điên đảo che lấp nên không tin không thấy. Phật dạy chúng sinh tu tám Thánh đạo, phá tất cả luống dối thấy được trí tuệ của mình đồng với như lai... đây là căn cứ hạt bụi làm ví dụ, lại căn cứ không làm ví dụ.

Luận phát Bồ-đề tâm chép: Thí như có người thấy Phật pháp diệt, dùng mười hai bộ kinh của như lai viết trong hư không, đầy đủ rõ ràng, tất cả chúng sinh không có người nào biết, về sau lâu lại có một người đi trong hư không, thấy kinh than rằng vì sao chúng sinh không biết không thấy, liền viết chép lại và chỉ dạy cho chúng sinh. Vì sao chép kinh? Là vì muốn chúng sinh tu tám Chánh đạo, phá luống dối.

Tu có nhiều cách: Hoặc quán tâm nhân duyên sinh diệt vô thường tu tám Chánh đạo, tức viết chép kinh tam tạng giáo; hoặc quán tâm nhân duyên tức không, tu tám Thánh đạo, tức viết kinh Tông giáo; hoặc quán tâm phân biệt so sánh có vô lượng thứ, hàng phàm phu Nhị thừa không thể so lường, hàng Bồ-tát có pháp nhãn mới được đó là tu vô lượng tám Thánh đạo, tức chép kinh trung đạo, nói tất cả các pháp đều xuất phát từ trong tâm, tâm đức Đại thừa, tâm tức Phật tánh, tự thấy trí tuệ mình đồng với như lai. Lại quán tâm tức giả, tức trung liền thuộc về Kinh Hoa Nghiêm; hoặc quán tâm, pháp do duyên sinh là sinh diệt, tức thuộc về Tam tạng tứ A-hàm giáo như sữa; hoặc quán tâm tức không thì thuộc kinh về Bát-nhã như lạc; hoặc đầy đủ quán tâm nhân duyên sinh pháp tức không, tức giả, tức trung, tức thuộc về Phương Đẳng sinh tô; hoặc chỉ dụng tức không, tức giả, tức trung, thì thuộc kinh đại phẩm thục tô; hoặc dùng tức trung quán tâm, thì thuộc về kinh pháp hoa khai trì kiến Phật đại sự chánh trực đề hồ; hoặc dùng bốn câu tương tức quán tâm, tức có kinh Niết-bàn đồng thấy Phật tánh đề hồ. Như Lai quán nhân duyên, lại quán nhân duyên tức là Phật tánh, Phật tánh tức là như lai. Đó gọi là trong sữa (có chất độc) giết người, hoặc quán tích không, lại quán tích không tức là Phật tánh, Phật tánh tức là như lai, đó gọi là trong lạc giết người; nếu quán tức không, lại quán tức không tức là Phật tánh đó gọi là sinh tô giết người; nếu quán giả danh, lại quán giả danh tưc là Phật tánh, đó gọi là thục tô giết người; nếu quán tức trung, lại quán tức trung tức là Phật tánh, đó gọi là đề hồ giết người. Nay nói chung về chết người, tức nhị tử đã dứt, ba đường thanh tịnh, gọi là giết người, đó

ogị là chỉ quán nhiếp bất định giáo, lược thâu nhiếp như trên. Rộng thâu nhiếp; là tất cả kinh giáo đều dùng chỉ quán thâu nhiếp không gì không cùng tận. Lại nữa, tâm thâu nhiếp các giáo lược có hai ý:

1. Tất cả chúng sinh trong tâm đầy đủ tất cả pháp môn, pháp của như lai lần lượt chiếu sáng tâm kia. Xét tâm kia mà nói, vô lượng giáo pháp từ tâm lưu xuất ra.

2. Đức như lai trải qua nhiều kiếp xa xưa từng tạo tác các phương tiện tiệm đốn quan tâm thiên viên đầy đủ, y tâm quán này nói cho chúng sinh nghe, giáo hóa đệ tử khiến học giáo pháp của như lai, đập vỡ hạt bụi lấy ra quyển kinh chép vào hư không, cho nên có tất cả kinh quyển, đều thuộc về ba chỉ ba quán.

Sáu ý trên thuộc về thứ lớp pháp có thể hiểu. Nay dùng thẳng một pháp thâu nhiếp tất cả pháp là một lý thâu nhiếp tất cả lý, tất cả hoặc, tất cả trí, tất cả hạnh, tất cả giáo. Lại một hoặc nhiếp tất cả lý, trí, hạnh, vị, giáo. Lại một thâu nhiếp tất cả lý, hoặc, hạnh, vị, giáo. Lại một hạnh thâu nhiếp tất cả lý, hoặc, trí, vị, giáo. Lại một vị thâu nhiếp tất cả lý, hoặc, trí, hạnh, giáo. Lại một giáo thâu nhiếp tất cả lý, hoặc, trí, vị, giáo.

Thứ năm: Nói về thiên viên: Người tu hành đã biết chỉ quán không pháp nào mà không thâu nhiếp, thâu nhiếp pháp đã nhiều, cần phải biết ý đại tiểu, công bất cộng, ý quyền thật tư nghị, cho nên chọn thiên văn. Căn cứ vào đây chia làm năm:

1. Nêu rõ đại biểu.
2. Nêu rõ bán mãn (nửa đủ).
3. Nêu Thiên Viên.
4. Nêu rõ tiệm đốn.
5. Nêu rõ quyền thật.

Chí lý thì không đại, không tiểu, cho đến không quyền, không thật. Đại tiểu, quyền thật đều không thể nói nếu có nhân duyên đại tiểu... đều có thể nói được. Dùng năng lực tiểu phương tiện vì năm Tỳ-kheo nói tiểu, dùng năng lực đại phương tiện vì các vị đại Bồ-tát nói đại. Đại tiểu tuy đều là phương tiện cần phải biết rõ nguyên nhân nguồn gốc, cho nên dùng năm cặp liệu giản để không hỗn tạp bừa bãi (hỗn lạm).

1. Tiểu là Tiểu thừa: Do trí tuệ kém, chỉ có khả năng tu phân tích pháp, chỉ quán chia chẻ sắc tâm, như luận giải thích đàn Ba-la-mật, phá gần với hư không của ngoại đạo rằng, trần này là có hay không, nếu có sắc cực vi thì có mười phương, nếu không có sắc cực vi thì không có

mười phương phần, nếu chia chẽ phân tích cực vi sắc không cùng tận thì thành thương kiến hữu kiến, nếu phân tích sắc cực vi không cùng tận thì thành thường kiến hữu kiến, nếu phân tích cực vi cùng tận thì thành đoạn kiến vô kiến. Ngoại đạo này phân tích sắc, phân tích tâm cũng giống như vậy. Nếu chấp có tâm, vô tâm đều rơi vào đoạn kiến, đây đều thuộc sự phân tích sắc tâm của ngoại đạo. Văn luận vẫn nói pháp quán phân tích của tam tạng giáo rằng, sắc hoặc thô hoặc tế đều quán là vô thường vô ngã, vì sao? Vì sắc thô tế... đều từ vô minh sinh, do vô minh thật cho nên thô tế đều là giả, giả cho nên vô thường vô tánh, liền được nhập không. Lại do vậy nên tâm khởi phải nương vào căn trần, không có một pháp nào không từ duyên sinh, do từ duyên sinh nên đều vô thường. Hoặc nói một niệm tâm có sáu mươi sát-na hoặc nói ba trăm ức sát-na, sát-na không dừng, niệm niệm vô thường. Vô thường vô chủ phiền não vốn hoại, do vô nghiệp vô khổ sinh tử hoại, nên gọi là Niết-bàn, đó gọi là phân tích sắc tâm quán ý. Phân tích danh vốn là ngoại đạo đối phá phân tích tà vậy và nói về phân tích chân chánh. Đâu chỉ có ngoại tà phải phân tích chân chánh. Mà nếu đệ tử Phật chấp giáo môn của Phật mà sinh chấp trước cũng cần giải thích phân tích chánh. Cái gọi là tam tạng giáo bốn môn sinh bốn thứ kiến chấp cho đến bốn môn Viên giáo sinh bốn kiến chấp, hý luận tranh chấp, tự cho mình là đúng, người khác là sai, đều là uống cam lộ mà làm tổn thương tánh mạng, chết sớm, như xiềng xích vàng tự khóa buộc, trôi lặng trong vòng sinh tử, cần phải phân tích chân chánh, cho nên đại luận nói rằng: Phá Niết-bàn không phá Niết-bàn mà bậc Thánh chứng đắc, nhưng vì người học chưa đắc Niết-bàn chấp thành hý luận, cho nên nói phá Niết-bàn. Nếu vậy đều dụng pháp phương tiện phân tích để phá gồm có bốn môn, trong mỗi môn đầy đủ mười pháp giới, hiểu nhân duyên chân chánh cho đến không khởi pháp ái, có thể đối với các môn thấy được Đệ nhất nghĩa, cho nên biết tam tạng giáo bốn môn phân tích pháp chỉ quán, quyết định là Tiểu thừa.

Kế là nói chữ Đại là Đại thừa. Trí tuệ thông minh tu pháp thể pháp chỉ quán bất sinh bất diệt, pháp đại nhân thực hành gọi là Đại thừa. Trung luận nói tức không là nói về Ma-ha-diễn, Ma-ha-diễn tức là Đại. Trong Ma-ha-diễn: Muốn đắc quả Thanh văn phải học Bát-nhã, vì vốn đây là pháp của Bồ-tát. Đại bao gồm tiểu, gần kề Thanh văn, thí như Chu tước môn do nhà trời lập, chính thông việc của vua không ngại các việc nhỏ, do đó ra vào, tuy thông tiểu nhân nhưng cuối cùn là thiên môn. Nay Ma-ha-diễn cũng như vậy, chính là Bồ-tát thể pháp nhập

không, tuy có Tiểu thừa nhưng cuối cùng cũng gọi là đại; giống như tam tạng giáo phân tích pháp, tuy có Phật, Bồ-tát cuối cùng là Tiểu thừa. Có chỗ nói Đại thừa thể pháp quán khác với tam tạng giáo, tam tạng giáo gọi là giả nhưng pháp là thật, phân tích thật khiến thành không, thí như phá cột chống khiến cho không còn. Nay thể của Đại thừa ý gọi thật đều là giả, tự tướng là không, xưa nay vắng lặng, thí như gương chiếu cây cột, chứ vốn tự gương chẳng phải cây cột, không đợi cột diệt mới là không, mà ngay nơi hình bóng gương đã là không rồi, bất sinh bất diệt, khác với cây cột thật. Lại đại luận nói Ma-ha-diễn quán nhân thể pháp. Dẫn quán một đầu thì đầy đủ mười tám không, đó gọi là thể pháp quán. Lại nữa, tam tạng giáo đã phân tích gọi là tùy tình quán sắc tâm, quán phân tích hữu cũng là sự quán, đã nhập chân, chân chẳng phải Phật tánh, không hiểu thật lý chỉ tùy tình gọi là chân. Đại thừa thể pháp gọi tùy lý quán sắc tâm, như tìm huyễn gặp được nhà của thuật tìm nhà sở thuật được pháp ảo thuật, cũng như tìm mộng được ngủ, tìm ngủ được tâm, tìm sắc tâm huyễn được vô minh, tìm vô minh được Phật tánh, thể phpá thông lý cho nên gọi là tùy lý quán. thể pháp chỉ quán gồm có bốn môn, trong mỗi môn đều đầy đủ mười pháp thành quán, pháp quán này chẳng phải dữ thể sắc tâm quả báo của ngoại đạo, mà còn can dự tất cả chấp trước tam tạng giáo bốn môn, cho đến bốn môn của Viên giáo chưa được nhập, chấp môn thành kiến thể đều như huyễn, quyết định gọi là Đại thừa chỉ quán. nếu nay đắc dụng quán ý, các môn Đại thừa sinh chấp còn phải phá không, chứ không bao giờ đồng với các pháp sư, Thiền sư thế gian kia, xưng đạo đức của lão tử, tiêu diêu của Trang tử là ngang hàng với Phật pháp, nghĩa ấy không đúng. Viên môn sinh chấp trước còn là sơ môn của tam tạng giáo đã phá, Tiểu thừa còn không nhập, huống chi phàm phu kiến tâm nhỏ hẹp như ánh sáng con đom đóm và mặt trời khác nhau xa, không thể so sánh được, tự nói đạo chân thật, xem thường Đức Phật, đâu không phá được ư?

2. Nói về bán mãn: Bán là nói về chín bộ pháp, mãn là nói về mười hai bộ pháp, truyền bá ở đời, Niết-bàn thường trú bắt đầu lại là mãn, các kinh khác đều là bán.

Bồ-đề Lưu-chi nói: Tam tạng giáo là bán Bát-nhã, trở đi đều là mãn. Nay nói về bán mãn là nâng đỡ phụ giúp thành đại tiểu. Trước đã phân tích thể để phê phán đại tiểu, nay cũng dùng thể để phân tích, phê phán bán mãn, như trước...

3. Nói về thiên viên: Thiên là thiện lệch, viên là viên mãn. Thông thường gọi tiểu là thiên, đâu lại không được nghĩa riêng phân biệt ý thì

không thể được, bán tiểu cả hai gọi là khắc, định hạn cuộc về ngắn, dẫn không được dài, nghĩa thiên thường thông từ tiểu đến đại, thí như nửa mặt trăng ngang bằng thượng huyền hạ huyền (ngày mồng bảy mồng tám và ngày hai mươi hai, hai mươi ba), dần dần mặt trăng không như vậy, bắt đầu từ cung nga cuối cùng là đêm mười bốn đều gọi là tiệm, chỉ có đêm mười lăm mới gọi là viên, là mặt trăng tròn đầy, tiểu bán cũng như vậy. Ngang bằng với sự phân tích pháp bán tự Tiểu thừa không được gọi là Đại, ý thiên thì xa, từ đầu tam tạng giáo phân tích pháp chỉ quán trở lên. Biệt giáo chỉ quán bỏ, bên như nhập trung trở xuống đều gọi là thiên. Cho nên, Đại Kinh chép: Từ trước đây về trước chúng ta đều là người tà kiến. Chỉ có Viên giáo chỉ quán nhất tâm ba đế tùy tự ý nói này mới được gọi là viên.

4. Nói về tiệm đốn: Tiệm là thứ lớp từ cạn đến sâu, đốn là nhanh chân đến cùng cực. Đây cũng không phải biệt ý lại giúp thành thiên viên, ba giáo chỉ quán thảy đều là Tiệm, Viên giáo chỉ quán gọi là Đốn. Đây là xét về danh, giải thích ý nghĩa đã rõ ràng.

Nay lại rộng phân biệt không để dư sót. Nếu chỉ quán của hai giáo trước là tiệm mà chẳng phải đốn, năng lực còn xa không sánh bằng, chỉ khế hợp với thiên chân, Viên giáo chỉ quán là đốn chẳng phải tiệm, như đi con đường rộng lớn ngay thẳng, tức bên mà trung, chỉ quán của Biệt giáo vừa tiệm vừa đốn. Vì sao? Vì hàng sơ tâm biết bên trong cho nên gọi cũng đốn. Trải qua phương tiện nhập cho nên gọi cũng Tiệm. Lại nữa, hai thứ quán trước quán giáo hạnh chứng đều gọi là Tiệm. Giáo quán hạnh của Biệt giáo đều gọi là Tiệm, chứng đạo là đốn, giáo quán hạnh của Viên giáo chứng đều gọi là đốn? Vì sao? Vì hai quán trước là phương tiện nói lều tranh nhà cỏ đường nhỏ quanh co cho nên giáo quán bốn thứ đều là tiệm, biệt quán đeo mang phương tiện nói, hoặc nương phương tiện thật hành trước phá chung, cho nên ba thứ đều là tiệm, sau phá vô minh thấy Phật tánh, cho nên chứng đạo là đốn. Viên quán chánh trực xả phương tiện chỉ nói đạo phương tiện, chỉ một sự thật này, hai thứ còn lại chẳng phải chân. Nói rất thật sự đó gọi là giáo thật, thật hành hạnh như lai, vào nhà như lai, đắp y như lai, ngồi tòa như lai... lại có một hạnh là hạnh như lai, đó gọi là hành thật. Đã thấy Trung đạo đức nhất rốt ráo, đồng với pháp thân như lai chứng đắc không sai không khác, đó gọi là chứng thật. Hai quán trước trong nhân có người chứng giáo hạnh, trong quả chỉ có giáo không có người hành chứng. Vì sao? Vì người này trong nhân đã nguội thân nhập vào nơi vắng lặng, chìm đắm vào không tận diệt, không được thành quả Phật ban đầu, dùng phương

tiện nói thẳng, cho nên có giáo mà không có hạnh không có người chứng, trong nhân của Biệt giáo có giáo hạnh có người chứng. Nếu y cứ vào quả chỉ có giáo mà không có hạnh và người chứng. Vì sao? Nếu khi phá vô minh bước lên Sơ địa, tức là địa vị sơ trụ của Viên giáo, chẳng trở lại vị Sơ địa của Biệt giáo, Sơ địa còn như vậy huống chi địa sau quả sau, cho nên biết vì người không đến nơi quả cho nên nói quả đầu tiên không có người, trong nhân Viên giáo thì người chứng giáo hạnh đều từ nhân đến quả, đều là chân thật, cho nên nói thật có người. Lại nữa, ba thứ chỉ quán trước giáo hạnh người chứng chưa gặp lúc, còn không biết viên huống chi nhập viện, nếu Phật hội tông khai tiệm bày đốn thảy đều thông nhập, tuy chẳng phải tức đốn mà là tiệm đốn. Cho nên Kinh Pháp Hoa chép: Các ông thực hành đạo Bồ-tát, xe báu các thừa là bổn nguyện của mỗi người, quyết liễu pháp Thanh văn là vua của các kinh, khai pháp thông với tiệm khiến cho được nhập, dùng lý riêng để tiếp nhân, cho nên trong kinh Niết-bàn hàng Nhị thừa chứng đắc đạo quả không ngăn cách viên thường, nhờ sự tu học này đều sẽ thành Phật, tức là từ tiệm nhập viên, cũng gọi là ý khai tiệm hiển đốn. Lại nữa, bốn thứ chỉ quán nhập viên không cần đợi hạnh mà thành nhập viên, không cần đợi khai tiệm hiển đốn mà nhập viên, nhập thì bất định, vì sao? Vì tất cả các tam tánh chánh nhân thí dụ như sữa, nghe pháp liễu nhân gọi là trí độc, chánh nhân không dứt mất như sữa bốn vi năm vị tuy biến đổi nhưng bốn vi thường còn, cho nên độc tùy bốn vi, mỗi vị đều giết người, tâm tánh chúng sinh cũng giống như vậy. Chánh nhân không hoại, chất độc liễu nhân theo chánh quá nhanh, chỗ nào cũng được phát, hoặc lý phát, hoặc giáo phát, hoặc hạnh phát, hoặc chứng phát, Bích-chi-Phật lợi trí tuệ bén nhạy, gốc lành thuần thục, sinh nhằm đời không có Phật tự nhiên được ngộ, lý phát cũng như vậy. Nhiều đời gieo trồng gốc lành đời này tuy không nghe Viên giáo, chất độc liễu nhân nhâm vân tự phát, đây là lý phát. Nếu nghe hoa nghiêm mặt trời mới mọc chiếu trên núi cao thì được ngộ, đây là giáo phát. Nghe rồi tư duy, tức ngộ, đây là quán hạnh phát. Hoặc là sáu căn thanh tịnh địa vị tăng tiến, phá vô minh là tương tự chứng phát hoặc là tăng đạo tổn sinh cũng gọi là chứng phát. Đây là y cứ vào viên g iáo luận nhập không nhất định. Nếu người tu hành ba giáo trước đều ở địa vị phàm phu mà phát tức là lý phát, hoặc nghe giáo pháp thì gọi là giáo phát; hoặc tu phương tiện tức là quán hạnh phát; nếu ở trong địa vị Hiền Thánh phát, tức là chứng phát. Ở đây là y cứ vào ba nhà mà nhập thì bất định. Lại có bất định mà chẳng giết người, như khi tu vô lậu thì hữu lậu không cầu mà tự phát,

hoàn toàn không sát hai thứ tử. Nếu tu trung đạo phát được vô lậu, từ biệt hẳn biển khổ luân hồi ba cõi mới là một lần chết mà chẳng phải hai lần chết, cũng gọi là bất định... lại nữa, bốn thứ chỉ quán phải chia ra viên tiệm. Trong tam tạng giáo có từ sơ tâm phương tiện đến nhập vị chân thật, đó gọi là tiệm. Ba mươi bốn tâm dứt bỏ kết thành quả, đâu không gọi là viên, trong Thông biệt, từ sơ tâm đến hậu tâm đâu không phải tiệm viên, trong viên nên thể lý cực gọi là viên, cũng có sơ tâm cho đến địa bốn mươi mốt đâu không phải là tiệm. Diệu giác rốt ráo đâu không phải là viên, viên viên chẳng phải tiệm, viên viên tiệm chẳng phải tiệm tiệm, cho nên biết sẽ chia, đều đủ hai nghĩa, trong pháp hoa sớ sẽ nói rộng, nhưng tiệm tiệm chẳng phải viên tiệm có thể đắc thành viên tiệm tiệm viên chẳng phải viên viên, không thể được thành viên viên. Vì sao? Kinh Pháp Hoa chép: Các ông thực hành đạo Bồ-tát, cho nên tiệm tiệm thanh viên tiệm, tiệm viên quyền thiết lập quả ba giáo, không thể đổi thành Phật diệu giác, chẳng hạn như tiểu tiểu chẳng phải đại tiểu có thể được thành đại tiểu, tiểu đại chẳng phải đại đại, không thể được thành đại đại. Quyền quyền chẳng phải thật quyền có thể được thành thật quyền, quyền thật chẳng phải thật thật không thể được thành thật thật. Vì sao? Vì trong ba giáo quả ban đầu có giáo mà không có người, cho nên quyền thật không thể thành thật thật. Bán mãn tiệm đốn đều lệ theo như thế mà phân biệt, không cần ghi chép phiền phức. Quán tâm suy xét việc đã qua, pháp tương ưng như vậy nhưng mọi người phần nhiều không tin, nay dùng năm thí dụ về Niết-bàn để giải thích thành ý nào.

Thứ sáu nói rằng: Phàm phu như sữa, Tu-đà-hoàn như lạc, Tư-đà-hàm như bảo sống, A-na-hàm như bơ chín, A-la-hán Bích-chi-Phật như đề hồ.

Đại Luận chép: Trong kinh Thanh văn gọi a-la-hán là Phật địa, cho nên ba người đồng là đề hồ, đây là thí dụ, đâu chẳng phải giải thích ý năm vị viên đốn trong tam tạng giáo, giống như đây thì được thành.

Tam thập nhị nói rằng: Chúng sinh như máu sữa lẫn lộn, Tu-đà-hoàn, tư-đà-hàm như sữa trong sạch, A-na-hàm như lạc, A-la-hán như tô sống, Bích-chi-Phật, Bồ-tát như tô chín, Phật như đề hồ, thí dụ này há không giải thích năm vị trong Thông giáo ư? Bích-chi-Phật thói quen ít hơn Thanh văn, cho nên cùng Bồ-tát đồng là bơ chín, Phật thì thói quen đã hết nên gọi là đề hồ. Nương vào loại Thông giáo này mà tiệm viên sẽ hiển bày. Thứ chín nói rằng: Chúng sinh như bò mới sinh máu sữa chưa phân biệt, hàng Thanh văn như sữa, duyên giác như lạc, Bồ-tát

như bơ sống, bơ chín Phật như đề hồ, thì dụ đây đều là ý năm vị của Biệt giáo. Sơ trụ trong Thập trụ đã dất hết kiến hoặc, tư hoặc của Thông giáo gọi là sữa, nói tóm lại so sánh hàng Thanh văn với thập hậu tâm sâu sắc cho nên sánh Bích-chi-Phật như lạc, thập hạnh, thập hồi hướng như bơ sống, bơ chín, sơ tâm thập địa đã gọi là Phật, cho nên như đề hồ, nhờ đây mà hiển hiện thành biệt quán, sẽ chia ra ý tiệm viên.

Nhị thập thất nói rằng: Núi tuyết có loại cỏ tên là nhẫn nhục, trâu bồ ăn cỏ này vào thì thành đề hồ. Cơ dụ cho chánh đạo, nếu có thể tu chánh đạo thì thành Phật tánh, thí dụ này đều là ý viên. Không trải qua bốn vị tức thành đề hồ, nương vào đây thành ý tiệm viên...

Thứ tám nói rằng: Bỏ thuốc độc vào sữa, khắp trong năm vị đều có thể giết người, thí dụ này há không thí dụ với bất định, tức thành bốn thứ lý, giáo, hạnh, chứng mà được nhập vào viên... nay y cứ vào tiệm đốn mà liệu giản như thế, trước ba khoa sau một khoa cũng phải như vậy. Nhưng tiểu đại, bán mãn, tề giới hạn phạm vi khoông được giống nhau.

5. Nói về quyền thật: Quyền là mưu kế tạm dùng, xong việc nhỏ thì bỏ, thật là ghi chép sự thật, chỉ quy rốt ráo. Lập quyền được làm ba ý:

1. Là thật thí quyền;
2. Khai quyền hiển thật.
3. Phế quyền hiển thật.

Như ba thí dụ về hoa sen trong kinh pháp hoa, các Đức Phật vì, một việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, vốn là viên đốn chỉ quán nhất thật mà lập bày chỉ quán ra ba quyền. Quyền chẳng phải bốn ý, ý cũng chẳng ở ngoài quyền, chỉ khai chỉ quán ba quyền mà hiển bày chỉ quán viên đốn nhất thật. Vì thật mà thi thiết quyền, thật nay đã lập, khai quyền hiển thật, quyền tức là thật, không có quyền để luận bàn. Cho nên, phế quyền hiển thật, quyền phất thật còn, tạm dùng giải thích danh nghĩa kia là thích hợp.

Hỏi: Vì sao dùng quyền thật này?

Đáp: Đức Phật biết các tánh dục của chúng sinh, nên dùng bốn tất-đàn thành thục, nếu có người muốn nghe nhân duyên chính thì nên nói cho họ nghe tam tạng quán, nếu muốn nghe nhân duyên thì không nên nói cho họ nghe về thông quán, muốn nghe trải qua nhiều kiếp tu hành nên nói cho họ nghe biệt quán, muốn nghe tức trung thì nên nói cho họ nghe về viên quán, đó gọi là tùy thế giới tất-đàn, cũng gọi là tùy lạc dục. Vì thật thi thiết quyền nên nói chỉ quán quyền thật. Vì việc phò

chân mà khéo nói tam tạng quán, vì muốn phò lý chân nên khéo nói thông quán, vì muốn phò lý trung nên kheo nói viên quán, đó gọi là tùy vị nhân tất-đàn cũng gọi là tùy tiện nghi mà nói chỉ quán quyền thật. Vì phá tà nhân duyên, vô nhân duyên mà nói tam tạng giáo quán, vì phá vụng độ cho nên nói thông quán, vì phá cộng pháp cho nên nói Viên giáo, đó gọi là đối trị tất-đàn nói chỉ quán quyền thật. Vì hàng độn căn vụng độ khiến nhập chân đế mà nói tam tạng giáo quán, vì hàng lợi căn khéo độ tư nghì khiến nhập chân đế nên nói thông quán, vì hàng lợi căn khéo độ tư nghì khiến nhập kiến trung cho nên nói viên quán, đó goi là một thật mà lập bày ba quyền, quyền thật tương đối thì có bốn thứ chỉ quán. vì thật mà bày quyền, ý giống như ở đây. Quyền thật phát sinh là do tất-đàn, quyền thật có thể bỏ cũng do tất-đàn. Vì sao? Vì chúng sinh phiền não kiết sử sầu dày, gốc lành trí tuệ mỏng manh, cho nên sinh sơ quán, khởi việc lành kia, nếu việc lành sinh thì phiền não được hàng phục cạn mỏng, tức phế bỏ tam tạng giáo quán, vì chúng sinh lý thiện hưng khởi từ nơi thông quán, lý thiện đã sinh tức phế bỏ Thông giáo; vì chúng sinh giới ngoại sự thiện thì hưng khởi biệt quán, giới ngoại sự thiện đã sinh thì phế bỏ biệt quán; vì chúng sinh giới ngoại lý thiện tức hưng khởi Viên quán, đó gọi là hưng phế nhân duyên cho nên nói quyền thật chỉ quán, ba thứ tất-đàn còn lại hưng phát hay phế bỏ có thể hiểu.

Nếu y cứ năm vị giáo để nói về hưng khởi hay phế bỏ, kinh Hoa Nghiêm gọi đó là người đại hạnh. Phế bỏ hai quyền, hưng khởi một quyền một thật, tam tạng giáo phế bỏ hai quyền một thật, chỉ hưng khởi một quyền. Kinh Phương Đẳng bốn thứ đều hưng khởi, kinh Bát-nhã phế bỏ một quyền, hưng khởi hai quyền một thật, kinh Pháp Hoa phế bỏ ba quyền, hưng khởi một thạt, kinh Niết-bàn lại hưng khởi bốn thứ, đều nhập Phật tánh không gì có thể ngăn cách. Thế nên đức như lai khéo dùng tất-đàn, phát khởi phế bỏ hợp thời, thuận căn cơ mà làm, đều vì lợi ích chúng sinh, cho nên như lai bất không nói pháp, vì muốn độ người cho nên phải phát khởi, phải phế bỏ. Đối ba quyền nói một thật, thật còn quyền bỏ, đã như trước nói. Nay lại phân biệt chia làm bốn thứ chỉ quán, đều là thật chẳng phải luống dối. Vì sao? Vì nếu không khai thông quyết định thì không nhập lý, nay quyết định rõ ràng pháp Thanh văn đứng đầu trong các kinh. Mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật, mỗi một chỉ quán đều được nhập viên, như ngựa thấy bóng roi liền chạy nhan và đúng đường, cho nên bốn thứ đều là thật. Lại bốn thứ đều là quyền, vì sao? Vì bốn lý đều không thể nói, quyền không thể nói cho nên chẳng phải quyền, thật không thể nói cho nên chẳng

phải thật. Chẳng phải quyền mà gượng nói là quyền, chẳng phải thật mà gượng nói là thật, đều là gượng nói. Do ý gì mà không gọi là thật ư? Vì có nói cho nên đều là quyền. Lại quyền thật này đều là chẳng phải quyền, chẳng phải thậ. Vì sao? Vì đều là không thể nói, chẳng phải quyền chẳng phải thật này không được phân chia để hướng thật, hướng do thấy lý là thật, thật chỉ là chẳng phải quyền chẳng phải thật, do đó nghĩa này không khác. Nếu khác lẽ ra có tuệ riêng phải chiếu lý riêng, lý hoặc đã đồng thì kiến sử không thể khác. Đối quyền cho nên nói thật, phế bỏ giáo cho nên nói lý, cho nên chẳng phải quyền chẳng phải thật, ngay nơi giáo là lý, quyền thật chẳng phải quyền chẳng phải thật, không hai không khác, không hợp không tan, phi quyền phi thật, lý tánh thường vắng lặng gọi là chỉ, vắng lặng mà thường chiếu soi, vừa quyền vừa thật gọi là quán, quán cho nên xứng trí, xứng Bát-nhã, chỉ cho nên xứng nhãn, xứng Thủ-lăng-nghiêm, những thứ như vậy... gọi là không hai không khác, không hợp không tan, tức chỉ quán bất khả tư nghì. Đây chẳng những khai thật là chẳng phải quyền chẳng phải thật mà khai quyền cũng là chẳng phải quyền chẳng phải thật, cũng thuộc ý khai quyền hiển thật đó thôi.

Hỏi: Là một thật lập này ba quyền, chỉ có bốn thứ chỉ quán, nếu dùng biệt tiếp thông chỉ quán thì là quyền hay thật, lại vì ý gì mà không liên hệ đến bốn số, do ý gì mà chỉ nói tiếp thông, địa vị nào bị tiếp, tiếp nhập vào địa vị nào?

Đáp: Tiếp được nhập vào giáo này thì thuộc quyền, tiếp được nhập chứng này thì thuộc thật. Bốn giáo nói về từ đầu đến cuối, tiếp chỉ cuối cùng mà không phải ban đầu, cho nên không nhập bốn giao, các giáo đều tiếp cũng phải có nghĩa này, nghĩa này dùng, hai giáo nói về lý giới nội, hai giáo nói về lý giới ngoại, hai chỗ giao mé phải đặt trong một tiếp, cho nên chỉ dùng biệt tiếp thông. Nếu đều thông vì nói không luận phá vô minh, hàng bát địa gọi là Bích-chi-Phật địa, từ đây bị tiếp, biết có trung đạo, địa thứ chín hàng phục vô minh, thập địa phá vô minh, tức gọi là Phật. chỉ phá một phẩm đâu được gọi là cùng cực, cho nên biết là tiếp nhập vào biệt. Nếu hướng vọng về Biệt giáo tức nhập vào hạnh vị Sơ địa, hoặc y cứ vào để để nói về tiếp, thì chân đế của Thông giáo trong không hiệp lại mà luận, từ đầu đến cuối chỉ quán là không trong chân, phá sạch kiến tư hoặc đạt đến địa thứ tám mới gọi là trung trong chân, cho nên nói trí giả thấy không và bất không, bị tiếp mới nghe, nghe rồi thấy lý, tức là nhập vào biệt vị. Bồ-tát tam tạng nói về vị thì không như vậy, cho nên không nói về tiếp. Biệt viên phát tâm

đã biết trung đạo lại sẽ tiếp giáo nào, cho nên biết tiếp chỉ tại thông.

Hỏi: Ba quyền đều đắc, biết thật hay không?

Đáp: Biệt giáo biết đầu tiên, Thông giáo biết sau, tam tạng giáo từ đầu đến cuối không biết.

Hỏi: Nếu biết thì ý gì gọi là quyền, nếu không biết thì hai kinh trái nhau?

Đáp: Biệt tuy đầu nhưng mang phương tiện mới nghe, giáo còn gọi là quyền, thông tuy biết sau nhưng có thể tiếp rồi biết, chung cục của giáo là quyền, ý kia có thể thấy.

Nếu nói tam tạng giáo không biết, trái với hai kinh thì Đại Kinh chép: A-la-hán không biết tam bảo là thường trụ bất kiến, tất cả giới cấm cũng không đầy đủ, không thể chứng đạo Thanh văn, nghĩa này ở đây sẽ thông. A-la-hán tự lực không có tri kiến thường trụ, thí như thiên nhãn chưa khai mở không thấy được ngoại chướng, không nghe người khác nói, cũng không thể biết la-hán. Phật nhãn chưa mở lại không nghe Phật nói làm sao được tự biết thường trụ. Cho nên kinh pháp hoa nói: Tự mình đã chứng đắc công đức, sinh ý tướng diệt độ, nếu gặp các Đức Phật liền được quyết định rõ ràng.

Lại Chép: Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát không lui sụt cũng không thể biết, nên biết không nghe thì không biết. Kinh nói biết là đều biết lý chân đế vô vi của mình, cũng là đối với thường một tướng không biến đổi. Nếu người phân biệt chân đế hai tướng biến chuyển, thì chẳng thể phát chân, cần phải quán không mới nhập vô lậu, như Tu-Bồ-đề quán không, Kiều-trần-như chứng trí vô sinh... lại luật nghi không đầy đủ, nếu có thể quán không đắc đạo cộng giới, đây là giới cụ túc. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm chép: Tánh tướng chân thật của các pháp là thường trụ nói thông đắc, giải thích như thế, nếu không giải thích như thế thì tam tạng giáo không nói Đại thừa thường trụ, Thanh văn đâu được đầy đủ, Thanh văn đạo đầy đủ giới cấm ư? Nếu giải thích như thế thì đạo công giới không mất mà càng thêm tốt đẹp. Lại nêu ra ví dụ để giải thích, như trong phẩm chép: Dâm dục làm chướng ngại sinh phạm thiên, huống chi Bồ-đề, vì sinh phạm thiên phải dứt bỏ dâm dục, muốn được Bồ-đề phải dứt dục hai bên. Tên dục tuy đồng ý kia thì khác, nghĩa này cũng giống như vậy. Muốn nhập chân đế phải biết vô vi thườngkhông biến đổi, muốn nhập thật tướng cũng biết thường trụ nhất tướng bất kiến, biết thường ngữ thì đồng, đại tiểu thì khác, cho nên tam tạng giáo chỉ quán không biết viên thật, không trái với kinh.

Kinh Thắng-man chép: Nếu không biết thường trú, tất cả ba quy

đều không thành tựu, như thế làm sao thông? Xa tìm nguồn gốc ba thừa, nghiệp ban đầu không ngu dối đối với pháp, hoặc chọn bốn Niệm xứ văn tuệ làm sơ khởi, sự sơ khởi này biết chân đế thường trụ, không khởi sáu mươi hai kiếp chấp. Do không cậy chấp tâm Thánh hiền thành tựu, ở đây giải thích đồng như ý trước. Nếu lấy việc xưa làm nghiệp ba đầu thì trước hết phát tâm Bồ-đề sớm biết thường trụ, sợ hãi sinh tử, lui sụt tâm Đại thừa, chọn lấy Tiểu thừa. Vương tử pháp tài và các Bồ-tát lui sụt đối với Niết-bàn từ đầu đến nay quy định nhất thể tam bảo, huân tu giới thiện, có thọ pháp không xả pháp, tâm vô tận cho nên giới cũng vô tận, tất cả thiện giới do đây huân tập, thí như đất đai lợi ích cây cỏ, cây cỏ nảy mầm đều được thành tựu, quy giới Tiểu thừa không lìa giới Bồ-tát, giới Bồ-tát có năng lực thành tựu, là nghĩa này. Nếu không thực hành sơ nghiệp mà biết thường thì tam tạng giáo quy giới yết ma không thành tựu, nếu giải thich như thế thì đối với hai kinh đại tiểu nghĩa không trái nhau.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 4
(Phần Đầu)

Thứ sáu nói về phương tiện: Phương tiện là khéo léo, khéo léo tu hành dùng, chút ít gốc lành, khiến vô lượng hạnh thành giải phát, nhập địa vị Bồ-tát.

Đại Luận chép: Nhờ chút ít thí, chút ít giới mà vượt qua hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật tức là nghĩa này. Lại, phương tiện là các duyên hòa hợp. Do có thể hòa hợp thành nhân, cũng có thể hòa hợp để đạt lấy quả.

Kinh Đại Phẩm chép: Thân Như Lai không từ một nhân một duyên mà sinh, chính là từ vô lượng công đức sinh ra thân Như Lai, hiển bày sự khéo léo như thế cho nên nói về phương tiện. Nếu nương thứ lớp thì có bốn thứ phương tiện, phương tiện đều có xa có gần như luận A-tỳ-đàm nói năm pháp quán dừng tâm là xa, bốn gốc lành là gần, thông biệt phương tiện lệ theo có thể dùng ý mà biết. Viên giáo vì là giả danh năm phẩm quán hạnh... địa vị còn cách chân rất xa gọi là viễn phương tiện. Sáu căn thanh tịnh tương tự gần với chân gọi là cận phương tiện. Nay y cứ vào địa vị giả danh năm phẩm trước để nói về xa, gần. Hai mươi lăm pháp gọi là phương tiện xa, mười thứ cảnh giới gọi là phương tiện gần, dọc ngang bao gồm đầy đủ mười quán, thành quán hạnh vị, năng phát chân tự, gọi là cận phương tiện. Ở đây giải thích viễn phương tiện lược chia làm năm:

1. Đủ năm duyên.
2. Quở trách năm dục.
3. Xả bỏ năm cái.
4. Điều hòa năm việc.
5. Thực hành năm pháp.

Đạo không vận hành cô độc mà do mở rộng của con người, người mở mang thắng pháp giả duyên tiến đạo, do đó phải có đủ năm duyên. Duyên lực đã đầy đủ phải cắt đứt các việc ham muốn, sự ham muốn

bên ngoài làm ngăn che tâm thanh tịnh bên trong. Nếu thanh tịnh tâm kia thì nên xét tìm năm việc, năm việc điều hòa rồi mới thực hành năm pháp, ắt sẽ đạt đến mục đích, thí như người thợ gốm muốn được đồ dùng trước hết phải chọn chỗ tốt, không có sỏi đá, không có độ mặn, cỏ cây khí hậu tốt mới có thể tạo dựng chỗ làm, kế đến là chỗ nghĩ ngơi giao tiếp trong công việc, nếu những điều đó không an tịnh thì công việc đâu được thành tựu. Tuy nơi nghỉ ngơi là ngoài duyên nhưng trong thân bị bệnh tật thì làm sao làm việc được, thân tuy bên ngoài mạnh khỏe nhưng thể chấp bên trong yếu đuối không điều hòa thì không thể làm thành vật dụng các duyên trên tuy đủ nhưng không chuyên nơi nghiệp, phế bỏ không nối nhau, thì không bao giờ làm được. Năm duyên chỉ quán cũng giống như vậy. Thân có dối đãi thì phải nương nhờ vào chỗ tốt đẹp kia. Quả trách nhàm chán dục trần như dứt bỏ duyên bên ngoài, dứt bỏ năm cái như trị tật bệnh bên trong, điều hòa thích hợp năm việc như sự học xoay vần mãi thực hành năm pháp như tạo dựng không bỏ phí việc nông cạn của thế gian không duyên thì không hòa hiệp, huống chi đạo xuất thế gian nếu không có sự dẫn dắt thì đâu dễ gì có thể bước lên, cho nên trải qua hai mươi lăm pháp căn cứ vào sự mà quán, điều thô nhập tế xét tán loạn, khiến cho tĩnh lặng nên gọi là chỉ quán viễn phương. Năm pháp ba khoa này xuất xứ từ Đại Luận, thứ xuất xứ trong thiền kinh, một thứ là do các Thiền sư lập ra.

1) ĐẦY ĐỦ NĂM DUYÊN : Gồm

1. Giữ giới thanh tịnh.
2. Y phục thức ăn đầy đủ.
3. Ở nơi yên tĩnh.
4. Bặt dứt các duyên bên ngoài.
5. Được gặp Thiện tri thức.

Thiền kinh chép: Bốn duyên đầy đủ, khai mở dẫn đất do thầy tốt, cho nên dùng năm pháp làm thềm thang nhập đạo, nếu thiếu một thì làm chướng ngại cho việc tu hành. Giải thích điều này đầy đủ như trong sách Thứ Đệ Thiền Môn.

[1] Trong đây nói về giữ giới thanh tịnh, tức có bốn ý:

1. Nêu tên của giới.
2. Nói về giữ giới.
3. Nói về phạm giới.
4. Nói về sám hối được thanh tịnh.

1. Nêu tên: Xuất xứ từ kinh luận rất nhiều vả lại theo Thích luận có mười thứ giới đó là: Bất phá, bất xuyên, bất tạp, tùy đạo, vô trước,

trí sở tán, tự tại, tùy định, cụ túc, mười thứ này đều dùng tánh giới làm căn bản. Đại luận nói rằng tánh giới là thi-la thân miệng... tám thứ, đó là thân ba, miệng bốn, lại thêm không uống rượu ấy là mạng căn thanh tịnh giữ gìn ý địa.

Lại nói: Mười điều lành là thi-la, dù Đức Phật không ra đời thì ở thế gian vẫn bình thường có mười điều lành này cho nên gọi là cựu giới, Đức Phật không ra đời thì phàm phu cũng tu tám thứ thiền cho nên gọi là cựu định. Sáu mươi hai thứ là kiến của ngoại đạo gọi là cựu tuệ. Thông thường nói rằng: Không có khách định vô lậu dẫn dắt tám thứ thiền được ư? Nay bắt bẻ lời nói này cũng nên dùng tâm vô lậu dắt mười điều lành, giới tuệ đã có khách pháp thì định đâu thể riêng không! Nay dụng ba quy y năm giới, hai trăm năm mươi giới làm khách giới, căn bản mười hạng người đắc giới, như Đức Phật tự nói Thiện lai Tỳ-kheo, tự khắc đắc giới cụ túc, như ngài Ma-ha do nhân duyên tự thệ đắc giới cụ túc, như Kiều-trần-như thấy chân đế cho nên thọ giới cụ túc, như Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề do tám kỉnh pháp mà được thọ giới cụ túc, như Tỳ-kheo-ni Đạt-ma Đề-na do lòng tin mà thọ giới cụ túc, như Sa-di Tu-đà-da luận nghĩa thọ giới tụ túc, như Tỳ-kheo Da-xá... là thiện lai thọ giới cụ túc, như Bạt-đà-la Ba-lăng-già-da tam quy thọ giới cụ túc. Như ở chốn biên địa chỉ đủ năm vị luật sư thì được thọ giới cụ túc, Trung quốc đủ mười vị bạch tứ yết-ma thọ giới cụ túc gọi là khách giới nhân. Căn bản thanh tịnh thiền quán luyện huân tu làm khách định, tuệ tứ đế làm khách tuệ, Phật xuất hiện có phương hữu. Tánh giới bất luận thọ và không thọ hễ phạm thì có tội thọ và không thọ hễ giữ tức là thiện. Nếu thọ giới giữ thì có phước, phạm thì tội, không thọ thì không có phước, không thọ mà phạm thì không có tội. Như cắt cỏ, giết hại loài súc sinh thì mắc tội, nên đối thú sám hối, hai tội đều diệt.

Đại luận giải thích: Trái với vô tội tác đồng diệt mà còn bồi thường mạng, cho nên biết giới thọ đắc khác với tánh giới, cho nên luật tứ phần hỏi về già pháp rằng: Có phạm biện tội không? Biên tội tức là tánh tội, đây là tội chướng của Ưu-bà-tắc, huống chi là đại giới. Nếu tánh giới thanh tịnh thì đó là nhân đầu tiên trong căn bản giải thoát của giới độ, nhờ tánh giới này mà được thọ giới vô tác. Tiểu thừa nói về nghĩa giới túc vô tác tức là nhóm thứ ba. Kinh pháp trong cổ trong Đại thừa chỉ nói sắc tâm, không có nhóm thứ ba tâm vô tận cho nên giới cũng vô tận. Nếu căn cứ vào luật nghi giới để nói về vô tác thì có thể hiểu. Định cộng giới vô tác cùng với định đồng phát.

Có người nói: Nhập định thì có, xuất định thì không.

Có người nói: Vô tác nương định, định còn không mất, định lai sụt tức là tàn lụi. Về đạo cộng giới vô tác, vô tác này nương vào đạo, đạo không mất cho nên giới này cũng không mất. Giới định đạo cộng, gọi chung là giới đều dùng tánh giới làm căn bản.

Cho nên kinh chép: Nhờ nương vào giới này phát sinh thiền định và trí tuệ khổ diệt, tức là ý này.

2. Nói rõ sự giữ giới: Mười này thâu nhiếp tất cả giới.

Bất khuyết giới: Tức là giữ gìn tánh giới cho đến bốn giới trọng, giữ gìn thanh tịnh như yêu thích giữ gìn hạt ngọc sáng, nếu hủy phạm thì cũng giống như đồ dùng đã bị hư bể không còn dùng được, thành người ngoài Phật pháp, chẳng phải Sa-môn họ thích, mất pháp Tỳ-kheo, cho nên gọi là khuyết.

Bất phá: Tức là giữ giới mười ba giới tăng tàn, không phá hoại, giảm tổn, cho nên gọi là Bất phá, nếu hủy phạm như đồ dùng đã bể.

Bất xuyên: Là giữ Ba-dạ-đề... nếu có phạm giới như đồ dùng bị lủng chảy, không thể thọ đạo, cho nên gọi là xuyên.

Bất tạp: Là giữ định cộng giới, tuy giữ luật nghi mà trong tâm nghĩ phá giới luật, gọi là tạp, định cộng giữ tâm, dục niệm không khởi, cho nên gọi là bất tạp.

Như Đại Kinh chép: Tuy không cùng với thân người nữ kia hòa hợp mà cùng nói năng đùa giỡn, cách vách nghe tiếng, nam nữ đuổi chạy theo nhau, đều là ô nhiễm tịnh giới.

Luận Thập Trụ Bà-sa chép: Tuy ngăn việc kia mà để cho người nữ tắm gội, xoa bóp, nhiễm tâm nói chuyện với nhau, nhìn ngó nhau, hoặc hạn định chừng ấy ngày giữ giới, hoặc hy vọng đời sau giàu sang, sinh sinh lên cõi trời, tự do buông thả phóng túng đều gọi là bất tịnh. Nếu giữ giới nghiêm túc thì hông có các tạp niệm như vậy.

Tùy đạo: Là tùy thuận đế lý, có công năng phá trừ kiến hoặc.

Vô trước giới: Tức là thấy lý chân thật thành Thánh quả, đối với sự tư duy mê hoặc không bị nhiễm trước. Do hai giới này căn cứ vào chân đế mà giữ giới. Trí sở tán giới, tự tại giới: thì cy cứ Bồ-tát hóa tha, được Phật khen ngợi là ở trong thế gian mà được tự tại, đó là căn cứ vào tục đế mà nói về sự giữ giới.

Hai giới tùy định, cụ túc: Tức là tùy định Thủ-lăng-nghiêm, không khởi diệt định, hiện các uy nghi, thị hiện mười pháp giới dẫn dắt làm lợi ích chúng sinh, tuy uy nghi khởi động mà mặc nhiên thường thanh tịnh, cho nên gọi là tuỳ định giới, trước sau các giới luật nghi phòng chỉ cho nên gọi bất cụ túc, giới của trung đạo không giới nào là không đầy đủ

cho nên gọi là cụ túc, đây là trì trung đạo Đệ nhất nghĩa đế giới, dùng tuệ trung đạo nhập vào khắp các pháp, cho nên kinh chép: Thức-xoa, Thức-xoa gọi là Đại thừa giới. Kinh Niết-bàn nói năm chi giới và mười thứ giới, nghĩa hơi giống, dù các kinh luận lại nói rõ giới tướng, nhưng cuối cùng không vượt ngoài mười khoa này... từ căn bản ban đầu cho đến bất xuyên mảy may đều thanh tịnh, tóm lược gọi là luật nghi giới, phàm phu tán tâm đều có giữ được giới này. Kế là giới bất tạp: Pháp định giữ tâm, tâm không vọng động, thân miệng cũng vắng lặng, ba nghiệp sáng như gương, đây là định cộng giới, khi nhập định thì không bị tạp nhiễm, khi xuất định thân miệng nhẹ nhàn cũng bất tạp, phàm phu nhập định thì có thể giữ được.

Giới tùy đạo: Sơ quả thấy đế phát chân thành Thánh, giới mà bậc Thánh giữ chẳng phải giới mà phàm phu giữ được. Giới vô trước thì người chứng quả thứ ba giữ, người sơ quả chẳng giữ được. Giới tán và tự tại, đây giới mà Bồ-tát lợi tha giữ gìn, hàng Nhị thừa chẳng giữ được. Tùy định và cụ túc; đây là giới mà bậc đại căn tánh giữ, Bồ-tát sáu Độ Thông giáo chẳng giữ được, huống là hàng phàm phu Nhị thừa ư? Vừa rồi đặt ra địa vị cao thấp, sự nghĩa khác nhau, lý quán quán tâm nói về giữ giới là giữ đủ được mười giới trên. Trước hết tóm lược mười giới làm bốn ý: Bốn giới trước chỉ là pháp do nhân duyên sinh, làm cảnh quán chung bốn giới tiếp theo tức quán pháp nhân duyên sinh là không, không quán giữ giới. Hai giới tiếp theo là quán nhân duyên sinh tức giả, giả quán giữ giới, kế hai giới là quán nhân pháp duyên sinh tức trung, trung quán giữ giới. Cái gọi là quán tâm là pháp do nhân duyên sinh, nếu quán một niệm niệm tâm từ duyên ác sinh khởi, tức năng phá căn bản, cho đến phá giới bất tạp, trái với thiện cho nên gọi là ác. Nay dùng tâm thuận với thiện, để ngăn ngừa tâm ác, giúp cho căn bản cho đến giới bất tạp... khéo thuận thành tựu không bị hủy tổn, cho nên gọi tâm thiện là phòng chỉ ác tâm, đã ngăn thân miệng cũng như vậy. Phòng tức là chỉ thiện, thuận tức là hành thiện, hành thiện tức là quán. chỉ thiện tức là chỉ, đó gọi là quán tâm do nhân duyên sinh, giữ bốn thứ giới. Kế đến quán thiện ác, tâm do nhân duyên sinh tức không, như kim cương Bát-nhã chép: Nếu thấy tướng pháp tức gọi là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu thấy tướng phi pháp cũng là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu không thấy tướng pháp không thấy tướng phi pháp thì như dụ thuyền bè, pháp còn phải bỏ, huống chi phi pháp, cho nên biết pháp và phi pháp cả hai đều vắng lặng đó gọi là giữ giới. Nay nói pháp là chỉ hai tâm thiện ác là pháp giả thật. Nếu thấy có thiện ác giả danh, tức là

chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, nếu thấy thiện ác thật pháp cũng là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Các gọi là phi pháp tướng, hoặc thấy thiện ác giả danh là vô, cũng là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu thấy thiện ác thật pháp là vô cũng là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì nương vô khởi kiến nên không chấp trước, cho đến nương phi hữu phi vô khởi kiến, đều gọi chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Quán như vậy... pháp và phi pháp đều tức là không. Nhờ quán này cho nên thuận theo vô lậu, ngăn dứt sáu mươi hai kiến hữu vô, cho nên gọi là tùy đạo giới. Nếu thường thực hành quán này, tư duy thuần phục, trải quyên đối cảnh, đối với tất cả sắc thanh đều tức không, gọi là vô trước giới. Ngăn dứt tư hoặc, khéo thuận chân đế, đó gọi là quán tâm nhân duyên tức không giữ hai thứ giới. Kế là quán tâm nhân duyên tức là giả, biết tâm chẳng phải tâm, pháp cũng chẳng phải pháp mà mãi không dính mắc nơi phi tâm phi pháp, dùng đạo chủng phương tiện, trong vô sở hữu lập tâm lập pháp, rút ra các pháp tâm sở, dẫn dắt làm lợi ích chúng sinh, được người khen ngợi. Dù phân biệt rộng vô lượng tâm pháp chỉ có tên gọi như tướng hư không, không sinh ái trước mê hoặc, không câu chấp, gọi là tự tại. Như giả quán này ngăn ngừa vô tri, khéo thuận theo lý tục, phòng một bên nói về chỉ, thuận một bên nói về quán, tức là giả quán giữ hai giới. Kế đến quán tâm do nhân duyên sinh tức trung, quán sát tâm tánh hoàn toàn vắng lặng, tâm vốn chẳng phải không cũng chẳng phải giả, chẳng phải giả cho nên chẳng phải thế gian, chẳng phải không cho nên chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải pháp Hiền Thánh, chẳng phải pháp phàm phu, hai bên vắng lặng gọi là tâm tánh, quán được như vậy gọi là thượng định, tâm ở trong định này tức Thù-lăng-nghiêm vốn vắng lặng bất động, song chiếu hai đế, hiện các uy nghi, tùy định như vậy thì không gì không đầy đủ. Quán tâm như vậy ngăn dứt hai bên, các điều ác vô minh, khéo thuận theo lý trung đạo nhất thật. Phòng một bên nói về chỉ, thuận một bên nói về quán, đây gọi tức trung mà giữ hai giới. Cho nên, kinh phạm võng chép: Giới gọi là Đại thừa, gọi là Đệ nhất nghĩa quang, chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, giới gọi là hiếu, hiếu gọi là thuận, hiếu tức chỉ thiện, thuận tức hành thiện. Giới này bổn sư đã tụng, ta cũng tụng như vậy. Nên biết trung đạo diệu quán là chánh thể của giới, thượng phẩm thanh tịnh rốt ráo giữ giới. Luận thập trụ nói rằng rộng: Nếu vô ngã, ngã sở, xa lìa các hý luận, tất cả không thật có, đó gọi là thượng thi-la, cho nên Kinh Tịnh Danh chép: Tánh tội không ở bên trong, cũng không ở bên ngoài cũng không ở chặng giữa, tâm kia như vậy, tội cấu cũng như vậy. Kia đã như

vậy thì đó gọi là khéo hiểu biết, đó gọi là giữ luật, tức là ý này. Lại nữa, quán tâm giữ giới tức là ngũ danh. Vì sao? Vì ngăn dứt là nghĩa của giới, quán cũng như vậy. Ba quán gọi là năng phòng, ba hoặc gọi là sở phòng, như nghĩa ngăn dứt này trùm khắp pháp giới, không hạn cuộc nơi thân miệng... lại, tỳ-ni gọi là diệt, diệt các tội thân miệng, cho nên nay quán tâm cũng gọi là diệt, tức quán không, chẳng phải năng diệt kiến tư, tức quán giả, chẳng phải năng diệt trần sa tức trung quán, năng diệt lỗi vô minh. Nói về diệt như thế là diệt khắp các điều phi pháp khắp pháp giới, không dừng ở bảy chi. Cho nên, kinh Tịnh Danh chép: Phải thẳng thắn diệt trừ, chớ làm nhiễu loạn tâm kia, tức là ý này. Lại nữa, Ba-la-đề-xoa, hán dịch là bảo giải thoát, quán tâm cũng giống như vậy. Nếu không quán lý ba đế, ba hoặc thì không bảo đảm giải thoát, nếu thấy rõ được ba đế, ba hoặc thì bảo đảm giải thoát. Giải thoát như vậy thì khắp pháp giới đều được giải thoát. Không chỉ giải thoát ba đường và vượt ngoài sinh tử mà thôi. Lại tụng là trì thuộc lòng. Nay quán tâm cũng như vậy. Tên gọi ba quán là giải thích ba đế, tức là văn kia. Biết danh chẳng phải danh, nghiên cứu lý tâm đế, quán pháp nối nhau, thường tự hiện tiền, không sinh vọng niệm gọi là tụng. Tụng như vây trùm khắp pháp giới, tụng chẳng phải chỉ tám mươi bài kệ. Giải thích nặng nhẹ, phân biệt phạm không phạm, quán cũng như vậy. Phân biệt kiến tư, thô ác nặng nề, giới nội vô tri nhỏ nhẹ, trần sa khách trần tung hoành sinh khởi, lại là nhỏ nặng căn bản vi tế, như trong Bồ-đề tâm ở trên đã nói. Ba quán quán ba lý là không phạm, ba hoặc làm chướng ngăn ba lý gọi là phạm, ba thứ thuốc trị ba bệnh, giải thích không lầm lẫn, mảy may không sai. Lại biết sự giữ giới có ba phẩm: Thượng phẩm được phước báo sinh lên cõi trời, trung phẩm được phước báo sinh làm loài người, hạ phẩm được quả báo Tu-la, phạm thượng phẩm thối thất cõi trời, phạ trung phẩm thối thất cõi người, phạm hạ phẩm thối thất Tu-la đọa vào ba đường ác. Đường ác lại có ba phẩm: Người nghiệp nhẹ đọa vào đường ngạ quỷ, tiếp đến nặng hơn thì đọa vào súc sinh, người nghiệp nặng đọa vào địa ngục. Trung phẩm lại có nhiều bậc: Đó là thượng, trung, hạ; hạ tức là bốn thiên hạ. Thượng phẩm lại có nhiều loại, đó là các tầng rời trong ba cõi, mỗi tầng đều có phẩm thật ba phẩm không giả trung. Lại giữ, lý giới phẩm có thượng, trung, hạ. Tức không ba phẩm: Hạ phẩm là Thanh văn, trung phẩm là duyên giác, thượng phẩm Bồ-tát Thông giáo, thối thì mất đi sự truyền thừa. Tức giả ba phẩm: Hạ phẩm là Bồ-tát tam tạng, thượng phẩm là Phật, chỉ có Đức Phật là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại nữa, hạ phẩm là năm phẩm là sáu căn thanh tịnh, thượng

phẩm là nhập sơ trụ. Đây là tóm lược căn cứ vào sự quán tâm để phân biệt theo thứ lớp, về sự sai khác kia. Trung đạo quán tâm tức là pháp giới Ma-ha-diễn, trăm khắp thâu nhiếp tất cả pháp, có thể dùng ý mà hiểu chứ không cần dùng văn phiền phức.

Bộ Tư Tư nói: Ba phẩm hạ trung đều y cứ vào phát chân, phẩm thương vì sao ý cứ vào chân, dường như ba phẩm ư!

Đáp: Ba đường trước chưa phù hợp đáng được phân tích giải thích rõ ràng theo chiều ngang, tức trung đã dung hợp thích nghi, y cứ một đường để phê phán theo chiều dọc. Lại cũng được y cứ theo chiều ngang, là biệt tiếp Thông, Biệt, Viên ba phẩm... phân biệt như thế được mất, nặng nhẹ, giải thích khắp lượng pháp giới, đâu dừng nơi sự thiêu đốt ngăn che ư? Quán tâm có năm tên rõ ràng có thể thấy. Nếu trong sự kính cẩn chuyên tâm giữ bốn giới mà tâm kia tạp niệm thì sự cũng không bền chắc, cũng như ngói gạch, gặp ái thấy ác thì liền bị phá hoại. Nếu có thể quán tâm giữ sáu thứ giới, lý quán rõ ràng vọng niệm không động, thì dù cho gặp duyên ác vẫn bền vững không lui sụt, lý đã bất động sự sẽ thành tựu, cho nên Kinh Tịnh Danh chép: Kia có khả năng như vậy đó gọi là khéo hiểu biết, gọi là vâng giữ giới luật, chính là ý ở đây.

3. Nói về tướng phạm giới: Người phá thủy giới thanh tịnh không ngoài kẻ si ái điên đảo vọng kiến, gọi là giới oan gia, dụ cho hai la-sát.

Đại Kinh chép: Thí như có người mang phao lội qua biển lớn, lúc ấy dưới biển có con la-sát đến xin cái phao, ban đầu xin hết cái phao, người kia không cho, dần dần xin một chút người kia cũng không cho, người tu hành cũng giống như vậy, phát tâm thọ giới thệ nguyện vượt qua biển sinh tử. La-sát Ái kiến xin cái phao giới, La-sát Ái si nói rằng giúp ông yên ổn được vào Niết-bàn, đây là do dục lạc ưa thích gọi là Niết-bàn, như đói được ăn, như nghèo được vật báu, khỉ vượn được rượu thì được an vui, an vui gọi là Niết-bàn, dụ dỗ lừa dối hành giả. Nếu tùy theo sự ái lạc mà hủy phá bốn giới trọng thì đó gọi là hoàn toàn bỏ phao, đó gọi là tướng phạm. Nếu tâm ái tuy khởi nhưng không bỏ hoàn toàn. Vì sao? Nay ta muốn vượt ra khỏi biển khổ sinh tử, nếu giới không thanh tịnh thì đọa trở lại trong ba đường, thiền định trí tuệ đều không phát sinh, suy nghĩ rồi sinh ra sợ hãi, cho nên nói ông đâu thể cướp được phao của ta, đó gọi là tướng trì. Ái tâm lại khởi, xúc phạm khoái ý, nếu tùy theo ái xúc là bỏ nữa phao, đó gọi là tướng phạm. Hành nhân lại nghĩ giới cấm đâu thể còn một nữa, nói về quả báo kia địa ngục khổ

não, nói về mục tức kia thì ý ở dưới là trị tẫn rất đáng hổ thẹn, đâu nên gây ra việc lớn hủy tổn như thế, vì vậy cho nên giữ gìn, mến tiếc không tùy theo ái tình, đó gọi là tướng trì. Ái tâm lại khởi, chú trọng về phương tiện, nếu người hủy phạm là xin bàn tay, lại hủy Ba-dạ-đề là xin ngón tay, lại hủy Cát-la là xin một hạt bụi. Cát-la tuy nhỏ mà mở cửa cho sự buông lung, hạt bụi tuy không nhiều nước nhưng sẽ thấm dần vào biển mà chết, đó gọi là ái tâm phá luật nghi giới, tham muốn xem lạm năm dục phát định cộng giới, chấp sâu vào sinh tử mà gây tạo nghiệp ác, phá tức không giới, không dứt sự cơ hiềm của thế gian, không giữ gìn ý của mọi người, phá tức giả giới. Không tin giới thiện và hư không... không tin giới này đầy đủ Phật pháp, không tin giới này hoàn toàn thanh tịnh, là phá trung đạo giới, thí dụ này có thể hiểu... tiếp đến thấy La-sát xin phao nổi, nếu người vì tài sắc mà hủy giới như trước đã nói, xúc chạm đến người đều như vậy, đây gọi là tự mình khởi ác, vì muốn dứt trừ cho nên nhất tâm siêng năng tinh tấn. Nếu thấy tâm mạnh mẽ đối với chấp pháp mà khởi tội lỗi, điều này phải hiểu rõ điều ác chưa sinh thì không cho sinh, nhất tâm siêng năng tinh tấn. Đây là tuy chưa khởi kiến chấp, nếu tu được chút ít thiền định, không ưa thích thầy bạn, liền sinh niệm chấp mà khởi tội lỗi. Khi Đức Phật còn tại thế có một vị Tỳ-kheo chứng được tứ thiền mà cho là tứ quả, khi sắp qua đời thấy trung ấm khởi liền hủy báng Phật rằng La-hán bất sinh nay làm sao lại sinh. A-nan hỏi Phật người mắc tội này khi qua đời sinh về đâu?

Phật dạy: Đọa vào địa ngục. Tuy giữ giới đắc thiền hữu lậu cũng không đáng tin. Đức Phật còn tại thế mà còn như thế, huống chi đời mạt pháp người ngu si tội chấp sâu nặng.

Kinh Đại Hư Không Tạng chép: Nếu sinh khởi ác kiến gọi là đệ tam Ba-la-di. Thế nào là ác kiến? Hoặc được không giải, phát sinh chút ít trí tuệ, tâm đã tự mãn cho là chứng vô sinh, tâm chấp đã mạnh, có khả năng phá các pháp, không có Phật, không có chúng sinh, bác bỏ nhân quả thế gian, nhân quả xuất thế gian.

Kinh Pháp Hoa chép: Hoặc ăn thịt người, hoặc ăn thịt chó chính là nghĩa này. Phá chánh kiến, uy nghi tịnh mạng, khởi chấp đối với bình đẳng vô phân biệt, thế nào là có tội, thế nào là không tội? Nếu có phân biệt, phân biệt tức ngăn ngại, ngăn ngại tức không chân chánh. Đối với tham dục nên sinh sợ hãi, không sợ hãi tức là Bồ-đề. Tức đây là chân thật, còn ngoài ra đều nói dối. Lại nữa, gặp thầy ác vì nói pháp ác, kiến độc càng mạnh, tà quỷ xâm nhập, tâm tà giải càng sâu, ngông cuồng điên đảo, không việc gì không làm, ngã kiến ngã mạn cao chót

vớt, khinh miệt tất cả mọi người, thấy người hành thiện cho là có sở đắc, khinh rẻ như đất, do sự hiểu biết như vậy cho nên hoàn toàn bỏ phao. Dù không bỏ hoàn toàn cũng suy nghĩ rằng: Lý tuy như thế nhưng ta chư thể thấy, làm sao bỏ ngay, tiếc rẻ không cho tâm chấp lại khởi tất cả pháp đều không, đâu có sự xúc chạm và không xúc chạm nam nữ... liền nắm giữ đó gọi là bỏ nữa phần, hoặc lập lại phương tiện cho đến cát-la, đó là các pháp vắng lặng, cần gì sự tướng lăng xăng. Đã không còn vi trần, tâm không càng mạnh như chút ít nước từ từ nhỏ giọt, không ngại thấm dần tất cả giới luật thảy đều đánh mất cho nên phao nổi chìm hẳn. Nên biết tâm chấp mạnh mẽ đáng sợ hãi. Vì sao? Vì nếu nói rằng, bốn, giới trọng và người phạm đều không thì năm tội nghịch cũng không, sao không tạo nghịch? Chấp không đã mạnh cũng không cha mẹ hoặc thông hoặc hại đều không bị ngăn ngại. Đã không ngăn ngại lẽ ra không ngăn ngại vua và phu nhân. Nói về tâm chấp, thật không cho rằng có vua và phu nhân, mà tự chính mình yêu tiếc thân mạng. nêu xâm tổn quốc vương, thân bị nghiền nát mạng hết, như thế si không, bất không, tiếc thân mạng mình cũng như đối với vua chẳng phải không. Đã đối với mình, đối với vua không thể không thì đâu được khinh thường cha mẹ, xem nhẹ lời Phật dạy, mà nói bốn tội trọng năm tội nghịch đều không! Phải biết người này không thể tự thấy lỗi chấp không, gần còn không thấy được, huống chi là xa ư? Đã dùng ác không, bác bỏ pháp cấm của Phật, đó gọi là phá luật nghi giới. Kiến chấp không làm nhiễu loạn tâm, phá định cộng giới, cố chấp ý kiến của mình, là phá tức không giới, làm ô nhiễm thiện tâm của người là phá tức giả giới, không tin thấy tâm và hư không... tức là Phật pháp rốt ráo thanh tịnh, là phá tức trung giới. Nên biết tà kiến không tâm rất đáng sợ hãi, nếu ai rơi vào chấp này thì chìm mất hẳn Niết-bàn của trời còn không được, huống gì là đại Bát-niết-bàn.

Cho nên, luận chép: Bậc đại Thánh nói pháp không vốn là đối trị với có, nếu có người chấp không thì các Đức Phật sẽ không giáo hóa.

Lại kinh chép: Nếu đối với các pháp sinh tâm nghi ngờ thì phá được phiền não như núi tu-di. Nếu định khởi kiến thì không thể giáo hóa.

Kinh vô hành chép: Tham dục tức là đạo, riêng chọn lời nói này để chứng minh sự vô ngại, vì sao không dẫn vô hành tham trước pháp vô ngại, người ấy cách Phật rất xa. Nếu có người chứng đắc không thì chẳng bao giờ phá giới... đó gọi là kiếm tâm la-sát hủy cấm giới, đại ý như thế... lại nữa, trước một bề nói về giữ, kế đến một bề nói về phạm. Nay nói

rõ mười giới trì phạm không nhất định, nếu nói chung động xuất đều gọi là Thừa cho nên có năm thừa như trời, người... nói chung năng dứt đều gọi là giới, cho nên có luật nghi định cộng giới, đạo cộng giới. Nếu căn cứ vào nghĩa riêng thì sự giới ba phẩm đều gọi là giới, giới tức hữu lậu bất động bất xuất, lý giới ba phẩm gọi là thừa, thừa là vô lậu, năng động năng xuất. Căn cứ vào bốn câu thừa giới này mà phân biệt:

1. Thừa giới đều gấp.
2. Thừa gấp giới chậm.
3. Giới gấp thừa chậm.
4. Thừa giới đều chậm.

1. Thừa giới đều gấp: Như trước nói tướng giữ, mười thứ thanh tịnh, sự lý không lỗi, quán niệm nối nhau. Đời này lẽ ra đắc đạo, nếu chưa đắc đạo thì nghiệp này rất mạnh, người nào mạnh thì lôi trước, ắt vào đường lành. Nếu luật nghi giới gấp thì trời người cõi dục sẽ lôi kéo. Nếu vô tạp giới, gấp tùy thiền cõi phạm thế, lý ba phẩm nương thừa nào là gấp nhất? Nếu ba phẩm tức trung thừa gấp, dùng thân trời người gặp Phật Di-lặc nghe giáo pháp hoa nghiêm, lợi căn đắc đạo. Nếu thượng phẩm xuất giả thừa gấp, dùng thân trời, người gặp Phật Di-lặc ở tòa hoa nghiêm, làm người độn căn đắc đạo, hoặc hai phẩm thượng trung nhập vào không thừa gấp, dùng thân trời, người gặp Phật Di-lặc nghe giáo pháp phương đẳng, Bát-nhã... đắc đạo tam thừa. Nếu hạ phẩm nhập không thừa gấp, dùng thân trời người gặp Phật di-lặc, nghe tam tạng giáo kinh đắc đạo, được thân trời, người, đó gọi là năng lực của sự giới. Thấy Phật đắc đạo, tu thừa quán lực, sự lý đều trì, là trên hết trong các hành nên không thể chậm hoãn.

2. Giới chậm thừa gấp: Người này đức mỏng tội dày, bị phiền não sai khiến, các sự giới này đều bị la-sát hủy diệt ăn mất, chỉ giữ lý giới, quán hạnh nói nhau, giác ý như trên, dụng tâm trong sáu tế, Ương-quật thị hiện tướng kia, vì sự giới chậm nên khi qua đời đọa vào ba đường ác thọ báo, ở trong các thừa, thừa vào mạnh thì lôi đi trước. Nếu tích không thừa mạnh thì thọ thân ba đường, gặp Phật di-lặc nghe tam tạng giáo kinh mới có thể đắc đạo. Nếu tức không thừa gấp thì dùng thân ba đường gặp Phật di-lặc nghe pháp phương đẳng, Bát-nhã đắc đạo. Nếu tức giả thừa gấp thì dùng thân ba đường gặp Phật di-lặc nghe Kinh Hoa Nghiêm và nghe các giáo, làm kẻ độn căn đắc đạo. Nếu tức trung thừa gấp thì dùng thân ba đường, gặp Phật di-lặc nghe Kinh Hoa Nghiêm, làm người lợi căn đắc đạo, cho nên Phật nói các kinh tiệm đốn. Các loài thú súc sinh, rồng quỷ... đều đến ngồi trong hội, tức là sự ấy. Phá sự

giới cho nên thọ thân trong ba đường ác, trì lý quán cho nên thấy Phật đắc đạo.

Đại Kinh chép: Đối với giới chậm không gọi là chậm, đối với thừa chậm mới gọi là chậm, chính là một câu này.

3. Giới gấp thừa chậm: Về sự giới nghiêm gấp, mảy may không phạm, ba thứ quán tâm rõ ràng không khai giải, vì giới gấp cho nên sinh lên cõi trời người hoặc tùy thiền Phạm thế, đam mê cái vui thiền định, đời tuy có Phật nói pháp độ người nhưng đối với những người này hoàn toàn không được lợi ích, dù cho được gặp cũng không được khai giải. Một nước chấn đán không hay không biết, cách xá-vệ ba ức dặm mà không nghe không thấy, mê đắm dục lạc các tầng trời và sinh vào nạn xứ không đến nghe thọ, là ý này. Thí như người hoặc dùng vài vật cầu các đại lực, trải lòng dưới ngày thắng mong được sự cứu giúp ân xá, ở trong cõi trời cõi người cũng giống như vậy. Mong gặp thiện trí thức giáo hóa dẫn dắt tu thừa thì sẽ được giải thoát. Nếu ở trong ba cõi trời người không có tu thừa thì quả báo khi hết lại đọa trong ba đường, dù cho trăm ngàn Đức Phật cũng không đắc đạo...

4. Sự lý đều chậm: Như mười thứ ở trước đều phạm, mãi mãi đọa vào trong ngục nê-lê, mất quả báo trời người, thần minh tối tăm, không có kỳ hạn đắc đạo, xoay vầng đắm chìm không thể độ thoát, hành giả phải tự quán tâm, hai giới sự lý giới nào chậm gấp đối với ba phẩm, phẩm nào mạnh hơn, đối với lý ba phẩm, phẩm nào yếu hơn, tự biết mình sâu cạn cũng biết quả báo thiện ác ở tương lai, tự biết mình cũng biết người khác, quán tâm này cũng hiểu rõ ý của tất cả các kinh, cũng hiểu biết rõ nhân duyên lớn nhỏ của như lai, cho nên trong Kinh Hoa Nghiêm quỷ thần đều nói trú trong pháp môn giải thoát bất khả tư nghị, đây là từ quyền dẫn đến thật khiến cho chúng sinh tu bất tư nghì thừa gấp, được đắc đạo, các thứ Niết-bàn cũng giống như vậy. Nếu tế nhị truy tìm ý này rộng trải qua bốn giáo, thừa giới chậm gấp để phân biệt nhân kia, sau trải qua năm vị, nói về quả ấy đều khiến rõ ràng. Tất cả các nhân quả khác nhau như vậy... nổi chìm chẳng phải một. Tại sao khó nói lý giới đắc đạo đâi có dụng sự giới ư? May mắn ở cõi trời người thọ đạo, vì sao đọa vào ba đường khổ?

4. Nói về sám hối được thanh tịnh: Sự lý phạm của hai đều chướng ngại chỉ quán định tuệ không phát, làm sao sám hối khiến tội tiêu diệt mà không chướng ngại chỉ quán ư? Nếu phạm trong sự thì lỗi nhẹ, văn luật đều có phương pháp sám, sám pháp nếu thành đều gọi là thanh tịnh. Giới thanh tịnh nghiệp chướng chuyển chỉ quán dễ sáng tỏ. Nếu

phạm tội nặng thì thây chết trong Phật pháp, Tiểu thừa không có pháp sám, nếu nương vào Đại thừa thì cho phép sám hối tội kia. Bốn thứ Tam-muội như trên trong đây đoạn dưới sẽ nói rõ hơn. Kế đến lý quán nhỏ hẹp không phải đế, người này chấp tâm yếu kém, không câu chấp ngưng trệ, chỉ dụng tâm chánh quán phá kiến chấp kia, có hỗ thẹn cúi đầu tự trách, sách tấn tâm theo con đường chánh thì tội chướng có thể tiêu, sẽ phát sinh chỉ quán, nếu mắc tội nặng lại quán tâm tu tập sám hối, đoạn dưới sẽ nói. Nếu phạm tội ngay ngắn niệm thật tướng đó gọi là đệ nhất sám.

Diệu thắng định nói rằng: Bốn tội trọng, năm tội cho đến hai trăm năm mươi giới sám hối như vậy, nếu không sinh lại thì không có việc đó.

Kinh thỉnh quán âm chép: Người phá phạm hạnh, gây ra mười nghiệp ác, dẹp trừ phẩm uế sẽ trở lại được thanh tịnh, cho nên biết Đại thừa cho sám hối tội kia. Tội từ trọng duyên sinh trở lại từ trong tâm sám hối có thể đắc tướng trị, không có tâm ân trọng thì dù cho dám cũng vô ích, nếu chướng không diệt thì chỉ quán không sáng tỏ. Nếu người hiện khởi tội trọng, khổ đến sám hối thì tội dễ trừ diệt. Vì sao? Vì như người mê trong hiện tại mà quá khứ chướng nặng ắt khó hồi chuyển trở lại, mê càng thêm sâu xa, nếu muốn sám hối chướng nặng của hai đời thì phải thực hành bốn thứ Tam-muội, phải biết thuận dòng mười tâm, rõ biết lỗi lầm, phải vận chuyển nghịch dòng mười tâm dùng để đối trị. Hai mươi tâm này đều là nguồn gốc của các thứ sám hối. Thuận dòng mười tâm là:

1. Từ vô thỉ thức tâm hôn mê, phiền não loạn động, vọng chấp nhân ngã, vì chấp nhân ngã nên khởi chấp thân kiến, vì chấp thân nên vọng tưởng điên đảo, điên đảo nên khởi tham sân si, sân si nên gây nhiều các nghiệp, do nghiệp nên trôi lăn trong vòng sinh tử.

2. Bên trong đủ thứ phiền não, bên ngoài gặp bạn ác, khuấy động tà pháp làm mê hoặc tâm ta bồi đắp càng mạnh.

3. Duyên ác trong ngoài đã đầy đủ, có thể bên trong dứt tâm thiện, bên ngoài dứt việc thiện, lại đối với các việc thiện khác đều không theo.

4. Buông lung ba nghiệp không việc ác nào không làm.

5. Sự tuy không rộng nhưng tâm ác cùng khắp.

6. Tâm ác nối nhau đem ngày không dứt.

7. Che giấu lỗi lầm không muốn ai biết.

8. Đần độn ngu dốt không sợ đường ác.

9. Không hổ không thẹn.

10. Bác không nhân không quả, làm nhất xiển đề.

Đó gọi là mười thứ thuận sinh tử, hôn mê điên đảo tạo ác. Con người trong hầm xí ưa thích hầm xí, không hiểu không biết, chứa chất tội nhiều không thể kể hết. Bốn tội nặng, năm tội nghịch cùng cực đế xiển-đề, sinh tử mênh mông không có bờ bến, nay muốn sám hối thì phải ngược dòng tội lỗi này. Dùng mười thứ tâm diệt trừ pháp ác:

1. Trước tín sâu nhân quả quyết định rõ ràng, nghiệp chủng tuy lâu ngày cũng không mất, cuối cùng không tự làm người khác chịu báo, hiểu rõ thiện ác không sinh nghi ngờ, đó gọi là tin sâu lại phá tâm nhất xiển.

2. Tự hổ thẹn trách mình, là người tội thấp hèn, không biết hổ thẹn tu tập theo pháp súc sinh, xả bỏ sự trong sạch đệ nhất trang nghiêm, than ôi! Không gây tạo tội nặng kia, trời thấy ta che giấu tội ấy cho nên hổ thẹn với trời, do đó mà trở lại phá tâm không hổ không thẹn.

3. Sợ hãi đường ác: Mạng người vô thường, một hơi thở ra không vào thì mãi mãi ra đi, chốn tối tăm kéo dài xa tít không có tư lương, biển khổ mênh mông sâu thẳm thuyền bè biết nương tựa vào đâu? Hiền Thánh quở trách lìa bỏ, không chỗ nương cậy, sự việc vừa qua thì địa ngục không xa, đâu thể an nhiên ngồi đợi sự đau đớn, thí như loài dã can mất tai đuôi răng giả ngủ để mong chạy thoát, bỗng nghe bị chặt đầu tâm rất sợ hãi, gặp sinh già bệnh chết còn không cho là gấp, việc chết không xa đâu được không sợ, khi tâm sợ hãi sinh khởi thì như bước đi trên nước sôi nửa bỏng, năm trần sáu dục không rảnh để tham nhiễm, như vua A-du-kha nghe Chiên-đà-la sáng sáng rung chuông, một ngày đã hết sáu ngày sẽ chết, tuy có năm dục mà không một niệm ưa thích, hành giả sợ hãi khổ đến sám hối không tiếc thân mạng, như dã can kia quyết định cắt đứt không có suy nghĩ như Chiên-đà-la kia sợ vua vì sự phá giới này mà không có tâm sợ hãi đường ác.

4. Phải phát lộ chớ có che giấu tội lỗi, giặc ác độc phải gấp trừ diệt, gốc lộ cảnh khô nguồn dòng cạn kiệt, nếu che giấu tội thì chẳng phải là người tốt. Ngài Ca-diếp đầu đà bảo trong đại chúng phát lộ, kinh phương đẳng dạy hướng về một người phát lộ, ngoài ra các hành pháp thì chỉ thật tâm hướng về tượng Phật mà sám, như chỗ kín có mụt nhọt không trị thì chết.

5. Dứt tâm nối nhau: Nếu quyết định dứt bỏ quả cũ, không còn tạo nghiệp mới, đó gọi là sám hối. Sám rồi lại tạo, như pháp vua ba đầu phạm được tha thứ, tạo lại nữa thì mắc tội nặng. Mới vào đạo tràng mắc

tội thì dễ diệt, tạo lại thì khó trừ, đã mửa ra vì sao ăn lại, do đây trở lại phá tâm thường nghĩ việc ác.

6. Phát tâm Bồ-đề: Trước an mình, nguy hại đến người, làm xúc não tất cả cảnh, nay rộng khởi tâm cứu giúp khắp cõi hư không, lợi ích tất cả mọi người, dụng này trở lại phá tâm khởi ác khắp tất cả mọi nơi.

7. Công tu bù đắp tội lỗi: Trước ba nghiệp tạo tội chẳng kể ngày đêm, nay thân, miệng, ý làm lành siêng năng không dừng nghỉ, chẳng dời núi ngũ nhạc thì làm sao lấp sông biển, do đây trở lại phá tâm ba nghiệp buông lung.

8. Giữ gìn chánh pháp: Trước tự diệt điều lành của chính mình, cũng diệt điều lành của người, không tự mình vui theo cũng không vui theo người khác, nay giữ gìn các điều lành phương tiện thêm rộng lớn không để cho đoạn dứt, thí như xông khắp toàn thành.

Kinh thắng-man chép: Giữ gìn chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp chính là bậc nhất, đây lại phá tâm không vui theo.

9. Nhớ nghĩ có Đức Phật mười phương: Trước gần gũi bạn ác, tin nhận lời nói của họ, nay nhớ nghĩ các Đức Phật khắp mười phương, niệm tâm từ vô ngại, làm người bạn không mời, niệm trí vô ngại, làm bậc thầy dẫn dắt, đây là phá tâm thuận theo bạn ác.

10. Quán tội tánh không: Liễu đạt tâm tham dục sân si đều là pháp môn tịch tĩnh vì sao? Vì tham sân nếu khởi ở chỗ nào, thì biết tham sân này trụ nơi vọng niệm, vọng niệm trụ nơi điên đảo, điên đảo trụ nơi thân kiến, thân kiến trụ nơi ngã kiến, ngã kiến thì không có trụ xứ. Mười phương đế cầu ngã không thật có, ngã tâm tự không, tội phước vô chủ, thấu đạt tướng tội phước, chiếu khắp mười phương. nay không tuệ này tương ưng với tâm, thí như mặt trời xuất hiện thì sương tan mất, tất cả các tâm đều là pháp môn tịch tĩnh, do nêu bày sự tịch tĩnh, trở lại phá vô minh tối tăm. Đó gọi là mười thứ sám hối, thuận đường Niết-bàn, ngược dòng sinh tử, có công năng diệt bốn tội nặng, năm tội nghịch. Nếu không hiểu mười tâm này, hoàn toàn không biết phải trái, thì làm sao mà sám hối, dù vào đạo tràng huống thực hành khổ hạnh thì cuối cùng chẳng được lợi ích lớn.

Kinh Niết-bàn chép: Nếu nói siêng tu khổ hạnh thì đó là nhân duyên gần gũi đại Niết-bàn, không có việc ấy tức là này. Đây gọi tội nặng trong sự sám hối. Kế sám hối tội chấp. Do kiến hoặc nên thuận dòng sinh tử như trước đã nói: Hướng đến vận chuyển mười tâm giúp việc sám hối tội độn sử, nay phụ giúp lý sám, hối tội lợi sử, nhưng tâm chấp quá mạnh, khởi phiền não nặng nề, vẫn phải dụng sự trợ giúp như

sắc thuốc uống cần bỏ thêm ba đậu khiến bệnh dịch tả hết. Vì vậy cho nên trở lại y cứ vào mười pháp để nói về sự sám hối:

1. Lại phá người thông tin: Tức chỉ thân thấy tâm, khiến cho biết vô minh khổ tập, như Uất-đầu-lam-phất đắc định phi tưởng, người đời tôn sùng như Phật, không hiểu khổ tập, báo hết trở lai đọa, Tu-bạt-đà-la đắc định phi tưởng, tuy không có tưởng thô mà có phiền não tế, Phạm chí Trường Trảo trí tuệ bén nhạy mà thọ không thọ, cao chấp ngoại đạo còn chưa ra khỏi kiến chấp, chẳng phải là Niết-bàn, huống chi kẻ thô thiển còn không sánh bằng ông Lam-phất, mà nói là đạo chân chánh, đâu chẳng phải to lớn, người ấy ưa chấp quán không trí tuệ, việc ấy không biết, đó gọi là vô minh, mà khởi tà ác, từ đó nương kiến mà tạo hành, kiến hành y sắc, tức là danh sắc, danh sắc tức là khổ... mê khổ khởi ái hữu, có sinh sinh tử đời vị lai, trôi lăn nối nhau, đâu phải vắng lặng nếu cho rằng sinh tử đã hết, đó là lời ngã mạn, gọi tâm chấp vô minh là đạo, chẳng phải đạo là đạo, chẳng phải nhân chấp là nhân, đó gọi là giới thủ, há chẳng phải nhân trộm cắp, gọi khổ báo trong ba đường đời vị lai là Niết-bàn, đây là kiến thủ. Chẳng phải quả chấp quả, đó gọi là quả trộm cắp, thân kiến, biên kiến, tà kiến, các việc ấy có thể biết, như kiến tâm này mới gọi là khổ tập, chẳng phải diệt đạo. Còn phải Tam tạng đạo diệt đâu phải là Ma-ha-diễn đạo diệt. Nếu có thể như vậy thì biết nhân quả thế gian, lại biết nhân quả xuất thế gian. Cho nên Đại Phẩm chép: Bát-nhã năng thị hiện tướng thế gian, có chỗ nói thị hiện là đạo, chẳng phải đạo, đó gọi là hiểu sâu tâm chấp khổ tập. Lại sâu là chẳng những biết vô minh khổ tập mà còn biết tam tạng nhân quả, cũng biết pháp do nhân duyên sinh tức không, tức đế nhân quả. Lại nữa, sâu là cũng biết nhân duyên tức giả, vô lượng tứ đế nhân quả. Lại nữa, sâu là cũng biết nhân quả, cho nên Đại Kinh chép: Đối với một niệm tâm đều có thể xứng lượng vô lượng sinh tử, đó gọi là bất khả tư nghị, cho nên gọi là tín sâu phá bất tín.

2. Sinh tâm hổ thẹn: Không thấy lý ba đế trong tâm ta gọi là vô hổ thẹn, vả lại y cứ vào lý quán nói về nhân lành, là hổ với người càn tuệ tánh địa, thẹn với tứ quả tịnh thiên. Người ba mươi tâm, thập địa nghĩa thiên, người năm phẩm, sáu căn thanh tịnh, trời bốn mươi hai địa vị. Chẳng hạn như tác ý được quá báo gọi là người, quả báo tự nhiên gọi là trời, hai thứ trời, người cũng giống như vậy. Phương tiện đạo gọi là người, chân lý hiển bày gọi là trời. Thấy tâm tạo tội che lấp lý ba đế, không sánh bằng ba thứ trời, người vì vậy cho nên hổ thẹn, trở lại phá tâm không hổ thẹn.

3. Sỡ hãi: Thấy biết tâm tạo tội lỗi ấy sâu nặng.

Đại Luận chép: Các Đức Phật nói nghĩa không là lìa các kiến nếu còn thấy có không thì không được các Đức Phật giáo hóa nay ta do kiến chấp mà sinh khởi tội lớn. Cõi này là kiếp tận, phương khác là sinh địa ngục sinh, cõi này là kiếp thành, trở lại cõi này, xoay vần như vậy vô lượng vô biên. Nếu nói thân chịu quả báo thì sẽ ói máu nóng mà chết, cho nên biết tội chấp rất nặng. Đã chẳng phải vô lậu, không vượt ra sinh tử, phiền não thấm nhuần nghiệp, đọa lạc đâu có gì đáng nghi, một mạng không tìm thì không bao giờ có ngày thoát ra, vì nghĩa này nên sinh sợ hãi, lại phá tâm không sợ đường ác.

4. Phát lộ: Từ trước đến nay do các kiến chấp mà sinh ái trước, che lấp ba đế này không thể quyết định sinh tín, nay biết lỗi lầm bắt đầu xóa bỏ ba thứ nghi, không bị che lấp, hiển bày đế tánh kia, đó gọi là phát lộ trở lại phá tâm ngăn che tội.

5. Dứt tâm nối nhau: Quán ba đế chớ để xem hở, dùng tám Chánh đạo trị tâm ba hoặc dứt bỏ không huân tập, đây trở lại phá tâm ác nối nhau.

6. Tâm phát Bồ-đề: Tức là duyên lý ba đế đều như hư không, không thì vô biên, thương xót tất cả, khiến khắp độ thoát. Xưa do mê đây mà khởi hoặc hữu vô biên, nay tâm Bồ-đề trùm khắp giới, khởi vô tác thiện cũng trùm khắp pháp giới, trở lại phá vô tác ác trùm khắp hư không. Gảy đàn dây lam bằng gân sư tử thì các dây đàn khác đều đứt chính là nghĩa này.

7. Công tu bồi đắp tội lỗi: Đạo phẩm ba đế tức là bảo cự đà-la-ni của Bồ-tát, là pháp hành đạo thẳng đến cửa Niết-bàn, đạo phẩm như vậy niệm niệm nối nhau tức là công tu bồi đắp tội lỗi. Xưa chấp nơi kiến cho là Niết-bàn, đối với kiến bất động, không tu đạo phẩm, dù cho kiến động cũng không thể tu đạo phẩm. Nay Niết-bàn hữu vô là kiến, không chấp là thật, đó gọi là kiến động mà không tu đạo phẩm, nếu phá phân tích các kiến, thực hành đạo phẩm thì đó gọi là kiến động mà tu đạo phẩm. Lại thể kiến tức không, tức giả, tức trung. Đã nói là tức thì đối với kiến bất động mà tu ba thứ đạo phẩm, đó gọi là công tu bồi đắp tội lỗi buông lung kiến chấp.

8. Giữ gìn chánh pháp: Xưa giữ kiến chấp không để người khác phá, phương tiện thông suốt, nay giữ gìn ba đế các không không để cho phá hoại. Nếu có ngưng trệ thì khéo léo mở rộng, quên bản thân giữ gìn chánh pháp, cũng như cha mẹ săn sóc giữ gìn con cái của họ, đây là lại phá hủy việc lành.

9. Nhớ nghĩ các Đức Phật mười phương: Xưa uống chất độc kiến chấp, thường không thỏa mãn, như khát nghĩ uống. Lại gặp thầy ác như thêm nước mặn, dùng khổ bỏ khổ, ngã mạn kiêu căng, tâm nịnh hót không thật, trong trăm muôn ức kiếp không nghe danh hiệu Phật, nay nhớ nghĩ ba đế không đến không đi, tức là Phật, pháp vô sinh tức là Phật, thường giữ gìn đế lý, đây là lại phá tâm gần gũi bạn ác.

10. Quán tội tánh là không: Ba thứ hoặc này xưa nay vắng lặng, mà ta không hiểu vọng cho là trái, như người bị sốt thấy cac rồng quỷ, nay quán thấy như huyễn như hóa, đến không từ đâu, đi không dấu vết cũng lại không đến đông tây nam bắc, tất cả tội phước cũng giống như vậy. Một không, tất cả đều không, không tức tội tánh, tội tánh tức không, đây trở lại phá tâm điên đảo. Vận chuyển mười thứ sám này quán sâu ba đế lại thêm sự pháp, dùng tâm ân trọng, không tiếc thân mạng gọi là người có sức mạnh thứ hai, đó gọi sự lý hai sám chướng đạo tội diệt. Thi-la thanh tịnh, Tam-muội hiện tiền. Chỉ quán khai phát, sự giới thanh tịnh cho nên căn bản Tam-muội hiện tiền, thế trí, tha tâm trí khai phát, sự giới thanh tịnh cho nên vương Tam-muội hiện tiền. Nhất thiết chủng trí khai phát, được ba đế Tam-muội này cho nên gọi là vương Tam-muội, tất cả Tam-muội đều nhập vào trong ấy. Lại có khả năng xuất sinh ra tất cả các định, không gì là không đầy đủ, cho nên gọi là chỉ. Lại có thể đầy đủ tất cả các trí nên gọi là quán, vì thế biết giữ giới thanh tịnh, tha thiết sám hối đều là duyên trước tiên của chỉ quán, ý là ở đây.

[2] Y phục thức ăn đầy đủ: Dùng y áo xấu cũ để che đậy thân hình xấu uế, ăn để nuôi thân mạng, lấp vào ghẻ đói, thân thể an lành đạo mới phát huy, đạo phát huy nguồn gốc mới dựng lập, hình hài thân mạng nương nhờ vào y phục thức ăn này, cho nên nói Như Lai ăn rồi chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác. Đây tuy là duyên nhỏ nhưng có thể làm được việc lớn, trần truồng đói rét không an thân thì đạo đâu có tồn tại, cho nên cần y phục thức ăn đầy đủ. Y để che đậy thân xấu uế, ngăn lạnh nóng, ngăn ruồi muỗi, trang sức thân thể. Y có ba thứ: Đại sĩ Tuyết Sơn bặt dứt hình thể ở trong núi sâu thẩm, không vào chốn nhân gian, kết cỏ làm chiếu, da nai làm áo mặc, không thọ trì các việc thuyết tịnh, chịu đựng mà thành quả, không cần ấm dày, không đi trong nhân gian, không phiền đến sự trợ giúp của người khác, đây là bậc thượng nhân. Mười hai hạnh đầu-đà chỉ cất chứa ba y, không nhiều không ít, ra khỏi xóm làng, vào núi sâu, mặc y phục ngay ngắn, cho nên đặt ra ba y, đây là bậc Trung sĩ. Có cõi nước khí hậu thường lạnh, cho chứa một trăm lẻ

một vật để giúp thân, nhưng cần phải thuyết tịnh, cung cấp và đủ các việc cần thiết không nên cầu nhiều, cầu nhiều khó khăn, giữ gìn lại thêm khổ, chướng ngại loạn tâm tự hành, lại làm rối loạn đàn việt, được chút ít liền cho là đủ, đây là bậc Hạ sĩ. Quán hạnh làm y:

Đại Kinh chép: Tỳ-kheo các thầy tuy mặc ca-sa mà tâm vẫn chưa thấm nhuần pháp phục Đại thừa.

Như Kinh Pháp Hoa chép: Mặc áo Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục, đây tức là tịch diệt nhẫn, sinh tử Niết-bàn hai bên thô xẳng, không hai không khác với lý trung đạo, cho nên gọi là nhu hòa, an tâm trung đạo nên gọi là nhẫn, lìa hai thứ duyên náo cho nên gọi là tịch, vượt qua hai thứ tử cho nên gọi là diệt. Tâm tịch diệt nhẫn che lấp ác hai bên gọi là áo ngăn che hình xấu, dứt bỏ năm trụ phiền não nên gọi là ngăn chướng nhiệt, phá kiến chấp vô minh gọi là ngăn chướng hàn, không có động sinh tử, cũng chẳng loạn ý, xả hai thứ giác quán gọi là ngăn che ruồi muỗi, nhẫn này đầy đủ tất cả pháp, như gương có hình bóng đá gạch không hiện, bên trong đầy đủ các tướng, nhưng hư không thì vô, cho nên nói thấu đạt sâu tướng tội phước, chiếu soi khắp mười phương, pháp thân vi diệu thanh tịnh, đầy đủ ba mươi hai tướng, dùng pháp thân trang nghiêm, tịch nhẫn nhất quán đầy đủ các đức, cũng gọi là y, cũng gọi là trang sức, chẳng phải y chín, y bảy, y năm cắt rọc thành. Ba y tức là ba quán, che cái xấu trên ba đế, ngăn lạnh nóng kiến ái trong ba đế, xua đuổi muỗi mong ba giác, trang nghiêm ba thân cho nên dùng ba quán làm y, tức là hàng phục nhẫn, thu thuận nhẫn, vô sinh tịch diệt nhẫn. Lại khởi kiến gọi là hàn, khởi ái gọi là nhiệt, tu chỉ quán đắc kiến đế giải như hơi ấm, kiến thì bất sinh, đắc tư duy giải như hơi lạnh, ái thì bất sinh. Năm căn không ác tức là phước đức trang nghiêm, ý địa không ác tức là trí tuệ trang nghiêm, ngoài ra còn lại hai quán thượng y, lệ theo đây có thể hiểu. Một trăm lẻ một trưởng y tức là hành tất cả hành, là pháp trợ đạo, giúp thành ba quán, gồm che các hoặc, trang nghiêm ba thân, đây là trải qua các pháp tu nhẫn làm y. thực có ba chỗ nói về thực, có thể dùng để nuôi thân dưỡng đạo:

1. Vào núi sâu, bặt dấu vết, cách xa nhân gian, chỉ nhờ vào quả ngọt nước tốt, một rau một quả mà thôi, hoặc ăn bánh bột nương dưới gốc thông để nói liền tinh khí như hương sen thơm ngọt ở núi tuyết... ăn rồi an tâm tư duy ngồi thiền, không còn có việc gì khác, ăn như vậy là bậc Thượng sĩ.

2. Ở chốn A-lan-nhã tu hạnh đầu-đà bặt dứt việc chăn trâu, đó là chỗ tu đạo bổn phận, tự nương cậy mình. bảy Đức Phật đều nói về pháp

khất thực. Kinh phương đẳng, Bát-nhã, pháp hoa đều gọi là khất thực. Đường đi nếu xa thì khất thưc nhọc nhằn trở ngại, nếu gần thì người và sự vật ồn ào, không xa không gần thì khất thực tiện lợi dễ dàng, đây là hạng Trung sĩ.

3. Đã không dứt lúa gạo bánh trái, lại không thể khất thực theo hạnh đầu-đà, bên ngoài được đàn việt hộ trì tặng hiếu, cúng dường thức ăn, cũng có thể được thọ, đây là hạng Hạ sĩ, có thể y cứ vào sự quán tâm nói về thức ăn, Đại Kinh chép: Tỳ-kheo các thầy! Tuy thực hành hạnh khất thực mà không hề hiểu được pháp thực của Đại thừa. Pháp thực ấy là pháp hỷ thiền duyệt của Như Lai, pháp hỷ này tức là đại tuệ bình đẳng, quán tất cả pháp không có chướng ngại.

Kinh Tịnh Danh chép: Đối với thức ăn bình đẳng, đối với pháp cũng bình đẳng, đối với pháp bình đẳng, đối với thức ăn cũng bình đẳng, phiền não là củi, trí tuệ là lửa, do nhân duyên ấy mà thành thực ăn Niết-bàn, khiến các đệ tử đều ham đắm vị ngon. Ăn như vậy là để nuôi dưỡng pháp thân, tăng trưởng trí tuệ thọ mạng, như uống sữa ăn cháo không còn cần thiết, tức chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Dùng pháp hỷ thiền duyệt này vượt hẳn tất cả, không gì chẳng phải là nhất vị, một sắc một hương đều là Trung đạo, pháp Trung đạo đầy đủ tất cả pháp, tức là nghĩa no đủ, nghĩa không còn cần gì, như bậc Thượng sĩ kia ở trong núi sâu, một tấm ngồi bằng cỏ, một quả trái cây giúp nuôi thân mạng tức là đủ.

Đầu-đà khất thực: Người tu hành không thể ngay nơi sự là Trung đạo, lại gọi nghĩa no đủ, tức là bậc Trung sĩ. Đàn việt cúng dường thức ăn. Nếu người không thể thông đạt sự vật ngay trước mắt, lại không thể vượt qua pháp tác quán, tự không có nghĩa ăn uống, phải theo Thiện tri thức có khả năng giảng nói kinh Bát-nhã, khéo vì họ phân biệt, tùy theo sự thấy nghe hiểu biết mà thấy Trung đạo, người này độn căn do nghe mà hiểu được thì gọi là đắc thực. Nếu người không thể được hai việc như trên thì cho phép người khác cúng dường thức ăn. Lại trong tăng kết tịnh thực: Tức là chứng được rừng công đức thiền định, nhờ định mà được ngộ, gọi là thức ăn trong tăng, vì vậy cho nên hành giả thường phải nhớ nghĩ pháp thực của Đại thừa, không nhớ nghĩ các vị khác.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 4
(Phần Cuối)

[3] Ở nơi yên tĩnh: Dù đầy đủ y thực, còn chỗ ở thì như thế nào? nhưng nếu tùy theo chỗ tự ý xúc chạm thì có thể an, ba thứ Tam-muội cần phải chỗ tốt, chỗ tốt có ba:

1. Hang núi sâu xa.
2. Đầu-đà.
3. Lan-nhã Già-lam.

1. Nếu hang sâu núi thẳm, đường xá xa xôi nguy hiểm, bặt dứt hẳn dấu chân thì không ai não loạn, tự ý thiền quán, niệm niệm ở trong đạo, không khởi niệm khen chê, đây là nơi tốt nhất.

2. Hạnh Đầu-đà: Gần nhất là ba dặm, qua lại cũng thưa cảnh giác phiền não. Đây là chỗ tốt hạng nhì.

3. Chùa ở nơi yên tĩnh: Ở một mình một phòng, không can dự đến sự vật, đóng cửa ngồi yên tịnh suy tư, đây là chỗ bậc hạ, lìa ba chỗ này ra thì không thể được, nhà người tại gia chiêu cảm sự hổ thẹn trong quá khứ, vị lai, chùa ở bên cạnh chợ ồn ào chẳng thích nghi an thân vào đạo, cần phải chọn lựa, cẩn thận chớ sơ suất, nếu được chỗ tốt không nên dời đổi... chỗ quán tâm chính là đế lý. Pháp Trung đạo mầu nhiệm sâu xa. Bảy thứ phương tiện dấu vết không đến, gọi là sâu cao rộng bất động gọi là xa, xa lìa hai bên gọi là tịnh, bất sinh bất khởi gọi là nhàn.

Đại Phẩm chép: Nếu ngoài một ngàn do-tuần khởi tâm Thanh văn thì người ấy thân tuy xa lìa mà tâm không xa lìa, lấy sự ồn ào làm không ồn ào, là chẳng phải xa lìa. Tuy ở một bên thành mà không khởi tâm Nhị thừa đó gọi là xa lìa. Tức là nơi thượng phẩm. Chỗ đầu-đà, tức là quán xuất giả, quán này gần giống với không. Vượt ngoài quán giả an tâm nơi tục đế, phân biệt thuốc và bệnh, phải dũi vô tri, thanh tịnh đạo trí chủng, đây là nơi chốn thứ lớp vậy. Chùa ở nơi yên tịnh trong một phòng, tức là từ giả nhập không quán. chùa vốn là nơi đông đảo ồn ào mà có một ngôi thất an tịnh, an trú lý ba đế là chỉ quán xứ, thật

không trốn tránh hình ảnh núi rừng phòng nhà kín đáo...

[4] Bặt dứt ngoại duyên: Nguyên nhân của các duyên bên ngoài rất chướng ngại sự tu thiền định. Tỳ-kheo ở chốn Lan-nhã bỏ nơi ồn ào đến nơi yên tĩnh. Vì sao tạo tác các việc làm hư hoại hạnh lan-nhã chẳng phải việc làm. Các duyên có bốn:

1. Sinh hoạt.
2. Nhân sự.
3. Tài năng.
4. Học vấn.

1. Sinh hoạt duyên vụ: Phương pháp sinh hoạt có kỷ cương, gặp nhiều việc lăng xăng, được một mất một, tán loạn đạo, nếu siêng năng hạn chế các việc thì tùy ý thâu nhiếp chẳng phải việc ở đây nói.

2. Nhân sự: Vui mừng thăm viếng chào hỏi lẫn nhau, đây qua kia lại, qua lại không ngừng, huống chi mọi người tìm kiếm sự nhiễu nhương loạn lạc. Bỏ cha mẹ, lìa thầy tổ vốn cầu đạo cốt yếu, lại kết nạp ba châu trở về năm quận, ý muốn điên đảo, soi lửa tìm băng là việc không nên làm.

3. Tài năng: Cách trị bệnh, bói toán, dùng bùn gỗ họa vẽ hình tượng, viết chữ chú thuật... văn hoa bên ngoài hay tốt, tự hại thân mình, huống chi tu đạo xuất thế thích hợp nơi rừng cây, chiêu cảm chim thú, hơi hôi thì ruồi bay đến, đâu không xóa bỏ sự ô nhục ư.

4. Học vấn: Đọc tụng kinh luận hỏi đáp hơn thua... lãnh nhận giữ gìn ghi nhớ, lao nhọc tâm chí, ngôn luận qua lại như nước đục châu tối, rảnh đâu mà tu chỉ quan? Việc này còn bỏ huống chi ba việc trước... quán tâm sinh hoạt: Ái là pháp nuôi dưỡng nghiệp, như nước thấm nhuần hạt giống, nhân ái mà lo buồn, nhân lo mà có sợ, nếu dứt được ái gọi là dứt các việc sinh hoạt. Việc người là nghiệp, nghiệp sinh trong ba cõi, qua lại trong năm đường, do ái thấm nhuần nghiệp nên thọ sinh khắp nơi, nếu không có nghiệp thì ái không có cái để thấm nhuần, các nghiệp tuy co năng lực mà không theo không làm, vì không làm nên dứt sinh tử.

Kỹ thuật: Chưa chứng được Thánh đạo thì không được tu thần thông, pháp luống dối làm chướng ngại Bát-nhã, Bát-nhã như hư không, không hý luận, không văn tự nếu chứng đắc Bát-nhã như được ngọc như ý, chỉ nhất tâm tu cần gì lo thần thông.

Tập học: Chưa được vô sinh nhẫn mà tu thế trí biện thông, các thứ phân biệt, đều là ngói gạch cỏ cây, chẳng phải châu báu chân thật. Nếu dừng nghĩ được thì nước lắng trong, sẽ biết được pháp tướng sinh diệt của thế gian, tất cả các hành có vật gì là không biết. Dùng nhất

thiết chủng trí để biết, dùng Phật nhãn để thấy, muốn thực hành đại đạo không nên học trong đường nhỏ kia.

[5] Được gặp Thiện tri thức: Đây là nhân duyên lớn, nghĩa là giáo hóa dẫn dắt chúng sinh khiến được thấy Phật. A-nan nói tri thức đắc đạo nửa nhân duyên. Phật dạy: Không nên như vậy, đầy đủ hoàn toàn nhân duyên.

Tri thức có ba thứ:

1. Ngoại hộ.

2. Đồng hành.

3. Giáo thọ.

1. Ngoại hộ: Nếu nói núi sâu hang thẳm không chỗ nương cậy, không được sự giúp đỡ bên ngoài tu ba thứ Tam-muội nên trông vào thắng duyên. Ngoại hộ không phân biệt tại gia, xuất gia, nhưng có thể quán lý những gì cần dùng, chớ thấy lỗi, chớ xúc não, chớ khen ngợi chớ dao động mà đưa đến sự tổn hại, như mẹ nuôi con, như cọp ngậm con, điều hòa vừa chừng, người hành đạo ngày xưa mới có thể làm được, đó gọi là ngoại hộ.

2. Đồng hành: Hành tùy ý mình và hạnh an lạc, không hẳn cần có bạn, hành pháp trong kinh phương đẳng, Bát-nhã quyết phải cần bạn tốt, lại sách tấn cho nhau khiến không tán loạn, không ngủ nghỉ, ngày càng thay đổi, bắt đầu siêng năng dũa mài đồng tâm chuyên chú như nương con thuyền, kính trọng lẫn nahu như gần gũi đức thế tôn, đó gọi là đồng hành.

3. Giáo thọ: Là có khả năng giảng kinh Bát-nhã, dạy đạo, chẳng phải đạo, phương tiện trong ngoài, thông bất chướng ngại, đều có thể quyết định rõ ràng, khéo dùng phương tiện nói pháp, dạy bảo lợi ích vui mừng, chuyển phá tâm người, đối với các phương tiện tự mình có thể quyết định rõ ràng, có thể riêng đi một mình, chướng nạn chưa rõ không nên bỏ.

Kinh chép: Theo thầy tốt học, được thấy hằng sa các Đức Phật, đó gọi là giáo thọ. Về quán tâm tri thức: Trong kinh Đại Phẩm chép: Các Đức Phật, Bồ-tát, la-hán là Thiện tri thức, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Thiện tri thức, thật tế pháp tánh là Thiện tri thức. Nếu Phật, Bồ-tát... uy nghiêm rực rỡ che chở bảo bọc tức là ngoại hộ. Sáu Độ đạo phẩm là pháp môn nhập đạo, tức đồng hành. Pháp tánh thật tế tức là đế lý, các Đức Phật làm thầy, cảnh có công năng phát trí tức là giáo thọ. Nay mỗi thứ đầy đủ ba nghĩa:

1. Như uy thần của Phật che chở ủng hộ, tức là ngoại hộ.

2. Các Đức Phật, các bậc Thánh cũng cởi chuỗi anh lạc, đấp mặc y thô xấu, cầm chổi quét dọn phẩm uế hòa vào ánh sáng làm lợi lạc muôn vật sao lại không phải đồng hành ư?

3. Các Đức Phật, Bồ-tát phát ra một âm thanh giảng nói pháp, khai phát giáo hóa chúng sinh, giúp họ được giải thoát, tức là giáo thọ, đây tức đầy đủ ba nghĩa. Sáu Độ đạo phẩm cũng đầy đủ ba nghĩa. Trợ đạo gọi là hộ trợ, trợ đạo phát sinh chánh đạo tức là ngoại hộ, chánh trợ hiệp tức là đồng hành. Nương vào chánh trợ không mất khuôn phép đều nhập vào ba môn giải thoát, tức là giáo thọ. Pháp tánh cũng đầy đủ ba nghĩa.

Cảnh là thầy, âm thầm huân tập làm lợi ích, tức là ngoại hộ. Cảnh trí tương ưng tức là đồng hành. Khi chưa thấy lý htì như mù, khi đế pháp hiển bày thì sáng mắt, trí dụng vô cùng.

Kinh dạy: Người tu ngã pháp chứng mới tự biết, tâm không thật hành thì hỏi để làm gì tức là giáo thọ. Đây là ba lần ba, hiện thành chín câu, hiệp thêm trước nữa là thành mười hai câu. Ba câu trước, ba câu tiếp theo là sự tri thức, còn lại sáu câu là lý tri thức. Nếu đem điều này so sánh với ba đế, khi nhập không quán thì các vị thành làm ngoại hộ, tức không đạo phẩm làm đồng hành, chân đế làm giáo họ, cũng đầy đủ sáu sự sáu lý, hai quán trung cũng giống như vậy. Ba đế hiệp ba mươi sáu lần, gồm mười tám sự, mười tám lý. Nếu trải qua bốn tất-đàn thì có nhiều nghĩa tri thức. Nếu hiểu rõ được pháp môn tri thức này thì ý đồng tử thiện tài pháp giới có thể hiểu. Nhưng thứ này tuy đồng là tri thức, song Kinh Hoa Nghiêm nói: Có Thiện tri thức ma, Tam-muội ma, tâm ma Bồ-đề. Ma có thể khiến cho người bỏ thiện theo ác, lại có thể giáo hóa người rơi vào Nhị thừa. Song, nếu bậc La-hán chỉ hành chân đế thì chẳng phải Thiện tri thức, nếu bên trong ẩn hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn là Thiện tri thức, Bồ-tát cũng hiện làm trời, rồng dẫn vào thật tướng, đâu riêng gì bậc La-hán, theo nghĩa này thì đều là tri thức. Ở đây nói ma thì la hán thật khiến người đến nơi hóa thành, tức chẳng phải chân Thiện tri thức, chỉ là bán từ tri thức, thực hành nửa đạo Bồ-tát, giảm tổn nữa phiền não, đoạt và cho ánh sáng lẫn nhau, hoặc là tri thức hoặc là ma. Biệt giáo nếu không liễu ý thì không hội Trung đạo, cũng là tri thức ma. Viên giáo ba thứ mới là chân Thiện tri thức, Tam-muội tâm Bồ-đề lệ theo đây có thể biết..

2) QUỞ TRÁCH NĂM DỤC: Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Luận chép: Thập trụ tỳ-bà-sa ngăn cấm dục tình như trói buộc các loài động vật lại với nhau, chó nai cá rắn vượn chim, chó thì ưa ở

xóm làng, nai thì ưa ở đầm núi, cá ưa ở ao hồ, rắn ở hang sâu, vượn ở núi sâu, chim thích bay giữ hư không. Sáu căn ưa sáu trần, hàng phàm phu tri thức nông cạn, tâm chí yếu đuối chẳng thể nào hàng phục được, hàng phàm phu tri thức nông cạn, tâm chí yếu đuối chẳng thể nào hàng phục được, chỉ người có trí tuệ đạo tâm, vững chắc chánh niệm mới hàng phục được, ví dụ chung sáu căn. Nay riêng đối đáp, nhãn tham sắc, sắc có tính chất giống như xóm làng, mắt như chó. Nhĩ tham âm thanh, không có tính chất giống như đầm tróng tai như nai, núi tham hương như cá, lưỡi dẫn mùi vị như rắn, thân xúc chạm như vượn khỉ, tâm duyên pháp như chim. Nay trừ ý, chỉ nói năm trần, năm trần chẳng phải dục mà trong đó có vị, có khả năng làm cho tâm hành nhân sinh dục, cho nên nói năm dục. Thí như người thợ gốm được khách mời không được tính công năm dục cũng giống như vậy, có khả năng lôi kéo người vào các cảnh giới ma, tuy đầy đủ duyên trước nhưng nhiếp tâm khó lập, vì vậy nên phải quở trách. Sắc dục tức là đỏ trắng, ngắn dài, ngươi sáng, mắt liếc, cổ trắng nõn, mày xanh biết, răng trắng, môi đỏ, cho đến y phục hồng vàng, đỏ tía, các vật quý báu làm mê hoặc xao động lòng người; như trong thiền môn đã nói. Sắc có hại rất mạnh làm cho con người say cuồng, nguồn gốc sinh tử do đây mà ra. Như ngài Nan-đà vì dục mà giữ giới, tuy chứng đắc La-hán nhưng thói quen vẫn còn nhiều, huống chi đầy đủ các thứ trói buộc ư? Quốc vương ham mê hoan lạc vô độ, không nhìn lại tông miếu xã tắc, vì dục lạc cho nên thân mất, tán gia bại sản phần nhiều từ dục sinh khởi, tham dục lừng lẫy đến nỗi bị diệt vong tức là viêc ấy.

Kinh chép: Chúng sinh tham lam tài sắc nên không thể đắc đạo.

Quán kinh chép: Sắc sai sử khiến cho làm nô lệ của ân ái, không được tự tại, nếu hiểu rõ tội lỗi của sắc thì không nên xem thường, trách mình như vậy sắc dục liền dứt, duyên tưởng không sinh mà chuyên tâm nhập định.

Thanh dục: Tức là lời nói nũng nịu, âm thanh dâm loạn ô nhiễm, lời nói nhẹ nhàng như tiếng trúc, tiếng đàn, tiếng sáo, vòng ngọc, xuyến linh...

Hương dục: tức là hơi thơm xông lên cùng với nguyên khí của trời đất hòa hợp, hoa lan thơm lừng như mùi xạ hương, muôn vật mùi hương thơm ngào ngạt, cho nên nam nữ dùng các hương này xoa vào thân thể.

Vị dục: Tức rượu thịt, sơn hào hải vị ngon lạ, thấm vào khiến cho thân thể béo mập ngon ngọt chua lạc sữa đầu huyết tươi...

Xúc dục: Tức là nóng lạnh thô tế, trơn rít nặng nhẹ, cứng mền gọi là thượng phục, thân phần nam nữ...

Năm tội lỗi này, sắc như cục vàng nóng, cầm thì cháy tay, thanh như mặt trống có bôi chất độc, nghie thì ắt chết, hương như hơi thở ngột ngạt gửi vào thì bệnh, vị như mật ngọt siôi sục nếm vào thì bỏng miệng, như mật dính dao liếm vào thì đứt lưỡi, xúc như sư tử nằm, đụng vào thì bị nó cắn, nếu người không nhàm chán năm dục này thì tâm ác càng mạnh như lửa càng cháy củi, đời đời làm kẻ thù giết hại lẫn nhau, nhiều kiếp đến nay thường cướp đoạt lẫn nhau, dẹp bỏ sắc tâm, nay mới thiền tịch lại não loạn nhau, hiểu biết sâu xa lỗi ấy thì tham nhiễm liền dứt, sự tướng đầy đủ như trong thiền môn... thơ của bậc danh tăng đời trước chep: Xa dễ gọi là Sĩ, gần khó gọi là tinh, hương vị suy cao chí, thanh sắc tan thân thể.

Quán tâm quở trách năm dục: Như trong sắc dục thấm nhuần mùi vị vô lượng, đó là thường, vô thường, vô ngã, tịnh, bất tịnh, khổ vui, không hữu, thế Đệ nhất nghĩa đều thấm nhuần vị.

Cho nên Đại Luận chép: Trong sắc không tưởng ucả vị, phàm phu không nên chấp trước. Nếu cho rằng sắc là thường, là kiến y sắc, hoặc sắc vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, kiến này đều nương sắc, cho đến chẳng phải như khứ, chẳng phải bất như khứ, chẳng phải biên, chẳng phải vô biên... kiến này đều nương nơi sắc, đều tranh chấp cho là thật, hý luận phá con mắt trí tuệ, phải trái lẫn nhau, vì do sắc tạo nghiệp, thích có đây có tức có sinh tử, quán như vậy làm tăng trưởng dục chẳng phải quở trách dục. Nay quán sắc hữu vô... sáu mươi hai kiến chấp đều nương vô minh, vô minh là vô thường, sinh diệt không ngừng, pháp mau chóng hoại, niệm niệm tiêu diệt, vô ngã vô chủ, vắng lặng Niết-bàn. Vô minh đã vậy từ vô minh sinh hoặc hữu hoặc vô... thảy đều vô thường, vắng lặng Niết-bàn. Đã vô chủ ngã thì ai thật ai hư, cuối cùng không đối với mà khởi nghiệp sinh tử, nghiệp tan quả mất, đó là quở trách sắc nhập không mà được giải thoát, quở trách sắc đã vậy, bốn thứ còn lại cũng giống như vậy. Đó gọi là tam tạng phân tích pháp quở tách năm dục. Trung luận chỉ cho ở đây nói rằng bất thiện diệt hý luận. Nếu Ma-ha-diễn quở trách sắc dục, thể biết các kiến chấp đều nương vào vô minh, vô minh tức không, các kiến chấp cũng tức không. Cho nên, kinh kim cương Bát-nhã chép: Tu-đà-hoàn hán dịch là nhập lưu, thật chẳng phải nhập lưu, vì không nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì sao? Nếu có sắc để phân tích thì mới có thể gọi là nhập lưu, sắc tức là không, vô sắc có thể nhập cho nên nói

không nhập. Đã không có dòng để nhập tức là không có nghiệp quả, đó gọi là khéo diệt hý luận. Quở trách sắc đã thế thì bốn thứ còn lại cũng giống như vậy. Lại nữa, quở trách sắc tức không, chỉ nhập sắc không không thể phân biệt các thứ sắc tướng, làm sao có thể độ tất cả chúng sinh? Chúng sinh đối với sắc khởi các thứ chấp tức là huân tập các thứ chiêu cảm, các thứ khổ, khổ tập nhiều bệnh, nên thuốc đạo diệt cũng lại vô lượng. Nếu muốn giáo hóa chúng sinh đâu thể chứng không mà không quán sát, cho nên biết không chẳng phải không, từ không nhập giả, hằng sa Phật pháp đều khiến thông đạt, nếu không như thế thì cũng như danh thọ nhập sắc không. Nay quở tách nặng nề sắc không, không thọ không nhập, rộng phân biệt sắc, tuy là phân biệt nhưng chỉ có tên gọi, tên gọi tức không cho nên gọi là giả, quở trách sắc như vậy, bốn thứ còn lại cũng giống như vậy. Lại quở trách sắc hai bên, như Đại Phẩm chép: Trong sắc không có tướng của vị, phàm phu không nên chấp trước, trong sắc không có tướng lìa, Nhị thừa không nên lìa, phá các kiến như sắc vô minh hữu vô... đó gọi là quở tránh vị, phá sự chìm vào không là quở trách sự lìa kia. Nếu quyết định có vị thì không nên có lìa, nếu quyết định có lìa thì không nên có vị, vì vị không nhất định cho nên chẳng có vị, vì lìa không nhất định cho nên chẳng có lìa, không chấp hai bên tức là chẳng phải vị chẳng phải lìa, hiển bày sắc Trung đạo thật tướng. Cho nên, Thích Luận chép: Hàng Nhị thừa vì thiền cho nên quở trách việc sắc không gọi là Ba-la-mật, Bồ-tát quở trách sắc tức thấy thật tướng của sắc, thấy thật tướng của sắc tức là thấy thật tướng của thiền, cho nên gọi Ba-la-mật đến bờ kia của sắc tức là thấy trung đạo, của sắc. Phân biệt sắc tức là thấy sắc tục, tức sắc không ấy là thấy sắc chân, như vậy quở trách sắc cùng tận nguồn gốc của sắc, thành ba đế ba vị phát sinh ba thứ trí tuệ. Quở trách rất nặng đối với sắc là phương tiện chỉ quán, ý ấy ở đây. quở trách sắc đã như vậy, bốn thứ còn lại cũng giống như vậy.

3) XẢ BỎ NĂM CÁI: Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi gọi chung là cái. Cái là che lấp triền miên, tâm thần hôn mê, không phát sinh được trí tuệ cho nên gọi là cái. Trước quở trách năm dục, chính là năm căn đối với hiện tại năm trần phát sinh năm thức. Nay bỏ năm cái tức là năm thức chuyển nhập tâm địa duyên theo quá khứ, lo liệu vị lai, các pháp năm trần, làm chướng ngại nội tâm, dụ như người thợ gốm trong thân bị bệnh không thể làm được, cái cũng giống như vậy. Muốn dứt trừ sự ngăn ngại ngày càng tăng ấy cũng giống như chặt cây độc, như kiểm soát giặc cướp, không thể dừng lại.

Kinh Đại Phẩm chép: Lìa dục và pháp ác, lìa dục là năm dục như trước đã quở trách. Pháp ác là năm cái cần phải bỏ gấp. Năm cái này tướng nó như thế nào? Tham dục cái khởi tìm nhớ đến lúc trước càng thêm năm dục. Nghĩ đến sắc trong sạch cùng với nhãn tác đối, đến tiếng dễ thương vang vọng nơi tai, nghĩ đến mùi hương thơm vừa ý, mở cửa kết sử, nhớ tưởng đến hương vị ngon ngọt đưa vào miệng, nhớ đến các thứ xúc như thọ khắp mình nổi ốc. Tham các thứ thô lễ năm dục như vậy, suy nghĩ tính toán tâm sinh sây mê, quên mất chánh niệm, hoặc bí mật tạo phương tiện lại mong cầu được như ý, nếu chưa từng được cũng lại tìm cầu, hoặc sẽ tìm cầu, cho nên nhập cảnh trần không xen hở lòng mong muốn. Thô giác che lấp thiền, thiền do đâu mà đạt được? Đó gọi là tướng tham dục cái.

Sân nhuế cái: Là tướng nhớ tưởng lại người ấy làm xúc não ta, xúc não ta rồi gần gũi khen ngợi ta, chín sự phiền não trong ba đời oàn đối kết hận, tâm nóng khí thô, tức giận nối nhau, dùng trăm cách dò xét, chờ đợi thời gian thích hợp, muốn hại người còn mình yên thân, buông lung tức giận, dùng độc hại người lấy làm khoái ý, lửa sân như đây đốt cháy các công đức, nên nhánh lá thiền định không thể lớn lên, đây tức là tướng sân nhuế cái.

Thùy miên cái: Tâm thần tối tăm vì ngủ, sáu thức bít lấp, bốn chi dựa thế buông lỏng ngủ nghỉ. Miên là tăng trưởng pháp tâm sở, tối tăm mờ mịt bí mật ngăn che, người khó có thể đề phòng được, năm căn không biết giống như người chết, chỉ còn lại một chút hơi thở gọi là chết giấc. Nếu ưa ngủ thì người ngủ càng nhiều, kinh tát-già chép: Nếu người nhiều ngủ nghĩ, biếng nhác làm ngăn ngại sự tu chứng, người chưa đắc thì không đắc đắc rồi thì lui sụt. Nếu muốn đắc đạo cao sâu thì phải ngăn trừ ngủ nghĩ, nghi ngờ, buông lung các niệm tinh tấn, lìa các tu tập công đức.

Thích Luận chép: Ngủ nghỉ làm cho con người tối tăm, không có sở kiến, ngày ngày khinh khi lừa dối cướp đoạt ánh sáng của người, cũng như khi lâm trận bị mũi nhọn chém, như cùng với rắn độc ở chung một nhà, như người bị trói đem đi giết, lúc bấy giờ làm sao có thể ngủ yên. Ngủ nghĩ làm chướng ngại thiền định, tội lỗi rất nặng, đó gọi là tướng thùy miên cái.

Trạo hối cái: Nếu giác quán riêng khởi thì thuộc về cái trước, nay giác quán bình đẳng khởi nghiệp duyên khắp các pháp, bỗng duyên tham dục lại tưởng sân nhuế và dùng tà si đốt cháy không ngừng, sừng sững vô trụ, chợt khởi chợt lặn, các thứ lăng xăng, thân không hứng thú

làm việc, miệng không nói lời hữu ích đó gọi là trạo. Trạo mà không hối thì không thành cái, do trạo kia cho nên tâm địa tư duy cẩn thận không điều tiết, tại sao lại làm việc vô ích, thật đáng hổ thẹn, trong tâm lo lắng hối hận trở thành hối cái, cái che lấp thiền định không được khai phát. Nếu người sám hối sửa đổi, tự trách tâm mình mà sinh lo lắng hối hận, thì chẳng những hối hận mà còn được khỏi tội, phải tu pháp thiền định thanh tịnh, đâu được đem sự sám hối trói buộc tâm, làm chướng ngại việc lớn.

Cho nên nói: Hối hận rồi chớ còn lo buồn, không nên thường chấp niệm, việc không nên làm mà làm, nên làm mà không làm, tức là ý này. Đó gọi là tướng trạo hối cái. Nghi cái: Đây chẳng phải là điều nghi kiến để chướng ngại lý, mới gọi là chướng định nghi. Nghi có ba thứ:

1. Nghi bản thân mình.
2. Nghi thầy.
3. Nghi pháp.

1. Nghi bản thân mình: Cho rằng thân ta thấp hèn, chẳng phải đồ đựng đạo, nên gọi là nghi thân.

2. Nghi thầy: Nếu ta phung thân miệng không đáng để ta ghi nhớ, làm sao có trí tuệ thiền định sâu xa, thờ rằng sẽ làm lầm ta.

3. Nghi pháp: Pháp đã thọ chưa hẳn đã đúng lý.

Ba điều nghi ngờ do dự này thường ôm ấp trong lòng, thiền định không phát, dù có phát cũng sẽ mất hẳn, đây là tướng nghi cái. Tướng bệnh của năm cái như vậy làm sao xả bỏ pháp? Hành giả phải tự tỉnh giác suy xét, nay trong tâm ta thiên về bệnh gì nhiều? Nếu biết bệnh phải nên trị trước, hoặc tham dục cái năng cái nặng phải dùng quán bất tịnh để loại trừ. Vì sao? Vì cho rằng năm dục là thanh tịnh nên triền miên ái trước, nay quán bất tịnh, máu huyết đàm nhổ, không có chút ít gì đáng ưa thích phải sinh tâm nhàm chán như là kẻ thù, đâu phải là cái đáng cho người trí ưa thích? Cho nên, biết pháp quán này là thuốc trị thâm, nếu dứt bỏ cái này thì tâm được lợi ích an vui. Nếu sân nhuế cái nặng thì phải niệm từ tâm để dứt trừ lửa nhuế, lửa này có thể đốt cháy công đức hai đời, người không ưa thấy, độc hại tàn bạo như loài cầm thú không khác, sinh tử oán đối nhiều kiếp không dứt, đời nay hận ít, đời sau thành oán lớn. Nay tu từ tâm xả bỏ điều ác này, quán tưởng tất cả mọi người là cha mẹ, thân thuộc, đều khiến cho họ được an vui, nếu họ không được an vui ta sẽ siêng năng khuyên bảo khiến cho họ được an vui. Vì sao đối với người kia lại sinh oán đối? Nếu thực hành quán này thì tâm sân liền dứt, an tâm nhập thiền. Nếu thùy cái nặng thì phải

siêng năng thúc liễm thân tâm, ý lại ngăn ngừa, so sánh tư duy về pháp tướng, phân biệt lựa chọn các pháp thiện ác, chớ để cho thùy cai xâm nhập. Lại phải chọn lựa tâm thiện ác, khiến cho phát sinh pháp hỷ, tâm đã thanh tịnh sáng suốt thì thùy cái tự dứt, chớ để cho nhân duyên ngủ nghĩ cướp mất an vui hai đời, luống sinh luống tử, không đạt được chút gì, như vào núi báu trở về tay không rất đáng thương xót, phải kiềm chế tâm, khéo léo đề phòng trong mọi hành động cử chỉ hằng ngày. Nếu trạo cứ tán loạn thì phải dụng sổ tức, vì sao? Vì cái kia rất bén nhạy, đời sau không biết, lâu ngày mới biết, nay dùng sổ tức, nếu sổ tức không thành, thỉnh khoảng quên giữa chừng thì biết liền bỏ, giác rồi lại đếm, tướng đếm thành tựu thì giác quán bị hàng phục. Nếu không trị được thì trọn đời bị cái hàng phục, nếu ba điều nghi ôm trong lòng thì nên nghỉ rằng thân ta như kẻ mù mà giàu sang. Đầy đủ tài bảo pháp thân vô thượng bị phiền não ngăn che, đạo nhãn chưa khai phát, cần phải tu sửa không hề buông thả, lại từ vô lượng kiếp đến nay huân tập nhân gì, đâu thể tự nghi làm mất thời mất lợi. Thân người khó được, tâm sợ hãi khó sinh, chớ để nghi ngờ mà tự hủy hoại tổn thương thân mình. nếu nghi thầy, nay ta vô trí, bậc thượng Thánh đại nhân đều cầu pháp kia, chứ không chấp người. Đại sĩ tuyết sơn xin kệ từ quỷ, thiên đế lễ bái súc sinh làm thầy.

Đại Luận chép: Không vì đãy thúi mà bỏ vàng kia, ngã mạn như núi cao, nước mưa không đọng lại, thấp như sông biển muôn dòng đều chảy về. Ta vì pháp nên cung kính bậc thầy kia.

Kinh phổ siêu chép: Mọi người gặp nhau chớ có phê bình về nhau, trí tuệ như Đức Như Lai mới có khả năng phê bình người.

Ngài thân tử nói: Từ nay trở đi ta không còn dám nói người ấy vào sinh tử, người ấy vào Niết-bàn, tức là ý này. Thường khởi tâm cung kính các Đức Như Lai ba đời, thầy tức là các Đức Phật đời vị lai, tại sao lại sinh nghi ư? Nếu nghi pháp thì pháp nhãn của ta chưa khai phát, chưa phân biệt phải trái, chỉ nhờ vào lòng tin mà thôi. Phật pháp như biển lớn, chỉ có lòng mới vào được.

Kinh Pháp Hoa chép: Hàng Thanh văn chẳng phải tự trí mình phân biệt được, do lòng tin nên vào được, ta mù lòa lại không tin nhân thì sẽ về đâu, mãi mãi đắm chìm không biết lúc nào thoát khỏi. Hòa-già-lợi... Ưu-ba-cấp-đa bảo đệ tử leo cây... nếu tâm tin pháp thì pháp nhiễm vào tâm, do dự hồ nghi đồng với việc che đậy tài năng.

Có người hỏi rằng: Năm cái có ngăn chướng định không?

Đáp: Có nhiều các thích khác nhau. Có nói vô tri chính là chướng

ngại, vì sao? Vì thiền là pháp cửa ngỏ giải thích pháp theo thứ lớp, tri vô tri trái nhau, là do nghi thùy cái vậy.

Hoặc nói: Tán động chính là chướng, vì sao? Vì định và tán trái nhau, là do trạo hối.

Hoặc nói: Tham sân chính là chướng, vì sao? Thiền là pháp lành như nhuyễn, vì cứng mền trái nhau nên do tham sân. Các thứ như thế đều ý cứ khác nhau... ở đây giải thích không phải như vậy. Năm cái đều là chướng ngại nhưng tùy hành giả mạnh yếu, nếu người tham dục cái nặng thì cái này là chánh chướng, những thứ còn lại là phụ, bốn cái kia cũng giống như vậy. Thí như bốn đại đều là bệnh, chưa hẳn đều phát, tùy hành động kia mà chính là có thể giết người, cái cũng giống như vậy. Trước hết đối trị mạnh yếu mà tự bỏ thì thiền định sẽ phát sinh... luận thập trụ Tỳ-bà-sa chép: Nếu người buông lung thì các cái ngăn che tâm, nên sinh lên cõi trời còn khó huống chi chứng quả. Nếu người siêng năng thì sẽ trừ diệt các cái. Các cái đã trừ diệt được rồi thì các nguyện đều được thành tựu, đó gọi là y sự pháp bỏ cái.

Hỏi: Khi Sơ thiền phát thì năm cái hoàn toàn hết sạch phải không?

Đáp: Ở đây sẽ phân biệt, vì sao? Vì lìa ba độc là bốn phần, tham sân si riêng phát là ba phần, không gọi là đẳng, ba phần cùng khởi gọi là đẳng, ba độc khởi riêng là giác quán chứ chẳng phải nhiều, ba phần cùng khởi gọi là giác quán nhiều, tức là phần thứ tư. Thành luận gọi đây là sát-na tâm, sát na tâm đều duyên với ba độc, ba độc cùng khởi, cho nên biết tâm sát-na tức là thiện ác thành.

Luận A-tỳ-đàm nói tâm sát-na này khởi chỉ là vô minh vô ký, thiện ác chưa thành. Vì sao? Vì tuy duyên với cả ba độc nhưng không chánh thuộc về ba độc, đã không chánh thuộc ba độc thì đâu được gọi là thiện ác, chẳng phải ác thì ba độc nhân đâu mà khởi? Gọi đây là vô ký làm nhân cùng khởi nhưng không gọi là thiện ác. Hai luận này tuy khác đồng nhưng đều nói về phần thứ tư, lìa phần thứ tư này gọi là năm cái tham dục hai phần, hai cái ấy chia si làm hai cái thùy và nghi, đẳng phần thành trạo hối cái. Nếu rộng khai bốn phần. Thì một phần có hai mươi mốt ngàn phiền não, bốn phần hiệp lại có tám mươi bốn ngàn, căn cứ vào khổ đế là tám mươi bốn ngàn pháp tạng, căn cứ vào tập đế thì tám mươi bốn ngàn tần lao môn, căn cứ vào đạo đế thì tám mươi bốn ngàn Tam-muội Đà-la-ni... căn cứ vào diệt đế thì có tám mươi bốn ngàn các Ba-la-mật. Bốn phần pháp tướng bao gồm như thế, lý năm cái lẽ ra cao rộng, A-tỳ-đàm đâu được phê phán, tham chỉ ở cõi dục,

hàng thượng địa gọi ái là thượng, cũng gọi là vô sân nghĩa này bị luận Thành Duy Thức bác bỏ, nếu hàng Bồ-tát thượng địa khinh nhẹ tham gọi là ái thì cũng nên khinh nhẹ sân gọi là nhuế ư! Cho nên biết tướng che đậy ưc chế khác thường chưa phải là phương pháp chung. Nay giải thích năm cái hy vọng đối với bốn phần, chung đến Phật địa, trên bỏ tướng năm cái đây là năm cái động sử, chỉ chướng ngại Sơ thiền, nếu phát Sơ thiền sinh thì cái này bỏ hết, điều thường bàn luận chỉ là ý này. Năm cái lợi sử che chướng chân đế, như trước đã nói, người chấp không cho sở chấp của mình là thật, còn ngoài ra là nói dối, nếu trái thì sân, nếu thuận thì ái, tức hai cái tham, sân. Vô minh tối tăm lầm lẫn có chổ chấp, chẳng hiểu rõ xét biết tức thùy miên cái; các thứ hý luận tranh chấp vô ích tức là trạo hối cái, lúc ấy tuy không nghi về sau mới nghi, vì sao? Vì đã chấp là thật thì sao lại nghi ngờ, năm thứ này che lấp tâm, không bao giờ kiến đế, trách bỏ cái này, cái bỏ thì đạo mới phát sinh, chứng Tu-đà-hoàn, từ sơ quả đi chọn chân làm ái, bỏ tư làm sân, tư hoặc chưa hết làm thùy, mất thoát quên niệm lam trạo, chẳng phải vô học gọi là nghi, cho nên biết năm cái làm ngăn chướng chân, chung đến ba quả, trừ được cái này tức là vô học. Lại nữa, nương vào không mà khởi cái làm ngăn chương ly tục đế, vì sao? Vì đắm vào không thủ chứng láy không làm phải thí như người nghèo có được chút ít cho là đủ, không còn mong điều gì hơn, bảo đảm ái này không tức là tham cái. Nhàm chán sinh tử, bỏ mà không quán tức là sân cái. Vô vi vắng lặng không chịu chiếu giả, cho đến không hiểu năm thứ muối gọi là thùy cái. Không này làm loạn ý chúng sinh, chẳng phải cảnh giới kia, gọi là trạo hối cái, giả trí không rõ ràng gọi là nghi cái. Cái này nếu không bỏ thì trí đạo chủng, Tam-muội tục tế không bao giờ hiện tiền, cái này nếu trừ thì pháp nhãn được sáng suốt. Lại nữa, nương vào trung khởi cái thì chướng ngại trung đạo, vì sao? Vì Bồ-tát tham cầu Phật pháp, như biển thâu nạp các dòng không thỏa mãn. Sinh gọi là ái pháp, khởi thuận đạo tham, đây gọi là tham cáo. Không ưa thích Nhị thừa, cây lớn bị gẫy cành thì chim không nghỉ đêm được, đó gọi là sân cái, vô minh lâu dài dù cho bậc thượng địa còn có phần tại, Đại Luận chép: Mỗi nơi nói đều phá vô minh Tam-muội, ban đầu tùy phá, sau lại phải phá nữa, không có trí tuệ sáng suốt tức là thùy cái. Bồ-tát ba thừa tuy không lầm lẫn nhưng so với Phật còn có sợ sót lầm lẫn, gọi là trạo hối cái. Từ đầu đến cuối lý viên mãn nhưng sơ tâm trí tuệ không sánh bằng về sau, đó gọi là nghi cái. Cái này nếu không bỏ thì không thể tương ưng với thật tướng, cái này nếu trừ thì lý chân như hiển bày, khai mở tri kiến Phật. pháp ngăn cái

này không hạn cuộc vào hang sơ tâm, mỗi địa đều có, chỉ có Phật mới hoàn toàn đầy đủ tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật, đầy đủ viên mãn đến bờ bên kia, cho nên kinh địa trì nói rằng: Địa thứ chín lìa tất cả kiến, thanh tịnh tịnh thiền, nếu được ý này thì tướng cái lâu dài, chẳng những cõi dục mà thôi. Lại nữa, ngôn ngữ phân biệt quanh co tầng bậc, hai cái trước thuộc độn căn, là chỗ phàm phu bỏ, cái trên hết thuộc tục đế là hàng Nhị thừa bỏ, cái chướng ngại trung đạo là chỗ bỏ qua của hàng Bồ-tát, như đây nói về cái sau cùng không liên quan đến ban đầu, các luận sư địa luận và nhiếp luận thường nói về ý này. Nếu pháp ban đầu không liên quan đến phàm phu thì đâu thể ngay nơi sự mà tu, Viên giáo giải thích không phải như vậy. Do đâu mà biết được! Nếu là bậc thượng địa nói thì phải là Phật pháp tánh hiện cõi nước pháp tánh, nói cho Bồ-tát pháp tánh nghe sao lại giúp nhau hiện ra ba cõi này! Là vì muốn độ chúng sinh nên nói về pháp nhiệm mầu này khiến cho họ được tu. Nếu nói không như vậy thì ai thi thiết quyền phương tiện, quyền làm sao dẫn dắt! Nếu hiểu được ý này thì phàm phu sơ tâm có thể ở trong một niệm tròn đầy bỏ hết cấc cái. Cho nên, Đại Phẩm chép: Tất cả pháp hướng đến sự ham muốn là hướng đến không lỗi lầm, sự ham muốn còn không thật có huống chi có hứng thú hay không hứng thú.

Giải thích rằng: Thú tức là hữu, có năng thú sở thú cho nên biện rõ tục đế. Dục sự không thật có tức là nói về không, trong không không có năng thú sở thú tức nói về chân đế. Vì sao phải có thú, phi thú tức là nói về Trung đạo, nên biết ba đế chỉ tại nơi một việc ham muốn mà thôi. Nay lại giải thích rộng khiến cho nghĩa dễ hiểu. Tại sao tất cả pháp hướng đến dục sự là hướng đến không lỗi! Dục sự là pháp giới cho nên căn bản của tất cả pháp như ban đầu khởi dục giác là đã đầy đủ các pháp, tâm thô không biết dần dần lợi ích, không thể chế ngự khiến cho huân tập theo việc kia. Ban đầu thử so sánh, sau huân tập thành thói quen, ăn nếm không quên, liền xã giới hoàn tục, tìm kiếm cảnh dục, tìm không biết thỏa mãn, hoặc trộm, hoặc cướp bức bách, hoặc đối chác, cầu các thứ như vậy mà sinh tội lỗi, nếu gặp được cảnh này thì phải cúng dường, hoặc trộm cướp cầu tài, hoặc giết hại sinh mạng lấy làm thích thú, nếu người kia giàu sang tha hồ tạo tội, nếu người kia nghèo khổ ác niệm cũng nhiều, tội dục đã thành, thích có hữu này, thì có sinh tử nên chịu quả cùng khắp, tùy theo đường nào dục càng chuyển mạnh, ẩn hình thọ thai đời đời thường tăng trưởng, mười hai nhân duyên trôi lăn không bờ bến, nên biết tất cả pháp đều hướng đến dục, ngoài dục pháp giới không còn pháp riêng. Phải biết tất cả năm cái như trên nói,

đối với một niệm ban đầu thảy đều đầy đủ, dục là pháp do nhân duyên sinh nghĩa ấy có thể thấy. Tại sao dục pháp giới là không? Năm trần bên ngoài tìm cầu không thật có, ý căn bên trong tìm cầu không thật có, ý thức trung gian tìm cầu không thật có, trong ngoài hiệp cầu không tìm cầu không thật có ý thức trung gian cầu không thật có, trong ngoài hiệp cầu không thật có lìa trong ngoài tìm cầu không thật có, dục duyên quá khứ tìm cầu không thật có, dục nhân hiện tại tìm cầu không thật có, quả dục vị lai tìm cầu không, ngang dọc cầu vắng lặng rốt ráo dục tức là không, vì dục không nên tất cả pháp từ dục sinh cũng tức là không, không cũng không thật có, đó gọi là quán không, bỏ cái lợi độn. Đã hiểu được tâm mình một dục tất cả dục, tức biết tất cả chúng sinh, cũng giống như vậy. Vả lại an trí vào các đường khác, thẳng y cứ vào đường người, các thứ sắc tượng, các thứ âm thanh, các thứ tâm hành, các thứ y báo, mỗi thứ khác nhau. Phải biết hạt giống dục nhân khác nhau vô lượng, một người nhân quả đã tự vô cùng, huống chi nhiều người, một pháp giới như vậy huống gì chín pháp giới, một pháp như vậy huống gì một trăm pháp. Thí như đối với kẻ cướp mà phá được mới có công danh lớn, được giàu sang. Vô lượng tham dục là hạt giống của Như Lai cũng giống như vậy, có công năng giúp cho Bồ-tát xuất sinh vô lượng trăm ngàn pháp môn. Nhiều củi thì lửa mạnh, phân hoại thì sinh hoa, tham dục là đạo chính là nghĩa này. Nếu dứt bỏ tham dục, trú vào tham dục không thì do đâu mà sinh ra tất cả pháp môn.

Kinh chép: Không dứt năm dục mà có khả năng thanh tịnh các căn, khi quán như vậy thì năm cái tục đế tự nhiên thanh tịnh. Tuy có thể như thế nhưng chưa thấy thật tánh của dục, thật chẳng phải không, cũng chẳng phải giả, chẳng phải giả thì há có vô lượng, chẳng phải không thì há có vắng lặng không và giả gọi cả hai đều không chẳng phải thú, chẳng phải vô thú vô thú hai phen lợi độn, năm cái đều trừ, không có chẳng phải thú, một phen năm cái trừ được thức trung đạo, lại một phen trừ vô sở đoạn, phá vô sở khí diệt, nhưng bốn phen năm cái chỉ một niệm đều trừ. Phá hai mươi lăm hữu thấy được thật tánh của dục gọi là vương Tam-muội, đầy đủ tất cả pháp, đó gọi là viên quán dứt bỏ viên cái, pháp môn này gọi là lý tức, hiểu như thế gọi là danh tự tức, hàng sơ tâm quán đây gọi là quán hạnh tức. Như trên quở trách sắc tức thanh tịnh nhãn căn, quở trách thanh tức thanh tịnh nhĩ căn, quở trách hương tức thanh tịnh tỷ căn, quở trách vị tức thanh tịnh thiệt căn, quở trách xúc tức thanh tịnh thân căn, bỏ năm cái tức thanh tịnh ý căn, sáu căn thanh tịnh thì gọi là tương tự tức, phá tan hoặc, hiện bày ba đế gọi là phần

chứng tức, nếu diệt hết nguồn gốc của dục thì gọi là cứu cánh tức. Hoàn toàn bỏ dục cái đã vậy, bỏ các cái khác cũng giống như vậy.

4) ĐIỀU HÒA NĂM VIỆC: Nghĩa là điều hòa ăn, điều hoàn ngủ điều hòa thân, điều hơi thở điều hòa tâm, như trước đã ví dụ. Đất, nước không điều hòa thì hông thể thành đồ dùng, năm việc không tốt thì không thể nhập thiền, hai việc ăn ngủ quyết định sự điều hòa bên ngoài, ba việc còn lại điều hòa xuất, nhập, an trú. Người điều hòa ăn uống mà tăng bệnh, tăng ngủ, tăng phiền não... thì không nên ăn. Thức ăn làm an thân hết bệnh thì nên ăn. Nói tóm lại không đói lắm, không no lắm là sự ăn uống điều hòa. Kinh ni-kiền nói rằng: Ăn uống quá độ thân thể khó chuyển động, lười không hoạt động thì thức ăn khó tiêu, mất lợi ích hai đời, do ngủ nghĩ mà tự chịu khổ mê muội, khó tỉnh ngộ. Điều hòa ngủ: Ngủ là ăn ngủ không có tiết độ sẽ tăng tâm sở, tổn thất công phu lại không thể buông lung. Trên quở trách một bề trừ bỏ trong cái làm chánh nhập định chương, trong đây khi tán tâm bốn đại ung dung, mỗi đại đều có ý kia, tóm lại không tiết độ, không buông lung đó gọi là sự điều hòa ngủ nghỉ. Ba việc điều hòa ấy, nương nhau được lìa nhau, như mới thọ thai.

1. Là noãn.
2. Là mạng.
3. Là thức.

Noãn là di thể của sắc, mạng là giữ gìn hơi thở nối nhau, thức là thời kỳ tâm làm chủ. Vào thai thì có ba việc, ba việc tăng trưởng bảy ngày một lần, ba mươi tám lần bảy ngày xong ba việc, sinh ra gọi là trẻ con, ba việc dừng nghỉ gọi là thanh niên, ba việc suy yếu gọi là cụ già ba việc hoại diệt gọi là chết, ba việc từ đầu đến cuối không được lìa nhau, phải điều hòa nhau, lúc mới nhập định thì điều hòa thân, không chậm rãi, không gấp gáp, điều hòa hơi thở không trơn, không rít, điều hòa tâm không chìm, không nổi, điều thô nhập tế, an trú trong thiền, tùy chỗ nào không điều thì phải kiểm tra lại khiến cho điều hòa an ổn, như điều hòa dây cung mà bỏ thì sau không thành khúc, tức biết dây chúng căng khác nhau, biết mà sửa đổi. Nếu muốn xuất định phải từ tế đến thô, đầy đủ như thứ lớp thiền môn, nếu có thể điều hòa ba việc của phàm phu biến thành ba pháp của bậc Thánh thì, sắc là nguyên nhân phát sinh giới, hơi thở là pháp môn nhập định, tâm là nhân phát sinh tuệ, giới này có công năng xả bỏ thân ác thú phàm lâu, thành tựu sáu Độ của bậc Thánh, pháp thân đầy đủ, hơi thở này có thể biến tán động ác giác thành pháp hỷ thiền duyệt, nhân thiền mà phát sinh trí tuệ, bậc

Thánh lấy đó làm mạng. tâm này có khả năng sửa đổi tâm sinh tử thành tâm Bồ-đề chân thường Thánh thức. Bắt đầu từ ba pháp này hiệp thành Thánh thai, ban đầu từ sơ tâm, cuối cùng đến hậu tâm, chỉ có ba pháp này không được lìa nhau... quán tâm điều hòa năm việc, như pháp hỷ thiền duyệt ở trước làm thức ăn. Ban đầu quán chân đế phát sinh trí tuệ, thường nhập vào không mà tiêu tịnh các pháp, đây là sự đói khát.

Kinh Pháp Hoa chép: Đói khát gầy yếu thân thể sinh ghẻ lở: Thứ hai là quán tục đế phát sinh định tuệ, thường là trợ tục mà giả lập các pháp, gọi là sự no đủ, cho nên nói trải qua nhiều kiếp tu hành hằng sa Phật pháp, pháp quán thứ hai này đói no không điều hòa. Trung đạo pháp hỷ thiền duyệt, điều hòa thích nghi bên trong không thiên lệch hai bên, đó gọi là không nói không no. điều hòa ngủ nghỉ: Không quán chưa phá vô minh, vô minh hợp với không, chìm vào không, giữ trụ. Tướng ngủ thì nhiều. Vượt ngoài giả, phân biệt hàng phục vô minh thì tướng ngủ ít. Nay Trung đạo quán ung dung, nếu dứt vô minh thì tất cả pháp lành không có chỗ sinh, bạn bè trần lao là hạt giống Như Lai, không dứt si ái, khởi các sự sáng suốt vượt thoát, nếu buông lung theo vô minh thì Phật đạo vô thượng do đâu mà thành tựu.

Kinh chép: Vô minh chuyển thì biến thành minh, thực hành phi đạo thông đạt Phật đạo, tánh vô minh và tánh minh không hai không khác, đâu thể dứt tánh vô minh lại tu tánh minh ư? Không trụ điều phục, không trú bất điều phục tức là lý quán điều hòa ngủ nghỉ. Hiệp điều ba việc là ba phen: Đại Kinh chép: Thân đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, điều hòa thân này khiến không chậm không mau.

Đại Phẩm chép: Lạc thuyết biện chợt sinh khởi, đó gọi là việc ma không chợt khởi, cũng là việc ma, bỗng khởi, bỗng hành sáu Độ là gấp, bỗng phóng xả là chậm, không nhanh không chậm là tướng thân điều hòa. Điều hòa hơi thở: Lấy pháp hỷ thiền duyệt tuệ mạng làm hơi thở.

Như trong Đại Phẩm chép: Bát-nhã chẳng lợi chẳng độn, nếu độn gọi là rít, nếu lợi tức gọi là trơn, không độn không lợi gọi là sự điều hòa hơi thở.

Điều hòa tâm: Tâm Bồ-đề khó được, đó gọi là trầm (chìm), tâm Bồ-đề dễ được gọi là phù (nổi), không khó không dễ đó gọi là sự điều hòa. Kế là y cứ ba quán điều hòa ba việc, lấy tâm lành nhiệm mầu làm tâm Bồ-đề, như trước nói rõ bốn thứ tâm Bồ-đề. Nếu tam tạng Thông giáo là dứt kiết nhập không, dùng chân làm chứng thù, tâm này là trầm, nếu Biệt giáo hòa độ chúng sinh xuất giả phân biệt thuốc trị bệnh hiểu rộng các pháp môn phát tâm Bồ-đề thì tâm này là (nổi) phù, hoặc Viên

giáo quán lý thật tướng, cả hai đều ngăn, cả hai đều chiếu, chẳng phải không cho nên không chìm, chẳng phải giả cho nên không nổi, phát tâm như vậy gọi là tướng điều hòa về điều hòa thuận: Thông giáo dứt hoặc nói về sáu Độ làm gấp, Biệt giáo xuất giả phân biệt làm chậm, Trung đạo không nương hai bên nên thực hành không chậm không gấp về điều hòa hơi thở: Thông giáo tuệ mạng nhập không làm trơn, Biệt giáo nhập giả làm rít, trung đạo không nương hai bên nên không rít không trơn. Lại nữa, y cứ vào ba quán mỗi quán điều hòa, sơ quán dừng thân dứt tâm làm gấp trơn, trầm, kế đến quán thân dứt tâm làm chậm, rít, phù. Nếu có thể thích nghi trung thì thành phương tiện đắc nhập chân đế. Pháp quán thứ hai dứt thân dứt tâm làm gấp, trơn, chìm (trầm), quán thân dứt tâm làm chậm, rít, nổi. Nếu óc thể trong chỉ quán thích nghi thành phương tiện phát sinh trí đạo chủng, thấy lý tục đế. Trung đạo dừng thân dứt tâm làm gấp, trơn, chìm, quán thân dứt tâm làm chậm, rít, nổi. Nếu có thể trong thích nghi chỉ quán dung hợp thì thành phương tiện, đắc nhập trung đạo, thấy lý thật tướng, hành giả khéo điều hòa ba việc khiến gá vào Thánh thai, như tức là hành tâm, chưa có sở thuộc, tâm cần phải siêng năng hòa hợp dùng trí phương tiện độ cha mẹ gá vào Thánh thai, đâu thể gá vào thai của ba đường trời, người địa ngục ư?

5) THỰC HÀNH NĂM PHÁP: đó là "Dục, tinh tấn, niệm, xảo tuệ, nhất tâm". Trước hết dụ như người thợ gốm các việc đều hoàn chỉnh mà không chịu làm, không siêng năng, làm không xem xét kỹ, phương pháp làm không khéo léo phương tiện, làm không chuyên tâm thì sự việc không thành. Ở đây cũng giống như vậy hai mươi pháp trên tuy đầy đủ, nếu không ưa muốn hy vọng thì thân tâm khổ sách, nghĩ tưởng phương tiện, nhất tâm quyết chí, thì chỉ quán không do đâu mà hiện tiền. Nếu ưa thích huân tập không kể sớm tối, không biếng nhác mà niệm niệm nối nhau, khéo hiểu được ý kia, nhất tâm không khác thì người này sẽ thẳng tiến lên con đường phía trước. Nhất tâm như thuyền có bánh lái, xảo tuệ như gật đầu, ba thứ còn lại như sào chống và mái chèo, nếu thiếu một việc thì không thể yên ổn. Lại như chim bay dùng mắt nhìn, dùng đuôi kiềm chế, dùng cánh vỗ trước, nếu không có năm pháp này thì sự thiền còn khó, huống gì là lý định, nên biết năm pháp chung cho sự lý, đại tiểu, mà tạo phương tiện. Luận thành thật dùng bốn chi làm phương tiện, nhất tâm làm định thể, nếu như vậy bốn thiền đều có nhất tâm, nhất tâm không khác vì sao phê phán bốn thiền sai khác! Ở đây không dùng pháp này.

Như kinh Anh Lạc chép: Năm chi đều là phương tiện, chi đều là

phương tiện, thứ sáu im lặng là thể của định, bốn thiền đều có im lặng, cũng khó phân biệt. Nếu luận Tỳ-đàm cho năm pháp là phương tiện thì năm chi đều là thể của định cho nên có bốn thiền thông biệt khác nhau, nhất tâm làm thể chung, chi đầu là thể riêng, cho nên nói giác quán đều là thiền, cho đến xả đều là thiền, chi biệt và nhất tâm cùng khởi, có phân biệt nhất tâm có sâu cạn khác nhau, Thích luận đồng với thuyết này, nay cũng sử dụng.

Văn luận giải thích năm pháp dục: dục từ cõi dục đến Sơ thiền, tinh tấn cõi dục khó qua nếu không tinh tấn thì không thể ra khỏi được, như trở lại bổn quốc cõi trước khó độ, cho nên luận chép: Bố thí, giữ giới, nhẫn nhục là thường pháp của thế gian, như pháp lễ giữa khách chủ cần phải cung cấp, thấy người làm ác bị trị phạt không dám tạo tội, hoặc do sức yếu nên nhẫn, không cần tinh tấn. Nay muốn sinh Bát-nhã thì phải nhờ thiền định, phải thân tâm tinh tấn mới thành tựu. Như Phật nói máu thịt mở tủy đều khiến cho khô cạn, chỉ còn da xương cũng không bỏ sự tinh tấn mới đắc thiền định trí tuệ, đắc ba việc này thì các sự đều thành tựu, vì vậy cho nên cần phải đại tinh tấn.

Niệm: Thường niệm Sơ thiền, không niệm các việc khác.

Tuệ: Phân biệt Sơ thiền tôn trọng đáng quý, cõi dục lừa dối đáng chán ghét, Sơ thiền dắt dẫn lên trên rất thắng diệu, cõi dục đáng nhàm chán thấp kém khổ não thô chướng, nhân quả hiệp lại mà nói thì có mười hai pháp quán, nếu nương vào đây mà nói thì đồng với sáu hạnh của ngoại đạo, chỉ vì ngoại đạo chuyên cầu thiền. Nay đệ tử Phật dùng tà tướng nhập chánh tướng, tu tâm vô lậu thành tựu chánh giác, đó gọi là xảo tuệ.

Nhất tâm: Khi tu pháp này nhất tâm chuyên chí không còn phan theo các duyên khác, quyết định nhất tâm chẳng phải nhập định nhất tâm. Lại nữa, dục là dục từ sinh tử mà nhập Niết-bàn.

Tinh tấn: Không xen lẫn hữu lậu gọi là tinh, một bề chuyên tiến lên gọi là tiến.

Niệm: Chỉ niệm Niết-bàn vắng lặng, không niệm đến các việc khác.

Xỏa tuệ: Phân biệt sinh tử tội lỗi bị Hiền Thánh quở trách, Niết-bàn an vui được Hiền Thánh khen ngợi.

Nhất tâm: Quyết định lo sợ tu tám Thánh đạ, đi thẳng không thoái lui, đó gọi là phương tiện mà được nhập chân. Lại nữa, dục là muốn rộng hóa độ tất cả chúng sinh thành tựu Phật pháp.

Tinh tấn: Tuy chúng sinh có nhiều tánh khác nhau nhưng Phật

pháp dài xa thệ không thoái lui.

Niệm: Là tâm từ bi khắc cốt, như mẹ nhớ con, phương tiện: Là khéo biết các bệnh, hiểu rõ phương pháp và thuốc chữa trị, phù hợp thích nghi.

Nhất tâm: Quyết định giáo hóa chúng sinh, thệ khiến độ thoát họ, tâm không hai không khác. Như Tát-đà-ba vì muốn nghe Bát-nhã mà không tiếc thân mạng mình.

Tinh tấn: Vì nghe Bát-nhã cho nên bảy ngày bảy đêm ở trong rừng vắng khóc lóc, bảy năm đứng mà không ngồi không nằm.

Niệm: Thường nghĩ ta khi nào sẽ được nghe Bát-nhã, lại không có niệm nào khác.

Xảo tuệ: Tuy có lưu nạn nhưng nạn không thể là nạn, như bán thân, ma quỷ không thể che lấp, ẩn dưới nước lại có khả năng chích máu, chuyển việc ma thành việc Phật, tức là xảo tuệ.

Nhất tâm: Quyết chí không thay đổi, không có hai niệm.

Lại nữa, lại về dục, dục theo hai bên, chánh nhập vào trung đạo, không xen lẫn hai bên gọi là tinh, mặc sức lưu nhập gọi là tấn, nhiều duyên pháp giới, nhất niệm pháp giới là niệm, tu trung quán phương tiện gọi là khéo léo, bặt dứt hai bên tâm như trước lắng trong, có thể biết pháp tướng sinh diệt của thể gian không hai tâm ấy, thanh tịnh thường nhất sẽ thấy Bát-nhã. Hai mươi lăm pháp này chung cho tất cả thiền tuệ phương tiện, các quán khác nhau cho nên phương tiện cũng chuyển, thí như chơi bản nhạc đã khác, điều hòa dây đàn cũng khác. Nếu phân biệt kỹ thì có vô lượng phương tiện, văn phiền phức không chép, hãy lấy ý mà hiểu. Nay dùng hai mươi lăm pháp này làm phương tiện ngoài của Định, cũng gọi là phương tiện xa, nhân đó điều hòa tâm thì bỗng nhiên thấy lý, khi thấy lý rồi thì đâu còn luận trong ngoài, đâu có xa gần.

Kinh Đại Phẩm chép: Chẳng phải nội quán đắc gọi là trí tuệ, chẳng phải ngoại quán, chẳng nội ngoại quán, không lìa ngoại quán, không lìa nội quán và nội ngoại quán, cũng chẳng do vô quán mà được trí tuệ này. Nay lại căn cứ vào đây nói về phương tiện bên ngoài, nhưng không thể chấp nhất định mà sinh phải trái, nếu hiểu được ý này thì chìm nổi vừa chừng, trong ngoài đều thành phương tiện, nếu không hiểu được ý này thì chẳng phải phương tiện.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 5
(Phần Đầu)

Thứ bảy là chánh tu chỉ quán: Sáu lớp trước nương vào kinh điển (Tu-đà-la) để khai thông sự hiểu biết nhiệm mầu, nay y vào sự hiểu biết ấy để lập chánh hạnh, tướng cao xa sáng suốt, nương vào mắt châu. Hành giải đã siêng năng, ba chướng bốn ma lẫn lộn, đua nhau sinh khởi, hôn mê chồng chất, thêm nhiều tán động, che lấp định, không nên thuận theo không nên sợ hãi, nếu thuận theo sẽ làm cho người hướng về đường ác, sợ hãi làm ngăn ngại sự tu chánh pháp, phải dùng quán để quán tối tăm, tức ngay nơi sự tối tăm ấy mà bừng sáng, dùng chỉ để dừng tán, tức tán mà tịch, như chứa nước để lau chùi núi vàng, các dòng chảy về biển, củi cháy mạnh nhờ lửa, có gió lại càng lan khắp, pháp quán kim cương này có công năng dẹp giặc phiền não, phương pháp này vững bền, vượt qua cáng đồng hoang sinh tử, tuệ thanh tịnh đối với hạnh, hạnh tinh tấn đối với tuệ, chiếu khắp thấm nhuần, dẫn dắt thông suốt, mọi thứ ngọc soi chiếu dẫn nhau, một thân hai tay, lau chùi chà xát vào nhau. Chẳng những khai mở sự ngăn chướng mà bên trong phải siêng tu đạo, lại tinh thông kinh luận, bên ngoài khai mở những điều chưa nghe, lợi mình lợi người bao gồm lợi ích đầy đủ, quốc bảo là thầy loài người chẳng phải đây thì là ai nữa! Lại học từ bi như Phật không có sự san lẫn, nói pháp chỉ quán lập bày cho họ nghe, tức là mở cửa dốc hết kho báu, xả bỏ ngọc như ý, ngọc này phát ra ánh sáng mà lại tuôn mưa báu, nhiếu sáng tận những nơi tối tăm, như xe hai bánh chạy đi rất xa, hai cánh của chim bay rất cao, ngọc quý trong sáng có thể hơn lời nói. Thành hương xương trắng, núi tuyết gieo mình cũng đâu đủ để báo đức, ngựa chạy nhanh thấy bóng roi quất mà chạy theo đường chánh, kẻ si độn kia khí độc thâm nhập làm mất bổn tâm, kia đã không tin thì không hạ thủ công phu, không nghe Phật pháp cho nên không hiểu biết, thiếu trí tuệ mắt không phân biệt thật giả, thân cử động thì tê liệt, không thể bước tới trước, bất giác không biết lội lớn chứa nhóm, đâu nhọc vì

người nói, dù chán đời huân theo thối thấp hèn nương bám cành lá nuôi chó làm việc, kính vượn khỉ làm Đế-thích, tôn gạch ngói làm ngọc quý, hạng người đen tối như vậy đâu thể luận đạo được. Lại có một hạng người tu thiền không thông đạt căn tánh người khác chỉ thuần dạy thuốc sữa, thể tâm dẫm đạp lên tâm, dung hòa so sánh tìm kiếm, hoặc lẫn lộn, hoặc hiểu rõ ý một dấu vết này, chướng nạn muôn nẻo lẫn lộn không hiểu, vừa thấy tướng lạ liền pháp quyết cho là đạo, tự chẳng phải pháp khí lại thiếu thợ giỏi, thầy trò mù què cả hai đều đọa, mùa lòa khập khiểng đi chơi đêm thật đáng thương xót, không nên nói pháp chỉ quán này cho những hạng người trên nghe. Xét rắng pháp chỉ quán ấy dành cho hạnh người cao thượng càng cao thượng, người thấp kém càng thấp kém. Khai chỉ quán thành mười:

1. Ấm giới nhập.
2. Phiền não.
3. Bệnh hoạn.
4. Nghiệp tướng.
5. Ma sự.
6. Thiền định.
7. Các kiến.
8. Tăng thượng mạn.
9. Nhị thừa.
10. Bồ-tát.

Mười thứ cảnh này đều có thể ngăn che làm chướng ngại.

Ấm ở ban đầu có hai nghĩa:

1. Hiện tiền.
2. Nương theo kinh.

Kinh Đại Phẩm chép: Hành Thanh văn nương bốn Niệm xứ để hành đạo, Bồ-tát ban đầu quán sắc cho đến nhất thiết chủng trí, mỗi chương đều như vậy cho nên không trái với kinh. Lại nữa, người tu hành thọ thân mà ai không thọ ấm nhập. Gánh vác hiện tiền cho nên sơ quán, sau phát sinh tướng khác nên có thứ lớp riêng. Xét rằng năm ấm hòa hợp với bốn đại, nếu không quán chiếu xem xét thì bất giác dong ruổi như thuyền trôi thuận nước đâu biết thuyền chạy nhanh. Nếu thuyền kia ngược dòng nước mới biết thuyền chạy nhanh, đã quán ấm quả thì động đến nhân phiền não, cho nên thứ lớp năm ấm mà luận bốn phần. Bốn đại là thân bệnh, ba độc là tâm bệnh, do các thứ ấy cho nên trong lòng bất giác, nay phần lớn đều quán thẳng vào lục phủ ngũ tạng, cho nên bốn rắn (bốn đại) riêng khởi đến nỗi có hoạn sinh, các nghiệp vô

lượng không thể kể hết. Tán thiện yếu kém không thể lay động, nay tu chỉ quán mạnh khỏe, bệnh hoạn không suy kém, lay động vòn sinh tử, hoặc điều lành mới nảy mần cho nên động, ác hoại cho nên động, khéo chỉ bày chịu quả báo cho nên động, ác đến trách báo cho nên động, cho nên kế là bệnh nên nói nghiệp. Do ác động cho nên ác dục diệt, do thiện động cho nên thiện dục sinh, ma đuổi ra khỏi cảnh, gây ra các nạn, hoặc phá hoại đạo kia cho nên kế là nghiệp nên nói ma. Nếu vượt qua nghiệp ma thì công đức sinh, hoặc tập nhân quá khứ, hoặc hạnh lực hiện tại, các thiền cạnh tranh sinh khởi, hoặc mùi vị thanh tịnh, hoặc ngang hoặc dọc, cho nên kế ma mà nói thiền, thiền có quán chi, nhân sinh tà tuệ, quán sát các pháp, sinh khởi các điên đảo, phân biệt mạnh mẽ, cho nên kế là nói kiến chấp. Nếu sự thấy biết là trái thì dứt các vọng chấp kia, tham sân lợi độn cả hai đêu không sinh khởi, kẻ vô trí cho là chứng Niết-bàn, hàng Tiểu thừa cũng có chấp ngang có bốn thiền là bốn quả, Đại thừa cũng có ma đến và ghi nhớ, chưa đắc mà cho là đắc đó là người tăng thượng mạn, cho nên kế là nói về mạn. Thấy mạn đã tịnh, thói quen nhỏ đời trước do sự yên tĩnh mà sinh, ngài thân tử xả bỏ mắt tức là việc ấy.

Đại Phẩm chép: Hằng sa Bồ-tát phát đại tâm, hoặc một hoặc hai nhập Bồ-tát vị phần nhiều rơi vào Nhị thừa, cho nên kế là nói rộng về Nhị thừa, hoặc nhớ bổn nguyện nên không rơi vào không, các phương tiện đạo Bồ-tát cảnh giới liền khởi.

Đại Phẩm chép: Có Bồ-tát kông thường thực hành sáu Ba-la-mật, nếu nghe pháp sâu xa nhiệm mầu liền khơi tâm phỉ báng, rơi vào địa ngục đây là sáu Độ của Bồ-tát. Thông giáo phương tiện vị cũng có nghĩa hủy báng, nhập chân đạo không hủy báng. Biệt giáo sơ tâm biết có pháp sâu xa nhiệm mầu, cho nên không hủy báng. Có giáo này từ đầu chánh báo phàm phu sau cùng đến phương tiện bậc Thánh, ấm nhập một cảnh thường tự hiện tiền, hoặc phát, không phát cũng thường gọi là quán. chín cảnh kia phát thì được gọi là quán, không phát sở quán nào. Lại, tám cảnh cách xa chánh đạo, càng thêm phòng hộ được quy về chánh triệt, mười hai cách chánh đạo gần. Đạt đến địa vị này thì không lo vô quán, tu ít là đúng lại nếu không hiểu các cảnh phát khởi lẫn nhau nên sinh nghi ngờ, như ở đường rẽ mà không biết lối ra. Trước nếu nghe sự buông lung biến chuyển lạ lùng ấy tâm an như không. Phát sinh lẫn nhau có mười: đó là thứ không thứ, tạp không tạp, đủ không đủ, tác ý không tác ý, thành không thành, lợi ích không lợi ích, lâu không lâu, khó không khó, lại không lại, ba chướng bốn ma, chín đôi, bảy chiếc.

Thứ lớp có ba nghĩa, đó là pháp, tu, và phát.

Pháp: là dần dần hiểu sâu pháp.

Tu: Đời trước đã từng tu tập theo khứ lớp, hoặc đời này tu theo thứ lớp.

Phát: Là nương thứ lớp tu và thứ lớp phát.

Không thứ lớp cũng có ba nghĩa, đó là pháp, tu, phát:

Phát: Thì không định, hoặc trước phát sinh cảnh của Bồ-tát sau phát ấm nhập, tuy không thứ lớp mười số rõ rằng đầy đủ.

Tu: Nếu bốn đại chống trái nhau thì trước tu bệnh hoạn, nếu bốn phần tăng nhiều thì trước tu phiền não, như vậy mỗi mỗi tùy theo cái nào mạnh mà trước tu.

Về pháp: Thì nhãn nhĩ tỷ thiệt, ấm nhập giới... đều là tịch tịnh môn, cũng là pháp giới, đâu cần bỏ đây đến kia, xuất xứ từ kinh bảo khiếp... nên biết ngoài pháp giới ra không còn có pháp nào mà gọi là thứ lớp. Phiền não tức pháp giới, như kinh vô Hành chép: Tham dục tức là đạo.

Kinh Tịnh Danh chép: Thực hành phi đạo thông đạt Phật đạo. Phật đao đã thông đạt thì không còn có thứ lớp. Bệnh hoạn là pháp giới,

Kinh Tịnh Danh chép: Nay ta bệnh chẳng phải thật chẳng phải có, chúng sinh bệnh cũng chẳng phải thật, chẳng phải có do đó tự điều hòa cũng độ chúng sinh. Phương trượng ngài Duy-ma thị hiện bệnh, ở song lâm Đức Phật thị hiện bệnh tức là nghĩa ấy.

Nghiệp tướng là pháp giới: Nghiệp là hành ấm, kinh Pháp Hoa chép: Hiểu sâu tướng tội phước, chiếu khắp nơi mười phương, pháp thân tịnh vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng, hiểu rõ nghiệp từ duyên sinh không được tự tại cho nên không, nghiệp này có khả năng phá nghiệp, nếu chúng sinh ứng thì nghiệp này được độ, thị hiện các nghiệp, lấy nghiệp này lập nghiệp. Nghiệp và bất nghiệp, buộc thoát không thật có, phổ môn thị hiện, song chiếu buộc thoát cho, nên gọi là thâm đạt chỉ có khả năng làm thầy phương đẳng việc ma là pháp giới: Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Ma giới như Phật giới như, một như không có hai như, trong thật tế Phật còn không thấy, huống chi thấy có ma ư! Dù cho có ma, cũng có thuốc hay để chữa trị... thiền pháp giới: Năng quán tâm tánh gọi là Thượng định, tức Thủ-lăng-nghiêm bất muội bất loạn, nhập vương Tam-muội, tất cả Tam-muội đều nhập vào trong đó.

Kiến là pháp giới: Dùng tà tướng nhập chánh tướng, đối với các kiến bất động mà tu ba mươi bảy phẩm. Lại động tu, bất động cũng

động cũng bất động tu, phi động phi bất động tu, tu ba mươi bảy phẩm. Dùng kiến làm môn, dùng kiến làm thị, mạn làm pháp giới, lại là phiền não. Quán mạn vô mạn, mạn đại mạn, phi mạn phi bất mạn, thành bí mật tạng, nhập đại Niết-bàn.

Hàng Nhị thừa là pháp giới: Nếu chỉ có kiến đối với không, bất kiến bất không... người trí thấy không và bất không, quyết hiểu rõ pháp Thanh văn đó là kinh đứng đầu các kinh, nghe rồi tư duy được gần đạo vô thượng.

Cảnh Bồ-tát là pháp giới: Sinh tử là việc ác, Tiểu thừa là thấp kém còn là pháp giới, huống gì pháp Bồ-tát đâu chẳng phải Phật đạo. Lại, Bồ-tát quyền phương tiện tức là quyền mà thật, cũng tức phi quyền phi thật, thành bí mật tạng, nhập đại Niết-bàn, mỗi pháp đều là pháp giới, đó gọi là bất thứ đệ pháp tướng.

Tạp bất tạp: Phát sinh một cảnh rồi lại phát sanh một cảnh nữa, phân biệt rõ ràng, đó gọi là bất tạp. Thích phát ấm nhập, lại khởi phiền não, phiền não chưa diệt, lại nghiệp, lại ma, thiền kiến mạn... giáo tiếp theo chiều ngang và hợp nhau đó gọi là tạp phát, tuy tạp nhưng không ra ngoài mười thứ. Cụ bất cụ: Số mười đầy đủ gọi là cụ, bỏ chín gọi là bất cụ. Thứ bất thứ, tạp bát tạp, đều nói về cụ bất cụ. Lại, tổng cụ tổng bất cụ, biệt bất cụ. Mười số đầy đủ gọi là tổng cụ, mười số không xác thật gọi là tổng bất cụ, thiếu chín số diệt bất cụ, trong chín số xác thật là biệt cụ. Lại hoàng cụ hoàng bất cụ, thụbất cụ, chẳng hạn như phát bốn thiền đến phi tưởng là thụ, đến chỗ không dụng gọi là thí bất cụ. Phát sinh sự thông suốt rõ ràng bối xả... là hoàng cụ, chỉ phát bảy bối xả là hoành bất cụ. Lại phát Sơ thiền đến tứ thiền là thụ cụ Tam thiền về sau là thụ bất cụ. Lại Sơ thiền chín phẩm là thụ cụ, tám phẩm về sau là thụ bất cụ, lại một phẩm năm chi là hoàng cụ, tứ chi về sau là hoàng bất cụ, các pháp còn lại lệ theo đây mà biết...

Tu bát tu: Tác ý tu ấm giới nhập, giới nhập khai giải là tu phát, không tác ý ấm giới nhập, tự phát thông đạt sắc tâm là không tu phát, cho đến cảnh Bồ-tát cũng giống như vậy, phải có bốn cú làm căn bản, mỗi câu dệt thành ba mươi sáu câu, chẳng hạn như trong cảnh phiền não ở dưới nói.

Thành bất thành: Hoặc phát một cảnh rốt ráo, thành tựu, thành tựu rồi lại phát các cảnh khác, các cảnh khác cũng rốt ráo thành tựu, hoặc phát một thứ vừa khởi vừa diệt, không những phẩm số thiếu kém mà đối với mỗi phần cũng mờ mịt không rõ ràng. Trước cụ bất cụ chỉ nêu rõ số đầu, trong đây nói về thể phần đầu cuối, ích bất ích: Hoặc sinh

khởi pháp ác, đối với chỉ quán có to lợi lớn ích rõ ràng vắng lặng càng sâu, hoặc phát sinh pháp lành đối với chỉ quán có tổn hại lớn, sự giảm kia tĩnh chiếu, hoặc thêm tĩnh, giảm chiếu, hoặc tổn tĩnh, tăng chiếu, đều tăng đều giảm.

Nan phát bát nạn phát: Hoặc pháp ác khó dễ, hoặc pháp lành khó dễ, hoặc đều khó đều dễ.

Cửu bất cửu: Tự có một cảnh, lâu ngày không bỏ, hoặc có một cảnh vừa khởi liền diệt...

Cánh bất cánh: Tự có một cảnh, một cánh hai cánh cho đến rất nhiều, tự có một cảnh, một khi phát liền dứt, về sau không còn phát, các thứ như vậy... khác nhau, phải khéo phân biệt, hiểu rõ ý này, chớ lầm lẫn láy bỏ, nhưng đều dùng chỉ quán nghiên cứu khiến cho không vướng mắc.

Ba chướng bốn ma: Kinh phổ hiền quán chép: Người ở cõi Diêm-phù-đề có ba chướng rất nặng: Ấm nhập bệnh hoạn là báo chướng, phiền não kiến mạn là phiền não chướng, nghiệp ma thiền Nhị thừa Bồ-tát là nghiệp chướng. Chướng ngại chỉ quán không thanh tịnh sáng suốt, lấp bít đạo Bồ-đề khiến cho hành nhân không được thông đến giai vị năm phẩm sáu căn thanh tịnh, cho nên gọi là chướng.

Bốn ma: Ấm nhập chính là ấm ma, nghiệp thiền Nhị thừa, Bồ-tát... là hành ấm, gọi là ấm ma, phiền não kiến mạn... là phiền não ma, bệnh hoạn là nhân của sự chết chóc gọi là tử ma, ma sự là thiên tử ma. Ma nghĩa là đoạt, phá quán gọi là đoạt mạng, phá chỉ gọi là đoạt thân. Lại nữa, diệt quán làm cho tối tăm, diệt chỉ lầm lẫn làm cho tan mất, cho nên gọi là ma...

Hỏi: Vì sao phát khởi lẫn?

Đáp: Tất cả đều do nhân duyên hai đời. Xưa có hạt giống tiệm quán, nay được mưa tu hành, tức thứ lớp phát; xưa có hạt giống quán tức không thứ lớp phát, xưa có hạt giống bất định tức tạp phát; xưa lúc tu thì số đầy đủ, tức cụ phát xưa lúc tu số không đầy đủ tức bất cụ phát; xưa từng chứng đắc nay phát thì thành; xưa nhấn mạnh nay không tu mà phát, nay duyên mạnh đợi tu mà phát. Nhân xưa nay duyên cả hai đều khéo léo hồi hướng đạo vô thượng, nay phát thì càng lợi ích. Xưa trong nhân duyên lẫn lộn độc hại thì dẫn đến sự phát sinh tổn hại nhân yếu kém thì không được lâu dài, chỗ phát sinh nhân mạnh thì được lâu dài, trụ nơi thô tế cho đến tứ thiền truyền thừa phân chia mạnh yếu... điều thiện dễ phát sinh thì ngăn tội nhẹ, điều thiện khó phát sinh thì ngăn ngừa tội nặng, điều ác khó phát sinh do lợi căn, điều ác dễ phát sinh do

độn căn. Ác muốn diệt mà cáo tạ, thiện muốn sinh mà tướng biết, thì một mà không thêm nữa, thiện sắc diệt mà cầu cứu, ác sắp khởi mà cầu nhận thì lại càng thêm thêm nữa. Trong đây đều phải khẩu quyết, dùng trí tuệ để so tính, không hiểu ý thầy nên bị lầm lẫn phân biệt phải trái. vậy nên cần phải thận trọng siêng năng. Riêng phân biệt: Pháp như cát bụi, cảnh đâu nhất định là mười?

Đáp: Thí như mặt đất có thể sinh ra hạt giống mầm mống, số phương không rộng lược, khiến nghĩa để hiểu rõ ràng, cho nên nói mười đó thôi.

Hỏi: Mười cảnh chung riêng như thế nào?

Đáp: Lúc mới thọ thân thảy đều có thân, các kinh nói quán thường từ sắc khởi, cho nên ấm là đầu, ấm là gốc, ấm nhân nơi ấm hoạn, ấm đứng đầu thiện ấm, lại ấm nhân biệt ấm...

Chung nói phiền não: Kiến mạn đồng với phiền não, bệnh ấm nhập là quả của phiền não, nghiệp là nhân của phiền não, thiền là nghiệp vô động, nghiệp là dụng của phiền não, ma thống lãnh cõi dục, tức đứng đầu phiền não, hàng Nhị thừa, Bồ-tát tức biệt thâu nhiếp phiền não...

Gọi chung bệnh hoạn: Ấm giới nhập tức là gốc bệnh, phiền não kiến mạn... tức là phiền bệnh não.

Kinh Tịnh Danh chép: Nay ta bệnh đều do vọng tưởng các phiền não đời trước sinh, nghiệp cũng là bệnh.

Đại Kinh chép: Nay vua bệnh nặng, tức chỉ cho năm tội nghịch là bệnh. Ma có thể gây ra bệnh. Ba tai là lỗi lầm tật bệnh bên ngoài, bệnh suyễn hay hỷ lạc là bệnh tật bên trong. Thiền có hỷ lạc tức bệnh hoạn, hàng Nhị thừa, Bồ-tát bệnh không, bệnh không cũng không.

Gọi chung là nghiệp: Ấm nhập là quả của nghiệp, phiền não kiến mạn là gốc của nghiệp, bệnh là nghiệp báo, ma là nghiệp ma, thiền là nghiệp vô động, Nhị thừa Bồ-tát là nghiệp vô lậu.

Gọi chung là ma: Ấm nhập tức ấm ma, phiền não kiến mạn tức ma phiền não, bệnh tức ma chết, ma tức ma trời, các thứ còn lại đều là hành ấm thuộc về ma.

Gọi chung thiền định: Thiền tự nó là cảnh giới kia, các nghiệp ấm nhập, phiền não, kiến mãn... đều thuộc về tâm định trong mười đại địa, ma là chưa đạt đến quả định, cũng thuộc tâm sở định, Nhị thừa, Bồ-tát thuộc về tịnh thiện. Lại nữa, thuộc về ba định: Thượng định thâu nhiếp Bồ-tát, Nhị thừa, trung định, hạ định thâu nhiếp tám cảnh...

Gọi chung là kiến: Ấm nhập tức ngã kiến, chúng sinh kiến. Phiền não đầy đủ năm kiến, bệnh thọ giải mạng giả kiến, nghiệp thiền... là

tác giả kiến cũng là giới thủ kiến, ma là kẻ sai sử tạo tác khiến cho thọ nhận, khiến cho sinh khởi. Lại nữa, sinh tử tức thuộc về khúc kiến địa.

Gọi chung là mạn: Ấm nhập thuộc về ngã mạn, phiền não thuộc về mạn mạn, bệnh hoạn bất như ý thuộc về mạn, nghiệp thuộc về kiêu mạn, do kiêu căng cho nên tạo nghiệp. Ma thuộc về đại mạn, thiền thuộc về kiêu mạn, kiến cũng thuộc đại mạn, Nhị thừa, Bồ-tát thuộc về tăng thượng mạn.

Gọi chung Nhị thừa: Pháp bốn Niệm xứ, bốn Đế thuộc về chín cảnh.

Gọi chung cảnh Bồ-tát: Dùng bốn thệ nguyện rộng lớn thâu nhiếp chín cảnh.

Hỏi: Tên của cảnh, pháp đều chung vậy hành chân cũng chung hay không?

Đáp: Đại Kinh chép: Thế nào là chưa phát tâm mà gọi Bồ-tát? Người ở chính cảnh trước cũng gọi chung là hàng Bồ-tát. Chung là Nhị thừa thì có bốn thứ Thanh văn, Thanh văn tăng thượng mạn, thuộc về người của tám cảnh dưới. Thanh văn Phật đạo thuộc về hàng Bồ-tát.

Hỏi: Thông vô thường chăng?

Đáp: luận bảo tánh chép: Bồ-tát trụ trong cảnh giới vô lậu, có kiến chấp kiến chấp điên đảo vô thường.

Hỏi: Thông có hữu lậu chăng?

Đáp: Nghĩa của lậu thì chung, nghĩa của hữu có khác chút ít.

Hỏi: Thông là thiên chân phải chăng?

Đáp: Nghĩa của Thiên thì cung, nghĩa của chân thì khác chút ít.

Hỏi: Nghĩa của thông có thể lãnh hội được, còn biệt thì thế nào?

Đáp: Mười cảnh khác nhau, tức là nghĩa riêng, lại có vừa chung vừa riêng.

Ấm là gốc của sự thọ thân, lại là khởi đầu của sự quán tuệ, do đó không phải đứng đầu. Một cảnh đây vừa chung vừa riêng, chín cảnh su phát sinh tướng khác mà có tên, nhưng được gọi là chung là riêng, không được vừa chung vừa riêng, nếu vậy thì phiền não cũng là gốc của các pháp, vốn là để trị hoặc, cũng là quán ban đầu. Thân bốn đại bệnh cũng là gốc của mọi việc, vốn là bị bệnh, cũng là quán ban đầu.

Hỏi: Vì sao không được vừa chung vừa riêng?

Đáp: Nếu thân phiền não thuộc về đời trước, hoặc phiền não đời này do thân mà có, bệnh không thường khởi là gốc của sự suy yếu, nên các kinh luận không dùng bệnh để làm quán ban đầu, cho nên không được vừa chung vừa riêng. Chẳng phải chung, chẳng phải riêng đều bất

khả tư nghì, một ấm tất cả ấm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả.

Hỏi: Chính cảnh tướng khởi đặt tên riêng, ấm nhập giải khởi lẽ ra đặt tên riêng chẳng?

Đáp: Khi ấm giải khởi thì chẳng rõ ràng là riêng, lại thuộc về ấm nhập này, hoặc chấp sự hiểu biết này tức thuộc về kiến. Nếu y cứ vào giải khởi ái nhuế thì thuộc phiền não, với bệnh đến ma tùy việc mà phân biệt, hoặc phải phát rõ ràng, nhưng không có tướng chín cảnh, cho nên khí phần của chín quán chỉ được chung riêng, không được vừa chung vừa riêng.

Hỏi: Mười cảnh có riêng biệt rõ ràng không?

Đáp: Bốn Niệm xứ là ấm biệt, quán nhóm không là nhập biệt, vô ngã là giới biệt, năm pháp quán dừng tâm là phiền não biệt, tám niệm là bệnh biệt, mười điều lành là nghiệt biệt, năm phần là ma biệt, sáu diệt môn là thiền biệt, đạo phẩm là kiến biệt, vô thường khổ không là mạn, biệt bốn Đế, mười hai nhân duyên là Nhị thừa biệt sáu Độ là Bồ-tát biệt.

Hỏi: Năm ấm đều là cảnh, ngoài sắc tâm có quán riêng ư?

Đáp: Bất tư nghì cảnh trí, tưc ấm là quán, cũng có thể phân biệt, bất thiện vô ký ấm là cảnh, năm ấm thiện là quán. Quán đã thuần thục, không ác không vô ký, chỉ có thiện ấm, thiện ấm chuyển thành phương tiện ấm, phương tiện ấm chuyển thành vô lậu ấm, vô lậu ấm chuyển thành pháp tánh ấm, gọi là vô đẳng đẳng ấm, đâu phải ngoài ấm có quán riêng ư? Tiểu thừa còn như vậy, huống chi bất tư nghì ư!

Hỏi: Nếu chuyển ấm thành quán thì lẻ ra báo ấm cũng nên chuyển phải chăng?

Đáp: Đại Phẩm chép: Sắc thanh tịnh cho nên thọ, tưởng, hành, thức, thanh tịnh, Bát-nhã cũng thanh tịnh.

Kinh Pháp Hoa chép: Nhan sắc tốt đẹp sáu căn thanh tịnh, tức là nghĩa ấy. Ấm tuy chuyển nhưng quán cảnh rõ ràng.

Hỏi: Mười cảnh và năm phần như thế nào?

Đáp: Năm phần chia thiền thành mười phát, y cứ vào cảnh, nay sẽ hiểu. Hoặc thứ lớp không thứ lớp, một phát đến sua thì thuộc tiến phần, từ chín về sau thuộc trụ phần, tác ý giữ gìn thuộc hộ phần, một phát thì mất thoái phần, đạt phần có thể biết. Nếu đối với cảnh cảnh đều có năm phần, có thể dùng ý suy xét, không đợi phân biệt, nhưng năm phần mười cảnh đều là pháp tướng, có thể thay nhau có nghĩa kia, sáu tức, mười địa hạnh vị cạn sâu không có tướng loại.

Hỏi: Tánh của niệm là lìa, tánh của duyên cũng là lìa, nếu vô

duyên vô niệm cũng vô số lượng, làm sao đủ mười pháp giới ư?

Đáp: Bất khả tư nghì vô tướng mà có tướng, quán trí rõ ràng. Các kinh khác giải thích núi Tu-di chứa trong hạt cải, hạt cải có thể dung chứa núi tu-di, lửa phát ra hoa sen, người có thể qua biển, y cứ vào các việc ít có ấy mà giải thích bất tư nghì. Ở đây giải vô tâm, vô niệm, vô năng hành, vô năng đáo (Không thể đi, không thể đến) không nghĩ bàn lý, lý thì thắng sự.

Hỏi: Mười pháp giới có làm nhân quả cho nhau không?

Đáp: Đều là có nhưng quả cách ngăn khó hiển bày nhân thông suốt dễ biết, như từ đồng nữ dùng thế giới địa ngục để phát tâm Phật, như Bồ-tát chưa được thọ ký là khinh so với Bồ-tát đã được thọ ký, nếu không sinh tâm hối hận thì không có lúc nào hết tội. Lại dẫn các ví dụ, phàm Thánh đều có năm ấm, không thể nói ấm của Thánh như ấm của phàm. Lại nữa, Đức Phật có đủ năm nhãn, đâu thể dùng quả báo trời người giải thích Phật nhãn. Phật có đủ năm hạnh: Bệnh hạnh là thế giới bốn ác, Anh nhi hạnh là thế giới trời người, Thánh hạnh là pháp giới Nhị thừa, phạm hạnh là pháp giới Bồ-tát, thiên hạnh là pháp giới Phật.

Hỏi: Một niệm có đủ mười pháp giới, do khởi niệm mà đủ hay nhậm vận mà đủ?

Đáp: Pháp tánh tự như vậy chẳng phải do tạo tác mà thành, như một hạt bụi có đủ mười phương phần...

1. Quán cảnh âm giới nhập: Đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới.

Ấm: Là ấm cái thiện pháp, đây là dựa theo nhân mà đặt tên. Lại ấm là chứa nhóm sinh tử chồng chất, y cứ vào quả mà đặt tên. Nhập là bước vào, cũng gọi là du môn, giới gọi là giới biệt, cũng gọi là tánh phần. Luận Tỳ-bà-sa nói ba khoa khai hiệp. Nếu mê tâm thì khai tâm thành bốn ấm, sắc làm một ấm, nếu mê sắc thì khai sắc làm mười nhập và một nhập thiểu phần, tâm là một ý nhập và pháp nhập thiểu phần, nếu đều mê thì khai thành mười tám giới, số người nói năm ấm đồng thời. Thức là tâm vương, bốn ấm là tâm sở, y cứ vào hữu môn mà nói nghĩa, cho nên tâm vương, tâm sở nương nhau đồng thời khởi. Luận về người nói thức, trước hết hiểu rõ biệt, kế đến thọ lãnh nạp, tướng mạo tưởng lấy, hành khởi trái sư tùy thuận, sắc do hành cảm, y cứ vào không nói về nghĩa, cho nên thứ lớp sinh nhau. Nếu căn cứ năng sinh, sở sinh, sở sinh từ tế đến thô cho nên thức ở trước hết, nếu theo sự tu hành thì từ thô đến tế, cho nên sắc đặt ở trước, đều không được tâm sở cách tâm vương. Nếu nói về bốn Niệm xứ tâm vương ở trong, ở đây y

cứ vào ngôn thuyết cho tiện lại phân biệt chín thứ, một là kỳ sắc tâm, gọi là quả báo năm ấm, thường thường tưởng thọ vô ký năm ấm, khởi kiến khởi ái, cả hai đều làm ô uế năm ấm, động thân nhiệp khẩu nghiệp thiện ác thuộc năm ấm, biến hóa thị hiện công xảo năm ấm, người có đủ năm gốc lành phương tiện năm ấm, người chứng bốn quả vô lậu năm ấm, các thứ như vậy vốn từ tâm lưu xuất.

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Như họa sĩ tay họa vẽ năm màu sắc lẫn lộn rực rỡ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng. Trắng trắng tay vẽ thí như tâm, màu đen thí như địa ngục ấm, màu xanh thí như quỷ, màu đỏ thí như súc sinh, màu vàng thí như Tu-la, màu trắng thí như người, trắng trắng thí như trời, sáu thứ ấm này chỉ ngang bằng giới nội. Nếu y theo Kinh Hoa Nghiêm thì tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, giới nội giới ngoại tất cả trong thế gian đều do tâm tạo, sắc tâm thế gian, đâu thể đem tâm phàm phu mà biết được. Mắt phàm phu tối tăm gần còn không thấy gần thì làm sao thấy được xa, nhiều đời nhiều kiếp cách một gang tấc còn không thấy giới nội, huống chi là giới ngoại cách xa ư! Như nai khát nước chạy đến chỗ ánh nắng bốc cháy, chó điên cắn sấm sét đâu có đúng lý, dù cho giải ngộ Tiểu thừa cuối cùng chẳng phải là đại đạo. Cho nên kinh đại tập chép: Người thường kiến nói niệm khác dứt, người đoạn kiến nói một niệm dứt, cả hai đều rơi vào hai bên, không hợp với trung đạo, huống chi người đời sau cách Phật quá xa, căn chuyển độn chấp, gọi là khởi tránh, thị phi lnẫ nhau đều rơi vào tà kiến, cho nên ngài Long Thọ phá năm ấm một khác, đồng thời, trước sau, đều như lửa huyễn, âm hưởng biến hóa, thảy đều không thật có, đâu còn chấp âm vương, tâm sở, đồng thời, khác thời ư? Song giới nội, giới ngoại tất cả ấm nhập đều do tâm khởi. Phật bảo các Tỳ-kheo một pháp thâu nhiếp tất cả pháp, chính là Tâm.

Luận chép rằng: Trong tất cả thế gian chỉ có danh và sắc, nếu muốn quán như thật thì chỉ quán danh sắc, tâm là mê hoặc, nghĩa ấy như thế. Nếu muốn quán sát thì phải nhổ bỏ gốc kia, như chữa bệnh trúng huyệt, nay sẽ bỏ trương dùng thước, bỏ thước dùng bốn ấm tấc... chỉ quán thức ấm, thức ấm là tâm.

Quán tâm có đủ mười pháp môn:

1. Quán đảnh bất khả tư nghì.
2. Khởi tâm từ bi.
3. Khéo an tâm chỉ quán.
4. Phá pháp khắp.
5. Thức không bít.

6. Tu đạo phẩm.
7. Đối trị trợ khai.
8. Biết thứ vị.
9. Năm an nhẫn.
10. Không pháp ái.

Đã tự thông đạt cảnh nhiệm mầu thì khởi thệ từ bi cứu giúp chúng sinh, kế đến khởi hạnh lập nguyện đã khéo léo phá cùng khắp, trong sự phá khắp ấy tinh thông chỗ thông bít, khiến cho đạo phẩm tiến hành. Lại dùng trợ khai đạo, địa vị trong đạo mình và người đều biết, an nhẫn trong ngoài vinh nhục chớ đắm chấp, pháp ái trung đạo, cho nên mau chứng nhập địa vị Bồ-đề. Thí như tỳ-thủ-yết-ma xây dựng thắng đường, không thông không bí, gian nhà không lỗ trống, có thể dung chứa tất cả, đứng sừng sững hùng tráng ở trên trời, thợ vụng về chẳng thể so sánh, đo lường được. Lại như khéo vẽ sửa chữa thành quách kia, vẽ màu sắc tượng chân thật, pháp tinh túy linh thiên, có sinh khí hạch toán nhanh lẹ, đâu thể che lấp màu sắc, con người có thể tô điểm cho đẹp thêm, mười lớp quán pháp này ngang dọc đều thâu nhiếp, đẹp đẽ khéo léo, ban đầu thì phân biệt cảnh chân ngụy, chặng giữa thì chính giúp đỡ thân, sau cùng thì an nhẫn không chấp đắm, ý tròn đầy pháp, khéo léo bao gồm khuôn phép sợ tâm, sẽ đưa hành giả đến bờ bên kia, thiền sư ám pháp sư tụng văn chẳng thể biết được. Bởi do Đức Như Lai trải qua nhiều kiếp siêng năng tìm cầu, là chỗ đạo tràng chứng ngộ vi diệu, ngài thân tử ba phen thưa hỏi, Đức Phật ba lần nói pháp thí dụ chính là ở đây.

1. Quán tâm là cảnh bất khả tư nghì: Cảnh này khó nói. Trước hết nói rõ cảnh tư nghì, khiến cảnh bất tư nghì dễ hiểu rõ. Pháp tư nghì: Tiểu thừa cũng nói tâm sinh tất cả pháp, nghĩa là nhân quả trong sáu đường ba cõi xoay chuyển, hoặc bỏ phàm ưa Thánh thì bỏ dưới lên trên, nguội thân bặt trí, chính gọi là hữu tác tứ đế, do pháp tư nghi. Đại thừa cũng nói tâm sinh tất cả pháp, đó là mười pháp giới. Nếu quán tâm là có thiện có ác, ác thì nhân quả ba phẩm ba đường, thiện thì nhân quả ba phẩm: Tu-la, trời, người. Quán sáu phẩm này vô thường sinh diệt, tâm năng quán cũng niệm niệm không dừng, lại năng quán sở quán đều do duyên sinh, duyên sinh tức không, đều là pháp nhân quả Nhị thừa. Nếu quán không hữu này rơi vào hai bên, chìm vào không, dính mắc hữu, mà khởi tâm đại Từ bi, nhập giả giáo hóa chúng sinh, thật không có thân giả làm thân, thật chẳng có không giả nói không mà giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, tức pháp nhân quả của Bồ-tát. Quán pháp năng độ, sở độ này đều là pháp Trung đạo thật tướng, rốt ráo thanh tịnh, gì là thiện, gì

là ác, ai có ai không, ai được độ ai không được độ, tất cả pháp đều như vậy, đó là pháp nhân quả của Phật. Mười pháp này quanh co sâu cạn đều từ tâm lưu xuất chỉ thuộc về vô lượng tứ đế của Đại thừa, vẫn là cảnh tư nghì, chẳng phai chỉ là năng quán, sở quán ở đây.

Cảnh bất tư nghì: Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, tất cả pháp trong thế gian cũng đều do tâm sinh. Các thứ năm ấm: Như mười pháp giới năm ấm trước. Mười pháp giới có ba nghĩa: Số mười là năng y, pháp giới là sở y, năng sở gọi chung nên nói mười pháp giới. Lại nữa, mười pháp này cũng đều là nhân, cũng đều là quả, không lẫn lộn nhau, cho nên nói mười pháp giới. Lại mười pháp này mỗi mỗi đương thể đều là pháp giới, cho nên nói mười thời giới... thập pháp giới gọi chung là ấm nhập giới, kỳ thật khác nhau. Ba đường là ấm giới nhập hữu lậu ác, ba thiện là ấm giới nhập hữu lậu thiện, Nhị thừa là ấm giới nhập vô lậu, Bồ-tát là ấm giới nhập vừa hữu lậu vừa vô lậu vừa vô lậu, Đức Phật là ấm giới nhập phi hữu lậu phi vô lậu.

Thích Luận chép: Pháp vô thượng là Niết-bàn, tức là pháp phi hữu lậu, phi vô lậu.

Kinh vô lượng nghĩa chép: Đức Phật không có ấm giới nhập các đại, không có chín ấm giới nhập trước. Nay nói có là có ấm giới nhập Niết-bàn thường trú.

Đại Kinh chép: Nhờ diệt vô thường sắc nên đạt được thường sắc, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy. Thường lạc chồng chất tức là nghĩa nhóm họp, từ bi che lấp tức là nghĩa ấm, do mười thứ ấm giới khác nhau nnê gọi năm ấm thế gian. Năm ấm gọi chung là chúng sinh, chúng sinh khác nhau ba đường ấm là chúng sinh tội khổ, trời người ấm là chúng sinh thọ vui, vô lậu ấm là chúng sinh chân Thánh, từ bi ấm là chúng sinh đại sĩ thường trụ ấm là chúng sinh cực tôn quý.

Đại Luận chép: Chúng sinh vô thượng là Phật, đâu đồng với hàng phàm phu thấp kém.

Đại Kinh chép: Lúc Ca-la-la là tên gọi khác, cho đến lúc già là tên gọi khác, lúc nẫy mầm là tên gọi khác, cho đến khi kết quả thì tên gọi cũng khác. Y cứ vào một kỳ hạn mà mười thời nhau, huống chi mười cõi chúng sinh làm sao không khác được, cho nên gọi là chúng sinh thế gian. Nơi ở của mười thứ gọi chung là cõi nước thế gian. Địa ngục nương màu sắt đỏ mà trụ, súc sinh nương đất nước hư không mà trụ, Tu-la nương bờ biển, đáy biểu mà trụ, người nương đất mà trụ, trời nương cung điện mà trụ, Bồ-tát sáu Độ người nương đất mà trụ, Bồ-tát Thông giáo hoặc nghiệp chưa hết đồng với người trời nương nước mà trụ. Do

người hoặc nghiệp đã hết nương cõi phương tiện trụ Bồ-tát biệt, viên hoặc nghiệp chưa hết đồng với trời, người trụ cõi phương tiện... người dứt hết hoặc nương trụ cõi thật báo, Đức Như Lai nương trụ cõi thường tịch quang.

Kinh nhân vương chép: Tam hiền, thập Thánh trụ nơi quả báo, chỉ có Phật ở cõi tịnh độ, mỗi cõi khác nhau cho nên gọi là cõi nước thế gian. Ba mươi thứ thể gian này đều do tâm tạo ra.

Lại nữa, mười thứ năm ấm mỗi thứ đều có đủ mười pháp, nghĩa là như thị tánh, tướng, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả báo, bổn mạt, cứu cánh đẳng. Trước giải thích chung, sau tùy theo loại giải thích. Giải thích chung, tướng y cứ bên ngoài mà giải thích riêng.

Thích Luận chép: Dễ biết nên gọi là tướng, như tướng nước, tướng lửa khác nhau thì dễ biết, như khuôn mặt người có đầy đủ các nét đẹp, xem rõ tướng bên ngoài thì có thể biết được bên trong con ngoài đó. Xưa, tướng của tôn lưu hiển, hiện bên ngoài tướng tào công ẩn bên trong, tướng ấy cất tiếng khóc lớn, bốn biển, ba phần, trăm họ bị độc. Nếu nói có tướng thì người ngu độn không biết, nếu nói không tướng thì người xem bói hiểu thông suốt, phải tùy tướng người tốt, xem sắc mặt bên ngoài của người đầy đủ tất cả tướng, tâm cũng như vậy đầy đủ tất cả tướng. Tướng chúng sinh ẩn khuất, tướng Di-lặc hiển bày, Đức Như Lai khéo biết cho nên xa gần đều ghi nhớ. Người thật có tin tâm mới có tất cả tướng.

Tánh như vậy: Tánh là y cứ bên trong, gồm có ba nghĩa:

1. Không đổi tên họ: Kinh vô hành gọi là bất động tánh, tánh tức là nghĩa không thay đổi. Lại, tánh gọi là tánh phần, nghĩa là chủng loại có nhiều phần khác nhau, mỗi thứ không thể thay đổi. Lại nữa, tánh là thật tánh, thật tánh tức lý cánh, cùng cực của sự thật không có lỗi, tức tên khác của Phật tánh. Bất động tánh giúp đỡ cho không, chủng tánh giúp đỡ cho giả, thật tánh giúp cho Trung. Nay nói rõ tánh bên trong không thể thay đổi, như trong gỗ có tánh lửa, đốt cháy hết tất cả cỏ khô, tâm cũng giống như vậy, có đủ tất cả tánh năm ấm, tuy không thấy được nhưng không thể nói là không, dùng mắt trí tuệ quán sát đầy đủ tất cả tánh. Người thế gian thật đáng chê cười do sự thấy thiên lệchmà phê viên kinh. Kinh Niết-bàn Phật biết chúng sinh có Phật tánh nên phán quyết là cực thường, kinh pháp hoa nói Phật biết tất cả pháp tánh như vậy nên phán quyết là vô thường, đâu thể do hiểu biết một chút ít cho là thường hiểu biết nhiều cho là vô thường được. Lại nữa, kinh Pháp Hoa chép: Đức Phật biết tất cả pháp đều là một chủng loại, một tánh

chất, lời nói này cũng thiếu vì sao quán quyết là vô thường, lại có sự phê phán mười như trong kinh hoa pháp hoa, năm như trước thuộc phàm là quyền, năm như sau thuộc Thánh là thật, y vào chỗ ông phán quyết phàm thì không thật, vĩnh viễn không thể thành Thánh, Thánh thì không quyền, chẳng phải Chánh biến tri, đây là thuyết chuyên thường, vu báng Phật, khinh khi kẻ phàm. Lại nữa, kinh Niết-bàn nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà nói là thường.

Kinh Tịnh Danh chép: Tất cả chúng sinh tức là tướng Bồ-đề, phán quyết là vô thường. Nếu Phật tánh khác tướng Bồ-đề thì có thể một thường, một vô thường, nếu không khác thì sự phán quyết này là lầm lẫn lớn, như người bói toán thấy tướng vua, tánh vua đều được lên ngôi vua, thì Phật tánh và tướng Bồ-đề vì sao khác nhau?

Thể như vậy: Làm chủ thể chất gọi là thể, mười pháp giới ấm nhập này đều dùng sắc tâm làm thể chất.

Lực như vậy: Có lực dụng gánh vác sự việc, như lực sĩ của vua có ngàn muôn tài năng vô bệnh cho nên nói không bệnh tật hữu dụng, tâm cũng giống như vậy đầy đủ các năng lực, do bệnh phiền não nên không thể vận động, như thật quán đầy đủ tất cả năng lực.

Tác như vậy: Vận động kiến lập gọi là tác, nếu lìa tâm không còn có sở tác, cho nên biết tâm đầy đủ tất cả tác.

Nhân như vậy: Chiêu cảm quả gọi là nhân, cũng gọi là nghiệp, mười pháp giới nghiệp khởi từ tâm, chỉ khiến tâm có đầy đủ các nghiệp nên gọi là nhân như vậy.

Duyên như vậy: Duyên gọi là duyên do sự trợ giúp của nghiệp, đều là nghĩa duyên. Vô minh, ái... năng thấm nhuần nghiệp, tức tâm là duyên.

Quả như vậy: Gặt hái thâu hoạch quả, tập nhân tập đọc ở trước, tập quả gặt hái đạt được ở sau cho nên quả như vậy.

Báo như vậy: Báo đáp nhân gọi là báo, tập nhân tập quả thông suốt gọi là nhân chiêu cảm quả báo đời sau, do quả báo này là đền đáp nhân. Bổn mạt cứ cánh đẳng như vậy: Tướng là gốc, báo là ngọn, gốc ngọn đều từ duyên sinh, duyên sinh cho nên không, gốc ngọn đều không, đây là y cứ vào không mà nói... lại nữa, tướng chỉ có chữ, báo cũng chỉ có chữ, đều là giả thi thiết, đây là y cứ vào giả danh mà nói... lại gốc ngọn là tiêu biểu cờ nêu lẫn nhau, xem xét tướng ban đầu tiêu biểu quả báo về sau, thấy báo về sau biết tướng ban đầu, như thấy bố thí biết giàu, thấy giàu biết bố thí, trước và sau ở trong nhau, đây là căn cứ vào giả mà luận... lại nữa, tướng mà vô tướng, vô tướng mà tướng,

chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, báo mà vô báo, vô báo mà báo, chẳng phải báo chẳng phải vô báo, mỗi mỗi đều nhập vào mé như thật, đây là y cứ vào trung mà luận...

2. Loại giải: Tóm lược mười ppá thành bốn loại ba đường, để tiêu biểu khổ là tướng, định ác chứa nhóm làm tánh, bẻ gãy sắc tâm làm thể, bỏ đao vào vạc làm lực, khởi mười bất thiện làm tác, ác nghiệp hữu lậu làm nhân, ái thủ... làm duyên, quả ác tập làm quả, ba đường ác làm báo, gốc ngọn đều si... ba điều lành nêu lạc làm tướng, định thiện chứa nhóm làm tánh, thăng xuất sắc tâm làm thể. Lạc thọ làm lực, khởi năm giới mười điều lành làm tác, bạch nghiệp làm nhân, thiện ái thủ làm duyên, quả thiện tập làm quả, cõi trời, người làm báo. Nên y vào giả danh, tướng trước sau ở trong nhau. Hàng Nhị thừa tiêu biểu Niết-bàn làm tướng giải thoát làm tánh, năm phần làm thể, vô phiền làm lực, đạo phẩm làm tác, vô lậu tuệ hạnh làm nhân, hành hạnh làm duyên, bốn quả làm quạt, trong ruộng hậu hữu bất sinh nên không có báo...

Bồ-tát Phật loại: Nhân duyên làm tướng, liễu nhân làm tánh, chánh nhân làm thể, bốn thệ nguyện sâu rộng làm lực, sáu Độ muôn hạnh làm tác, trí tuệ trang nghiêm làm nhân, phước đức trang nghiêm làm duyên, Tam-bồ-đề làm quả, đại Niết-bàn làm báo...

Nhân duyên có thuận có nghịch, thuận sinh tử lấy nghiệp hữu lậu làm nhân, ái thủ... làm duyên, nghịch sinh tử lấy chánh vô lậu làm nhân, hành hạnh làm duyên, đều tổn sinh phá hoặc; thuận giới ngoại sinh tử tức lấy tuệ trung đạo làm nhân, muôn hạnh làm duyên, vì dều tổn biến dịch sinh tử, nhân duyên đã như vậy, ngoài ra nghịch thuận y cứ theo đây có thể biết. Nếu Thanh văn thì chỉ có chín không có mười, nếu y theo nghĩa ba Phật của Đại thừa thì Phật có báo thân, nếu y theo nghĩa dứt hết hoặc thì không có hậu báo, chín và mười châm chước có thể hiểu. Chúng sinh ở thế gian đã là giả danh có tự thể, phân biệt thật pháp là giả thì thiết mà thôi. Nghĩa là chúng sinh trong đường ác tướng, tánh, thể, lực, cứu cánh đẳng... chúng sinh trong đường lành tánh, tướng, thể, lực, cứu cánh đẳng... chúng sinh vô lậu tánh, tướng, thể, lực, cứu cánh đẳng... Bồ-tát, Phật pháp giới, tướng, tánh, thể, lực, cứu cánh đẳng... y cứ theo đây đều có thể hiểu. Cõi nước thế gian cũng đủ mười thứ pháp, đó là cõi nước xấu ác, tánh, tướng, thể, lực... cõi nước thiện, cõi nước vô lậu. Cõi nước Phật, Bồ-tát tánh, tướng, thể, lực... xét rằng một tâm đầy đủ mười pháp giới, một pháp giới lại đầy đủ mười pháp giới, một trăm pháp giới, một giới có đủ ba mươi thứ thể gian, một trăm pháp giới tức có đủ ba ngàn thứ thế gian. Ba ngàn này ở trong một niệm tâm, nếu vô

tâm thì thôi, còn có tâm thì có đủ ba ngàn, cũng không nói nhất tâm ở trước, tất cả pháp ở sau, cũng không nói tất cả pháp ở trước, nhất tâm ở sau, chẳng hạn như tám tướng biến đổi vật, vật ở trước tướng, vật không bị đổi dời, tướng tại trước vật cũng không bị đổi dời, trước cũng không thể sau cũng không thể, chỉ là vật luận tướng biến đổi, chỉ tướng đổi dời luận về vật, nay tâm cũng giống như vậy. Nếu từ nhất tâm sinh tất cả pháp, đây là chiều bề dọc; nếu tâm nhất thời bao gồm tất cả pháp, đây chiều ngang, dọc cũng không thể, ngang cũng không thể. Chỉ tâm là tất cả pháp, tất cả pháp là tâm, chẳng dọc, chẳng ngang, cái không thể dùng thức để hiểu, cái không thể dùng lời để nói, do vậy gọi là cảnh bất khả tư nghì, ý là ở đây...

Hỏi: Tâm khởi phải nương vào duyên, vì đâm có đủ ba ngàn pháp, là duyên đủ, là cộng đủ, là lìa đủ. Nếu tâm đủ thì tâm khởi duyên bất dụng, nếu duyên đủ thì duyên đủ không quan hệ với tâm, nếu cộng đều không cộng làm sao có, nếu lìa đủ thì đã lìa tâm, lìa duyên, làm sao bỗng nhiên tâm đẩy đủ, bốn câu còn không thật có, làm sao đẩy đủ ba ngàn pháp được?

Đáp: Địa nhân nói: Tất cả giải hoặc, chân vọng đều nương tựa vào pháp tánh, páhp tánh giữ gìn chân vọng, chân vọng nương pháp tánh.

Nhiếp Đại thừa chép: Pháp tánh không bị hoặc làm ô nhiễm, không được chân làm cho thanh tịnh, cho nên pháp tánh không giữ gìn. Nói giữ gìn. Nói giữ gìn là A-lại-da. Không ẩn không hiện, giữ gìn đầy đủ tất cả hạt giống, nếu theo địa sư thì tâm đầy đủ tất cả pháp, nếu theo nhiếp sư thì duyên đầy đủ tất cả pháp. Hai vị luận sư này mỗi vị đều y cứ theo một bên. Nếu pháp tánh sinh tất cả pháp, thì pháp tánh là phi tâm phi duyên, phi tâm nên tâm sinh tất cả pháp, phi duyên nên cũng ứng duyên sinh tất cả pháp, đâu được riêng nói pháp tánh là nơi chân vọng nương giữ. Nếu nói pháp tánh chẳng nương giữ, A-lại-da là nương giữ lìa ngoài pháp tánh có A-lại-da riêng nương giữ thì không quan hệ đến pháp tánh, nếu pháp tánh không lìa A-lại-da thì A-lại-da là nương giữ, lại trái với kinh.

Kinh chép: Chẳng phải, chẳng phải, cũng chẳng phải trung gian, cũng không thường tự có, lại trái với ngài Long Thọ.

Ngài Long Thọ nói rằng: Các pháp không tự sinh, cũng không do chỗ khác sinh, không cộng, cũng không phải vô nhân, lại căn cứ vào thí dụ xem xét, vì đang nương tâm cho nnê có mộng, nương ngủ cho nên có mộng, cách ngủ hợp với tâm cho nên có mộng, lìa tâm lìa ngủ cho nên có mộng. Nếu nương tâm có mộng thì không ngủ lẽ ra phải mộng.

Nếu nương ngủ có mộng thì người như ngủ lẽ ra phải có mộng. Nếu ngủ và tâm cả hai hợp lại mà có mộng, thì người ngủ sao lại có lúc không mộng, lại mộng và tâm mỗi thứ đều có mộng, hợp lại để có mộng, mỗi thứ đều không mộng, hợp lại lẽ ra không có. Nếu lìa tâm, lìa ngủ mà có mộng thì hư không lìa cả hai lẽ ra thường có mộng. Bốn câu mọng còn không thật có, vì sao khi ngủ mộng thấy được tất cả việc? Tâm dụ cho pháp tánh, mộng dụ cho A-lại-da. Tại sao chỉ y vứ vào pháp tánh A-lại-da sinh tất cả pháp? Nên biết bốn câu đầu tâm không thật có, cầu ba ngàn pháp cũng không thật có. Đã ngang dọc từ bốn câu sinh ba ngàn pháp không thật có, lẽ ra từ một niệm tâm sinh ra ba ngàn pháp ư? Tâm diệt còn không thể sinh một pháp, làm sao có thể sinh ba ngàn pháp ư! Nếu từ tâm vừa duệt vừa bất diệt sinh ba ngàn pháp, vừa diệt bất diệt kia tánh tướng trái nhau, cũng như nước lửa hai thứ đều không lập, làm sao có thể sinh ba ngàn pháp ư! Nếu nói tâm chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt sinh ba ngàn pháp thì chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt, chẳng phải năng chẳng phải sở tại sao năng sở sinh ra ba ngàn pháp ư! Vừa dọc vừa ngang cầu ba ngàn pháp không thật có, chẳng phải dọc, chẳng phải ngang cầu ba ngàn pháp cũng không thật có, đường ngôn ngữ bặt chỗ tâm hành diệt, cho nên ogị là cảnh bất khả tư nghì.

Đại Kinh chép: Sinh sinh không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, bất sinh sinh không thể nói, bất sinh bất sinh không thể nói, tức là nghĩa này. Nên biết một pháp trong Đệ nhất nghĩa không thật có, huống chi ba ngàn pháp một tâm trong thế đế còn có đủ vô lượng pháp, huống chi ba ngàn ư!

Như Phật Đức Nữ nói: Có vô minh bên trong hay không?

Đáp: Không.

- Có bên ngoài hay không?

Đáp: Không.

- Có cả trong lẫn ngoài hay không?

Đáp: Không.

- Chẳng có ở trong chẳng có ở ngoài phải không?

Đáp: Không.

Phật dạy: Đúng như vậy.

Ngài Long Thọ nói rằng: Không tự, không tha, không cộng, không phải vô nhân sinh.

Đại Kinh chép: Sinh sinh không thể nói, cho đến bất sinh bất sinh không thể nói, có nhân duyên thì cũng có thể nói, đó là nhân duyên bốn tất-đàn. Tuy bốn câu câu sâu kín vắng lặng, từ bi thương xót đối với

tướng giả danh trong vô danh tướng mà nói. Hoặc tạo tác thể giới nói tâm có đủ tất cả pháp, người nghe vui mừng như nói ba cõi không khác, pháp chỉ do một tâm tạo, tức là văn ấy. Hoặc nói duyên sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng như nói năm dục làm cho người rơi vào đường ác, Thiện tri thức nhân duyên lớn, nghĩa là giáo hóa dẫn dắt giúp chúng sinh nghe vui mừng, nư nói bạc trắng hòa với vàng ròng có thể phất các sắc tượng, tức là văn ấy. Hoặc nói lìa sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng, như nói mười hai nhân duyên chẳng phải Đức Phật tạo tác, chẳng phải trời, người Tu-la tạo tác, tánh nó tự như vậy, tức là văn ấy. Bốn câu này tức thế giới tất-đàn, nói tâm tánh ba ngàn tất cả pháp. Thế nào là vị nhan tất-đàn? Như nói Phật pháp như biển, chỉ người tin mới vào được, lòng tin là nguồn gốc ucả đạo, là mẹ sinh ra các công đức, tất cả pháp lành từ đó mà sinh. Ông chỉ cần phát ba tâm Bồ-đề. Cho nên người xuất gia giới cầm đầy đủ, người nghe sinh lòng tin, tức là văn ấy. Có chỗ nói duyên sinh tất cả pháp, như nói nếu không gặp Phật thì sẽ rơi vào địa ngục khổ trong vô lượng kiếp, nhờ thấy Phật cho nên được vô căn tín, như từ y-lan sinh ra chiên-đàn, người nghe sinh lòng tin tức là văn ấy. Có chỗ nói hợp sinh tất cả pháp, như nói nước tâm lóng trong, tướng châu tự hiện. Từ năng lực gốc lành thấy được việc này, người nghe sinh lòng tin, tức là văn ấy. Có chỗ nói lìa sinh tất cả pháp, như nói chẳng phải quán bên trong mà được trí tuệ ấy, cho đến chẳng phải quán bên trong quán bên ngoài mà được trí tuệ ấy. Nếu có trụ trước thì đầu tiên Ni Phạm chí có chút lòng tin còn không thể được, huống chi bỏ tà theo chánh, người nghe sinh lòng tin, tức văn ấy. Đó là vị nhân tất-đàn bốn câu nói tâm sinh ba ngàn tất cả pháp. Thế nào là đối trị tất-đàn nói tâm trị tất cả điều ác? Như nói được nhất tâm thì muôn điều tà liền tiêu diệt, tức là văn ấy. Hoặc nói duyên trị tất cả điều ác, như nói được nghe bậc đại trí vô thượng, tâm định như đất, không thể động chuyển tức là văn ấy. Hoặc nói nhân duyên hòa hiệp trị tất cả ác, như nói một phần do suy tư phát sinh, một phần theo thầy học mà được, tức là văn ấy. Hoặc nói lìa trị tất cả ác, khi ta ngồi đạo tràng thì không được tất cả pháp, nắm tay rỗng lừa dối đứa trẻ, cho dụ độ tất cả, tức là văn ấy. Đó gọi là đối trị tất-đàn tâm phá tất cả điều ác. Thế nào là Đệ nhất nghĩa tất-đàn tâm thấy được lý? Như nói tâm khai ý giải bỗng nhiên đắc đạo, có chỗ nói duyên năng thấy lý, như nói nghe trong chốc lát liền được Tam-bồ-đề rốt ráo. Có chỗ nói nhân duyên hòa hợp đắc đạo, như ngựa chạy nhanh thấy bóng roi liền chạy theo đường chính. Có chỗ nói lìa có thể thấy lý, như nói vô sở đắc tứ là đắc, đã là đắc vô sở đắc, đó gọi là Đệ nhất nghĩa

bốn câu thấy lý, huống gì tâm sinh ba ngàn pháp ư! Ý chỉ của phậ đều thanh tịnh, không do nhân duyên cộng hay lìa, tức thế đế là Đệ nhất nghĩa. Lại bốn câu đều có thể nói, nói nhân cũng đúng, duyên cũng đáng cộng cũng đúng lìa cũng đúng. Nếu vì người mà mà nói mầu sữa như vỏ ốc hoặc gạo, tuyết chim hạc, người mù nghe các thứ ấy liền hiểu được sữa, tức thế đế là Đệ nhất nghĩa đế. Phải biết suốt ngày nói, suốt ngày không nói, suốt ngày không nói, suốt ngày nói, suốt ngày đều ngăn, suốt ngày đều chiếu, ngay nơi phá là lập, ngay nơi lập là phá, các kinh luận đều như vậy. Ngài Long Thọ, ngài Thiên Thân xem kỹ bên trong rõ ràng, bên ngoài thích hợp thời cơ đều y cứ quyền biến, thầy người hiểu lệch, người học câu chấp, liền sinh ra chấp chặt, bảo vệ một bên, cho là Đại thừa Thánh đạo, nếu hiểu được ý này đều không thể nói, đều có thể nói. Nếu tùy tiện nghi thì lẽ ra nói vô minh tánh pháp sinh ra tất cả pháp, như ngủ nghỉ, tâm mỗi pháp có tất cả việc mộng, tâm và duyên hợp thì ba thứ thế gian, ba ngàn tướng tánh đều từ tâm khởi, một tánh tuy ít nhưng không phải là không có, vô minh tuy nhiều mà không có. Vì sao? Vì chỉ cho một là nhiều, nhiều chẳng phải nhiều, chỉ cho nhiều là một, một chẳng phải ít, cho nên nói tâm này là cảnh bất khả tư nghì. Nếu hiểu một tâm là tất cả tâm, tất cả tâm là một tâm, chẳng phải một, chẳng phía tất cả. Một ấm là tất cả ấm, tất cả ấm là một ấm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, một tất cả nhập, tất cả nhập thì một nhập, chẳng phải một chẳng phải tất cả, một cõi là tất cả cõi tất cả cõi là một cõi, chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Một chúng sinh là tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh là một chúng sinh, chẳng phải một chẳng phải một chẳng phải tất cả. Một tướng là tất cả tướng, tất cả tướng là một tướng, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Cho đến một rốt ráo tất cả rốt ráo tất cả rốt ráo thì một rốt ráo, chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Trải qua tất cả đều là cảnh bất khả tư nghì. Nếu phpá tánh vô minh hiệp là có thì tất cả pháp ấm giới nhập... tức là tục đế; tất cả giới nhập là một pháp giới, tức là chân đế; chẳng phải một chẳng phải tất cả tức là Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Như ậy trải khắp tất cả pháp, đều là bất tư nghì tam đế... nếu một pháp là tất cả pháp tức là pháp do nhân duyên sinh, đó gọi là giả danh giả quán, nếu tất cả pháp là một pháp, thì ta nói tức là không, không quán. nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả, tức là trung đạo quán, một không tất cả không, chẳng phải giả trung mà cũng chẳng phải không, đều là không quán. một giả tất cả giả, chẳng phải không trung mà không phải giả, đều là giả quán. một trung tất cả trung, chẳng phải không giả mà không phải trung, đều là

Trung quán. Tức trung luận đã nói một tâm ba quán bất khả tư nghì, trải qua tất cả pháp cũng như vậy. Nếu tất cả pháp do nhân duyên sinh tức phương tiện tùy tình đạo chủng quyền trí. Nếu tất cả pháp là một pháp ta nói tức là không, tức tùy nhất thiết trí trí. Nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả cũng gọi là nghĩa Trung đạo, tức phi quyền phi thật nhất thiết chủng trí. Chẳng hạn như trên một quyền tất cả quyền, một thật tất cả thật, tất cả phi quyền phi thật, trải khắp tất cả, là bất tư nghì ba trí. Nếu tùy tình tức là tùy ý và lời nói của người khác, nếu tùy trí tức trí và lời nói của mình, nếu phi quyền phi thật tức là chẳng tùy ý và lời nói của mình và người, trải khắp tất cả đều là tiệm đốn, bất định, giáo môn bất tư nghì. Nếu hiểu đốn tức là thiểu tâm, tâm còn không thật có thì làm sao có được thú phi thú, nếu hiểu tiệm tức là hiểu thú tâm của tất cả pháp, nếu hiểu bất định tức là hiểu thú này không lỗi. Các thứ đây trên tuy tên khác mà nghĩa thì đồng, làm khuôn phép cho hành quân, gọi là ba pháp, sở chiếu là ba đế, sở phát là ba quán, quán thành là ba trí, dạy người khác gọi là ba ngữ, quy tông gọi là ba thú, hiểu được ý này thì tất cả, đều thành pháp môn, các thứ vị chớ nghi ngờ phiền muộn... như ngọc như ý là của quý báu trên cõi trời hình dạng như hạt lúa, có công năng rất lớn, trong sạch vi diệu, đầy đủ bảy thứ báu, năm thứ dục, chẳng phải chứa bên trong, chẳng phải từ bên ngoài, vào không tính toán trước sau, không chọn ít nhiều, không làm thô diệu, vừa ý đầy đủ giáng mưa xuống thấm nhuần tốt tươi, không thêm không hết. Bởi sắc pháp này còn có thể như thế, huống chi tâm thần linh thiêng mầu nhiệm đầu không đầy đủ tất cả pháp ư! Lại nữa, ba độc mê hoặc tâm, một niệm tâm khởi,còn trở lại thân biên kiến lợi độn tám mươi tám sử, cho đến tám mươi bốn phiền não. Nếu nói trước có vì sao phải đợi duyên, nếu nói vốn không sao duyên đối liền ứng, bất hữu bất vô, nhất định có tức là tà, nhất định không tức là vọng, phải biết có mà không có, không có mà có tâm mê hoặc còn như vậy, huống chi nhất tâm bất tư nghì ư? Lại như ngủ mộng thấy trăm ngàn muôn việc, khi tỉnh giấc không có một việc gì, huống là trăm ngàn việc. Chưa ngủ thì không mộng, không thức, không nhiều, không một, do năng lực của ngủ nên gọi là nhiều, vì năng lực của thứ nên gọi là ít. Trang chu mộng thấy làm bươm bướm, cũng chẳng phải nhiều năm. Vô minh mỗi pháp tánh, một tâm tất cả tâm như người kia ngủ kia ngủ mê, hiểu rõ vô minh tức là pháp tánh, tất cả tâm là một tâm, như người kia thức dậy... lại như người thực hành hạnh an lạc một khi ngủ mộng. Từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật ngồi đạo tràng, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh, nhập Niết-bàn, hoát nhiên đại

ngộ chỉ là một giấc mộng. Nếu tin ba ví dụ thì tin nhất tâm, chẳng phải miệng nói, chẳng phải tâm suy lường, đây là cảnh bất tư nghì không pháp nào mà không thâu nhiếp, cảnh này phát sinh trí tuệ không trí nào mà không phát, nương cảnh này phát sinh thệ nguyện cho đến không có pháp ái, không thể nào không đầy đủ, không hạnh nào không viên mãn, nói thì theo thứ lớp như trên, hành thì nhất tâm bên trong đầy đủ tất cả tâm...

2. Tâm phát Bồ-đề chân chánh: Đã hiểu sâu cảnh bất tư nghị, biết một khổ thì tất cả khổ, tự buồn lo cho nỗi khổ xưa, khởi hoặc đam mê thanh sắc thô tế, buông thả thân, miệng, ý gây ra nghiệp thiện, xoay vần trong đường ác, trói buộc trong các sự bức ngặt phiền muộn, thân tâm đều khổ tự bị tổn thương, mà nay lại lấy ái tự trói buộc, đèn si làm hại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp đau đớn vô cùng, dù muốn xa lìa ba đường, ưa thích năm giới, mười điều làm, tướng tâm tu phước, như chợ dễ mua bán, thay đổi càng thêm tội, tợ như cá mắc câu bướm tự bay vào trong đèn, mưu kế điên cuồng gian tà xảo quyệt, càng mê càng xa, khát nướclại uống thêm mới muối, rồng bị trói bỏ trong nước thật đau khổ, trâu bị lọt da phơi dưới ánh nắng mặt trời, người mù đi vào chỗ gai nhọn, bị đắm chìm trong dòng nước xoáy, tay cầm dao ôm đuốc nhiều nổi đau khổ đâu thể nói hết, đuôi hổ đầu rắn thật đáng sợ hãi, tự nghĩ như thế, buốn thương cho người khác cũng vậy. Dài cho đi vào con đường nguy hiểm, làm phản quốc gia, trải qua đủ thứ cay đắng cùng tột, như chết được sống lại, đi đến chỗ nghèo nàn làm thuê đủ việc sống qua ngày, chỉ tá túc nơi am tranh, không chịu tiến tới trước, chỉ ưa làm những việc hèn mọn, không tin không hiểu, thật đáng thương xót. Suy nghĩ mình và người đều đáng thương xót, liền khởi tâm đại bi, phát hai thệ nguyện: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Chúng sinh tuy như hư không, thề độ chúng sinh như hư không; tuy biết phiền não không thật có nhưng thề dứt phiền não không thật có, tuy biết số chúng sinh rất nhiều mà độ chúng sinh rất nhiều; tuy biết phiền não không bớ bèn mà dứt bỏ phiền não không bờ bến; tuy biết chúng sinh như Phật như, mà độ chúng sinh như Phật như; tuy biết tướng như thật, cửa phiền não mà dứt phiền não như thật tướng. Vì sao? Nếu chỉ diệt nhân khổ mà không diệt quả khố, thì thệ nguyện này xem lẫn với độc, cho nên phải quán không, nếu chỉ quán về không thì không thấy chúng sinh đáng được độ, đó gọi là chấp không, các Đức Phật sẽ không hóa độ. Nếu thấy tất cả chúng sinh đều đáng được độ, thì rơi vào ái kiến đại bi, chẳng phải đạo giải thoát... nay thì chẳng độc, chẳng phải lực ngụy,

cho nên gọi là chân, chẳng phải không biên, chẳng phải hữu hiên, cho nên gọi là chánh, như chim bay giữ hư không không dừng lại giữa hư không, tuy không dừng giữa hư không nhưng dấu vết cũng không thể tìm thấy, tuy không mà độ tuy độ mà không, cho nên gọi là thệ, cùng tranh đấu với hư không, đó gọi là chân chánh phát tâm, Bồ-đề, tức là ý này.

Lại nữa, hiểu tâm bất khả tư nghì, một tâm vui tất cả tâm vui, ta và chúng sinh ngày xưa tuy cầu vui mà không biết nhân của vui, như chấp gạch ngói cho là ngọc như ý, vọng chỉ ánh sáng đóm gọi là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, nay mới bắt đầu hiểu biết rõ, cho nên khởi tâm đại bi, phát hai nguyện: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Tuy biết pháp môn hoàn toàn vắng lặng như hư không, thệ nguyện tu hành hoàn toàn vắng lặng; tuy biết Bồ-đề không thật có, đối với không thật có ta vẫn cố cầu; tuy biết pháp môn như hư không chẳng thật có, thệ nguyện tô vẽ làm trang nghiêm hư không; tuy biết Phật đạo chẳng phải thành sở thành, như trong hư không trồng cây mà được hoa được quả; tuy biết pháp môn và quả Phật chẳng phải tu chẳng phải không tu, tu chẳng phải chứng, in chẳng phải được, vì không chỗ đứng đắc mà chứng đắc mà chứng mà đắc, đó gọi là chẳng phải hư ngụy chẳng chẳng phải chất độc, gọi là chân, chẳng phải không, chẳng phải kiến ái, gọi là chánh. Thệ nguyện từ bi như vậy cùng với cảnh trí bất khả tư nghì, chẳng trước chẳng sau, đồng thời đều sinh khởi, từ bi tức trí tuệ trí tuệ tức từ bi, vô duyên vô niệm che trùm khắp tất cả. Diệt sạch hết khổ, tự nhiên được vui không đồng độc hại, không đồng đãi không, không đồng ái kiến, đó gọi là nghĩa chân chánh phát tâm Bồ-đề, là nghĩa tự thương xót mình, thương xót chúng sinh, đều như trên nói quán tâm có thể hiểu.

3. Khéo léo an tâm: Khéo dùng chỉ quán an trụ pháp tánh. Trên đã thông hiểu cảnh bất tư nghì vi diệu sâu kín, vận dụng từ bi rộng khắp bày che chở như thế, phải thực hành thệ nguyện, hạnh tức chỉ quán. Vô minh si hoặc vốn là pháp tánh, do si mê cho nên pháp tánh biến chuyển tạo thành vô minh, sinh khởi các sự điên đảo thiện, bất thiện... như mùa động lạnh, nước đóng thành băng cứng, lại như người ngủ, tâm biến chuyển có các thứ mộng mị, nay đương thể các thứ điên đảo ấy tức là pháp tánh, không phải một, không phải khác. Tuy điên đảo khởi rồi diệt như vòng lửa xoay tròn, nhưng không tin điên đảo khởi diệt, chỉ tin tâm đây là pháp tánh, khởi là do pháp tánh khởi, diệt do pháp tánh diệt, thể kia thật không khởi diệt, vọng là khởi diệt, chỉ là vọng tưởng, đều cho

là pháp tánh. Dùng pháp tánh buộc trói pháp tánh, dùng pháp tánh nghĩ nhớ pháp tánh, thường là pháp tánh không gì không phải là pháp tánh, thể đạt đã thành, không được vọng tưởng, cũng không được pháp tánh, trở lại nguồn gốc pháp giới đều vắng lặng, đó gọi là chỉ. Chỉ như thế thì từ trước đến đây tất cả sự trôi lăn đều là chỉ, người quán quán sát tâm vô minh đều là pháp tánh, xưa nay đều không, dưới đồng với tất cả vọng tưởng, thiện ác, đều như hư không, không hai không khác. Thí như kiếp tận từ mặt dưới lên đến Sơ thiền bị bốc cháy, tất cả đều là lửa, lại như tướng do Bồ-tát hư không tạng hiện ra tất cả đều không, như tất cả do Hải Tuệ tử đầu đến cuối hiện ra tất cả đều là nước, tất cả đều từ niệm khởi, mỗi niệm đều tức không, không cũng không thật có, như trước nói lửa có thể khiến cho cháy củi, cũng lại tự nhiên, pháp giới thông suốt, thảy đều rộng lớn sáng suốt gọi là quán. Chỉ chính là trí, tri chính là chỉ, bất động chỉ chính là bất động trí bất động trí chính là bất động chỉ. Bất động trí chiếu soi pháp tánh tức là quán trí được an vui cũng là chỉ an, bất động đối với pháp tánh tương ưng tức là chỉ an, cũng là quán an, không hai không khác. Nếu cả hai đều không được an là tại sao? Xét rằng tâm thần mê muội, chợt khởi chợt diệt khó có thể giữ gìn, chợt lui chợt tới không dễ gì ngăn cấm, tuy là ngăn dứt sự rong ruổi, tuy nơi tối tăm đen tối lại quán, càng thêm khổ công, tan hoại mê hoặc, địch sức mạnh cò trai yếu nên tranh nhau giữ chặt chỗ hiểm, đã không được tiến lại không thể lùi, phải bỏ mạng giữ đạo, hiến dâng da thịt xương xốt, thệ khéo léo an tâm phương tiện hồi chuyển, để được tương ưng, thành lập quán hạnh.

An tâm chia làm hai:

1. Dạy người.

2. Tự mình thực hành.

- Dạy người chia làm hai:

1. Thầy là bậc Thánh.

2. Thầy là kẻ phàm.

1. Thầy là bậc Thánh: có năng lực tuệ nhãn sáng suốt đối với thuộc pháp, có năng lực pháp nhãn hiểu biết đối với bệnh chướng, có năng lực hóa đạo ứng bệnh mà cho thuốc, khiến người bệnh mau lành. Như ngài Cúc-đa biết đệ tử phải dùng tâm tín mà ngộ nên bảo leo lên cây, đáng dùng thức ăn mà ngộ cho nên bảo uống sữa lạc, phải dùng sự quở trách để được bèn hóa thành tượng cô gái, mỗi mỗi khai hiểu, không có mảy may sai lầm, không đợi thời, không quá thời, lời ói ra liền ngộ. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, bậc thầy như thế rất khó được, rùa mà làm sao

tìm gặp được lỗ hổng của khúc gỗ nổi, hạt cải rơi chìm xuống đáy biển làm sao dùng mũi kim xâu qua được, đã khó lai càng khó

2. Thầy là người phàm: Tuy không đủ ba năng lực cũng được thi thiết giáo hóa, thí như thầy thuốc giỏi phân biệt được bệnh cho thuốc, thấy sắc nghe tiếng biết bắt mạch cho thuốc liền hết bệnh có người mạng sắp hết cũng không thể chết, nếu không biết bắt mạch hỏi xem tướng trạng của người bệnh, y lời nói của người bệnh mà cho thuốc cũng liền hết bệnh. Thân tử là bậc Thánh đức còn lầm lẫn căn cơ, huống chi phàm phu còn đủ sự ràng buộc mà xưng là thầy chữa bệnh ở đây không luận Thánh sư, chính là nói thầy là người phàm mà dạy người an tâm. Dạy người có hai thứ:

1. Tín hạnh.
2. Pháp hạnh.

Luận Tát-đà-đa nói hai hạng người này địa vị ở kiến đạo, nhân nghe mà nhập, đó gọi là tín hạnh, nhân tư duy mà nhập đó gọi là pháp hạnh.

Đàm vô đức nói: Địa vị ở phương tiện, tự thấy pháp ít nhờ, năng lực nghe nhiều, thời sau cần phải nghe pháp được ngộ, gọi là tín hạnh, nhờ sức nghe ít, tự thấy pháp nhiều, sau cần phải tư duy đựoc ngộ, đó gọi là pháp hạnh, nếu trong kiến đạo vô tướng tâm lợi, một khi phát tức là chân, đâu cần phân biệt tín pháp, nhưng thường y cứ vào hạnh, thành luận y cứ vào căn tánh, mỗi mỗi đều có, do đó không chống trái nhau. Các vị thầy đời nay xa bàn nguyện do nhiều kiếp nghe bọc, nhiều kiếp ngồi thiền thì được hạt giống tín pháp, đời đời huân tập thì thành căn tánh, thảy đều do nghe suy nghĩ mà được khai ngộ. Nếu nói về người căn tánh lợi độn thì do pháp hạnh lợi bên trong tự thực hành pháp quán, tín hạnh độn nhờ nghe nơi người khác. Lại tín hạnh thuộc lợi một phen nghe liền ngộ, pháp hạnh thuộc độn thì phải trải qua pháp quán sát, hoặc vừa lợi vừa độn: Người tín hạnh nghe tuệ lợi tu tuệ độn, người pháp hành tu tuệ lợi nghe tuệ độn. Đã nói người trước căn tánh lợi độn rồi làm thế nào mà an tâm vị thầy nên hỏi rằng: Ông đối với định tuệ ghi nhớ những gì? Nếu người ấy nói tôi nghe Phật nói Thiện tri thức như hình ảnh mặt trăng sáng dần dần tròn đầy, lại như thiền cấp dần dần nân cao, khéo nói chuyển tâm người, đắc đạo hoàn toàn nhờ nhân duyên, ý thích khát uống như trâu con tìm mẹ, phải biết đó là người tín hạnh. Nếu nói tôi nghe Phật nói như gương soi tỏ thân thể sắc tượng rõ ràng bất động, nước trong không sóng thì có cá tự hiện. Ưa xả bỏ ác giác như bỏ gánh nặng phải biết đó là người pháp hạnh. Đã biết căn tánh đối với

một người tám lần an tâm. Này người thiện nam! Từ vô lượng kiếp đến nay uống thuốc độc tán loạn, chạy theo năm trần chìm nổi trong ba cõi, cũng như gió mạnh thổi bông đâu-la, như lửa mạnh nấu chảo đậu trồi sụt lên xuống, từ khổ đến não, từ não đến khổ, sao không dừng tâm, thấu đạt nguồn gốc, dùng một ý ấy. Ý nếu là một vì sao không phân biệt khổ tập, được một thì không luân hồi, vô minh được một thì không đến nơi hành, cho đến không đến già chết, bẽ gãy cây đại thọ rồi cho nên không tạo nghiệp mới. Sáu tệ được một thì vượt qua được bờ bên kia, chỉ đây mới là an vui, phương tiện khéo léo, các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng khen ngợi chỉ, sinh khởi tâm ưa thích, đó gọi là tùy lạc dục thể chỉ an tâm.

Lại người thiện nam, trời cao đại hạn sông hồ đều cạn, muôn vật cháy khô, trăm hoa rơi rụng. Vua rồng T-già-la trong bảy ngày giăng mây bốn phương giáng mưa, mặt đất đều thấm nhuần, tất cả hạt giống đều nảy mầm, mọi gốc rễ đều khai phát, hết thảy cánh lá đều xanh tốt, hoa quả đều đầy đủ, con người cũng giống như vậy. Do tán loạn buông lung cho nên đáng lẽ sinh thiện không còn sinh, đã sinh thiện rồi lại lui sụt, sông thiền định khô cạn, cây đạo phẩm tiêu diệt, muôn điều lành cháy khô, trăm phước tàn rụng, nhân hoa quả đạo không còn thanh thục. Nếu có thể rừng nhàn một ý, trong không ra, ngoài không vào thì mây sẽ yên tĩnh nổi vậy. Sinh khởi các thiền định tức thì mưa xuống, công đức đầy đủ phương tiện noãn đảnh, mắt trí sáng suốt tín nhẫn thuận nhẫn vô sinh tịch diệt cho đến vô thượng Bồ-đề thảy đều có thể đạt được, phương tiện khéo léo, các thứ thí dụ nhân duyên, rộng khen ngợi đối với chỉ sinh gốc lành kia, đó gọi là tùy tiện nghi dùng chỉ để an tâm.

Lại nữa, người thiện nam, người tán tâm là ác ở trong ác, như người say không làm chủ được mình dẫm đạp bừa bãi, phá hoại ao hoa, xỏ mũi lạc đà, bắt mang chở nặng, nhanh hơn điện chớp, độc hơn lưỡi rắn, lớp lớp năm thứ bụi, sương, mặt trời, lông mi gần, mây xa, đều không thấy được. Nếu có thể tu định như trong nhà tối thấp đèn thì phá được đêm tối, có thể tìm chọn lựa vàng, đủ mỏng manh như không, sắc rõ ràng, một ngón tay hai ngón tay ba ngón tay đều rõ ràng, bụi trần dù nhiều mưa lớn có thể thấm, đại kinh có thể làm yên tịnh sự cuống tán buông lung, chỉ có công năng phá diệt sự tán loạn luống dối. Các thứ nhân duyên thí dụ phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, xua tan sự ngủ nghỉ kia, đó gọi là đối trị dùng chỉ để an tâm. Lại người thiện nam, nếu tâm ở trong định thì có thể biết được pháp tướng sinh diệt của thế

gian, cũng biết pháp tướng bất sinh bất diệt của xuất thế gian. Như lai thành đạo vẫn còn vui với định, huống chi phàm phu. Người có thiền định như ban đêm thấy ánh điện lóe sáng, tức được thấy đạo, dứt tất cả vô số việc ác, cho đến được thành nhất thiết chủng trí, các thứ nhân duyên, thí dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, tức hợp chân như, đó gọi là tùy đệ nhất, nghĩa dùng chỉ quán an tâm. Người kia nếu nói ta nghe vắng lặng đều không ghi nhớ trong lòng, nếu nghe phân biệt thọ nhận không thỏa mãn, tức nên nói ba đường ác thiêu cháy lạc đà, ngạ quỷ đói khát không gọi là khổ, si ám không nghe không biết phương hướng mới là khổ lớn. Học rộng phân biệt lạc, thấy pháp pháp hỷ lạc, dùng thiện xảo ác lạc, không đắm chấp A-la-hán, đó gọi là tối lạc, theo người học rộng, nghe cam lộ vui, đúng như lời dạy cách quan sát, biết rõ đạo phi đạo, xa lìa hầm hố, đi thẳng không trở lại, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán, sinh tâm vui mừng, đó gọi là tùy lạc dục, dùng quán an tâm.

Lại nữa, người thiện nam, trăng sáng hoa sen nở, mặt trời mọc làm công việc thích ứng theo chủ, vẽ màu phải có keo đồ gốm không nung lửa thì không dùng được, người mù không ai dắt, đường thì không bước tới được một bước, người tu hành không quán trí cũng giống như vậy. Nhất thiết chủng trí dùng quán làm căn bản, trang nghiêm vô lượng công đức, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng tán khen ngợi quán sinh ra công đức kia, đó gọi là tùy phương tiện, nên dùng quán an tâm. Lại người thiện nam, người trí biết oán, oán không hại được, võ tướng có mưu chước phá được địch mạnh, không có gió thì may đâu cuộn, không có mây thì cần gì ngăn nhiệt, không có nước lấy gì diệt được lửa, không có lửa lấy gì ngăn trừ bóng tối, dao cởi trói, búa chẻ củi đâu thể vượt quá trí tuệ, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán khiến phá các điều ác, đó gọi là đối trị dùng quán an tâm. Lại người thiện nam, bảy báu ở đước giếng bình chậu trong nhà tối, đợi ánh sáng mặt trời xuất hiện mới thấy được rõ, cần phải có mắt trí tuệ quán sát thật tướng các pháp, đối với tất cả các pháp đều dùng chỉ quán nhập Bát-nhã Ba-la-mật, chiếu soi rất sáng, các thứ duyên dụ phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán khiến được giải ngộ, đó gọi là Đệ nhất nghĩa dùng quán tâm. Tám lần như vậy nói pháp an tâm cho người tín hạnh nghe, nếu nói người kia tôi thích dừng tâm, dừng nghỉ yên lặng, tổn hại lại tổn hại, tìm đến nơi vô vi, không ưa phân biệt, rong ruổi vô ích, đây là căn tánh của pháp hành, nên nói chỉ cho họ nghe. Ông chớ tìm cầu bên ngoài mà chỉ giữ gìn bên trong, phan duyên trôi

lăn đều do vọng sinh, như vòng lửa xoay tròn ngừng tay thì dứt, sóng lớn giận dữ, gió lặng thì nước đứng trong.

Kinh Tịnh Danh chép: Vì sao gọi là phan duyên? Nghĩa là duyên ba cõi. Làm thế nào để dứt phan duyên? Đó là tâm vô sở đắc.

Kinh Ứng chép: Người kia được nhất tâm thì muôn điều tà sẽ tiêu diệt.

Ngài Long Thọ nói: Thật pháp không điên đảo, quán niệm tưởng đã dứt, pháp ngôn ngữ đều diệt, vô lượng các tội trừ, tâm thanh tịnh thường nhất, người tuyệt diệu như vậy, thì thấy được Bát-nhã. Xét rằng trong núi u tịch thần tiên khen ngợi huống gì là Niết-bàn vắng lặng yên tịnh, thần Thánh tôn sùng.

Kinh Phật thoại chép: Tỳ-kheo ở trong xóm làng thân mộng tinh cần các Đức Phật đều lo, Tỳ-kheo ở núi dứt mọi sự thế gian, an nghỉ, các Đức Phật đều vui, huống gì lại ngồi kiết già, khoanh tay ngậm miệng, tư duy thật tướng tâm chuyên vào chỉ, pháp giới đồng vắng lặng đâu chẳng phải là yếu đạo, chỉ đây là đáng quý, ngoài ra không thể sánh bằng, các thứ duyên dụ, các thứ nhân duyên, rộng khen ngợi chỉ, khởi tâm vui mừng, đó gọi là tùy lạc dục dùng chỉ an tâm. Nếu người kia nói tôi quán pháp tướng chỉ thêm lăng xăng dao động, pháp lành không sáng suốt, nên nói chỉ cho họ nghe. Chỉ là pháp giới bằng phẳng như ruộng tốt, không pháp nào không đầy đủ chỉ, xả bỏ phan duyên tức là đàn, thể của chỉ chẳng phải tức là giới, thể của chỉ bất động tức là nhẫn, chỉ không xen tạp tức là tinh tấn, chỉ quyết định tức là thiền, phàp chỉ này cũng vô, người chỉ cũng vô, tức là tuệ, nhờ chỉ mà liễu phi chỉ, phi bất chỉ, tức là phương tiện. Một chỉ tất cả chỉ, tức là nguyện, chỉ chỉ ái, chỉ chỉ kiến tức là lực, chỉ đây như Phật chỉ, không hai không khác, tức là trí, chỉ đầy đủ tất cả pháp, tức là bí tạng, chỉ an nơi chỉ đâu cần dụng riêng tu các pháp, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện khéo léo khiến phát sinh gốc lành, tức là tùy tiện nghi dùng chỉ an tâm. Nếu nói tôi quán pháp tướng mà tán loạn, ngủ nghĩ không dứt, thì nên nói chỉ cho họ nghe, phần lớn có công năng, chỉ là bức vách ngăn chặn tám thứ gió ác giác không thể xâm nhập được, chỉ là nước lắng trong lắng động tám thứ điên đảo tham dâm, cũng như sương sớm thấy ánh nắng mặt trời thì tan biến, chỉ là đại bi oán thân đều thương xót, có thể phá tan sân nhuế phẫn nộ, chỉ là chú đại minh, si mê nghi ngờ đều bỏ. Chỉ tức là Phật trừ chướng đạo, như thuốc A-già-đà trị tất cả các thứ bệnh tật, chú như thầy thuốc giải cứu khỏi khô chết, các thứ nhân duyên thí dụ, phương khéo léo, khiến cho họ bỏ ác, đó gọi là đối trị dùng chỉ an tâm. Nếu người kia nói khi tôi

quán sát không được khai ngộ thì pahỉ nói chỉ cho họ nghe, chỉ tức là thể chân, chiếu mà thường tịch, chỉ là tùy duyên, tịch mà thường chiếu, chỉ tức bất chỉ chỉ, ngăn đều chiếu, chỉ là mẹ của Phật, chỉ là cha của Phật, cũng tức là cha tức là mẹ, chỉ tức thầy của Phật, mắt của Phật, tướng tốt của Phật, kho tàng Phật, chỗ ở của Phật, không nơi nào không đầy đủ, không chướng nào không trừ diệt, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, đó gọi là Đệ nhất nghĩa dùng chỉ an tâm. Nếu người ấy nói trạng chỉ là thâm trầm lặng lẽ, chẳng phải là thứ tôi ưa thích, nên vì họ quán xét suy tìm đạo lý. Trong bảy giác phần có trạch giác phần, trong tám chánh có chánh kiến, trong sáu Độ có Bát-nhã độ, đối với pháp môn làm chủ, làm người dẫn đường, cho đến thành Phật chánh giác, đại giác, biến giác, đều là tên khác của quán tuệ. Nên biết quán tuệ rất là tôn quý nhiệm màu, rộng khen ngợi như vậy, đó gọi là tùy lạc dục dùng quán an tâm. Nếu siêng tu quán có thể sinh lòng tin giới, định tuệ, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến. Biết bệnh, rõ thuốc là hạnh lớn hóa đạo, các điều lành đều phù hợp chớ trải qua pháp quán, đó gọi là tùy tiện nghi dùng quán an tâm. Quán có khả năng phá tan sự tối tăm, có thể chiếu sáng đạo, trừ diệt oán tặc, có thể được vật báu, làm nghiêng đổ núi tà, khô cạn biển ái đều do năng lực quán, đó gọi là tùy đối trị dùng quán an tâm. Quán pháp quán thì không được thấy năng sở, tâm lo lắng mông lung, muốn khai mở mê mờ, chỉ nên siêng năng quán khai thị ngộ nhập, đó gọi là dụng Đệ nhất nghĩa dùng quán an tâm. Đó là tám lần nói pháp an tâm cho người pháp hành nghe.

Lại nữa, căn của con người là bất định, hoặc có khi xoay chuyển, Tát-bà-đa nói chuyển độn căn thành lợi căn, luận thành thật nói thường tu tập thì lợi. Đây là từ đầu đến cuối nói về lợi độn, không nói trong một lúc. Nay nói chúng sinh tâm hành bất định, hoặc chỉ trong chốc lát mà độn, chốc lát mà lợi, nhâm vận tự như thế, chẳng liên quan đến căn chuyển, cũng không thường tu tập; hoặc nghe lâu mà không hiểu, chỉ tạm thời suy nghĩ rồi liền quyết đoán, cho nên lại nói chuyển căn an tâm, hoặc pháp hành chuyển thành tín hành, tùy căn kia chuyển dụng tám phen tất-đàn, mà trao cho sự an tâm. Nếu tín hành chuyển thành pháp hành cũng theo căn chuyển dụng tám phen tất-đàn, mà trao cho sự an tâm, hiểu được ý này, rộng lược tự tại mà nói. Chuyển, bất chuyển, hợp lại có ba mươi hai thứ án tâm.

Tự hành an tâm: Phải quán sát tâm này làm thế nào để an vui, nếu muốn dứt vọng để niệm tưởng vắng lặng thì gọi là hạnh an lạc. Nếu ưa thích nghe thấu suốt nguồn gốc vô minh thì gọi là hạnh lạc tín. Người

ưa yên tịnh như vọng từ tâm sinh, tâm dứt thì các vọng đều tịnh, nếu muốn soi tỏ hiểu biết cần phải biết nguồn gốc của tâm, tâm vốn không hai thì tất cả các pháp đều đồng với hư không, đó gọi là tùy lạc dục tự hành an tâm. Tâm kia tuy rộng phân biệt tâm và các pháp, mà tín niệm tinh tấn mảy may điều lành chẳng sinh, liền phải dừng nghỉ chớ động, công đức các điều lành do tịnh mà sinh, nếu ngừng đọng thì càng am thầm lặng lẽ, đều không có tinh tấn nhẫn nhục, phải suy nghĩ tính toán sách tấn cho sinh khởi, nếu niệm niệm không dừng, như ngựa rong thì phải dùng chỉ để đối trị sự buông lung. Nếu im lặng vô ký tương ưng với ngủ, thì phải tu quán ngăn phá các sự hôn mê, tu chỉ lâu mà không thể khai phá thì phải tu quán, quán tất cả pháp vô ngại không khác, thảy đều sáng suốt lợi ích, dần dần giác ngộ như hư không. Nếu tu quán lâu mà ám chướng không hết thì lại phải tu chỉ, dừng các duyên niệm, vô năng vô sở, sở ngã đều vắng lặng, không tuệ sẽ sinh, đó gọi là tự tu pháp hành tám phen khéo léo khắp cùng để được an tâm... tín hành an tâm: Hoặc muốn nghe vắng lặng sáng suốt như núi Tu-di, không sợ tám thứ động thì nên nghe chỉ, muốn nghe sự lợi lạc quán phá các phiền não, như mặt trời xua tan các sự tối tăm, thì nên nghe quán; nghe quán lâu như mặt trời đốt cháy mầm, mống, thì nên nghe chỉ thấm dần nước định. Hoặc nghe định ngâm lâu như mần non bị hư thối không mọc, thì nên nghe quán khiến mặt trời gió phát động giúp cho pháp lành hiện tiền, hoặc khi rong ruổi một niệm không dừng thì nên nghe chỉ để đối trị tán tâm, hoặc hôn trầm ngồi dưới sương mù, thì nên nghe quán để phá sự hôn muội này, hoặc nghe chỉ thông suốt thì chuyên nghe chỉ, hoặc nghe quán thông rõ thì chuyên nghe quán, đó gọi là tự tu tín hành tám phen khéo an tâm. Nếu tâm pháp hành chuyển thành tín hành, tâm tín hành chuyển thành pháp hành thì đều tùy theo người kia thích nghi mà khéo léo nghiên cứu. Tự hành có ba mươi hai thứ, hóa tha cũng có ba mươi hai thứ, hợp thành sáu mươi tư thứ an tâm. Lại nữa, tín pháp không cô lập, cần phải nghe suy nghĩ trợ giúp cho nhau, như pháp hành hễ nghe một câu thì thể vắng lặng, sinh tâm vui mừng. Lại nghe chỉ rồi, trở lại tư duy liền sinh thiền định lại nghe chỉ rồi lại tư duy, sáng suốt sắp ngộ, lại nghe quán rồi lại tự duy tâm rất vui mừng, lại nghe quán rồi trở lại tư duy sinh ra điều lành, phá ác gấp ngộ... y cứ như trước có thể biết. Đây là nghe ít tư duy nhiều gọi là pháp hành, chẳng phải đều không nghe pháp. Người tín hành ngồi ngay ngắn tư duy vắng lặng, vui mừng hớn hở chưa sinh khởi đã nghe chỉ, hoan hỷ vui mừng, ngồi ngay ngắn nhớ nghĩ điều lành, điều lành không thể phát, khởi đã nghe chỉ,

tín giới tinh tấn, càng tăng thêm gấp bội, ngồi ngay ngắn trị ác, ác chưa thể bỏ đã nghe chỉ tán động phá diệt, ngồi ngay thẳng tức chân, chân thật chưa sinh khởi, đã nghe chỉ hoạt nhiên ngộ vắng lặng, đó gọi là tín hành, ngồi ít nghe nhiều, chẳng phải đều không tư duy. Trước tạo một bề căn tánh, nay tạo căn tánh trợ giúp lẫn nhau, y cứ vào sự trợ giúp này lại nói về chuyển bất chuyển, cũng có ba mươi hai thứ an tâm. Hóa tha giúp nhau, cũng có ba mươi hai thứ an tâm, hiệp lại thành sáu mươi bốn, hiệp thêm trước thành một trăm hai mươi tám thứ an tâm. Xét rằng tâm địa khó an, trái ngược với khổ, thuận với vui, nay tùy theo sở nguyện kia mà an, thí như nuôi sống hoặc ăn hoặc uống, thích hợp với thân lập mạng, nuôi dưỡng pháp thân cũng giống như vậy, dùng chỉ làm uống, lấy quán làm thức ăn, thuốc pháp cũng như vậy. Hoặc hoàn hoặc tán, để trừ bệnh lạnh nóng, trị bệnh vô minh, dùng chỉ làm hoàn, dùng quán làm tán, như pháp âm dương, dương thì trăng gió, âm thì mây mưa, mưa nhiều thì sáng sửa, mặt trời nhiều thì nóng bức. Âm như định, dương như tuệ, định tuệ riêng tư đều không thấy Phật tánh, tám phen điều hòa, quý ở chỗ vừa ý, có một hạng Thiền sư không chịu thực hành quán, chỉ duyên hành chỉ.

Dẫn kệ nói: Tư duy luống tư duy luống tự khổ, dứt tư chính là đạo, có tự trọn không thấy. Lại có hạng Thiền sư không chịu thực hành chỉ, chuyên tâm hành quán.

Dẫn kệ rằng: Chỉ luống tự chỉ, hôn mê không lý do, chỉ chỉ tức là đạo, quán quán được hội lý. Hai vị Thiền sư mỗi vị đều theo một một pháp môn mà vào đạo, tự mình dạy người khác, người học thì không thấy ý, một bề uống sữa còn khó được, huống chi đề hồ. Nếu một bề hiểu biết thì vì sao Đức Phật nói nhiều điều như vậy ư! Trời không thường sáng, thầy thuốc không chuyên tán, thức ăn không thường là cơm, thế gian còn không như vậy, huống chi xuất thế gian ư? Nay tùy căn cơ, tùy bệnh mà xoay chuyển tự hành hóa tha có sáu mươi bốn thứ. Nếu căn cứ ba phen chỉ quán thí có ba trăm tám mươi bốn. Lại nữa, nhất tâm chỉ quán còn có sáu mươi bốn, hiệp lại có năm trăm mười hai. Ba Tất-đàn là an tâm thế gian, thầy thuốc thế gian trị lành bệnh khiến sống trở lại, một Tất-đàn làm an tâm thế gian, Đức Như Lai đã trị rốt ráo không chỗ an, nếu lìa chỉ quán thì không có pháp an tâm, nếu tâm an thì đối với chân đế một câu liền đủ. Nếu kia bày lẫn nhau. Nếu kia không an thì khéo dùng phương tiện khiến cho tâm họ được an. Một mắt lưới giăng không thể bắt được chim, muốn bắt được chim thì phải giăng một mắt lưới. Tâm hành chúng sinh mỗi mỗi đều khác nhau hoặc nhiều

người cùng một thứ tâm hành, hoặc một người có nhiều thứ tâm hành, như vì một người, nhiều người cũng như vậy, như vì nhiều người, một người cũng như vậy, phải rộng bố thí pháp, nhiều như mắt lưới để bắt chim tâm hành.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 5
(Phần Cuối)

4. Nói về phá pháp biến: Pháp tánh thanh tịnh, không hợp không tan, đường ngôn ngữ bặt, chỗ tâm hành diệt, chẳng phá chẳng không phá, vì sao nói phá, chỉ vì chúng sinh thường điên đảo, phá điên đảo khiến cho chúng sinh không còn điên đảo, cho nên nói phá pháp biến. Đoạn trên nói thiện xảo an tâm thì định tuệ khai phát, không đợi phải phá nữa. Nếu chưa tương ưng thì nên dùng tuệ có định để làm cho thanh tịnh, cho nên nói phá. Nhưng cách phá phải y theo pháp môn, kinh dạy pháp môn khác nhau; hoặc quán hành làm pháp môn, trong đại phẩm nói bốn mươi hai tự môn; hoặc quán hành làm môn, thích luận nói Bồ-tát tu ba Tam-muội duyên thật tướng các pháp; hoặc trí tuệ làm môn, kinh Pháp Hoa chép: Kia là trí tuệ môn; hoặc lý làm môn, đại phẩm nói pháp vô sinh vô lai vô khứ tức là Phật. Y theo giáo môn thông quán, theo quán môn mà thông trí, y theo trí môn mà thông lý. Lý làm môn thì lại thông chỗ nào? Các môn giáo, quán trí... đều y theo lý, năng y là môn, sở y vì sao chẳng phải môn, tuy không có chỗ thông mà rốt ráo thông khắp đó là diệu môn. Tuy đặt ba môn, nay chỉ nói giáo môn. Bốn môn tam tạng trước phá kiến hoặc, sau đó mới phá tư hoặc... bốn môn Thông giáo cũng trước phá kiến hoặc, sau phá tư hoặc, cũng đều phá, chỉ phá bốn trụ không được gọi là biến. Bốn môn Biệt giáo theo thứ lớp dứt năm trụ, đây mới là dọc khắp, ngang không khắp, đều chẳng phải nay mới dụng, nay bất tư nghì một cảnh tất cả cảnh, một tâm tất cả tâm, các pháp ngang dọc đều hướng về tâm, vì phá tâm cho nên tất cả đều phá, cho nên nói là khắp, các môn khác phá không khắp thì không cần nói bốn môn Viên giáo đều có khả năng phá khắp, đó là hữu môn vô môn, vừa hữu vừa vô môn, phi hữu phi vô môn. Nay lại lập ba môn, lại nương không vô sinh môn, vô sinh môn thông với chỉ quán, cùng tột nhân quả. Lại năng hiển bày vô sinh khiến cho pháp môn bừng sáng, vì sao? Vì chỉ quán là hành, vô sinh môn là giáo, y giáo tu hành thông

đến vô sinh pháp nhẫn, nhân vị đầy đủ. Kinh tịnh danh nói ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi vị đều nói nhập phá môn không hai, đều là Bồ-tát từ môn nhập vị, vô sinh là đầu. Đại phẩm nói tự môn A nghĩa là các pháp vốn bất sinh nay chứng vô sinh thông chỉ quán đạt đến nhân, nghĩa kia có htể thấy. Chỉ quán bừng sáng vô sinh môn, pháp không tự nó hiển bảy, mà do người mở mang, người năng hành hạnh, pháp môn mới bừng sáng, khiến cho giáo pháp vô sinh ngang dọc vô ngại, tất cả đều thông, nghĩa môn mới thành. Thí như người đời ra vào cửa ngỏ, người có địa vị thì môn vinh hoa sáng rực, năng thí đã vậy thì sở thí có thể hiểu.

Môn thông quả: Đại Kinh chép: Bát-nhã là không, bàn là sinh nghĩa là bất sinh gọi là đại Niết-bàn. Lại nói hai pháp lại nói có thể làm lợi ích lớn, cho đến Bồ-đề.

Đại Phẩm chép: Pháp vô sinh không đến không đi, pháp vô sinh tức là Phật.

Kinh Pháp Hoa chép: Phật tự trụ Đại thừa, như phép ngài đắc sức định tuệ trang nghiêm, lấy đó độ chúng sinh, vả lại dẫn ba kinh kết quả nghĩa rõ ràng. Chỉ quán năng hiển bày quả, quả không tự hiển bày, do hạnh cho nên quả mãn, quả mãn cho nên tất cả đều mãn, sừng sững nguy nga như sao, như trăng, chiếu sáng khắp mười núi báu, tỏa khắp bốn biển, quả cũng như vậy vô thượng vô thượng, công cao thập địa dẫn dắt khắp bốn căn cơ. Trong kinh Kim Quang Minh, Phật lễ tháp thờ hai cốt, tức là nghĩa ấy giáo môn vô sinh dọc thâu nhiếp nhân quả, nghĩa kia đã rõ ràng, ngang thau nhiếp ý, nay sẽ nói.

Đại Phẩm chép: Nếu nghe vô môn thì hiểu tất cả nghĩa, đầu tiên là chữ A-thâu-nhiếp bốn mươi mốt chữ, bốn mươi mốt chữ thâu nhiếp chữ A, các chữ khoảng giữa cũng giống như vậy, ngang dọc thâu nhiếp đầy đủ, văn ấy như thế, ý này khó thấy, lại dẫn kinh Phật tạng chỉ bày tướng ấy. Kế là dẫn kinh Niết-bàn giải thích nghĩa ấy, sau nói vô sinh môn phá pháp biến.

Kinh Phật tạng chép: Khi kiếp hỏa khởi Bồ-tát nhổ nước bọt thì lửa liền tắt, một khi thổi thế giới liền thành, chẳng phải là trước diệt sau thành, chỉ một lần nhổ liền diệt liền thành. Kinh ấy nói ngoại dung nội hợp vô sinh môn, tức phá biến, tức lập biến, phá lập không cần hai niệm. Nếu bên trong không có đức ấy thì bên ngoài không có dụng lớn, nương nhờ bên ngoài để hiển bày bên trong, tướng kia như vậy, cần phải hiểu biết quán tâm, chúng sinh một thời kỳ sẽ làm xong, tức là kiếp tận. Ba độc ba tai là nguyên nhân của lời nói, dùng để chỉ chỉ nhổ nước bọt thì lửa tắt, dùng quán quán như thổi mà thế giới thành...

Đại kinh thích nghĩa: Không nghe nghe một câu có nhiều nghĩa, ban đầu nói: Bất sinh sinh, bất sinh bất sinh, sinh bất sinh, sinh sinh, xét bốn câu này nói về vô sinh môn, thâu nhiếp các pháp tự hành nhân quả hóa tha năng sở đều khắp.

Bất sinh sinh: An trú thế đế, lúc mới ra thai thì gọi là bất sinh sinh. Nay giải thích thế đế: Vô minh cùng pháp tánh sinh ra tất cả sự ngăn cách phân biệt, cho nên gọi là thế đế.

An trụ: Dùng chỉ quán an trú thế đế, tức là cảnh bất khả tư nghì, thành quán hạnh vị, nên gọi là an trụ, do an trụ cho nên gá vào Thánh thai, ban đầu khai kiến Phật, đắc vô sinh nhẫn, gọi là ra khỏi Thánh thai, không thấy vô minh thế đế nên gọi là bất sinh, đạt được sự thấy biết như Phật nên gọi là sinh, luận chép các pháp bất sinh mà Bát-nhã sinh, tức là nghĩa ấy. Đây nói tự hành giai vị vô sinh nhẫn, nghĩa nhân thành tựu.

Kinh giải thích bất sinh bất sinh: Bất sinh bất sinh là đại Niết-bàn, vì tướng sinh đã hết,vì tu đạo đắc. Nay giải thích quả do nhân khắc chế, cho nên nói tu đạo đắc đoạn đức đã viên mãn thì vô minh bất sinh, trí đức đã viên mãn thì Bát-nhã bất sinh cho nên nói bất sinh bất sinh. Ở đây nói tự hành tịch diệt, nhân nghĩa quả đã thành. Nhân quả đã viên mãn như kinh Phật tạng nói nhỗ một bãi nước bọt, ngay nơi diệt là lập, chính là nghĩa ấy.

Kinh giải thích sinh bất sinh: đối với thế đế, khi chết gọi là sinh bất sinh. Ở đây, giải thích thế đế: Vô minh là căn bản của kia, đã phá vô minh cho nên nói thế đế chết, thế đế chết cho nên gọi là sinh bất sinh. Đây giải thích câu đầu, trên câu đầu duyên nơi lý, trí đức thành cho nên nói bất sinh sinh, dưới câu này là phá hoặc đoạn đức thành cho nên nói sinh bất sinh. Bất sinh tên gọi tuy đồng nhưng sự lý rất khác. Câu đầu nói trí tuệ khai phát là sinh, câu này là kết nghiệp khởi động gọi là sinh, tên gọi sinh đồng mà sự buộc thoát lại rất khác, chẳng mê gọi là hoặc chỉ cần phải sáng suốt hiểu rõ. Câu đầu khạc trong thổi, câu này như thổi trong khạc, khạc thổi cùng một lúc không thể trước sau.

Kinh lại giải thích câu này rằng: Hàng Bồ-tát tứ trụ gọi là sinh bất sinh, sinh tự tại. Nay giải thích thuyết sinh bất sinh ở trước tự thực hành thì hoặc diệt, giải thích lại sinh bất sinh, nói về sự hưng thạnh của việc hóa đạo. Vì sao? Khi Bồ-tát tứ trụ phá kết nghiệp sinh thì có thể tự tại sinh, huống chi dứt năm trụ ư! Dùng thua hiển bày thắng càng hiện rõ sự hóa đạo, hàng Nhị thừa dứt hoặc đắm vào không chẳng thể như đây, cho nên nêu Bồ-tát, hoặc dứt thì hiển bày, khạc hóa phát khởi thổi.

Kinh giải thích sinh sinh: Là tất cả hữu lậu niệm niệm sinh, nay giải thích câu này nói về chỗ hóa dụng. Vì sao Bồ-tát bất sinh mà sinh, bởi tất cả chúng sinh hữu lậu nối nhau không dứt. Thế nên Bồ-tát khởi tâm đại bi, hiển bày tự tại sinh mà độ thoát, đó gọi là vô sinh môn thâu nhiếp tự hành nhân quả hóa tha năng sở tất cả đều đầy đủ.

Bồ-tát Tứ trụ kinh địa trù chép: từ Sơ Trụ phát tâm đến thập địa, phải thực hành sáu trụ:

1. Chủng tánh trụ.
2. Giải hành trụ.
3. Tịnh tâm trụ.
4. Hành đạo tích trụ.
5. Quyết định trụ.
6. Cứu cánh trụ.

- *Chủng tánh trụ:* Nếu người không có chủng tánh tuy sinh vào đường lành nhưng thường thối, thường tiến, không được ở trong số sáu vị Bồ-tát, nếu chủng tánh thành tựu thì hông có lui sụt, thường thường tăng tiến, được làm trong số sáu vị này. Người giải hành là Sơ địa phương tiện, tịnh tâm trụ là nhập vào Sơ địa, được tâm xuất thế gian lìa ngã tướng chướng của phàm phu, cho nên gọi Tịnh tâm trụ. Hành đạo tích trú: Từ Sơ địa trụ tu đạo. Quyết định trụ là Bát địa, cửu địa, đã được báo hành không trở lại, không lui sụt, cho nên gọi là quyết định trụ.

- *Cứu cánh trụ*: Đệ thập địa học hành đầy đủ cùng tận, cho nên nói cứu cánh trụ. Kinh gọi bốn trụ, gọi là sinh bất sinh chính là hành đạo tích trụ, từ nhị địa trở lên chính là nhập giai vị giả hóa tha, hiện sinh ở khắp nơi mà chẳng phải thật sinh, dùng biệt hiển bày viên. Khi mới ra thai liền có thể làm lợi lạc cho chúng sinh, hóa sinh tự tại, đối với nghĩa viên cũng không lầm lỗi.

Kinh lại nêu sáu câu: Bất sinh sinh cũng không thể nói sinh sinh cũng không thể nói, sinh bất sinh cũng không thể nói, bất sinh bất sinh cũng không thể nói sinh cũng không thể nói, bất sinh cũng không thể nói. Xét sáu câu này nói về vô sinh môn phá pháp biến, nếu phá tư nghì hoặc nên dùng bốn câu trước. Nếu phá bất khả tư nghì hoặc dùng hai câu sau, vì sao? Vì tư nghì hoặc tuy nhiều nhưng không ngoài giới nội ngoại, giới ngoại hoặc phụ giúp thể phát sinh, cho nên nói bất sinh sinh, giới nội hoặc là nhánh ngọn cho nên nói sinh sinh, hoặc này lăng xăng đều là cảnh sở hóa, vì cảnh này cho nên lập bày tự tại sinh, cảnh sở hóa đã không thật có thì chỗ nào có năng hóa? Năng sở đều mất cho nên bất sinh sinh, sinh sinh đều không thể nói. Nếu phá tư nghì giải thì,

giải này tuy nhiều nhưng không ngoài giới nội ngoại, giới nội giải thỉ bỏ sót phần đoạn cho nên nói sinh bất sinh, giới ngoại giải cả hai, đều bỏ phần đoạn, biến dịch, cho nên nói bất sinh bất sinh, giải này có sâu có cạn, cho nên có các thứ tự hành nhân quả, lý còn chẳng phải một, đâu có nhiều thứ. Nay nhổ khắp phá cho nên nói sinh bất sinh không thể nói, bất sinh bất sinh cũng không thể nói bất sinh bất sinh cũng không thể nói. Nếu bất khả tư nghị hoặc, thì chỉ là vô minh. Vô minh cho nên sinh. Sinh cho nên vô minh. Vô minh, vô minh không thật có, sinh cũng không thật có. Nay đều thóa (nhổ) phá, cho nên nói sinh không thật có. Nếu phá bất khả tư nghì giải, chỉ là viên giải,viên giải từ đầu đến cuối phân chia vượt ngoài nhân quả, lý không biến viên, cũng chẳng phải đầu cuối, đâu có nhân quả, nay phá khạc cho nên nói bất sinh không thật có. Đem ý kinh kia giải thích vô sinh môn phá pháp biến, nghĩa ấy rõ ràng, Phật tự giải thích sáu câu.

Thế nào là bất sinh sinh không thể nói? Bất sinh gọi sinh cho nên không thể nói? Bất snah là pháp tánh, sinh là vô minh. Hàng Nhị thừa chứng bất sinh còn thọ pháp tánh sinh, cho nên nói bất sinh gọi là sinh. Nương tôn chỉ này của Phật biết ngoại này phụ giúp cho thể hoặc bất sinh mà gọi à sinh, sinh tức điên đảo, điên đảo tức bất điên đảo, chỗ tâm hành diệt đường ngôn ngữ bặt, cho nên không thể nói.

Thế nào là sinh sinh không thể nói? Sinh sinh cho nên sinh, sinh sinh cho nên bất sinh cho nên không thể nói. Nay giải thích sinh sinh cho nên sinh, tức là đại sinh sinh ra tiểu sinh, tám tướng biến đổi pháp hữu lậu, nương tôn chỉ này của Phật mà biết được giới nội này là hữu lậu hoặc. Sinh sinh cho nên bất sinh là pháp do nhân duyên sinh tức không tức trung, chỗ tâm hành diệt đường ngôn ngữ bặt cho nên không thể nói.

Thế nào là sinh bất sinh không thể nói? Sinh tức gọi là sinh, sinh không tự tại cho nên không thể nói. Nay giải sinh tức gọi là sinh chính là các pháp bất sinh Bát-nhã sinh. Sinh không tự tại sinh Bát-nhã này sinh không từ bốn câu sinh, sinh không tự tại là câu đầu. Nói đủ sinh không phải từ tha sinh, sinh không công sinh, sinh đều do nhân sinh. Lại nữa, khi Bát-nhã sinh thì thế đé đã chết, không còn có sinh mà sinh trong ba cõi, do nhân sinh chẳng phải nghiệp sinh, cho nên nói sinh không tự tại, hoặc Bát-nhã sinh, hoặc tự tại sinh đều nói đường ngôn ngữ dứt cho nên không thể nói, y cứ vào ý này biết đây giải giới nội.

Thế nào là bất sinh bất sinh không thể nói? Do tu đạo mà đắc. Nay giải thích tu đạo đắc chính là chứng quả cùng tột, dưới thập địa chẳng

biết được, đâu thể nói năng, y cứ theo đây biết là giải giới ngoại.

Kinh chép: Sinh cũng không thể nói do vô sinh. Nay giải thích phá này bất tư nghị hoặc giới nội sinh sinh cũng là sinh, giới ngoại bất sinh sinh cũng là sinh, chỉ là sinh sinh của vô minh, phải nương gá vào duyên sinh, duyên sinh tức không, tức trung chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ bặt, cho nên không thể nói. Kinh dạy bát sinh không thể nói vì có đắc. Nay giải thích phá này bất tư nghì giải, cho đến giải của giới nội cũng do tu đạo đắc, giải giới ngoại cũng do tu đạo đắc, đắc thì đến lý, lý thì bặt tâm miệng, cho nên không thể nói.

Đức Phật dùng sáu câu phá các pháp giải hoặc, đều nói không thể nói, càng hiển bày vô sinh môn phá pháp biến. Theo kinh Phật tạng thì bốn câu trước vừa thổi vừa nhổ, hai câu sau kết bốn câu trước thổi nhổ đó thôi. Sáu câu này chỉ nói về nhổ. Lại nữa, kinh lăng nghiêm chép: Ta từ đêm đắc đạo đến đêm nhập Niết-bàn không nói một chữ. Đức Phật nhân hai pháp mà nói như vậy, nghĩa là duyên tự pháp và pháp bổn trụ. Tự pháp là pháp mà Đức Như Lai kia chứng đắc ta cũng chứng đắc, không thêm không bớt, lìa ngôn thuyết vọng tưởng văn tự hai đường.

Giải thích rằng: Duyên tự pháp là chứng thật tánh của Thánh chân đế. Lìa văn tự là lìa giả danh. Lìa hai đường là lìa thuyết, sở thuyết, tưởng, sở tưởng, danh, sở danh.

Bổn trụ tánh: Nghĩa là đạo pháp giới của bậc tiên Thánh là thường trụ, như đường hướng về thành, đường được người đi, chẳng phải hành giả làm đường, thành từ đường mà đến, chẳng phải người đi đến làm thành.

Kinh chép: Kẻ sĩ phu thấy đường bằng phẳng, liền theo vào thành, được sự an vui như ý, ta pháp giới của Phật trước là thường trụ cũng giống như vậy, vì vậy cho nên Đức Phật dạy từ đêm thành đạo đến đêm Niết-bàn không nói một chữ. Nên biết hai pháp quyết định chẳng phải khẩu ngôn phân biệt năng sở biến đổi, bổn pháp là như lý. Tự pháp là chứng thật. Nghĩa này giống với bốn câu không thể nói của đại kinh. Sinh sinh không thể nói là bổn pháp không thể nói sinh thuận theo duyên sinh, bổn pháp không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, tức tự đoạn pháp không thể nói; bất sinh sinh không thể nói tức tự trí pháp không thể nói; bất sinh bất sinh không thể nói tức là pháp cứu cánh tự chứng pháp không thể nói. Hai câu sau mỗi kết sinh không thể nói kết bổn pháp không thể nói. Một câu kết bất sinh không thể nói, kết tự chứng pháp không thể nói.

Đại kinh chép: Pháp mười nhân duyên sinh tác nhân cũng có thể

được nói. Nay giải thích, đây tức là nghĩa vô sinh môn biến lập, cũng như kinh Phật tạng nói thổi khắp liền thành thế giới.

Mười nhân duyên là từ chi vô minh cho đến chi hữu lập các pháp. Lập có ba nghĩa:

1. Lập chúng sinh.
2. Lập cơ duyên.
3. Lập Thanh giáo.

Lập chúng sinh: quá khứ hai nhân, hiện tại năm quả, lại làm nhân duyên lẫn nhau mà lập năm ấm giả danh chúng sinh. Lập căn cơ: Quá khứ hoặc tu hành, tích hạnh, thể hạnh, tiệm hạnh, đốn hạnh, ấy hạnh làm nghiệp thấm nhuần vô minh, đến nay năm quả đối với ấm quả này lại khởi bổn tập, hoặc khởi phân tích ái thủ hữu, hoặc khởi thể ái thủ hữu, hoặc khởi tiệm ái thủ hữu, hoặc khởi đốn ái thủ hữu, thủ hữu khởi cho nên được gọi là cơ duyên.

Lập thanh giáo: Phân tích ái thủ hữu khởi cho nên cảm tạng giáo, đó gọi là sinh sinh bất khả thuyết mười pháp nhân duyên, gọi sinh sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói là sinh sinh. Thể ái thủ hữu chiêu cảm Thông giáo, đó gọi là sinh bất sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, là sinh bất sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói sinh bất sinh. Tiệm ái thủ hữu chiêu cảm ở Biệt giáo, đó gọi là bất sinh sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, bất sinh sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói bất sinh sinh. Đốn ái thủ hữu chiêu cảm ở Viên giáo, đó gọi là bất sinh bất sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, là bất sinh bất sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói bất sinh bất sinh. Nếu lập chúng sinh, thì tất cả hoặc pháp nhân quả đều lập, tất cả sở hóa lập. Nếu lập cơ giáo thì tất cả giải hạnh nhân quả lập. Tất cả năng hóa lập, đó là vô sinh môn, một lập tất cả đều lập. Cho nên, Đại Phẩm chép: Nếu nghe tự môn A thì hiểu tất cả nghĩa kinh.

Phật tạng chép: Một phen thổi thì tất cả đều thành chính là nghĩa này. Kinh địa trì nói bốn thứ thành thục nghĩa là chủng tánh Thanh văn, chủng tánh duyên giác, chủng tánh Phật, và chủng tánh Bồ-tát, không có bốn thứ tánh này để thuần thục đường lành. Chủng tánh Phật tức tức là viên cơ này chủng tánh Bồ-tát tức là biệt cơ này. Văn ấy chép: Chủng tánh Bồ-tát có Phật hay không Phật đều có thể theo thứ lớp dứt bỏ phiền não chướng và sở tri chướng, đâu chẳng phải biệt cơ, chủng tánh Thanh văn sẽ khai mở, khác biệt gốc lành tức tam tạng cơ, thối đại theo Tiểu thừa tánh tức là thông cơ. Bốn thứ kia thành thục tức là nghĩa của bốn thứ cơ duyên này.

Hỏi: Sáu câu trên là vô sinh môn, một phá tất cả đều phá, mười pháp nhân duyên là vô sinh môn, một lập tất cả đều lập. Bốn câu trên là vô sinh môn vừa phá vừa lập, cũng nên có câu thứ bốn chẳng phải phá chẳng phải lập phải không?

Đáp: Trong đại kinh quyển mười chín, phần đầu chép: Công đức của mười việc không thể suy nghĩ, bàn luận, làm người nghe kinh sợ, chẳng khó chẳng dễ, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng, chẳng vuông chẳng tròn, chẳng phải nhọn chẳng phải tà... tức là nghĩa là văn của câu văn thứ tự chẳng phải phá chẳng phải lập.

Hỏi: Nếu vô sinh môn thâu nhiếp tất cả pháp thì không còn các môn?

Đáp: Vô sinh môn cũng thâu nhiếp các môn, các môn cũng thâu nhiếp vô anh môn, muốn nương nghĩa trí đức tiện cho nên nói vô sinh môn. Ở đây nên có bốn câu sinh môn, vô sinh môn, vừa sinh vừa vô sinh môn, chẳng phải sinh chẳng phải vô sinh môn, mỗi môn đều có bốn môn, bốn lần bốn là mười sáu môn. Nếu theo nghĩa đoạn thức tiện thì lẽ ra có diệt môn, bất diệt môn, vừa diệt vừa bất diệt môn, chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt môn, mỗi môn đều có bốn môn, bốn lần bốn là mười sáu môn, hiệp lại có ba mươi hai môn.

Đại kinh nêu: Ngày mười lăm trăng thêm sáng, chính dị cho trí đức, ngày mười sáu trăng bớt sáng, chính dụ cho đoạn đức, trăng không thêm không bớt là y cứ vào bạch luận, thêm là y cứ vào hắc luận, bớt là thật tướng vô trí vô đoạn, ý cứ vào chiếu luận, trí là y cứ vào tịch luận đoạn. Nếu vô sinh môn thâu nhiếp tất cả pháp cao tột thì dọc này thâu nhiếp tất cả pháp, nếu vô sinh môn thâu nhiếp các pháp rộng khắp thì tức là vô sinh môn ngang thâu nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Vô sinh môn môn gọi là vô sinh, hoặc trí kia đoạn... đều nên gọi là vô sinh, đâu thể nói vô sinh ra sinh, sinh sinh tự tại?

Đáp: Đây lại giúp hiển bày vô sinh môn, vô sinh nhẫn phát cho nên nói vô sinh sinh, nói về sở hóa cho nên nói sinh sinh, nói về ứng dụng cho nên nói sinh tự tại, là vô sinh môn, tức là nhổ cho nên nói vô sinh tức thổi cho nên nói vô sinh sinh... càng hiển bày cô sinh môn, thâu nhiếp pháp biến. Y cứ vào đại kinh giải thích nghĩa môn đã xong...

Kế là nói về phá pháp biến, chia làm ba:

1. Vô sinh môn từ đầu đến cuối, cùng tột nguồn gốc, dọc phá pháp biến.

2. Trải qua các pháp môn, đương môn, từ đầu đến cuối, cùng tận

nguồn gốc, ngang pháp pháp biến.

3. Ngang dọc không hai từ đầu đến cuối, cùng tận nguồn gốc, chẳng ngang chẳng dọc phá pháp biến: Dọc thì nói về chiều cao, ngang thì nói về chiều rộng. Bề dọc lại vào bề ngang, không rộng mà không cao, bề ngang lại vào bề dọc, không dài mà không rộng.

Kinh Pháp Hoa chép: Xe kia cao rộng, ngang dọc không hai thì chẳng ngang chẳng dọc, cho nên nói: Pháp ấy bình đẳng không cao không thấp.

4. Vô sinh phá pháp biến lại chia làm ba:

1. Từ giả nhập không phá pháp biến.

2. Từ không nhập giả phá pháp biến.

3. Hai quán làm phương tiện, được nhập trung Đệ nhất nghĩa đế phá pháp biến. Ba quán này thật ở trong một tâm, pháp vi diệu khó hiểu, nương nhờ ba pháp quán để hiển hiện một.

Đại Luận chép: Ba trí thật ở trong một tâm, vì nói cho người nghe khiến dễ hiểu nên chia thuộc ba người.

Kinh Hoa Nghiêm cũng có hai ý: Giảng nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, đó là hàng độn căn, lúc mới phát tâm liền thành chánh giác, tất cả thân trí tuệ không do người khác mà ngộ, đó là hàng lợi căn.

Kinh pháp hoa chỉ một ý, chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Nay muốn nương riêng bày chung, nêu thứ lớp mà nói không thứ lớp, cho nên trước giải thích ba nghĩa.

1. Từ giả nhập không phá pháp biến, lại chia làm ba: Từ thấy giả nhập không, kế đến từ tư giả nhập không, sau cùng bốn môn giản lược.

Thứ nhất: Từ kiến giả nhập không lại chia làm hai: Trước nói về thấy giả, kế là nói về không quán, kiến hoặc nương vào thể mà sinh, lại làm chướng ngăn thể, như hơi lửa bốc lên nương hư không, lại làm động loạn hư không, giống như mộng do ngủ mê, mộng là do ngủ, mộng nếu không dừng thì ngủ không thức được, hoặc này mà không dứt thì thể không được hiển bày. Nhưng thấy thì thấy lý, thấy thật chẳng phải hoặc, khi thấy lý thì có thể dứt hoặc này, do đó mà hiểu đặt tên, gọi là kiến hoặc.

Kiến hoặc có bốn: Chấp có, chấp không, chấp vừa có vừa không, chấp chẳng phải có chẳng phải không. Đối với nhất hữu kiến lại khởi lợi độn, nghĩa là vó ngã, ngã và hữu đi chung, thường khởi ngã tâm, tương ưng với ngã, tức là ngã kiến, do chấp ngã nên năng sinh biên

kiến, do chấp ngã biên cho nên phá nhân quả thế gian, xuất thế gian, tức là tà kiến; chấp đây là con đường trông mong thông đến Niết-bàn, gọi là giới thủ; gọi đây là thật, ngoài ra đều là nói dối, không chấp nhận các kiến khác, gọi là kiến thủ; là pháp mình ưa thích, chẳng phải pháp mình sân, ta hiểu người khác không hiểu, sinh tâm kiêu ngạo, không biết trong hữu kiến khổ tập là si, do dự không quyết định là nghi. Mười sử như vậy trải qua tứ đế cõi dục, thân và biên, từ diệt trở xuống có bảy trừ thân giới thủ và biên giới thủ, hiệp lại thành ba mươi hai sử. Trải qua tứ đế cõi sắc có hai mươi tám sử, cõi vô sắc cũng giống như vậy. Chẳng hạn như trừ một sân thì hiệp hết lại có tám mươi tám sử, ba kiến còn lại cũng đều có đủ tám mươi tám sử. Nếu trải qua sáu mươi hai kiến, mỗi kiếm có đủ tám mươi tám sử điên đảo lãng mạn, không thể tính số, tà càng ràng buộc ẩn mật thì càng chướng ngại đối với lý thể.

Kinh Ngũ Thập Hiệu Kế chép: Nếu mắt thấy sắc tốt thì trong đó có ấm có tập, thấy sắc xấu trong đó có ấm có tập, cho đến ý duyên pháp cũng như thế. một căn có ba, trong ba căn có sáu, sáu căn có đủ ba mươi sáu phiền não, ba đời hiệp lại có một trăm lẻ tám, trải qua sáu mươi hai kiến tám mươi tám sử phiền não , mỗi thứ đều có một trăm lẻ tám. Phải biết cử tâm động niệm mênh mông bờ mé, tối tăm mù mịt, đều không thấy biết...

Theo sự giảng giải của thế tục, thì cho là có cái thấy này chẳng phải không có cái thấy này vừa có vừa không có cái thấy này, chẳng phải có, chẳng phải không có cái thấy này đây nói với kinh, ngượi với tâm.

Kinh chép: Y chỉ các kiến này có đủ sáu mươi hai kiến, như ông hiểu số thì thiếu ít, Trung luận phá tự tha tánh, tánh có tự tánh, đối với có mà nói vô thì vô là tha tánh, hoặc có hoặc không đều là tánh, vì sao có cái thấy này. Lại nữa, vô này đã chẳng phải là cái vô chứng lý, đâu được vô kiến, các ngoại đạo kiếp gốc, kiến gốc kiếp ngọn, kiến ngọn, vì đều chấp là sự thật, còn lại là nói dối, thêm kiến lớn phi, ngô ngã độc thanh, nắm đầu nhổ tóc, cấu tạo sinh tử, như Phạm chí Trường Trảo tuy không thọ tất cả pháp mà thọ nơi không thọ. Không biết khổ tập, Đức Phật liền quở trách, bị đọa vào hai phụ xứ, ngoại đạo cao chấp còn chưa trách khỏi kiến, vì sao thấp kém lầm cho là phải. Nay phân rõ điều này đều thuộc về đơn tứ kiến. phức tứ kiến: Nghĩa là có hữu, vó vô, vô hữu, vô vô, cũng có có vô, cũng không có vô, chẳng phải có hữu vô, chẳng phải không hữu vô. Đây là phức tứ kiến, trong mỗi kiến có đủ tám mươi tám sử, nếu sáu mươi hai kiến mõi kiến lại có đủ tám mươi tám sử, một

trăm lẻ tám sử... như trên nói. Đầy đủ tứ kiến. hữu kiến có bốn đó là có hữu, có vô, hữu vừa, có vừa không hữu chẳng phải có chẳng phải vô. Vô có bốn là vô hữu, vôvô, vô vừa có vừa không, vô chẳng phải có chẳng phải vô. Vừa hữu vừa vô có bốn, đó là: Vừa hữu vừa vô hữu, vừa hữu vừa vô vô, vừa hữu vừa vô vừa hữu vừa vô, vừa hữu vừa vô chẳng phải hữu chẳng phải vô. Chẳng phải hữu chẳng phải vô có bốn là: Chẳng phải hữu, chẳng phải vô hữu, chẳng phải hữu chẳng phải vô vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô vừa hữu vừa vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô, đó gọi là đầy đủ bốn kiến. mỗi câu có đủ tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến như vậy, mỗi kiến có đủ tám mươi tám sử, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Bặt dứt ngôn kiến, ngoài đơn bốn kiến, tuyệt đứt ngôn kiến, ngoài phức bốn câu tuyệt dứt ngôn kiến, ngoài đầy đủ bốn câu tuyệt dứt ngôn kiến, mỗi kiến đều khởi tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Các thứ như vậy y cứ vào pháp ngoại đạo sinh các kiến như vậy. Lại y cứ vào Phật pháp sinh kiến: Bốn môn của tam tạng snh bốn kiến, bốn môn của Thông giáo sinh bốn kiến, bốn môn của Biệt giáo sinh bốn kiến, bốn môn của Viên giáo sinh bốn kiến. Lại nữa, ngoài một thứ bốn môn, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn kiến, như vậy trong mỗi kiến đều sinh khởi tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Lại nữa, kiến hoặc chẳng những tùy sự hiểu biết mà có tên, mà còn đương thể được tên gọi là giả, giả là luống dối điên đảo gọi là giả. Chẳng hạn trước cũng nên nói đơn tứ giả, phức tứ giả đầy đủ bốn giả, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn giả. Theo Phật nên nói đơn tứ giả, phức tứ giả, đầy đủ bốn giả, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn giả. Theo Phật pháp lại có mười sáu giả, mỗi mỗi giả như trước nói. Lại trong mỗi giả lại có ba giả, đó là nhân thành giả, tương tục giả và tương đãi giả, pháp trần đối ý căn sinh, một niệm tâm khởi tức nhân thành giả; niệm trước niệm sau thứ lớp không dứt tức tương tục giả; đối đãi với vô tâm biết có tâm này, tức tương đãi giả. Trên nhân thành y cứ vào ngoại trần nội căn, tương tục chỉ y cứ vào nội căn, tương đãi dọc đối đãi diệt vô của vô. Lại ngang đối đãi với vô tâm của ba vô vi.

Khai thiện nói rằng: Nhân bao gồm hai giả trên, cho nên nói nhân bao gồm, giả trên chưa trừ, giả sau lại khởi cho nên nói là lỗi, đây là y cứ vào tâm mà nóiba giả. Lại y cứ vào sắc nói ba giả, hành nghiệp đời trước gá vào cha mẹ sinh mà có thân này, tức nhân thành giả. Từ lúc gá thai nói nhau cho đến lúc đầu tóc bạc phơ, tức tương tục giả. Dùng thân đối đãi với bất thân tức tương đãi giả. Lại y cứ vào y báo cũng đầy đủ

ba giả, như bốn (trụ) cây nhỏ thành cột lớn, thời tiết nối nhau thay đổi không ngừng, trụ này đối đãi với bất trụ, dài ngắn lớn nhỏ... đây là trong tam tạng giáo kinh tùy sự ba giả, gượng giải thích như luận sư. Nhưng tên gọi này thông dụng, không riêng tại Tiểu thừa, Đại thừa cũng gọi ba giả, nương vào vô minh mà khởi, như huyễn như hóa, hỉ có tên gọi, không thật có bốn vi năng thành trong gương không thật có huông chi cột huyễn sở thành cột còn không thật có, huống chi trải qua thời tiết nối nhau, dùng huyễn hóa dài ngắn đối đãi nhau, đâu có thể được. Nêu dễ huống gì là khó mà nói mười ví dụ, ngay nơi sắc là không, chẳng phải sắc diệt không, chính là nghĩa này. Đó gọi là thừa tùy theo lý tam giả. Lại Thích luận nói ba thứ hữu: Tương đãi hữu, giả danh hữu và pháp hữu.

Tương đãi hữu: Dài do ngắn mà có, ngắn cũng do dài mà có, đây kia cũng như vậy, vật không khác mà có khác giữa đông và tây, có danh không thật gọi đó là tương đãi hữu.

Giả danh hữu: Như ưa thích bốn việc sắc, hương, vị, xúc, do nhân duyên hòa hiệp, giả gọi là lạc, tuy hữu nhưng khác với cái hữu của nhân duyên, tuy vô nhưng không phải các vô của lông rùa sừng thỏ, chỉ do nhân duyên hòa hiệp mà có, giả danh gọi là lạc. Lại như sắc, hương, vị, xúc nhỏ nhen bằng vi trần cho nên có phần mao, phần mao (lông) cho nên có lông nhỏ có lông nhỏ cho nên có bện lông, bện lông cho nên có áo, đó gọi là giả danh hữu.

Pháp hữu: Nghĩa tứ vi sắc, hương, vị, xúc hòa hợp, cho nên gọi pháp hữu.

Luận lại chép: Ba giả thi thiết và ba giả như thế nào?

Đáp: pháp giả thi thiết như nhân thành, thọ giả thi thiết như nối nhau, giả danh thi thiết như tương đãi.

Luận chép: pháp của năm chúng là Ba-la-nhiết-đề, năm chúng hòa hợp nên gọi chúng sinh, như do có gốc cành nhánh lá, cho nên có tên cây, gọi là thọ Ba-la-nhiết-đề, dụng ấy gọi là chữ. Chấp hai pháp tướng nói là hai thứ, đó gọi Ba-la nhiết-đề, cho nên biết ba giả nghĩa đồng nhau. Văn trong kinh anh lạc cũng có ba giả.

Đại Phẩm chép: Có duyên thì sinh, không duyên thì tư không sinh, tức nhân thành ý.

Đại Kinh chép: Như pháp đọc tụng tuy niệm niệm diệt, cũng có thể từ một A-hàm đến một A-hàm, cũng như ăn uống tuy niệm niệm diệt cũng có thể ban đầu đói sau no, ý nối nhau.

Kinh Tịnh Danh chép: Vì nói pháp không tương đãi nên một niệm

không trụ, phải biết tên của ba giả lớn nhỏ thông dụng, chẳng những tên là Tiểu thừa, mà pháp sinh tử còn cho kiến là giả, như trước nói, Đại thừa cũng gọi sinh tử là kiến, là giả, đó là bốn môn của tam tạng sinh ra bốn kiến, mỗi kiến có ba giả, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... bốn môn của Thông giáo sinh bốn kiến, mỗi kiến có ba giả, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... bốn môn của Biệt giáo sinh bốn kiến, mỗi kiến có ba già sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... giáo môn của Như Lai chỉ dạy người pháp không tranh cãi, tiêu thì thành cam lồ, không tiêu thì thành thuốc đọc, vì thật ngữ là hư ngữ nên sinh ngữ kiến, cho nên đối với bốn môn, mười sáu môn khởi kiến, khởi giả...

2. Nói về phá giả quán, chia làm ba:

1. Phá giả quán.
2. Nói về đắc thất.
3. Nói về giai vị.

- Quán lại chia làm bốn:

1.Phá đơn.
2. Phá đức.
3. Phá cụ.
4. Phá vô môn.

Phá đơn chia làm hai: Đầu lược sau rộng.

Lược: Nếu một niệm tâm khởi đối với đơn bốn kiến thì phải là một kiến, kiến tức ba giả luống dối không thật, tám mươi tám mênh mông như trước nói, các điều ác hiển bày như ở sau sẽ nói, phải đương thể không chỗ nương, hư không còn không, hư không không chỗ nương, hư không còn không có hư không thì làm gì lại còn có như thiêu đốt, như gió tung bay cùng khắp. Lại như ngủ nằm mộng có trăm ngàn nỗi lo buồn vui vẻ, gốc ngọn cả hai đều vắng lặng rốt ráo thanh tịnh, đó gọi là chỉ. Lại, quán vô minh tức pháp tánh không hai không khác, pháp tánh xưa nay thanh tịnh, không khởi không diệt, tâm vô minh hoặc cũng lại thanh tịnh, cái gì khởi cái gì diệt. Nếu cho rằng tâm này có khởi diệt thì ngang cho rằng pháp tánh có khởi diệt. Pháp tánh không khởi thì ai sinh lo buồn, pháp tánh không diệt thì ai sinh vui mừng, nếu không lo buồn, vui mừng thì sao lại phân biệt đây là pháp tánh, đây là vô minh, năng quán sở quán đó gọi là từ giả nhập vào không quán, tín hạnh lợi căn một phen nghe liền ngộ, pháp hành tự mình suy nghĩ không ngộ mà còn tăng thêm các lỗi lầm, cho nên Trung Luận chép: Trong đời tương lai người lợi căn chuyển thành độn căn, gây ra các việc ác, không biết

do nhân duyên gì cho nên nói rốt ráo không, vì vậy nên rộng thực hành pháp quán nói trong trung luận, nay cũng như vậy, vì hàng độn căn cho nên rộng phá. Đơn phức xong rồi, đến vô ngôn thuyết kiến, thông dụng bốn câu phá của ngài Long Thọ khiến cho sạch hết nếu một niệm râm khởi thì có đủ ba giả, ba giả như trước nói, phải quán một niệm này vì từ tâm tự sinh tâm, vì đối trần mà sinh tâm, vi căn trần cùng sinh tâm, vì căn trần lìa sinh tâm. Nếu tâm tự sinh thì niệm trước là căn, niệm sau là thức, vậy từ căn sinh tâm, hay sinh từ thức sinh tâm. Nếu căn năng sinh thức thì vì có thức cho nên sinh thức hay căn là vô thức cho nên sinh thức? Nếu căn có thức thì căn thức đều có. Lại nữa, không có năng sinh, sở sinh, nếu căn vô thức mà lại năng sinh thức thì các vật vô thức không thể sinh thức. Căn đã vô thức mà lại có thức tánh cho nên năng sinh thức, thức tánh này là có hay không có, có thì đã là thức, đều ở nơi căn, thì vì sao gọi là tánh. Căn không có thức tánh không thể sinh thức, lại nữa thức tánh cùng với thức là một hay là khác? Nếu là một, thì tánh tức là thức, vô năng vô sở, nếu là khác thì lại là tha sinh, chẳng phải tự tâm sinh, tìm cầu rốt ráo như vậy biết tâm không từ tự sinh. Nếu nói tâm không tự sinh, trần đến phát tâm cho nên có tâm sinh.

Dẫn kinh chép: Có duyên thì tư sinh, vô duyên thì tư không sinh. Nếu vậy thì trần ở ngoài ý, đến phát trong thức thì tâm do tha sinh, nay suy tìm trần này là tâm này cho nên sinh tâm, vì chẳng phải tâm cho nên sinh tâm, nếu trần là tâm thì không gọi là trần, cũng chẳng ngoài ý thì đồng với tự sinh. Lại nữa, hai tâm đồng thì không có năng sở, nếu trần chẳng có tâm thì đâu có thể sinh tâm, như ở trước phá. Nếu trong trần có tánh sinh cho nên tâm, vậy tánh này là có hay không? Nếu tánh là có thì tánh và trần đều cũng không có năng sở, nếu không thì có thể sinh, tìm cầu như vậy biết tâm rốt ráo không từ trần sinh. Nếu căn trần hiệp cho nên có tâm sinh, căn trần mỗi thứ đều có tâm cho nên hiệp sinh tâm mỗi thứ đều vô tâm cho nên hiệp sinh tâm, nếu mỗi thứ có hiệp thì cả hai tâm sinh, rơi vào tánh tự tha, nếu mỗi thứ không hiệp thì cũng không, thí như mặt gương đều có hình bóng cho nên hiệp sinh tượng mỗi thứ đều không có hình bóng cho nên hiệp sinh tượng, nếu đều có tượng thì lẽ ra có hai tượng, nếu đều không tượng thì hiệp không thể sinh. Nêu gương và mặt hiệp làm một mà sinh tượng, nay thật không hiệp mà hiệp thì không tượng, nếu gương và mặt lìa nên sinh tượng, thì mỗi thứ ở một phương lẽ ra có hình tượng, nay thật không phải như vậy, căn trần ly hợp cũng được như vậy, suy tìm như vậy biết tâm rốt ráo không từ hiệp sinh. Lại nữa, căn trần mỗi thứ đều có tâm tánh, hợp thì tâm sinh, nêu

xét tánh này là có hay là không, như trước phá... nếu căn trần đều lìa mà có tâm sinh thì đây là vô nhân duyên sinh, là có lìa này hay không có lìa này? Nếu có lìa này thì lại từ duyên sinh sao cho là lìa, nếu không phải đây lìa thì không do đâu mà sinh, nếu nói đây lìa có tánh thì tánh là có hay là không, nếu tánh là có thì lại từ duyên sinh, không gọi là lìa, nếu tánh là không thì không do đâu sinh, quy tìm như vậy biết tâm rốt ráo không từ lìa sinh, trung luận chep: Các pháp không tự sinh, cũng không từ tha sinh, không cộng không vô nhân, cho nên nói vô sinh, tức là ý này. Nếu suy tìm nhân thành quả bốn câu cầu sinh không thật có, chấp tánh tức mỏng manh, chỉ có tên gọi là tâm tánh, đảnh không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, cũng không thường tự có, là chữ bất trụ không trụ có bốn câu, cũng không phải bất trụ, không trụ không có bốn câu, cho nên tâm vô trụ, tuy có tên gọi tâm tên gọi tức không. Nếu bốn câu suy tìm tánh không thấy tánh, là thế đế phá tánh cũng gọi tánh không. Nếu bốn câu suy tìm danh không thấy danh là chân đế phá giả, cũng gọi tướng không, tánh tướng đều không gọi là tổng tướng từ giả nhập không quán.

Cho nên, trung luận chép: Các pháp không tự sinh, nếu dụng quán như thế thì giống với y của Trung luận. Nếu căn xem xét không thấy tâm tức là nội không, trần xem xét không tâm tức là ngoại không, căn trần hiệp lại xem xét không được tức nội ngoại không. Lìa xem xét không được tức là không không, bốn tánh xem xét không được tức là tánh không, bốn câu xem xét không được tức là tướng không. Nếu y cứ vào trần kiểm xét không có mười phương phần tức là đại không, cầu tưới thượng thừa sở dĩ không được tức là Đệ nhất nghĩa không, bốn câu nhân duyên không được tức hữu vi không, nhân hữu vi nói vô vi, đã không được hữu vi, cũng không được vô vi, tức vô vi không. Bốn câu tìm tâm sinh vốn không được, tức vô thỉ không, bốn câu tâm diệt không thật có tức tán không, bốn câu tìm tâm sinh diệt không thật có, cũng không được tâm, bất sinh bất diệt tức rốt ráo không. Ba cõi không có pháp riêng, chỉ do một tâm tạo tác, nay tìm tâm không thật có, tức tất cả không. Quán tâm vô tâm, quán không vô không tức vô sở đắc không, quán hữu kiến ba giả không thật có, tức hữu pháp không, quán không thấy ba giả, chẳng thật có, tức vô pháp không. Quán vừa hữu vừa vô thấy ba giả không thật có, tức vô pháp hữu pháp không, quán như thế tức đồng với ý của đại phẩm, đó gọi là mười tám thứ từ giả nhập không quán. nếu người không ngộ thì chuyển nhập nói nhau phá giả, vì sao? Vì tuy nhân thành tứ phá không được tâm sinh, nay hiện thấy tâm, niệm

niệm sinh diệt nối nhau không dứt, vì sao lại cho là bất sinh. Niệm niệm này là niệm trước diệt, niệm sau anh, hay là niệm trước không diệt niệm sau sinh? Hay niệm trước vừa diệt vừa không diệt niệm sau sinh? Hay niệm trước chẳng diệt chẳng không diệt sau sinh? Nếu niệm trước không diệt niệm sau sinh thì đây là niệm tự sinh niệm, hai tướng sinh đều cũng không có năng sở, nếu niệm trước có tánh sinh, sinh ra niệm sau, tánh này là có hay là không? Nếu có thì chẳng phải tánh, nếu không thì không sinh như trước. Nếu niệm trước diệt, niệm sau sinh, là trước không diệt sinh gọi là tự tánh, nay do diệt sinh không diệt hy vọng diệt, há chẳng phải tha tánh, trong tha tánh diệt có sinh cho nên sinh, vô sinh cho nên sinh, có sinh là sinh sinh diệt chống trái lẫn nhau, đó gọi là sinh sinh vì sao cho là diệt sinh! Nếu diệt vô sinh thì vô làm sao năng sinh, nếu diệt có tánh sinh thì tánh phá như trước. Nếu niệm trước vừa diệt không diệt mà niệm sau sinh, nếu diệt rồi thì thuộc về diệt, nếu bất diệt thì thuộc về bất diệt, nếu không diệt hiệp với diệt năng sinh, tức là công sinh cộng sinh tự trái ngược nhau. Tự trái ngược nhau thì làm sao có thể sinh? Lại nếu mỗi mỗi có sinh thì có hai lỗi, mỗi mỗi vô sinh hiệp lại cũng bất sinh. Nếu trong diệt bất diệt có tánh sinh thì là có hay là không? Nếu tánh nhất định là có thì tại sao gọi là Diệt bất diệt? Nếu tánh nhất định là không (vô) thì tại sao lại gọi là diệt bất diệt, đây không tránh khởi lỗi đoạn thường, lại rơi vào cộng lỗi. Nếu niệm trước chẳng phải không diệt, thì không đây chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt, nếu có thì chẳng phải vô nhân, nếu vô vô nhân thì không thể sinh. Nếu vô nhân thì có tánh sinh thì tánh đây tức là nhân, tại sao gọi là Vô nhân? Nếu Vô thì vô bất năng sinh. Như thế thì tứ cú thôi tương tục giả cầu tâm không được, không có bốn tánh thậ chấp tâm tức là mỏng manh, nhưng có tên gọi tâm là chữ không trụ trong ngoài, chặng giữa, cũng không thường tự có, nối nhau vô tánh tức thế đế phá tánh, gọi là tánh không, nối nhau vô danh, tức chân đế phá giả, gọi là tướng không, tánh tướng đều không cho đến tạo tác mười tám như trước nói, đó gọi là từ giả nhập không quán. Nếu không đắc nhập thì còn chấp có tâm, đối đãi với vô tâm, hoặc tương đãi khởi, đây khác với trên. Nhân thành chọn lấy hai pháp căn trần hòa hiệp làm nhân thành nối nhau dọc chọn lấy ý căn, trước sau là nối nhau, dọc vọng sinh diệt, đây là biệt diệt, biệt diệt thì hẹp. Nay tương đãi giả, đối với thông diệt, nghĩa này thì rộng. Thông biệt như ba vô vi tuy không cùng là diệt mà được gọi là vô sinh, đối đãi hư không vô sinh mà nói tâm sinh, tức là tương đãi giả. Trên đã không liễu ngộ lại vì hoặc trên cùng khởi hoặc này cho nên nói nhân bao gồm,

hoặc trên vẫn còn lại khởi hoặc này, cho nên nói lỗi. Lại nữa, nhân bao gồm là vô sinh pháp trần đối đãi với ý căn sinh, cũng là nhân thành, nhân giả ở trên nối nhau đới đãi, tức là nối nhau cho nên nói nhân bao gồm, lỗi ấy: Hai giả trên không đối với thông diệt khởi hoặc ở đây y cứ vào thông khởi, há chẳng phải lội ư? Giải thích đã khác với xưa mà mượn lời nói kia để chỉ bày tướng tương đãi giả, nay xem xét tâm này là đối đãi với tâm vô sinh mà sinh hay đối đãi với tâm hữu sinh mà sinh, hay đối đãi với tâm vừa sinh vừa vô snah mà sinh, hay đối đãi với tâm chẳng sinh chẳng vô sinh mà sinh? Nếu đối đãi với tâm vô sinh mà sinh thì hữu này vô sinh, vô này vô sinh, nếu hữu sinh có thể đối đãi thì lại là đối đãi mà có sao nói đối đãi vô! Hữu hữu đối đãi nhau tức là tự sinh. Nếu không có vô sinh này thì không chỗ nào đối đãi, nếu chỉ đối đãi với vô vô này mà sinh tâm thì tất cả vô vô cũng nên sinh tâm, vô hy vọng đối với hữu vô tức là tha sinh. Lại vô sinh tuy vô nhưng có tánh sinh, vì đối đãi với tánh này cho nên biết có tâm, tánh đây là đã sinh hay chưa sinh! Nếu đã sinh thì sinh tức là đối với tánh, vì sao gọi là tánh? Nếu tánh chưa sinh, chưa sinh thì làm sao năng sinh, nếu đối đãi sinh mà tâm sinh, thì sinh ấy lại đối đãi sinh trưởng nên đối đãi sinh trưởng, đã không có nghĩa này đâu được tâm sinh. Nếu đối đãi sinh vô sinh cho nên có tâm sinh, như đối đãi dài ngắn mà có dài, đây là rơi vào hai lỗi, nếu đều có thì đồng hai thứ sinh, đều không thì hoàn toàn không thể được như trước. Nếu đối đãi chẳng sinh, chẳng phải vô sinh mà có tâm sinh, luận chép: Từ nhân duyên còn không thể, huống gì không nhân duyên. Lại vô nhân này là có hay là không? Nếu có tức là đối đãi có, nếu không tức là đối đãi không, vì sao gọi là vô nhân? Nếu nói có tánh thì tánh này là có hay là không! Nếu tánh là hữu thì sinh hay chẳng phải sinh, nếu sinh đã là sinh thì vì sao là tánh? Nếu vô sinh thì làm sao năng sinh, bốn câu như vậy suy tìm tương đãi giả, tìm tâm sinh không thật có chấp tâm tức mỏng manh, không khởi thật tánh chỉ có tên gọi. Cái sinh của tên gọi sinh thì chẳng phải sinh, chữ ấy không ở bên trong, bên ngoài, hay ở giữa, cũng không thường tự có, chữ này không thật có, tìm tánh không thật có, thế đế phá tánh, đó gọi là tánh không, tìm tên gọi không thật có chân đế phá giả, đó gọi là tướng không. Lại nữa, trong tánh tướng này cầu ấm nhập giới không thật có, tức là pháp không, trong tánh tướng cầu nhân ngã tri kiến không thật có, gọi là chúng sinh không, cho đến tạo tác mười tám như trước nói, đó gọi là từ giả nhập không tuệ nhãn được khai nở, thấy được Đệ nhất nghĩa, chẳng những thấy ba giả hoặc dứt mà tất cả kiến hoặc đều thanh tịnh, chánh trí hiện tiền, có gọi là vô

sinh môn thông với chỉ quán, cũng là chỉ quán thành vô sinh môn, nếu không ngộ phải khéo dùng chỉ quán khéo léo phá kiến giả, tín pháp hồi chuyển thành phương tiện đạo, hàng phục hữu kiến, thì vô lượng phiền não thảy đều bị hàng phục, vì hàng phục nên gọi là năm ấm thiện hữu lậu. Do bị hàng phục cho nên hữu kiến không khởi, độ vào vô kiến chấp, như ở sau phá. Xét rằng do phá kiến nên văn tư bất định, nếu hạng thượng căn nghe quán thì đối với sinh biệt sinh vô sinh phá chấp được ngộ, hạng trung căn chấp nhẹ, thành hàng phục kiến, phương tiện thiện hữu lậu năm ấm, hàng hạ căn chấp nặng vẫn có tâm dính mắc, nghe phá sinh không được sinh, cho vô sinh là thật, lại khởi chấp vô sinh lại sẽ phá chung riêng. Phá chung như trong Đại Phẩm chép: Biết vô sinh, còn không thật có huống chi biết sinh, lại biết sinh còn không thật có, huống chi biết vô sinh, sinh và vô sinh đều không thật có. Trong kinh Lăng-già lại rộng phá kiến chấp vô sinh nhưng lý vô sinh thì thức chẳng biết được.

Thế nào là tình xả hữu duyên, vô duyên? Như loài trùng bộ khuất lại giống như khỉ vượn, không nên luống dối chấp trước kiến chấp này đó gọi là phá chung. Phá riêng: Hành nhân dùng chỉ quán phá nhân thành ba giả không thấy có tánh tướng, rõ ràng nhập định, không thấy trong ngoài, cũng không có trước sau, không hình tướng đối đãi, vắng lặng định trụ, hoặc hoát nhiên quên thân tâm, tất cả đều thanh tịnh, liền phát vô tâm này, tự cho là được vô sinh chỉ quán, định tuệ đã thành mà khởi kiến chấp, chấp không tưởng này, các Phật không hóa độ, vì sao không hóa độ? Vì quán tâm truy tìm giới hạn, phát một phần tế định, sinh một phần không giải, đây là pháp không kiến, trần tương ưng với tâm đâu có liên hệ với vô sinh. Thích luận phân biệt ngoại đạo và Phật pháp cả hai đều quán không, vì sao có khác? Ngoại đạo chấp trước quán không trí tuệ, tức là cho rằng không trần phát sinh vừa rồi là Niết-bàn, tức có năng quán, năng quán ấy liền thành thân kiến, vì thân kiến cho nên liền có lợi căn, độn căn mười sử cho đến tám mươi tám sử... sinh tử mệnh mông như trước nói, tội lỗi như vậy đều do không trần sinh khởi, ngăn chướng chân thật, mất đạo, đâu hơn với Niết-bàn, đó gọi là không quán của ngoại đạo. Đệ tử phật quán vô sinh, hoặc phát không tâm, khi không tâm sinh liền biết đó là ái, vì sao? Vì sinh gọi là ái pháp, ái pháp tức là vô minh, vô minh sinh tám mươi tám sử ngã kiến, mỗi hoặc đều đầy đủ ba giả, cuối cùng không chấp cho là chân thật vô sinh. Thế nào ba giả? Bởi do từ trước đến nay thấy có ba giả bị hàng phục độ nhập vô kiến, vô sinh pháp trần đối đãi với ý căn, một niệm không tâm sinh tức

nhân thành giả, do tâm sinh diệt rồi cho nên tâm vô sinh sinh ra, gọi là tương tục giả. Hoát nhiên vô sinh đối đãi với hữu sinh, gọi là tương đãi giả. Phải tìm xét tâm vô sinh này sinh là ý căn sinh, là pháp trần sinh, là hợp là ly nếu ý căn sinh thì là căn sinh, hay là thức sinh. Nếu căn sinh thì trong căn có thức cho nên sinh thức, vì vô thức cho nên sinh thức. Nếu căn có thức, thì là căn hay chẳng phải căn, nếu thức là căn thì không có năng sở, nếu căn vô thức thì làm sao sinh được thức. Nếu căn có tánh sinh thức thi tánh ấy là có hay là không? Nếu tánh có thì thức tánh và thức là một hay là khác? Nếu là một thì tánh tức là thức, nếu là khác, khác làm sao có thể sinh thức, tự sinh bên trong tra xét tâm không thật có, đầy đủ như trên nói. Nếu do trần khởi tâm vô sinh thì trần ấy có tâm hay không có tâm, nếu có tâm thì không có năng sở, nếu không tâm thì không phải không thể sinh. Lại trần là một hay khác. Nếu một thì không có năng sở, nếu khác thì bất năng sinh, xem xét tha tâm không thật có, đầy đủ như trên nói. Nếu căn trần hợp thì có tâm vô sinh ra, dây có hai lỗi, như trước nói...

Lại nữa, lài căn là trần có tâm vô sinh sinh ra, từ duyên sinh còn không thể được huống chi là vô nhân duyên như trước nó. Nên biết tâm vô sinh không tự không tha, không hợp không ly, không có bốn tánh, không có bốn tánh nên gọi tánh không, tánh không tức vô tâm mà nói tâm, chỉ có tên gọi không ở trong, không ở ngoài, đó gọi là tướng không, cho đến mười tám không như trên nói, đó gọi là từ giả nhập không, kiến Đệ nhất nghĩa, chẳng những vô kiến giả phá hoặc trên chướng dưới, tất cả đều trừ, được chánh trí tuệ. Nếu chưa bỏ được cần phải dùng chỉ quán khéo léo tu tập, tin pháp hồi chuyển thành phương tiện đạo, hàng phục khổ tập, tất cả ấm giới nhập... tám mươi tám sử đều bị hàng phục, do bị hàng phục nên gọi là thiện hữu lậu. Do siêng tu tập nên vô kiến trong giả không còn sinh khởi trở lại nữa, độ nhập vào hữu vô giả, như ở sau phá... kế đến phá vừa hữu vừa vô kiến ba giả. Hành nhân khéo dùng chỉ quán hàng phục hoặc vô kiến, vô giả không khởi, hoặc tiến thêm một phần định tuệ, hoát nhiên phát khởi vừa hữu vừa vô tương ưng với tâm, bèn cho rằng nếu vô tâm thì ai biết vô sinh, vô sinh là vô, biết tức là có. Khi phát tâm này thì thọ kiến chấp vừa có vừa vô, nghĩa là sự thật này chấp chặt không thể bỏ, không biết tội lỗi, như Trường Trảo tự cho mình có đạo, thật là khổ tập, vì không thể biết, nhờ Phật khai ngộ, người phát kiến cũng giống như vậy, mê kiến độc này không hiểu biết chân chánh. Nếu nghe chỉ bày chấp tâm chấp liễu thì làm sai chỉ bày? Năm thọ trong đại phẩm đều không thọ, tại sao ông thọ pháp

trần vừa hữu vừa vô này? Há chẳng phải thọ ấm ư? Duyên hình tượng dáng mạo này hành pháp này hiểu rõ phân biệt pháp này thì bốn ấm rõ ràng, thọ tưởng này đều gọi là ô uế, kiến ấy nương vào sắc ấm. Lại ý căn thọ là pháp trần vừa có vừa không, tức là giới, căn trần liên quan nhau tức là nhập, đó gọi là khổ. Lại nữa, ngã năng hành, năng thọ, năng biết pháp này là giả danh, tức khởi ngã kiến, ngã kiến đã sinh liền có biên kiến, nếu bác bỏ nhân quả là tà kiến, chấp đây cho là đạo thì gọi là giới thủ, chấp là Niết-bàn thì gọi kiến thủ, trái với sân, thuận với hỷ cho là ta hiểu biết, khinh mạn người khác, không biết khổ tập tức si, về sau sẽ nghi lớn, mười sử này... trải qua ba cõi có tám mươi tám sử, trái với đạo chân thật, thuận với sinh tử, thảy đều sinh ra từ trong tâm chấp vừa có vừa không lại kiến tâm này tức đầy đủ ba giả, lệ theo như trước có thể biết. Nay phá chấp ba giả này trở lại dùng bốn câu, mỗi câu lệ theo trước có thể hiểu, như vậy phá rồi, ba giả bốn câu ấm nhập đều vô thật tánh, tức là tánh không, chỉ có tên gọi, tên gọi tức không, đó gọi là tướng không. Tánh tướng đã không, cho đến mười tám không như trên nói, tức là nhập vào Đệ nhất nghĩa chánh trí hiện tiền, nếu không nhập thì khéo dùng tất-đàn, tín pháp hồi chuyển, khéo tu chỉ quán, hàng phục các kiến chấp khiến thành phương tiện thiện pháp hữu lậu. Kiến chấp vừa hữu vừa vô tuy bị hàng phục không khởi vẫn độ nhập vào chẳng phải có chẳng phải không kiến như ở sau phá.

Kế là phé chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến, trên siêng năng dùng phương tiện hàng phục hữu vô kiến, hoát nhiên lại phát tâm là hữu vô, vì sao? Vì nếu tâm quyết định là hữu thì không thể khiến vô, nếu tâm quyết định là vô thì không thể khiến cho hữu, tại sao cho rằng vừa hữu vừa vô, nếu không nhất định hữu thì chẳng phải hữu, nếu không nhất định vô thì chẳng phải vô, chẳng hữu chẳng sinh, chẳng vô là chẳng diệt, vượt ngoài hữu vô gọi là Trung đạ, đồng với Trung luận. Vì sao? Vì hữu ở trước là pháp nhân duyên sinh, vô kiến tức là không, vừa hữu vừa vô tức là gải, ở đây là tức trung, chấp chặc tâm này, chấp cho là thật, người ấy sinh khởi vô lượng tội lỗi.vì sao? Vì nếu ông cho tâm này là thật thì dùng ngôn ngữ luống dối hư vọng làm thật ngữ, sinh ra ngữ kiến, cho nên chẳng phải chân thật. Nếu chân thật thì tâm này lẽ ra là thường lạc ngã tịnh, tâm này sinh diệt nên chẳng phải thường, thọ tâm này nên chẳng phải lạc, không tự tại nên chẳng phải ngã, ô uế nên chẳng phải tịnh. Tâm chấp ngã sinh nên có thân kiến, kiến hữu vô chưa tránh khỏi chẳng phải hũu chẳng phải vô, như loài trùng khuất bộ gọi là biên kiến, cho phi hữu phi vô kiến là trung đạo, chung cho các sinh tử,

là ngu si luận, phi đạo phi tự cho là đạo tự, đó gọi là giới thủ; cho tâm phi hữu phi vô là Niết-bàn, có các sử ấm giới nhập, lợi độn... đó là kiến thủ, cho phi hữu phi vô là chánh pháp, phá tất cả nhân quả thế gian nên gọi là phi hữu, phá tất cả nhân quả xuất thế gian nên gọi là phi vô, phá chánh kiến oai nghi còn không phải đạo lý thế gian, làm sao xứng với đạo lý xuất thế? Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di chứ không chấp không sai lầm, cho bất chánh là chánh, đó gọi là tà kiến. nếu thuận khen thì thích, trái chê thì nổi sân, không biết tâm ấy là cỏ độc hay thuốc tốt thì là si, tự nhục mạ người khác thì mạn, về sau sẽ rất nghi ngờ, tóm lược lỗi có mười, rộng thì không thể kể hết. Các lỗi như vậy đều từ trong tâm chấp phi hữu phi vô mà có ra, lại mỗi lỗi đều đủ ba giả như trước... nếu phá kiến giả kiến giả này lại dùng bốn câu chỉ quán trước thì tùy theo mà phá như trước...

Lại nữa, chỉ ra các kiến năm ấm là nêu bày sự khổ kia, chỉ ra mười sử là nêu bày tập kia, dùng chỉ quán để phá là nêu bày đạo kia, các kiến hoặc hàng phục hoặc không là nêu bày sự diệt kia. Tất cả ngoại đạo tà giải, Phật pháp tránh chấp, vô lượng tội lỗi, đều dùng bốn Đế để phá, đều đổi phàm Thánh Thánh. Đức như lai ban đầu nói về năng lực của tứ đế trong Kinh A-hàm còn có thể như thế, huống chi ba thứ đế của Đại thừa vì sao không phá ư? Nếu phá phi hữu phi vô kiến thì tất cả các hoặc cũng đều dứt hết, phát sinh trí tuệ chân chánh, đó gọi là từ giả nhập không kiến đệ nhất. Nếu không nhập thì nên dùng chỉ quán tín pháp hồi chuyển, khéo léo tứ tùy phương tiện tu tập, hàng phục các kiến hoặc thì tâm chấp liền mỏng, trụ phương tiện đạo, thành pháp thiện hữu lậu. Kiến này không khởi thì độ nhập vào vô ngôn thuyết, như sau sẽ phá... sở dĩ mỗi tiết nói lỗi của kiến chấp ấy là ân cần khuyên nhắc hành nhân khiến cho họ quán tâm, khéo biết bỏ độc, phân biệt thuốc hay, nếu hiểu được ý này thì không bao giờ lầm chấp, chương tiết tuy nhiều mà không lẫn lộn, có thể hiểu rõ lý này có thể cùng luận đạo, cũng như người mù mà màu sữa. Kế đến phá vô ngôn thuyết kiến giả, nếu phá được như trên, hoặc tiến lên phát sinh định tuệ, hoát nhiên vắng lặng, lại khởi sự hiểu biết khác lạ, nghĩa là thích hợp với hữu này thì có sinh tử. Bốn câu đều giả, luống dối không thật. Lý ở ngoài lời nói, bặt dứt bốn câu, đó là vô sinh, nghĩa là vượt ngoài bốn câu mà thật không vượt ra ngoài. Lược có ba thứ ngoài bốn câu:

1. Đơn.
2. Phức.
3. Cụ túc.

Nếu cho rằng lý ở ngoài lời nói chính là vượt ngoài bốn câu đơn, không vượt ra ngoài câu thứ hai phức kiến, cũng không ngoài câu đầu cụ túc kiến, cho nên biết lưới kiến che lấp bí ẩn khó có thể vượt khỏi được.

Kinh Pháp Hoa chép: Loài yêu quái ma quỷ chỗ nào cũng đều có, phức có các kiến chấp mỗi kiến chấp đều có ba giả khổ tập, quán phá giả đều như trên nói. Nếu người đối với các kiến chấp mà tu tập đạo phẩm đều được liễu ngộ mỗi tiết, từ giả nhập không kiến Đệ nhất nghĩa. Nếu chưa được ngộ nhập thì đơn phức đầy đủ, tất cả các kiến đều bị hàng phục thành năm ấm thiện hữu lậu, kiến không được khởi, hoặc tiến lên phát sinh thiền giải. Lại nói vượt ngoài đơn phức, cụ túc bốn câu đường ngôn ngữ bặt, chỗ tâm hành diệt, hoát nhiên thanh tịnh, tức là đạo vô sinh, bặt dứt ngôn ngữ. Kiến chấp như thế là không thể nói dứt bặt ngôn ngữ, đâu có quan hệ đến chánh dạo, luống cho là dứt bặt ngôn ngữ, ngôn ngữ trọn không dứt. Vì sao? Vì đối đãi với bất tuyệt mà nói về tuyệt, tuyệt lại là đối đãi, đối đãi cho nên sinh khởi, không nên nói tuyệt, như tránh hư không, làm sao thoát khỏi lý.

Lại nữa, dọc phá bất tuyệt: Vì tâm bất tuyệt, nên vô ngôn kiến khởi đủ tất cả nhân quả sinh tử, tại sao gọi là tuyệt? Từ trên đến đây mỗi tiết đều có hai thứ phá dọc ngang, đối với một hữu kiến là phá bề ngang, nhiều lớp bốn kiến là phá chiều dọc, vì giới giả là phá bề ngang, tương tục giả là phá bề dọc, tương đãi giả là vừa phá chiều ngang vừa phá chiều dọc, phá chung là phá chẳng ngang chẳng dọc, nói chung chỉ là phá theo chiều ngang, nay sẽ phá theo chiều dọc. Ông chấp tâm là có, có tức là sinh, ông sinh những gì? Vì là ngũ đình chung riêng niệm xứ, noãn đảnh nhẫn thế đệ nhất sinh, hay là vì khổ nhẫn chân thật sáng suốt sinh, hay là vì suy tư lo lắng sinh, hay vì Can tuệ địa tự đạo sinh, hay vì tám hạng người kiến đế sinh, hay vì thần thông du ký thệ nguyện cứu giúp tập khí sinh, hay vì hàng tam hiền phục đạo tự giải sinh, hay hàng thập Thánh chân thật hiểu biết sinh, hay là thiết luân tự đạo sinh, hay đồng luân chân đạo sinh, là biến khắp pháp giới tự tại sinh, dùng các sự sinh này xét lại tâm chấp của ông toàn không có khí phần mà nói, phi kiến chấp là kiến. nếu chấp tâm là vô sinh thì vô tức là bất sinh ông vì sao bất sinh? Là vì kiến bất sinh, hay vì tư bất sinh, hay thói quen bất sinh, hay vì trần sa bất sinh, hay vì vô minh bất sinh, hay vì nghiệp bất sinh, vì báo bất sinh hay lý bất sinh, hay hạnh bất sinh?

Người đời nói: Bất sinh bất sinh tức là Phật, còn đạo là pháp Phật. Nay giải thích lời nói này tức là ba thân Phật, lý bất sinh tức pháp Phật,

vô minh bất sinh tức báo Phật, trần sa, kiến, tư hoặc bất sinh tức ứng Phật. lại nữa, vô minh bất sinh tức pháp Phật, kiến tư hoặc bất sinh tức báo thân Phật, trần sa bất sinh tức ứng thân Phật. lại nghiệp hạnh vị bất sinh tức ứng thân Phật, trí nghiệp bất sinh tức báo thân Phật, lý bất sinh tức pháp Phật. Lại ứng thân Phật tự từ nhân duyên sinh, báo thân Phật từ liễu nhân sinh, pháp thân Phật từ chánh nhân sinh. Ba thân Phật sinh tức vô sinh, vô sinh tức ba Phật sinh, nếu nghe tự môn a liền hiểu nghĩa tất cả, vì sao chỉ có một giải thích ư! Xuổng bén cuốc đất tận đến kim cương một phen nghe bất sinh hiểu khắp pháp giới bất sinh đem các điều bất sinh so sánh với tâm chấp của ông thì hoan toàn không một phần nào chẳng phải kiến là vì sao?

Có người hỏi văn Trung Luận rằng: Bất sinh bất diệt không hề đúng với lý sâu xa, vì sao? Vì phiền não là sinh pháp, ba tướng đổi dời, pháp là diệt, nhưng không có pháp diệt này cho nên nói bất sinh bất diệt, chỉ nhập không, không thấy ý trung.

Các sư trung luận giải thích rằng: Bất sinh bất diệt, không phải là không sinh, không phải là không diệt, để hiển bày Trung đạo, giải thích này phù hợp với Trung đạo mà tổn vấn mất nghĩa. Vì sao? Vì ý của Ngài Long Thọ bao gồm dung, bao gồm riêng, cho nên nói bất sinh bất diệt. Bất sinh là không sinh trong hai mươi lăm hữu, không có ba tướng diệt của biến diệt, phá được hai mươi thứ thân kiến, thành Tu-đà-hoàn cho đến vô học, đâu chẳng phải bao gồm ý chung, cũng bao gồm ý tam tạng giáo, hoặc sinh hoặc diệt, đều thuộc về sinh, Niết-bàn đâu không, chỉ thuộc về vắng lặng không sinh này không diệt này, đều ngăn hai bên, đâu pahỉ bao gồm ý biệt, nếu sinh diệt là pháp do nhân duyên sinh, tức không tức giả tức trung, tức không cho nên không sinh, tức giả cho nên không diệt, bất sinh bất diệt tức là trung đạo. Xét văn giải thích bao gồm nhị trong biệt hiển bốn nghĩa rõ ràng, ngài Long Thọ khéo léo dùng một câu bất sinh bất diệt rộng thâu nhiếp các pháp mới hợp với (Đại thừa) Ma-ha-diễn. Nếu mở môi động lưỡi, nặng về vấn đề ăn nói, rút viết làm nhiễm bút lông chỉ thêm một chấm, chỉ còn được một ý, hoàn toàn mất hết ba môn, chỉ liên quan chút ít bên ngoài, tuy muốn giúp đỡ mà lại thành mất sót. Nay giải thích một câu bất sinh, chẳng những bao gồm bốn nghĩa mà còn lược nêu mười ý bất sinh, chẳng bất sinh.

1. Tất cả pháp có thể phá, có thể hoại, tất cả ngôn ngữ có thể chuyển chẳng phải hữu, chẳng phải vô, bặt lời lìa câu. Không một pháp nhập tâm, đó là một bất sinh, bất sinh cũng bất anh cho nên nói là bất

bất sinh. Tuy tình gọi là bất sinh nhưng thật là sinh, như phi tưởng cho là vô tưởng mà thành tựu tế tưởng, đây là bất bất sinh thuộc ngoại đạo tà kiến.

2. Các đạo nhân phái độc tử chấp ngã ở trong tạng không thể nói thứ năm, đây là một bất anh, vì bất sinh. Nếu tam tạng Nhị thừa dứt kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, một bất bất kiến, một bất bất tư nên gọi là bất bất sinh nhưng thói quen vẫn sinh. Nếu tam tạng, Phật chánh tập đều bất thì gọi là bất bất sinh, một bất bất chính, một bất bất tập, cho nên nói bất bất sinh, pháp phân tích này bất bất sinh. Nếu Thông giáo xét thể hội được kiên vốn bất sinh, thể hội được tư vốn bất sinh cho nên nói bất bất sinh.

Kinh Tư Ích chép: Ngã đối với vô sinh vô tác mà được tác chứng. Hàng Nhị thừa tuy thể hội không có kiến hoặc, tư hoặc nhưng thói quen vẫn sinh, Thông giáo Phật ngồi đạo tràng chánh tập đều hết, cũng là bất bất sinh, đây là phần đoạn bất bất sinh. Nếu hàng biệt giáo dứt hoặc chung riêng, một bất bất thông, một bất bất diệt, gọi là bất bất sinh, một phẩm một phần, hai phẩm hai phần này bất bất sinh, phần trên vẫn sinh. Nếu biệt giáo Phật, phần trên hết gọi là bất bất sinh, đây vẫn là phương tiện quyền nói bất bấtsinh. Nếu hàng Viên giáo một bất bất thông, một bất bất diệt, gọi là bất bất sinh, vẫn còn ở nhân địa, còn có phước báo hành trí sinh ở thượng địa. Nếu Diệu giác trí viên mãn, trí kia không còn sinh thì vô minh rốt ráo hết, hoặc nghiệp không còn sinh, hành trí báo... rốt ráo bất bất sinh. Lại chân lý cùng cực cho nên một bất bất sinh, viên lý cùng cực cho nên một bất bất sinh, lại lý bản bản bất sinh, nay cũng bất bất sinh. Nếu tạo tác đơn, bất sinh ngữ nghiệp, páhp cũng hết như trước nói. Nếu tác bất bất sinh ngữ, nhiếp pháp cũng hết. Ông tác bất sinh thì chỗ nào bất sinh, ông tác bất bất sinh lại ngang bằng chỗ nào bất bất sinh, người khác còn không biết bất bất sinh của ngoại đạo, huống chi biết bất bất sinh tối hậu, đâu được không vừa lòng kiến ấy, phải hết lòng phá bỏ. Phá theo chiều dọc kiến chấp vừa hữu vừa vô, kiếp chấp chẳng phải hữu, chẳng phải vô, như trong, như trong thượng Bồ-đề tâm giải thích danh dứt bặt đối đãi, bên trong nêu bày tướng ấy. Nếu cho rằng tâm vừa sinh vừa bất sinh thì những gì là vừa sinh vừa bất sinh? Hay là thấy bất sinh mà thật sinh, hay là tư bất sinh mà chân sinh, hay là tập bất sinh mà chân sinh, hay trần sa bất sinh mà thông dụng sinh, hay vô minh bất sinh trung đạo sinh, hay nghiệp trong bất sinh nghiệp ngoài sinh, là quả báo bên trong bất sinh quả báo bên ngoài sinh, là tiểu hạnh bất sinh đại hạnh sinh, là thiên lý bất sinh viên lý sinh, mà nói vừa

sinh vừa bất sinh. Nếu chẳng phải vừa sinh vừa bất sinh như thế... chẳng phải kiến thì là gì? Nếu nói tâm chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, thì cái gì là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, là phân tích đoạn thường chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay là thể đoạn thường là chẳng sinh chẳng phải bất sinh, hay bát địa đạo quán song lưu là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay sơ địa phá sinh tử đắc Niết-bàn là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay là quả thập địa sau cùng chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay sơ trụ ngăn cả hai bên là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay thập hạnh tăng tiến trung đạo là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay thập hồi hướng là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh? Hay thập địa là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay diệu giác cực địa chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh. Đã chẳng phải những thứ này chẳng phải sinh thì chẳng phải chấp là gì? Nếu dứt bặt lời nói thì bặt lời nói rất nhiều, những gì là bặt lời nói? Ngoài bốn câu đơn cũng gọi là tuyệt ngôn, ngoài câu phức ngoài câu cụ cũng gọi là tuyệt ngôn. Lại, Trường Trảo tất cả pháp không thọ cũng là tuyệt ngôn.

Độc tử nói: Thế đế hữu ngã ngã tồn tại trong tạng không thể nói, không thể nói cũng là tuyệt ngôn. Tam tạng nhập thật chứng chân cũng không thể nói cho nên Thân Tử nói: Ta nghe trong sự giải thoát không có ngôn thuyết, tam tạng giải thoát gồm có bốn môn nhập thật, tức có bốn thứ không thể nói. Người Thông giáo ba thừa đồng dùng vô ngôn nói đạo dứt bỏ phiền não, cũng có bốn môn không thể nói, hàng biệt giáo, quán lý thường trụ vô ngôn vô thuyết cũng có bốn môn không thể nói. Viên giáo không thể tuyên bày.

Ngài Tịnh Danh ngậm miệng, Văn-thù ấn chứng, đây cũng có bốn môn không thể nói, không thể nói nhiều người, không thể nói mà ông chấp đó là gì? Ông còn không sánh bằng không thể nói của Độc Tử, huống chi bốn không thể nói của tam tạng giáo. Vì sao? Vì Độc Tử gọi không thể nói là thế đế, không chấp là Niết-bàn, ông chấp là thật cho nên không sinh bằng với Độc Tử. Độc Tử còn là kiến, ông đâu chẳng phải kiến, vì kiến này cho nên sinh nhiều phiền não mêng mông, như trước nói. Lại phá tuyệt ngôn, ông cho rằng tuyệt ngôn ở ngoài bốn cú nay nói mười thứ bốn câu tuyệt ngôn mà ông nói là gì ngoài bốn câu.

Mười thứ: Tứ cú là: là nhất vãng tứ cú, vô cùng tứ cú, niếp điệp tứ cú, đắc ngộ tứ cú, nhiếp thuộc tứ cú, quyền thật tứ cú, khai hiển tứ cú, thật ý tứ cú, và đắc ý tứ cú. Nhất vãng tứ cú: Phàm Thánh thông suốt đều luận nói bốn câu, ý này có thể biết.

Vô cùng tứ cú: Tứ tứ lãng mạn không tính kể xiết, như trong bốn

mươi tám bày tướng kia... kết vị tứ cú: Phạm vi bốn câu quy định đúng sai, như đơn phức, cụ túc... trụ trước không quên, tức bốn câu của phàm phu. Nếu vô cú nghĩa làm cú nghiã, là bốn câu của bậc thành.

Nhiếp điệp tứ cú: Kết bốn câu phàm phu điệp làm bốn câu điệp, Nhị thừa làm vô cú, điệp Bồ-tát làm vừa hữu vừa vô cú, điệp Phật làm phi hữu phi vô cú.

Đắc ngộ tứ cú: Tùy ái nhập xứ, tức thành ngộ nhập môn, bốn câu tức thành bốn môn.

Nhiếp thuộc tứ cú: Tùy các cú môn ngộ nhập pháp nào, dùng pháp phần thuộc các pháp môn.

Quyền thật tứ cú: Các pháp môn bốn câu, ba bốn làm quyền, một bốn làm thật.

Khai hiển bốn câu: Khai tất cả bốn câu đều nhập một thật bốn câu nếu nhập thật bốn câu đều không thể nói, bằng với Phật giáo bốn câu này.

Thật ý tứ cú: Chấp bốn câu Phật mà khởi sự cạnh tranh, lỗi đồng với phàm phu.

Đắc ý tứ ái: Bồ-tát thấy lỗi của thất ý, làm nhỏ mà nói lớn nói về hai lần bốn câu của Phật, phá chấp bỏ mê thì có đắc ý tứ cú, công tạo luận dứt. Nếu không vừa ý gọi là tuyệt ngôn kiến, các bốn môn trước ông nói chỗ nào ngoài bốn câu mà cho rằng lý ở ngoài lời nói. Trước ngang phá bốn câu nay dọc phá bốn câu ngoài lời nói. Đời này phần nhiều có Tỳ-kheo ác ma, lui sụt giới luật trở về nhà, sợ hãi thôi thúc, lại vượt hơn đạo sĩ, lại ưa thích danh lợi, khoe khoang luận đàm lão trang, dùng nghĩa Phật pháp duyên tạc tà vậy, đem cao để xuống thấp, tìm tôn quý đưa vào nơi thấp kém, đều khiến cho bình đẳng, dùng "Đạo mà nói được thì chẳng phải là đạo thường, danh mà gọi tên được thì chẳng phải danh thường" ngang bằng với Phật pháp không thể nói bày, như loài sâu ăn lá ngẫu nhiên thành chữ, tra xét đạo lý chánh tà xa cách, người ngu tin người trí cười, vì sao? Như trước nói các điều sinh, bất sinh các thứ bốn câu, các thứ không thể nói, ông còn chẳng phải ngoài đơn bốn câu không thể nói, huống chi ngoài phức, ngoài cụ túc, huống chi Độc Tử ư? Độc Tử còn chẳng phải, huống chi tam tạng Thông Biệt viên ư? Lý các pháp vốn cách xa thường danh thường đạo, làm sao ngang bằng được. Giáo tướng cách xa đã không được ngang bằng huống chi dùng khổ để tra xét qua thì lỗi lầm hiện rõ, làm sa ngang bằng được, hướng chi đạo phẩm cách xa, làm sao được ngang bằng chánh pháp thiết yếu. Vốn đã không ngang bằng thì dấu vết cũng không sinh bằng, dấu tích

Phật đời đời là chánh Thiên Trúc Kim Luân dòng sát-lợi. Trang tử, lão tử là người nước nhỏ Chấn đán binê địa, có gi trong sử sách là tất viên lại nước tống, vậy làm sao sánh bằng, Đức Phật dùng ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, trói buộc, thân kia, thân Trang Lão như phàm phu, hình tướng phàm phu ngồi tòa nhỏ xấu xí.

Kinh chép: Hình dáng của con người cõi Diêm-phù như quỷ, làm sao sánh bằng Phật. khi Phật phá ra ánh sáng nói pháp trái đất rung chuyển, trời người đều nhóm họp chắp tay nghe pháp, Phật tùy căn cơ thích hợp mà giảng nói, phạm âm như dòng nước, trôi chảy rõ ràng không cùng tận, khiến cho hàng căn cơ thấp kém nếu nghe cũng đều đắc đạo. Lão tử làm chủ một cõi mà bậc trên không biết, kẻ dưới không hay, không dám phát ra một lời nói can ngăn sự tranh chấp, không thể giáo hóa được một người, đi ván mỏng hư, đi ra cửa phía tây, trộm nói người ấy vui mà có công chước gì, gì lại nữa quan viên lại nêu đề bình phẩm chọn câu sửa đổi đầy đủ, quay tròn như trục, ra tạo thiên nội ngoại dùng làm khuôn phép hiển đạt, ai cũng đồng nghe, lại ai đắc đạo, làm sao sánh bằng được. Không sánh bằng như vậy, nghĩa ấy vô lượng, cuốn sách không thể nói hết, làm sao dùng tà ma can thiệp vào chánh được. Lại nữa, Đức Như Lai đi, Đế-thích ở bên phải, phạm vương bên trái, kim cương đi trước, bốn bộ chúng theo sau, bay trên hư không mà đi. Lão tử tự cầm cương đi xe trâu trên tám ván mỏng, hướng ra cửa tây làm ruộng, trang tử bị người khác sai đi giữ cây sơn, làm lụng suốt như vậy làm sao sánh bằng Đức Phật được. Như lai định làm chuyển luân Thánh đế, bốn biển đều ngương vọng đợi thần báu đến, bỗng đạt đến địa vị cao quý, xuất gia thành Phật. Lão tử làm quan đi ra phía đông kính cẩn ghi chép tiểu sử, ra phía Tây khai khẩn ruộng nước, tiếc vài mẫu ruộng, công tư bỗng vội vàng không thể bỏ đây, làm sao nói ngang bằng? Người mù không có mắt tin lời ông nói, người có trí tuệ thương xót quái lạ, cho nên biết ông không thể nói, đó gọi là tuyệt ngôn kiến. ba giả đầy đủ, khổ tập thành tựu, sinh tử rõ ràng, ôm đèn tự thiêu đốt thật đáng thương xót, nếu phá kiến này như trước đã nói... lại nữa, hàng ngoại đạo thỉnh thoảng dùng đạo mà nói được thì chẳng phải đạo thường làm Phật tuyệt ngôn, phá bất sinh bất diệt của Trung Luận gọi là câu thứ tư, tuyệt ngôn vượt ngoài lỗi bốn câu, một phen nghe nói cho rằng lời nói sinh ra lỗi, theo lý thì không như vậy. Nói bất sinh là thấy tâm bất sinh, đã bất sinh tức bất diệt, cho nên nói bất sinh bất diệt, tuyệt ngôn kiến tâm sinh tất cả ái kiến nghi mạn, vì sao dùng sinh diệt phá bất sinh bất diệt của người khác, kẻ ngu si hý luận không nên như thí.

Hỏi rằng khởi kiến chấp bất sinh bất diệt, đây lại như thế nào?

Đáp: Nên có sáu câu, tuyệt ngôn phá bất sinh bất diệt, bất sinh bất diệt páh tuyệt ngôn, tuyệt ngôn tu bất sinh bất diệt, bất sinh bất diệt tu nguyệt ngôn, tuyệt ngôn tức bất sinh bất diệt, bất sinh bất diệt tức tuyệt ngôn... tất cả phàm phu chưa bước vào Thánh đạo, do đó khởi chấp thảy đều là kiến, do có kiến cho nên ba giả khổ tập phiền nào có theo, ngư vương bối mẫu các sử đầy đủ, các nghiệp lẫn lộn, sinh tử mênh mông, một người trải qua còn vô biên bờ mé, huống chi nhiều người, phải biết kiến hoặc thật đáng sợ hãi, siêng năng dụng chỉ quán để dẹp bỏ kiến hoặc. Nếu khởi đơn kiến dụng chỉ quán bốn câu bàn thể hội phá, bỏ hoặc tránh đơn nhập phức, tránh phức nhập cụ, tránh cụ nhập tuyệt ngôn, không hướng tới sự sinh khởi, chỉ quán liền theo thường tịch thường tịch thường chiếu, sửa đổi không dừng, như dao kim cương mọi điều nghi đều chặt đức, lấy sự chứng ngộ làm kỳ hạn. Quán như thế tuy không phát chân nhưng các kiến bị hàng phục, thành phương tiện năm ấm, nếu được nhập không, các kiến tiêu hết cho nên sở quả phá hết bốn mươi dặm nước, công phu rất lớn, sợ người nghe sinh nghi nêu lược bỏ ba kết, dư thừa không hết như một giọt nước, tư duy chưa hết kiến đã không còn, theo số nhiều mà nói cũng được phá hết pháp biến.

Hỏi: Từ giả nhập không phá vô lượng kiến, còn hai quán dưới làm sao phá?

Đáp: Nhập không quán phá kiến hoặc và tư hoặc, tóm lại mà nói chỉ là phá hữu. Kế đến quán chỗ phá chỉ là phá vô, Trung quan sở phá đều chẳng phải hai bên chánh hiển Trung đạo. Cho nên Thích Luận chép: Hai kiến chấp hữu vô dứt sạch không còn dư, cúi đầu trước pháp mà Phật tôn trọng, cho nên biết các kiến tung hoàng còn không phải là cái mà pháp quán thứ hai phá, vì sao lầm cho là pháp chân thật ư!

Hỏi: Tóm lược sinh tử gọi là hữu, tóm lược Nhị thừa gọi là vô, hữu kiến ngang dọc vô lượng, vô cũng nên như vậy sao?

Đáp: Phàm phu vọng chấp, gặp việc thì sinh đắm nhiễm cho nên có nhiều, hàng Nhị thừa đã dứt kiến tư hoặc, không còn chấp ngang, chỉ chứng không, đại thừa phá bỏ gọi là không kiến.

(2) Phân biệt đắc thất:

Hỏi: Chỉ quán như thế tùy theo các kiến, có gì đắc thất?

Đáp: Phân biệt bốn câu:

1. Hoặc cũ chưa dứt hoặc mới lại sinh.
2. Hoặc cũ dứt hoặc mới lại sinh.
3. Hoặc cũ không dứt hoặc mới không sinh.

4. Hoặc cũ dứt hoặc mới không sinh.

1. Thí như uống thuốc, bệnh không lành mà thuốc trở thành bệnh.

2. Bệnh đã được trị lành mà thuốc thành bệnh.

3. Bệnh tuy không lành mà thuốc không chướng ngại.

4. Bệnh cũ đã lành, thuốc cũng hết theo.

1. Hai thứ trước là tướng đắc thất của ngoại đạo, hai thứ sau là tướng đắc thất của đệ tử Phật. vì sao? Vì vốn dụng chỉ quán để trị hoặc sinh tử mà tâm tham dục đều không dừng nghỉ. Nhân chỉ quán này lại phát sinh các kiến, phá nhân phá quả, không nơi chốn, không tạo tác, cho nên các hoặc cũ không dứt mà hoặc mới lại sinh khởi.

2. Khi tu chỉ quán tham cầu y thực, các người độn căn phiền não dứt nên không khởi, chịu đựng khổ lạnh, dao cắt hương bôi mà không sinh thương ghét, tài vật được mất trong tâm bình đẳng, tâm chấp kiến thật đáng sợ hãi, như ngựa khát nước nhờ nước giúp hết khát mà còn đường đột phá hoại, bác không nhân quả, vậy thì hoặc cũ dứt mà hoặc mới sinh, hai thứ này thuộc về ngoại đạo, chỗ ái sinh á, chỗ sân anh sân, nếu người học chỉ quán bị thế thì đồng với ngoại đạo kia.

3. Đệ tử Phật tu chỉ quán này làm phương tiện đạo: Hiểu sâu nhân duyên kiến ái vô minh, do đó tâm khởi liền biết ba giả, chỉ quán theo đó phá tánh phá tướng. Tuy còn tham sân mà kiến chấp đã hết. Sáu mươi hai kiến chấp bị hàng phục không sinh khởi, đó gọi là hoặc cũ không dứt mà hoặc mới không sinh, đó là người phương tiện trung đạo.

4. Nếu được như thế thì ba giả bốn quán tùy niệm xét trách, thể đạt thì tánh tướng luống dối đều không, hoát nhiên phát chân liền được thấy lý, chẳng những bệnh cũ hết hẳn mà bệnh mới cũng không phát sinh, đó gọi là nhập kiến đế đạo thành Thánh nhân...

(3) Nói về phá kiến vị: Nếu tu pháp này hiểu rõ về tứ đế, khéo dụng quán tuệ, các kiến bị hàng phục, nương pháp tam tạng gọi là tổng biệt niệm xứ, chánh hàng phục bốn điên đảo, bốn đảo không sinh thì noãn liền phát, thành địa vị phương tiện... tiến lên phá các kiến, phát chân thành Thánh, tức địa vị sơ quả. Nếu nương giai vị hàng phục kiến của Thông giáo là Căn tuệ địa, nếu hiểu được nước lý thấm nhuần tâm thì thành tánh địa, nếu tiến lên phá kiến tức là giai vị của tám vị kiến địa. Nếu y hàng phục kiến của Biệt giáo là Thiết Luân thập tín vị, phá kiến là lục căn thanh tịnh vị, đoạn trừ, hàng phục tên thì đồng nhưng quán trí có khác. Tam tạng quán tư nghì chân thật, thiết phục pháp quán trí dứt trừ, Thông giáo quán tư nghì chân thể, pháp quán trí hàng phục dứt trừ, Biệt giáo tuy biết Trung đạo thứ lớp quán trí hàng phục dứt trừ,

Viên giáo trung nhất tâm quán trí hàng phục dứt trừ, không thể nghe tên, vẫn lẫn lộn nghĩa kia.

Hỏi: Nếu hàng phục kiến giả nhập hiền vị, cho nên hoặc cũ tuy chưa hết hoặc mới không nên sinh, đâu được khi tu chỉ quán mà có cảnh các kiến sinh khởi ư?

Đáp: Đây là do nghiệp cũ phát sinh, kiến cũ lại là hoặc cũ, như người uống thuốc thuốc trị bệnh cũ, bệnh cũ đã biến chuyển trong chốc lát tự lành, chẳng phải thuốc là bệnh mới.

Hỏi: Vì sao không nêu rõ thẳng địa vị Biệt Viên nhập không phá giả, mà nói về địa vị tam tạng Thông giáo... nhập không ư?

Đáp: Trên nói tu phát, không tu phát mười cảnh xem lẫn nhau... vì muốn nêu bày cho hành nhân pháp sâu cạn nên trình bày các giai vị. Lại muốn nói về giai bị bán mãn giúp hành giả hiểu biết, lại pháp bán tự nhập không đều là phương tiện trợ đạo trong biệt giáo và Viên giáo. "Có nhiều đầy tớ theo hầu và bảo vệ", tức là nghĩa ấy. Lẽ nào lìa phương tiện mà có chân thật riêng, tức ngay nơi bán tự này mà là mãn tự, cho nên nói: Hàng Nhị thừa hoặc trí, hoặc đoạn, tức là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Thể giả nhập không kết thành nghĩa chỉ quán, các kiến xoay vần dứt một thọ vị không lui sụt, vắng lặng hoàn toàn gọi là chỉ, thấu đạt kiến vô tánh, tánh không tướng không, gọi là quán. Thấy lý chân đế gọi là bất sinh, lý đã bất sinh lý cũng bất diệt, đó là bất sinh bất diệt, gọi là vô sinh nhẫn. Lại nữa, kiến hoặc bất sinh gọi là nhân bất sinh, không thọ sinh trong ba đường ác gọi là quả bất sinh. Nhân quả bất sinh cũng lại không diệt, không sinh không diệt gọi là vô sinh nhẫn, đó là vô sinh môn chung cho chỉ quán, cũng là chỉ quán thành vô sinh môn, từ giả nhập không, phá kiến hoặc biến đã xong.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 6
(Phần Đầu)

Thứ hai: Từ tư giả nhập không phá pháp biến, chia làm ba: 1. Nói về tư giả; 2. Nói về thể quán; 3. Nói về Giai vị.

1. Tư giả: Nghĩa là tham, sân, si, mạn, đây gọi là độn sử, cũng gọi là chánh tam độc, trải qua ba cõi chia làm mười. Lại y cứ vào ba cõi gồm chín địa, mỗi địa có chín phẩm, hợp lại thành tám mươi tám phẩm, đều có thể thấm nhuần nghiệp thọ sinh trong ba cõi. Sơ quả có bảy phen tái sinh chưa hết, như đèn tắt vụt sáng, tuy còn có dâm dục nhưng chẳng phải vợ mình thì không dâm, tuy còn có sân nhưng như cày đất không lỗi, tuy còn có ngu nhưng không chấp thật tánh, năng lực của đạo cộng giới nhậm vận như thế cho nên gọi là chánh phiền não, không đồng với kiến hoặc như sóng lan vô phương, gặp cảnh sinh chấp. Gọi là tư duy, từ sự hiểu biết mà đặt tên. Sơ quán rất nông cạn, vẫn còn có sự chướng, sau cùng chú trọng sự suy tư chân chánh nên hoặc này liền trừ, cho nên gọi là tư duy hoặc. Nhiều người nói rằng: Cõi Dục là tham thượng giới, gọi là ái. Người tu theo phái luận Thành Duy Thức vấn nạn lời này: Thượng giới có vị thiền tham, hạ giới có dục ái, ái tham đều thông, vì sao phân biệt thiên lệch? Nếu nói hạ giới tham nặng, thượng giới tham nhẹ, thì tham nhẹ có thể chẳng phải là tham ư? Đây cũng là nói chung nhưng Phật có lúc đối với duyên mà nói riêng, giả danh thì không nhất định, đâu phải chỉ có một trường hợp nhưng hễ khiến cho vời lấy phiền não thì cần phải phá trừ, đâu nhọc tranh luận đối với tham ái. Thí như trừ phân uế chỉ trừ bỏ nhơ là trước hết, phân biệt chẳng vội gấp, nhập đạo chủ yếu là ở phương tiện gọi là tướng một bên. Nếu muốn biết xác thật luận Tỳ-đàm, luân Thành Duy Thức có nói rõ, có thể tìm trong đó. Quán không giả đã luận bàn xong.

2. Nói về thể quán: Nếu sinh diệt môn trước dùng trí phân tích dứt kiến sau lại dùng tích trí suy nghĩ nhiều lần để dứt tư hoặc thì Vô sinh diệt môn ban đầu dụng thể kiến nhập không, sau lại dùng thể suy nghĩ

nhiều lần, không còn con đường nào khác. Nay thể tham dục giả nhập không, chín phẩm hoặc cõi Dục mỗi mỗi phẩm khởi, tức có ba giả, như người nữ có sáu dục, đó là sắc dục, hình dáng dục, oai nghi tư thái dục, ngôn ngữ âm thanh dục, tế hoạt dục, nhân tướng dục. Phân biệt rằng: Sáu dục này nếu xúc chạm hành nhân thì có công năng nhiễm ô các căn, bên trong biến chuyển huyết-mạch, tướng tham hiện bên ngoài. Sơ quả còn chưa dứt bỏ được huống chi phàm phu. Ngài Nan-đà còn thói quen , ở trong chúng thấy người nữ bèn cùng nói chuyện, thói quen dâm dục dư thừa còn động, huống gì là chánh sử. Kinh Pháp Hoa chép: không nên đối với thân người nữ có công năng làm sinh tướng dục tưởng nói pháp cho họ nghe, nếu chọn tướng này làm chuyển động ý căn khởi dục tâm, tức nhân thành giả; niệm khởi nối nhau không xen hở liền đưa đến hành sự (việc dâm) tức tương tục giả; do có dục tâm khác tướng không dục tâm tức tướng đãi giả; giả hư không thật không bao giờ chấp để làm đạo lý. Quán dục tâm này là do căn sinh hay do trần sinh, là cộng hay lìa! Nếu từ căn sinh, lúc chưa đối, trần tâm lẽ ra tự khởi, nếu từ trần sinh, trần đã là người khác thì đối với ta đâu có can dự gì. Nếu cùng sinh lẽ ra khởi hai tâm, nếu vô nhân sinh, vô nhân thì không thể, bốn câu suy cầu dục, dục không từ đâu đến, đã không từ đâu đến cũng không đi về đâu, vô dục vô cú, vô khứ vô lai, rốt ráo vắng lặng. Người lợi căn khi quán như vậy, một phẩm tư giả dứt bỏ thì một phần chân như hiển bày, dù chưa tương ưng mà dụng bốn Tất-đàn thì tín pháp hồi chuyển, khéo điều hòa Chỉ Quán liền được tương ưng, dứt một phẩm tư hoặc hiển bày một phần chân như. Nếu người độn căn đối với nhân thành Trung quán, Sơ phẩm chưa trừ lại đối với Trung quán nối nhau, là niệm trước diệt mà sinh, hay chẳng diệt mà sinh, hay vừa diệt vừa bất diệt mà sinh, hay chẳng diệt, chẳng phải bất diệt mà sinh? Nếu diệt mà sinh thì diệt không thể sinh, nếu bất diệt mà sinh, bất diệt thì không sinh, nếu diệt, bất diệt sinh thì tánh tướng trái nhau, nếu lìa mà sinh thì điều này không thể. Bốn câu vô dục cũng không có bốn, quán như thế thì liền được nhập vào thành sinh không và pháp không. Nếu không nhập thì bốn Tất-đàn khéo tu. Tu lại không nhập, lại đối với sự đối đãi mà thực hành Quán, lệ theo trước có thể hiểu. Sơ phẩm đã như vậy tám phẩm sau cũng giống như vậy. Phá chín phẩm tham dục đã như vậy phá chín phẩm sân, si, mạn cũng giống như vậy, lệ theo tự biết, không cần nói lại. Chín phẩm chân hiển tức là lý bất sinh, chín phẩm hoặc hết tức là nhân bất sinh, quả cõi Dục không khởi tức là quả bất sinh, bất sinh cho nên bất diệt tức là Vô sinh pháp nhẫn...

Hỏi: Phiền não ở cõi Dục nhất định có chín phẩm ư? Đáp: Như luận Thành Duy Thức vô ngại đạo phục, giải thoát đạo đoạn chỉ nói về chín phẩm, như A-tỳ-đàm có hai đạo hàng phục là phương tiện đạo và Thắng tiến đạo. Vô ngại đạo dứt, giải thoát đạo chứng, chứng chỗ vô hoặc, các kinh thường dùng, nay vẫn còn nương theo. Nếu từ thấy giả nhập quán, tâm vô lậu nhanh chóng, không vượt ngoài sự quán đoạn, không luận đến thứ lớp, tu đạo bao dung cho được có phương tiện, khéo léo tu tập tín pháp hồi chuyển, chuyển nhập phẩm thắng tấn. Nếu luôn luôn thắng tiến thì nên biết phẩm trật cũng nhiều, đâu chỉ có chín, chín là nói theo phần nhiều mà thôi.

Tiếp theo phá chín phẩm ở cõi Sắc, hoặc dùng thế trí, hoặc dùng trí vô lậu, nếu người có trí tuệ giải thoát cũng không phải thiền thế gian, chỉ dùng vô lậu được thành vô học. Người Sơ quả không có Thiền định, tiến tu tư duy nhiều lớp, lý dùng trí vô lậu, nếu người câu giải thoát thì hoặc dùng trí vô lậu, hoặc dùng thế trí, nay còn nương vào thế trí, y cứ vào người chứng đắc thiền định làm phương tiện. Nếu ban đầu tu tập thiền định phá trừ sự chướng, phát sinh định cõi Dục, phá nơi tánh chướng thì phát sinh định cõi Sắc, cho nên nói rằng sự chướng đời vị lai là nguồn gốc của tánh chướng, nếu tánh chướng dứt bỏ thì pháp Sơ thiền sinh khởi, tám xúc xúc chạm thân thể thì công đức năm chi sinh ra, đó là tướng Sơ thiền, trong đó có vị gọi là tham, khinh thường đối với người không đắc gọi là mạn, không biết khổ tập trong thiền gọi là si, như vậy ba hoặc lại có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, sắc pháp tám xúc xúc chạm ý căn v.v... Ở cái Dục, tức là nhân thành, phân biệt là quán niệm, niệm không dứt tức là nối nhau, đây phát tâm thiền khác với không phát, tức là tương đãi. Nếu không quán phá, theo thiền thọ sinh, sao gọi là không sinh? Nay dùng bốn câu Chỉ Quán khéo léo tu tập phương tiện thắng tấn một phẩm hoặc dứt, gọi là vô ngại đạo, chứng vô hoặc xứ, tức giải thoát đạo, trừ được một phần hoặc tức nhân quả v.v... Vô sinh, đó gọi là từ giả nhập không nối nhau và đối đãi nhau dùng bốn quán quán giả nhập không cũng như thế. Phá sơ phẩm đã như thế thì tám phẩm còn lại cũng như vậy, phá tham đã vậy phá chín phẩm mạn si cũng như vậy. Nếu Sơ thiền phá sự chướng phát trung gian, đối với những người đó khi qua đời không sinh Nhị thiền, chẳng hạn như tánh chướng ở cõi Dục không dứt bỏ thì không sinh Sơ thiền, nay Sơ thiền phá tánh thì Nhị thiền liền phát, cùng với sự vui mừng đều sinh, gần với bốn chi hỷ lạc v.v... Trong đây có vị, có tham, có mạn, có si mỗi thứ đều có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, bên trong thanh tịnh pháp trần hợp với ý căn, đó

là nhân thành, tâm bên trong thanh tịnh nối nhau sinh đối đãi, không có bên trong tịnh mà có bên trong tịnh đó gọi là ba giả. Nếu không quán xét theo thiền thọ sinh, nay dùng Chỉ Quán tu tập thành phương tiện thắng tiến, dứt hoặc vô ngại, giải thoát chứng chân, nhập sự lý vô sinh. Nếu chưa nhập thì lại quán nối nhau, đối đãi nhau cũng như vậy. Tám phẩm còn lại cũng như vậy, si, mạn v.v... cũng như vậy. Nhị thiền cũng có sự chướng tánh tướng, sự bỏ phát trung gian, tánh bỏ phát Tam thiền, cùng với lạc đều phát. Lạc này rất sâu xa vi diệu, bậc Thánh có thể xả bỏ, phàm phu xả bỏ là khó. Trong đây có ái, mạn si, gồm có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, lạc đối với ý căn lạc tâm nối nhau, đối đãi vô lạc hữu lạc, nếu không quán sát tùy theo thiền định thọ sinh, ở đây dùng bốn câu quán tuệ để phá, phương tiện thắng tiến vô ngại dứt hoặc, giải thoát chứng chân thành sự lý vô sinh. Nếu chưa dứt bỏ thì lại tu nối nhau, đối đãi nhau, cho đến tám phẩm còn lại cũng giống như vậy, chín phẩm, si, mạn cũng như vậy, Tam thiền cũng có hai chướng sự tánh, nếu phá tánh chướng, khi xả bỏ đều khởi thì cũng đầy đủ ái mạn si, cũng có chín phẩm ba giả, pháp bất động đối ý căn tức nhân thành, v.v... Nếu không quán sát tùy thiền thọ sinh, ở đây dùng Chỉ Quán phương tiện thắng tiến vô ngại giải thoát thành sự lý vô sinh. Nếu chưa dứt bỏ thì lại quán nối nhau, đối đãi nhau cũng giống như vậy, tám phẩm còn lại và si mạn v.v... cũng như vậy, như tầng trời Vô tưởng giữ sắc diệt tâm cho nên gọi là Vô tưởng, tình cho là Vô tưởng nhưng có đầy đủ tưởng, chẳng hạn như đoạn sự chướng thì tánh tướng vẫn còn, không bao giờ ra ngoài sắc, đây gọi ngoại đạo thiên, trước phá kiến tâm, kiến tâm phá bỏ lâu sẽ không sinh lên tầng trời này, tức có ba giả v.v... Cũng dùng bốn quán để phá, nối nhau, đối đãi nhau cũng như vậy. Nếu ngũ Na-hàm thiên lại chọn Tứ thiền, dùng vô lậu để huân tập hữu lậu, sắc định càng sáng, quả báo càng tốt đẹp khi thắng định khởi cũng có chín phẩm ba giả ái, mạn, si, hoặc dùng bốn quán thể đạt vô ngại giải thoát, thành sự lý vô sinh, nếu chưa dứt bỏ lại tu nối nhau, đối đãi nhau cũng giống như vậy, tám phẩm còn lại cũng như vậy, si mạn cũng như vậy, cõi Sắc bốn lần chín có ba mươi sáu phẩm bất sinh đã xong.

Kế là phá chín phẩm cõi Vô sắc: Nếu muốn diệt hữu, đối với ba thứ sắc bình đẳng thì phá sự chướng, phát vị đáo, phá tánh chướng nhập không xứ, không xứ định cũng đầy đủ ái, mạn, si, trở lại dùng bốn quán phương tiện thắng tiến, thành sự lý vô sinh, nếu không dứt thì lại tu tương tục, tương đãi cũng như vậy, tám phẩm và si, mạn v.v... cũng như vậy. Trước duyên không không nhiều thì tán loạn, xả không duyên

thức thì được thức định, tương ưng với tâm cũng đầy đủ các hoặc ái, mạn, si, cũng dùng bốn quán phương tiện thắng tiến v.v... Thành sự lý vô sinh, ngoài ra lệ theo có thể biết. Trước duyên thức, phần nhiều định tâm phân tán, bỏ nhiều thức duyên vô sở hữu thức, nếu duyên ít thức đâu được gọi là vô sở hữu ư? Cho nên dùng ít thức, đâu được gọi là bất dụng xứ. Nay duyên vô sở hữu nhập định, pháp này tương ưng với tâm cũng đầy đủ ba giả v.v... cũng dùng bốn quán, ngoài ra lệ theo có thể biết. Trước thức xứ như ung nhọt, vô sở hữu xứ như ghẻ, lại có thắng định gọi là phi hữu tưởng phi vô tưởng. Luận A-tỳ Đàm Bà-Sa nói rằng: Chẳng phải vô tưởng của cõi trời Vô tưởng, chẳng phải hữu tưởng của Ba không cho nên nói phi hữu tưởng phi vô tưởng. Nhân Sư nói rằng: Vô tưởng là sắc thiên giới, giới không nên vẫn là tên này. Y cứ vào đồng cõi mà giải thích tên. Trước vô sở hữu định đã trừ tưởng, nay lại trừ vô tưởng, tưởng vô tưởng, xả hai thứ, cho nên nói phi hữu tưởng phi vô tưởng. Đại luận chép rằng: Nhất thường hữu lậu, ba đang phân biệt, ba thứ trước là vừa hữu lậu vừa vô lậu, năng phát sinh trí xuất thế gọi là vừa vô lậu, định này không phát vô lậu chỉ chuyên hữu lậu, giáo môn đối căn cơ hoặc che lấp, hoặc hiển bày nên nói như thế, tự có người ở trong định này phát vô lậu, ở đây phải làm sao! Nay còn nương giáo v.v... Định này tuy không thô, phiền não thành tựu mười thứ pháp tế như thiền môn, nên biết định này cũng có đủ ba giả, nay một bề dùng trí vô lậu phá phương tiện thắng tiến vô ngại giải thoát, thành sự lý vô sinh, chín phẩm cũng như vậy, lệ theo như trước có thể biết. Nếu dùng thế trí dứt các tư hoặc gọi là Tận trí. Trí vô lậu dứt bỏ gọi là trí vô sinh, đó gọi thể tư quán, phá ba cõi chín lần chín là tám mươi mốt phẩm tư hoặc hết, gọi là phá pháp biến.

3. Nói phá tư giả nhập không, chia làm bốn: 1. Các nhà Tam tạng phá tư vị; 2. Các nhà Thông giáo phá tư vị; 3. Biệt danh gọi là Thông gia cộng vị; 4. Biệt danh gọi là Thông gia Bồ-tát-vị.

1. Tam tạng phá tư vị: Thành luận nói mười sáu tâm chính là địa vị Sơ quả, bộ khác nói mười sáu tâm là địa vị tu đạo. Nay nương vào tu đạo dứt một phẩm dục hoặc, thứ lớp đến phẩm thứ năm hết, đều gọi là Tư-đà-hàm hướng, nếu vượt đoạn đến phẩm thứ năm gọi là Gia gia, kế là dứt hết sáu phẩm đều gọi là quả Tư-đà-hàm, siêu đoạn đến sáu phẩm hết gọi là nhất vãng lai, kế là dứt phẩm thứ bảy đến phẩm thứ tám gọi A-na-hàm hướng, siêu đoạn đến phẩm thứ tám gọi nhất chủng tử, kế là dứt phẩm thứ chín hết gọi A-na-hàm quả, rốt ráo không còn trở lại cõi Dục, kế đến là dứt Sơ thiền sơ phẩm đến phi tưởng phẩm thứ tám, gồm

bảy mươi mốt phẩm đều gọi A-la-hán hướng, sáu thứ giai vị A-na-hàm ở trong đó, thứ chín là vô ngại đạo dứt phi tưởng hoặc thứ chín hết, đệ cửu giải thoát đạo chứng gọi là A-la-hán quả, tư hoặc trong ba cõi hết, được tận trí, vô sinh trí, gọi là phiền não bất sinh. Chứng tám mươi mốt phần chân không, gọi là lý bất sinh, trí tuệ chân thật đầy đủ gọi là trí tuệ bất sinh, không thọ sinh tử gọi là quả báo bất sinh, nếu nói về Bích-chi-phật lại xâm lấn ít thói quen bất sinh là khác. Đây là y cứ phân tích giả dứt tư, phân biệt địa vị tóm lược như thế.

2. Các nhà Thông giáo thể tư Tam thừa cộng vị: Như Đại Phẩm nói Cần Tuệ địa, tánh địa cho đến Địa thứ sáu cộng Thanh văn, đến Thất địa cộng Bích-chi-phật cho đến bát địa, cửu địa cùng Bồ-tát, Bồ-tát địa chuyển nhập đệ Thập gọi là Phật địa. Cái gọi là cộng địa mà có cao thấp, luận chép: Ba người đồng dứt chánh sử, đồng nhập Niết-bàn hữu dư, vô dư cho nên nói cộng, như cháy củi có tro, có than v.v... cho nên có cao thấp. Càn tuệ địa chính là địa vị hàng tam hiền: 1. Ngũ đình tâm; 2. Biệt tướng niệm xứ; 3. Tổng tướng niệm xứ, gọi chung là Ngoại phàm, cho nên nói Càn tuệ địa. Tánh tức là địa vị Bốn thiện căn, do năng lực tổng tướng niệm xứ phát sinh thiện hữu lậu năm ấm gọi là Noãn, tăng tiến sơ trung hậu tâm, được nhập vào pháp Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, gọi chung là Nội phàm, nên nói tánh địa. Hai vị này cùng hàng phục kiến hoặc. Tám người là tám Nhẫn, từ thế đệ nhất chuyển nhập Vô gián Tam-muội, cho nên gọi là Tám người. Thấy là thấy chân, dứt kiến hoặc trong ba cõi tám mươi tám sử đều dứt hết, cho nên nói Kiến địa. Mỏng là dứt sáu phẩm tư hoặc cõi Dục, cho nên nói Bạc địa. Lìa dục: là dứt hết bảy mươi hai phẩm trong cõi Sắc, Vô sắc, như lửa cháy củi thành tro nên nói Dĩ biện địa. Bích-chi-phật: Phước tuệ sâu xa bén nhạy có thể dứt bỏ thói quen như lửa đốt củi thành tro. Bồ-tát là phước tuệ sâu xa bén nhạy đạo quán cả hai lưu thông, dứt bỏ thói quen và sắc tâm vô tri, chứng đắc Pháp nhãn đạo chủng trí, thần thông du ký thanh tịnh cõi nước Phật, học các pháp như Phật lực vô úy, v.v... Tập thói quen dư thừa sẽ dứt hết như củi cháy còn lại ít tro. Phật địa: Công đức lớn giúp ích cho trí tuệ, được nhất niệm tương ưng tuệ, thói quen dứt hẳn như kiếp hỏa thiêu cháy không còn than tro, đây tức là địa vị Tam thừa cộng Thập địa dứt hết tư hoặc.

3. Biệt danh gọi Thông gia cộng vị: Người xưa nói: Tam địa dứt kiến, hoặc nói Tứ địa dứt kiến, hoặc nói Lục địa dứt hết tư hoặc. Nay xét lời nói này, nếu nói Tam địa, Tứ địa đều dứt kiến thì thấy đây không hiểu nghĩa của Thông giáo. Vì sao? Vì hàng Tam thừa địa vị

đồng nhập Vô gián Tam-muội không ngoài nhập quán mà dứt kiến, sao bỗng nhiên cho rằng Tam địa, Tứ địa đều dứt kiến ư? Nếu chỉ chấp Đệ Tam địa dứt kiến thì Đệ Tứ địa lẽ ra dứt tư hoặc, hoặc chỉ chấp Đệ Tứ địa dứt kiến thì Đệ Tam địa lẽ ra chưa dứt kiến, nếu cho rằng hai địa dứt kiến là xuất nhập quán thì không phải hai địa, còn nếu xuất nhập quán thì chẳng phải địa vị dứt kiến. Nhân Sư Cứu chữa rằng: Kinh nói như thế, Sư đây không hiểu ý kinh. Nay nói kinh nhờ vào nghĩa Biệt mà hiển Thông, nghĩa biệt kiến thì dài, phần nhiều nói về Tam địa, Tứ địa, nhưng tên gọi có thể nhờ vào nghĩa Biệt, quyết phải nương vào Thông. Nếu thực hành không xuất nhập quán để giải thích thì hoặc nói Tam địa là căn cứ dứt kiến ban đầu. Nói Tứ địa là căn cứ dứt kiến sau, đều không xuất nhập quán, chẳng hạn như tâm thứ mười sáu hoặc nói là Kiến đạo, hoặc nói là Tư đạo. Nói nương nhờ biệt danh mà gọi là thông vị, ngoại phàm tam hiền là Càn tuệ địa vị gọi là Thập tín, nội phàm bốn thiện căn tánh địa thì gọi là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Tám người Kiến địa là Tu-đà-hoàn mà gọi là sơ Hoan hỷ địa. Bạc địa là Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm có hướng có quả, lập hướng làm Ly cấu địa, lập quả làm Minh địa. Ly dục địa là A-na-hàm, A-na-hàm có hướng có quả, lập hướng làm Viên địa, lập quả làm Thắng địa. Dĩ biện địa A-la-hán, A-la-hán có hướng có quả, lập hướng làm Hiện tiền địa, lập quả làm Viễn hành địa. Bích-chi-phật địa lập làm Bất động địa, Bồ-tát địa lập làm Thiên tuệ địa; hoặc dùng Bồ-tát địa hậu tâm làm Pháp vân địa; hoặc dùng Phật địa làm Pháp vân địa. Đại phẩm chép: Nếu nhờ vào biệt danh này phân biệt ba người Thông vị thì Sơ địa dứt kiến hoặc, Nhị địa dứt một, hai phẩm tư hoặc trong cõi Dục, Tam địa dứt sáu phẩm tư hoặc, Tứ địa dứt bảy, tám phẩm tư hoặc, Ngũ địa dứt chín phẩm tư hoặc, Lục địa dứt bảy mươi mốt phẩm tư hoặc, Thất địa dứt bảy mươi hai phẩm Tư hoặc, Bát địa trở lên xâm tổn thói quen dứt vô tri v.v... lệ theo như trước có thể biết.

4. Nhờ vào biệt danh gọi Thông gia Bồ-tát vị: Càn tuệ là Ngoại phàm, Tánh địa là Nội phàm, tám người làm Sơ địa, mười lăm tâm làm Nhị địa, mười sáu tâm làm Tam địa, ba tâm này đều không ngoài quán mà dứt kiến hoặc; Tứ nhẫn làm Sơ địa, Tứ trí làm Nhị địa, Tứ hỷ nhẩm làm Tam địa, tứ tỷ trí làm Tứ địa, bốn địa này đều không ngoài quán mà dứt kiến hoặc. Giải thích như ở đây khác với xưa, v.v... Bạc tức Ngũ địa dứt sáu phẩm tư hoặc, Ly dục tức Lục địa dứt chín phẩm tư hoặc. Dĩ biện tức Thất địa dứt hết tư hoặc cõi Sắc, Vô sắc, Bích-chi-phật tức Bát địa, cho đến Phật địa dứt tập vô tri, chẳng hạn như trước v.v... Người

xưa nói: Lục địa dứt hết tư hoặc, ngang bằng A-la-hán. Hoặc cho Thất địa trong kinh Nhân Vương ngang với La-hán, nhưng Lục địa gọi là Ly dục, chỉ là chín phẩm ở cõi Dục, chỉ có thể ngang bằng với A-na-hàm. Dù có mang quả hành hướng, vẫn có Phi tưởng phẩm thứ chín, cũng không được ngang với La-hán, nếu Thất địa là Dĩ biện, y cứ vào quả có thể như vậy. Hướng lại thuộc quả nên Sơ thiền sơ phẩm đã thuộc Thất địa, khi ấy được gọi là Dĩ biện. Nay nếu chọn giải thích nghĩa tiện thì y cứ mười độ nói nghĩa, cho đệ lục Bát-nhã nhập vào không tuệ, dứt hoặc hết, ngang bằng với La-hán, đệ Thất phương tiện Bát-nhã xuất giả hóa dụng, đây gọi là Tiện. Nếu chấp Thất địa ngang với La-hán, y cứ vào các địa đối quả hướng, thì Thất địa chính là ngang với quả thứ tư, đây đều là nhất vãng tướng chủ đối, kinh luận không nhất định, lại phải châm chước, không thể câu chấp.

Hỏi: Hàng Tam thừa cùng đoạn nghĩa kia rồi mới hiển bày, lấy gì làm chứng cứ? Lại riêng khai Bồ-tát địa ư? Đáp: Đại luận phân biệt ba chỗ sáng tỏ thì có ba hạng Bồ-tát dứt hoặc, Càn tuệ địa là hàng phục hoặc, còn được gọi là Sơ diệm, nay chọn Bát nhân chân đoạn làm Sơ diệm, thì có gì mà không thể được v.v...

Lại nữa, Đại phẩm nói Bồ-tát Thập địa là Như Phật, đã nói địa sau rất gần gũi, đâu được không có Trung địa, không có Sơ địa ư? Y cứ theo đây mà suy đoán, lại riêng khai Bồ-tát Thập địa có lỗi gì! Nếu không có Thập địa thì kinh không nên nói Bồ-tát tu trị địa nghiệp từ Sơ địa đến Thập địa mỗi địa đều có chừng ấy pháp môn v.v... Lại Đại luận chép: Càn tuệ địa đối với pháp Bồ-tát là hàng phục nhẫn, tánh địa đối với pháp Bồ-tát là Nhu thuận nhân, bát nhân địa đối với Bồ-tát là Vô sinh nhẫn, Kiến địa đối với Bồ-tát là Vô sinh nhẫn quả, Bạc địa đối với Bồ-tát là ly dục thanh tịnh, Ly dục địa đối với Bồ-tát gọi là du hý thần thông, Dĩ biện đối với Thanh văn gọi là Phật địa, đối với Bồ-tát là Vô sinh pháp nhẫn. Cho nên Đại phẩm chép: Tu-đà-hoàn hoặc trí, hoặc đoạn, là Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn; cho đến Bích-chi-phật, hoặc trí, hoặc đoạn, là Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn. Luận như thế đã tự riêng y cứ vào Bồ-tát, nay căn cứ theo đây lập nghĩa lại có lỗi gì?

Hỏi: Cõi Dục cũng dứt chín phẩm, tại sao lại phân chia quả nhiều? Đáp: Như chỗ hiểm nhiều nạn thì phải có nhiều thành tường ngăn, cõi nước nhiều nạn thì nhiều quả ngăn dứt. Nếu vậy do cõi nước nhiều tán loạn thì phải lập nhiều thiền sao? Đáp: Cõi Dục chẳng phải định vị, nên không được lập thiền, vô lậu duyên thông được lập quả.

Hỏi: Hàng Tam thừa nhập trí đoạn đã ngang bằng, vì sao hàng

Nhị thừa gọi là trí đoạn, Bồ-tát gọi là pháp nhẫn ư? Đáp: Nhẫn là nhân, trí là quả, cho nên năm mươi tâm gọi là nhẫn, năm mươi tâm gọi là trí. Lại nữa, hàng Nhị thừa thủ chứng nên xếp vào trí đoạn, Bồ-tát so với Phật vẫn còn ở nhân, chỉ được tên là Nhẫn, lại Bồ-tát một phẩm tư hoặc đã hết thì được một phần tự tại sinh, cho nên mỗi phẩm tử, mỗi phẩm sinh, có khả năng chịu khổ sinh tử, không nhập Niết-bàn nên gọi là Nhẫn. Nếu y cứ Biệt giáo nói về phá giới vị tư giả, ban đầu phá kiến chanh nhập Sơ trụ, từ Nhị trụ đến Thất trụ phá tư giả, muốn phân biệt kỹ phẩm trật các trụ vị thì y cứ theo trước có thể biết. Từ trụ tám, chín, mười chính là xâm tập, Thập hạnh là chánh xuất giả vị, không còn quan hệ với trước v.v... Nếu y cứ vào Viên giáo phá tư giả vị, ban đầu phá kiến giả chánh là Sơ tín, từ Tín thứ hai đến Tín thứ bảy là phá tư giả, muốn phân biệt kỹ phẩm trật để đối với các trí thì y cứ theo trước có thể biết, từ Tín thứ tám đến thứ mười đoạn hết thói quen. Kinh Hoa Nghiêm chép: Khi mới phát tâm thì chánh, tập cùng lúc đều dứt hết không còn sót, chánh tập giới ngoại chưa dứt hết. Kinh Hoa Nghiêm chép: Mới phát tâm đã vượt qua Đấng Mâu-ni. Vì chánh, tập đều dứt có thể có tám tướng thành Phật, đây đã ngang bằng, lại Ba quán viên tu, đây là quá thù thắng. Nếu vậy, cũng nên có Thanh văn vượt hơn Bồ-tát, nhưng do Phật đạo Thanh văn rõ ràng vượt hẳn hơn Bồ-tát. Lại nữa, các vị trước phá giả nên tên đồng, duyên nơi lý dụng, trí thì khác, Tam tạng, Thông giáo đồng Nhị thừa phá giả, khi thế đế chết không thể xuất giả, không tự tại sinh; Bồ-tát Thông giáo phá giả, khi thế đế chết, lại có thể xuất giả tự tại thọ sinh, nếu hóa duyên xong thì nguội thân chứng không; Biệt giáo phá giả khi thế đế chết, cũng có thể xuất giả, tự tại thọ sinh, vì hiển bày Trung đạo không hề trụ Không; Viên giáo phá giả, đã tức kiến chân tức là nhập giả, tức là nhập trung. Viên giáo hàng phục vô minh, nếu nói Nhị thừa và Bồ-tát trí dứt đều đồng, hóa tha thì khác, đây là ý Thông giáo cùng so sánh nhau. Nếu nói Nhị thừa và Bồ-tát trí khác, dứt giống thì đó là Biệt Viên so sánh nhau.

Hỏi: Phá tư giả nhập không. Gồm phá chín lần chín là tám mươi mốt phẩm, tại sao lại có nghĩa siêu vượt quả? Đáp: Thứ lớp phân biệt có số câu trước, hành nhân chưa hẳn một bề xét phẩm lần lượt nhập vào, hoặc mười sáu tâm sau trong Tam tạng thì có một niệm siêu vượt quả đến Na-hàm, hoặc siêu vượt đến La-hán, đâu lại theo thứ lớp như trùng số ở trước. Tuy không thứ lớp trải qua các phẩm mà các phẩm hoặc hết, các phẩm quyết định phát v.v... Lại như Tam tạng Phật, một niệm nối nhau kiến tư hoặc đốn hết, công đức Phật một lúc hiện tiền,

vì lợi căn cho nên không do phẩm trật, lợi căn tuy siêu vượt nhưng mỗi phẩm không được phế bỏ. Vì sao? Vì các pháp giáo môn của các Đức Phật như vậy.

Hỏi: Lợi căn có thể siêu vượt, ngài Thân tử rất lợi căn vì sao không siêu vượt? Đáp: Tiểu thừa dẫn độn căn nương phẩm tô Tức cho nên không siêu vượt. Ngài Thân Tử là bậc Đại trí nên thực hành quay chuyển pháp luân, sẽ phân biệt phẩm trật, cho nên bảy ngày, hoặc nói mười lăm ngày không siêu việt, ngài A-nan làm thị giả cho nên không siêu vượt, chẳng phải năng lực vô trí. Bồ-tát Thông giáo trí tuệ lợi căn hơn Nhị thừa cũng nên có siêu vượt; gánh vác chúng sinh làm người đi đầu để dẫn đường, phải phân biệt rộng cho nên không nói siêu vượt, Biệt giáo, Viên giáo cũng giống như vậy, tuy có siêu và không siêu nhưng rốt ráo là phá tư giả biến. Quả siêu gồm có bốn: 1. Bổn đoạn siêu. 2. Tiểu siêu. 3. Đại siêu. 4. Đại đại siêu. Vốn ở phàm địa được định phi tưởng, nay phát tâm thứ mười sáu vô lậu viên mãn liền chứng quả A-na-hàm. Vốn ở phàm địa, hoặc được Sơ thiền, Nhị, Tam, Tứ thiền, nay tâm thứ mười sáu viên mãn cũng là A-na-hàm. Vốn ở phàm địa, chín phẩm cõi Dục tùy thuận dùng thế trí dứt được ít nhiều, tâm thứ mười sáu viên mãn, vốn dứt siêu quả, đều gọi là bổn đoạn siêu, nếu phàm địa chưa đắc thiền, tâm thứ mười sáu viên mãn, siêu vượt, có khả năng dứt trừ cả các phẩm ở cõi Dục. Hoặc ba hay hai phẩm tức là gia gia Nhất chủng tử v.v... tức là Tiểu siêu. Vốn ở phàm địa, nghe pháp, nghe xướng thiện lai, thành bậc La-hán, tức là Đại siêu, như Đức Phật trong một niệm chánh, tập đều hết, đây gọi là Đại đại siêu. Hàng Viên giáo căn tánh rất nhạy bén, lại là thật thuyết, lại không có phẩm trật, cho nên rất có thể siêu. Anh lạc sáng suốt đốn ngộ Như Lai, kinh Pháp Hoa nói một sát-na liền thành Chánh giác, từ nghĩa này thì có thể siêu, từ bi thệ nguyện rộng lớn thì không siêu. Kinh Tịnh Danh chép: Tuy thành Phật đạo, độ chúng sinh mà hành đạo Bồ-tát, đây thì vừa siêu vừa không siêu. Lý Thật tướng thì không siêu, chẳng phải không siêu, tùy căn cơ thì khắp động nhậm vận theo lý thì thường vắng lặng.

3. Bốn môn lựa chọn: Kiến hoặc, Tư hoặc, làm chướng ngại hai lý Thông giáo, Biệt giáo, nếu phá chướng hiển lý chẳng phải môn thì không thông. Luận A-tỳ-đàm nói: Ngã, nhân, chúng sinh như lông rùa sừng thỏ, tìm không thật có, chỉ có thật pháp, quên thật pháp này thì khởi kiến hoặc tư hoặc, một cách ngang trái kiến tư hoặc vô thường, niệm niệm không dừng, thật pháp biến động, phần phần sinh diệt. Quán như thế thì phá được các kiến đơn, phức, cụ túc, cũng phá tám mươi mốt

phẩm tư hoặc trong ba cõi, thành nhân quả hoặc trí bình đẳng bất sinh, đó gọi là ý Tam tạng hữu môn phá pháp, lần đầu tiên Đức Phật nói pháp tại vườn Nai, độ năm anh em Kiều-trần-như trước được thanh tịnh, Át-bệ nói ba đế, Thân Tử phá kiến, bảy ngày sau đắc quả A-la-hán, một ngàn hai trăm người phần nhiều là ở nơi hữu môn thấy được Đệ nhất nghĩa. Đại Luận chép: Nếu được phương tiện Bát-nhã, nhập luận A-tỳ-đàm, không rơi vào hữu trung. Đại Tập chép: Người thường kiến nói khác niệm dứt, tức là nghĩa cấu nhơ dứt kết, đâu chẳng phải ý hữu môn phá giả ư? Người tu theo Thành luận tại sao bác bỏ, nói phương tiện điều hòa tâm này mà không đắc đạo ư? Nếu Thành luận đã rõ, ngã nhân vốn không, tuy có thật pháp mà trống rỗng chẳng phải có, nếu mê muội sự trống rỗng này thì sinh khởi kiến, tư hoặc một cách ngang trái, trôi lăn trong sinh tử. Quán kiến, tư hoặc này đều có ba giả trống rỗng, giả thật đều vô, gọi là bình đẳng không. Tu quán này phá đơn, phúc, cụ túc, vô lượng các kiến, cũng phá tám mươi mốt phẩm các tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả v.v... bất sinh, đó gọi là Tam tạng không môn phá pháp. Cho nên luận ấy chép: Nay ta chính muốn hiểu rõ thật nghĩa trong Tam tạng. Thật nghĩa là không. Kinh A-hàm chép: Già chết này, ai già chết, cả hai đều là tà kiến, già chết này tức là pháp không, ai già chết tức là chúng sinh không. Lại chép: Pháp thân Phật tức là không. Tu-bồ-đề không trí sáng suốt, có thể ở trong hang đá thấy Pháp thân Phật, cho nên trong đại phẩm có nói thêm về không, Thân tử nói thêm thuyết Bát-nhã, Đức Phật muốn dùng Đại không và Tiểu không, Đại trí và Tiểu trí cho nên bảo hai vị chuyển giáo. Đại Luận chép: Nếu không đắc Bát-nhã phương tiện nhập không thì rơi vào vô, Đại Tập chép: Người dứt kiến nói một niệm dứt, đâu chẳng phải ý bình đẳng không. Nên biết Tam tạng lại nói không môn, người tu A-tỳ-đàm tại sao lại nói một bừa về nghĩa không của Đại thừa hoặc như ngài Ca-chiên-diên trình bày pháp nhập môn kia đã soạn Luận Côn-lặc hiện đang truyền bá ở Nam Thiên Trúc. Giả sử không đồng với ở trước thì thật pháp vừa có vừa không, nếu khởi định tướng sinh khởi kiến tư hoặc một cách ngang trái, quán thật pháp này hữu vô ung dung, cũng phá các kiến đơn, phức v.v..., tám mươi mốt phẩm tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả đều bất sinh, đó gọi là Tam tạng vừa không vừa hữu môn phá pháp. Cho nên Đại luận chép: Nếu được Bát-nhã phương tiện nhập Côn-lặc môn không rơi vào hữu vô. Về phi không phi hữu môn, như Thích luận nói Xa-nặc tâm điều hòa nhu nhuyễn nên nói kinh Na-đà Ca-chiên-diên cho họ nghe, lìa hữu lìa vô mới có thể đắc đạo, quán như đây cũng có thể phá các kiến đơn,

phức, tám mươi mốt phẩm tư hoặc, thành giả nhập không thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, tức là Tam tạng phi hữu phi vô môn phá giả. Phải biết Xa-Nặc chứng đắc đạo Tiểu thừa không thể lạm xen vào pháp môn Trung đạo của Đại thừa, như bốn môn này đều gọi là Cấu cảng đắc đạo, vì Cấu cảng là Sơ quả. Người hơn lại riêng được tên gọi ấy, có đến ba môn khác nhau, cũng đắc thông là Cấu cảng, hữu môn vô thường Cấu cảng, vô môn không bình đẳng Cấu cảng, diệc hữu diệc vô môn từ dung Cấu cảng, phi hữu vô môn song phi Cấu cảng, Cấu cảng đều là Sơ quả cứ bốn môn. Bốn môn quán biệt, thấy chân đế đồng, như thành có bốn cửa, hợp thông không khác, cho nên kinh Đại tập chép: Người thường kiến nói niệm khác dứt, người đoạn kiến nói một niệm dứt, luận của hai người tuy khác nhau nhưng sự chứng đắc thì lại không khác nhau. Đại Kinh chép: Năm trăm Tỳ-kheo mỗi vị đều nói nhân của thân là vô, chẳng phải chánh thuyết. Bạt-ma chép: Các luận đều khác nhau nhưng đầu mối của sự tu hành lý thì không hai, thiên chấp hữu là chẳng thông đạt Không, trái ngược với sự tranh chấp, lúc bấy giờ đời Tống rất thạnh hành để mở mang truyền bá luận Thành Thật, những người chấp khác thì tranh nhau khởi lên, làm kệ chê bai. Nhưng chân đế là vắng lặng, thật chẳng phải một, bốn. Thân Tử nói rằng: Ta nghe trong sự giải thoát không có ngôn thuyết, đâu thể nêu lên bốn môn. Nếu chúng sinh nhất định chấp thì đều không đắc đạo, đâu riêng hữu môn, nếu dứt bỏ kiến tư thì bốn môn đều đắc, đâu riêng gì không môn, không lẽ nói riêng luận chủ nghĩa thành, số người nghĩa hoại, nếu được bốn Tất-đàn thì ý luận số đều thành, nếu không được thì ý luận số đều hoại, cho đến phi hữu phi vô môn cũng như vậy. Nếu nói hữu môn là nói về pháp tướng thô, Không môn là nói về pháp tướng tế, khéo léo vụng về nương nhau làm thành hoại, ba môn đều yếu kém chẳng phải riêng một môn, cớ sao hình tướng tốt của bốn môn đều chê bai? Bởi Nhị thừa tự độ chỉ theo một đường thẳng vào, chỗ căn cứ thiên lệch không dung thông, người đời sau học muộn nhân đây sinh lỗi, Tam tạng Bồ-tát thì không biết điều này, phân tích không, hàng phục hoặc, thiên lệch học bốn môn, vì giáo hóa chúng sinh nên hiểu biết rộng pháp tướng, khi thành Phật gọi là Chánh biến tri, cho nên Thích luận dẫn Ca-chiên-diên Tử nói về nghĩa Bồ-tát rằng: Bồ-tát Thích-ca ban đầu gặp Phật Thích-ca phát tâm, đến Phật Kế-na Thi-khí là sơ a-tăng-kỳ, tâm không biết làm Phật, miệng cũng không nói, kế đến Phật Nhiên Đăng là hai, Phật Tỳ-bà-thi là ba, tu hành đầy đủ sáu Độ đều có thời tiết, như vua Thi-tỳ đem thân mình bố thí thay cho chim câu là viên mãn Đàn ba-la-mật, cho đến

Đại thần Cù-tân phân chia đất cõi Diêm-phù-đề để chấm dứt sự tranh cãi, đó là viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật, trải qua một trăm kiếp đầy đủ ba mươi hai tướng. Nói về nhân thì chỉ đức Thích-ca, nói về quả thì chỉ Đức Phật Di-lặc, khắp thực hành bốn môn đạo pháp, hàng phục dứt bỏ phiền não. Ngài Long Thọ hỏi vặn rằng: Bạc tức là đoạn, như Tư-đà-hàm xâm tổn sáu phẩm tư hoặc gọi là Bạc địa, ông chưa dứt đâu được gọi là dứt, cho nên biết chỉ là phục đạo nói về bạc đó thôi! Ba mươi bốn tâm mới chỉnh là Dứt, tuy được như thế vẫn còn là Sơ giáo phương tiện thuyết, kinh Niết-bàn gọi là bán tự. Kinh Pháp Hoa nói trong hai mươi năm thường sai hốt phân, Thích luận gọi là thầy thuốc dở, kinh Duy-ma gọi là pháp mà người nghèo ưa thích, Thiên Thân gọi là thừa thấp kém, đều chỉ cho bốn môn này, chẳng phải ở đây dùng.

Kế đến bốn môn của Thông giáo khác nhau: Hoặc nói tất cả giả, thật từ vô minh sinh, vô minh như huyễn, tất cả những gì sinh ra cũng đều như huyễn. Như huyễn tuy như hư không nhưng có quán như huyễn phá giả, tuy như hư không mà như hư không sinh, cho nên nói các pháp không sinh mà Bát-nhã sinh, quán tuệ như vậy có công năng phá các kiến hoặc, các tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả bình đẳng bất sinh, đó gọi là Hữu môn quán. Nếu nói các pháp giả, thật thể như huyễn hóa, cho đến Niết-bàn cũng như huyễn hóa, huyễn hóa là cái Không dễ hiểu, Niết-bàn là cái Không khó hiểu, nêu dễ huống chi khó, mà khó dễ đều không, cũng như người huyễn đánh nhau với hư không, năng quán sở quán tánh đều vắng lặng, như thể của không tuệ này, các kiến hoặc, tư hoặc tức huyễn mà chân, năng thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, đó gọi là Không môn phá giả. Nếu hiểu rõ tất cả các pháp như ảnh tượng trong gương, thấy không thể thấy, thấy thì cũng hữu, không thể thấy thì cũng vô, tuy không mà có, tuy có mà không, quán như vậy sẽ phá được các pháp kiến hoặc tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả vô sinh, đó gọi là vừa không vừa hữu môn phá giả quán. Đã nói huyễn hóa thì đầu có hữu vô, không phải hữu cho nên không từ hữu mà hữu, không phải vô cho nên không từ vô mà vô, quán tuệ như thế có thể phá các pháp kiến hoặc, tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, đó gọi là phi hữu phi vô môn phá giả quán. Nếu Tam tạng y cứ vào thật sắc khởi kiến, dùng Cấu cảng phân tích quán cả hai chẳng phải nhị kiến, như thật trụ thật phá, Thông giáo y cứ vào huyễn sắc khởi kiến, như cây cột trong gương, thể nhập mà luận phá cho nên nói phi hữu phi vô, tuy chẳng phải Trung đạo mà là thể pháp hư dung, thanh tịnh các kiến chấp. Cho nên luận nói Bát-nhã ba-la-mật thí như ngọn lửa lớn đốt cháy bốn

bên không thể chấp, bài kệ ấy đủ ý bốn môn, tìm kiếm kỹ thì tự rõ. Lại nói rằng: Bát-nhã có bốn thứ tướng. Lại nói bốn nhập vào ao mát mẽ đều là thành thật chứng bốn môn. Nếu không chấp trước thì đều có thể thông nhập, nếu chấp trước tức là thiêu cháy, Đức Phật vì muốn dạy cho người pháp không tranh cãi nên nói bốn môn này để quán.

Hỏi: Vì sao Đức Phật dạy cho người pháp tranh cãi? Đáp: Đức Phật không dạy cho người pháp tranh cãi, chúng sinh không hiểu chấp mà tranh cãi. Tam tạng nông cạn, bốn môn ngăn ngại lẫn nhau nên vọng chấp tranh cãi dễ sinh, như người tu theo luận Thành Duy Thức bác luận Tỳ-đàm rằng: Phương tiện điều tâm này hoàn toàn không đắc đạo. Người tu theo luận Tỳ-đàm nói rằng: Chỉ có kiến này đắc đạo không thuộc về Đại thừa. Hai vị luận sư này lầm ý của bốn môn. Khơi dậy sóng kiến chấp ầm ỉ, tranh chấp dễ khởi, gọi là dạy người pháp tranh cãi. Thông giáo thể nhận pháp như huyễn hóa, không có thật sắc, chỉ có tên gọi, tên gọi dễ trống không, thuận theo không trái nghịch, ít sinh tranh chấp. Đại luận bác bỏ Tam tạng rằng: Các kinh khác thường dạy người pháp tranh cãi, kinh Bát-nhã dạy người pháp vô tránh, cũng gọi là như thật xảo độ. Trung luận chép: Thật tướng các pháp ba người đồng đắc, Đại phẩm gọi là hàng Tam thừa, đều dùng vô ngôn mà nói đạo, dứt bỏ phiền não, thấy Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là cộng Bát-nhã, Niết-bàn gọi là ba con thú lội qua sông, đều là Thông giáo quán bốn môn, cũng chẳng phải ở đây dùng.

Kế là bốn môn của Biệt giáo tức là quán biệt lý, dứt biệt hoặc, không đồng với trước, dần dần tu, dần dần chứng, không đồng với ở sau. Đại Kinh chép: Nghe Đại Bát-nhã có đạo vô thượng, chánh hạnh của đại chúng phát tâm xuất gia, giữ giới tu định quán tuệ bốn Đế được hai mươi lăm thứ Tam-muội, sự tướng thứ lớp, không khác Tam tạng, chỉ dùng tâm Đại Niết-bàn dẫn dắt các pháp, do vậy khác với trước, dần tu năm hạnh do đây khác với sau, cho nên gọi là Biệt. Nói bốn môn: Quán huyễn hóa kiến tư hoặc, sắc luống dối hết, có sắc vi diệu riêng, gọi là Phật tánh. Đại kinh chép: Không không tức là ngoại đạo, giải thoát tức là bất không, tức là chân thiện diệu sắc, bí tạng của Như Lai không thể không có. Lại ngã tức là Như Lai tạng, Như Lai tạng tức là Phật tánh. Kinh Như Lai tạng chép: Vàng trong lụa sách, tượng ở trong đất gồm có mười ví dụ v.v... Tức là Hữu môn. Về Không môn, Đại kinh chép: Thành Ca-tỳ-la trống không, Như Lai tạng không, Đại Niết-bàn không. Lại chép: Khiến cho các chúng sinh đều được đại Bát-niết-bàn vô sắc. Niết-bàn chẳng phải có, do thế tục cho nên gọi Niết-bàn là có,

Niết-bàn chẳng có sắc, chẳng có thanh, tại sao lại nói có thể thấy, nghe được, tức là Không môn. Vừa không vừa hữu môn: Người trí thấy không và bất không, nếu nói không, thì không có thường lạc ngã tịnh, nếu nói bất không thì ai thọ thường lạc ngã tịnh, như bình đựng nước rượu sữa, không thể nói không và bất không, đó gọi là vừa không vừa hữu môn. Phi hữu vô phi môn: Bặt bốn lìa trăm, đường ngôn ngữ bặt, không thể nói bày. Kinh Niết-bàn chép: Chẳng thường chẳng đoạn gọi là Trung đạo, tức là môn ấy. Nếu hiểu được ý của bốn môn này thì đắc ý thông nhập thật tướng, nếu không đắc ý thì hàng phục hoặc, phương tiện thứ lớp, Niết-bàn là Thánh hạnh của Bồ-tát, Đại phẩm gọi là bất cộng Bát-nhã, đây đều là ý bốn môn của Biệt giáo, chẳng phải ở đây dùng.

Bốn môn của Viên giáo diệu lý đốn thuyết khác với hai thứ trước, viên dung không ngăn ngại khác với sự trải qua Biệt. Thế nào là bốn môn? Quán kiến tư giả tức là pháp giới đầy đủ Phật pháp. Lại các pháp tức là pháp tánh nhân duyên, cho đến Đệ nhất nghĩa cũng là nhân duyên. Đại Kinh chép: Nhờ dứt vô minh nên liền chứng đắc Tam-bồ-đề mạnh mẽ, đó gọi là Hữu môn. Về Không môn: Quán huyễn hóa kiến tư hoặc và các pháp, không tại nhân, không thuộc duyên, ngã và Niết-bàn cả hai đều không, chỉ có không bệnh, không bệnh cũng không, tức là ba đế đều không. Thế nào là vừa không vừa hữu môn? Kiến tư huyễn hóa tuy vô chân thật, phân biệt giả danh nên không thể hết, như trong một hạt bụi có quyển kinh lớn như cõi đại thiên, nơi Đệ nhất nghĩa mà bất động, khéo hay phân biệt tướng các pháp, cũng như đại địa có khả năng sinh trưởng các mầm móng, bên trong không có danh tướng, giả danh tướng mà nói, cho đến Đức Phật cũng chỉ có tên gọi, đó gọi là vừa hữu vừa vô môn. Thế nào là phi hữu phi vô môn? Quán kiến tư hoặc huyễn hóa tức là pháp tánh, pháp tánh bất khả tư nghì, chẳng phải thế gian cho nên phi hữu, chẳng phải xuất thế gian cho nên phi vô, một sắc một hương đều là Trung đạo, một trung tất cả trung, Tỳ-lô-giá-na ở khắp mọi nơi, đâu có kiến tư hoặc nào chẳng phải thật pháp, đó gọi là phi hữu phi vô môn. Vì sao mà một môn tức là ba môn? Một môn còn là tất cả pháp vì sao chỉ ba ư? Vì sao như vậy? Vì quán pháp do nhân duyên sinh là Sơ môn, tất cả đều là Sơ môn, Sơ môn tức không, một không, tất cả không, tức là đệ Nhị môn, Sơ môn này tức giả, một giả tất cả giả, tức là đệ Tam môn, Sơ môn này tức là trung, một trung tất cả trung, tức là đệ Tứ môn. Sơ môn đã tức là ba môn này, ba môn tức là một môn, chỉ nêu một môn làm tên, tuy có bốn tên nhưng lý không cách biệt. Như trên y vào vô sinh môn phá kiến tư hoặc, tức là không môn, một

môn tất cả môn, không chỉ vô sinh mà thôi, một phá tất cả phá, chẳng phải chỉ phá kiến tư hoặc mà thôi. Từ giả nhập không, một không tất cả không, chẳng phải chỉ không không sinh tử mà thôi, nghĩa như vậy tức là bốn môn của Viên giáo chính là pháp ở đây dùng. Nếu vậy thì đâu cần dùng các thứ phân biệt từ trước đến đây, nhưng chúng sinh phàm phu ngu độn không nói thì không biết, trước dẫn dắt khai hóa, sau đó nhập chánh đạo. Kinh Pháp Hoa chép: Tuy nói các thứ đạo mà kỳ thật là Nhất thừa, nếu hiểu được ý này thì suốt ngày phân biệt mà không hề có phân biệt. Kinh Niết-bàn cho rằng lại có một hạnh là hạnh Như Lai, kinh Pháp Hoa nói chính bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, Đại phẩm gọi là nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, kinh Tịnh Danh gọi là vào rừng Chiêm-bặc không ngửi thấy các mùi hương khác. Kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp giới tức là bốn môn này. Trên là vô sinh không môn phá giả, nếu hiểu được ý này chính là môn Viên giáo, chẳng phải phương tiện môn, vì vậy nên gọi là phá pháp biến v.v...

2. Từ không nhập giả phá pháp biến chia làm bốn: 1. Nhập ý giả. 2. Nhập nhân duyên giả. 3. Nói về nhập giả quán. bốn Nói về nhập giả vị.

1. Nhập ý giả: Tự có chỉ từ không nhập giả, tự có biết không, chẳng phải không phá không nhập giả. Hàng Nhị thừa trí đoạn cũng đồng chứng chân, không có tâm đại bi cho nên không gọi Bồ-tát. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tánh tướng thật của các pháp hàng Nhị thừa cũng đều đắc mà không gọi là Phật. Nếu nói về tự hành nhập vào phần không hữu, nếu nói về hóa vật xuất giả thì vô. Bồ-tát tự giả nhập không, tự phá được trói buộc, khác với phàm phu, từ không nhập giả, phá tha trói buộc, khác với Nhị thừa, ở trong hữu mà bất nhiễm, thuốc Pháp nhãn thức từ bi hợp với bệnh, lòng bác ái không hạn lượng bao gồm cứu giúp không mỏi mệt, dụng tâm tự tại, khéo léo phương tiện như trồng cây trong hư không. Lại như người ngửa mặt lên trời bắn mũi tên lên hư không, đuôi của các mũi tên cắm chồng vào nhau không bị rơi xuống đất, nếu mũi tên trụ ở trên hư không thì đối với chúng sinh không bao giờ lợi ích, chỉ là lợi tha, tức ý nhập giả.

2. Nhân duyên nhập giả: lược nói có năm: 1. Tâm từ bi là quan trọng: Lúc mới phá giả, thấy các chúng sinh điên đảo, bị trói buộc rơi vào địa ngục, không thể thoát khỏi, tâm đại Từ bi thương yêu như con, nay đã dứt hoặc nhập không, đồng thể với sự thương xót, càng thương xót hơn, trước người sau mình, đều cứu giúp hết. 2. Nhớ thệ nguyện gốc: Vốn phát nguyện rộng lớn cứu khổ ban vui, khiến cho chúng sinh được an ổn, nay

chúng sinh khổ nhiều chưa thể cứu độ được, nếu ta được thoát khỏi đau khổ ta sẽ dẫn dắt chúng sinh không quên bản nguyện, đâu bỏ loài hàm thức, nhập giả đồng sự mà dẫn dắt chúng sinh. Hàng Nhị thừa nghiệp ban đầu không ngu đối với các pháp, cũng có đại nguyện do cách đời mà quên mất, lui sụt Đại thừa, theo Tiểu thừa nên bị các vị Thánh quở trách, hàng Bồ-tát thì không như vậy, như mẹ có gì ăn thường nhớ nghĩ đến con mình. 3. Trí tuệ mạnh mẽ nhạy bén: Nếu khi nhập vào không thì biết trong không có lỗi lìa bỏ chúng sinh. Vì sao? Vì nếu trụ Không thì không có cõi nước Phật thanh tịnh giáo hóa chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, đều không thể phân biệt rõ ràng. Đã biết lỗi rồi, chẳng phải không nhập giả. 4. Phương tiện khéo léo: Năng nhập thế gian, tuy sinh tử phiền não không thể tổn hại trí tuệ nhưng chướng ngăn gây trở ngại càng giúp cho sự hóa đạo. 5. Năng lực Đại tinh tấn: Tuy Phật đạo lâu xa mà không lấy đó làm xa, tuy chúng sinh số nhiều mà ý chí mạnh mẽ, tâm vững bền không lui sụt tinh tấn phát thú, như lúc ban đầu không mệt mỏi, đó gọi là năm duyên. 5. Ý này đồng với kinh Tịnh Danh.

Văn ấy có ba thí dụ: Trước là nói quán thân vô thường v.v... là nhập vào không dụ. Cuối cùng nói rằng: Phải làm vị y vương gọi là nhập trung dụ. Trung gian là nhập giả dụ, tức có năm ý: Do mình bệnh tật nên thương xót bệnh tật của người khác, tức là đồng thể đại bi. Phải biết đời trước trải qua vô số kiếp khổ, sao chẳng thệ nguyện phải nghĩ nhớ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, sao chẳng biết lỗi của không, nhớ nghĩ sự tu phước, nhớ đến tính mạng, tức là phương tiện khéo léo, chớ sinh lo sợ sầu não, thường khởi sự tinh tấn tức là ý thứ năm, nghĩa này phù hợp với văn trước v.v... Từ không nhập giả bốn pháp, nếu không quyết định thì không thể vượt ra. Một thứ lợi căn này ở đây sẽ phân biệt, hàng Thanh văn chỉ trụ không chưa hẳn là độn căn, Bồ-tát nhập giả chưa hẳn là lợi căn, như ngài Thân Tử trí tuệ lợi căn mà chưa vượt ngoài giả, nên dùng bốn câu để giải thích. Hoặc căn lợi trụ nơi không, hoặc căn độn trụ nơi không, hoặc căn lợi nhập giả, hoặc căn độn nhập giả, thí như thân gầy yếu không có sức mạnh mà can đảm thành tựu, vào nơi nguy hiểm phá địch, phía trước không có trận ngang, tự thân có sức mạnh tuy nhiều yếu hèn sợ hãi, tuy có sức tốt mà mong thất trận. Tự không có sức mạnh, không có lòng can đảm, cả hai việc đều không thì làm sao có công. Nay người trụ ở không cũng có hai thứ xuất giả cũng như vậy. Đầy đủ năm duyên như có người thân, có ước, có sách, có năng lực, có lòng can đảm cho nên năng nhập giả, trí tuệ căn cơ tuy độn nhưng bốn việc nhân duyên cũng có thể nhập giả. Hàng Thanh văn tuy có lợi trí nhưng hoàn

toàn không có bốn việc, cho nên không thể nhập giả.

3. Nói về nhập giả quán: Chia làm ba: 1. Biết bệnh. 2. Biết thuốc. 3. Cho thuốc.

1. Biết bệnh: Thấy biết suy nghĩ về bệnh, thấy biết cội gốc của bệnh, biết nhân duyên khởi chấp, biết khởi chấp xa gần, biết kiến hoặc rất nặng. Thế nào là thấy biết cội gốc? Ngã kiến là gốc của các kiến, một niệm tâm là gốc của ngã kiến, từ tâm mê hoặc này khởi vô lượng kiến chấp, ngang dọc dầy đặc không thể tính kể, do kiến này cho nên gây ra các kết nghiệp, đọa vào ba đường ác, chìm đắm xoay vần không dứt, như vòng lửa xoay vần, nếu muốn dứt thì phải dừng tay, biết tâm vô tâm, vọng tưởng cho nên tâm khởi, cũng biết ngã vô ngã điên đảo cho nên ngã sinh, điên đảo và vọng tưởng dứt tức là căn bản dứt thì cành nhánh tự bỏ đi.

Thế nào là tri kiến khởi nhân duyên? Nhân duyên không đồng, sinh kiến cũng khác. Vì sao biết được? Vì tướng trong ngoài cho nên biết. Tướng trong ngoài là chỗ ở của chúng sinh khác nhau, cõi nước trong ngoài nóng lạnh cao thấp, sinh sản nuôi dưỡng kỹ lưỡng hay sơ suất, thức ăn mạn lạt. Chỗ ở khác cho nên tướng quả báo khác, tuy phong tục của vùng có khác nhưng chứa sự thịnh vượng do con người biết cần kiệm, hoặc có hoặc không, hoặc được hoặc mất, nghèo giàu đói no v.v... hình tướng dáng mạo khác nhau, cao thấp đẹp xấu, lớn gầy khỏe mạnh, bệnh tật v.v... hình tướng dáng mạo khác nhau, cao thấp đẹp xấu, lớn gầy khỏe mạnh, bệnh tật v.v... căn tánh tướng tốt xấu khác nhau, bỗng nhiên bỏ địa vị vinh hoa giàu sang về đốn củi câu cá lấy làm vui, cùng nhau chăn trâu, dắt trâu về làng, chuyên văn chuyên võ đam mê rượu thịt vị ngon, nhiều tham nhiều xa xỉ, nhiều sân nhiều hỷ lạc, nhiều si nhiều thông minh, trăm ngàn muôn loại không đồng nhau như vậy, thẳng đến loài người mỗi mỗi sai khác, huống chi khác loài, không thể kể xiết, các thứ y báo, chánh báo khác nhau như thế nên biết nghiệp khác nhau, vì nghiệp khác nhau cho nên kiến chấp cũng khác nhau, vì vậy cho nên thấy ngọn biết gốc, thấy ngoài biết trong. Thế nào là biết khởi kiến xa gần? Biết kiến chấp ấy chứa nhóm chồng chất, chẳng phải chỉ một đời, biết kiến chấp ấy đời gần đây sẽ khởi, biết kiến chấp ấy đời nay sẽ khởi, biết kiến chấp ấy đời sau mới thạnh hành. Thế nào là biết kiến chấp số trọng lượng nhiều hay ít? Từ một hữu kiến phái xuất ra ba giả, lại từ ba giả phái xuất ra bốn câu, ba giả hợp với mười hai câu. Lại từ bốn câu xuất ra bốn Tất-đàn, mười hai câu hợp thành bốn mươi tám Tất-đàn, lại một Tất-đàn phái xuất tánh không, tướng không,

bốn mươi tám Tất-đàn hợp chung có chín mươi sáu tánh tướng không, mỗi câu đều có Chỉ Quán, hợp lại có một trăm chín mươi hai câu Chỉ Quán, y cứ căn bản trước đều hợp với ba trăm bốn mươi tám câu, đây là y cứ vào người tín hạnh như thế, người pháp hành cũng như vậy, Tín hạnh chuyển thành pháp hành cũng như vậy, pháp hành chuyển thành tín hạnh cũng như vậy. Căn cứ vào bốn người hợp có một ngàn ba trăm chín mươi hai câu, đây là y cứ một hữu kiến như thế, vô kiến cũng như thế, vừa hữu vừa vô kiến cũng như vậy, phi hữu phi vô kiến cũng như vậy, căn cứ vào bốn kiến có năm ngàn năm trăm sáu mươi tám câu, ở đây y cứ đơn bốn kiến như thế, phức bốn kiến cũng như vậy, cụ túc bốn kiến cũng như vậy. Y cứ vào ba thứ bốn kiến hợp lại có mười sáu ngàn bảy trăm lẻ bốn (16704) câu kiến không thể nói. Như hữu kiến ta ban đầu chỉ có một ngàn ba trăm chín mươi hai câu, vậy thì hợp có mười tám ngàn không trăm chín mươi sáu (18096) câu, đây là sở phá như thế, năng phá cũng như vậy, năng sở hợp luận thì có ba mươi sáu ngàn một trăm chín mươi hai (36192) câu, tự hành như, hóa tha cũng như thế. tự hành hóa tha đều hợp lại có bảy mươi hai ngàn ba trăm tám mươi bốn (72384) câu, nếu lại y cứ sáu mươi hai kiến, tám mươi tám sử nói về ba giả, bốn câu v.v... Thì có vô lượng vô biên không thể cùng tận, tướng bệnh vô lượng, Bồ-tát đều biết. Biết bao nhiêu câu cộng thành kiến này, biết bao nhiêu câu cộng thành kiến kia, sâu cạn nặng nhẹ, khéo léo phân biệt mà không lầm lẫn, đó gọi là tri tập. Đã tri tập rồi cũng có thể tri khổ, khổ tập trôi lăn thông hiểu rõ ràng bổn mạt.

Lại nữa, trước khi nhập không thì quán khắp tư hoặc, biết chung tướng bệnh gọi là xuất giả phương tiện, sau tổng biết bệnh tướng gọi là xuất giả phương tiện, sau dùng một môn dứt hoặc nhập không. Nếu khi xuất giả phân biệt kiến tư hoặc chiếu soi thì dễ, ít tu Chỉ Quán pháp nhân thì rõ ràng. Hàng Nhị thừa nhập không chỉ nương một môn, không như thế thì xem thường dẫn giáo, hai người đệ tử lầm mà cho thuốc. Lại thiếu năm ý thì làm sao có thể nhập giả, mà Bồ-tát khéo léo đại bi phát nguyện rộng lớn tinh tấn, hoặc vắng lặng các tưởng mà phát sinh pháp nhẫn thức thấy biết được bệnh; hoặc quán thấu đạt thấy pháp, phát sinh trí đạo chủng hiểu rõ Pháp Hoặc. Nếu không ngộ thì nếu ra sức tinh tấn nghiên cứu Chỉ Quán, nhân bên trong đã thuần thục, bên ngoài được Phật che chở, hoặc bí mật, hoặc hiển bày, bỗng nhiên khai ngộ, đối với các kiến bệnh mỗi câu rõ ràng, như trong gương thấy các hình bóng, biết mình biết người, hiểu sâu xa không gì ngăn ngại. Kế là nói biết suy tư nguyên nhân bệnh, suy tư nhân duyên khởi bệnh, biết suy tư sự phát

khởi xa gần, biết tư duy bệnh nặng, ba ý lệ theo thấy bệnh có thể biết, tư duy giả lấy si làm gốc v.v... Số nặng (nhiều), chín địa thì có tám mươi mốt phẩm, một phẩm đầu có ba giả, có bốn câu Chỉ Quán, ba giả hợp lại có mười hai câu, một câu thì có tín giải kiến đắc, mỗi thứ đều dùng bốn Tất-đàn, tín và pháp mỗi thứ có tám, hợp lại thì thành mười sáu. Tín pháp này xen nhau xoay chuyển về nghĩa lại là mười sáu, hợp với trước mười sáu thành ba mươi hai, một câu đã có ba mươi hai câu, ba mươi hai câu ba giả hợp có mười hai câu thì có ba trăm tám mươi bốn câu, mỗi câu lại có tánh không tướng không, thì hợp lại có bảy trăm sáu mươi tám câu, hợp với trước thì thành một ngàn một trăm năm mươi hai câu, bao gồm cả mười hai câu căn bản hợp lại thành một ngàn một trăm sáu mươi bốn câu. Một phẩm như vậy thì chín phẩm hợp lại có mười ngàn bốn trăm bảy mươi sáu câu, chín phẩm cõi Dục như vậy, thì chín phẩm trong ba cõi hợp lại có chín mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bốn (94284) câu. Sở phá như vậy, năng phá cũng như vậy, năng sở hợp lại có một trăm tám mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi tám (188568) câu, tự hành như thế, hóa tha cũng như thế, hợp lại có ba trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm ba mươi sáu (377136) câu Chỉ Quán. Nếu nói một cách vi tế thì mỗi phẩm lại có vô lượng phẩm, mỗi thiền lại có vô lượng thiền, thông hiểu tám bối xả v.v... Thẳng đến khi các thiền phát khởi rồi tự không thể nói, huống chi lại mỗi thiền mỗi phẩm. Trong mỗi phẩm lại có ba giả bốn quán các câu số kia khó biết, nếu y cứ theo kiến hoặc bốn mươi dặm nước thì duyên một đế này lẽ ra là mười dặm nước, không khởi theo chiều ngang cho nên gọi là một giọt nước, số nhiều rất nhiều cũng có thể là mười dặm: Hàng Nhị thừa trực nhập cho nên không phân biệt, hàng Bồ-tát ban đầu phá tư giả rồi, thực hành phương tiện, trước biết tổng quát rồi, giờ đây xuất giả tu quán giúp khai Pháp nhãn, thông dụng môn Chỉ Quán là biết giả, riêng tu đều có phương pháp, dứt các nghiệp duyên niệm gọi là Chỉ, duyên tư giả này gọi là Quán. Đại bi bổn nguyện đại tinh tấn lực, uy lực của các Đức Phật che chở bỗng nhiên được khai ngộ, đắc Pháp nhãn kiến, biết trí đạo chủng, phân biệt bệnh tướng của tư giả một cách rõ ràng v.v...

Kiến tư hoặc trên số nhiều, tuy phiền phức nhưng biết làm sao, như năm bộ luật không lấp đầy bụng người, đối với duyên hành sự có thể tự chánh mình, chánh người, học các câu này tức hành tức dụng, tự hành hóa tha tùy ý không ngăn ngại.

2. Nhập giả biết thuốc: Tướng bệnh vô lượng, thuốc cũng vô lượng, nói lược có ba: 1. Thuốc pháp thế gian. 2. Thuốc pháp xuất thế gian. 3.

Thuốc pháp xuất thế gian thượng thượng. Đại phẩm nói có ba thứ pháp thí: 1) Ba quy y năm giới, mười điều lành, bốn thiền, bốn tâm vô lượng v.v... gọi là pháp thí thế gian. 2) Pháp thí xuất thế gian. 3) Pháp thí xuất thế gian thượng thượng, có thể biết v.v... Thích luận chép: Vì sao chỉ dùng pháp thí thế gian? Thí như vương tử từ ngôi cao té xuống, vua cha thương mến dùng bông bện lại lót trải dưới đất khiến cho vương tử khỏi đau đớn, chúng sinh cũng giống như vậy, lẽ ra bị rơi vào ba đường ác, bậc Thánh thương xót dùng pháp lành thế gian quyền biến dẫn dắt giúp cho chúng sinh thoát khỏi đường ác, nhưng thuốc pháp thế gian phàm phu ngu muội vốn không tự biết, đều do bậc Thánh nhân giả làm ra dấu vết đồng với phàm phu xuất hiện ở đời không có Phật để dẫn dắt dạy bảo cho những chúng sinh không biết gì. Đại kinh chép: Tất cả kinh sách của ngoại đạo ở thế gian đều do Đức Phật nói chẳng phải ngoại đạo nói. Kinh Quang Minh chép: Tất cả luận thuyết tốt ở thế gian đều nhờ kinh này. Nếu hiểu sâu pháp thế gian là hiểu Phật pháp. Vì sao? Vì tóm lược mười điều lành tức là năm giới, hiểu biết sâu nghĩa năm thường năm hành cũng giống như năm giới. Tôn trọng nuôi dưỡng nhân nghĩa không hại người khác tức là giữ giới không sát sinh; làm việc chánh đáng, đem của cải mình nhường cho người đó là giới không trộm cắp; vâng theo lễ chế phép tắc trở thành thói quen tức là giới không tà dâm; trí tuệ thông minh ngay thẳng đúng đạo lý tức là giới không uống rượu; tin khế lý chân thật ghi chép thành thật không dối trá tức là giới không nói dối. Chư khổng lập ra năm thường này làm thuốc pháp thế gian chữa trị bệnh cho người. Lại năm hành giống như năm giới: Không sát sinh để phòng mộc, không trộm cắp để phòng kim, không tà dâm để phòng thủy, không nói dối để phòng thổ, không uống rượu để phòng hỏa. Lại năm kinh giống như năm giới. Vâng theo lễ giáo này để phòng uống rượu, tâm an vui hòa thuận để phòng tà dâm, chọn lựa thi thơ thành thói quen để phòng giết người, chuộng sách hiểu nghĩa khiêm nhượng để phòng trộm cắp, đo lường âm dương để phòng nói dối. Pháp thế trí như vậy tinh tấn đến cùng cực, không gì vượt qua, không gì hơn, đều khiến cho chúng sinh tin phục mà làm thầy dẫn dắt, Bồ-tát xuất giả muốn biết pháp này thì phải Biệt đối với Thông hiểu rõ pháp quán chuyên tâm tu tập, đại bi thệ nguyện tinh tấn không biếng nhác, nhờ uy lực của các Đức Phật che chở bỗng nhiên hiểu rõ, đối với thuốc pháp thế gian không bao giờ nghi ngờ trí tuệ. Song thuốc pháp thế gian chẳng trị rốt ráo, khuất phục lùi bước tuy gần hết ba cõi, lại phải thoái lui cho nên nói rằng: Phàm phu tuy tu hữu lậu thiền mà tâm hành bị xuyên lủng như đồ

dùng rỉ chảy, tuy sinh cõi Phi tưởng cũng sẽ thoái lui, như mưa xuống rải nhiều màu thì sắc kia bị loang lổ, thuốc thế gian tuy chữa lành rồi lại bệnh là nghĩa này. Kế là nêu rõ thuốc pháp xuất thế gian, như Đại Kinh chép: Hoặc nói tín là đạo, hoặc nói lạc đạo, hoặc nói không buông lung, hoặc nói tinh tấn, hoặc nói thân niệm xứ, hoặc nói chánh định, hoặc nói tu vô thường, hoặc nói lan-nhã xứ, hoặc nói vì người khác nói, hoặc nói giữ giới, hoặc nói gần gũi bạn lành, hoặc nói tu từ v.v... lại như trong các kinh, hoặc nhất đạo là thuốc, như Tam-muội nhất hạnh, như Đức Phật bảo các Tỳ-kheo chớ lấy vật của người khác, đối với tất cả các pháp không thọ thành La-hán, như trước nói rõ các kiến đơn, phức đều không thọ, hoặc nhị đạo làm thuốc nghĩa là giới định tuệ, hoặc bốn pháp làm thuốc, đó là bốn Niệm xứ, hoặc năm pháp làm thuốc, đó là năm lực, hoặc sáu pháp nghĩa là sáu Niệm, bảy Giác, tám Chánh đạo, chín tưởng, mười trí, như vậy v.v... Tăng số nói về đạo, cho đến tám mươi bốn ngàn không thể kể số, hoặc rất nhiều một pháp, cho đến vô lượng một pháp, không thể nói một pháp, hoặc rất nhiều mười pháp, vô lượng mười pháp, không thể nói mười pháp. Vậy mỗi pháp có bao nhiêu tên gọi, bao nhiêu tướng, bao nhiều trị, Bồ-tát xuất giả đều phải biết hết, vì chúng sinh cho nên nhóm họp các thuốc pháp, như bậc Đạo sư, nếu không biết thì không thể làm lợi ích chúng sinh, vì muốn biết cho nên nhất tâm thông tu Chỉ Quán, đại Bi thệ nguyện và năng lực tinh tấn, các Đức Phật dùng uy lực che chở, dùng Pháp nhãn khai phát, đều có thể hiểu biết, như xem quả xoài trong lòng bàn tay. Lại biết thuốc pháp xuất thế thượng thượng, y cứ vào một pháp Chỉ Quán là thuốc, đó là một thật đế. Tâm vô minh hợp với pháp tánh thì có tất cả bệnh tướng, quán pháp tánh này còn không có pháp tánh huống chi vô minh và tất cả pháp. Hoặc hai pháp làm thuốc tức là Chỉ Quán, thể đạt tâm tánh luống dối ngừng nghỉ, hoặc ba pháp làm thuốc, tức là Chỉ Quán, và tùy đạo giới, nhậm vận phòng hộ. Lại ba Tam-muội từ giả nhập không gọi là Không Tam-muội, cũng không phải thấy tướng không, gọi là Vô tướng Tam-muội, nghiệp sinh tử dứt gọi là Tam-muội vô tác. Hoặc bốn pháp làm thuốc, đó là bốn Niệm xứ, các kiến chấp đều y theo sắc, sắc này chẳng phải ô uế, chẳng phải không ô uế, thọ các kiến hoặc, tư hoặc, chẳng khổ, chẳng vui, các kiến tưởng hành chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, các kiến tư hoặc, tâm còn chẳng phải tâm, đâu phải là thường, vô thường, hoặc năm pháp làm thuốc tức là năm căn, tu Chỉ Quán vô ngại gọi là tín căn, thường niệm Chỉ Quán, không niệm các việc khác, tức là niệm căn, Chỉ Quán không dừng tức là tinh tấn căn, nhất tâm ở

trong định tức là định căn. Bốn câu thể đạt được vô tánh tức tuệ căn, năm căn lớn thêm gọi là năm Lực, hoặc sáu pháp làm thuốc, đó là sáu niệm xứ, dùng Chỉ Quán giác rõ kiến tư hoặc, tức là Phật pháp giới, không phá Pháp thân gọi là niệm Phật, thường nhớ giữ Chỉ Quán, không phân biệt tướng Chỉ Quán một hay khác gọi là niệm Pháp, lý Chỉ Quán điều hòa gọi là tướng vô vi, cho nên gọi là niệm Tăng, Chỉ Quán có tùy đạo giới, gọi là niệm Giới, Chỉ Quán tức là Đệ nhất nghĩa đó là niệm Thiên, Chỉ Quán xả kiến tư hoặc gọi là niệm Xả. Hoặc bảy pháp làm thuốc, chỉ là trừ xả định ba phần giác, quán là trạch hỷ tinh tấn giác phần, niệm chung cho hai xứ. Hoặc tám pháp làm thuốc, bốn câu phá giả gọi là chánh kiến, cần phát sinh chánh kiến gọi là tư duy, y vào đây mà tu hành gọi là chánh nghiệp, nói Chỉ Quán này gọi là chánh ngữ, không dùng lời nói tà vạy, dối gạt để nuôi thân là chánh mạng, không lìa, không quên gọi là chánh niệm, chỉ gọi là chánh niệm, niệm không xen hở gọi là tinh tấn. Hoặc chín pháp làm thuốc, đó là bốn kiến làm ô nhiễm năm ấm, năm ấm biến hoại danh sắc biến tưởng cho đến chín v. v... Hoặc mười pháp làm thuốc tức mười trí, hai giả kiến, tư hoặc là tập khổ trí, Chỉ Quán là đạo trí, hai mươi lăm cõi bất sinh là diệt trí, biết ba cõi đều như vậy là tỷ trí, dùng tên gọi thế gian để nói tức thế trí, biết tất cả chúng sinh cũng như vậy là tha tâm trí, biết các pháp khác nhau là đẳng trí, biết khổ tập hết gọi là tận trí, trí tuệ vô lậu gọi là vô sinh trí. Phải biết Chỉ Quán làm lợi ích chúng sinh, tùy căn cơ mà thêm bớt, đã được gọi là mười, cũng được gọi là hằng hà sa Phật pháp, thí như thần nông nếm cỏ lập phương, hoặc một thứ thuốc, hai thứ thuốc, cho đến mười thứ thuốc làm phương, nhiều thứ thuốc làm phương, vì bệnh mà bày cách chữa, đều do nhân duyên, Bồ-tát nhập giả cũng giống như vậy, biết các pháp môn, một pháp, hai pháp cho đến vô lượng pháp, hoặc vì một bệnh, hoặc bao gồm nhiều bệnh. Lại như các thứ thuốc, vỏ thịt, nước trái, gốc nhánh, cành lá, mỗi thứ như vậy. Núi biển, sông đất liền, đất đai bốn phương đều có chỗ xuất xứ, đào đất khô ướt mỗi mỗi đều có thời. Lại biết các thứ thuốc đều có chỗ trị, Bồ-tát nhập giả biết căn cơ chúng sinh, biết chỗ thích nghi, pháp cũng giống như vậy, biết mỗi pháp này, cho đến nhiều pháp, là dục lạc kia, biết một pháp, hai pháp, chẳng phải dục lạc kia, biết một pháp, hai pháp này là tiện nghi kia, chẳng phải tiện nghi này là đối trị, chẳng phải đối trị là nhập Đệ nhất nghĩa, chẳng nhập Đệ nhất nghĩa đều xét biết điều đó. Muốn trị một bệnh thì một thứ thuốc là đủ, muốn làm thầy thuốc thì phải biết tất cả các thứ thuốc, hàng Nhị thừa trị hoặc một pháp là đủ, Bồ-tát lập đại

thệ nguyện cần phải biết tất cả. Lại như mặt đất sản sinh ra thuốc mà điều chế thành phương thuốc, như nước sông lớn giới hạn lên xuống không quá không bớt, thuốc pháp cũng giống như vậy, đối với nhất tịch định thì khai phát vô lượng, chỉ đối với nhất đại tuệ mà khai vô lượng Quán đều chân thật không luống dối. Lại như chúng sinh có nhiều thứ bệnh duyên khác nhau, có nhiều bệnh khổ đau đớn khác nhau, có nhiều thuốc và phương pháp trị bệnh khác nhau, có nhiều nhân duyên trị lành bệnh khác nhau, thang ẩm, ói mửa, châm chích, hoàn tán, duyên làm bệnh cũng chẳng phải một, Bồ-tát nhập giả cũng giống như vậy, biết rõ phiền não kiến tư hoặc, khổ tập của tất cả chúng sinh khác nhau gọi là tri tập, biết tất cả quả khổ thiện ác của chúng sinh khác nhau gọi là biết khổ, biết tất cả pháp môn gọi là tri đạo, biết tất cả chúng sinh chứng nhập khác nhau gọi là tri diệt, các thứ Tứ đế hàng Bồ-tát nhập giả không gì là không biết khắp.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 6
(Phần Cuối)

Lại nữa, bốn phương thuốc của thần nông dùng trị người đời sau, chưa hẳn đều lợi ích, Hoa, Biển Thước khi quán quán thuốc lại lập ra phương pháp. Vì sao? Vì như đất thì có nam bắc, người thì có yếu mạnh, thức ăn thì có mặn lạt, thuốc thì có đậm lạt, bệnh có nặng nhẹ, y bổn phương mà trị thì không thể có hiệu quả lợi ích, tùy thời chế lập vẫn được lành bệnh. Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, căn cơ chúng sinh thuần thục, hợp cơ nói pháp không ai là không được ngộ, đời sau thấm nhuần, tình hoặc chuyển khác, thẳng dùng kinh Phật đối với kia không lợi ích. Bồ-tát quán căn cơ, thông kinh soạn luận, giúp cho chúng sinh được ngộ, chỉ giác ngộ làm lợi ích cho kia đó là chánh ý nhập giả, đâu thể ôm giữ thói cũ đối với sự hóa đạo. Thích luận chép: Y theo kinh pháp rộng lập danh từ mà làm nghĩa gọi là pháp thí, Bồ-tát vì tu tuệ như vậy nên thệ nguyện đại bi, siêng năng tinh tấn, gồm tu Chỉ Quán, được các Đức Phật dùng thần lực che chở, hoát nhiên sáng suốt, đối với trí nhập giả được tự tại.

3. Tùy bệnh cho thuốc: Đã biết bệnh khổ tập, lại biết thuốc diệt đạo. Nếu chúng sinh không vượt khỏi căn cơ thế gian, căn tánh yếu đuối không thể chịu đựng sự giáo hóa sâu xa ấy nên chỉ thọ nhận thuốc thế gian, như Khổng Khưu Cơ còn đặt ra quân thần định phụ tử, cho nên kính trên thương dưới, đại trị thế gian, lễ luật tiết độ tôn ti có thứ lớp, đây là giúp cho giới. Do lạc điều hòa, tâm chuyển đổi phong tục, đây là giúp cho định. Yếu đạo của tiên vương chí đức, đây là giúp cho tuệ. Vào thời nguyên xưa hỗn độn, chưa hợp với xuất thế, tiêu biểu bên ngoài căn tánh không cảm với Phật, ta bỏ xót chân sa hóa, đạo của Tam Thánh, lễ nghĩa trước khai mở kinh Đại thừa, Tiểu thừa, sau mới đáng tin. Chân đan đã như vậy, mười phương cũng như vậy, cho nên trước trao cho pháp thế gian v.v... Lại trao cho thuốc xuất thế: Chúng sinh do mười thứ nhân duyên tạo thành căn tánh khác nhau là do khác bệnh, tùy căn

bệnh kia nên cho thuốc cũng có khác, đó là hạ, trung, thượng, thượng thượng. Hạ căn có bốn nghĩa: 1) Chí ưa thích sự hẹp hòi thấp kém. 2) Hạnh lực yếu đuối. 3) Chướng năm trược nặng. 4) Trí tuệ chậm lụt. Ưa thích pháp Tiểu thừa, cho nên nói pháp sinh diệt, hạnh lực yếu đuối tu sự sáu Độ, chướng năm trược nặng, cần khổ để đối trị, trí tuệ chậm lụt cho nên dứt bỏ dâm nộ si, gọi là giải thoát, đó gọi là trao thuốc pháp do nhân duyên sinh để trị bệnh hạ căn. Tuy là hạ căn mà sự vui mừng khác nhau, các bậc Thánh soạn luận lại khai làm bốn: Nếu thích nghe Hữu thì nói A-tỳ-đàm sinh điều lành nhỏ, phá năm trược kia, nhờ phương tiện này mà thấy rõ chân đế. Thích nghe Vô thì nói luận Thành Thật sinh điều lành nhỏ, phá ác nhập chân. Nếu thích nghe chẳng phải hữu, chẳng phải vô thì nói lìa hữu vô, trải qua sinh thiện phá ác nhập chân, đó gọi là Bồ-tát Nhập giả soạn bốn bộ luận nói về bốn môn, trao bốn thứ thuốc trị các thứ bệnh v.v... Kế đến là người trung căn trao thuốc: Người này tâm chí hơi mạnh, hạnh lực hơi tốt, nên sinh lý thiện, chướng năm trược nhẹ, trí tuệ hơi bén nhạy, còn sự dục lạc kia nói cho nghe nhân duyên tức không, nghe sinh lý thiện, phá bỏ nhân ác, thấy Đệ nhất nghĩa, đó gọi là trao, tức thuốc Không trị người trung căn, đây lại chia làm bốn: Hạ, trung, thượng, thượng thượng, tức là bốn môn nhập vào ao sen, lệ như trước v.v... Kế là quán người thượng căn mà trao thuốc. Tâm dục lạc rộng, gốc lành khai rộng, năm trược đã dứt trí tuệ lại phát sinh, trao vô lượng Tứ đế, sinh điều lành giới ngoại, dần dần dứt năm trụ, được nhập Trung đạo, đó gọi là trao thuốc tức giả trị người thượng căn. Y cứ theo đây lại chia làm bốn, tức là bốn môn trao thuốc, lệ theo trên có thể biết. Kế đến quán bậc thượng thượng căn để trao thuốc. Người này dục lạc cho đến trí tuệ đều không ai sánh bằng, cho nên gọi thượng thượng, vì như lý nói thẳng điều lành sinh như hư không, chướng diệt như hư không, vào đạo rốt ráo, đó gọi là trao thuốc tức trung trị người thượng thượng căn. Cũng có bốn môn trao thuốc trị bệnh v.v... Nếu nhập không quán thì một pháp còn không có, làm sao có các pháp, nay trao mười sáu thứ đạo diệt để trị mười sáu thứ khổ tập, chính là nhập Giả. Tùy loại âm thanh vi diệu kia mà khắp bảo, phát nhĩ thức kia, chuyển độ vào tâm, khiến được hành trì, đều được lợi ích, nếu có một vầng mây mưa thì các loài cỏ cây đều được sinh lớn lên.

4. Nói về nhập giả vị: 1) Trước trải qua phán giáo vị. 2) Nói về lợi ích. 3) Tổng kết phá pháp biến.

Ý người đều nói: Trước trừ kiến giả, sau bỏ tư duy, quả nhập không còn xa xôi, xuất giả hóa vật mình chẳng thể làm được, hy vọng tự

dứt, nay sẽ phân biệt giả vị khác nhau. Hàng Tam thừa ban đầu không ngu đối với pháp, đều muốn cầu Phật, nhàm chán sinh tử, thường hay lui sụt, thí như có người nghe nơi khác có núi bảy báu, mà ngăn tâm buộc chân, hoặc nghĩ rằng đường xá nguy hiểm, liền thoái lui không bước tới trước, hành nhân cũng vậy, lo sợ sinh tử thoái lui chìm trong Không, về sau nghe công đức thù thắng nhiệm mầu của Bồ-tát, tự suy nghĩ làm bại hoại dòng giống, khóc than động đến Đại thiên. Không đợi sở nhân mà tâm lo lắng hối hận, nếu nương nghĩa này chỉ có nhập không bèn không nhập giả sự. Hoặc Bồ-tát Tam tạng ban đầu tu không, hàng phục phiền não mà không dứt kết, nếu dứt kết thì không có công đức sáu Độ để nuôi dưỡng thân, gọi là địa vi sơ A-tăng-chi, mỡ hai tăng-chi phiền não tiêu, công đức chuyển béo phì, ba tăng-chi chánh nhập giả vị, làm lợi ích chúng sinh, đây là hàng hạ căn. Người trung căn hai tăng-chi đã hàng phục phiền não, nuôi béo thân sáu Độ thì có thể giáo hóa chúng sinh đâu đợi đến ba tăng-chi ư? Hạng thượng căn khi mới phát tâm vì muốn độ tất cả chúng sinh nên thệ cầu thành Phật, nhân nghe người khác nói tâm đã sáng suốt hiểu rõ chân lý, vì muốn độ người khác cho nên không cầu đoạn chứng, tâm lại bị một phen chuyển biến rằng ta nên độ người, không nên không độ, phải cần phân biệt tất cả thuốc và bệnh. Vì sao? Vì năm việc là trọng, như người dẫn đứa bé băng qua đoạn đường nguy hiểm, tự mình được an ổn, đâu được bỏ đứa bé, tuy tự biết không mà chẳng chịu bỏ, đó là sơ tâm, tức có thể nhập giả, không đợi đến hai tăng-chi. Thông giáo vị: Người thường chấp kinh nói rằng: Bát địa tu xuất giả, hoặc Lục địa, Thất địa dứt kết, ngang bằng với La-hán, mới tu xuất giả, thuyết một đường này ắt không hoàn toàn như vậy, chỉ có Đức Phật vì ba căn cơ mà phân biệt. Hạ căn dứt hoặc hết mới có thể xuất giả. Đức Phật trong kinh Pháp Hoa phá tâm chấp Niết-bàn kia, khuyên phát tâm vô thượng đạo khởi phương tiện tuệ, hàng Nhị thừa đã như vậy, hàng Bồ-tát độn căn cũng nên nói đồng như đây, nay xếp hạng này vào hạ căn. Trung căn dứt kiến hoặc rồi, bớt phần sinh tử, tư nhậm vận dứt trừ, đạt đến địa thứ hai gọi là Bồ-tát thần thông, từ đây trở đi thì có thể nhập giả. Hàng thượng căn sơ tâm nghe tuệ thì có thể thấu đạt kiến tư hoặc tức không, mình vì chúng sinh làm nơi y chỉ, đâu cần đến Thất địa mới xuất giả ư? Nếu là Thất địa thì trong Đại phẩm quở trách rằng có con chim lớn thân dài ba trăm do-tuần mà không có hai cánh từ trên trời rơi xuống, hoặc chết, hoặc khổ giống như chết, Bồ-tát cũng giống như vậy, từ đầu một bề chuyên tu nơi không, đến Lục địa đó gọi là thân tam không mập, giả cánh bất sinh, nếu rơi vào hàng Nhị thừa phương

tiện đạo gọi là khổ đồng với chết, nếu rơi vào Sơ quả gọi là chết, nếu kiến hết là chết v.v... Hoặc Vô học gọi là chết, chim ấy muốn về lại cõi trời có thể được không? Rơi vào địa vị vô học muốn phát tâm Bồ-đề thì không bao giờ được, như người bị thiến thì không thể hành năm dục, Đại Phẩm trong kinh Hoa Nghiêm không thể trị, chỉ có Pháp Hoa có thể khiến cho hàng Vô học lại sinh gốc lành được thành Phật đạo, do đó nên gọi là Diệu. Lại nữa, hàng Xiển-đề có tâm còn có thể thành Phật, hàng Nhị thừa diệt trí tâm không thể sinh, Pháp Hoa có thể trị nên còn gọi là diệu v.v... Hàng Biệt giáo sau Thập trụ tâm, địa vị Thập hạnh tu giả phương tiện. Vì sao? Vì nhập lý Bát-nhã gọi là trụ, trụ sinh công đức gọi là hạnh, thuộc về hạ căn. Sơ tâm của Thập trụ thì có thể nhập giả rồi chứng đắc vô lậu, một phen được không lui sụt thì có thể xuất dụng, đâu cần đến Thập hạnh mới khởi đại bi, thuộc về trung căn. Lại hàng Sơ tâm của Biệt giáo không ngu đối với pháp, thấu đạt tất cả công đức giống như huyễn hóa, đối với tên gọi không dính mắc mà tu phương tiện, có đủ năm nhân duyên để làm lợi ích chúng sinh, thuộc về thượng căn. Thập tín của Viên giáo khi sáu căn thanh tịnh thì thấy nghe khắp mọi việc trong mười pháp giới, nếu là nhập không thì một vật còn chẳng có, đã nói sáu căn dùng lẫn nhau tức là nhập giả vị. Lại năm phẩm đệ tử chánh hành sáu Độ có thể nói pháp rộng rãi, tức là giai vị nhập giả, đâu cần lợi sáu căn thanh tịnh. Lại nữa, hàng sơ tâm có thể biết tạng bí mật của Như Lai, viên quán ba đế còn có thể tức trung, há không phải tức giả. Đại Phẩm chép: Mới ngồi đạo tràng liền thành Chánh giác, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh. Lại sáu tức, liệu giản thì có nghĩa là xuất giả, đâu cần đợi đến năm phẩm ư? Từ trước đến nay các giáo đều có ba vị, nếu nhất định phân chia thì nên chọn hạ căn, để nói về giai vị thì có hai nghĩa: 1) Nương giáo. 2) Quyết không lui sụt nhập giả hạnh thành. Trung căn, thượng căn vừa có tiến thối, cho nên không y cứ vào đó để nói về giai vị, đã có ba căn xuất giả, lệ theo ba căn lẽ ra nên nhập không, nghĩa là tình nhập, tự nhập và chân nhập. Tình nhập: Xúc chạm vào người có thể nhập chẳng gọi là tán tình, quán duyên đế trước khi tự chân thì tương ưng với không pháp trần, như vậy đâu có ích gì! Hữu tình này có ích, nếu có ích thì không thoái lui, không đều thoái lui, dù thoái lui có thể nhớ nghĩ thường tu, về sau có lợi ích lớn.

Hỏi: Hàng thượng căn của Thông giáo, Biệt giáo có khả năng nhập không xuất giả, đâu có khác Viên giáo? Đáp: Hàng Thông giáo xuất nhập không thể tức trung, hàng Biệt giáo theo thứ lớp xuất nhập không thể nhất tâm, hàng Viên giáo nhất tâm xuất nhập cũng có thể

biệt xuất nhập, nghĩa là nhiều nhập trung, ít nhập nhị, nhiều nhập nhị, ít nhập trung, nhiều nhập không trung, ít nhập giả, nhiều nhập giả, ít nhập không trung, nhiều nhập giả trung, ít nhập không, nhiều nhập không, ít nhập giả trung. Tuy biệt thêm bớt mà ba đế không thiếu sót, nếu vậy thì chẳng phải theo thứ lớp riêng, mà còn có thể là hơn biệt, huống chi không thể là kém hơn ư!

2 Nói về nhập giả lợi ích: Hàng Bồ-tát vốn chẳng quý không mà tu không, vốn vì chúng sinh nên tu không, không quý không cho nên không trụ, vì lợi ích chúng sinh nên phải xuất, cho nên có từ chân mà sinh khởi, ứng với Pháp nhãn, xứng hợp căn cơ, đáng dùng thân Phật được độ, thì làm thân Phật nói pháp cho thuốc, đáng dùng thân Bồ-tát Nhị thừa, tám bộ trời rồng được độ, thì làm các thân ấy nói pháp cho họ nghe, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, mới gọi là lợi ích. Bồ-tát Tam tạng là xuất giả hữu lậu thần thông nhưng chẳng chân thật khởi ứng, thế trí phân biệt chẳng phải Pháp nhãn sáng suốt, tuy lợi ích chúng sinh mà chẳng thành tựu, tuy làm Phật sự mà chẳng thanh tịnh cõi Phật, chỉ là ít phần giáo hóa, làm lợi ích rất rõ thấu triệt v.v... Nếu Thông giáo nhập giả tuy phân biệt thuốc bệnh chỉ nương nhị đế, xem bệnh không kỹ lưỡng, biết thuốc không rõ ràng chắc chắn, chỉ là tác ý thần thông chẳng chân thật khởi ứng, ứng có thỉ chung vì làm cha mẹ, thầy tổ, đời đời kết duyên, hàng phục mọi nơi, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, nếu gốc lành thuần thục liền sinh vào cung vua, chứng quả dưới gốc cây, độ tất cả chúng sinh tiệm đốn, cho đến nhập Niết-bàn, xá-lợi trụ thế lợi ích lâu dài cho chúng sinh. Có thỉ có chung mới gọi là ứng, không mà tự dưng có, tạm thời xuất hiện rồi lại chìm mất, cho nên chẳng phải chân ứng. Một thời được chút ít lợi ích không gọi là thành tựu, thành tro bụi nhập diệt chẳng phải cõi Phật thanh tịnh. Thập hạnh của Biệt giáo nhập giả lợi ích nghĩa đồng với Thông giáo. Nếu đăng địa thì được một thân, vô lượng thân Như Lai vắng lặng ứng khắp tất cả, bấy giờ biết bệnh và nguyên nhân bệnh, bấy giờ biết thuốc, thuốc trị phủ tạng, bấy giờ trao thuốc như dấu ấn không sai, trí đạo chủng chân thật, Pháp nhãn tối thắng có thể ứng hóa, nhậm vận cùng khắp, ý đầu kết duyên, hòa quang đồng trần, tám tướng thành đạo để nói về kết thúc, cũng gọi là hóa, cũng gọi là ứng, người thấy nghe đều được lợi ích, tất cả việc làm đều vì thanh tịnh cõi nước Phật. Nhập giả lợi ích đều chân thật không luống dối, đăng địa đã như vậy, địa cuối cùng cũng lệ theo đó, cho đến Viên giáo Sơ trụ nhập giả chân thật lợi ích, cho đến tâm sau cùng cũng giống như vậy. Nếu hiểu được ý này liệu giản biến hóa sẽ hiểu được

chân ngụy. Vì sao? Vì ma cũng có thể dùng tâm hữu lậu biến ra thân vô lậu, biến thành tượng Phật. Lão Tử đi về phương Tây cũng nói thành Phật giáo hóa dân chúng người Hồ, các ngoại đạo v.v... biến thành dê đứng bên bờ sông đó thôi! Thế trí, năm thông không điều gì không làm được, tà ngoại biến hóa như vậy vô lượng vô biên, còn chẳng phải Tam tạng năm thông biến hóa, tại sao được gọi là Biệt, Viên, nhậm vận chân thật biến hóa. Hóa nhiều thứ tiếng, người không có mắt lầm sinh tin nhận, có thể quán sát sâu xa không thể hùa theo, cho nên biết từ giai vị Pháp thân ứng khắp mười cõi, độ thoát chúng sinh, như thế nhập giả vị lợi ích chân thật.

3. Tổng kết phá pháp biến: Khi chưa phát chân thì trăm ngàn muôn thứ chấp trước đều gọi là kiến, như người mù hỏi về sữa mà chẳng biết được, mầu sắc chân thật của sữa, hoặc dây hoặc chày đâu có quan hệ đến voi. Như nói kiến kiến tức là giả, cho nên lần lượt dùng đơn, phúc, cụ túc để quán phá, phá nếu không cùng khắp thì không được nhập không, nếu kiến tư hoặc hết mới gọi là phá pháp biến, y cứ vào văn tự mà nói mới biết như thế, ý thì không phải như thế. Hoặc kiến, tư tức là vô minh, vô minh tức là pháp tánh, phá hoặc kiến tư tức là phá vô minh, phá vô minh tức là thấy pháp tánh, nhập thật tướng không mới gọi là phá pháp biến. Từ không nhập giả phá pháp biến cũng giống như vậy. Nếu có vô lượng pháp bệnh, thuốc pháp, trao thuốc pháp, phân biệt ba thứ này có chỗ không thông đạt nên không gọi phá pháp biến. Khi chưa phát sinh Pháp nhãn tuy có phân biệt, có phân chỗ thấy nhưng không gọi là phá biến, khi sáu căn thanh tịnh phân biệt một bệnh có bao nhiêu thứ, hiểu một câu pháp thấu đạt vô lượng câu, các Đức Phật mười phương nói pháp cùng một lúc thọ trì đó gọi là tương tợ khí phần, chướng thông vô tri đã phá, cả hai soi chiếu nhị đế, mới gọi phá pháp biến. Nói tóm lại, thứ lớp phá thì không gọi là biến, không thứ lớp phá mới gọi là biến. Trước lập pháp quán đã nhiều, sợ người mê cho nên sau khi y cứ vào hai quán thì tổng phá pháp biến.

3. Nói về Trung đạo Chỉ Quán pháp biến: Trước nói sinh bất sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như tự hành, kế là bất sinh sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như hóa tha, nay bất sinh bất sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như chẳng phải tự tha, lại soi chiếu cả hai tự tha. Sinh bất sinh tức bất sinh sinh, cũng tức bất sinh bất sinh, tự tức bất tự, cũng phi tự phi bất tự, bất sinh sinh tức sinh bất sinh, cũng là bất sinh bất sinh, tha tức phi tha, cũng phi tha phi bất tha, bất sinh bất sinh tức sinh bất sinh cũng là bất sinh sinh, cũng

là bất song phi cũng là bất song chiếu, các thứ phân biệt khiến dễ hiểu cho nên nói như trước. Y cứ vào đây chia làm bốn: 1) Tu Trung quán ý. 2) Tu Trung quán duyên. 3) Chánh tu Trung quán. 4) Nói về lợi ích của giai vị.

1. Tu Trung quán ý: Bồ-tát Tam tạng riêng dùng trí thế gian chiếu soi tục, hàng Nhị thừa riêng dùng phân tích giả nhập chân, Phật nhị đế đủ khắp khác với đệ tử, giả lập quán thứ ba, dù lập thuyết lìa hữu lìa vô, chỉ là lìa hai kiến hữu vô, thật không có lý khác để quán, cho nên không cần quán thứ ba. Thông giáo, Nhị thừa thiên lệch dùng thể pháp nhập chân, Bồ-tát từ bi nhập giả, chỉ có Phật đều chiếu soi, đạo quán đều trôi chảy khác với đệ tử. Cũng giả lập quán thứ ba, cũng không có lý riêng, khác với chân đế, bỏ chỗ khéo chấp, quả Phật không vượt ngoài hai đế, tức là nghĩa này. Tuy không có lý riêng mà có được chân, như huyễn như hóa, bất sinh bất diệt, gọi là Trung đạo. Cũng được có nghĩa Trung đạo: Phật đầy đủ tự môn thông thông, thông biệt, hạng độn căn chỉ có thể thông thông, không thể thông biết, cho nên giáo này có nghĩa biệt tiếp, hạng lợi căn bị tiếp lại dùng Trung đạo không bị tiếp, không cần quán thứ ba, nghĩa biệt tiếp như trong hiển thể nói v.v... Nếu Biệt giáo thực hành nhị đế, tam đế đều vốn biết rõ Trung đạo, nếu thực hành tam đế thì có thể hiểu. Nếu thực hành nhị đế thì: Trung đạo là chân, hữu vô là tục, chiếu soi nhị đế này từ bao gồm trung nên gọi Trung đạo, cả hai đều dụng không thiên chấp gọi là song chiếu, tuy có hai tên nhưng lý Trung cũng hiển bày, lý này sâu xa mầu nhiệm, kẻ độn căn chướng nặng như mắt mù tối tăm mà xỏ kim không hiểu rõ được. Thế nào là xỏ kim? Vì theo thường lý thì trước phá chấp tướng tuệ nhãn kiến không. Kế đến phá vô tri, Pháp nhãn kiến giả, tiến tu Trung đạo, phá được một phần vô minh, khai một phần Phật nhãn, thấy một phần trung, mới là chân nhân, nhân quả viên mãn, mới gọi là Phật. Nhị đến chẳng phải chánh lý cho nên không gọi là nhân, chẳng hạn như Tiểu thừa phương tiện hàng phục hoặc, không thấy chân không gọi là tu đạo, sau khi phát sinh kiến đế, đầy đủ chân tu đạo mới gọi là chân nhân, vô học là chân quả, Biệt giáo cũng lệ theo đây. Nhị quán đã là phương tiện thì cần phải trung, chủ yếu cần dụng hai quán trước, nếu hai quán chưa phân biệt cũng không rảnh tu quán thứ ba. Viên giáo mới biết Trung đạo cũng trước phá hai hoặc, nếu quá độ thì nắm bắt có khác. Vì sao? Vì riêng trừ hai hoặc, trải qua ba mươi tâm, trải qua nhiều kiếp số, sau đó mới phá được vô minh. Viên giáo không phải như vậy, đối với thân liền phá hai hoặc, liền nhập Trung đạo, trong một thời có thể làm xong.

Thí như giặc cướp có ba hạng: Hạng thứ nhất thì đồ binh khí cùn, thân thể sức lực yếu đuối, trí tuệ mưu trước kém cỏi, trước phá hai lớp rồi lại chỉnh đốn người, vật sau mới phá lớp thứ ba, do đó chậm chạp ngày qua tháng lại. Có hạng người thứ hai thân thể mạnh khỏe, binh khí sắc bén, quyền lực nhiều mạnh, chỉ trong một ngày liền phá được ba lớp không đợi thời tiết, lấy đây ví dụ thì nghĩa kia có thể biết. Lại như hai thứ sắt: 1) Qua nhiều phen tôi luyện mới có công dụng sắc bén. 2) Ngọc cũ liền đem đốt thì sắc bén, là nghĩa ấy. Sơ tâm của Viên giáo liền tu ba quán không đợi hai quán mà thành, do nghĩa này cho nên phải nói pháp quán thứ ba.

2. Nhân duyên tu Trung quán, lược có năm thứ: a) Lòng từ bi vô duyên. b) Đầy đủ thệ nguyện rộng lớn. c) Cầu trí tuệ Phật. d) Học đại phương tiện. e) Tu bền chặt tinh tấn.

a) Lòng từ bi vô duyên: Tức lòng từ bi của Như Lai. Lòng từ bi này đồng thể với thật tướng, không chấp tướng chúng sinh cho nên chẳng ái kiến, không chấp tướng Niết-bàn cho nên chẳng vắng lặng, không tịch, chẳng vắng lặng cho nên chẳng phải pháp duyên từ bi, chẳng phải ái kiến cho nên chẳng phải duyên chúng sinh, không có tướng hai bên cho nên gọi là vô duyên. Đại kinh chép: Duyên Như Lai gọi là vô duyên, che trùm khắp thế giới, nhổ trừ gốc khổ, ban vui rốt ráo. Hai thứ quán trên tiêu biểu cho từ bi hữu biên. Lòng Từ bi của Như Lai không có hạn lượng, hai thứ quán từ trên đồng với Bồ-tát. Lòng từ bi vô duyên chỉ Đức Như Lai mới có, hai thứ quán từ trên không gì chẳng bao dung. Lòng từ bi của Như Lai đầy đủ tất cả Phật pháp, mười Lực vô úy, đó gọi là Như Lai tạng, các pháp đều như biển. Cho nên Đại kinh chép: Từ hoặc hữu, hoặc vô, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, từ ấy mới là cảnh giới của chư Phật Như Lai, phải biết từ có đủ ba đế. Ngài Ca-diếp khen ngợi rằng: Nay ta muốn dùng một pháp khen ngợi, có chỗ nói từ tâm dạo khắp thế gian, từ ấy tức là chứa nhóm đại pháp, từ ấy tức là chân giải thoát, giải thoát tức là đại Niết-bàn, lòng từ trên tác ý mới thành, từ này nhậm vận không mời mà làm cho nương tựa, tay thoát ra khỏi sư tử khiến kia điều phục, như từ thạch hút sắt, vô tâm mà chấp. Xét rằng sắt là chướng bên ngoài, đá không thể hút được, tâm tánh chúng sinh tức vô duyên từ, vô minh chướng ngăn không thể nhậm vận hút lấy tất cả, nay muốn phá chướng vô minh, hiển bày từ thạch của Phật, nhậm vận hút lấy vô lượng Phật pháp, vô lượng chúng sinh. Muốn tu từ này chẳng phải Trung đạo quán thì ai có thể khai mở, như nước sinh lửa, nước không thể diệt, lại dùng lửa diệt, chướng vô minh này nương hai quán mà sinh, hai quán

không thể dứt trừ chỉ có Trung đạo quán mới phá được, đó gọi là nhân duyên tu quán thứ ba.

b) Đầy đủ thệ nguyện rộng lớn: Mới phát tâm thì khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, đồng với hư không. Không quán, giả quán, biết khổ dứt tập, cũng như cành lá, chưa biết dứt bỏ, dụ như cội gốc, không quán, giả quán tu đạo chứng diệt cũng giống như đèn đuốc, không đủ sức sáng soi khắp núi hoang, tuy tu hai quán mà thệ nguyện chưa đủ, thí như trăm sông không thể làm tràn biển. Như long vương Ta-già-la mưa dầm, một phen mưa dầm thì đầy ao hồ, khe suối, Trung đạo chánh quán cũng giống như vậy, biết tất cả khổ, đoạn tập pháp giới, tu đạo vô thượng, chứng diệt rốt ráo, thực hành đủ bổn nguyện cho nên phải tu quán thứ ba.

c) Cầu trí tuệ Phật: Tức là nhất thiết chủng trí của Như Lai, Phật nhãn thấy rộng lớn, sâu xa ngang dọc, hoàn toàn rốt ráo đầy đủ. Hai quán trên là mắt trí tuệ sánh với Phật pháp, như người mù trong nhà tối muốn vẽ đều không thấy đường, rơi xuống hầm hố làm sao đi về phía trước được, nếu tu Trung đạo như có mắt chân đi đến ao trong mát, trừ được nóng nảy buồn bực hai bên, tỉnh giấc mới thôi, uống nước thơm ngọt mát kia, đó gọi là Phật trí tri. Thấy ao kia hình dáng vuông tròn, sâu cạn, mầu sắc trong sạch của nước đó gọi là Phật nhãn kiến, muốn được nhãn kiến thật tướng của Như Lai mà không tu Chỉ Quán thì không thành, cho nên tu pháp quán thứ ba.

d) Học đại phương tiện: Tức là Như Lai không có mưu cầu quyền xảo khéo léo, đại dụng vô phương, trụ trong Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện các thứ năng lực phương tiện khéo léo không thể suy nghĩ bàn luận, thị hiện các chúng sinh như gió trong hư không, vào kiếp thiêu gánh mang cỏ khô không bị cháy hại, đây là việc khó cho nên phải khéo léo. Như Đức Di-lặc đời trước làm vị thiên tử nói hạnh không lui sụt, ngài Tịnh Danh chê trách rằng: Từ như thế sinh được Bồ-đề ư? v.v... Không Bồ-đề chớ khởi kiến này, đã phá kiến rồi liền nói vắng lặng là Bồ-đề, không hai là Bồ-đề, tất cả chúng sinh tức là Bồ-đề v.v... Thiên tử nghe điều mầu nhiệm liền ngộ Vô sinh pháp nhẫn, đây là hai vị đại sĩ gõ vào chày đá khiến người đời khó ngộ mà ngộ được pháp khó ngộ, nếu không có phương tiện thì làm sao lợi tha được, lại nữa khi Đức Như Lai mới ra đời không nói Đại thừa ngay mà dùng các thứ phương tiện thí dụ ngôn ngữ lời lẽ dẫn dắt chúng sinh, giúp họ xa lìa các sự chấp, sau đó mới khai mở tri kiến Phật, dùng Nhất thừa chỉ bảo, vì vậy cho nên ân cần khen ngợi phương tiện, chân thật được hiển bày, công lao do khéo léo quyền xảo,

cho nên nói tuy nói các thứ đạo, kỳ thật vì Nhất thừa, lại dùng phương tiện khác trợ giúp hiển bày Đệ nhất nghĩa, Phật trí không thể suy nghĩ bàn luận phương tiện tùy nghi nói, ý Phật khó thể so lường, không thể hiểu được, cho nên dùng trăm ngàn phương tiện khiến cho các chúng sinh độn căn khéo léo khế hợp trong ý bao la đó. Hai quán trên trí lực nhẹ yếu, như Phú-lâu-na hóa độ ngoại đạo kia, lại bị kiến chấp ngốc vụng dại, ngài Văn-thù tạm đến, thầy trò chẳng phải gió, muốn được phương tiện này của Như Lai, nếu chẳng phải Trung quán thì không thể thành, cho nên tu quán thứ ba.

e) Đại tinh tấn: Muốn thực hành công phu có Đại sự đại dụng, kinh Pháp Hoa chép: Như có người mạnh khỏe có thể làm được việc khó mà không lay động, không lui sụt, mới gọi là Tát-đỏa, không mến tiếc thân mạng, huống chi tài vật, tuy đắc Bồ-đề mà còn không dừng nghỉ, huống chi chưa đắc. Hai quán trên công nhỏ mà thưởng ít, Trung quán công bao trùm cả thiên hạ, thưởng cùng tận như cởi mở búi tóc, vì đại tinh tấn tu pháp quán thứ ba, nhân duyên tu Trung đạo rất nhiều, vì đối với xuất giả quán nên lược nói năm thứ.

3. Chánh tu Trung quán: Quán này chính là phá vô minh, vô minh cách xa, mắt phàm chẳng thể thấy biết được, làm sao có thể quán? Chẳng hạn như sơ quán quán chân, chân không có sắc tượng cũng không có nơi chốn, chỉ quán ấm giới nhập tâm mê hoặc ba giả, suy tìm bốn câu, khéo tu Chỉ Quán, được vô lậu phát sinh, gọi là kiến chân. Kế đến là quán quán giả, giả lại như thế nào! Chỉ Quán không trí có thể khiến bất không, đối với nhất tâm chỉ thị muôn hạnh, liền phát sinh Pháp nhãn, biết tất cả loại thuốc trị bệnh nên gọi là giả quán, nay quán vô minh cũng giống như vậy. Quán hai quán trí thích hợp với kia phá hoặc gọi là trí, nay mong trí Trung đạo trở lại thành mê hoặc, hoặc này làm chướng ngại trí Trung đạo cho nên nói trí chướng, lại trí chướng này đối với trung trí thì trung trí không phát cho nên gọi là trí chướng. Trước nói trí năng chướng, sau nói trí bị chướng, chẳng hạn như sáu mươi hai kiến, kiến gọi là tánh của tuệ, tuệ tức là trí thế gian. Nếu mong vô lậu thì tánh của tuệ này và kiến tư hoặc hợp có thể làm chướng ngại chân. Hai đế trí này hợp với vô minh làm chướng ngại Trung đạo cũng giống như vậy. Lại năng chướng hoặc này sở chướng là trung trí, năng sở hợp nói cho nên nói trí chướng. Vì sao quán hai trí này tức là vô minh! Nếu nói là minh thì chủng trí hiện tiền, hiểu thông suốt mười Lực vô úy, tất cả các pháp của các Đức Phật, hiểu đầy đủ có thể được gọi là minh, nhưng nay không như vậy, há chẳng phải vô minh. Quán vô minh này chia làm ba:

1) Quán vô minh. 2) Quán pháp tánh. 3) Quán nhân duyên.

Quán vô minh: Trí không giả tương ưng với tâm, quán hai trí này là từ pháp tánh sinh hay từ vô minh sinh, hay từ cả pháp tánh và vô minh hợp lại sinh, hay từ lìa sinh! Nếu từ pháp tánh thì pháp tánh vô sinh, nếu từ vô minh thì vô minh không thật, cũng không quan hệ đến Trung đạo, nếu hợp lại cùng sinh thì có hai lỗi. Nếu từ lìa mà sinh thì không có nhân duyên. Trung Luận chép: Các pháp không tự sinh v.v... Như vậy rộng phá như trên, nhân thành trung thuyết, khi thực hành quán này thì mất sự thanh tịnh, tâm không nương tựa, cũng không chấp trước, không hiểu không biết, năng quán sở quán cũng như hư không không thể nói bày. Tuy chưa phát chân đối với bốn câu quyết định không chấp, thí như người đứng trong chỗ tối trông nhìn xa gốc cây không chỗ dựa, không xem kỹ người hay là gốc cây ấy, nếu là người thì lẽ ra có sáu phần động, tướng gốc cây không có sáu phần là tướng bất động, tâm trụ trong quán lâu ngày nên cho rằng cây ấy cũng không rõ ràng. Khởi chấp bốn câu tức dụ cho tướng động, động dụ vô thường, tướng bất động dụ cho thường, quán lâu không ngừng định, biết là thường không khởi bốn chấp mà vô minh chưa phá còn không rõ ràng, tuy không rõ ràng mà nhất định biết một thường tất cả thường, đi trên con đường lớn thẳng mà không gặp nạn, trước hết thông suốt hoặc kiến, tư, trần sa lâu rồi. Chỉ có trí hai quán tức dụ cho kim cương quán phá trí chướng gọi là quán xuyên quán, an tâm trong lý này gọi là quán đạt, quán lý này bất khả tư nghị gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đợi cảnh ngoan không của Nhị thừa gọi là trí tuệ, nhưng pháp tánh này chẳng phải trí chẳng phải bất trí đó gọi là Trung quán đủ ba nghĩa. Lại nữa, thể đạt trí chướng quán đủ ba nghĩa. Lại nữa, thể đạt trí chướng vô minh, không có tánh tự tha và vô nhân tánh, rốt ráo không thật có, như Tỳ-kheo giữ giới quán nước không có trùng, trong động này là trùng hay trần? Trùng là tướng sinh, trần là tướng vô sinh, quán kỹ không thôi, tuy biết là trần cũng không rõ ràng. Nếu cho rằng vô minh có bốn tánh thì tánh là sinh động, nếu không có bốn tánh, vô tánh thì vô sinh động, tuy biết không động cũng không quyết định, tuy không quyết định mà quyết định quán thường trụ bất động, trước hết sinh tử, Niết-bàn hai bên lưu động. Hai quán trên đã dừng, chỉ có vô minh hồi chuyển không dứt, nay thấu đạt nguồn gốc của tâm, vô minh vắng lặng gọi là chỉ dừng chỉ, an tâm nơi lý này gọi là đình chỉ chỉ, lý thường trụ chẳng phải chỉ, chẳng phải bất chỉ, đối với vô thường động cho nên nói là chỉ, tức là chẳng phải chỉ chẳng phải bất chỉ, đó gọi là trung chỉ đủ ba nghĩa. Lại nữa, trí chướng trong tâm thì có

ba giả bốn câu Chỉ Quán, tin pháp hồi chuyển khéo tu bốn Tất-đàn, đều lệ theo như trước nói, bốn câu này tức là quán môn, nếu lìa bốn câu này thì không có chỗ tu quán. Phương tiện khéo léo nhờ môn mà thông đạt, được thấy Trung đạo tức chẳng phải bốn quán, nếu đối với một quán mà được nhập thì các câu còn lại liền dung thông, không cần phải tu, nếu chưa thông nhập thì chỉ cần siêng tu bốn câu phương tiện chứng ngộ, nếu chấp bốn câu này tức là thiêu đốt ngăn che không thông suốt, nếu không chấp mắc tức là quán bốn câu vô minh được ngộ.

2. Y cứ pháp tánh phá vô minh: Bốn câu trên quán trí chướng cầu vô minh sinh, quyết định không thể được, hoặc sinh một thứ giải, hoặc phát một định, quyết cho rằng vô minh tức là pháp tánh, chấp như đây chẳng phải tâm ngộ, chỉ phát sinh quán giải, như trong tối thấy bụi trên ghế quyết cho rằng bụi trên ghế, liền phải thay đổi quán, quán sát pháp tánh, cho là tâm vô minh diệt pháp tánh tâm sinh, hay là tâm vô minh bất diệt, tâm pháp tánh sinh, hay là vừa diệt vừa bất diệt tâm pháp tánh sinh, hay là phi diệt phi bất diệt, tâm pháp tánh sinh! Nếu vô minh diệt mà pháp tánh sinh, thì diệt thì làm sao có thể sinh, còn bất diệt mà sinh thì minh đồng với vô minh, nếu cùng sinh thì có hai lỗi, lìa thì không thể, không tự, không tha, không cộng, không phải vô nhân. Bốn câu này trong mỗi câu tín pháp hồi chuyển bốn Tất-đàn khéo léo liền sẽ được ngộ, thông với ao bốn môn, tuy chưa được ngộ quyết định cho rằng Trung đạo quán trí này có khả năng phá được vô minh, thường học như thế không còn tu gì khác.

3. Y cứ chân duyên phá vô minh: Quán quán trí này đợi ai được gọi là trí hay chẳng phải trí, nếu đợi theo chiều ngang thì các Đức Phật mười phương là trí hay là minh, đợi ngã không có trí và minh. Nếu đợi theo chiều dọc thì ngã ở tương lai phá trừ sự tối tăm mà được sự sáng suốt, nay đợi là vô trí vô minh, như vậy trí minh gọi là duyên tu hay gọi chân tu. Chân duyên hợp tu, lìa chân lìa duyên, nếu duyên tu thì duyên ấy là vô thường, tại sao sinh thường? Nếu là chân tu thì chân lẽ ra không tu. Có hai nhà giải thích về điều này: Một nhà nói: Duyên tu hiển bày chân tu. Nhà thứ hai nói: Duyên tu biệt, chân tu tự hiển bày, chân tu tự hiển là tự sinh, do duyên tu hiển là tha sinh, chân duyên hợp là cộng sinh, lìa chân duyên là vô nhân sinh. Bốn câu cầu trí không thật có cũng không được vô trí. Vì sao? Vì đối đãi với trí mà nói vô trí, trí vô cho nên vô, không có chỗ đối đãi nên vô trí cũng vô. Nếu chấp chân duyên là đúng thì không thể phát sinh trung, đều là chướng trí, nếu không chấp tức là bốn môn, nếu được khế lý thì lý chẳng phải chân

chẳng phải duyên, chẳng phải cộng, chẳng phải lìa, không thể nêu bày. Nếu có cơ duyên cũng có thể nói bốn Tất-đàn, Tất-đàn phương tiện không còn định chấp, tùy duyên nói khác, nghe liền đắc đạo. Cái gọi là từ vô thường sinh ra thường. Đại kinh chép: Nhân là vô thường mà quả là thường. Lại chép: Từ cây y-lan sinh cây chiên-đàn. Hoặc có khi nói: Từ trong chủng tánh Pháp Vương sinh tức là chân tu. Hoặc nói: Nhân diệt vô minh thì được đèn Bồ-đề. Hoặc nói chẳng phải quán bên trong, chẳng phải quán bên ngoài mà đắc gọi là trí tuệ v.v... Đắc của vô đắc, vì đắc ấy là vô sở đắc, nhập ý không. Vô sở đắc tức là đắc, nhập ý giả, đắc vô sở đắc đều không thật có, song chiếu đắc, vô đắc, tức là ý không. Các vị Bồ-tát, v.v... hoặc chỉ nêu bày một môn, như ngài Thiên thân nói thức A-lại-da là thế đế, có chân như riêng, đây là cánh chủ của luận, thiền định giúp đạo đều là giúp thêm sự trang nghiêm. Như Trung luận nói rốt ráo không, không là Luận chủ, ngoài ra các thứ khác cũng là trợ đạo, các môn khác cũng nên có Bồ-tát soạn luận nêu bày rõ ràng. Soạn luận dị thuyết đâu lìa bốn môn, vì môn có khác mà sự khế hội không khác. Nếu hiểu được ý này thì đâu có trái ngược, tranh chấp khổ gây ra sự mâu thuẫn, nếu dùng bốn môn tu quán thì hoặc vui, hoặc thích nghi, hoặc đối, hoặc nhập, một môn đã vậy các môn khác cũng vậy. Quán hạnh tuy khác mà sự đắc đạo đâu có khác, kinh luận làm duyên khác nhau xưa nay cạnh tranh khó có chỗ thông suốt, dùng đây giải thích băng tan mây tiêu. Quán hạnh như thế khế hợp với giáo lý căn cơ, ấn hợp đáng hợp có gì phải trái, người có mắt sáng suốt thì y nghĩa không y lời, người có trí thì không sinh nghi, người không mắt không hiểu biết thì luống nhọc thương xót đâu có lợi ích gì.

Hỏi: Vô minh tức pháp tánh, pháp tánh tức vô minh, vô minh phá thì pháp tánh phá phải không? Pháp tánh hiển thì vô minh hiển phải không? Đáp: Đúng. Lý thật không có tên, vì đối với vô minh mà gọi là pháp tánh, pháp tánh hiển thì vô minh chuyển thành minh, vô minh phá thì không có vô minh, đối với ai mà nói về pháp tánh ư?

Hỏi: Vô minh tức pháp tánh, vô còn vô minh thì cùng ai tương tức? Đáp: Đúng! Vì không biết băng nên người chỉ nước cho là băng, chỉ băng cho là nước, chỉ có tên gọi đâu lại có hai vật tương tức ư? Như một hạt ngọc để dưới mặt trăng thì sinh nước, để dưới mặt trời thì sinh lửa, không để dưới mặt trời mặt trăng thì không sinh nước, lửa, một vật chưa hợp hai, mà có hạt ngọc nước lửa.

4. Tu giai tu Trung quán: Hai chỉ trước là Trung đạo song già phương tiện, hai quán là song chiếu phương tiện, nhờ ngăn và chiếu này

mà được nhập Trung đạo, tự nhiên trôi lăn cả hai, tự nhiên soi chiếu cả hai, tu song lưu như thế gồm có ba chỗ: Nếu Biệt tiếp Thông: thì Thất địa nói về tu, Bát địa nói về chứng, Thập hồi hướng của Biệt giáo nói về tu, Đăng địa nói về chứng, tu chứng như đây cao xa vời vợi, chúng sinh sơ tâm còn không được tu Càn tuệ làm sao có thể chứng Bát địa ư? Trung đạo quán này đối với phàm phu không có lợi ích. Lại nữa, sơ tâm còn chưa nhập Thập tín đến Hồi hướng, nếu không hồi hướng đâu được tu Trung, không tu thì không chứng, Trung đạo quán này đối với kẻ phàm phu vọng xa không lợi ích. Ở đây nói về phẩm đầu trong năm phẩm của Viên giáo, chỉ là phàm địa, tức có khả năng viên quán ba đế, tu trung không, ngồi tòa Như Lai, tu nhẫn vắng lặng, mặc áo Như Lai, tu định tuệ Phật, lấy sự trang nghiêm của Như Lai mà tự trang nghiêm, tu vô duyên từ, vào nhà Như Lai, bắt đầu từ phẩm đầu tiến nhập đến phẩm thứ năm tương tự pháp khởi, thấy biết trông ngóng, khói thử nghiệm lửa, tức là tương tự vị nhân, nhập sáu căn thanh tịnh. Chẳng hạn như ngoại đạo không tu niệm xứ, không bao giờ có noãn phần, nhị quán cũng giống như vậy. Không tu Trung đạo thì tự giải không phát sinh, nay trong năm phẩm tu có thể sinh tự giải, chuyển nhập Sơ trụ thì phá vô minh, cho nên kinh Hoa Nghiêm giải thích Sơ trụ rằng: Vô nhiễm như hư không, Pháp thân vi diệu thanh tịnh vắng lặng ứng khắp tất cả, chánh sử và tập cùng lúc đều hết, không còn dư sót, ban đầu phát sinh lỗi Mâu-ni chính là nghĩa này. Bắt đầu từ sơ phẩm, cuối cùng đến Sơ trụ, một đời có thể tu, một đời có thể chứng, không đợi lên giai vị Thất địa, tu tập như thế, đâu rảnh vui mừng mới nhập song lưu, giáo trước sở dĩ cao hơn giai vị ấy là phương tiện mà nói, địa vị Viên giáo trở xuống là chân thật nói. Kinh Pháp Hoa chép: Việc này là phương tiện của ta, các Đức Phật cũng như vậy. Lại nữa, hàng Bồ-tát Tam tạng khi ngồi đạo tràng vẫn còn đầy đủ hoặc, cho nên không song lưu, địa vị song lưu chỉ có ở Phật mà thôi! Viên giáo có Biệt lai tiếp, địa vị song lưu ở Bát địa, Biệt giáo địa vị song lưu ở Sơ địa, cho nên dần dần trích dẫn, địa vị kia hơi thấp, ý chân thật càng hiển bày. Tuy nói Sơ trụ phá một phần vô minh là địa vị song lưu, đây là lời tóm lược, thí như giương buồm thì một ngày thuyền chạy được ba ngàn dặm, lược nói một ngày! Lại như thiền cò chín phẩm, đây cũng là đại lược thôi! Như Đức Phật chứng đắc Tứ thiền ngài Thân Tử không biết, Thân Tử nhập Tứ thiền ngài Mục-liên không biết, Mục-liên nhập Tứ thiền các tỳ-kheo không biết, như đây đã trải qua sự suy tìm về thiền không chỉ có chín phẩm, sơ trụ cũng như vậy. Nói một phẩm cũng là vô lượng phẩm, địa vị này có thể trùm

khắp pháp giới, làm Phật sự không thể hạn lượng như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, kinh Hoa Nghiêm nói rộng, còn chỉ bày tám tướng, huống chi các việc khác ư? v.v... Hai quán trước, ở sau đã tổng kết thành phá pháp biến, như trên nói, nay Trung đạo chánh quán quán pháp tánh vô minh, không nương hai bên, không nương bốn câu rốt ráo thanh tịnh, không nương không chấp. Cho nên kinh Tịnh Danh chép: Cúi đầu như hư không không chỗ nương, trí này khai mở, một phá tất cả phá, không chỗ nào không trùm khắp, cho nên gọi là phá pháp biến.

2. Y cứ vào các môn khác nói về phá pháp biến: Ở trên y cứ vào pháp môn vô sinh, tu ba quán theo chiều ngang chiếu suốt ba đế phá pháp biến, vô lượng các môn hướng về vô sinh môn, các môn là ngang thí như trọng môn thẳng tắt, đây gọi là dọc, ngang bằng quanh co cho nên gọi là ngang, hoặc ngang hoặc dọc đều được thấy vua, cho nên y cứ vào ngang mà nói về quán, luận phá pháp biến. Môn ngang ấy như tám bất của Trung Luận: Bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị, bất lai, bất khứ. Một luận nói về tám môn. Các kinh luận thì vô lượng, hoặc bất hữu bất vô, bất cấu bất tịnh, bất trú bất trước, bất thọ bất thủ, bất hư bất thật, bất phược bất thoát, các giáo hạnh môn như thế v.v... số ấy vô lượng, thảy đều năng thông suốt cho nên gọi là Môn. Trung luận chép: Nếu quán sâu bất thường bất đoạn thì nghĩa vô sinh vô diệt. Vì sao? Vì bất sinh tức bất dị, bất diệt tức bất nhất, sinh mà gọi tập thành tức là nghĩa khác, diệt mà gọi tán hoại tức là nghĩa một. Bất sinh tức bất thường, bất diệt tức bất đoạn, bất sinh tức bất lai, bất diệt tức bất khứ, bất sinh tức bất cấu, bất diệt tức bất tịnh, bất sinh tức bất tăng, bất diệt tức bất giảm, bất sinh tức bất phược, bất diệt tức bất thoát, bất sinh tức bất hữu, bất diệt tức bất vô, vì vậy cho nên quán sâu bất sinh bất diệt tức là nghĩa các môn. Nếu vô sinh môn quán ấm giới nhập, thứ lớp, không thứ lớp cho đến ba chướng bốn ma, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian đều từ tâm tạo. Một ấm giới nhập, tất cả ấm giới nhập, một tánh tướng thể lực tất cả tánh tướng thể lực v.v... các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn phát tâm Bồ-đề chân chánh, khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, các môn khác cũng giống như vậy. Nếu vô sinh môn an tâm Chỉ Quán, tự hành hóa tha, tin pháp hồi chuyển, khéo léo Tất-đàn, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh hiểu biết hữu vô, phá đơn phức cụ túc, vô ngôn nói kiến. Mỗi môn đều có ba giả bốn quán, như vậy không tự không tha, không cộng, không phải vô nhân, các môn khác cũng vậy. Nếu vô sinh môn phá kiến bảy mươi hai

ngàn ba trăm tám mươi tư (72384) Chỉ Quán, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng, tự sinh phi tự sinh, cho nên nói tự sinh không, tự sinh không chẳng phải tự không cho nên nói tự sinh giả, tự giả phi giả, tự không phi không, cho nên nói tự sinh trung, tự sinh trung chẳng những trung mà còn song chiếu không giả, cho nên nói ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng, tha sinh chẳng phải tha sinh, cộng sinh chẳng phải cộng sinh, vô nhân sinh chẳng phải vô nhân sinh, cho đến ba quán một tâm các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng tự diệt phi tự diệt, cho nên nói tự diệt không, tự không phi tự không cho nên nói tự diệt giả, tự giả phi giả, tự không phi không, cho nên nói tự diệt trung, tự diệt chung chẳng những Trung mà còn song chiếu không giả, cho nên nói tự diệt, ba quán một tâm các môn khác cũng như vậy, nếu vô sinh môn quán trí chướng, tha diệt chẳng phải tha diệt, công diệt chẳng phải cộng diệt, vô nhân diệt chẳng phải vô nhân diệt, cho đến ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn tự đãi chẳng phải tự đãi, cho nên nói tự đãi không, tự không chẳng phải tự không, cho nên nói tự đãi giả, tự không chẳng phải không, tự giả chẳng phải giả, cho nên nói tự đãi trung, tự trung chẳng những Trung mà còn song chiếu hai đế, cho nên nói ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn, tha đãi chẳng phải tha đãi, cộng đãi chẳng phải cộng đãi, vô nhân đãi chẳng phải vô nhân đãi, cho đến ba quán một tâm, các môn khác cũng giống như vậy. Nếu vô sinh môn ba quán kết thành phá pháp biến các môn khác cũng vậy. Nếu vô sinh môn, các pháp độ như trên nhập vào các môn khác, dọc ngang không ngăn ngại, như dao kim cương không gì làm chướng ngại được, nếu hiểu được ý này thì giải thích chung kinh luận, tùy nghĩa hồi chuyển, văn nghĩa thỏa đáng, không chỗ nào không hợp. Vì sao? Nếu dùng nghĩa này giải thích Kinh Vô Hành tức chuyển ý vô sinh, nhập vô hành môn. Có chỗ nói đế vô hành, trí vô hành, Bồ-đề tâm vô hành, an tâm nơi chỉ quán vô hành, phá kiến tư hoặc vô tri vô minh, v.v... vô hành, sinh tử Niết-bàn trung gian v.v... đều vô hành. Vô hành hạnh, vô hành vị, vô hành giáo, tất cả vô hành ấy đều nhập vào vô hành môn mà nói, rốt ráo đầy đủ. Nếu giải thích kinh Kim cương Bát-nhã tức là chuyển ý vô sinh độ nhập vào môn bất trụ, các thứ bất trụ, bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh hương vị xúc bố thí, bất trụ cảnh trí bố thí, bất trụ từ bi bố thí, bất trụ trong kiến tư hoặc bố thí, bất trụ trong vô tri vô minh bố thí, đó gọi là Đàn ba-la-mật. Bất trụ trong sắc giữ giới cho đến bất trụ trong sắc Bát-nhã Sơ địa bất ưng

trụ cho đến Thập địa bất ưng trụ, tuy các pháp bất trụ vì vô trụ pháp trụ trong Bát-nhã tức là nhập Không, do vô trụ pháp trụ thế đế tức là nhập Giả, do vô trụ pháp trụ thật tướng tức là nhập Trung. Tuệ vô trụ này tức là Kim cương Tam-muội năng phá cát đá sạn sỏi, thấu đến nguồn gốc bờ mé. Cho nên Kinh Nhân Vương ba chỗ nói về Tam-muội Kim cương, Thất địa, Sơ địa, Sơ trụ tức là Kim cương Vô trụ giải thích nghĩa giai vị Tam giáo. Lại nói rằng Đức Thích-ca Mâu-ni nhập đại tịch định Kim cương Tam-muội, nếu vậy lẽ thường không nên nói đường không ngăn ngại có Kim cương đoạn đạo hay vô Kim cương. Kinh dạy Phật có đâu chẳng phải đoạn đạo có ư? Luận của thiên thân, Vô Trước khéo giải thích rộng đâu vượt ngoài ý vô sinh vô trụ ư? Lược nêu hai kinh, chỉ bày đầu mối của việc khó độ! Nếu hiểu được ý này thì ngàn kinh muôn luận đều thông suốt không ngăn ngại, đây là chương đầu của việc học quán, căn bản của sự nghĩ nghì, trí tuệ vi diệu của sự giải thích khác, chỉ quy để nhập đạo, xương cứng rộng lớn, sự lý đầy đủ, giải thích một ngàn từ pháp môn tự tại v.v...

Hỏi: Pháp môn vô sinh nêu rõ tất cả Phật pháp, đâu cần dùng các môn khác ư? Đáp: Pháp tướng như thế, hai nghĩa nương vào nhau, người người khác nhau, mỗi mỗi tự hành, phải cần các môn khác. Như trong Kinh Tịnh Danh nói ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi vị nói xong đều nhập pháp môn không hai, nếu nói sinh diệt và sinh tử là hai, bất sinh bất diệt thì không hai, đó là không môn, đâu có quan hệ gì đến Trung đạo. Nay giải thích sinh là sinh tử, diệt là Niết-bàn đó gọi là hai, đều ngăn hai bên, được nhập Trung đạo, đó là nhập pháp môn không hai, Bồ-tát này tự nói môn của mình, không nói môn khác. Kinh Hoa Nghiêm chép: Ta chỉ biết một pháp môn, tức mỗi vị đều nói nhập môn, môn thì vô lượng, lại tha duyên khác nhau độ hóa chẳng phải một. Trước một phen nghe người nói vô sinh vô diệt được ngộ, còn ngoài ra chẳng thích hợp, cho nên không ích lợi, kế Bồ-tát lại nói bất câu bất tịnh, nhập pháp môn không hai sẽ thích hợp với người kia, nghe mà được ngộ, cho nên pháp môn theo chiều ngang thì vô lượng, tám ngàn vị Bồ-tát mỗi vị đều nói, vì sao khó nói, một môn đầy đủ ư? Lại nữa, người tu hành nương pháp môn vô sinh, tu bốn Tam-muội, hoặc có khi hoan hỷ đảnh lễ thọ nhận, hoặc tin nên tâm lành sinh, hoặc ác giác nên chấp phá, hoặc mơ màng sắp ngộ, nếu thế thì vô sinh môn này là đạo môn kia, nếu không như vậy thì chẳng phải pháp môn. Phải lại từ vô diệt môn mà nhập, sinh hỷ, phát thiện, chấp phá, gần đạo, nên biết vô diệt là đạo môn kia, không như vậy thì kia chẳng phải môn. Rộng trải qua các môn như vậy mỗi

môn thử nghiệm sẽ có tương ưng, lưới giăng đã rộng tự bắt được các loài chim, vì nghĩa đó cho nên sẽ đem ngang y cứ vào dọc để hiển bày môn thông suốt.

3. Ngang dọc một tâm nói về Chỉ Quán: Như trên nói ngang dọc, sâu rộng phá tất cả tà chấp, trình bày tất cả kinh luận, tu tất cả quán hạnh, phù hợp tất cả căn duyên, xoay chuyển vô cùng, ngôn ngữ rắc rối khó thấy, ở đây sẽ kết thúc nêu ra ý chính. Nếu vô sinh môn ngàn muôn lớp chồng chất lên nhau, chỉ do vô minh một niệm nhãn duyên sinh các pháp, tức không tức giả tức trung bất tư nghì ba đế, một tâm ba quán, nhất thiết chủng trí, các pháp như Phật nhãn v.v... Vô sinh môn đã vậy, các môn khác rộng lớn cũng giống như vậy, tuy có nhiều thuyết cũng chỉ một tâm ba quán, cho nên không ngang không dọc, chỉ một tâm tu Chỉ Quán, lại chia làm hai: 1) Nói chung một tâm. 2) Trải qua một tâm khác. Chung: Chỉ y cứ vào một niệm tâm vô minh, tâm này có đủ ba đế, thể đạt nhất quán, quán này có đủ ba quán. Nếu không hiểu được các thuyết ngang dọc từ trước đến nay, như cảnh trí này thì do đâu mà có thể hiểu, trước nói một niệm vô minh hợp với pháp tánh thì có tất cả trăm ngàn việc mộng, một ấm giới nhập tất cả âm giới nhập, vô lượng các kiến chấp đơn, phức, cụ túc, vô ngôn v.v... ba giới chín địa, tất cả các tư hoặc, mười sáu môn phá v.v... các pháp. Trước đã thứ lớp ngang dọc xong rồi, giờ nghe một tâm nhân duyên sinh pháp, tức xa vượt trước sau tất cả thứ lớp nhân duyên sinh pháp, biết sâu rộng bất khả tư nghì nhân duyên sinh pháp. Trước nói các pháp đều là ba quán một câu, mỗi câu tìm thật không thể được, các kiến đơn, phức đều không, các tư hoặc chín địa đều không, mười sáu môn đều không, vì trước đã nghe, nay nghe nhất tâm tức là không, xa vượt trước sau thứ lớp các không, biết sâu xa tất cả tư nghì rốt ráo diệu không. Từ trước đến đây nói về các giả, lại phân biệt đảo nhập, phân biệt các pháp như thuốc, bệnh, cho thuốc..., trước đã nghe, nay nghe nhất tâm tức giả, xa vượt trước sau thứ lớp giả, biết sâu xa song chiếu hai đế giả. Nay nghe phi không phi giả, xa vượt trước sau các không đều chẳng phải không, các giả đều chẳng phải giả, lại trước sau phân biệt tất cả phi hữu phi vô, trong đơn kiến phi hữu phi vô, trong phức kiến phi hữu phi vô, trong cụ túc phi hữu phi vô, trong tam tạng phi hữu phi vô, thông môn phi hữu phi vô, biệt môn phi hữu phi vô. Trước đã nghe nay nghi phi hữu phi vô xa vượt trước sau các phi hữu phi vô, biết sâu Trung đạo bất khả tư nghì phi hữu phi vô, người hiểu được trong ba đế một tâm như thế, người này khó được. Vì sao? Vì y cứ tâm luận về vô minh, lại y vào tâm nói về pháp do nhân duyên

sinh, cho nên có các pháp trước sau, căn cứ tâm tức không, cho nên có trước sau các không; lại y cứ vào tâm nói về giả cho nên có trước sau xuất giả v.v... cũng y cứ vào tâm nói về pháp giới cho nên có Trung đạo phi không phi giả, ba đế đầy đủ chỉ ở một tâm phân biệt tướng mạo, như thứ lớp mà nói. Nếu luận về đạo lý chỉ ở một tâm, tức không tức giả tức trung, như một sát-na mà có ba tướng, ba tướng khác nhau sinh trụ dị diệt, một tâm ba quán cũng giống như vậy. Sinh dụ cho giả hữu, diệt dụ cho không vô, trụ dụ cho phi không phi hữu, ba đế khác nhau mà chỉ một niệm, như sinh trụ dị diệt chỉ một sát-na, ba quán ba trí ba chỉ ba nhãn, lệ theo thì có thể biết, quán như vậy thì chúng sinh này khai tri kiến Phật. Nói chúng sinh là tâm tham, nhuế, si đều chấp có ngã, ngã tức chúng sinh, ngã do tâm khởi, tâm khởi ba độc tức gọi chúng sinh, khi tâm ấy khởi, tức không tức giả tức trung tùy tâm khởi niệm, Chỉ Quán đầy đủ. Quán gọi là Phật tri, chỉ gọi là Phật kiến, trong mỗi niệm Chỉ Quán hiện tiền tức là chúng sinh khai tri kiến Phật. Quán này thành tựu gọi là phẩm sơ tùy hỷ, đọc tụng trợ giúp cho quán này càng sáng, thành phẩm thứ hai, đúng như sự thực hành mà nói, giúp tâm càng sáng thành phẩm thứ ba, thực hành cả sáu Độ, công đức càng sâu thành phẩm thứ tư, thực hành đủ sáu Độ, sự lý không giảm thành phẩm thứ năm, phẩm thứ năm chuyển nhập sáu căn thanh tịnh gọi là tương tự vị. Cho nên kinh Pháp Hoa chép: Tuy chưa được vô lậu mà ý căn kia thanh tịnh như vậy. Từ tương tự vị tiến vào đồng luân, phá vô minh, đắc vô sinh nhẫn, bốn mươi hai địa, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Đắc quả báo vô lậu thanh tịnh như vậy cũng là an trụ quả báo tam hiền thập Thánh, chỉ có Phật là ở tịnh độ, dùng Hiền Thánh lệ cho Phật, chỉ có quả Diệu giác là quả báo. Đại kinh chép: Đắc vô thượng báo, vì có hiện báo nên gọi là vô thượng báo, vô sinh hậu cho nên nói Phật vô báo. Đại kinh cũng chép: Hạt quả, quả hạt do hiện báo cho nên ngay nơi hạt là quả, vô hậu báo cho nên không gọi là quả hạt, v.v... lại Kim Quang Minh gọi là ứng thân cảnh trí tương ưng, y cứ vào cảnh làm Pháp thân, y cứ vào trí làm báo thân, khởi dụng làm ứng thân, do đắc Pháp thân nên thường hằng bất biến, Pháp thân thanh tịnh, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, cùng tận vị lai. Luận Thật Tánh chép: Thường tức là bất sinh, hằng tức là bất lão, thanh tịnh tức là bất bệnh, bất biến tức là bất tử, Pháp thân là đức tịnh, rộng lớn như pháp giới là đức ngã, rốt ráo như hư không là đức lạc, cùng tận vị lai là đức thường, cho nên biết Pháp thân Sơ trụ đầy đủ thường lạc ngã tịnh, không sinh già chết như thế. 2) Trải qua một tâm ba quán khác: Nếu gồm chung tâm vô minh chưa hẳn

là đúng, lại trải qua các tâm khác, hoặc dục tâm sân tâm mạn tâm, các tâm này khởi tức không tức giả tức trung, lại như trong tổng đã nói, v.v... Những điều từ trên đến đây nói Chỉ Quán thức ấm mà nói như vậy, bốn ấm khác cũng giống như vậy, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy, đó gọi là quán cảnh ấm giới nhập phá pháp biến đã xong.

Hỏi: Nhập giả trung có nhân duyên, nhập không có ý nghĩa gì? Nhập không dùng bốn môn liệu giản, giả trung vì sao không có? Đáp: Nhập không cũng có, vì tóm lược cho nên không nói. Vì sao? Vì cho rằng giải thoát cho nên giải thoát người khác, vì tuệ mạng cho nên gọi là vô lậu pháp vị. Xét rằng sinh tử buộc chấp, làm nhọc tinh thần của ta, chẳng phải không không giải, tự bị sự ràng buộc làm sao mở giải cho người khác? Không bao giờ có việc đó, vì muốn giải thoát cho người khác nên phải nhập không. Hiền thành dùng tuệ làm mạng, tuệ mạng chẳng phải không không lập, lại pháp vị chẳng phải tuệ thì không nhập, không tuệ có công năng mau nhập pháp vị, nhân duyên nhập không rất nhiều, chẳng hạn như sau cho nên nói năm đó thôi! Không quán chung cho đại tiểu thiên viên, muốn phân biệt không lầm lẫn thì phải bốn môn liệu giản, giả trung chẳng xen lẫn tiểu, cho nên không dùng. Hai thứ Không, quán phân tích không chuyên ở Tiểu thừa, thể không tiểu đại đồng, liệu giản ở đây phân biệt với thể không, tuy đồng dụng thể nhưng việc làm thì khác, cho nên phải liệu giản, biệt viên năng thông tuy mỗi thứ đều có bốn môn nhưng chỗ thông thì đồng, cho nên liệu giản thành quen. Trí chướng: Giải thích khác nhau, nay rút ra trong Đạt-ma Uất-đa-la giải thích, phiền não là tâm mê hoặc cho nên phiền não là chướng, trí là sáng, giải thích vì sao nói trí là chướng, trí có hai thứ: Chứng trí và thứ trí, thức trí phân biệt thể đạt tưởng thuận, vì thuận thuận cho nên gọi là Trí, là chướng. Lại Đức Phật đối với hai chướng ấy mà được giải thoát, kinh Niết-bàn chép: Nhờ dứt ái cho nên tâm được giải thoát, nhờ dứt vô minh cho nên được trí giải thoát, trong kinh Địa Trì nói ái đứng đầu phiền não, cho nên tâm giải thoát đối trị phiền não chướng. Xa lìa tất cả vô minh ô uế, đối với tất cả sở tri biết không bị chướng ngại gọi là trí tịnh, trí tịnh tức tuệ giải thoát, nếu dùng trí sở tri làm chướng ngại thì gọi là trí chướng, vì vô minh nên đối với trí có chướng ngại, chính do vô minh là thể của trí chướng. Luận Nhập Đại Thừa chép: Xuất thế gian vô minh là trí chướng. Thế gian vô minh hiền Thánh đã xa lìa, tức là trước dứt phiền não chướng, hai chướng đều là phiền não, vì sao lấy vô minh làm trí chướng! Vô minh là hoặc tức trí, lấy trí làm thể ngay nơi trí nói chướng, chẳng hạn như vô vi sinh tử là ngay nơi vô vi mà nói sinh

tử, lấy vô vi làm tên. Ái tức là bốn trụ địa, cũng có công năng chướng trí nhưng là hoặc khác với tâm, giải hoặc không cùng thể là phiền não, cho nên đương thể mà đặt tên gọi là phiền não chướng. Lại nữa, ái có khả năng khiến cho các Hữu nối nhau, có công năng khiến tâm phiền muộn và tâm não loạn, tuy vô minh che lấp nhưng sinh do nước ái nên công lực vời sinh rất mạnh, cho nên gọi ái là phiền não chướng, vô minh không rõ chính, trái với giải thoát, tánh ái tuy trái ngược nhưng lấy vô minh làm gốc, tánh vô minh quên thì nghĩa chướng trí hiển bày, cho nên từ sở chướng gọi là trí chướng. Vô minh có hai: 1) Mê lý. 2) Mê sự. Vì sao gọi là trí chướng? Kinh Địa Trì chép: Hàng Nhị thừa vô lậu, nhân vô ngã trí là phiền não chướng tịnh rí, pháp Phật, Bồ-tát vô ngã trí là trí tịnh chướng tịnh trí. Nếu vậy thì cả hai đều mê lý là trí chướng. Lại trí sở tri ngăn ngại gọi là trí chướng, đối với tất cả pháp đều hiểu biết không chướng ngại, tức là đối với sự thì biết vô chướng ngại. Chỉ do mê sự gọi là trí chướng. Nếu vậy vì sao gọi là định? Trí chiếu sự chiêu lý, trí tuy có hai nhưng cả hai không có tự thể riêng, tuy nói có hai mà thật không hai. Lại tâm trí là chướng, rốt ráo suy tìm phân biệt trí ngăn ngại, đối với như thật không được chứng trí, đây cũng tức là trí chướng. Do diệt tưởng diệt tâm cho nên có nghĩa đoạn trí, nếu xả bỏ sự phân biệt thì hướng đến trí chướng thanh tịnh. Lại chẳng phải là điều kiện tự nhiên cho nên trí cũng không dứt, cho nên kinh có nói không mất phước, Bách luận dẫn lời Phật dạy đối với phước chẳng sợ, giúp đạo nên hành, người soạn luận một bề bèn có hai đường đoạn, không đoạn, chấp vô mâu thuẫn, chớ sinh thiên chấp cạnh tranh.

Hỏi: Kinh Anh Lạc chép: Pháp quán thứ ba Sơ địa hiện tiền, nay vì sao có chỗ nói ở Bát địa hoặc nói ở Sơ trụ? Đáp: Nương nghĩa tương thành hoặc nhờ cao mà thành thấp. Hoặc nói Bát địa, hoặc nhờ thấp mà thành có cao, cho nên nói Sơ trụ. Kinh Anh lạc nói về Biệt giáo cho nên nói Sơ địa.

Hỏi: Giả quán, Trung quán nói về giai vị tu của ba căn, sơ quán không thấy phân biệt giai vị tu hành? Đáp: Hậu quán đều nhập giai vị mới tu giả trung, cho nên y cứ vào giai vị sắp xếp ba căn sâu cạn. Sơ quán ban đầu đối với phàm địa không có giai vị để xếp vào sâu cạn, lại kinh Anh lạc cũng có văn nói rằng: Tứ địa gọi là Tu-đà-hoàn, đây lẽ ra là hạ căn, lại Tam địa nói là Tu-đà-hoàn, đây lẽ ra là trung căn, hoặc Sơ địa nói là Tu-đà-hoàn đây nói là thượng căn.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 7
(Phần Đầu)

5. Biết về thông bít: cũng gọi là biết được mất, cũng gọi biết chữ chẳng phải chữ, phá pháp biến, lẽ ra đều nhập vào vô sinh. Nếu không nhập thì nên suy tìm được mất, sẽ bị dính mắc phải quấy, không được một bề cho là hiểu. Vì sao? Vì nếu đồng với ngoại đạo ái chấp quán không trí tuệ thì phải dùng bốn câu phá khắp, năng phá như sở phá, khiến cho bít được thông, nếu không chấp quán không trí tuệ thì năng phá không phải như sở phá, chỉ phá bít còn thông, như vẹt màng mỏng nuôi tròng mắt, phá giặc hộ tướng. Nếu vậy tức là Đại đạo sư khéo biết thông bít, sẽ dẫn dắt mọi người có thể vượt năm trăm do-tuần. Xưa chép: Lục địa kiến tư hoặc hết là ba trăm, Thất địa, Bát địa là bốn trăm, Cửu địa, Thập địa là năm trăm, nghĩa này trái với Thích luận. Luận cho Nhị thừa là bốn trăm, đạo Nhị thừa chẳng phải Thất địa, Bát địa, người tu theo luận Nhiếp Đại thừa cho ba cõi là ba trăm, phương tiện nhân duyên hai thứ sinh tử đầy đủ làm năm trăm, thì nghĩa là thâu nhiếp bất tận, lại có hữu hậu sinh tử, vô hậu sinh tử thuộc trăm nào ư? Người tu theo địa luận cho Thập tín, Trụ Hạnh, Hướng địa là năm trăm, đây trái với kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa trải qua ba trăm do-tuần làm hóa thành, đây thì ba trăm do-tuần làm hóa thành. Lại có người hiểu ba cõi là ba trăm, hàng Nhị thừa đủ làm năm trăm, nghĩa này có ba lỗi: 1) Vượt ngoài ba cõi lập hóa thành. Tại sao hàng Nhị thừa vượt ngoài ba cõi không vào thành, lại đi bốn trăm, năm trăm, ngoài bốn trăm, năm trăm lại không còn có hóa thành, làm sao có thể nhập mà gọi là Nhị thừa. 2) Hóa thành diệt mới có thể tiến được, thành vẫn chưa diệt mà đã tiến lên bốn trăm, năm trăm. 3) Hàng Nhị thừa cùng vào hóa thành, vì sao hàng Thanh văn là bốn trăm? Bích-chi-phật là năm trăm? Có người cho Năm trụ phiền não làm năm trăm, nhưng hàng Nhị thừa đã dứt bốn trụ nên ngoài bốn trămdo-tuần lập hóa thành, có người cho rằng dứt kiến tư hoặc ba cõi làm ba trăm, trần sa làm bốn trăm, vô minh làm năm trăm,

đây cũng không phải như vậy, do-tuần vốn thí như phiền não. Vì sao kiến nhiều mà không có số lượng, tư ít làm ba trăm, danh nghĩa này vốn xuất xứ từ kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nêu năm trăm làm thí dụ gốc, dùng đường sinh tử nguy hiểm, vị thầy dẫn dắt quán biết hợp, ứng thực hành ba phen nói năm trăm mới la hiểu kinh. 1) Y cứ nơi chốn sinh tử. 2) Y cứ vào phiền não. 3) Y cứ vào trí tuệ. Sự giải thích của các sư mới toàn vẹn dứt động, không hợp với văn, như đem một cái muỗng làm thành ba cái chìa khóa, Sư đầu tiên y cứ vào thông vị, dựa vào bốn trăm lập hóa thành, các nhà Nhiếp luận y cứ vào sinh tử cắt hai thứ bỏ bên ngoài, các nhà Địa luận y cứ vào biệt vị trong giới nội lập hóa thành. Các Sư kế đi đường tắt không đợi khai quyền liền tự hiển thật, lỗi của người thầy như thế, ý của Thích luận như thế nào? Luận có hai văn: Ban đầu cho Nhị thừa là bốn trăm mà thôi không làm năm trăm văn, văn sau cho Nhị thừa là một trăm, nay luận chung, giải thích ý chung, đạo gia cho chân để làm cùng cực, trải qua ba cõi mà chưa phá được hóa thành, chỉ nhập Niết-bàn, tức chỉ Niết-bàn là bốn trăm, mà lại dùng Nhị thừa làm một trăm, ấy là nói Bồ-tát xuất giả từ không xuất giả, chẳng phải Niết-bàn làm một trăm, nhập vào ba cõi làm ba trăm, làm như vậy thì tiêu mất văn, đối với kinh luận thì không ngăn ngại. Nay nói năm trăm do-tuần. 1) Y cứ vào nơi chốn sinh tử: Nghĩa là quả báo trong ba cõi làm ba trăm, phương tiện hữu dư độ, thật báo vô ngại độ gọi là nơi chốn năm trăm do-tuần. 2) Y cứ vào phiền não: Có chỗ nói kiến đế hoặc là một trăm, năm phần dưới làm hai trăm, năm phần trên làm ba trăm. 3) Y cứ vào quán trí: Không quán trí biết ba trăm, giả quán trí biết bốn trăm, Trung quán trí biết năm trăm, đây hợp với văn, không lỗi như các sư trước. Lại các sư phê phán giai vị xa xôi, hành nhân sơ tâm còn chưa dứt kiến thì nhờ đâu mà siêu vượt năm trăm do-tuần ư? Nay nói về do-tuần có chiều ngang thông bít, có bề dọc thông bít. Bề ngang: Y cứ đủ ba pháp, khổ tập là bít, đạo diệt là thông, vô minh mười hai nhân duyên là bít, vô minh diệt là không, sáu tế che lấp tâm là bít, sáu Độ là thông. Dọc thông bít: Hoặc Kiến tư, sinh tử phần đoạn là bít, từ giả nhập không quán là thông, vô tri phương tiện sinh tử là bít, từ không nhập giả quán là thông, vô minh nhân duyên sinh tử, v.v... là bít, Trung đạo chánh quán là thông. Nay sẽ dùng ngang kết hợp dọc, tra xét thông bít, như từ giả nhập không phá các kiến tư hoặc: Đơn, phức, cụ túc, vô ngôn, v.v... chín lần chín là tám mươi mốt phẩm tư hoặc, các hoặc này vốn là ô nhiễm, làm phiền não thêm nhiều, ngăn che hành nhân, sao lại chấp trước cho phải là trái, khởi các kết nghiệp, rơi vào vòng sinh tử, chỉ thấy

khổ tập, không thấy đạo diệt, đã không biết kiến tư hoặc trong bốn Đế là sự, không biết tên gọi vô minh, cho đến già chết, chỉ kết cấu nhân duyên vô minh bất diệt, vì bất diệt cho nên chấp chặt không thể bỏ, chỉ ở bờ bên này, không đến bờ bên kia. Đại kinh chép: Khi đứa trẻ đói lấy quả trong phân, người trí quở trách thì có thẹn đỏ mặt nhưng đánh mất pháp thanh tịnh, đó gọi là Bít. Nếu đối với các kiến như vậy mà khởi tâm, biết không thật tánh, vô thường vô chủ, phá đổ thì không còn nghiệp, không nghiệp thì không quả, đó gọi là đạo, có đạo cho nên có diệt. Nếu biết hiểu Bốn Đế cho nên không có vô minh cũng không có già chết, nhân duyên hoại thì xả bỏ các hữu đến bờ bên kia, nên dụng ý này vượt qua mỗi tâm, vượt qua mỗi năng, vượt qua mỗi sở. Hoặc khởi ba bít, phá cho thông, hoặc là ba thông dưỡng nuôi cho thành tựu. Lại nữa, thể kiến tức không, năng thể cũng tức không, như tâm La-hán còn gọi là năm ấm vô lậu, quán ngã chưa thấy chân đâu được gọi là phi ấm, nếu chấp ấm thật thì kết nghiệp sinh tử, nếu không hiểu rõ ấm Tứ đế tức là vô minh, nếu ái quán không trí tuệ thì không thể xả bỏ, tức dùng không tuệ vượt qua mỗi sở. Nếu có ba bít, phá cho thông, hoặc là ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, thì khéo vượt qua các bít của kiến tư hoặc, khéo thông ba trăm do-tuần.

Kế là dùng ngang kết dọc tra xét từ không nhập giả quán thông bít, đây thì dễ hiểu, đối với bệnh pháp, thuốc pháp, trao thuốc pháp, đối với mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở, biết rõ đế duyên độ, hoặc khởi ba bít, phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, thì vượt qua các thông bít của vô tri bốn trăm do-tuần. Kế là dùng ngang kết hợp dọc, tra xét chung đạo chánh quán, đối với vô minh pháp tánh chân duyên v.v... mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở, biết rõ đế duyên độ, hoặc khởi ba bít phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu thì vượt qua thông bít vô minh năm trăm do-tuần, hoặc thực hành như thế nói về thông bít, thứ lớp nói theo bề dọc về Lục địa Sơ địa, trải qua nhiều số kiếp bít mới được thông. Đại kinh chép: Tu-đà-hoàn trải qua tám muôn kiếp mới đạt được, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp mới đạt đến, đến Bồ-tát Sơ phát tâm trụ. Đây là nói về địa vị Thánh đâu có lợi ích gì cho hành nhân sơ tâm. Lại nữa, y cứ bề ngang nói riêng về thông bít, như kinh Đại phẩm chép: Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã tương ưng với Bát-nhã, tương ưng với không, hoặc ban đầu chưa tương ưng phải dụng đế duyên độ để xem xét mỗi tâm. Hặc có ba bít phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, được vượt qua ba trăm do-tuần. Lại nói rằng: Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã có thể du

hý thần thông thanh tịnh cõi nước Phật, đây là ý xuất giả, nên mới phát tâm tu giả, cũng dùng đế duyên độ xem xét mỗi tâm, phá bít nuôi dưỡng thông, vượt qua bốn trăm do-tuần. Lại nói: Có Bồ-tát lúc mới phát tâm đã có thể ngồi đạo tràng, thành Chánh giác, đây tức là ý trung, hoặc mới phát tâm tu trung, cũng dùng đế duyên độ xem xét mỗi tâm, phá bít nuôi dưỡng thông, vượt qua năm trăm do-tuần. Nói như thế, tuy sơ tâm nhưng được nói về thông bít mà ba pháp đều khác nhau. Đại luận dẫn ba thí dụ: 1) Đi trên cạn và đi dưới nước. 2) Đi xe ngựa. 3) Đi bằng thần thông. Đi bộ, đi ngựa phải biết thông bít, thần thông không ngăn ngại, bít không thể ngăn, vách núi đều trống rỗng làm sao thông có thể chọn lựa. Sơ quán dụ cho đi bộ, quán kế dụ cho ngựa, quán sau cùng dụ cho bay, ba nghĩa phân rộng cũng chẳng phải ở đây dùng. Nếu nói ba quán theo chiều dọc hai quán đương địa là thông, đối với trên là bít, hoặc một quán sau thắng dưới là thông, cách tiểu làm bít. Nếu nói ba quán theo chiều ngang thì phân làm thông, thâu nhiếp không tướng làm bít, pháp tướng sâu cạn mặc có thông bít, huống chi lại đối với trung khởi khổ tập, vô minh che lấp v.v... vì vậy cho nên đều bít không còn có Thông; hoặc một tâm ba quán, pháp tướng tức phá, thông bít theo chiều dọc, ba quán một tâm phá thông bít theo chiều ngang. Không tức ba quán cho nên phá thông bít đi trên cạn, lội dưới nước, vách núi ba trăm do-tuần, giả tức ba quán phá thông bít xe ngựa bốn trăm do-tuần, trung tức ba quán thông bít của thần thông, bởi do một tâm tức là không giả trung, tất cả sông núi vách đá các ma, các đạo, đều như hư không, một tâm ba quán dạo chơi không ngăn ngại, không bao giờ bỏ thấp lên cao, xa lánh núi hang, gặp đến các chỗ bít đều được thông không ngăn ngại, có thể vượt qua năm trăm do-tuần đi đến đảo châu báu, đó gọi là thông. Thông vốn đối với bít, đã gặp các chỗ như hư không thì không còn có bít, không có bít thì không có thông, nếu đối với không bít không thông mà khởi khổ tập vô minh chướng tế thì chẳng những mất thần thông mà còn mất cả xe ngựa lẫn đi bộ, năng phá như sở quán, chữ chẳng phải chữ, như loài trùng kia tình cờ được tên gọi ba quán, loài trùng ấy không biết là chữ hay chẳng phải chữ, nếu đối với mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở đều tức không tức giả tức trung có đế duyên độ thì đó gọi là vô thông vô bít, song chiếu thông bít, đó là người trí biết chữ chẳng phải chữ, cũng gọi là lương y biết được biết mất, đối với vô sinh môn hiểu rõ thông bít, đối với các pháp môn khác cũng giống như vậy, đó là Sơ tâm vượt qua năm trăm do-tuần nên nói về nghĩa sáu tức.

Hỏi: Thông bít, được mất, chữ chẳng phải chữ là một hay là khác?

Đáp: Đây là dùng một ý mà nói các thứ, cũng có khác nhau, thông bít y cứ vào giải, đắc thất y cứ vào hành, chữ chẳng phải chữ, y cứ vào giáo. Kinh Kim Quang Minh chép: Chánh nghe, chánh thích, chánh phân biệt, chánh hiểu đối với duyên chánh năng hiểu biết rõ ràng, biết chữ chẳng phải chữ là chánh nghe chánh thích, biết được mất là chánh phân biệt, chánh giải đối với duyên, biết thông bít là chánh năng hiểu biết, tuy đây có khác nhau mà đồng hiển bày nhất trí.

Hỏi: Ngang bít bít dọc có thông không? Dọc bít bít ngang có thông không? Ngang thông thông dọc có bít không? Dọc thông thông ngang có bít không? Đáp: Lần thứ nhất thì như thế, lần thứ hai không phải như thế. Nhưng vô minh tức kiến tư hoặc vì sao chẳng phải chướng ngang, Trung trí trị tất cả, vì sao không thông ngang bít, đây là nghĩa lần thứ nhất. Nếu giải thích lần thứ hai thì ngang bít chướng gần, không thể bít dọc thông, ngang thông sức yếu không thể thông dọc bít, dọc bít sâu xa không thể làm chướng ngang, dọc thông đối đương biệt bất thông đối với ngang bít.

6. Nói về đạo phẩm điều hòa thích nghi: Đạo phẩm có bốn: 1) Đương phần. 2) Tương nhiếp. 3) Ước vị. 4) Tương sinh. 1. Nói về đương phần: Chưa hẳn có phẩm mới được đắc đạo, ba, bốn, hai, năm đơn bảy chiếc tám, đương phần là đạo, cho nên nói nên nương niệm xứ đắc đạo. Lại nói là đạo tràng, lại nói là Ma-ha-diễn, niệm xứ đã như vậy, các phẩm khác cũng như vậy, đó gọi là đương phần đạo phẩm mà chẳng phải điều đình. 2. Nói về tương nhiếp: Như pháp niệm xứ đều thâu nhiếp các phẩm, dẫn văn Thích luận chép: Niệm xứ đã thuộc về các phẩm khác, các phẩm khác cũng thuộc về niệm xứ, đó là tướng nhiếp đạo phẩm, cũng chẳng điều đình (hòa giải). 3. Y cứ vào vị: Như niệm xứ đương ở địa vị kia, chánh cần là noãn vị, như y túc là Đảnh vị, năm căn là nhẫn vị, năm lực là thế đệ nhất vị, tám chánh là kiến đế vị, thất giác tu đạo vị, đây là y cứ vào vị cũng chẳng phải điều đình. 4. Tương sinh: Như tu niệm xứ năng sinh chánh cần, chánh cần phát sinh Như ý túc, Như ý túc sinh năm căn, năm căn sinh năm lực, năm lực sinh bảy giác, bảy giác nhập tám Chánh đạo, đó gọi là thiện xảo điều thích. Giới định tuệ v.v... đều gọi là chánh, tâm thanh tịnh thường nhất thì thấy được Bát-nhã, đó gọi là tương sinh, cũng gọi điều thích, cho nên phải như thế. Từ trên đến đây tuy phá pháp biến thức thông bít nếu không điều đình đạo phẩm thì làm sao có thể mau tương ưng với chân pháp. Chân pháp gọi là vô lậu, đạo phẩm là hữu lậu, hữu lậu có công năng làm ra phương tiện vô lậu, phương tiện mất thì chân lý khó hội, như cách gây

men rượu thì hơi ấm là thích hợp, biến nước thành rượu, men rượu mất độ vị thì không thành. Đại luận chép: Ba mươi bảy phẩm là pháp hành đạo. Thành Niết-bàn có ba cửa, ba cửa là nhân gần đạo phẩm là nhân xa, vì nghĩa ấy cho nên cần phải điều đình đạo phẩm.

Hỏi: Đạo phẩm là pháp Nhị thừa, tại sao gọi là đạo Bồ-tát ư? Đáp: Đại luận quở trách ai hỏi như vậy, Tam tạng Ma-ha-diễn đều không nói như vậy, đâu được nói là pháp Tiểu thừa. Kinh Tịnh Danh chép: Đạo phẩm Thiện tri thức do đó thành Chánh giác, đạo phẩm là đạo tràng, cũng là Ma-ha-diễn. Kinh Niết-bàn chép: Tu tám Chánh đạo liền thấy Phật tánh gọi là đắc đề hồ. Kinh Đại tập chép: Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đuốc báu đà-la-ni của Bồ-tát. Các kinh này đều nói về đạo phẩm đâu phải chỉ nói về Tiểu thừa. Như Đại kinh chép: Ba mươi bảy phẩm là nhân Niết-bàn, chẳng phải nhân Đại Niết-bàn, vô lượng A-tăng-kỳ là nhân đại Niết-bàn, ngoài đạo phẩm này ra không có đạo phẩm riêng khác, như ngoài bốn Đế không có năm đế. Một thứ khổ tập như đất trên móng, phân biệt khổ tập có vô lượng tướng như các cõi mười phương, lại nói ba mươi bảy phẩm là nhân Niết-bàn, lại có vô lượng ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là nhân Đại Niết-bàn. Vì sao vô lượng có bốn thứ đạo đế, có mười sáu môn! Lại đạo phẩm hữu lậu ở cõi Dục có hai mươi hai, chưa đến ba mươi sáu, Sơ thiền ba mươi bảy, đều là đạo phẩm hữu lậu như sữa, Tam tạng đạo phẩm như lạc, Thông giá đạo phẩm như bơ sống, Biệt giáo như bơ chín, Viên giáo như đề hồ, văn nghĩa trong Đại kinh hợp với ở đây, chẳng phải ngoài đạo phẩm có pháp trợ riêng. Hoặc nói ba mươi bảy phẩm là trợ đạo, hoặc nói là chánh đạo. Đại luận chép: Là đạo Bồ-đề, văn này dường như chánh. Kinh Tịnh danh chép: Đạo phẩm Thiện tri thức nhờ đó thành Chánh giác. Văn này dường như trợ. Lại nếu nói ba mươi bảy phẩm là hữu lậu, vì sao nói bảy giác là tu đạo! Kinh Pháp Hoa chép: Vô lậu căn lực giác đạo, vì sao tám Chánh đạo ở trước bảy giác? Ở đây nên phân biệt ba câu: 1) ba mươi bảy phẩm đều là hữu lậu. 2) Đều là vô lậu. 3) Vừa là hữu lậu vừa là vô lậu. Như Đại luận chép: Tu tám Chánh đạo đắc sơ thiện hữu lậu năm ấm. Thiện hữu lậu năm ấm tức là noãn pháp, trước noãn pháp còn được tu tám Chánh đạo, vì sao tu ư? Ban đầu theo thầy thọ pháp, buộc tâm nhớ nghĩ gọi là niệm xứ, vì cầu pháp này nên siêng năng thực hành gọi là chánh cần, trong nhất tâm tu gọi là ý túc, năm gốc lành sinh gọi là gốc, gốn lớn dần gọi là Lực, phân biệt đạo dụng gọi là bảy giác, an ổn trong đạo hạnh gọi là tám Chánh đạo, năng tu như vậy được thiện hữu lậu năm ấm. Phải biết đạo phẩm đều là hữu lậu, đều là vô lậu: tức là kiến đế tư duy sở

hành đạo phẩm, một bề là hữu lậu, văn ý kinh Pháp Hoa là ở đây. Về sau này tuy nói trong hữu lậu được tu tám chánh, bảy giác v.v... Nhưng chưa có văn làm chứng. Song, luận Tỳ-bà-sa chép: Hoặc tám chánh ở sau bảy giác cũng gọi là hữu lậu, cũng được gọi là vô lậu. Vì sao? Vì nương tám chánh nhập kiến đế tức cũng là vô lậu, nếu tám chánh ở trước bảy giác thì một bề là vô lậu, đây thì có thể hiểu, dẫn văn Bà-sa chứng thành hai ý. Lại vừa lậu vừa vô lậu tức là ý đối vị, các đạo đế ba mươi bảy phẩm ở đây không ghi chép đầy đủ, chỉ nêu rõ vô tác đạo đế ba mươi bảy phẩm, thành đối nghĩa một tâm ba quán. Đại phẩm chép: Muốn dụng tất cả thứ tu bốn Niệm xứ, niệm xứ là pháp giới thâu nhiếp tất cả pháp, tất cả pháp hướng về niệm xứ là hướng đến không lỗi lầm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt đất sinh ra mầm mống, đất là các mầm giống. Kinh Pháp Hoa chép: Tất cả chủng tướng thể tánh đều là một chủng tướng thể tánh, vì sao gọi là thất chủng? Tức là chủng tướng thể tánh của Phật. Thông thường nói rằng: Kinh Pháp Hoa không nói về Phật pháp, kinh nói nhất chủng là nhất chủng nào? Cỏ cây rừng rậm các thứ dụ cho bảy phương tiện, một thứ mặt đất tức là thật sự, gọi là Phật chủng. Nay tâm một niệm khởi bất tư nghì tức là nhất thiết chủng, mười giới ấm nhập không ngăn ngại nhau, nếu quán pháp tánh nhân duyên sinh, một chủng là tất cả chủng thì một sắc tất cả sắc, nếu pháp tánh là không nên tất cả sắc là một sắc, thì một không tất cả không, pháp tánh giả cho nên một sắc là tất cả sắc, một giả tất cả giả, pháp tánh Trung cho nên chẳng phải một, chẳng phải tất cả, song chiếu một tất cả, cũng gọi chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, thì tất cả chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới sắc tức không tức giả tức trung, cũng giống như vậy, đó gọi là Thân niệm xứ. Nếu quán pháp tánh thọ, pháp tánh nhân duyên sinh; một chủng tất cả chủng, một thọ tất cả thọ, vì pháp tánh thọ không, nên tất cả thọ là một thọ, một không tất cả không, vì pháp tánh thọ giả danh nên một thọ là tất cả thọ, một giả tất cả giả, vì pháp tánh thọ trung, nên chẳng phải một thọ chẳng phải tất cả thọ, chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới thọ tức không tức giả tức trung cũng giống như vậy, đó gọi là Thọ niệm xứ. Nếu quán pháp tánh tâm là pháp do nhân duyên sinh, một chủng tất cả chủng, một tâm tất cả tâm, vì pháp tánh không nên tất cả tâm là một tâm, một không tất cả không, vì pháp tánh giả nên một tâm là tất cả tâm, một giả tất cả giả, vì pháp tánh trung nên chẳng phải một chẳng phải tất cả, chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới tâm cũng giống

như vậy, đó gọi là Tâm niệm xứ. Nếu quán pháp tánh, hai ấm tưởng hành là pháp do nhân duyên sinh thì một chủng là tất cả chủng, một hành là vô lượng hành, vì pháp tánh không nên tất cả hành là một hành, một không tất cả không, vì pháp tánh giả cho nên một hành là tất cả hành, một giả là tất cả giả, vì pháp tánh là trung cho nên chẳng phải một, chẳng phải tất cả, chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, tất cả chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới tưởng hành đều tức không tức giả tức trung, cũng giống như vậy, đó gọi là pháp niệm xứ. Niệm xứ như vậy lực dụng rộng lớn, nghĩa bao gồm đại tiểu, đều phá tám đảo, cả hai hiển bày tươi khô, cả hai chẳng phải tươi khô, tức ở trung gian nhập Bát-niết-bàn, cũng gọi là tọa đạo tràng, cũng gọi là Ma-ha-diễn, cũng gọi là pháp giới, bao gồm nghĩa rộng, tướng ấy như thế nào? Sắc pháp tánh thật chẳng phải tịnh mà phàm phu chấp ngang là tịnh, đó gọi là điên đảo, thật chẳng phải bất tịnh, hàng Nhị thừa chấp ngang là bất tịnh, đó gọi là điên đảo. Nay quán sắc chủng tức không, tất cả tức không, không trung không tịnh vì sao nhiễm trước! Đó gọi là phàm phu chấp tịnh, đảo phá khô niệm xứ thành. Sắc chủng tức giả, tất cả đều giả, phân biệt danh tướng không thể cùng tận, giả trí thường thanh tịnh, không bị trần hoặc vô tri làm ô nhiễm, tại sao dính mắc không mà chọn nguội thân bặt trí? Nói sắc bất tịnh, đó gọi là Nhị thừa bất tịnh đảo phá tươi niệm xứ thành, đó gọi là tám đảo đều phá, tươi khô song lập. Quán mé gốc của sắc chẳng phải không chẳng phải giả thì tất cả chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải bất tịnh đảo, vì chẳng phải giả cho nên chẳng phải tịnh đảo, chẳng phải tịnh đảo cho nên chẳng phải cây tươi, chẳng phải bất tịnh đảo cho nên chẳng phải cây khô, chẳng khô chẳng tươi thì chẳng phải hai bên, chẳng phải bên chẳng phải trung, đó gọi là trung gian, Đức Phật hội đủ ý này cho nên gọi là Niết-bàn, cũng là chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, tám đảo bất sinh là Niết-bàn, Niết-bàn như vậy gọi là Bí mật tạng. Đặt chư tử trong bí mật tạng, trong Phật tự tại, cho nên nói nhập, thọ pháp tánh vốn chẳng phải lạc, nhưng hàng phàm phu chấp ngang là lạc, đó gọi là điên đảo, thật chẳng phải khổ, hàng Nhị thừa chấp ngang là khổ, nay quán thọ chủng tức không, tất cả đều không, trong không không có lạc, làm sao sinh nhiễm? Phàm phu đảo phá khô niệm xứ thành. Thọ chủng tức là giả tất cả đều giả, dùng không hề thọ mà thọ các thọ, tiếng tăm phân biệt không sinh nhàm chán sợ hãi, vì sao xả bỏ mà đắm không, hàng Nhị thừa đảo phá tươi niệm xứ thành, đó gọi là hai thứ đảo, hai thứ phá khô tươi, ba thứ

lập. Quán thọ bổn tế là chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải khô, vì chẳng phải giả cho nên chẳng phải tươi, biên đảo không sinh gọi là Niết-bàn, lý trung gian hiển bày gọi là bí mật tạng, đều như trên nói v.v... Tâm pháp tánh vốn chẳng thường, phàm phu phá ngang gọi là thường đảo, pháp tánh thật chẳng phải vô thường, hàng Nhị thừa chấp ngang là vô thường, nay quán tâm chủng tức không, tất cả tức không, trong không chẳng phải thường, vì sao cho rằng tâm niệm niệm nối nhau, đó gọi là phàm phu thường đảo phá khô niệm xứ thành. Tâm tức giả danh, tất cả đều giả, nếu tâm vô thường thì đâu được phân biệt vô lượng tâm tướng, đó gọi là Nhị thừa vô thường đảo phá tươi niệm xứ thành. Lại tâm tức chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải vô thường, vì chẳng phải giả nên chẳng phải thường, chẳng phải tươi, chẳng phải khô đảo bất sinh gọi là nhập Niết-bàn, lý Trung đạo hiển bày gọi là bí mật tạng, đặt các tử tự cũng nhập trung, v.v... Pháp của tánh pháp vốn chẳng phải hữu ngã, hàng phàm phu chấp ngang có ngã, vốn chẳng phải vô ngã, hàng Nhị thừa chấp ngang vô ngã. Nay quán pháp tánh tức không, tất cả đều không, trong không vô ngã, gọi là phàm phu đảo phá khô niệm xứ thành. Pháp tánh tức giả, tất cả đều giả thi thiết, tự tại không dính mắc gọi là bí mật tạng. Trị thuốc pháp số kia có bốn: Pháp tánh quán trí gọi là niệm, một đế ba đế gọi là xứ, tất cả tức không, các đảo khô tươi đều vắng lặng, tất cả tức giả, hai bên hai cây đều được thành lập, tất cả tức trung đều là pháp giới, chỉ một niệm tâm xa rộng như thế, nếu quán sâu niệm xứ là ngồi đạo tràng, là Ma-ha-diễn, là giữa hai cây nhập Bát-niết-bàn, từ đầu đến cuối đầy đủ không cần tu các pháp khác. Nếu không nhập lại nghiên cứu các phẩm khác, siêng năng quán niệm xứ gọi là chánh cần, hoặc kiến tư vốn khởi gọi là đã sinh ác, quán sát tức không khiến đã sinh bất sinh, cho nên siêng năng tinh tấn, trần sa vô minh gọi là chưa sinh ác, quán tức giả tức trung khiến chưa sinh bất sinh cho nên siêng năng tinh tấn. Cố gắng hết thực hành bốn Tam-muội, ngăn ngừa hai việc ác này thì Nhất thiết trí gọi là đã sinh thiện, thiện này dễ sinh cho nên nói đạo Nê-hoàn dễ đắc. Trí đạo chủng, nhất thiết chủng trí gọi là chưa sinh thiện, trí phân biệt này khó sinh, không trí đã sinh, siêng năng làm cho thêm rộng lớn, trung trí chưa sinh làm cho được khai phát, ba quán không xen hở làm cho sinh hai trí này, là bốn Chánh cần cũng có thể ngộ đạo cho nên nói nhất tâm siêng năng tinh tấn nên đắc Tam-bồ-đề, không cần các pháp khác. Nếu không nhập sẽ là bất động, tâm lỗi tán động phải nhập khéo vắng lặng, quán xét tâm tánh gọi

là thượng định, ở trong thượng định tu Như ý túc, dục tinh tấn tâm tư duy. Dục: Là chuyên hướng về pháp ấy, cũng gọi là trang nghiêm pháp kia, trong định quán trí như trong nhà tối thắp đèn sáng chiếu vật được rõ ràng, do chiếu rõ ràng cho nên đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tinh tấn: Thành tựu pháp kia, pháp tánh bất động mà vắng lặng tinh tấn, không dứt quãng, không lẫn lộn, đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tâm ấy là chánh trụ quán sát pháp kia duyên trong nhất tâm, chế định một nơi, không việc gì không rõ ràng, đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tư duy: Khéo có thể phân biệt pháp kia phương tiện, suy nghĩ như thế không để cho động tán, định tư duy cho nên đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc, năng tu như đây, định tâm mà nhập, không cần các pháp khác. Nếu không nhập thì phải tu năm căn, tin lý ba đế là mẹ của các Đức Phật ba đời, có công năng sinh tất cả mười Lực, Vô úy, Giải thoát Tam-muội, chỉ tu niệm xứ không cầu các pháp khác đó gọi là tín căn. Tấn: Dùng tín thâu nhiếp các pháp, tin các pháp cho nên siêng tinh tấn gấp bội. Niệm: Chỉ niệm chánh trợ đạo, không để cho tà vọng xâm nhập, lại pháp này là chỗ tu tinh tấn, là pháp không quên, cho nên gọi là niệm căn. Định: Nhất tâm vắng lặng mà thực hành tinh tấn, lại pháp này thuộc về niệm, pháp này không quên, bất động, cho nên gọi là định căn. Tuệ: Tuệ của niệm xứ là thuộc về pháp định, tánh bên trong sự soi chiếu không từ nơi khác mà biết, đó gọi là tuệ căn. Chỉ tu năm căn cũng có thể nhập đạo, thành Ma-ha-diễn. Nếu không nhập thì phải tiến tu năm lực khiến căn thêm lớn, ngăn các phiền não gọi là lực; tín phá các sự nghi ngờ, không thể lay động; tinh tấn trừ biếng nhác như bổn sở nguyện đều được thành tựu; niệm phá tà tưởng không bị phiền não làm hoại; định phá tán loạn, xa lìa ồn náo, tuy có nói năng nhưng không ngại Sơ thiền, khéo trụ nơi giác quán không ngại Nhị thiền, tâm sinh vui mừng không ngại Tam thiền, giáo hóa chúng sinh không ngại Tứ thiền, chướng ngại pháp Tứ thiền không chướng ngại các định, cũng không xả định, cũng không tùy định, đó gọi là định lực; tuệ phá tà chấp, tất cả tà, tất cả tuệ, song chiếu đầy đủ, đó gọi là tuệ lực, năm lực như vậy gọi là Ma-ha-diễn. Nếu không nhập thì phải dùng bảy giác điều hòa, khi tâm phù động thì dùng trừ giác để trừ thô của thân miệng, dùng xả giác để xả quán trí, dùng định tâm để nhập thiền, nếu tâm hồn trầm thì tinh tấn trạch hỷ khởi, niệm hai chỗ thông, duyên, tu bảy giác này liền được nhập đạo. Đại Luận chép: Nếu lìa năm ấm, chuyên tu bảy giác mà không được nhập thì không có việc ấy. Nếu không nhập thì phải tu tám Chánh đạo, lại dùng chánh kiến xuất thế thượng thượng quán lý ba đế, dùng chánh tư

duy phát động quán này, như pháp tướng nói tự tha đều lợi ích, tức là chánh ngữ. Nếu hắc nghiệp được hắc báo, bạch nghiệp được bạch báo, tạp nghiệp được tạp báo, phi bạch phi hắc nghiệp được phi bạch phi hắc báo, căn cứ Tiểu thừa làm thì có thể hiểu. Nay nói chìm đắm vào không là hắc nghiệp, xuất giả là bạch nghiệp, bao gồm cả hai là tạp nghiệp, Trung đạo là phi bạch phi hắc nghiệp, đều gọi là tà mạng. Nếu nghiệp có thể hết thì nghiệp gọi là chánh nghiệp, y đây mà thực hành gọi là chánh nghiệp, chánh nghiệp không bị hai bên lôi kéo, thấy người khác được lợi tâm không bực bội, mà đối với bản thân mình lợi thường biết vừa đủ, nên dừng lại không tham lam, đó gọi là chánh mạng. Khéo nhập chánh đế gọi là chánh tinh tấn. Tâm không lay động lầm lỗi, ngay thẳng không quên, gọi là chánh niệm. Chánh trụ quyết định gọi là chánh định, nhờ tám Chánh đạo này mà được nhập lý. Đại kinh chép: Nếu tu tám Chánh đạo thì được đề hồ. Như vậy đạo phẩm chẳng phải đối vị, chỉ đối với sơ tâm quán lý pháp tánh thì được đầy đủ. Đại luận chép: Bốn Niệm xứ trong bốn thứ tinh tấn gọi là bốn Chánh cần, bốn thứ định tâm gọi là bốn Như ý túc, năm gốc lành sinh gọi là Căn, Căn thêm lớn mạnh gọi là Lực, phân biệt đạo dụng bốn Niệm xứ gọi là giác, bốn Niệm xứ an ổn đạo trung hành gọi là tám Chánh đạo. Cho nên biết hàng Sơ tâm hành đạo dụng ba mươi bảy phẩm, điều dưỡng Chỉ Quán bốn thứ Tam-muội nhập giai vị Bồ-tát, đạo phẩm như thế là gần nhân đại Niết-bàn, các đạo phẩm khác là nhân xa v.v... Nay dùng thí dụ hiển bày nghĩa này, gieo giống xuống đất hạt giống bắt đầu nảy mầm, gốc rễ đâm chồi xuống thì cành lá sẽ tỏa khắp lên, hoa kia tươi tốt kết thành quả trái. Pháp tánh pháp giới là mặt đất, quán niệm xứ là hạt giống, bốn Chánh cần như nảy mầm, năm căn như sinh rễ, năm Lực như cành lá thêm lớn mạnh, bảy Giác như nở hoa, tám Chánh như kết quả. Kết quả ấy: Tức là nhập đồng luân vị, chứng vô sinh nhẫn, cũng gọi là đến đảo châu báu, cũng gọi là nhập bí tạng, gọi là đắc đề hồ, cũng gọi thấy Phật tánh, cũng gọi Pháp thân hiển tám tướng thành Phật. Đạo phẩm khéo hiểu biết, do đó thành Chánh giác là nghĩa này. Nếu giải thích theo thông thường về cây đạo, như Đại phẩm nêu rõ, lìa ba đường ác gọi là lá ích, được thân ở cõi trời người gọi là hoa ích, được bốn đạo quả gọi là quả ích, ở đây chỉ y cứ vào không để giải thích. Thoát khỏi địa vị Nhị thừa là lá ích, thân được thần thông biến hóa là hoa ích, đầy đủ trí đạo chủng là quả ích, ở đây chỉ y cứ giả để giải thích. Tránh khỏi sự trói buộc hai bên là lá ích, thọ pháp tánh thân là hoa ích, chứng nhập Phật tánh là quả ích, ở đây chỉ y cứ theo trung để giải thích. Nếu y cứ chung ba quán thì tức

không gọi là lá ích, tức giả là hoa ích, tức trung là quả ích, v.v...

Lại nữa, thực hành ba mươi bảy đạo phẩm sẽ đạt thành vô lậu, bờ cõi ấy có ba cửa, nếu vào cửa này liền được phát chân, nghĩa là không, vô tướng, vô tác môn, cũng gọi ba môn giải thoát, cũng gọi Ba Tam-muội. Nếu từ chánh kiến, chánh tư duy, nhập định từ định, phát sinh vô lậu, thì chánh kiến trí gọi là Đại thần, chánh định là Đại vương, từ đây được tên gọi là Ba Tam-muội, phi trí phi thuyền là ý này. Nếu do chánh định sinh chánh kiến, từ chánh kiến phát vô lậu, vậy thì chánh định là Đại thần, trí tuệ là Đại vương, từ đây được tên gọi là Ba giải thoát, phi thiền phi trí tức là ý này. Hoặc có thể Tam-muội là phục đạo, giải thoát là đoạn đạo, hoặc có thể định tuệ hợp một, Tam-muội tức giải thoát, giải thoát tức Tam-muội. Nếu Tam tạng dùng khổ trở xuống không vô ngã là không môn, diệt trở xuống bốn hành là vô tướng môn, tập đạo trở xuống tám hành khổ trở xuống hai hành là vô tác môn, đây là mười sáu hành vương thần v.v... Nếu Thông giáo nêu rõ khổ tập đều như huyễn hóa tức không môn. Thích Luận xưa vốn giải thích rằng: Nếu quán sắc cực vi thì có mười tám không. Bản nay nói: Nếu quán một đầu mối trùng điệp thì có mười tám Không; trùng điệp là giả danh, cực vi là thật pháp, do đó nên khác, nếu hiểu được ý này thì giả thật đều không, nếu chưa nhập không, tình tưởng hý luận, chấp có tướng không, biết không chẳng có tướng không gọi là vô tướng môn, không tướng tuy không mà còn chấp quán trí, đã không năng sở thì ai tạo không quán, đó gọi là Vô tác môn. Đã vô tác thì ai khởi nguyện cầu, cũng gọi vô nguyện, đây là Ba Tam-muội vương thần v.v... Nếu Biệt giáo nói từ giả nhập không chứng chân đế, gọi là không Tam-muội, hàng Nhị thừa chỉ chứng không này còn có tướng không, Bồ-tát biết không chẳng phải không, xuất giả hóa vật không còn tướng không, đó gọi là Vô tướng Tam-muội. Tiến tu Trung đạo không có tướng trung biên, cũng không cầu trung biên, gọi là Vô tác Tam-muội, đây là tam quán trí vương thần,... lại nữa, riêng y cứ vào ý xuất giả, phân biệt vô lượng thuốc, bệnh, đều là giả danh, giả danh không thật, không thật cho nên không, đó gọi là Không môn. Không còn không có tướng không, huống chi có giả tướng, cho nên gọi Vô tướng môn, không giả vô tướng cũng không nguyện cầu, biết bệnh biết thuốc, cho nên gọi Vô nguyện, đây là xuất giả trí vương thần. Riêng y cứ vào viên: Danh tuy đồng ý trước mà nghĩa thì khác xa. Đại luận chép: Thanh văn duyên Không, tu ba giải thoát, Bồ-tát duyên thật tướng các pháp, tu ba giải thoát, người trí thấy không và bất không, không và bất không này cũng gọi là Trung đạo, nếu thấy Không này tức

thấy được Phật tánh. Lại nữa, hàng Nhị thừa quán mười tám việc trong mộng, việc trong mộng không thể được gọi là nội pháp không, việc ngoài mộng không thể gọi là ngoại pháp không, cho đến trong mộng có mười tám việc không thể được gọi là mười tám Không. Nay Viên quán miên pháp (ngủ) không thật có, không có nội pháp, từ miên sinh ra tất cả nội pháp đều không thật có gọi là nội pháp không, tất cả pháp đều hướng đến nội không này; miên không có ngoại pháp, từ miên sinh ra tất cả ngoại pháp không thật có, tức ngoại pháp không, tất cả pháp đều hướng đến ngoại không này cho đến miên pháp có mười tám thứ không thật có gọi là mười tám Không, chỉ là một không. Kinh Phương Đẳng chép: Đại không, Tiểu không đều quy về một Không, một Không tức pháp tánh thật tướng thật pháp của các Đức Phật, Đại phẩm nói là Độc không. Không thấy tướng bốn môn phân biệt, phi duyên phi chân, không ai tạo tác, tất cả pháp cũng như vậy. Phải biết một giải thoát môn tức ba giải thoát môn, ba giải thoát môn tức một giải thoát môn, lại trong bốn môn đều tu ba giải thoát, xen nhau không ngăn ngại, ba môn này ý chẳng theo thứ lớp, biệt tuy có thứ lớp song đều duyên thật tướng, lại khác với Thông giáo, Thông duyên lý không, lại khác Tam tạng, Tam tạng duyên trí bốn Đế, cho nên biết ba giải thoát và đạo phẩm mỗi tiết có khác, cần phải khéo hiểu biết. Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm: "Mặt trời mới mọc chiếu trên đảnh núi" thiên nhiều về bốn tươi, lộc uyển Tam tạng thiên nhiều về bốn khô, Phương đẳng Bát-nhã phần lớn đều hòa khô để nhập tươi, dẫn Tiểu thừa mà quy về Đại thừa. Hạc lâm thi thiết giáo hóa đã đủ ở nơi vinh khô, trung gian mà nhập Niết-bàn, vì chúng sinh rất độn căn khó giáo hóa mà đến song thọ, mới hoàn tất công phu, hàng lợi căn sáng suốt được liễu ngộ, nơi nơi đắc nhập, như Thân Tử trong kinh Pháp Hoa nhập bí mật tạng, được thấy Phật tánh, do đó Niết-bàn xa chỉ tám ngàn vị Thanh văn trong Kinh Pháp Hoa được thọ ký thành Phật, như mùa thu thâu hoạch, mùa đông cho vào kho, không còn làm gì, một phen thi thiết giáo hóa đây sớm được hoàn tất, không đợi Niết-bàn. Lại noi rằng ai có thể trang nghiêm Ta-la song thọ, liền nêu nhóm ngoài Xá-lợi-phất sáu vị. Lại riêng nêu Như Lai, hoặc thấy Phật tánh có thể trang nghiêm song thọ, ở trung gian kia mà nhập Niết-bàn. Nhóm Thân tử sáu vị đã có thể trang nghiêm, sao không thấy Phật tánh ở trung gian kia nhập Niết-bàn! Hàng Thanh văn còn như vậy, các Bồ-tát v.v... mỗi chỗ được nhập, nghĩa kia có thể biết. Nếu nhập Niết-bàn thành năm giải thoát, chẳng tức là sáu pháp, chẳng lìa sáu pháp, là ý ba Phật tánh...

7. Trợ đạo đối trị: Thích luận chép: Ba Tam-muội lấy tất cả Tam-muội làm gốc. Nếu nhập ba Tam-muội có thể thành bốn thứ Tam-muội, hàng lợi căn không bị ngăn chướng, dễ nhập ao mát mẻ, không cần đối trị, hàng lợi căn có ngăn ngại chỉ chuyên tu ba giải thoát, ngăn không thể làm chướng ngại cũng không cần trợ đạo. Hàng độn căn không ngăn chỉ dùng đạo phẩm điều thích, tức có khả năng chuyển độn căn thành lợi căn, cũng không cần trợ đạo, độn căn bị ngăn chướng nặng, do căn độn nên không thể mở ngay ba cửa giải thoát, do ngăn chướng nặng cho nên kéo theo phá quán tâm, do vì nghĩa ấy cho nên cần phải trị đạo, đối phá ngăn chướng thì được an ổn nhập ba giải thoát môn, đạo luận gọi các sự đối trị ấy là trợ khai pháp môn, tức là ý này. Bậc Thánh Sơ quả vô lậu lợi căn thấy lý rõ ràng, trong sự phiền não còn có ngăn chướng không gọi là thiện nhân, quả Tư-đà-hàm xâm tổn năm hạ phần cũng chẳng phải thiện nhân, tuy chẳng phải thiện nhân nhưng thật chẳng phải phàm phu. Nếu bậc thế trí dứt hoặc, tuy không có sự chướng nhưng thật chẳng phải bậc Thánh, hai hạng người này còn phải trợ đạo, huống chi căn độn chướng nặng mà không tu đối trị thì làm sao được nhập. Trợ đạo vô lượng, trong ý thông bất ở trước y cứ vào sáu tế nói về sự ngăn chướng nên dùng sáu Độ mà trị để nói về trợ đạo, nếu người tu bốn Tam-muội đạo phẩm điều thích, cửa giải thoát không mở mà san tham bỗng khởi, kích động quán tâm đối với thân mạng, tài vật ôm giữ chặt. Lại tham tưởng giác duyên nên dục niệm sinh, tuy có tác ý ngăn dừng mà san tham càng sinh, vậy thì phải dùng đàn xả để trị, khi tu Tam-muội thì tâm phá giới chợt khởi, oai nghi thô tháo không còn giữ gìn, thân miệng trái ngược, xúc phạm chế độ, giới cấm thanh tịnh không giữ, Tam-muội khó phát sinh, vậy thì phải dùng thi-la mà trị. Khi tu Tam-muội thì sân nhuế ngỗ nghịch giận dữ, thường sinh phẫn hận, ác khẩu hai lưỡi tranh chấp phải trái, độc này làm chướng Tam-muội, vậy thì phải tu nhẫn mà trị. Tu Tam-muội thì buông lung biếng nhác, thân miệng ý phóng túng, buông thả tự do thành thói quen, không biết hổ thẹn, không thể tiết chế, như dùi lửa chưa nóng mà thường nghỉ hạng người làm việc lỗ mãng còn không phân biệt việc đời, huống chi là Tam-muội môn, vậy thì nên dùng tinh tấn để đối trị. Tu Tam-muội thì tán loạn bất định, thân như lạc lõng một mình, miệng như ếch mùa xuân, tâm như đèn trước gió, do tán loạn buông lung cho nên pháp chẳng hiện tiền, cho nên phải dùng thiền định để trị. Tu Tam-muội thì ngu si mê hoặc, chấp trước đoạn thường, cho rằng có nhân, ngã, chúng sinh, thọ mạng, gặp việc xoay mặt vào vách, tiến thối thường mắc sai lầm, không xứng là người có

danh vọng trong xã hội, toan tính ngờ vực, tướng đen đúa bướng bỉnh vụng về chẳng có trí, phải dùng trí tuệ để trị. Các điều che lấp tâm cũng có dày mỏng, mỏng thì tâm động nhưng thân miệng chưa hẳn động, dày thì thân miệng động mà tâm sẽ động trước, bệnh trong đã mạnh thì sẽ hiện tướng bên ngoài, nếu dùng đối trị được bỏ thì bệnh sẽ thích hợp, nếu đối trị không dứt thì sẽ nương vào bốn tùy hồi chuyển trợ đạo, như trị bệnh san tham, hoặc thích tu đàn, hoặc không thích tu đàn, hoặc tâm lành sinh, hoặc tâm lành không sinh, hoặc tu đàn bị san phá hoặc không phá, hoặc tu đàn trợ khai, hoặc không khai, phải khéo léo châm chước, hoặc đối hoặc chuyển, hoặc bao gồm, hoặc Đệ nhất nghĩa v.v... Tu các thứ khác để đối trị cũng giống như vậy. Đối với trợ sáu Độ chỉ làm một việc giải thích không thể trợ đạo, phải quán trợ này bất tư nghì thâu nhiếp tất cả pháp, như ở sau nói.

Hoặc nói: Nói sáu là Thông giáo, nói mười là Thông tông, ở đây không phải như vậy. Đại kinh nói sáu Độ là Phật tánh. Đại phẩm nói là Ma-ha-diễn. Một độ còn thâu nhiếp các pháp huống chi sáu Độ ư? Nếu ý được khai hợp thì không có sự bỏ hay chọn, như thiền có nguyện trí lực khai xuất nê chỉ ba-la-mật, có thần thông lực khai xuất bà-la ba-la-mật định giữ thiền độ. Bát-nhã có trí đạo chủng khai xuất ẩu-hòa câu-xá-la. Lại có nhất thiết chủng trí khai xuất xà-na ba-la-mật; nhất thiết trí giữ gìn tên gọi vốn thọ Bát-nhã, ly thì gọi mười, tóm lại tức là sáu, đâu được dùng rộng lược mà phê phán Đại Tiểu ư? Nay nói sáu Độ trợ đạo thâu nhiếp hết các pháp, lược nói thâu nhiếp các đạo phẩm, điều phục sáu căn, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, sáu Thông ba minh, bốn Nhiếp, bốn Biện, Đà-la-ni, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp v.v... và tất cả pháp. Thế nào là thâu nhiếp các đạo phẩm? Trong các đạo phẩm đều có xả giác phần, chính là Đàn nhiếp, nếu Tam tạng xả giác phần, tuy không nhập lý, cũng là xả thân mạng tài. Đại luận chép: Từ, Bi, Hỷ đối với chúng sinh có lợi ích, Xả lợi ích gì? Xả có đủ sáu Độ, rộng làm lợi ích chúng sinh, đó gọi là đại ích. Lại xả như dầu béo có công năng làm tăng thêm sự sáng suốt của năm độ cho nên biết đàn độ thâu nhiếp xả giác phần. Nếu Thông giáo xả giác phần xả thân mạng tài, như huyễn như hóa ba việc đều không, xả giác phần này cũng thuộc về đàn độ; hoặc Biệt giáo xả giác phần xả thân mạng tài trung vô tri, xả này cũng thuộc về đàn độ; nếu Viên giáo xả giác phần, xả sắc thân trong mười tám giới, xả mạng trong mười pháp giới giữ gìn nối nhau, xả y báo mười pháp giới, như vậy thân mạng tài đều không nhập hai bên. Vì sao? Vì tài là sáu trần, hoặc chấp sáu trần có thể xả, có

người đối diện có thể cho, thân mình có thể bố thí, bố thí như vậy thì nhập sáu trần hữu biên, nếu ba việc đều không thì rơi vào vô biên. Nay quán tài tức không, không nhập hữu, quán tài tức giả, không nhập không, xả của không hai và mé sau của sinh tử, v.v... lìa già bệnh chết thường trụ bất hoại, hữu biên là sinh tử thuộc bờ trước, không biên là Niết-bàn thuộc bờ sau, cả hai đều không, đều chẳng thật có, nên gọi là đẳng. Lìa già chết: Bờ trước không cho nên lìa phần đoạn già chết, bờ sau không cho nên lìa biến dịch già chết, hai món sinh tử thoát khỏi hẳn cho nên nói lìa. Được thường trụ bất hoại tức là Trung đạo pháp tánh, là thầy của các Đức Phật, do pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, tài vật thường trụ này không thể tổn hại, thân thường trụ không thể trói buộc, mạng thường trụ không thể đoạn diệt, thành tựu rốt ráo Đàn ba-la-mật để tự trang nghiêm, cho nên Kim cương Bát-nhã chép: Đầu hôm, nữa đêm, gần sáng đều dùng Hằng hà sa thân bố thí không bằng thọ trì Kinh Bát-nhã một bài kệ bốn câu, phải biết lý quán viên xả mới phù hợp với đạo phẩm, thuộc về đàn độ. Đạo phẩm xả giác phần lý quán như thế sâu xa nhiệm mầu mà không còn sự hành, sự trong Tam tạng bố thí hùng mạnh, khoét thân làm đèn cứu giúp quốc thành vợ con mà lý quán hoàn toàn không có chút mảy may, cả hai đều có lỗi. Nay nói sự đàn giúp phá san che lấp tinh tấn thành lý quán, đâu thể lìa nhau, nếu người tuy hiểu quán thật tướng viên xả, vỗ bụng nói về bước đi, khắc phục việc keo kiệt, giữ gìn bảo vệ tài vật, mảy may không bỏ, lời lẽ kiêng nể lao nhọc khổ sở gọi là sức mạnh của bắp thịt, không thể khuất phục mình thành người khác, tham tiếc thọ mạng đâu thể tránh chết nhường sống, gặp việc thì bỏn sẻn, lặng lẽ bất động, chỉ hiểu vô hành, che lấp nhiều lớp như vậy nhờ đâu mà phá được, ba cửa giải thoát nhờ đâu mở được. Nay ở nơi đạo tràng hết lòng sám hối, sinh tâm quyết định, khởi đại thệ nguyện xả thân mạng tài sản, quyết không luyến tiếc, tự thực hành đàn này lại đem chỉ bảo người khác, khen ngợi pháp đàn, tủy hỷ đàn, lập thệ nguyện này rồi được các Đức Phật mười phương chứng minh cứu giúp, nếu tâm chân thật không dối trá thì có thể cảm đến Như Lai phát ra ánh sáng đàn chiếu soi trừ diệt san tham che lấp. Kinh Tư Ích chép: Do bị ánh sáng che lấp cho nên với các đạo phẩm tương ưng xả giác, phải giải thích nêu ra rõ ràng. Sự lý đã viên nên đàn xả rốt ráo, tài đồng với phân đất, thân sánh đồ đựng chất độc, mạng như mây trôi, bỏ ba độc như đồ khạc nhổ. San chướng đã phá, thành nghĩa trị đạo liền được giải thoát, nếu không có nhân duyên ký thác nơi hành đạo thì nên có lợi ích xả bỏ như bỏ hạt cải, đó gọi là dầu sự giúp tăng

ánh sáng đạo, khai mở ba cửa giải thoát thấy được Phật tánh. Nếu không thể như vậy thì không có lợi ích trợ trị, nếu tu như trên thì sẽ đắc ngộ, dù cho không ngộ cũng có thể tự tư duy lý quán đạo phẩm. Có chánh ngữ, cháng nghiệp, chánh mạng, đây thuộc về Thi-la, như Tam tạng chánh nghiệp v.v... mới là cẩn thận giữ gìn oai nghi, không phá hoại, không thiếu khuyết, không xuyên tạc, không lẫn lộn, chánh nghiệp của Thông giáo v.v... không được thân miệng, ngay nơi sự là chân, mới là giới tùy đạo, không chấp trước. Chánh niệm của Biệt giáo v.v... được người trí khen ngợi, tự tại..., chánh nghiệp của Viên giáo v.v... đều quán pháp tánh, tức là giới cụ túc, v.v... Kinh Tịnh Danh chép: Kia có thể như đây, đó gọi là vâng theo luật, tức là ý này. Giới lý quán tức là tâm mà đầy đủ, tuy hiểu như thế nhưng thân miệng thường thiếu sót, hoặc nay sinh thô xẳng, hoặc đời trước ngăn chướng chưa được sám hối, che lấp ngã Tam-muội, cửa giải thoát không mở, tư duy việc đã qua tự sẽ rất thương xót, sinh ra sự sửa đổi, từ hôm nay bắt đầu dứt tâm nối nhau, thệ nguyện giữ gìn giới cấm không để tì vết lỗi lầm, giữ gìn yêu tiếc như giữ phao nổi, không bao giờ vì toàn thân mạng mà tổn hại giới. Rồng dữ lột da vận chuyển bầy kiến qua sông, vua Tu-đà-ma mất nước mà được bài kệ, tự giữ giới giáo hóa người khác, khen ngợi pháp, khen ngợi giới, đại thệ bất động, xưng tán danh hiệu Phật, được Phật chứng minh cứu giúp. Tâm thành khẩn cảm đến Phật, phát ra ánh sáng tịnh giới, có thể khiến cho người hủy cấm tịnh giới xúc chạm ánh sáng ấy mà tội hai đời tự tiêu diệt, liền tương ưng với lý quán chánh nghiệp, mỗi mỗi phải giải thích nêu ra. Sự lý đã viên mãn, giữ giới rốt ráo, nhập ba giải thoát môn, thậy được Phật tánh, đó gọi là dầu trợ để giúp thêm ánh sáng đạo. Tu giới như trên mà nếu không nhập thì phải tư duy các đạo phẩm ấy, đều có niệm căn, niệm lực, niệm giác phần, chánh niệm v.v... Tức là Nghĩa nhẫn, thuộc về sằn-đề. Hoặc Tam tạng chánh niệm v.v... là Phục nhẫn, Thông giáo chánh niệm v.v... là Nhu thuận nhẫn, Biệt giáo chánh niệm v.v... là vô sinh nhẫn, Viên giáo chánh niệm v.v... là Tịch diệt nhẫn. Nếu niệm lực người mạnh mẽ thì giặc sân nhuế không thể xâm nhập, nếu được nhập thì hoặc nhân vô niệm, hoặc niệm không mạnh nên sân tệ sinh khởi, hoặc đời này khởi, hoặc đời trước khởi, hoặc sân đồng hành ngoại hộ, hoặc sân hiện sự việc, hoặc theo đuổi duyên cơ hiềm đời trước, hoặc ban đầu khởi chút ít vụn vặt, hoặc mới đầu liền khởi mạnh mẽ. Nếu buông lung sân độc, trút hết không còn sót thì dù không tự tại, như rắn tự cắn mình, sân chướng trăm ngàn pháp môn đâu được tự ý buông lung mà không quở trách. Nếu biết chỉ có lý giải, chưa có sức

nhẫn, đã biết là mình sinh tâm sửa đổi, phát đại thệ nguyện, thấp như sông biển, các thứ ô uế tụ lại, chịu khuất phục như chiếc cầu bị người ngựa dẫm đạp, sẽ nhẫn chịu khổ nhọc như ụ đất để tập bắn các mũi tên, không hận không oán như Phú-lâu-na bị mắng nhiếc, thoát khỏi đánh đập, cho đến cầm dao chém để được mau diệt, không tội mà não hại thì sức nhẫn càng mạnh, như chùi vàng lau gương, vị tiên Sằn-đề mạnh yếu đều an, tự mình chịu nhẫn, giáo hóa người khác, khen pháp khen người, đại thệ bất động, được các Đức Phật trong mười phương chứng minh cứu giúp, Đức Phật phát ra ánh sáng nhẫn làm cho tội sân chướng nặng hai đời tiêu diệt, được tương ưng với các niệm lý sự, đối với các cảnh trái ngược sức nhẫn đầy đủ, đó gọi là dầu sự trợ giúp cho đạo thêm sáng . Nếu tu như trên mà không nhập thì phải tư duy bốn thứ đạo phẩm, mỗi đạo phẩm đều có tám thứ tinh tấn, thuộc về Tỳ-lê-da. Đại Luận chép: Ba thứ trước dễ thành không cần tinh tấn, hai thứ sau khó thành nên phải tinh tấn, vì tinh tấn cho nên đắc Tam-bồ-đề. Ngài A-nan nói Phật Tinh tấn giác liền đứng dậy khỏi tòa, như biển đại bố thí mới có thể tương ưng, mà nay buông lung dựa dẫm, quên mất bổn tâm, không còn năng lực tinh tấn, tuy ở trong đạo tràng nhưng xen tạp các ác giác cũng gọi là ô uế, mặt trời không như mặt trời thì gọi là lui sụt, lui sụt thì chẳng phải tiến, ô thì chẳng phải tinh, làm sao khế hợp với lý, hoặc đời trước biếng nhác, tội chướng che lấp tâm, như lỗ mũi không có móc câu, say cuồng vượt chạy. Đầu hôm, nữa đêm, đến gần sáng không khắc chế bản thân mình mà còn sinh tâm cạnh tranh đổi thay kéo dài qua ngày tháng, phải phát thệ nguyện, khắc cốt ghi tâm, thân mạng hiến dâng cho đạo, nghĩ cái chết trước mắt, thân mạng mà từ vô lượng kiếp đến nay luống về thương mến luyến tiếc. Nay cầu Tam-muội quyết định nên bỏ, từ đêm đến ngày quở trách lỗi lầm, thật hành pháp không biếng nhác, thân ngồi ngay thẳng, không còn chất vấn tâm, làm khổ tâm, dù có bệnh khổ não cũng không cho là hoạn nạn, một đời luống trải qua, nhiều kiếp không dừng nghỉ, tự mình tin tấn, giáo hóa chúng sinh, khen ngợi thuốc pháp, các Đức Phật mười phương chứng minh cứu giúp, cảm Phật phát ra ánh sáng, tương ưng với tám tinh tấn lý quán. Hoặc tương ưng với Tam tạng, tức thành sinh sinh tinh tấn, tương ưng với Thông giáo, tức thành sinh bất sinh tinh tấn, tương ưng với Biệt giáo, tức thành bất sinh sinh tinh tấn, tương ưng với Viên giáo, tức thành bất sinh bất sinh tinh tấn mạnh mẽ, mở cửa Niết-bàn, thấy được Phật tánh, đó gọi là dầu sự giúp cho đạo thêm sáng, tinh tấn có thông thể, biệt thể v.v... Nếu tinh tấn như trên mà không được ngộ thì phải tự tư duy lý quán đạo

phẩm, mỗi đạo phẩm có tám định, thuộc về thiền độ. Chỉ là giải tâm, thật chưa chứng đắc, tuy nói căn bản sự nhất định không thành, cho đến tuy nói vô tác nhưng định Thủ-lăng-nghiêm không thành, nếu không định thì đất bằng nghiêng ngửa, hoặc hai đời tán động, Tam-muội không mở, do nghĩa này cho nên quả quyết đầu hôm, nửa đêm, gần sáng thân ngay ngắn, tâm vắng lặng, thì bao nhiêu tà tưởng mỏi mệt khổ sở nếu có khởi sẽ mau diệt sạch, tự mình thiền định và giáo hóa chúng sinh, khen ngợi pháp, đại thệ bất động, khi sắp qua đời biết trước thời hạn, cho đến đời sau không chứng không chỉ, gọi các Đức Phật mười phương là Minh, là Cứu, cảm đến Phật phát ra ánh sáng định, phá sạch bao sự tán động ngăn che, sự thiền khai phát, tương ưng với tứ quán, Đại luận giải thích Thiền độ trước hết nêu bày các pháp thiền, kế đến nói rõ vô sở đắc, hiển bày tướng ba-la-mật, sau cùng giải thích rộng chín tưởng tám niệm v.v... đều ở trong thiền khai xuất ra, các pháp thiền rất nhiều, ở đây chỉ lấy năm môn làm trợ đạo. Nếu thiền tư thì tâm nhiều giác quán, duyên khắp ba độc, phải dùng sổ tức mà trị, nếu sổ tức không thành thì biết tâm đi, tâm đi tức phải truy tìm trở lại, từ ban đầu lại quán sổ tức, đề phòng tán động buộc tâm này lại để dễ trị, do tâm được an trụ nên phát sinh định cõi Dục cho đến bảy y định đều có thể nhập. Nếu không chứng đắc phương tiện Bát-nhã thì thành pháp phàm phu, nếu đắc phương tiện thì thành Ma-ha-diễn. Cho nên kinh Thỉnh Quán Âm chép: Nếu quán sổ tức mà tâm định thì lỗ chân lông thấy Phật trụ, Thủ-lăng-nghiêm được không lui sụt đó gọi là sổ tức khai giải thoát môn, tức tương ưng với tam tạng giáo tám định, cho đến tương ưng với vô tác tám định, đó gọi là dầu sự giúp đạo thêm sáng. Nếu duyên nữ sắc, đam mê đắm chìm, mê hoặc chấp trước không xa lìa thì phải dùng quán bất tịnh để đối trị, quán tướng người thương yêu mới chết, ngôn ngữ thích hợp gần gũi, chợt liền bỏ đi, thân lạnh sắc biến, trùng mủ chảy ra, bất tịnh hôi hám, đầy dẫy khắp nơi, người ta chôn xuống mộ, lâu ngày như gỗ mục, xưa thì nặng tình thương mến, nay sao lại thấy ô uế, khiến ta thấy lo lắng âu sầu, đã hiểu biết rõ lỗi của dục, tâm dâm liền dứt, tám tưởng còn lại cũng trị dâm dục. Đại luận chép: Người nặng về dâm dạy họ quán chín tưởng. Đối với duyên không tự tại thì khiến họ quán bối xả, duyên không rộng khắp thì dạy quán thắng xứ, không thể chuyển biến dạy quán thứ mười nhất thiết xứ, nếu có sợ hãi thì dạy tu tám niệm, đều dùng quán bất tịnh làm môn ban đầu, trị được lửa dâm, mở cửa giải thoát, tương ưng với bốn thứ tám định, đó gọi là dầu giúp đạo thêm sáng v.v... Nếu phan duyên sân nhuế thì phải dùng từ tâm mà trị, nhẫn độ trên là thông trị, nay

y cứ riêng vào tâm từ vô lượng, ba tâm còn lại hoặc là lạc dục v.v... Bị vô lượng làm đối trị: Duyên theo nổi khỗ của chúng sinh, khởi tâm thương xót muốn cứu họ ra khỏi chỗ kia, duyên tâm này nhập định, tương ưng với tâm bi. Từ là tưởng chúng sinh được vui, duyên tâm này nhập, tương ưng với từ định. Hỷ tâm là tưởng chúng sinh được vui, sinh rất vui mừng, duyên tâm này nhập, tương ưng với hỷ định. Xả tâm là xả bỏ sự yêu ghét, tưởng an trụ nơi bình đẳng quán, duyên tâm này nhập, tương ưng với xả định. Đắc bốn định này thì đối với chúng sinh sân không từ đâu sinh, đoạn dưới lại nói rộng. Nếu phan duyên tà đảo phải dùng nhân duyên quán mà trị, luận Tỳ-đàm dùng cõi phương tiện phá ngã. Nay dùng nhân duyên phá ngã, ba đời phá đoạn thường, hai đời phá ngã, nhất niệm phá tánh, nếu định này thành thì tương ưng với lý quán, giúp mở cửa Niết-bàn. Nếu ngủ nghỉ làm ngăn chướng đạo tội khởi, thì dùng niệm Phật quán để trị, duyên vào tướng mà vô tướng của ứng thân Phật, duyên tướng rõ ràng, phá tội chướng đạo, thấy các Đức Phật mười phương, tương ưng với lý quán, mở cửa Niết-bàn. Nếu tu như trên mà không nhập, hoặc chẳng phải thích hợp với kia thì phải tự tư duy, trong lý quán đầy đủ bốn Niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch hỷ, giác phần, chánh kiến, chánh tư duy, mười pháp này thuộc về Trí độ. Đây là lý quán, ở đây giải thích không rõ ràng, do hai đời ngu si mê muội hôn trầm ngăn che sự tinh tấn cho nên khiến Tam-muội không hiển bày, cần phải sửa đổi, phát thệ nguyện lớn khiến cho sự quán rõ ràng phá bốn thứ điên đảo. Quan sát kỹ càng thân này từ đầu đến chân chỉ là hạt giống bất tịnh, cho đến rốt ráo năm thứ bất tịnh, có chỗ nói rằng thân này là di thể của người khác, nước đàm, nước mắt hai thứ đỏ trắng, cặn đục hòa hợp, ký thác phân biệt ở trong đó để làm thể chất, đó gọi là hạt giống bất tịnh, nằm giữa hai tạng uế trược thấm khắp, chợt buộc chợt chán, hoặc nóng hoặc lạnh, bảy ngày chuyển biến một lần, mười tháng ôm ấp trong lòng, hoặc sáu lần phồng lên mới thành tựu tình tướng đầy đủ, ngày tháng đã đủ mới chuyển hướng xuống sản môn. Đại luận chép: Thân này chẳng phải hóa sinh, cũng chẳng phải hoa sen sinh, chỉ từ âm đạo sinh ra, chỗ này hèn hạ thấp kém, đó gọi là trụ xứ bất tịnh, đã sinh ra rồi nằm trên phân uế, bú mớm mới nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn, tai chứa phân, mắt chảy ghèn, lỗ mũi thường chảy mủ, nơi miệng thường hôi thúi, đầu chứa nhiều lớp bụi dơ như phân bùn uế, đùi vế nách mồ hôi chảy ra như bệnh lậu rỉ nước dãi, đắp mặt y phục che thân thể như xoa dầu, đó gọi là tự tướng bất tịnh, trong đó chứa nhóm đủ loại phân, nước dãi, máu mủ, mỡ, tủy, v.v... ruột non ruột già màng óc, gân chằng

chịt, máu huyết phơi bày hôi hám, đầy trùng rút rỉa, thây chết này rửa hết nước biển cũng không thể sạch. Luận chép: Thân này chẳng phải như núi Ma-la-diên, có khả năng sản xuất ra chiên-đàn, từ nhỏ đến lớn tánh nó bất định, thí như phân uế nhiều ít gì cũng hôi, đó gọi là tự tánh bất tịnh, một khi qua đời tạm gá trở về chỗ cũ, gió qua lửa lạnh đất hoại nước chảy, trùng an chim mổ, đây tay chia lìa chảy đầy bên ngoài, khoảng cách ba hay năm dặm ngược gió nghe hơi hôi tanh thúi xông vào mũi người, màu sắc máu ứ động lại làm ô uế mắt mọi người, mùi hôi dữ dội như chó chết, đó gọi là rốt ráo bất tịnh. Năm thứ như vậy đều là thật quán chẳng được giải quán, sao lại chấp đó là tịnh, ưa mắt áo đẹp ăn ngon, bảo vệ nuôi dưỡng, xoa đầu lau cổ bảo vệ săn sóc thân độc này, thí như phân nhỏ của bò hung đẻ trứng, người cũng như vậy, yêu trọng thân này đến chết không nhàm chán, không thể chối bỏ, nuôi dưỡng thân này cho nên tạo các thứ tội lỗi. Nếu biết tội lỗi từ đầu đến cuối đều bất tịnh thì có phá được tịnh đảo, nên biết do bốn đại thành nhân, hai trên hai dưới chống trái lẫn nhau, đất ngăn nước, nước làm thối đất, gió làm tan đất, đất ngăn gió, nước diệt lửa, lửa nấu nước, lại xâm tổn lẫn nhau, như chiếc rương nhỏ đựng bốn con rắn, như mụt nhọt bị mũi tên đâm thường tự đau khổ, có gì đáng vui, lại bị đói khát nóng lạnh, roi quất đánh đá trói buộc, sinh già bệnh chết, đó gọi là khổ khổ, bốn đại xâm lấn, phá hoại lẫn nhau, đó gọi là hoại khổ, niệm niệm như dòng lửa bốc cháy gọi là hành khổ, đối với các sự khổ ấy lại tưởng là vui, nếu thấy tướng khổ rõ ràng như mụt nhọt bị cây gai đâm, tất cả mọi nơi thường đau khổ, không đối với thân này sinh một niệm lạc đảo. Lại nữa, phải quán các nghiệp thiện ác vô minh trong quá khứ, sai khiến trói buộc, tâm thức bức ép vào thai ngục, như chim bị nhốt trong lồng có muốn bay đi cũng không được, tâm thức cũng giống như vậy. Lồng bằng bốn đại, trói buộc do sợi dây, tâm ở trong lồng sắc, không chỗ nào không đến, dây nghiệp chưa cắt dứt thì lại trở lại, phá lồng đứt dây thì đi không trở lại, lồng trống mà còn, đây hoại kia thành, ra khỏi lòng vào trong lồng, ấn hoại văn thành, không một niệm dừng trụ. Lại hơi gió nương vào thân gọi là hơi thở ra vào, hơi thở này biến đổi, thở ra không bảo đảm thở vào. Luận Tỳ-đàm chép: Mạng là pháp chẳng phải sắc, chẳng phải tâm. Kinh Đại Tập chép: Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng, một hơi thở ra mà không trở vào gọi là mạng chung. Có Tỳ-kheo bạch Phật: Không giữ gìn bảo đảm bảy ngày, cho đến không bảo đảm hơi thở ra vào! Phật dạy: Lành thay! Khéo tu vô thường. Lại quán các nghiệp cũng như kẻ thù, như quạ giành mồi. Kinh dạy: Sát-na tạo tội, khởi ác,

sẽ đọa vào địa ngục Vô gián. Hối thúc thời tiết còn thành nghiệp nặng, huống chi đêm dài ác niệm, nghiệp thì vô biên, nghiệp như oán trách, thường tìm dịp hại người, hoặc chánh bồi thường sự oán trách này các nghiệp khác không kéo lôi, bồi thường chút ít sắp hết, các nghiệp khác tranh nhau trói buộc, đi ở không kỳ hạn, quỷ vô thường giết hại không chọn người hiền, nguy hiểm không vững chắc, khó có thể cậy nhờ, làm sao mà an nhiên trông mong trăm năm, tìm kiếm khắp bốn phương cất chứa thu góp, cất chứa thu góp chưa đủ cho lâu dài về sau, tất cả của cải luống nhờ người khác mà có, tối tăm mờ mịt đến chết, còn có ai mà dò tìm phải quấy. Nếu người xuất gia có trí tuệ hiểu biết sâu xa, hoặc tinh tấn diệt hỏa mà không ngộ vô thường. Ngạn ngữ nói: Đáng thương người không có năm sắc đẹp, tinh tấn mà không có đạo tâm, chính là nghĩa này. Nếu biết vô thường vượt qua dòng nước xoáy, gió mạnh điện chớp, núi, biển, hư không, chợ không chỗ nào tránh khỏi, quán như thế rồi tâm rất sợ hãi, ăn không ngon, ngủ không yên, như cứu lửa cháy đầu, ngựa trắng làm sao tránh khỏi ngày đêm giong ruổi. Để mong cầu ra khỏi há lại tham chấp tài lợi thế gian kết cấu các cõi, làm việc không lợi ích tạo nghiệp sinh tử ư? Bặt dứt sự trói buộc, siêu vượt lên thẳng, như loài dã can rất thấu đáo sự, tranh nhau thoát khỏi nhà lửa, sớm mong cầu cứu giúp thoát khỏi, đó gọi là phá thường đảo.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 7
(Phần Cuối)

Lại nữa, phải quán từ vô lượng kiếp đến nay thường y cứ vào danh sắc và dùng tưởng, hành mà chấp ngã nhân, hoặc chấp kia do ta tạo tác, bỗng nghe khen chê, cho rằng khen chê ta, đi đứng nằm ngồi tất cả sự vật đều chấp Ngã, như keo bôi vào tay hễ cầm cái gì thì dính cái đó. Kinh dạy: Nếu phàm phu lìa tâm Ngã thì không có việc ấy, nếu không may gặp nghèo khổ thì mất bổn tâm, cũng chấp ngã không dứt, nếu được giàu sang phú quý thì buông lung cậy thế lực, tàn ác độc hại khắp thiên hạ, giận dữ nộ nạt càng tăng thêm oán hại, uổng công vô ích, các nghiệp sinh khởi đều do Ngã làm ra, có ai thay thế được, cầm lửa ngược gió đâu không cháy tây ư? Như người kia ban đêm ở trong phòng nói có quỷ, trời sáng thấy rõ mới biết vốn là người cũ. Lại nữa, người không có trí nên chấp nói có ngã, dùng tuệ quán sát thật không có ngã, ngã ở chỗ nào! Đầu chân từng chi tiết mỗi mỗi quán kỹ, hoàn toàn không thấy ngã, chỗ nào có nhân và chúng sinh? Cơ quan nghiệp lực giả thành nhóm không, từ các duyên sinh nên không có chủ tể, như ngủ qua đêm trong miếu hoang thấy có hai con quỷ tranh nhau thây chết, quán như thế thì Ngã đảo liền dứt. Nếu tu bốn quán phá bốn điên đảo, dứt tâm uất ức sinh khởi sợ hãi, như kẻ thù đuổi, như làm kẻ phản quốc, như đi vào đường nguy hiểm, niệm niệm luôn sợ hãi, chỉ cầu mong thoát khỏi đường hiểm, như nai nghe tiếng người thợ săn thì bỗng nhiên sợ hãi bỏ chạy, dù có gặp cỏ nước cũng không dám dừng lại ăn uống, chỉ mong thoát khỏi, hàng Thanh văn cũng giống như vậy. Nếu nai hiểu rõ phạm vi vây bắt nhỏ mà được thoát nạn, vừa chạy vừa ngoái lại nhìn, thương xót cho tiếng kêu của đàn, tuy có lần lữa lại biết đâu có ích gì, chỉ biết nuốt hơi ngậm tiếng xót thương tiến tới trước, hàng Duyên giác cũng giống như vậy; tự mình thoát khỏi sinh tử, thương tưởng đế chúng sinh, tuy thương xót mà không thể cứu giúp được. Nếu con voi đầu đàn tuy nghe bị bao vây, nhưng không thể nỡ bỏ đi một mình, biết mình đủ sức

mạnh có thể ngăn cản đao tên, bảo vệ các con khiến chúng được an ổn, giúp chúng khỏi bị tổn thương, hàng Bồ-tát cũng giống như vậy, quán rõ các pháp vô thường, vô ngã, tâm tha thiết lo sợ như dẫm đạp trên nước lửa, lại khởi từ bi như mẹ nhớ con, do chúng sinh mê mờ không biết sự khổ thiêu đốt, nay ta làm sao nỡ bỏ chúng sinh mà đi một mình được, an nhẫn trong sinh tử, dùng trí phương tiện giáo hóa thuần thục, tạo tác nhân duyên được độ, đối với công đức Pháp thân tuệ mạng của mình xoay vần thêm lớn, người có duyên căn cơ thuần thục liền ngồi đạo tràng thành Phật, cùng chúng sinh vượt khỏi ba cõi, như con voi đầu đàn kia cùng đồng loại được an ổn. Nếu con voi nhỏ tuy giữ gìn đao tên nhưng cũng bị trúng đao tên, nên mình và đồng loại không ích gì. Bồ-tát sơ tâm muốn vào sinh tử nhưng khi xúc chạm sinh tử liền bị lui sục gốc lành Pháp thân bị phá hoại, tuy nhiên phát tâm đại bi công đức đáng khen ngợi, cho nên Bồ-tát tuy sợ sinh tử nhưng thường cầu gốc lành, gánh vác chúng sinh, không đồng với hàng Nhị thừa, tuy trụ trong sinh tử mà chẳng tham năm dục, chỉ vì muốn cứu giúp chúng sinh, không đồng với phàm phu. Kinh chép: Không trụ điều phục, không trụ bất điều phục, tuy biết vô ngã mà dạy người không mệt mỏi, tuy biết Niết-bàn mà không tịch diệt hẳn, tuy biết bất tịnh mà không nhàm chán xa lìa, tức là nghĩa này. Phần nhiều tu sáu Độ, công đức gốc lành dường như dê thân béo phì, siêng năng quán vô thường thì các nghiệp ác hoại diệt, thường bị chó sói sợ hãi, như dê không có mỡ, đó gọi là tu sự tướng Bát-nhã. Tự hành và giáo hóa chúng sinh, khen ngợi pháp, khen ngợi xưng danh các Đức Phật mười phương được Phật chứng minh cứu giúp, các Đức Phật che chở, xa lìa chướng nạn, được giải thoát, tương ưng với bốn thứ mười tuệ, đó gọi là dầu sự giúp Đạo thêm sáng, v.v... Nếu hoàn toàn không có lý quán, lại không có sự sám hối, thường trông mong Phật ấn chứng, hy vọng lợi ích mưu toan danh vọng, nếu Phật ấn chứng thì không có việc đó. Nếu lý quán không xen hỡ, nhờ sự phá bỏ điều xấu xa, tâm chân thật sám hối, được Phật ấn chứng thì có việc đó, sở dĩ cần sự giúp đạo là như hai muôn ức Phật buộc chân, giữa chừng quên Đại thừa thì không dùng Đại mà hóa độ, lại sáu trăm kiếp dùng tiểu mà phát khởi, khiến họ sợ hãi sinh tử, dần hướng về nhà cha, cho nên biết phải nhờ Tiểu giúp Đại. Lại ban đầu Đức Phật muốn Đại giáo hóa, các Đức Phật không ấn chứng, nếu tư duy phương tiện liền khen ngợi lành thay! Như nhà giàu có con bệnh nên dùng thang hoàng long, cha mẹ đâu tiếc mua thuốc tốt cho con, chỉ mong con mạnh khoẻ mà thôi, uống rồi lành bệnh. Đức Phật có bổn nguyện khiến chúng như ta, đâu tiếc Đại

thừa, việc không đạt được đã phù hợp với căn cơ đối trị, giúp đạo mở cửa, nghĩa cũng như vậy.

Hỏi: Không tu trợ đạo thì Tam-muội không thành, sáu Độ thù thắng hơn đạo phẩm ư? Đáp: Đây có ba câu sáu Độ phá đạo phẩm, đạo phẩm phá sáu Độ, sáu Độ tu đạo phẩm, đạo phẩm tu sáu Độ, sáu Độ tức đạo phẩm, đạo phẩm tức sáu Độ. Như trên đạo phẩm không khế hợp chân, nếu tu sáu Độ thì có thể phá tế, đâu chẳng phải sáu Độ phá đạo phẩm, có khi sáu Độ không thể đến bờ bên kia. Nếu tu đạo phẩm thì được ngộ nhập, đó gọi là đạo phẩm phá sáu Độ, nếu tu sáu Độ trước hết phá sáu tế, tiến tu đạo phẩm nhậm vận có thể thành, đó gọi là sáu Độ tu đạo phẩm, như trên đã nói, tức là đạo phẩm tu sáu Độ, sáu Độ đạo phẩm là tương tức. Đàn tức Ma-ha-diễn, bốn Niệm xứ cũng tức là Ma-ha-diễn, đàn dùng đạo phẩm không hai không khác, không thật có, nói chung các pháp đối với hành không lợi ích, có tướng phá lẫn nhau, đối với hành có lợi ích có tướng tu lẫn nhau, y cứ vào lý có tương tức lẫn nhau, như nhân duyên Tứ đế hữu vô phi hữu vô, rộng trải qua tất cả pháp đều có ba phen, nếu hiểu được ý này thì tự tại giảng nói, v.v... Tại sao sáu Độ thâu nhiếp điều phục nghĩa các căn? Nếu sáu căn không thọ nhận sáu trần thì hợp với các đạo phẩm, xả trừ giác phần tức là đàn độ điều phục các căn. Sáu căn không bị sáu trần làm tổn thương, tức hợp chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng của đạo phẩm, tức là giới độ điều phục các căn. Sáu trần trái tình an nhẫn bất động, tức hợp với bốn thứ niệm trong đạo phẩm, đó gọi là nhẫn độ, điều phục các căn. Giữ gìn căn trần, thường không biếng nhác thì hợp với tám thứ tinh tấn đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn, định tâm bất loạn không bị sáu trần làm mê hoặc thì hợp tám thứ định trong đạo phẩm, đó gọi là Thiền độ điều phục các căn; biết sáu trần vô thường khổ, không, vắng lặng thì hợp với mười thứ tuệ trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn, đây chính là Tam tạng điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ. Lại nữa, biết nhãn không, chẳng thọ nhãn, sắc không, chẳng thọ sắc, vì căn trần không, nên gọi là thường xả hành, cho đến ý không chẳng thọ ý, pháp không, chẳng thọ pháp, gọi là thường xả hành, tức hợp với trừ xả giác phần trong đạo phẩm, đó gọi là đàn độ điều phục các căn. Sắc không nên chẳng thể tổn thương nhãn không, nhãn không không thể tổn thương sắc không, cho đến pháp không, chẳng đắc ý tiện, ý không, chẳng đắc pháp tiện, tức hợp với chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong đạo phẩm, đó gọi là thi độ điều phục các căn. Lại vì nhãn sắc không thì không trái, không thuận, không nhẫn, bất nhẫn, cho

đến ý pháp đều không, không trái, không thuận, không nhẫn, bất nhẫn, thì hợp với bốn thứ niệm, đó gọi nhẫn độ điều phục các căn. Nhãn sắc thường không, không gì chẳng không, Tập này lẽ ra tương ưng với Bát-nhã, cho đến ý pháp thường không, không gì chẳng không, đó gọi là tương ưng với Bát-nhã tức hợp với tám thứ tinh tấn trong đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn. Nhãn sắc không cho nên không loạn, không vị, cho đến ý pháp không, cho nên không loạn không vị, tức hợp với các định trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn. Nhãn sắc không cho nên không ngu, không trí, cho đến ý pháp không, cho nên không ngu không trí, tức hợp với mười thứ trí trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn. Đây là Thông giáo điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ. Nếu nhãn sắc đầy đủ mười pháp giới, mười pháp giới mỗi pháp giới đều có quả báo hơn kém khác nhau, mỗi pháp giới tu nhân sâu cạn có khác, nhân quả cùng tận, không thể cùng tận, dứt bỏ vô vi, phân biệt pháp tướng, không hề ái trước, cho đến ý pháp đủ mười pháp giới phân biệt không chấp trước, tức hợp với trừ xả phần giác trong đạo phẩm, đó gọi là đàn độ điều phục các căn. Phân biệt nhãn sắc cho đến ý pháp vô lượng tướng mạo, không hề sai lầm căn cơ, làm tổn thương gốc lành của người khác, tự mình cũng không bị vô lượng căn trần làm tổn thương, thì hợp với chánh mạng, chánh nghiệp trong đạo phẩm, đó gọi là giới điều phục các căn. Lại đối với mười giới căn trần, hoặc trái, hoặc thuận, tâm kia bất động, an trụ giả trung, năng nhẫn thành đạo sự, tức hợp với các niệm trong đạo phẩm, đó gọi là nhẫn độ điều phục các căn. Lại phân biệt tất cả căn trần, hoặc khởi nạn tâm, khổ tâm, cũng không nửa chừng lui sụt, đối với sinh tử có sức mạnh, tức hợp với tinh tấn trong đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn. Lại phân biệt tất cả căn trần tâm không hoại đoạn, không động không tà vạy, tức hợp với các định trong đạo phẩm, đó gọi là Thiền độ điều phục các căn. Lại phần biệt tất cả căn trần, đạo chủng trí lực, trao thuốc thích hợp, phương tiện khéo léo cũng không đắm nhiễm, tức hợp với các tuệ trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn, đây là Biệt giáo điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ.

Lại nữa, Nếu như Kinh Ương-quật-ma-la chép: Cái gọi là nhãn căn kia đối với các Đức Như Lai là thường, tu đầy đủ không giảm bớt, phân biệt thấy rõ ràng, đó là nhãn căn của chín pháp giới. Đối với Như Lai là thường, chín cõi tự cho rằng mỗi mỗi đều chẳng phải chân, Như Lai quán sát tức là Phật pháp giới, không hai không khác. Không giảm tu là quán các nhãn tức Phật nhãn, một tâm ba đế viên nhân cụ túc không

có thiếu sót giảm bớt. Phân biệt thấy rõ ràng là chiếu soi thật rõ ràng, chiếu quyền là rõ ràng, trong ba trí một tâm năm căn đầy đủ viên chiếu, gọi là hoàn toàn thấy Phật tánh, kiến luận viên chứng tu luận viên nhân. Lại tu đầy đủ, là quán sát nhãn căn xả lậu hai bên gọi là Đàn, nhãn căn không bị hai bên làm tổn thương gọi là Thi, nhãn căn vắng lặng không bị hai bên làm loạn động gọi là Thi-la, nhãn căn và thức tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, gọi là Tinh tấn, quán thật tánh của nhãn căn gọi là Thượng định, dùng nhất thiết chủng trí chiếu nhãn Trung đạo gọi là Trí tuệ, đó là nhãn căn cụ túc không giản tu, vì không giảm cho nên rõ ràng phân minh thấy nhẫn pháp giới, cho đến ý căn kia đối với các Đức Như Lai thường đầy đủ không giảm tu, hiểu biết rõ ràng, đối với mỗi căn tức không, tức giả, tức trung, ba quán một tâm gọi là vô giảm tu, chứng Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, được trong một tâm, gọi là thấy rõ ràng, đều nói như trên. Căn đã như thế, trần cũng như thế, tất cả các pháp cũng giống như thế, đó gọi là Viên giáo điều phục các căn đầy đủ sáu Độ, đây là rốt ráo điều phục, rốt ráo mãn túc, như vậy trợ đạo, trợ cứu cánh đạo, nên biết sáu Độ trùm khắp có thể điều phục tất cả các căn. Đại phẩm chép: Người bố thí, người thọ nhận tài vật không thật có cụ túc Đàn ba-la-mật, quên ba việc không chấp trước, chánh ngay nơi đàn thể, nên gọi cụ túc là thực hành, tài thí, pháp thí gọi là đàn cụ túc, sự lý cả hai đầy đủ, tự tha đều lợi ích, cho nên gọi cụ túc. Sự thì phá pháp san kia nên có thể xả tài, lý thì phá tâm san kia nên có thể xả pháp, hai phá hai xả thể dụng đầy đủ, gọi là Đàn ba-la-mật. Vì sai sáu Độ thuộc về oai nghi Phật? Phật dùng mười Lực, Vô úy, Bật cộng pháp v.v... làm oai nghi, trong một tâm tu bốn đạo phẩm gọi là tu oai nghi Phật, chứng Phật nhãn, Phật trí gọi là đắc oai nghi Phật. Nay y theo lời nói, căn cứ vào đạo phẩm nói thuộc về mười Lực, nếu bốn thứ đạo phẩm tức là bốn thứ Tứ đế trí quyết định nhân quả, biệt tập sinh diệt quyết định chịu khổ trong ba cõi, chắc chắn có việc này, tập sinh diệt nếu đến Niết-bàn vô dư thì không có việc ấy, nếu đạo sinh diệt có thể hết khổ, nhập Niết-bàn, thì có việc ấy, nếu đạo sinh diệt đến ba cõi thì không có việc ấy, cho đến tập của vô tác thông đến biến dịch, thì có việc ấy, nếu thông đến Niết-bàn vô thượng thì không có việc đó, nếu đạo vô tác diệt, thông đến nhất thiết chủng trí thì có việc ấy, nếu thông đến Nhị thừa thì không có việc ấy. Bốn nhân quả ấy ở trong một tâm biết quyết đoán rõ ràng, gọi là xứ phi xứ lực, cho nên Đức Như Lai ở trong Phật pháp làm Sư tử hống (tiếng rống Sư tử), chỉ ở trong pháp ta có bốn quả sa-môn, tức là nghĩa này. Nghiệp báo trí lực, biết bốn thứ tập là biết nghiệp, biết khổ

là biết báo, đạo diệt cũng như vậy, phân biệt bốn thứ nghiệp báo sâu cạn không lầm lẫn, là hai lực này. Biết năng lực thiền định, là tám định trong bốn thứ đạo đế, phân biệt sâu cạn, chiếu rõ không khác nhau, đó là ba lực. Biết căn dục tánh lực, là biết quá khứ khổ tập khác nhau gọi là căn lực, biết hiện tại khổ tập lạc dục khác nhau gọi là dục lực, biết khổ tập vị lai được mất khác nhau gọi là tánh lực đó là bốn, năm, sáu lực. Biết đến chỗ đạo lực, là nơi đến của Bốn đạo đế, đó là bảy lực. Biết túc mạng thiên nhãn, là chiếu quá khứ một đời, nhiều đời, chủng tánh xấu tốt, tuổi thọ ngắn dài, gọi là Túc mạng lực, chiếu chỗ sinh ra xấu tốt của đời vị lai gọi là Thiên nhãn lực, đó gọi là tám, chín lực. Lậu tận lực, là bốn thứ diệt đế sở chứng vô lậu tâm tuệ v.v... là giải thoát. Một pháp môn mà có bốn thứ, như lời nói bí mật của vua thì vị quan có trí mới hiểu ý. Phật nói mười Lực chung cho bốn căn cơ, không để cho kẻ tiểu hủy báng đại, làm tổn hại công đức kia, không để đại chứng đắc hơn tiểu ức chế gốc lành kia, tất cả đều nghe, đều đạt được lợi ích, không mưu cầu quyền xảo nên gọi là Năng Nhân. Bồ-tát là vị quan có trí hiểu sâu mật ngữ, biết ý ở Tam tạng liền hỏi về sinh diệt, trịnh trọng hỏi han giúp người có duyên mau ngộ, cho đến biết ý tại viên, hoặc tụng vô tác, hoặc hỏi vô tác, khiến kia được hiểu, một âm đặc biệt xướng lên muôn người nghe đều vui, khẩu mật vô biên, nghĩa không cùng tận. Chỉ có bốn giải thích đâu đủ để nghi ngờ ư?

Hỏi: Mười Lực là oai nghi của Phật, hàng Sơ tâm làm sao học được, làm sao đắc được? Đáp: Đại luận chép: Bồ-tát thực hành Bát-nhã, mười Lực, Vô úy không nên trụ, nếu Phật đối với Phật pháp không có lỗi lầm vậy thì nên trụ. Nếu Bồ-tát không có Phật pháp thì làm sao nói về Trụ? Giải thích rằng: Bồ-tát tu công đức Phật, nhiều đời chấp nặng, vì phá tâm nặng này cho nên nói không nên trụ. lại Bồ-tát phần đắc mười Lực, Vô úy, do chưa rốt ráo cho nên không trụ. Nếu vậy, trước tuy tu mà chưa đắc, sau nói nhập địa vị đâu có liên quan đến hàng Sơ tâm, nếu theo phẩm Thập Trụ Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Bồ-tát nhân sơ phát tâm đắc mười Lực phần. Thiên tử Chánh niệm hỏi Pháp Tuệ rằng: Đại sĩ sơ tâm tu mười Lực phương tiện, làm sao biết nhà, chẳng phải nhà mà xuất gia học đạo, thế nào là phương tiện tu tập phạm hạnh đủ thập trụ đạo mau thành Bồ-đề? Đáp: Bồ-tát trước hết phải phân biệt mười thứ pháp, nghĩa là ba nghiệp và Phật, Pháp, Tăng, giới, nếu thân là phạm hạnh, phạm hạnh hỗn trược tám vạn hộ trùng, nếu thân nghiệp là phạm hạnh thì bốn oai nghi nhìn, ngó, cất bước, hạ bước, nếu miệng là phạm hạnh thì âm thanh xúc chạm tâm, môi răng lưỡi đều động, nếu

khẩu nghiệp là phạm hạnh thì đó là ngữ ngôn, cho đến giới là phạm hạnh, giới tràng, mười chúng vấn thanh tịnh, giới sư bạch tứ yết-ma thế phát khất thực v.v... đều là phi phạm hạnh. Phạm hạnh ở đâu? Ai có phạm hạnh? Ba đời bình đẳng giống như hư không, đó gọi là phương tiện. Lại thêm tu tập tăng thượng mười pháp, đó là mười Lực sâu xa vô lượng. Quán như vậy thì mau đắc tất cả công đức của các Đức Phật, lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, biết tánh chân thật của tất cả Pháp thân đầy đủ trí tuệ, không phải do người khác mà ngộ được, văn võ rõ ràng như vậy, chẳng phải hàng Sơ tâm tu chứng mười Lực. Lại kinh Địa Trì chép: Bồ-tát biết Như Lai tạng văn tư hạnh trước, tu tự tánh thiền, được nhập nhất thiết thiền. Nhất thiết thiền có ba thứ: 1) Hiện pháp lạc, hiện pháp lạc cho nên gọi là Hoan hỷ địa. 2) Xuất sinh thập lực chủng tánh Tam-ma-bạt-đề và Nhị thừa trừ nhập. 3) Lợi ích chúng sinh thiền. Thập trụ là Văn tuệ, Thập hạnh là Tư tuệ, đây văn tu trước để tu tự quán, nhập nhất thiết thiền đắc đủ ba pháp, đâu chẳng phải sơ tâm có tu có chứng, ba y cứ rõ ràng. Đạo phẩm sáu Độ và mười Lực của Phật xoay vần thâu nhiếp lẫn nhau đều như trên nói, nếu tu đạo phẩm sáu Độ tức là tu mười Lực của Phật, hoặc điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ, tức là đầy đủ mười Lực, trụ nơi oai nghi Phật không khác. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Lực là giúp đỡ hơi sức, không thể cùng tận. Luận Địa Trì chép: Được thắng, có khả năng chịu đựng gọi là lực. Đối với mười chỗ đều như thật, xa lìa luống dối, chiến thắng ma quân, tự thực hành cho nên gọi là đắc thắng, có thể dùng phương tiện lợi ích chúng sinh cho nên nói kham năng. Song Phật lực vô lượng, đâu chỉ nói mười, thật là nhất trí duyên mười việc cho nên nói mười, mười việc này hóa độ chúng sinh đầy đủ, nêu hơn mười cũng có thể biết. Kinh Ương-quật chép: Mười Lực là Thanh văn tông chẳng phải Ma-ha-diễn. Đại thừa có vô lượng lực. Hai kinh này giải thích càng rõ ràng ý bốn thứ mười Lực. Vì sao đạo phẩm thuộc về bốn Vô sở úy? Nhất thiết trí vô úy, tức là biết đủ bốn thứ khổ đế, vì người khác phân biệt chỉ bày rõ lỗi lầm, quyết định tướng sư tử hống không có sự sợ hãi, không thể nạn vấn rằng là pháp hay chẳng phải pháp. Chướng đạo vô úy là bốn thứ tập đế ngăn chướng bốn đạo diệt, quyết định tướng sư tử hống, không có sự sợ hãi, không thể nạn vấn rằng đây chẳng ngăn chướng đạo. Tận khổ đạo vô úy là bốn thứ đạo đế năng hành đạo ấy, được hết khổ, vượt khỏi thế gian, quyết định tướng sư tử hống, không có sự sợ hãi. Vô lậu vô úy tức bốn thứ diệt đế đều có sở chứng, đều có sở diệt, quyết định tướng sư tử hống không có sự sợ hãi, đạo phẩm vô úy xoay vần thâu nhiếp nhau,

nếu tu đạo phẩm sáu Độ tức là tu vô úy, trụ oai nghi Phật. Đại luận chép: Nội tâm đầy đủ là lực, ngoài dụng không yếu hèn gọi là Vô úy. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Một pháp gọi là vô úy, vì sao lại nói bốn? Đối với bốn việc ấy không nghi ngờ nên gọi là bốn. Đức Phật đối với tất cả pháp vô úy, vì sao chỉ có bốn? Nêu đại khái mở bày nguyên nhân của sự việc, ngoài ra cũng vô úy. Thâu nhiếp mười tám pháp Bất cộng, ban đầu thân miệng không lỗi lầm cả hai thứ này là bốn thứ đạo phẩm chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, được cung cấp cũng không cao ngạo, bị khinh hủy cũng không tự ty, gọi là định tâm, bốn oai nghi thường ở trong định gọi là vô bất tri dĩ xả, hai pháp này là bốn thứ đạo phẩm trong tám thứ định. Tu thân giới tâm tuệ không thể cùng tận, gọi là dục vô giảm, Từ bi độ người an trụ vắng lặng, không thêm không bớt gọi là tinh tấn vô giảm, vô lượng kiếp vì tất cả chúng sinh chịu khổ, không nhàm chán, gọi là niệm vô giảm, ba pháp này là bốn thứ đạo phẩm trong tám thứ tinh tấn. Thường chiếu soi tâm chúng sinh trong ba đời, không cần phải quán mà nói pháp cho họ nghe, không quên niệm trước gọi là tuệ vô giảm, nhớ việc ba đời không quên gọi là giải thoát vô giảm, tự nhiên giác ngộ không đồng Nhị thừa gọi là giải thoát tri kiến vô giảm, lấy tất cả trí tuệ thân nghiệp làm gốc, được trí tuệ vô ngại nói không thể cùng tận, gọi là thân nghiệp cùng trí tuệ hành, niệm và ý cùng trí tuệ hành cũng giống như vậy. Mười một pháp là bốn thứ đạo phẩm trong mười thứ tuệ kết thành ý nhiếp pháp như trên nói. Nhiếp bốn Vô ngại trí, pháp vô ngại: là bốn thứ Tứ đế pháp tên gọi. Tên gọi từ tâm phân biệt, nếu vô tâm thì lấy gì làm tên, đã thấu đạt một tâm vô lượng tâm, cũng biết một tên gọi vô lượng tên gọi, tên gọi không thể cùng tận, đó gọi là pháp vô ngại. Nghĩa vô ngại: Các pháp, các tên gọi đều quy về một nghĩa, đó là như thật nghĩa, gọi là nghĩa vô ngại. Từ vô ngại: Chúng sinh trong mười pháp giới ngôn từ khác nhau đều hiểu rõ hết, âm từ trong mười cõi hòa nhập vào một âm từ, biết một cõi tức biết mười cõi, không có ngăn ngại, gọi là từ vô ngại. Lại, pháp là pháp môn Tứ đế, nghĩa là bốn thứ đạo đế, từ là bốn thứ khổ đế v.v... Nhạo thuyết vô ngại: dùng bốn thứ Tứ đế khéo léo phó thác cơ duyên xoay vần giao kết lẫn nhau, nói không thể cùng tận khiến cho người khác thích nghe, đối với một chữ nói tất cả chữ, tất cả nghĩa đi đến tất cả âm, ngay nơi căn tánh ấy đều thấm nhuần lợi ích, tổng kết thâu nhiếp ý như trên nói. Thâu nhiếp sáu thông: Ba thông nhãn, nhĩ, như ý, như trong điều phục các căn nói, Tha tâm, túc mạng, lậu tận như trong mười Lực nói. Thâu nhiếp ba minh: Như trong sáu thông nói. Thâu nhiếp bốn Nhiếp: Hoặc

thuộc về bố thí tức trong bốn thứ đạo phẩm từ xả giác phần; ái ngữ tức trong bốn thứ đạo phẩm chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng; lợi hành động sự tức tám định trong bốn thứ đạo phẩm, định có thần lực cho nên có thể lợi hành đồng sự v.v... Nhiếp Đà-la-ni: Hành trì các pháp lành như đồ đựng lành lặn chứa đầy nước, ngăn ngừa các pháp ác như vướng gai làm ngăn quả trái, tức là bốn thứ đạo phẩm trong bốn Chánh cần. Siêng năng ngăn được hai điều ác, siêng năng làm phát sinh hai việc lành cho nên luận Thập trụ Tỳ-bà-sa có bài kệ rằng:

Dứt rồi sinh pháp ác
Cũng như giết rắn độc
Chưa dứt sinh pháp ác
Như phòng dự dòng nước
Thêm lớn rồi sinh lành
Như tưới trồng quả ngọt
Lành chưa sinh sẽ sinh
Như dùi gỗ ra lửa.

Thuộc về ba mươi hai tướng, Luận Bà-sa chép: Trong phẩm Tướng của luận A-tỳ-đàm chép: Trong mỗi tướng có ba thứ phân biệt, đó là tướng thể, tướng nghiệp, tướng quả. Đại luận chép: Trăm kiếp gieo trồng ba mươi hai tướng, tức là nghĩa ấy. Lại dùng Tam tạng đạo phẩm, trông mong vào đạo phẩm sáu Độ, cuối cùng không ngoài thí, giới, tuệ v.v... Văn nhiều không xác thật nhiếp hết ý có thể biết. Nếu Thông giáo tưởng thể nghiệp quả, không giống với ở trên. Hoặc dùng tướng cầu Phật chuyển luân Thánh vương tức là Như Lai. Là người hành tà đạo, Phật nói ba mươi hai tướng tức chẳng phải ba mươi hai tướng, mỗi mỗi đều dụng, tâm Không động tịnh, tương ưng với không nên mới gọi là Tướng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Bồ-tát nhất tâm tu tập ba mươi hai tướng nghiệp, đều lấy tuệ làm căn bản tức không tuệ, nếu vậy ba mươi hai tướng đều là đạo phẩm, thuộc về thập tuệ và trí độ, tức ý của Thông giáo. Lại nữa, hai thứ đạo phẩm giáo môn trước nói nhân đắc tu tướng nghiệp luận về quả có tướng thể, nhưng tướng này nhỏ hơn Luân vương, ma có thể hóa thành, cho nên chẳng đặc biệt nhập Niết-bàn vô dư, tướng thì diệt hẳn, thí như được đồng, không thể chiếu soi mặt Nhị thừa và Tam tạng, Phật đều chứng đắc chân chánh, không có hình tượng pháp giới, nên biết hai đạo phẩm trước chẳng tu tướng pháp, như hai đạo phẩm sau là pháp tu tướng. Kinh Pháp Hoa chép: Hiểu sâu tội phước, tướng chiếu khắp mười phương, Pháp thân thanh tịnh vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng. Nếu chứng Trung đạo, Trung đạo tức đầy đủ

tướng này, như trong kinh Pháp Hoa hàng Nhị thừa khai thị ngộ nhập vi diệu, hợp với Trung đạo, tức cùng tám tướng Phật thọ ký, thí như được gương soi thì muôn tượng sẽ hiện hình, Đại thừa chứng đắc Trung đạo thì không nơi nào không hiện.

Tướng Pháp thân là chân tướng. Kinh Tịnh Danh chép: Đã xả bỏ thế gian thì sẽ có tướng tốt. Luân Vương Ma-la, tướng thế gian trang nghiêm thân, đều là luống dối cho nên nói đã xả, Trung đạo nêu rõ gương soi vốn không có các tướng, vô tướng mà tướng, đẹp xấu do kia, nhiều ít trụ duyên, hiện khắp sắc thân, tức là tướng chân thật. Kinh Quán Vô Lượng thọ chép: Đức Phật A-di-đà có tám mươi bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám mươi bốn ngàn tướng tốt. Tát-già Hoa Nghiêm đều nói: Tướng là đại tướng hải, hảo là tiểu tướng hải. Đã nói tướng hải thì đâu có hạn cuộc ở số ba mươi hai ư? Vì duyên khác nhau, nhiều ít tại kia, tướng này chân thật, làm chỗ biệt viên, thuộc về hai đạo phẩm, nghĩa tự có thể biết, không thể ủy thác giao phó. Nên biết sáu Độ trợ đạo thâu nhiếp các pháp lành vô lượng vô biên, nêu mười hai điều trên để chỉ bày đầu mối nghĩa, biết các thứ khác cũng thâu nhiếp, trợ đạo còn như vậy, huống chi chánh đạo v.v...

8. Nói về thứ lớp địa vị: Chân vị và tự vị có giải thoát tri kiến, đỏ tím rõ ràng, không bao giờ lầm lẫn, nghĩa là chưa đắc cho là đắc, chấp bốn gốc lành cho là Sơ quả, cho Sơ quả là Vô học, tự biết chỗ nào đoạn chứng, chưa đoạn chứng. Tuy danh vị bốn môn có khác nhau, đoạn và đế lý yếu kém nhưng không khác, hàng Nhị thừa đa luận, một đời dứt kết thời tiết đã rút ngắn, giáo môn rõ ràng, phần lớn đồng, chỉ khác chút ít, không đổi thay chuyển động, giáo môn của Bồ-tát chẳng những thường đi xa mà trí đoạn cũng khác, đường tắt mới đặt biệt quy về một đường. Về sáu Độ, tăng-kỳ ban đầu chưa biết thành Phật, tăng kỳ thứ hai biết mà không nói, ba tăng-kỳ tự biết mà cũng nói, trăm kiếp gieo trồng tướng đại nhân, đầy đủ năm công đức gọi là bất thoái địa, đều là tự vị. Ngồi đạo tràng thành Phật mới gọi là chân vị, đây là dạy hàng Sơ học nông cạn, còn có thứ lớp địa vị, đâu có phàm phu tâm tạo liền nói thượng vị, đây chẳng phải tăng thượng mạn, suy tìm với ai ư? Nhị thừa Thông giáo địa vị tự chân, trí tuệ khác với Tam tạng, đoạn vị không khác, nếu địa vị Bồ-tát rõ ràng khác nhau, phân biệt danh nghĩa Thông Biệt như Pháp Hoa Huyền Nghĩa v.v... Biệt giáo hoặc đoạn trí vị, hàng Nhị thừa đui điếc chẳng phải cảnh giới của họ cho nên gọi là Biệt, một phen trông mong thâu nhiếp nói về các địa vị nói trong Kinh Hoa Nghiêm chính là nghĩa ấy. Nhưng nghĩa của Biệt giáo phần nhiều tùy theo căn cơ

mà nói có sai khác, ngang thì bốn môn khác nhau, dọc thì thứ lớp sâu cạn, không thể nhất định chấp một kinh mà cho là phải trái. Lại Bồ-tát hoặc soạn Thông luận giải thích kinh, hoặc soạn Biệt luận giải thích kinh, như ngài Long Thọ soạn một ngàn bộ luận, ngài Thiên Thân và các vị Bồ-tát soạn luận cũng đâu có lường được, so sánh với đây thì ít, đâu được chỉ chuyên một ý mà chẳng bác bỏ các môn khác, nếu cẩu thả khen chê sai lầm phương tiện của Đức Phật thì tự chuốc lấy sự tổn hại, mong muốn đường thông suốt thì ngược lại thành bị tắc nghẽn. Nay nêu rõ địa vị Biệt giáo bốn môn khác nhau, nói các thứ không đồng, tuy đường xá bờ ruộng kia ngay thẳng đến cùng, phương này tuy chưa có nhiều luận mà bốn môn trước suy tìm, như Thông giáo nói các giai vị biết đó đồng là chân đế, Biệt giáo nói các địa vị biết đó đồng là Trung đạo. Kinh chép: Tuy nói các thứ đạo mà kỳ thật là vì Nhất thừa. Kia đã nói pháp thảy đều đến Nhất thiết trí địa, hiểu được ý này thì sự hồ nghi dễ dứt và không nảy sinh sự đấu tranh.

Đoạn trên phá tư giả trung rồi, nói lược về các giai vị, nếu muốn biết nên đến đó tìm xem v.v... Nay lại có mười ý dung thông Phật pháp: 1) Nói về đạo lý, vắng lặng bặt dứt, quên lìa, bất khả tư nghì tức là bốn Đế ba hai một vô tùy tình trí v.v... hoặc khai hoặc hợp, nếu hiểu ý này thì đạo lý quyền thật lặng lẽ tự chiếu. 2) Giáo môn giềng mối khuôn khổ phép tắc vững chãi, bao gồm bí mật và hiển lộ, Đại thừa và Tiểu thừa, tức là tiệm đốn, bất định, bí mật, tạng thông, biệt viên, nếu hiểu được ý này nghe dạy bảo khai hợp hóa đạo có thể biết. 3) Kinh luận mâu thuẫn, lời nghĩa trái nhau, không thể dùng sự thông minh riêng tư, không thể dùng sự hiểu biết rộng rãi, xưa nay chanh chấp nối nhau thay đổi không dứt, nếu hiểu được ý bốn Tất-đàn thì sự kết buộc được khai thông, hoài bão nhỏ nhặt được phân tích nêu lên sự tự tại, không lầm đây nghi kia. 4) Nếu biết lầm chấp mà sinh ngăn chấp thì khéo phá sạch hết, đơn phức cụ túc không ngôn ngữ nào theo cho tận cùng, năng phá như sở phá, có chỗ nào đắc ư? 5) Kết chánh pháp môn đối đương hành vị, tu có phương tiện, chứng có thứ lớp khác nhau, quyền thật đại tiểu hiền Thánh không lầm lẫn, tội tăng thượng mạn từ đâu mà sinh? 6) Đối với mỗi pháp môn dọc ngang không ngăn ngại, đầu mối theo nhiều thứ lớp chồng chất lên thành chương. 7) Khai chương khoa đoạn, liền nối nhau, sinh khởi đáng yêu. 8) Viết chép giải thích: Văn kinh uyển chuyển hay ho tốt đẹp, đều dùng các phương pháp trên, tùy ngôn ngữ mà giải thích, nghĩa thuận mà văn thích hợp. 9) Phiên dịch Phạn Hán, danh số gồm thông, khiến phương ngữ không bị tắc nghẽn. 10) Mỗi câu mỗi bài kệ,

như nghe mà tu, nhập tâm thành quán, quán phù hợp với kinh, quán thì có ấn chứng, ấn tâm tác quán chẳng phải đến châu báu cho người khác, chỉ phiên dịch danh số, không rảnh để rộng suy tìm. Chín ý không giống với Pháp sư văn tự thế gian, cũng không giống với thiền sư sự tướng. Có một loại Thiền sư chỉ có quán tâm nhất ý, hoặc nông cạn, hoặc luống dối, chín thứ còn lại hoàn toàn không có, đây chẳng phải ngôn ngữ luống dối, các bậc hiền giả sau này có nhãn căn sẽ chứng biết. Thứ vị là một trong mười ý. Như thứ vị của Viên giáo, trong cảnh giới của Bồ-tát thì nên phân biệt rộng, nhưng kia chứng nay tu cho nên cần phải phân biệt sơ lược. Hoặc bốn thứ Tam-muội tu tập phương tiện, thông như trên nói, chỉ Pháp Hoa sám riêng y cứ sáu thời trong năm pháp sám hối làm phương tiện, nay cứ năm phương pháp sám hối nói về vị tướng kia, trước biết mười tâm nghịch thuận mà duyên theo thật tướng, đó là đệ nhất sám, thường xuyên sám hối không gì không sám, nhưng tâm lý sâu xa bí mật quán dụng không thận trọng bị sự xấu xa đen tối ngăn che, khó mà khai bày hiểu rõ, gắng vận dụng thân miệng, giúp phát ý nghiệp, khiến mau tương ưng, càng tăng thêm năm pháp sám hối. Sám là trình bày bộc bạch tội trước, hối là sửa chữa lỗi lầm đã qua, tu làm việc lành sắp tới, trí Phật chiếu khắp, lòng từ của Phật thu nhiếp cùng khắp, ta dùng thân miệng đảnh lễ dưới chân Phật, nguyện đấng Thế gian nhãn chứng minh cho ta sám hối, ta từ vô thỉ kiếp đến nay tạo vô lượng tội, làm ngăn chướng đạo Phật, bị vô minh che lấp không hiểu biết chân chánh, từ trong ba cõi trói buộc làm động thân miệng ý, khởi mười tội ác đối với Tam bảo sáu thân bốn sinh năm đạo làm việc không lợi ích, phá hoại người phát tâm Tam thừa, gây năm tội nghịch, bảy tội nghịch, tự làm xúi người khác làm, thấy người làm vui theo, ứng hiện thân đời sau chịu các khổ não, như Bồ-tát ba đời cầu Phật đạo thì sám hối, ta cũng như vậy, tự mình bị tối tăm đắm chìm, không có mắt trí tuệ, khi nói lời này lệ đều tuôn rơi, chí thành chân thật, năm vóc gieo sát đất như cây nghiêng đổ, bẽ gảy ngã nhân và các điều ác dẹp hết, đó gọi là sám hối. Khuyến khích: Gọi là kỳ cầu, hàng Thanh văn tự độ sám hối tội lỗi của mình, hàng Bồ-tát thương xót chúng sinh mà cố hành đạo, cho nên cần phải khuyến thỉnh, nay ta biết tội còn không được giải thoát, chúng sinh không biết nên trải qua nhiều kiếp xoay vần trong vòng sinh tử, ta không đủ sức cứu vớt nên cầu thỉnh các Đức Phật trong mười phương. Các Đức Phật vì thương xót chúng sinh không phân biệt lớn nhỏ chỉ tùy theo nguyện, Đại luận có nói về thỉnh bất thỉnh v.v...

Thỉnh quay chuyển pháp luân, đó là khuyến, thị, chứng, khiến đối

với Tứ đế sinh nhãn trí minh giác, đó gọi là tam chuyển. Có người nói thỉnh nói Tam thừa gọi là tam chuyển, nếu Phật có nói pháp thì chúng sinh chứng đắc Niết-bàn, cho dù chưa đắc sẽ giúp cho họ thọ hưởng sự an vui thế gian, nếu được Phật hứa khả thì tất cả được an vui, ta dự liệu tất cả tội khổ cũng dứt, như cầu mong mưa khắp nơi, ta có ít ruộng cũng được thấm nhuần tốt xanh. Thỉnh trụ thế: Mạng tùy nghiệp mà được trụ, biến hóa tùy tâm mà được trụ, tâm dừng thì sự biến hóa cũng diệt, nay ta thỉnh Phật làm lợi ích chúng sinh như cây đèn lớn, chớ dừng tâm biến hóa, trụ lâu ở đời làm an ổn độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là khuyến thỉnh. Tùy hỷ tức là khánh bỉ. Đức Phật đã ba phen quay chuyển pháp luân, chúng sinh được lợi ích ba đời, ta cho kia được vui mừng. Lại nữa, ta nên khuyến hóa khiến cho họ được phát sinh điều lành, điều lành kia tự phát sinh cho nên ta vui mừng, vui mừng cho chúng sinh trong ba đời sinh phước đức tốt lành, ba đời Tam thừa vô lậu thiện, ba đời các Đức Phật từ sơ tâm đến nhập diệt, tất cả các điều lành, ta đều vui theo, cũng dạy người khác vui theo, như mua bán hương, ba người đứng bên cạnh đều ảnh hưởng mùi thơm, năng hóa, thọ hóa và tùy hỷ ba điều lành bình đẳng, quán chúng sinh bị mê hoặc thật đáng thương xót. Quán việc lành của chúng sinh nên sinh tâm cung kính, thường không xem nhẹ, hiểu biết sâu xa, có đủ chánh duyên, tuy chưa phát nhưng sẽ được sinh, trống độc xa gần đều phải chết, cho nên kính như Phật. Vì sao? Vì các Đức Phật trong đời vị lai là số vô lượng. Chữ thâm này là ý tùy hỷ, nhân pháp nêu lẫn nhau. Hồi hướng: Là hồi chuyển các điều lành hướng về Bồ-đề, tất cả Hiền Thánh công đức rộng lớn, nay ta vui thọ phước cũng rộng lớn, chúng sinh không điều lành, ta dùng điều lành để bố thí, bố thí cho chúng sinh rồi chánh hướng đến Bồ-đề, như hướng tiếng thổi thì tiếng dội nghe xa, hồi hướng là lợi ích lớn. Chính hồi hướng này dứt trừ ba cõi, diệt các hý luận, làm khô bùn lầy phiền não, diệt rừng gai nhọn, xả trừ trọng tội, không lấy, không nhớ, không chấp, không đắc, không phân biệt nơi chốn, năng hồi hướng sở hồi hướng, các pháp đều vọng tưởng hòa hợp cho nên có. Tất cả pháp thật bất sinh, vì vô nên nay sẽ sinh, vì vô nên nay sẽ diệt, các pháp đã như vậy ta tùy thuận theo các pháp vui theo hồi hướng, như các Đức Phật ba đời đã thấy biết và hứa khả, đó gọi là chánh hồi hướng chân thật, cũng gọi là tối thượng cụ túc đại hồi hướng, thì không hủy báng Phật, không mắc lỗi lầm, không bị trói buộc, không độc hại lỗi lầm. Đâu chỉ hồi hướng như vậy, ba đời trước một đời sau cũng vậy. Luận Tỳ-bà-sa chép: Tôi nên sám hối như vậy, khuyến thỉnh tùy hỷ phước hồi hướng với Bồ-đề.

Phát nguyện: Là thệ, như hứa cho người vật, nếu không phân chia thì vật bất định, bố thí cho chúng sinh điều lành nếu không tra xét tâm, hoặc sợ hối hận lui sụt thì gia thêm thệ nguyện. Lại không thệ nguyện thì như trâu không có người điều khiển sẽ không biết phương hướng mà đi. Hành trì nguyện thì tương lai tốt đẹp, cũng gọi Đà-la-ni giữ thiện ngăn ác, như ngói được nung bằng lửa mới có thể thành vật, hàng Nhị thừa sinh tử đã hết cho nên không cần nguyện, Bồ-tát đời đời hóa độ chúng sinh nên cần phải có tổng nguyện, biệt nguyện. Tứ hoằng là tổng nguyện. Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm đều nói mỗi một việc lành Đà-la-ni đều có Biệt nguyện, nay nơi đạo tràng ngày đêm sáu thời thực hành pháp sám hối này, phá các tội ác nghiệp lớn, khuyến thỉnh phá tội hủy báng pháp, tùy hỷ phá tội ganh ghét, hồi hướng phá tội ràng buộc trong các cõi, thuận theo Không, Vô tướng, Vô nguyện, sở đắc công đức không thể hạn lượng, thí dụ tính toán so sánh cũng không thể nói được. Nếu siêng năng thực hành năm pháp sám hối phương tiện trợ giúp khai mở quán môn thì một tâm ba đế bỗng nhiên khai sáng, như tới gương soi thấy rõ tất cả mầu sắc, ở trong một niệm viên giải thành tựu, không gia thêm công lực, nhậm vận rõ ràng, chánh tín vững chắc không gì lay động, đây gọi là lòng tin sâu sắc, tâm tùy hỷ tức địa vị của hàng đệ tử Sơ phẩm. Phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Có chúng sinh nghe Phật ở thế giới kia thọ mạng lâu dài, dù chỉ sinh một niệm tin hiểu thì được công đức không thể hạn lượng, có thể sinh khởi trí tuệ vô thượng của Như Lai, hoặc nghe kinh mà không hủy báng khởi tâm vui theo, nên biết chúng sinh ấy đã tin hiểu sâu xa, là văn của sơ phẩm. Lại dùng viên giải quán tâm, tu hàng năm pháp sám hối, lại thêm đọc tụng khéo nói nghĩa nhiệm mầu tương hợp với tâm như mỡ giúp cho lửa thêm cháy, vậy thì tâm quán càng rõ ràng gọi là đệ nhị phẩm (phẩm thứ hai). Văn chép: Huống chi người đọc tụng, thọ trì, thì người ấy tức là đảnh lễ Như Lai, lại dùng thêm phẩm thắng tâm tu hành năm pháp sám hối, lại thêm nói pháp, chuyển biến sự hiểu biết, dẫn dắt làm lợi lạc người trước, do rộng cứu giúp cho nên hóa công đức trở về mình, tâm lại hơn trước gọi là đệ tam phẩm. Văn chép: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, tự ghi chép hoặc bảo người khác ghi chép, cúng dường quyển kinh thì không cần xây chùa tháp cúng dường chúng sinh. Lại dùng tâm tinh tấn tu hành năm pháp sám hối, gồm tu sáu Độ, được phước đức gấp bội, giúp cho sự quán tâm thêm một phen tinh tấn sâu xa gọi là đệ tứ phẩm. Văn chép: Huống gì có người thọ trì kinh này, gồm tu hành sáu Độ, công đức của người ấy cao quý vô lượng vô biên, thí

như hư không cho đến nhất thiết chủng trí. Lại dùng tâm này tu hành năm pháp sám hối, chánh tu sáu Độ, tự tu hành giáo hóa chúng sinh, sự lý đầy đủ, tâm quán vô ngại càng cao xa hơn trước không thể so sánh thí dụ, gọi là đệ ngũ phẩm. Văn chép: Giảng nói cho người khác nghe bằng mọi cách, giữ giới thanh tịnh, nhẫn nhục không sân, chí niệm vững chắc, thường ưa ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, trí tuệ lợi căn, phải biết người ấy đã đến đạo tràng, gần đến tam-bồ-đề, nếu thế thì địa vị Ngũ phẩm ở trước Thập tín. Nếu theo Phổ hiền quán tức dùng Ngũ phẩm làm Thập tín ngũ tâm. Nhưng ý Phật khó biết tùy căn cơ mà nói khác, nhờ đây mà khai hiểu, đâu nhọc tranh cải v.v... Lại nữa, nay một chương này là quán cảnh ấm giới nhập, phải y cứ vào ấm nhập mà phân biệt thứ lớp. Có chỗ nói hắc ấm giới nhập là thứ vị trong ba đường ác, bạch ấm giới nhập là thứ vị trong ba đường lành, ấm giới nhập thiện phương tiện là tự vị của Tiểu thừa, ấm giới nhập vô lậu là địa vị chân thật của Nhị thừa, ấm giới nhập biến dịch là địa vị của năm hạng người, pháp tánh ấm giới nhập thường sắc, thường thọ, tưởng hành thức tức là Phật vị v.v... lại, giả danh ngũ phẩm đã chuyển rõ thanh tịnh, hoát nhiên nhập vào văn tuệ, thông đạt không dính mắc, tin sâu khó lay chuyển, tức là Tín tâm. Thứ lớp như vậy niệm tấn tuệ định Đà-la-ni giới hộ hồi hướng nguyện v.v... Thập tín đầy đủ, gọi là địa vị sáu căn tương tự thanh tịnh, bốn trụ đã hết. Kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm, giả biệt hẳn vòng khổ trong ba cõi tức là ý này. Kế là nhập Sơ trụ, phá vô minh, thậy Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, tánh chân thật không từ người khác mà ngộ là ý này. Thứ lớp bốn mươi hai địa vị như vậy, rốt ráo Diệu giác không có xen lẫn, đó gọi là biết thứ vị.

9. An nhẫn: Có khả năng an nhẫn thành tựu việc đạo, không lay động cũng không lui sụt, tâm ấy gọi là Tát-đỏa. Bắt đầu quán theo thứ lớp từ ấm giới đến thức, tám pháp chướng chuyển tuệ khai mở, hoặc chưa nhập phẩm vị, hoặc nhập Sơ phẩm thần trí lanh lợi. Như dao nhọn chém sương bay, xúc chạm vật liền đứt đoạn, hàng Sơ tâm thông minh nhìn xa thấy rộng, vượt xa nơi đây, vốn không đợi học mới có thể hiểu kinh luận, xem nghĩa sớ khác, biết rõ tông đồ, muốn giải thích một điều thì phân biệt rõ không thể cùng tận, như dấu kín trong lòng kho tàng báu vật. Âm thầm siêng năng tính tấn sẽ được nhập phẩm vị, hoặc tiến sâu phẩm vị, chí niệm bền vững, không thể thay đổi làm phương pháp thù thắng lâu dài, nhưng cái kim nhọn để trong bọc, khó che đậy dễ lòi ra, hoặc thấy người giảng không hợp lý, hoặc thấy người hành đạo không

thấu suốt, từ bi chỉ dạy liền bị bao vây chung quanh, hễ có giảng nói, hoặc khuyên bảo chúng sinh, bên trong ngứa ngáy, bên ngoài lay động, liền nói một, hai câu pháp, hoặc chỉ bày một, hai tiết thiền, ban đầu đối với một người mà truyền bá, dần dần rộng rãi thì không được dừng lại. Ban đầu cho rằng có ích, làm lợi ích cho người khác, càng thêm mầu nhiệm, phế bỏ sự tu hành, chẳng những phẩm trật không tiến bộ mà còn làm chướng ngại đạo. Voi con sức yếu thân bị đao tên giết hại. Múc nước nóng đổ vào băng lại thêm băng nhóm. Luận Tỳ-bà-sa chép: Phá hỏng Bồ-tát. Ngày xưa Thiền sư Nghiệp Lạc danh vang khắp sông biển, đến đâu thì bốn phương nhóm họp kính ngưỡng, khi đi thì trăm ngàn thành đàn, ẩn ẩn hiện hiện cũng có lợi ích gì đâu, khi sắp qua đời đều hối hận. Vũ Tân than rằng: Một đời trông mong nhập địa vị Đồng luân, lãnh chúng quá sớm thì sở cầu không thành công. Nguyện văn chép: Lựa chọn kỹ càng phép tắc cao quý có thể làm gương. Tu hành đến đây xét tự châm chước, trí lực khỏe mạnh, phải rộng làm lợi ích, như voi lớn quản thúc đàn của nó, nếu kia không như vậy lại phải an nhẫn tu sâu Tam-muội, tu hành thành tựu, giáo hóa không muộn. Đại luận chép: Bồ-tát lấy độ người làm sự nghiệp, vì sao chỉ tự làm cho mình tốt ở chốn núi sâu? Đáp: Như uống thuốc thì thân thể sẽ khỏe mạnh, thân tuy xa lìa tâm không xa lìa. Nếu đến sáu căn thanh tịnh, gọi là ban đầu nương người, nếu có nói pháp cũng có thể tin nhận, một tiếng phát ra làm cho người nghe khắp nơi đều vui mừng, đó là địa vị hóa tha, nếu vậy thì không vượt ngoài hai tên giặc mạnh yếu, vì sao như vậy? Vì tự tu hành chuyển thành đối với người khác có phân biệt, voi lớn giữ gìn bảo vệ, đao tên không hại được, ánh sáng mặt trời chiếu soi ở thế gian lâu dài tự trị, đây là năng lực an nhẫn. Nếu bị danh dự trói buộc, sợi dây lợi dưỡng, quyến thuộc tụ tập, trong thì chướng ngại xâm chiếm, bên ngoài thì hết cành lá, phải sớm suy tìm, chớ thọ nhận, chớ dính mắc, nếu tìm không được lại bị dính mắc, nên che đức lộ, ngọc dương cuồng ẩn thật, che giấu vàng bạc quý báu chớ để cho trộm thấy, nếu ẩn dấu mà không thoát thì phải một chuyến muôn dặm, đi đến phương khác, không quen biết nhau, ưa được học đạo như Cầu-na-bạt-ma v.v... Nếu danh lợi quyến thuộc từ bên ngoài đến phá thì nhớ ba pháp này cắn răng chịu đựng. Tuy có ngàn muôn lời thỉnh cầu nhưng đích xác khó vượt qua, nhường nhịn, ẩn dật hay bỏ đi ư? Nếu phiền não nghiệp định kiến mạn v.v... Từ trong đến phá cũng nên nhớ ba pháp, tức không tức giả tức trung, cho dù mổ xẻ nghiền nát xương thịt, tâm cũng không lay động tán loạn, mặt đất trấn áp cũng không bị nhận chìm, gió lớn phất nhẹ,

băng lạnh chẳng lạnh, lửa mạnh đâu nóng. Tâm ngay thẳng chánh quán đâu được coi nhẹ, chứng chút ít thiền liền lấy làm vui, vừa thấy việc ác nhỏ liền lấy làm lo, đồ dùng chưa nung dễ vo tròn, am đẹp khó thật. Đại phẩm chép: Vô lượng người phát tâm Bồ-đề phần nhiều rơi vào địa vị Nhị thừa, vì muốn làm việc lớn cần phải an nhẫn, nếu hiểu được ý này thì không cần chín cảnh, nếu ai chưa hiểu thì lại nói rộng.

10. Không pháp ái: Thực hành chín việc trên vượt qua chướng ngại trong ngoài nên được nhập chân, nhưng không nhập là do pháp ái trụ trước mà không được trước. Luận Tỳ-đàm chép: Noãn pháp còn lui sụt, nếu lập năm căn, nhẫn trên phát chân thì không luận lui sụt, Đảnh pháp nếu sinh tâm ái, đáng nhập mà không nhập, vì bốn tội trọng, năm tội nghịch, thông biệt đều có nghĩa đảnh đọa, đã không nhập vị, lại không rơi vào Nhị thừa. Đại luận chép: Ba Tam-muội là tự đạo vị, khi chưa phát chân thì hỷ có pháp ái, gọi là đảnh đọa. Nay người hành đạo muôn người không đến được địa vị đó, được đến địa vị đó khéo tự ngăn phòng giữ gìn, đến địa vị đó không còn bị nội ngoại chướng mà chỉ có pháp ái, pháp ái khó dứt bỏ, nếu có tra xét kỹ điều này chẳng là việc nhỏ, thí như đồng thuyền mà một đi, một dừng, dừng tức là trụ trước. Lại nữa, tuy không chấp cát cũng không chấp bờ, do gió dừng cho nên trụ, không chấp cát dụ cho không chướng ngại bên trong, bờ dụ cho chướng ngại bên ngoài, mà sinh pháp ái không trụ gió dừng, không tiến không lùi gọi là đảnh đọa. Nếu phá pháp ái tức nhập vào ba giải thoát, phát Trung đạo chân thật, tất cả thân trí tuệ không từ người khác ngộ, tự nhiên vào dòng biển Tát-bà-nhã, trụ vô sinh nhẫn, cũng gọi là Tịch diệt nhẫn, dùng Thủ-lăng-nghiêm du hý thần thông, có trí tuệ rộng lớn như nước biển lớn, tất cả công đức chỉ Phật mới biết được, nay Chỉ Quán tiến thú, phương tiện ngang bằng đây mà thôi! Công đức nhập trụ ở đây không nói, sau sẽ lập lại rõ ràng.

Mười pháp ấy gọi là Đại thừa Quán, người học Thừa ấy gọi là Ma-ha-diễn. Thế nào là Đại thừa? Như Kinh Pháp Hoa chép: Trưởng giả đều ban cho các con cùng một thứ xe lớn, xe kia cao rộng trang nghiêm bằng các thứ báu, lan can chung quanh, bốn mặt đều treo linh, ở trên lại có màn trướng lọng treo, cũng được trang sức bằng các thứ trân báu kỳ lạ, các dây báu đan xen vào nhau, rũ xuống các thứ hoa anh lạc, lớp lớp trải bày, chung quanh an trí như gối đầu lên nhau, xe ngựa thì dùng bò trắng khỏe mạnh, mầu sắc đầy đủ sạch đẹp, thể hình tuyệt hảo, có sức mạnh vĩ đại, đi bộ trên đất bằng nhanh như gió, lại có nhiều người hầu hạ đi theo bảo vệ. Đại thừa Chỉ Quán cũng giống như vậy.

Quán niệm niệm tâm đều là pháp tánh thật tướng, đó gọi là cùng một loại xe lớn. Nơi mỗi một tâm tức không, tứ giả, tức trung đó gọi là đều ban cho xe lớn. Thấu suốt nguồn gốc ba đế gọi là cao, thâu tóm mười pháp giới gọi là rộng. Vô lượng đạo phẩm gọi là các báu trang sức, bốn thứ ấy siêng năng ngăn ác làm lành. Lại nguyện đời sau hành trì vững vàng bền chắc gọi là lan can chung quanh, nghĩa và từ của pháp rõ ràng tuyên bày khắp nơi, khai mở sự giác ngộ gọi là bốn mặt treo linh. Lòng từ bao che cùng khắp, không bỏ sót hạn cuộc nơi nào, gọi là giăng lọng che màn trướng. Đạo phẩm thâu nhiếp mười Lực vô úy, mười tám pháp Bất cộng không đồng với kia, gọi là trân báu kỳ lạ trang sức. Bốn thệ nguyện rộng lớn vững chắc tâm không lui sút gọi là dây báu đan xen quyện vào nhau. Bốn thứ nhiếp vật không gì không được ưa thích gọi là rủ xuống các thứ hoa anh lạc; các thiền Tam-muội, khởi sáu thần thông gọi là lớp lớp trải bày chồng chất chung quanh; Bốn môn quy về tông, dứt bặt các hành gọi là an trí trên gối son. Trí tuệ bốn Niệm xứ phá trừ tám thứ điên đảo tối tăm gọi là bò trắng kéo. Bốn Chánh cần thêm lớn hai điều lành gọi là cao lớn mạnh khỏe. Ngăn dứt hai đường ác, hai đường ác dứt sạch cho nên gọi là các sắc đẹp đầy đủ sạch sẽ. Bốn Như ý túc biện tài tự tại gọi là hình thể tốt đẹp. Năm căn vững chắc không thể lay động gọi là cân, Năm lực thêm mạnh ngăn các pháp ác gọi là Lực. Bảy giác phân biệt, chọn lựa gọi là hành bộ (đi bộ). Tám Chánh đạo an ổn gọi là bằng phẳng. Đối trị giúp đạo rộng thâu nhiếp các pháp gọi là nhiều người phụ giúp bảo vệ. Phá pháp ái vô minh, vào biển Tát-bà-nhã, nhanh chóng phát chân, gọi là kia nhanh như gió, chuyên chở các con vui vẻ sung sướng. Đây là pháp môn Đại thừa quán độ đầy đủ hợp với kinh kia cho nên gọi là Đại thừa quán. Lại nữa, tất cả pháp đều là Nhất thừa, xét rằng người có tâm đầy đủ pháp mầu như thế gọi là Lý thừa, Như Lai không nói thì không thể biết, do nghe vui mừng đảnh lễ thọ trì tức Danh tự thừa, nhân nghe danh cho nên y theo lời dạy tu hành nhập địa vị Ngũ phẩm gọi là Quán hành thừa, được sáu căn thanh tịnh gọi là Tương tự thừa. Từ trong ba cõi vượt ra trụ trong Tát-bà-nhã, đó cũng không trụ, nếu nhập Sơ trụ cho đến Thập trụ, được thừa chân thật, đi đến phương Đông, Thập hạnh dạo chơi phương Nam, Thập hướng dạo chơi Tây phương, Thập địa đạo chơi ở Bắc phương. Xoay vần không bờ bến, đắc không mà chỉ, chỉ ở trung ương, tức là Diệu giác, thẳng đến đạo tràng, là ý này. Người đời nay cho rằng bỏ ác chấp không là Đại thừa, Không này còn không tránh khỏi sáu mươi hai ác kiến đơn phức, đâu được động xuất là Thừa, dù mượn làm thừa, chỉ một ngốc thừa,

không có pháp môn để độ, chánh pháp đại thành kho báu kim cương, đầy đủ không thiếu, đâu có chỗ nào mà không, đâu phải dung chứa ngốc không mà thôi! Nếu vậy thì ngồi thừa tà kiến đi vào đường hiểm ác là xe lừa què mà thôi!

Ngồi ngay ngắn quán ấm nhập như trên nói, trải qua chuyên đối cảnh quán ấm giới, duyên là lục tác, cảnh là sáu trần. Đại luận chép: Đối với duyên sinh tác giả đối trần sinh thọ, như trong tùy tự ý nói, nếu Bát-nhã thường thực hành, kinh Pháp Hoa Phương Đẳng hành phân nửa, hoặc quét dọn làm việc đều có hành động, tùy tự ý rất nhiều. Nếu không đối với hành mà tu tập quán thì làm sao mau tương ưng với đạo lý, phân biệt sơ lược tướng ấy, theo như trước chia làm mười:

Ban đầu là quán cảnh: Như giở chân lên, đặt chân xuống, mỗi bước là sắc pháp, sắc do tâm vận chuyển từ đây đến kia, tâm này nương sắc tức là sắc ấm, lãnh thọ hành này tức thọ ấm, đối với hành chấp ngã tức tưởng ấm, hoặc hành thiện, hành ác tức hành ấm, hành trong tâm tức thức ấm, hành trần đối với ý thì có giới nhập, cho đến nhãn sắc ý pháp cũng giống như vậy, ấm giới nhập này khi giở chân lên, đặt chân xuống thảy đều đầy đủ. Ấm nhập như thế tức là vô minh hợp với hành ấm, sinh ra ấm giới nhập trong lành, ấm giới nhập không khác vô minh, vô minh tức là pháp tánh, pháp tánh tức là pháp giới, tất cả pháp hướng về trong hành là hướng về nơi không lầm lỗi. Một ấm giới nhập là tất cả ấm giới nhập, một, nhiều, không một không nhiều, không ngăn ngại nhau, đó gọi là cảnh bất tư nghì trong hành. Khi đạt được cảnh này thì đồng sinh với từ bi, khởi lo nghĩ mình bị hôn trầm, vô lượng kiếp đến nay thường bị ấm nhập mê hoặc lừa dối, nay mới bắt đầu hiểu biết tất cả chúng sinh đều là Nhất thừa, mê say điên đảo thật đáng thương xót, thệ nguyện phá vô minh làm chỗ nương cho chúng sinh, an tâm nơi định tuệ, vắng lặng chiếu soi. Tâm đã được an, khắp phá tất cả kiến tư hoặc, vô tri vô minh, làm ngăn chướng ba đế, ngang dọc đều phá sạch, lại khéo biết thông bít, chẳng bao giờ đối với thông mà sự chấp thuốc thành bệnh, khéo biết đạo phẩm tươi khô niệm xứ, giữa hai cây sa-la nhập Bát-niết-bàn. Lại khéo biết trong hành đối trị sáu Độ giúp mở cửa Niết-bàn, hiểu sâu thứ vị, biết ngã hành này chưa đồng với bậc thượng Thánh, hỗ thẹn tiến tu không dừng nghỉ, đối với hành thì bên ngoài hàng phục danh lợi, bên trong hàng phục chướng, an nhẫn bất động, pháp ái dính mắc chớ để cho đỉnh đọa, mười pháp thành tựu thế nhập địa vị Đồng luân, chứng vô sinh nhẫn được một xe lớn cao rộng, trang nghiêm thanh tịnh trang sức bằng các báu, xe kia nhanh như gió đùa giỡn vui sướng. Thừa

là xe, là xe báu đi thẳng đến đạo tràng, đây là y cứ vào hành duyên tác quán, trí vỏ trấu vô minh, hiển bày gạo pháp tánh, giở chân lên, đặt chân xuống từ đạo tràng đến đầy đủ Phật pháp, lệ theo trước có thể biết, duyên đi đã vậy, đứng ngồi nằm nói năng tạo tác, lệ theo trước có thể hiểu. Ba Tam-muội không có pháp nằm, tùy tự ý thì có, ngày xưa có vị quốc vương trong lúc nằm mà ngộ Bích-chi-phật, cho nên biết trong lúc nằm được có quán hạnh, v.v...

Đối cảnh: Y cứ vào nhãn chấp ngã nói rằng ngã nhân thọ, một trần có ba, cộng chung là mười tám thọ: Nhãn thấy sắc có năm ấm, ba giới, hai nhập, theo như trước nói. Lại kinh Di-lặc Tướng Cốt chép: Một niệm thấy sắc có ba trăm ức, năm ấm sinh diệt, mỗi mỗi năm ấm tức là chúng sinh. Nếu như thế thì khi nhãn đối sắc sao chỉ có năm ấm, ba giới, hai nhập. Nếu quán nhãn sắc như thế thì gọi laà giảm sự tu trì, chẳng phải Ma-ha-diễn, nếu quán nhãn sắc ở nơi các Đức Như Lai thường đầy đủ, không giảm tu nhãn thức đến nhập môn, nhãn sắc một niệm tâm khởi tức là pháp giới, đủ tất cả pháp, tức không tức giả tức trung. Bốn câu cầu không thật có cho nên nói tức không, như tướng sắc Di-lặc một niệm ba trăm ức năm ấm sinh diệt, cho đến một địa mười địa sắc tướng đã vậy, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy. Như ngoại đạo đánh đầu lâu làm tiếng, nghe biết nơi phát sinh, biết vô lượng sự, hương vị xúc v.v... cũng giống như vậy, cho nên nói tức giả, giả không nhất định là giả, không chẳng nhất định là không, thì chẳng phải không chẳng phải giả, nếu một Pháp nhãn chẳng phải không chẳng phải giả thì tất cả pháp cũng chẳng phải không chẳng phải giả, giống như hư không hữu vô đều vắng lặng hẳn, cũng như mặt trời mặt trăng không chỗ tối nào mà không chiếu sáng. Tuy không có không giả mà song chiếu song giả, chiếu nhân duyên thô sắc gọi là nhục nhãn, chiếu nhân duyên tế sắc gọi là Thiên nhãn, chiếu nhân duyên sắc không gọi là tuệ nhãn, chiếu nhân duyên sắc giả gọi là Pháp nhãn, chiếu nhân duyên sắc trung gọi là Phật nhãn. Năm nhãn trong một tâm đầy đủ, chẳng phải đầy đủ nhục nhãn máu huyết của phàm phu, cũng chẳng phải thiên nhãn mà các vị trời chứng được, cũng chẳng phải tuệ nhãn bị đắm chìm trong không của Nhị thừa, cũng chẳng phải mắt phân biệt của Bồ-tát, chỉ dùng Phật nhãn có đủ năm lực, như các dòng đều chảy vào biển, mất tên gọi gốc, cho nên Đức Phật hỏi Thiện Cát (Tu-bồ-đề) rằng: Như Lai có Năm nhãn căn không? Đáp: Có. Đều cho rằng Như Lai có, thì đâu có liên quan gì đến nhãn của phàm phu Nhị thừa! Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Đầy đủ năm nhãn thành Bồ-đề. Do ba quán một tâm gọi là không giảm tu, do

một nhãn đủ năm lực gọi là thấy rõ đến nhập môn, cũng là viên chứng, đối với nhãn trong ngoài tự tại, nhãn nhập chánh thọ, tỷ Tam-muội khởi, tỷ nhập nhãn khởi, tuy động mà vắng lặng, vắng lặng mà không chướng ngại động, tuy vắng lặng mà động, động mà không chướng ngại vắng lặng, tuy thấy mà không thấy, không thấy mà thấy, mới gọi là thấy rõ đến nhập môn.

Hỏi: Đức Phật đầy đủ năm nhãn nên chiếu soi năm cảnh. Kinh chép: Ta dùng năm nhãn mà không thấy ba tụ chúng sinh, kẻ ngông cuồng ngu si không thấy co mắt mà nói thấy ư? Lại nói: Thấy sắc đồng với mù, đã đồng với mù thì đâu được thấy sắc thô tế ư? Đáp: Năm cảnh đều là thật tướng sâu xa, thật tướng đều không thể thấy, vì không thể thấy cho nên dụ như mù, tuy không thể thấy mà sự thấy không giảm bớt. Năm nhãn thông suốt các cảnh rõ ràng, tuy nói năm chiếu nhưng chiếu đâu hẳn là có, tuy nói như mù nhưng mù đâu hẳn là không! Kinh Tịnh Danh chép: Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy, tức là ý này, đó gọi là cảnh bất tư nghì. Nhãn của ta và nhãn của chúng sinh không hai không khác, vì sao chúng sinh không hay không biết, liền khởi tâm từ bi, thệ nguyện phải độ thoát, muốn đầy đủ nguyện này phải an tâm định tuệ, dùng Chỉ Quán phá khắp các pháp. Đối với nhãn sắc biết rõ thông bít, không như đường có trùng, đối với nhãn ấm tu bốn Niệm xứ, chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, khô tươi cả hai đều bỏ mà nhập Niết-bàn, học các phương pháp đối trị, giúp mở ba cửa giải thoát, biết rõ sáu tức, không khởi tâm xen lạm ngã sở, quán nhãn tuy có đủ năm nhãn, chỉ là tên gọi, chỉ là quán hạnh. Nếu dần dần thấy ngoại chướng, sau mới thấy mười phương. Như Phổ Hiền quán mau thấy đại thiên, như ngài Thường Bất Khinh tiệm đốn cả hai thấy sáu căn dùng lẫn nhau, ta đều chưa biết lên thềm, không nên khởi tâm kiêu mạn, phải hổ thẹn siêng năng tu hành, như dựng đức lập danh, phải nhẫn nội ngoại chướng, an như Tu-di. Pháp ái không sinh thì không dính mắc, xe kia nhanh như gió là chứng nhãn chân thật, nương một xe lớn thẳng đến đạo tràng, nếu đối với nhãn được nhập nhiều, đối vơi nhãn rộng làm Phật sự, thường phát ra ánh sáng vàng ròng chiếu khắp tất cả. Kinh Tịnh Danh chép: Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng làm Phật sự. Nhãn sắc một phen thọ đã vậy, hai thọ còn lại cũng giống như vậy, ngoài ra năm căn, năm trần mười lăm thọ cũng giống như vậy, nói rộng như trước, đem ý trước độ nhập sáu căn dụng, chỉ khiến cho phá bỏ phiền não, không câu chấp thường khoa. Nếu từ trong tai được xe lớn thì thường dùng âm thanh làm Phật sự, trong mũi dùng hương, trong lưỡi dùng vị, trong thân

dùng áo trời, trong ý dùng vắng lặng, một căn Phật sự dùng chung các căn, phương tiện lợi vật thì khác nhau, giúp cho chúng sinh được an vui rốt ráo.

Nếu có thể siêng năng thực hành như trên, ở trong một đời thì sẽ không có lỗi lầm, tuy nghe mà không dùng như rắn hổ mang nhớ ngọc, đâu có lợi ích đối với rắn dài ư? Nay dùng ba thí dụ: Thí dụ với đắc thất, kẻ thất phu mạnh tu trị một đao, một mũi tên, phá một mũ hai mũ, được ban thưởng một lạng vàng, một nén bạc, bổng lộc thấm nhuần đến một vợ một con người như vậy chỉ lợi khí giới, mang kích ruổi ngựa đi trước để rao truyền mệnh lệnh, đâu cần rộng biết binh pháp! Nếu muốn cho nước nhà hùng mạnh không bị xâm lấn thì phải giỏi văn võ, tính toán nơi màn trướng, phân rõ thông suốt muôn dặm, sợ học sâu xa, chỗ phá cũng lớn, được hưởng rất nhiều bổng lộc, tuy biết mà không dùng, dùng mà luôn bị thua còn không thể giúp thân, đâu sánh kịp với người ư? Người học thiền quán cũng giống như vậy, chỉ biết duy nhất một Pháp Hoặc chỉ hoặc quán trù tính phá điều ác nhỏ, tâm vắng lặng hành đạo, được chút ít thiền định thâu nhiếp một ít quyến thuộc, liền cho là đủ, như kẻ thất phu đánh nhau đó thôi! Muốn làm Đại Thiền sư phá đại phiền não, hiển bày vô lượng pháp lành, lợi ích vô lượng duyên thì phải học mười pháp Chỉ Quán, thấu đạt ý thú, đối với sáu duyên sáu thọ hành dụng tương ưng, phiền não chợt khởi thì liền có quán, quán sai lầm tiêu biểu cho sự mạnh mẽ, việc khó hiểu như búi tóc được châu, nếu hiểu mà không dùng, dùng mà không được, lại phản thầy, mê hoặc tâm, đạo làm sao yên ổn được ư? Lại như người nông dân chỉ biết cách làm ruộng, mới cứu một người được một mâm nem, đâu cần học cỏ gốc thần nông ư? Muốn làm vị đại y thì phải rộng xem xét bệnh của tất cả chúng sinh để trị liệu, chuyển mạch, chuyển tinh, thường dụng, thường nghiệm, ân cứu giúp rộng lớn, người học thiền cũng giống như vậy, chỉ chuyên một pháp, đối trị sự mê hoặc liền bỏ, ngay lúc này mà không có lợi ích thì cuối cùng cũng chẳng có ý vị gì đáng ghi nhớ, cũng không thể phá phiền não nhập vô sinh nhẫn. Tuy rằng có thầy thuốc giỏi mà không nương theo phương thức để uống thì bệnh đâu có lành được ư? Đọc tụng Chỉ Quán rất lợi ích, tâm không hành, dụng vô sinh thì không bao giờ hiện tiền được. Lại như học nghĩa chỉ muốn một hỏi một đáp, khoe khoang một thời, đâu cần rộng tìm kinh luận, muốn làm pháp chủ phải giỏi các bộ khác, tuy thầm hiểu nhiều chỗ mà không hội xuất chúng, yếu hèn không có khả năng đáp lại, nếu không nhút nhát sợ hãi, gặp cơ hội trăm phen thì đáp lời vô phương, đáp lời hỏi ngang dọc, đó

gọi là Pháp sư, người tu quán cũng giống như vậy. Quán hành nếu rõ ràng thì có thể trải qua duyên đối cảnh, xúc xứ đắc dụng, nếu không như vậy thì ma quân làm sao có thể phá được, bệnh nặng phiền não nhờ đâu mà trừ được, pháp tánh nghĩa lý sâu xa làm sao hiển bày, ba việc không phân biệt rõ ràng, bận rộn nhiều việc, chỉ là phàm phu sinh tử, chẳng phải phương tiện học đạo.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 8
(Phần Đầu)

Thứ hai, Quán cảnh phiền não: Ở trên, ấm giới nhập không ngộ thì chúng sinh ấy chẳng thích hợp mà quán sát không dừng, phiền não lay động, tham sân phát tác. Vậy thì xả ấm nhập, quán sát phiền não. Trước hết quở trách năm dục biết lỗi tội của năm dục, bỏ cái là xả ấm nhập bình thường, quán sát quả báo, ở trong đó cầu sự hiểu biết, nay quán sự phát tác sinh khởi dữ dội, nặng về tham sân, như sắt không hợp với lửa nhưng đen, nếu hợp với lửa thì phải là đỏ. Lại, pháp quả báo tầm thường không lúc nào mà không bị quở trách, xả bỏ thì dễ, nếu sinh khởi phiền não muốn khống chế thì khó. Vì sao? Vì tuy sân nhưng can gián kịp thời thì sẽ dứt hết, nay phát sinh sự hung dữ gầm thét đáng sợ, sinh ra điên đảo vọng tưởng chợt khởi chợt diệt, nay phát sinh sự ấm ức mà không bỏ, đời sau sắc dục ức chế có thể dừng lại, nay phát sinh không phân biệt ngựa chết, huống gì là chủng loại. Đây do mê hoặc bên trong phát sinh mạnh mẽ hừng hực, nếu thấy cảnh bên ngoài tâm cuồng loại, mắt tối tăm, thí như dòng nước bất giác cuồn cuộn chảy, cảnh tượng ấy có sóng lăn tăn khởi, cũng như người mạnh khỏe không biết có năng lực xúc chạm, phiền não nằm nép phục như có như không, đạo tràng sám hối quán ấm giới nhập, như sư tử gầm thét tiếng vang động khắp nơi, nếu không biết thì có thể lôi kéo người vào tội nặng, chẳng những Chỉ Quán không thành lại còn làm cho tội nghiệp thêm nhiều, rơi xuống hầm sâu tâm tối, không thể thoát khỏi, vì nghĩa ấy cho nên phải quán cảnh phiền não. Quán này chia làm bốn: 1. Nói lược về tướng ấy. 2. Nói về nhân duyên. 3. Nói về trị khác. 4. Tu Chỉ Quán.

1. Nói lược về tướng ấy: Trước hết giải thích tên gọi, phiền não là pháp hôn mê, phiền muộn làm não loạn tinh thần, lại cùng tâm tạo tác phiền muộn, làm cho tâm bị não loạn, tức là kiến tư lợi độn, một phần số này, năm độn sử đâu hẳn là tham sân, như các loài động vật mềm nhũn cọ quậy, không suy tìm lý, nhưng con ngao mỗi khi cử động thì

giương to mắt. Thường là bò dưới đáy, thấp hèn yêu kém đâu thường chấp trước đi đứng nằm ngồi, thường khởi tâm chấp ngã cho nên năm độn chẳng phải không lợi ích. Năm lợi đâu chỉ là kiến hoặc, tư hoặc, nay y cứ vào phần vị không để lầm lẫn nhau, nếu chưa sinh khởi thiền thì tuy có trí thế gian, suy lý phân biệt thông minh, thấy tướng còn yếu kém, tất cả mười sử đều thuộc về độn, nhân nơi định phát sinh kiến chấp, tâm kiến chấp mạnh mẽ, tất cả mười sử từ gượng thọ tên đều thuộc về lợi, như hai người đồng học, một người đắc ý pháp tranh cãi thì mạnh, một người đắc ngôn ngữ thì tranh cãi yếu, đắc ngã như không, thiền đắc ý như phát định. Nếu phát định rồi mà khởi kiến hoặc, như sở quán ở dưới. Nếu chưa phát định mà khởi phiền não chính là sở quán này. Nếu trong lợi có độn thì kiến đế chỉ dứt, đối với lợi độn thì vẫn còn. Trong luận Tỳ-đàm cho rằng độn trên lợi là gọi trái với sử, ở trên khi kiến đế đoạn thì chánh sử đã bỏ, sự trái ngược với sử cũng bỏ, tư duy cũng giống như vậy. Nếu khai mở độn này thành tám mươi bốn ngàn, nay chỉ tóm lược làm bốn phần, ba độc riêng phát thành ba phần, như ba cảnh đẳng duyên gọi là đẳng phần, ba độc riêng khởi thì giác quán chẳng nhiều, ba độc đồng khởi gọi là giác quán nhiều, hoặc ít hoặc nhiều đều gọi là tán động, đều làm chướng ngăn định, vô ký là quả báo tán động thì không chướng ngăn định. Kinh chép: Từ diệt định xuất nhập trong tán tâm, trong tán tâm lại nhập các định, tán không ngăn chướng định, tức là nghĩa này. Thành luận chép: Tán tâm bao gồm cả ngu si vô tri, làm chướng ngăn định, nếu vậy tán gồm cả sân dục, sao không chướng ngăn định ư? Nay giải thích riêng có ý như trên, trong xả cái có nói. Nhưng tướng phiền não rộng không thể cùng tận, hoặc phân biệt đầy đủ chướng ngại quán môn. Kinh Pháp Hoa chép: Trong hai mươi năm thường làm việc hốt phân, phân tức là pháp phiền não ô uế, nếu phân sạch thì được giá trị một ngày, nếu trụ phân biệt nhiều ít thì không bao giờ được giá trị, nay quán phân phiền não cầu được tiền trí tuệ, chẳng muốn tướng phân biệt kiến tư hoặc. Nếu vậy thì năm trăm vị La-hán lấy gì phân biệt, vì giữ gìn Phật pháp, làm người dẫn dắt chúng sinh, thông hiểu các thứ khó khăn, phải phân biệt rộng, nay chính là vào đạo, sức chưa đầy đủ cũng đối với quán chẳng gấp, chỉ biết chung bốn phần phân uế siêng năng mà hốt bỏ, nếu từ không nhập giả thì phải bỏ sự phân biệt. Lại nữa, lợi độn hợp lại đều tóm tất chia làm bốn phần, đồng là giới nội cùng Nhị thừa đoạn gọi chung là phiền não, nếu giới ngoại chia làm bốn phần, hàng Nhị thừa không dứt gọi là biệt phiền não, nếu làm tương quan thì đâu được lìa thông có biệt, thông hoặc làm

cành, biệt hoặc làm gốc, đắc chân trí đoạn cành, đắc trung trí đoạn gốc, nếu tác bất tư nghì thì chỉ còn giới nội, phiền não tức Bồ-đề, đâu được chẳng phải là biệt hoặc, đã như trước nói.

2. Nói về nhân duyên phiền não sinh khởi: Nhân duyên có ba thứ như ở sau sẽ nói, tướng khởi có bốn câu: sâu mà không lợi, lợi mà không sâu, vừa sâu vừa lợi, không sâu không lợi, tức thuộc về thông đồ quả báo hoặc tướng, bình thường liên quan đến nhau cho nên nói chẳng sâu chẳng lợi. Ba câu khởi động khác thường tức thuộc về phiền não phát tướng, khi phát sâu nặng không thể cấm chỉ, xúc đối cảnh càng tăng thì không thể ngăn chế, đó gọi là tướng sâu, thường thường phát khởi, thường thường sâu nặng, cho nên gọi là lợi, lợi mà không sâu, sâu mà không lợi, y cứ theo đây có thể biết. Về nhân duyên: 1. Tập nhân chủng tử. 2. Nghiệp lực trói buộc tạo tác. 3. Ma kích thích phát động. Tập: Từ vô lượng kiếp đến nay phiền não chứa nhóm sâu nặng, thành tựu hạt giống, huân tập nối nhau, như ngựa chạy, như dòng nước trôi thuận theo bất giác chạy nhanh. Tóm lại thì biết gắng sức chạy nhanh, hành nhân mặc cho phiền não trôi chảy vào biển sinh tử, đều do không giác biết. Nếu tu đạo phẩm thì ngược với các dòng sinh tử, phiền não cao ngất sinh khởi, chỉ nên khuyên cố gắng lên, đặc biệt xuất ra khỏi ngày đêm gồm cộng. Nghiệp: từ vô lượng kiếp đến nay hành động ác thành tựu, như mang oán trách, đâu được khiến ông tu đạo xuất ly cho nên nghiệp ác sinh khởi, phá hoại quán tâm, làm cho pháp lành không lập, như dòng sông vắng lặng bất giác nổi sóng, gió mạnh chợt đến, sóng như các hòn núi liên tục nối tiếp, nếu chiếc thuyền bánh lái bị vỡ thì phải chánh niệm nhất tâm, trước sau người đi thuyền mới được thoát nạn. Ma: Nếu làm ma đi là thuộc về dân, cho nên không động loạn, nếu hành đạo vượt ngoài ba cõi, bỏ ba cõi này nương tựa cõi kia, mười quân thâu nhiếp nắm bắt, cho nên mê hoặc sâu xa lanh lợi tự nhiên đến, như nước dưới biển lớn tuy không có gió thổi động mà nước hút sạch hết, muôn vận thoát nhanh, sức không thể chống lại nổi, chỉ chuyên tâm xưng sinh hiệu Phật mới được thoát khỏi. Nếu y cứ vào lửa làm ví dụ thì phủi dũ như thói quen, gió phong tục quạt như nghiệp, thấm nhuần phù hợp như ma, nghiệp ma như ở dưới sẽ nói, quán tập chuyển động phiền não là sở quán ở đây.

3. Cách trị khác nhau: Cách trị của Tiểu thừa có năm, đối với chuyển, bất chuyển bao gồm đầy đủ, năm thứ này cùng trị bốn phần phiền não, khởi ngăn chướng đạo như nghiệp cảnh ở dưới v.v... Đối trị: Một phần phiền não thì có ba thứ, hợp thành mười hai, đối với ở đây

cũng có hai mươi, như đối với giặc bày trận, đó gọi là đối trị. Chuyển trị: Như bất tịnh là tham dục đối trị, mà chẳng thích nghi với kia, nên dùng tịnh quán được thoát, chuyển tu từ tâm, niệm dùng tịnh pháp an vui đâu lại thêm uế nhục, đó gọi là chuyển trị. Nếu người sân thì dạy bất tịnh, người si dạy tư duy biên vô biên, người trác táng dạy dùng trí tuệ phân biệt, đây là bệnh bất chuyển mà trị chuyển, đều gọi là chuyển trị. Nếu thuốc và bệnh đều chuyển thì vừa gọi chuyển trị vừa gọi là đối trị. Bất chuyển trị: Bệnh tuy chuyển trị cuối cùng không chuyển nên tu pháp này chỉ để trị đây, trị chuyển bất chuyển bệnh cho nên gọi là bất chuyển trị. Gồm trị: Bệnh gồm thuốc cũng gồm, như tham dục gồm sân bất tịnh, phải có từ tâm, bệnh gồm một, hai, thuốc cũng gồm một, hai, đó gọi là gồm trị. Cụ trị: Cụ là dùng pháp trên cùng trị một bệnh, đó gọi là Tiểu thừa trước dụng năm trị sau dùng đế trí, liền được nhập chân. Đại thừa nói trị chẳng phải đối, chẳng phải gồm v.v... gọi là Đệ nhất nghĩa trị, như thuốc A-kiệt-đà năng trị các thứ bệnh, hàng Tiểu thừa thường dùng ba Tất-đàn làm thuốc trị, Đại thừa thường dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn làm thuốc trị. Trong không vô sinh ai là phiền não, ai là năng trị, nếu không phiền não làm sao vật chuyển, đã không sở chuyển cũng không bao gồm đầy đủ, chỉ dùng một phương pháp vô sinh trị khắp tất cả, đây là tóm lược cùng cực phải khéo nhận lấy ý.

4. Tu Chỉ Quán: Lại chia làm mười ý: ban đầu phân biệt cảnh tư nghị: một niệm dục giác ban đầu sinh khởi rất nhỏ nhiệm không ngăn dừng lập tức thì dần dần thêm lớn, làm việc tham dục cho nên tham dẫn dắt không còn đạo đức, cho nên gây ra bốn tội trọng, năm tội nghịch, đó gọi là phiền não sinh cõi địa ngục; vì nhân duyên tham dục không biết hổ thẹn chạm phải tối tăm dốt nát không còn lễ nghĩa, quên mất giống người, đó gọi là tham dục cõi súc sinh; lại vì nhân duyên tham dục keo kiệt bỏn sẻn giữ gìn, cũng keo kiệt cho nhà người khác, đó gọi là tham dục sinh cõi ngạ quỷ; vì nhân duyên tham dục mà sinh tâm ganh ghét, nghi ngờ đố kỵ phòng bị trù tính thường muốn hơn người khác, dùng trăm phương ngàn kế độc hại khiến cho người khác chịu thua thoái lui, đó gọi là tham dục sinh cõi A-tu-la, lại vì nhân duyên dục ái sâu nặng ưa dùng sính lễ chọn lấy vợ đẹp, thường kềm chế đè nén, thuận theo nhân nghĩa, vì muốn an vui đời vị lai nên giữ gìn năm giới đó gọi là tham dục sinh cõi người; lại dục khởi thì ham muốn, ở cõi người dục thô thì mong cầu cõi trời, siêng tu mười điều lành, ngăn chỉ thuần thục, nhậm vận không sinh khởi, đó là quán tham dục sinh sáu tầng trời cõi Dục, lại quán tâm dục, quở trách xả bỏ sự thanh tịnh, năng phát sinh

thiền định, là các tầng trời cõi Sắc, cõi Vô sắc; lại quán dục là tập, do tập mới chiêu cảm khổ, nhàm chán sự khổ tập này mà tu tập mong cầu xuất ly, đó là cõi Thanh văn. Nếu quán dục là vô minh, vì vô minh dục mà gây ra các hành, xoay vần không bờ bến, nếu dừng chỉ dục thì vô minh hành, v.v... cũng đều dừng, chỉ đó là cõi Duyên giác; nếu quán dục là xấu xa bại hoại liền khởi từ bi mà thực hành đối với xả, lo sợ vô thường cho đến quán dục là si v.v... là cõi Sáu Độ; nếu quán dục vốn tự mình không sinh khởi, nay cũng không trụ, tương lai sẽ không diệt, dục tức là không, không tức là Niết-bàn, đó là cõi Thông giáo; lại quán dục tâm có vô lượng tướng, tập đã chẳng phải một, khổ cũng vô lượng, biết căn tánh dục, đều do dục tâm phân biệt đầy đủ, đó là cõi Biệt giáo. Các cõi kia ba phiền não xuất sinh các pháp cũng giống như vậy, theo thứ lớp sinh tất cả pháp, đó gọi là cảnh tư nghị.

Cảnh bất tư nghì: như kinh Vô Hành chép: Tham dục tức là đạo, nhuế si cũng giống như vậy, như vậy trong ba pháp đầy đủ tất cả pháp. Bốn phần này dù tức là Đạo, lại không được tùy, tùy người đời sau hướng về đường ác, lại không được đoạn, đoạn thành tăng thượng mạn, không đoạn si ái mà sinh khởi tự thông minh giải thoát thì mới gọi là Đạo, không trụ nơi điều phục, không trụ nơi không điều phục, trụ nơi không điều phục là tướng người ngu, trụ nơi điều phục là pháp Thanh văn. Vì sao? Vì phàm phu tham nhiễm, thuận theo bốn phần sinh tử chứa nhóm nhiều tội ác khó điều phục, đó gọi là bất điều, hàng Nhị thừa sợ hãi sinh như oán giặc đuổi theo, mau vượt khỏi ba cõi, chứng A-la-hán gọi là Bất điều, Hoặc trong ba cõi hết, không còn hoặc đáng điều phục, như vậy không điều mà gọi là điều. Hạt giống bị cháy không thể nẩy mầm, hư nát không dùng, Bồ-tát thì không như vậy, ở trong sinh tử mà có sức mạnh, ở trong Niết-bàn mà không đắm vị, mạnh mẽ đối với sinh tử, vô sinh mà sinh, không bị pháp sinh làm ô nhiễm, như hoa ở giữa bùn lầy mà như thuốc trị được các thứ bệnh, không đắm vị Niết-bàn, biết không, bất không, không vì pháp không sở chứng, như chim bay trên không không trụ trên không, không dứt phiền não mà nhập Niết-bàn, không dứt năm dục mà thanh tịnh các căn, tức là ý không trụ điều phục, không trụ bất điều phục. Nay đời mạt pháp người ngu si nghe vị ngọt của quả yêm-la liền đập nát hạt quả kia mà nếm thử rất là đắng, hạt giống và vị ngọt của quả tất cả đều mất, vì không có trí tuệ cho nên đập nát hột quá sức cũng giống như vậy. Nghe chẳng điều phục, chẳng phải không điều phục, cũng không ngại điều phục, cũng không ngại không điều phục, do không ngăn ngại cho nên gọi vô ngoại đạo, do vô

ngại đạo cho nên dâm dật rõ ràng, cùng nhau thực hành phi pháp, không một chút hổ thẹn, không khác với loài cầm thú, đây là do ăn muối quá nhiều khát nước thành bệnh. Kinh chép: Tham chấp pháp vô ngại là hạng người cách Phật quá xa như trời với đất. Đại kinh chép: Nói mình tu vô tướng thì chẳng phải tu vô tướng. Nay người tu hành đối với phi đạo mong muốn thông suốt đến Phật đạo, lại thì tự mình bị lấp bít đồng với phàm phu, đó là trụ nơi bất điều chẳng phải không trụ. Lại có hành nhân nghe không trụ điều phục không trụ bất điều phục, sợ hãi hai bên, tự mình cố gắng giữ gìn, muốn tu trung trí dứt phá hai bên, người ấy không thể ngay nơi tham dục là đạo, dứt bỏ tham dục rồi mới gọi là Đạo, đây chính là trụ nơi tâm điều phục, chẳng phải không trụ, phương Bắc có đủ hai lỗi này. Lại nữa, ban đầu học Trung quán, dứt bỏ tham dục không được lợi ích, phóng tâm hành, không điều sự, một hành ban đầu mỏng manh được chút lợi ích, từ đây về sau thường hành không nghỉ, cũng không còn lợi ích, thực hành không thay đổi, lấy sự lợi ích của mình ban đầu hành đem giáo hóa cho người khiến họ hành. Lại dẫn trong kinh làm chứng, người người thọ nhận sự giáo hóa ấy, luống chỉ tham dục lạc, không mảy may được lợi ích của Đạo, nhảy vọt hư hỏng đam mê rượu chè, trở thành phong tục, làm ô nhục giới luật, ô uế Tam bảo, làm nghiêng ngửa ngôi nhà Phật pháp, đều do đây mà ra, trụ này bất điều và trụ nơi điều, đâu có liên quan đến bất trụ điều và bất điều, đó gọi là đại ngại, đâu có liên quan đến vô ngại, là tăng trưởng phi đạo, đâu có liên quan đến Phật đạo, như vậy điều và bất điều đều gọi là bất điều. Vì sao? Vì tất cả đều là chúng sinh phàm tình, chứ chẳng phải hạnh hiền Thánh. Nay nói không trụ điều phục, không trụ bất điều phục, không trụ phi điều phục, phi bất điều phục, vừa không trụ điều phục vừa bất điều phục, vừa trụ điều phục vừa trụ bất điều phục, cũng trụ phi điều phục, phi bất điều phục, không trụ vừa điều phục vừa bất điều phục. Vì sao? Vì phiền não tức không, cho nên không trụ bất điều phục, phiền não tức giả cho nên không trụ điều phục, phiền não tức trung cho nên không trụ vừa điều phục vừa bất điều phục, vì song chiếu phiền não, cho nên không trụ phi điều phục, phi bất điều phục, tuy không trụ điều bất điều v.v... mà thật trụ nơi điều bất điều v.v... Tuy thật trụ điều bất điều mà không trụ nơi điều bất điều... vì sao? Vì không thiên chấp quán một cậu, một câu tức các câu, vì tất cả phá đưa đến tham dục, vì tham dục đều là các pháp, dùng ý này thì trải qua tất cả câu, đó là chấp tham dục thì gọi là trụ bất điều phục, vì chấp là vô trụ điều phục, như vậy v.v... Nói tự tại v.v... Thông đạt như vậy gọi là vô

ngại đạo, tất cả người vô ngại thẳng đường vượt ra sinh tử, làm sao để vượt ra được? Có lúc thông suốt tham dục rốt ráo thanh tịnh không bị ô nhiễm, kệ lụy cũng như hư không, vượt ra sinh tử, đó gọi là trụ nơi điều phục được lợi ích. Hoặc khi tâm buông lung, quán gốc ngọn nhân duyên của tham dục này, bao nhiêu thứ bệnh, bao nhiêu thứ thuốc, như Hòa-tu-mật-đa nhập mé ly dục độ thoát chúng sinh, thực hành như vậy sẽ vượt ra sinh tử, đó gọi là trụ bất điều được lợi ích. Hoặc có khi quán cả hai đều được lợi ích. Hoặc khi đều quán tất cả được lợi ích, khéo léo như vậy nên trụ không, nên trụ tự tha đều được lợi ích, đối với pháp của Bồ-tát không bị tổn giảm, dùng bốn Tất-đàn mà tự châm chước, như Hỷ Căn vì các cư sĩ nói pháp khéo độ, đều được vô sinh nhẫn, Tỳ-kheo Thắng Ý thực hành pháp vụng độ không có công dụng, về sau dạo đến xóm làng nghe Hỷ Căn nói tham tức là đạo bèn giận dữ nói với Hỷ Căn: Tại sao ông vì người khác nói pháp chướng đạo? Khéo thực hành pháp tẫn xuất chưa thành thì Hỷ căn vì Thắng Ý nói bài kệ, tức thời ngay nơi thân Thắng Ý bị đất rút, Bồ-tát biết vị kia do không tin sẽ bị đọa vào địa ngục, vì vậy cho nên gượng nói gây nhân cho đời sau, khéo quán Tất-đàn, hoặc tự hoặc tha hoặc gần hoặc xa, trụ nơi điều phục, bất điều phục v.v... đều không lỗi lầm, không trụ điều, bất điều v.v... cũng đều không lỗi lầm. Nếu không hiểu được ý bốn Tất-đàn, hoặc trụ, không trụ tự dệt lưới ái, khởi tâm chê bai khinh thường người khác, tự ngăn ngại mình, ngăn ngại người khác, chẳng phải vô ngại. Nếu một niệm tâm phiền não khởi đủ mười cõi, một trăm pháp, không chướng ngại lẫn nhau, tuy nhiều mà bất hữu, tuy một mà chẳng phải không, nhiều không chứa nhóm, một cũng không tán, nhiều không khác, một không đồng, nhiều tức một một tức nhiều. Kinh chép: Trong tối bóng cây tối cho nên không thấy, thiên nhãn thấy được, đó là trong tối có sáng, trí chướng rất tối tăm, đó là trong sáng có tối. Cũng như ban đầu đèn và bóng tối ở chung, như vậy sáng tối không ngăn ngại lẫn nhau, cũng không phá nhau. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy trong nhà đốt đèn không biết bóng tối bỏ đi đến chỗ nào, nếu đèn tắt thì bóng tối lại đến, đến không có nguồn gốc, đi không có dấu vết, tối đã như vậy, sáng cũng lại như vậy, tìm tối không tối, ánh sáng không phá, tìm sáng không sáng, bóng tối không che đậy, tuy không sáng tối, phá hay che đậy, nhưng rõ ràng, không thọ, không đắm chấp, không nghĩ nhớ, không phân biệt, mới khởi gọi là không thọ, khởi lâu gọi là không chấp đắm, không chấp trong gọi là không niệm, không chấp ngoài gọi là không phân biệt, diệt tuệ sáng suốt rõ ràng, do nghĩa ấy nên gọi là bất tư nghị không ngăn ngại nhau,

không trừ diệt nhau. Nếu đèn thế trí diệt thì bóng tối mê hoặc lại đến, nếu trí Trung đạo sáng thì thường trụ bất động, như hạt châu quý báu thường chiếu sáng thì bóng tối không đến, quán phiền não tối tăm tức đại trí sáng suốt, hiển Phật Bồ-đề thì mê hoặc không đến, y cứ vào cảnh ấm nhập ở trên thì có thể biết v.v... Như vậy, khi quán sát lại việc đã qua xót xa lỗi mình mà rộng thương xót chúng sinh. Vì sao? Vì lý chẳng phải sáng suốt, do mê hoặc cho nên sinh khởi khổ tập tối tăm, hiểu rõ phương pháp trị liệu cho nên có đạo diệt sáng suốt, y cứ vào tối cho nên bi, ước về sáng cho nên từ, tâm thệ rộng lớn cùng cảnh đều sinh khởi, vì mãn nguyện cho nên lập hạnh vững chắc, hạnh vững chắc chẳng phải Chỉ Quán ở trước, thể của bốn phần phiền não tức không, gọi là thể chân chỉ nhập không quán. Quán các phiền não thuốc bệnh v.v... gọi là tùy duyên chỉ nhập giả quán, quán các phiền não đồng với mé chân, gọi là dứt nhị biên chỉ nhập Trung đạo quán. Khéo léo an tâm tu ba chỉ ba quán này, thì thành một tâm ba nhãn ba trí, nếu nhãn trí chưa khai phá chướng khiến cùng khắp thì quán bốn phần phiền não niệm niệm ba giả, chẳng phải tự tha cùng lìa đơn, phức, cụ túc, kiến tư hoặc không sinh khởi, biết bệnh biết thuốc, vô tri bất sinh, chẳng chân chẳng chuyên thì vô minh bất sinh, phá khắp ngang dọc, đối với tức không lại thành khổ tập, đó gọi là biết bít đối với khổ tập thấu đạt tức không, đó gọi là biết thông đối với các thuốc pháp lại thành bệnh, đó gọi là biết bít, đối với các pháp bệnh thì có thể biết thuốc trị, đó gọi là biết thông, lại lấy pháp tánh làm vô minh thì gọi là bít, vô minh chuyển biến thành minh gọi là Thông. Lại quán phiền não mà tu đạo phẩm, bốn phần tâm khởi thì ô nhiễm năm ấm, một ấm là vô lượng ấm, thọ tưởng hành thức cũng lại vô lượng, các ấm tức không, phàm phu đảo phá, cây khô nhỏ thành, các ấm tức giả Nhị thừa đảo phá cây tươi lớn thành, các ấm tức trung, phế bỏ giáo khô tươi, hai bên vắng lặng, nhập đại Niết-bàn, cho đến mở cửa ba giải thoát, vào ao mát mẻ. Nếu ngăn chướng nặng thì phải tu trợ đạo, đã hiểu rõ tướng mê hoặc thì nên giữ gìn tìm cách cứu giúp, bên ngoài tham dục khởi do bất tịnh trợ giúp, bên trong tham dục khởi do tám bối xả trợ giúp, tham dục trong ngoài khởi do tám thắng xứ trợ giúp, trái với pháp sân khởi do chúng sinh từ bi cứu giúp, thuận pháp sinh khởi do duyên từ trợ giúp, hý luận sân khởi do vô duyên từ trợ giúp, chấp đoạn thường khởi do nhân duyên ba đời trợ gúp, chấp ngã, chấp nhân khởi do nhân duyên hai đời trợ giúp, chấp thật tánh khởi do một niệm nhân duyên trợ giúp, minh lợi giác khởi do đếm hơi thở trợ giúp, hôn trầm giác khởi do quán hơi thở trợ giúp, nửa chìm nửa sáng giác

khởi do theo hơi thở trợ giúp. Trợ đạo mạnh cho nên có thể mở cửa Niết-bàn, khi chưa mở hoặc được một thứ tâm giải, hoặc được một thứ thiền định phải chín chắn suy nghĩ tính toán, cỏ cây gạch ngói chớ lầm cất giữ, cho là ngọc lưu ly, nếu cho là đúng thì làm sao dứt bỏ các phiền não Kiến tư, trần sa, vô minh hoặc, các vị hoàn toàn không, lầm cho là đúng, giống như tiếng chuột rên rỉ, nếu nói không không như không chim không. Do chưa biết thứ lớp quán hành tương tự, hoàn toàn chưa tương ưng, lạm dụng địa vị trên, do đó thành quái lạ, nếu chướng trong ngoài sinh khởi phải khéo an nhẫn, nếu không vượt qua nhẫn thì làm hư hoại pháp Bồ-tát, nếu an nhẫn bất động thì tát-đỏa có thể thành, sẽ được đền đáp ban thưởng tợ thiền định trí tuệ đạo, được đền đáp thì chớ sinh pháp ái, vì ái làm chướng ngại đạo chân thật. Nếu không đỉnh đọa, tự tại vô ngại như gió bay trên không, nhập địa vị Đồng luân, phá vô minh hoặc thành vô sinh nhẫn, được một xe lớn cao rộng đẹp đẽ, có kẻ hầu người hạ đi theo bảo vệ, thừa là xe báo thẳng đến đạo tràng, đó gọi là bốn phiền não đầy đủ tất cả Phật pháp, cũng gọi là thực hành phi đạo thông đạt Phật đạo, cũng gọi phiền não tức Bồ-đề, cũng gọi không dứt phiền não mà nhập Niết-bàn. Nói rộng có ba mươi sáu câu, phải lập trước bốn câu: Nghĩa là không dứt phiền não, không nhập Niết-bàn, dứt phiền não nhập Niết-bàn, vừa dứt vừa không dứt, vừa nhập vừa không nhập, chẳng phải đoạn chẳng phải bất đoạn, chẳng phải nhập chẳng phải bất nhập, câu đầu là gọi phàm phu, câu tiếp là gọi người vô học, câu ba là gọi người hữu học, câu bốn lý đúng, đó là bốn câu căn bản. Mỗi câu đều khai làm bốn: nghĩa là bất dứt bất nhập, dứt bất nhập, vừa dứt vừa không dứt bất nhập, chẳng phải đoạn chẳng phải bất đoạn bất nhập, câu đầu là phàm phu khởi ác, câu hai là đắc thiền ngoại đạo, câu ba là đắc thiền khởi kiến ngoại đạo, câu bốn là người vô ký, bốn câu tiếp: Đó là dứt nhập, không dứt nhập, vừa dứt vừa không dứt nhập, chẳng phải dứt chẳng phải không dứt nhập, câu đầu phân tích pháp vô học, câu hai nói về thể của pháp Vô học, câu ba phân tích thể và pháp của người hữu học, câu bốn là nói tánh chân lý sâu kín, tức là nhập. Bốn câu thứ ba vừa dứt vừa không dứt, vừa nhập vừa bất nhập, dứt vừa nhập vừa bất nhập, không dứt vừa nhập vừa bất nhập, chẳng phải dứt, chẳng phải không dứt, vừa nhập vừa bất nhập câu đầu phân tích thể của người học, câu hai phân tích pháp của người học, câu ba là nói thể pháp người học, câu bốn là thông chân lý của người học và vô học. Bốn câu thứ tư: Chẳng dứt chẳng phải không dứt, chẳng phải nhập, chẳng phải bất nhập, dứt chẳng phải nhập, chẳng phải bất nhập, không dứt chẳng phải nhập,

chẳng phải bất nhập, vừa dứt vừa không dứt, chẳng phải nhập, chẳng phải bất nhập, câu đầu là phàm Thánh đồng ý, câu hai phân tích lý pháp Thánh, câu ba là thể nhận lý pháp, câu bốn phân tích lý thể của người học. Ở đây nói mười sáu câu, y cứ vào bốn câu căn bản, hợp lại thành hai mươi câu nhập Niết-bàn. Lại nữa mười sáu câu xuất Niết-bàn: bốn câu căn bản đầu tiên: Nghĩa là không dứt phiền não, không xuất Niết-bàn, dứt phiền não xuất Niết-bàn, vừa dứt vừa không dứt phiền não, vừa xuất vừa bất xuất, chẳng phải dứt chẳng phải không dứt, chẳng phải xuất, chẳng phải bất xuất, mỗi câu đều có bốn câu. Bốn câu đầu: Không dứt phiền não không xuất Niết-bàn, không dứt phiền não xuất Niết-bàn, không dứt vừa xuất vừa không xuất, không dứt phiền não chẳng phải xuất chẳng phải bất xuất, câu một là thể pháp của Nhị thừa, câu hai là thể pháp của Bồ-tát xuất giả, câu ba là thể pháp Bồ-tát vừa không vừa giả, câu bốn là thể pháp chân lý. Bốn câu thứ hai: Dứt phiền não xuất, dứt phiền não bất xuất, dứt phiền não vừa xuất vừa bất xuất, dứt phiền não chẳng phải xuất chẳng phải bất xuất, câu một là phân tích pháp Vô học phụ giúp Phật làm lợi ích chúng sinh, câu hai phân tích pháp Vô học tức nhập diệt, câu ba phân pháp người học tự lợi, lợi tha, câu bốn là chân lý. Bốn câu thứ ba: Vừa dứt vừa không dứt, vừa xuất vừa bất xuất, vừa không dứt mà xuất, vừa dứt vừa không dứt mà bất xuất, vừa dứt vừa bất dứt chẳng phải xuất chẳng phải bất xuất, câu đầu là bao gồm dụng phân tích, thể nhập không Bồ-tát, câu hai là bao gồm dụng phân tích thể xuất giả Bồ-tát, câu ba bao gồm dụng phân tích thể Nhị thừa, câu bốn là lý thể pháp sâu kín chân chánh. Bốn câu thứ tư: chẳng phải dứt chẳng phải không dứt, chẳng phải xuất chẳng phải bất xuất, chẳng dứt chẳng phải không dứt mà xuất, chẳng phải dứt chẳng không dứt không xuất, chẳng phải dứt chẳng phải không dứt, vừa xuất vừa bất xuất, câu đầu nói lý thể, câu hai là thể pháp xuất giả Bồ-tát, câu ba thể pháp Nhị thừa, câu bốn là thể pháp nhập không Bồ-tát. Nếu mỗi vị lập xuất tám câu hai căn bản thì thành bốn mươi câu, nếu hợp căn bản làm bốn câu thì thành ba mươi sáu câu.

Hỏi: ba mươi sáu câu chỉ tại Tam tạng và Thông, cũng được làm Biệt Viên ư? Đáp: ý của thể pháp bao trùm tất cả. Nếu lại nói biệt thì y vào bốn môn biệt Viên để phân biệt. Bốn câu căn bản là: Bất đoạn bất nhập không môn, đoạn hữu nhập môn, vừa đoạn vừa bất đoạn vừa nhập vừa bất nhập, vừa không vừa hữu môn, phi đoạn phi bất đoạn phi nhập phi bất nhập, tức phi không phi hữu môn. Trong mỗi môn lại chia làm bốn: Bất đoạn bất nhập thế giới Tất-đàn, bất đoạn nhập vị nhân

Tất-đàn, bất đoạn vừa nhập vừa bất nhập đối trị Tất-đàn, bất đoạn phi nhập phi bất nhập Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Lại trong một môn chia làm bốn môn: Nghĩa là bất đoạn bất nhập gọi là không môn, bất đoạn nhập gọi là hữu môn, bất đoạn vừa nhập vừa bất nhập gọi là vừa không vừa hữu môn, bất đoạn phi nhập phi bất nhập gọi là phi không phi hữu môn. Một môn này đã có thể hiểu, ba môn còn lại mỗi môn phân biệt lệ theo trước có thể hiểu. Y bốn môn nhập Niết-bàn đã như vậy, xuất Niết-bàn mười sáu môn thì thế nào? Đó là bất đoạn bất xuất, bất đoạn xuất, bất đoạn vừa xuất vừa bất xuất, bất đoạn phi xuất phi bất xuất, câu đầu là không môn, câu hai là hữu môn, câu ba vừa không vừa hữu môn, câu bốn phi không phi hữu môn. Một môn bốn câu như vậy, ba môn còn lại có thể biết, ba mươi sáu hay bốn mươi y cứ theo trước có thể biết, ở đây bao gồm ý cùng khắp tiểu đại phân tích thể, nếu hiểu được ý này lệ theo tất cả pháp cũng nên như vậy.

Hỏi: Nếu đúng như pháp quán Phật, Niết-bàn và Bát-nhã là ba thì có một tướng, Niết-bàn đã nêu rõ ba mươi sáu câu Bát-nhã thì thế nào? Đáp: Nếu Niết-bàn đã tức là Bát-nhã thì đâu đợi phải hỏi. Nay sẽ nói lại, các pháp sinh Bát-nhã sinh, các pháp bất sinh Bát-nhã bất sinh, các pháp vừa sinh vừa bất sinh, Bát-nhã vừa sinh vừa bất sinh, các pháp phi sinh phi bất sinh, Bát-nhã phi sinh phi bất sinh, là bốn câu căn bản. Câu đầu lại chia làm bốn: các pháp sinh Bát-nhã sinh, các pháp sinh Bát-nhã bất sinh, các pháp sinh Bát-nhã vừa sinh vừa bất sinh, các pháp sinh Bát-nhã phi sinh phi bất sinh, câu đầu là cảnh tục phát sinh đạo chủng trí Bát-nhã, câu hai là cảnh tục phát sinh Nhất thiết trí Bát-nhã, câu ba cảnh tục cả hai đều phát hai thứ Bát-nhã, câu bốn cảnh tục phát sinh Nhất thiết chủng trí Bát-nhã. Bốn câu thứ hai: Các pháp bất sinh Bát-nhã bất sinh, các pháp bất sinh Bát-nhã sinh, các pháp bất sinh Bát-nhã vừa sinh vừa bất sinh, các pháp bất sinh, Bát-nhã chẳng phải sinh, chẳng phải bất sinh, câu đầu là cảnh chân phát sinh Nhất thiết trí Bát-nhã, câu hai là cảnh chân phát sinh đạo trí Bát-nhã, câu ba là cảnh chân phát cả hai hai thứ Bát-nhã, câu bốn cảnh chân phát sinh Trung đạo trí Bát-nhã. Bốn câu thứ ba: Đó là các pháp vừa sinh vừa bất sinh, Bát-nhã vừa sinh vừa bất sinh, các pháp vừa sinh vừa bất sinh Bát-nhã sinh, các pháp vừa sinh vừa bất sinh Bát-nhã sinh, các pháp vừa sinh vừa bất sinh Bát-nhã phi sinh phi bất sinh, câu đầu là nói hai cảnh đều phát hai trí, câu hai là hai cảnh cùng chung phát tục trí, câu ba là hai cảnh cùng phát chân trí, câu bốn là hai cảnh cùng phát trung trí. Bốn câu thứ tư: Các pháp phi sinh phi bất sinh, Bát-nhã phi sinh phi bất sinh, các pháp phi sinh phi

bất sinh Bát-nhã vừa sinh vừa bất sinh, câu đầu là cảnh trung phát sinh trung trí, câu hai là trung cảnh phát tục trí, câu ba là cảnh trung phát sinh chân trí, câu bốn là cảnh trung cả hai phát nhị trí. Đã nói mười sáu câu xong. Kế đến nói Bát-nhã sinh các pháp sinh, Bát-nhã sinh các pháp bất sinh, Bát-nhã sinh các pháp vừa sinh vừa bất sinh, Bát-nhã sinh các pháp phi sinh phi bất sinh. Câu đầu là đạo trí chiếu cảnh tục, câu hai là đạo trí chiếu cảnh chân, câu ba là đạo trí chiếu hai cảnh, câu bốn là đạo trí chiếu cảnh trung. Kế là nói về Bát-nhã sinh các pháp bất sinh, Bát-nhã bất sinh các pháp sinh, Bát-nhã bất sinh các pháp vừa sinh vừa bất sinh, Bát-nhã bất sinh các pháp phi sinh phi bất sinh. Ở đây nói về nghĩa chân trí chiếu các cảnh, y cứ theo trước có thể biết. Kế đến nói về Bát-nhã bất sinh vừa bất sinh, chia làm bốn câu, ở đây nói về đạo chủng chân trí v.v... chiếu bốn cảnh v.v... Kế đến nói về Bát-nhã phi sinh phi bất sinh, trí Trung đạo chiếu bốn cảnh có thể biết v.v... đó là mười sáu câu, y cứ vào căn bản hợp thành ba mươi sáu câu.

Hỏi: Pháp thân lại thế nào? Đáp: Bát-nhã đã tức là Pháp thân, đâu đợi phải hỏi lại, nếu muốn phân biệt thì nên dùng ý mà biết chứ không cần đến văn ghi chép phiền phức. Lại nữa, bốn thân, pháp, báo, ứng hóa làm căn bản, nơi mỗi thân khởi bốn thân, nghĩa là từ Pháp thân khởi báo thân, khởi ứng thân, hóa thân, khởi đủ ba thân, các thân còn lại cũng giống như vậy, đó là mười sáu thân. Lại từ bốn thân nhập vào một thân, mỗi thân cũng lại như vậy, lại có mười sáu thân hợp với căn bản trước đó gọi là ba mươi sáu thân, mỗi thân đều là pháp giới cho nên đều có khả năng sinh khởi, cho nên đều năng nhập.

Thứ ba: Quán cảnh bệnh hoạn: Hễ có thân thì có bệnh, bốn con rắn tánh nó khác nhau, nước lửa chống trái lẫn nhau, như chó mèo ở chung nhà, như trăn và chuộc cùng hang, đồ đựng thuốc độc, gánh nặng, rừng các khổ, bốn nước làm láng giềng lại xâm tổn hủy hoại lẫn nhau, sức bằng nhau thì tạm hòa, tấn công bất ngờ thì thân các nước khác, bốn đại dừng hay không, thí dụ này có thể biết. Cách thăm hỏi của các Đức Phật rằng: ít bệnh ít não, Phật đồng nhân pháp, người đã bị bệnh thì quyền biến chẳng thể không có, chỉ nói ít thôi! Bệnh có hai nghĩa: 1) Trong nhân thật bệnh. 2) Trong quả truyền bệnh, như ngài Duy-ma nằm trong thành Tỳ-da thị hiện bệnh để dạy, nhân dùng thân bệnh để dạy bảo, phàm phu thế tục chê bai Tiểu thừa, quở trách Đại thừa, liền cùng Văn-thù nói rộng nguyên nhân bệnh có ba thứ điều phục, nói rộng quả bệnh bốn thứ vỗ về an ủi. Lại Như Lai mượn diệt để nói về thường, nhân bệnh và nói về sức lực, đều là quyền biến khéo léo nhập pháp

môn bệnh để dẫn các thứ bệnh não, quyền biến bệnh như thế chẳng phải sở quán ở đây, nay sở quán này là nghiệp báo sinh thân, bốn rắn chuyển động làm phế bỏ sự tu Thánh đạo, nếu quán xét càng thêm dụng tâm, bậc thượng trí lợi căn hiểu về an nhẫn ở trước thì đối với cảnh bệnh thông đạt không nhọc công phải nói lại, vì người ấy không hiểu nên ở đây lại phân biệt, như cây đại thọ nghiêng ngả, búa chặt nhiều nhát liền gãy, như mài giũa ngọc đá lớn mười muôn trở xuống mới xuyên thủng cho nên nói lại. Bệnh lâu ngày làm ngăn chướng sự thiền định, hoặc thân nhiễm bệnh làm mất sự tu phước, sinh vô lượng tội. Kinh chép: Phá hoại phao nổi, triệt bỏ chiếc cầu, quên mất chánh niệm, bệnh cố hủy giới như phá phao nổi, phá thiền định như triệt bỏ chiếc cầu. Khởi tâm tà kiến điên đảo luyến tiếc thân máu mủ hôi tanh, phá Pháp thân thanh tịnh gọi là quên mất chánh niệm, vì nghĩa ấy cho nên phải quán cảnh bệnh hoạn.

Lại nữa, có người bình thường khỏe mạnh ung dung tự đắc, ỷ lại lười biếng, nếu bệnh cấp bách thì lại chuyển dụng tâm, có thể làm xong các việc, lại cơ nghi khác nhau, ngộ lẽ ra nhờ bệnh, tức là bốn Tất-đàn nhân duyên lẽ ra phải là cảnh bệnh hoạn. Quán bệnh có năm: 1) Nói về tướng bệnh. 2) Nhân duyên sinh bệnh. 3) Nói về phương pháp trị. 4) Nói về sự tổn hại và lợi ích. 5) Nói về Chỉ Quán.

1. Tướng bệnh: Nếu thầy thuốc giỏi thì khéo biết bốn đại, thầy thuốc bậc thượng nghe tiếng, thầy thuốc bậc trung nhìn sắc tướng, thầy thuốc bậc hạ chẩn mạch, nay không cần phương pháp tinh chế của thầy thuốc chỉ lược biết mà thôi! Xét rằng phương pháp bắt mạch liên quan đến đạo đức của thầy thuốc không thể nói đầy đủ, lược nêu tướng bệnh của ngũ tạng, như tướng bệnh mạch máu chảy thẳng vào gan, nhẹ mà phù là bệnh tướng của tâm, mũi nhọn đâm chích là bệnh tướng phổi, như chuỗi hạt ngọc là bệnh của tướng thận, nặng nề chậm chạp là bệnh tướng của tỳ, xác thật tinh tế như phương thức các nhà trị liệu nói, nếu thân thể khổ nặng kết cục chắc chắn đau đớn, sức yếu tê liệt gầy gò đó là bệnh tướng đại địa, nếu bệnh thủng sưng phù yếu đuối là bệnh tướng thủy đại, hoặc cử động thân thể các khớp xương đau nhức, đó là bệnh tướng hỏa đại, hoặc tâm chơi vơi hốt hoảng, hối hận buồn bã, quên mất lầm lẫn là bệnh tướng của phong dại. Lại mặt mũi không sáng suốt, tay chân không có mồ hôi là bệnh tướng của gan, da dẻ xanh xao là bệnh tướng của tâm, da mặt đen xì là bệnh tướng của phổi, thân không có sức mạnh là bệnh tướng của thận, thân thể nhám nhít như võ trấu là bệnh tướng của lá lách (tỳ), nếu trên gan có vật trắng khiến con

người đau đớn, có mạch máu đỏ thành mắc hột, hoặc bi hư, hoặc trên mí, dưới mí sinh ghẻ, hoặc gặp gió lạnh nước mắt chảy ra, hoặc ngứa hoặc bị châm chích đau đớn, hoặc con ngươi bị lõm, gặp việc thường tức giận, là phổi hại đến gan mà sinh bệnh này, có thể dùng hà hơi để trị, hoặc tâm lạnh nhạt nóng chảy, tay chân ngược lại lạnh, tâm buồn bức thiếu sức lực, môi miệng khô khan nóng bỏng, dưới rún có khối u, nóng ăn không tiêu, ăn thức ăn lạnh tâm rối loạn buồn bã ưa ngủ, tâm thường quên mất, đầu óc rối loạn, miệng nói chậm chạp, hai vai gánh vác việc nặng, tứ chi rã rời đau đớn, tâm nhọc nhằn, thân thể nóng chảy, tợ như sốt rét, hoặc tạo sự chứa nhóm, hoặc bị thủy trướng, mắt như bị lụa che, chỉ nhìn thấy gần không thể thấy xa, đó là do thân hại tâm thì phải nên dùng hơi thở để trị. Hoặc phổi sưng, bụng tắt nghẽn, hai bên ngực trở xuống đau đớn, hai vai cùng đau dường như gánh nặng, đầu cổ đau cứng, hơi thở gấp gáp, chỉ thở ra không thở vào, khắp thân thể sinh ung nhọt, cổ họng ngứa ngáy như vi trùng làm nghẹn cứng, mửa ra cũng không được, như bị ung nhọt làm tắc nghẽn, hoặc bị trúng gió máu mủ trong mũi chảy ra, mắt mờ mịt tối tăm, mũi đau đớn vì trong mũi sinh một khối thịt, thở không thông, không phân biệt mùi vị thơm hôi, đó là do tâm hại đến phổi thành bệnh. Hoặc uống nước lạnh, ăn thức ăn nóng, xúc chạm nhau thành bệnh, nên dùng hơi thở dài để điều trị. Hoặc trăm mạch máu không lưu thông, mỗi đốt xương đau đớn, thân thể sưng vù, tai điếc mũi nghẹt lưng đau, vai khỏe mạnh và tâm bụng sưng đầy, hơi trên bụng tắc nghẽn bốn chi nặng nề, mặt đen xấu, bào thai cấp bách, đau đớn buồn phiền. Hoặc bị bệnh lậu, hoặc chảy nước dãi bất lợi cho chân và đầu gối bị lạnh, là do lá lách hại đến thận. Lại nữa, bị bệnh quỷ kia như táo quân, không đầu không mặt, một khi đến chụp lấy người có thể dùng hơi thở mạnh để trị. Hoặc trên thân ngoài mặt bị phong ngứa thành sẹo, khắp thân ngứa ngáy phiền muộn, đó là gan hại đến lá lách, vì sắc kia bị loang lổ như đứa trẻ được nuôi trong máng ngựa, hoặc như bị gió cuốn xoay tròn có thể dùng hơi thổi để trị, lại như nhiều mê loạn là trong gan không có hồn, trước sau phần nhiều quên mất là trong tâm không có thần, hoặc nhiều sợ hại, bệnh điên là trong phổi không có vía, hoặc nhiều đau xót cười giỡn là trong thận không có chí, hoặc nhiều mê hoặc là trong lá lách không có ý, hoặc nhiều buồn bã ấm ức là trong ấm không có tinh, đây là tướng bệnh của sáu thần.

2. Nói về nhân duyên sinh bệnh, có sáu: 1. Bốn đại không thuận cho nên bệnh. 2. Ăn uống không điều tiết cho nên bệnh. 3. Ngồi thiền không điều cho nên bệnh. 4. Quỷ thần được dịp làm hại. 5. Bệnh ma. 6.

Khởi nghiệp cho nên bệnh.

1. Bốn đại không luận: làm việc nặng nhọc không thời hạn, ỷ vào sức mạnh gánh vác vật nặng, xúc chạm nóng lạnh, bên ngoài nóng như lửa, lửa mạnh nên phá nước, đó là tăng thêm bệnh hỏa, bên ngoài lạnh giúp cho nước, nước tăng thì hại hỏa, là tăng thêm bệnh thủy, gió bên ngoài giúp cho khí, khí thổi lửa, lửa động đến nước, đó là bệnh phong; hoặc ba đại tăng thêm hại đến đất, gọi là đẳng phần bệnh; hoặc thân phần tăng, hại đến ba đại, cũng là đẳng phần. Bốn bệnh thuộc địa này đã chuyển động, các sự bức não tranh nhau phát sinh.

2. Ăn uống không điều tiết: cũng có thể sinh bệnh, các thứ như gừng quế cay làm tăng hỏa, đường mật ngọt lạnh làm tăng thủy, lê làm tăng phong, mở béo làm tăng đất; bí ngô bị bệnh nhiệt mà làm nhân duyên tức là ăn thức ăn không tốt, người ăn cần phải phân biệt tánh chất của các loại thức ăn, ăn rồi vào bụng tiêu hóa, thô thì thành phẩn tiểu, tế thì tan thành nước, từ eo lưng có ba lỗ chảy vào tứ chi, thanh lọc sạch biến thành máu thấm nhuần vào thân, như bụi bặm gặp nước, hoặc máu trong thân không đủ khô khan tiêu giảm, ô trược thì sẽ biến thành mỡ, các căn sẽ giảm và biến thành cấu uế, các căn mới ngưng đọng lại thành thịt. Lại thân hỏa ở dưới tiêu tan hết thức ăn, khiến thức ăn uống hóa chảy lưu thông khắp thân thể, muốn được tuổi thọ mạng lâu dài thì phải ôn hòa bộc lộ ra ngoài, nếu thân hỏa trên lại ăn uống không yên, thân ăn uống thì bị bệnh não. Kế nữa nếu ăn ngũ vị làm tổn hại ngũ tạng thêm, vị chua làm tăng gan tổn hại tỳ, vị đắng làm tăng tim tổn hại phổi, vị cay làm tăng phổi tổn hại gan, vị mặn làm tăng thận tổn hại tim, vị ngọt tăng tỳ tổn hại thận. Nếu biết ngũ tạng có phòng bị nên đừng làm tổn hại mà ăn các vị kia làm tăng trưởng tổn hại, dùng ý châm trước.

3. Ngồi thiền không điều tiết: Hoặc ngồi dựa vách cột y phục, hoặc đại chúng chưa ra mà ngồi, tâm biếng lười thì ma nhân cơ hội đến phá, khiến cho thân thể gầy yếu mệt mỏi, xương lóng đau đớn, gọi là chú bệnh rất khó chữa trị. Kế đến hơi thở không điều, phần nhiều khiến cho người mắc chứng sốt rét, ăn không tiêu, gân mạch co rút, hoặc phát sinh tám thứ cảm xúc, do hơi thở trái ngược xúc chạm thành bệnh. Bát xúc: Tâm và bốn đại hộp thì có bốn chánh thể xúc lại có bốn y xúc hợp thành tám xúc; nặng như chìm xuống, nhẹ như đang bay lên, lạnh như hang đá, nóng như nhà lửa, nhám như vỏ cây, trơn nhờn như mỡ, mềm như không có xương, thô như vỏ trấu da, tám xúc này bốn trên bốn dưới. Hơi thở vào thuận với đất nên nặng, hơi thở ra thuận với phong đại nên

nhẹ, lại hơi vào thuận với thủy đại nên lạnh, hơi thở ra thuận với hỏa đại nên nóng, lại hơi thở vào thuận với đất nên nhám, hơi thở ra thuận với phong đại nên trơn, lại hơi thở vào thuận với thủy đại nên mềm, hơi thở ra thuận với hỏa đại nên thô. Nếu phát xúc chạm nặng nên thường thở ra, trái với xúc nên thành bệnh, những thứ còn lại y theo đây có thể biết. Lại chỉ dùng chỉ, không có phương tiện nên thành bệnh, nếu thường chỉ tâm xuống thì thường bị bệnh động địa, nếu thường chỉ tâm trở lên thì thường bệnh động phong, nếu thường chỉ tâm gấp rút thì phần nhiều bị bệnh động hỏa, nếu thường chỉ tâm chậm rãi thì bị bệnh động thủy. Kế đến dùng quán không điều, thiên chấp thành bệnh, ban đầu gá thai thì dùng tâm suy tư, khởi sự chiêu cảm vào thai mẹ, mẹ liền tư duy năm thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... một chút khí động thành nước, nước thành máu, máu thành thịt, thịt thành năm căn năm tạng, nay người thiền tọa tư duy quán nhiều tổn hại năm tạng thành bệnh. Nếu duyên sắc nhiều thì động gan, duyên thanh nhiều thì động thận, duyên hương nhiều động phổi, duyên vị nhiều thì động tim, duyên xúc nhiều thì động tỳ. Lại nữa, nhẫn duyên mầu sinh nhiều thì động gan, duyên mầu đỏ nhiều thì động tim, duyên mầu trắng nhiều thì động phổi, duyên mâu đen nhiều thì động thận, duyên màu vàng nhiều thì động tỳ. Tai duyên tiếng kêu gọi nhiều là động gan, duyên lời nói nhiều thì động tim, duyên khóc nhiều động phổi, duyên tiếng rên than nhiều động thận, duyên tiếng ca nhiều động tỳ. Mũi duyên mùi thịt tanh hôi nhiều động gan, duyên lo buồn nhiều động tim, duyên thịt sống tanh nhiều động phổi, duyên mùi hôi nhiều động thận, duyên mùi thơm nhiều động tùy. Lưỡi duyên giấm chua nhiều động gan, duyên đắng nhiều động tim, duyên cay nhiều động phổi, duyên mặn nhiều động thận, duyên ngọt nhiều động tỳ. Thân duyên cứng nhiều động gan, duyên ấm nhiều động tim, duyên nhẹ nhiều động phổi, duyên lạnh nhiều động thận, duyên nặng nhiều động tỳ, đây là năm tạng sinh nhau, nếu duyên phá phần dễ đưa đến bệnh. Nếu y cứ vào sự tương khắc, thì duyên mầu trắng nhiều khắc gan, duyên mầu đen nhiều khắc tim, duyên mầu đỏ nhiều khắc phổi, duyên mầu vàng nhiều khắc thận, duyên mầu xanh nhiều khắc tỳ, ngoài ra thanh v.v... lệ theo đây có thể biết. Nếu năm tạng bệnh thì kín đáo khó biết. Ngồi thiền và chiêm bao: nếu ngồi thiền và chiêm bao thường thấy mầu xanh, người xanh, các loài thú sư tử, cọp sói mà sinh tâm sợ hãi thì mắc bệnh gan, nếu ngồi thiền bị mộng nhiều thấy mầu lửa đỏ khởi người đó, cầm thú đao trượng đỏ, trẻ em nam nữ đều đỏ, gần gũi giữ gìn, hoặc cha mẹ anh em sinh vui sinh sợ tức là tâm bệnh,

kế đây lệ theo mầu sắc xem xét có thể biết.

Lại nữa, quán sự chuyển động của bốn đại: Hoặc quán cảnh bất tịnh, hoặc duyên đây, hoặc duyên kia tâm liền thành cạnh tranh, vì cạnh tranh cho nên loạn phong khởi thành bệnh phong, như giữ gìn hạnh anh nhi chỉ mặc kệ mà thôi, gấp gáp lôi kéo hy vọng nhanh thấu đạt liền bị tai họa. Lại chuyên chấp giữ một cảnh, khởi tâm hy vọng, bị báo phong nhiệt mạnh bất tận thành bệnh nhiệt. Lại quán cảnh tâm sinh thì cho là diệt, diệt thì cho là sinh, tâm chóng trái nhau mà sinh ra đau đớn thành bệnh địa. Lại không có cảnh sở quán của vị mà gượng làm thủy đại tăng thành bệnh thủy.

4. Quỷ bệnh: bốn đại năm tạng chẳng phải quỷ, quỷ chẳng phải bốn đại năm tạng, nếu nhập bốn đại năm tạng đó gọi là bệnh quỷ. Nếu nói không có bệnh quỷ thì là giáo đồng cốt chuyên làm trị quỷ có khi mắc sai lầm, nếu nói không có bệnh bốn đại thì thầy thuốc chuyên làm thuốc thang trị có khi mắc sai lầm, có một vị vua bị quỷ bệnh ở chỗ không xứ, thường bị kim châm chích sát hại, quỷ vương tự đến trụ ở trong tâm, người châm chấp tay, cho nên cũng có bệnh quỷ, quỷ cũng không buông tha người bệnh, bởi do người nghỉ tà các thứ việc, trông mong biết lành dữ, quỷ Đâu-hô-la biến hóa các thứ, các mầu sắc xanh, vàng, v.v... Từ năm căn vào thì ý địa tà giải có thể biết lành dữ, hoặc biết việc lành dữ của một thân, một nhà, một thôn, một nước, đây chẳng phải là Thánh biết. Nếu không mau trị để lâu ngày thành giết người.

5. Bệnh ma: Cũng chẳng khác với quỷ, quỷ chỉ bệnh thân sát hại thân, ma thì phá tâm quán, phá Pháp thân tuệ mạng, khởi tà niệm muốn cướp đoạt công đức của người, có khác với quỷ, cũng do hành giả trong khi ngồi thiền khởi tà niệm lợi dưỡng, ma hiện các thứ y phục ăn uống, các vật xen lẫn bảy báu, liền lãnh thọ vui mừng nhập tâm mà thành bệnh, bệnh này khó trị, trong pháp trị ở dưới sẽ nói.

6. Bệnh nghiệp: Hoặc chỉ là nghiệp đời trước, hoặc đời nay phá giới động đến nghiệp đời trước, do nghiệp lực thành bệnh. Lại căn cứ năm căn biết có phạm tội, nghiệp giết hại là bệnh gan mắt, tội nghiệp uống rượu là bệnh miệng, tội nghiệp dâm dục là bệnh thận tai, tội nghiệp nói dối là bệnh tỳ lưỡi, tội nghiệp trộm cắp là bệnh phổi mũi, tội nghiệp phá năm giới thì năm tạng năm căn mắc bệnh, nghiệp dứt mới hết. Nếu đời nay giữ giới cũng động nghiệp thành bệnh, cho nên nói: Nếu có tội nặng tha thiết sám hối thì được trừ tội, đáng đọa địa ngục lại bị người xem thường, đây là nghiệp sắp hết cho nên bệnh. Bệnh nghiệp có nhiều thứ, thủng đầy vàng hư, tất cả các bệnh hoạn phải dùng tâm tìm xét cẩn thận, biết nguồn gốc

bệnh sau đó mới dùng thuốc trị.

3. Nói về cách trị liệu, thích hợp hay chống đối khác nhau: Nếu làm việc ăn uống mà đến nỗi bệnh hoạn, thì phải có phương thuốc dinh dưỡng mới lành, hoặc ngồi thiền không điều hòa đến nỗi bệnh hoạn, đây lại phải ngồi thiền khéo điều hòa hơi thở, quán mới được lành, vậy thì chẳng cần thuốc thanh thích nghi. Nếu bị hai bệnh quỷ ma xâm hại thì phải dùng năng lực thực quán thật sâu và đại thần chú mới được lành bệnh. Nếu bệnh nghiệp: thì bên trong dùng sức quán, bên ngoài thành tâm sám hối mới được lành, các cách trị liệu khác nhau, thích nghi khéo hợp ý ấy, không thể cầm đao mà tự làm tổn thương. Nay y cứ pháp ngồi thiền lược có sáu phương pháp trị: 1) Chỉ. 2) Khí. 3) Tức. 4) Giả tưởng. 5) Quán tâm. 6) Phương thuật.

1. Dùng chỉ trị: Ôn sư nói rằng: buộc tâm ở trong rún như hột đậu lớn, cởi y thấy rõ chấp tướng, sau đó nhắm mắt ngậm miệng, răng cử động lưỡi hướng về vòm họng, khiến hơi thở điều hòa vững chắc, nếu tâm không ruổi theo bênh ngoài thì phải thâu nhiếp trở lại, hoặc niệm không thấy lại cởi y xem xét, quen chấp tướng mạo lại như trước, như vậy mới có thể trị các bệnh, cũng có thể phát sinh thiền định, thực hành quán như thế thì cũng có vô lượng tướng mạo, hoặc đau đớn như châm chích, hoặc gấp nhanh như bị dây lôi kéo, hoặc bị ngứa ngáy như trùng rút rỉa ăn, hoặc lạnh như vị tưới nước, hoặc nóng như lửa đốt, khi các sự xúc chạm ấy sinh khởi thì phải nhất tâm tinh tấn, không để lui sụt, nếu tránh được các sự xúc chạm ấy thì sẽ phát sinh các thiền định, nếu thần ý vắng lặng tức là tướng định điện quang, đây còn có thể chứng đắc thiền, huống chi không thể hết bệnh ư? Sở dĩ buộc tâm nơi rún, là do hơi thở từ rún mà ra, trở lại vào rún, ra vào dùng rún làm giới hạn có thể dễ ngộ vô thường. Lại nữa, khi người mới gá thai, thần thức mới hòa hợp với huyết, trói buộc nơi rún có thể liên tục giữ gìn, lại là các nguyên nhân của ruột và bao tử, tìm nguyên nhân có thể thấy bất tịnh, phải dừng tham dục. Như bốn Niệm xứ quán rún sẽ thành thân niệm xứ, môn hoặc thực hành sáu diệu môn, rún là chỉ môn, bao gồm năng nhập đạo cho nên dùng nhiều. Chính để trị bệnh: Đan điền biển hơi, có công năng bao gồm muôn thứ bệnh, nếu chỉ tâm ở đan điền thì hơi thở điều hòa, cho nên có thế mau chóng lành bệnh tức là ý này. Lại có nhà sư nói: Hơi trên, bụng đầy, hai xương sườn đau lớn, sau vai xương sống nóng nảy, hai vai đau đớn, tâm nóng nảy hối hận, đau đớn phiền muộn, ăn không được, tâm thủng dưới bụng lạnh. Trên nóng dưới lạnh, âm dương không hòa, hơi thở có đàm, có mười hai bệnh, đều dừng ở đan điền, đan điền

cách dưới rún hai tất rưỡi. Hoặc có người đau đớn, dời tâm cách ba dặm, đau đớn vẫn không hết thì lại dời tiếp hai chân, hai ngón cái để ngang như văn trên, để cho vừa chừng mực, nhức đầu, đau mắt đỏ, môi miệng nóng, bào tử quanh mũi, bụng rất đau đớn, hai tai điếc, đằng trước đằng sau cổ đều cứng, bên phải mắc sáu bệnh, giữa hai chân phải đặt cảnh giới để tâm duyên theo, trong chốc lát nước đầy bụng rất đau đớn, chỉ biết nhất tâm chuyên chú vào cảnh, nếu tâm buồn phiền thì phải thở nhẹ nhàng, thở nhẹ có thể lại sinh khởi nương tựa, thực hành lại trước, nếu thở nhẹ trừ hết bệnh thì nên dùng pháp trị. Nếu nhân đó mà eo lưng chân đều đau, liền muốn bỏ hai chân xuống thì phải tưởng cái hầm sâu một trượng, dời cảnh giới trước đặt xuống đáy hầm, để tâm trụ vào đó, tự sẽ hết bệnh. Phải ở trong nhà vắng yên tịnh, lại thường dừng tâm nơi chân có thể trị tất cả bệnh. Vì sao? Vì năm thức tại đầu, tâm duyên trên nhiều, tâm sai khiến gió, gió động lửa, lửa dung nước, nước nhuần thấm thân, vì vậy cho nên phần trên điều hòa mà phần dưới loạn để đến nỗi mắc các bệnh, hoặc hai chân dẫn đến đau hai bên hông. Lại năm tạng như hoa sen lăng xăng rơi xuống, thức duyên trên nhiều, gió mạnh xung động phủ tạng lại phá thành bệnh, nếu tâm duyên dưới thổi lửa hướng xuống, ăn uống tiêu hóa thuận với năm tạng, dừng tâm nơi chân trị rất tốt, nay thường dùng rất có lợi ích, lấy đó mà trị cho người khác thường có hiệu nghiệm, Tưởng Ngô Mao v.v... Tức là người ấy. Lại tùy theo các bệnh mà xét kỹ tâm chỉ, không ngoài ba ngày, không có duyên khác thì không bệnh gì không lành. Vì sao? Vì như cửa mở thì gió vào, cửa đóng thì tĩnh lặng, tâm duyên cảnh ngoài như cửa mở, dừng tâm như cửa đóng, lý thường như vậy. Lại tâm như vua, bệnh như giặc, tâm an chỗ này thì giặc tan hoại. Lại chưa hẳn một bề dừng tâm nơi bệnh, như bí pháp của Hoàng đế bảo rằng: Hai khí trời, đất giao hợp đều có năm hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, như sự tuần hoàn, cho nên kim hóa mà thủy sinh, thủy chảy mà mộc tươi, mộc động mà hỏa sáng, hỏa bốc cháy mà thổ thành bằng phẳng, đây là tương sinh; hỏa gặp thủy thì diệt ánh sáng, thủy gặp thổ mà không hành, thổ gặp mộc mà bị mụt trướng, mộc gặp kim mà bị thương tích, đây là tương khắc. Như kim khắc mộc, phổi mạnh mà gan yếu. Phải dừng tâm nơi phổi, nhiếp lấy bạch khí thì làm bệnh gan, bốn tạng còn lại có thể hiểu. Lại dùng chỉ trị bốn đại: Nếu gấp thì chỉ trị thủy, chậm thì chỉ trị hỏa, dừng trên đỉnh đầu thì trị địa, dừng dưới chân thì trị phong.

2. Dùng khí trị: Nghĩa là thổi ra, thở ra hít vào, hà hơi, hà hơi ra sẽ đều ở mép môi, nhả ra thu vào chuyên về răng lưỡi, thong thả rõ ràng,

vận tâm buộc tưởng làm hơi, nếu lạnh thì dùng phương pháp thổi ra như thổi lửa, nóng thì dùng pháp thở ra, trăm đốt đau đớn thì dùng phương pháp hít vào, cũng trị bệnh gió, nếu mệt nhọc bụng đầy hơi thì dùng phương pháp hà hơi, nếu bị đàm mắc nghẹn thì dùng phương pháp thổi. Nếu mệt nhọc thì dùng phương pháp xoa bóp: sáu khí trị năm tạng: Hà hơi trị gan, thổi nhả hơi trị tim, hà hơi ra sẽ trị phổi, hít hơi vào trị thận, trị tỳ. Lại nữa, sáu khí vấn trị một tạng, tạng bị lạnh thì dùng phương pháp thổi, bị nóng thì thở ra, bị đau thì hít vào, bị mệt nhọc thì đụng xoa bóp, bốn tạng còn lại cũng giống như vậy. Lại nữa, miệng thổi đỡ lạnh mũi từ từ ấm bên trong, yên lặng nhẹ nhàng mà vào chớ để cho xung đột. Đối với một cách ngồi trên có bảy lỗi, nhưng sau đó thì an tâm, khi an tâm ít thì lại dùng khí, đây là dùng để trị ý. Nếu bình thường nhả ra đồ dơ bẩn một, hai miếng liền đủ, miệng thở ra đỡ nóng, trong mũi mát mẻ, miệng hít vào đỡ đau trừ được gió trong mũi an hòa, miệng hà hơi đỡ buồn phiền, hơi dưới tan đàm, tưởng đàm ở ngực, phần trên theo miệng ra, phần dưới theo hơi thở thông suốt, cho nên không cần trong mũi bổ sung. Hà hơi sẽ đỡ đầy bụng, trong mũi che kín yên ổn, xoa bóp đỡ mệt nhọc, trong mũi điều hòa lợi ích, dùng tâm nhẹ nhàng thở ra vào chớ để quá phần, khéo léo châm chước thêm bớt cho thích hợp, chẳng những tự mình trị bệnh mà còn cứu giúp cho người khác.

3. Dùng hơi thở để trị: Sắc tâm nương nhau mà thở, thí như củi lửa nhờ nhau mà có khói, xem khói trong đục thì biết củi khô hay ướt, xét hơi thở mạnh khỏe hay yếu đuối thì biết thân thể khỏe hay bệnh, nếu thân hành gió khởi ngang thì đau ốm thành bệnh, đâu rảnh dụng tâm, pháp gấp trị. Trước biết hơi thở có bốn bạn: Có âm thanh gọi là gió, giữ gìn thì tan, kết đọng gọi là khí, coi giữ thì kết, ra vào vô tận gọi là thở, giữ gìn thì mệt nhọc, không tiếng không chậm, ra vào đều hết, gọi là thở, giữ hơi thở thì định. Nên tìm nơi yên tịnh ngồi kiết già, thân ngay thẳng, mặc cho thân thể tan rã, tứ chi mỏi mệt, bố trí xương gân phải tương ưng với thời tiết, không dựa không cong lưng, chậm rải xoay chuyển điều hòa theo ý mình, đặt tay trái lên tay phải, hai ngón cái đụng vào nhau, buông thả hai má, miệng hơi mở thả bốn, năm hơi dài, kế là đầu ngay thẳng, từ từ nhắm mắt, chớ để cho mắt nhắm quá nhanh, thường để cho thoải mái, sau đó mới dùng hơi thở. Dùng hơi thở trị tám xúc trái với bệnh. Nếu do trọng xúc thành bệnh địa đại thì riêng dùng hơi thở ra để trị, nếu phát sinh khinh xúc thành bệnh phong thì riêng dùng hơi thở vào để trị, nếu phát lãnh xúc thành bệnh thủy thì riêng dùng hơi thở ra để trị, nếu phát nhiệt xuất thành bệnh hỏa dùng hơi thở

vào để trị, những thứ bệnh còn lại cũng giống như vậy, nếu được điều hòa ngay ngắn quân bình thì tùy ý dùng, ở đây thường dùng pháp đếm hơi thở chẳng phải chỉ riêng hơi thở. Kế đến là vận dụng riêng mười hai hơi thở: Đó là trên dưới, khốn khổ, đầy đủ, tăng trưởng, hoại diệt, lạnh ấm, xung đột, giữ gìn, điều hòa, bổ sung, mười hai hơi thở này mang theo tâm giả tưởng. Vì sao? Vì nếu sơ niệm nhập thai thức là có hơi thở báo ứng, hễ hơi thở mẹ dứt thì con dần dần lớn, gió lộ thì hoạt thành, từ đó hơi thở ra vào của đứa bé không còn theo mẹ, sống ở nơi khác mỗi mỗi đều có hơi thở gọi là hơi thở báo ứng. Nương hơi thở là nương tâm mà khởi, như sân dục thì hơi thở hưng thịnh, đây gọi là nương hơi thở, sáu khí trước căn cứ theo hơi thở báo ứng mang tưởng, mười hai hơi thở nương hơi thở mang tưởng cho nên khác với trước. Trước nói rõ duyên năm sắc thành bệnh năm tạng, đây thì nương tạng mà thành bệnh cho nên ở đây dùng nương hơi thở mà trị. Trên hơi thở trị bệnh địa trầm trọng, dưới hơi thở trị bệnh phong huyền hoặc, hơi thở bổ sung trị sình đầy bụng, hơi thở đầy đủ trị bệnh ốm gầy, hơi thở thêm mạnh mẽ có công năng sinh trưởng bốn đại, ngoại đạo uống khí, chỉ nên uống khí sinh trưởng này thôi! Hơi thở hoại diệt làm tang các lớp màng mỏng, hơi lạnh trị nhiệt, hơi ấm trị lạnh, nơi xung đột trị các khối u và ung nhọt độc, giữ gìn hơi trị sự trạo cử xao động bất an, bổ sung hơi trị yếu đuối mỏi mệt, hơi thở điều hòa dung thông bốn đại. Khi tạo ra các hơi thở thì mỗi mỗi tùy tâm tưởng đều khiến thành tựu, hiểu biết các bệnh mà dùng các hơi thở, chớ để dùng lầm lẫn.

4. Dùng giả tưởng trị: Trong hơi thở trước bao gồm cả dùng tưởng, ở đây chỉ dùng giả tưởng mà trị, như nói về thầy trị bướu, như người bị khối u thì dùng cách châm, như trong kinh A-hàm nói dùng lá tía tô hâm nóng cho uống trị bệnh mệt nhọc hao tổn, như phương pháp nuốt rắn, v.v...

5. Quán tâm trị: Hơi thở không mang tưởng thì quán thẳng nơi tâm, trong ngoài suy tìm tâm không thật có, bệnh đến bức ép, ai là người chịu bệnh.

6. Phương thuật trị: phương pháp trị liệu không biết thì xa, biết thì gần, như pháp trị cổ họng, trị răng, như hai ngón tay cái ấn mạnh vào nhau là trị bệnh gan v.v... kỹ thuật cạn cợt, thể thường huyễn hóa, chẳng phải người xuất gia cần dùng đến thì vốn không nên học, nếu học rồi thì phải bỏ gấp. Nếu tu bốn Tam-muội, thân như bọt nước, thêm hay bớt không nhất định, mượn dùng trị bệnh, thân an đạo còn cũng không bị hiềm nghi, nếu dùng để mong cầu danh lợi thế tục thì đó là ma huyễn

hóa, ma ngụy tạo, bỏ gấp bỏ gấp ba mươi sáu loài cầm thú đến quấy nhiễu, người tu thiền nên tụng chú ba biến.

Ba đề đà, tỳ da đa, na ma na, cát lợi ba, a vi và, suy ma đà, nan đà la, ưu đà ma, cát lợi ma, tỳ lợi cát.

Gia-đà-ma, ban đầu chứng đắc tâm nhỏ nhiệm, ngoại cảnh xúc chạm tâm sợ hãi, lúc ấy hơi trên đầy bụng, trong lòng buồn phiền, đầu đau đớn, đây là lục thần du hý khắp thân, do sợ hãi nên đánh mất sự giữ gìn, bên ngoài có ác thần nhập vào thân thể, cướp đoạt trụ xứ kia cho nên khiến như vậy, nếu dùng phương pháp trị, miệng im lặng kính cẩn, mũi không để thở ra, đợi hơi tràn khắp thân, sau đó buông hơi thở cho dài ra, từ đầu đến chân khắp toàn thân đều thực hành xuất tưởng, lôi kéo khiến cho cùng tận, như thế ba biến: sau đó tụng trú rằng:

Chi ba họa, ô tô ba họa, phù lưu ba họa, khiên khí ba họa.

Tụng xong ba biến, sau đó điều hòa hơi thở từ một đến mười, sai khiến hơi thở ra vào rằng: A na ba na, A Họa ba họa thì bệnh liền lành. Nếu bị kiết lỵ đi ra phân đỏ hoặc trắng, hoặc trúng gió, mặt xanh xao, mắt trợn ngược, môi thâm đen, không phân biệt được người, thì dùng ngón tay ấn mạnh, đơn điền trong chốc lát liền lành. Lại thân trên có chỗ nào đau thì tay cầm gậy đánh vào chỗ đau ấy bốn, năm mươi lần, đây là ý gì? Xét rằng tất cả các bệnh đều do tâm tạo, tâm có buồn phiền suy tư lo lắng gì thì tà khí xâm nhập vào, nên nay đau đớn bức bách không cần phải tìm ở đâu xa, nếu tà khí đi thì bệnh lành.

4. Nói về sự tổn hại và lợi ích: Tổn hại hay lợi ích đều có tiệm đốn, nếu dùng hơi thở thái quá thì năm tạng sinh hoạt nhanh, tuy chưa nhanh nhưng dần dần sẽ thêm mạnh dữ dội do đó mà nhanh, nếu người khéo tu thì hoát nhiên nhanh ấy có lợi ích, tức tuy giữ gìn với bệnh nhưng sau sẽ dần dần thành, như uống thuốc thang, trải qua năm tháng dần dần thấm thuốc sẽ có lợi ích, trị bên trong cũng như vậy. Hoặc tâm lợi bệnh nhẹ, tâm lợi bệnh nặng, tâm độn bệnh nhẹ, tâm độn bệnh nặng, đến nỗi có tiệm đốn khác nhau. Xét rằng y dược của thế gian phí tài dụng công, lại đắng nhám khó uống, cấm kỵ nhiều thứ, nuôi dưỡng thương tiếc thân mạng, sắp chết lo tính mồi nhữ người, nay không phí bỏ một văn, không bỏ nửa ngày công, không lo lắng đắng miệng, tha hồ ăn uống mà mọi người đều không chịu thực hành, người nghèo hèn không có của cải riêng, phong nhã thanh cao và đơn độc, ta rất thương xót hạng người đó. Nếu có đủ mười pháp thì có hiệu nghiệm tốt. Một là tin, hai là dụng, cho đến thứ mười là biết ngăn chướng. Tín là nguồn gốc của đạo, là môn ban đầu của Phật pháp, như trị bệnh ghẻ ngứa người

tín máu huyết là sữa, kính trọng xương lạc đà là chân xá-lợi, quyết tin pháp này có thể trị bệnh này không nghi ngờ, tin mà không dùng thì đối với bản thân mình không lợi ích, như cầm kiếm bén mà không dùng để chống giặc thì ngược lại còn bị chúng hại, không dùng cũng giống như vậy. Vì sao phải siêng năng? Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, sớm tối chuyên tâm tinh tấn, do công lao ấy mới đạt đến mục đích, dùi gỗ lấy lửa mà dừng nửa chừng thì khó có thể lấy được, người không siêng năng cũng giống như vậy. Vì sao gọi là hằng? Hằng dùng pháp trị, niệm niệm tại duyên mà không động loạn. Thế nào là biệt bệnh? Nhân biệt bệnh khởi như trên nói. Nếu không biết căn bệnh thì thật hành phương pháp trị liệu không đúng, đối với việc ấy không đem lại lợi ích. Thế nào là phương tiện? Khéo dùng phương pháp trị nhả hút đúng chỗ, vận tưởng thành tựu không mất cách thức, như gãy đàn chậm nhanh xoay chuyển vặn dây đàn ngón tay nhẹ nặng tùy theo thanh vận mới điều hòa. Thế nào là lâu? Nếu dùng chưa lợi ích thì không kể ngày tháng thực tập không dừng nghỉ. Thế nào là biết lấy bỏ? Lợi ích thì siêng dùng, tổn hao thì sửa đổi. Thế nào là biết tương hộ? Khéo biết cấm kỵ, đi đến nơi ăn uống không để cho xúc chạm. Thế nào là biết ngăn chướng? Dụng có lợi ích chớ nói là chưa, có lợi ích chớ nghi ngờ hủy báng, nói cho người khác nghe chưa lành không lành, lành rồi lại phát bệnh lại, có trị lại cũng không lành, nếu lành thì công lao gấp bội. Nếu có thể mười pháp đầy đủ, dùng các cách trị trên ắt có lợi ích. Không nghi ngờ, ta sẽ vì ông bảo đảm việc này, không hề luống dối.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 8
(Phần Cuối)

Nếu khéo tu bốn Tam-muội điều hòa đúng chỗ, nhờ đạo lực ấy nên chắc không còn các bệnh, dù cò chút sai trái cũng có minh đạo giúp đỡ, tự sẽ tiêu trừ lành bệnh, giả sử khiến nhiều chương ngại phát sinh cao ngất như núi, phải tìm đến cái chết, mạng sống chỉ còn chút hơi thở dư tàn, thệ trọn vì đạo tràng, xả tâm quyết định thì tội nào mà không tiêu, nghiệp nào mà không chuyển, cúi đầu bày tỏ khai mở điều lành v.v... Thì đâu có bốn đại năm tạng mà không điều hòa lành mạnh ư? Như chỗ ở của Đế-thích bọn tiểu quỷ cung kính tránh xa, nơi đạo tràng, thì thần đại không dám xâm nhiễu bừa bãi. Lại như ngôi thành có người canh giữ chắc chắn, người giữ thành canh giữ bận rộn, tâm là thân chủ, đồng danh đồng sinh ở cõi trời là thần có thể giữ gìn che chở người, tâm vững chắc thì mạnh, thân thần còn như vậy, huống gì là thần đạo tràng ư? Như Đại luận giải thích quỷ tinh tấn bị dính đến năm chỗ v.v... chỉ nhất tâm tu Tam-muội thì các bệnh được tiêu trừ.

5. Tu Chỉ Quán: Lệ theo trước chia làm mười: Trước hết phân biệt tư nghì: vì nhân duyên bệnh cho nên sinh mười pháp giới, do bệnh cho nên lui sụt bổn tâm, phế bỏ thiền định, hủy báng Tam bảo, không chỉ chiêu cảm tội trước mà còn tu điều lành không có phước sinh khởi đại tà kiến, lại thương tiếc thân, nuôi dưỡng mạng cá thịt rượu sau nồng, không lúc nào không quá độ, hoặc bệnh lành thân khỏe mạnh lại buông thả năm dục, tâm lành đều hết, nghiệp ác hưng khởi, khởi tội thượng trung hạ, đó là vì bệnh nên tạo ra pháp giới ba đường ác. Nếu người nào tự nghĩ bệnh khốn khổ này đều do tạo nghiệp không lành ngày trước mà ra, rồi sinh tâm hổ thẹn sâu nặng không dám gây tội nữa, tuy càng khốn đốn đau yếu mà tâm lành không sửa đổi, khởi điều lành thượng trung hạ, đó gọi là do bệnh mà gây tạo pháp giới ba đường lành. Nếu gặp tật bệnh khốn khổ sợ hãi sinh tử thì biết bệnh này là do nghiệp báo đời trước; hoặc xây dựng sinh tử đời sau, xoay vần không lúc nào cùng tận,

khổ tập nguy hiểm đời đời theo nhau mà chịu khổ não, phải cầu Niết-bàn vắng lặng vô tướng, đó gọi là nhờ bệnh mà khởi pháp giới Thanh văn. Lại quán bệnh này là bệnh sắc tâm của ta, do bệnh này mà đưa đến già chết, chết do nơi sinh, sinh do hữu ngày xưa, hữu từ thủ sinh, thủ từ ái sinh, ái từ thọ sinh, thọ từ xúc sinh, xúc từ sáu nhập sinh, sáu nhập từ danh sắc sinh, , sắc tức bốn đại năm căn, danh tức bốn tâm. Quán xét căn đại này, là từ chỗ nào sinh? Mầu xanh từ mộc sinh, mầu vàng từ đất sinh, mầu đỏ từ lửa sinh, mầu trắng từ gió sinh, mầu đen từ nước sinh. Lại quán mộc từ nước sinh, thủy từ gió sinh, gió từ khí dương của đất sinh, nước từ gió sinh, gió từ khí dương của đất sinh, đất từ lửa sinh, lửa từ mộc sinh, mộc lại từ nước sinh, như vậy tuy tìm vòng quang rồi trở lại ban đầu, không tự sinh. Quán bên ngoài năm hành đã như vậy, năm tạng sắc bên trong cũng giống như vậy. Gan từ khí xanh sinh, tâm từ khí đỏ sinh, phổi từ khí trắng sinh, thận từ khí đen sinh, tỳ từ khí vàng sinh. Tạng gan này là từ thể sinh, vì tự nơi khác sinh tức là biết tạng gan từ thận sinh, thận từ phổi sinh, phổi từ tỳ sinh, tỳ từ tim sinh, tim từ gan sinh, gan không tự sinh, lại từ thận sinh, như vậy bên trong tìm bốn đại năm tạng, kia đã không có tự thể làm sao không hủy hoại? Do bốn tâm giữ gìn, thức tâm giữ gìn đất, tưởng tâm giữ gìn gió, thọ tâm giữ gìn lửa, hành tâm giữ gìn nước, vì vậy cho nên không hoại. Bốn tâm này là tự sinh hay không tự sinh? Tức biết hành tâm từ thọ sinh, thọ tâm từ tưởng sinh, tưởng tâm từ thức sinh, thức từ hành quá khứ sinh, hành quá khứ từ vô minh sinh, vô minh từ vọng tưởng sinh, vọng tưởng lại từ vọng tưởng sinh. Kinh chép: Vọng tưởng sinh vọng tưởng luân hồi mười hai nhân duyên; như người khát nước điên cuồng thấy ánh lửa tưởng là nước, chạy về phía Nam, tìm kiếm không thấy nhưng la lớn rằng nước, âm thanh vang dội trên không cho biết rằng mình đang ở phía Nam, nghe nói nước ở phía Bắc đâm đầu về phía Bắc, cứ như vậy bốn phương tìm kiếm chẳng được, trong tâm rất áo não, cho rằng nước ngấm vào đất, đất kêu rống lên, thân thể mệt nhọc, chuyển đến tối tăm cũng lại không được. Chạy nhanh về phía Nam là dụ cho lưỡi tìm vị, chạy về phía Bắc là dụ tai tìm âm thanh, chạy về phía Tây là dụ mũi tìm hương vị, chạy về phía Đông là dụ cho mắt tìm sắc, ngấm vào đất là dụ thân tìm sự xúc chạm, đến tối tăm là dụ ý tìm vô minh, sáu căn như vậy, chạy tìm khắp các trần không được một cái gì, cũng không được tướng nhân duyên hòa hợp, chỉ tự mệt nhọc, đã hiểu biết rồi không còn chạy nữa, vì không chạy cho nên thân tâm định trụ, thân định trụ cho nên bỗng nhiên liễu ngộ, phát sinh nhân duyên chánh trí. Biết sắc tâm này xưa nay thể tánh

thanh tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, do vọng tưởng điên đảo nên có sinh diệt, nếu không theo vọng tưởng thì vô minh diệt, cho đến già chết diệt, hết cũ không tạo mới, như không đốt lửa thì không có khói, đã không có vô minh già chết bệnh thì ai bệnh! Đó gọi là quán bệnh khởi pháp giới Duyên giác.

Lại nữa, quán bệnh này là do ái tiếc thân mạng tài vật đến nỗi chịu các sự khổ não, cũng do giữ giới không nghiêm chỉnh nên mắc nhiều bệnh, mạng sống ngắn ngủi, cũng là do tâm trí thấp kém yếu đuối không thể an nhẫn; thần giữ thân không che chở, cũng do năng lực tinh tiến mỏng manh; không làm điều lành bổ sung thêm cũng là không có năng lực thiền định; bị bệnh làm xao động cũng do tâm thiếu trí tuệ, không thấu đạt vô thường, khổ, không, vô ngã đến nỗi mang bệnh tật này. Nay do mình tật bệnh mà thương xót tật bệnh của người khác, liền khởi tâm từ bi phát hạnh nguyện, xả bỏ không còn sót, thuận theo lý an hòa nhẫn nại, siêng năng chánh ý, giác ngộ vô thường, đó gọi là nhờ bệnh mà khởi pháp giới lục độ Bồ-tát.

Lại quán bệnh này, biết từ vọng tưởng điên đảo các phiền não đời trước sinh, như vậy vọng tưởng không có chân thật, ngã và Niết-bàn cả hai đều không, đó gọi là nhờ bệnh mà khởi pháp giới Thông giáo Bồ-tát.

Lại quán bệnh này tuy rốt ráo không, không hề thọ nhận điều gì mà thọ các thọ, chưa đầy đủ Phật pháp không nên diệt thọ thủ chứng, đó là do bệnh mà khởi pháp giới Biệt giáo Bồ-tát. Như vậy, v.v... pháp do bệnh hoạn mà thứ lớp sinh ra, đó gọi là cảnh tư nghị chẳng phải sở quán ở đây. Cảnh bất tư nghị: Một niệm tâm bệnh chẳng phải chân, chẳng phải hữu, tức là pháp tánh pháp giới; tất cả pháp thú hướng bệnh là thú hướng nơi không lỗi, chỉ có pháp giới đều không có chín cõi khác nhau, như ngọc như ý chẳng phải không, chẳng phải hữu, chẳng phải trước, chẳng phải sau, bệnh cũng như vậy, bặt lời lìa tướng, vắng lặng thanh tịnh, cho nên gọi là bất khả tư nghị. Thấy rõ mé thật của bệnh thì có gì vui, có gì buồn, quán như vậy thì bỗng nhiên tiêu bệnh. Kinh Kim Quang Minh chép: Thẳng nghe lời này bệnh liền trừ hết, tức là ý sở quán. Lại có người bệnh quá nặng khó trừ, chỉ có cách hợp tất cả các thứ thuốc bệnh mới có thể lành, tức là chín quán sau. Tất cả chúng sinh đều đầy đủ lý này mà không thể hiểu, tùy theo kiến tư hoặc trôi giạt chìm mất trong biển phần đoạn, rất sinh tâm thương xót muốn ban cho sự an vui đạo diệt chẳng phải hữu tức không, đó là Bồ-tát bị bệnh năng dùng quán không điều phục tâm kia, điều phục được tâm cho nên

tật bệnh tiêu trừ. Do từ bi cho nên quyền biến bệnh tật thì sinh, sinh cõi phần đoạn, xem người phần đoạn cũng như con một, con đã bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, vì thân bệnh mà vỗ về an ủi, nếu con lành bệnh thì cha mẹ mới lành, đó gọi là phân tích thể nhận vỗ về an ủi người bị bệnh của Bồ-tát. Lại quán bệnh này tuy tức là vắng lặng, các chúng sinh ấy không thuần là nhân không mà được độ thoát, phải biết không bệnh các thứ pháp môn, Thanh văn Nhị thừa vì không biết nên theo dòng vô minh vô tri chìm đắm trong biển biến dịch, không thể phân biệt các phẩm loại bệnh lành, vì vậy Phật pháp không được hiện tiền, tịnh độ chúng sinh đều không thành tựu, vì nghĩa này cho nên liền khởi từ bi cứu khổ vô tri, ban vui phân biệt trí đạo chủng, đó gọi là Bồ-tát bị bệnh năng dùng giả quán để điều phục tâm kia, điều phục được tâm cho nên tật bệnh tiêu trừ. Do từ bi cho nên quyền biến bệnh thì sinh, sinh cõi phương tiện, quán người phương tiện cũng như con một, vì con bệnh cho nên cha mẹ cũng bệnh, vì thân tật bệnh mà dùng lời an ủi vỗ về con, nếu bệnh vô tri của con lành cha mẹ cũng lành, đó gọi là Biệt giáo an ủi vỗ về Bồ-tát bị bệnh. Lại quán bệnh này tuy tức pháp giới mà các chúng sinh không, tức Trung đạo, lý này chưa hiển bày, theo vô minh mà trôi lăn chìm đắm trong biển biến dịch. Kinh dạy: Ba hiền mười Thánh trụ quả báo tức là bệnh thật báo nhân quả. Vì nghĩa ấy cho nên khởi tâm từ bi, nhổ gốc khổ vô minh, ban vui rốt ráo, đó gọi là Bồ-tát bị bệnh dùng Trung đạo quán điều phục tâm kia, tâm được điều phục cho nên tiêu trừ tật bệnh. Do từ bi cho nên quyền biến bệnh thì sinh, sinh cõi Thật báo, xem người biến dịch cũng như con một, con đã bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, do thân tật bệnh mà an ủi vỗ về con, bệnh vô minh của con lành thì cha mẹ cũng lành, đó gọi là Viên giáo an ủi vỗ về Bồ-tát bị bệnh. Ba bệnh như vậy trong một tâm sinh, điều phục như vậy là điều phục nhất quán, từ bi như vậy là từ bi tròn đầy cùng khắp, thị hiện như vậy là phổ môn thị hiện, an ủi một âm thanh giảng nói, vì dễ hiểu cho nên như trước phân biệt, thật mà luận thì đó là từ bi bất tư nghị, chỉ có ngài Tịnh Danh kia mới có đầy đủ pháp như vậy, ba thật viên trừ thì ba quyền hiện khắp, người trên kia khó mà đối đáp. Quốc vương, Trưởng giả thật bệnh hoàn toàn còn mà không dám đến thăm bệnh ngài Tịnh Danh, hàng Nhị thừa tuy đã dứt chấp tướng mà từ chối không kham đi, Bồ-tát chối từ, khách trần thường thường chịu khuất, chỉ có ngài Văn-thù đạo lực ngang gần, xét cơ, vâng ý chỉ Phật đến thăm bệnh Tịnh Danh. Hỏi rằng: Cư sĩ! Bệnh này do đâu sinh khởi, nếu sống lâu thì phải làm sao để diệt? Cư sĩ đáp: Nay ta bệnh từ đại bi khởi, do chúng sinh bệnh cho nên ta bệnh,

chúng sinh bệnh lành nên bệnh ta lành.

Chúng sinh thật bệnh từ si ái sinh, si ái vừa sinh thì đại bi cũng khởi, si ái vừa diệt đại bi cũng diệt, chúng sinh có lành hay không lành, Bồ-tát có bị bệnh hay không bệnh, nếu không bệnh thì biết con mình lành, nếu bị bệnh thì sự hóa đạo chưa dừng nghỉ, cho nên Phương trượng hỏi thăm bệnh, mau thành quay lưng đau xót đều là nghĩa này. Thệ nguyện đã đồng hư không, có bệnh cũng đầy khắp pháp giới, đó gọi là từ bi bất tư nghị. Năng lực từ bi lớn Bồ-tát vừa phát tâm này thì bệnh liền lành, không đợi lại tu pháp dưới, Pháp hỷ thiên thai v.v... Nếu phát tâm không chân thật, dối trá chúng sinh, mà muốn cầu Tam bảo, có sự mong cầu bệnh cũng không lành, nếu chân thành thì có sức mạnh lớn. An tâm: Nếu người trong đạo tràng bệnh thì như trên đã nói, hiểu được sự phát tâm, vững mình chánh niệm, chỉ có chỉ, chỉ có quán, khéo léo Tất-đàn, điều hòa thích hợp vừa chừng. Ngay nơi chỗ ngồi liền giác ngộ, hoặc đốn tổn, hoặc tiệm tổn, đó gọi là đại dược, lại không rối loạn tu các pháp khác làm đối trị. Phá pháp biến: Hành nhân bệnh thì quán bệnh, đó là vì sắc bệnh hay là vì tâm bệnh? Nếu sắc bệnh thì ngoài ra núi rừng v.v... lẽ ra đều phải bệnh, người chết lẽ ra cũng bệnh, thây chết và núi rừng không hề chịu khổ não, cho nên biết sắc chẳng bệnh, chỉ do tâm tưởng chấp có mà bị bệnh này, nay quán bệnh tâm không tự không tha, bốn câu không thật có, chẳng trong, chẳng ngoài rốt ráo thanh tịnh, tâm như hư không thì ai là bệnh! Ngã Tịnh Danh nói: Chẳng phải địa đại, không lìa địa đại, chẳng phải thân hợp thân tướng không thật có, vì chẳng phải tâm hợp nên tâm như huyễn. Không thể bệnh tâm sinh, không thể bệnh tâm không sinh, vừa sinh vừa bất sinh, phi sinh phi vô sinh, đơn, phúc, cụ túc đều như trên, trong phá ấm nhập nói. Thức tông bít: Quán xét bệnh trong mỗi câu xem xét thấy rõ đế duyên độ, quán bệnh quán trí mỗi câu xem xét thấu rõ Đế duyên độ, rõ ràng phân minh không nghi ngờ lầm lẫn, hiểu chữ phi, chữ biết, biết được, biết mất lệ theo như trên nói. Đạo phẩm điều thích: Nếu quán bệnh là bốn đại bệnh là bất tịnh, nếu bệnh lìa bốn đại thì bệnh tức là tịnh, bệnh chẳng phải bốn đại, chẳng phải lìa bốn đại, bệnh tức chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh, hữu chân, chẳng phải hữu chẳng phải chân, không giả, chẳng phải không chẳng phải giả, khô tươi, chẳng phải khô chẳng phải tươi, các nghĩa như vậy đều không hai không khác với thân niệm xứ, chịu bệnh như thế chẳng phải khổ, chẳng phải vui, tưởng hành của bệnh chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, tâm bệnh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, theo nghĩa như trên, ba mươi bảy phẩm ở giữa

đối chiếu đều được thành tựu, hiểu được khổ, không khổ, đều vào ao trong mát. Trợ đạo: Nếu tu chánh quán chưa được lành bệnh thì phải nhờ sáu thứ từ trước đến nay trị, chánh trợ hợp lại thực hành đều có thể nhập đạo, huống chi thân bệnh mà không tiêu trừ ư? Thực hành như thế thì dù có giường gối cũng hiểu sâu thứ vị. Ta quán bệnh hoạn đạo lý rõ ràng, như ngọc lưu ly ở sâu dưới đáy đầm, ta quán trí này chỉ là tên gọi, nhân bệnh chưa hết nên quả bệnh là phần, nếu tợ hiểu biết địa vị, thì do bệnh ít nhẹ đạo tâm càng thuần thục, quả bệnh còn nặng thì không tránh khỏi các tai ương, nếu nhập Vô sinh pháp nhẫn thì nhân bệnh tuy hết nhưng còn quả bệnh, nay ta không nên có địa vị mà khởi cao mạn, nói ta bệnh lành ngang bằng với người kia. An nhẫn: chỉ siêng chánh trợ chớ vì chướng duyên trong ngoài cản trở mà dừng nghỉ. Đáp: Chánh trợ vướng mắc thì bệnh thành phế đạo, hãy an tâm nơi bệnh, bất động bất thoái, việc làm rõ ràng. Dù mắc bệnh tổn hại, quán hành sáng suốt thanh tịnh, không sinh tham trước, chở khởi ái nhiễm, mười pháp thành tựu, bệnh nhập vào dòng pháp, đó gọi là cảnh bệnh hoạn tu quán Đại thừa đạt được vô sinh nhẫn, được một chiếc xe lớn, lệ theo trước có thể biết v.v...

Thứ bốn: quán cảnh nghiệp tướng: hành nhân từ vô lượng kiếp đến nay gây ra các nghiệp thiện ác, hoặc đã thọ báo, hoặc chưa thọ báo, nếu bình thường vận tâm thì tướng không hiện, nay tu Chỉ Quán làm động các nghiệp, cho nên tướng thiện ác hiện. Có người nghi nói rằng: Đại thừa bình đẳng làm gì có tướng để nói, ở đây nói không phải như vậy, chỉ vì gương bình đẳng trong sạch cho nên tướng các nghiệp hiện. Kinh Quang Minh chép: khi sắp chứng Thập địa, tướng đều không hiện. Kinh A-hàm chép: khi sắp chứng Sơ quả, tám mươi tám con rắn chết ở trước người ấy. Đại thừa, Tiểu thừa tướng văn rất nhiều. Lại kinh Pháp Hoa chép: thông đạt tội phước, tướng chiếu khắp mười phương, tội phước chỉ là nghiệp ác mà thôi! Kinh Tịnh Danh chép: Đối với Đệ nhất nghĩa mà bất động, khéo có thể phân biệt các tướng cho nên ông khó bắt bẻ là lỗi.

Nêu rõ nghiệp tướng chia làm bốn: một Nhân duyên tướng phát. hai Chánh thức phát tướng. ba Liệu giản. bốn Chỉ Quán. Một Nhân duyên: Có trong có ngoài. Trong: Chỉ Quán nghiên cứu tâm, tâm dần dần trong sạch sáng suốt, chiếu soi các thiện ác, hoặc có thể dùng chỉ chỉ ác, ác mới sắp trừ, dùng quán quán thiện, thiện mới sắp sinh; hoặc có thể dùng chỉ chỉ ác, ác nhẫn tĩnh mà sinh, dùng quán quán thiện, thiện do quán mà diệt, vô lượng nghiệp tướng xuất xứ từ trong Chỉ Quán, như

gương được lau chùi sạch thì muôn hình ảnh tự hiện. Ngoài: là các Đức Phật từ bi thường ứng hiện khắp tất cả, nếu chúng sinh không có căn cơ thì không thể thấy được, do năng lực Chỉ Quán có thể cảm đến các Đức Phật, chỉ bày các nghiệp thiện ác, thiền thì các nghiệp hiện, như cầm tràng hoa nêu bày ra giữa đại chúng, đó gọi là nhân duyên trong ngoài. Nếu hiểu được ý này, thì vi tế phân biệt tội phước đen trắng không lầm lẫn, có khả năng làm thầy phương đẳng, điều phục đối với chúng sinh, nay chỉ chuyên tâm nghiên cứu Chỉ Quán, khiến nghiệp hết thì hạnh thành, nhất tâm chọn lấy đạo, đâu còn dùng phân biệt.

2. Nói về nghiệp tướng phát: Phát không có trước sau, hơi nữa theo lời nói thì trước nói về thiện phát, tướng ấy có sáu: một Tướng quả báo thiện. hai Tướng tập nhân thiện. ba Báo hiện trước, tập hiện sau. bốn Tập hiện trước, báo hiện sau. Năm Tập báo đồng thời hiện. sáu Trước sau bất định. Khi các nghiệp hiện thì so le muôn phẩm, hiểu sáu ý này thì phân biệt không lầm lẫn. Vì sao gọi là tập nhân tập quả? Người tu theo A-tỳ-đám nói: Tập nhân là tự phần nhân, tập quả là nương quả. Lại tập gọi là tập tục, tự phần tướng hạt giống sinh, niệm sau tâm khởi, tập nối với trước, niệm trước làm nhân, niệm sau làm quả. Nghĩa này chung cho ba tánh, các luận sư chỉ đề cập đến thiện ác vô ký, không có tập tục. Báo nhân báo quả: Đây là y cứ vào khác đời, trước tập nhân tập quả đều gọi là báo nhân, nhân đời này lôi kéo quả đời sau cho nên gọi là báo, gọi là báo nhân, đời sau làm thân trong năm đường ác tức là báo quả. Nay y cứ quả báo trên thân, lại khởi thiện ác tập tục, tập nhân tập quả, gồm trông mông đời trước, thì tập tục này là quả, nếu trông mong đời sau thì tập tục này là nhân, Số gia nói báo đắc được làm thân chim sẻ, chim bồ câu đó là báo quả, nặng về dâm là tập quả, các luận sư nói thân chim bồ câu nặng về dâm đều là báo quả. Dâm do tham khởi, tham là tập quả. Lại đời này phiền não gọi là tập nhân, thành nghiệp tức báo nhân, đời sau khởi phiền não gọi là tập quả, đau khổ gọi là quả báo, nếu trong lúc ngồi thiền chỉ thấy các tướng, đó gọi là quả báo, tướng hiện do nhân xưa cho nên cũng được gọi là báo thân. Lại có thể khởi nhân lôi kéo hậu báo, chịu tên lẫn nhau, nay chỉ xếp vào tướng báo quả, nếu trong lúc ngồi không thấy các tướng do uất kết như thế mà tâm khởi đó là phát tập nhân, có thể lôi kéo đến quả cũng được gọi là tập quả, đền đáp nhân xưa, chịu tên lẫn nhau, ở đây chỉ xếp vào tập nhân, tướng thiện phần nhiều y cứ vào sáu Độ. Đàn tướng phát: nếu trong lúc ngồi bỗng thấy ruộng phước hơn hình tượng Tam bảo, Thánh chủng đại đức cha mẹ Sư tăng, người có đức hạnh nhận sự cúng dường của mình, hoặc

thấy ruộng bi thọ sự cúng dường, hoặc thấy hai thứ ruộng tuy không thọ sự cúng dường mà đều vui mừng, hoặc không thấy các ruộng thọ hay không thọ, chỉ thấy chỗ thí bày biện đầy đủ, hoặc không thấy vật thí chỉ thấy tịnh địa, hoặc nêu rõ tướng quả báo của sự bố thí đời này, hoặc nêu rõ quả báo của sự bố thí đời xưa, hoặc thấy người giỏi hành bố thí, đến trước chỗ mình khen ngợi đàn xả, các việc như vậy đều là quả báo phát tướng, kế đền đều không còn thấy các tướng, nhưng tâm uất ức như vậy muốn thực hành tuệ thí, cung kính cúng dường Tam bảo cha mẹ Sư tăng, hoặc thương xót người nghèo khổ mà muốn cứu giúp, hoặc đối với pháp môn đàn thí thông đạt tất cả, các tâm như vậy đều là tập nhân phát tướng. Hoặc trước khởi tâm này khước từ thấy báo ứng tướng, hoặc trước thấy báo ứng tướng nên khước từ phát tâm này, hoặc đều phát hoặc bất định phát, có thể dùng ý mà biết. Khi giới tướng phát cũng có sáu ý: Nếu thấy Thập sư, y bát, đàn tràng, yết-ma hoan hỷ ái niệm, hoặc tuy không thấy tướng này mà tự thấy y áo sạch sẽ, oai nghi khoan thai, lại thấy người thường giữ giới mặt mũi sáng sáng sủa, cử chỉ bình an, rõ ràng đến khen ngợi giới, các tướng như vậy đều do quả báo giữ giới phát sinh. Hoặc có khi đều không thấy tướng này, rõ ràng giữ giới tâm sinh, tự nói giới thanh tịnh thiên tụ không đáng để giữ, hoặc muốn cứu giúp những người phá giới khiến cho họ đều đúng như pháp, tự hiểu văn luật, tinh thông giới bộ, đó gọi là tập nhân phát tướng, hoặc trước sau đều lẫn lộn, có thể dùng ý mà biết. Tướng nhẫn phát: Hoặc thấy người năng nhẫn, hoặc thấy thân làm việc nhẫn, hoặc thấy thân họ xinh đẹp trong sạch, tay chân nghiêm chỉnh, ở đời ít có, hoặc thấy người khôi ngô nhẫn nhục đến khen ngợi hạnh nhẫn, đó gọi là báo quả tướng, hoặc thẳng thắng phát tâm nhẫn, lại hiểu pháp môn nhẫn, đó gọi là nhẫn tập nhân phát tướng, trước sau đều xen lẫn, có thể dùng ý mà biết. Tướng tinh tấn: Hoặc thấy người tinh tấn, hoặc thấy việc tinh tấn của mình, hoặc thấy thân nhiều sức mạnh, cường tránh anh hùng, hoặc thấy người thường hành tinh tấn, đêm ngày không bỏ khen ngợi tinh tấn, đó gọi là tinh quả báo tướng. Hoặc không thấy tướng chỉ phát tâm tinh tấn, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng không tiếc thân mình, hoặc thông đạt pháp môn tinh tấn, đó gọi là tướng tập nhân tinh tấn, trước sau đều xen lẫn, có thể dùng ý mà hiểu. Tướng thiền: Sau trong cảnh sẽ nói rộng. Tướng trí tuệ: trong cảnh Bồ-tát sẽ nói rộng. Sáu Độ tập báo đã có sáu thứ, tất cả pháp lành cũng giống như vậy, nếu tìm xét kỹ pháp này càng lâu càng sáng tỏ, không phiền nói nhiều, cũng không được nói nhiều, mặt thọ nhận miệng quyết định, tùy ý nói rộng. Các Đại

sư Phương Đẳng truyền với nhau rằng: Mắc nợ vật Tam bảo, tường ấy hiện thời, quyết phải bồi thường. Ngài Nam Nhạc nói: Nếu tự mình có vật bồi thường thì tốt, nếu mình không có vật muốn phế bỏ hành pháp, rong ruổi tìm cầu khắp bốn phương, đây có hai nghĩa: Chúng sinh từ xưa nhiều tội lỗi vô lượng, thiếu nợ của Tam bảo chẳng phải một điều, như bậc La-hán trước kia khi nhập đạo chưa kịp trả hết nghiệp cho nên gọi là "để trách". Nếu hành giả phế bỏ đạo tràng mà đi khất thực, lăn lộn nhiều năm đâu chẳng phải việc ma, nay còn chưa trả nọ, chỉ quyết chí tu hành thật pháp của các Đức Phật, chuyển ngã thành lập. Thành là đợi phá phiền não, nhập vô sinh nhẫn, đối với Pháp thân địa rộng lớn cúng dường tất cả Tam bảo, rồi lại vào đường sinh tử để trả nợ chúng sinh, Bồ-tát lúc bấy giờ không gọi là "để trách". Lập: là đợi công phu đầy đủ gọi là hạnh thụ lập, quả báo tự đến thì sẽ bồi thường Tam bảo, chẳng phải là để phụ mà không có tâm bồi thường, xin kéo dài một chút để mong triển lập! Đây đâu chẳng phải là việc tốt ư? Nếu phế bỏ hành pháp ra khỏi đạo tràng, đâu quyết phải bồi thường, không được đọc tụng, nghe học, làm các việc riêng của chúng, quyết phải phương tiện cầu tài mà bồi thường. Đây giải thích giống như kinh Ưu-bà-tắc Giới. Kinh dạy: Nếu thiếu nợ vật Tam bảo, vật của người chánh sự tu đạo, muốn cầu quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán thì không phải bồi thường nợ, nếu không học đạo phải gấp bồi thường, người chứng A-la-hán nếu dùng vật của Phật thì không mắc tội.

Kế là nói về tướng ác: các điều ác rất nhiều, hơn nữa y cứ vào sáu tế, đối với mỗi tế đều có sáu y. Tướng san tế: Nếu thấy Tam bảo, sư tăng, cha mẹ hoặc hình dung tiều tụy, hoặc lõa lộ thân hình, hoặc y áo rách rưới bẩn thỉu, hoặc đói khát rầu rỉ, chùa hoang trống vắng, hoặc thấy tất cả vật đều bị giữ chặt đóng kín cùng với trước là khác, người đối diện đối với vật hoan hỷ, nay thấy người xin đối với vật thì sân giận mắng chửi, vật trước tiêu biểu cho bố thí, vật này tiêu biểu cho sự keo kiệt. Hoặc thấy người keo kiệt đến trước mặt, đó gọi là san tế báo quả phát tướng. Có đủ sáu thứ, lệ theo trước có thể biết v.v... Tướng phá giới: Nếu thấy hình tượng Tam bảo, sư tăng tôn trưởng, cho đến cha mẹ, đầu bị chặt đứt rơi xuống đất không hơn gì bị giam hãm, hoặc thân thể bị cắt chặt đánh đập khổ não, hoặc thấy thân một nẻo, đầu một nơi, rơi rụng khắp nhà cửa, hoặc thấy cha mẹ bị hạ nhục, Tam bảo bị trách mắng, hoặc thấy kẻ trước người. Loại cầm thú độc ác leo dẫm trên đầu thân kia đều là sân tế báo tướng. Cũng có sáu ý lệ theo trước có thể biết v.v... Nếu thấy phẩn tiểu bất tịnh, thây chết hôi thối, vật dơ giữa đường,

nước sâu đường rộng, đi không được tới trước, hoặc thấy người làm việc dâm đến nói những việc buông lung, hoặc thấy người cùng cầm thú giao hội, đây đều là tội báo tướng dâm, cũng có sáu ý v.v... Hoặc thấy vật trộm trong một đời, chủ của vật trộm tức giận mắng chửi, bắt trói giam cầm vật và người, hoặc thấy người giỏi trộm đến khuyến khích nói việc trộm, đều là quả báo của tướng trộm, cũng có sáu ý lệ theo trước có thể biết, v.v... Nếu thấy cha mẹ sư tăng và người ngoài tranh chấp, tức giận nhiều thứ, xen lấn hùa vào phỉ báng nơi mình, hoặc thấy miệng nói nhiều hơn người khác, tức là tướng quả báo bốn lỗi lầm của miệng, cũng có sáu ý lệ theo trước có thể biết v.v... hoặc thấy người say nằm ói mửa bừa bãi, hoặc thấy thân mình hôn mê chìm đắm, đều là tướng quả báo uống rượu, cũng có sáu ý lệ theo trước có thể biết v.v... đều là quả báo tướng vi tế phá giới, còn lại bốn tế lệ theo đây có thể biết, cho nên cần phải ghi chép v.v... Lại nữa, trong tâm đau khổ là huân tập sát, trong tâm nặng nền là thói quen trộm cắp, trong tâm bực bội nóng nảy là thói quen dâm dục, tất cả đều có là đẳng phần tập.

3. Liệu giản: Tướng thiện ác hiện thành chướng khác nhau, hoặc chẳng ngăn chướng mà ngăn chướng, chướng mà chẳng phải chướng, chướng chẳng phải chướng đều là chướng, chướng chẳng phải chướng đều là bất chướng. Phi chướng mà chướng là: Nếu người có phát tướng lành thì đương thời vui mừng, sau khởi ái mạn, khinh thường mất người khác, ỷ vào chứng tướng, sinh tâm cống cao, dần dần tiêm nhiễm danh lợi, lỗi lầm chuyển sinh, thôi tâm hoại pháp, xả giới hoàn tục, không tội ác nào mà không gây, há chẳng phải nhân ban đầu, không ngăn chướng điều lành. Về sau đưa đến điều ác đại chướng. Chướng mà chẳng phải chướng: Như trước phát sinh tướng ác, hổ thẹn sợ hãi, siêng sám hối tội ác này, tướng dứt nối nhau, tâm không bao giờ sinh khởi tội, siêng năng làm các việc lành, thành tựu việc lớn, đâu chẳng phải nhân ban đầu chướng, sau không phải chướng ư? Đều chướng đều không chướng, lệ theo trước có thể biết v.v... Không chướng mà chướng: Đây là điều lành sắp diệt mà tướng hiện, điều lành này diệt tiêu biểu cho điều ác sinh. Nếu chướng chẳng phải chướng: Đây là điều ác sắp diệt mà hiện tướng, điều ác này tiêu biểu cho điều lành sinh. Hoặc chướng, bất chướng đều bất chướng: Chướng này tiêu biểu cho điều lành không diệt, điều ác không sinh. Hoặc chướng bất chướng Đều chướng: Đây tiêu biểu điều ác không diệt, điều lành không sinh, đây là căn cứ vào sơ thiện mà nói, nghĩa là điều lành là không ngăn chướng, điều ác là ngăn chướng, như trên phân biệt. Nếu y cứ vào chân đế mà nói thì các thiện ác trên đây

thảy đều là chướng, cho nên Kinh Tịnh Nghiệp Chướng chép: Tất cả ác chướng, tất cả thiện chướng. Nếu y cứ vào giả mà nói thì chân đế thiện ác đều là chướng. Nếu căn cứ trung mà nói, trên giả thiện ác đều là chướng, cho nên chướng không thể cùng tận. Lại nữa, thiện ác tập nhân tâm khởi thì dễ biết, tướng quả báo thiện ác khởi thì khó biết. Nếu tướng thiện báo giúp cho thiện lập nhân tâm khởi, hoặc hiện trước, hoặc hiện sau phần nhiều là tướng của tánh thiện. Cô nhiên khởi: Phần nhiều là thiện tướng vô tác, tướng quả báo ác giúp cho ác tập nhân tâm khởi, hoặc trước hoặc sau, thường là tánh ác, không giúp cho tập khởi, thường là trái không làm ác. Lại nữa quả báo thiện ác cô nhiên khởi: Tuy do vô tác nhưng lý vãng phán lại rõ ràng, phần nhiều ưa xen lẫn ma, nếu muốn phân biệt thì phải xem xét kỹ, dùng mười pháp như: Không, minh thiện ác v.v... để xét nghiệm, nếu vượt hơn không bằng thì là tướng ma, khác với đây mới là vô tác. Lại ba tướng để xét nghiệm, đó là lâu lâu trụ, thường thường đến. Lại hoại thiền tâm, ba tướng này là tướng ma, không có ba tướng này là vô tác. Lại nữa, khi hiện các tướng ác, ban đầu hiện sân nộ, kế hiện bình thường, lần thứ ba hiện vui mừng. Hoặc người can ngăn sớm, hoặc người bị đuổi nên biết đều là tướng ác sắp diệt. Xét rằng phát tâm chân chánh, trí tuệ sáng suốt, hiểu biết khéo léo, biết các tướng mỗi mỗi không lầm lẫn, không bị các chướng làm mê hoặc, tâm nhập vào lý càng thêm sáng suốt, thật hành có thừa sức phân biệt nghiệp môn, tuy thông đạt tự tại, gồm cả hóa tha. Nếu phân biệt nghiệp tướng không thể vụn vặt, chỉ biết chung là chướng, không hề chấp trước, đánh thẳng tâm quán, lý nghiệp không thể ngăn ngại, nếu vốn không hiểu tâm, lại khởi ý tà vạy, thấy tướng này rồi mà sinh ái trước thì ma kia được dịp thuận tiện làm lại, vào chỉ bày lành dữ, lại dựa nhau mua bán tài thực, chết đọa vào đường quỷ, đây chẳng phải ma thiền thì là gì? Nếu tự chánh chánh ma, phải hiểu được ý ấy, đích thân tự hành chứng, lại chính thầy khẩu quyết mới có thể nói rõ, chớ lập tức làm môi giới, vọng làm nóng lạnh thì tai họa rất lớn, dặn dò rất kỹ, sau thành cẩn thận.

Hỏi: Đạo tràng có thần hộ vệ, oan trái đâu được quấy nhiễu? Đáp: Đúng vậy, như quan lại ở đời dạo chơi, chỉ dòm ngó chẳng đề phòng điều ác, chủ nợ có vật không thể ngăn được, nghiệp đến trả báo, y cứ theo đây có thể biết. Lại nữa, các nghiệp gọi là giáo thể tướng, đủ như luận Tỳ-bà, luận Thành Thật nói, nếu thực hành quán phá nghiệp đầy đủ như Trung luận, hai luận sư kia đều có chỗ hay chổ dở, nay y khác kia, chỉ nói thiện ác không lẫn lộn, ngay nơi sự tức là, nếu phân biệt

rộng ngăn phòng chánh đạo, hoặc phá thẳng mà thôi, hoàn toàn không biết đạo phẩm chánh trợ triều đình, phương pháp chưa đủ. Nay Chỉ Quán nói nghiệp tướng không đủ, pháp quán có dư.

4. Tu Chỉ Quán: Tức đủ mười ý: Thế nào là nghiệp cảnh tư nghị? Nếu nghiệp nặng chiêu cảm ba đường ác, báo có thượng trung hạ, hoặc nghiệp nặng chiêu cảm ba đường lành, báo gọi là thượng trung hạ, nghiệp bất động chiêu cảm quả báo cõi Sắc cõi Vô sắc, các nghiệp như vậy chiêu cảm sắc tâm, lại mê sắc tâm khởi bốn điên đảo, sinh tử không dứt là do đó. Nay quán nghiệp không, nghiệp điên đảo mê hoặc không sinh, cho đến lập tận, đó gọi là Thanh văn quán nghiệp, nếu quán nghiệp do vô minh, vì vô minh nên là nghiệp, vì nghiệp cho nên có danh sắc cho đến già chết, nếu biết vô minh không khởi thủ hữu, vô minh diệt cho nên các hành diệt, đó là quán nghiệp của Duyên giác. Nếu quán nghiệp hành huyễn hóa, huyễn hóa tức không, không tức Niết-bàn, đó gọi là quán nghiệp của Thông giáo, nếu quán nghiệp như mặt đất, năng sinh các mầm mống, pháp mười pháp giới đều từ nghiệp khởi, đó gọi là quán nghiệp của Biệt giáo, đều là cảnh tư nghị, chẳng phải sở dụng ở đây. Cảnh bất tư nghì: Như kinh chép: thâm đạt tướng tội phước. Tội tức ba đường ác phước là đường lành, chỉ hiểu nghiệp tướng ba đường ác, không thâm đạt nghiệp tướng ba đường lành trời người thì chẳng phải thâm đạt, đạt ác đạt thiện mới gọi là thâm đạt. Nếu đạt nghiệp tướng thiện ác chỉ là thiện ác, không gọi là thâm đạt, lại thiện ác đều là ác, lìa thiện ác mới là thiện, đó gọi là thâm đạt. Lại thấu đạt thiện ác của trời người gọi là sinh tử biên, thâu đạt Nhị thừa lìa thiện lìa ác là Niết-bàn không biên, chỉ là hai bên không gọi là thâm đạt, lại hai bên đều là ác, cũng không gọi là thâm đạt, Bồ-tát Biệt giáo năng đạt hai bên từ cạn dần dần đến sâu, cho nên gọi là thâm đạt. Lại Biệt giáo sâu dần cũng chẳng phải thâm đạt, Viên giáo tức ngay nơi nghiệp cạn đạt đến nghiệp sâu mới được gọi là thâm đạt tướng tội phước, chiếu khắp mười phương, thâm đạt như vậy thật không còn loanh quanh trong ba cõi, cũng không đi lối tắt để nhập không, tức là ý này. Quán một niệm khởi có đủ mười cõi, gọi là mười phương, mười phương là ý báo, mười cõi là chánh báo,nếu không ý báo thì cũng không chánh báo, đã có y bát thì có trăm pháp tánh tướng bổn mạt v.v..., cũng goi là bách phương, các pháp như vậy tức là một niệm nghiệp cho nên gọi một nghiệp là tất cả nghiệp. Kinh Hoa Nghiêm chép: Này các Phật tử! Tâm tánh là một, vì sao sinh ra các thứ nghiệp! Đáp: Thí như một mặt đất sinh ra các thứ mầm mống, nếu đất gặp mưa thì các mầm mống

thuốc độc cùng lúc mọc lên. Nay đất pháp tánh được mưa hành đạo, mầm mống nghiệp thiện ác trong một niệm tranh nhau khởi lên, nghiệp gọi là pháp giới, là đô thành các pháp, cho nên gọi là cảnh bất tư nghị. Đã thâm đạt nghiệp cảnh thiện ác đồng nhau, thì khởi tâm từ bi, lý tội phước chẳng trái chẳng thuận, trái thành tội, thuận thành phước, như thế đế danh sắc và các chất ngại cũng chẳng trái, chẳng thuận. Nếu trộm cắp thành tội thì có nghiệp ác ba đường, nếu xả bỏ thành phước thì có nghiệp lành ba đường; Bồ-tát thâm đạt như đây chẳng trái chẳng thuận, đối với trái khởi từ bi, với thuận khởi từ, tức không chân đế vô ngôn, nói năng cũng chẳng phải trái, chẳng phải thuận, trái thì thành nghiệp hữu lậu, sáu đường thuận thì thành nghiệp vô lậu ba thừa. Bồ-tát thâm đạt tức không, chẳng trái chẳng thuận, đối với trái khởi bi, với thuận khởi từ. Trung đạo đế cũng chẳng trái chẳng thuận, trái thì hành nghiệp hữu lậu vô lậu hai bên, thuận thì thành nghiệp phi hữu lậu, phi vô lâu, Trung đạo. Kinh Pháp Hoa chép: Nghiệp có được khi tu lâu, tức là nghiệp này. Bồ-tát thâm đạt thật tướng Trung đạo chẳng nghịch chẳng thuận, không có ba thứ khác nhau, cũng là một niệm từ bi, chẳng trước chẳng sau, cho nên gọi là tâm Bồ-đề chân chánh. An tâm nơi nghiệp Không thì thuận thiện mà ác dứt, ác dứt cho nên gọi là Chỉ, thuận thiện cho nên gọi là Quán, an tân nơi nghiệp giả thì ác dứt mà thuận thiện, an tâm nơi nghiệp trung thì ác dứt mà thuận thiện, thuận nên gọi là quán, dứt nên gọi là chỉ, đó gọi là quán nghiệp khéo léo an tâm.

Pháp pháp biến: Như A-tỳ-đàm chép: nghiệp rơi vào quá khứ, bị trói buộc thuộc hành nhân, đời vị lai chịu báo. Nay quán nghiệp này, nếu nghiệp là quá khứ, quá khứ đã qua nên làm gì có nghiệp, nếu nghiệp là vị lai, vị lai chưa có, làm gì có nghiệp, nếu nghiệp là hiện đại, hiện tại niệm niệm không dừng, nếu niệm đã quá tức thuộc về quá khứ, niệm nếu chưa đến thuộc về vị lai, nay nơi khởi là diệt, làm gì có hiện tại? Nếu nói đã qua thì làm gì có nghiệp gọi là hiện tại, thời đã qua là nghiệp, đã qua là nghiệp, là ngay lúc qua đã qua, hiện tại đã không, nghiệp cũng không có được, ba đời suy xét ngang dọc tìm kiếm thiện ác các nghiệp đều không thật có, rốt ráo thanh tịnh. Mà nói nghiệp thiện ác ấy chỉ do văn tự giả danh của thế gian phân biệt, không thể nghe tên gọi mà cho là thật được. Vì sao? Vì vốn cầu lý thật, không cầu hư danh, hư danh vô tánh, chỉ gượng phân biệt, như ngón tay chỉ hư không, nghiệp vô tác vô thọ, ba đế đều vắng lặng, cho nên gọi pháp pháp biến.

Biết thông bít: Đối với nghiệp, chẳng phải nghiệp, vừa là nghiệp vừa chẳng phải nghiệp, chẳng phải nghiệp chẳng phải không phải

nghiệp, trong mỗi câu nói biết khổ tập, trong mỗi tâm biết rõ đạo diệt, suy xét mục đích thành tựu hoàn toàn không phải là chữ do sâu ăn lá, cho nên nói biết thông bít. Đạo phẩm điều thiích: Người tin theo Thành luận nói: Ý nghiệp riêng khởi chưa được thành nghiệp, ý có được thật pháp tưởng được giả danh, hành thì đồng duyên, bấy giờ ý nghiệp được thành tựu, cho nên thì có ba niệm xứ. Y cứ vào khẩu nghiệp, thân nghiệp là sắc, gọi là Thân niệm xứ. Người tu theo Tỳ-Đàm nói: Tâm sở, tâm vương càng lúc sinh khởi, vương tức tâm niệm xứ, thọ sở tức thọ niệm xứ, tưởng và các sở còn lại đều thuộc hành ấm, tức pháp niệm xứ, tâm vương tâm sở nương sắc mà khởi, tức thân niệm xứ, hoặc một thời, khác thời đều có bốn Niệm xứ. Nay quán nghiệp này đầy đủ mười pháp giới, năm ấm, tức đầy đủ tất cả bốn Niệm xứ, tất cả sắc của nghiệp đồng loại là thân niệm xứ, thân này chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, đồng loại bốn ấm là ba niệm xứ, ba thứ này chẳng phải khổ, phi vui, phi ngã, phi vô ngã, phi thường, phi vô thường, tức là phi vinh, phi khô, song thọ Niết-bàn cho đến ba giải thoát đó gọi là đạo phẩm. Đối trị trợ đạo: nên niệm ba mươi hai tướng ứng thân Phật v.v... Niệm vô lượng công đức của báo thân Phật, cùng phá tập nhân nghiệp ác, niệm pháp môn Phật trợ giúp quả báo nghiệp ác, nhờ niệm Phật lực cho nên nghiệp ác chướng chuyển thì nhập vào cửa Niết-bàn, khi quán như vậy không lạm bậc Thánh trên, lại phải an nhẫn các chướng trong ngoài để được vô ngại. Nếu phát sinh tự đạo thì chưa phải là hiểu biết chân thật, chớ sinh pháp ái, pháp ái không khởi thì nhậm vận không dính mắc, tự nhiên chảy vào đất mát mẻ, gọi là Đại thừa thập quán, được vô lượng quả báo thanh tịnh vô lậu, đạt được quả báo vô thượng, được nghiệp tự tại, thâm đạt tội phước rốt ráo vô nhiễm, cho nên gọi là thanh tịnh, tức là Pháp thân, trái gốc trở về nguồn, trí chiếu viên cực, cho nên gọi vô thượng tức là báo thân. Hiện thân trong chín đường, phổ môn thị hiện nên gọi là Tự tại, ba thân như vậy gọi là Đại thừa rộng lớn, thẳng đến đạo tràng, các thân còn lại như trên nói, v.v...

Thứ năm: Quán cảnh ma sự: hành nhân tu bốn Tam-muội thì điều ác sẽ dứt, điều lành sẽ sinh, ma sợ hãi ra khỏi hẳn cảnh kia, lại sẽ hóa độ người khác, làm mất nhân dân quyến thuộc của ta, cung điện của ta trống không, lại lo kia có thần lực, trí tuệ lực rộng lớn, lại phải sinh khởi đấu tránh, với ta, điều phục khống chế xúc não ta, dẫn đến gốc lành chưa thành thục cho nên có việc ma, hành giả đạo đức yếu kém, chưa thể chuyển được ma ba-tuần, tất cả quỷ thần thuộc sáu tầng trời cai quản, sẽ giữ gìn bờ cõi này. Kinh chép: việc ma, tội ma không nói

là Bồ-tát ác tri thức. Nếu hiểu được tà chánh thì lạnh nhạt đối với hoài bão, biết cảnh giới ma như cảnh giới Phật, như một không hai, như một tướng bình đẳng, không cho ma cho là lo lắng, cho Phật là vui vẻ, an nhiên nơi mé thật, nếu được như vậy thì tà không liên quán đến chánh, não loạn dù khởi ma đến cũng là điều tốt lành. Nay nói ma chia làm năm: một Phân biệt đồng khác. hai Nói về tướng phát sinh. ba Nói về ngăn ngừa tổn hại. bốn Nói về cách trị. Năm Tu Chỉ Quán.

1. Đồng khác: Ấm ma đã thuộc cảnh ấm giới nhập, phiền não ma đã thuộc cảnh phiền não, tử ma: bệnh là nhân của chết đã thuộc cảnh bệnh hoạn. Nay chính là nói về thiên tử ma, nhưng bốn đảo khác với bốn ma, bốn đảo chỉ là ma phiền não, ma phiền não cho nên có ma ấm nhập, vì có ma ấm nhập cho nên có ma chết, đã chưa vượt ra khỏi ba cõi thì thuộc về thiên tử ma. Nếu là ngoại đồng giới khác, phá bốn đảo giới nội phần đoạn các ma đều vượt qua, chỉ có bốn đảo vô thường v.v..., đây là ma phiền não của giới ngoại. Vì có ma phiền não, cho nên có vô đẳng đẳng sắc, tức âm ma giới ngoại, ấm ma tức là có chết. Ba hiền mười Thánh trụ quả báo, cho đến Đẳng giác, Ba ma đã vượt quá, chỉ có tồn tại một phần ma chết, đó là ba ma giới ngoại không có ma đệ lục thiên, nhưng xinh sắc Tam-muội chưa rốt ráo gọi là thiên tử ma. Nếu Diệu giác lý tròn đầy, vô minh đã hết cho nên không còn phiền não, không trụ quả báo cho nên cũng không có chết, xích sắc Tam-muội viên mãn mới là rốt ráo việc ma, như Kinh Hoa Nghiêm nói về mười ma cũng đâu vượt ngoài ý này.

2. Nói về ma phát tướng: Nói chung cai quản quyến thuộc đều gọi là ma, tìm kỹ cành lá khác không ngoài ba thứ: một Truy dịch quỷ. hai Thời mị quỷ. ba Ma-la quỷ, ba thứ phát tướng mỗi thứ khác nhau. một Truy Dịch phát: nếu người khi ngồi hoặc duyên đầu mặt hoặc duyên thân thể người, rơi xuống mà lại lên, tráo trở không ngừng, tuy không đau đớn mà rên rỉ khó nhẫn nại, hoặc khoét tai mũi người, hoặc ôm giữ va chạm dường như có vật mà cầm nắm không thể được, đuổi rồi lại đến, tiếng kêu chim chíp tạo thành tiếng người ồn ào, loài quỷ này mặt giống như cây đàn bốn dây, bốn mặt hại miệng v.v... hai Thời mị phát: Kinh Đại Tập nói mười hai loài cầm thú ở trong núi báu tu pháp duyên từ, đây là đứng đầu loài Tinh mị, người quyền ứng chắc chắn bị xúc não, người thật có thể não loạn hành nhân, nếu ngồi thiền mà tà tưởng thường mê đắm thời mị (sắc đẹp), hoặc hiện các hình bé trai, bé gái, ông lão, bà lão, các loài cầm thú, hình tướng dáng mạo các tướng khác nhau. Hoặc làm trò vui cho người, hoặc dạy bảo người. Nay muốn

phân biệt thời thú phải quán sát mười hai thời, thời nào số đến, hễ đến thời nào thì là loài thú ấy, như dần là cọp, cho đến sửu là trâu. Lại một thời chia làm ba, mười hai thời tức có ba mươi sáu con thú: Dần có ba: Đầu là ly (chồn) kế đến là báo, tiếp đến là cọp. Mão có ba: hồ (cáo), thố (thỏ) hạc. Thìn có ba: long (rồng), giao (thuồng luồng), ngư (cá), chín loại này thuộc mộc, phương đông, chín loài vật này nương ba mùa truyền làm trước sau. Tỵ có ba: Thiền (ve sầu), lý (cá chép), xà (rắn). Ngọ có ba: lộc (hươu), ngựa, dê. Mùi có ba: dương (dê), nhạn, ưng (chim). chín loài vật này thuộc hỏa, phương nam. Thân có ba: dứu (vượn đuôi dài), viên (vượn), hầu (khỉ). Dậu có ba: ô (quạ), kê (gà), trĩ (con trĩ). Tuất có ba: chó, sói, sài (các loài). chín vật này thuộc kim, phương tây. Hợi có ba: thỉ (lợn), du (thú dữ), trư (lợn con). Tý có ba: miêu (mèo), thử (chuột), phục dực (loài có hai cánh). Sửu có ba: ngưu (trâu), giải (cua), miết (ba ba). chín loài vật này thuộc thủy, phương bắc, cõi vua ở giữa bốn mùa, nếu bốn phương hành dụng tức là dùng cõi này, tức là ngư (cá), ưng (chim ưng), sài (sói), miết (ba ba), ba phen đã xoay vần vòng quanh tức có ba mươi sáu, lại trong một loài chia làm ba thì có một trăm lẻ tám thời thú, hiểu sâu ý này y thời gọi tên yêu mị sẽ tiêu mất, nếu thọ chấp ít nhiều khiến người cuồng loạn, hoảng hốt vọng nói tốt xấu, không tránh thủy hỏa v.v... ba Nói về quỷ ma-la: vì phá hai điều lành, tăng thêm hai điều ác, thích từ năm căn tạo tác mạnh yếu đến phá. Đại Luận chép: Ma gọi là hoa tiễn, cũng gọi là ngũ tiễn, đều bắn vào năm căn, cùng phá hoại ý. Năm căn đều một sát-na, nếu sát-na chuyển thì thuộc ý căn, nếu ý căn hoại thì năm căn đâu có tồn tại, mắc thấy sắc đáng ưa gọi là hoa tiển, thuộc về nhuyễn tặc, thấy sắc đáng sợ hãi gọi là độc tiển, là cường tặc, thấy sắc bình thường, là tặc không mạnh không nhuyễn, bốn căn còn lại cũng giống như vậy, hợp lại thành mười tám tiển, cũng gọi là mười tám thọ, vì nghĩa ấy không nên thọ chấp, chấp thì thành bệnh, bệnh thì khó trị, vĩnh viễn làm cản trở thiền định, chết sẽ đọa vào đường ma. Lại nữa, ma bên trong bắn không vào, , sẽ quạt mát bên ngoài, đàn việt sư tăng đồng học đệ tử phóng mười tám mũi tên. Xưa, có các tỳ-kheo bị ma làm xúc não bên trong, lại bị đàn việt khen chê mạnh yếu không nhanh chóng, liền khóc bỏ đi, hành giả khéo biết thầy trò, đàn việt , hoặc pháp chủ nói lời khác lạ, đồ chúng liền tức giận, đồ chúng oán rằng pháp chủ là quái, các vật như vậy nhân duyên nói rộng như trong Đại phẩm. Lại ma khéo léo ban đầu khiến trái thiện khởi ác, nếu không vui theo thì hoàn toàn làm cho rơi vào điều lành, xây tháp lậu chùa khiến cho tán loạn, chướng ngại thiền

định, nếu không vui theo thì khiến rơi vào Nhị thừa, ma thật không hiểu Nhị thừa, chỉ muốn hành giả không nhập Đại thừa, như đứa trẻ thơ ban đầu bị sai khiến hành giả sẽ bỏ Đại thừa tu theo Tiểu thừa, công phu đã nhiều về sau hối hận cũng vô ích, có thể hành giả sẽ không hiểu đại tiểu, lại giáo hóa người nhập vô phương tiện không, cho rằng không có Phật, không có chúng sinh, rơi vào thiên không, hoặc thiên về giả, các con đường tắt, khiến không nhập viên. A-Nan-Cấp-Đa học A-Bệ-Đạt đều bị ma xúc não, huống chi hàng sơ tâm đâu thể tránh khỏi tự tha ba mươi sáu mũi tên ư? Nếu biết ma, Phật đều nhập mé, thật thì không còn sợ hãi. Đại Kinh chép: Vì hàng Thanh văn thuyết có điều phục ma, vì hàng Đại thừa không nói điều phục ma, nhất tâm nhập lý thì đâu nói về mạnh yếu ư?

3. Nói về chướng ngại loạn động: Chỉ các mũi tên mạnh yếu, v.v... ban đầu bắn vào năm căn có ba lỗi; một Làm cho người bệnh. hai Mất quán tâm. ba Được pháp tà. một Bệnh có các tướng, từ nhãn nhập vào bệnh gan, các căn còn lại có thể biết, thân mắc bệnh khổ thì tâm mê loạn, mất thiền đến chết. hai Mất quán tâm: Nguồn gốc tu quán pháp lành an ổn, từ năm căn thấy nghe về sau tâm địa hôn trầm hoảng hốt, không còn thứ lớp. ba Pháp tà: Phải y cứ vào mười thứ chánh pháp, chọn lựa phân biệt, nêu ra tướng tà: Hữu: Sắc từ nhãn nhập, thấy sông núi, các ngôi sao, mặt trăng, mặt trời, cung điện, cũng thấy các thứ tướng mạo trong tối tăm, chỉ điểm phương tiện, đó là có thái quá. Vô: Sắc từ nhãn nhập, bèn cho rằng các pháp giống như đoạn không, nói pháp khôi vô, rất đáng sợ hãi, đó là không thái quá. Minh: Sắc nhập rồi thông suốt, thường sáng như ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu soi. Ám: Mờ mịt tối đen tiếng xúc chạm không hiểu biết. Định: Sắc nhập tâm mình như khối gỗ tảng đá đứng thẳng, sừng sững. Loạn: Sắc nhập rồi ngông cuồng phan duyên. Ngu: Sắc nhập rồi, tối tăm lầm lỗi, đáng khinh vụng về, trần truồng không xấu hổ. Trí: Sắc nhập rồi thông minh nhanh chóng. Bi: Sắc nhập rồi buồn bã khóc lóc. Hỷ: Sắc nhập rồi ca hát thường vui. Khổ: một trăm đốt xương đau đớn như bị lửa đốt. Lạc: thân thể vui sướng say xưa như năm dục lạc. Họa: tự mình vời lấy họa, cũng bị người khác gây hoạ, cũng biết kia gây họa. Phước: thường tự chiêu cảm phước, cũng có thể vì người khác làm phước. Ác: không có việc nào không gây tạo, lại khiến người khác gây ra điều ác. Thiện: tự thực hành đàn v.v... cũng khuyên người khác thực hành đàn. Tắng: Không chịu thấy người khác ở riêng một mình cách xa mọi người. Ái: lưu luyến trói buộc nặng nề. Cường: tâm kia ngang bướng, ra vào không được tự

tại, cũng như gạch đá khó có thể biến chuyển, không thuận thiện đạo. Nhuyến: tâm chí yếu mềm, dễ bị tan hoại, cũng như bùn mềm không thể làm đồ dùng, các thứ như vậy hoặc thái quá, hoặc không sánh bằng đều gọi là tà tướng. Một căn có ba thọ, một thọ có mười hai pháp tà, ba thọ hợp có 600 pháp tà, trải qua năm căn hợp có ba00 pháp tà, tuy có 95 các thứ tà khác nhau nhưng kia ban đầu nhập phải nhờ năm căn, suy tìm cho cùng ba trăm ấy phải tương ưng với kia. Xét rằng lo sợ nhiều thường khiến cho thiền quán tan mất, thời mị nhiều khiến cho người bị pháp tà, mà-la có đủ hai thứ tổn hại này.

4. Nói về cách trị: Nếu trị lo sợ, phải biết thời mạt pháp của Đức Phật Câu-Na-hàm, Tỳ-kheo ưa nhiễu loạn chúng tăng, tăng bị đuổi liền sinh tâm ác, thề thường làm xúc não người ngồi thiền, đây là loài quỷ nguyên tổ, báo hoặc đã tàn rụng mà đồng nghiệp sinh cũng có thể làm não loạn, nay quở trách tổ tông, quỷ kia nghe liền xấu hổ bỏ đi. Trách rằng: Ta biết tên họ ngươi, người là dịch dạ-xoa, thời Đức Phật Câu-Na-hàm, phá giới, trộm hạ lạp, tham ăn, tham ngửi hương, nay ta giữ giới không sợ ngươi, quở trách như vậy rồi thì nó liền bỏ đi, nếu kia không đi thì thậm tụng bài tựa của giới và giới, thần giới trở lại giữ, quỷ phá giới bỏ đi. Trị quỷ thời mị phải khéo biết mười hai thời ba mươi sáu thời thú, biết thời xướng tên, yêu mị liền đi, bậc ẩn sĩ tu hạnh đầu-đà thường cất chưa gương vuông treo ở sau chỗ ngồi, quỷ mị không thể biến hóa sắc tượng trong gướng được, xem gương mà biết, có thể dùng để tự đuổi chúng đi, đây là hai phương pháp trị cả trong lẫn ngoài. Trị ma-la có ba: một Giác ha: như người giữ cửa ngăn người xấu không cho vào, như Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tất cả vật của người khác không thọ, phương thức không thọ có thể trị tất cả việc ma của mình và người. hai Nếu đã thọ vào phải từ đầu đến chân, mỗi mỗi phải quán kỹ, câu ma không được, lại cầu tâm không được, ma từ đâu đến muốn xúc não những gì? Như người ác vào nhà, mỗi chỗ xem xét, không để cho ở, nếu ba quán không đi thì vững tâm chống cự giữ gìn, lấy cái chết làm kỳ hạn không cùng ở chung với kẻ ác kia, khoé léo hồi chuyển như vậy ba lần trị không cần nói nhiều.

5. Tu quán: Theo thể lệ chia làm mười pháp: cảnh: Nếu việc ma sinh khởi thuận theo hạnh ma, gây ra các nghiệp ác, thành pháp ba đường, nếu theo ma mà khởi thiện như tùy thuộc người khác mà thực hành bố trí, tuy sinh đường lành mà đời đời tương nhiễm, hoặc có khi nương nhập chấp vào ngôn ngữ, nếu xả thân mạng liền chịu quả báo kia, dù muốn tu đạo cũng ngăn chướng muôn lần, có Bồ-tát có ma không ma

tức là ý này. Đó gọi là tam thiện pháp giới. Ma lại biến hóa khiến tự nhập Niết-bàn , chúng sinh đâu có can dự gì đến ngươi, luống chịu cay đắng không bằng chứng đắc, đó gọi là việc pháp giới Nhị thừa. Ma lại khiến người quanh co vụng độ, không mau chóng nhập đạo Bồ-đề, như vậy sâu cạn phân biệt rõ ràng đều là cảnh tư nghì. Nếu tức việc mà này đầy đủ mười giới trăm pháp ở trong một niệm, tất cả pháp thú hướng về ma, như một pháp mộng đủ tất cả việc, một ma là tất cả ma, tất cả ma là một ma, chẳng phải một chẳng phải tất cả cũng là một ma tất cả ma, một Phật tất cả Phật, không ngoài cõi Phật tức là cõi ma, không hai không khác, quán như thế thì hàng ma là đạo tràng. Hàng thượng căn lợi trì trị ma hiển bày lý, dùng mà làm thị vệ đối với ma không sợ hãi như củi thêm lửa, duyên tu không thể tịch chiếu, Trì Thế không biết âm mưu của ma gọi đến bảo rằng: Lành thay! Chân tu tịch chiếu, không đợi quán sát mà đã soi chiếu, liền biết là ma chẳng phải Đế-thích, biệt giáo không chấp nhận phi pháp, cho nên nói rằng: chẳng thích nghi với ta, Viên giáo an trụ mé thật, cho nên nói như ta đáng thọ, không sợ phi nhân đối với sinh tử có sức mạnh, đó gọi là cảnh bất tư nghị. Cõi ma tức cõi Phật mà chúng sinh không biết, mê mờ cõi Phật, sinh khởi cõi ma, ở trong Bồ-đề sinh phiền não, vì vậy cho nên khởi bi, muốn khiến cho chúng sinh hiểu rằng cõi ma tức cõi Phật, phiền não tức Bồ-đề, cho nên khởi từ, từ vô lượng Phật bi vô lượng ma, vô lượng từ bi tức vô duyên nhất đại Từ bi. Muốn đầy đủ nguyện này hiển bày lý này nên hàng phục ma làm đạo tràng, tám mươi ức chúng sinh không thể động tâm gọi là chỉ, thấu đạt cõi ma tức cõi Phật gọi là Quán, nhưng dùng bốn Tất-đàn, Chỉ Quán an tâm, hễ việc ma khởi liền dùng bốn câu phá, ngang dọc đơn phức phá tất cả không dính mắc. Tam tạng ban đầu hàng phục bốn ma ngồi đạo tràng, phá phiền não ma đắc đạo Bồ-đề, lại đắc pháp tánh thân, phá ma ấm nhập, hai thứ này cùng phá ma chết, ngồi dưới cội cây, đắc Tam-muội bất động, biến ba ngọc nữ phá tám mươi ức binh, gươm đứng đầu đều bị rơi xuống đó là phá ma thiên tử, Thông giáo ban đầu đắc Vô sinh nhẫn đến Lục địa đất đạo Bồ-đề như trước, Bát địa đạo quán song lưu là Tam-muội Bất động, phá ma thiên tử, hai nơi Thanh văn chỉ phá ba thứ ma, Cấp-Đa thường bị xúc não, sau được thần thông hàng phục mà chẳng phá v.v... Biệt giáo Thập Trụ đã phá bốn ma của giới nội, đăng địa phần đắc đạo Bồ-đề, phá ma phiền não, đắc phần Pháp thân phá ấm ma, đắc phần xích sắc Tam-muội, ma phá thiên tử. Như kinh Anh lạc chép: Đẳng giác thì tam-ma đã hết, chỉ còn lại một phần ma chết, ba không nên hết trước, một không nên riêng sót

lại, đây chính là Biệt giáo phương tiện nói đó thôi! Viên giáo Sơ trụ đều phá tám ma, đắc đạo Bồ-đề phá ma phiền não v.v... cho đến Diệu giác tám ma rốt ráo hết hẳn, tuy Sơ trụ phá mà chẳng phải Sơ trụ phá, tuy Hậu giác phá mà chẳng phải Hậu giác phá, nhưng không lìa Sơ trú hậu giác, đó gọi là phá pháp biến. Đối với trên mỗi mỗi đều trong pháp phá ma, đều biết khổ tập, vô minh tế độ, biết chữ, chẳng phải chữ. Đạo phẩm: cõi ma có đủ tất cả sắc, sắc tức là không, sắc tức là bất tịnh, sắc tức là giả, đây gọi là tịnh. Sắc tức là trung, chẳng phải tinh chẳng phải bất tịnh, bốn ấm còn lại cũng giống như vậy, đó gọi là một niệm xứ, tất cả niệm xứ, cho đến ba môn giải thoát. Nếu môn chưa mở thì do sự chướng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay bị ma sai sử, vì khởi ma đàn nên có quả báo, vì giữ giới ma nên cầu mong lợi dưỡng, hành nhẫn ma làm người khác sợ hãi, tu tập tinh tấn ma cầu tiếng tăm, đắc thiền ma, mê muội pháp quỷ, ưa thích tuệ ma, phân biệt lưới kiến chấp, trong sáu pháp như vật tùy gọi là lành nhưng kỳ thực là ma, do tà tệ này làm tệ hai môn Tam-muội, nay dùng chánh độ đối trị sáu tệ, tệ mật độ thành, như dầu nhiều thì càng sáng, nếu phiền não xen lẫn thì phải dùng bốn phần quán trước trợ giúp đối trị, nghiệp xen lẫn phải nhờ niệm danh hiệu hai Đức Phật trợ trị. Nếu Tiểu thừa hàng phục đạo cùng khắp gọi là văn tuệ, cho đến Viên giáo năm phẩm là địa vị văn tuệ, đây còn chưa thành đâu thể xen lạm chân khởi tăng thượng mạn, nếu muốn nhập tâm phải nhất tâm an nhẫn chớ để bị ma làm động loạn, quán nhiều cùng tột, gượng tâm quở trách, nếu nhập Tự vị, đắc pháp ban thưởng, chớ sinh tâm kiêu mạn, tâm tham ái thí như có công lao lớn bị truất phế hóa thành nhỏ, hoặc mất bổng lộc, hoặc mất mạng, nếu khởi pháp ái là phạm tội, chỉ phát tự giải, nếu còn chút ít thì mất tự giải, nếu mất bổng lộc thì rơi vào Nhị thừa, nếu mất mạng thì Đại thừa gia nghiệp tông xã diệt. Nếu không có pháp ái từ tương tự nhập chân thật, điều phục ma làm thị giả, thẳng đến đạo tràng. Lại nữa, thối thất tuệ như mất công lao, thối thất định như mất bổng lộc, cả hai điều thối thật như mất mạng. Lại nữa, thông dùng nhất ý làm quán: hành nhân độn căn, trước hiểu ý chung, độ nhập vào Biệt, Trung luận ý riêng tưng phẩm mà đều hội vô sinh, Thông biệt nêu lên lẫn nhau, ý thành tựu lẫn nhau.

Hỏi: ma động loạn xong, sau pháp tốt khởi, đó là pháp nhĩ. Lạnh (đông) qua xuân đến ư? Đáp: chưa hẳn đều như vậy, tự mình có lỗi lầm, pháp tốt cũng không phát, mà là do duyên xấu chiêu cảm, điều lành là do tâm lực mà có. Thích luận chép: Đức Thích-ca từ kiếp lâu xa ở trong đời ác, đời không có Phật, cầu pháp tinh tấn, hoàn toàn không thật có,

ma biến hóa thành Bà-La-Môn nói dối rằng: có bài kệ của Phật rằng: ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực để cho ông dùng, Bồ-tát ưa pháp liền tự lột da phơi khô để ghi chép kệ, Ma liền biến mất, đức Phật biết tâm của vị kia từ phương dưới vọt lên, nên nói cho nghe kinh sâu xa nhiệm mầu, khiến họ được vô sinh nhẫn có thể lấy đó làm chứng v.v...

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 9
(Phần Đầu)

Thứ sáu: Quán Cảnh thiền định: bệnh hành lâu ngày làm ngăn chướng thiền định. Lập Thế A-tỳ-đàm chép: nhiều việc tranh chấp, nhiều việc lăng xăng cũng ngăn chướng thiền định, lại có người đọc tụng nhiều cũng là ngăn chướng thiền định. Kinh Văn-thù-Vấn Bồ-đề chép: thiền định có ba mươi sáu cấu: cấu tức là chướng, các cảnh trên được nhập vào ao mát mẻ, nhập vào dòng ấy rồi thì không cần quán nhiều cảnh, nếu việc ma tuy vượt qua rồi mà chân thật chưa phát sinh, tuy không biệt tu, vì thông tu nên phát lỗi lầm, bỏ sự tu tập thì các thiền hiển hiện lẫn lộn, phải dứt bỏ việc ma để quán các thiền. Vì sao? Vì thiền ưa tốt đẹp, vui vẻ sinh đắm, vì dơ bẩn ngày càng tăng, nếu cho đó là đạo thì rơi vào tăng thượng mạn, nếu chê trách bỏ đi thì hoàn toàn mất phương tiện, các lỗi như thế không thể ghi chép đủ. Tuy tránh khỏi ma hại lại bị định trói buộc, như tránh lửa rơi vào nước, vô ích Tam-muội, do nghĩa này cho nên phải quán cánh nhiều, các định thiền tri có năng lực giúp đạo, kinh Đại thừa Tiểu thừa đều cùng khen ngợi, như bốn thiền tám định Tỳ Đàm, Thành Thật đều nêu rõ ràng xác thực, tự trách của chín thiền, địa trì Thập địa rất là rõ ràng. Nay cũng tóm được chỉ bày tướng kia phát sinh: tướng thô chia làm bốn ý: một Nói về khai hợp. hai Nhân duyên phát sinh. ba Nói về pháp tướng. bốn Tu Chỉ Quán.

1. Nói về khai hợp: thiền môn vô lượng lại y cứ mười môn: một Bốn thiền căn bản. hai Mười sáu đặc thắng. ba Thông minh. bốn Chín tưởng. Năm Tám bối xả. sáu Đại bất tịnh. bảy Từ tâm. Tám Nhân duyên. 9 Niệm Phật. 10 Thần thông. Mười môn nay và năm môn trước cộng thành 115 môn, vì sao lại có đồng có khác? Chỉ có khác khai hợp thôi! Khai năm làm mười ấy: khai sổ tức xuất đặc thắng, thông minh, khai bất tịnh xuất bối xả và Đại bất tịnh, từ tâm nhân duyên giữ gốc, niệm Phật môn, luận Tỳ-Đàm gọi là cõi phương tiện, Thiền kinh xưng

niệm Phật, đây cũng giữ gốc, thần thông y cứ vào chín thiền phát sinh không nhân duyên, dựa vào một pháp, hợp mười lăm môn thành mười là: sổ tức, bất tịnh mỗi thứ đều có ba thì không hợp, từ tâm có ba chỉ hợp làm một, tức chúng sinh từ. Mật hai tên: thiền là cửa ngõ giải thích thứ lớp Pháp sự, pháp duyên là Nhị thừa nhập lý quán, vô duyên là Đại thừa nhập lý quán, mất lý bỏ hai, sự chỉ còn một. Nếu khai thì thuộc về hai cảnh Nhị thừa và Bồ-tát. Nhân duyên cũng có ba môn, ba đời luân chuyển thô, quả báo một niệm làm sáng tỏ nghĩa tế, vì tế cho nên phụ lý, vì thô cho nên thuộc sự, nay mất tế còn thô, chỉ gọi môn ba đời. Niệm Phật cũng có ba, chỉ lấy niệm ứng thân Phật. Thần thông chỉ lấy năm thông, nếu chỉ lấy năm thông thì có chỗ không thâu tóm, nếu chấp mười lăm thì nghĩa không xen lẫn nơi lý, cho nên tóm lược lý khai sự, tuy khai hợp khác nhau nhưng mỗi thứ đều có ý riêng. Tiếp đến nói rõ lậu vô lậu, nếu ý theo sự phân tích của luận Tỳ-Đàm thì mười thiền này đều gọi là hữu lậu, duyên đế trí tu gọi là thiền vô lậu, nếu không như vậy, chỉ duyên sự tu thì gọi là thiền hữu lậu, Thành luận cũng vậy! Căn bản v.v... là hữu lậu, không vô tướng tâm tu gọi là Vô lậu, nay có khác kia chút ít, nên thể tướng của mười thiền là hữu lậu, chung là sự thiền. Nếu quả bí ngô có thể chữa bệnh nhiệt mà tạo nhân duyên thì phải phân biệt chút ít, Bốn thiền thế gian vốn có cả phàm phu ngoại đạo, thì duyên tu này chỉ phát hữu lậu, tự thực hành mười hai môn, khen ngợi hóa tha, khen ngợi pháp. Đại kinh chép: bốn mươi tám năm tức là ý này. mười sáu đặc thắng và thông minh: Khi Phật chưa ra đời phàm phu lợi căn cũng tu thiền này mà không phát vô lậu, nếu Đức Như Lai nói cũng phát vô lậu, so với các thiền khác năng lực tuy yếu nhưng mà hơn căn bản, do nghĩa này nên gọi là vừa hữu lậu vừa vô lậu. Chín tưởng v.v... là khách pháp xuất thế, tuy là sự pháp nhưng nhưng có công năng ngăn phòng lỗi của dục, như Ca-Hy-Na năm trăm vị La-hán. Mỗi vị giảng nói cho nghe bảy lần tức đế mà không ngộ đạo, sau Phật nói về pháp bất tịnh, ngài liền sinh tâm vô lậu, nhàm chán bệnh tật, sức khỏe mạnh mẽ, cho nên xếp vào vô lậu. Nếu nói chẳng phải vô lậu thì không nên gọi là Thánh giới định tuệ.

Lời nói của Thánh là chính, chính đâu hơn vô lậu! Đại kinh chép: Thánh hạnh là cảnh giới của các Đức Phật, hàng Nhị thừa chẳng biết được, Phật nói pháp này hàng Nhị thừa vâng làm nên gọi là Thánh hánh hạnh. Nay Phật nói Thánh pháp hành Nhị thừa thực hành thì sao lại gọi là chẳng phải la vô lậu được ư? Lại trong Đại phẩm chép: căn bản là pháp thí thế gian, bất tịnh v.v... là pháp thí xuất thế gian, đã nói

xuất thế đâu chẳng phải vô lậu, lại nói ràng; chín tưởng khai bất tịnh, bất tịnh khai thân niệm xứ, thân niệm xứ khai ba niệm xứ, ba niệm xứ khai ba mươi bảy phẩm, ba mươi bảy phẩm khai Niết-bàn, sơ duyên của Niết-bàn đâu chẳng phải vô lậu ư? Nếu nói sự thiền thì lẽ ra là hữu lậu, thí như cầm hai cục đá một nóng một lạnh, tuy đồng là sự thiền mà lậu vô lậu có khác, nếu duyên vô lậu gọi là vô lậu thì Lục địa dứt kiến hoặc, Thất địa dứt tư hoặc, không bao giờ chỉ dùng căn bản hội mà phải đế trí ký khác vào giai vị này phát sinh, riêng dùng căn bản chẳng phải duyên vô lậu, bất tịnh v.v... không phải như vậy. Thẳng dùng bất tịnh có khả năng làm duyên v.v... sở dĩ không chấp mười tưởng là do trước hết là ba kiến đế, giữa là bốn tư duy, sau cùng là ba vô học, đều thuộc lý thâu nhiếp cho nên không chấp. Không chấp tám niệm: có người tu chín tưởng không sợ hãi lại pháp môn niệm Phật đã thâu nhiếp cho nên không chấp, quán từ tâm cả hai đều thuộc, nếu ý căn bản khởi từ thì thuộc hữu lậu, nếu ý bất tịnh v.v... khởi từ thì thuộc vô lậu, từ không có địa vị giai cấp, y cứ vào địa vị giai cấp thì y căn bản thành chúng sinh duyên, y bối xả thành pháp duyên, nhân duyên cũng không có tha vị, niệm Phật ngũ thông đều căn cứ vào giai cấp của người khác, chẳng hạn như từ tâm cả hai đều sơ thuộc, v.v... kế là nguyên nhân phát sinh vấn đề là khác nhau.

Hỏi: trong mười môn này vì sao có chỗ đồng có chỗ khác với thứ lớp thiền môn cho đến đối trị? Đáp: thứ lớp thiền môn là thành thiền ba-la-mật, vì thiền có gốc lành bén nhạy nên thiền môn trước hết phát, sau mới xem xét thiện ác, trong đây là thành Bát-nhã, thiền thiện căn độn, trước ngăn cản phiền não gặp nghiệp ma, sau mới phát sinh thiền, trong đối trị là phá chướng ngại tu thành trợ đạo, nay đây nhậm vận tự phát sinh nhưng vẫn là quán cảnh, thiền môn tuy đồng nhưng đều có ý này.

1) Kế là nói về sâu cạn khác nhau: Bốn thiền là căn bản ám chứng vị thiền, phàm Thánh cùng tu liền được. Đặc thắng: ít có quán tuệ, không vị không ám chứng, ngang đối niệm xứ , dọc đối căn bản, cho nên trước hết là vị, kế đến là tịnh, thông minh quán tuệ chứng tướng sâu kín, kế là nêu chung, ba thứ này đều là căn bản thật quán, năng lực dứt hoặc yếu kém, chính tưởng chính là môn ban đầu của giả tưởng, trước hết là hàng phục dục cho nên nêu ra theo thứ lớp, chín tưởng chỉ nhàm chán cảnh bên ngoài chứ chưa trị được trong tâm, cho nên kế là tám bối xả. Bối xả tuy phá ba dục trong ngoài nhưng chung mà chưa riêng, duyên bên trong không được tự tại cho nên kế là nói về đại bất tịnh phá sự tham nơi y báo, chánh báo. Tuy chung riêng trị tham mà

chưa tu đại phước đức cho nên kế là từ tâm, tuy là trong trị tham năng ngoài tu phước đức nhưng không nhập nhân duyên thì chẳng phải chánh kiến thế gian, cho nên kế là nhân duyên, trôi lăn ba đời, vô chủ vô ngã, thành chánh kiến thế gian. Tuy là chánh kiến thế gian, duyên theo nhân ở dưới năng lực phước đức con người yếu kém, kế là duyên quả ở trên năng lực phước đức rộng lớn, tuy các định từ trước đến nay chưa có lực dụng nhưng chuyển biến tự tại, cho nên kế là nói thần thông v.v... kế là phát sinh lẫn nhau không đồng, về thứ lớp phát sinh lẫn nhau gồm có tám thứ, lệ theo cảnh ấm giới có thể biết v.v...

2. Nói về nhân duyên phát thiền: Đại kinh chép:

Tất cả chúng sinh đều có Sơ địa vị thiền, hoặc tu, không tu, nhất định sẽ đắc, tình gần mà trong kiếp hết không tu, suy tìm lâu xa thì cũng từng lìa cái. Thí như tụng kinh, bỏ gần thì dễ tập, bỏ lâu thì khó tập, nên biết xưa có thứ lớp tập, tức thứ lớp phát, cho đến sự tu, sự phát v.v... Như mặt đất kia chủng loại đầy đủ, được hơi mưa thấm nhuần thì các chủng loại sinh sôi nảy nở, sinh cũng trước sau nên kết quả không đều, mai bốn đào bảy, lê chín hồng mười, duyêm mưa tuy đồng mà thành thục có khác, thói quen cũ như một hạt giống, Chỉ Quán như mưa, thiền phát như quả chín không đều, nói chung là có tám thứ thôi! Đó gọi là nhân duyên phát sinh bên trong. Lại nữa, tuy có điều lành nên sinh, phải nhờ oai thần mới khai phát, đất tuy có hạt giống mà không có mặt trời thì không nảy mầm, Đức Phật không còn thương ghét thiên lệch, tùy duyên làm lợi ích cùng khắp, hoặc thứ lớp duyên tức thứ lớp gia tăng, cho đến sự duyên tức sự gia tăng, chuông lớn mặt tình đánh, lớn nhỏ là do dùi, thêm thường bình đẳng, cạn sâu theo lắng nghe tu đạo, Đại luận chép: Hoa sen trong ao nếu không có mặt trời che chở thì sẽ chết không nghi ngờ gì, người tốt không được che chở thì sẽ chìm đắm không ngoi lên được. Kinh Tịnh Độ chép: chúng sinh tự độ, đức Phật đối với họ không có lợi ích gì. Tịnh Độ Bồ-tát nói: Nếu chúng sinh không nghe mười hai bộ Kinh của Phật thì làm sao được độ, hai lời nói tuy trái nhau nhưng cùng thành một ý, đó gọi là duyên bên ngoài phát.

3. Nói về tướng phát sinh của các thiền: như bát-chu cũng phát căn bản mà ít, thường ngồi, v.v... Thì nhiều, nay lại căn cứ vào ngồi mà nói. Nếu thân ngay ngắn, tâm thâu nhiếp, hơi thở điều hòa thì biết tâm này rộng lớn nhưng vắng lặng, tùy thuận yên ổn nhẹ bước mà vào, tâm này ở tại duyên mà không chạy rong ruổi tán loạn, đây gọi là thô trụ, từ đây trở về sau tâm thỏa đáng an ổn hơn trước, gọi là tế trụ, hai tâm trước sau trung gian phải có cách giữ thân, cách này khởi tự nhiên thân thể ngay

thẳng, không mỏi mệt, không đau đớn, giường như có vật phụ giúp cho thân. Nếu khi điều ác đến thì khẩn cấp gấp rút, khi điều ác đi thì chậm rãi mệt nhọc, đây là hạng người thô ác trì pháp. Nếu ưa trì pháp thì thô tế trụ không quá nhanh quá chậm, hoặc 1-2 giờ, hoặc 1-2 ngày, hoặc 1-2 tháng, lần lần biết sự sâu nhiệm, hoát nhiên tâm địa thành một phần thông minh, thân như mây nhóm, như bóng hiện rõ ràng sáng suốt thanh tịnh, tương ưng với định pháp, giữ tâm bất động, hoài bão tịnh trừ sáng sủa vắng lặng, thuận theo không tịnh, vẫn thấy tướng thân tâm, chưa có công đức nhiều, đó gọi là dục giới tịnh, Thành luận gọi đây là tâm tương ứng với thập thiện ánh, chớp lóe không được lâu dài. Nay nói dục giới mới phôi thai yếu kém không vững chắc gọi là ánh chớp, chẳng phải định như ngọn lửa. Lại gọi là điện quang: luận kia nói rằng: ngoài bảy còn có định phát sinh vô lậu không? Đáp rằng: có dục giới định năng phát vô lậu, vô lậu phát nhanh như ánh chớp, nếu khi không phát vô lậu trụ thì lâu dài. Kinh Di Giáo chép: nếu thấy ánh chớp thì tạm được thấy đạo. Như A-nan sách tấn tâm không phát, buông thả tân thong thả gối đầu liền nhập vào ánh chớp, cũng như kim cương, kim cương không lẻ loi trơ trọi, nhân cõi Dục mà nhập vô lậu, vô lậu phát nhanh như ánh chớp, chẳng phải định cõi Dục mà được tên gọi này. Trụ định cõi Dục hoặc trải qua năm tháng, định pháp giữ tâm, không biếng nhác, không đau đớn, nhiều ngày không ra ngoài cũng được, từ đó về sau tâm diệt hết, một phen chuyển trống không suốt, không thấy y phục giường chiếu đầu thân trong định cõi Dục, cũng như hư không an ổn vững vàng, thân là sự chướng, sự chướng đời vị lai, chướng đi thân không thì vị lại được phát sinh, đó gọi là chưa đạt đến địa tướng, người không biết, đắc định này cho là Vô sinh pháp nhẫn, tánh chướng vẫn còn, chưa nhập Sơ thiền đâu được lầm xưng là vô sinh định cư? Như trò che lấp lửa, người ngu khinh thường dẫm đạp lên bị bỏng chân, nếu theo Thành luận thì không có vị lai thiền, cho nên nói: Ông nói vị lai thiền e chẳng phải định cõi Dục của ta, Tỳ-Đàm thì có Tôn giả Cù-sa, Thích luận nêu ra đầy đủ. Đức Phật nói rõ hai thuyết-mà luận chủ riêng bày tỏ, nay thì tùy theo người phê phán tự có được định cõi Dục, trải qua nhiều tháng trụ mà chưa đạt đến, không bao lâu liền nhập Sơ thiền, đây chỉ gọi cõi Dục chứ không nói chưa đạt đến, có người trú ở cõi Dục không lâu, còn chưa đạt đến, trải qua năm tháng, cho nên nói vị đáo, không gọi là cõi Dục, có người đầy đủ lâu dài hai pháp cho nên nói hai định, không thể phê phán thiên lệch, nay y đại luận nêu ra đầy đủ. Nếu trong mỗi tiếc có tướng tà chánh, như trong tu chứng có nói, nhưng Sơ thiền cách cõi

Dục rất gần, như cương giới nhiều tai nạn cần phải lược biết, ban đầu từ thô trụ, rồi đến phi tưởng, có bốn phần chung: Thối hộ trụ tiến. Phần thối lại có hai: một Nhậm vận thối. hai Duyên xúc thối. Duyên có trong ngoài, các phương tiện bên ngoài có hai mươi lăm thứ cho ra nạp vào không chừng đổi, đó gọi là ngoại duyên xúc thối. Về sau hoặc tu đắc, hoặc tu không đắc, hạng người này rất nhiều. Phần Hộ: khéo do phương tiện trong ngoài, sẽ hộ định tâm không để cho tổn mất. Phần trụ: Hoặc nhân giữ gìn yên ổn không mất, hoặc tha hồ tự trụ, tức là phần trụ. Phần tiến: Hoặc mặc sức tiến, hoặc khuyên bảo sách tấn tiến, điều có ngang dọc, ngang dọc điều có tiệm đốn, như mười hai môn, mỗi mỗi tiến lên đó gọi là tiệm tiến, hoặc một thời mà đầy đủ, đó gọi là đốn tiến, đặc thắng và thông minh mỗi phẩm đều phát, đó gọi là ngang tiệm. Trong cùng một lúc đều phát gọi là ngang đốn, trong mỗi một phần điều có bốn phần, đủ như trong phần tu chứng nói v.v... Nay lại y cứ chiều dọc mà luận về phần tiến: Từ khi chưa đạt đến định dần thấy thân tâm rỗng suốt vắng lặng, trong không thấy thân, ngoài không thấy vật, hoặc trải qua một ngày cho đến tháng năm định tâm không hoại, ở trong định này liền thấy thân tâm nhẹ nhàng, xoay vần mà động, hoặc phát sinh biến động, ngứa ngáy nặng nhẹ, lạnh nóng trơn rít. Có người nói: Dụng tâm vi tế, tịnh sắc ở cõi Sắc xúc chạm thân cõi Dục, chẳng hạn như tịnh sắc cõi Dục ở trong các căn thì có tác dụng thấy nghe. Nếu nương nghĩa ấy là sự xúc chạm từ bên ngoài, nếu nói tất cả chúng sinh đều có vị thiền Sơ địa, như đứa trẻ mù nhà giàu, như trong tre có lửa, trong tâm phiền não mà không sinh khởi, thiền cũng giống như vậy. Sự chướng thô ngại không thể phát khởi, nay tu tâm dần dần bén nhạy, tánh chướng đã trừ, pháp tế vẫn khởi, không hẳn từ ngoài đến. Vì sao? Vì quán sổ tức có khả năng chuyển tâm, tâm chuyển lửa, lửa chuyển gió, gió chuyển nước, nước chuyển đất, bốn đại chuyển tế cho nên có tám xúc, như lúa mạch biến thành men rượu, men rượu biến thành cặn rượu, cặn rượu biến thành rượu. Cặn dụ cho dục định, rượu dụ cho Sơ thiền, vì lúa mạch là gốc chẳng phải từ ngoài đến. Nếu nhất định chấp tự xuất từ ngoài đến thì rơi vào lỗi tự tha tánh, nay y theo trung luận phá bốn tánh đã xong mà nói về trong ra ngoài đến. Lại nữa, tám xúc là bốn đại: Động nhẹ là gió, ngứa ấm là lửa, lạnh trơn là nước, rít nặng là đất, thể dụng tướng thêm lên thì có tám xúc. Nếu khi động xúc chạm khởi, hoặc từ đầu lưng xương eo đến chân v.v... dần dần khắp toàn thân, trong thân giác động bên ngoài không tướng động, dường như gió phát, vận chuyển vi tế, từ đầu đến chân nhiều thành thối phần, eo lưng phát thành trụ phần, chân

phát nhiều là tiến phần, động xúc có nhiều công đức. Công đức nói lược có mười thứ: không, minh, định, trí, thiện tâm, nhu nhuyến, hỷ, lạc, giải thoát, cảnh giới tương ưng.

Không: Khi động xúc phát thì không tâm rỗng suốt, không đồng với tánh trước khi chướng ngăn mé vị lai. Minh: trong sáng tốt đẹp, sáng suốt không thể ví dụ. Định: Nhất tâm an ổn, không có tán động. Trí: không còn bị mê mờ tối tăm nghi ngờ, tâm được giải thoát vắng lặng. Thiện tâm: biết hổ thẹn kính tin, ta lấy làm hổ thẹn vì không hiểu được pháp này, nay ta còn như vậy, kính tin pháp sâu xa nhiệm mầu tất cả các bậc hiền Thánh, cung kính vái chào vô lượng.

Nhu nhuyến: lìa cõi Dục nước mắt chảy dài như da trâu tùy ý co giãn. Hỷ: đối với pháp đã được sinh tâm vui mừng. Lạc: xúc chạm pháp tâm lặng lẽ vui vẻ ưa thích tốt đẹp. Giải thoát: không còn năm cái. Tương ưng: tâm cùng động xúc, tương ưng các công đức, không loạn động. Lại nhớ nghĩ giữ gìn tương ưng mà không quên mất, hoặc một ngày, một tháng, một năm an ổn lâu dài buộc niệm liền đến, huấn tu đã lâu thì động xúc phẩm trật chuyển sau, đó gọi là dọc phát, bảy thứ còn lại là ngang phát, lệ theo đây có thể biết. Nếu động xúc phát rồi, hoặc tạ hay chưa tạ, lại phát lãnh xúc, hoặc tạ hay chưa tạ, lại phát các xúc còn lại giao nhau ngang dọc như tám thứ trước, đó gọi là ngang phát. Tuy là ngang dọc trước sau, dùng tám xúc mười công đức năm chi quán, không hề tính toán lẫn lộn, cũng không được nhất niệm đều hành. Vì sao? Vì tám xúc, bốn đại nước lửa chống trái nhau, không được đồng thời thành, tên gọi tuy đồng mà sự vui vẻ có khác, vị riêng lại khác, sáu xúc còn lại cũng khác nhau. Nếu trong định cõi Dục, phát tám xúc thì điều là tà xúc, bệnh phiền não xúc đầy đủ nhưng trong tu chứng nói, nay không luận, chỉ căn cứ Sơ thiền tám xúc nên phân biệt tà chánh. Vì sao? một là biên địa cách cõi Dục gần, hai ở cõi Dục tâm tà được tùy nhập, như mở cửa thì giặc liền tiến vào, quỷ nhập trong thiền, thiền chẳng phải quỷ, nếu người không biết thì chánh xúc bị hoại, chỉ còn lại tà ác, tà xúc ấy lại y cứ vào tám xúc, mười công đức nói hoặc lửa, hoặc không bằng, như khi động xúc khởi thì thẳng như vậy uất kết, không chậm, không nhanh, trong thân vận động, nếu xa tự mình nhanh gấp, tay chân quào gãi là thái quá, nếu đều không động, như bị trói buộc cho nên không bằng, ngoài ra lãnh noãn v.v... cũng như vậy. Lại y cứ mười thứ động xúc không minh, luận nếu hơn hoặc không bằng, không trong đây chỉ thông suốt không ngăn ngại, đó là chánh không, nếu vắng lặng hoàn toàn, đều không giác biết là thái quá, nếu âm ĩ làm ngăn ngại là

không bằng. Minh: Như trăng trong gương rõ ràng sáng suốt, nếu như ban ngày hoặc thấy các mầu sắc các ánh sáng là thái quá, nếu theo đuổi làm tan động muôn cảnh thì đó là không bằng, cho nên tương ưng cũng như vậy, đó là trong một xúc có mười hai thứ tà tướng, bảy xúc còn lại hợp với trước thì có 160 tà pháp, vốn là chánh thiền không có tà thiền, sở dĩ có ấy là như uống cỏ xương bồ sẽ được năng lực thuốc mà nhiều sân, uống hoàng tinh sẽ được sức khỏe mà nhiều dục, chẳng phải thuốc làm cho như vậy, thuốc suy ra là thô pháp, thô pháp sẽ có ra sự hưng thịnh. Nếu riêng trong cõi Dục chỉ có tà xúc thì làm tăng thêm bệnh, tăng thêm cái, không có công đức chân chánh, nếu nhập định cõi Sắc thì động mười công đức của tám xúc không, minh, lại có 160 pháp tà không thể không biết. Đại luận chép: có loại gió có thể thành mưa, có loại gió có thể làm tạnh mưa, động bắc mây nhóm tây nam mây tán, thiền cũng giống như vậy. Hiểu biết được tám xúc mười công đức này thì thành thiền, biết được 160 phát tà này thì hoại thiền, nếu một pháp tà có tà thì các pháp khác cũng đều đắm nhiễm, thí như có một người bạn làm giặc thì các bạn khác cũng đều bị điều ác huân tập, nếu xúc ban đầu không tà thì các pháp còn lại cũng đều là thiện. Năm chi chánh thiền: Nếu xúc ban đầu chạm thân ở tại duyên thì gọi là giác, tâm vi tế phân biệt tám xúc và mười quyến thuộc gọi là Quán, mừng vui xưa chưa được mà nay được cho nên gọi là hỷ, nét mặt vui vẻ gọi là lạc, vắng lặng gọi là nhất tâm. Luận Tỳ-đàm nói có hai mươi ba tâm sở đồng thời đều phát, chấp kia mạnh phân chia làm năm chi, năm chi đều là định thể, tiền phương tiện của thể như trên nói. Thành luận nói năm chi trước sau theo thứ lớp mà khởi; bốn chi là phương tiện, chi nhất tâm làm định thể. Có người nói: năm chi ở tâm thứ chín cõi Dục, hoặc nói ở cõi Dục trước định, đây thì chẳng phải năm chi. Nay phân biệt giác quán đều là thiền, chính là căn cứ vào Sơ thiền mà phân chia, đâu được như thế ư? Năm chi đồng khởi mà có tướng mạnh yếu che lập thành tựu để phân tích năm chi, như đánh một tiếng chuông ban đầu thô giữa tế khác nhau, năm chi cũng như vậy; duyên ban đầu giác tướng hưng thịnh không ngăn ngừa đã có bốn chi như quán, giác quán mạnh quán chưa rõ ràng, giác dứt quán mới rõ ràng, ban đầu đã có hỷ giác, dứt hỷ chi mới thành, ban đầu đã có lạc, lạc chưa thích hỷ dứt thì lạc thành, ban đầu đã có nhất tâm bốn chi biến động, nay lạc tạ nhất tâm thành, như ban đầu mở kho báu giác là vật báu, cũng biết trân quý hỷ lạc định tưởng, nhưng chưa biết những gì là vật báu. Kế là phân biệt vàng bạc, phân biệt rồi lãnh nạp sinh hỷ, hỷ cho nên thọ lạc, lòng an ổn vui sướng như người ăn no không cần

gì nữa, cũng như đối với năm dục rất ham muốn ngủ, cho nên luận nói rằng như người được kho báu v.v... Nếu bốn thiền đồng lấy chi nhất tâm làm thể tại sao có bốn thứ khác nhau? Nay phân biệt Sơ thiền là giác quán nhất tâm cho nên có bốn thứ khác nhau, nên tiến lên Nhị thừa chỉ quở trách giác quán Sơ thiền thì nghĩa hoại biệt càng sáng tỏ, nếu thông cùng dùng nhất tâm làm thể, giải thích năm chi danh nghĩa tương đồng, đầy đủ nơi tu chứng, v.v...

Lại nữa, ban đầu động tám xúc công đức vẫn còn thô, nếu thường thường phát thì chuyển biến rất bén nhạy, phẩm thì nói ba hoặc nói chín, hoặc vô lượng phẩm lẫn nhau vui chơi, công đức nhóm họp, ồn náo không được nhất tâm, như thường đánh đàn, dường như nhiều người khách ứng đối một mình ta, một mình ta lại đến, xuất tán tạm không, thúc liễm lại hiện, nếu muốn bỏ chỉ quở trách giác quán. Sơ thiền hết rồi liền phát đơn định trung gian, cũng gọi là chuyển tịch tâm, cũng gọi là thối thiền địa, cũng gọi là tiết tâm, đối với đơn này trong tịch tâm đã mất phần hạ, chưa phát phần thượng, nếu không hối hận thì bên trong thanh tịnh liền phát, không còn tám xúc thọ nạp phân biệt, cho nên gọi là nhất thức định. Lẫn lộn bốn đại sắc thành một tịnh sắc, chiếu soi tâm chuyển thành thanh tịnh, cùng với hỷ đều phát, không còn tướng tà ma vì chẳng phải biên cảnh, hỷ đã sinh lạc, lạc tạ nhập nhất tâm, thiền này hỷ làm biến động, lạc không yên ổn, nên phải quở trách hỷ, hỷ tạ nhập chưa đều, bỗng phát Tam thiền, cùng với lạc đồng khởi, lại sắc pháp này càng vi diệu, không dựa vào hỷ mà sinh lạc, đây chính là thọ lạc khắp thân, bậc Thánh có thể xả, phàm phu rất khó xả. Đây có năm chi: đó là xả, niệm, tuệ, lạc, nhất tâm, kinh luận nê ra hoặc trước hoặc sau đều là tu hành chỉ có khác chút ít thôi. Lạc này đối với khổ, quở trách lạc thì bỏ cũng có chưa đến, chưa đến bỏ rồi thì phát tịnh bất động, lại sắc pháp này càng diệu, không bị khổ lạc làm xao động gọi là tịnh bất động, định pháp an ổn, hơi thở ra vào dứt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh nhất tâm chi, tuy vậy cũng là sắc pháp, trách ba thứ sắc, diệt ba thứ sắc, duyên Không, được định, không còn thấy sắc, tâm được thoát sắc như chim ra khỏi lòng, đó gọi là Không định. Định này dứt rồi cũng nhập vi đáo, duyên thức sinh định gọi là thức xứ, định này dứt rồi duyên vô sở hữu, nhập vô sở hữu pháp tương ưng gọi là bất dụng xứ. Xưa nói: duyên ít chấp nhận thức, nếu vậy tức là sở hữu xứ, cũng là dụng xứ, vì sao gọi là bất dụng vô sở hữu ư? Định này qua rồi, chợt phát phi tưởng, phi phi tưởng, định này không duyên thức cho nên phi tưởng, không duyên bất dụng xứ cho nên phi phi tưởng, còn pháp vô thượng có

thể duyên theo; đỉnh thiền ba cõi là cực diệu. Ngoại đạo chấp là Niết-bàn, đầy đủ khổ tập, xuống tận ba cõi, lại đọa vào ba đường, ở đây nói thiền căn bản, trước tìm trong phần tu chứng.

2. Nói về đặc thắng phát: nếu y luật dạy thì lẽ ra ở sau bất tịnh, y thật hành thì ở trước bất định. Như luật dạy: Đức Phật vì các tỳ-kheo nói pháp quán bất tịnh, mọi người đều sinh nhàm chán, lo buồn không thể ở chung với thân thể hôi thối, cho họ y bát để họ giết chết giùm, Phật nghe vậy liền giải tỏa pháp bất tịnh, dạy tu đặc thắng, , chúng tỳ-kheo ăn bả đậu để sổ tả nên người yếu đuối thái quá, đến nỗi suy sụp, lại dùng các thuốc gồm bổ dưỡng, bổ cho nên ái thân, vì thế răn nhắc, răn nhắc hơn căn bản, ái hơn bất tịnh, có quán gọi là vừa vô lậu, sức đối trị yếu gọi là vừa hữu lậu, như người ăn heo, đáng khinh bỉ trong chứa phân giải mà còn có thể mạnh ăn, hoặc để sáu tháng hôi thối trùng ruồi bu đậu, không thể ăn được, đặc thăng là thật quán, còn có thể thung dung, bất tịnh là giả tưởng không thể nhẫn nại v.v... Đặc thắng phát bỗng thấy hơi thở ra vào dài ngắn, biết không từ nơi nào đến, đi không chỗ đến, nhập không chứa nhóm, xuất không phân tán, nếu y cứ vào căn bản tức trụ thô tế, hoặc thấy hơi thở đến đi trùm khắp thân, nếu y cứ vào căn bản thì đó là vị đạo địa mà căn bản ám chứng cho là không có thân, giường, chiếu v.v... chẳng phải thật không, như tro che lấp lửa, người ngu coi thường dẫm lên bị phỏng chân, như ăn ban đêm, như người mù gặp đàn bà đều không thích hợp tình đời.

Nay có quán tuệ thấy hơi thở trùm khắp thân mà định tâm sáng tỏ, thanh tịnh an ổn, cho nên khác với ám chứng. Lại thấy ba mươi sáu vật trong thân, như mở kho thấy lúa thóc đậu mè, nếu đối với căn bản tức vị Sơ thiền, tám xúc trước xúc chạm kho thân, tâ mắt không mở, không thấy các thứ bên trong, đặc thắng đã có quán tuệ, xúc mở kho thân, tâm mắt liền thấy ba mươi sáu vật, gan như đậu xanh, tâm như đậu đỏ, thân như đậu đen, tỳ như thóc lúa, ruột già, ruột non lại tương ưng thông, mạch máu chảy lưu thông như dòng sông. Bên trong có mười hai vật: gan, tim, đàm ấm v.v... giữa có mười hai thứ như màng mỡ v.v... bên ngoài có mười hai thứ như lông tóc v.v... hơi thở ra vào đều đến trong đó, bất tịnh, vô thường, khổ không, vô ngã tất cả thân hành đều dừng nghỉ, không hề vì thân mà làm cac việc ác, đó gọi là trừ chư thân hành. Hoặc đối đạo phẩm là thân niệm xứ, hoặc đối căn bản tức là giác quán, hai chi tâm mắt sơ khai là giác chi, tâm là hỷ đối hỷ chi, trước tên gọi hỷ ẩn mất vì có vị cấu, hỷ này không ẩn mất vì không có vị cấu, tức là pháp hỷ, chẳng phải thọ hỷ; tâm thọ lạc cũng như vậy, chẳng thọ lạc mà

biết ba thọ trong lạc đều là vô lạc, gọi là lạc chi. Thọ các tâm hành là nhất tâm chi, biết tâm chúng sinh là nhất tâm, khác với căn bản, chấp thật nhất tâm. Nếu đối đạo phẩm đều thọ niệm xứ. Tâm tác hỷ tâm tác nhiếp: Hỷ ở trước từ ba mươi sáu vật sinh, ở đây là thẳng đến tâm tác hỷ, cho nên biết đối Nhị thiền, kinh Đại Tập nói Nhị thiền chỉ cho ba chi, không có nội tịnh, nay tâm tác hỷ ý giống như vậy. Tác nhiếp: Hỷ động thì tán, nếu tác nhiếp được nhập nhất tâm thì căn bản chỉ nội tịnh thọ hỷ, đặc thắng có quán tuệ, thường thâu nhiếp hỷ tâm. Tâm tác giải thoát: ở đây là đối với Tam thiền, lạc căn bản dựa vào hỷ thọ khắp thân, điều này đối với phàm phu rất khó bỏ. Đặc thắng có quán tuệ thì không có ái vị cho nên nói giải thoát. Từ tâm tác hỷ cho đến tâm tác giải thoát đều là tâm niệm xứ, từ quán vô thường là đối với đệ Tứ thiền, các xứ khác cũng quán vô thường chưa phải biệt trị, được bất động định vị là thường. Nay có quán tuệ biết lìa khổ vui mà cuối cùng là sắc pháp, cũng là vô thường, không nên sinh tâm nhiễm đắm cho nên gọi là vô thường. Từ quán xuất tán đối với không xứ, diệt ba thứ sắc, như chim bay ra khỏi lòng, cho nên nói là xuất, duyên không cho nên nói là tán, tuy duyên không cũng có quán tuệ; quán ly dục là đối thức xứ, duyên không nhiều thì tán, tán gọi là dục, Đặc thắng quán tuệ lìa là tán tâm, cho nên gọi là ly dục. Quán diệt đôi vô sở hữu xứ, Đặc thắng quán tuệ, quán thức hoặc nhiều hoặc ít đều không, cho nên gọi là quán diệt; quán nghiệp xả đối phi tưởng xứ, bỏ thức xứ và vô sở hữu xứ, lại có định vi diệu gọi là phi tưởng phi phi tưởng. Phàm phu vọng cho là Niết-bàn, đệ tử Phật biết kia tuy không có phiền não thô nhưng có phiền não tuế, vì không có ái vị cho nên gọi là tịnh thiền, từ vô thường đến khi xả đều gọi là pháp niệm xứ, mười sáu pháp này ngang dọc đối trị pháp, mỗi tiết đều khác nhau, căn bản ám chứng công đức thì mỏng như thức ăn không có muối, công đức Đặc thắng thì dày như thức ăn có muối, luận bàn xác thực phát tướng đầy đủ như trong tu chứng v.v...

3. Thông minh thiền phát tướng: Ở trên nói khi tu Đặc thắng thì có quán tuệ, vẫn thấy tấc cả ba mươi sáu vật, chứng tướng cũng chung, thông minh thì vi tế, chứng thì phân minh, kinh Hoa Nghiêm cũng có tên gọi này. Kinh Đại tập nói bảo cự đà-la-ni chính là thiền này. Thỉnh Quán Âm cũng là ý này. Khi tu thì ba việc thông tu, năng phát ba minh sáu thông, lại khi tu bảo cự cho đến khi nhập định diệt thọ tưởng, phải biết môn này đầy đủ tám giải thoát, ba minh sáu thông cho nên gọi là thông minh, kinh đại tập có nói rõ danh mục năm chi này, gọi là như tâm giác đại giác tư duy đại tư duy, quán sát tâm tánh, đó gọi là giác

chi; quán tâm hành, đại hành, biến hành, gọi là quán chi; như thật biết đại, biến tâm, động đến tâm hỷ, đó là hỷ chi; thân an tâm an, thọ nơi lạc xúc, đó là an chi; tâm trụ đại trụ không loạn đối với duyên, đó là định chi. Ban đầu quán ba việc đều dung thông, khi chứng ba việc đều nhất, cho nên gọi như tâm giác, giác đối với chân đế, sắc diết tâm mất, là một không khác, lại biết tục đế da thịt xương... đều có 99 thứ, giác năm tạng, sinh năm khí, cũng thấy trùng ở trong thân, qua lại nói năng, không có điều tế nhị nào không hiểu rõ, biết gá thai sơ ấm, nghiệp vô minh ở quá khứ là sáp ong, tinh huyết của cha mẹ hiện tại là bùn, nghiệp quá khứ không trụ cho nên gọi là ấn hoại, hiện tại gá thức danh sắc đầy đủ nên gọi là văn thành, trụ ở dưới sinh tạng, trên thục tạng, ở trong ruột non hình dáng rất vi tế, chỉ có một niệm vọng tướng sắc tâm nương nhau, như có, như không, như mộng, do năng lực nghiệp hành nên tự nhiên năng khởi nhất niệm tâm tư duy chiêu cảm nơi mẹ, mẹ liền nhớ nghĩ mầu sinh, gọi tiếng xen lẫn mùi vị, nhờ năng lực niệm này sinh một chút hơi biến thành nước, nước biến thành máu, máu biến thành thịt, hơi mẹ ra vào, nhờ đó phụ giúp thấm dần liền thành gan tạng, hướng phía trên thành mắt, hướng phía dưới thành tay chân ngón cái, nếu tư duy mầu trắng tiếng khóc tinh khí vị cay liền hành phổi tạng, hướng lên trên thành mũi, hướng xuống dưới thành tay chân ngón thứ hai; nếu tư duy mầu đỏ, nói năng âm thanh tiêu khí vị đắng liền thành tâm tạng, hướng lên trên thành miệng, hướng xuống dưới thành tay chân ngón thứ ba; nếu tư duy mầu vàng âm thanh ca hát hương khí vị ngọt liền thành tỳ tạng, hướng lên trên thành lưỡi, hướng xuống dưới thành tay chân ngón thứ tư; nếu tư duy mầu đen âm thanh ca ngâm khí hôi vị mặn liền thành thân tạng, hướng lên trên thành tai, hướng xuống dưới thành tay chân ngón thứ năm, biết thân phần vi tế, tất cả đều như vậy. Tư duy đại tư duy: Tức là tư duy chân tục, quán sát tâm tánh tức không, hoặc chân hoặc tục đều nhập tâm tánh. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Mỗi mỗi nhập vào mé như thật: giác chi như thế cùng với trên khác nhau nhiều. Tâm hành, đại hành: giác chi trên là giải, nay tâm hành bỏ gọi là quán hành, tâm thực hành thế đế nên gọi là hành, hành chân đế cho nên gọi là đại hành, ba việc đều hành nên gọi là biến hành. Tâm trụ: Nơi tục đế mà được nhất tâm. Đại trụ: Nơi chân đế mà được nhất tâm. Bất loạn đối với duyên: Tuy thấy chân tục vô lượng cảnh giới mà tâm không lầm lẫn, nói đủ về tướng ấy, đầy đủ như trong thông minh quán có rộng nói: Khi phát định này thì thấy thân, hơi thở, tâm đồng như tướng cây chuối không có chắc thật, đó là tướng vị đáo địa, thấy ba việc này đồng như tướng

bọt nước, là Sơ thiền thấy ba việc đồng như tướng mây nổi là Nhị thiền, thấy ba việc đồng tướng ảnh hiện là Tam thiền, thấy ba việc đồng như hình bóng trong gương là Tứ thiền. Diệt ba việc này đều không, diệt không duyên thức, diệt thức duyên vô sở hữu, diệt vô sở hữu duyên phi tưởng phi phi tưởng, diệt phi tưởng phi phi tưởng ba thứ thọ tưởng mà thân chứng pháp diệt thọ, để thành giải thoát, có tục quán cho nên gọi là vừa hữu lậu, có chân quán cho nên gọi là vừa vô lậu, thiền này sự lý đã hoàn bị, giai vị đầy đủ, người tu theo Thành luận nên dùng định minh đạo này mà nhập tám giải thoát, đối với nghĩa thì tiện lợi mà không chịu dùng, người tu theo A-tỳ-đàm y cứ vào tám bối xả có được sự lý đều khác ngoại đạo, thành câu giải thoát, Thành luận chỉ có lý mà không có sự nên không có người câu giải thoát. Y cứ vào ngoại đạo thiền là sự thiền, cũng nên y cứ vào thập thiện làm giới, thế trí làm tuệ, giới tuệ đã khác thì định của ngoại đạo đâu có đồng, vậy thì nhờ thuốc không nhờ định thì tám thuật không thành, bàn luận xác thật tướng kia đầy đủ trong tu chứng nói, v.v...

4. Nói về bất tịnh thiền phát: Trước hết y cứ vào chín tưởng lại chia làm hai: 1) Người hoại pháp. 2) Người không hoại pháp. Nếu người hoại pháp tu chín tưởng: 1) Trướng tưởng. 2) Hoại tưởng. 3) Huyết đồ tưởng. 4) Nùng lạn tưởng. 5) Thanh ứ tưởng. 6) Đạm tưởng. 7) Tán. 8) Cốt tưởng. 9) Thiêu tưởng. Người này chỉ cầu dứt khổ, thiêu diệt xương người, gấp đạt đến Vô học không ưa sự quán, đã không có xương người để quán lại không có thiền định thần thông biến hóa nguyện trí đảnh thiền, tuy nói đốt cháy mà thật có thân, chẳng hạn như diệt thọ tưởng mà thân chứng v.v... Người này ưa thối thất như Tỳ-Đàm có tướng thối, bốn quả như cát ở đáy giếng. Kinh A-hàm chép: ba quả thối thất giới, hoàn tục hủy mất luật nghi, không mất đạo cộng giới, người thế tục sinh tâm hủy báng nói không có Thánh pháp. Phật dạy: Dục no đủ khởi tâm nhàm chán, không bao lâu sẽ trở lại cầu xuất gia, các Tỳ-kheo không độ, đức Phật liền độ, chứng đắc A-la-hán. A-nan hỏi rằng: Đại đức! Người này là học thối hay vô học thối? Đáp: Học thối, nếu vậy tức là thế trì dứt hoặc, người trí tuệ giải thoát cho nên được có thối, chẳng phải trí vô lậu dứt một phẩm hoặc tiến lên một phẩm giải thoát mà có thối. Nếu phát chín tưởng này, không có các công đức thiền, đó là hoại pháp nhân, nếu người không hoại pháp chín tưởng, thì từ đầu trướng tưởng đến trụ nơi cốt tưởng, chứ không tiến đến thiêu tưởng, có được dòng ánh sáng bối xả thắng xứ, quán luyện huân tu thần thông biến hóa, đầy đủ tất cả công đức thành người câu giải thoát. Nếu khi tu ưa

quán bên ngoài nhiều hơn, thấy phần nhiều quán thân, hoặc nội ngoại quán ái v.v... Nếu khi phát thì y cứ theo đây có thể biết. Trong lúc ngồi thiền, bỗng thấy thây chết trên đất, không còn nói năng, coi như đồ bỏ đi, khí hết thân lạnh, tinh thần bại hoại, thần sắc biến đổi, vô thường hay đổi không phân biệt giàu nghèo sang hèn, già trẻ đẹp xấu, không ai tránh khỏi, cha từ con hiếu cũng không thay nhau được, thây chết trên đất hôi thối, gió thổi ngày càng dữ dội, khác hẳn ngày xưa. Hoặc thấy một thây chết, nhiều thây chết, là tướng quán đại bất tịnh, hoặc đầy cả một ngôi làng, một đất nước, hoặc một thây chết biến sắc, hoặc nhiều thây chết biến sắc hư hoại: Thây chết tuy chẳng phải là số trong chín tưởng nhưng là gốc của các tướng cho nên nói trước hết. Các thây chết này nhan sắc đen sẫm, thân thể to lớn, tay chân đẹp đẽ, hoặc có thây bị sình da mềm nhũn gió thổi lâu phình lên, chín lỗ chảy tràn rất ô uế, hành giả tự nghĩ thân ta như vậy, chia lìa chưa thoát, quán người thương yêu cũng giống như vậy, đó là khi tướng phát được một phần định tâm, rất an vui sung sướng, nhưng chỉ trong chốc lát thấy thân này sình lên gió thổi ngày càng dữ dội, da thịt tan hoại, thân thể nứt nẻ, hình sắc đổi khác rõ ràng không thể biết được, đó gọi là hoại tướng. Lại thấy chỗ nứt nẻ máu từ bên trong chảy ra thành dòng nhơ nhớp, loang lổ khắp nơi, tràn lan trên đất chỗ hôi thối rực rỡ đỏ tươi, đó là tướng huyết đồ, lại thấy máu mủ hôi thối chảy giàn giụa tung tóe như mật ong gặp lửa, đó gọi là tướng nùng lạn. Lại thấy da thịt bị tàn hại dãi dầm mưa gió, khô cháy hôi thối rất dơ bẩn, nửa xanh nửa bị máu ứ bầm tím, đó gọi là tướng thanh ứ. Lại thấy thây này bị cáo sói các loài chim hung dữ đến tranh giành ăn nuốt, đó gọi là tướng đạm. Lại thấy đầu tay một nơi, năm tạng phân tán không thể thu góp lại được, đó gọi là tướng tán. Lại thấy hai đống xương vun vãi, một bên là máu mủ, một bên là xương trắng, hoặc thấy một đống xương, hoặc là vung vãi khắp nơi, như vậy khi các tướng chuyển, định tâm theo đó chuyển, ngấm ngầm yên tĩnh, lắng lặng vui vẻ, tướng an ổn khoái lạc nói không thể hết, sở quán của người bất hoại pháp ngang là ngang đây, khi chưa thấy tướng này thì ái nhiễm rất mạnh, khi thấy tướng này rồi thì dục tâm liền dứt bỏ, không nhẫn nại, nếu không thấy phẩn còn có thể ăn, chợt nghe mùi hôi thì liền ọc nôn, cũng như bà-la-môn nắm giữ pháp tịnh mà ăn bánh bằng bùn ung tủy, tự trách đánh vào đầu mình đó thôi! Nếu chứng tướng này tuy 𠃌 mi dài mắt biếc, trăng trắng môi đỏ, như một đống phẩn che phủ lên trên cũng như thây mục rửa, nhờ đắp mặc lụa gấm còn không nhìn thấy, huống chi phải gần gũi, thuê lộc Trượng Phạm chí tự hại, huống chi kệu gọi ôm ấp

các vui dâm dục, tưởng như vậy đó là thuốc đại hoàng thang (được bào chế từ phân và nước tiểu) để trị bệnh dâm dục, như người tham ăn xét biết là vật phân heo đầy bên trong mà còn gượng ăn, thấy trùng trong heo hôi thối thì có thể ăn không! Đặc thắng trước sức yếu chưa quyết định trừ, nay năng lực quán mạnh lửa dâm mau tắt, cho nên nói rằng chín tưởng quán thành thì sáu tặc tiêu trừ, và biết người thương, kẻ thù, gồm biết giả thật hư, như vậy nhàm chán chẳng những trừ dục mà còn phát sinh vô lậu, cũng thành Ma-ha-diễn, thích luận giải thích thây chết biến tưởng đã xong. Lại nói sáu ba-la-mật, bốn tâm vô lượng, các sư đều dịch lầm, ở đây nói Bồ-tát tu sơ tưởng liền đầy đủ Ma-ha-diễn, cho nên rộng nêu ra các pháp, cho đến sau cùng nói thiêu tưởng cũng như vậy, đâu lại nói sơ sót ư?

5. Nói về tám bội xả phát, ba phen trước là căn bản vị tịnh, chín tưởng đến tất cả chỗ gọi là quán, chín định thứ lớp là luyện, Sư tử phấn tấn là huân, siêu việt là tu, đây là bốn sự định, nay trước nói bội xả, bội xả lại có chung riêng, tổng cộng Nhị thừa, riêng tại Bồ-tát, lại bội xả bất định, hoặc trong nhân nói quả, gọi là bối xả là giải thoát, tự có trong quả nói nhân, gọi giải thoát là bội xả. Nếu quyết định phân biệt, dứt hoặc rốt ráo, sự lý đầy đủ gọi là giải thoát, nếu hoặc chưa hết định chưa đầy đủ chỉ gọi là bội xả, bội là nhàm chán hạ địa và tự địa, trong sạch năm dục, xả là xả bỏ tâm chấp đắm, cho nên gọi là bội xả. Nếu phá ái nhiều thì phát sinh hình tướng bên ngoài như trước nói, nếu phá kiến nhiều thì phát sinh nội tướng, nội tướng tức tám bội xả: 1. Nội hữu sắc ngoại quán sắc cho đến thứ tám là diệt thọ tưởng bội xả. Có chỗ nói nội hữu sắc ngoại quán sắc là không phá, không hoại nội sắc, trong quán xương trắng, da thịt, ngoài quán thây chết v.v... Hoặc tu tướng đầy đủ như thiền môn, nay lược nêu bày phát tướng, hành giả bỗng thấy tự thân ngón tay ngón chân da mong như mụt nước, dần dần đến bắp tay, đến lưng, đến thân, rồi đến đỉnh đầu, ở đây toàn thân phình trướng, năm chi khẳng khiu, hai chân như hai cái cột, lưng bụng như cái vò, đầu như cái chậu, mỗi nơi đều bị sình lên như gió thổi đầy túi da, khi tướng này phát hoặc từ chân đến đầu, hoặc từ đầu đến chân, đầy một giường dây, da thịt nứt nẻ sắp muốn tràn vỡ, đã tràn vỡ rồi thì máu mủ chảy ra, thấm loang ướt đẫm, lại từ đầu đến chân da thịt tự rời ra chỉ còn lại đống xương trắng, xương cốt chống đỡ ngay đơ bất động, da thịt rời rã nhóm lại một đống, giống như đống trùng rút rỉa hôi tanh, nếu phát tướng này rất lo buồn chán ghét thân kia như phẩn uế, huống chi vợ con, tài bảo mà sinh lẫn tiếc, Tất-đỏa mất thân bị Lộc trượng giết hại, đều đắc quán

này, trong không chấp ngã, ngoài không ái trước, cúi đầu hổ thẹn nhàm tâm nối nhau v.v... Đại kinh chép: trừ bỏ da thịt quán kỹ xương trắng, đối với mỗi lóng xương đều phải buộc miệng, quán sát nghịch thuận khiến xương trắng sạch, đó gọi là nội hữu sắc tướng.

1. Ngoại quán sắc: Ngoài thấy thây chết phình lên, máu mủ tràn đầy, một ngôi làng, một đất nước, như chỗ quán bất tịnh của chín tưởng ở trước cho nên nói ngoại sắc, vị tại dục giới trước cho nên nói ngoại quán sắc, vị tại định cõi Dục, pháp này tăng tiến thấy xương khởi bốn mầu: xanh, vàng, trắng, cáp, ngọn lửa sáng rực rỡ sẽ phát không phát, mầu xanh ánh sáng xanh, cho đến mầu cáp ánh sáng cáp, trạng thái như dòng nước, ánh sáng bao trùm xương người như mặt trời chiếu sáng sương mù. Nếu tâm duyên ở chân thì ánh sáng theo đó mà hướng xuống, nếu tâm duyên đầu thì ánh sáng theo đó mà hướng lên, dùng năng lực ánh sang xanh thì ánh sáng bao phủ khắp mười phương đều thấy mầu xanh, như núi Tu-di tùy theo phương hướng, một mầu sắc cho đến mầu cáp cũng giống như vậy. Nếu mầu ánh sáng này sẽ phát, không phát, địa vị ở tại định vị đáo địa, như vậy thì có ánh sáng xa lẽ ra tự phát, nếu không phat sẽ nhiếp tâm quán kỹ, giữa hai đầu chân mày phát ra liền phát, hình dáng như lỗ ống tre nhả khói, ban đầu mới nhỏ sau tan dần lớn, bốn mầu uyển chuyển từ giữa hai đầu chân mầy, phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương thông suốt sáng rực, một mầu cũng có các tướng của mười công đức, tám xúc, năm chi chánh tà v.v... Khi sắc mới phát gọi là giác, phân biệt tám mầu gọi là quán, trước tuy biết trong thịt có xương mà không biết tám mầu trong xương, trước chưa thấy vui mừng thường buồn thẹn gọi là hỷ chi, khi mầu này phát thì có tâm pháp lạc vui vẻ gọi là lạc chi, tâm định vắng lặng an trụ bất động, dần dần càng sâu, trống rỗng sáng suốt, trí tuệ thiền định kính tín hổ thẹn, không sinh tâm hủy báng, lìa cái tướng ưng, hoặc lạnh ấm v.v... rừng rậm đều không lầm lẫn nên gọi là tòng lâm, nhưng trong đây chuyển động tướng năm chi không minh v.v... Tâm mắt khai mở sáng suốt, pháp sâu lạc nhiều, căn bản khác nhau, cũng khác với đặc thắng, thông minh, kia có da xương nên xúc chạm không thông suốt, nay xúc chạm người pháp kia rất nhiệm mầu. Nếu luận về tà tướng nhập tám mầu. Hoặc thấy mầu xanh không rõ ràng lắm, loang lổ không tốt đẹp, tức là tướng tà, bảy mầu còn lại cũng giống như vậy, ám chứng không quán tuệ như ban đêm nhiều giặc, nay thiền có quán như ban ngày có mộ ít tà ngụy, dù có dễ chối bỏ, như trong Tam tạng nói: tám mầu là mầu pháp giới, xúc chạm thân người ở cõi Dục cho đến các công đức khởi, đây là nương

căn bản hữu lậu mà nói như vậy. Đại thừa nói pháp giới định tuệ đều không thể cùng tận. Vì sao? Vì mạng suy yếu, giới bỏ phế, không tạo tác, không diệt, định tuy hàng phục hoặc, nhưng dứt không được lâu, như trùng độc vào trong thân tàn hại thân mạng, mạng tuy chưa chết nhưng khí lực không còn lâu được, tuệ đạo không mất, Sơ quả bảy phen chết trở lại. Vô lậu vắng lặng, nên biết giới định là pháp vô lậu, nếu vậy thì ánh sáng của tám mầu lại là pháp giới ngoại, nếu phát tướng này thì bội xả ban đầu thành địa vi Sơ thiền. Thành luận chép: Hai bối xả thuộc cõi Dục, tịnh bối xả thuộc cõi Sắc, bối xả thứ bốn thuộc cõi Vô sắc, diệt bối xả vượt quaba cõi. Luận Tỳ-đàm chép: ban hai bối xả đầu chung cho cõi Dục và Nhị thiền, tịnh bối xả ở Tứ thiền, nói Tam thiền lạc phần nhiều không lập bối xả.

Lại có người nói: Tam thiền không có thắng xứ. Tứ thiền không có bội xả, ba nhà khác hẳn nhau, ở đây theo Thích luận: Bối xả đầu, hai thắng xứ thuộc Sơ thiền, đã có năm chi chứng nghiệm là Sơ thiền.

2. Nội vô sắc dùng bất tịnh tâm quán ngoại sắc. Xương người do tinh huyết tạo thành, cần phải quở diệt, phân chia xương làm bốn phần nhỏ, Đại thừa thể pháp biết xương từ tâm sinh, tâm như huyễn hóa, xương người luống giả, xương người tự diệt, như ngựa tốt tùy ý người sử dụng, như người tốt cùng làm việc đi lại ngay thẳng đàng hoàng. Xương người bỏ rồi pháp mới chưa đến, hỷ thường thối thất, do tâm bất tịnh Chỉ Quán ngoại sắc. Ngoại sắc: là các thây chết bên ngoài, v.v... lại ngoại là xương người phát ra tám mầu, cho nên quán ngoại sắc, ở đây cách cõi Dục còn gần, phải quán ngoại bất tịnh, nếu tu để hoại xương người thì có pháp quán riêng, nay chỉ luận pháp phát, bỗng thấy xương người tự nhiên tiêu mòn, chỉ còn tám mầu và ngoại bất tịnh, khi xương người diệt thì vị ở trung gian, lại thấy tám mầu cùng nội tịnh pháp đồng thời đều khởi, ánh sáng xanh vàng v.v... lại một lần nữa thêm sáng, nội tịnh hỷ lạc nhất tâm bốn chi công đức càng thù thắng hơn trước, đó là địa vi nhị bối xả ở Nhị thiền. Tam tịnh bối xả thân tác chứng: Sơ thiền, Nhị thiền chẳng phải khắp thân an vui, Tứ thiền vô lạc thì cái gì là chứng? Người tu theo thành luận nói: Tứ thiền và tịnh bối xả, nay dùng hai thiền và tịnh bối xả, đã nói Tam thiền có toàn thân an vui, có thể dùng làm chứng tức là ban đầu kia, thành tựu tại Tứ thiền được đầy đủ thắng xứ cho nên biết địa vị tịnh bối xả ở Tam thiền. Tịnh: Thích luận giải thích rằng: Duyên tịnh cho nên tịnh, tám mầu đã là tịnh pháp mà chưa được tịnh duyên tôi luyện, tịnh sắc cao nhất là Tứ thiền, khi sắc này khởi thì tám mầu càng sáng suốt thanh tịnh, cho nên nói duyên tịnh

nên tịnh. Khắp thân thọ; lại cùng cực cái vui là ở Tam thiền, gọi chung hai thiền này là tịnh bối xả. Tịnh có bốn nghĩa: bất tịnh bất tịnh: Thân cõi Dục đã là bất tịnh mà nay còn bị phình thối cho nên nói bất tịnh bất tịnh. Bất tịnh tịnh: Trừ bỏ da thịt quan sát xương trắng, không có bụng gân huyết, như ngọc quý, như bảo bối cho nên nói bất tịnh tịnh. Tịnh bất tịnh: là giữa hai đầu chân mày phát ra ánh sáng tám mầu, sắc ánh sáng đó là tịnh chưa được tôi luyện, sửa trị cho nên nói tịnh bất tịnh. Tịnh tịnh: là bối xả thứ ba lại bị tịnh duyên luyện trị cho nên nói bất tịnh tịnh. Tứ không bối xả: quá tất cả sắc diệt hữu đối sắc, không niệm các thứ sắc, tất cả sắc là sắc trong ngoài cõi Dục. Hữu đối là sở đối của năm căn, hai sắc này ba đối trước đã xả diệt, chỉ có tám sắc tùy tâm chuyển biến cho nên nói chủng chủng sắc, quở sắc duyên không, chẳng còn có pháp riêng, chỉ nhập không định. Như phàm phu phần nhiễm trước, bảo thủ chấp không định, bạc Thánh tâm sâu xa, trí tuệ bén nhạy, đi thẳng không quay đầu trở lại nên nói bối xả, nếu duyên không nhiều thì tán, luống dối không thật, xả không duyên thức, thức pháp tương ưng, gọi là thức xứ bối xả. Lại thức sinh diệt, vô thường luống dối, không có sở duyên, chỉ có năng duyên, cho nên nói vô sở hữu xứ, thức xứ như ung nhọt, vô sở hữu xứ như ghẻ lở, xả thức vô thức tức là phi tưởng phi phi tưởng, vô tưởng này còn có phiền não tế, nay xả năng duyên thọ tưởng chẳng phải tưởng, cũng không còn tưởng năng diệt. Định pháp giữ thân diệt sạch vô tưởng, như có sâu trùng trong nước, nếu lấy diệt đặt tên thì đâu khác gì thích trên chán dưới. Nay từ năng diệt tự địa cũng diệt, tha địa mà được tên, cho nên nói diệt thọ tưởng bối xả, đầy đủ như trong tu chứng nói. Tỳ-đàm nói được diệt định là Câu giải thoát, không đắc định này chỉ gọi là tuệ giải thoát, đắc đầy đủ thế gian thiền gọi là câu giải thoát. Thành Luận nói sau bốn định không còn có pháp khác, dùng tâm vô lậu tu đây có thể như vậy. Ba thứ trước vì sao không có pháp riêng mà căn cứ vào thiền ngoại đạo ư? v.v... Nếu quá khứ từng đắc tám định cho nên phát sinh thói quen đời trước mà diệt một thứ định thì không đắc vô lậu, tu thì không thành, cho nên không về thói quen đời trước. Chín định thứ lớp siêu vượt v.v... cứ vào Tam tạng không có phàm phu tu định đây, cho nên không luận về phát sinh thói quen đời trước, nếu y cứ theo Đại thừa cũng nên có nghĩa này, nay sẽ không nói đến.

6. Đại Bất tịnh quán phát: Cũng gọi là đại bối xả, Sở quán trước đã phá bỏ da thịt, quán sát xương người chết bất tịnh, hoặc một thây, hai thây thành ấp, xóm làng bất tịnh chảy đầy v.v... chỉ căn cứ vào chánh báo tự tha cho nên nói tiểu bất tịnh, y cứ vào đây mà luận nhàm chán

quay lưng cho nên gọi bối xả, cũng là tướng chung riêng v.v... Nếu đại bất tịnh quán thì đâu chỉ có chánh báo chảy tràn bất tịnh, y báo nhà cửa, tiền tài, gạo lúa, y phục, ẩm thực, sông núi, vườn rừng, ao hồ, phải nhớ là sắc pháp thảy đều bất tịnh, mủ trùng chảy ra hôi thối tanh tươi, nhà như nấm mồ, tiền như rắn rết, canh như nước phân giải, cơm như trùng trắng, áo như da thú, núi như đống thịt, ao như mủ chảy, sông hồ vườn rừng như xương khô, biển như nước dơ chảy. Đại kinh chép: Canh ngon tưởng nước uế, tức là quán này. Trong lúc ngồi thiền bỗng thấy như trên, thấy cả mặt đất này không một nơi nào tốt đẹp, y báo chánh báo không có đáng tham nữa, đó gọi là đại bất tịnh phát. Cũng như lúc mới đốt lửa, cứ dùi mài thêm có khói bốc lửa nhỏ, lửa đã thành thế thì không còn chọn củi, cho đến sông hồ cũng có thể khô cạn. Ban đầu quán bất tịnh chỉ có một thây, một nước, tâm dâm chợt hưng chợt phế, nay định lực đã thành thì chán ác cũng thịnh, tất cả y báo chánh báo đều bất tịnh, tâm dục dứt hẳn. Lại nữa, các vật đâu có tướng nhất định gì, tùy theo quả báo của người cảm thấy khác nhau, nghiệp lành cảm sắc tịnh, nghiệp ác cảm sắc bất tịnh, như đất báu, cung báu của các vị trời là giàu sang sung sướng trong cõi người, cầm nắm ngói đá biến thành vàng bạc, năng lực thiện chiêu cảm y báo, chánh báo đều thanh tịnh, như kinh Tăng Hộ nói tướng địa ngục khác nhau, hoặc thấy thân thịt là đất, bị người khác cày bừa, hoặc thấy thân như rừng cây bị bẻ gãy, hoặc thân như núi, như nhà ở, như áo mặc, gồm một trăm hai mươi thứ đều do nghiệp ác chiệu cảm sắc bất tịnh. Nếu chấp tịnh sắc bảo thủ ái vững chắc thì dùng năng lực đại quán để phá bỏ tâm chấp đắm, không còn đại điên đảo, thành đại bất tịnh quán. Vì sao? Vì pháp huyễn thuật phần nhiều là luống dối, pháp thần thông đắc đạo lý kia, tất cả mọi vật đều có thể chuyển biến, như tía tô, sáp ông, vòng sắt gặp hơi ấm liền tan chảy, như nước gặp lạnh thành đất, đây được hiểu là quán đạo khế hợp chuyển biến, do định lực mà được như vậy. Nếu căn bản chỉ trừ chấp hạ địa không thể trừ tự địa, hoặc tiểu, đại bối xả chưa phải vô lậu, chỉ trừ chấp hạ địa, tự địa, nếu vô lậu duyên thông thì hạ địa tự địa trên đều trừ chấp, nếu người phát đại bất tịnh, nhập bối xả cũng đại, thuộc về Sơ thiền, nếu ở trong không có xương người thì ngoại quán tám sắc và y báo, chánh báo, do duyên cảnh lớn gọi là đệ nhi đại bối xả, thuộc về Nhị thừa, nếu dùng đại bất tịnh nhập tịnh thì bối xả cũng đại, cho đến diệt bối xả cũng như vậy. Nếu luận đại thắng xứ lại thục bối xả khiến cho duyên chuyển biến tự tại. Đại luận nói người độn căn tu tám bối xả xong mới tu thắng xứ, nhất thiết xứ, hạng trung căn tu ba bối xả xong

thì ở trong Tứ thiền tu thắng xứ v.v... hạng thượng căn chỉ tu sơ bối xả, tức là tu tất cả nhất thiết pháp, nay trong xứ nói, hoặc nhiều hoặc ít; lại căn cứ vào y báo, chánh báo một thây là ít, hai thây là nhiều, như vậy trao truyền có thể hiểu, một manh áo, một miếng cơm, một sông, một núi là ít, vô lượng y phục, thức uống ăn, sông núi là nhiều, ban đầu tu từ ít đến nhiều, nay phát cũng như vậy. Hoặc tốt hoặc xấu: Nghiệp lành đoan chánh là tốt, nghiệp ác xấu xa là xấu, cả hai thứ này đều đối với ta là tốt, đối với ta ác là xấu, hai thứ này phú quý là tốt, nghèo hèn là xấu, tốt xấu như thế đều bất tịnh. Sông núi, cõi nước, y thực, nhà cửa, hoặc tốt hoặc xấu đều bất tịnh, lại y báo, chánh báo đều là xấu, xương người phát ra tám sắc là tốt, lại tám sắc cũng xấu, được tôi luyện thành tốt, tốt xấu đều bất tịnh, hai thắng xứ này thuộc về Sơ thiền. Nếu trong không sắc tướng, ngoài quán sắc, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc tốt hoặc xấu, thắng tri thắng kiến ấy, trong diệt xương người, ngoài có tám sắc, lại có y báo, chánh báo nhiều ít tốt xấu, như trước nói, v.v...

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 9
(Phần Cuối)

Thắng tri kiến ấy: Tâm này hơn sắc, không bị sắc trói buộc, tâm năng chuyển sắc, cho nên nói thắng tri thắng kiến, tịnh, bất tịnh v.v... đều đối với tâm mình tự tại, quán giải thành tựu cho nên nói thắng kiến, hai thứ này thuộc về Nhị thiền. Nếu thắng xứ thành thì thân còn không tiếc, huống chi tài vật và thân của người khác ư? Các bậc hiền nhân đời thượng cổ nhường ngôi nhường nước, trở về làm người dân thường chăn trâu, đều là việc tu quán này của Kinh Tích Sinh tự nhiên thành tánh, không còn ái nhiễm, không hiểu được ý này thì tham cho đến chết, đâu thể quên vinh hoa bỏ địa vị ư? Bốn thắng xứ sau ở trong Tứ thiền được thành tựu. Tam thiền lạc thường không thể chuyển biến, y cứ vào pháp Thanh văn nói như thế, đối với pháp Bồ-tát thì thiền thiền chuyển biến, đâu được không ư? Đại luận chép: xanh vàng đỏ trắng đây là từ thật pháp. Kinh Anh Lạc chép: đất, nước, lửa, gió, từ đây là từ giả danh, thu nhiếp lẫn nhau, bốn thắng xứ này trong ngoài sắc đều hết, chỉ có tám sắc, nhưng có ít nhiều chuyển biến, không có tốt xấu chuyển biến. Mười nhất thiết xứ ở trong Tứ thiền, Sơ thiền giác quán nhiều, Nhị thiền hỷ động, Tam thiền lạc động, không được rộng lớn trùm khắp mọi nơi, chỉ có bất động niệm tuệ thì có khả năng rộng khắp, dùng mầu xanh biến khắp mười phương, mười phương đều xanh, các mầu sắc khác cũng như vậy, cho nên gọi nhất thiết xứ. Nếu nhất thiết nhập dùng mầu xanh biến khắp nhất thiết thời, vàng đến nhập vào mầu xanh, cũng khắp nhất thiết xứ, tướng gốc xanh vàng không mất tướng nhập, lại không tướng xen lạm, các sắc tướng khác nhập cũng như vậy, đó gọi là nhất thiết thập, đây là nội tâm phóng sắc khắp mọi nơi, đâu được dùng cây lá bên ngoài làm duyên khắp mọi nơi ư? Nội tâm không có pháp đâu thể chuyển biến cây lá bên ngoài ư? Trước hết năng biến tâm mới năng biến lá. Đại luận chọn hoa ưu-bát-la, sợ người không hiểu mượn bên ngoài dụ bên trong, không thể chấp dụ làm nghĩa chính. Nếu thông minh quán trong

không có xương người, không phát ra tám sắc, khi tu thắng xứ sẽ nhờ ngoại duyên, hoặc có thể như vậy thì người không hoại pháp bên trong tự phóng ra, không cần bên ngoài.

Lại nữa, Bồ-tát tu thắng xứ đầy đủ các hành, nếu không thấu đạt y báo, chánh báo thì có thể khởi san tham, quán này nếu hiểu rõ thân còn muốn bỏ huống chi tiếc vật của mình mà tham vật của người khác, đó gọi là Đàn. Quán được như vậy sẽ không vì tài sắc mà phá hoại giới, làm hại chủ của vật kia, đem vật về cho mình, dối trá nhiều mà trong cầu lợi lạc, quyết không có lý này, đó gọi là Thi, khi được quán này, nếu bị người khác xúc não và xâm đoạt, thì không bao giờ sinh tâm tức giận gân chiến phẫn nộ, đó gọi là Nhẫn. Khi quán này thành, không dựa vào thây chết bất tịnh, quốc độ bất tịnh mà thối mất tịnh tâm, đó gọi là tinh tấn. Quán này có thể đầy đủ quán luyện huân tu, thần thông biến hóa, nguyện trí đảnh v.v... đó gọi là Thiền. Khi được quán này thì tất cả pháp năng sở đều không thật có, không sinh không diệt, rốt ráo thanh tịnh, đó gọi là tuệ. Tất cả pháp môn đạo định đều ở nơi thắng xứ chuyển biến thành tựu, tâm định tự tại, xoay chuyển qua lại, thực hành các pháp môn, tùy tâm liền thành, như ngựa chạy nhanh phá trận cũng tự kiềm chế đứng lại, bấy giờ sáng suốt thanh tịnh, không còn việc ma, tâm sai khiến ma, ma không thể phá tâm. Người thực hành bốn Tam-muội nếu phát được pháp này thì sẽ chuyển giai vị đệ tử ngũ phẩm. Vì sao? Vì sự trợ đạo rộng lớn có thể nhanh gần đến ao mát mẻ, đây là ngang bằng với phát thiền quán, cũng là phát thiền tướng Ma-ha-diễn, nếu rèn luyện huân tu thì phàm phu còn không được học, không có phát để nói, hoặc riêng rút trong kinh luận cho nên không đợi nói.

7. Nói về từ tâm phát: từ là căn bản tựa nương trước sau v.v... chợt duyên theo tất cả chúng sinh chấp lạc tướng kia, không buồn không oán, tâm vui mừng vừa ý, hoặc được an vui cõi người, hoặc thấy được an vui trong cõi trời, khéo tu được giải, định tâm sáng tỏ, không còn một chúng sinh nào không được an vui, ban đầu theo gót vi tế tĩnh lặng, sau chuyển dần vào định sâu hơn, nhưng sở duyên có ba: Nếu duyên gần gũi người được vui gọi là quảng, trong cõi người gọi là đại, oán người gọi là vô lượng, lại duyên chúng sinh một phương được lạc gọi là quảng, bốn phương gọi là đại, mười phương gọi là vô lượng, định này có ẩn mất, không ẩn mất, nếu tâm duyên chúng sinh quyết định tạo được tâm lạc tưởng rất rõ ràng, nhưng chỗ sở duyên không thấy chúng sinh được thọ vui, đó là trong không ẩn mất mà ngoài ẩn mất, lại có người trong tâm thanh tịnh sáng suốt, ngoài thấy được vui, đó gọi là trong ngoài đều

không ẩn mất. Nếu trước đắc tịnh này, sau phát sinh công đức năm chi, chúng sinh sơ giác thảy đều được vui, tâm hợp với định, tự tâm cũng vui, khéo tu được giải thoát gọi là giác chi, phân biệt được vui, hoặc trong cõi người, cõi trời có vô lượng phẩm khác nhau thảy đều rõ ràng, gọi là quán chi; oán thân bình đẳng, không còn sợ khổ oán thân, gọi là hỷ chi; Hỷ chi động đã dứt, tâm thần an vui cũng như tướng sở duyên được vui gọi là lạc chi; định phát chuyển sâu, tâm giữ gìn bất động, gọi là nhất tâm chi, tên gọi này đồng với căn bản mà pháp vị thì khác hẳn, như đường và mật hòa với nước lạnh đồng vị mà chất lượng khác. Nếu phát sinh đơn căn bản quả báo chỉ nơi cõi Phạm chúng, Phạm phụ, nếu đắc từ định thì quả báo làm phạm vương, quả kia đã thù thắng, nên nhân cũng lớn, nếu trước đắc căn bản sau thêm từ định thì căn bản càng sâu, lại trong từ định phát Nhị thiền, trong tịnh bốn chi thành tựu, lại phát Tam thiền lạc đủ năm chi thành tựu, lại phát Tứ thiền mỗi thiền tương ưng với các thiền, rừng cây lá đầy đủ mà pháp vị tăng gấp bội, như trước có dụ, nhưng tâm từ vốn duyên nơi người khác mà được vui, trong thọ vui định, ngoài được thấy khác vui, tướng này ngang bằng Tam thiền, Tứ thiền chỉ thấy người khác được vui, trong không thọ vui, do vì xả khổ vui, đó là Tiểu thừa phân biệt như vậy. Đức Phật hoặc có khi phá chấp vì duyên mà nói, phước của tâm từ đến khắp tịnh, phước của tâm bi đến không xứ, phước của tâm Hỷ đến Thức xứ, phước của tâm xả đến Bất dụng xứ, chỉ có Bồ-tát thường đi chung với từ bi, ở địa vị nào mà không từ bi! Từ bi huân tất cả điều lành đâu chỉ ngang Tam thiền ư? Đây nói qua một lần thôi! Nếu trước phát căn bản, sau phát từ định cũng giống như vậy, nhưng đều ám chứng ẩn mất, hoặc trong không ẩn mất mà ngoài ẩn mất v.v... Nếu y theo đặc thắng, thông minh phát từ định thì định sở y tự là một bên, tâm từ năng y phụ khởi không xen lẫn, định này đã có quán tuệ, định từ cũng không ẩn mất, pháp vị năm chi gấp bội căn bản; hoặc nhờ định từ mà phát đặc thắng, thông minh, định từ đây cũng không ẩn mất, thiền vị cũng sậu; hoặc nhân từ định mà phát tiểu đại bất tịnh, bất tịnh chấp chúng sinh phá hoại tướng thì không có chúng sinh để duyên thì ai được lạc này! Tuy không có chúng sinh trong hữu lậu lạc mà có Niết-bàn lạc, đó là phát pháp duyên từ.

Hỏi: Chúng sinh duyên từ thanh tịnh, không có sân hận bực bội, chấp tướng tốt kia, bất tịnh quán phá hoại chúng sinh, chấp tướng ác kia thì làm sao tướng phát? Đáp: Đây cũng không chướng ngại, như tuy thấy bất tịnh, nhưng không ngại thấy tịnh nhân xiêm y ngay ngắn tuy sinh định từ nhưng không ngại bất tịnh, định từ cũng có khả năng trang

nghiêm bối xả v.v... khiến công đức càng sâu, hơn đơn phát bất tịnh, hoặc phát lẫn nhau v.v... Ba tâm vô lượng còn lại phát lẫn nhau y theo định từ có thể biết, nếu bốn vô lượng phụ vào căn bản phát thì thành hữu lậu, phụ vào đặc thắng, thông minh phát thì thành vừa hữu lậu vừa vô lậu, phụ vào bất tịnh phát thì thành vô lậu, nhân duyên khác nhau, định từ v.v... có sâu cạn, trăm ngàn muôn thứ không thể nói hết, thí như bốn đại sắc tạo ở cõi Dục có các địa, xanh vàng đỏ trắng cao thấp khác nhau, tạo ra các thứ cây lá, hoa quả ngọt đắng chua cay, độc, thuốc, thơm hôi tạo bao nhiêu người, xấu đẹp ngu trí, giàu nghèo thiện ác, tạo bao nhiêu thứ cầm thú có lông sừng, bay chạy vô biên, chủng loại khác nhau không lẫn lộn, mỗi thứ đều phân chia theo tánh, tùy theo năng lực mà có năng sở, như người phước mỏng chỉ nhờ vào lúa mạ không tin có cam giá bồ đào, tịnh pháp sắc giới cũng giống như vậy, chuyển biến bao nhiêu vị ngon càng thêm lẫn lộn nhau mà không hòa lẫn, cho đến bốn tâm vô lượng càng rộng lớn hơn. Vì sao? Vì chúng sinh vô lượng cho nên tưởng kia được vui cũng lại vô lượng, các pháp vô lượng phụ vào các pháp phát chi vị cũng vô lượng, không thể kể hết, chúng sinh phước mỏng không tin thiền định, dù tin một pháp nhưng không tin vô lượng công đức, như ở bên trái núi đồ ăn ngon, ếch ngồi đáy giếng không thấy biển cả, thật đáng thương xót, người kia có thể tin biết cảnh Thánh khó suy nghĩ bàn luận, không sinh tâm phỉ báng v.v...

8. Nói về nhân duyên phát: Hành nhân có công huân lớn, các Đức Phật ban cho thiền định Tam-muội, hoặc huân tập trong quá khứ mà nhân duyên định phát trước sau... trong khi ngồi bỗng nhiên tư duy chỗ tâm duyên xứ theo, hoặc duyên tâm lành, hoặc duyên tâm ác, năng duyên sở duyên tức là hữu chi, hữu có khả năng bao hàm quả, , hữu này do thủ mà có, do tâm thủ thiện ác mà được có hữu, nếu không thủ, thì cũng không có hữu này, cho nên biết hữu từ thủ sinh, lại biết thủ từ ái khởi, có ái nên có thủ, như ái sắc nên chấp chặt, không ái thì không thủ, ái nhân thọ sinh, do lãnh thọ thiện ác nên ái sinh, nếu không lãnh thọ ái thì bất sinh, lại quán thọ do xúc, sáu trần đến xúc chạm sáu căn cho nên được hữu thọ, không xúc thì không thọ.

Kinh chép: Lục xúc nhân duyên sinh các thọ, cho nên thọ do nơi xúc, lại biết xúc do các nhập môn, nếu không có sáu thức thống lãnh sáu căn thì không thể thiệp nhập vào các trần mà sinh xúc, xúc do nhập, nhập do sinh sắc, nếu chỉ có sắc thì sắc không thể xúc, như người chết, nếu chỉ có danh, thì danh cũng không xúc, như người mù điếc, vì sắc tâm hợp thì có xúc. Sắc tức sắc ấm, tâm tức bốn ấm, phân biệt rõ sắc

này gọi thức ấm, lãnh nạp sắc này gọi là thọ ấm, hành khởi tham sân gọi là hai ấm tưởng hành, năm ấm đầy đủ cho nên có giác xúc, phải biết xúc do danh sắc, danh sắc do thức lúc mới gá thai, lúc mới gá thai gọi là ca-la-la, đây tức đủ ba việc: 1. Mạng, 2. Nhu, ba Thức, trong đó có báo phong, y phong, gọi là mạng, tinh huyết không thối, không rữa gọi là nhu, trong tâm ý ấy gọi là thức. Do thức gá thai cho nên có chất lỏng đọng lại thành tô lạc mỏng, sáu mụt phồng lên gọi là sắc hòa hợp, phải biết danh sắc đâu không do thức, thức do nghiệp hành, quá khứ giữ năm giới là nghiệp lành, nghiệp sai sử người thọ danh sắc. Nếu quá khứ phá năm giới là nghiệp ác, nghiệp sai sử thọ trong ba đường, cho nên biết thức do nghiệp, nghiệp tức hành. Hành do vô minh si ái tạo tác các hành, khiến thức trôi lăn từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại ái thủ duyên hữu, hữu có khả năng bao gồm quả, chiêu cảm sinh tử đời vị lai, nhân duyên ba đời là không, không có chủ, khi tư duy quán trí như vậy khởi thì nhân ngã tà chấp liền phá, định tâm yên ổn từ thô nhập tế, cõi Dục chưa đến, cho đến can bản công đức năm chi thứ lớp mà khởi, biết nhân duyên là không, không có chủ gọi là giác chi, trôi lăn trong ba đời lại nương tựa nhau, hiểu rõ không sai lầm gọi là quán chi, được nhân trí tuệ hiểu rõ ba đời há không vui vẻ may mắn ư? Gọi là hỷ chi, định phát giữ tâm vui vẻ tốt đẹp gọi là lạc chi; định tâm vắng lặng không duyên không niệm, gọi là nhất tâm chi; nhân duyên Tam-muội này là tuệ tánh, do trí tuệ sáng suốt này nên liền phát căn bản, hoặc căn bản cùng nhân duyên hòa vào nhau, pháp vị thuần trong sạch, không đồng đơn phát năm chi. Tam-muội này cũng có ẩn mất, không ẩn mất, nếu trong tâm chỉ hiểu pháp nhân duyên không sinh ngã điên đảo, chỉ tương ưng với căn bản, nếu thầm hiểu như thế gọi là ẩn mất, nếu khi Tam-muội phát thì tâm kia sáng suốt thanh tịnh, thấy ca-la-la năm mụt nước phồng lên, chỗ sinh, chỗ trụ, cũng thấy hành nghiệp thiện ác làm ra tốt xấu, cũng thấy việc sinh tử vị lai ba đời rõ ràng, mười pháp thành tựu, đó là căn bản do nhân duyên phát, cho đến đặc thắng, thông minh bối xả v.v... ẩn mất, không ẩn mất, do nhân duyên phát cũng giống như vậy. Nếu nhân căn bản phát nhân duyên, thì bỗng ở trong định tư duy các định căn bản đều là do nhân duyên mà thành, sở thành năng thành tức là hữu, trụ nơi thô tế này bao gồm Viêm ma ở trời đâu-suất. Có sinh ắt có tử, định cõi Dục cũng là nhân duyên hữu, hữu thì bao gồm quả nên thọ ma thiên, hữu Sơ thiền tương ưng tức bao gồm hữu kia, cho đến phi tưởng phi phi tưởng cũng như vậy. Các hữu như vậy đều do thủ, chấp lấy tướng Sơ thiền như trong hai mươi lăm phương tiện trước, các thứ hy vọng chấp

lấy tướng mạo kia, cho nên biết hữu do thủ, thủ lại do ái, vì nghe người nói công đức Sơ thiền mà sinh ái vị, lại biết ái này do thọ, nhờ nghe công đức kia mà lãnh thọ, mà khởi ái, lại biết thọ này do nhập, nhập tức là gốc (căn), không có gốc thì nhập vô sở thọ, thọ lại do xúc trần, vì xúc cho nên có nhập, xúc do sinh sắc, năm ấm hợp cho nên có xúc, danh sắc do sơ thức ba việc, ba việc do nghiệp mà đưa đến thọ thân, nghiệp do vô minh đến hữu sinh thức, cho đến già chết, trên đến phi tưởng, dưới đến thô trụ đều biết mười hai nhân duyên, mỗi mỗi rõ ràng, cho đến đặc thắng, thông minh v.v... Nhân căn bản phát, lệ theo có thể biết, v.v...

Quán này đã phá ngã đảo, đồng giới phương tiện y phá ngã, chỉ y thiền kinh thọ nhân duyên Tam-muội danh thôi! Ba đời suy tìm tuy là tuệ tánh, còn gọi là đình tâm, tâm được dừng trú như nhà tối không có gió, có thể thực hành niệm xứ quán, niệm xứ quán thành mới gọi là văn tuệ, văn tuệ là lý quán, như Phú-Na lãnh giải nói rằng: Ta hiểu rồi, biết ông hiểu thế nào! Nếu biết vô minh không khở thủ hữu, tức là y văn tuệ, quán nhân duyên này ở trước niệm xứ chưa có năng lực cho nên thuộc về sự quán, môn nhân duyên này tùy căn cơ khác nhau. Kinh Anh Lạc nói mười thứ, Đại Tập nói rõ quả báo một niệm, các sư phần nhiều lưu truyền ba đời. Ngài Long Thọ soạn Trung luận, ở đầu nói về phẩm nhân duyên, Luận Sư cho rằng nhiếp pháp không cùng tận, không dùng nhân duyên làm tông, chỉ là thế đế, phá nhân duyên cùng tận, là chân đế, cho nên lấy nhị đế làm tông. Nay nói phẩm nào chẳng phải thế đế mà đều phá hết! Đây là con đường chung chẳng phải ý riêng. Luận ban đầu quán chung nhân duyên, kế là phẩm nhiễm nhiễm v.v... biệt phá chi ái thủ, phẩm lục tình riêng phá chi khổ, cho đến hai phẩm sau riêng nêu nhân duyên Thanh văn quán, các ý Thông biệt v.v... đều quán nhân duyên, sao không lấy nhân duyên làm tông! Các Sư phía Bắc lấy phẩm sau để cứu nghĩa, lấy sáu nhân bốn duyên làm tông, đây là sinh diệt nhân duyên, ý hai phẩm sau chẳng phải nói về chánh tông. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, căn tánh con người càng độn, chấp trước nhân duyên có tướng quyết định, không hiểu ý Phật, cho nên soạn luận này nói về mười hai nhân duyên quán môn. Nay đã phát nhân duyên pháp cho nên ý cứ vào đó nói về Chỉ Quán, theo lệ chia làm mười ý.

Cảnh tư nghị: Quá khứ vô minh trong tâm tạo nghiệp đen tối, các hành không lành, thành ba coi ba đường, gây ra bạch nghiệp và bất động nghiệp, thành ba cõi lành, nếu chuyển vô minh thành sinh diệt minh, gọi là hạ trí quán thành đắc Thanh văn Bồ-đề, chuyển thành hữu lậu thành hành xuất thế trợ đạo. Bảy hạng người hữu học, nghiệp còn

sót chưa hết, còn sinh vào cõi lành, nếu vô học dùng nghiệp vô lậu và chấp đắm ái chân đế, hợp với căn bản vô minh, sinh phương tiện độ, thọ danh sắc kia, nơi kia do ái sinh mà khởi thủ hữu, gọi là Thanh văn giới. Nếu vô minh trở lại làm minh bất sinh bất diệt, cho nên trung trí được duyên giác Bồ-đề. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Quán mười hai nhân duyên như mộng, huyễn, cây chuối, thành Duyên giác đạo, ý là ở đây; chuyển hữu lậu hành thành vô lậu trợ đạo, kết nghiệp hết, chưa hết đồng như trước, đó là Duyên giác giới. Nếu chuyển vô minh thành Bát-nhã, chuyển hạnh bất thiện thành năm độ, do chưa phát chân, vẫn còn giới nội mười hai nhân duyên, gọi là lục độ giới, nếu chuyển vô minh thành không tuệ, chuyển hành thành sáu Độ, Lục địa Thất địa trước dứt hoặc chưa hết đều đồng như trước, dứt hết sinh phước tuệ kia hơn chút ít mà thôi! Đó gọi là trung trí quán đắc Thông giáo Bồ-đề. Nếu chuyển vô minh thành thứ đệ minh, chuyển hành thành lịch biệt hành, Thập tín Thập trụ dứt chưa hết, Thập hành Thập hướng dứt hết đều đồng như trước, đó gọi là thượng trí quán cho nên đắc Biệt giáo Bồ-đề. Nếu chuyển vô minh thành Phật trí minh, từ khi mới phát tâm biết mười hai nhân duyên là Ba Phật tánh, nếu thông quán mười hai nhân duyên chân như thật lý là chánh nhân Phật tánh, mười hai quán nhân duyên trí tuệ làm liễu nhân Phật tánh, quán mười hai nhân duyên, tâm đầy đủ các hành, là duyên nhân Phật tánh. Nếu là quán riêng: Vô minh ái thủ tức liễu nhân Phật tánh, hành hữu tức duyên nhân Phật tánh, bảy chi thức v.v... Tức chánh nhân Phật tánh. Vì sao? Vì khổ đạo là sinh tử, thân sinh tử khắp tức Pháp thân, phiền não là ám pháp chuyển vô minh thành minh, nghiệp hành là pháp trói buộc, biến trói buộc thành giải thoát, tức ba đường là ba đức, khi tánh đắc nhân thì không ngang, không dọc, gọi là Ba Phật tánh, khi tu đắc quả thì không dọc không ngang, như chữ y ở thế gian gọi là ba đức Niết-bàn. Kinh Tịnh Danh chép: tất cả chúng sinh tức đại Niết-bàn, tức là Phật tức là Bồ-đề, chính là ý này, đó gọi là thượng thượng trí quán đắc Phật Bồ-đề. Nếu năm phẩm chưa dứt thì đồng với học nhân, thiết luân giả biệt hẳn biển khổ đồng với vô học, tuy là biến dịch năm căn sinh phước khác xa. Thích Luận chép: Hành Nhị thừa thọ pháp tánh thân, các căn ám độn, do kia đối với Phật đạo quanh co xa xôi. Nếu Biệt, Viên năng phá vô minh thẳng mở khổ đạo như thật pháp, từ thật pháp đắc thật báo, thẳng đối với hành hữu đầy đủ các hành, cảm được y báo chánh báo không có ngăn ngại, căn lợi phước sâu không đồng trung hạ. Nếu Ba hiền Mười Thánh trụ nơi quả báo thì đều thành tựu mười hai nhân duyên kia, Đẳng giác còn còn một lần sinh

nhân duyên, nếu sinh rốt cùng tận nguồn vô minh thì ái thủ rốt ráo hết, nên gọi là cứu cánh Bát-nhã, bảy quả như thức v.v... hết, cho nên gọi là cứu cánh Pháp thân, hành hữu hết gọi là cứu cánh giải thoát, tuy nói là dứt hết nhưng không có cái để dứt hết, dứt bất tư nghì, không dứt vô minh ái thủ mà nhập viên tịnh Niết-bàn, không dứt bảy chi danh sắc mà nhập tánh tịnh Niết-bàn, không dứt hành hữu thiện ác mà nhập phương tiện tịnh Niết-bàn. Kinh Tịnh Danh chép: Do tướng năm tội nghịch mà được giải thoát cũng không buộc, không thoát, như đây mà suy tìm; mười hai nhân duyên tức là tất cả vô lượng Phật pháp, đó gọi là cảnh bất khả tư thức.

Lại nữa, mười hai nhân duyên đối với mười như trong kinh Pháp Hoa: tánh như vậy đối với vô minh. Kinh Tịnh Danh chép: nếu biết vô minh tánh tức là minh tánh, tướng như vậy đối với hành, thể đối với thức v.v... bảy chi, lực đối với ái thủ, tác đối với hữu nhân, lại tập nhân của vô minh ái thủ này, duyên đối với hành hữu, quả đối vô minh, sinh trí tuệ tập quả, báo đối với hành hữu năm thứ Niết-bàn, bổn đối với ba đường ba thứ Phật tánh, mạt đối với ba đức Niết-bàn. Lại nữa, đối mười cảnh: Thập pháp giới ấm nhập bệnh hoạn hai cảnh đối với bảy chi thức v.v..., phiền não kiến mạn v.v... cảnh đối với vô minh ái thủ, nghiệp ma thiền, Nhị thừa, Bồ-tát v.v... đối các chi hành hữu. Lại nữa, mười hai nhân duyên, mười như, mười cảnh, trong tâm khác là sinh diệt tư nghị, một niệm trong tâm là bất sinh bất diệt bất khả tư nghị. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười hai nhân duyên ở trong một tâm. Kinh Đại Tập chép: mười hai nhân duyên, một niệm của một người thảy đều đầy đủ, ở đây vẫn còn lược, nếu một niệm của một người thảy đều đầy đủ mười giới, mười như, mười hai nhân duyên mới được gọi là Ma-ha-diễn bất khả tư nghị mười hai nhân duyên.

Hỏi: Luận thập Nhị môn chép: Duyên pháp thật vô sinh, nếu cho là sinh thì vì ở trong một tâm hay ở trong nhiều tâm? Cũng có thể được nói ở trong một niệm được chăng? Đáp: Kinh Hoa Nghiêm chép: Một ở trong vô lượng, vô lượng ở trong một. Đại Phẩm chép: Tất cả các pháp hướng về vô minh là hướng về không lầm lỗi, cho đến tất cả pháp hướng về già chết, nay nói một tâm đủ mười hai nhân duyên thì có lỗi gì! Lại nữa, nói một niệm không đồng với người đời chấp thủ một khác, định tướng một niệm, đó là chẳng một chẳng khác mà luận về một. Thí như diệt pháp, che phủ một niệm tâm, mộng vô lượng việc thế gian, như Kinh Pháp Hoa nói, v.v...

Chân chánh phát tâm Bồ-đề: nếu nương sinh diệt, vô sinh diệt giả

sinh v.v... mười hai nhân duyên mà khởi từ bi thệ nguyện, đây chẳng phải chân chánh, cho nên Kinh Hoa Nghiêm chép: tâm Bồ-đề ma tức là ý này. Nếu y mười hai nhân duyên bất tư nghì mà khởi từ bi độ khắp tất cả, đó gọi là chân chánh. Nhổ gốc khổ có hai: một Nhổ gốc năm thứ nhận khổ: vô minh, ái, thủ, hành, hữu trong mười pháp giới. 2. Nhổ gốc bảy thứ quả khổ như thức, danh sắc v.v... Trong mười pháp giới, từ và lạc cũng như vậy. Nghĩa là cùng mười pháp giới quán vô minh, ái, thủ thành tuệ hành đạo chánh đạo, chuyển hành hữu thành hạnh hành trợ đạo, đó gọi là cho nhân vui. Quán bảy chi danh sắc trong mười cõi đều là tánh an vui, tức Đại Niết-bàn, không thể trở lại diệt, gọi là cho quả vui. Căn cứ bốn nghĩa này khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, người chưa độ khiến được độ, độ khổ sinh tử của bảy chi trong mười cõi, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, giải thoát tập của năm chi vô minh, ái, thủ, hành, hữu trong mười cõi, người chưa đắc Niết-bàn khiến đắc, bảy chi như thức v.v... an vu Niết-bàn v.v... Khéo léo an tâm: Khéo quán bảy chi thức v.v... Trong mười cõi tức pháp tánh, không khởi tám đảo mê hoặc vô minh, ái, thủ gọi là hành hữu v.v... Trong mười cõi các thứ điên đảo dứt, cho nên gọi là chỉ v.v...

Phá pháp biến: Phá ngang mười cõi, mười hai nhân duyên đều là một niệm, một niệm không tự không tha, không cộng, không phải vô nhân, phải biết mười cõi đều vô sinh. Dọc phá mười cõi hành, hữu, kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô tri, vô minh bất sinh cho đến bốn mươi hai phẩm bất sinh bất sinh, gọi là Đại Niết-bàn. Khéo léo Thông bít: thấu đạt nhân duyên chân chánh gọi là Thông, khởi chấp kiến tư hoặc là bít, đắm chìm vào chân không là thông, thấu đạt việc nhân duyên là không bít, đối với ba đường khởi pháp ái là bít, thấu đạt lý nhân duyên gọi là Thông. Nếu lần lượt sinh khởi vô minh, ái, thủ, hành, hữu là thất, nếu lần lượt đều có trí tuệ gọi là đắc. Nếu thẳng y cứ vào bốn thứ hữu tác, khổ tập nói về bít, bốn thứ đạo diệt là Thông, hoặc thẳng y cứ ba giả nên gọi là bít, phá ba giả vô sinh là Thông, thông hoặc đã vậy biệt hoặc cũng vậy; hoặc thẳng y cứ vào bốn kiến khởi mười sử là bít, phá kiến là thông.

Khéo tu đạo phẩm: nếu nói chung về sắc pháp trong nhân duyên của mười cõi thì đều gọi là thân, tất cả thọ pháp đều gọi là thọ, tất cả thức pháp đều gọi là tâm, tất cả tưởng hành đều gọi là pháp. Nếu nói riêng thì trong chi danh sắc chấp sắc, trong sáu nhập chấp năm nhập, trong xúc nhập chấp năm xúc, năm thọ, hai chi sinh tử mỗi chi đều là chấp sắc phần, đều gọi là nhiếp thân niệm xứ; trong chí danh sắc chấp

thức phần, trong sáu nhập chấp ý nhập; hai chi sinh tử mỗi chi đều chấp thức phần, đều gọi tâm niệm xứ nhiếp; trong chi vô minh, hành, danh sắc chấp tưởng hành, trong xúc chấp pháp xúc, trong sự sinh tử của chi ái, chi thủ, chi hữu thì chấp tưởng hành, trong chi xúc thì chấp pháp xúc, trong chi ái, chi thủ, chi hữu, chi sinh thì chấp tưởng hành, trong chi tử cũng chấp tưởng hành đều thuộc về pháp niệm xứ. Hoặc có khi nói: vô minh là pháp ái quá khứ, ái là năm ấm ô uế, nếu hiện tại luận thì vô minh thuộc về pháp niệm xứ, thuộc về hành pháp, thuộc về thức tâm, thuộc về danh sắc và thân tâm; sáu nhập duyên sáu trần, thuộc pháp trần, thuộc về thân, thuộc về xúc pháp, thuộc về thọ lại thọ, thuộc về ái làm ô uế thân tâm, thuộc về pháp thủ, thuộc về hữu hành, thuộc về pháp sinh là sắc khởi, tử là sắc diệt.

Hỏi: Nhiều người nói sinh tử đều là bất tương ưng hành, chỉ nên thuộc về pháp niệm xứ, vì sao chung cho ba niệm xứ được! Đáp: Đại kinh chép: Năm ấm này diệt ngũ ấm kia tiếp tục sinh, như sáp ong ấn ấn bùn, ấn hoại thành văn, cho nên biết pháp sinh tử không lìa năm ấm, có thể nói như thế, v.v...

Nếu không biệt nhân duyên các sắc, chẳng cấu chẳng tịnh, cả hai năng chiếu soi cấu tịnh gọi là thọ niệm xứ; quán các nhân duyên thông biệt các thọ, chẳng khổ chẳng vui, cả hai chiếu soi khổ vui là thọ niệm xứ; quán các nhân duyên thông biệt, tâm thức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, song chiếu thường, vô thường, đó là tâm niệm xứ; quán các nhân duyên thông biệt tưởng hành, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, song chiếu ngã, vô ngã, đó là pháp niệm xứ, bốn điều này pháp được tám thứ điên đảo trong mười hai nhân duyên, tám thứ điên đảo chuyển thành bốn khô bốn tươi, cũng là trung gian chẳng khô chẳng tươi, nhập Niết-bàn thấy Phật tánh. Siêng năng quán bốn điều này gọi là chánh cần, cho nên tám đạo như trước nói. Quán căn bản không có bốn câu, không sinh diệt tức rốt ráo không, không này có đủ mười tám không, mười tám không chỉ là một không. Kinh Phương Đẳng chép: Tiểu không, Đại không đều quy về một không. Đại Phẩm nói: Nhật độc không gọi là không giải thoát môn, đều nhập không này không chấp pháp tánh bốn tướng. Bốn tướng, Không thọ không chấp đắm, không niệm, không phân biệt cũ mới, trong ngoài, v.v... Nếu tâm không nương tựa, do không chỗ thấy nên thấy chân tánh Phật, do bất trụ pháp trụ đại Niết-bàn, đó gọi là vô tướng giải thoát môn, là đại Niết-bàn, phi tu phi tác, phi tự cho nên phi nhân, phi tha cho nên phi duyên, bất cộng cho nên phi hợp, phi vô nhân cho nên phi vô ly, vô tu vô đắc gọi là vô tác

giải thoát môn.

Đối trị trợ đạo: Đạo phẩm trước thẳng duyên lý, chuyển vô minh ái thủ lấy làm minh, tuy có đủ chánh tuệ mà không thể đắc nhập. Vì sao? Vì vô minh, ái, thủ là lý ác, cùng với lý tuệ giữ gìn cho nhau, lại có hành hữu sự ác trợ che đậy lý tệ, như giặc thì nhiều mà ta chỉ một cho nên phải tu thêm, hành hữu sự khéo giúp mở cửa Niết-bàn. Nếu khởi san tham hành hữu, chuyển thành bố thí hành hữu, thì gốc lành đàn độ sinh, , nếu phá giới hành hữu khởi, chuyển thành giữ giới hành hữu, thì gốc lành thi-la sinh, nếu sân nhuế hành hữu khởi, chuyển thành nhẫn nhục hành hữu, thì gốc lành săn-đề sinh, nếu biếng nhác hành hữu khởi, chuyển thành tinh tấn hành hữu, thì gốc lành tỳ-lê-da sinh, nếu tán động hành hữu khởi, chuyển thành thiền định hành hữu, rừng nhánh công đức sinh, nếu ngu si hành hữu khởi, chuyển thành giác ngộ vô thường khổ không hành hữu, cho nên sự tuệ rõ ràng giúp phá lý hoặc, nếu có một độ nào che lấp thì không thấy được lý, huống chi là sáu ư? Nay chỉ phá mạnh thì yếu bỏ theo, sức giúp đạo mạnh thành tựu tất cả công đức đều phục các căn, đầy đủ sáu Độ, đủ oai nghi Phật, mười Lực vô úy, cho đến tướng tốt v.v... Như trước nói tự tư duy. Lại nói oai nghi Phật: Phật ngồi đạo tràng quay chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn đều căn cứ mười hai duyên. Đại phẩm chép: Nếu quán sâu mười hai nhân duyên tức là ngồi đạo tràng. Đạo tràng có bốn: hoặc quán mười hai nhân duyên sinh diệt rốt ráo tức Tam tạng Phật ngồi đạo tràng trên tòa cỏ dưới gốc cây; hoặc quán mười hai nhân duyên tức không rốt ráo Thông giáo, Phật ngồi đạo tràng dưới gốc cây trải tòa bằng áo trời bảy báu; hoặc quán mười hai nhân duyên giả danh rốt ráo Biệt giáo Xá-Na-Phạt ngồi đạo tràng tòa bảy báu; hoặc quán mười hai nhân duyên trung rốt ráo là Viên giáo Viên giáo Tỳ-Lô-giá-Na Phật ngồi đạo tràng tòa bằng hư không, phải biết đạo tràng lớn nhỏ không ngoài quán mười hai nhân duyên, lại các Đức Phật đều y theo quán này mà quay chuyển pháp luân, nếu đạo tràng tịch diệt bảy xứ tám hội vì Bồ-tát lợi căn nói mười hai nhân duyên bất sinh bất diệt, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là nghĩa Trung đạo, hoặc ở vườn Nai vì các đệ tử độn căn nói tướng mười hai nhân duyên sinh diệt, hoặc Phương Đẳng mười hai bộ kinh, nói mười hai nhân duyên sinh diệt tức không tức giả tức trung, hoặc Pháp Hoa nói mười hai nhân duyên tức trung, xả ba phương tiện, hoặc Niết-bàn nói mười hai nhân duyên đầy đủ bốn ý, đều có Phật tánh, như sữa có tánh đề hồ, bốn giáo năm vị khác nhau, đều là căn cứ mười hai nhân duyên khéo léo phân biệt, tùy căn cơ dạy bảo dẫn dắt. Lại nữa, bỏ chất độc trong sữa là Niết-

bàn y cứ mười hai nhân duyên nói về Bất định giáo, lại nữa, ta nói khi mới thành đạo Bồ-tát trong mười phương đã hỏi nghĩa này, tức là trong Niết-bàn căn cứ mười hai nhân duyên có bí mật giáo. Vì sao? Vì ban đầu vì hàng đệ tử độn căn nói tướng sinh diệt của mười hai nhân duyên, riêng có Bồ-tát lợi căn ở tại tòa, thầm nghe tướng bất sinh diệt của mười hai nhân duyên, liền ngộ Phật tánh, được Vô sinh pháp nhẫn, đây là ý bí mật, đây chính là tướng quay chuyển pháp luân trong cõi đồng hư. Lại các Đức Phật đối với quán này mà Bát-niết-bàn, nếu căn cứ độn căn vô minh diệt, cho đến già chết diệt là Biệt giáo Phật thường lạc ngã tịnh Niết-bàn, Niết-bàn là pháp giới của các Đức Phật, là Viên giáo Giá-Xa Phật, bốn đức Niết-bàn, đây là cõi Đồng tư thị hiện tướng Niết-bàn, có bốn thứ rút ra trong kinh Tượng pháp Quyết Nghi. Hai cõi phương tiện, Thật Báo thành đạo, xoay chuyển pháp luân nhập Niết-bàn cũng có thể hiểu, đó gọi là mười hai nhân duyên thuộc về pháp nghĩa.

Biệt thứ vị: ba ác nặng nhẹ đều do vô minh ác hạnh bất thiện ái thủ gây ra, ba thiện cao thấp cũng do vô minh thiện hành bất động hành ái thủ hữu gây ra. Nếu lại vô minh ái thủ khởi trí sinh diệt, tức là tuệ giải thoát hiền Thánh vị hành cao thấp trong Tam tạng, nếu chuyển thành hữu khởi, quán luyện huân tu hành hạnh công đức, tức là Tam tạng câu giải thoát hiền Thánh vị hành cao thấp, loại ca-la lớn nhỏ ở đây có thể biết. Chuyển năm độ thành hành hữu, Bát-nhã chuyển thành vô minh, ái, thủ, điều phục các căn, tức có ba tăng-kỳ vị, nếu chuyển vô minh ái thủ để thể đạt tức chân, chuyển hành hữu tu sáu Độ như trồng cây trên hư không, tức có bốn nhẫn vị hành cao thấp. Chuyển vô minh ái thủ sinh trí đạo chủng, chuyển hành hữu thành nhiều kiếp tu, hành các độ, thần thông thanh tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sinh, tức có sáu luận vị hành cao thấp, nếu chuyển vô minh ái thủ tức là đốt cháy đèn tam-bồ-đề, tức có sáu tức của Viên giáo vị hành cao thấp, mười hai nhân duyên một người một niệm thảy đều đầy đủ. Si như hư không chẳng cùng tận, cho đến giả chết như hư không chẳng cùng tận, hư không chẳng có tận và bất tận, hư không là Đại thừa. Luận thập Nhị môn chép: Hư không là Đại thừa, các đại nhân Phổ Hiền, Văn-thù nương ngồi cho nên gọi Đại thừa. Đại phẩm chép: thừa này bất động bất xuất. Nếu người muốn cho pháp tánh thật tế xuất hiện, thì thừa này cũng bất động, bất xuất. Đại kinh chép: Tất cả chúng sinh tức là Nhất thừa. Các tên gọi ấy lý chính là, do lý chính là nên được có tên gọi chính là, từ mới phát tâm nghe nói Đại thừa liền biết chúng sinh tức là Phật, vì tâm lầm chấp nên không thể quán hành, như sâu ăn lá tình cờ thành chữ, do tên gọi cho nên có

được quán hành, như trước nói bảy phen quán pháp, thông đạt không ngăn ngại tức là hành xứ, do quán hành cho nên có được tương tự phát, được sơ phẩm, chỉ là viên tính, nhị phẩm đọc tụng giúp cho tín tâm, tam phẩm nói pháp cũng giúp tín tâm, ba phẩm này đều là thừa gấp giới chậm, tứ phẩm ít giới gấp, ngũ phẩm sự lý đều gấp, tiến phát các Tam-muội đà-la-ni được sáu căn thanh tịnh nhập địa vị thiết luân. Do tương tư cho nên được có phần chứng ba đạo đức, ba đức hoất nhiên khai ngộ, thấy ba Phật tánh trụ ba Niết-bàn, nhập bí mật tạng, Pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu vắng lặng, ứng khắp tất cả cho đến Đẳng giác đều là phần chứng tức. Chuyển vô minh sinh trí tuệ sáng như mặt trăng ngày mùng một cho đến trăng ngày mười bốn, chuyển hành hữu sinh giải thoát, như trăng ngày mười sáu cho đến trăng ngày hai mươi chín, tất cả thức, danh sắc, Pháp thân dần dần hiển hiện giống như thể của mặt trăng. Do phần chứng cho nên có được rốt ráo, ba đức viên mãn, rốt ráo Bát-nhã, Pháp thân cực kỳ vi diệu, tự tại giải thoát, vượt thoát tất cả, không ngôn từ nào có thể nói được, cho nên biết thứ vị đại tiểu đều y cứ vào mười pháp giới mười hai nhân duyên.

Nếu là chân như vắng lặng thì đâu có thứ vị gì! Sơ địa tức Nhị địa, địa từ như sinh, như chẳng có sinh, hoặc từ như diệt, như không có diệt, tất cả chúng sinh tức là Đại Niết-bàn, không còn diệt nữa, thì có gì là thứ lớp cao thấp lớn nhỏ ư? Bất sinh bất sinh không thể nói, có nhân duyên cho nên cũng có thể được nói, pháp mười nhân duyên là nhân sinh tác, như vẽ trên hư không, tìm cách trồng cây, nói tất cả vị. Nếu người không biết các thứ vị trên lầm sinh chấp trước, thành tăng thượng mạn, tức Bồ-tát chiên-đà-la. An nhẫn: quán nhân duyên mười cõi, sẽ sinh khởi nhiều chướng ngăn đạo pháp, đó là ba chướng bốn ma, các thứ trái thuận, nghiệp ma thiền Nhị thừa bồ-tát hành hành v.v... đều từ hai chi hành hữu sinh khởi, nếu an nhẫn được tức thành tựu được công đức hành hữu của Như Lai, đó là tướng quả báo sáu lục căn thanh tịnh. Phiền não chướng phát: đó là tham sân tà chấp, tham lợi các kiến mạn Nhị thừa thông biệt Tam tạng tuệ hành của Bồ-tát v.v... đều từ trong các chi vô minh ái thủ phát ra, nếu có thể liễu đạt an nhẫn thì khai mở tri kiến Phật. Báo chướng phát: Đó là các thứ ấm giới nhập, các thứ tám gió, các thứ bệnh hoạn, tức là trong bảy chi phát ra. Nếu biết tức là Phật tánh, không động chuyển, lấy bỏ, giống như hư không, vậy thì không dứt sinh tử mà nhập Niết-bàn, không phá hoại ấm nhập mà hiển bày Pháp thân chân thật, thông đạt được như vậy thì đối với ba đường không ngăn ngại, trụ nhẫn nhục địa nhu hòa khéo, thuận mà không có tâm

hung bạo, cũng không sợ hãi đó gọi là an nhẫn tâm thành. Như Thanh văn nếu trụ pháp nhẫn thì không bao giờ lui sụt, gây ra năm tội nghịch xiển-đề, Bồ-tát trú kham nhẫn địa, không bao giờ khởi chướng đạo trọng tội. Không thuận đạo pháp ái: 1. Tự. 2. Chân. Bồ-tát từ sơ phục nhẫn đến nhu thuận nhẫn, phát thiết luân tợ giải, công đức không nhiễm ba pháp, đó là tương tự trí tuệ công đức pháp tánh, do trí tuệ có vô minh ái thủ, do công đức có hạnh hữu nghiệp, do pháp tánh có danh sắc sinh tử nên thảy đều không được chấp đắm. Nếu đối với ba pháp sinh ái, không nhập Bồ-đề vị, không rơi vào Nhị thừa, đó gọi là đảnh đọa, cũng gọi là thuận đạo, quán vô minh ái thủ, thuận tuệ hành đạo, quán thức, v.v... Thuận pháp tánh đạo, vì thuận ba đạo nên không rơi vào Thanh văn địa. Ái ba đường nên không nhập bồ-tát vị, làm sao khởi ái! Như vào rừng chiêu bặc thì không ngửi thấy các mùi hương khác, bồ-tát chỉ ái công các đức Phật, không còn nghĩ đến cõi Nhị thừa và các phương tiện đạo, đó gọi là ái. Ái cho nên không thể biến vô minh ái thủ thành chân minh, không thể biến hành hữu thành diệu hạnh, không thể hiển bày thức sắc thành Pháp thân, ba đường không chuyển làm sao nhập bồ-tát vị. Nếu không chấp ba pháp tương tự, không thuận đạo ái thì vô lượng các tội tiêu trừ, tâm thanh tịnh thường nhất, người đáng kính trọng tuyệt diệu như vậy thì thấy được Bát-nhã, Bát-nhã còn không đắm, huống chi các pháp khác ư? Nhập lý Bát-nhã gọi là trụ, tức là khi mới phát tâm trụ thì liền thành Chánh giác, biết tánh chân thật của tất cả pháp đầy đủ tuệ thân, không do nơi người khác mà ngộ. Thấy Bát-nhã là thật thấy ba đường ba thứ Bát-nhã, từ đây về sau tâm tâm vắng lặng, tự nhiên chảy vào biển tát-bà-nhã, vô lượng vô minh tự nhiên mà bỏ. Đại luận chép: Vì sao mỗi chỗ đều nói Tam-muội phá vô minh? Đáp: Vô minh phẩm số rất nhiều, bắt đầu từ sơ tâm đến Kim cương đảnh đều phá vô minh, đều hiển pháp tánh, còn lại một phẩm, nếu trừ bo phẩm này thì gọi là Phật, thân Như Lai là thể kim cương, các điều ác đã dứt, các điều lành đều nhóm họp, ba đức rốt ráo vượt quá tất cả, không ngôn từ nào diễn đạt được, đó gọi là thừa, thừa báu này thẳng đến đạo tràng, đến trú trong tát-bà-nhã, các điều khác như trên nói, v.v...

9. Nói về niệm Phật phát: Hoặc phát niệm Phật, kế phát các thiền hoặc nhân các thiền mà phát niệm Phật, trong lúc ngồi thiền bỗng nhiên tư duy công đức các Đức Phật vô lượng vô biên, không thể suy nghĩ bàn luận, tín kính hổ thẹn, sinh tâm kính mến, nghĩ tưởng các Đức Phật có thần lực rộng lớn, có trí tuệ rộng lớn, có phước đức rộng lớn, có tướng tốt rộng lớn, các tướng tốt như vậy từ công đức này sinh ra, tướng tốt

như thế từ công đức kia sinh ra, tướng tốt như vậy có phước đức như vậy, tướng tốt như vậy có phước đức như vậy, biết tướng thể, biết tướng quả, biết tướng nghiệp, mỗi pháp môn chiếu soi thấu đạt rõ ràng, hiểu sâu tướng hai mà không nghi ngờ dính mắc, định tâm yên tịnh cũng không loạn động, an trụ định này dần dần càng sâu, bỗng phát thô tế, trụ cõi Dục vị đáo tiến nhập Sơ thiền, v.v... Niệm Phật căn bản đều là một bên, giác được cảnh giới niệm Phật này cho nên gọi là giác chi, phân biệt niệm Phật có bao nhiêu tướng, bao nhiêu công đức pháp môn, đều hiểu biết rõ ràng, đó là quán chi. Thấy như vậy rồi trong tâm vui mừng tràn đầy, gọi là hỷ chi, nhất tâm an ổn toàn thân vui mừng gọi là lạc chi, không duyên không niệm, vắng lặng thâm nhập gọi là nhất tâm chi, năm chi như vậy đồng khởi với pháp niệm Phật, huân vị công đức của Như Lai gấp bội hơn các chi không thể nói hết, người chứng tự biết, chỉ có công đức, tướng tốt Phật pháp là vô lượng, năm chi phát sinh cũng vô lượng không thể nói không thể nói. Mỗi năm chi đều đầy đủ mười thứ công đức quyến thuộc rừng nhánh, đó là nhờ Tam-muội niệm Phật mà phát Sơ thiền cho đến Bốn không, đặc thắng thông minh bất tịnh bối xả từ tâm v.v... cũng giống như vậy, v.v...

Vì sao nhờ thiền phát sinh được Tam-muội Niệm Phật! Nếu hành giả phát sinh các thiền căn bản v.v..., ở trong định bỗng nhớ nghĩ các Đức Phật Như Lai, cảm động phước đức do nơi tướng tốt, tướng tốt do nghiệp lành, ba thứ pháp môn tương ưng với tâm thông suốt rõ ràng, khi pháp này phát thì năm chi thiền định tăng lên gấp bội, vô cùng vi diệu, Bốn thiền, đặc thắng, bối xả v.v... cũng giống như vậy. Định niệm Phật này cũng có hai thứ: 1. Ẩn một. 2. Bất ẩn một. Nếu trước được ẩn mất, hiểu công đức các Đức Phật, nhớ biết rõ ràng, sau mới được không ẩn mất, thấy rõ tướng sáng, chiêm ngưỡng thần dung rõ ràng, đây chẳng phải là ma, năng tăng tiến công đức, giữ gìn gốc lành lúc đầu, nhờ niệm Phật có khả năng thông đạt pháp môn sáu niệm, đó là pháp môn niệm công đức Phật, tức là niệm pháp, đệ tử thọ hành niệm tướng nghiệp thể quả, ba việc hòa hợp gọi là niệm tăng, đây là dùng niệm tăng, dùng niệm Phật, dùng niệm pháp khéo dứt các niệm ác tức là niệm xả, niệm như vậy thì kinh tín hổ thẹn tức là niệm giới, niệm trong định này nhánh rừng công đức đồng với các vị trời tức là niệm thiên, ba tự niệm ba niệm tha, cho đến thông đạt tất cả pháp đối với pháp môn niệm Phật, thành Ma-ha-diễn, như Tát-Đà-Ba-Côn thấy Phật thì được vô lượng pháp môn, trong ngoài đều không ẩn mất. Nếu trong tối ẩn mất, không biết một pháp môn công đức, mà ngoài thấy tướng ánh sáng

lóa mắt, đây chính là ma, bẻ gãy mầm lành, làm tổn hại hoa quả. Người thời nay thấy Phật tâm không có pháp môn thì đều chẳng phải Phật, nếu hiểu được ý này chỉ chấp pháp chánh, sắc tướng chẳng phải chánh, nếu chấp duyên về sắc tướng thì ma biến thành tướng bùn gỗ hình vẽ đều là Phật, lại Như Lai thị hiện tự tại vô ngại, đâu cần duyên tạo hình dáng, có ánh sáng phát ra một trượng, hình dáng một trượng ấy thị hiện đồng với người xinh đẹp. Đức Phật thị hiện khắp thân vui mừng, toàn thân thích nghi với chúng sinh, thị hiện thân đối trị khắp, khắp thị hiện thân được độ, Sư tăng, cha mẹ, hươu ngựa, khỉ vượn, tất cả sắc tượng thảy đều được thấy, cùng với pháp môn đều phát, lại có thể làm tăng trưởng thêm lớn gốc rễ lành mới gọi là niệm Phật Tam-muội v.v...

10. Nói về thần thông phát: lược có năm thứ: Thiên nhãn, tha tâm, thiên nhĩ, túc mạn, và thần thông. Vô lậu thuộc trong cảnh ở dưới sẽ nói, chỉ được nhờ thiền mà phát thông, không được nhờ thông mà phát thiền. Vì sao? Vì các thiền đều là định pháp, được phát sinh lẫn nhau, các thiền là thể chung, thông là dụng của các thiền, từ thể có dụng, cho nên thông giúp cho thể hưng khởi, dụng không thể sinh khởi một mình thì đâu thể phát sinh thể. Kinh chép: Tu sâu thiền định đắc năm thần thông tức là ý này. Nếu thông luận phát: thì trong mỗi thiền đều phát sinh năm thông, nếu y cứ cho tiện dễ phân biệt luận thì căn bản nhiều không thể phát, dù phát cũng không an vui lợi lạc, Đặc thắng, thông minh thường phát thần thông nhẹ nâng thân. Bối xả thắng xứ thường phát như ý chuyển biến thần thông tự tại. Nếu trong định tâm từ mà duyên sắc mạo của người, chấp được tướng an vui, nhờ sắc mà biết tâm, biết sự khổ vui kia, ở đây thường phát biết tha tâm thông, đã nhờ sắc biết tâm, cũng biết ngôn ngữ âm thanh kia, cũng phát thiên nhĩ thông, nhân duyên quán người ba đời, chiếu soi việc quá khứ, thường phát túc mạng thông, chiếu việc đời vị lai thường phát thiên nhãn thông. Nếu niệm Phật định không ẩn mất thì thường phát thiên nhãn thông, lại các thông nếu tinh tế thì tức là ba minh, nhưng chẳng phải vô lậu minh, thí như người ta điếc mắt mù bỗng nhiên được mở sáng thấy rõ thì rất hoan vui mừng, huống chi từ vô lượng kiếp đến nay năm căn bên trong tối tăm, nay phá năm ế tịnh phát năm thông, trong mỗi thân đều có năm chi, như nhãn chướng phá sự sáng suốt hiểu biết đối với nhãn căn, tác đối với sắc tức giác chi, phân biệt sắc v.v... vô lượng các tướng tức là quán chi, thông hiểu rõ đều này thì rất vui mừng tức là hỷ chi, nội tâm thọ vui tức lạc chi, vô duyên vô niệm vắng lặng tức nhất tâm chi, bốn thông còn lại cũng giống như vậy. Nếu y cứ vào thể các thiền hoặc

trong tâm được hiểu, hoặc tướng bên ngoài không rõ ràng, mà có nghĩa ẩn mất, thần thông là dụng của định, thì dụng sẽ rõ ràng sáng suốt, vì vậy cho nên đều không ẩn mất.

11. Nói về tu Chỉ Quán: Nếu hành nhân phát được các thiền, không có phương tiện tham đắm thiền vị, Bồ-tát này trói buộc theo thiền thọ sinh, trôi lăn trong sinh tử, nếu cầu vượt ra thì phải quán sát mười ý v.v... Nếu quán thiền như cây bí ngô có thể vì mười pháp giới mà làm nhân duyên, ban đầu tuy phát định nhu phục thân miệng, như rắn vào ông tre, nhân thiền mà thẳng đến, sau xuất quán đối cảnh, rồi trở lại khúc cong ra sinh phiền não. Ban đầu như nước ít, sau tràn đầy đồ đựng lớn, thiền pháp đã mất, phá giới trái đạo, gây ra nghiệp vô gián, khi Phật còn tại thế, tỳ-kheo đắc Tứ thiền gọi là tứ quả, chính là hùng tử v.v... lại thắng ý đắm chấp thiền, tự cao báng bổ hỷ căn v.v... lại nhập định vô ác xuất quán, khởi ác thành nghiệp. Nếu người mất định bị ác lôi kéo vào đường ác, người không mất định thọ thiền báo hết thì nghiệp ác hưng khởi, làm thân con chồn bay, ăn các loài cá chim tức là nghĩa ấy. Nếu không đắc thiền danh lợi không đến, đã đắc thiền rồi nhân đó gây ra pháp giới ba đường, nếu ở trong thiền đắm nhiễm tướng định, nếu xuất quán rồi, khởi tâm nhân từ lễ nghĩa, nếu không mất định hễ thiên báo hết thì sinh lên làm người, nếu dùng thiền quán huân tập mười điều lành, nhậm vận tự thành không cần phòng hộ là nghiệp ở cõi trời nghiệp của hai cõi Tứ thiền, tứ không ở trên. Nếu chuyên tu căn bản, chỉ tăng trưởng trời người thì không có kỳ hạn ra khỏi, như thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng các trời Phạm tự nói trải qua 180 kiếp không có Phật, đầy dãy ba đường ác, không có một người được giải thoát sinh tử, nếu chuyên tu bất tịnh bối xả v.v... không đợi đế trí, năng phát vô lậu, thành pháp giới Thanh văn, nếu quán các thiền phá được sáu tế, tế là tập tập chiêu cảm quả khổ, năng phá là đạo đạo năng đi đến diệt, cũng là pháp giới Thanh văn, cũng là sáu Độ pháp giới Bồ-tát. Lại thiền phải bỏ dục gọi là đàn, nếu không thì giữ giới Tam-muội không hiện tiền gọi là thi, đắc thiền cho nên không còn sân gọi là nhẫn, đắc thiền cho nên không còn tạp niệm gọi là tinh tấn, pháp này tự gọi là Thiền, biết các pháp đều vô thường gọi là Trí, đó gọi là nhân thiền mà khởi sáu Độ pháp giới Bồ-tát. Lại quán thiền này là nhân duyên sinh pháp, nếu quán các thiền là hữu chi, hữu chi do thủ cho đến già chết như trước nói, là pháp giới Duyên giác. Lại quán các thiền, pháp do nhân duyên sinh, tức không, sinh pháp tức không là vô sinh đạo đế, là pháp giới của Thanh văn, Bồ-tát thuộc Thông giáo. Lại quán thiền này là pháp do

nhân duyên sinh tức không tức giả tức trung, mười pháp giới từ thiền mà sinh, từ thiền mà diệt. Vì sao? Vì nếu nhân thiền mà sinh ra pháp ba nẻo sáu đường tức là tăng trưởng hai mươi lăm hữu, sinh sáu pháp giới, diệt bốn pháp giới, nếu nhân thiền xuất sinh pháp bối xả v.v... hàng phục hai mươi lăm hữu cũng là tiêu diệt sáu pháp giới. Nếu quán bối xả v.v... vô thường là dùng sinh diệt vụng độ phá hai mươi lăm hữu, diệt sáu pháp giới, sinh một pháp giới, nếu quán thiền là pháp do nhân duyên sinh tức không là dùng bất xanh khéo độ phá hai mươi lăm hữu, diệt bảy pháp giới, sinh một pháp giới, nếu quán thiền tức giả là dụng vô lượng vụng độ phá hai mươi lăm hữu và khách trần phiền não, diệt tám pháp giới, sinh một pháp giới; nếu quán thiền là pháp do nhân duyên sinh tức trung là dụng một thật khéo độ phá hai mươi lăm hữu và vô minh hoặc, diệt chín pháp giới, sinh một pháp giới, thành vương Tam-muội, nhiếp khắp tất cả Tam-muội, căn bản bối xả đều nhập trong kia, như các dòng chảy về biển, biến căn bản bối xả đều thành Ma-ha-diễn, nghĩa nhiếp như các dòng chảy về biển, nghĩa diệt như vị lai hết, nghĩa sinh như vị mặn thành, thiền ba-la-mật biến từ định kia thành vô duyên từ bi, biến niệm Phật kia thành biển niệm Phật lớn, các Đức Phật mười phương đều hiện ra trước, biến thần thông kia thành Như Lai vô mưu quyền biến khéo léo. Trong chín pháp giới, các giới định tuệ nhập vương Tam-muội. Biến gọi là Thánh hạnh, Thánh hạnh đã khế hợp an trụ đế lý, tức gọi là thiên hạnh, thiên hạnh có đồng thể vô duyên từ, tức phạm hạnh đơn minh, bi đồng phiền não, muốn nhổ gốc khổ tức là bệnh hạnh, đơn minh từ đồng với tiểu thiện, dục và lạc kia tức anh nhi hạnh, do năm hạnh này sinh mười công đức, cho đến rốt ráo thành Đại Niết-bàn, đó gọi là nhân thiền sinh diệt mười pháp ẩn hiển ba đế, thứ lớp sinh ra xoay vần tăng tiến, nhiếp thành Phật pháp, đầy đủ tức trung trong vương Tam-muội, đây mới là cảnh tư nghì, chẳng phải sở quán ở đây.

Bất tư nghì quán: Nếu phát một niệm định tâm, hoặc vị, hoặc tịnh cho đến thần thông, tức biết tâm này là pháp tánh vô minh, pháp giới mười cõi một trăm pháp vô lượng định loạn một niệm đầy đủ. Vì sao? Vì do mê pháp tánh cho nên có tất cả tán loạn, ác pháp, do hiểu pháp tánh cho nên có tất cả định pháp, định tán đã tức vô minh, vô minh cũng tức pháp tánh, mê giải định tán tánh kia không hai, vi diệu khó suy nghĩ bàn luận, bặt đường ngôn ngữ, tình tưởng vụng độ, chỉ tự uổng công vô ích, đâu phải là cảnh giới của phàm phu Nhị thừa tuy siêu việt thường tình mà không lìa các cõi. Kinh chép: Tất cả chúng sinh tức là định diệt tận, tuy tức tâm gọi là định mà chúng sinh chưa bắt đầu đúng, mà chúng

sinh chưa bắt đầu sai. Vì sao? Nếu lìa chúng sinh thì chỗ nào cầu định, cho nên chúng sinh chưa bắt đầu sai, nếu ngay nơi chúng sinh quyết định chẳng phải chúng sinh cho nên chúng sinh chưa bắt đầu đúng, chưa đúng cho nên bất tức, bất phi, cho nên bất ly, bất tức, bất ly vi diệu ở trong ấy, khó so lường như hư không, chỉ Phật và Phật mới có thể rốt ráo cùng tận, một niệm thiền định đã vậy, tất cả cảnh giới cũng giống như vậy. Nếu quán như thế hoát nhiên được ngộ, vừa nghe lời này thì bệnh phiền não liền lành, không cần chín pháp dưới, nếu quán chưa ngộ thì lại khởi từ bi, lý này vắng lặng mà chúng sinh khởi mê, vô minh hý luận che lấp. Như Lai tạng, rừng phiền não dầy đặc, vì vậy cho nên khởi bi, nhổ gốc khổ căn bản. Lại nữa, vô minh tức pháp tánh, phiền não tức Bồ-đề, muốn khiến chúng sinh ngay nơi sự là chân, Pháp thân hiển hiện, cho nên khởi từ, cho vui rốt ráo. Thệ nguyện như vậy thanh tịnh chân chánh, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, không xen lẫn độc, không thiên về tà, không nương tựa ỷ lại, lìa hai bên, gọi là phát tâm Bồ-đề, khi tâm này phát hoát nhiên đắc ngộ, như ngựa chạy nhanh chỉ thấy bóng roi quất liền chạy theo liền chánh. Nếu không bỏ thì phải an tâm Chỉ Quán, khép léo hồi chuyển, phương tiện tu tập, hoặc chỉ hoặc quán, nếu quán nhất niệm thiền định, hai bên vắng lặng gọi là thể chân chỉ; chiếu pháp, tánh thanh tịnh, không chướng không ngại, gọi là tức không quán, lại quán thiền tâm tức không tức giả, song chiếu nhị đế mà không động chân tế, gọi là tùy duyên chỉ, thông đạt được bệnh cho phù hợp gọi là tức giả quán, lại quán sâu thiền tâm, thiền tâm tức không tức giả tức trung, không hai không khác, gọi là vô phân biệt chỉ, thấu đạt thật tướng Như Lai tạng Đệ nhất nghĩa, không hai không khác, gọi là tức Trung quán, ba quán ba ở một niệm tâm, không trước không sau, chẳng một chẳng khác, vì phá hai bên nên gọi là nhất danh trung, vì phá thiên chấp sinh diệt gọi là viên tịnh diệt, vì phá thứ lớp ba chỉ ba quán gọi là ba quán một tâm, thật không có trung viên, nhất tâm định tướng, dùng Chỉ Quán này mà an tâm kia v.v... Nếu tâm nghiên cứu hai pháp mà chưa nhập thì phải biết chưa phát chân, trước đều là mê loạn, dùng một tâm ba quán phá khắp ngang dọc tất cả mê loạn, mê đi thì tuệ phát, loạn dứt thì định thành, nếu như kia không ngộ thì tắc nghẽn mà không thông, cần phải quán lại, vì sao không thông? Vì sao không bít? Nếu kia không bít thì lẽ ra là thông, nếu kia không thông thì lại phải quán sát, biết chữ, chẳng phải chữ, biết Tứ đế đắc thất, nếu không ngộ là không biết cách điều đình đạo phẩm. Vì sao? Vì một niệm thiền tâm đầy đủ mười cõi năm ấm. Các ấm tức không, phá bốn đảo giới nội thành

bốn khô, các ấm tức giả phá giới ngoại bốn đảo thành tứ tươi, các ấm tức trung, phi nội phi ngoại, phi tươi phi khô, ở trung gian kia mà Bát-niết-bàn, như bốn niệm này mở cửa đạo phẩm, đạo phẩm mở ba cửa giải thoát, nhập Niết-bàn đạo, định đầy đủ, cớ sao không ngộ! Phải do nghiệp chướng quá khứ che lấp, hiện tại đắm chấp thiền vị, không thể xả bỏ, xưa nay trợ giúp lẫn nhau, cộng thành xen lẫn che lấp thì đạo do đâu mà phát. Phải khổ công sám hối xả thân mạng tài sau, xả vị thiền, tham tu đàn độ, giúp vị sau chướng. Lại đắm các thiền tức phá tùy đạo giới, cho đến phá giới cụ túc, nên khổ công sám hối khiến sự tướng cẩn thận tinh khiết, giúp trị thi-la chướng. Lại như Phạm thiên hắc xỉ còn tự có sân, nay phát sự thiền có sau không sân! Lại chấp có các thiền là có, chẳng phải vô sinh, cũng chẳng phải tịch diệt, chẳng phải hai nhẫn cho nên mặc tình là sân, quá khứ hiện tại giúp nhau cộng thành sân chướng, phải khổ công sám hối thêm tu sự từ, giúp trị nhẫn chướng. Lại chấp đắm thiền vị là buông lung, si mê mù tối, tán động lẫn lộn, quá khứ hiện tại giúp sức lẫn nhau cộng thành biếng nhác, phải khổ công tinh tấn không dứt quãng, phải nối nhau giúp trị tiến chướng. Lại nghiệp tướng phát ra trong thiền làm não loạn thiền tâm, không được vắng lặng, nếu Nhị thừa chỉ dứt phiền não, dứt nghiệp mà đi, không luận dứt nghiệp, Bồ-tát dứt phiền não thọ thân pháp tánh mà các pháp môn có khai không khai, nên biết là bị nghiệp làm chướng ngăn, cần phải khổ công tu các nghiệp lành, thân pháp tánh còn như vậy, huống gì thân sinh tử làm sau không có nghiệp ư? Tu điều lành trợ giúp trị định chướng. Lại vị thiền hoàn toàn không hiểu vô thường sinh diệt, huống chi là hiểu vị đắm bất sinh bất diệt, quá khứ hiện tại giúp nhau cộng thành si chướng, phải khổ công sám hối trị sự mê tà lệch, đây là nói lược đối trị, rộng không thể nói hết. Hành nhân pháp quán cùng cực đến đây nếu không ngộ thì người ấy là đại độn căn, đại ngăn chướng tội, sợ rằng nhân nơi tội chướng lại tạo thành lỗi lầm, cho nên lại nói ba ý ở dưới! Biết thứ vị trong ngăn phòng tăng thượng mạn, an nhẫn ngoài ngăn phòng tám thứ gió, trừ pháp ái, ngăn phòng đảnh đọa, mười pháp thành tựu mau nhập vô sinh, được một cỗ xe lớn, dạo chơi khắp bốn phương, thẳng đến Diệu giác, phá hai mươi lăm cõi, chứng Vương Tam-muội, tự tu hành, giáo hóa chúng sinh, từ đầu đến cuối đầy đủ, ngoài ra đều như ở trên đã nói.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 10
(Phần Đầu)

Thứ bảy: Quán cảnh các kiến chấp: Chẳng phải một mà gọi là các, tà giải gọi là kiến, lại hiểu biết đúng là nghĩa kiến, suy tìm lý không đúng mà thiên kiến, quyết định hiểu rõ ràng gọi là kiến. Nghe người học tụng đắc danh tướng bằng với văn tạo sự hiểu biết, tầm mắt không khai mở thì hoàn toàn không có lý quán, căn cứ văn mà sinh vô chứng cứ là chết, người tu thiền chỉ còn lý quán, xúc xứ tâm dung thông. Mờ tối đối với danh tướng, một câu cũng không biết, tụng văn mà cố chấp, trạng thái thông suốt là diệu ngộ, hai bên còn thiếu bàn luận đều có lỗi, nếu kiến giải không dính mắc, văn tự lại thấu hiểu, dùng kiến giải hỏi người khác, ý không cùng tận, như mũi tên cong bắn chim bay lạc đường. Nếu giải thích vấn nạn vẫn rộng rãi thừa sức, như bắn thái hư mũi tên đi không ngăn ngại, phải biết chẳng phải do học thành mà chắc là do kiến phát, kiến này hoặc do nhân thiền nhờ nghe mà phát, chẳng hạn như khi vô lậu khởi thì nhờ vào tín pháp, nghe, suy nghĩ. Nhân nghe phát: Vốn nghe không nhiều rộng có thể chuyển ngộ, kiến giải rõ ràng thông suốt, giảng giải hỏi đáp. Nhân thiền phát: Ban đầu nhờ tâm tịnh, sau quán càng sáng tỏ, xoay chuyển tự tại, có sự thông đạt vi diệu; phương Nam người tu tập thiền ít phát kiến vi diệu, phương Bắc phần nhiều có việc này, mà tôi không hiểu biết cho là đắc chân đạo, đắc đà-la-ni, âm thầm biết người, địa vị cao xa, có khi không tin bác bỏ là cuồng hoặc, nay nói chẳng cuồng chẳng Thánh. Quỷ dựa thì nói được, quỷ bỏ đi thì si, kia đã không như vậy, cho nên biết chẳng cuồng, xét thì kia hoặc tham sân vẫn còn, y cứ vào hoặc mới kia càng thêm phiền não, tám mươi tám sử trói buộc mênh mông cho nên biết chẳng phải tánh, cho đến kiến tuệ phát, luận chung kiến phát, nhờ nghe nhờ thiền mà phần nhiều là nhờ thiền, hoặc thiền rồi kiến phát, hoặc thiền kiến đều phát, kiến rồi đắc thiền lại ít, hai nghĩa thì nhiều, chẳng hạn như các thiền thông phát vô lậu, mà vị đáo phát thì ít, Lục địa Cửu địa phát thì

nhiều, vì nghĩa này cho nên kế là cảnh thiền định mà nói về các kiến, nếu người kiến phát trí tuệ lợi căn thuần thục thì có khả năng tự quyết đoán đúng, hoặc tìm kinh luận xét biết lỗi mình, người này khó được, nếu không thể tự quyết đoán, gặp Thiện tri thức chỉ bày phải trái, phá kiến tâm kia, người này cũng khó được. Đã không tự giác lại không gặp thầy, tà vạy ngày càng thêm, sinh tử còn rất nặng, như rừng cậy rậm rạp dẫn dắt loanh quanh làm sao có lúc ra khỏi, nay quán các cảnh kiến chia làm bốn: 1) Nói về các kiến nhân pháp. 2) Nói về nhân duyên các kiến phát. 3) Nói về lỗi lầm. 4) Nói về Chỉ Quán.

1 Nói về các kiến nhân pháp, lại chia làm hai: 1) Tà nhân khác nhau. 2) Tà nhân chấp pháp khác nhau. Tà nhân khác nhau lại chia làm ba: 1. Ngoại đạo ngoài Phật pháp. 2. Ngoại đạo nương gá Phật pháp. 3. Học Phật pháp thành ngoại đạo.

1a. Ngoại đạo: Ngoài Phật pháp: Nguồn gốc có ba: 1. Ngoại đạo Ca-tỳ-la, Hán dịch Hoàng đầu, họ chấp trong nhân có quả. 3. Lạc sa-bà, Hán dịch khổ Hạnh, chấp trong nhân vừa có quả vừa không có quả. Luận nhập Đại thừa chép: Lời Ca-tỳ-la nói có chấp một lỗi, tác giả và tác là một, tướng và tướng quả là một, phần và hữu phần là một, những trường hợp như vậy v.v... gọi là chấp một, Ưu-lâu-Tăng-Khư chấp khác, Ca-la-cưu-đà chấp một, khác. Nhữ-đề-tử chấp chẳng một chẳng khác, tất cả ngoại đạo và Ma-Ca-La v.v... chấp là khác, đều không lìa bốn câu này. Từ 3-4 phái ngoại đạo phát xuất dòng nhành, đến khi Phật ra đời có sáu Đại sư, đó là Phú-lan-Na Ca-Diếp, Ca-Diếp là họ, chấp bất sinh bất diệt. Mạc-già-Lê Câu-Xa-Lê tử, chấp chúng sinh vui không có nhân duyên, tự nhiên như vậy. San-Xà-Dạ Tỳ-la-chi-tử, chấp chúng sinh thời thuần thục đắc đạo đến tám muôn kiếp, lam lũ cùng cực. A-Kỳ-Đà Xí-Xá-Khâm-bà-la, là thô y khâm-bà-la, chấp khổ tội báo, cạo bỏ râu tóc khác đời, nương tựa núi non hiểm nạn. Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên chấp vừa có vừa không. Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử chấp nghiệp tạo ra nhất định không thể sửa đổi, đây là rút ra trong lời sớ của ngài La-thập, tên đồng với Đại kinh, chấp ba đồng ba khác, hoặc dịch lầm, hoặc có ý riêng. Nay chưa rõ ràng, đại khái nương theo Ca-tỳ-la v.v... Nương gốc chia làm ba, hoặc có thể làm bốn, gọi là bốn kiến.

2a. Ngoại đạo nương gá Phật pháp: Sinh khởi từ Độc tử, Phương Quảng tự cho là thông minh, đọc kinh sách Phật mà sinh nhất kiến, nương gá vào Phật pháp mà khởi cho nên có tên này. Độc tử đọc Tỳ-Đàm của Xá-lợi-Phất tự đặt ra nghĩa riêng rằng: Ta ở ngoài bốn câu, câu thứ năm không thể nói trong tạng. Vì sao bốn câu? Ngoại đạo chấp

sắc tức là ngã, lìa sắc có ngã, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, bốn ấm cũng như vậy, hợp lại thành hai mươi thân kiến. Đại luận chép: Phá hai mươi thân kiến thành Tu-đà-hoàn, tức là nghĩa này. Nay Độc tử chấp ngã khác với lục sự, lại chẳng phải các Phật pháp, các luận đều phủ nhận, bèn nương gá vào Phật pháp, là pháp của tà nhân. Hoặc nói ba đời và pháp vô vi là bốn câu. Lại Phương Quảng đạo nhân tự cho mình là thông minh, đọc mười ví dụ trong kinh Phật, tự làm nghĩa rằng: Bất sinh diệt như huyễn làm tông. Ngài Long Thọ bác bỏ rằng: Chẳng phải Phương quảng của Phật pháp làm ra cũng là pháp của tà nhân.

3a. Học Phật pháp thành ngoại đạo: Chấp giáo môn Phật mà sinh phiền não, không được nhập lý. Đại luận chép: Nếu không đắc Niết-bàn, phương tiện nhập A-tỳ-đàm, thì rơi vào hữu, nhập không tức rơi vào Không, nhập Côn-lặc bị rơi vào vừa hữu vừa vô. Trung Luận chép: Chấp phi hữu phi vô, gọi là ngu si luận, điên đảo chấp chánh pháp trở lại thành pháp tà nhân, nếu học Ma-ha diễn bốn môn tức lầm ý Bát-nhã bị lửa tà đốt cháy, lại thành pháp của tà nhân, cho trên Bách Luận chính là phá ngoại đạo, ngoài Phật pháp luận sư Đại thừa đốt phá Tỳ-Đàm, Thành Thật, cho là chấp hữu vô của ngoại đạo. Nhưng Thành Luận nói: Trong Tam tạng thật nghĩa là không, đây dường như là vô ý. Lại đồng với cái phải của trăm nhà khác với cái sai của trăm nhà, nắm bắt nghĩa xuất một lại dường như trong nhân cũng có quả, cũng không có quả, lại dường như Côn-lặc, đương thời luận khởi mọi người đều đắc đạo. Thời nay thuần thục là lỗi của người này, đâu có liên quan gì đến pháp sai trái, đây lẽ ra là ung dung, không thể bắt chước Ca-tỳ-la v.v... Nếu dùng Đại phá Tiểu như Tịnh Danh bác bỏ sự chấp kia, không thấy trong lý đồng với ngoại đạo, chẳng phải dùng phương tiện lấn đoạt ý kia.

2. Nói về tà nhân chấp pháp khác nhau: Quan Trung sớ chép: Một sư đều có ba pháp: 1. Đắc pháp Nhất thiết trí. 2. Đắc pháp thần thông. 3. Đắc pháp Vi đà. Nhất thiết trí: đều sinh một thứ chấp hiểu tâm thông minh sáng suốt, sẽ dùng trí này thông suốt tất cả pháp cho nên gọi Nhất thiết trí ngoại đạo. Pháp thần thông: Phát được năm thông, biến thành trì làm đất mặn, chuyển thích làm dê, dừng sông như vậy, sờ bắt mặt trời mặt trăng, đây gọi là thần thông ngoại đạo. Pháp Vi đà: Văn tự thế gian tản mác, phương thuốc chữa bệnh binh pháp của cải đều có thể biết, đó gọi là Vi-đà ngoại đạo, một Sư có ba thứ đắc pháp khác nhau, Độc tử Phương Quảng cũng giống như vậy, nếu vọng chấp Phật pháp, tà y cứ vào tam tạng giáo bốn môn, một môn có ba: 1. Thắng phát lý giải, trí tánh sinh kiến. 2. Đắc các thần thông. 3. Hiểu văn tự bốn bộ

A-hàm, bốn môn này có bốn mươi hai thứ đắc pháp khác nhau. Nếu hiểu được ý này thì trong phần đầu của mỗi môn có ba thứ niệm xứ: 1. Tánh niệm xứ. 2. Cộng niệm xứ. 3. Duyên niệm xứ. Tánh là duyên thẳng với đế lý, cộng là sự lý hợp tu, duyên là biến duyên, tất cả cảnh pháp cũng là duyên Tam tạng giáo pháp, sau chứng quả thì thành ba chứng giải thoát: Tuệ giải thoát, câu giải thoát, và vô nghi giải thoát, cho nên kết tập pháp tạng thì chọn lựa một trăm0 vị, đều dùng vô ngại giải thoát để giải thích khắp các sách trong ngoài, hầu hàng phục oán định bên ngoài. Luận Tỳ-Đàm Bà-Sa chép: Phiền não làm chướng ngăn giải thoát, thiền định làm chướng ngăn giải thoát, tất cả pháp làm ngăn chướng giải thoát, tuệ giải thoát người đắc sơ giải thoát, cộng giải thoát người đắc đệ nhị giải thoát, chỉ có Phật đệ tam giải thoát, gọi chung là vô nghi giải thoát. Chấp Ma-ha-diễn Thông biệt viên bốn môn thất ý, chẳng hạn như có ba mươi sáu thứ đắc pháp khác nhau.

2. Nói về các kiến phát, có hai: 1. Nói về các kiến phát. 2. Kiến phát khác nhau.

1. Nói về kiến phát: Chúng sinh từ nhiều kiếp đến nay không việc gì là không tạo, huân tập các kiến cách đời quên mất, tội lỗi bao phủ gốc giải thoát, tâm không mau khai mở, nay chướng hoặc mỏng thì phát sinh các thiền, hoặc thiền kiến đều phát, hoặc thiền phát sau kiến phát trước, hoặc nghe người khác nói hoát nhiên kiến sinh, như có dòng nước suối đất đá làm cản trở không được bù đắp mà khoét sâu thành sông. Ám chướng đã dứt, một ngày mười ngày kéo dài mãi không dứt, lần lượt tự khó, lần lượt tự giải, chỗ sở chấp là thật mà có thông, chỗ không chấp là luống dối mà tự phá, lại biện tài thông suốt, khéo nói pháp mình, trang nghiêm ngôn từ, người khác đến công kích chất vấn khéo có thể trình bày giải thích, kiến tuệ như vậy từ đâu xuất hiện, do trong thiền có quán chi, quán chi là tuệ sở, thong thả quán các pháp, chớ tự biết chỉ, như ngựa chạy nhanh đẫm mồ hôi mà không thể khống chế. Nếu người nghe giảng mà không có thiền thấm nhuần kiến, bắt đầu muốn phân biệt phần nhiều rút ruột thổ huyết, nhân đó kiềm chế mạng kiến, cuối cùng không thành, nếu định lực thấm nhuần, quán tuy thong dong cũng khó kiềm chế, không đến nỗi phải rút ruột, phần nhiều được thành kiến, từ đây quán chi suy tìm đạo lý, cho rằng các pháp trong nhân có quả, đây giải thích rõ thuận lợi thông suốt kiến, xa ý vượt qua những người khác, đem điều này chất vấn người khác họ không hiểu được, cho rằng người khác nói dối, tự chấp nghĩa mình, người khác không thể hoại, tự cho là thật, không sinh chân trí đắc lý diệu tâm. Nếu vi tế suy tìm chỉ là

kiến hoặc thế trí biện thông, đầy tám mươi tám sử, lưới hoặc điên đảo đâu có liên quan đến chân giải, phải biết là Ca-tỳ-la kiến phát tướng. Lại y cứ vào quán chi suy tìm các pháp trong nhân không quả, kiến này rõ ràng giải tâm mạnh mẽ lanh lợi, tuy các thứ nạn vấn nhưng các thứ đều thông, dẫn các chứng cứ thành nghĩa trong nhân không có quả, do đó mà phá người khác, người khác không thể đúng, còn ngoài ra là nói dối, người khác đến phá mình, mình chấp chuyển thành, lấy đây làm thật, kiến lập ngôn ngữ trở về ý thú, chỉ hướng trong nhân không quả, nên biết định là Tăng-khư hiến phát. Nếu đối với quán chi tư duy trong nhân vừa có quả vừa không quả. Đại luận chép: Có và không tranh chấp, vô và có tranh chấp, là nói Phạm chí Trường trảo chấp vừa có vừa không, và hữu vô tranh chấp. Nếu nhập kiến này nạn vấn không cùng tận, đâu chẳng phải Lặc-Sa-Bà kiến phát. Lục sư kia chỗ chấp khác nhau, phải khéo được ý chấp của các sư, dùng các kiến sở phát để xem xét, tuy có chút ít không đồng, nhưng đại thể thì tương tự, tức là lục sự phát kiến. Nếu đối với quán chi chấp nhất định có ngã, mà không ở thân kiến trong bốn câu, cũng không tại ba đời vô vi trong bốn câu, mà ở trong tạng thứ năm không thể nói. Khi phát kiến này tâm giải rõ ràng, thuận tiện năng vấn năng đáp, tài trí thông minh lanh lợi nạn vấn, cùng hợp với khí thế dữ dội, phá người khác thành mình, quyết không thể dời đổi, phải biết là độc tử kiến phát. Nếu đối với quán chi cho rằng các pháp huyễn hóa, khởi tướng không tận, giải này hư vô, không thấy giải tâm và các pháp khác, đồng như huyễn hóa, chỉ chấp đây là đúng còn lại đều nói dối, đây là Phương Quảng kiến phát; nếu đối với quán chi suy tìm các pháp vô thường sinh diệt không trụ, nhân ngã như lông rùa sừng thỏ không thật có, chỉ có thật pháp, phân tích thật pháp cõi trần hoặc thô hoặc tế, quán chung vô thường vô ngã, chấp đây là thật, chỗ phát kiến giải hoàn toàn hợp với Tỳ-Đàm, những người nghe cũ tuy hiểu danh tướng mà đường tâm không thông suốt, nếu phát kiến này đối với văn tuy không thông suốt nhưng thần giải gấp trăm lần, người kia không biết cho là hiền Thánh mà thật chẳng phải, nếu là hiền nhân đạo tâm mạnh mẽ, cùng sự hiểu biết đều sinh, có khả năng hàng phục phiền não, thành phương tiện vị. Nay tuy tiểu vô thường, tăng trưởng cạnh tranh, đạo tâm chìm mất, phiền não càng mạnh, cho nên biết là hữu môn kiến phát, nếu đối với quán chi bỗng phát không giải, cho rằng vô thường sinh diệt, ba giả trống không, phân tích trần nhập không, các thứ phương tiện, kiến này rõ ràng thông suốt, lực dụng nhanh môn kiến phát. Nếu đối với quán chi chấp tất cả pháp vừa có vừa không; nếu

nhập môn này thì nạn, vấn không cùng tận, đây là ý Côn-lặc, luận không vượt qua thói quen phát vô định, đó là vừa hữu vừa vô kiến phát, phi hữu phi vô kiến lệ theo cũng có thể biết, phải biết bốn môn thông lý thì hành chánh kiến, nếu mất phương tiện thì rơi vào bốn kiến cho nên gọi là tà nhân trong Phật pháp. Đâu chỉ tam tạng giáo bốn môn chấp thành tà kiến, từ vô lượng kiếp đến nay cũng học Ma-ha-diễn Thông Biệt Viên v.v... không nhập lý, đó là giữ gìn gánh vác, chấp trước bốn bên lửa tà kiến thiêu đốt. Nay đối với quán chi bỗng phát giải trước, mộng thấy hư không có hoa như huyễn, do có giải này mà hiểu tâm sáng suốt, lanh lợi, hoặc là huyễn vốn chẳng thật, chẳng thật cho nên không, không giải thông minh sáng suốt, hoặc hiểu là vừa không vừa hữu, thí như vật huyễn hóa thấy mà không thể thấy, hoặc hiểu là chẳng phải không chẳng phải hữu, chẳng phải là huyễn hữu, cũng là huyễn vô. Phẩm quán trong Trung Luận chép: Nếu nói các pháp phi hữu phi vô, đó gọi là ngu si luận, người hướng đạo nghe nói liền ngộ gọi là đắc thật tướng, tà tâm chấp trước sinh hý luận, tức là xếp vào ngu si luận, đó là bốn môn bốn kiến của Thông giáo. Nếu đối quán chi tư duy giải bốn môn của Thông giáo là giới nội huyễn mộng, mộng này từ pháp thùy miên sinh ra, thùy là vô minh, quán vô minh nhập pháp tánh cũng có bốn môn; hoặc nói pháp tánh như dưới giếng có bảy báu, hoặc nói như hư không, hoặc nói như bình sữa lạc, hoặc nói Trung đạo, bốn thứ này phải thông suốt, tức là Biệt giáo bốn môn kiến phát. Nếu đối với quán chi chợt hiểu, vô minh chuyển tức biến thành minh, minh tất cả pháp, có chỗ cho rằng vô minh không thể biến thành mình, minh đâu thật có, không thật có này đầy đủ tất cả pháp, có chỗ cho rằng pháp tánh sáng suốt vừa thật có vừa không thật có, phi khả đắc bất phi khả đắc, một môn tức ba môn, ba môn tức một môn, giải này sáng suốt lanh lợi, sở phá không chỗ nào không hoại, chỗ tồn tại không đâu không lập, không thể vượt hơn, cũng tự cho là vô sinh nhẫn, kiến giải như thế là Viên giáo bốn môn kiến phát. Bốn môn Đại thừa đều thành kiến, thật ngữ là hư ngữ sinh ngữ kiến, Niết-bàn là sinh tử tham trước sinh (sống), uống nhiều cam lộ làm tổn thương tánh mạng, chết sớm mất phương tiện môn, rơi vào tà chấp cho nên gọi nội tà kiến. Bốn kiến là gốc của các kiến, mình và người lại cùng không có gốc nhân, cho nên Ngài Long Thọ phá tự tha xong. Điểm gồm có hai lỗi, không có nhân thì không thể, tự tha đã không thật, huống chi vô nhân ư? Gốc phá ngọn đổ, ý đó là ở đây. Nếu lập tự tha cộng, vô nhân thì lệ theo đây mà lập, nay Đại thừa, Tiểu thừa bốn môn thiên chấp thành kiến, chỉ nói về ý tự tha xong,

ngoài ra có thể biết, nếu Tam tạng nói về đại sinh sinh tiểu sinh đều từ vô minh sinh, không do chân khởi, nếu vô minh diệt thì các hành diệt, không quan hệ đến chân diệt, chấp kiến này thì thành tự tánh tà kiến. Thông giáo nói chân là bất sinh, cho nên sinh sinh tất cả hoặc, nếu diệt hoặc này lại là bất sinh, chấp như thế là tha tánh tà kiến, giới nội cho hoặc là tự, chân là tha, cho nên nói như thế, giới ngoại dùng pháp tánh làm tự, vô minh làm tha. Biệt giáo chấp A-Lê-Da sinh tất cả hoặc, chuyên tu trí tuệ diệt trừ vô minh này, năng sinh năng diệt không quan hệ pháp tánh, đây là chấp tha tánh sinh tà kiến. Viên giáo nói về pháp tánh sinh tất cả pháp, pháp tánh diệt tất cả pháp, đây là chấp tự tánh tà kiến, trước vua yếu thần mạnh, hay vua mạnh thần yếu, hai thứ còn lại có thể biết. Nhờ nghe nhiều mà phát lý kiến, ít phát thần thông Vi-đà vì thiền nhiều nên phát thần thông Vi-đà, ít phát lý kiến, phát lý kiến thì hàng phục người học, phát thần thông thì hàng phục người thế tục, người thế tục chấp dị, không chấp giải, người học chấp giải, không chấp dị, phát vi-đà bao gồm hàng phục, phát đủ có ba, có khả năng hàng phục lớn nhất. Nhân thiền phát đã như trên nói, nhân nghe phát này sẽ nói! Hành giả tuy đắc thiền mà chưa phát kiến, chủ yếu nhờ người trước mà khai phát tâm kia, tâm đã tỉnh lặng chợt nghe trong nhân có quả, tâm hoát nhiên khai ngộ, rõ suốt tà tuệ, trăm ngàn lần ý vượt sâu xa cũng như suốt đá, đó là từ nghe phát đắc Ca-tỳ-la kiến, ba thứ còn lại cũng giống như vậy. Nếu nghe tạng thứ năm không thể nói và nghe huyễn hóa liền phát Độc tử kiến, hoặc nghe tam tạng giáo bốn môn hiểu bất cứ một câu nào, kiến tâm bỗng khởi hiểu sâu vô thường, quán tâm rong ruổi không thể kiềm chế, đó là nhờ nghe mà phát hữu môn kiến, ba môn cũng đều như vậy. Nếu nghe Ma-ha-diễn mười hai môn mỗi môn đều y môn sinh giải giải, tâm sáng suốt lanh lợi, hướng đến chỗ nghe, tuy phát giải này nhưng chẳng phải đại phương tiện, không nhập tiểu hiền, lại chẳng phải tà giải Ca-tỳ-la v.v... cho nên biết đó là phát thập Nhị môn kiến.

2. Nói về phát pháp khác nhau: Ngoại đạo Ca-tỳ-la phát thẳng kiến giải, tâm hiểu mạnh mẽ là tuệ siêu việt thù thắng, không thể hàng phục, đó là đắc pháp Nhất thiết trí. Nếu phát thẳng thần thông, dẫm đạp lên nước lửa, ẩn hiện tự tại, làm sao không gọi là bậc Thánh ư? Chân đế Tam tạng nói: Nước Chấn đán có hai thứ phước v.v... là đắc pháp thần thông. Nếu phát thẳng Vi-đà, biết văn tự thế gian lẫn lộn với các sách vở, một phen thấy liền hiểu, hoặc trộm đọc Tam tạng, diễn giải các kinh, chạm mắt liền biết, lại đem sự hiểu biết này làm trang nghiêm

pháp mình, nếu vậy trong ngoài xen lạm nhau, gần như không thể biết. Thời nay phần nhiều có người hoàn tục, sợ vua bắt quân dịch liền vào trong ngoại đạo, trộm giải nghĩa Phật pháp, lão Trang, trở thành lẫn lộn, làm mê hoặc người mới học, chẳng biết đâu chánh đâu tà, đó là phát đắc pháp Vi-đà. Có một hạng ngoại đạo đều đắc ba pháp, căn cứ người nữa thành bảy, đó là đơn ba, phức ba cụ túc một, hai pháp còn lại ngoại đạo cũng vậy, công dụng có 61 thứ đắc pháp khác nhau, nếu y cứ lục Sư thì một Sư có ba, cộng chung thành mười tám, căn cứ người đắc nhiều ít thì có 43 thứ đắc pháp khác nhau. Độc tử Phương Quảng phát pháp khác nhau cũng có đơn ba phức ba cụ túc một, nếu nội tà đắc pháp khác nhau thì tùy mỗi môn chấp đạo lý tinh vi năng phân biệt, đây là đắc tánh niệm xứ kiến, cũng là tuệ giải thoát tà, các môn khác cũng như vậy. Nếu chỉ bao gồm phát đắc thần thông bay đi, tùy ý, đây là đắc cộng niệm xứ kiến, cũng là câu giải thoát tà; nếu thông tuệ tự tại mà không thể nói pháp, hoặc suy tìm nghiên cứu kinh luận, hoặc nghe người khác nói liền thấu đạt danh số. Lại dưới thông Vi-đà, trên thông Đại thừa, đều dùng kiến mình tiêu diệt các pháp môn, dùng các pháp môn trang nghiêm kiến mình, bốn môn đều có ba thứ, căn cứ vào người cũng có bảy ý, nếu bốn môn Thông Biệt Viên v.v... đều phát thẳng tuệ giải, đều chỉ biến thông, đều biết kinh sách trong ngoài, tự cho là đạo chân, người khác cho là cao quý, ở đây chỉ gọi là tà kiến, một môn có bảy hợp thành 84 thứ, v.v...

Lại nữa, trước nói chung đồng khác, nay nói về đồng khác, từng thứ một, tam ngoại lục sư tuy đồng phát Nhất thiết trí, hoặc có thấy Nhất thiết trí, hoặc không thấy Nhất thiết trí. Các thứ Nhất thiết trí như vậy chỗ chấp khác nhau, cho nên thấy trí đều khác, đều y cứ cho là phải, người khác thì sai. Kinh Pháp Hoa chép: Như loài dã can trước khi chết. Ở đây nói rõ khi lợi sử phát thì độn sử ẩn mất, cho nên nói tiền tử. Lại chép: các loài cầm thú tranh nhau đến ăn, tức là sở chấp một kiến có thể ăn nuốt các kiến. Luận lực chép: Tất cả các sư đều có đạo rốt ráo, đầu nai là bậc nhất, nên biết Nhất thiết trí mỗi mỗi khác nhau. Cho đến tam tạng giáo bốn môn Nhất thiết trí, Đại thừa bốn môn Nhất thiết trí đều chấp sở kiến ăn nuốt lẫn nhau, tất cả khác nhau có thể dùng ý để hiểu.

Kế là pháp thần thông khác nhau: Thần thông nhờ thiền mà đắc, đắc thiền bất định, ngoại ngoại đạo chỉ nhờ căn bản mà phát thông, hoặc 1, 2, 3, 4, sở nhân đã khác nhau, lực dụng cũng khác nhau, nội tà cũng nhân căn bản, lại nhân tịnh thiền, sở nhân sâu cạn thông dụng tốt sấu. Đại luận chép: Chỗ sở nhân dụng thông rộng, chỗ không nhân

dụng thông hẹp, chỉ có thiền là sự thông, là dụng, đều thuộc về phước đức trang nghiêm, chẳng phải nơi tranh cãi, so sánh sở nhân thông dụng đều khác. Kế là Vi-đà khác nhau. Nếu ngoại ngoại đạo, chỗ phát, chỗ đọc sách trị gia giúp đời, bộ trật khác nhau, giảng giải ghi chép đều khác nhau, phát đọc nhiều thì hiểu biết rộng, ít thì biết hẹp, tài giỏi khinh thường ngạo mạn tự tại đều do văn tự khác nhau. Nếu nội tà không phát, không đọc văn tự ngoại ngoại đạo thì hiểu biết hẹp, phát đọc thì hiểu biết rộng.

Người không phát không đọc tam tạng giáo văn tự, không biết danh tướng giới nội thì tri kiến hẹp, phát đọc thì biết rộng, phải biết pháp Vi-đà mỗi câu khác nhau. Lại nữa, kết hợp khác nhau nhưng các tà giới nội đều nêu về lý tuệ thần thông văn tự, lập đức đều tâm, tôn trọng người, hạ thấp mình, tiếng khen tốt lành biến chuyển muôn vật, như trái am-la sống chín khó biết. Thiên hạ tốt xấu chớ so sánh tà chánh, nay phân tích rất dễ, như Ca-la bảy thứ khác nhau, nghiên cứu nguồn gốc kia đều từ tà, không phù hợp sinh khởi, nếu chấp trong nhân có quả phá tất cả pháp thì chỉ còn câu này, tạo các thần thông lay động thế tục đương thời, khiến cho người tin thọ pháp trong nhân có quả, dẫn các nhà khác của Vi-đà, danh tướng trang nghiêm, trong nhân có quả, đã lập các hành quy hướng về tông thú, chỉ cùng cực trong nhân có quả làm pháp sở chấp, động thân, miệng ý, tạo vô lượng tội như sau sẽ nói, do đó mà nghiệm biết ngoại đạo Ca-tỳ-la, Tăng-Khư-Sa-Bà cũng lệ theo như đây. Vốn khởi tà không quy về chỗ chấp, Độc Tử cũng như vậy, bốn môn Tiểu Đại y cứ theo đâycó thể hiểu. Suy xét dùng nguồn gốc quán sát để quy tông, thì trong đục phần dòng, đậu lúa khác loại, đâu có ý lẫn lộn cho rằng Trang Lão ngang bằng với Phật pháp, tà chánh đã dùng lẫn lộn, đâu thể bạt đại khác tiểu, tự hành không thông hiểu thì làm sao mà hóa độ người khác được, cả thầy trò đều đọa lạc.

3. Nói về lỗi lầm, chia làm hai:1. Nói về lỗi lầm. 2. Nói về quyết đoán.

1. Chánh thức nói về lỗi lầm: Như Tông Thiên Trúc có ba, Chân đan cũng có người kia, Chu hoằng chính giải thích Tam Huyền rằng: Dễ phân tích bát quái âm dương lãnh dữ, ở đây y cứ vào hữu minh huyền, Lão Tử trống không thông suốt, đây là y cứ vô minh huyền, Trang tử tự nhiên, y cứ vào hữu vô minh huyền, từ ngoài chi phái nguồn gốc tổ xuất phát ra phái này, nay căn cứ vào đây để nói về được mất. Như Trang Tử nói: Sang hèn khổ vui, đúng sai được mất đều là tự nhiên. Nếu nói tự nhiên là không phá quả, không phân biệt nghiệp đời trước tức là phá

nhân, lễ chế nhân nghĩa hộ thân an quốc, nếu không hành dùng thì diệt tộc quên nhà, chỉ hiện đời lập đức, không nói chiêu cảm quả báo đời sau, đó là phá quả, không phá nhân, nếu nói phước lưu lại đời sau, đồng thời trước vừa có quả vừa không quả. Y cứ một chấp thì có ba hành: 1. Chấp có làm việc lành. 2. Chấp có làm việc ác. 3. Chấp có làm việc vô hý. Như nói lý mà phân thì lẽ ra như vậy, giàu sang không thể mong cầu, nghèo khổ không thể oán trách trốn tránh, sống không đáng ưa thích, chết đâu nhọc phải sợ, đem tâm trống không này ở nơi giàu sang chớ kiêu man, ở nơi nghèo khổ không buồn phiền, tâm tham nhuế dứt, an ổn một hoài bảo, dùng tự nhiên để huấn vật để nhập lý, đó là đắc. Đắc có nhiều thứ: Nếu nói thường vô dục, quán kia không thần diệu thì cái gì là dục! Bỗng Quên ngọc bỏ công, rửa sạch tai trả trâu, tự giữ chí khí cao thượng đây chính là bỏ dục ở cõi Dục, bước lên pháp thù thắng vi diệu, tức lấy sờ thiền v.v... làm diệu, do đâu biết được? Trang Công nói: Hoàng đến hỏi thần khí đạo quán, thấy các vật trong thân lấy đây làm đạo, dường như thông minh quán trung phát được Sơ thiền vi diệu, nếu nói nhận các khổ do tham dục là gốc, lìa tham dục liền được Niết-bàn, dục này không có trong ba cõi, ở đây đắc diệt chỉ là khéo lìa. Lại pháp là vô nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp là nhiễm Niết-bàn, không có nhiễm này thì đắc một đạo vi diệu, diệu các dục này muốn diệu đều không, ông đắc cái gì? Còn không hiểu dục trong cõi Dục Sơ thiền vi diệu, huống chi dục diệu sau ư? Nếu cùng quyền biến luận mới phù hợp căn cơ dần dần che chở tướng luận dục diệu, không được nói bóng, phải nói rõ nghĩa, chỉ dứt sự mong cầu thì dục quán tự nhiên vi diệu, đường nguy hiểm cong quẹo đã qua, gió nhân nhượng này còn, đây đều chấp có tự nhiên mà hành thiện. Lại chấp tự nhiên, mặc sức buông thả, cũng không tiến tới theo điều lành, cũng không bị động sai khiến làm việc ác, nếu tổn thương thần Thánh thì không phù hợp với tự nhiên, tuy không lấy bỏ mà thực hành vô ký, hành nghiệp chưa hết thì chịu báo đâu nghi ngờ gì. Nếu chấp tự nhiên làm ác, cho rằng muôn vật tự nhiên, tha hồ làm ác, cuối cùng quay về tự nhiên, đây là trái với vô dục mà tự ý theo dục, trái với diệu mà theo thô, như Trang chu bác bỏ nhân nghĩa, tuy phòng trộm nhỏ mà không để ý đến trộm lớn, tỏ rõ nhân nghĩa để mưu cầu việc nước, vốn dùng tự nhiên dứt dục, là nói tự nhiên làm ác, nghĩa này có thể biết.

Kế là y cứ các kiến ở cõi Thiên Trúc thì không kiến là mạnh nhất, ở đây dựa vào để nói về đắc thất. Không kiến được chia làm ba: 1. Phá nhân không phá quả, phá quả không phá nhân. 2. Nhân quả đều phá,

không phá tất cả pháp. 3. Nhân quả đều phá và phá tất cả pháp, tất cả phát tức ba vô vi. Ngoại đạo thứ ba vì sao khác với Phật pháp. Đại Luận chép: Đại thừa, Tiểu thừa là không, phân tích thể là khác, ngoại đạo cũng phân tích thể đây vì sao khác, ngoại đạo theo tà nhân duyên, vô nhân duyên, hoặc phân tích, hoặc thể nhập, hoặc rốt ráo không, đệ tử Phật biết từ nhân duyên ái, hoặc chia chẻ, hoặc thể nhập, hoặc rốt ráo không. Có người nói: Phá ngô ngữ, chẳng phải thể, nay nói Trung luận đầu đuôi dùng phá đề phẩm, phá đâu có khác thể ư? Cho nên không y cứ vào đây mà chia ra tà cứ phần tà chánh, đại tiểu, chỉ y Đại luận phân tích chánh nhân duyên khác với ngoại đạo, thể chánh nhân duyên khác Tiểu thừa. Nếu y cứ tà nhân duyên mà khởi không biến, cũng có ba hạnh mà thường làm ác, người chân thật quán không biết từ ái sinh thiện, còn không tạo tác, huống gì là ác ư? Người khởi thông kiến đối với quả báo tiền tài địa vị chẳng phải là cái để tranh giành, không là chỗ người đó ở, đồng với pháp ngã không, bạn thân sinh ái, khen hữu phá không, oán thù sân hận buồn bực, người chẳng biết không xem thường như đất, không tâm chẳng sợ hãi, không còn khuôn phép, mặc tình theo dục, phá chánh kiến, oai nghi tịnh mạng, khi chết sẽ đọa trong ba đường ác. Lục sư nói rằng: Nếu có hổ thẹn thì đọa vào địa ngục, nếu không hổ thẹn không đọa vào địa ngục, trái với đạo thường, ngăn che thần sấm sét, nghịch với cha, khinh thường mẹ, quá đáng đối với người đi đường, mới gọi là vô ngại, nếu thân khác sơ thì chẳng phải bình đẳng. Tự làm việc gian ác lại xúi giục người, khắp làm việc quấy, trái lễ như súc sinh, há có thiên hạ khoan dung việc này. Tuy cho là vô ngại nhưng không dám trái chúa, khinh thường Hoàng hậu, tự tiếc thân mình cho nên đối với thân có ngại, người ấy phát thẳng kiến này, kiến càng thêm mạnh, không bao giờ đắc thiền, nếu đắc thiền rồi thì thấy pháp thiền nhiều lỗi phát kiến rồi thiền, phần nhiều là quỷ thiền, quỷ thông, ghi nhớ được việc lành dữ, lại biết tâm người khác, lại rộng tìm Vi-đà chứng thành kiến này khiến người tín thọ, phá điều lành thế gian, xuất thế gian, gọi là chó ăn thịt người. Nếu có một thứ nào không phá không gọi là no đủ, phá tất cả pháp kiến tâm mới no, no gọi là chuyển mạnh, trong không thật hành chỉ luống tranh chấp như keo gọi tìm thức ăn, chấp không và hữu trách, tướng Không hữu phá bỏ, tự khen ngợi là chó sủa. Phá người khác gọi là chiếm cứ, dựng lập cho mình gọi là níu kéo, lại nghi ngờ chưa quyết định xâm tổn người khác, người khác là chó sủa, như chó giữ nhà làm cho người sợ. Người này chỉ duyên làm ác, xúi giục người khác, có bốn điều: 1. Tự làm ác, khuyên người khác làm lành. 2. Tự khen làm lành,

xúi người làm ác. 3. Tự làm ác, khuyên người làm ác. 4. Tự làm lành, khuyên người làm lành. 1) Tự mình làm ác khuyên người làm lành: Nói ta có thể hiểu rõ lý, đối với điều ác không ngại, ông làm việc thiếu suy nghĩ phải trước hết huân tập điều lành, hóa đạo cần phải dùng điều lành dẫn dắt trước hết. 2) Nếu tự mình làm lành, khuyên người làm ác: Ta là vị hóa chủ trước hết phải làm lành, ông tự làm việc chánh là nên làm ác. 3) Tự làm ác, khuyên người làm ác đều là thực hành thật đạo. 4) Tự mình làm lành, khuyên người làm lành đều là thực hành quyền đạo. Bốn thứ này tuy khác, nhưng điều lấy ác làm gốc, theo nghiệp đắm chìm, có đạo nào đáng theo ư? Lại không kiến hành thiện: Không vô thiện ác mà cần phải hành thiện. Không hành thiện thì trời Tỳ-nữu tức giận, làm chúng sinh khổ não, khổ não cho nên thành nghiệp, nghiệp do quá khứ hiện tại mà chịu báo, do hiện tại giữ giới khổ hạnh ngăn quả ác hiện tại thì được lậu tận, nếu vậy phải tu điều lành cho nên giữ giới tiết chế thân, phải thiểu dục tri túc, mặc vải thô ăn rau cỏ. Vì không tạo hành mà sinh hỷ nộ, không là nơi sân ái, tranh chấp. Nếu đắc thiền phát kiến, thì thiền hết kiến mạnh, kiến rồi mới đắc thiền, đó là quỷ thiền quỷ thông, không kiến như thế tự hành chỉ một phen, hóa tha có bốn, chẳng hạn như trước tự hành hóa thông tức là tùy nghiệp, tùy nghiệp nổi chìm đâu có liên quan đến đạo. Kế là chấp không kiến, không làm thiện ác, an trụ bình đẳng, tuy nói là bình trụ xưng với ái, hủy bỏ lo buồn, do thường thường tự cao, phải biết thường sinh phiền não, đắc thiền phát kiến như trước, cũng thông Vi-đà trộm hiểu Phật giáo, trang nghiêm vô ký, vô lượng kiết sử từ vô ký sinh, tự hành chỉ một, hóa tha có bốn. Nếu không phát thiền nghiệp thì lôi kéo vào đường ác, nếu phát thiền thì theo thiền thọ sinh, nếu nghiệp này chưa thuần thục, do các nghiệp đời trước mạnh nên lôi kéo trước, phải biết các kiến chưa thể hàng phục hoặc, thì làm sao dứt hoặc ư? Các tướng đắc thất vừa có vừa không v.v... y cứ theo đây có thể biết.

■

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 10
(Phần Cuối)

Kế là nói nội tà đắc thất: Tam tạng giáo bốn môn vốn vì nhập lý mà chấp thành hý luận, phát kiến đạt được thiền, gồm thông hiểu kinh sách, nếu dùng pháp môn này tự chấp chỉ nên sinh điều lành, đã tương ưng với kiến lại khởi ba hành: Người làm lành kia chuyên vì ba cõi mà tạo quả báo, chấp trước hữu môn mà sinh ái nhuế, người cáo hơn thì rơi vào hầm ngạo mạn, người kém hơn vào ngục lo buồn, là nơi sinh phiền não, hữu môn đóng lại vì không được giải thoát. Hành giả làm ác chấp hữu là đúng, còn ngoài ra đều là sai, vì hữu môn này không điều ác nào không làm, tà quỷ nhập tâm, chỉ kéo dài các việc sai trái, chín mươi sáu đạo có ba thuận Phật pháp, cho nên có A-tỳ-đàm đạo, Tu-đa-la đạo, chỉ có năm trăm La-hán đối với hữu môn này được thoát khỏi, đâu phải là tà. Nay người tà chấp quỷ thì nhập tâm cho nên gọi A-tỳ-đàm quỷ, hoặc từ kiến nhập, hoặc từ thiền nhập, tự hành có một, hóa tha cũng có bốn, một môn đã thế thì ba môn cũng thế. Nếu Thông, Biệt, Viên v.v... mỗi giáo có bốn môn sinh kiến, một kiến cũng đủ ba hành, người hành thiện có thể biết , người hành ác chấp tham dục trong Đại thừa tức là Đạo, trong ba độc có đủ tất cả Phật pháp. Như thật ngữ này vốn diệt phiền não, còn tà lệch chấp trước lại sinh kiết sử, đó là hủy ưu ái khi mạn, tranh giành danh lợi, tự hành thì một hóa tha có bốn, đã chẳng phải vô lâu vô minh thấm nhuần nghiệp, nghiệp lực lôi kéo không chỗ nào không đến, không thể nói tỉ mỉ, y cứ theo trước có thể biết, các kiến như thế trái với Thánh đạo, lại có công năng sinh ra các tội lỗi. Họ không biết mà chấp cho là Đạo, dù biết kiến này tùy kiến mà hành, để tự chôn vùi, đâu thể đối với kiến động, bất động mà tu đạo phẩm, lược nói kiến phát sinh các lỗi lầm.

2. Nói về gồm quyết đoán chân ngụy, có hai: một Y cứ pháp sinh khởi gồm quyết đoán. hai Y cứ pháp nương tựa gồm quyết đoán. 1. Nay thông từ ngoại ngoại đạo bốn câu, cho đến viên bốn môn ngoại đạo kiến

thông Vi-đà, cho đến ba niệm xứ, ba giải thoát của Viên môn, danh số là đồng, tội khởi kiến trói buộc không khác, thí như hai cáo khóa vàng và sắc. Lại từ ngoại đạo bốn câu lại cho đến bốn kiến Viên môn, danh tuy trong sáng mà phiền não sinh khởi thể là ô uế, thí như hai thứ ngọc và chuột. Lại từ ngoại đạo bốn câu cho đến viên môn bốn kiến tuy đồng nghiên cứu lựa chọn có thành, không thành, thí như sữa trâu và sữa lừa. Lại từ ngoại đạo bốn kiến, cho đến Viên môn bốn kiến có hại, không hại, thí như hai quả Ca-la và trấn đầu. Thần ngã sở chấp chính là pháp trói buộc, chẳng phải tự tại ngã, chấp cho mình là đúng còn ngoài ra là nói dối phải trái lẫn nhau, đâu quan hệ như thật, tự cho là đạo chân thật lại mở đường Hữu mong được Niết-bàn mới bị đắm chìm trong sinh tử, tự nói là chân thật cuối cùng thành tà vạy. Ái xứ sinh ái, sân xứ sinh sân, dù khởi từ bi nhưng là ái kiến bi, dù an tâm xóa lập phân chia nhưng là sinh diệt gượng nhẫn, duy tất cả trí thế tình suy tìm so sánh, dù đắc thần thông nhưng căn bản biến hóa, hữu lậu biến hóa, đã học Vi-đà, đã nói thế trí, chẳng phải năng lực đà-la-ni, chẳng phải dòng pháp giới, tuy dứt độn sử mà như đi bộ, thua loài trùng, thuốc thế gian trị lành rồi lại phát tám mươi tám sử nhóm họp mạnh mẽ, ba cõi khổ sinh tử luân hồi không bờ bến, chấp đắm hữu lậu không có lúc nào ra khỏi, đều là các kiến huyễn giả đâu thể là đạo chân thật. 2. Y cứ vào pháp sở y khác nhau. Tất cả các kiến đều nương pháp kia, ba thứ ngoại ngoại đạo là người hữu hậu, phát pháp hữu lậu, dùng tâm hữu lậu chấp trước các pháp, chấp pháp chấp tâm thể là cạnh tranh, chẳng phải nhân thời nắm đầu nhổ tóc, phát các kiến rồi cho là Niết-bàn, chấp thành kiến mạnh mẽ tăng thêm đấu tranh dữ dội, pháp sở y chẳng chân thật, kiến sở phát cũng là giả. Đây tuy tà pháp nhưng nếu thầm hiểu được ý thì dùng tà tướng nhập chánh tướng, như hoa bay lá động, nhờ chút nhân duyên còn có thể chứng Bích-chi-phật, huống chi pháp xưa của thế gian, nhưng Bích-chi-phật tuy chánh là hoa lá nhưng chẳng phải chánh giáo, ngoại ngoại đạo thầm ngộ, nhưng pháp môn kia chỉ thông các kiến, chẳng phái chánh pháp, đều do tâm chấp, chấp pháp nhân quả đều đấu tranh, quyết đoán đây là tà pháp, sinh tà kiến. Nếu tam tạng giáo bốn môn là bậc Thánh xuất thế thì đắc pháp xuất thế, thể là thanh tịnh diệt trừ phiền não xứ, chẳng những kinh Phật là chánh pháp, mà năm trăm điều trình bày cũng có thể đắc đạo. Diệu Thắng Định nói: Sau khi Phật nhập Niết-bàn một trăm năm có mười muôn người xuất gia, chín muôn người đắc đạo, cách Phật 200 năm, mười muôn người xuất gia một muôn người đắc đạo, phải biết dùng tâm vô chấp, không chấp pháp vô chấp, phát tâm chân

chánh, giác ngộ vô thường, niệm niệm sinh diệt, sớm còn không bảo đảm đến tối, chí cầu xuất yếu không ngăn cấm môn sinh, nhiễm mà khởi hý luận, thí như có người muốn mau được thấy vua, trao cho chức quan từ bốn cửa vào, đây rảnh đi lòng vòng, tranh chấp tốt xấu, biết cửa là đường thông, không cần tranh chấp, như thuốc vì trị bệnh không cần phân biệt, mau ra nhà lửa, hết các mé khổ, khi chân minh phát, chứng đạo rốt ráo không tranh chấp, không tranh chấp thì không có nghiệp, không có nghiệp thì không sinh tử, chỉ có đạo diệt tâm địa thản nhiên, nhân quả đều không, đấu tranh điều diệt, chỉ có chánh kiến, không có tà kiến. Lại nữa, bốn môn tuy là chánh pháp, nhưng nếu dùng tâm chấp bốn môn này thì sinh tà kiến, thấy bốn môn khác, đối với sự tu nhân thì phần nhiều khởi đấu tranh, thí như có người ở lâu trong cửa thành, phân biệt ngói gỗ, bình luận tinh thô mỏng dầy cho rằng nam đúng bắc sai, đông khéo tây vụng, tự dừng lại không chịu tiến lên phía trước, chẳng qua khỏi cửa, người chấp cũng giống như vậy. Phân biệt danh tướng, rộng biết phiền não, tụng nhiều đạo phẩm, mong cầu danh nhiều, làm môi giới tự khoe khoang, cầu thấu đạt, tự đánh trống lớn dương thẳng cờ ngã mạn, khoe khoang đối với người khác, sinh đấu tranh lẫn nhau, nắm đầu nhổ tóc. Tám mươi tám sử sinh ái mạnh mẽ, đều do tâm chấp pháp môn chánh mà sinh tà kiến, sinh khởi phiền não không khác với ngoại ngoại đạo, pháp sở chấp cách nhau như trời với vực.

Kinh Phương Đẳng chép: Bao nhiêu vấn kiều bị người trí quở trách, người cũng như vậy, vì học đạo cho nên tu bốn môn này, hơn ba mươi năm phân biệt một môn còn chưa hiểu rõ, công phu vừa làm thì tuổi đã già. Không có ba thứ vị, không sinh không chết, luống bỏ một thời kỳ, như người kia vấn kiều có ích lợi gì đâu! Đấy là do đắm chấp tâm, không chấp pháp mà khởi tà kiến. Kế là bốn môn Thông giáo thể là chánh pháp, gần thì thông với hóa thành trước quanh co nay thẳng, khéo vụng tuy khác mà chỗ thông không khác, như cửa trời hoa rơi thẳng, các cửa các quanh co, không trú hai cửa đều được thông suốt tiến lên, nếu đếm ngói gỗ cả hai đều chậm chạp ngăn bít, hoặc không dính mắc pháp môn, hoặc nhân hoặc quả đều không tranh chấp, đó gọi là tâm vô trước. Không chấp pháp không chấp, không sinh tà kiến. Lại nữa, nếu dùng tâm chấp mà chấp pháp môn này thì cùng sinh tà kiến, hoặc vì danh vì chúng, vì thắng, vì lợi mà phân biệt môn tướng, sân nhuế mạn kiết nhân đâysinh ra, thí như bỏ chất độc vào thuốc tốt, người uống đâu thể không chết, dùng kiến chấp độc nhập vào trong chánh pháp tăng trưởng khổ tập chẳng phải lỗi của Như Lai. Ngoại đạo lợi căn dùng tà tướng nhập chánh tướng, khiến

người chấp, không chấp thành đệ tử Phật, hàng độn căn trong nội đạo dùng chánh tướng nhập tà tướng, khiến người chấp vô chấp hữu thành đệ tử tà, đâu không đáng buồn ư? Bốn môn biệt viên khéo vụng, lợi độn đếu không đến rốt ráo Niết-bàn, nhân không trụ trước, quả không đấu tranh, nếu đóng cửa khởi kiến thì sinh phiền não và Âu-lâu-tăng-khư v.v... Do đó mà quán như người sáng mắt nhìn thấy thông suốt, đâu lại mê danh mà không biết đục trong.

Lược nói về kiến phát thì có năm lược, một phen có bốn gồm có hai mươi môn, một môn lại có bảy. Hợp thành một trăm bốn mươi kiến pháp khác nhau, nói rộng vô lượng đều nhờ nhân duyên mà được khai phát, bởi do thông tu chỉ cho nên các thiền được phát, thông tu quán cho nên các kiến được phát, duyên thông tu là do Chỉ Quán, mà căn bản biệt nhân thì do đời trước, hoặc học trong ngoại ngoại đạo, hoặc học trong Đại thừa, Tiểu thừa của của Đệ tử Phật, hoặc nhờ nghe pháp tướng mà phát các kiến, hoặc nhờ ngồi thiền phát các kiến này, cách đời quên bỏ, kiến giải không hiện tiền, nay tu tĩnh tâm, hoặc nghe kinh luận, luôn xây nghiệp đời trước, kiến pháp lại sinh, đo đời trước thuần thục nên đời nay dễ phát, đời trước thô rít nên đời nay khó phát, cách đời xa thì khó, gần thì dễ, nếu ngoại ngoại kiến thuần thục, gần thì phát trước, nội kiến thuận thục, gần thì hiện trước, thần thông Vi-đà đã là sự tướng, cách đời dễ quên khó phát, kiến là tuệ tánh khó quên dễ phát, như người cách biệt lâu ngày nhớ tên quên mặt, sự lý khó dễ cũng giống như vậy, nếu đời trước ngoài có quỷ duyên, quỷ thì tăng thêm, phát quỷ thiền quỷ kiến, bên ngoài có Thánh duyên, bậc Thánh tăng thêm, phát chánh thiền kiến. Lại nữa, nếu trước chưa hiểu biết lỗi lầm của các kiến, đối với kiến sinh sợ hãi, mau mau dứt bỏ, nay biết đó là tướng tà nên thận trọng, chớ vội dứt bỏ, chỉ buông thả sự thành tựu để làm năng lực trợ đạo thì sẽ có ích lớn, như bụng có độc trùng đang nuôi dưỡng sán sơ mít, sau đó đi sổ tả sán chui ra, sở dĩ như vậy vì người ngu si ở thế gian ngang bướng như trâu ngựa, nhiều sấm động chuyển, pháp âm tràn đầy, gấm thêu trải khắp, đối với loài kia nghe thấy không lợi ích gì, đắm chấp năm dục như tai nạn trùng độc. Nếu phát sinh các kiến, kiến ăn độn sử, dụ cho sán sơ mít, kiến tuệ và chánh quán gần nhau, nghe pháp dễ ngộ, như ngọc kia ngâm nước nóng, vì nghĩa ấy cho nên phải dưỡng kiến, nghiên cứu tâm, trước sai mở đường. Nếu nhập Nhị thừa thì động kiến tu đạo phẩm, nếu nhập Đại thừa thì bất động kiến tu đạo phẩm, đối cướp phá giặc, sau đó công thành, đó gọi là dưỡng ngoại kiến để làm thị giả. Nếu phát Tam tạng giáo chuyết vụng bốn môn kiến, khéo

thông bốn môn kiến, kiến tuy là chướng nhưng trợ đạo cũng sâu, nếu pháp phước đức thăng thiên rất dễ, chấp đạo thì khó, kiến là tuệ cánh, chìm đắm cũng dễ, ngộ đạo rất mau. Đại luận chép: Trong ba đường ác cũng có số ít người đắc đạo cho nên không nói, người trắng nốt ruồi đen không gọi là người đen. Đã biết là kiến hoặc không được khởi sự buông lung sự phân biệt kia, như các ngoại đạo trước có kiến tâm, khi được Phật hóa độ như ngựa chạy nhanh chỉ thấy bóng roi thì liền được ngộ, nếu không kiến thì vạn búa cũng không chặt đứt được, như nói pháp cho trâu ngựa nghe thì không thể lãnh nạp hiểu biết, hạng quê mùa hoàn toàn chưa hiểu lời nói, hoặc là luận giải sâu xa, nên Phật với hạng người ấy không ra đời, phân tán thân hình thể chất, làm thầy làm bạn, dẫn dắt người kia thấy pháp, mặt trời Phật mới mọc, người quyền dẫn thật, nghe pháp liền ngộ. Kinh Pháp Hoa nói thầm sai hai người. Căn cứ vào pháp mà luận về hai giáo phương tiện, căn cứ theo người thì đồng là Nhị thừa, chúng Thánh quanh co còn dạy kiến kia ấy, nay được kiến phát đâu thể vội trừ. Nếu đời trước tu tám môn Biệt, Viên chưa dứt thông hoặc, nếu kiến này phát thì lỗi đồng với tam ngoại, nếu đời trước đã phá thông hoặc, chưa ngộ biệt lý thì hoặc đồng Nhị thừa, kiến trước còn nuôi dưỡng, huống gì là kiến này ư? Tịnh Danh chấp lỗi Tiểu Thừa, phế bỏ ngoại đạo, lại chấp trợ biên khiến họ làm thị giả, tiến thối hiểu biết chớ một bề, người đời nay tu đạo kiến tâm phát thì chân lý có thể hy vọng, kiến nếu chưa phát thì Thánh cảnh khó hội.

Y cứ vào kiến tu Chỉ Quán: Thông luận như trên đắc kiến khác nhau, có một trăm bốn mươi thứ, nếu riêng y cứ vào nội tà thì có một trăm mười hai thứ, nếu lập tông nói nghĩa thì gồm có bao nhiêu tông! Trông Thập địa nhiều số luận v.v... phân biệt kiến tướng là đồng hay khác! Dấu vết tà chánh tốt xấu là bao nhiêu? Nếu hiểu được ý này thì không tương quan, người kia không hiểu, hiểu thì thế nào? Phật pháp có hai thuyết: một là nhiếp, hai là chiết. Như hạnh an lạc không nói dài ngắn là nhiếp nghĩa, Đại thừa cầm nắm dao gậy cho đến chặt đầu là nghĩa chiết, tuy cùng định đoạt khác đường nhưng đều khiến lợi ích, nếu các kiến lưu chuyển phải dứt cho hết, nếu trợ luyện thần minh hồi tâm nhập chánh đều có thể nhiếp thọ, căn cứ vào nhiều hạng người nói các kiến trên, không có một người gồm phát, dù cho đều phát thì hiểu tướng ăn nuốt chỉ một sự thật. Y cứ vào mỗi kiến đều tạo tác pháp môn, khéo léo chỉ bày mới trải qua chín mươi ngày, bó bột mỗi kiến đồng một quán môn, đầy đủ tất cả pháp cũng không thể cùng tận, nhiều một tự tại, nay lại căn cứ một kiến, số nhiều cũng vậy. Trong các kiến thì không có khả

năng phá hoại tất cả, tất cả không thể hoại, không dẫn người rất tiện lợi, nay trước phải quán không kiến, theo lệ chia làm mười ý:

Cảnh tư nghị: Không kiến sinh ra pháp mười pháp giới, bí ngô chẳng nóng có thể làm nhân trị bệnh, không chẳng phải thập giới năng tạo nhân duyên. Thành luận chép: sát-na biên kiến tâm khởi tức là bất thiện. Tỳ-Đàm nói: Sát-na biên kiến tâm khởi không phải thiện ác, gọi là vô ký. Nhân đẳng khởi tâm, tất cả thiện ác nhân đó mà khởi, nay không biến này cũng có hai nghĩa: Nếu biệt quán, như nhân đẳng khởi, thì mười pháp giới nhờ đó mà sinh. Vì sao? Vì xưa chưa có không kiến chưa hợp làm hạnh, nay phát không kiến thì có ba hành như trước nói. Do không tạo ác không ngăn ngại, trên không thấy kinh, kính điển của Phật đáng tôn trọng, dưới không thấy đức gần gũi, tu tập theo pháp súc sinh, làm đoạn diệt pháp lành thế gian, xuất thế gian, hạng xiển-đề tuy ác mà còn có tâm thiện thương yêu, không kiến hoàn toàn không có, chỉ thuần ba phẩm ác, nghịch hại tổn thương hủy hoại tức cõi địa ngục, không hổ không thẹn là cõi súc sinh, san tham phá trai giới bất tịnh để tự nuôi sống tức là cõi ngạ quỷ, phá trai giới cho nên thường đói khát, bất tịnh cho nên ăn đồ dơ. Vì không làm lành: Giữ giới khổ hạnh, trang nghiêm bằng mười điều lành, ba nghiệp thuần thục, tức ba đường lành. Lại phát căn bản, tức cõi Sắc, lại nhân không sinh Thanh văn, nếu cho rằng không thì kỳ thật không biết Tứ đế trong không. Vì sao? Nếu chứng pháp tánh thì là không hay là tịnh, không kiến luống dối thì nương quả báo, quả báo là sắc ô nhiễm. Đại phẩm chép: Sắc hoặc thường hay vô thường v.v... đều nương nơi sắc, thọ nạp không là đúng, ngoài ra là sai, chấp không hình tượng dáng mạo khác với hữu, duyên không khởi ba hạnh, phân biệt không tâm hơn các pháp khác, đó gọi là năm ấm. Không trần đối ý tức là hai nhập. Lại thêm ý thức, tức là ba cõi, giới nhập ấm v.v... Tức là khổ đế, không kiến là sân xứ, ái xứ, mạn xứ, hữu kiến yếu đuối thì chiếm phá hữu pháp, lôi kéo lý đến với không, nghi không được khởi, nếu chiếm cứ không phá, lôi kéo không đến thì dần dần sinh nghi. Lại bây giờ tuy không nghi sau sẽ nghi lớn. Vì sao? Vì nếu không là lý thì lẽ ra bình đẳng với Thánh, đã không bình đẳng thì đâu được không nghi, sao lại chấp không chấp không là ngã, ngã thật chẳng phải không, không cũng chẳng phải ngã, nhân không sinh ngã, cho rằng ngã hành, ngã giải, ngã tán, hủy ngã, chấp đắm không biên này không thể xa lìa, cho rằng nhân không đạo, hy vọng thông đến Niết-bàn, thì lấy không làm giới, chẳng phải gà chó đồng, chẳng phải nhân chấp nhân, là nhân trộm giới thủ, chấp không là không

thật chẳng phải lý không, chẳng phải quả chấp quả, là quả trộm kiến thủ, không kiến thiên lệch tức là tà kiến, mười sử như vậy từ không mà sinh, dục khổ trở xuống đủ mười, tập trở xuống có bảy, trừ nhân kiến, biên kiến và giới thủ, đạo trở xuống có 8, trừ thân kiến và biên kiến, diệt trở xuống có bảy trừ thân kiến, biên kiến và giới thủ, đạo trở xuống có 8, trừ thân kiến và biên kiến, diệt trở xuống có bảy trừ thân kiến, biên kiến và giới thủ, hợp lại có ba mươi hai; cõi Sắc và vô sắc đều trừ 4, thêm sân mỗi cõi có 228, hợp ba cõi có tám mươi tám sử, đó gọi là tập đế. Tập mê khổ mà khởi khổ, do tập mà sinh, khổ tập lưu chuyển, Trường trảo không hiểu: lại có một con quỷ trên đầu lửa bốc cháy từ cõi phi tưởng đến, còn chưa tự thoát khỏi, đâu được đối với không chẳng biết khổ tập, nếu biết không kiến khổ tập, khổ tập đều nương vào sắc, tất cả sắc pháp gọi là thân, thân sắc ô uế, ô uế là bất tịnh, bậc trí phá ác ngược lại với tịnh, gọi là thân niệm xứ. Nếu thọ không kiến là thọ không thọ, thọ câu thứ hai, thuận với không tức lạc thọ, trái với không tức khổ thọ, không trái không thuận tức bất khổ bất lạc thọ, ba thọ tức ba khổ, chấp khổ là lạc đó gọi là điên đảo, nếu biết không lạc phá lạc điên đảo gọi là Niệm xứ. Không trần đối tâm mà sinh ý thức, tâm này sinh diệt luôn luôn lưu chuyển, có duyên nghĩ đến sinh, vô duyên nghĩ đến bất sinh, sinh diệt vô thường mà cho là thường tức là điên đảo, hiểu biết vô thường tức phá thường đảo, gọi là tâm niệm xứ. Chấp không hình tượng dáng mạo mà hành thiện ác, hành chấp ngã, nếu hành là ngã thì hành có tốt xấu, hành có hưng phế, ngã cũng như vậy, các hành vô lượng ngã, nếu biến khắp thì ngã cũng vô lượng, nếu không biến khắp thì một hành vô ngã, các hành cũng vô ngã, gượng chấp có ngã tức là điên đảo, nếu biết vô ngã thì phá trưởng thành, gọi là pháp niệm xứ. Nhưng các ấm thông chấp bốn đảo, đối với tưởng hành gượng chấp là ngã, đối với sắc gượng chấp là tịnh, đối với tâm gượng chấp là thường, đối với thọ gượng chấp là lạc, gọi là Biệt niệm xứ. Nếu tổng niệm xứ thì không phải như vậy, đó là không kiến sinh niệm xứ quán, siêng năng phá đảo quán thì thấy chánh cần, tâm trong định tu tập gọi là Như ý túc, năm gốc lành sinh gọi là căn, phá năm hoặc gọi là lực, an ổn đạo dụng gọi là bảy giác, an ổn đạo trung hành gọi là tám Chánh đạo, đó là không kiến năng sinh đạo đế. Vì bốn đảo đã trừ cho nên si diệt, si diệt nên ái diệt, ái diệt nên sân diệt, sân diệt cho nên biết Không chẳng phải đạo, hổ thẹn cuối đầu là mạn diệt, không còn sở chấp thì nghi diệt. Không kiến đã đầy đủ khổ tập, khổ tập chẳng phải rốt ráo không, tâm chấp không phá cho nên cầu ngã không thật có, ngã không được cho nên thân kiến phá. Thân kiến phá,

cho nên ngã kiến phá, ngã kiến phá cho nên biên kiến phá, không kiến chẳng phải đạo nên giới thủ phá, không chẳng phải Niết-bàn nên kiến thủ phá, không chẳng hợp lý nên tà kiến phá, mười sử phá cho nên tám mươi tám sử phá, tám mươi tám sử phá cho nên tử phược phá, tử phược phá cho nên năng phát Sơ quả, tiến thành vô học, quả phược phá, nhập Niết-bàn vô dư, đó là không kiến sinh diệt tế, tức pháp giới Thanh văn. Nếu đối với không kiến hiểu rõ Tứ đế thì biết chân đạo hết khổ, chân đạo hàng phục đoạn trừ được thành Thánh hiền, cho đến một trăm bốn mươi thứ kiến, đơn, phức, cụ túc, vô ngôn, v.v... các kiến, đều hiểu đạo chân thật, đối với các kiến năng động năng xuất, nếu không như vậy thì không thấy bốn chân đế, thế nên trôi lăn mãi trong biển khổ lớn sinh tử, nếu thấy được bốn Đế thì dứt đoạn sinh tử, cõi sinh đã hết, không còn thọ các hữu, tức là ý này.

Kế là nói không kiến sinh Bích-chi-phật: Không kiến chẳng phải không vọng gọi là không điên đảo phân biệt, đảo tức là vô minh, vô minh cho nên chấp trước Không kiến, nếu biết vô minh thì chỗ nào chấp trước, nếu biết vô minh không khởi thủ hữu, rốt ráo cho nên không tạo lỗi mới, không tạo lỗi mới nên không khởi thủ hữu, rốt ráo cho nên không khởi vô minh, nếu không có vô minh thì thành trí minh, cho nên có trí tuệ thì không có phiền não, không còn phiền não thì vô minh diệt, vô minh diệt thì các hành diệt, cho đến già chết diệt. Trung luận chép: Thế nào là nghĩa Thanh văn quán mười hai nhân duyên? Là nói sáu mươi hai kiến thường vô thường, hỏi đáp gần như không tương ưng. Nay chỉ đây là đáp các kiến thường, vô Thường-đều là vô minh, biết vô minh không khởi thủ hữu, tức là pháp Thanh văn quán trong mười hai nhân duyên. Kinh Pháp Hoa chép: Riêng ưa vắng lặng, cầu trí tuệ tự nhiên, đây là tuệ thiện tịch sáu mươi hai kiến. Lại quán sát-na không biến, đã đủ bốn Đế, tâm không kiến này là hữu hay là vô? Sát-na tâm khởi thì liền đủ năm ấm, vì sao nói vô? Đây tức là chi hữu, Hữu tức bao gồm quả, cũng là nghĩ trong nhân có quả. Nếu chủ trương không quả: chi Hữu có nhân, nghĩa nhân đầy đủ, Hữu từ đâu sinh! Nếu không chấp thì Hữu không sinh, chấp tức năm kiến, chấp không là biên, đối với Không chấp là ngã, gọi Không là Đạo, là Niết-bàn, là chánh, đó là chi Thủ. Thủ từ ái sinh, ái hỷ trái với sân, mạn kia si đây, đó gọi là chi ái, ái do thọ mà sinh, vì thọ cho nên ái khởi, như thọ một pháp ái vị tìm cầu, biết thọ nhân xúc do có ý căn, không trần được xúc. Kinh chép: Xúc nhân duyên cho nên sinh các thọ, xúc do nơi nhập, trần xúc các căn cho nên đắc nhập, nhập do danh sắc ca-la-la ba việc, danh sắc có năm bào,

mạng có khả năng giữ gìn nối nhau, thức được gọi là bốn ấm. Lại ba việc danh sắc, do ban đầu gá thai thức, thức do nghiệp đã qua, nghiệp do vô minh, vô minh là quá khứ điên đảo, cho là hữu, cho là vô tất cả các kiến, cho nên có công năng thành tựu sắc thân đời nay. Kinh chép: Hạt giống thức, ruộng nghiệp, nước ái, vô minh che lấp sinh mầm móng danh sắc, nay lại điên đảo, mê lầm không biến, khởi việc làm thiện ác, gieo trồng danh sắc ở đời vị lai, điên đảo lại điên đảo, vô minh lại vô minh, lại tướng nhân duyên không có cùng tận. Nếu biết vô minh điên đảo thì không cần suy tìm giới hạn hoặc có hoặc không, thấu đạt thể tánh kia vốn tự không thật, do vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà có, đã biết điên đảo vô minh liền ngừng dứt, ngừng dứt cho nên các hành già chết đều ngừng dứt. Không kiến vô minh già chết đều ngừng dứt, vì ngừng dứt cho nên phá hai mươi lăm hữu, trừ bỏ tập khí, đó gọi là không kiến sinh pháp giới Bích-chi-phật. Nếu đối với không kiến biết là vô minh, vô minh có thể diệt, nếu không biết thì còn chẳng ra ngoài không kiến, vì kiến gây tạo nghiệp như tằm làm kén, đâu được thành Bích-chi-phật ư? Thiền sư Tỷ Cách khởi phát được không kiến, thường bị rơi vào lưới, không thể tự thoát ta được, Pháp sư tán tâm tuy phân biệt các sử nhưng cũng không tự biệt lỗi lầm không kiến, ám chứng gồm rùa cho dại cắn, tự hành hóa tha hoàn toàn không có đạo khí. Không kiến sinh pháp Sáu Độ Bồ-tát, đã biết không kiến đế duyên, tức là biết bệnh biết thuốc, biết thuốc cho nên tự mừng vui, biết bệnh cho nên thương người, muốn cùng chúng sinh lìa khổ cầu vui, không kiến ấm giới là khổ, mười sử v.v... là tập, niệm xứ v.v... là đạo, bốn đảo phá là diệt, y cứ vào đây khởi thệ, như một không kiến một ngày một đêm, gồm sinh bao nhiêu trăm ngàn ức ấm, mỗi năm ấm tức là chúng sinh, ngày đêm đã vậy, huống chi một đời, huống chi vô lượng đời, không kiến đã vậy, các kiến khác cũng vậy, kiến chấp năng sinh đã nhiều, ấm sở sinh cũng không thể kể số, một người còn vậy huống chi nhiều người, đó là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Như một không kiến, niệm niệm tám mươi tám sử, ngoài ra ba kiến, sáu mươi hai kiến v.v... cũng tám mươi tám sử, một người còn vậy huống chi nhiều người, đó gọi là phiền não vô lượng thệ nguyện đoạn. Như một không kiến tu niệm xứ đạo phẩm, tất cả kiến chánh trợ đạo khác nhiều vô lượng vô biên, một người còn vậy, nhiều người cũng vậy, đó là pháp môn vô tận thệ nguyện tri. Như một không kiến phiền não diệt, vô lượng kiến vô lượng phiền não cũng diệt, một người đã vậy nhiều người cũng vậy, đó gọi là vô lượng Phật đạo thệ nguyện thành, nếu chúng sinh khổ tập là tánh thật thì không thể độ, vì

khổ tập từ nhân duyên sinh không có tự tánh, biển khổ có thể khô, nguồn tập dễ cạn, cho nên nói độ. Quán không khởi nguyện như trên nói, y cứ vào không mà khởi hạnh: Nếu chấp không kiến mà thực hành bố thí thì chính là ma thí, biết không kiến đế, duyên vô thường, vỗ ngã các lỗi thì xả bỏ không kiến, cũng thương xót người khác, khuyên xả thông kiến mà thực hành bố thí. Nếu chấp không kiến mà giữ giới thì đâu có khác gì với giữ giới gà giới chó v.v..., biết không kiến vô thường các lỗi, chẳng bị không kiến làm tổn thương, thương xót đối với người, khiến đề phòng không kiến; nếu chấp không kiến là sân xứ, ái xứ mà gượng thực hành nhẫn, do không đủ sức vì sợ người khác cho nên nhẫn, nay biết không kiến có vô lượng lỗi lầm năng hàng phục không kiến và sáu mươi hai kiến, cũng khuyên người khác an nhẫn không kiến; nếu không dứt bỏ không kiến mà tinh tấn, tạp kiến chẳng chuyên tinh, thối nhập trong ba đường chẳng tiến, nay biết không kiến, không kiến chẳng phải làm tinh, nghiệp không kiến phá mà được thăng lên gọi là tiến, cũng khuyên người khác tu tinh tấn này. Nếu không phá không kiến mà đắc thiền thì phần nhiều là pháp quỷ, nay biết lỗi không, không bị không kiến làm xao động, thành chánh thiền, chánh thông, không bị dua nịnh làm kiêu căng, dùng thần thông này khuyến hóa chúng sinh, khiến bỏ kiến tán nhập thiền. Nếu chấp không kiến mà tu trí tuệ thì đó là thế trí ngu si, nay hiểu không kiến đế duyên, dùng chó vô thường sợ dê không kiến, tiêu diệt mỡ phiền não, rộng khởi nguyện hạnh, thân công đức mập mạp thương xót chúng sinh, dạy bỏ mỡ, nuôi lớn thịt, nếu có duyên, căn cơ thuần thục thì ngồi đạo tràng đoạn kiết thành Phật, đó gọi là không kiến sinh sáu Độ pháp giới. Quán không kiến tức là vô minh, vô minh tức không, từ vô minh sinh tất cả khổ tập đều không thật có. Vì sao? Vì bốn đảo là chấp ngang đâu có tánh thật, điên đảo bị trị chẳng có, niệm xứ năng trị làm sao thật có? Cho đến giác đạo thảy đều bất sinh, cho nên không thật có. Đại phẩm chép: Thói quen nên khổ không v.v... Hàng Nhị thừa biết tức không, dứt khổ nhập diệt, bồ-tát tức không, từ bi nguyện hạnh thệ độ chúng sinh, tuy độ chúng sinh như độ hư không, tuy dứt phiền não như đấu tranh với hư không, tuy sinh pháp môn như hư không sinh, tuy diệt chúng sinh thật không có chúng sinh được diệt độ, là trí là đoạn là Bồ-đề Vô sinh pháp nhẫn, đó là không kiến sinh pháp giới của Bồ-tát. Thông giáo quán không này có vô lượng tướng, đó là Tứ đế phân biệt so sánh không thể cùng tận, vô tận này từ không kiến mà sinh, không kiến từ vô minh sinh, sở sinh vô lượng, năng sinh cũng vô lượng, năng sinh đã giả danh, sở sinh cũng là giả danh, suy tìm vô

minh này từ pháp tánh sinh, thí như tìm mộng biết là do ngủ. Quán không kiến này mà biết thật tướng, thật tướng tức Như Lai tạng, vô lượng khách trần che lấp tạng ký này, tu hàng sa pháp môn để hiển bày tánh thanh tịnh, đó gọi là không kiến sinh pháp biệt giáo. Không kiến sinh pháp Viên giáo như trước như sau.

Lại nữa, kiến hoặc rộng lớn mênh mông như bốn mươi dặm nước, tư hoặc còn sót lại trạng thái như một giọt nước, các phương tiện trước cùng trị kiến hoặc, hoặc hết gọi là nhập lưu, nhậm vận không còn lui sụt, kiến hoặc khó dứt phải khéo dùng phương tiện. Thành Luận chép: Dùng không trị hoặc, nếu không mà trị thì được nhập, không đợi các pháp khác, nếu không nhập thì còn lập ra trị làm gì? Như trong nước sinh lửa thì nước không thể diệt, không biến khởi lỗi thì không làm sao trị được? Nay biết không kiến là bệnh khổ tập, sau dùng đế trí để trị, Tam tạng vô thường trí, thông gia tức không trí, đều trước trừ kiến, biệt cũng trước trừ kiến nhập không. Kế là khéo léo xuất giả như trồng cây giữa hư không. Viên tuy không tác ý trừ kiến, kiến tự trừ nước, trừ kiến vững chắc các thứ mới trị, vì sao nói thẳng chỉ dùng không mà trị? Vì sao có các trị, cộng trị, một kiến, như bệnh lạnh uống bốn thứ thuốc, người uống hoàng quế trừ bệnh lại sức, người uống ngũ thạch bệnh trừ, thêm sắc, uống càng lâu càng thêm tuổi thọ, có thể bay được, uống kim đơn thành bậc đại tiên, bệnh đồng một thứ, thuốc pháp là khác, tăng sức cũng khác. Bốn giáo trị kiến, kiến hết giải sai khác, trị kiến đã vậy trị các thứ khác cũng vậy. Bốn cách trị này tức bốn Niệm xứ, trong kinh Di giáo Phật dạy nương bốn Niệm xứ tu đạo được ra khỏi nhà lửa. Vì sao? Một tâm không kiến tức ba cõi, ba cõi không có pháp riêng, chỉ là một tâm tạo tác, không kiến sinh nghiệp sáu đường, thọ thân sáu đường, trong sáu đường, xứ tức nhà lửa, thân ở tức khổ cụ, nghiệp tức quỷ thần, tranh nhau lựa chọn ba xe, tự vận chuyển mới được ra khỏi, ba xe tức ba thừa niệm xứ trong tam tạng giáo, cũng ba người trong Thông, cùng một niệm xứ, lại là ba niệm xứ trong biệt phương tiện, chân thật một thứ niệm. Lại, viên một thật niệm xứ, lược nói chín thứ bốn Niệm xứ, trong nói chín thứ đạo phẩm, quảng nói chín thứ bốn Đế, các niệm xứ ấy đều có công năng ra khỏi nhà lửa, ý nghĩa Di chúc của Phật là ở đây. Nhưng Đức Phật Thích-ca khi mới ra đời trước nêu bày ba người đều dùng bốn Niệm xứ, đây là dụ cho xe trâu, xe dê, xe hươu ra khỏi nhà lửa trong Kinh Pháp Hoa.

Kế đến nói ba người đồng tu một niệm xứ, đây như Đại phẩm nói từ ba cõi vượt ra đến trụ trong biển Tát-bà-nhã, cũng như kinh Đại tập

nói hàng Tam thừa đồng dùng vô ngôn nói đạo, dứt bỏ phiền não. Kế đến nói Bồ-tát tu thứ lớp niệm xứ, đây như Đại phẩm bất cộng Bát-nhã, các niệm xứ nương biệt mà chưa hợp, sau đó nói tất cả tiểu đại đồng một niệm xứ, đây là như Pháp Hoa đồng ngồi xe lớn thẳng đến đạo tràng. Y cứ vào không kiến này nói các hoặc, nói các pháp trị và không trái với các kinh luận, trong một hạt bụi có quyển kinh lớn như cõi Đại Thiên tức là ý này. Kế là nói cảnh bất tư nghị: Nhất niệm không kiến đủ mười pháp giới, tức là pháp tánh, pháp tánh chẳng phải vật xa, tức là tâm kiến không này. Kinh Tịnh Danh chép: Sự giải thoát của các Đức Phật nên tìm trong tâm hành của chúng sinh, nên tìm trong sáu mươi hai kiến. Ba pháp không khác cho nên xoay vần chỉ cho nhau, tất cả chúng sinh tức là Bồ-đề, không còn đắc nữa, tức Viên Tịnh giải thoát, năm ấm tức là Niết-bàn không còn diệt nữa, tức phương tiện tịnh giải thoát, chúng sinh như tức Phật như, là tánh tịnh giải thoát, Phật giải thoát tức là năm thứ Niết-bàn sắc giải thoát v.v..., tâm không kiến tức là ô uế năm ấm, năm ấm tức có chúng sinh, chúng sinh tức có năm ấm, danh sắc chúng sinh lại trói buộc lẫn nhau, không được lìa nhau. Quán năm ấm này tức là Niết-bàn, không còn diệt nữa, vốn không trói buộc tức là giải thoát, vốn có giải thoát thâu nhiếp tất cả pháp, cho nên nói giải thoát tìm ngay trong tâm. Lại quán kiến tâm năm ấm tức là Phật tánh, bèn không còn kiến tâm năm ấm, nhân diệt là sắc thâu hoạch được thường sắc v.v... pháp tánh ngũ ấm, do diệt sắc này mà được pháp tánh năm ấm như thường sắc v.v... Nhờ diệt chúng sinh mà được thường trú pháp tánh chúng sinh, một sắc là tất cả sắc, một thức là tất cả thức, một chúng sinh là tất cả chúng sinh, không ngăn ngại nhau, như gương sạch hiện các hình ảnh, đó gọi là tánh tịnh, ba thứ giải thoát không được lìa nhau, không ngang không dọc, không thể suy nghĩ bàn luận, viên mãn đầy đủ tìm trong không kiến, đó gọi cảnh bất khả tư nghị. Cảnh này vô minh pháp tánh đầy đủ rõ ràng, thương mình bi hôn trầm nay mới hiểu biết, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, đã là pháp tánh đâu không khởi từ, đã là vô minh đâu không khởi bi. Quán không kiến này bổn tánh vắng lặng, thanh tịnh như hư không, khéo léo yên tâm nghiên cứu hai pháp này, kiến ấm kiến giả bốn câu bất sinh, đơn phức các câu, mỗi câu có khổ tập vô minh ngăn che, mỗi câu có đạo diệt v.v... Thông. Quán không kiến một ấm là tất cả ấm, ba đế bất động thì hiểu rõ Pháp thân, quán bất động ấm chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh v.v... song thọ Niết-bàn cũng là đạo tràng, quán ấy gọi Bát-nhã, tám đảo phá gọi là giải thoát, đối nhất niệm xứ khởi tất cả niệm xứ, đều phục chúng sinh,

ba pháp như vậy chẳng nhân chẳng quả, chẳng nhân mà nhân, niệm xứ là đạo tràng, chẳng quả mà quả, giữa song thọ mà nhập Niết-bàn, đối với không kiến bất động mà tu ba mươi bảy phẩm bất tư nghị, như vậy phá khắp không đắc không kiến, gọi là không Tam-muội, chẳng thấy tướng không gọi là vô tướng Tam-muội, Tam-muội này không từ chân duyên mà sinh gọi là vô tác Tam-muội. Nếu không nhập thì phát đại thệ nguyện, trong xả chấp kiến, ngoài bỏ mạng tài, không kiến trái lý, giới không thanh tịnh, thệ khiến không kiến không phạm Pháp thân, giữ gìn bảy chi không quấy nhiễu loài hàm thức, nếu trong không biến náo động thì nhẫn không thành, nay thệ khổ đến an tâm không kiến, như cầu trên đất, trên biển, gom hết ngã thân tâm trọn không động. Nếu không kiến xen lẫn, thệ thuần nhất chuyên tinh, niệm niệm lưu nhập, lại không kiến nhiễu động không thể an nhất, chí thành sám hối dứt các phan duyên. Nhất thiết chủng trí không khai mở, vô minh chưa phá, thệ quán không kiến, pháp tánh hiện tiền, cương quyết-mạnh mẽ, không chứng thì không nghĩ, đối trị như vậy giúp mở cửa Niết-bàn, hiểu sâu vị thứ không xen lẫn thượng địa, phong trần trong ngoài không thể phá hoại, thuận đạo thì pháp ái không sinh, cho nên không đảnh đọa, tâm tâm vắng lặng nhập biển Tát-bà-nhã, ngồi một xe lớn dạo chơi khắp bốn phương, đến thẳng đạo tràng thành Đẳng chánh giác, ngoài ra như trên nói.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 167

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

SỐ 1912
(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1912

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

Sa-môn Tram Nhiên Tỳ Lăng đời Đường soạn.

QUYỂN 1
(PHẦN 1)

LỜI TỰA

Có người hỏi: Vì nhân duyên gì mà vội biết soạn bộ sách này? Đáp: Do việc bất đắc dĩ. Nói duyên khởi này gồm có mười ý: Một là vì có người Sư thừa mà chẳng hết lòng với thầy lại trái ý thầy; Hai là vì có người từng sự thừa mà bỏ căn bản để theo cái chưa thấy; Ba là vì đời sau xoay vần tùy sanh hiểu khác, làm mất chỗ nương tựa căn bản; Bốn là vì tin tông tu tập tốt, phương khác không có sư để có thể vâng theo; Năm là vì nghĩa quán đều tu tập tốt dựa vào giáo, hạnh giải đều đầy đủ; Sáu là vì điểm bày quan tiết rộng lược sanh khởi cùng tận văn tông yếu; Bảy là vì kiến lập sư giải chẳng để đọa lạc lợi ích cho đời sau; Tám là vì giúp quán giải để phòng ngừa lầm lẫn mà dễ tìm xét; Chín là vì trình bày chỗ hiểu e có chỗ quên mà cầu cắt bỏ; Mười là thuận theo Phật chỉ vận tâm đại bi làm lợi tha.

Một bộ sách này trước sau ba bản: Bản thứ nhất có hai mươi quyển, bản thứ hai có mười quyển đầu đều đề tên là viên đốn, ấy là khác với thiên tiểu và bất định. Bản thứ hai thì đầu văn là nêu thiết nghĩ. Bản thứ ba đề và ý có chút khác nhau, sẽ nói đủ ở giải thích sau.

Đầu tiên nói chỉ quán minh tịnh, đây là theo bản thứ ba. Người

thời ấy truyền nhau phần nhiều cho rằng bản thứ ba là bản lược, cho bản thứ hai là bản rộng. Một khi xem qua thì giống như có rộng và lược. Như tìm kiếm đầu cuối thì số trang đều bằng nhau, phải coi bản thứ ba bản tái trị chẳng nên cho là lược. Từng ở người nghe thiếu thưa hỏi chỗ nghe nên cùng tìm kinh luận mà suy nghĩ tìm chọn thêm, để không đoán mò mà soạn lầm.

Theo tiêu chuẩn giải Thích kinh luận đều chia làm ba phần. Nay văn chánh thuyết còn chưa trọn, tin không có phần thứ ba lưu thông là rõ ràng thôi. Chỉ có trước khai chương Ngài Chương An soạn lời tựa có thể làm phần tựa, từ khai chương trở đi là phần chánh thuyết. Xưa, bản thứ hai đem tựa chánh thuyết hợp lại thành mười chương. Cho nên đầu văn nói "thiết nghĩ" thuật nghe cộng thành mười ý. Nói "thiết nghĩ", là riêng tôi thầm khởi nghĩ. Tựa có năm ý: một là thương lược, hai là tổ thừa, ba là nói về sai, bốn là dẫn chứng, năm là bày xứ. Nói thuật nghe, nghĩa là ghi chép các điều đã nghe. Chánh thuyết cũng có năm ý: Một là khai chương, hai là sanh khởi, ba là phân biệt, bốn là phân biệt, năm là giải thích. Vì đem chỗ nghe của mình và lời tựa hợp thành mười đoạn, ý vẫn chưa ổn, cho nên tự định mất thứ lớp này, chỉ thành tựa vào chánh thuyết. Lại ở trong tựa chỉ phát khởi mà không có qui kính cho nên biết đây là do sự thuật ghi mà thôi. Nếu căn cứ văn Chánh thuyết của Đại sư thì nghĩa chia ra ba đoạn, tức là sáu chương trước dùng làm phần tựa, chánh quán và quả báo xem là chánh tông. Khởi giáo hóa tha là phần lưu thông, chỉ qui là thôi hóa qui tịch, không phải ba sở nhiếp nghĩa dường như lưu thông. Trong sớ y cứ hạnh còn đối ba học chia làm ba phần. Nay cũng lệ nghĩa ấy mà khai ra ba có gì mà chẳng được? Nay lại y hai đoạn trước làm chánh. Ở trong tựa đầu tiên thêm lời tựa về văn, thời, xứ v.v... các thứ xem là tựa chung, coi Tổ thừa nhân-pháp v.v... các việc là tựa riêng. Tức là tái trị định chánh ý. Chẳng được lại dùng năm thứ Thương lược, v.v... xem là thứ lớp mà phân văn tái trị, thời, xứ v.v.... Cho nên tái trị định trở về Thương lược cũ xem là viên chứng. Cho nên dưới dùng văn Thương lược này nói rằng nay y kinh lại nói viên đốn. Nói y kinh, chánh phải dẫn chứng chứng viên đốn xong. Thỉnh chứng hai thứ kia. Tức là đặt câu hỏi rằng: các Tam-muội khác nguyện nghe thành chứng. Trong bản thứ hai, thiếu câu hỏi này cho nên bản thứ hai văn Thương lược chép: lược dẫn kinh Phật thô bày ý viên. Cho nên biết tên Thương lược chẳng khác dẫn chứng. Cho nên tái trị định mất Thương lược trở về là dẫn chứng. Nếu đem các tên Thương lược v.v... ở bản trước mà thứ lớp đối trị định bản văn thì khiến chỉ. Quán Minh Tịnh

các văn liền là đồ thiết, huống chi đem Thương lược để đối "Tổ thừa" là rất chưa thể được. Cho nên phải bỏ thứ lớp chương cũ. Nay tái (lại) trị định thêm tựa chung, là muốn kết tập theo loại truyền thuật lại năm thứ: Pháp thể sở văn, cho nên chẳng đồng với Thương lược cũ ở đầu. Đã thuật mới cũ, có không thứ lớp do đó đổi tên gọi là Ma-ha, là có hai nghĩa: một là đối tục huynh người anh ruột tên Trần châm mà soạn ra tiểu chỉ quán; Hai là giữ nguyên âm tiếng Phạn vì nghĩa phong phú kiêm hàm, cho nên Đại luận chép: Nói Ma-ha là gọi chung ba nghĩa: Đại đa thắng (lớn nhiều hơn) y sở bốn giáo giải thích Tỳ-kheo vị thì chẳng phải ý này. Dùng ba tên này để giải thích viên tam quán chánh là nêu y chỉ. Đại (lớn) là nghĩa không, đa (nhiều) là nghĩa giả, thắng (hơn) là nghĩa trung. Cho nên đổi tên gọi theo kiêm hàm để chỉ trọn bộ nhất tâm tam quán. Nếu thế có gì khác so với viên đốn đổi từ Ma-ha? Đáp: Tên viên đốn tuy khác thiên tiệm nhưng chỉ chung cả ba, cho nên đổi tên cõi này chỉ đơn lẻ mà dùng vốn tiếng Phạn có nhiều nghĩa. Vì thế phải biết hai chữ chỉ quán đều là Ma-ha, tức là nhất tâm tam chỉ tam quán là chỉ quán. Cho nên biết nắm chung một bộ để làm tên sách. Đầu tiên từ đại ý, sau ở chỉ qui đều là chỉ quán của Ma-ha. Cho nên tên đề là chung mười chương là riêng, trong mười chương thì đại ý là chung, tám thứ kia là riêng, cho nên biết chung riêng tự hành , nhân quả hóa tha năng sở đều là Ma-ha Diệu định tuệ.

Vì sao trong giải thích chung phát tâm tu hành nhân tự hành. Kế xé rách lưới lớn là có khả năng hóa tha. Đã có năng hóa thì có sở bị. Văn lược nêu năng để nhiếp sở. Việc năng sở đã xong mà đồng nhập chỉ qui. Trong giải thích riêng, bắt đầu từ giải thích tên, cuối đến chánh quán nhân tự hành. Kế chương quả báo là quả tự hành . Chương khởi giáo là khả năng hóa tha. Nghĩa sở bị là chỗ hóa tha. Ba chương lớn sau văn thiếu nghĩa lược mà ý đồng với ba thứ sau ở trong phần tổng trước. Cho nên văn sau lược qua chẳng nói. Tựa đầu chia làm hai, trong tựa chung tuy giống mà trong tập kinh thông có năm việc. Đã là ghi riêng cho nên thiếu đồng nghe, trong đó có sáu. Bốn chữ đầu nói "Chỉ quán minh tĩnh" sở văn thể (thuật cái được nghe). Hai chữ chỉ quán là bày văn thể (thể được nghe), hai chữ minh tịnh là thán thể đức. Nghĩa là thể chỉ là tĩnh, thể quán là minh. Trước sau mười chương, mười pháp chánh quán đều là thể chỉ quán đều là minh tịnh, là chỉ chung một bộ để làm sở văn (những điều được nghe). Như kinh Pháp Hoa nói Bổn môn Tích môn đều là thể pháp mầu gồm chân thật. Đời trước chưa từng nghe là người hay nghe. Trở lại dùng tha vãng để hiển thành, tôi nghe

thuật mình kiêm người khác nói hiện và vãng. Cho nên nói đời trước sau có thể nghe. Nói đời tuy có nghĩa là ba mươi năm, nay dùng đời lại có nghĩa đời khác. Đời khác hoằng pháp đời đời đều có nên nói là đời. Từ thời vua Hán Minh Đế nằm mộng, cho đến đời Trần, các tác phẩm ở đương đời thịnh hành đầy mắt. Dự vào chốn thiền môn y bát truyền trao thì nghe đầy tai, đâu có ai chẳng nghe hai chữ chỉ quán. Chỉ vì chưa nghe, như Ngài Thiên Thai nói bộ này định tuệ đều kiêm mỹ, nghĩa quán song minh mà nhiếp một đời giáo môn, nắm gọn ý kinh Pháp Hoa thành mười thừa mười cảnh không thể nghĩ bàn, dứt đối đãi, dứt hết diệt, thành hạnh tịch chiếu. Đời trước chưa nghe lời này. Cho nên Ngài Nam Sơn khen rằng chỉ Hành Nhạc Thai Nhai song hoằng hóa thiền tuệ lẽ nào Nam Sơn nịnh hót khen dối sao?.

Hai chữ Trí Giả gọi là vương đạo. Đây là do khi mới sanh có điềm lành mà đặt tên. Pháp danh là Trí Khải, Khải Tĩnh tức xuất gia rồi thầy đặt hiệu, theo đức mà đặt tên nên dùng nghĩa Tĩnh. Sau trao giới phẩm Bồ-tát cho Tấn Vương (là Tùy Văn Đế) đặt pháp hiệu cho vua là Đại vương hướng dẫn từng bước các đều thánh cấm gọi tên là Tổng Trì. Vua nói: Sư truyền đèn Phật pháp nên gọi là Trí Giả. Nay đều cho Trí Giả là người nói giáo đời Tùy. Các kinh phần nhiều gọi chung "nhất thời", tức gọi chung dài ngắn, nhiếp cả tinh thô, nay chỉ một bộ nên chỉ riêng đời Tùy. Nhà Tùy được nhà Chu nhường ngôi cho họ Dương, người ở Hoằng nông, Hoa âm. Trước theo Chu Thái Tổ khởi nghĩa ở Quan Tây, làm đến chức Đại Tư không, phong hiệu là Tùy Quốc công, húy là Kiên, sau lên ngôi đại hiệu là Tùy Quốc (nhà Tùy). Lập niên hiệu là Khai Hoàng, hoàng là lớn. Nhĩ Nhã nói hoàng là uông chánh, là tột, là lớn. Kinh Châu là nói chỗ. Chùa Ngọc Tuyền, đầu đời Lương niên hiệu Thái Bình năm thứ hai Ngụy Chúa cho xây nhà Văn Thái, phá hai muôn quân Lương Nguyên Đế. Lúc đó Sư mới mười tám tuổi, đến chùa Quả nguyện ở Dương Châu, nương người cậu họ Hồ mà xuất gia. Đến niên hiệu Thái Bình thứ ba đời Trần, thì hai mươi tuổi bèn thọ giới cụ túc, nương Luật sư Tuệ Khoáng mà học thông luật tạng. Đến niên hiệu Càn Minh thứ nhất đời Trần, Sư mới vào Quang châu, nương Thiền Tư sư học pháp thiền. Lúc đó Sư hai mươi ba tuổi. Đến niên hiệu Quang Thái thứ nhất đời Trần, giả từ thầy mà vào đất Nghiệp, tuổi đã ba mươi, đến niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy đời Trần. Sư mới đến Thiên thai. Lúc đó đã ba mươi tám tuổi, đến niên hiệu Thái Kiến thứ chín, vua sai xây chùa Tu thiền, đến niên hiệu Thái Kiến thứ mười ba thì vua mời Sư đến đất Nghiệp. Đến Trịnh Minh năm thứ ba tức là niên

hiệu Khai Hoàng thứ mười một đời Tùy, Tuyền Hình xây chùa để trả ơn đất, trước tên là Nhất Âm, sau đổi thành Ngọc Tuyền, mầu suối như ngọc do đó đặt tên. Chùa ở Tây trúc gọi là Tăng-già-lam. Trung Hoa gọi là chúng viên, cũng gọi chung là Tinh xá. Xứ này tục gọi nhà của quan Cửu ty là chùa, nghĩa là chỗ có pháp độ. Cho nên lấy tên Pháp độ mà gọi Tịnh xá. Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bốn, lúc đó Sư năm mươi bảy tuổi trụ ở Ngọc Tuyền mà giảng chỉ quán, kế lại nói về phân tề giới hạn. Trước nói giới hạn về thời gian một hạ là nêu chung từ đầu đến cuối thời hạn định khuyên tu, nói pháp khen ngợi nên gọi là phu dương, hai thời là sớm chiều. Từ chú, tức là từ tâm nói như mưa lớn. Nếu dùng hai duyên sanh pháp nói thì có cùng. Dùng tâm vô duyên từ không nương tựa mặc sức nhạo thuyết biện, cho nên nói không cùng, vị ở năm phẩm, chính là quán hạnh vô duyên từ. Chú là như Đại luận quyển năm phê bình bốn pháp sư nói kệ rằng: Học rộng biện tuệ lời khéo léo, nói hay các pháp chuyển lòng người, tự không đúng pháp hạnh bất chánh. Ví như mây sấm mà không mưa, học rộng nghe nhiều có trí tuệ ấp úng vụng nói chẳng khéo léo, chẳng thể hiển phát kho pháp báu. Ví như không sấm mà mưa nhỏ, chẳng rộng học hỏi không trí tuệ, chẳng thể nói pháp chẳng làm tốt, là Tệ Pháp sư không hổ thẹn, ví như mây nhỏ chẳng sấm mưa. Nghe nhiều trí rộng lời khéo léo, nói giỏi các pháp chuyển tâm người, hành pháp tâm chánh không sợ sệt, như mây lớn sấm sét và mưa to như đại vân lôi chú hồng vũ. Ý kệ lấy nghe nhiều làm mây, nói pháp như sấm, từ hạnh như mưa. Đại sư có đủ ba thứ, tức Pháp sư thứ lớp, tuy lạc thuyết chẳng cùng, luận có bốn, nghĩa là nghĩa pháp từ lạc thuyết, nghĩa là hiển rõ nghĩa các pháp, pháp là nói danh tự của pháp. Từ là lời lẽ nói pháp. Tuy có ba thứ này nhưng phải lạc thuyết ba thứ trước. Nghĩa là đối với một pháp nói tất cả pháp, ở trong một chữ nói tất cả chữ, ở trong một lời nói tất cả lời, đều vào thật tướng mà không sai lầm, cho nên biết đều là năng lực lạc thuyết. Tuy là lời bất tận cũng là lời giúp, tuy là chẳng cùng hạ trọn bảo dứt. Mới đến thấy cảnh bánh xe pháp thường xoay, mới là siêng được, cẩn tất cả cảnh khi ép hạ hết. Tuy thiếu các văn kia nhưng hạnh môn không cần thiết. Trong lược đã nói đầy đủ, biểu thị hẹn tâm. Tức đại chương thứ bảy khai thành mười cảnh đến cảnh thứ bảy kia chẳng nói lại. Ba đại chương sau và ba cảnh kia mượn duyên chẳng trọn. Cho nên trong truyện chép: quán đảnh ghi riêng chỉ quán mười quyển, mới mong nghe lại hết đầu đuôi. Hiểu Trí Giả Niết-bàn không chỗ kính ngưỡng. Các văn khác tuy lược nhưng y theo trên thì có thể hiểu.

Tăng-thượng-mạn là như Thiền Cảnh chép: Không chỗ biết người được đây gọi là Vô sanh nhẫn. Tỳ-kheo Bốn thiền gọi là bốn quả, khởi dứt thấy chuột gặm chim không. Như các văn đó tướng nói chẳng phải một. Hai cảnh sau chỉ là hai giáo Nhị thừa, ba giáo Bồ-tát, đủ tại thể tướng, nhiếp pháp Thiên viên, v.v... các văn, và trong các cảnh bên trong có thể nghĩ bàn. Ba đại chương sau cũng y cứ theo ba lược sau của năm lược. Văn đó tuy thiếu nhưng nghĩa đã đủ. Cho nên mượn cuối hạ để làm thiếu duyên. Tín hạnh Viên thừa ở đây hết nói năng, nên nói bánh xe pháp ngừng chuyển. Bị hạnh lược các thứ còn lại đều không nói. Cho nên nói phần sau chẳng nói. Nhưng ấp lưu tìm nguồn là lời tựa riêng. Trước nói chung là nghĩa chung mà văn riêng. Nói riêng chỉ quán Minh tĩnh v.v..., Nay tựa riêng, là ý riêng mà tồn chung. Bởi chung nói hai mươi ba Sư, v.v... cho nên tuy chung riêng khác nhau mà cũng chẳng ngoài Sư tư nhân pháp thầy trò người pháp. Cho nên trong lời tựa chung chỉ quán chỉ là pháp sở đắc nghe văn sở đắc nói thuyết của thầy trò, kế nêu người năng nghe, năng nói. Kế là nói văn thuyết hoặc thời hoặc xứ. Cho nên nêu pháp sở đắc, nghe văn ty chung như hương (thơm) như lưu (tuôn dòng), sai biết đại giác như cội như nguồn. Lại riêng đây tuy chẳng khác bộ có thể xem là thầy trò nối nhau ba bộ khác nhau đốn đối với hai thứ kia nên gọi là riêng. Lại chỗ nối (thừa) này cùng các thầy khác cũng gọi là riêng. Trong đó trước nói Tổ thừa trao pháp vẫn tiệm. Nếu trước chẳng chỉ Như lai Đại thánh thì không nhờ đầu mà nêu hai mươi ba vị tổ. Nếu chẳng nêu hai mươi ba vị tổ thì không do đâu mà chỉ Sư thứ mười ba. Nếu chẳng chỉ Sư thứ mười ba thì không nhờ đâu mà tin ở Hành nhai Thai Nhạc. Nên trước ví lý do như tìm nguồn tìm gốc. Nay chỉ quán hưng đời tượng mạt như lưu như hương. Kim khẩu Phạm âm như gốc như nguồn. Ấp là châm chước. Thi chép: chỉ ở phương Bắc có Bắc Đẩu nên không thể rót rượu. Rót rượu phải biết chén đầy, biết thơm phải tìm xét nguồn cội, cho nên Đại kinh chép: nghe mùi hương thì biết đất ấy phải có thuốc, thuốc ấy chân vị dừng tại núi cũng như trăng đầy tùy lưu xứ mà có các thứ tên chân vị là thật lý, các tên Mạt giáo trăng đầy ví như thật lý. Ở núi ví như lý tại âm, Như lai y lý tùy cơ mà đặt tên. Tượng các tên là Mạt bốn y hoằng tuyền Phật hóa, thọ giáo hóa bẩm phải tìm xét nguồn cội. Nếu mê nguồn cội thì tăng thượng mạn mà chứng chân. Nếu hương lưu mất hết thì tà thuyết lẫn lộn Đại thừa. Do đó mà biết Thai Hành Tuệ Văn là Tổ sau tổ Long thọ. Hai mươi ba Tổ nối gót ở Kiên Lâm thật có lý do đáng tin. Luận chép: chỉ thứ hương giả là muốn nói trao pháp. Phiếm dẫn giáo nghiệm có Sư không Sư. Nói

không Sư là như Đại luận quyển hai nói, ta giữ chí vô Sư một mình không các bạn, chứa nhất hạnh được Phật tự thiên thông đạo ấy. Kinh Tăng nhất A-hàm quyển mười lăm chép: năm người A-nhã v.v... hỏi thầy Phật là ai? Phật đáp: Ta không có thầy, cũng không có bạn, một mình chẳng ai hơn, lạnh mà không ấm. Văn của luật cũng đồng như thế. Kinh Na-tiện chép: Phật không thầy thành đạo tự ngộ tất cả pháp. Kinh Pháp Hoa chép: trí Phật là trí vô sư. Ở Tục Thái sư, Thái Truyện, Thái Bảo đều là Nghĩa sư, kế nói có thầy. Thọ biệt, chữ biệt tức là phái biệt cũng là phân biệt (nhiều sách viết chữ biệt không có bộ thảo. Như kinh Thụy Ứng chép: khi xưa thời Phật Định Quang ra đời, ta làm Bồ-tát tên là Nhu Đồng cho đến mua hoa dâng Phật Định Quang, tung hoa cúng dường, hoa ở trên hư không, Phật ấy biết ý mà khen ngợi rằng: ông vô số kiếp sau sẽ học thanh tịnh, do đó thọ ký rằng: Ông sau chín mươi mốt kiếp, kiếp tên là Hiền, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca cho đến thân bay lên hư không được Vô sanh nhẫn. Luận chép: Vô sư kinh gọi là ký biệt. Thư nói khứ lại trích dẫn sách tục cũng có hai nghĩa. Sanh tri như vô sư học thành như ký biệt. Nên Luận ngữ chép: sanh ra đã biết là bậc thượng, học mới biết là bậc kế. Bắt ép mới học là kẻ thường, bắt ép mà không học thì càng thấp kém hơn. Lương là lành, là lớn. Thư tuy không nói nhân quả xa, nay lại dẫn rộng lời nói tương tự để chứng hai nghĩa đối với lý không lỗi. Người đọc văn phải dùng chữ Lương làm cuối câu, ở đời có người chẳng hiểu câu đầu, lấy chữ Lương làm câu đầu rất chưa ổn. Như bản thứ hai câu đầu đầu câu lại có các vị trời, đâu thể đọc bản thứ hai rằng Lương Nhiên pháp môn v.v... ư? Cho nên chẳng thể dùng. Nhưng vô sư và ký biệt là y cứ sự tuy khác nhưng y cứ lý chẳng hai. Ở nhân thì phải nhờ thầy che chở, quả mãn thì gọi là ngộ riêng. Vì nhân quả này gọi là các Sư nối tổ xưa. Kế pháp môn mầu nhiệm mà trong sáng rộng lớn nêu pháp dụ hỏi hai đường trên, người đã chia ra sự lý nhân quả thì chỗ chứng pháp thể cũng chia hai ư? Hạo là nước mênh mông, pháp đã mầu nhiệm là sự hay lý, là thiên chân tỏ sáng. Hỏi pháp Vô Sư là từ lam mà có xanh. Hỏi: học thành pháp lý chẳng phải tạo tác nên gọi là thiên chân, chứng trí tròn sáng nên gọi là riêng sáng. Do thầy thói quen tu tập nên nói từ lam, do học công toại nên gọi mà thanh. Thư rằng xanh có ra từ lam mà xanh hơn lam, nhuộm sai như thế. Nay dẫn nghĩa nhuộm chẳng phải dẫn hơn lam. Người tu nếu nghe đến tông nguyên là đáp chung, tông là tôn, là chủ, là nguyên thủ, là trương. Nếu tìm chỗ truyền pháp xoay vần trao nhau bèn biết lý do tông chữ của người năng truyền. Cho nên biết Phật trong một thời kỳ là lý do mới

hiểu Tông sư nay ở Long Thọ. Từ Đại giác đến hàng ma là đáp riêng. Trước đáp chung hai câu hỏi về nghĩa Đại giác thì nghĩa Thiên chân hạnh mãn là thọ ký, nhân và pháp hai ý đều như thế. Hai ý gồm đủ, đạo thầy trò thành. Nên thư chép: Tre chưa cắt thì tiếng phượng chưa bày, tánh tình chưa luyện mà phát cho nên chân lý cũng do học mà thành. Giác thì Thi nói có giác đức hạnh, lại nói giác là đại minh, là hiểu, là ngay thẳng. Nay cũng giống như thế, mười hiệu đầy đủ, chủng trí tròn sáng, ba hoặc dứt nhanh, đêm dài chợt sáng, hai tử dứt trừ, không còn trở lại. Lại giác đầy đủ thì gọi là Đại giác. Bốn giác khác nhau giác trí cũng khác. Lại nhờ tiệm mới thông, nói lược chung là Đại giác. Vì Đại giác là bậc tôn quí trong đời, nhiều kiếp hạnh mãn cũng là nói chung. Cho nên chẳng nói ba A-tăng kỳ cho đến vô lượng A-tăng kỳ. Kiếp Hán dịch là Thời, các luận Câu-xáv.v... thường lấy hai mươi lần tăng giảm làm một Trung kiếp, tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp. Kinh Kim Quang Minh nói: Y trời Thiên nặng ba thù của Phạm thiên ba năm một lần phất qua một tảng đá vuông rộng mỗi bề bốn mươi dậm lấy đó làm một tiểu kiếp, mỗi bề tám mươi dăm xem là một Trung kiếp, rộng một trăm hai mươi dặm là Đại kiếp. Chẳng ở trong kiếp số này mà tu học thì chẳng gọi là Bồ-tát. Lại chép: có một kiếp, một dặm, kiếp dặm, cho đến kiếp muôn dặm. Lại nói có thể thành vuông lớp, chu vi bốn mươi dặm chứa đầy hạt cải. Cứ trăm năm mới lấy ra một hạt gọi là một kiếp, trải qua vô số kiếp gọi là A-tăng kỳ. Xét nghĩa kiếp này không phải là chánh văn nên không nói rộng. Trải sáu năm mới phục kiến cho đến hàng ma. Phục kiến là điều của ngoại đạo, hàng ma là dẹp Thiên ma. Cho nên sáu năm khổ hạnh qua kỳ sở hành, trước đồng sau khác, hóa đạo phải như thế. Cho nên năm người, có hạnh trước ải mà bỏ đi, qua sáu năm bèn ăn lại mà tu thiền, người có hạnh chấp trước lại bỏ đi. Sau Phật hàng Thiên ma ở dưới cội cây chưa thành đạo. Việc hàng ma có nói rộng ở các kinh. Lại Thụy Ứng chép: Thiên ma và Phật hỏi đáp nhau, Phật nói kẻ trượng phu gặp người chiến đấu chết rồi không có thân, bị người hàng phục. Ma nói: Tỳ-kheo cầu gì mà thích ngồi dưới gốc cây trong rừng rậm đầy thú dữ, mây nổi tối mịt mù đáng sợ, Thiên ma vây quanh cũng chẳng sợ. Phật nói: xưa có chân đạo Phật đã làm, điềm đạm là cao nhất trừ chẳng sáng. Đây thật là pháp mãn tạng tối thắng. Ta ngồi đây chiến đấu với Ma vương. Ma nói: Ông làm vua Chuyển luân, bảy báu tự đến, làm khuôn phép bốn phương, năm dục thọ vui không ai bằng. Chỗ này không có đạo, hãy về cung đi! Phật nói: Ta thấy dục đầy như nuốt lửa, bỏ nước như đàm dãi không hề tiếc rẻ.

Làm vua cũng còn buồn già chết nên bỏ đi như thế, không lợi chớ dối bàn. Ma nói: Tại sao ngồi trong rừng mà bảo là vui, bỏ ngôi của cải nói yên nhàn, mà chẳng thấy ta dấy bốn binh, voi ngựa bộ binh, ngàn muôn ức, hiện ra mặt khỉ vượn sư tử, đều cầm dao kiếm và qua mâu, nhảy múa la hét đầy khắp hư không, v.v...

Đại Luận chép: lúc đó trời Tịnh Cư đứng vây ba mặt xem Phật đối đáp chiến đấu với ma. Thiên ma bỏ chạy, chạy đến núi Thiết vi vẫn không thôi. Kinh Đại Tập kinh Quán Phật Tam-muội v.v... chép: Ma vương lúc đầu muốn đến đánh Phật cho nên trước sai dân, thuộc kế sai Thái tử, lại sai ba cô gái đều chẳng phá hoại được, bèn giận dữ chính mình cầm quân. Vừa đến chỗ Phật thì chủ tướng đều té. Trong Đại luận Phật dùng kệ quở ma nữ rằng: Thân ấy dơ uế, vật bất tịnh nhầy nhụa, thật là cầu xí, sao lấy đó làm vui, các cô gái ma hổ thẹn. Lại bảo ma rằng: Ta đã ba A-tăng-kỳ kiếp tu tập khổ hạnh mới được Bồ-đề. Các ngươi chỉ bày một hội vô già bảo là thiên chủ, sao được tranh đấu với ta. Ma nói: lấy gì làm chứng, Phật dùng ngón tay chỉ đất bảo: Người này biết ta. Lúc đó thần đất bảo Không thần truyền cho đến Phạm Thế, Thiên ma bị hàng rồi, Tam-muội bất động thành đạo vô thượng. Bắt đầu ở Lộc uyển cho đến Hạc Lâm, là thành đạo rồi thuyết pháp thì phải có chỗ cho nên lược nêu trong thủy ở đâu ba chỗ ban đầu chẳng giữ và cuối cùng. Do pháp mà nghiệm chứng, có chỗ mà bày pháp. Tức Pháp được truyền chánh chỉ ở đây. Thiên chân từ làm công dụng của lam mà hưng thạnh.

Nói "Lộc uyển", thì Đại luận chép: Xưa, vua Ba-la-nại vào núi săn bắn, thấy hai bầy nai mỗi bầy có năm trăm con và đều có một nai đầu đàn. Có một con nai đầu đàn thân mầu bảy báu là Bồ-tát Thích-ca, lại có một nai đầu đàn là Đề-bà Đạt-đa. Nai đầu Bồ-tát thấy vua giết bầy nai, bèn khởi tâm đại bi đến trước vua, mọi người tranh nhau bắn tên như mưa. Vua thấy con nai này không sợ sệt, phải có ý gì, bèn bảo đừng bắn nữa. Nai đến chỗ vua quì xuống thưa rằng: Vua vì việc nhỏ mà một lúc sai cả bầy nai chịu khổ, nếu muốn ăn thịt thì mỗi ngày xin dâng một con, vua bằng lòng. Do đó bầy nai theo thứ lớp dâng nạp. Trong bầy nai của Điều-đạt có một nai mẹ thưa với nai đầu đàn rằng: tôi chết cũng cam, nhưng tôi đang có mang, con tôi không thể chết được, xin tìm cách giải quyết, sai người sống không lạm mà kẻ chết đúng thứ lớp. Nai đầu đàn giận du bảo: ai chẳng tiếc thân mạng, đến phiên phải đi. Nai mẹ suy nghĩ nai đầu đàn này không từ bi ưa giận dữ, bèn đến nai đầu đàn Bồ-tát mà thưa rằng: Đại vương nhân từ, như tôi nay đây trời

đất rộng xa mà không chỗ kháng cáo trình bày mọi việc. Nai đầu đàn Bồ-tát chép: nếu ta không giải quyết được việc chết oan của con bà ấy và sai theo thứ lớp, chi bằng mình đến thay thế, nghĩ xong bèn đến nộp mình, bảo nai mẹ trở về. Khi nai Bồ-tát đến thành vua mọi người đều lấy làm lạ, thưa lên với vua. Vua hỏi bầy nai hết rồi hay sao mà bỗng tự đến? Nai đầu đàn thưa vua nhân từ, không ai phạm tội, cây cối xinh tươi. Chỉ có bầy nai về bảo tôi, tôi thương xót, nếu đến phiên không dâng nạp thịt thì không được, mà nếu không dâng cứu thì khác nào gỗ đá, thân này không lên cũng chết, từ bi cứu khổ nạn thì phước đức vô lượng. Nếu người không từ bi thì có khác nào cọp sói. Vua nghe lời ấy bèn đứng dậy nói kệ rằng: ta thật là súc sanh gọi là người đầu nai, người tuy là súc sanh gọi là nai đầu người. Lấy lý làm người chẳng do hình thù mà làm người ngày nay ta bắt đầu chẳng ăn các thứ thịt nữa. Ta vì thí vô úy cũng giúp cho người an lòng. Bầy nai được an vua được nhân tín, chỗ ở bầy nai gọi là Lộc uyển. Phật ở đó đầu tiên xoay bánh xe pháp nên gọi là thỉ. Từ cây làm tên nên gọi là Nại uyển. Chỗ hai vị tiên ở nên gọi là vườn Tiên. Núi Đầu thứu, văn nói chim này mầu đen có nhiều con. Hình dáng núi giống như con chim nên lấy chim đặt tên. Lại ở bên núi ấy có rừng Thi-đà, thú ăn thay người chết nên ở rất nhiều trên núi này, nên lấy chim đặt tên. Lại là chỗ nhiều thánh linh ở nên đặt tên là Linh Thứu, cũng gọi là Kê Túc, cũng gọi là Lang Tích. Kinh Tăng nhất quyển ba mươi mốt chép: Phật bảo các Tỳ-kheo: núi này lâu xa gọi là Linh Thứu lại có tên khác, các thầy chẳng biết cũng gọi là núi khoáng phổ, núi Bạch Thiện, núi Tiên Nhân, thường có các La-hán thần thông đắc đạo ở đấy. Lại có năm trăm vị Bích-chi-Phật ở đấy. Phật muốn hạ sanh nên sai trời Tịnh Cư xuống báo trước, rằng kiếp sau năm thứ hai có Phật ra đời ở chốn này. Bích-chi-Phật nghe xong liền thiêu thân nhập diệt, là đời Phật thứ hai. Rừng hạc là ở thành Câu thi, bên sông A-di-la-Bạt-đề, cây có bốn cặp. Lại nói song thọ bốn phương đều gọi đều gọi song nên gọi là song. Lại nói phần rễ trên hợp nhau nên gọi là Song. Phật ở trong đó mà nhập Niết-bàn. Khi Niết-bàn thì rừng ấy biến thành màu trắng cũng như hạc trắng nên gọi là rừng hạc. Trong kinh A-hàm chép: Ngưu giác Ta-la, hai là lấy thành đặt tên. Thành Câu-thi-na, hán dịch là Giác Thành, vì thành ấy có ba cạnh nên gọi là Giác. Nếu thế thì chỉ gọi là giác soa, gọi là ngưu giác. Biểu thị song là lấy tên cây Ta-la. Ta-la là tiếng Tây trúc, hán dịch là kiên cố, từ ngữ kiên cố (bền chắc) là tên gọi đức của cây. Cho nên biết ngưu giác là biểu thị nghĩa song gồm ba cạnh, đây là nói chỗ Phật Niết-bàn sau cùng. Hai nghĩa

trước tự nhiên chứng lý không phải ở đây nói. Thầy trò truyền nhau chính là ý này. Cho nên kế nói pháp trao cho Ca-diếp. Nói Phật diệt độ rồi là người trao pháp. Trong đó trước nói miệng vàng Tổ thừa. Kế nói Sư nay xoay vần truyền nhau. miệng vàng Tổ thừa thì nhân pháp đều nêu, nay Sư Tổ thừa thì chung riêng đều nói. Trong riêng trước nhân kế pháp. miệng vàng đủ ở trao pháp tạng truyền bảy mươi trang giấy, còn rất rườm rà. Nay lược trước y A-hàm và luận Bà-sa nói phần đầu xá-lợi và kết tập ba tạng. Trường A-hàm chép: Ca-diếp từ hang Tất-bát-la ra đến chỗ làm lễ trà-tỳ. Phật hiện ra đôi chân từ Kim quan. Ca-diếp lễ xong đi quanh xá-lợi. Trong truyện phó pháp ở trước có chia xá-lợi làm ba phần cho trời, người và long vương chia làm ba phần gọi là nhân-thiên-hải. Trong nhân có một phần lại chia làm tám, giống như A-hàm. Cho nên A-hàm chép: sau khi Phật Niết-bàn ở nước Câu-thi có chúng Mạt-la, nước Ba-ba có chúng Mạt-lê, nước Già-la có chúng Bạt-ly, nước Ma-già-đà có chúng Câu-lợi-dân, nước Tỳ-đề có chúng Bà-la-môn, nước Ca-duy-la có chúng dòng họ Thích, nước Tỳ-xá-ly có chúng Ly-xa, nước Ma-kiệt có vua A-xà-thế. Ai nấy đều nghĩ rằng Phật nhập Niết-bàn ở Câu-thi, ta phải đến đó tìm xá-lợi. Lúc đó các nước đều dấy bốn quân binh mạnh mẽ. Liền sai Bà-la-môn Hương Tánh rằng ông đem tên ta đến thành Câu-thi-na hỏi thăm chúng Mạt-la nước Câu-thi có mạnh khỏe không. Tôi rất kính trọng các bậc hiền, nước láng giềng nhân nghĩa chẳng có tranh cãi. Tôi nghe Như lai Niết-bàn ở nước quí vị, nhưng đấng Vô Thượng Tôn là chúa của chúng tôi, nên từ xa đến xin chia phần xá-lợi đem về nước xây tháp cúng dường, nếu cho thì chúng tôi xin đáp lại nhiều châu báu. Hương Tánh nhận lời đến đó cáo bạch. Chúng Mạt-la chép: thật đúng như quí vị nói, chỉ có Phật giáng sanh ở cõi này, rồi diệt độ ở đây, nên trong nước tự phải cúng dường. Cực nhọc quí vị đến xin chia xá-lợi mà không được. Lúc đó vua các nước nhóm họp các Đại thần mà gởi tụng rằng: cúng tôi lễ nghĩa hòa bình từ xa đến câui lạy xin chia ra xá-lợi. Nếu không được thì dấy bốn binh, đấy chẳng tiếc thân mạng. Nghĩa không được thì phải dùng năng lực mà lấy. Lúc đó nước Câu-thi liền nhóm họp các quan cùng dùng kệ đáp rằng: Từ xa cực khổ quí vị chịu nhục câui lạy, di hình Như lai chẳng thể trao cho, bên ấy nói dấy binh, chúng tôi cũng có, liều mạng chống lại, chẳng hề sợ sệt. Lúc đó Hương Tánh bảo mọi người rằng có trưởng giả hiền nghe lời Phật dạy miệng tụng pháp ngôn, tâm lại nhân hóa, tất cả chúng sanh phải nghĩ được an, đâu tranh giành xá-lợi mà giết hại nhau, Như lai để lại hình hài để làm lợi ích rộng rãi. Xá lợi hiện tại chỉ nên chia

ra. Chúng đều khen tốt. Bèn bàn hỏi ai chia ra được? Chúng cử Hương Tánh nhân từ có khả năng chia xá-lợi v.v... Liền chia xá-lợi thành tám phần, bình tháp thứ chín, xây tháp thứ mười. Khi Phật còn sống thì tóc do các vị trời giữ trên cõi trời xây tháp cúng dường. Vua A-xà-thế trước đó đưa thư an ủi khi sao mai mới mọc thì chia ra xá-lợi, xong tự đem về nước mình. Còn các tro khác, người ở thôn Tất-bát-la bảo chúng rằng: con xin chỗ đất đốt thân về xây tháp cúng dường, thì chúng đồng ý cho. Các nước đều xây tháp thờ.

Nói kết tập ba tạng: Ngài Đại Ca-diếp chia ra xá-lợi Phật xong, liền sai A-nan nói ra Tu-đa-la (kinh) sai Ưu-ba-ly nói Tỳ-nại-da (luật) Ca-diếp tự nói A-tỳ-đàm (luận). Hỏi luận ai nói ở Bà-sa nói trước nói tạo luận duyên khởi có hỏi: Ai tạo luận này? Đáp: Thế tôn tạo. Hỏi: ai hỏi ai đáp? Đáp: hoặc nói Xá-lợi-phất hỏi Phật đáp hoặc nói năm trăm Phật. Phật đáp: hoặc nói các pháp sâu xa không thể hỏi. Như lai tự hóa thành Tỳ-kheo hỏi Phật đáp, nếu thế vì sao lại nói Ca-chiên-diên tạo. Đáp: Vì Tôn giả ấy đọc luận này vì người mà nói khiến cho truyền khắp, danh qui về Ngài ấy nên nói Ngài ấy tạo. Có người nói Tôn giả ấy tạo. Hỏi: Đã nói pháp rất sâu xa không thể hỏi, Ca-chiên-diên ấy làm sao tạo được. Đáp: Vì Ngài ấy có lợi trí ba minh sáu thông, đủ tám giải thoát. Năm trăm Phật có nguyện đối với di pháp Phật Thích Ca mà tạo A-tỳ-đàm phải chăng? Thế tôn ở khắp nơi nói pháp giáo hóa, Tôn giả ở trong đó mà lập kiền-độ. Thích-ca diệt độ rồi hơn sáu trăm năm thì ở Bắc Thiên trúc có năm trăm ứng chân cùng soạn tập lời Thế tôn nói. Kế vào bản thứ hai lược nêu trao pháp theo văn của bản truyện lúc đó có khác chút ít, ý ở lược biết ngôn thú. Trước Ca-diếp bộ đã chia ra ba tạng giáo rồi. Sau hai mươi năm hoằng trì chánh pháp. Trước lễ bốn tháp, tức là xuất gia xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn. Kế lễ tám tháp kế vào cung rồng lễ tháp răng Phật, kế lên trời lễ tháp tóc Phật, đắp y Tăng-già lê và cầm y bát tích trượng của Phật như vào bùn mềm pháp giao cho A-nan, A-nan giữ kinh pháp hai mươi năm nghe một Tỳ-kheo tụng kệ Pháp câu rằng: người sống một trăm tuổi mà chẳng thấy con hạt già không bằng sống một tuổi mà được thấy. A-nan buồn bã bảo đây không phải là kệ của Phật. Kệ Phật nói người sống trăm tuổi không nghe pháp sanh diệt, chẳng bằng người sống một tuổi mà được thấy. A-nan than rằng đời ta vô dụng bèn đến từ biệt Xà vương (vua A-xà-thế) người giữ cửa nói vua ngủ. Liền lội qua sông Hằng. Vua ngủ mộng thấy cây lộng gẫy thì thức dậy, người giữ cửa bèn tâu việc A-nan đến. Vua bèn đuổi theo ra đến giữa sông mới kịp A-nan, thỉnh rằng: Thế tôn Niết-

bàn, Ca-diếp nhập diệt con đều chẳng thấy. Chỉ biết kính ngưỡng, nay Tôn giả lại bỏ đi con biết nương tựa vào ai. Tôn giả yên lặng liền vào Tam-muội gọi là Phong phấn tấn chia thân ra bốn phái. Phái là phần. Chia cho hai nước trên trời dưới đất. Pháp trao cho Thương-na-hòa-tu, Tu tạo ban già vu sắc. Ở núi Man-đà lập tinh xá hai mươi năm. Nhân đến Câuc-đa ngồi giường Câuc-đa. Có nhiều đệ tử không biết, bèn đưa tay lên hư không mà mưa cam lộ, hiện năm trăm pháp môn, phần nhiều đều chẳng biết, bảo rằng Phật vào mà Mục-liên chẳng biết, Mục-liên vào mà các Tỳ-kheo chẳng biết, ta vào mà Câuc-đa chẳng biết. Ta được bảy muôn bảy ngàn bản sanh các kinh, tám muôn Tỳ-ni, tám muôn Tỳ-đàm các thầy đều chẳng biết. Nếu ta mất pháp môn cũng mất theo. Các đệ tử mới biết thần dị đều được quả A-la-hán. Độ đệ tử rồi mà vào Niết-bàn. Trao pháp cho Câu-đa, Câu-đa khi còn ở thế tục đã được Sơ quả thấy dâm nữ Đồ-liệt-tấn được ba quả, xuất gia thọ giới được quả thứ tư. Khi nói pháp bị ma làm chướng ngại. Câuc-đa hàng rồi do đó chẳng dám ở Diêm-phù-đề, độ cho vợ chồng được bốn quả, bèn hạ một trù. Trù dài bốn tất đầy nhà trượng sáu dùng trù đốt thân pháp trao cho Đề-ca-đa. Đa lên đàn được Sơ quả, ba lần yết-ma được bốn quả. Pháp trao cho Di-già-ca. Ca mất thì pháp trao cho Phật-Đà-nan-đề. Đề trao cho Phật-đà Mật-đa, hai Tôn giả trên trong truyện duyên khởi nói việc cũng ít Mật-đa mười hai năm thường cầm cây phướn đỏ đi trước vua. Vua hỏi: là ai? Đáp: người trí. Hỏi: cầu việc gì? Đáp: cầu tranh luận. Vua bèn lập hội mời các Luận sư. Người cạn thì một lời, kẻ sâu thì nói lại một lời nữa (lời thứ hai). Vua luận cũng thua bèn xin thọ ba quy y. Có một Bà-la-môn, khéo biết pháp tính toán thường ngầm che chở, ông ấy nói Phật vô thần, Đa chép: bị tội, ông ấy chẳng tin mà bói toán thì biết là bị đọa địa ngục, liền quy y tin Phật. Thường ngầm che chở thì biết là sanh lên cõi trời. Khi Đa nhập diệt thì dời thi thể như tượng bất động, bèn thiêu thân dưới gốc cây, tro thân giúp cây xanh, bèn trao pháp cho Tỳ-kheo Hiếp. Tỳ-kheo ở trong thai suốt sáu mươi năm sanh ra tóc đã bạc. Bèn thề không nằm nữa, nên gọi là Tỳ-kheo Hiếp, cho đến ở trong tối mà tay phát ra ánh sáng để lấy kinh. Bèn trao pháp cho Phú-na-xa. Xa tranh luận với Mã Minh. Minh chấp có ngã. Xa chép: Phật pháp hai đế, thế đế có ngã, chân đế vô ngã. Mã Minh muốn cắt đầu tự tử. Xa bảo cạo tóc làm đệ tử, Minh lại tạo ra hòa-la-kỵ. Trong âm kỵ có nói vô thường, khổ, không, vô ngã. Nghe rồi sẽ ngộ đạo, năm trăm Vương tử nhàm chán cuộc đời đi xuất gia. Vua sợ dẫn đi tu hết, bèn cấm kỵ không cho lưu hành. Bị nguyệt thị đánh đòi chín ức đồng tiền vàng. Vua cầu hòa,

liền đem cho chín ức tiền vàng. Vua cầu hòa liền đem bát Phật của Mã Minh và một con gà từ tâm, rồi chuẩn cho chín ức tiền vàng, Nguyệt Thị nhận lấy vui mừng, kéo quân về. Lại làm lễ tháp, tháp bị sụp đổ, đào lên thì được thây Ni-càn. Có thấy cạo tọc đến xin Vương nữ, ba lần như thế. Vua nói: tiểu nhân, đây có ý gì vậy? Minh nói: đất ấy có vàng nên khiến như thế. Đào lên quả nhiên được kho báu. Vua Anh Dũng ba lần biểu đều qui phục, vua giết chín ức người. Minh nói: ta biết pháp sám hối bèn bỏ một khuyến vàng vào vạc nấu sôi trong bảy ngày, hỏi ai có thể lấy? Chẳng có ai. Vua bèn chế nước lã vào rồi lấy ra. Vua do đó mộng bảo rằng: Tội ta phải chịu vạc nước sôi, sám hối như đổ nước lã vào. Minh vì vua nói pháp do đó tội nhẹ làm cá ngàn đầu đội vòng sắt nóng, cắt đầu lại mọc. Nghe tiếng chuông thì dứt đau đớn. Bèn khuyên đánh chuông mãi. Pháp trao cho Tỳ-la. La soạn luận Vô ngã, chỗ nào có luận đến tà kiến đều tiêu. Pháp trao cho Long thọ, Thọ học rộng, vô địch trong thiên hạ, muốn chê bai kinh Phật mà tự làm pháp, nói lên ta không có thầy. Rồng mời Long Thọ xuống thủy cung, một hạ chỉ tụng kinh của bảy Đức Phật. biết pháp Phật vi diệu, nhân dó mà xuất gia, hàng phục Quốc vương, chế phục ngoại đạo. Ngoại đạo hiện thần thông hóa thành ao hoa mà ngồi trên hoa sen. Long Thọ hóa thành voi nhổ hoa sen đánh tát ngoại đạo. Ông soạn ba thứ luận: một là luận Đại Bi Phương Tiện, nói thiên văn địa lý làm báu làm thuốc lợi ích thế gian, hai là luận Đại Trang Nghiêm, nói tu tất nhất nghĩa, luận Trung Quán, đó là một phẩm. Khi soạn luận này xong thì hỏi một vị sư Tiểu thừa là muốn ta đi hay ở. Đáp: Đi bây giờ là tốt nhất. Sư bèn vào phòng mà thoát xác. Pháp trao cho Đề-bà. Bà do đó vào miếu Đại Tự Tai. Miếu có tượng vàng, tượng cao sáu trượng, mắt bằng lưu ly, rất linh nghiệm, ai cầu nguyện gì đều được, mắt giận động con ngươi. Đề-bà bảo: Thần là thần vốn lấy tinh linh dạy vật mà giả mượn vàng ròng lưu ly ra oai ở đời sao tệ như thế? Bèn bắc thang lên móc mắt thần, mọi người đều bảo thần bị làm nhục. Đề-bà bảo muốn biết trí thần vốn không có mạn tâm (tâm hống hách coi thường) thần biết tâm ta sao lại làm nhục. Đêm ấy cúng kiến sáng ra tế thần thì thần hóa thành người thường không có mắt tai, khi tế lễ thì than rằng: ở đây bày cúng thí rất là ít có, nay tôi không có mắt sao chẳng thí mắt. Đề-bà khoét mắt mình mà thí. Chỗ khoét lại có mắt mới, như thế đến muôn mắt. Thần rất vui mừng hỏi muốn cầu điều gì? Đề-bà chép: ta từ chối chẳng nhờ gì khác, chỉ sợ người chưa tin nhận. Thần chép: sẽ đúng như nguyện, rồi biến mất. Thần giao cách cảm đều tin phục. Chỉ có một ngoại đạo ôm lòng sân hận bảo ông lấy

đao không mà phá nghĩa ngã, ta dùng dao sắt mà phá bụng ngươi, năm tạng bày ra đất không dứt, lại xin ba y, thì bảo đi mau, rồi lại đi theo mà nói pháp vô thường. Ta vì tạo nghiệp nên nay đối với nghiệp phải chịu, ông chớ lo buồn. Nói xong thì nhập diệt trao pháp cho La-hầu-la. Trước đó có một ngoại đạo soạn sách tên Quỉ danh, sâu kín khó hiểu, Long Thọ đọc qua liền hiểu. Lại vì Đề-bà mà giải thích, lại rộng vì La-hầu-la phân biệt mới hiểu. Ngoại đạo khen rằng Sa-môn Thích Tử thần trí như thế, đọc sách của ta như biết từ xưa. Pháp trao cho Tăng-khư Nan-đề. Đề đạo cao hóa rộng, nói kệ Thử La-hán rằng: Sanh dòng vua Chuyển luân mà nhập vào Niết-bàn, chẳng phải Phật, chẳng phải La-hán, cũng chẳng phải Bích-chi-Phật. La-hán vào Tam-muội suy nghĩ cũng chẳng hiểu. Liền bay lên cung trời Đâu-suất mà hỏi Di-lặc. Di-lặc nói: bùn dính trên bánh xe xem là đồ sành sứ. Sành sứ bể rồi, không phải là Nhị thừa cũng không phải là Phật. Sau thấy Nan-đề vì Đề mà nói. Đề nói là lời Di-lặc. Pháp trao cho Tăng khư Da-xá, xa đến bờ biển thấy có một ngôi thành, đến thành khất thực mà nói kệ rằng. Hành là khổ bậc nhất, đói là bịnh bậc nhất, nếu thấy được pháp thật, thì được đạo Niết-bàn. Chủ thành do đó mời vào cho ăn, thấy hai quỉ xưa là vợ con. Do nó san tham, ta bèn thề rằng: thấy các ngươi chịu báo. Lại thấy một ngôi thành cùng ăn uống tề chỉnh. Ăn xong liền ném bát vào lửa, lửa nổi lên mà thiêu thân. Vì tiếc thức ăn với người khác cho nên bị khổ này. Pháp trao cho Cưu-ma-la-đà. Đà khi còn bé đã hay đoán được việc nên được gọi là Mỹ Danh, một lần xem muôn người cỡi ngựa nên gọi Mã Sắc. Y trượng đều ghi. Pháp trao cho Xà-dạ-na. Na vì chị dâu đưa cơm cho Tỳ-kheo mà phạm tội trọng. Hóa thành hầm lửa để nhảy xuống sám hối. Nói pháp tội hết được thành La-hán. Lúc đó người gọi là Luật sư Thanh Tịnh. Thấy bên ngôi thành lớn có con quỉ không được ăn đã năm trăm năm. Lại thấy có con quạ con, xưa là con ngăn ta xuất gia, nên suốt năm trăm năm không được đạo quả. Pháp trao cho Bà-tu Bàn-đà. Đà trao cho Ma-nô-la, La cùng Tam tạng phân vùng mà giáo hóa. Từ sông Hằng trở về Nam người Nhị Thiên trúc, người nhiều tà kiến, bèn giao cho Ma-nô-la. Từ sông Hằng trở về Bắc người Tam Thiên trúc, người tin dễ dạy nên giao cho Tam tạng. Pháp giao cho Hạc-lặc-dạ-na. Na trao cho Sư tử. Sư tử gặp vua ác tên là Đàn-di-la phá đập chùa tháp, giết hại chúng tăng, kiếm chém sư tử, máu biến thành sữa, trao pháp sau đó thầy kết, kế nói lợi ích trao pháp.

Nêu chung: Kim khẩu, đây là nói Như lai thân mầu vàng ròng, khẩu nghiệp giảng nói. Hỏi: các Tôn giả này vị hạnh thế nào (vị hạnh

nào)? Chuẩn theo bốn y vị, một là y thuộc. Phàm chẳng được tên thánh, trong truyện chẳng phán đúng vị ấy mà gọi chung là bậc Thánh, cho nên phần lớn là y nhân thứ tư, cũng có thể chung cho cả thứ ba, thứ hai. Cho nên văn đều nói bậc Thánh. Xưa vua chẳng lập của cải đầu lâu (sọ người). Đây là nói tướng trao pháp được lợi ích. Cứu là chuồng ngựa, đồ là giết. Trong truyện nêu người trao pháp có chép: gần gũi thiền thiên, lắng nghe chánh pháp lợi ích xa cho đời sau. Như xưa nước Hoa Thị có một con voi rắng khí lực mạnh mẽ diệt được kẻ thù. Nếu có người tội thì cho voi chà đạp. Sau đó chuồng voi bị cháy nên dời đến chỗ khác, gần một tinh xá. Có một Tỳ-kheo tụng kệ Pháp Câu rằng: làm thiện sanh cõi trời, làm ác xuống vực sâu thì tâm liền nhu hòa khởi ý niệm từ bi. Sau trao cho người tội thì voi chỉ nhìn không đạp chết, chỉ ngửi liếm mà thôi. Vua thấy việc ấy tâm rất kinh sợ, bèn mời các quan đến cùng mưu tính việc ấy. Lúc ấy, có một vị quan tâu vua rằng: con voi này vì ở gần tinh xá nên ắt có nghe diệu pháp, nên như thế. Nay nên sai nói ở gần nhà giết mổ, nói thấy voi ở gần chỗ giết mổ. Voi thấy giết hai thì tâm ác lừng lẫy liền giết hại càng dữ. Cho nên phải biết loài chúng sanh tánh nói bất định. Súc sanh còn bởi nghe pháp mà sanh từ, thấy ác thì giết hại, huống chi là người, mà chẳng nhiễm thói quen khi gần thiện tri thức Bà-la-môn, của cải đầu lâu. Truyện nói xưa có Bà-la-môn mang rất nhiều đầu lâu (sọ người) đến bên thành Hoa Thị mà bán, bán rất lâu mà không ai mua. Liền tức giận lớn tiếng mắng rằng: trong thành này nếu không có ai mua ta sẽ khiến cho các ngươi làm ác nổi tiếng, thật các ngươi quá ngu si đần độn. Bấy giờ trong thành các Ưu-bà-tắc, sợ bị chửi chê nên đều đến mua, bèn rót nước đồng sôi vào tai. Người nghe thông thì trả giá nhiều, người nữa nghe thông thì trả giá ít, kẻ điếc đặc thì không trả giá. Khi đó Bà-la-môn hỏi Ưu-bà-tắc rằng: số đầu lâu này chẳng khác nhau, sao giá có khác nhau? Ưu-bà-tắc nói: người thông suốt thì sanh ra có nghe pháp mầu, trí tuệ cao quí nên trả giá nhiều. Người nữa thông suốt tuy có nghe pháp nhưng chưa khéo phân biệt, nên trả giá ít. Kẻ không thông, vì từ xưa người này không hề nghe pháp. Các Ưu-bà-tắc này đem đầu lâu người nghe pháp mà xây tháp cúng dường, nên chết rồi sanh lên cõi trời. Phải biết đại pháp có công năng lớn, đem đầu lâu người nghe pháp mà cúng dường còn sanh lên cõi trời huống chi dốc lòng cúng dường người trì kinh. Nghe pháp đã có ích sâu xa như thế. Cho nên Phật trao pháp khiến ở đời sau, xoay vần được nghe, khiến ở sau Long thọ diệu quán do đây mà có chỉ quán.

Từ "Bộ chỉ Quán này Sư nay nối Tổ, ở đây tức là trước nêu chung

người và nhân pháp được truyền. Nói "Thuyết pháp môn mà tự mình đã thực hành trong tâm. Tức là chương An ngầm nói từ Đại sư được pháp sở hành cho nên nêu chỗ làm để hiểu chỗ truyền. Nếu truyền mà chẳng tập, có nói mà không làm thì lấy gì để luận chỗ truyền chẳng không. Cho nên biết chỗ truyền tức là chỗ làm (truyền là để hành), cũng sai đời sau làm chẳng trái lời. Do đó một bộ đều là hành tướng. Có người khác chép: ngoài ba tâm yếu truyền riêng, tức là văn của ba bộ trở thành vô dụng. Nếu có mặt mà trao khẩu quyết, chỉ là sắp đem chứng mà trình riêng với thầy, an tâm quan môn văn này tự đủ, huống kẻ học sau này chẳng mong mặt trao, mà lìa đây thì gọi là gì? Cho nên phải tin đây tức là chỗ truyền, cho nên di chúc rằng: chỉ quán chẳng cần truyền trao cho riêng ghi vì người nói. Riêng ghi là chỉ cho Chương An ghi mười quyển. Y dặn dò chính nói mặt trao, ý nhiều chẳng khắp, ghi riêng là nói ý đầy đủ. Cho nên biết chỉ quán do Đại sư truyền thì tùy cơ mặt trao truyền chẳng phải là cái mà đời sau chỉ kham được vì khi qua đời đã hết lòng dặn dò (di chúc). Nghiệm biết biệt truyền là ở đây nói lầm.

Kế từ khi ngài Trí giả trở đi là biệt nêu người truyền pháp kim khẩu Tổ thừa từ trước hướng sau, nay Sư Tổ thừa thì từ sau hướng trước, là chỉ Sư Tuệ văn sư đã nối Long thọ là văn câu. Trong tựa đầu, Trí Giả trước nói về đức nghiệp. Khi mới sanh ra thì trong nhà sáng rực, nóc nhà, hiên nhà đều rực rỡ các nhà ở gần cũng sáng. các việc mừng theo thế tục đều lửa tắt nước lạnh, mà việc không thành. Mắt sư có tròng mắt có hai con ngươi, cha mẹ giấu nhẹm chẳng muốn người biết mà người tự biết. Sách Ngọc thiên nói đồng là hạt châu nơi mắt, tức hạt châu nhỏ trong tròng đen, soạn Pháp Hoa sám hối phát Đà-la-ni, là Tập Luật tạng rồi đến núi Đại Hiền mà trì kinh Pháp Hoa. Do túc duyên đã huân nên thường thích thiền duyệt rõ ràng Giang Đông không có gì đáng hỏi. Nghe núi Đại Tô ở Quảng châu có Thiền sư Tuệ Tư, xa nghe phong đức như đói khát. Đất ấy là biên giới hai nước Trần Tề, thường xảy ra chiến tranh, nhưng vì trọng pháp, xem thường mạng sống bèn đi theo đường hiểm. Ngày Tuệ Tư mới thấy cười bảo rằng: Xưa cùng ở núi Linh sơn nghe kinh Pháp Hoa, do túc duyên mà mà nay lại gặp nhau, liền bày Phổ Hiền đạo tràng thực hành Tam-muội Pháp Hoa, trải khoảng nửa tháng hành đạo tụng kinh. Đến phẩm Dược Vương, chư Phật đồng khen Bồ-tát Dược Vương rằng: ấy là tinh tấn, chân thật, pháp cúng dường chân thật, rỗng rang vào định, soi rõ Pháp Hoa, đem chứng bạch thầy, thầy bảo: không phải ông chẳng chứng, không phải ta chẳng biết, mà là chỗ phát định phương tiện trước của Tam-muội Pháp Hoa. Chỗ phát trì

là sở Tuyền Đà-la-ni, nếu sai văn tự Pháp sư đông ngàn muôn người tìm ông mà luận bàn cũng chẳng thể cùng. Ở trong nói pháp nhân, rất là bậc nhất. Pháp sư Đại thọ, v.v... tức chỉ cho Nam Nhạc là Pháp sư Thọ. Ngài Nam Nhạc tạo kinh Đại Phẩm chữ vàng xong tự mở Huyền Nghĩa sai Sư nhờ giảng thay. Do đó Trí Phương Nhật Nguyệt biện loại huyền hà quyển thư xứng hội, hữu lý tồn yêu. Chỉ có ba Tam-muội, ba quán trí dụng để xét hỏi, ngoài ra đều tự cắt bớt. Tư nói hãy nói pháp phó pháp cho Thần Pháp Vương vô sự. Lúc đó, Luật sư Tuệ Khoáng cũng ngồi trong hội, tự hỏi: Luật sư từng có Hiền Tử giảng chăng? Khoáng đáp: chỗ Thiền sư sanh ra chẳng phải là Khoáng Tử (này). Tư nói Tư cũng không có công năng lực Pháp Hoa. Hai nước Trần Tùy: nhà Trần họ là Quốc. Từ Võ Đế Bá được Lương nhường ngôi đến nay đến Thiếu chủ Thúc Bảo mới đến nhà Tùy. Nhà Trần gồm năm vua. Vua thứ tư Tuyên Đế là em của Văn Đế, tên là Hạng Tự tự là Thiệu Thế, trước Tự bảo Trí Giả rằng: ta ham thích Nam Nhạc đã lâu, tiếc rằng pháp không có chỗ trao, ông có thể truyền đăng hóa độ, chớ làm người sau dứt mất hạt giống Phật, ông ở nước Trần có duyên phải đến đó mà làm lợi ích. Đã nghe lời dặn dò nghiêm khắc bèn cùng hai mươi bảy vị như Pháo Hỷ, v.v... mà đến đất Trần. Nghi Đồng Trầm Quân Lý mời ở chùa Ngõa Quan mở Pháp Hoa kinh đề vua ra lịnh một ngày ngưng việc triều đình, công khanh đều tập hội. Sư ở Ngõa Quan được tám năm giáng luận Đại trí độ nói thứ đệ thiền môn, người mong được lợi ích nói nín khó có thể lược xưng nói. Sau đó, đồ chúng càng nhiều mà người được pháp càng ít, hại đạo tự hành vào hóa tha của ta, rất dễ hiểu. Các hiền đều tùy chỗ mà an. Ta muốn theo chí ta, ta nghe đất Thiên thai có Tiên cung, nên dứt tâm ở đảnh này mà mở chí bình sanh, vua Trần ra lịnh ở đó mãi, có từ bộc xạ tiềm thế khuyến thỉnh. Vua nói Kinh sư Tam tạng, tuy hoằng hóa Phật pháp đều có một đường riêng, hiểm đạo gồm hiển, Trẫm nghe tế tế sâu dụng ủy hoài, phải dừng lại vật đâu sợ độc thiện. Không phải từ vật luận bàn mà chỉ thẳng Đông xuyên. Lúc ấy, là đời Trần Thái Kiến năm thứ bảy, tháng chín mùa Thu, từ Tư Thủy đến Thiên Thái, vua Tuyên Đế ra sắc rằng: Thiền sư Phật pháp tài giỏi, thời tượng đều theo, dạy cả đạo tục, là chỗ cậy nhờ của nước, phải cắt huyện Thủy phong, mà nuôi chúng, quyện hai hộ dân để cung cấp củi nước. Sau ban cho sắc tứ tự bảng ngạch đầy đủ. Tả Bộc Xạ Từ Lăng Khải tâu biết Thiền sư sáng lập Thiên thai ngồi thiền ở núi nổi tiếng đặt hiệu là Tu Thiền. Khi Trần bị thua thì đến đất Tùy, vua Tùy kính trọng. Vua Trần cùng các Vương thư sớ gồm mười hai đạo, vua Tùy cùng các Vương sai

thư sớ gồm năm mươi đạo. Bày vật làm tin ở chùa Quốc thanh hơn trăm lục. An thiền mà giáo hóa đến năm phẩm. Đây là trích ra từ Lâm Chung hạnh vị, không trích ra ở thiền định đoan tọa thủ diệt, nên gọi là an thiền mà hóa. Niên hiệu Khai Hoàng, năm thứ mười lăm Sư từ kinh xuống đất Nghiệp đến năm thứ mười sáu mới vào lại Thiên Thai. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy, Tấn Vương mời Sư đến Thạch Thành, Sư bảo đồ chúng rằng: Đại vương muốn mời ta đến, ta không phụ lời mà đến, ta biết thân mạng ta ở đây nên không đi nữa. Bèn ở trước tượng đá mà miệng trao di thư rằng hoa sen lò hương tê tiết như ý lưu lại kính biệt Đại vương. Nguyện hương thơm chẳng cùng, thường giữ gìn như ý, chỉ ba y sai giặt rửa. Rồi bảo đọc tên hai bộ kinh Pháp Hoa quán và Vô Lượng thọ, khen ngợi xong. Lúc đó hai mươi lăm người như Nông Châu Thị Quan v.v... thấy tượng đá phát ra ánh sáng rực rỡ đầy núi. Lại dùng nước thơm súc miệng xong thì nói mười như, tám sanh, mười pháp giới, bốn giáo, ba quán, bốn tất, bốn đế, sáu độ, mười hai duyên. Mỗi pháp môn nhiếp tất cả pháp. Ta nay cuối cùng khuyên quán nói thiền, thiện tịnh cuối cùng nay ta sẽ vào. Lúc đó, Trí Minh thỉnh rằng xin từ bi giải thích để lường nghi chẳng rõ ở vị nào, chết rồi sanh về đâu, ai có thể kính nương. Đáp rằng: các thầy kém trồng gốc lành, hỏi công đức người khác, như kẻ mù hỏi sữa, kẻ què hỏi đường, thật có ích gì. Tuy nhiên ta phải vì các thầy mà phá bỏ nghi ngờ. Nếu ta chẳng lãnh chúng thì sẽ thanh tịnh được sáu căn, vì tổn mình mà lợi ích người khác, nên chỉ ở vị Ngũ phẩm. Còn sanh chỗ nào, thì ta và các thầy bạn đều theo Quan Âm cùng đến ry cứ ta, hỏi ai có thể kính ngưỡng. Các ông chẳng nghe hay sao? Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật) là Đại sư của các thầy. Bốn thứ Tam-muội là người dẫn đường sáng của các thầy, dạy các thầy bỏ gánh nặng, dạy các thầy hàng phục ba độc, dạy các thầy trị bốn đại, dạy các thầy mở nghiệp buộc, dạy các thầy phá quân ma, dạy các thầy điều thiền vị, dạy các thầy tà tế, dạy các thầy bẻ gãy cờ ngã mạn, dạy các thầy ra khỏi hầm vô vi, dạy các ông lìa nạn đại bi, chỉ nên nương nhờ Đại sư này. Từ bỏ gánh trở đi tức là mười cảnh. Cho nên biết nếu chẳng bày nhân cảnh quán chẳng nhận nương cậy. Do đó dạy Duy-na, rằng mạng người sắp mất tăng thêm chánh niệm, phải đánh chuông dài và lâu đợi dứt hơi thở mới thôi, đâu đợi thân lạnh mới đánh chuông khánh, than khóc đắp y đều chẳng nên làm. Nói xong thì ngồi kiết già đọc tên Tam bảo mà vào Tam-muội. Lúc đó là giờ mùi ngày 24 tháng 11, sư ngồi thẳng nhập diệt. Diệt độ rồi có điềm lành hiện nói đủ như trong Biệt truyện. Tức là trụ ở Quán hạnh vị Thủ-lăng-nghiêm tịnh mà vào diệt.

Nói năm phẩm là rất đáng tin. Nhưng Đại sư khi còn sống thường nguyện sanh lên cõi trời Đâu-suất. Khi qua đời bèn nói Quan Âm đến ry cứ, phải biết quỹ vật tùy cơ thuận duyên nên bày hóa, chẳng thể y theo một thứ. Cho nên nói lúc đi dẫn chứng Đại sư năm phẩm công nhiều. Phẩm Tùy Hỷ chép: Bố thí bốn trăm muôn ức A-tăng kỳ thế giới chúng sanh sáu thú bốn loài mỗi đều cho bảy báu, thấy họ già yếu cho đến chết dạy họ sai được quả khởi sáu thần thông chẳng bằng người mới tùy hỷ gấp trăm ngàn muôn lần. Kinh thứ sáu mới nêu là cuối kinh thứ năm là phầm đầu tùy hỷ trong năm phẩm. Lại dùng người thứ năm mươi mà so sánh người tùy hỷ đầu tiên. Cho nên nay trong văn này trước thuật Tiểu thừa hóa tha sánh với phẩm đầu, đủ như trong văn kinh nói. Lại dùng phẩm đầu mà so với phẩm sau cho nên nói huống năm phẩm chăng. Nêu tối đa Tiểu thừa của huống với cực tiểu của Đại thừa. Phẩm đầu nhỏ nhất công còn nhiều, huống chi là phẩm thứ năm ư? Đây chứng tỏ Đại sư ở phẩm thứ năm là đức rất sâu.

Kế dẫn phẩm Pháp Sư, làm chỗ nương cho đời vì ban truyền ý Phật nên gọi là sứ. Sứ tức là người được sát sử Tuyên nói nhân quả Phật nên gọi là việc của Như lai. Kế dẫn Đại kinh, cũng để chứng minh cho ngôi vị của Đại sư. Kinh chép: Nếu có người có tánh phiền não năng biết tạng bí mật của Như lai, đó gọi là sơ y (người mới nương). Nếu y theo viên vị năm phẩm sáu căn thì đều gọi là sơ y, chưa dứt vô minh thì gọi là có phiền não, cũng gọi là quán hạnh tương tự biết bí mật tạng. Kế Trí Giả trở xuống: Nêu Trí Giả Sở Thừa tức là Nam nhạc. Nam Nhạc đức hạnh trở xuống, nêu là Nam Nhạc hạnh chứng. Truyền vật chí nói tung cao là Trung Nhạc thuộc Dự châu, Hoa sơn là Tây Nhạc thuộc Đồng châu, Thái sơn là Đông Nhạc thuộc Duyễn châu, Hằng sơn là Bắc Nhạc thuộc Ký châu, Hành sơn là Nam nhạc thuộc Kinh châu, sau mở Hành châu là từ núi mà đặt tên. Vì năm núi này trên ứng Thiên tượng đối với năm Đế. Lại núi cao gọi là Nhạc. Đại sư họ Lý, người ở Hạng thành, Võ Tân. Lúc còn bé nằm mộng thấy vị tăng Ấn-độ khuyên vào đạo, lại thường mộng thấy vị tăng dạy trai giới. Khi thấy bạn đọc kinh Pháp Hoa thì tâm rất ưa thích kính trọng. Trước không hề đọc bèn mượn mà ở chỗ nghĩa địa vắng vẻ tự xem một mình, không người dạy trao ngày đêm than khóc. Lại sợ ở nghĩa địa là chỗ ở của phi nhân. Bèn dời đến một ngôi thành xưa đào hang mà ở. Ngày thì khất thực, đêm chẳng ngủ nghỉ, đối kinh mà khóc đảnh lễ mãi không thôi. Mùa hạ mưa nhiều dưới hang ngập nước, toàn thân sưng thủng cục cữa không được, mà tâm đối kinh vẫn mạnh mẽ, bỗng bịnh tiêu hết bình phục như xưa. Lại mộng thấy Phổ Hiền cỡi voi trắng đến xoa đầu

mà đi. Văn xưa chưa biết nay tự nhiên hiểu rõ, chỗ đầu được xoa tự nhiên nổi lên như nhục kế. Do đó kinh Pháp Hoa và hơn ba mươi quyển kinh khác trong mười năm tụng không dứt tiếng. Nhân đọc các kinh thấy khen thiền định, lại phát tâm tìm thiện tri thức. Gặp Thiền sư Tuệ Văn mà học pháp thiền. Ngày thì làm việc tăng, đêm thì ngồi thiền đến sáng. Siêng năng động chướng, bèn phản quán nguồn tâm tìm cầu bất khả đắc, bèn động tám xúc phát thiền căn bản. Nhân thấy chỗ ba đời hành đạo, được tướng này rồi càng thêm tinh tấn. Hết hạ thọ lạp xong sắp muốn thượng đường (lên pháp đường) thuyết giảng bèn cảm thán rằng: xưa Phật ở đời chín tuần vừa xong thì người chứng đạo rất nhiều. Nay Ta không quá tuổi pháp dối nhận, trong tâm hổ thẹn, ngả mình tựa vách, lưng chưa đến vách thì sáng suốt liễu ngộ. Tam-muội Pháp Hoa pháp môn Đại thừa cảnh giới đều sáng tỏ, thông minh bối xả đều thành tựu. Từ đó trở đi, biện ngộ rất nhiều, kinh chưa nghe chẳng nghi ngờ mà tự hiểu. Cho nên văn nay chép: pháp môn đại tiểu sáng suốt rỗng phát. Trong truyện chẳng nói bảy năm phương đẳng, là chỗ truyền nghe khác nhau. Kế Ngài Nam Nhạc thờ Ngài Tuệ Văn, là nói Nam Nhạc sở thừa và đức hạnh của văn sư, chưa thấy có bản truyện.

Nói Tề Cao, Tề là nước Tề, Cao là Cao Tổ, là người ở Bột Hải, họ Cao là con cháu của Tề Đại phu Cao Hề. Cao Hoan Kế Trừng Kế Dượng, mới được Ngụy nhường ngôi, kinh đô là Nghiệp ở Tương châu tức là Bắc Tề, không cạnh tranh giáo hóa nên gọi là độc thiệp. Hà là Hà bắc, Chuẩn là Chuẩn Nam. Hành hóa ở đời mà nói đời chẳng biết là nói chỗ chứng đã sâu mà người khác không biết. Nếu y theo chín Sư nối nhau chỗ dụng, người thứ nhất húy là Minh, dùng nhiều bảy phương tiện, e rằng sợ là bảy phương tiện Tiểu thừa. Từ Trí Giả về trước không hề có người lập ở Viên gia bảy phương tiện. Người thứ hai tên là Tôi, thường dùng tâm dung, tánh dung, tướng dung các pháp vô ngại. Người thứ ba tên là Tung, thường dùng bổn tâm ba đời vốn không lui tới chân tánh bất động. Người thứ tư tên Tựu thường dùng tịch tâm. Người thứ năm tên Giám, thường dùng liễu tâm, quán sát nhất như. Người thứ sáu tên Tuệ, thường dùng đạp tâm, trong ngoài khoảng giữa tâm bất khả đắc tiêu tan thanh tịnh năm chỗ dừng tâm (Ngũ xứ chỉ tâm). Người thứ bảy tên Văn, thường dùng giác tâm, trùng Tam-muội quán, Tam-muội diệt tân, Tam-muội vô gián, đối tất cả pháp tâm vô phân biệt. Người thứ tám tên Tư, phần nhiều như tùy tự ý an lạc hạnh. Người thứ chín tên Khải dùng quán thứ đệ như thứ đệ Thiền môn, dùng quán bất định như sáu diệu môn dùng Viên đốn quán như Đại chỉ quán. Vì quán này tuy

nói tượng thừa pháp môn mà chuyển đổi. Tuệ Văn xưa nay đã y Đại luận, thì biết là cái trước chẳng phải sở thừa. Nay tán thán pháp sở hành của Tuệ văn, cho nên nói đời không thể biết. Đạp đất rất dày, đây là nói pháp hạnh ở đời của Văn sư như đạp đất chẳng biết là đất dày, đội trời chẳng biết là trời cao. Trí Giả quán tâm luận trở đi dẫn chứng Văn sư (là Sư Tuệ Văn) sở thừa có khác. Nói Cao Tổ. Nếu theo Trí Giả thì phải lấy Ngài Nam Nhạc làm Phụ sư, Ngài Tuệ Văn làm Tổ sư, Ngài Long Thọ làm Tằng Tổ sư, cho nên Nhĩ Nhã Thích Thân chép: cha đã chết là Vương Phụ thêm Vương là Tôn, cha đã chết của Vương Phụ là Tằng Tổ Vương Phụ, thêm Tằng là Trọng, cha đã chết của Tằng Tổ Vương Phụ là Cao Tổ Vương Phụ, thêm cao là trên hết. Ấy là Ngài Chương An so với Long Thọ mới là Cao Tổ. Nếu lấy Tôn thượng làm cao thì khá thông dụng. Như các nhà Hán, Tề, Tùy v.v... đều chỉ Thủy Tổ là Cao Tổ. Nghĩa là thiền kiền lập công đức ích không gì hơn làm cao. Nay ta cũng lấy Long Thọ làm Thỉ Tổ, cho nên Trí Giả chỉ làm Cao Tổ. Có người nghi nói trở đi là giả lập lờ hỏi. Sau trở đi là so sánh đó. Nay lập nghi rằng: đã gọi Tổ thì pháp môn Long Thọ chẳng thể khác nhau. Để lại kiến lập đã khác, nghĩa của Sư Tổ đã yên nhưng Thiên Trúc trở đi là đáp. Trước dẫn người chú luận mà đáp. Nói phàm bảy mươi nhà Phó Pháp truyện chép: Ngài Long Thọ soạn Luận Đại Vô Úy có mười muôn bài kệ, Trung Luận từ đó lược ra đại cương có năm trăm bài kệ, văn xuôi đều do các Sư chú giải. Pháp sư Quan Trung Ảnh chép: có hơn mười nhà chú giải, Trung Luận là sau cùng. Hà Tây Lãng nói có hơn bảy mươi nhà chú giải. Ngài Chân Đế nói phương Tây có hai bản rộng lược, cõi này chỉ truyền bản lược mà thôi. Sư Nguyên Khang chép: ở đây e chẳng phải thế. Cõi này đã có bốn bản: Một là Ngài Thanh Mục chú gọi là Trung luận, sau ngài La-thập đời Tần đã dịch; Hai là Ngài Vô Trước chú gọi là Thuận Trung luận, sau Bồ-đề-lưu-chi đời Ngụy dịch chỉ được hai quyển còn các quyển khác chưa dịch ra; Ba là Pháp sư La-hầu chú cũng gọi là Trung luận, Ngài Chân Đế đời Lương dịch, chỉ được một phẩm Nhân Duyên; Bốn là Bồ-tát Phân Biệt Minh chú gọi là Luận Bát-nhã Đăng. Tam-tạng Ba Phả đời Đường dịch có mười sáu quyển. Hà Tây nói hơn bảy mươi nhà, đâu vì các Sư là không phải, riêng Thanh Mục là đó, Huống chi Thanh Mục là rất kém Di Đãng không thể y nên nói như thế. Lại Luận nói trở đi là dẫn luận văn mà đáp. Bản văn Long Thọ có đãng có lập, nay y theo Long Thọ ý cũng đồng như thế, nên chẳng dùng văn chuyên đãng hình chỉ quán mà kiến lập. Luận câu đầu nói pháp do nhân duyên sanh, tức là kiến lập. Ta nói tức không là khiến

dẹp, giả gọi Trung đạo lại là kiến lập. Bốn câu Trung luận ba lập một đãng, chỉ quán trước sau dẫn nhiều văn này. Hai chỗ phù hợp, thầy trò xác lập, tức Quãng Nhã nói là hợp. Nếu y vào đây mà giải thích vẫn giống hai vật hợp nhau mà gọi tên, lý tức cũng kém. Nay vì nghĩa cầu thể chẳng có hai nên gọi là Tức. Tức ba mà một, cùng hợp nghĩa khác (nghĩa khác với hợp). Phần dưới trở đi đều như thế. Từ Thiên Thai trở đi giải thích riêng pháp được sở truyền, tức sở truyền này là hướng sở hành trong đó trước lược sau rộng. Trong phần trước lược nói Thiên thai, Thiên là đỉnh núi, là nguyên khí chưa chia trộn mà là một, Lưỡng Nghi đã phán trong là trời đục là đất. Đây vốn là tục danh lại y tục mà giải thích, Thai là tên sao, đất đó chia dã ứng thiên tam thai nên lấy đó đặt tên. Có người nói tên xưa là Thiên Thê (thang trời) nghĩa là núi cao có thể bước lên mà lên trời. Người sau đọc sai là Thiên Thai. Lại, Chương An Sơn Ký nói rằng: Vốn gọi là Nam Nhạc Châu Linh Vương Thái tử Tử Tấn ở đó hồn là Thần (hồn làm thần ở đấy), sai kẻ hầu đổi là Thiên Thai hoặc theo Tôn Công Phú nói sở dĩ không xếp vào ngũ nhạc quan tái ở thường điển là vì chỗ lập sâu kín, đường đi rộng xa, không biết Chương An trích ở đâu ra. Phong tục phương Tây xưng tên là tôn quí, như tên con gồm cả cha mẹ, Phật đương thời lập ra nghi này sai người mến đức gọi tên. Phong tục cõi này thì giấu tên là kính trọng, cho nên lấy chỗ ở mà đặt tên người, Nam Nhạc cũng thế. Truyền là truyền trao cũng là truyền thọ, thọ nhận cái đượctruyền ấy nên gọi như thế. Kế là nêu ba bày giáo cảnh và tên, đều như lời văn.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 1
(PHẦN 2)

Kế thứ tiệm trở đi, là giải thích hành tướng, trong đó nói tiệm giống như bậc thang. Nên Đại kinh quyển tám nói vì muốn hóa độ các thế gian nên các thứ chỉ bày các lớp khác nhau như bậc thang kia. Đại luận quyển bốn mươi nói: Ví như lên lầu có thang thì dễ. Quyển mười tám nói: Ví như lên thang phải từ bậc đầu tiên rồi dần dần lên cao, cao cách mấy cũng đến được, nên dùng để ví Tiệm. Như bắt đầu từ trời người rồi cuối cùng đến thật tướng. Báu, kim cương Đại kinh quyển hai mươi nói: Như báu kim cương để dưới ánh sáng mặt trời thì mầu sắc không nhất định. Tam-muội Kim cương cũng giống như thế, như ở giữa đại chúng thì mầu sắc bất định. Đại luận quyển ba mươi nói: Như châu pha lê tùy mầu sắc ở phía trước mà đổi, tự nó mầu sắc không nhất định. Các pháp cũng giống như thế. Hoặc thường hay vô thường. Kinh lấy một hạnh mà tùy các hạnh, luận lấy một lý mà ứng với các lý, lý hạnh tuy khác mà đồng gọi là bất định. Cho nên kim cương và châu pha-lê tên tuy khác nhưng thí dụ về châu là đồng. Đại luận quyển năm mươi chín nói: Báu kim cương Đế-thích cầm cùng đánh nhau mà rơi xuống Diêm phù. Giải thích rằng lý hạnh như châu, giáo pháp như mặt trời, tình như các vật, quán như hiện sắc. Viên đốn, viên là viên dung, viên mãn. Đốn là đốn cực, đốn túc. Lại viên là hoàn toàn tức viên toàn không thiếu sót. Thể chẳng phải tiệm thành (thành dần dần) nên gọi là Đốn. Thể tuy cực đủ nhưng phải lấy hai mươi lăm pháp làm phương tiện trước, mười pháp thành quán mà làm chánh tu. Nay trong tựa lược nói đủ như văn sau. Như người có thần thông bay lên hư không, cận địa thì không cùng muôn nhẫn đồng thể nên nói bất nhị. Người có thần thông ví như người đốn hạnh, đằng ví như tu hành quán lý, không ví như đốn lý bất nhị vì ba căn, đây là ba chỉ quán đối căn khác nhau. Sự tuy khác

nhau nhưng đồng duyên đốn lý, lìa ngoài Viên giáo thì chẳng có căn tánh khác. Phải biết ba thứ này đều y theo viên lý, chia ra ba hạnh này gọi là ba căn tánh, Cho nên tiệm thứ khác nhau ở biệt hoặc một ngày một tháng một đời tu thì có thể tu được. Cho nên trong Huyền Văn Phán giáo thứ mười chép: Tiệm quán là từ mới phát tâm làm viên cực cho nên tu A-na-ban-na cho đến Vô tác, cho nên biết người đốn thì hạnh giải đều đốn. Người Tiệm thì giải đốn mà hạnh tiệm, chẳng nhất định giải đốn mà hạnh hoặc đốn tiệm. Có chỗ nói là biệt đều chẳng thấy văn chỉ. Kế trong giải rộng: sơ là kết trước sanh sau. Trước giải thích tiệm, nói tiệm sơ (trước) cũng biết thật tướng, nghĩa là y đốn lý mới khởi đốn giải so với người đốn kia cho nên nói cũng biết. Nương đốn mà khởi giải nên nói là nan giải (khó hiểu), nương giải mà khởi hạnh lại nói là khó hành, tiệm là dễ làm vì dễ hiểu. Văn tuy cùng nói nêu phải gồm cả hai. Vì lý khó hiểu mà khởi tiệm hạnh. Trong phen này chỉ có năm lớp, nghĩa thì mười ba. Nói năm lớp, một là qui giới, hai là thiền định, ba là vô lậu, bốn là từ bi, năm là thật tướng, nghĩa mười ba tức phen đầu có sáu, nghĩa là ba ác ba thiện, phen thứ ba có bốn, nghĩa là hai giáo thừa có sáu nghĩa trước hợp thành mười, ba thứ kia chẳng khai, hợp là mười ba. Trong mười ba thật tướng là cảnh được duyên so với đốn là đồng bất ưng số là hạn khác nhau. Cho nên ở dưới trong hỏi đáp chép: trong tiệm thứ có mười hai thứ khác nhau tức là ý này. Thứ lớp điểm xuất, đến dưới dễ biết bất định đến đốn sau, là tiệm thứ nêu tên ở bất định ở trước, cho nên nói tiệm trước. Viên đốn nêu ở văn sau bất định nên nói là đốn sau. Trong bản thứ hai nêu văn bất định ở sau tiệm đốn, tức nói bất định là y cứ tiệm đốn ở trước, hoặc tiệm hoặc đốn chẳng phải chỉ một pháp nên gọi là bất định. Nếu từ đầu đến cuối chuyên tiệm hoặc đốn thì mới gọi là tiệm đốn. Biết bất định trước cũng biết viên. Từ canh tiền canh lậu trở đi là giải thích tướng bất định. Trước sau chỉ là trước tiệm sau đốn. Hoặc khi quán đốn hoặc khi quán tiệm. Cạn sâu là y cứ năm phen trước cùng nói cạn sâu. Về sự lý, giới nội là sự, giới ngoại là lý. Chân đế tục đế ba thứ đều một, đều lại đắp đổi cũng thế. Trong đây chỉ nêu bốn tất và chỉ quán. Các pháp tuy nhiều, nếu luận về hành tướng thì chẳng ngoài hai thứ này. Như sau an tâm và phá biến, v.v... cũng chẳng ngoài đây cho nên nay nêu ra. Từ hoặc chỉ trở đi là giải thích thể bất định. Văn có hai cặp: một là y cứ bốn tất. Ấm là thế giới như trước quán ấm nhập. Tức quán ấm nhập là Đệ nhất nghĩa, gọi chỉ thế giới này là Đệ nhất nghĩa. Như quán chân lý là chỉ sanh thiện diệt ác mà thôi gọi là chỉ Đệ nhất nghĩa, lấy làm hai tất. Kế y cứ chỉ quán, hoặc chánh dụng quán mà phải

dứt quán, hoặc chánh dụng chỉ mà phải chiếu chỉ. Vì chiếu chỉ nên chỉ liền thành quán, vì dứt quán nên liền thành chỉ. Hoặc tuy không (hôn trầm tán loạn) mà tiến đạo công si, phiền hoặc chẳng dứt thì chân lý chẳng mở, đều phải đổi đường hoặc dứt hoặc chiếu, nên quán thành chỗ dứt chỉ thành chỗ chiếu khác nhau với nghi thường. Cho nên nói là bất tịnh. Trong phân biệt ở dưới, bốn trong bất định là chỉ cho hai cặp này. Người nghi nói trở đi là phân biệt văn trước, trong nghi hỏi trước nói giáo cảnh, là đồng giáo Đại thừa, đồng duyên cảnh thật tướng, đồng gọi là chỉ quán, ba thứ này đã đồng vì sao ba hạnh tướng đốn là khác nhau? Kế từ nhiên trở đi là. Đáp: Trước đáp chung, nói đồng và khác nhau v.v... là hành tướng đều khác đâu ngại ba đồng, tuy nói ba đồng đâu ngại hạnh khác. Trong tiệm thứ trở đi là đáp riêng, phải gọi tiệm thứ đối nhau với bất định ở viên đốn để nói dị đồng. Nay văn chỉ giải thích, hành tướng tiệm thứ. Tiệm sau kết rằng vì sao nói bất định, là vì pháp bất định, không có thềm vị, cho nên mượn tiệm sau mà kết bất định. Trong tiệm có mười hai thứ bất đồng như phân biệt trước hai giáo hai thừa là bốn vô lậu. Mà nay chỉ nói chung ba thứ trong vô lậu là sao. Nói riêng là lìa thành bốn người, nếu gọi chung vô lậu thì hợp tức ba người chỉ còn một vị. Nay nêu chung trong một hợp khai gồm ba, nên gọi là trong vô lậu gồm có ba. Nếu mất bản vị lìa khai làm bốn cùng thiện ác đều ba, cho đến thiền định từ bi đều là một, cho nên thành mười hai. Nếu y theo vô lậu thì lìa làm bốn riêng, từ bi cũng phải có ba khác nhau. Văn không lượng là nói từ nhiều, vì tiệm bất định mười hai khác nhau nhiều hành tướng cho nên gọi là tiệm bất định. Y cứ lý thì chẳng phải nhiều chẳng phải ít. Y cứ tướng thì đốn ít hai nhiều, trong tiệm thật tướng cho đến viên đốn, tướng ấy là đồng chẳng cần phải nói khác, cho nên chỉ kết bất đồng ở viên mà dùng để giải thích hướng đồng hay chẳng đồng, v.v... Kế từ chương này đồng Đại thừa trở đi là hỏi lại: hướng tuy nói tiệm bất định khác nhau lại hỏi lại ba phen khác nhau, cho nên hỏi rằng sao gọi là nói sai. Lại câu hỏi đầu, hứa có ba khác, đem đồng mà hỏi khác, cho nên kết văn rằng tướng đốn này khác. Ý câu hỏi sau là do trước đáp khác, đem khác mà hỏi đồng. Cho nên kết rằng vì sao gọi là nói sai. Hai câu hỏi tuy là ba đồng ở trước, mà văn ý thật dùng hai nghĩa đắp đổi mà nêu. Cho nên hai đáp đều nói đồng và chẳng đồng. Lại do trong đáp trước chỉ nêu tướng tiệm để đối với đốn, còn hành tướng bất định thì nhờ tiệm mà nói. Nay muốn nói đủ ba tướng riêng, nên lại dùng ba đồng mà hỏi. Cho nên đáp dưới nêu có hai tướng. Nói chương này trong đây tên cũ là chương biện sai. Đã nói ba đồng vì

sao chương này lại nói ba thứ khác nhau. Tên chương tuy bỏ cũng có thương tổn gì. Nhưng trở đi là lại đáp, nghĩa đồng như trước. Chín khác nhau là ở mười hai trước hợp thành ba vô lậu y chung làm một, cho nên chỉ có chín, cùng bốn bất định đối đốn liền thành ba khác nhau. Lý mà nói thì trong tiệm bất định thật tướng sở duyên đồng với đốn lý, là đáp câu hỏi, cho nên đối hai mà nói đều gọi là khác nhau, cho nên nói từ nhiều. Kế tất cả trở đi là chứng đồng khác nhau, vì chứng pháp vô vi nên khác nhau mà đồng, mà có chứng khác nhau nên đồng mà khác nhau. Bởi các thánh chứng pháp vô vi, vì vô vi này mà phân biệt, nên nói khác nhau. Như các vị La-hán được tiểu vô vi còn phân biệt tiểu, nên các Bồ-tát được Đại vô vi nên phân biệt được đại. Do đó phân biệt là dụng của vô vi, cho nên lấy pháp vô vi y vào bản thứ hai mà đáp rằng trong tiệm thứ có mười hai thứ khác nhau, trong bất định có bốn chữ đồng nhau, trong chung có mười ba thứ chẳng đồng. Nếu không sửa lại bản văn thứ ba thì bản văn thứ hai do đâu mà giải, mười hai và bốn nên có mười sáu, mà nói mười ba. Bèn nêu từ khai hội số lần từ họp. Phải biết mười hai y cứ với khai vô lậu, mười ba y cứ với hợp vô lậu, đối bất định mà nói. Hỏi: Vô lậu khai bốn, sao từ bi chẳng khai? Đáp: Khai cũng chẳng trái. Trong Huyền Tiệm quán nêu bốn từ bi, khai họp tùy tiện chẳng thể một chuẩn (theo một). Có người chép: ba trong vô lậu chung, tức là ba quán là vô lậu không. Trong giả trung tự làm tham cúng có hơn một kỷ, thật không hề nghe có giải thích khác ở đây. Trung tức là Thật tướng, thật tướng là đồng, như thế nào số là hạn khác nhau, là một chẳng thật có. Một Tông giáo môn văn không nói giả dùng làm chung là hai chẳng thật có. Trong chín tiệm thứ đã có vô lậu, từ bi và giả nghĩa nó lại đồng, chẳng nên trùng số lấy ba có chín, là ba chẳng thật có. Nhờ sai lấy ba đủ sáu thiện ác, chỉ phải thành chín, nay nói mười hai là bốn chẳng thật có. Dẫu gồm thật tướng chỉ thành mười một, nay nói mười hai, là năm chẳng thật có. Lại văn bản thứ hai không có trong vô lậu nói chung, cũng nói mười hai. Nay phối ba thứ này mà với ba quán lại hợp tiệm thứ cũng chỉ mười hai, là sáu chẳng thật có. Lại nói các phen đạt tức là quán, chỉ tức là chỉ, ba đường vì sao chỉ có chỉ mà không có quán, thường trụ vì sao chỉ quán mà không có quán, thường trụ vì sao chỉ quán mà không có chỉ. Nhờ sai lấy đây làm chỉ quán, là trung gian bốn phen là bốn chỉ bốn quán, trước sau hai phen là một chỉ một quán, thì chỉ có mười. Nếu khai thiện ác đều lập chỉ quán thì chín chẳng đồng với mười tám chỉ quán. Nếu số thường trụ lại làm hiện văn. Văn nói tiệm chín là bảy chẳng thật có. Lại phải suy nghĩ phân biệt tiệm đầu

tuy lại biết viên. Chẳng đồng chỉ trung và trong mười hạnh, thời dài hạnh xa. Lược biết hai thứ này đã là giáo khác nhau. Cho nên biết ba thứ này biết viên tánh đồng mà hành tướng hơi khác. Phải biết Ngài Nam Nhạc chỉ trao cho Ngài Thiên Thai Lý Viên Đốn y cứ hạnh phải dùng tiệm bất định mà giúp. Hỏi: Đại sư Nam Nhạc biết bốn giáo chăng? Đáp: Nam Nhạc biết rõ mà chẳng phán kỷ, vì sao. Như Trí Giả giải thích vị mà dẫn Nam Nhạc dùng văn Đại phẩm bốn mươi hai chữ lấy làm viên vị, địa Hoan Hỷ v.v... lấy làm biệt vị, địa Càn Tuệ v.v... lấy làm Thông vị. Lại Nam Nhạc tự giải thích bốn mươi hai tự môn gồm bày văn kinh Đại phẩm. Cũng làm nghĩa ba giáo mà giải thích, đã biết trong văn ba giáo đại phẩm nơi nơi đầu dùng để diễn bày đối tạng làm tiểu. Cho nên biết Nam Nhạc cũng biết bốn giáo. Lại bốn giáo này không phải bắt đầu từ Nam Nhạc. Thiền sư Tuệ Văn đã y theo Đại luận. Đại luận giải thích các kinh nói ba giáo, phải biết giáo này truyền đến đã lâu. Đến Ngài Thiên Thai thì phân biệt mới thạnh hành. Có người chép: bốn giáo là do thần tăng trao cho. Lời nói này không có bằng cớ. Thần tăng chỉ nói từ nay trở đi, tự hành hóa tha ta thường ảnh hưởng Tam-muội đã thiên cơ chợt phát, bốn giáo đâu đợi thần tăng. Thừa nhiếp hữu do rất phù hợp thánh chỉ. Cho nên ba quán nhiếp chung bốn giáo. Lại ba tên gọi chỉ quán này tuy giống ba thứ trong tám giáo mà tướng hoàn toàn biệt. Trong tám giáo kia chỉ có Hoa Nghiêm là Đốn, từ Lộc uyển trở đi là Tiệm, bất định gởi tại bốn vị trước trong. Trong phần Liệu giản bên dưới phân biệt sau chỉ là nhờ tên. Vì đem bí mật đối ba làm nạn, không phải ý chánh viên đốn trở đi, là giải thích viên đốn, trong đó trước là y căn cứ chỉ quán. Ban đầu duyên thật tướng đến chân thật, tức là chỉ quán cảnh sở được duyên, duyên nó cũng tạo tuy thuộc năng quán, nhưng ý lại nói được cảnh mầu diệu sở duyên. Từ hệ duyên trở đi, là kế giải thích năng quán, tức niệm làm hệ nên tịch mà thường chiếu, tức hệ làm niệm nên chiếu mà thường tịch. Năng sở còn là một huống chi chỉ quán? Một sắc một hương đều là Trung đạo. Trung đạo tức pháp giới, pháp giới tức chỉ quán, chỉ quán chẳng hai, cảnh trí ngầm một. Sở duyên sở niệm tuy thuộc về cảnh, lại nói năng duyên để làm sáng tỏ tịch chiếu. Từ giáo môn của Sơn gia làm sáng Trung đạo chỉ có hai nghĩa, một là lìa đoạn thường thuộc hai giáo trước. Hai là Phật tánh thuộc hai giáo sau. Ở trong Phật tánh giáo phân ra quyền thật, cho nên có tức và lìa. Nay từ nghĩa tức nên nói sắc hương đều là Trung đạo. Sắc hương này người đời đều xem là vô tình. Nhưng cũng cho sắc hương là Trung đạo. Vô tình Phật tánh mê hoặc tai làm kinh tâm. Nay lại dùng mười nghĩa mà bình luận sai

đối với lý chẳng mê hoặc. Các thứ khác lệ theo đây mà biết: một là y cứ thân. Nói Phật tánh là Phật hải có đủ ba thân, chẳng thể nói riêng có tánh ứng thân. Nếu đủ ba thân thì pháp thân cho khắp sao cách vô tình, hai là từ thể ba thân tướng tức chẳng lúc nào tạm rời, đã cho pháp thân ở khắp tất cả mọi nơi. Báo ứng chưa hề lìa pháp thân, huống chi là chỗ pháp thân hai thân thường ở. Cho nên biết ba thân ở khắp các pháp, đâu riêng pháp thân. Pháp thân nếu khắp thì còn đủ ba thân đâu riêng pháp thân, ba là y cứ sự lý, bốn thứ cần dùng chia ra tình và vô tình, từ lý thì vô tình chẳng phải tình khác. Cho nên tình, vô tình cũng thế, bốn là y cứ độ, từ mê là tình cho nên chia ra y chánh. Từ lý là trí cho nên y tức là chánh như thường tịch quang tức là cõi pháp thân, thân độ tương xứng đâu cách vô tình, năm là căn cứ giáo chứng, giáo đạo nói hữu tình và phi tình, chứng đạo nói cho nên chẳng thể phân làm hai, sáu là y cứ chân tục, chân cho nên thể là một, tục thì phân ra có không, hai mà chẳng hai suy ra mà biết. Bảy là y cứ nhiếp thuộc, tất cả muôn pháp thuộc về tâm, ngoài tâm không có gì khác, đâu lại cách ngăn. Chỉ nói hữu tình tâm thể đều khắp, đâu cách cỏ cây gọi riêng vô tình, tám là nhân quả, theo nhân theo mê chấp khác thành cách. Theo quả theo ngộ, Phật tánh luôn đồng, chín là tùy nghi, bốn câu phân biệt thuận theo tất-đàn, nói khác nhau loại, phân ra hai khác. Mười là Tùy giáo, ba giáo nói không, viên nói có khắp. Lại kinh Tịnh Danh chép: chúng sanh như nên tất cả pháp như, như không Phật tánh, lý tiểu giáo quyền, giáo quyền lý thật cũng chẳng phải y nay. Lại nếu nói vô tình thì đâu riêng ngoại sắc, nội sắc cũng thế. Cho nên Ngài Tịnh Danh chép: thân ấy không biết như cỏ cây gạch ngói, nếu luận hữu tình đâu riêng chúng sanh, tất cả duy tâm. Ấy thì một trần đầy đủ tất cả Phật tánh chúng sanh, cũng có Phật tánh Chư Phật mười phương. Từ giới mình trở đi là y cứ đế nói Đốn, tức là vô tác đế đến trong bốn hoằng mà nói Tướng đế. Trong đây lược bày quán vô tác. Cho nên bốn niệm xứ giải thích vô tác bốn đế rằng: trong một niệm tâm có đủ khổ mười giới, gọi là Khổ đế, đủ mười giới hoặc gọi là Tập đế, khổ tức Niết-bàn gọi là Diệt đế, hoặc tức Bồ-đề gọi là Đạo đế. Kế từ pháp tánh trở đi là lấy riêng một chỉ quán mà kết vô tác đế. Kế kết thể chẳng hai. Từ tiệm và bất định trở đi là dẫn rộng chứng viên. Trước đã chọn hai, kế chánh dẫn chứng, trước đã giải thích hai lớp rộng lược, nay lại dẫn chứng nên nói là lại nói. Trong bản thứ hai từ đây đến ân Phật pháp đều thuộc về bàn bạc, nay đều trở lại dẫn chứng văn. Xưa gọi bàn bạc mất mà chẳng bày là do đây, kế trong dẫn chứng ở trước dẫn kinh như liễu đạt v.v... là kinh cũ thứ năm trong phẩm Hiền

Thủ, Ngài Văn-thù dùng hai kệ mà hỏi nghĩa sâu liễu đạt tịnh đức Bồ-tát Hiền thủ đem mười lăm hạnh năm lần nói kệ mà đáp. Nay Bồ-tát Văn-thù ở trong sanh tử đến cùng kiếp chẳng thể hết. Lược trong kệ ấy văn hai hạnh lại nói sanh tử là nêu vị thấp nhất, là Bạc địa sơ tâm. Nếu chẳng thế thì vì sao có hiển viên đốn công sâu. Chẳng thể động là lý rốt sự khắp, chẳng bị chỗ động, chẳng phải gọi bất thối là bất động. Nói một niệm là nêu thời gian thật nhỏ công sâu đức rộng, sâu cùng không bến, rộng khắp không bờ. Như lai nói chẳng thể hết, lý đã mầu nhiệm nói chẳng thể cùng, cả người cực vị còn chẳng thể nói há phàm thánh khác nhau mà có thể nói cùng tận. Từ Bồ-tát này trở đi đến kiến lập chúng sanh, là kinh ấy mười lăm hàng kế trước sau. Hiền Thủ lại dùng sáu trăm chín mươi hai hàng bảy lần nói kệ đáp. Trong đó ba mươi hàng trở lại là nói viên tín. Kế sáu mươi hàng nối liền nhau nói về hành tướng tu. Kế nói sáu căn các tướng dùng lẫn nhau. Nay lược y đó khai làm sáu văn lập viên nhân quả. Sao gọi là viên văn kỳ văn, ba chướng tức là ba đức, đến chỉ qui chương và trong đức chung với đủ tướng ấy. Nói viên tín là y lý khởi tín, tín là gốc hạnh. Như pháp là thứ ba nói Xá-vệ, Giang đông nước ấy rộng sâu, hơn năm trăm nhà ngang bướng dối gạt nhau. Phật biết có thể độ đến dưới cây. Có người đến lễ hỏi là có người đến thăm hỏi. Phật hóa thành người từ nước lên, nước đến mắt cá, mọi người kinh ngạc hỏi: Có thấy người từ nước đi lên chăng? Có đạo thuật nào hóa người. Đáp rằng ta là người ngu dốt ở Giang nam đây. Nghe nói Phật ở đây muốn gặp. Người hỏi nước cạn sâu, người khác đáp, nước chỉ đến mắt cá chân. Tin nói mà lỗi không có thuật khác. Phật nói: chấp tin (tin chắc) bèn vượt qua vực sâu sanh tử, vượt qua sông mấy dặm, đâu đáng làm lạ. Người trong làng nghe đều từ Phật hóa, nay cũng giống như thế. Nếu tin ba đạo tức là ba đức, còn có vượt qua hai sông sanh tử huống chi ba cõi, ba đạo nầy chỉ là ba đế, đế đã là cảnh thì phải quán trí, ba quán là nhân, quán thành là trí đủ như giải thích ở sau, ba trí đủ như Đại phẩm. Trong ba trí phẩm ba quán đủ như anh lạc quyển hạ nói. Bấy giờ Bồ-tát Kính Thủ bạch Phật rằng: Những lời Phật đã nói trên hoặc nhân hoặc giả, hoặc hiền hoặc thánh tất cả công đức, nay trong hội này mười bốn ức na-do-tha người ai có thể chẳng từ tòa này đứng dậy học tu tập. Tu đầu đến cuối vào vị Bồ-tát. Lúc đó đỉnh đầu phát ra tất cả ánh sáng, lại nhóm hội Phật và chúng Bồ-tát ở mười phương trăm ức cõi Phật. liền ở trong chúng bảo Văn-thù, Phổ Hiền, Pháp Tuệ, Công Đức Lâm Kim Cương Tràng, Kim Cương Tạng, đồng tử Thiện Tài. Các ông thấy trong chúng ấy Bồ-tát Kính Thủ hỏi về ba quán pháp giới đạo

tự tánh thanh tịnh của Chư Phật, pháp môn tu quán của tất cả Bồ-tát? Các ông nên biết trăm muôn đại chúng đều phải tu học pháp môn như thế. Nếu thế, chỉ phải ở thượng địa mà tu ba quán này, có quan hệ gì với phàm hạ. Đáp văn kinh đã nói chỗ hiểu trăm muôn đều phải tu học, đâu riêng gì địa phương. Như ở phẩm Trung đạo của kinh Thủ-lăng-nghiêm có chép: cho đến phàm phu cũng được tin nhận minh, vô minh không ba. Vì không ba cho nên thành trí không ba, làm không ba hạnh cho đến già chết đều nói như thế. Cho nên mười hai chi mỗi chi đều dùng ba quán mà quán, quên mất năng sở nên nói không ba. Kinh Đại Anh Lạc quyển tám nói nhiếp ý vào định, phân biệt ba quán, cũng chẳng thấy ý người nhập định. Đạo tâm vô lượng thế giới ở mười phương thừa sự cúng dường quán tất cả pháp. Ấy gọi là đầy đủ thiền độ. Cho nên phải biết ba quán chưa viên thiền độ chưa mãn, danh từ hiển bày lược như trên dẫn. Nếu dùng nghĩa cầu nhiếp tất cả pháp đủ như văn dưới sẽ nói trong nhiếp pháp. Cho nên ba quán trí, văn lý có bằng chứng. Hỏi nghe trong viên pháp làm thành tên ba đức. Tin phải y nghe, vì sao viên tín làm tên ba quán cho đến giá chiếu rộng sâu v.v... ư? Đáp: ba đức là cảnh, ba quán là hạnh. Hạnh phải nương cảnh, lại từ hạnh nói. Không là Bát-nhã, giả là giải thoát, Trung là pháp thân, chiếu là Bát-nhã, giá tức giải thoát, không giá không chiếu là pháp thân, rốt ráo là pháp thân, thanh tịnh tức là Bát-nhã, tự tại tức là giải thoát. Sâu là Bát-nhã, rộng là giải thoát. Chẳng sâu chẳng rộng là pháp thân. Tín sẽ khởi hạnh, Cho nên từ hạnh mà được tên khác nhau. Lại ba quán từ nhân, giá chiếu từ dụng, sâu rộng từ thể. Trong viên hạnh nói một hướng, là nếu chẳng một hướng tức là thuộc hai thứ kia nói vào thẳng Trung đạo, chớ gọi chỉ là Trung. Chỉ là chẳng bị thiên, không thiên giả kéo lôi, nên gọi là bất động bất tịch. Từ hơn làm tên nên gọi vào thẳng. Người chẳng thấy thì gọi là quán trước chỉ trung đều không có lý này. Kế trong Viên vị mà chỉ là ba đế ba đức. Sơ hiểu sơ khai nhập vị sơ trụ, một trụ tất cả trụ, là trong sơ trụ thì đủ tất cả vị, như môn chữ A đầy đủ tất cả công đức Chư Phật. Công đức tuy nhiều mà chẳng ngoài ba đức, nên nói tất cả rốt ráo v.v... Trong viên Trang nghiêm có pháp thí hợp, trong pháp lại dùng một tâm ba đế làm sở trang nghiêm, một tâm ba quán làm năng trang nghiêm. Khi đến vị này ngoại dụng tự tại nên nói Trang nghiêm, chánh thọ không công đức nói ra giả công đức. Công đức trong nhập xuất và bất nhập xuất, trong đó có song già và song chiếu. Đối với đức và dụng so nói rất dễ hiểu. Căn là sáu căn, trần là sáu trần, phương là mười phương, vật là tùy trần đều có các loại, chánh báo v.v... là văn kinh rộng

y cứ nam nữ các thân, phương trần vật v.v... tức là y báo. Kế là văn thí dụ. Trong dụ song nhập xuất. Vả thí dụ sáng khởi xuất mà nói, thí dụ chiều nhập chánh thọ, thí dụ nửa đêm là chẳng nhập xuất. Cho nên kinh Trường A-hàm quyển hai mươi hai chép: ở Diêm-Phù-Đề là mặt trời giữa trưa, ở Phất-bà-đề là mặt trời lặn, ở Cù-đà-di là mặt trời mọc, ở Uất-đơn-việt là nửa đêm. Văn kinh thứ lớp bốn phương nói khắp. Kinh ấy lại chép: Diêm-phù-đề là Tây thì Cù-da là Đông, Cù-da là Tây thì Vu Đãi là Đông. Vì mặt trời mọc là Đông nên nay chỉ lấy bốn phương thấy khác làm thí dụ, trong hợp mà nói cũng thế, là phải đem đủ ba đế ba quán trên mà hợp trong đây. Trong kiến lập nói manh cổ là đui mù. Nay vì vô duyên không nạp ánh sáng giáo nên mắt tâm như mù, cho nên nêu Long vương làm thí dụ. Thuyết văn nói rồng hay ẩn hay hiện hay lớn hay nhỏ, xuân chia thì lên trời, thu chia thì xuống vực sâu. Quản Tử nói muốn nhỏ thì như con tằm muốn lớn thì đầy khắp trời đất. (Tha: là Tha Hóa; Lạc: là Hóa Lạc; Đâu: là Đâu Suất; Dạ: là Dạ-ma; Đao: là Đao Lợi; Tu: là Tu-la là tên các trời. Não: là mã não; lê: là pha lê; Diêm: là Diêm phù; Việt: là Uất đơn việt, v.v...). Đây là sáng tục nói chưa biết hết công dụng của rồng. Nay y theo Hoa Nghiêm thì Long vương Ta-kiệt-la làm mưa khắp sáu tầng trời cõi dục, ngang khắp bốn vực. Kim cương rộng nói bắt đầu từ lớp Kim cương, cuối đến trời Tha Hóa, bốn vực là người bốn châu. Sáu trời là sáu tầng trời cõi dục. Tức dụ cho sáu vị đã phá vô minh thấy Đệ nhất nghĩa. Nên gọi là trời bốn mươi vị là bốn, Đẳng giác, Diệu giác là hai. Nếu tu nhân mà nói thì phải từ trụ tiền cho đến Đẳng giác. Pháp thân nói pháp còn sai Đẳng giác dứt phẩm cuối cùng, huống chi là Sơ trụ. Trong đây phải dùng bản tích cao thấp bốn câu mà giải thích, bốn vực ví như bốn cơ, bốn môn, bốn tất, v.v... được ích lợi khác nhau. Cho nên biết sáu phen chỉ đốn bốn cơ thông tiệm. Nói người ở vị này có hai kiến lập. Dụ chung cho bị vật cơ thấy khác nhau. Nổi mây là kinh nói Long vương hiện bày tự tại từ mé Kim cương đến trời Tha Hóa, nổi mây khắp bốn thiên hạ, mây ấy có các mầu trang nghiêm.

Tha vàng, lạc đỏ, Đâu-suất trắng Dạ Lê,
Đao Não, Tứ vương pha.
Trên biển Kim cương, hương hệ-na
Các rồng như hoa, tu như núi.
Diêm xanh, việt vàng, hai châu tạp
Điện cũng tùy cảm đều khác nhau.
Tha Hóa nhật quang, lạc nguyệt quang

Đâu, Diêm-phù vàng, dạ báu trắng.
Đao vàng, Tứ vương mầu tối diệu
Diêm xanh sắc báu, ba châu khác.
Sấm sét khác nhau lại khác nhau,
Tha Hóa Phạm âm, lạc diêu âm.
Đâu kỹ nhạc âm, dạ thiên nữ
Đao hệ la nữ, tứ vương càn.
Loài người hải triều âm đồng khác
Tám bộ chỗ thấy đều khác nhau.
Mưa khác nhau, tướng cũng khác nhau,
Tha hóa hương hoa, nhạc chiêm bậc.
Đâu ma ni báu, dạ cờ lọng.
Đao châu như ý, bốn cam lộ.
Bắc việc anh lạc, hai chiêm-bậc.
Nam Diêm-phù-đề nước thanh tịnh
Các rồng thấy biết đều khác nhau.
Cùng dụ Bồ-tát tự tại dụng.

Mây ví cho hiện thân, sấm ví cho nói pháp, điện ví cho phát ra ánh sáng, mưa ví cho từ bi. Ba nghiệp như thế hay chúng sanh sự thấy biết đều khác. Hỏi trang nghiêm kiến lập có gì khác nhau? Đáp: Đều là không thể nghĩ bàn Một tâm ba trì trang nghiêm pháp thân gọi là Trang nghiêm. Ngoài ích ở nó gọi là kiến lập. Cho nên Pháp Hoa chép: Năng lực Định Tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh. Độ sanh tức là kiến lập. Hợp như văn. Sơ tâm còn thế v.v... là nêu so sánh. Đây là chỉ cho viên lập sơ phát tâm trụ khác nhau với sáu căn thanh tịnh v.v... ở văn trước. Nhị Trụ trở lên cho đến Đẳng giác gọi là Trung tâm, Diệu giác vị gọi là hậu tâm. Cho nên nêu sơ trụ để so sánh trung hậu. Cho nên Sơ trụ trở lên cũng gọi là sáu căn dùng lẫn nhau. Như kinh Tứ Niệm Xứ chép: sáu căn dùng lẫn nhau gồm có hai thứ: một là tự, hai là chân. Tự như Pháp Hoa, chân như Hoa Nghiêm. Nay y theo Hoa Nghiêm, Sơ Trụ trở lên tức là chân dùng lẫn nhau. Đây là dẫn Hoa Nghiêm chứng ba trung đốn, vì sao gọi là Tiệm viên. Như lai hết lòng là chánh dẫn pháp bày diệp pháp thể, pháp thể chỉ là đồng thể cảnh trí tức là nói người chẳng khinh cho nên người hiểu, vui mừng là sao, ở đầu phẩm Phương Tiện, có Ký ngôn, tuyệt ngôn khen rộng, khen lược, chẳng nêu quyền thật. Cho nên đầu chương nêu rằng: Chư Phật có trí tuệ sâu xa vô lượng. Sâu xa là khen thật, vô lượng là khen quyền. Cho đến ở cuối chương chỉ có Phật và Phật mới biết rõ hết thật tướng các pháp, các

pháp là quyền. Thật tướng là thật. Đây đều là ký ngôn khen quyền thật, chỉ chẳng cần nói tức là bặt ngôn khen. Cho nên nói hết lời khen ngợi pháp này, cho nên cuối văn xuôi Ngài Thân tử thỉnh rằng: Bạch Đức Thế tôn vì sao hết lời khen ngợi là chỉ văn này. Ý khen ngợi bởi có lý do Phật thành đạo đến nay đã bốn mươi hai năm mới hiển chân thật nay muốn nói pháp lại đợi ba lần t hỉnh đã hứa nói xong năm ngàn vị đúng dậy đi, sau mời rộng y cứ chương môn năm Phật mà khai quyền bày thật, cho nên biết khai hiểu đâu dễ được nghe. Cho nên nói Như lai hết lời khen ngợi, đầu quyển hai Ngài Thân Tử hiểu được, vui mừng hớn hở. Cho nên nói người nghe vui mừng. Kế dẫn các kinh nói người cầu chí lớn cho nên chỗ làm pháp mầu đều là giải thích thành pháp được truyền. Nói thường than khóc, tức là vì cầu pháp mà bảy ngày bảy đêm than khóc ở chỗ rừng vắng nên gọi là Thường Đề, tiếng Tây trúc là Tát-đề-ba-luân. Kinh Đại phẩm quyển hai mươi sáu nói Phật bảo Tu Bồ-đề rằng Bồ-tát Ma-ha-tát vì cầu Bát-nhã Ba-la-mật thì phải như Tát-đa-ba luân. Bồ-tát này nay ở chỗ Phật Lôi Âm mà thực hành hạnh Bồ-tát. Tu Bồ-đề nói vì sao vị ấy cầu Bát-nhã Ba-la-mật thì chẳng tiếc thân mạng chẳng cầu danh lợi nghe trên hư không có tiếng rằng người thiện nam, từ đây đi về phương Đông chớ màng các việc như: mõi mệt, ngủ nghê, ăn uống, ngày đêm, lạnh nóng, v.v... chớ nhìn ngó hai bên, chớ hoại thân tướng, nếu hoại thân tướng thì ở pháp có ngại. Có ngại cho nên tới lui năm đường chẳng được Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát nói con theo lời dạy bảo. Vì cầu Bát-nhã vì chúng sanh vì làm ánh sáng lớn nên cầu Bồ-đề. Lại nghe trên hư không có tiếng chép: ông nên tin chắc ba không, gần gũi cúng dường các thiện tri thức. Các thiện tri thức nói được ba không, cho đến các trí sai tâm vui mừng. Do đó, Bồ-tát nghe lời dạy đi về phương Đông. Lại nghĩ rằng: chẳng hỏi tiếng trên hư không đi về đâu, đi gần hay xa biết nghe theo ai, bèn than khóc bảy ngày đêm như con chết. Trên hư không có tiếng Phật bảo. Chư Phật quá khứ khi cầu Bát-nhã cũng giống như thế, từ đây đi về phương Đông năm trăm do-tuần có ngôi thành tên là Chúng Hương. Thành ấy có Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, mỗi ngày ba thời nói Bát-nhã, người nghe cúng dường đều không còn lui sụt. Ông nên đến đó mà nghe Bát-nhã, nghe rồi rất vui mừng. Lại nghĩ lúc nào ta được thấy, khi nghĩ thế thì vô lượng trí tuệ, vô lượng Tam-muội đều hiện ra, do đó liền đến, v.v... Thiện Tài Nam Cầu, là Đồng Tử Thiện Tài khi mới gá thai trong nội cung có bảy kho lớn, các kho ấy đều sanh ra lầu các bảy báu tự nhiên vây quanh, có bảy vật. Từ bảy báu sanh ra bảy răng ngà. Thiện Tài sanh rồi ngà cao mười bốn tầm

rộng bảy tầm. Lại ở trong nhà có năm trăm hình báu đựng đầy các báu. Lại các hình bảy báu cùng sanh các báu. Vì nhân duyên ấy nên các Bà-la-môn giỏi xem tướng đặt tên là Thiện Tài, tìm thiện tri thức đi dần về phương Nam qua một trăm mười thành gặp các thiện tri thức đều bảo rằng tôi trước đã phát, tâm Bồ-đề. Các thiện tri thức đều nói tôi chỉ biết có một pháp môn này. Mới trải đến thành thứ năm mươi mốt thì gặp Di-lặc, thành năm mươi ba thì gặp Văn-thù, Phổ Hiền thì chẳng còn nói chỉ biết một pháp. Cho nên biết là trước tiệm sau đốn. Nay từ sau đốn nên chỉ ra, đủ như trong phẩm Nhập Pháp Giới, v.v... Dược Vương đốt tay là Dược Vương Bồ-tát vốn ở chỗ Phật Bảo Tạng phát nguyện trị hai bệnh thân tâm của chúng sanh. Nên nay gọi tên ông là Dược Vương. Ở chỗ Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức tên là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật ấy diệt độ rồi thì xây tháp cúng dường. Bồ-tát Nhất thiết chúng sanh hỷ kiến vì cúng dường tháp, nên ở trước tháp ấy mà đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt trong bảy mươi hai ngàn năm, sai vô lượng A-tăng kỳ người phát tâm Bồ-đề. Sau khi phát thệ thì tay hoàn lại như xưa. Đây cũng là cầu quyền thật diệu thể. Phổ Minh tự cắt đầu, là được tên là Vị Tri. Tên này là từ kinh Nhân Vương. Đại luận gọi là Ma-vương Tu-đà. Nhân vương chép: Xưa vua nước Thiên-la có Thái tử tên Ban Túc khi mới lên ngôi được ngoại đạo Đà-la dạy sai lấy đầu một ngàn vua để tế thần mải, từ khi lên ngôi rồi thì cắt được chín trăm chín mươi chín đầu vua, còn thiếu một đầu. Đi về phía Bắc một ngàn dặm thì được một vị vua tên là Phổ Minh, vua ấy thưa rằng cho tôi còn sống một ngày để cúng cơm cho Sa-môn và lạy Tam bảo. Ban Túc nhận lời. Phổ Minh liền trở về y theo pháp bảy Đức Phật thỉnh một trăm vị Pháp sư, một ngày hai thời giảng Bát-nhã một ngàn bài kệ xong, Pháp sư thứ nhất vì vua và quyến thuộc nói kệ bốn phi thường, quyến thuộc được Pháp nhẫn, vua được Tam-muội không bình đẳng, các tên pháp nhãn v.v... giống Tiểu thừa vì trị vua này, khiến cho bỏ y chánh. Đã nói y theo pháp bảy Đức Phật để giảng Bát-nhã, đâu riêng Tiểu thừa huống chi là cộng bộ, nghĩa không vốn chung. Nay từ bất cộng Cho nên chỉ rõ. Một ngày ba xả là nói Lý viên Pháp Diệu, ân sâu khó đền đáp, kinh Kim cương kia dùng bốn câu kệ để đánh giá xả thân, nay mượn văn kinh ấy mà nêu nhiều so sánh ít. Ngày bỏ ba thân luôn trong trăm ngàn ức mà chẳng thể báo đáp. Một câu Bát-nhã, huống chi như Pháp Hoa đội mang gánh vác tuy nhiều kiếp gánh vác mà thân ấy cũng còn, đâu thể báo đáp đầm Viên thừa, Bát-nhã cộng biệt ý chẳng khác trước. Một kinh một lời là nêu lược, chỉ rộng như trên trích dẫn Thường Đề, v.v...

đều là một kinh. Trong một kinh lược, còn một lời, lấy đây mà so sánh các thứ khác rất dễ thấy. Nghi nói trở đi là thỉnh chứng hai thứ kia, đây tức là hỏi. Từ trên đã chứng Tam-muội viên đốn, tiệm cùng bất định thì lấy gì làm bằng. Nhưng kinh luận trở đi là đáp. Trước nói ý đáp, viên là gốc ý ấy nên dẫn trước. Tiệm và bất định cũng đều có bằng cứ, do đây lại chứng (chung) ba nghĩa. Thánh giáo đã nhiều, Khảo Thanh dẫn đủ nên nói là lược nêu. Kế là đáp riêng. Trong đó trước dẫn bốn kinh đều chứng ba nghĩa, kế dẫn vô lượng nghĩa thì chỉ chứng ở tiệm. Kế dẫn sáu kinh chứng riêng ở viên viên là ý chánh nên lại dẫn. Lại dẫn Hoa Nghiêm kết chung, văn trước là dẫn các giáo. Trước dẫn Tịnh Danh nói về Tiệm. Hoa Nghiêm là giáo tiệm trước đốn sau, nghĩa đồng tiệm quán cho nên dẫn ra. Các văn dưới trở đi là chứng tiệm bất định, đều mượn giáo để chứng quán, thế nghĩa giống nhau đâu thể toàn đồng. Nếu khuấy giáo thành quán lại chẳng khác lắm. Cây Phật, cũng gọi cây nguyên cát, cũng gọi là (cây) đạo, cây Bồ-đề. Từ đó mà được đạo nên gọi Thế. Đã hàng ma rồi chứng được trạch diệt, thấy đế lý, lìa pháp sanh tử thì gọi là cam lộ diệt, là đức đoạn thành tựu, đạo Giác thành tựu là phát được trí chân đạo năng đoạn nên gọi giác đạo thành là trí đức thành. Diệt đạo thành cho nên bốn đế đầy đủ, từ thắng (hơn) mà nói nên chỉ nói diệt đạo, ba chuyển v.v... là khuyến chứng. Một chuyển đều sanh mắt trí sáng biết gọi là mười hai hạnh, nói đủ hai nghĩa: một là chuyển đi, hai là dẹp phá. Dùng bánh xe bốn đế mà chuyển độ cùng phá kiết hoặc của người. Như báu Vương Luân làm hoại, làm an, bánh xe pháp cũng giống như thế, hoại oán phiền não mà an trụ Đế lý cho nên người xoay bánh xe pháp này ở Đại thiên. Nói Đại thiên là như luận Câu-xá nói là bốn đại châu mặt trời, mặt trăng, Tô-mê-lô Dục Thiên, Phạm thế đều một ngàn gọi là một tiểu thiên giới, một ngàn Tiểu thiên này là một trung thiên, một ngàn Trung thiên là một Đại thiên đều đồng một ngôi thành một hoại. Đời không có hai Phật cho nên ở một Đại thiên. Kinh Thụy Ứng nói là trung ương của mười hai ngàn trời đất vậ. Bốn Đế lý này thể không kiết hoặc nên gọi là vốn tịnh. Lại nói vốn chẳng thể nói nên gọi là vốn tịnh, vì phá hoặc người không được mà chuyển tám muôn các vị trời được pháp nhãn thanh tịnh. Năm người như Câu-lân, v.v... đều được sơ quả cho nên nói trời người đều được đạo chẳng dối, có thể làm chứng. Thế tôn là Phật bảo, nên gọi là Tam bảo hiện thế gian. Kế chứng bất định tức là nói lên bất định. Nói một âm là gọi chung đại tiểu nay ý ở đại. Nói Tiểu thừa, như Tỳ-đàm chép: Phật vì bốn vua mà dùng lời thánh nói bốn đế, hai đế hiểu, hai đế không hiểu, Phật lại nói tiếng Tỳ-đà-la

thì một người hiểu một người không hiểu. Phật lại nói tiếng Lê-xa thì bốn vua đều hiểu. Hỏi nếu lời thánh nói mà hai trời chẳng hiểu. Nếu Phật có tài thì đâu có chẳng hiểu, nếu Phật bất tài thì kệ làm sao hiểu. Kệ chép: Phật dùng một thứ tiếng giảng nói pháp mà hiện ra các nghĩa. Chúng sanh đều bảo Phật vì ta hiểu mà nói các pháp chớ không phải vì người. Đáp: một âm là âm Phạm. Nếu trong đại hội có nhiều người tham, đều bảo Thế tôn chỉ vì riêng ta mà nói vì bốn vua này đều nghĩ khác nhau, nên Phật ba lần nói để đến ý niệm của họ. Lại phá chúng sanh bảo Phật dùng lời thánh mà nói pháp. Lại có chúng sanh phải đổi hình tiếng mà thọ hóa, có loài thì không cần đổi. Cho nên khác nhau một âm Đại thừa. Nay như dẫn luận khởi Tín nói: Viên âm hễ giảng nói thì các loài khác đều hiểu. Lại như trong tám mươi vẻ đẹp, một âm đáp được các thứ tiếng, khác phương loài khác đều được lợi ích. Như lai vốn chẳng phải dùng tất cả tiếng nói mà đến khắp tất cả tiếng nói, là cùng đồng với nghĩa bất định của văn này. Hoa Nghiêm, Lăng-già đều nói Như lai có sáu mươi bốn thứ tiếng, đây là phương tiện chưa phải lý rốt. Nay nói sợ sệt vui mừng là y cứ bốn tất mà nói tướng bất định. Sợ sệt là ba cõi đáng sợ tức là thế giới. Vui mừng là vui có thể làm lành, tức là loài người. Chán lìa là lìa các điều ác, tức là đối trị. Dứt nghi là nghi dứt thấy lý Đệ nhất nghĩa. Kế chứng đốn là chẳng phải có chẳng phải không, chung cả bốn giáo, bỏ ba còn viên vì chứng ở đốn. Lý vốn không nói bốn tất bị cơ nên các pháp sanh vô ngã, v.v... kết thành viên đốn, vô ngã tạo thọ kết chẳng có, thiện ác chẳng mất kết đều chung bốn giản (bỏ) ba cũng như vừa nói. Có người nói vô ngã đạo thọ phá thắng số luận Tam tạng có thể chung nghĩa bất nhiên, cho nên nay chẳng dùng. Trong Đại phẩm trước chứng Tiệm là Đại luận quyển tám mươi hỏi rằng Bồ-tát Thỉ hạnh tu hành thế nào, ba thứ này có gì khác nhau? Có người chép: có khác vì y cứ đầu giữa cuối, hoặc y cứ ba học để đặt ba tên. Lại Đàn-lê gọi là Hạnh, Thi thiền gọi là Học, Sằn-bát gọi là Đạo. Hỏi vì sao có thứ lớp? Đáp: các pháp tuy không thứ lớp mà được. Bát-nhã cũng giống như thế, vào tất cả pháp bốn thiền cho đến Đệ nhất nghĩa không. Luận Châu-ma-ni nói báo ma-ni ở trong nước sẽ có bất cứ một mầu nào. Như ở trong nước xanh thì màu xanh. Cũng gọi là như ý, giống như Đường Phạm khác nhau. Đại luận Hoa Nghiêm đều gọi Như-ý Ma-ni, giống như nêu hai tiếng, như Pháp Hoa gọi Ma-ni anh lạc, Như ý châu anh lạc, tuy giống nhưng thể khác. Chân tánh như thể của châu, còn tập tánh như vật biểu. Nghe giáo như đặt trong nước, tập phát như hiện sắc. Lý tánh chẳng khác mà hiện sắc các pháp. Phát tâm tức ngồi đạo tràng là nói

mới phát tâm, lại nói xoay bánh xe pháp, biết là Sở Trụ, tám tướng thành đạo, chia thân trăm cõi, hiện xoay bánh xe pháp tức là nghĩa viên. Kế dẫn Pháp Hoa, chẳng phải người giáo Hoa Nghiêm, cũng chẳng phải các giáo vào đốn, bắt đầu từ Lộc uyển thiệp hai vị nên gọi là Tiệm. Nói chẳng tin, là nếu chẳng tin Đốn, lại dùng sâu khác. Viên giáo chẳng phải khác mà là sâu, Biệt giáo là khác mà cũng là sâu. Tạng thông là khác mà chẳng phải sâu. Chỉ xưa đốn tiệm đều là dùng ba mà giúp đốn. Xưa chưa bị hội ở khác ở sâu hoặc tin hay chẳng tin, nên gọi là bất định. Tiệm và bất định đều từ xưa nói. Lại đến Pháp Hoa thì lại không hai tên. Nếu vì người từ Tiệm giáo đến thì gọi Pháp Hoa là tiệm đốn, người này cũng từ bất định đến, sao Pháp Hoa chẳng gọi là Bất định đốn? Người tu nhiều đường, Pháp Hoa thường đốn, đều ban là một suy nghĩ rất dễ hiểu. Xả phương tiện là y cứ bỏ quyền. Kế dẫn Đại kinh mươi ba chép: từ trâu ra sữa là ví như từ Phật ra mười hai bộ kinh, cho đến từ bỏ chín ra Đề-hồ là ví như từ Bát-nhã ra Đại Niết-bàn. Trung gian thứ đệ để đối với Tam-muội, lấy thứ đệ nghĩa đồng với Tiệm. Văn Trí Độc ở thứ hai mươi bảy. Nhóm họp liễu nhân gọi là Trí độc, nhờ nay nghe suy nghĩ mà độc phát khác nhau giống như quán bất định nên lại làm chứng. Tuyết sơn Nhẫn Thảo: quyển hai mươi lăm chép: Tuyết sơn ví cho Phật, Nhẫn thảo ví cho tu hành, xuất là ví cho nhập trụ. Đốn cơ hỏi Phật, nói giáo viên đốn, nghe rồi tu hành, phát hiểu vào vi. Trước tu lạc ra, chưa dung luyện lại, gọi là bơ sống, chất tinh diệu của bơ gọi là Đề-hồ. Kế dẫn vô lượng nghĩa, ba thừa thứ lớp nên gọi là Tiệm, đều dùng mưa mà ví cho ba thừa pháp luân, nói thừa kém nhất là mưa nhỏ. Vì mới chuyển nên gọi là mới mưa, phát hoặc ba cõi gọi là chán bụi dục, nghe xoay bánh xe pháp sẽ kiến hết trước, tư hoặc tuy nhiều lấy dục làm gốc, dục chung ba cõi nên gọi là các. Đạo phẩm sau đủ ba Tam-muội nên gọi là khai môn, được hai giải thoát gọi là phiến phong, dứt nóng sanh tử. Chân pháp mát mẻ nương thừa Thanh văn. Kế nhân duyên giáng xuống, nhân duyên mưa rót xuống mà dứt bụi vô minh. Mây tuệ đã nổi làm tắt ánh sáng tà. Đây là Trung thừa, sau mưa Đại thừa tất cả đều mưa. Nếu Phật thừa mở thì khắp đủ các cơ, Đại thừa ý thông nên nói tất cả. Nếu dẫn văn ấy chứng hai thứ kia. Từ một pháp một pháp đốn vậy, hoặc hai hoặc ba tức là bất định. Tiệm văn dứt trừ lại từ hiển mà nói. Kế riêng chứng viên, là Như lai Long vương mưa giáo viên đốn, không mưa ba giáo xuống đất loại thấp. Nhị thừa chẳng nghe cũng chẳng thể nói, cho nên như câm như điếc. Tịnh Danh nhà trống biểu thị cho Thường tịch quang, chư Phật mười phương thường nhóm họp trong đó. Cho nên người vào thì chỉ tôn

kính Phật thừa, dẫn kinh Lăng-nghiêm thì lý tánh như hoàn. quán hạnh như đốt, các pháp đốn phát tên đủ các khí. Dẫn Đại phẩm thì như phẩm Quảng thừa muốn được các pháp đều nói phải học Bát-nhã. Dẫn Pháp Hoa thì từ Pháp Hoa trở về trước chưa hề khai quyền, chẳng gọi đầy đủ. Dẫn Đại kinh thì lý đủ các pháp giống như nước biển. Người tu quán hạnh như đang tắm. Hạnh nhiếp tất cả gọi là đã dụng. Hoài Nam Tử nói biển chẳng nhường nước chứa nhỏ thành lớn, bắt đầu từ Long vương, cuối cùng là biển lớn, đều phán sáu tức mới hết lý ấy. Có người chép: đất khác chẳng kịp mưa khắp, chỉ ngửi mà cách mùi khác. Đảo hòa chẳng bằng vốn đủ, tất cả chẳng bằng tức là biển đủ chẳng bằng sông đủ, phải biết người này chẳng ý dụ, hễ người lập dụ đều phải y cứ hiện sự cho nên dẫn cực sự mà dụ cho pháp tối thượng pháp sẽ mau đủ đâu cần phải khó dụ. Núi Tuyết dụ cho voi ý cũng giống như thế. Kế lại dẫn Hoa Nghiêm để kết trước. Núi cao thấy mặt trời mọc trước các nơi khác, chưa nói là phương chung, cho nên tuy đốn mà bỏ hạnh nhỏ, hang sâu được chiếu sáng thì hơn ở đỉnh núi cao mà ẩn kín, không bằng bình xuyên (sông và đất bằng) nên chưa gọi là khắp lợi ích, cho nên chẳng thọ ký, chỉ được thiên chân. Kế ở trên trở đi là biết khen. Đây là y cứ chín đời để khen chân pháp. Cho nên ba đời đều nhắc lại pháp Như Như gọilà thầy của Phật. Hoa Nghiêm quyển ba mươi mối chép: Phật tử có mười thứ ba đời, nghĩa là quá khứ nói quá khứ, quá khứ nói vị lai và quá khứ nói hiện tại. Vị lai nói quá khứ, vị lai nói hiện tại, vị lai nói vô tận, hiện tại nói quá khứ, hiện tại nói vị lai, nói hiện tại bình đẳng, hiện tại nói ba đời bình đẳng. Nói được mười thu này thì nói được tất cả ba đời. Kinh Hoa Nghiêm làm thành mười câu, cho nên ở ngoài chín liền thân bình đẳng. Cho nên đại anh lạc đều nhờ Thiên tử hỏi Phật: ba đời đều có Chư Phật chăng? Phật nói ông hỏi thế nào là ba đời, quá khứ chăng? hiện tại chăng? hay là vị lai? Đây cũng là ý chín đời. Vô thỉ đều là quá khứ, thuộc về quá khứ nên gọi là vô manh. Mầm lúa mới nẩy nở gọi là Manh, đậu mới nhú gọi là câu. Phải biết chỉ quán trở đi là tông kết mà nói. Lý tánh bốn đức tức là thầy của Phật, chỉ chung văn trước như liễu đạt, v.v... kế bày ba văn bộ riêng nơi chốn, pháp được truyền chẳng ngoài ba thứ này. Phàm muốn tu hành thì y theo bộ nào, cho nên phải bày bộ khác nơi chốn. Trước đã tin, v.v... là kết trước sanh sau. Thứ đệ thiền môn, mục lục nói Đại sư ở Ngõa Quan mà nói. Chùa Đại Trang Nghiêm, Pháp thân riêng ghi phần đầu còn chưa trị định, bản thảo mới thành truyền cho Thiền sư Thiên Thai Đảnh. Trị định đã thành mười quyển. Vua trần cũng có thỉnh Đại sư Nam Nhạc giảng kinh Đại phẩm.

Đại sư chép: hai trang Hạ chẳng đủ, lại nói sáu độ, sáu độ lại rộng bèn nói Thiền đệ, đây không có văn chép. Nay Thiên Thai nói thì mở làm mười chương một là đại ý, hai là thích tên gọi, ba là minh môn, bốn là thuyên thứ, năm là tâm pháp, sáu là phương tiện, bảy là tu chứng, tám là quả báo, chín là khởi giáo, mười là qui thú. Chỉ đến tu chứng, ba thứ kia lược không có. Ở trong tu chứng mở làm bốn khác: một là thế gian thiền, hai là thế gian cũng là xuất thế gian, ba là xuất thế gian, bốn là không phải thế gian không phải xuất thế gian. Trong bốn thứ này chỉ đến thứ ba là xuất thế. Xuất thế lại có hai một là đối trị vô lậu, hai là duyên lý vô lậu. Chỉ đến đối trị, đối trị là chín tức chín tưởng, tám niệm, mười tưởng bối xả, thắng xứ, nhất thiết xứ, chín định thứ đệ phần tấn, vượt lên. Giải thích chín thứ này xong thì nói về tướng tu hành đâu thể đủ hết. Nếu ghi hết các văn dưới đây phải ba mươi quyển.

Truyền rằng: Đại sư Thường ở trên tòa cao bảo rằng: nếu nói thứ đệ thiền môn, mỗi năm riêng mới khắp. Nếu lập chương mà sớ (giải thích) thì cũng năm, mười quyển. Văn truyện là do Ngài Chương An soạn ra, mục lục cũng do chúng cùng ghi chép, quyển hoặc lớn nhỏ khác nhau ngại gì. Sáu Diệu Môn cũng là mười chương: một là trải qua các thiền, hai là sanh nhau, ba là tiện nghi, bốn là đối trị, năm là nhiếp nhau, sáu là chung riêng, bảy là toàn chuyển, tám là quán tâm, chín là viên đốn, mười là chứng tướng. Trong mười chương này sáu thứ trước chung cho đại tiểu cho đến lậu và vô lậu. Từ thứ bảy trở đi là pháp riêng của Bồ-tát. Lại bảy thứ trước là y cứ sự, quán tâm chỉ là lý. Lại tám thứ thuộc Thiên, thứ chín là Viên. Lại chín thứ trước là tu, thứ mười là y cứ chứng. Văn gồm sự lý và hữu lậu v.v... tu phát khác nhau nên gọi là bất định. Mười hai thiền tức là bốn thiền, bốn không, bốn vô lượng cho đến sáu độ, dùng mười môn sáu diệu mà trải, nghiệm ra chỗ phát tuy lấy thượng thư lệnh làm thỉnh chủ, tu phát cũng đâu có gián đoạn, ở đạo và tuc. Văn viên đốn, tức là văn này, Chương An tự nói chỗ ghi. Nói về đại phần tuy như vừa nói nhưng trong mỗi bộ đều có bàng chánh hư thứ lớp thiền môn chánh nói thứ lớp, bàng cũng có hai. Văn tuy chưa trọn cũng có ý ấy, chẳng phải lậu, chẳng phải vô lậu tức là đốn văn. Tu phát khác nhau mười sáu câu tức là bất định. Trong sáu Diệu Môn chánh nói bất định, bàng cũng có hai, Viên đốn tức đốn, tương sanh tức tiệm. Nay Viên văn đốn cũng gồm hai thứ kia. Lệ như ba tạng cũng có chung riêng. Từ tuy có trở đi là khuyên răn một là khuyên chớ chấp ba, cho là nhất định có, hai là khuyên chớ chấp, ba là định khác nhau. Tuy có ba khác nhau nhưng đều chung thật tướng, đâu thể chấp nhất định

tướng phải trái, cho nên văn sau nói biết văn chẳng phải văn. Bướu la bịnh thịt nổi cao lên, hai là bịnh thịt khuyết lõm. Định có làm bớt, định có làm thêm, cho nên dẫn làm thêm bớt ba chê bai.

Kế dẫn luận: Đại luận quyển hai mươi khen kệ Bát-nhã rằng: nếu chẳng thấy Bát-nhã ấy thì bị trói buộc, nếu người thấy Bát-nhã là được giải thoát. Sự ấy rất hiếm có rất là sâu xa rộng lớn. Dùng hai hạnh trước mà đối ý văn nay. Đối với pháp khởi thấy gọi là cái thấy bị trói buộc. Mê đối với pháp tướng gọi là chẳng thấy trói buộc. Xứng pháp mà khởi thấy thì gọi là thấy được thoát, thấy tướng chẳng thấy gọi là chẳng thấy thoát. Định có ba, ba định khác, gọi là thấy trói buộc. Mê ở ba văn và ý ba băn gọi là chẳng thấy trói buộc. Biết ba không ba đồng khế một cực gọi là thấy được thoát. Kế nghi hỏi trở đi là đặt câu hỏi giải thích nghi. Trước trong câu hỏi nêu chẳng thể nói lấy câu hỏi để chỉ người. Lý vốn không nói sao phải bày ba. Nói chung riêng là chẳng chia lớn nhỏ chỉ nói các pháp, nên gọi là chung. Dẫn sanh sanh, v.v... bốn cái khác nhau đối giáo khác nhau, nên gọi là riêng. Ngài Thân Tử đối Thiên nữ giấu chẳng thể nói. Không nói không bày viên chẳng thể nói. Lược nêu trước sau hai so sánh mà biết tức chung riêng. Chung và riêng đều chẳng thể nói, sao lại lấy ba văn mà chỉ người. Từ nhiên đản dẫn trở đi là lời đáp. Văn có chung hai ý sao lại chỉ dùng chẳng nói khó nói mà hỏi. Nay trong ba văn này tức là nói. Chẳng cho chấp văn tức chẳng thể nói. Vì đâu gọi riêng ba văn là nói, cho nên bác bỏ chung rằng: chỉ thấy một bên chẳng thấy cả hai. Trước dẫn Đại kinh có thể nói để đáp câu hỏi ở trước. Đây là nói chung về có thể nói. Kế dẫn Pháp Hoa vô số phương tiện tức rất có thể nói, vì năm Tỳ-kheo là hỏi có thể nói. Đây là nói riêng có thể nói. Cũng nêu trước sau, hai thứ lệ theo mà biết. Kế dẫn Đại kinh mười hai văn sửa đổi với kẻ mù từ bé thật chẳng thể nói mà cũng có thể dùng bối mạt để chỉ bày. Lý chân như thật chẳng thể nói mà cũng có thể dùng bốn thứ như thường, v.v.... để nói. Nay ba chỉ quán cũng giống như thế. Tổng trì tức là không thể nghĩ bàn. Tục này văn tự cũng chẳng nói được. Tuy chẳng thể nói cũng giả văn tự tục đế nói. Ấy là hai đế đều có thể nói. Chân lý không nói còn nhờ nói mà ngộ, huống chi là tục đế mà nói chẳng nói. Cho nên có nói phải y theo hai đế. Đã dẫn văn nói để đáp chẳng nói. Dẫn Tịnh Danh v.v... dung thông hai đường. Văn trước cho rằng nói và không nói thể tánh tức nhau. Văn tự là sắc pháp, sắc pháp tức thật tướng. Thật tướng đã chẳng khác thì nói tức là không nói. Kế dẫn đại kinh. Như lai vốn không nói đậu vật gọi học rộng, học rộng chẳng lìa lý, nên không nói tức là nói. Kế dẫn kinh

Tư ích cũng dung hai đường, cho nên nói thường hạnh. Kế dẫn Pháp Hoa đến thấy Phật, là nhắc lại đáng nói để ngược với câu hỏi trước. Kế dẫn đại kinh về mây sấm v.v... trong hư không, là ý nói đều cảm ứng. Trước nói nhân duyên nghĩa đó còn chung, nay lại riêng lấy thí dụ mà hiển rõ cảm ứng. Thứ tám nói ví như torng hư không sấm sét nổi mây, tất cả trên ngà voi đều nổi vân. Không sấm sét thì chẳng nổi vân cũng không danh tự. Kinh họp thí dụ rằng nghe giáo thường trụ thì thấy Phật tánh. Cho nên này kết rằng: lúc nào một bề không nói. Nói là ứng, nghe là cảm, hình tiếng hai luân đều có cảm ứng, nay để đáp câu hỏi nên cho là nói. Nói ngà voi, là sở có ba giải thích một là tên của ngà voi, hai là súc sanh là trên ngà voi có nổi vân, ba là nói trên ngà voi sanh cỏ hoa. Tuy ba thứ khác nhau mà đều kham ý thí dụ cảm ứng. Ngà voi cũng sấm trời huyền đất khác, còn do sấm trời mà nổi vân, huống chi là thánh nói bị vật tương xứng với cơ mà vô ích ư? Hư không là pháp thân, sấm sét là nói pháp, nổi mây là hiện thân ngà voi là cơ duyên, nổi vân là được ích lợi. Nghĩa là có bốn ích lợi như quán hạnh, v.v... khác nhau. Kế từ nếu còn cho đến Vô gián là nói ý pháp, có pháp thì hợp văn đầu nói pháp như trên đã dẫn hai đường giúp nhau không được tranh nhau mà sanh, tránh hỏi han. Đây là nói mất lý do vì tranh chấp. Kế là nói trở đi là bày lý chẳng nói. Tuy nói không nói nhưng phải có chỗ nương. Kế đại bi trở đi là chánh nói ý nói một là vì phàm sư đại bi mà lợi ích chúng sanh cho nên nói, hai là vì chúng sanh hoặc nặng căn độn nên phải nói. Đã chẳng gặp thánh thì y phàm mà dựa theo giáo. Vì tâm đại bi khiển trước mà nói. Kế như nguyệt trở đi là nêu thí dụ: mặt trăng tánh chân thường ẩn núi phiền não. Phiền não chẳng phải một, nên gọi là nặng. Gió giáo viên âm dứt hóa về tịch. Lý tịch vô ngại cũng như thái hư. Bốn y hoằng giáo như động cây nổi quạt. Cho nên giả ba văn mà bày lý chân thường. Lý chẳng thể bày. Năng lực đại bi huân nhân văn mà so biết, biết gió biết trăng. Thuyết văn nói trăng là thiếu vì có đầy có vơi nên gọi là thiếu, cho nên lấy làm thí lý có nữa có đầy, Quảng nhã nói gương trăng, quạt trăng. Kế từ người nay trở đi là họp. Diệt rồi bẩm giáo nên nói người thời nay. Thân lãnh thừa Phạm âm, dùng tuệ nội chiếu nên nói là huyền lãm. Người nay ý độn, chẳng phải nay huyền chiếu mà biết cho nên nói sẽ khó. Giả văn giúp ý, văn có chỗ cứ sai ý chẳng lầm nên nói là dễ. Từ nhược phong văn trở đi là sai phá phong tình thâu (đoạt) văn thành quán. Nếu chấp văn sanh lỗi thì lấy văn làm cảnh văn tức là pháp giới sao lại có gió. Biết văn chẳng phải văn là quán không, thấu tất cả văn là quán giả, chẳng phải văn hay chẳng văn là quán trung. Quán

được văn này ba trí đầy đủ, cho nên nói được tất cả hiểu. Kết vi thứ trở đi là kết chung câu hỏi ở trước. Ba thứ chung là môn thật tướng. Thật tướng là một, ba văn giúp thấu đạt nên ba tức là môn thấu đạt một. Vì sao hỏi rằng đều chẳng thể nói. Đã nói lược duyên khởi, là Chương An viết tựa xong tự kết.

Kế Kim đương trở đi là nói Chánh thuyết, mở thành mười chương. Nay ở đây đại tiểu đều thành chương, lại từ đoạn lớn nên lược mở mười, mỗi đoạn đều là chỉ quán. Chỉ quán đại ý cho đến thứ mười chỉ quán chỉ qui, nói thì đều phải dùng chỉ quán mà tiêu. Mươi là trở đi là nói ý dùng mười số. Nói số là phương, phương cũng là pháp. Như trong Hoa Nghiêm, các pháp môn đều lấy mười làm số. Kế nói mười chương công năng. Thủy thì nêu hẹn tại trà v.v... Thủy là đại ý, trà là nghĩa rốt ráo cho nên Tứ Thập Nhị Tự chép: Vào các pháp biên cảnh xứ chẳng thật có cho nên chẳng chung chẳng sanh, quá trà thì không có chữ để nói. Đại luận quyển năm mươi ba giải thích rằng: đời Tần dịch là Tất. Nếu nghe chữ Trà thì biết các pháp đều (Tất) chẳng thật có. Nếu lại có thì là chi nhánh của chữ Trà. Ấy là đại ý đã nêu Tông cực. Tiêu là chương đầu, kỳ là khắc chung (ở cuối). Vì sao? đại ý năm lược: trước phát đại tâm hẹn tâm đại xứ, đại xứ chỉ quy về ba đức. Ba đức là nghĩa Trà rốt ráo. Chung nghĩa là chỉ qui. Chỉ qui ba đức tức là tự tha muôn hạnh chỗ đến, nên nói là chí cực. Thiện thủy, v.v... là sai cũng thiện. Thủy là đại ý, chung chỉ qui. Tự tha thỉ chung tu chứng pháp mầu, đều ở trong mười chương này. Cho đến bảy thiện đều ở trong đó. Trước giải thích nghĩa sanh khởi. Sanh khởi chỉ là thứ lớp, kế chí lý trở đi là nói chung riêng. Lý vốn vô sanh, cũng không có chủ tể. Vì có việc tự tha nhân quả nên gọi là nhân duyên. Giải thích có chung riêng, chung là mỗi chương đều có hai nghĩa sanh khởi, riêng là sanh ở chương trước, tức là năng sanh ra sau. Khởi ở chương sau nghĩa là sau từ trước khởi. Lý do, v.v... là giải thích có hai tên. Gọi sanh khởi cũng gọi là duyên do thú thứ. Nghĩa là chương trước là lý do của chương sau, chương sau là thú thứ của mỗi chương đều là chuyên do thú thứ, đồng nghĩa với sanh khởi nên nói cũng giống như thế. Cho nên Bà-sa hỏi sanh khởi có gì khác? Đáp: hai nghĩa đồng là pháp hữu vi nên không có khác nhau. Nếu làm riêng thì sanh là nhân, khởi là quả. Như từ nhân sanh quả, quả lại làm nhân mà sanh quả sau. Cho nên đại ý này tuy ở đầu tiên, cũng do không rõ vô minh làm nhân, đời này hiểu biết nên nói là khai giác. Đầu từ phát tâm, cuối là đại xứ, ý ở khai giác. Phải biết Bà-sa chung khác với nay. Sở dĩ trở đi là nói tướng sanh khởi. Do đại ý mà biết tên chỉ quán. Đã khái giác rồi chẳng còn cầu Niết-bàn

thiên tiểu gọi là bất lưu động, lại chỉ bị hoặc làm nhiễm gọi là Đại tịnh. Bất động gọi là Chỉ, đại tịnh gọi là Quán. Tên này chung cho nhân quả của tự tha. Cho nên chẳng nói nó cạn sâu. Danh là năng thuyên, thể là sở thuyên, do danh này nên biết có sở thuyên cho nên danh là đắc, không phải gọi chứng đắc. Thể là nhiếp pháp. Thể là thật tướng. Thật bao gồm quyền. Cho nên quyền thật nhiếp tất cả pháp, quyền thật sở nhiếp chẳng ngoài thiên viên. Cho nên dùng thiên viên để phán quyền thật, văn khác rất dễ biết. Tuy sanh khởi mười chương, văn lại ở y giải khởi hạnh. Cho nên ba chương sau lược mà chẳng giải thích v.v... Kế kỳ (chỉ) vi trở đi là kết ý sanh khởi, dùng mười chương này mà sanh khởi. Chỉ là chẳng đạt chân thật không sanh khởi. Cho nên nói mười chương sanh khởi chỉ qui, tuy là không sanh không khởi cũng từ sanh khởi đến không sanh khởi. Cho nên không sanh khởi từ chín chương sanh. Nên văn trước nói chung là sanh khởi. Nếu khế lý rồi thì không có mười chương. Chỉ qui còn mất huống chi là chín trước, cho nên chỗ tâm hành diệt v.v... Lại chẳng phải chỉ do có sanh khởi mà được không sanh khởi. Cũng do không sanh mà được có sanh, như khế bí tạng ứng khắp pháp giới. Kế phân biệt trước từ chân tục, cuối đến dọc ngang. Lược dùng mười môn để phân biệt mười chương. Trước nói mười chương công đức v.v... là nói ý phân biệt, nếu không có mười môn phân biệt mười chương thì sợ người chẳng biết mười chương dồi dào. Như báu ở trong túi, v.v... là ý thí dụ phân biệt. Nghĩa mười ý giàu như trong túi có vật báu. Các môn phân biệt như chỉ bày cho người. Đại luận quyển sáu mươi lăm chép: nếu không chấp tướng để không dính tâm, nói có chín thứ, sai người khác đọc giữ, chánh tâm nghĩ nhớ: một là chiếu liễu, là chẳng biết sai biết; Hai là mở ra như mở kho báu tùy ý lấy dùng; Ba là (chỉ bày) như thấy chẳng sáng, chỉ bày tốt xấu. Tiểu thừa mắt trí chẳng sáng thì chỉ bày đạo và chẳng phải đạo; Bốn là phân biệt, tức là thế và xuất thế; Năm là hiển bày, hoặc khi phá bỏ thiện mà giúp bất thiện, quí ở chỗ sai chúng sanh được hiểu rõ; Sáu là nói pháp, là nói ý thú của Phật; Bảy là giải thích như trong túi có vật báu mà người chẳng biết. Nên phải mở túi kinh Phật để giải thích đạo lý; Tám là bỏ nặng sai nhẹ, các thứ thí dụ giúp cho dễ hiểu; Chín là cạn dễ, như nước khó lội qua phải sai dễ qua. Nước Bát-nhã sâu làm cho cạn dễ. Văn nay dắt dẫn thăm túi một văn, ý đều chứa đủ tám nghĩa kia, nói là phải giải thích cả tám ý. Kế phải giải thích phân biệt, trước từ mười chương nay trở đi, là trưng bày, kế từ tám chương đầu trở đi là đáp giải thích. Trong giải thích nói ngay nơi tục là chân, v.v... là phải nói bảy thứ trước đến thứ chín. Từ

nhiều theo tiện nên nói tám thứ đầu, tám không phải là chân chứng nên gọi là Tục. Ngay nơi tục này thể tánh là chân, nên nói ngay nơi tục là chân. Quả báo chiêu cảm là giới ngoại tục. Tục do chân chứng, chứng thể khởi dụng, dụng ngay nơi là tục, cho nên nói ngay nơi chân là tục. Quán là thánh pháp, y pháp vào quán. Cho nên nói sự im lặng của bậc Thánh. Nghĩa chung trụ tiền tất cả phàm phu. Chánh quán một phần là định, v.v... Hoặc nói chỉ quán ở nghĩa thật không song cùng nêu chương danh mục không tiện. Trước nêu chương nói chánh tu chỉ quán nay lược tu chỉ, chỉ nói chánh quán, chánh tu chẳng ngoài hai pháp chỉ quán có chỉ thì thuộc định, có quán thì thuộc tuệ. Tuệ gồm các chương kia, trong các chương kia nếu y cứ về giải thì đều là nghĩa, chỉ thuộc về giải, giải tức thuộc về quán. Quả báo ở đấy nên thuộc về giải. Quả báo thuộc quả văn thiếu là mục, là cũng tùy lời tiện, theo lý giải nói năm chương trước và khởi giáo là mục, mục thì thuộc về giải, năm chương trước chỉ cho tự hạnh, khởi giáo một chương sai chỉ cho tha sanh. Phương tiện đến quả báo là đủ. Đủ là thí ở hạnh, phương tiện chánh quán có công dụng hạnh. Quả báo vị ở Sơ trụ trở lên không có công dụng hạnh. Tự nhiên tác ý, dù ít khác nhau, đồng thuộc ở hạnh. Nếu y theo quyển năm ở trước nói sáu lớp trước là giải, ấy là phương tiện cũng thuộc về giải. Nay dùng phương tiện được làm hạnh đầu, lại xếp thuộc về hạnh. Đại ý đến chánh quán là cộng, v.v... là vị tuy ở phàm, nhưng nghĩa chung cạn sâu nên gọi là sông. Vì từ Sở trụ đến Đẳng giác cũng gọi là chánh quán từ thắng mà đặt tên, vì là quả báo và khởi giáo v.v... nên hai thứ này chẳng chung với hạ phàm. Chỉ ở thánh vị nên gọi là bất cộng. Nói chung riêng, chung là chung ở nhân quả mình người, riêng là riêng ở tám chương khác nhau. Nói dọc ngang là thể tướng một chương chánh nói về cạn sâu nên gọi là dọc, tám chương kia so thể một lần là ngang, hương vị nói rõ đều là đồng khác. Chỉ có thích danh một mực là ngang còn các thứ kia thì gồm cả ngang dọc. Như đại ý mỗi lần thì ngang, nếu dùng phát âm mà so quả báo há chẳng phải là dọc sao? Nhiếp pháp sáu môn, mỗi môn so nhau thì là ngang, đương môn vẫn dọc. Phương tiện năm khoa, mỗi khoa so sánh nhau cũng được gọi là dọc, đương khoa vẫn ngang. Như trước đủ duyên kế mới trách dục (muốn). Muốn vào chánh quán phải bỏ cái màng che, cái lui thì đạo tiến tùy bịnh mà chữa trị. Tuy có đủ bốn khoa phải cần năm pháp. Y cứ thứ lớp này nên gọi là dọc. Mỗi trong năm như áo so cơm dùng sắc so tiếng đều không cạn sâu. Các khoa khác cũng Cho nên không gọi dọc. Chánh quán một lần tuy gọi là ngang, bắt đầu từ năm phẩm, cuối cùng ở sáu căn, chung thuộc chánh quán là nghĩa ở

dọc. Quả báo đương vi thì tức là ngang. Đầu từ sơ trụ, cuối đến Đẳng giác, đây thì là dọc. Khởi giáo một chương khắp bày lưới giáo, tùy duyên năm vị quá hiện mà vào thì gọi là ngang. Trải qua năm vị quá hiện mà vào thì gọi là dọc kế phân biệt, trước trong hỏi nói lược mà chỉ, v.v... nếu lấy văn này là Đại sư phân biệt, chẳng phải lấy Thương lược mà làm (vì) lược chỉ, vì Thương lược này thuộc tựa Chương An. Vì đối Đại sư Chương đầu đại ý là phân biệt, nghĩa là rất bất tiện huống chi văn trong Thương lược không có bất định. Cho nên văn ấy chép: lược nói kinh Phật thô bày ý viên. Kế dẫn Vô Lượng Nghĩa để nói về tiệm thứ. Nói tiệm thứ xong liền nói nay bỏ tiệm nói đốn cùng đáp văn dưới chép: Riêng thì lược chỉ ba môn nghĩa lại chẳng tiện. Nay nói trong văn tuy không có lời miệng nói, đây là Chương An phân biệt riêng, tức chỉ biện sai lược giải thích ba môn để làm câu hỏi này. Tuy ở trong tựa nghĩa gồm cả chánh. Cho nên bản thứ nhất chưa có văn tựa, cùng ở văn mà trước nêu ba chỉ quán, và trong đại ý các văn phần nhiều dùng ba chỉ quán mà kết. Bản hai trước nêu lý do, tức là tựa trước do thầy trò truyền nhau. Chương An soạn tựa hợp với soạn tựa, cho nên trong phân biệt đối nhau làm câu hỏi. Cho nên hỏi ba lược đồng khác thế nào với đại ý này? Đáp: có chung riêng. Chung thì lược là một với đại ý. Như trong phân biệt nói đại ý lược, tám thứ kia là rộng. Riêng thì chẳng phải như thế. Lược thì ba thứ chỉ, quán khác nhau, đại ý chỉ nói viên đốn chỉ quán, một trong ba thứ nên nói viên đốn chỉ quán, một trong ba thứ nên nói một đốn, chớ bảo ngoài ba riêng. Nếu lập riêng thì có nhiều ngại, một là thành Thiên Thai chẳng bẩm Nam Nhạc; hai là đại ý cùng tám chương thành riêng. Đại ý nhìn tám chỉ có rộng hẹp, chẳng phải là riêng; ba là đương văn tự tướng trái ngại; bốn đế bốn hoằng mười thứ phát tâm chỉ cy cứ bốn giáo vì sao ngoài ba lập một riêng. Nếu đại ý một đốn ở các, vì sao thích danh được có dứt đối đãi viên y ba đức. Trong hiển thể chẳng dạy thứ lớp nhãn trí cảnh giới không thể nghĩ bàn đấc. Thiên viên năm chương, mỗi chương lập hai mươi lăm pháp đốn, mỗi pháp viên giải. Mười cảnh chánh quán đều không thể nghĩ bàn. Vô duyên từ bi, an tâm pháp tánh, chẳng có thứ lớp mà phá một thông bít, đạo phẩm vô tác chánh trợ cùng làm. Lìa ái thì không mê đấm vị lên Sơ địa. Như các văn đó đều nói về đốn vì sao lại gọi là Tiệm ư? Nếu nói đại ý chỉ là một đốn, vì sao trong văn lại nói bốn giáo, đủ như văn bốn hoằng phân biệt sau. Kế các câu hỏi sau đều là phân biệt sở Đại sư truyền. Trước trong hỏi nói y cứ giáo luận như hiển, v.v... vì ba quán cùng ba giáo trong tám giáo tên đồng. Bốn giáo như tạng v.v... thuộc về Tiệm, trừ tạng đẳng bốn chỉ đốn đẳng bốn. Cho

nên chỉ dùng Mật giáo đối hỏi ba thứ kia, giáo của ba quán đã là Hiển giáo, Hiển mật đều dạy đều có thể tu quán, cùng phải y cứ bí mà tu Mật quán ư? Cho nên người đọc đến đây phải biết đốn, v.v... ba quán cùng đốn trong tám giáo đều là ba thứ khác nhau. Vì tám giáo kia chỉ ở bốn thời giáo như nhũ, v.v.... Nay ba văn này đều duyên theo lý viên. Đáp: ý chia hai nay chẳng luận mật kế hỏi: chia hiển mật khâu như vừa luận cho nên nói chia môn có thể như thế. Theo lời tôi hỏi phải luận mật quán có được hay chăng? Kế trong đáp trước lập hai môn là được, chẳng được. Kế từ giáo trở đi là chánh đáp, trước chánh y cứ hóa chủ mà nói về được, chẳng được mật thuộc về bậc Thánh, thánh hay song ích. Nay luận phàm sư cho nên thiếu mật, vì thế người tu quán, không có nghĩa. Cho nên nói người nghe nhờ đâu mà làm quán. Kế hoặc lập trở đi là nghĩa lập ở được. Vị tuy ở phàm, phàm sư có nhiều thứ, năm phẩm trở xuống đều gọi là chẳng được, sáu căn tịnh vi tuy không có ích ba luân khẩu mật, nhưng có thể truyền âm mầu cùng khắp Đại thiên giới. Chẳng hỏi về Phật hóa nên nói năng truyền, người bẩm giáo vẫn không thầm được lợi ích. Kế từ nếu người tu quán trở đi là y cứ sở hóa mà nói được, chẳng được. Trước nói chẳng được nên nói phát chỗ tu hiển. Hiển là ba chỉ quán như đốn v.v.... Người bẩm giáo, chẳng được tu mật nên nói chẳng phát người chẳng tu, huống chi cái mà Mật giáo giải thích đồng hiển, thì không có nghĩa lập riêng tu Mật quán, nếu nói chẳng tu. Kế phát túc tập trở đi, là y cứ nghĩa sở hóa mà lập. Như tu sanh diệt mà phát vô tác, hiển bày bất định giống như Mật bất định. Nghĩa lập Mật quán nên nói được luận. Hỏi trước cạn sau sâu là tiệm gồm chung mà luận. Thiện ác cho đến đạt thường trụ lại được gọi chung là tiệm. Đáp là bất định. Lý sâu sự cạn y cứ bốn tất mà nói, cũng có thể y cứ tiệm xoay vần so nhau cùng là sâu cạn. Hỏi: Tiểu thừa cũng là v.v... là lại hỏi đáp trước. Tiểu thừa cũng là Như lai trước nói ý gì mà cho là chẳng phải. Trong đây có hai lớp ý hỏi: một là hỏi đại tiểu đều là Phật nói vì đâu riêng nói ba là chẳng phải tiểu, hai là tiệm của đại, ba đã nói là tiểu, đâu riêng chẳng phải ý đáp là tiểu có hai nghĩa. Nếu y cứ giáo đạo cũng là cách xa, cho nên nói chẳng phải. Pháp ở tiệm sơ người vốn biết là đại, từ vi đến trứ còn nhiếp trời người, y cứ xích cướp lời vì tiểu là chẳng phải. Cứ vào chưa khai quyền mà chẳng biết thật. Cho nên trong tiệm cho đến mảy may điều thiện đều thuộc về đại. Cho nên được gọi là từ Vi đến trứ. Hỏi: bày ba văn giả Đẳng giác. Hỏi trong chỗ bày cho bày ba văn, ba văn này là gì? Trước song định, sắc là môn ấy, sắc là chẳng phải môn. Nếu môn ấy trở đi là song nạn (hai câu hỏi). Trước hỏi môn

ấy, môn gọi là năng chung, thất tướng thành sở, sao gọi là Môn. Nếu chẳng phải môn trở đi là kế hỏi chẳng phải môn sắc gọi Trung đạo, đạo gọi năng thông, năng thông tức là môn sao gọi chẳng phải môn. Kế ý trong văn đáp là sắc pháp, sắc cũng là thật tướng. Nếu văn là môn, môn là pháp giới, pháp giới tức thật nên nói đều là. Từ chúng sanh nhiều điên đảo trở đi là giải thích lý do của môn. Vì văn là sắc làm môn năng thông. Chỉ vì chúng sanh mê thật tướng nên gọi văn là môn. Ở văn thấy lý nên văn tức thật tướng, đâu có năng sở. Cho nên xét văn và môn thì đều là ba đế. Văn tức tục đế chẳng phải văn tức thật cả hai đều chẳng đúng, tức là Đệ nhất nghĩa đế. Quán môn làm ba so sánh sẽ thấy. Như thế khi quán văn và môn đâu khác, đều gọi năng thông, đều là sở chí (chỗ đến). Nói điên đảo, điên tức là đảnh, đảnh ngã xuống nên gọi là điên đảo. Kế nói gồm là kết, là lấp, đóng cửa lại. Túi có quát kết thâu ở một túi, chương có đại ý nắm hết đầu cuối. Thích Danh là đầu, chỉ qui là cuối. Cho nên biết đại ý như túi có nấp đựng đầy kết thúc mười chương. Quán đãi trước sau quan là đầu, đải là sau. Đại ý có phát tâm nên quán đầu. Đại ý có chỉ qui nên đải sau. Đã thông suốt trước sau nên nói ý chậm. Có người chép: quán tượng ở trời, đãi tượng ở đất. Chương đại ý này cũng như khoảng trời đất che chở, nếu làm giải thích này thì phải đổi chữ Đãi. Nay từ trước giải thích nên chẳng cần đổi. Nắm chín rộng dưới xem là năm lược. Bày ý chỉ chín chương, nên nói đại ý, cho nên năm lược này đều lấy đại làm tên. Trước giải thích chung, sau giải thích riêng. Hoặc chung hoặc riêng đều dụ cho nang quát. Trong sanh khởi nói làm sao đến hạ hóa là năm chương, tuy là phát tâm đứng đầu, cũng duyên chúng sanh mà làm thệ cảnh. Tối tăm điên đảo chẳng tự thấy biết. Bồ-tát khuyên bỏ nên nói sai ngộ, làm sao đến Tam-muội, là tuy lại hẹn tâm năm trăm do tuần nhìn đường báu mà chẳng chịu tiến đến, cho nên khuyên thực hànhbốn thứ Tam-muội. Vì sao đến tâm ấy, là phát tâm chẳng chỉ cầu quả báo thật, vô minh hết rồi thì quả này tự được. Vì người phát tâm tình nhiều muội chỉ? Cho nên nói quả báo mà làm vui, vì giúp người sơ tâm thêm cố gắng. Cho nên Đại kinh quyển hai, Thuần -đà hỏi Văn-thù làm bần nữ thí dụ rằng: thí như cô gái nghèo không có nhà và ai cứu giúp lại thêm bịnh tật đói khát ép ngặt, đi khắp nơi xin ăn, ngủ tạm nhà người mà sanh một đứa con, lại bị chủ nhà đuổi đi, bị muỗi mòng, ong độc cắn chích. Khi đến bờ sông ôm con lội qua, do đó mẹ con cùng chết. Như thế cô gái nhờ niệm công đức ấy chết rồi được sanh cõi trời Phạm thiên. Tuy chẳng cầu Phạm thiên mà Phạm thiên tự ứng. Chương An giải thích rằng như là dụ vô duyên. Từ, sanh

con là dụ viên giải, luận trước sau phải đủ sáu từ. Sanh lên trời tức là phần chân rốt ráo từ Chương An chung lấy từ, v.v... mà đối. Nếu theo ý của Đại kinh ấy, thì mỗi tế hợp thì không có công đức pháp tài nên gọi là nghèo. Lý từ nhu hòa nên gọi là gái, chưa khế thật lý nên nói không nhà ở, chưa có muôn hạnh nên gọi không ai cứu giúp, đầy đủ tám khổ nên nói bịnh khổ lại không có định tuệ nên nói đói khát bức ngặt, năm tuần cầu giải nên gọi đi khắp nơi xin ăn phương tiện mà giải khởi, gọi là ở nhờ nhà người. Nhân phát viên giải gọi là sanh nhờ. Quyền chẳng nhận thật là đuổi đi, cũng có đủ hoặc kiến tư gọi là ruồi muỗi cắn, trải qua hai chết gọi là đến bờ sông Hằng, chẳng bỏ viên giải gọi là ẳm con lội qua. Khi chân giải sanh giống như giải mất trước gọi là đều chết nương năng lực bản giải gọi là Từ công đức. Chân chứng khai phát gọi là sanh Phạm Thiên. Nói báu Diệu là đường chung bắt đầu từ Sơ trụ. Cũng có chúng sanh chẳng nghe báu diệu công đức gọi là uổng chân mất công ấy, nên nói báu diệu mà an ủi cho vui. Thế nào là xé toang lưới, lớn thoát ra khỏi lồng? Phá là xé rách. Đã cảm quả báo nếu dạy lợi người phá lưới nghi người khác, tuy vốn là mở mắt trí cho chúng sanh, nhưng thật là cơ chưa hiển bày. Như trước kinh Pháp Hoa, chúng sanh đối với giáo quyền thật, không hữu, sự lý mê mờ lẫn nhau. Nếu đã phán khai quyền bày thật sai quyền thật chẳng lạm, khiến biết bản ý của giáo. Phá lưới nghi chấp giáo thấu suốt không ngoài lý một, hiểu đại thể pháp môn, biết các giáo có chỗ về, nghe tuyết nghĩa là hạnh đến động là dẫn chứng người chấp giáo mê chỉ, cho nên Đại kinh quyển mười ba chép: Ở trong Phật pháp trộm lấy phần ít luống dối chấp có thường lạc ngã tịnh. Như người mù từ mới sanh chẳng biết mầu sữa. Liền hỏi người rằng sữa giống như cái gì? Người đáp: Mầu trắng như vỏ ốc. Người mù lại hỏi: Mầu sữa có như tiếng vỏ ốc chăng? Đáp: không phải. Lại hỏi giống như cái gì? Đáp như bột gạo. Người mù lại hỏi như bột gạo mềm chăng? Đáp: không phải. Người mù lại hỏi: bột gạo giống như cái gì? Đáp: như tuyết. Lại hỏi có như tuyết lạnh chăng? Đáp: không. Lại hỏi giống như cái gì? Đáp: như con hạc. Lại hỏi giống như hạc động chăng? Đáp: không. Người mù tuy nghe bốn lần nói như thế nhưng trong không thể thấy được mầu thật của sữa. Ngoại đạo cũng thế, tuy nghe bốn tên mà không thể biết thường lạc ngã tịnh, nói chỗ sở qui. Như người mù kia mê nên không biết mầu sữa thật. Nay người không biết giáo so đây mà biết. Nay dung thông v.v... là lý vốn không nói, nói sẽ bị cơ. Bốn tất, bốn môn các quán các đế, thích thời lợi vật chẳng bằng thông phương. Liền chấp một ngung tình chấp chưa phá. Nay vì

dung hội trùng nghi đáp nhiên (lại càng nghi), như bị chim nhốt, trong lòng không thỏa thích, tháo kết chấp trệ, mở lồng quyền giáo, như dạo cõi thái hư dẫu rộng mà vô ngại, khiến mù có trí, dẫu chưa biết sữa, lại chẳng chấp vỏ ốc v.v... mà tranh cãi. Làm sao về đại xứ đến tự tại, là hóa vật đã khắp về với Bí tạng. Thể của Bí tạng không có đầu cuối. Không đầu mà đầu, đầu tu ba quán, không cuối mà cuối, cuối đến ba đức, không bít mà bít giả gọi ba chướng, không thông mà thông giả gọi ba đức. Văn trước là lý pháp. Nếu biết rồi trở đi là tu đắc. Nếu được ý này đâu chỉ đến quả tự tại vô ngại? Nhân thời thể mà hiểu đầu cuối chẳng hai. Vì nói đại ý nên bàn chung. Ý văn chỉ tại hai lược trước. Sanh khởi năm lược hiển mười rộng là đối hiển.

Sanh khởi năm lược bày mười thứ lớp. Dù nói, năm mươi chẳng ngoài tự hành nhân quả hóa tha năng sở.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 1
(PHẦN 3)

Kế trong phần giải thích rộng mà nói phương ngôn. Hai địa phương Đường, Phạm tiếng nói khác nhau. Kế là trong giản phi thì trước tiên giản tâm. Hữu tình ấy đều có thể phát, cho nên chỉ phân biệt chưa nhóm cỏ cây, hai thứ tuy gọi tâm mà chẳng có phát này. Vì các chúng sanh từ vô thỉ hoành kế, chỉ có hoành kế này sẽ phát. Đạo cũng có trở đi là phân biệt đạo. Tên đạo đã thông phải lấy các phân biệt trái mà khiến cho phải. Nay lược làm mười điều là chỗ phân biệt. Tâm là năng làm, đạo là năng thông, như đường ở thế gian. Người là năng đi, đường là năng thông. Nói chung riêng, chỉ là năng thông đều nói là Đạo. Nay mười thứ chẳng phải tâm gọi chung là Đạo, là đường dài xa cũng có thể đến, như con đường cái chung cả bốn phương kia. Nếu tâm ấy niệm niệm, tức là y cứ mạnh mẽ mà nói thuộc đạo ấy. Trước tham sân si tướng nó rất rõ nên gọi là Chuyên. Dùng chỉ chẳng dứt nên gọi là nhiếp, chẳng còn, dùng quán chẳng phá nên gọi là nhổ chẳng ra. Lại buông lung duyên ngoại cảnh nên nhiếp chẳng lại, nội tâm bay nhảy nên nhổ chẳng ra. Y cứ đại phần nói ngày tháng thêm nhiều, theo lý thì phải nói niệm niệm thêm mạnh. Cảnh mạnh tâm nặng, nói thuộc thượng phẩm. Ý ba hạnh bảy nên thành mười ác. Phần tiếp theo căn cứ vào đâu mà biết.

Nói năm người phiến-đề-la, là kinh Vị Tằng Hữu quyển hạ chép: xưa có năm vị Tỳ-kheo biếng nhác chẳng tu kinh sách. Lúc đó, ở đời lúa gạo rất mắc mỏ, bị người khinh nên chẳng được cúng dường. Năm người bàn nhau rằng người đời thường chấp theo hình dáng bên ngoài, mạng sống rất quí không nên để cho chết, phải cùng xin ăn. Bèn đem giường dây đến chỗ trống, quét trước sạch sẽ, ngồi trang nghiêm theo thứ lớp. Bên ngoài giả ngồi thiền, bên trong thì nghĩ lăng xăng. Người thấy chẳng rằng bậc Thánh, nhờ đó mà được cúng dường đầy đủ có dư.

Có một cô gái tên là Đề-vi, nghe tin thì tâm rất vui mừng sửa soạn đẹp đẽ đến lễ cúng mời về nhà, năm người liền nhận lời. Đề-vi có mười khoảnh vườn rừng ao suối, nhà cửa đầy đủ, mời về cúng dường trọn đời. Năm người lại nghĩ người đời có nhiều cách tìm cầu tài vật, tuy được thí chủ cung cấp thì ngày giàu mà năm nghèo. Bèn sai một người đi khắp xóm làng bảo mọi người rằng: bốn vị Tỳ-kheo kia đã thành A-La-hán, khen ngợi bằng nhiều cách. Mọi người nghe xong đều mang đồ đến cúng dường, cứ như thế trong nhiều năm. Đề-vi tâm ngay thẳng cúng dường cầu phước, vì thế người phải trải qua tám ngàn kiếp đền nợ cho thí chủ. Tuy làm người mà các căn ngu tối, không có Thạch nữ nam căn, nữ căn (bộ phận sinh dục nam nữ). Nên gọi là gái bất dục, trải qua nhiều kiếp như thế mà đền nợ thí chủ. Phật bảo Nặc Vương (vua Ba-tư-nặc) rằng Đề-vi lúc đó nay là Hoàng hậu, năm Tỳ-kheo ấy nay là năm người khiêng kiệu. Vua hỏi: Vì sao nay chỉ có bốn người? Phật bảo: Còn một người kia ở trong cung lo việc nhà cầu. Phu nhân (Hoàng hậu) nghe rồi thì khắp mình nổi ốc. Phu nhân có phước đức nên được như thế. Làm lành thì được báo tốt, làm ác thì bị tai ương. Phật giải thích xong, phu nhân thưa: Khi nào thì hết tội xin Phật nói rõ. Phật bảo gọi năm người, cả người coi cầu xí trong cung đến. Phút chốc họ đến trước Phật, Phật hỏi: Các ông có an ổn vui sướng không khổ chăng? Năm người giận đáp: Phật chẳng biết ngày đêm siêng khổ mà roi đánh chẳng dứt, có vui vẻ gì, Phật há chẳng biết việc như thế hay sao mà còn hỏi. Phật hỏi khổ của thân, nay so với khổ của thân trước tội cũng chưa hết nên phải sám hối tu thiện mà dứt lỗi. Năm người nghe xong giận ghét Phật không chịu nghe lời. Phật biến hóa thân ở trước họ mà an ủi, khuyên bảo, như thế khắp bốn phương tám hướng trên dưới đều thấy Phật, họ liền lớn tiếng gào khóc vì sao ép phải chịu mãi thế này? Phật thâu hóa thân lại bảo mọi người rằng: Tội có hai thứ nghiệp chướng và báo chướng. Vì đầy đủ hai thứ nên chẳng chịu hóa độ. Phu nhân thấy vậy bảo năm người rằng từ nay trở đi mặc tình các thầy đi đâu thì đi. Năm người thưa rằng: chúng con bị tội gì mà đuổi đi? Xin dung thứ mà tiếp tục sai khiến, ba lần như thế đều không chịu đi, Hoàng hậu bạch Phật, Phật bảo: lúc hết họ sẽ đi. La-vân nghe xong liền thưa: Con là trẻ con chẳng dám thọ người cúng dường, muốn bỏ đạo mà về nhà. Phật bảo: không nên như thế. Như ăn no quá độ. Người trí thì đến thầy thuốc, thầy thuốc làm cho ói mửa túc thực bụng ra đồ ăn đêm qua người vô trí thì bảo là quỉ mị tiêu phí gia tài túc thực chẳng tiêu, chết rồi đời sau đọa vào địa ngục chịu các khổ, Phật bảo La-vân: Con sợ tội trở về nhà thì như người vô trí kia, cho nên

người trí phải luôn gần gũi bậc thầy sáng suốt, cho nên biết không có đức mà nhận cúng dường thì như bọn Đề-la kia.

Đi đường lửa: như kinh Tứ Giải Thoát gọi ba đường là hỏa, huyết, đao. Đồ là đường, ngục nhỏ thì có nóng và lạnh. Ngục lớn thì chỉ có nóng, lại từ nóng mà nói nên gọi hỏa đồ (đường lửa). Ưa thích nhiều quyến thuộc, là loài súc sanh phần thì nhiều ưa hợp thành đàn bầy. Cho nên phá giới thì gồm quyến thuộc tốt cảm được. Thôn lưu là muốn người khác về với mình như biển nuốt sông suối. Muốn mình nhiếp người khác như lửa đốt củi. Chung đủ ba độc tham dục làm gốc. Nay nói theo chung nên có mười ác, khác văn khác so lời này. Như Điều-đạt là nói đủ như trong Đại kinh, Đại luận và các văn luật. Nay tạm lược y Đại luận mà phụ ý các văn, tức là dạy vua giết cha mà làm vua mới, còn mình hại Phật làm Phật mới. Y-tu-đà được hữu lậu thông mà khuyên bảo vua, hóa thành trẻ con ngồi trên gối vua. Vua do đó mớm cơm cho ăn, hại Ni Liên Hoa, xô đá đè Phật, đủ ba mươi tướng chỉ thiếu hai tướng sợi lông trắng và bánh xe ngàn căm mà thôi. Liền lấy vòng sắt mà đốt thật nóng rồi ấn vào chân để làm tướng bánh xe ngàn căm, chân phỏng sưng đau khổ chịu không nổi. A-nan bạch Phật: Anh con như thế xin Phật cứu giúp. Thế tôn thương xót đến phòng lấy tay xoa thì các đau đớn đều hết. Bảo Thế tôn rằng dòng giống vua Tịnh Phạn có đạo thuật, như thế đủ để nuôi thân. Khi bình phục rồi bèn theo Phật đòi chúng. Phật quở rằng người ngu vô trí, ta còn chẳng giao chúng cho Thân Tử và Mục-liên, huống chi ông là người ngu ăn đàm dãi của người. Do đó mà kết hận, bèn đặt ra năm pháp để dạy chúng của Phật, năm pháp ấy, Bà-sa nói: Một là y phấn tảo: Hai là thường khất thực: Ba là ngồi ăn một bữa: Bốn là thường ngồi ngoài trời: Năm là chẳng ăn muối và năm vị, năm pháp này chẳng đồng với chánh lý. Chánh Lý chép: Một là chẳng ăn năm vị: Hai là bỏ ăn thịt: Ba là bỏ muối: Bốn là chẳng nhận y đã cắt may: Năm là chẳng ở chùa ven làng xóm. Phật ở Vương xá có nhân duyên nhóm họp tăng. Điều-đạt đứng dậy, đưa ra năm pháp Xa-la rằng: Nhận năm việc này là Tỳ-ni. Lúc đó, có năm trăm người mới học vô trí cầm thẻ, A-nan đứng dậy bảo ai nhận năm điều này là phi pháp, không phải tỳ ni. Điều-đạt nói năm trăm vị này không cần đến Phật và tăng bèn đem đến chùa Gia-da cùng làm Yết ma. Lúc đó các Tỳ-kheo bạch việc này lên Đức Phật, Phật bảo người ngu diệt bỏ tâm lành phải ở trong địa ngục một kiếp không cứu được. Ta chẳng thấy ông ấy có chút tâm lành nào dẫu bằng sợi tóc. Thân Tử và Mục-liên đến núi Già-da, Điều-đạt an ủi nói: Lành thay các đệ tử trước tuy chẳng nhận này đã nhận rồi chăng?

Tuy sau cũng là tốt, bảo Thân Tử hãy nói pháp cho chúng nghe, nay ta đau lưng phải nằm nghiêng bên hông phải. Mục-liên hiện thần thông, Thân Tử nói pháp rồi đem năm trăm người này bay đi. Điều-đạt ngồi dậy, thấy mất chúng thì tức giận, v.v... Nếu nói về tạo tội nghịch phải đọa vào A-tỳ, lại y cứ vào lời dạy chúng nên bảo là tâm súc sanh. Lại như Nan-đà thị hiện dục, Thân Tử thị hiện sân, Điều-đạt thị hiện si. Lại y cứ si nên thuộc về súc sanh. Lại nói lục súc thì lấy sáu mà nhiếp hết các loài nên nói là sáu. Trịnh Huyền chú giải sách lễ nói trâu, ngựa, dê, chó, heo, gà cũng y cứ và nuôi trong nhà mà nói. Từ tướng ăn nuốt lẫn nhau nên gọi là huyết đồ.

Bốn xa, tám phương, Nhĩ Nhã gọi là bốn chỗ rất xa là Đông đến Thái viễn, Tây đến bân quốc, Nam đến Nghiệp bồn, Bắc đến Chúc lật. Đây là nói rất xa. Bác Vật Chí chép: Đông đến chín Di, Nam đến sáu Loan, Tây đến bảy Nhung, Bắc đến tám Địch. Kế là nước Hoang. Chu Lễ nói tám loan, sáu nhung các thứ khác đồng với bác vật. Bốn duy bốn phương là tám hướng cũng gọi là tám cực, cũng gọi là tám mang. Khen tên gọi là xưng, khen đức gọi là dương. Tâm kính gọi là khâm, miệng hứa gọi là vịnh. Biết mình không có đức mà muốn người khác xem là thánh như Ma-kiềm-đề, là Đại luận quyển hai nói người ấy khi sanh làm kệ vặn hỏi Phật rằng: Trong pháp quyết định bỗng sanh các tưởng đều bỏ làm nội diệt vì sao ở đây nói là Đạo. Phật đáp không phải nghe thấy biết chẳng từ giới mà được, cũng chẳng phải chẳng thấy nghe chẳng phải chẳng trì giới mà được. Như thế luận đều bỏ, cũng bỏ ngã và ngã sở. Lại hỏi Phật rằng: nếu không phải thấy nghe v.v... không phải trì giới mà được, hãy như tâm ta quán sát thực hành pháp câm mà được đạo. Phật đáp: ông y theo tà kiến, ta biết ông tu theo đạo ngu si. Nếu chẳng thấy các tướng, khi ấy ông sẽ tự câm. Lại quyển ba chép: Ma-kiền-đề chết, đệ tử dời thây để trên giường đem ra chợ chỗ đông người bảo rằng nếu người có mắt thấy thây của Ma-kiền-đề thì người ấy đều được đạo thanh tịnh, huống chi là bễ bái cúng dường. Lúc ấy có nhiều người tin theo các đệ tử nghe việc ấy liền bạch Phật, Phật bảo: người nhỏ mắt thấy cầu thanh tịnh, như thế không lợi không thật đạo, các kết phiền não đầy trong đêm, làm sao mắt thấy được thanh tịnh? Nếu có mắt thấy được thanh tịnh, thì đâu (cần gì) trí tuệ công đức báu. Từ bị đuổi xô ép bức làm tên nên gọi là đao đồ. Pháp Hoa thí dụ người trẻ mạnh hống hách. Tục giáo còn nói cao lấy thấp làm nền tảng, sang lấy hèn làm gốc, tự ỷ có đức thì sẽ khinh người, huống chi mình không có đức mà muốn hơn người. Cho nên biết đây còn muốn hơn đó há là hạ

mình đối với người khác. Tự dẹp đức mình gọi là hạ, há con điêu há bay cao mà hơn chim công? Chẳng vì quí mình sai người khác, đều kém mà bên ngoài khen nhân nghĩa lễ trí tín. Lấy từ nuôi vật là nhân. Lấy đức suy dời là nghĩa, tới lui họp nghi là lễ, quyền nhờ siêu bạt là trí, lời nói có (không) thể lật ngược là Tín. Lão Tử chép: Mất đạo mà sau đức, mất đức mà sau nhân, mất nhân mà sau nghĩa, mất nghĩa mà sau lễ, mất lễ mà sau trí, mất trí mà sau tín. Ý Lão Tử lấy đạo làm gốc, tín chẳng thể quên. Đạo chẳng phải ngoài đời ý còn ở năm đức. Đây là ý văn nội đức đều đủ mới thành đạo người. Khinh mạn mạnh mẽ mà không có đức thì thuộc về tu-la. Lại y cứ vào tâm lành vẫn ở hạ phẩm, ngoài khen năm đức vốn là khinh người. Tu-la có nhiều thứ là ở bờ biển, bờ đê, v.v... như bốn thứ Bà Trĩ, v.v... đều ở dưới biển hai muôn do tuần, vì là một cung tuy ở chỗ ở tốt đẹp, phải gồm nhiều phước mới được sanh lên đó. Trong nhân đạo nói vui người tâm si, hễ nói si là ở trong thiện ác, đã khác nhau ở trong bốn đường ác này chẳng bằng thiện của các trời, lại không có nhân xuất thế thì xếp vào si. Nếu thế thì nào khác súc sanh? Đáp: súc thì gồm mười điều ác hạ phẩm, si gồm dạy chúng làm càn. Nếu không có nhân xuất thế thì sáu đường đều một khác. Thiên đạo, đây là các tầng trời cõi Dục, nếu ở đất thì nghiệp ắt chẳng tu định. Nay nói theo thắng (hơn) thì nói gồm ở trên không, cho nên quan căn trần chẳng để ra vào. Kế ở các tầng trời cõi Dục mở riêng dục chủ là Ma-la-đạo dân và chủ tâm khác nên mở riêng. Cũng như Phạm Vương là riêng có một. Mười thiện Tthượng phẩm gồm một không ngăn báo làm Ma-vương, tánh thường ganh ghét, bất luận việc làm thân khẩu bên ngoài, ý muốn người khác theo, thuộc về đạo này. Nhưng ắt cũng chưa đến định lực mới sanh cảnh ấy để làm dục chủ. Sáu hợp là trời, đất và bốn phương. Ngung ngung là kính ngưỡng, Kinh Thi chép: Vạn nhân ngung ngung, tức là muôn người kính ngưỡng vậy. Ni kiền là tên chung của ngoại đạo. Tam thiền vui như suối đá, Đại luận nói vui có hai thứ: nội lạc và ngoại lạc vui bên trong tức là Niết-bàn, chẳng từ ngoại trần, cũng như nước từ suối đá sanh. Vui của Phạm hạnh cũng giống như thế. Luận văn thí dụ riêng về vui Niết-bàn nay dụ chung vui tam thiền cũng là thọ bên trong. Hỏi: đã nói Sắc, Vô sắc sao miệng chỉ tam thiền? Đáp: Vui trong hai cõi chẳng hơn tam thiền. cầu sanh lên cõi trời là lấy vui làm gốc. Vả nêu cái vui này các thứ khác đều so với đây. Thiện ác xoay vần v.v... là thiện thông đến phi tưởng ác tột là vô gián. Lên rồi lại xuống nên gọi là Bánh xe, vô thỉ vô cùng dụ cho xoay vần. Phá ác do tịnh tuệ, v.v... do nhờ Nhĩ Nhã nói là giúp. Ba pháp xoay vần lại do nhờ nhau. Lấy cạn giúp sâu suy rộng ở giới.

Nhị thừa còn như thế, Bồ-tát càng hơn. Vì hộ người khác cho nên chê bai thì gấp. Tiểu thừa tự độ tánh nặng thì gấp cho nên Bồ-tát nặng nhẹ đều từ giữ, giới tựa nói Thanh Văn tiểu hạnh còn tự quí kính Mộc-xoa, Đại sĩ còn mang, người sao chẳng biết trì giới phẩm. Nay giới là gốc hạnh, cũng là Tiểu thừa bỏ mà chẳng từ thì đại tiểu đều lỗi. Kế hoặc tâm, hoặc đạo trở đi là nêu lược mà bày rộng. Dùng ít nhiếp nhiều trong một đạo không phải tướng vô biên. Cho nên nói rất nhiều. Hoặc khai trên hợp dưới là nói khai hợp. Trên là Nhị thừa, dưới là Tu-la. Từ quỷ súc ra khai trên hợp dưới chuẩn, lời này rất dễ hiểu. Pháp Hoa nói sáu đường, Tịnh Danh nói năm đường vì Tu-la khai hợp nên như thế. Mười là số phương ý như trước nói. Kế nói dùng mười tâm, trong ý ở trước nêu ý, nêu một thứ làm ngữ đoạn v.v... Nói thẳng là nói, luận bàn là ngữ. Nay nói được mất là ngữ. Đoan là đầu mối, đầu từ mạnh mà được tên. Từ mạnh tức không có niệm khác. Khi qua đời chịu báo lại từ mạnh kéo dắt đi. Cho nên khởi một tâm, đều là chín thứ kia. Trong mười theo một nên nói một thứ. Kế như luận trở đi là dẫn chứng, đọa phải từ mạnh. Hoặc trước khởi đi đến chỗ, hòa trộn nhau là đối phải mà nói quấy. Trước là pháp, kế là dụ. Trong pháp nói trước khởi. Nếu chưa phát tâm thì gọi là Trước quấy, sau mới phát tâm gọi là sau phải. Đây chính là thể đang hiển soa được trong thí dụ mà gọi là đều trược; nay đây phân biệt chung phát tâm rồi mới sanh quấy sanh phải. Cho nên nói là thuộc quấy, hai tâm kia lý thuộc về quấy. Lại đã nói trước phải thì có sau quấy. Nếu không có sau quấy thì cũng là một bề hiện tướng của phải. Cũng chẳng phải hạn phân biệt. Lại đều khởi chẳng lẽ có hai tâm đều duyên cảnh ư? Chỉ y cứ tế niệm trước sau đều duyên thì gọi là đều khởi. Nếu thô lậu thì xếp thuộc trước sau, kế dụ tượng trở đi thì trước là dụ, kế là hợp. Trong hợp có hai thứ. Trước dùng nội ngoại hợp ba dụ trước, nội phải ngoại quấy, nội ngoại đều duyêngọi là đều khởi. Kế dùng ngay tâm quấy mà hợp với nội trước, nghĩa là nội quấy ngoại quấy cho đến đều quấy. Chín buộc một thoát tức là hai bên. Vì hai bên động nên gọi là quấy. Hỏi: hai văn có gì khác? Đáp: Trước tuy nội ngoại chỉ thí dụ nội tâm, sau nói nội ngoại tâm là cảnh đối nhau. Cho nên biết trước nói nội tâm cảnh đối nhau và trước nói nội tâm phải quấy đối nhau, nay một bề quấy, nội ngoại đối nhau. Đây đều một lần từ gượng nói riêng. Rốt ráo mà nói thì phải giả hòa hợp mới thành tướng quấy. Chữ tượng chẳng phải từ người, kế lại chín trở đi là chỉ y cứ bốn đế. Trong đó văn đầu y cứ thẳng bốn đế. Sanh tử Niết-bàn tức là khổ diệt. Kế động và bất động tức là Tập Đạo. Kế hữu vi trở đi là lại y cứ các pháp. Trước nêu, kế

theo. Kế chín trở đi là cây, khổ tập đồng với khổ hữu vi hữu lậu. Tuy trước nói nếu đối nhau mà nói thì phải nói hữu vi hữu lậu là khổ đế. Vô vi vô lậu là diệt đế. Văn tuy chẳng nói nhưng ý ắt gồm hai. Khúc tức là chiết trí lòng vòng, truất tức là sanh diệt vụng qua. Thán là thân tro trí diệt, cận là chỉ đến hóa thành. Dưới trở đi là so sánh. Kế hữu vi hữu lậu, v.v... nếu đối nhau mà nói thì phải nói hữu vi vô lậu là đạo đế. Văn tuy nêu riêng nhưng ý phải gồm hai, kế thiện ác nhiễm tịnh v.v... nếu riêng nêu thì phải nói thiện tịnh và tập đối nhau, cho nên nêu cả hai thứ. Văn tuy nêu cả hai mà nghĩa qui về một bên. Kế phược thoát, v.v... là y theo đạo rất dễ hiểu. Đều là tục ngữ tiện, hoặc đơn hoặc phức. Kế là nếu được trở đi là tổng kết ấy thì niệm niệm thường phân biệt phải quấy. Nếu khởi tâm quấy thì phải dùng đương giáo là tâm mà diệt. Phi tâm tức là đường hiểm các hoặc, nếu thấy ý này v.v... là kết khen. Giống như mới đầu hỏi người tu trở đi là y cứ phải phân biệt quấy. Trước ý hỏi, là tuy không có mười quấy. Nếu kể tánh lỗi cũng đồng thuộc quấy. Kế ý đáp là tánh kể có lỗi cho nên nói chẳng thể. Chỉ là trở đi là nhờ đây mà nói phải. Lìa tánh lỗi đã y cứ không thể nghĩ bàn mà luận cảm ứng, nên gọi là phải. Thánh đã chẳng ứng mà ứng để đến bốn cơ. Thọ là chẳng cảm mà cảm ứng. Thiên tánh tương quan nghĩa đồng cảm ứng, kế dẫn hai kinh để chứng cảm ứng. Từ ác cơ mà nói cho nên nói là con bịnh. Rộng như huyền văn ba mươi sáu câu. Động núi của pháp tánh v.v... là kết nghĩa cảm ứng. Pháp tánh bất động như núi, điều ác chúng sanh sâu như biển. Không phải thệ nguyện lớn thì không mưu thiện quyền, làm sao có thể động núi khó động, vào bể khó vào, đồng thiện đồng ác, bày nghịch bày thuận đồng ác nên có hạnh bịnh, đồng thiện nên có hạnh trẻ thơ. Từ bi từ nhân cảm ứng từ quả. Vì có nhân nên quả mới vào được. Thiền kinh nói trở đi là giải thích thành cảm ứng. Cảm ứng chỉ là thuận theo vật cơ, cho nên dùng bốn tùy để giải thích cảm ứng. Đem hộ ý ưa thích ấy mà phụ vào thói quen tiện nghi đời trước. Xem binh nặng nhẹ mà đối trị, đạo (nói?) cơ thời thục đệ nhất nghi. Tùy và tất tên khác mà nghĩa đồng. Cho nên dẫn Đại luận để giải thích Thiền kinh. Năm lại nữa là Đại luận nói trong nói kinh Duyên Khởi. Hỏi rằng: có nhân duyên gì mà nói kinh này? Đáp trong đó có hai mươi mốt lần “Lại nữa”. Nay dẫn năm thứ ấy để chứng bốn tất và năm nhân duyên năm lại nữa này vẫn không phải thứ lớp. Tùy nghĩa tiện cho nên trước là nói các hạnh của Bồ-tát, nên nói kinh Ma-la Bát-nhã Ba-la-mật, là lại nữa nhất, kế là sai Bồ-tát tăng tu Tam-muội niệm Phật là lại nữa hai, ba là nói tướng mạo Bạt Chí là lại nữa sáu, bốn là nhổ hết ác tà của đệ tử là lại nữa

năm. Năm là nói Đệ nhất nghĩa, là lại nữa thứ mười. Năm thứ này là hội năm nhân duyên. Lược hội đầu là trong luận nhân nói Đệ nhất nghĩa cho nên giải thích bốn tất. Nay mở ra bốn tất cùng năm lại nữa để làm hai môn và bốn tùy năm lược bốn khoa pháp môn đồng là nghĩa cảm ứng. Nghĩa bốn tất đàn rộng như Pháp Hoa, Duy-ma đã giải thích. Nay bỏ cảm ứng nên chẳng nói đủ. Lăng-già cũng nói Phật bảo Đại Tuệ, đối với tất-đàn của mình phải khéo tu học. Nếu mê chung riêng thì nhà này an tâm sáu mươi bốn phen, tự hành bốn tất làm sao có thể biết được. Tự hành sẽ thành cảm ứng nếu chẳng tùy cơ v.v... là nói ý cảm ứng, năm lần lại nữa bốn tùy bốn tất và năm nhân duyên này đã là pháp cảm ứng xứng cơ, đều là đại bi ích vật. Luận trở đi là dẫn chứng. Chân pháp mà nói là nói diệu ứng khó cảm, thính chúng khó được, diệu cơ khó phát. Khó được cho nên ba chữ kết chung ba thứ diệu pháp, diệu ứng, diệu cơ ở trên. Như thế trở đi là giải thích chân pháp diệu ứng cái gọi là diệu cơ sở cảm đều là Trung đạo, Cho nên chẳng phải chẳng phải có không phải không tức là song phi chân tục. Tuy nói song phi mà ý ở tương tức chẳng khó chẳng dễ cũng hiển bày thể trung. Chẳng phải trí nê hoàn cho nên nói không phải, không phải trí phân biệt nên nói không phải khó. Có ba tất ích, lại dùng bốn tất mà kết thành chân pháp, ý nói bốn tất chỉ là ý hai đế và cảm ứng tức hiển bày Trung đạo xem là chân đế khác với chỉ chân Cho nên song phi. Nên biết cảm ứng chẳng ngoài hai đế. Nên biết duyên khởi trở đi là nói diệu cảm ứng làm được Phật sự. Nhưng bốn tùy bốn tất trở đi là riêng gặp chung. Vì đại bi nên thuận theo vật cơ được tên bốn tùy, vì thương xót nên bày khắp thuốc pháp mà được gọi là bốn tất. Đại bi cùng thương xót là một thể mà khác tên, như một vật chẳng khác. Bên trái thì bảo vật là bên phải, ở bên phải thì bảo vật là bên trái. Nhân duyên tức là năm lược. Hai chữ nhân duyên lại đắp đổi mà lập. Nếu chúng sanh phát tâm mạnh mẽ, tuy giả thánh ứng thì dùng chúng sanh làm nhân còn bậc Thánh làm duyên. Nếu chúng sanh gốc lành yếu kém, bậc Thánh có đốc thúc, tức dùng thánh ứng làm nhân, còn chúng sanh làm duyên. Thân sanh làm nhân, sự trợ làm duyên. Cho nên từ mạnh yếu mà đặt tên bất định. Phải biết trở đi là kết, bốn tùy bốn tất và năm nhân duyên, danh và nghĩa hợp nhau, cho nên phải hội. Nói là tên khác của ngôn giáo, vị là nghĩa vị, là đồng với nghĩa. Danh hợp với nghĩa nên nói hợp nhau. Hán Thư phong công thần lấy trúc dài sáu tấc mà hợp làm tin, cho nên chữ từ trúc. Từ cỏ là tên cỏ mắt quỉ ở đây không dùng. Tùy ưa thích trở đi là tên khác của thứ hội. Trước hội tùy tất, lạc dục là ưa thích, nên nói từ nhân. Thế giới là ấm nhập, nên nói từ quả. Thế giới

lấy ngăn cách làm nghĩa, lạc dục tức ưa thích khác nhau, nhân quả tuy khác mà nghĩa là một. Tiện nghi là biện pháp năng phó nghi bị người nào. Vì người là quán người sở bị người thích pháp nào. Quán người sẽ chọn sở nghi, chọn pháp sẽ định khả năng chịu đựng được, năng lân sở phó cùng thành một nghĩa, hai thứ kia tên đồng chẳng cần hội khác. Lại năm nhân duyên trở đi là kế hội nhân duyên nghĩa đồng với tùy tất. Trước nói chúng sanh có tín nhạc v.v..., là ấm nhập là thế giới, tín nhạc là lạc dục (ưa thích), hai thứ này làm nhân cảm Phật nói pháp tánh, pháp giới làm duyên phát tâm, nên phát đại tâm. Thiền kinh lạc dục Đại luận thế giới tên khác mà nghĩa đồng. Chúng sanh có đại tinh tấn, là chúng sanh phải tu bốn pháp Tam-muội cảm Phật nói ra hạnh không thể nghĩ bàn, cho nên tụ đại hạnh. Thiền kinh tiện nghi Đại luận vì người tên khác mà nghĩa đồng. Chúng sanh có đại tuệ bình đẳng, là trí nhất thiết chủng vì nó năng phá. Chúng sanh phải chứng tuệ này làm nhân cảm Phật vì nói, sở bị đều phá khắp hoặc được quả, thông kinh dứt nghi, đều là đối trị. Cho nên đem cảm quả cho đến xé lưới nghi đều là đối trị. Lại cảm quả tự phá tế hoặc thông kinh xé toang lưới nghi cho người, mình người tuy khác mà đều gọi là phá ác. Chúng sanh có mắt Phật trí, là chúng sanh một tâm ba trí ba mắt phải vào bí tạng. Lấy đó làm nhân cảm Phật vì nói chỉ qui ba đức thì tự hành diêu mãn (đầy đủ), hóa tha khéo thành, đều gọi là rốt ráo. Thành mãn này chỉ là cực lý. Cho nên cùng đồng với Đệ nhất nghĩa của kinh luận. Mỗi pháp đều nói nhất thiết đẳng là khác ở năm duyên thiên tiểu. Lại năm duyên trở đi là kế hội năm duyên cùng năm thứ. Trước nói nhánh vốn là phát tâm dắt hạnh, cành phải từ gốc, hạnh vốn ở nguyện, gốc phải nhờ cành. Cành gốc tuy khác nhưng đồng thành cây đạo. Vì bốn Tam-muội thâu hết các hạnh, nên gọi là Chung. Tam-muội niệm Phật trong các hạnh là một nên gọi là riêng. Chung riêng tuy khác nhưng đều là diệu hạnh. Lại bốn Tam-muội chung đều niệm Phật, nên gọi là Chung, chỉ nói niệm Phật nêu riêng một hạnh nên gọi là riêng. Cho nên Bốn niệm xứ nói rằng: bốn đều niệm Phật. Chỉ tùy giáo riêng sở niệm khác nhau, nên gọi là riêng. Ba giáo trước đều niệm một thân nghĩa là sanh ứng báo, viên niệm pháp thân, các thân đầy đủ. Lại bốn Tam-muội chung cho bốn giáo, nên còn gọi là Chung. Có người cãi rằng: bốn Tam-muội riêng niệm Phật là chung, là chưa mất đại ý sao giả trái văn. Kế hôi quả báo cùng bạt trí là đồng. Nói quả báo tức chỉ cho bốn độ, bốn phải có chánh, báo phải có tập. Cho nên quả báo phải gồm hai đôi. Nếu nói bạt trí, bạt trí chỉ là tập quả một lẽ, tập sẽ với báo, chánh sẽ có y, hiện tuy nói lẽ phải đủ đôi, hai văn tuy

khác mà chung thành ý một vị vô sanh. Trừ nghi kinh luận, kinh luận là chỗ đệ tử là người. Người khởi tà ác phải nương kinh luận, chỗ có nghi trệ phải do người tà, nhỗ dẹp tà nghi thì không trước sau nên thành một ý. Gốc ngọn rốt ráo, v.v... thì phát tâm là gốc, đồng qui về là ngọn. Cho nên quyển ba nói mình người trước sau đều được tu vào. Tu tức mới phát, vào tức chứng sau. Cùng Đệ nhất nghĩa tên khác mà nghĩa đồng. Cho nên luận lại nữa cùng duyên nghĩa không khác nhau. Mỗi văn dưới đều nói khác mà thôi, là bội nghĩa đã đồng văn cũng là khác. Lại thánh nói, là kết ba chỉ quán. Cảm ứng văn nhiều phải dùng ba kết. Nếu văn nghĩa hẹp thì chỉ dùng một kết. Như bốn hoằng sáu tức sau hoặc chỉ dùng ba kết, đủ như văn dưới hiển bày bốn đế và bốn Tam-muội, hoặc lúc đó ba một đều lược, như ba lược dưới, hoặc lúc đó ba một đều dùng, tức như văn này. Một là chung, ba là riêng, chung nghĩa là chung ba, riêng nghĩa là đều một. Chẳng thấy ý này thì sanh ra nhiều mối lạ. Hỏi vì sao phải lấy chỉ quán mà kết? Đáp: ba pháp này đứng đầu tất cả, nay năm lược này văn thông khắp, cho nên chỗ nào văn cũng dùng ba một mà kết. Lại còn bộ này gọi chung là Chỉ quán. các văn nghĩa đều là Chỉ quán chẳng thể thấy kết tên Chỉ quán này, đều gọi là pháp tu hành. Như trong sáu tức lý và danh tự, đều kết chỉ quán. Nay trong văn này chỉ kết cảm ứng, đâu lại phán ngoài ba có một, ấy là biết lý giáo hạnh quả phát tâm cảm ứng đều là chỉ quán. Lại bộ này gọi chung là Chỉ quán, từ thích danh trở đi thì văn tướng riêng biệt, lại chẳng dùng ba văn mà kết. Nay trong ba kết có nêu có giải thích. Năm chữ trước là nêu ứng, từ hoặc thứ trở đi là nêu ứng. Thứ tức là tiệm, cụ tức là đốn, tạp tức là bất định, chẳng thứ tức là bất định và đốn, đối nhau mà đến. Chẳng cụ chẳng tạp cũng giống như thế. Chúng sanh được lợi ích khác nhau là nêu cảm. Từ hoặc thứ trở đi là nêu cảm. Loại ứng mà nói sẽ được ý. Từ hoặc bốn tất trở đi là giải thích. Kế giải thích trong cảm ứng hai câu đầu là Tiệm, hai câu kế là bất định, hai câu sau là đốn. Bốn tất năm duyên mỗi đối nhau nên gọi là Tiệm. Hoặc một hoặc bốn nhiều ít lẫn lộn nên gọi là bất định. Hễ nêu bất cứ một pháp nào đều đủ tất cả nên gọi là Đốn. Cho nên chỉ kết văn thành ba chỉ quán, đâu được tức lấy tu hành mà giải thích. Như thế v.v... trở đi là nêu tướng các pháp. Y theo trước rất dễ biết. Vừa chỉ kết trước năm duyên bốn tấc, lại nữa bốn tùy tất cả mà so sánh. Kế vì trở đi là một kết chỉ quán. Trong văn đã dùng phát tâm làm quán, tà dứt là chỉ. Phải biết năm duyên, lại nữa, bốn tùy bốn tất đều là phát tâm, tà dứt. Cho nên ba chỉ quán cũng chẳng ngoài phát tâm tà dứt. Vì thế biết ba một chỉ là chung riêng. Năm lược chỉ là mười rộng, là kết

chương rộng lược, như văn trước nói sanh khởi năm lược hiển ở mười rộng, dùng lược sanh khởi, hiển rộng sanh khởi. Nay ở đây lại dùng năm chương mà nhiếp mười chương, cho nên nói chỉ là. Nói năm chương đầu gọi là phát tâm, là đại ý năm lược tuy có tu hành cho đến quả báo, chỉ là đường chung chỉ rõ ngọn ngành. Nếu chẳng như thế thì sao gọi là phát tâm. Bốn thứ thích danh sau chính là sở phát, Cho nên năm chương chung thuộc về phát tâm. Phương tiện tuy không phải thân tu chánh hạnh thêm phương tiện chung thuộc về hạnh. Quả báo một chương đến quả báo, là từ quả báo trở đi là rộng lược nghĩa đều, không còn rộng hẹp. Cho nên ngay đó mà hiểu, chẳng còn đối biện, trái tức là thiên không thiên giả, trái ở trung viên nên nói hai bên thuận, nghĩa là viên trung viên Lý Thuận đối với thật tướng nên nói thăng diệu. Vô minh chưa hết đều ở ba độ vì thọ y chánh nên gọi chung là quả báo. Nói báo hai bên là từ không ra giả mà làm có bên, nên cảm độ phương tiện. Nếu vì phàm phu ba tạng Bồ-tát mà làm có bên thì chiêu cảm cõi đồng cư. Thông giáo Nhị địa, người Biệt mười Tín, người viên năm phẩm, cho đến các giáo còn sót thấm nhuần đều chiêu cảm đồng cư. Nếu dùng Nhị thừa chung bảy địa bỏ Biệt, bảy trụ bỏ Viên, bảy Tín cho thông là không biên, thì ở phương tiện. Văn nay lại nói thiên không, thiên giả chiêu cảm quả báo chẳng bằng Sơ trụ, Sơ địa trở lên ở độ quả báo. Nếu nói chung, thì trụ tiền tuy cảm quả báo viên thì cũng ở phương tiện. Khởi giáo v.v... là tự chứng diệu lý, xứng cơ nói pháp. Giáo do cơ sanh nên nói khởi giáo. Đây là y cứ làm chủ đối cơ mà nói. Phật tuy ra đời phải nhờ đại quyền gỏ cơ mà đánh phát. Cho nên nói khởi giáo. Đây là y cứ làm bạn đối chủ mà nói hoặc làm thân Phật v.v... là pháp thân tám tướng đủ như Thích-ca từ đầu đến cuối một đời hóa nghi. Chín giới, v.v... là như trong Hoa Nghiêm, Văn-thù, Phổ Hiền, tám Bộ, v.v... là đối bày ra đốn. Tu bốn A-hàm trở đi cho đến Bát-nhã không sanh Thân Tử, Đế-thích, Văn-thù hàng tám bộ v.v... là đối bày tiệm, như trong Hoa Nghiêm thêm bốn Bồ-tát liền chuyển thành đốn. Khi Phật mới thành đạo sai các Tỳ-kheo nơi nào cũng hóa độ người. Còn trong Phương đẳng thì Văn-thù, Tịnh Danh không sanh Thân Tử, v.v... tức là chuyển thành tiệm. Như các kinh sau được Phật chúc lụy phát thệ hoằng kinh tức là hoằng thông. Văn tuy chẳng nói khai tiêm hiểu đốn nhưng ý cũng rất dễ hiểu. Nhưng trong Pháp Hoa không nói thêm, thiếu nghĩa chuyển. Đây đều nói theo quyến thuộc.

Hỏi: Đại Chương gọi là khởi giáo, năm lược gọi là xé lưới, vì sao đồng được?

Đáp: Đối khen lợi vật nên gọi là khởi giáo giúp người hết nghi gọi là xé lưới. Khởi giáo vốn là dứt lưới nghi cho người cho nên đồng.

Phân biệt quấy xong, kế là nêu lên phải. Trước nói về bốn đế. Bốn thứ bốn đế tức là văn của phẩm Thánh hạnh trong Đại kinh quyển mười một trước dùng tám khổ để giải thích, khổ là khổ sanh diệt. Khổ đế phần cuối văn nói ra y cứ bốn đế phân biệt rằng: phàm phu có khổ mà không có đế, Thinh văn có khổ, có khổ đế. Bồ-tát hiểu khổ là không khổ. Ba thứ kia cũng thế. Tức là Bồ-tát thông giáo đối ba tạng mà phân biệt, quyển mười hai trước dùng thiện, bất thiện, ái và chín dụ, nghĩa là chủ nợ có vợ con La-sát. Vì giải thích tập đế tức sanh diệt tập. Tập đế văn cuối y cứ bốn đế phân biệt rằng phàm phu có khổ, có khổ đế, Bồ-tát hiểu khổ, không khổ mà có chân đế. Ba đế cũng như thế. Sở rằng: Văn khổ đế ở trước cuối cùng chẳng nói có chân, cho nên biết là thông, nay nói có chân, chân là chân thật, nên biết là thứ lớp, không thứ lớp hai thứ chân thật. Đây là biệt viên đối với ba tạng mà phân biệt. Còn giải thích diệt đế thì văn cuối chỉ chép: thấy dứt phiền não loạn cho nên thường, không phiền não cho nên lạc, Phật Bồ-tát nhân duyên gọi là Tịnh, không có hai mươi lăm hữu nên gọi là Ngã. Đạo đế văn cuối chỉ nói thường, vô thường, hữu vi, vô vi v.v... diệt đạo văn cuối chỉ nói bốn đức. Đã chẳng sánh với Nhị thừa mà quyết, cho nên biết riêng y cứ với biệt viên mà giải thích. Tự không phải một nhà viên hội kinh chỉ. Lời Phật khéo lược nhờ đâu cơ thể thông. Sau lại nhân Văn-thù hỏi, Phật đáp rộng bảy thứ hai đế, kế rộng nói một thật đủ như huyền văn. Nay trước nói bốn đế sanh diệt. Đế nghĩa là đủ như huyền văn thứ ba. Nói ba tướng là chẳng lập trụ tướng cùng dị nói chung vì người phần nhiều ở trụ mà khởi chấp thường. Cho nên Tịnh Danh chép: Tỳ-kheo các thầy nay cũng sanh cũng già cũng diệt mất. Già là đổi khác. Nghĩa trong đây gồm một hẹn niệm niệm hai thứ ba tướng. Nói bốn tâm tức là bốn phần phiền não. Bốn phần tức là ba tướng dời đổi. Cho nên nói lưu động, lưu động tức là sanh diệt. Bốn tướng tuy thuộc bất tương ưng hành tức là phiền não kia là sanh v.v... vì hiển nghĩa sanh diệt trong đây, Cho nên phải nói là sanh v.v... vì thật có đạo trị khổ tập thì không có đạo, nếu khi có đạo thì dứt được khổ tập. Cho nên nói dễ đoạt. Diệt có nhân quả lại qui về vô dư, nên cũng sanh diệt. Cho nên trong kinh A-hàm nói bốn đế nghĩa khắp tất cả pháp. Như nói biết lậu, biết lậu tập, biết lậu diệt, biết lậu diệt đạo, mười hai nhân duyên, mười hai đầu-đà, mỗi pháp đều sanh nghĩa bốn đế. Đủ như trong Pháp Hoa sở giải thích Ca-diếp. Tuy thế xuất thế v.v... chung kết bốn đế đều thành sanh diệt. Nhưng Thông giáo đủ như

văn kinh Tư Ích Thích Châm đã dẫn nghĩa riêng. Trước chánh giải thích trong khổ trước nói cảnh. Kế chính là trở đi là nói chung xuất năng lực giả của Bồ-tát. Kế từ vị trở đi là lược nêu một giới để so sánh giải thích. Pha là lột da cắt thịt chặt xương. Như khổ ấy có vô lượng hình tướng. Cho nên chẳng phải dưới, nêu kém hiểu hơn. Ba để sau thì y theo đây mà biết. Hỏi: Trong văn khổ đế y cứ mười pháp giới, trong văn tập đế chỉ nói các thứ. Trong văn đạo đế chia tích thể, v.v... trong văn diệt đế phân ra bốn giáo riêng là sao? Đáp: Khổ tập nghĩa chung, phải y cứ mười giới, là sở trị nên phải chung nói là mười, đạo cũng phải bốn. Lại cứ vào khổ tập năng đoạn nội ngoại cho nên chỉ nói hai diệt, nếu nói hai đối với lý không ngại nhờ giới hạn của giáo phân rõ bốn khác. Đây thì khổ tập đều mười, đạo diệt đều bốn, hai thứ nhân quả đều đồng loại. Trong tập đế nói thân khúc v.v..., là thân như tập, ảnh như khổ, tiếng như tập, vang như khổ. Tang Đạo Đế nói chiết thể khéo vụng chia giới nội ngoại. Phương tiện chỉ chung các vị hiền thánh dứt hoặc dụng trí đều nói phương tiện khác nhau, thẳng cong dài ngắn là hóa thành đảo châu báu đều có cong ngay, năm trăm là dài, ba trăm là ngắn. Nói quyền thật, như quyển ba trong thiên viên nói. Tục giải thích quyền là trái thường thì hợp đạo. Lại nói tích gần mà hạnh xa, hòa quang mà chẳng đồng trần, lại diệt trở đi là trong diệt đế nói chừng ấy chánh trợ, nghĩa chung bốn thứ diệt. Lại như thế trở đi là trong biệt diệt đế nói trần sa vĩ như không biết thì số nhiều, người khác hiểu thì chỉ có hai: một là nhiễm ô, hai là bất nhiễm. Chẳng nhiễm là tập khí. Nay ý tôi thì tập khí Tiểu thừa tức là hoặc riêng, cho nên nay giải thích. Chia giới nội ngoại mười sáu môn biết bịnh biết thuốc và trao thuốc cho. Lại ba tất trở đi là bốn tất đàn phán vô lượng. Biệt giáo thỉ chung lập nghĩa bốn tất tức sơ địa trở lên gọi là Đệ nhất nghĩa. Nay vô lượng này là từ nghĩa bên ba tất Địa tiền của đặt tên vô lượng, nên nói từ nhiều. Trong tứ đế vô tác mà nói, đều là đó, chẳng phải chỉ đạo biệt mà khổ tập cũng thật. Trước sau chẳng hai nên gọi là Vô tác. Khác nhau vô lượng nên gọi là vô phục. Lại chỉ riêng ba tất tức Đệ nhất nghĩa, nên nói vô phục. Ở khắp các kinh chẳng thể ghi hết. Kế đối độ mà nói ngang dọc, dọc là y cứ lập giáo đối cơ, cơ đã thêm bớt khác nhau, nên khuyến giáo có khác. Bốn độ đối giáo hơn kém nhiều ít nên gọi là dọc. Thể của độ đối địch không có hơn kém nên gọi là Ngang. Hỏi: Trong cõi phương tiện đã không có thông hoặc đâu cần Thông giáo, hai nghĩa ngang dọc đều nói dụng chung? Đáp: Đại thừa sơ môn điều cơ vào đốn là biết học cũ chẳng phải dùng đoạn ngắn. Như các Thanh văn đến hội Phương đẳng, bị thiền xích dĩ

đều tu tập thông môn. Nếu đến Phương đẳng thì đến Pháp Hoa, ở cõi phương tiện phải cần Thông giáo, đây là y cứ người chẳng đến hội Phương đẳng. Hỏi: Nếu là thật báo đâu cần dùng Biệt giáo ư? Đáp: y cứ giáo đạo nói chứng đạo thì không. Hỏi: Tịch quang đã cùng cực, đâu cần dùng giáo, hai văn ngang dọc đều dùng vô tác. Đáp: trong giáo bị trở đi chẳng bao trùm rốt ráo. Sơ trụ trở lên gọi Tịch quang là hạ, Đẳng giác là trung, Diệu giác là thượng, đây là trích từ Tịnh Danh sớ. Lại nói chung trở đi là dùng riêng mà giải thích chung. Cho nên lìa khổ tập đế làm mười hai chi diệt coi là diệt đế. Cho nên Đại kinh trở đi là dẫn chứng, quyển hai mươi lăm nói quán nhân duyên trí phàm có bốn thứ, đó là hạ, trung thượng và thượng thượng. Hạ trí quán, là chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy, nên được Thanh văn Bồ-đề. Trung trí quán, là chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy Phật tánh nên được Duyên giác Bồ-đề. Thượng trí quán là thấy không rõ ràng, chẳng rõ ràng nên trụ vào địa vị Thập trụ. Thượng thượng quán là thấy rõ ràng thì được A-nậu Bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh là Đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là Trung đạo. Trung đạo gọi là Phật, Phật gọi là Niết-bàn. Nhân duyên chẳng khác, bốn quán chẳng giống. Đối với trong hạnh từ trụ vào không, cho đến Thập địa mới vào, đều y cứ giáo đạo. Nếu không có bốn giáo thì văn này khó tiêu. Đến thiền cảnh sẽ lại nói rộng, lại trong luận trở đi, là lìa luận bốn câu để chứng bốn giáo, vì bốn câu nhân duyên này ở cõi. Cho nên đem nhân duyên để đối Sơ giáo. Có hai ý: một là dùng sơ đối sơ, hai là dùng sự đối sự. Lại nhân duyên là gốc các pháp, tùy quán khác nên thành không giả trung, cho nên chứng giáo riêng đồng quán nhân duyên. Kế lại giải trở đi là lại dùng câu đầu để giải thích bốn thứ bốn đế. Trong bốn thứ bốn đế đều quán nhân duyên nên dùng nhân duyên đối bốn khổ tập diệt khổ phương tiện không chia tích thể và giả trung khác nên thành bốn khác. Giải thích trước giống mà đối với văn thì hơi khác, Cho nên lại giải thích. Lại kệ nói trở đi, lại đối với nhân duyên, là trước tuy bốn câu đối bốn nhân duyên, chưa chia ra duyên cho đến sở sanh dụng câu (câu đầu) là sơ quán (quán đầu). Riêng ba câu dưới là dẫn một bộ luận đều quán nhân duyên. Cho nên văn trở đi là dẫn một bộ luận đều quán nhân duyên, y cứ văn trước sau mà phân ra đại tiểu. Đây là y các thầy xưa phán luận giáo rằng: giáo có hai thứ: một là chung, hai là riêng. Chung là trùm khắp trọn vẹn chẳng hai. Riêng như kinh Pháp Hoa ba thừa đều khác. Nay văn luận này chỉ bày Biệt giáo, trong Biệt giáo trình bày Đại thừa tức hai mươi lăm phẩm, bao gồm Nhị thừa tức

hai phẩm sau. Nhân duyên bày trung tà kiến bày tiểu. Nay lại dùng nên nói là chỉ. Nhưng nay ý tôi khác với người xưa. Người xưa tuy dùng hai mươi lăm phẩm riêng thuộc Đại thừa mà chẳng biết có gồm chung và riêng, đem phẩm nhân duyên riêng đối Trung thừa mà chẳng biết luận nhân duyên làm tông. Phải biết trở đi là kế kết đế duyên chẳng khác với kệ. Đã phân biệt trở đi là kế y cứ các kinh nói tướng phát tâm. Trước nói bốn đế, bốn đế là lý. Tất cả phát tâm đều y theo lý, cho nên dẫn mười thứ để lý ở đầu. Tùy sự đã nhiều chẳng thể dẫn đủ. Lại đến mười thứ này để làm sự đoan. Trước nêu, kế giải thích. Trong phần nêu, phải biết kinh luận nhiều ít khác nhau, như Thập trụ Bà-sa, chỉ có bảy thứ phát tâm. Trước nói ba thứ: một là Chư Phật sai phát, hai là vì hộ pháp nên pháp, ba là vì đại bi nên phát. Lại có bốn thứ: một là vì Bồ-tát giáo cho nên phát, hai là thấy hạnh Bồ-tát nên phát, ba là thấy phát ra ánh sáng mà phát, bốn là thấy tướng Phật mà phát. Chư Phật dạy sai đồng với nghĩa nghe pháp của văn nầy. Hộ pháp nghĩa đồng với thấy pháp diệt của văn nầy. Nghĩa đồng văn thấy chịu khổ. Thấy hạnh hạnh và tướng đẹp phát ra ánh sáng tên đồng với văn nay. Văn khác cũng thiếu vô lượng thọ, quán báo ân... các kinh cũng có nhiều phát, so với nay cũng thiếu chẳng thể ghi đủ. Giới Ưu-bà-tắc có mười thứ phát: một là chẳng ham gần pháp ngoại đạo mà phát, hai là nội thiện nhân duyên (trong có nhân duyên lành), ba là thấy lỗi sanh tử, bốn là thấy nghe điều ác, năm là tự trách phiền não, sáu là thấy năm thần thông, bảy là muốn biết thế gian, tám là nghe việc mầu nhiệm của Phật, chín là thương xót, mười là yêu mến chúng sanh. Nhìn nay cũng thiếu so đây rất dễ thấy. Kinh Hoa Nghiêm quyển sáu nói Bồ-tát sơ trụ phát tâm khác nhau, hoặc thấy tướng tốt, hoặc thấy thần biến của Phật, hoặc nghe Phật nói pháp, hoặc nghe Phật dạy răn, hoặc thấy chúng sanh chịu khổ, hoặc nghe nói rộng pháp phát tâm Bồ-đề cầu trí nhất thiết. Sơ Trụ cùng với nay tuy có cao thấp khác nhau, nhưng sau phải do trước, lấy trước mà lệ sau. Cho nên nay mười ý này hơi giống với kia. Hỏi: Mười văn trong đây có thứ lớp gì? Đáp: Suy lý đủ cho nên kế được tướng tốt, được tướng tốt nên hay khởi thần biến, đã dùng thân luân hiện thần biến, kế dùng khẩu luân mà khai đạo. Thân miệng hai lợi ích, chỉ là chánh báo, chánh báo phải cần y báo là cõi nước. Đã có y chánh năng bị thân miệng, thì có đồ chúng sở hóa khác nhau, chúng ắt học giáo tu hành chánh pháp, chánh pháp sắp mất thì gặp thời tượng mạt. Pháp dần yếu, chúng sanh gây lỗi, gây lỗi là nhân sẽ chiêu cảm các khổ, thứ lớp tuy thế nhưng phát tâm là theo với mỗi thứ mà sinh bốn thứ giải thích.

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 1
(PHẦN 4)

Kế giải thích trước nói suy lý. Văn bốn nghĩa hai, ý ở một. Chín pháp sau đều lệ theo đó, mượn cảnh mà phát tâm thì tùy suy tùy phát. Nếu luận tu hành thì sơ môn khác nhau, cho nên Chương An nói Thanh Văn lấy Khổ đế làm đầu, Duyên giác lấy Tập đế làm đầu, Bồ-tát lấy Đạo đế làm đầu. Đây là y cứ ba tạng ba thừa sanh diệt bốn đế. Thông Bồ-tát lấy giới nội diệt đế làm đầu. Biệt Bồ-tát lấy giới ngoại đạo đế làm đầu. Viên Bồ-tát lấy giới ngoại diệt đế làm đầu. Nay vì thành hiển là bất luận Nhị thừa, lại không phải là hạnh biệt. Toàn nương bốn đế mà làm thứ lớp. Bồ-tát khác nhau nên chia làm bốn khác đều là quán pháp tánh bốn giải khác nhau. Người đời đều chép: suy lý pháp tánh chẳng hề phân biệt. Lý Chân Ngụy phải quấy ở đây ba tạng cũng chép: pháp tánh tự trời như thế, đâu khác với biệt. Cho nên phải phân ra quyền thật pháp tánh. Ba tạng đã chép: Tập chẳng thể nhiễm, cho đến diệt chẳng thể tịnh. Cho nên ngoài bốn đế lập riêng pháp tánh. Phải biết khổ tập chỉ có thể che đậy mà không thể não nhiễm đạo diệt năng hiển mà lý vốn tịnh. Pháp tánh như mặt trăng, khổ tập như mây, đạo như dứt trừ, diệt như dứt thôi. Cho nên dẫn so sánh rằng: diệt còn chẳng phải lý, Bồ-đề phiền não lại trái nhau nên gọi là sanh diệt. Suy vô sanh, là chẳng khác pháp tánh, tức chẳng có khác. Băng nước mà dụ bỗng giống ở Viên. Nhưng chỉ dùng sáu đường, nhân quả dụ cho băng, chân đế pháp tánh dụ cho nước là khác. Tức tên tuy bằng nhau mà chẳng thấy tâm tánh ba ngàn thế gian lý ba đế. Nêu dẫn kinh đồng khác y theo nói sẽ biết. Suy vô lượng là lý pháp tánh ở hai bên, hai giáo trước còn mất chẳng có. Phật mười dụ phú hiển tự đồng, nhìn ba tạng ấy lý thể rất khác. Suy vô tác, là thực thành pháp còn thế, Thông giáo khổ tập còn thế. Tương tức tự đồng, năng tức sở tức rất khác đế cảnh, nếu chẳng

phân biệt thì y theo đâu mà phát, rộng phân biệt dị đồng mới không ngoài, phát tâm vắng lặng, muôn hạnh uổng bày. Nếu suy trở đi là lại bày công năng. Cho nên ở suy lý, v.v... là từ đây cho đến chịu khổ gây lỗi mỗi thứ đều phải phân biệt như nay. Chẳng muốn văn nêu trong đây chỉ rõ tướng trạng ở dưới chỉ nói trên cầu dưới hóa, nói theo suy lý thì ý rất dễ hiểu. Hỏi: Trong suy lý này có gì khác bốn đế? Đáp: Trước nói bốn đế là y theo lời chung, nay nói suy lý là riêng y cứ pháp tánh bốn thứ người tu suy hai pháp tánh. Tỳ-thủ-yết-ma là Đại luận quyển năm giải thích tướng tốt Phật nói ở hai chân cơ, lòng bàn chân có bánh xe ngàn căm, ba sự đầy đủ, tự nhiên thành tựu không đợi thợ làm. Thợ ở đời là Tỳ-thủ-yết-ma chẳng thể làm được. Hỏi: Vì sao không làm được? Đáp: thợ trời là trí chẳng ẩn mất, luân tướng là do báo nghiệp lành mà được, thợ trời do báo mà được. Luân tướng là trí thiện hành. Thợ trời chỉ một đời, luân tướng thì vô lượng kiếp. Cho nên chẳng thể dùng thợ trời mà làm luân tướng. Nay văn lộ đó, ba mươi hai tướng thợ trời chẳng làm được, như kinh A-hàm nói Phật lên cõi trời Đao Lợi dùng năng lực thần túc mà chế, các đệ tử chẳng biết chỗ. Hai vua nhớ Phật, do đó bịnh nặng. Đại thần bạch vua tạo tượng cúng dường. Vua Ưu-điền lấy gỗ chiên đàn thơm mà làm. Vua Ba-tư-nặc dùng vàng ròng mà đúc, tượng đều cao năm thy cứ (5x0.4=2m). Trước mời thợ khéo hứa trọng thưởng nhưng không làm được. Tỳ-thủ-yết-ma hóa thành người đến tạo tượng cho vua. Tiếng búa đẽo gỗ vang lên đến cõi trời Đao-lợi, người nghe đều giải thoát. Y theo vào đây hai vua tuy cảm được thợ trời nhưng chỉ làm tượng giống như Phật, túc luận thấp nhất còn chẳng thể làm, huống chi làm các tướng khác. Hơn vua Chuyển luân là trong Thụy ứng chép: Tiên A-tư-đà chắp tay tâu rằng: Đại vương nên biết Thái tử Tất-đạt-đa chắc chắn thành Phật, chẳng ở nhà mà làm vua Chuyển luân, tướng rất rõ ràng. Do đó Luân vương đủ mà chẳng sanh, Bạt-âu-cơ thì chẳng đủ. Cho nên biết tướng pháp phương Tây xuất xứ từ Đại quyền tướng tốt trang nghiêm thân, nên nói triền lạc nguyện ta thành Phật, là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Ta độ chúng sanh, là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ vì độ sanh nên phải tu tập pháp môn, vì thành Phật đạo phải dứt phiền não. Cho nên trong văn chỉ nêu hai hoằng thệ để thu nhiếp hai nguyện kia. Dưới là lệ theo đó, lại bốn hoằng thệ đắp đổi nhau mà thành. Vì độ chúng sanh nên phải có ba hoằng thệ, vì dứt hoặc nên phải có ba thứ kia. Hai hoằng thệ kia theo nói rất dễ hiểu cho nên biết nêu hai mà thu nhiếp hai thệ kia. Thấy chung tướng Phật, chỉ là thấy ba tạng tướng tốt không thật có. Như lai là sở nghiêm, tướng tốt là

năng nghiêm. Sở nghiêm đã không, đâu có năng nghiêm. Năng sở là cảnh biết thuộc người tu. Nói không, là tướng tức phi tướng, phi là vô tướng. Đời lạm dụng nên phải cẩn thận. Triệu chép: các tướng đầy mắt mà chẳng phải hình, các tiếng đầy tai mà chẳng phải tiếng, ứng hóa chẳng phải chân thật, cũng chẳng phải người nói pháp và quán kinh v.v... cũng thuộc về Phật. Tướng tốt thật là vì được pháp tánh thân gương sáng cho nên không tượng nào chẳng hiện. Mỗi tướng tốt phàm thánh chẳng được bên ấy, hai giáo trước là phàm thánh, và đương giáo là Địa tiền đều chẳng ở bên tướng của báo thân. Như Tây Vực Ký chép: xưa có Bà-la-môn dùng một gậy trúc dài một thy cứ sáu muốn đo thân Phật. Vừa đo thân Phật thì trên gậy cũng có Phật nhiều như số lượng gậy lượng đã chẳng chống đất, mà đi thì gậy mọc thành rừng. Sau ở đó mà lập tinh xá gọi là rừng gậy. Phạm Thiên chẳng thấy đảnh đâu, là Phạm ở cõi Sắc, từ cõi trời ấy đến cũng chưa hề thấy tướng đảnh đầu Thế tôn. Như Bồ-tát Ứng trì muốn đo thân Phật. Phật thành đạo rồi đi khắp nước Ba-la-nại, cách rất xa về phương Đông có Phật hiệu Tư Duy Hoa, thế giới tên là Hoài Điều, có Bồ-tát tên Ứng Trì đến lễ dưới chân Phật và đi nhiễu ngàn vòng xong, suy nghĩ muốn đo thân Phật, bèn tự biến thân cao ba trăm ba mươi muôn dặm thì thấy thân Phật cao năm trăm bốn mươi ba muôn triệu cai ức dặm, nhờ thần lực Phật. Ứng Trì lên phương trên cao đến một trăm ức Hằng sa, có thế giới tên là Liên Hoa Trang Nghiêm, Phật hiệu là Liên Hoa Thượng, đến thế giới ấy vẫn không thấy được đảnh đầu của Thế tôn không thấy thân Phật xa gần là bao nhiêu. Bèn đến hỏi Phật ấy. Phật ấy chép: cách Hằng sa kiếp cũng chẳng thấy được đỉnh đầu Thế tôn, trí tuệ ánh sáng lời nói đều như thế, xuất xứ từ kinh Kim cương Mật Tích, đây còn chẳng thấy, huống chi Phạm Thiên, Mục-liên chẳng biết mức dừng của tiếng ấy: là Phật trụ tại Linh thứu, Mục-liên tự nghĩ muốn biết tiếng Phật vang xa đến đâu, bèn đứng dậy lên đỉnh núi Tu-di thì nghe tiếng Như lai nói như ở trước mắt. Bèn dùng thần lực đến đỉnh núi Thiết vi cách Đại thiên mà nghe vẫn chẳng khác. Phật nghĩ Mục-liên muốn thử âm thanh thanh tịnh của ta, nay ta muốn hiện. Lúc đó Mục-liên nương thần lực Phật đi xa đến cõi nước phương Tây cách chín mươi chín Hằng sa cõi Phật. Cõi đó tên là Minh phan, Phật hiệu là Quang Minh Vương, đến cõi ấy thì vẫn nghe tiếng Phật như ở trước mặt. Phật ấy thân cao bốn mươi dặm, thân Bồ-tát cao hai mươi dặm. Bát ăn của Bồ-tát cao một dặm. Mục-liên đi trên miệng bát ấy, Bồ-tát ấy bạch Phật rằng: đây là con sâu gì mà mặc áo Sa-môn đi trên miệng bát của con như thế? Phật bảo chớ xem thường

bậc hiền này, bậc hiền này tên là Đại Mục-liên là đệ tử thần thông bậc nhất của Thích Tôn. Phật ấy bảo Mục-liên rằng: Bồ-tát và Thanh văn cõi này thấy thân ông nhỏ mà sanh tâm khinh mạn, bèn nương năng lực Thích Tôn mà hiện thần lực, ở dưới chân Phật ấy đi nhiễu bảy vòng rồi thôi. Nay con kết già ngồi đấy mà đất chẳng nhận. Phật nói tùy ý, Mục-liên liền bay lên hư không cao trăm ức nhân, hóa ra giường mà ngồi, các thứ châu báu anh lạc sáng rỡ tự trang nghiêm, đều đến ức trăm ngàn. Hiện xong liền đến trước Phật, các Bồ-tát đều ngạc nhiên thấy việc chưa từng có, bạch Phật rằng: Vì sao Mục-liên đến đây? Phật bảo muốn thử tiếng Phật gần xa, Phật bảo Mục-liên rằng: ông chẳng nên thử tiếng Phật gần xa vì sẽ rất sai, dù cho trải qua Hằng sa kiếp mà làm thì cũng chẳng thể biết được. Mục-liên liền lạy dưới chân Phật mà sám hối. Phật bảo Mục-liên: ông đến đây là nhờ thần lực của Đức Thích tôn, nếu muốn trở về thì tự thân ông dẫu một kiếp cũng không về đến được. Mục-liên nói nay con mê lầm chẳng biết chỗ đi. Đức Phật ấy chép: ở phương Đông. Mục-liên khoanh tay trở về và nói kệ rằng: câui mong đấng Thiên Nhân tôn thương xót, xin hiện bày cõi nước sai con sắp trở về. Lúc ấy Thân tử ở Linh Thứu, nghe lời nói lấy làm lạ. A-nan hỏi Phật ai nói kệ như thế. Phật bảo: ấy là Mục-liên đang ở thế giới Quang Minh Phan, Phật bèn phát ra ánh sáng chiếu đến, nhờ ánh sáng ấy mà trở về và sám hối. Thân và tiếng của Phật đã như thế thì các tướng lệ theo mà biết. Đây trích từ Đại luận quyển mười một văn đồng với Kim cương Mật Tích, ngồi đài Liên hoa ở Sắc Cứu Cánh, v.v... đều là tướng này. Luận nói rằng trở đi là tám mươi hàng tụng văn Bát-nhã, vô hình là pháp tánh, trang nghiêm là phước trí, cảnh trí tương xứng ứng khắp pháp giới. Chỉ có đồng loại thấy không phải trang nghiêm. Nay từ giáo đạo bên tha thọ dụng cũng gọi là báo thân, tức là Bồ-tát Đăng Địa thấy được. Trong tướng pháp thân nói biết trí Như lai, thì trí xứng với pháp thân, cho nên gọi là đạt sâu, tức chỉ cho pháp thân là gốc các tướng, cho nên nói pháp thân có ba mươi hai tướng, như trong Hoa Nghiêm nói mỗi tướng tốt bằng với hư không, bốn giáo chủ này chưa khai thành khác, chỉ là một thân bốn thấy đều khác. Cho nên Đại luận quyển mười một dẫn kinh Mật Tích chép: tất cả trời người thấy sắc lượng Phật hoặc như vàng ròng bạc trắng và các báu, v.v... hoặc thấy trượng sáu hoặc thấy một dặm hoặc mười dặm, cho đến trăm ức vô lượng vô biên đầy khắp hư không, ấy gọi là thân mật của Như lai, cơ thấy khác nhau. Vì cảnh thể lớn nên nói nguyện bằng, v.v... mỗi văn đều chép: nếu thấy Như lai, thì đều dùng ba tạng Như lai mà làm cảnh gốc, đối với sắc tướng ở trên

bốn thấy khác nhau. Thấy thần biến, là Sử ký nói thức dụng gọi là thần. Dịch nói lợi dụng ra vào gọi là Thần, cho nên biết Tục giáo lời xa mà ý gần cho nên dịch nói âm dương chẳng lường được gọi là thần. Tuy nói chẳng lường và thức dụng, v.v..., nhưng chỉ là thức thứ sáu, người ở trong dục thì âm dương không lường được. Biến cũng là âm dương thay đổi, nóng lạnh kịp đổi, như ý giải thích ở đây thì biến chẳng khác thần, còn chưa bằng trời huống chi là thánh ba tạng. Ba tạng thần biến y vào một tâm căn bản làm một đẳng. Như hóa chủ nói thì hóa sự liền nói, hóa chủ nín thì hóa sự nín, nói nín đã thế, thì các nghi khác cũng như thế. Cho nên không phải nhậm vận chân hóa. Nếu phát ra một luồng ánh sáng, thường ánh sáng một tầm thì chẳng nói là phát ra. Ánh sáng ngoài một tầm (mười trượng?) thì nói là thần biến. Bắt đầu từ A-tỳ cho đến Ni-tra mặt trăng mặt trời là ánh sáng hiều lớp. Nếu Phật phát ra ánh sáng thì khiến cho biến mất chẳng hiện. Kinh Báo Ân nói ánh sáng của Phật như ánh sáng mặt trời, chẳng nói chẳng hiện. Thế gian không có vật để dụ cho ánh sáng của Phật. Ở đây chỉ dụ một phần, cho nên kinh ấy chép: Đức Thế tôn phát ra ánh sáng như ánh mặt trời, rực rỡ che lấp hết các sao, mắt thấy sáng lòa mà hết hồn, nếu Phật phát ra ánh sáng khiến cho tất cả ánh sáng khác không hiện ra (thì không thấy các ánh sáng khác). Đại Luận chép: Muốn so sánh mà biết thì ánh sáng của Ca-diếp so với vàng diêm phù giống như các vết đen trên vỏ ốc, còn ánh sáng thân của Ca-diếp so với Tứ thiên vương lần lượt đến các trời Phạm Thiên thì cũng giống như vết đen, nên nói biến mất chẳng hiện. Đại Luận hỏi vì sao Như lai thường phát ra ánh sáng một trượng? Đáp: Căn chẳng chịu nổi, nếu nhiều ánh sáng quả thì hư mắt. Lại hỏi: nếu phát ra ánh sáng có ích, thì sao chẳng phát ra ánh sáng mà nói giới, thiền v.v...? Đáp: Chúng sanh được lợi ích khác nhau, như thành có nhiều cửa vào cửa nào cũng được. Thắng ứng thần biến: trong đây y theo lý cho nên khác ba tạng y thiền căn bản. Không có hai tướng nên khác với ba tạng, tâm là một, đều thấy Phật riêng ở trước, khác nhau đều thấy là tượng Tỳ-kheo già. Kinh Tịnh Danh chép: thấy Thế tôn ở trước mắt như khi Niết-bàn thì thấy Như lai chỉ nhận một mình mình cúng dường. Bát-nhã thường nói ánh sáng. Tịnh Danh nói như núi Tu-di hiện ra trên biển cả, Quán Đảnh thì nói cao vòi vọi (nguy nga đồ sộ) đều là thắng ứng thần biến, báo Phật thần biến. Nói y Như lai tạng, tạng là lý tánh chẳng thể hiện biến, phải đợi Đặng Địa duyên tu đã mãn, chân tu phát rồi thì mới hiện biến được. Chỉ khác căn bản và lý Vô sanh. Tam-muội chánh thọ tức chỉ cho Sơ địa, làm Phật sự ở trăm cõi trong mười phương. Phật pháp

thần biến, là pháp Phật Như lai cùng sự thần biến chẳng hai chẳng khác, cho nên nói tương tác. Vô ký hóa hóa v.v... là Đại luận quyển tám hỏi: Đức Thích-ca hóa thành vô lượng ngàn ức các Phật, vì sao nói pháp cùng một lúc được? Như trong Tỳ-đàm nói cùng một lúc không có hai tâm, hóa chủ hóa sự nói nín khác nhau, vì sao cùng lúc mà nói sáu độ? Đáp: Như ở đây nói, là sự biến hóa của ngoại đạo, Thanh văn mà thôi. Còn Như lai biến hóa là năng lực vô lượng Tam-muội không thể nghĩ bàn, cho nên vô lượng trăm ngàn một lúc cùng nói nín. Lại Thanh văn hóa ra người chứ chẳng thể hóa ra làm. Cho nên Thanh văn diệt rồi thì chẳng để lại hóa sự còn Như lai diệt rồi cơ thể để lại hóa sự như chư Phật chẳng khác, cho nên nói hóa lại làm hóa, quyển một văn đồng. Lại thần biến thì không phải chỉ có thân mà tất cả nói năng ý khéo léo đều gọi là thần biến. Cho nên kinh Đại thần biến nói Phật hiện mười tám biến rồi lúc đó có thương chủ Thiên tử bạch Phật rằng: lại có thần biến nào hơn đây chăng? Phật bảo Văn-thù nói rộng biến hóa đủ như trong phẩm bất tư nghì của kinh Tịnh Danh. Văn-thù bạch Phật: Như thế mà (dẹp bỏ) ác ma, cũng khiến cho Bồ-đề ở lâu trên đời. Như thế chưa phải là cao quý. Nếu không tên, không tướng, không tiếng, không chữ, như thế trải qua mười tám giới đều nói như thế, không ba thoát nói ba thoát cho đến sáu độ đều chẳng thật có. Tất cả chúng sanh nói không chúng sanh. Cõi Phật, thân Phật cúng nói như thế. Đó gọi là thần biến. Thương chủ Thiên Tử chép: Nếu thế thì tất cả các pháp đều gọi là thần biến. Thân tử hỏi Thiên Tử rằng: ông nghe thần biến này có sợ hãi không? Thiên tử đáp: Ta tức là thần biến thì còn sợ gì. Văn-thù chép: tất cả thiện ác, động và bất động đều là tướng thần biến. Bất động là pháp tánh, động là sự thần biến. Mỗi văn sau đều phải kết rằng: trên cầu dưới hóa, văn không có là lược. Cho nên biết Phật hiện và Văn-thù nói trước cũng thuộc về thần biến thông biệt. Làm nghĩa bốn hoằng thệ y theo nên biết. Trong nghe pháp có hai: một là chánh nghe pháp, hai là dùng kệ mà kết. Một văn nói hoặc từ Phật, v.v... là nói nghe pháp từ Phật chỉ khi Ngài còn tại thế, hoặc các tri thức thì chung cả hiện tại vị lai. Kinh quyển diệt rồi, nghe sanh diệt trở đi là pháp bốn giáo. Mỗi giáo đều sanh ra bốn giải khác nhau. Chỗ nghe pháp nầy chẳng ngoài bốn đế. Trước nghe sanh diệt trong sanh bốn giải. Sơ sanh sanh diệt là thế và xuất thế chỉ là bốn đế đời đời chẳng thôi nên gọi là mới mới, bốn tướng sở tướng nên gọi là dời đổi, tức là khổ tập. Giới tuệ lược nêu đạo đế, giải thoát lược nêu diệt đế, tức là hai thứ giải thoát hữu vi, vô vi. Tịch tịnh tức là lý diệt được chứng. Được Phật trên cầu nói đạo dưới hóa độ,

trong sanh giải vô sanh nói là vô thích. Đây là dẫn Đại kinh quyển hai mươi bảy. Trong pháp tánh không vì sao nói có mũi nhọn khổ tập mà nói khổ dục mà tu đạo diệt ư? Bốn thứ đều vô chủ nên nói là ai. Vô chủ nên không, nên nói là thanh tịnh. Năng tức là đạo diệt, sở tức là khổ tập. Năng sở chẳng hai nên nói tịch nhiên sanh, vô lượng giải, là không phải ở hai bên, giáo đạo chỉ trung. Phiền hoặc chẳng nhiễm nên nói riêng nhổ. Biên chẳng phải tức trung, trung do biên biểu thị. Cho nên ý dụ dưới như hoa Trung đạo, lìa nước hai bên, sanh ra trăng trí triền ở trong khoảng hư không pháp tánh, trong sanh viên giải biến chẳng phải song chiếu, là tuy ba tương tức trung tánh song phi, ba-một tức nhau, bằng với pháp giới, tên khác mà nghĩa đồng. Thường lạc là lược nêu hai thứ trong bốn đức. Đủ tất cả pháp nên nói đầy đủ. Nếu cứ dựa vào ý này thì thấy tướng thần biến, mỗi tướng đều phải sanh bốn giải. Chỉ ở Thanh giáo cõi này phải từ nghe làm tiện lợi, cho nên ở đây nói rõ mười sáu, huống chi là nghe chung cạn sâu, thấy đều chẳng thế. Chấp đá, v.v... là đá độc và thuốc báu tánh vốn chẳng hai tùy người cảm được, đều thấy khác nhau. Các pháp cũng như thế, vốn là pháp giới. Người ba giáo trước gọi là khổ tập, viên đốn trí chiếu nghĩa nó như chấp, tức là pháp giới như thành báu, v.v..., về thuốc độc, đủ như Thích Ma Nam Duyên trong Đại kinh. Kế nghe vô sanh sanh bốn giải, tức nghe Vô sanh sanh sanh diệt. Bồ-tát đồng phàm nên chưa vô sanh, sanh Vô sanh là ba thừa cùng học đều dứt thông hoặc nên đều Vô sanh. Sanh vô lượng là nếu dứt kiến tư nói là vô sanh. Là Nhị thừa có phần, đây là dứt vô minh mới gọi vô sanh, nên nói phi phần. Bồ-tát dứt hoặc thứ lớp trước sau, cho nên hai tử thứ lớp vô sanh. Sanh vô tác, là nghe môn chữ A liền hiểu tất cả, tức là viên giải. Kế nghe vô lượng sanh bốn giải, là đều lấy phục vi và xuất giả vị, gọi là vô lượng. Dứt hoặc chứng chân chẳng phải vô lượng, nên trước sanh sanh diệt, là Nhị thừa phương tiện Bồ-tát ba kỳ, gọi chung là Vô lượng, nên nêu phàm vị mười sáu đế quán. Trong sanh vô lượng chia làm hai câu, câu đầu ở hạnh, câu kế ở hướng. Trong mỗi câu đều nói "cũng" là câu đầu giới nói chưa hết, lại phục nấp giới, ngoại nên nói là cũng. Câu dưới trần sa chưa hết, lại phục (nấp) vô minh, lại nói là cũng cho nên Tứ Niệm Xứ chép: Trụ dứt kiến tư, lại dứt giới ngoại thượng phẩm trần sa. Mười hạnh trung phẩm mười hướng hạ phẩm, nay nói vô lượng, chẳng lấy mười Trụ. Trong sanh vô tác nói phục đoan, là vào trụ chánh đoạn, không phải nghĩa vô lượng. Bốn thứ đều được gọi là vô lượng, như các sông y theo biển đều được gọi là nước ấy vô lượng, mà lượng nước ấy đều có nhiều ít. Trong vô tác sanh bốn giải, câu đầu là

nêu chung trước sanh sanh diệt, là Bồ-tát chẳng dứt chẳng chứng vô tác. Trong sanh vô sanh là ba thừa đồng chứng lý Vô sanh. Trong sanh vô lượng, thì địa tiền là quyền, đăng địa là thật. Dứt rồi chẳng làm gọi là Vô tác. Trong sanh vô tác, thì Địa tiền hai đế tức là đăng địa Trung đạo. Cho nên nói quyền thật tức nhau, một nói trở đi là luận kệ mà kết. Đây là nêu chung. Kế nếu nói trở đi là trong mỗi giáo đều được bốn câu, nghĩa ở một giáo mà sanh bốn giải. Trước tuy đầu sanh chưa y cứ pháp mà nói. Cho nên y cứ nói kệ lại biện tướng trạng. Cho nên mượn lời tức nhau của luận văn mà kết bốn giải. Đây là sau này làm nghe một câu sanh ra các thứ pháp giải mà thử. Trước kết trong sanh diệt, sao gọi phương chẳng phải tức không, như người rơi xuống vực sâu tuy chưa đến đất cũng được gọi là chết. Phương là cũng sẽ, thường tu vô thường tuy chưa tức không, nhưng phải là nghĩa không hiện ở trên cảnh, cảnh tức phải không nên nói tức không nhờ duyên gia, nhưng trong bốn giáo đều nhờ duyên lập quyền hai giả, tướng trạng đều khác. Trong không cũng thế, nay đây hư giả nhờ các duyên thành chẳng phải từ không mà ra, bày quyền để lợi vật. Trong lìa đoạn thường Nhị thừa cũng được. Quả Phật là hơn, các đệ tử ba thừa được gọi là Trung. Rộng như nói trong khai hợp thứ ba. Nên hiểu như thế. Dưới là muốn nói giáo sau. Trước là bác bỏ, kế là kết. Như trong kinh A-hàm Vô Tránh Phật bảo Tỳ-kheo chớ tìm dục lạc và đó là pháp thấp kém nhất, cũng chớ khổ hạnh thái quá. Lìa hai bên này thì có Trung đạo. Lại khi Phật ở Xá-vệ, Xá-lợi-phất nói rằng con giống như đất, các thứ khạc nhổ ỉa đái trên đó đều không ngại, cho đến như nước, như lửa, như gió. Phật nói: Kinh này tên là Sư Tử Hống. A-nan nói điều thân tử nói là diệu trong diệu. Lại khi Phật ngự tại nhà Lộc Tử Mẫu, Thượng đường tuy không, nhưng có chẳng không chỉ các chúng Tỳ-kheo thường nghĩ một thứ vô sự, nghĩa là không có nhân tưởng nhưng có chẳng không là một vô sự. Trong Bà-sa chỗ nào cũng nói pháp tánh thật tướng và pháp thân bằng nhau, tên bằng nhau như thế, đồng với Đại thừa, cho nên phải dùng nghĩa mà xếp vào loại. Do đó bốn giáo đều không giả trung mà tùy giáo môn nói có khác. Cho nên ở đây chê rằng: ngay không đẳng v.v... còn chẳng thành giải thích tức không, chẳng được trở đi là chê chẳng có pháp tánh diệu quả diệu trung. Từ thiết tác trở đi là cho có thường giáo hai tên giả trung, chưa thấy lý riêng khác, chỉ chỉ cho trung. Trong có tám địa xuất giả hóa vật, một lúc đặt bày chẳng phải nhậm vận hóa, tuy khác nhân người đặt tên Trung đạo, chỉ lìa đoạn thường, cuối cùng trở về lý không. Ba phen này trở đi là kết chê kết trong kết vô lượng. Trước kết, là thật có ba đế,

chẳng đồng với tạng thông, cho nên chẳng bác bỏ chỉ chê thứ lớp chưa được gọi Viên. Cũng thuận theo luận văn ba lời tức nhau. Tuy ba đế đều không, đều giả, đều trung thứ lớp rõ ràng. Vô chủ nên nói không là không trong chân đế, đồng với vô chủ không trong ba tạng trước, giả tức không, vì tức không tâm mà sanh ra giả, đối bịnh giả khác giả bày thuốc pháp, Cho nên thuốc bịnh đều tức không. Đây là không trong tục đế. Trung tức không, là trung lý vô biên tức rốt ráo không, đây là không của Trung đạo. Cũng được gọi là một không thì tất cả không. Tuy là ba đế đều được gọi là không mà đều thứ lớp, nên thuộc về biệt. Ba thứ đều trung, giống như một trung thì tất cả đều trung, mà thứ lớp rõ ràng. Quyền đặt tên trung, Cho nên ba đế cũng thành thứ lớp. Lìa đoạn thường nên gọi là Trung chân, vị ở Mười Trụ, với cơ không khác, gọi là Trung cơ, vị ở hạnh tướng. Pháp tánh thật tế gọi là trung thật, vị ở Thập địa. Ba thời đều khác nên cũng khác. Tuy là ba đế đều không giả trung chỉ là tướng thứ lớp ba đế. Kế kết thành viên, là nói bờ đạo nầy đã không thể nghĩ bàn. Lại tức thật tướng nên chẳng có đồng khác, ba thứ đều giả, cũng nói ba đế đồng có tên gọi. Đây ba tức một chỉ có tên ba, hai tên giống đồng mà thể nó rất khác. Phải biết trở đi là kết ý. Pháp tức là cảnh, cảnh là bốn đế. Bốn cảnh mà khởi giải, nương giải mà khởi nguyện. Nguyện nên gọi là phát tâm Bồ-đề. Người đời phần nhiều dùng ngồi thiền an tâm gọi là phát tâm. Người này chưa biết cảnh sở duyên, không quả y cứ hẹn, toàn tìm vô thượng, chẳng biết đại bi không hề có hạ hóa. Cho nên phát tâm từ đại bi mà khởi, nói các thứ chẳng qua là bốn nhân bốn là mười sáu giải. Tịnh độ đồ chúng ấy là mười khoa nói phát rồi giải thích bốn thứ, còn sáu thứ kia lược, chỉ so sánh mà thôi. Nay lại so sánh trước mà bày tướng trạng. Nói tịnh độ, là hoặc từ kinh điển nghe nói các cõi, hoặc ánh sáng hay tiếng Phật sai thấy các độ, hoặc có cơ duyên thấy khác độ này, hoặc được bậc Thánh ngầm che chở mắt thấy các cõi, chẳng thể nói đủ lược thuật giềng mối. Nếu một chất một thấy khác chất khác thấy, đủ như suy lý thấy tướng, v.v... khác chất một thấy một chất khác thấy, đủ như nghe pháp bốn nghĩa, cùng thông đều thành một ý. Như Pháp Hoa hội đầu và trong Tịnh Danh Bồ-tát Hương Tích đến đây nghe pháp. Đây là thấy đồng cư uế. Trong hội này đại chúng thấy nước Diệu Hỷ và trong pháp ba biến ruộng đất, đây là thấy đồng cư tịnh. Thanh văn Bồ-tát cùng là Tăng, đây là thấy cõi phương tiện. Như trong Tịnh Danh ngay chân ấn đất mà đều tự thấy ngồi hoa sen báu. Và trong Pháp Hoa thấy cõi Ta-bà này toàn là các Bồ-tát. Đây là thấy cõi thật báo. Như trong kinh Tịnh Danh Đại sĩ nhà

trống và trong Pháp Hoa ở Phương dưới có tháp báu trong hư không, đây là thấy thường Tịch quang cho đến tượng pháp quyết nghi, đất rừng Ta-la, bốn cái thấy khác nhau. Cũng như Huyền văn giải thích cõi nước diệu tích có bốn khác, tức là tướng ấy. Thấy tướng các cõi trên cầu dưới hóa. Cõi nước là sở y, chúng sanh và Phật là năng y. chúng sanh và Phật đối nhau cho nên cũng có bốn hoằng thệ. Dưới thấy chúng v.v... là năm khoa khác nhau. Cũng phải nói rõ bốn câu như chất v.v.... Nói thấy chúng là như các kinh trước nêu chúng đồng nghe tùy giáo nhiều ít lớn nhỏ, hơn kém chính là tướng ấy, năng lực mình năng lực người nghe nói ngầm che chở, lệ trước khá biết. Nếu một chất khác thấy một chất một thấy, là thấy đại chúng tụ tán sanh diệt, hoặc thấy đại chúng tụ tán như huyễn, hoặc thấy đại chúng nối tiếp Phật pháp, hoặc thấy đại chúng như Thường Bất Khinh cũng như huyền văn nói quyến thuộc về diệu trung. Kế thấy tu hành cũng bốn thấy, là tu hạnh sáu độ, bốn Tam-muội v.v... đều dùng tâm hẹn cảnh trí mà khen, bốn tướng tự khác. Nếu một chất khác thấy v.v... là tự thấy bỏ thân cắt mình vì chúng sanh, vì đạo phục, hoặc tu hành tạng. Hoặc thấy chỗ bỏ các thông như huyễn hóa, v.v..., vì thường trụ cho nên Biệt, vì pháp giới cho nên Viên. Cũng như huyền văn làm Diệu Trung mà nói. Nếu y theo các bộ kinh luận khác nhau, ba kỳ sáu đồ là tạng. Như kinh Thỉnh Quan Âm, Văn-thù vấn đều có ba thừa cộng hạnh là thông, như Hoa Nghiêm nói Bồ-tát phát tâm chẳng vì một người cho đến Hằng sa, vì độ tất cả mà phát tâm tu hành là Biệt. Đạo tràng Phổ Hiền và hạnh Phổ Hiền trong Hoa Nghiêm là Viên. Y cứ năm vị trải qua nhiều ít khác nhau. Y cứ theo nói rất dễ hiểu. Trên hai dưới ba mà rất dễ thấy. Đồ chúng tu hành thuộc về đạo đế. Đạo là nghĩa trên cầu gồm dưới hóa. Kế trong pháp diệt cũng có bốn là Thập Trụ Bà-sa nói Bồ-tát Ma-ha-tát khi thấy pháp diệt thì khởi tâm hộ pháp, theo lệ phải có bốn thứ Bồ-tát hộ pháp khác nhau. Nếu lập tượng chánh cho đến mạt pháp lưu thông mà hộ trì là tạng thông. Nếu thấy pháp tạng thì ở mười phương hết đời vị lai vì hộ pháp cho nên Biệt. Nếu thấy pháp diệt liền biết pháp giới thường trụ chẳng diệt, hết đời vị lai hộ pháp thường trụ là viên. Một chất khác thấy v.v... so nói rất dễ hiểu. Pháp diệt hộ pháp nghĩa gồm trên cầu dưới hóa v.v... Trong thấy chịu khổ sanh ra bốn giải, là nếu thấy ba cõi sáu đường là luân hồi sanh diệt. Nếu thấy luân hồi không có tướng bức não, là Thông. Mười giới tướng khổ mỗi tướng có vô lượng, là Biệt. Trăm giới ngàn giới khổ ở một niệm, là viên. Nếu một chất khác thấy, v.v..., là như thấy sai sai đánh đạp trói cột cũng sanh bốn giải, phát tâm khác nhau. Cũng như bốn đế bốn khổ khác

nhau. Kế trong thấy khởi lỗi mà sanh bốn giải, là trong bốn thứ bốn đế, bốn tập khác nhau, tức là khởi lỗi. Một chất khác thấy so nói rất dễ hiểu. Chịu khổ gây lỗi thuộc nghĩa dưới hóa mà gồm trên cầu. Cũng đủ bốn nghĩa. Người tu sơ tâm rất cần phải có. Nếu phát tâm mà chẳng chân thật là do ở chánh cảnh công đức cũng nhiều. Vì sao? Vì phát tâm Bồ-đề là việc ít có. Như trong Thủ-lăng-nghiêm chép: Phật bảo Kiên Ý rằng sau khi ta diệt độ năm trăm năm có nhiều Tỳ-kheo vì lợi dưỡng mà phát tâm xuất gia, với tâm đùa giỡn mà nghe Tam-muội là phát tâm Bồ-đề. Vì ta biết tâm ấy cũng làm duyên xa cho Bồ-đề huống chi là thanh tịnh phát tâm. Cho nên biết nếu không chánh cảnh dẫn không dối trá cũng chẳng thành giống. Kế dùng ba chỉ quán mà kết, là mười thứ phát tâm suy lý đứng ở hai đầu, cho nên y cứ suy lý, chín thứ kia thì lệ theo. Cho nên văn sau chép: Nếu thấy ý này lệ thấy tướng nghe pháp cho đến khởi lỗi, cho nên mỗi văn đều sanh mười sáu, mỗi thứ đều dùng ba chỉ quán tánh trở đi là chánh giải thích. Trước là giải thích đốn, lý pháp tánh không phải số lượng, nếu chấp nhất định ở ba quán bốn giáo xem là năng phát thì càng thêm mê mờ điên đảo. Từ nay nói trở đi là đến nội, hoặc nên làm sâu dần (tiệm sâu). Pháp trước nói, là nói một hai ba bốn, chỉ ba chỉ quán và bốn giáo thứ lớp càng chồng chất, cho đến bốn nầy là nói lý do của thứ lớp. Kế nói pháp tánh trở đi là nói về tướng bất đồng. Giới nội giới ngoại, hai lý quyền thật đều có hai căn tánh nên bốn thứ khác nhau. Kế từ nếu người giới nội độn trở đi là giải thích có bốn lý do, do mê giải (không hiểu và hiểu) nên có nặng nhẹ, khéo vụng. Chân và pháp tánh là tên khác mà nghĩa đồng. Giới nội lợi độn mê mờ Chân đế, giới ngoại lợi độn mê ở Trung đạo. Mê chân mê trung, sở mê sở giải tuy đồng pháp tánh mà năng mê, năng giải khéo vụng khác nhau, cho nên thành bốn thứ. Mê chân mê trung có hai khổ tập, giải chân giải trung có hai đạo diệt. lợi gọi là tức, độn gọi là lìa. Khéo vụng cũng như thế. Ly nghĩa là lìa pháp tánh có khổ tập riêng. Bốn nghĩa là tức pháp tánh, tức khổ tập. Sở giải là do năng giải vụng. Sở giải tức là do năng giải kheo.

Hỏi mê và giải chỉ phải nói là Tập và Đạo, sao lại nói khổ và diệt? Đáp: Vì nhân vời lấy quả theo nhau mà nói. Giới ngoại nhìn nội chân tuy khác, khéo vụng tức lìa tên ấy chẳng khác. Kế sở dĩ trở đi là nêu thí dụ, chung là giới nội giới ngoại làm thí dụ, dùng người đi đường làm cha con, giáo lý tức, lấy cha con làm người đi đường gọi là lìa. Vì sao thế? Vì thể của khổ tập vốn là pháp tánh cũng giống như cha con. Nếu bảo pháp tánh khác khổ tập thì gọi là người đi đường, cho nên nói

khổ tập rất khác pháp tánh để dụ cho người của hai giáo Tạng và Biệt. Thể tánh tuy đồng nhưng việc rất khác tên, chẳng phải cốt nhục nhưng ở người khác mà ép tưởng là cha con thì nói khổ tập tức là pháp tánh, cho nên dụ cho người hai giáo Thông và Viên. Từ thô tế trở đi là dẫn lệ họp thí. Nếu dựa vào văn thí dụ thì trong ngoài phải đều có thô tế và khó dễ. Nay vì sanh sau chẳng có tướng nhất định văn tướng mà đối nói dễ. Nay vì sanh sau chẳng có định tướng nhất, đối nói dễ, chỉ vì giới nội là thô, giới ngoại là tề, nhánh gốc khó dễ v.v... y theo đây sẽ biết. Như thế thô tế đều có các dụ khéo vụng cha con. Nên nói cũng giống như thế. Từ hoặc nói giới nội trở đi là đến chỗ sâu, trong đây hai cặp là giải thích tướng tiệm. Cho nên dưới kết rằng: Nếu làm cạn sâu nặng nhẹ thì là tướng tiệm thứ. Có chỗ nói: Vì không xen lẫn nhau nên chẳng gọi là bất định. Kế từ hoặc nói giới nội trở đi là sáu đối cùng giao nhau mà giải thích tướng bất định. Sau cùng khó dễ tuy không giao nhau, chỉ là văn lược nghĩa suy phải có. Nên nói hoặc giới nội sơ tâm năng phá cho nên dễ dứt, còn giới ngoại hậu tâm mới phá nên gọi là khó dứt. Các câu xen nhau chẳng thể ghi rõ, người đọc chớ coi thường. Từ như thế trở đi là kết thúc bất định trước gồm chỉ rộng. Từ nếu làm trở đi là tổng lược kết bày. Đều nói nếu làm, là ba thứ chỉ quán, tức là tướng riêng, chỉ nói các giáo tức là tướng chung, dùng riêng nói chung nên nói nếu làm. Cạn sâu nặng nhẹ là chỉ hai đối trước, nhất thật bốn đế chỉ cho pháp tánh trước. Lại cùng nặng nhẹ là chỉ cho sáu cặp trước. Kế đều Đại thừa trở đi là khuyên cố gắng. Người phát tâm vì cầu viên thừa. Viên thừa khác nhau, hạnh chia ra ba khác. Khen khuyên hạnh, là chẳng thể chẳng biết. Kế từ hơi thở trở đi là phân biệt, trước hỏi, là hỏi suy lý trước tập đã có bốn quả khổ sao chỉ có hai thứ phần đoạn và biến dịch. Nhân quả phải đồng vì sao bốn nhân chỉ chiêu cảm hai quả? Đáp: Trong ý, một là chánh đáp, hai là nêu ví dụ. Trong một chánh đáp lấy nghĩa mà nói sao quả chỉ có hai mà tập cũng phải hai. Nay nói bốn là y cứ phá mê sanh giải, hai tập đều có hai phá khéo vụng để thành bốn riêng. Hoặc này tùy người giải thích khác nhau, cho nên nói hoặc tùy ở giải. Nếu thuận theo sanh tử bốn tập chỉ chiêu cảm hai thứ khổ quả, cho nên nói giải tùy ở hoặc. Nay lấy giải hỏi mê nên nói bốn tập mà cảm hai quả, lấy thật mà nói giải thì đều có bốn, như bốn đế thì có bổn khổ, mê thì đều hai như hoặc chung riêng chỉ thành hai nhân, đâu cần chỉ y cứ nhân giải mà hỏi quả mê. Kế như trở đi là ví dụ đáp Như, hoặc giới nội tùy ở Tiểu thừa hai giải khác nhau nên gọi là kiến tư. Nếu các phàm phu thuận theo mê tình hai nhân giới nội, chỉ chiêu cảm một quả phần đoạn

giới nội. Ví dụ này chưa thiết, tùy mê chỉ chiêu cảm một quả phần đoạn. Đây thì có thể được. Nếu lệ ở giải mà sanh hai tập thì ý ấy chưa bằng nhau. Trước đối với một tập mà sanh ra hai giải, nay đối với tập khai ra thành kiến tư. Lại có văn trước ở một khổ đế giải thích cũng phải hai. Trong đây dẫu chia làm hai thứ kiến tư, thì quả khổ chẳng thể chia làm hai thứ. Nếu thiết yếu mà nói, thì phá kiến hoặc nên lìa ác bốn thú phá tư hoặc nên lìa sanh ba cõi, đều lại từ giải để phân ra hai thứ khác nhau. Kế hỏi khổ tập có thể là nhân duyên, v.v... Hỏi: Trong luận kệ kết trước dùng luận câu đầu đối với bốn đế ba tạng, đều thuộc pháp nhân duyên sanh. Khổ tập là mê có thể cho là từ duyên, còn đạo diệt phá mê vì sao nói cũng từ nhân duyên sanh. Lý ý đáp là chỗ phá khổ tập thể là duyên sanh, nếu chẳng có khổ tập thì không có đạo diệt, tên từ pháp khác mà được nên cũng từ duyên. Do đó bốn thứ ba tạng đều sanh diệt, cho nên Đại kinh trở đi dẫn Đại làm ví dụ. Vô minh là Tập, Bồ-đề là Đạo. Do diệt tập nên mới có Đạo, là ý Biệt Viên. Đạo diệt Biệt viên còn từ duyên sanh, huống chi là ba tạng. Nêu sâu so sánh cạn để đáp câu hỏi trước. Kế hỏi: Trong văn hỏi đối với một pháp tánh làm sao chia làm hai lý quyền thật, lại phân ra tức lý mà làm bốn ư? Đáp ý: Khai quyền hiển thật chỉ một pháp tánh, vì thật bày quyền nên phân ra quyền thật. Đối với quyền thật lấy giải căn làm khác, cho nên sai quyền thật đều có lợi độn, kế là từ nếu thấy ý nàytrở đi là nêu để so sánh chín cái kia. Suy lý đã có ba kết chỉ quán và ba phen hỏi đáp phân biệt. Chín cái kia y theo lệ đều cũng phải thế.

Kế nói bốn hoằng thệ. Hoằng là rộng, thệ là y cứ. Thích danh nói thệ là chế, nay dùng bốn pháp mà chế sơ tâm sai trên cầu dưới hóa cho nên nói phát Tăng-na ở tâm đại bi thỉ chung để phó nạn. Tăng-na là tiếng Tây Trúc, xứ này dịch là Hoằng thệ, Khởi hạnh làm tròn nguyện, nên nói phó nạn. Trước chép: Trước suy lý đi đến bốn hoằng, là kết trước sanh sau, nghĩa đủ hiển kết ở trước, vì chưa hiểu trở đi là sanh sau. trước tuy y cứ đế nói rộng phát tâm, nhưng chưa hiểu chẳng hiểu bốn đế chỉ là cảnh bốn hoằng. Cho nên lại nói hoằng thệ. Lại trong bốn đế kế nói đồng khác. Bốn đế là cảnh, từ cảnh sanh giải, cho nên nói y cứ giải. Bốn hoằng y giải mà sanh nguyện, cho nên nói y cứ nguyện. Lại đế có nhân quả, cho nên chung ba đời, nguyện đều ở đó, cho nên thuộc về vị lai. Lại bốn đế y cứ lý lý chung ba đời, bốn hoằng là nguyện, nguyện vị lai thành, hoằng và đế đều phải trên cầu, có trên cầu mới có dưới hóa. Trong trên cầu vì có Phật đạo, mới có pháp môn, cho nên mỗi đều phải nói Phật. Lại phải y cứ chín đời mà nói. Cho nên trên ba đời đều có nhân quả, đều

nói Phật. Lại bốn đế có khổ tập, khổ tập có sáu căn. Hoằng thệ y cứ tâm hẹn, tâm hẹn chỉ ở lý. Lại bốn đế chung cho ba nghiệp, ba nghiệp chung sáu căn. Nguyện không cần phải thân miệng, cho nên chỉ ở ý. Đây y cứ vào phần Đại nếu nói kỹ cũng nên đủ ba. Tâm duyên cảnh, miệng nói lời thệ, thân hiện tướng kính. Lại trong ba phen không phải không có nghĩa khác nhưng lặp đi lặp lại phải vậy thôi. Cho nên đều nói nhiều.

Hỏi: Nếu có khác đây y cứ đế khởi nguyện trước đã gồm đủ đâu cần nói lại? Đáp: Thệ gọi là Đại, Đế chung cho đại tiểu. Diệt khổ tự độ gọi là Tiểu. Bi cứu người khác gọi là gồm đại. Đế tên gọi nhiều có lạm nên nói bốn hoằng. Lại hoằng chung cả thiên viên, tức gọi là chỉ viên. Cho nên bốn hoằng sau lại nói sáu tức. Từ rộng đến hẹp mới hiển được. Cho nên văn dưới nói lần lượt sâu xa. Như thế trở xuống là kết ý. Hỏi: trước nói mười khoa, nay ở đây vì sao chỉ đối Đế mà phân biệt? Đáp: Bốn đế là chung mười khoa y cứ Biệt. Cho nên giải thích mười khoa thì Đế ở đầu, mười khoa chẳng lý sự đồng với ma nói. Cho nên chỉ y cứ nghĩa mà nói, gồm mười thứ kia. Trước trong giải thích sanh diệt bốn hoằng, trước nói thệ cảnh tức là bốn Đế tâm chẳng cô sanh bỏ cảnh tập đế. Trước y cứ Đế trung từ thô đến tế cho nên khổ ở trước. Nay trong bốn hoằng từ tế đến thô, cho nên tập ở trước. Đạo diệt cũng như thế. Lại bốn Đế trước y cứ nhân quả, tướng quả vì thô cho nên trước bày. Nay trong bốn hoằng y cứ ở ý địa, tập ở tại ý cho nên nói trước. Nói tâm chẳng cô sanh, là nói tâm nay khởi pháp sở sanh. Từ căn trần này trở xuống là bày. Chánh bày tâm này thành tướng sanh diệt, Căn là năng sanh thuộc về nhân, trần là sở duyên thuộc về duyên. Nhân duyên hòa hợp thành pháp sở sanh. Nhân duyên sanh ra đều là sanh diệt. Nói ba tướng, tức chẳng lấy trụ, y theo trước mà nói bốn tâm lưu động, cũng có thể nói bốn đường khởi diệt ẩn kín nên gọi là ngầm. Niệm niệm tiếu tục khởi nên nói là mới mới. Viêm thước trở xuống là nêu dụ. Viêm là thấy lóe lên thật nhanh. Thy cứ là sáng, niệm niệm nhanh chóng khởi trong nháy mắt, nên như điện xẹt, sáng lòe mà dụ. Cho nên biết niệm khởi nhanh ở đây. Thuyên là nhanh chóng, là dụ cho sát-na chẳng dừng. Kế sắc bào trở xuống là cảnh khổ đế. Đủ như trong Đại phẩm, Đại luận giải thích rộng. Bọt bèo là trong dụ Tiểu thừa. Diệm là trong dụ của Đại thừa. Đây là cộng bộ (bộ chung) cho nên gồm đủ. Mưa rơi xuống nước nổi bọt gọi là bào nước vỗ vào nước gọi là mạt. Mặt trời ở chỗ trống (sa mạc) thấy có hơi nóng. Thành là Càn thành, tục gọi là thần khí, là buổi sáng ở biển xa thấy như có lầu gác, người vật, mà thật ra không có. Cho nên trong mười dụ khen rằng: Thế pháp trống không như thành quỉ,

phàm phu ngu si định đánh chiếm. Thuốc v.v... hòa hợp khiến thấy khác góc cũ nên gọi là huyễn. Đại luận chép: Trong pháp Thanh văn không có dụ thành này, chỉ có các dụ về vô thường. Trong đây tuy dùng cũng thuộc về sanh diệt, đến quyển năm lại nói khác. Một hộp mà khổ riêng, là trong hộp không có vui nên gọi khổ riêng. Đại Kinh quyển hai mươi bốn chép: Rắn độc bốn đại ở đầy trong hộp, người phải nuôi lớn chăm nom, nằm ngồi. Nếu làm cho một rắn giận dữ, thì ta phải theo pháp mà giết chết. Bốn đại thành thân giống như một cái hộp, một đại chẳng điều hòa thì khiến phạm tội trọng nên nói đô thị. Từ nhân khổ lại đến quả khổ nên gọi là riêng.

Bốn núi hợp lại trở xuống là cảnh Đạo đế. Đại Kinh quyển hai mươi tám chép: Phật hỏi Năc Vương (vua Ba-tư-nặc), có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại người dân, thì phải làm sao? Vua nói chỉ nên chuyên tâm giới, định, tuệ, Đạo phẩm chẳng ngoài ba pháp này. Nói núi đến, đây là dùng không phải dụ làm dụ, bốn núi là bốn đại, bốn phương là sanh, già, bịnh chết. Nếu muốn khỏi đây thì chỉ y theo Đạo phẩm. Phá dọc trở xuống là nói cảnh diệt đế, phá dọc điên đảo là diệt tập, cắt ngang biển khổ tức là diệt khổ. Hoặc diệt ắt trước thô sau tế nên nói là phá dọc. Khô mất rồi thì không còn trước sau, nên nói cắt ngang. Khổ phần nặng nhẹ cũng có thể nói dọc. Kiến- tư đều phá cũng có thể nói ngang. Nay từ nhiều phần cho nên lại nói. Đảo nghĩa là thường, v.v... bốn đảo (thường lạc ngã tịnh) khác nhau, trải giới thì có các phẩm cạn sâu, rộng lớn chỉ là phần đoạn mà thôi. Biển dụ cho sanh tử vô biên. Tục giáo chẳng biết tử phải có sanh. Cho nên Thích Danh chép: Thần hết gọi là tử (chết). Ở đây thuộc đoạn kiến của ngoại đạo. Hữu là ba cõi, Lưu là bốn dòng. Ở đây ba chỗ nhân quả chẳng mất nên gọi là Hữu, bốn pháp này nổi chìm chẳng dứt nên gọi là Lưu. Kiến lưu là kiến ba cõi, dục lưu là tất cả các hoặc cõi Dục, trừ kiến và si. Hữu lưu là tất cả các hoặc ở hai cõi trên (Sắc, Vô sắc) trừ kiến và si. Vô minh lưu là si của ba cõi. Kinh nói trở xuống là dẫn chứng. Đại Kinh quyển 14 giải thích Kỳ-dạ rằng: Phật bảo các Tỳ-kheo: Xưa, ta cùng các thầy ngu si không có trí tuệ, chẳng thể thấy bốn chân đế như thật, cho nên chết chìm lâu dài trong biển khổ lớn. Dưới Phật lại dùng kệ đáp Ca-diếp rằng: xưa ta và các thầy. Chẳng thấy bốn chân đế. Cho nên trôi giạt mãi, trong biển khổ sanh tử. Đây là chứng do thấy bốn đế sanh tử đã hết. Nhà lửa trở xuống là quở trách, chẳng thấy đế lý thì chỉ chìm trong khổ tập. Mê đắm kiến gọi là Hỷ, mê đắm ái gọi là Hý. Cho nên dưới là chánh phát thệ. Như Đức Thích-ca trở xuống là dẫn sự làm ví dụ. Đây

tức là ví dụ của ba tạng về phát tâm; Canh là cày, tức đất này đã cày bừa từ trước. Dọcy Ứng nói: Thái tử Tất-đạt chán ngấy năm dục, dạo chơi bốn cửa thành. Thiên đế ở cửa Đông hóa thành người bịnh, ở cửa Nam hóa thành người già, ở cửa Tây hóa thành người chết, ở cửa Bắc hóa thành Sa-môn, Tất-đạt thấy rồi bèn hỏi Thiên đế. Thiên đế đều đáp theo ý. Thái tử chép: Như Sa-môn đây thì chỉ là vui. Nửa đêm, Thái tử bèn vượt thành đến ruộng ngồi nghỉ dưới cây, vua cha đuổi theo, thấy bèn đảnh lễ. Thái tử thưa rằng: Con cầu tự nhiên muốn dứt các khổ. Các thứ không thoát con muốn thoát ra, các thứ không hiểu con muốn hiểu rõ, các thứ không yên con muốn được yên, ai chưa được đạo con muốn cho được. Nguyện khi con được đạo thì chẳng quên lời thề này. Vua biết ý của Thái tử bèn trở về cung. Thái tử vẫn ngồi dưới gốc cây, thấy người cày xới làm lộ ra các giun dế chim chóc giành nhau mổ ăn. Cảm thương chúng sanh ăn nuốt lẫn nhau muốn ra mà không thoát. Y cứ vào Văn kinh khi xem cày ruộng thì đã phát thệ rồi. Nhân xem cày bừa mà thương xót chúng sanh, cũng là nhân cảnh mà phát thệ ví dụ như thế dẫn ra. Giống như Di-lặc: kinh Di-lặc thành Phật nói: trước khi chán đời, vua Thương-khư cúng thí ngài Di-lặc, một đài báu. Di-lặc nhân rồi thí cho Bà-la-môn, Bà-la-môn nhận rồi đem phá bỏ mà phân tán. Di-lặc thấy vậy biết tất cả pháp đều sẽ hư hoại, bèn xuất gia học đạo, ngồi dưới cây long hoa, ngay trong một ngày liền thành Phật. Rộng như kinh chép: Đây thì Di-lặc chính do đài hư mà phát tâm. Vì minh liễu trở xuống là phân biệt quấy, hiển bày phải. Kế chỉ quán trở xuống là nói hoằng thệ Vô sanh. Quán sanh ra tâm cùng gieo trồng chẳng khác, Năng quán quán trì tức không là khác. Thế nào là tức không? Vì bốn tánh xem xét, tánh tướng nghĩa không, đến quyển năm có giải thích rõ. Lúc khởi chẳng từ Tự tha, đã không có bốn tánh thì sanh diệt không thật có. Tới lui chỉ là tên khác của sanh diệt. Tâm này chẳng ở trong ngoài, vì không có mình nên chẳng phải trong, không phải người nên không phải ngoài, không phải chung nên không phải hai khoảng. Chẳng phải không nhân nên chẳng phải thường tự có. Chỉ có trở xuống là tánh tướng không. Sanh tức Vô sanh gọi là hữu tịch, cũng không Vô sanh, gọi là vô tịch. Trước là tánh không, cũng chẳng trở xuống là tướng không. Phàm phu chấp thật nên gọi là có, tất cả trí quán nên gọi là Trí giả. Biết tánh tướng không nên nói biết không. Lại, pháp vốn chẳng sanh nên gọi Hữu tịch, nay thì không diệt nên gọi Vô tịch. Kể như trăng trong nước trở xuống là nêu thí dụ. Đại luận chép: Trăng trong nước thì tiểu nhân chấp lấy còn Đại nhân cười. Vì thân kiến nên thấy có các thứ. Lại Luận

quyển ba mươi sáu nói: Ví như trẻ con thấy trăng dưới đáy nước, xuống nước mà bắt lấy chẳng được liền khóc. Người trí nói tánh nó như thế, chớ nên buồn giận. Kinh Tư Ích nói trở xuống là dẫn chứng. Thí dụ trước thông chung, dẫn chứng thì riêng. Quyển một chép: Biết khổ mà không khổ gọi là khổ Thánh đế, tập mà không hòa hợp gọi là Tập thánh đế. Trong rốt ráo không chẳng sanh chẳng diệt gọi là Diệt thánh đế, đối với tất cả pháp bình đẳng chẳng hai gọi là Đạo thánh đế. Ở đây thì bốn đế đều Vô sanh. Kế dẫn Đại kinh tức bốn đế trước là văn đầu đã dẫn. Tập trở xuống là dụ riêng bốn đế. Mỗi đế đều trước pháp kế dụ, chỉ thiếu thí dụ về diệt. Trước Tập Dụ nói nai khát nước đuổi theo dương diệm do nóng, khoảng không và bụi ba nhân duyên mà sanh ra diệm. Vì khát nên gọi là nước, trong có si ái ngoài thêm cảnh dục, do năng lực nhân duyên nên khởi tưởng dục. Phàm phu chẳng hiểu gọi là luân hồi dụ về khổ đế như bắt trăng đáy nước. Luật Tăng-kỳ quyển tám nói: Khi Phật ngự tại thành Vương-xá. Các Tỳ-kheo để cử Điều-đạt làm pháp Yết-ma. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị đồng kiến với Điều-đạt, Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Vào đời quá khứ, ở chỗ vắng nọ có năm trăm con khỉ đi khắp chốn nhân gian, có một cây Ni-câu-loại, dưới cây có cái giếng, dưới giếng có ánh trăng. Khỉ đầu đàn thấy rồi bảo các bạn rằng: Trăng chết rơi xuống giếng phải lấy lên để đêm thế gian khỏi tối. Các khỉ hỏi làm sao lấy lên. Khỉ đầu đàn bảo: Ta có cách lấy, ta sẽ nắm cánh cây, chúng bây nắm lấy đuôi ta rồi lần lượt nối nhau mà lấy ra. Các khỉ nghe lời. Vừa đến gần nước thì khỉ nặng cành cây yếu nên gãy và rơi xuống giếng. Khỉ đầu đàn lúc ấy chính là Điều-đạt bây giờ, năm trăm khỉ kia là nhóm Tỳ-kheo sáu vị. Trong rốt ráo không có mặt trăng chân thường, kết nước sử mà sanh ra ảnh ấm nhập. Khỉ ngu phàm phu gọi đó là thật, uổng gọi nói chân mà không hiểu rõ ấm nhập. Vì thầy mê nên dạy nhiều người mê. Cho nên biết đều do chẳng hiểu rõ khổ, luật ấy tuy dụ chủ bạn đồng tà cũng là do chẳng hiểu rõ ấm nhập. Trong đạo đế nói chẳng phải là làm tức không v.v... là tất cả đều không, đâu thể thực hành mà giản bất tức, tức ngoài chẳng khác chẳng tức. Nếu có phân biệt thì như tránh không mà tìm không. Thí dụ nói như Bè, v.v... kinh Trung A-hàm quyển 54 Kinh Dụ Bè chép: vì biết dục này làm chướng đạo và biết pháp này chẳng chịu cực khổ cũng chẳng mệt mỏi. Vì chẳng điên đảo cho nên suốt đêm ta vì các thầy nói kinh Dụ Bè, muốn cho các thầy bỏ chẳng để các thầy nhận. Như nước trong núi rất sâu không có thuyền cầu. Có người từ đây muốn đến bờ kia, nghĩ nước chảy gấp sẽ bị nhận chìm, dùng phương tiện nào mà đến bờ kia. Nay ta sẽ thu nhặt cỏ cây

cột làm bè ngồi trên đó mà qua, qua đến bờ kia bèn nghĩ bè này rất có ích, phải mang theo mãi. Rồi cứ vác mà đi. Ý nói làm thế có ích gì chăng? Tỳ-kheo đáp: Không. Người ấy chép: Tôi được bè có ích, nếu bỏ sợ thành vô ích. Phật nói: Ta dụ bè là nói pháp còn bỏ huống chi là phi pháp. Kinh ấy ý dụ nói dục chướng đạo là pháp hay dục là phi pháp. Nay mượn dụ ấy đồng với kinh Kim cương. Tức không còn bỏ huống chi là chẳng tức. Như Dụ Bè, bè còn phải bỏ huống chi không phải bè. Trong Diệt thiếu Dụ. Nếu muốn lập thì phải chép: Diệt đã tức không, chẳng phải ở không hoa kia mà cầu diệt thật. Họa còn không hoa thì diệt chẳng phải diệt. một hẹn gọi là thọ, liền kéo dài gọi là mạng. Chúng sanh vốn không tức khổ Vô sanh, chẳng phải nói có chúng sanh thọ mạng, chỗ khổ tập diệt thì gọi là diệt này, tức chỉ diệt đế gọi là diệt kia. Khổ vốn Vô sanh, nên nói là ai. Vô sanh vốn không, không Vô sanh nên gọi ai chứng diệt ấy. Bút ngữ lại đổi chữ ai. Nếu nói đầy đủ phải là ai ở diệt này, ai chứng diệt kia? Ai là chủ tể, kia đây vốn không thì chủ tể đâu còn. Kinh nói trở xuống là lại dẫn chứng Trung. Nói ta chẳng muốn cho là Đại phẩm chép: Trong pháp Vô sanh nói là ba mươi bảy phẩm tức là đạo đế, xưa nay Vô sanh. Bốn quả là diệt đế, xưa nay Vô sanh. Kế y ví dụ trở xuống tức là Đại sư y theo ví dụ mà chép: Đạo diệt còn không có huống chi có khổ tập. Cho nên nghĩa chép: Chẳng muốn có năm ấm như sắc, v.v..., tức là khổ đế xưa nay Vô sanh. không có sân si tức là tập đế xưa nay Vô sanh. Kinh vì lợi căn nêu hơn gồm kém. Chỉ nêu đạo đế thì biết khổ tập. Đại sư lại so sánh đã không đạo diệt thì không có khổ tập. Chỉ thường xót trở xuống là chánh nói phát thệ. Văn thiếu thệ do đó dùng thương xót mà gồm. Cái gọi là thương xót chúng sanh, chẳng biết đế lý Vô sanh huyễn hóa cho nên khởi thệ, vì văn hẹp nên chẳng phân. Kế vì đạt khổ tập trở xuống là phân biệt quấy hiển bày phải. Khổ tập là không cho nên khác nhau chín phược. Nay lại đạt không, lại khác ba tạng. Ba tạng Nhị thừa tuy là hay đạt, chẳng thể tức không, không chẳng phải không bình đẳng, v.v... Đạo diệt vì không nên chẳng phải thoát. Nay đạt được không lại khác ba tạng. Ba tạng của Bồ-tát mà chẳng thể đạt đạo diệt tức không. Kế Biệt giáo vô lượng hoằng thệ, trước nói chung Đế cảnh, chiếu biết một tâm, khởi vô lượng tâm. Tâm vô lượng nên mê giải vô lượng. Mê tức mười giới khổ tập, giải tức bốn thứ đạo diệt. Cho nên nói bốn đế có vô lượng tướng. Kinh Lăng-già quyển năm chép:, Như lai tạng là nhân thiện và bất thiện. Tức lý tánh Như lai là gốc thiện ác phải dùng mười giới và làm thiện ác. Đại luận quyển mười một nói như khi voi xuống ao thì nước đục, bỏ châu xuống

thì nước trong. Phải biết nước ao là gốc của trong đục, châu và voi là duyên của đục trong. Nhưng riêng bốn đế nhiếp bốn thứ Tứ đế, tự tha thỉ chung phải học khắp. Chỗ học rất nhiều nên nói Vô lượng.

- Kế ba giới không có pháp nào khác trở xuống là nói bốn đế, trước nói khổ tập, kế nói đạo diệt. Trong khổ tập trước là chung, kế là riêng. Trong trước chung tuy chưa giải thích tướng khổ tập, nhưng trong nói đã có riêng khổ tập nói. Ba cõi không có pháp nào khác là khổ. Chỉ là tâm làm tập. Tâm như thợ vẽ là thí dụ tập, tạo mầu sắc là thí dụ khổ. Tâm tạo ra tức là tập, sáu đường tức là khổ. Đã nói các thứ riêng, phải biết sáu đường chỉ là lược nói mà thôi. đầy đủ thì phải nói là mười giới khổ tập. Nghĩa là như thế trở xuống là nói riêng về tập. Như thế sanh tử trở xuống là nói riêng về khổ. Khổ tập là cái bị phá cho nên nói đủ mười giới. Đạo diệt là cái năng phá. Năng phá có hay dỡ trong ngoài thể, v.v... cho nên biết trước chung lược nói sáu đường. Ngược lại trở xuống là nói chung đạo diệt. Lại tâm khổ tập sanh đạo diệt cho nên văn trước nói là gốc của mê giải. Thí như thợ vẽ trở xuống là ví dụ chung. Thợ vẽ là thân Bồ-tát, tay như tâm tánh của Bồ-tát, bút (cọ vẽ) như tâm sở quán các sắc sáu đường nhân quả. Rửa sạch là phá nhân quả, mầu vẽ là đạo diệt. Lại tu Không, giống như rửa sạch, quán giả là như vẽ mầu, cũng là thứ lớp tướng ba đế. Sở vị trở xuống là nói riêng đạo diệt, trong mỗi đế nêu đủ thứ lớp tướng bốn giáo. Trong đạo đế là nói đi vòng thẳng đến hóa thành, tức là sanh và Vô sanh hai thứ đạo phẩm. Hoặc nói Bến báu, cũng gọi là bờ nước. Đạo đế đầy đủ phải nói bảy khoa, lại nói Bốn niệm xứ còn sáu khoa kia thì lược không có. Đi vòng đi thẳng đến hóa thành là phá hoặc kiến tư, trong đi thẳng chẳng nói bất tịnh, lại nói thân không v.v... là vì quán khéo nên khác nhau, vụng trước. Hai thứ đi thẳng đi vòng trong Bến báu. Trước nói đi vòng. Nói đầy đủ thì phải chép: Vô thường và thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Trong văn nay nói cho đến, là lược bỏ thường, do đó lại nói vô thường. Vô thường tức không, đây là y cứ môn hóa tha mà nhắc lại đi thẳng đi vòng đến hóa thành ở trước. Chẳng nói bất tịnh, cũng là nêu chung hai pháp quán dầu nhiếp bất tịnh, v.v... đều là vô thường, vô thường là sanh diệt. Vô thường tức là không, Vô sanh, vô lượng vô tác v.v... đối với thỉ chung, phân biệt rất dễ hiểu. Thường là phá trần sa, cùng chẳng sai là phá vô minh cho đến bất tịnh cũng giống như thế. Người ấy thấy diệt trở xuống là nói riêng về diệt đế. Trong văn đều lấy đoạn vị làm diệt. Trong đó cũng có diệt vị của bốn giáo tuy là có tên vô tác diệt vị chỉ là vị Sơ Địa của người Biệt giáo mà thôi. Nếu thế tại sao Đạo đế

lại nêu đủ đi thẳng đi vòng đến đảo châu báu? Đáp: Đây là y cứ giáo chứng hai đạo mà nói, cho nên trong bốn niệm xứ hỏi rằng: Người Biệt giáo đã có tứ đế vô tác, vô tác đã hơn, sao chẳng duyên theo mà phát tâm? Đáp: Người Biệt giáo vì vô tác là quả, quả chẳng chung nhân nên chẳng duyên. Tuy trong hạn xa, chánh ý là duyên vô lượng phát tâm. Sơ địa vô tác do đây mà được, nên nói về quả mới thành vô tác. Nếu thế, chỉ nên nêu địa để làm vô tác, vì sao lại nêu đủ viên vị thỉ chung? Đáp: Khi ở giáo đạo chỉ nói là địa thượng, nếu vào chứng đạo tức là Sơ trụ. Địa Tiền tức thành các vị Trụ tiền, cho nên trong đây nêu đủ các vị. Trước là vị sanh diệt. Kế từ người ấy thấy diệt đến Chư Phật là vị Vô sanh. Từ người ấy thấy diệt đến Diệu giác là Biệt vị. Từ người ấy thấy diệt đến Diệu giác là Viên vị. Phân biệt trở xuống là tổng kết bốn đế đều từ tâm sanh. nói mười sáu môn đạo diệt, là bốn giáo bốn môn, mỗi môn đều có bốn đế, cho nên được mười sáu đường diệt và tất cả, tức là tất cả Phật pháp ở các cõi mười phương. Từ quán một tâm này trở xuống là nói y cảnh mà khởi giải, một tâm hay thông tâm chẳng thể nói và pháp chẳng thể nói, là như văn trước chép: Là gốc của mê giải. Nay đây lại dùng xuất giả phân biệt gọi là tâm pháp, chung đến pháp tánh gọi là chẳng phải tâm pháp. Chín phược trở xuống là phân biệt phi. Trong phiền não có Như lai tạng cho nên nói ngồi trong. Phàm phu mù đui đồng với tạng mà chẳng có tri kiến. Vì chẳng thấy cho nên trôi giạt trong sanh tử, tức là biển Tạng nên nói là bị thương. Nhị thừa nhìn xa thiên chân bịnh nóng nên nói tạng là khuôn phép, v.v... bốn thứ là dụ cho bốn trụ hoặc. Chẳng biết bốn trụ thể là quí báu, trái bỏ lênh đênh, cay đắng. Nói hơn năm mươi năm là chỉ do trái báu, phiền não được dịp san khi bỏ Đại thừa thì luân hồi trong năm đường. Tu-la là ở giữa quỉ, súc nên gọi là dư. Tuy phược-thoát, là phàm phu Nhị thừa nổi chìm tuy khác là nghĩa mất tạng. Khởi đại bi trở xuống là chánh phát hoằng thệ ấy là dưới hiện bày phải.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 1
(PHẦN 5)

Kế nói hoằng thệ vô tác của Viên giáo. Thể của bốn đế chỉ là ba đế, cho nên dùng ba đế mà nêu chung cảnh thệ, một niệm tâm khởi chẳng khác với trước, năng quán quán trí hoàn toàn khác với trước. Ngay một niệm này tức là ba đế chẳng còn nói gốc mê - giải. Hoặc căn hoặc trần đều là pháp giới. Pháp giới là tên khác của ba đế. Kế đều là trở xuống là ba đế dung chứa lẫn nhau, nên nói đều là. Tạng đủ các pháp tức là Tục. Trong không tin đồng, chẳng cần giải thích riêng, vì sao phải giải thích lại. Đều là duyên sanh, nghĩa là một niệm tâm có đủ trăm giới ngàn như v.v... duyên sanh Như thế đều là vô chủ, vì vô chủ cho nên không. Tức ngàn như này tên là Diệu giả, tức là pháp tánh tên là Diệu trung. Kết qui như văn. Chẳng phải ba mà ba trở xuống là lại sơ ba đế lại thành ba đế. Không phải ba mà ba là giả, ba mà chẳng ba là không. Cũng phải chép: Chẳng phải ba chẳng phải chẳng ba là Trung. Văn không là lược. Chẳng phải hợp chẳng phải tan, Trung đạo cùng chẳng sai mà hợp tức không, mà tan tức giả, chẳng phải chẳng hợp, chẳng phải chẳng tan, chẳng phải cùng chẳng sai ở trên tức là cùng chiếu. Trước nói cùng chẳng sai, sau nói cùng chiếu, trong hai văn mà nói hai đế, vì Văn Viên này chẳng trước sau, cho nên chẳng thể một. Khác tức là Trung, mà một là không, mà khác là giả. Như ba đế này ở căn ở trần Như lai tạng tức là phải giả, há Như lai tạng mà không có Phật tánh. Nghe viên đốn này chẳng phải Tông trọng. Bởi do đời gần đây người tu tập Đại thừa lẫn lộn huống chi đời tượng mạt tình rối, tín tâm ít mỏng, viên đốn giáo pháp tràn đầy kho rương, chẳng tan nghĩ suy liền đến mắt mù, sống suông chết uổng, đau đớn thay! Có người chép: Nghe mà chẳng làm ông định làm gì, đó là do chưa biết được lợi ích sâu xa. Như kinh Thiện Trụ Thiên Tử, Văn-thù bảo Xá-lợi-phất rằng: Nghe

pháp mà bác bỏ bai phải đọa địa ngục còn hơn là cúng dường Hằng sa Phật, vì Tuy đọa địa ngục, từ địa ngục ra lại được nghe pháp, ở đây lấy cúng dường Phật chẳng nghe pháp mà xét lường thì nghe mà bác bỏ bai còn là hạt giống xa, huống chi là nghe rồi suy nghĩ siêng năng tu tập ư? Ví như trở xuống là nêu dụ. Phàm dùng sự dụ pháp đều là phần dụ, ở trong dụ gương ý rất thân. Vì sao? Vì khắp gương là sáng, khắp sáng là hình bóng, chẳng cùng chẳng riêng, chẳng dọc chẳng ngang. Có khác chữ y là mắt trời. Chẳng hợp chẳng tan trở xuống là nhắc lại thí dụ đầu, như trước có thể hiểu. Chẳng một, hai, ba là tuy thứ lớp tăng nhưng chỉ là ba đế, ba pháp chẳng thật có gọi là chẳng một hai ba. Hai ba không ngại, đây là tiện theo lời nên lược bỏ chữ một. Người trí nhân dụ lời này có y cứ. Một niệm tâm này trở xuống là hợp thí. Muốn nói lý bình đẳng lại nói chúng sanh và Phật cũng giống như thế. Nay hỏi người đời rằng quán chân như làm sao quán trong thân chúng sanh và Phật và chúng sanh đồng chân như, v.v... Hoa Nghiêm trở xuống là dẫn chứng lý ngang nhau. Nên Hoa Nghiêm khen ngợi tâm Sơ trụ, nói rằng:

Như tâm, Phật cũng như thế,
Như Phật, chúng sanh,
Tâm, Phật và chúng sanh
Ba pháp không khác nhau,
Chư Phật đều hiểu biết,
Tất cả từ tâm chuyển,
Nêu hiểu được như thế,
Người ấy thật thấy Phật,
Thân cũng chẳng phải tâm,
Tâm cũng chẳng phải thân,
Làm tất cả Phật sự,
Tự tại chưa hề có,
Nếu người muốn biết được,
Tất cả Phật ba đời,
Nên hành quán như thế
Tâm tạo các Như lai.

Nếu không có văn ý viên của ta nay thì ý chỉ của kệ kinh kia thật khó hiểu. Dẫn kinh Tư Ích, là chẳng hiểu ấm giới bình đẳng với chúng sanh và Phật thể tức pháp giới, nên gọi là Ngu. Dẫn kinh Tịnh Danh là ba thứ giải thoát, ba thứ Bồ-đề, ba đức Niết-bàn, chẳng lìa chúng sanh, chẳng thể tìm riêng. Cho nên dẫn lại mà hiển thành nghĩa trong Tư Ích. Dẫn Phổ Hiền Quán, Tỳ-lô-giá-na Hán dịch là Biến nhất thiết xứ (ở

khắp mọi nơi) phiền não thể tịnh, các đức đầy đủ, thân cõi xứng nhau, khắp tất cả mọi nơi nói lên lý chúng sanh khắp ở hai kinh trước, chẳng hiểu điều đó là còn cách vô tình. Phải biết trở xuống là kết chung không ngoài. Nếu thế trở xuống là giải thích nghi ngờ. Ở đây trước nghi rằng: Nếu đủ ba đức vì sao nghĩa chỉ nói như không và trong Đại Phẩm nói là rốt ráo không. Ở đây nêu trở xuống là giải thích nghi ngờ. Văn Thiên Ý Viên chẳng nên hỏi riêng. Kinh Hoa Nghiêm quyển ba, Bồ-tát Phổ Hiền muốn cho chúng vui mà nói kệ rằng:

Tâm khắp pháp giới như hư không,
Là người biết được cảnh giới Phật.

Tức đã nói Phật giới có đủ cả ba đế, cho nên nay trình bày rằng. Nếu không làm đầu mối. Không tức đủ ba nên nói không tức chẳng không, v.v... sao chỉ không này giả trung cũng như thế cho nên dẫn vi trần và dùng Trung đạo thảy đều đủ ba. Nói trong hạt bụi có quyển kinh lớn bằng cõi đại Thiên thế giới. Luận Bảo Tánh chép: Người có thần thông thấy Phật pháp diệt, đem quyển Kinh to bằng cõi Đại Thiên chứa trong một hạt bụi. Sau có người chẻ hạt bụi mà lấy quyển kinh ra. Phẩm Như lai Tánh trong Kinh Hoa Nghiêm chép: Này Phật tử, ví như có một quyển kinh ghi chép tất cả các việc của thế giới Đại thiên hai ngàn tiểu thiên núi chúa Tu-di cho đến cung trời sắc dục đều ghi chép các việc v.v... Lúc đó có một người ra đời có Thiên nhãn thấy quyển kinh ở trong một hạt bụi, bèn nghĩ rằng: Vì sao quyển kinh ở trong một hạt bụi mà chẳng lợi ích cho tất cả chúng sanh. Ta phải phương tiện phá hạt bụi này lấy kinh ra. Người ấy liền dùng mọi cách lấy kinh ra. Nầy Phật tử! Như lai đầy đủ trí tuệ ở trong thân chúng sanh, bị hoặc che lấp chẳng thấy chẳng biết. Như lai dùng thiên nhãn thấy rồi bảo rằng: Lành thay, lành thay! Vì sao Như lai ở trong thân mà chẳng biết? Ta phải dạy ngươi ấy giác ngộ Thánh đạo, khiến lìa điên đảo, thấy tánh Như lai. Tức thời khiến người ấy tu tám Thánh đạo thấy tánh Như lai. Một đất trồng nhiều giống, một hoàn nhiều khí đều là dụ cho có. Chớ giữ lời,v.v... là khuyên răn chớ giữ lời thiên lệch vì hại cho viên dung. Nếu được giải này trở xuống là nói cảnh bốn đế, tám mươi bốn ngàn chẳng ngoài một tâm. Nói tám muôn bốn ngàn, là kinh Luận Tiểu thừa như Bà-sa thường nói rằng: Phật vì chúng sanh trước sau nói pháp, coi là một tạng, như thế cho đến tám muôn. Có người chép: Một lần ngồi nói pháp được coi là một tạng, lại chép: Nửa tháng nói giới xem là một tạng. Lại nói Phật tự nói sáu mươi sáu ngàn bài kệ là một tạng. Lại nói trần lao có tám muôn, nên nói tám muôn thuốc pháp. Lại nói chẳng có số nên gọi là tám

muôn. Đầy đủ phải nói tám mươi bốn ngàn. Như văn đầu Câu-xá chép: Mâu-ni nói pháp uẩn số đến tám mươi ngàn, sau dẫn Bà-sa y cứ tùy miên, v.v... thành tám muôn bốn ngàn. Đây là môn Tiểu thừa không phải chánh ý. Lại kinh Báo Ân quyển sáu cũng có nhiều giải thích: Một là bốn mươi hai chữ xem là một tạng, các thứ khác đồng với nhiều hiện khác. Như kinh Hiền Kiếp từ khi Phật mới phát tâm đến phân chia xá-lợi phần có ba trăm năm mươi độ môn, mỗi môn đều có sáu độ hợp thành hai ngàn một trăm. Lại đối bốn phần hợp thành tám ngàn bốn trăm, biến là mười họp thành tám muôn bốn ngàn. Kết thứ hai của kinh ấy nói mỗi tên Độ vô cực, kết tên chỉ có một trăm chín mươi sáu, như lưu ba mươi bảy Đạo phẩm, chỉ kết thành một số, nếu đều khai tức là ba trăm năm mươi, cũng chẳng nói riêng đối với sáu độ. Chỉ văn đầu nêu có hai mươi pháp đều lấy sáu làm tên. Xưa nay nêu thích đều phải có đủ sáu. Như Pháp Hoa Sớ chép: Phật Địa ba trăm năm mươi, mỗi địa đều có mười thiện, đối bốn phần sáu căn nên thành tám muôn bốn ngàn. Bà-sa, Lăng-già ý đều đồng, hợp chung tất cả giáo Đại Tiểu thừa thì có nhiều tám muôn bốn ngàn. Họp mà nói thì chẳng ngoài bốn đế. Pháp tạng là khổ, trần lao là tập, đối trị là đạo, Ba-la-mật là diệt. Đại luận quyển hai mươi sáu nói Tam-muội và Đà-la-ni có gì khác nhau? Đáp: Đà-la-ni là tuệ tánh, Tam-muội là Định tánh. Cho nên xếp định tuệ vào đạo đế, tám muôn bốn ngàn số ấy chẳng khác, chỉ vì sở trị cho đến năng trị, sở trị diệt, v.v... thì được gọi là bốn đế. Trước nói Phật pháp giới, v.v... là căn Phật pháp giới đối với trần pháp giới mà khởi thức pháp giới nhưng vốn mê mà nói nên gọi là căn, đồng tên pháp giới liền không khác nhau. Cho nên biết tám muôn đều là sanh tử, gồm cả Niết-bàn. Tập Đạo cũng như thế, cho nên đều là pháp giới. Vô minh chuyển, v.v... là tổng kết bốn đế. Hai đế Khổ, Tập đều là vô minh, tức là pháp giới, tức là bình đẳng, tên chuyển làm minh. Dụ nước và băng rất hợp huyền lý. Dụ châu như ý rất hợp với nước và băng. Chúng sanh ở đây trở xuống là kết trách. Ở trong dung diệu một pháp giới này mà phân biệt, tức là có phàm thánh chân tục, hữu tình vô tình nên nói là tư tưởng. Văn này cũng gọi là lý do khởi thệ. Vì tư tưởng, cho nên trở xuống là chánh phát thệ nói dưới là hiển bày phải, ba trước trở xuống là nói về khác bày tướng, ba văn giáo ở trước là chỉ thẳng bốn đế, nay mỗi đế có tám muôn bốn ngàn, vì thế biết văn này là viên minh. Cho nên nói rõ ràng, thấp trong cao, cao trong thấp nên gọi là uyển, hiển bày rõ ràng rất dễ thấy. Bốn thứ bốn hoằng mỗi thứ đều nói là quán một niệm tâm, chỉ là tâm khởi lên do căn trần đối nhau, chia làm bốn khác, là hai giáo

trước khéo dụng tuy khác nhưng đều là diệt tâm, lấy đó làm cực quả. Người Biệt giáo xem là gốc mê giải, người viên giáo liền biết tâm là pháp giới, duyên phát tâm này rõ ràng rất dễ thấy, người đời việc gì mà một bề cố chấp. Kế hỏi trở xuống là phân biệt, là chánh y cứ bốn tất để làm phân biệt. Trước ý hỏi là. Hỏi trước là phân biệt phi, chín phược một thoát đều phân biệt là phi (quấy). Thoát đã gồm Nhị thừa hai giáo nay trong hiển bày phải vì sao bốn giáo cùng nói. Đáp: Trong ý ấy có ý ba tất, cho nên lấy hai thứ trước. Tuy là lấy mà chỉ ở Bồ-tát chẳng ngại hai thứ Nhị thừa trước vẫn là phi, đối với Bồ-tát cho ba giáo là đồng với trên cầu, cần phải ủy tiêu. Tướng trong văn này khiến thuận ba tất chẳng thể ghi nhớ hết. Có người chép: Trong hỏi đáp này, hỏi xếp trước thuộc về phi văn, không đúng như thế, nếu y theo đó mà hỏi, thì phải nói trước đã thị phi đều phi, nay sao thị phi đều phải, theo đáp ý đều chẳng đúng. Đáp ý chỉ đáp lấy ba Bồ-tát, sao lại nói thị phi đều phải, cho nên trong hỏi chung nói đều phi, mà chẳng nói thị phi đều phi. Trong đáp chỉ nói Bồ-tát đều phải, chẳng nói chín phi đều thị. Nếu theo ý khác thì chín phi cũng phải đều thị. Nếu rốt ráo trở xuống là kế xếp quyền thật. Thật tức nghĩa bậc nhất. Cùng ba tất trước tức bốn tất, vì bốn tất nên nói bốn phát tâm. Thí như trở xuống đến rất dễ hiểu là nêu nhiều văn thí để du cho thật, Bí phương dụ cho giáo, Già-đà dụ cho trí, Nhũ mê dụ cho hạnh, Như ý du cho lý, cũng là ý bốn tất. Bí phương là thế giới, Già-đà là đối trị, Nhũ mê là sanh thiện, như ý là nghĩa bậc nhất, cho nên y cứ bốn tất mà khen phát tâm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Chúng sanh thấy thuốc A-già-đà thì các bịnh đều hết. Kinh Hoa Nghiêm quyển hai mươi mốt chép: Như Đại ma-ni đầy đủ mười sự, có công năng sanh ra tất cả nên nói đầy đủ: Một là ra khỏi biển lớn, hai là thợ giỏi giũa mài, ba là càng tinh diệu, bốn là dứt các nhơ bẩn, năm là lửa luyện, sáu là trang nghiêm, bảy là xỏ chuỗi các báu, tám là đặt trên cột lưu ly, chín là ánh sáng chiếu bốn bên, mười là thỏa mãn ý vua. Quyền thật là đồng nhau, tức dùng chung bốn giáo đều gồm quyền thật. Đều hiển thì đầy đủ như trong đáp, ý ấy rất dễ thấy. Lại một trở xuống là nói một là tên khác, vì trong hỏi đáp phân biệt hiển bày ba giáo ở trước đồng thành một thật, cho nên nay khác tên chỉ đối với thật mà hiện. Cho nên một thật cũng gọi là đại sự, cũng gọi là không thể nghĩ bàn, cũng gọi là vô tác. Trước giải thích một đại sự. Một thật là lý mầu chẳng dối, một đạo thanh tịnh Diệu Trí Hạnh, tất cả người vô ngại v.v..., người nương ở đạo vì (để) khế lý, nghĩa ở Vị mầu ý gồm ba pháp. Đây là y cứ tự hành nhân quả để giải thích. Kế giải thích đại. Đây là đại của một nhà. Tánh rộng là lý, Trí dứt

là hạnh, đại nhân là khế. Sư tử v.v... là mính đã vào vị nói giáo lợi ích người khác, cho nên sư tử gầm thét nói pháp mầu này quả nhân sở thuyết (dẫn người quả nói ra) không phải chỉ lợi ích cho phàm vị bốn giáo cho đến bác địa tất cả phàm phu cũng lợi ích bốn giáo vào địa vị bậc Thánh. Tự hành nhân quả hóa tha chung cực, khai quyền bày thật, thêm đạo tổn sinh đều là việc của đại nhân Chư Phật. Việc của một đại nên nói là Đại sự. Nói nhân duyên tự tha nhân quả đều là nhân duyên. Văn nêu Phật, là Phật hạnh nguyện mãn hóa đạo chưa cùng, kế giải thích không thể nghĩ bàn, là Tự tha đại sự đều là ba đế ba đế đều nói và nghĩ đều dứt, tức là trình bày Đại sự ba đế vô tác. Kế, lại hiển bày trở xuống là giải thích vô tác. Trước Thích Danh chép: Chẳng phải tác pháp cho đến sở tác. Hỏi cái không phải Phật làm khác nhau thế nào với không phải Phật làm trong ba tạng? Đáp: Tên chung mà lý riêng, đâu có gì đáng nghi. Kế Thường Cảnh trở xuống là giải thích thể vô tác, thể tức thật tướng, thật tướng vô tướng, vô tướng cũng không. Thật trí vô duyên vô duyên cũng dứt mất. Vì sao? Cảnh tuy vô tướng thường làm trí duyên, trú tuy vô duyên thường làm cảnh phát. Trí tuy duyên khởi cảnh, xứng cảnh vô tướng, cảnh tuy phát trí khiến trí vô duyên. Không duyên mà duyên chiếu cảnh thường không xen hở. Cho nên nói dùng trí vô duyên mà duyên cảnh vô tướng, không tướng mà tướng phát trí rõ ràng. Cho nên chép: Dùng cảnh vô tướng mà tướng trí vô duyên. Cho nên kinh Kim Quang Minh quyển một chép: Trí như như ấy chẳng thấy tướng và tướng xứ. Cho nên cảnh giới thanh tịnh thì trí cũng thanh tịnh. Xứ tức là cảnh, cảnh trí đều thanh tịnh. Lại nói pháp như như, trí như như tức là Trí cảnh tương xứng. Cảnh như như ở trí, Trí như như ở cảnh, cho nên cảnh trí đều nói như như. Có người đọc rằng: trí Vô duyên là người Trí chưa khéo đọc câu, hỏi người quán tâm, tâm trí như thế nào, gọi là hợp một với cảnh. Người ấy tự đáp. Lại Thị trở xuống là dẫn chứng vô tác gọi là phát tâm. Đây có ba kinh đồng một quyển. Quyển đầu tên là Văn-thù Vấn, quyển kế tên là Già-da Sơn Đảnh, quyển sau tên là Tượng Đầu Sơn, nay văn dẫn phần nhiều là kinh Già-da Sơn Đảnh. Ba kinh đều do Văn-thù Phát Vấn nghĩa lý đồng nhau. Cho nên nay dẫn kinh Văn-thù Phát Vấn. Kinh chép: Phật bảo Văn-thù rằng: Tướng Bồ-đề vượt ngoài ba cõi, các tên gọi nói năng đều dứt, (hơn) tất cả phát, diệt các phát, nên nói là phát tâm trụ Bồ-đề. Cho nên Đại Bồ-tát vượt (hơn) tất cả phát là phát, tâm trụ Bồ-đề. Vô chướng ngại phát như pháp tánh phát, không phát là phát, không mê đắm tất cả, không phá thật tế, chẳng dời chẳng ích, chẳng khác chẳng một, như hình ảnh

trong gương. Mỗi mỗi câu trở xuống đều là nói phát tâm trụ Bồ-đề. Trụ là chỗ nương. Câu đầu ngay nơi phá là lập. Từ pháp tánh trở xuống là chẳng phá chẳng lập mà nói phá lập. Như thế đều gọi là nương cảnh phát tâm, nên nói phát tâm trụ Bồ-đề. Lập tức là Tùy, pháp tánh tức là cùng chẳng sai cùng chiếu. Nay văn chỉ là phụ ý kinh ấy. Văn gồm nghĩa thích, cho nên tiểu khác nhau. Lại kinh ấy chép: Bảo ta tu vô tướng, đây không phải là tu vô tướng, khiển mê dính mắc nói phá nói (hơn), vô tác bốn hoằng thật chẳng phải phá (hơn), như quá phá không nên nói quá phá. Như trong kinh Tịnh Danh chép: Bồ-đề chẳng thể dùng thân mà được, chẳng thể dùng tâm mà được. Trước rộng phá xong, kế là lập rằng: vắng lặng là Bồ-đề, v.v... Lại tùy tức là giả, phá tức là không cùng chẳng sai cùng chiếu tức là Trung đạo. Đây y cứ pháp giới vô duyên đại từ mà phát tâm. Lại y cứ sự lý để đối phá tùy, nghĩa không giả v.v... đều phải hiểu. Kế nếu ví dụ trở xuống là trích dẫn nói rộng. tất cả pháp đều như vừa nói hoặc là hoặc tùy song phá tùy. Lại ba thứ trước trở xuống là thảy đều phân biệt, quyền thật thô diệu. Trong đây chính là bỏ thô khen thật, cũng cách lượng khen, gồm chung mười ba phen ba trước, một sau. Trước thượng trung hạ v.v... là y cứ quán trí nhân duyên để xếp quyền thật. Viên là thượng thượng. Cộng, bất cộng là y cứ vị mà xếp. Biệt trụ hạnh vị và Nhị thừa tạng thông trước là cộng, chỉ viên là bất cộng. Biệt hướng tuy tức cũng quán Trung đạo, nhưng phải phân Biệt giáo, kế cạn gần v.v... là y cứ hạnh để xếp. Hai hạnh trước gần, Biệt hạnh cũng cong vạy, Đại tiểu chí thật y cứ giáo để xếp, Thông, Biệt là đại trong tiểu, Viên là đại trong đại, quả đầu của ba giáo là viên trong thiên, quả đầu của Viên giáo là Viên trong viên. Thông Biệt là mãn trong bán, Viên là mãn trong mãn. Biệt giáo là giáo quyền lý thật, là thật trong quyền. Viên giáo là giáo lý đều thật, là thật trong thật. Vọng trở xuống là Thiên viên năm cặp, chỉ thiếu một cặp tiệm đốn phải nói Biệt giáo Diệu giác là đốn trong tiệm, tức là Sanh Công đã lập nghĩa đốn ngộ. Viên giáo trước sau là đốn trong đốn. Chân trong chân y cứ đế để xếp, tạng thông chân tục nếu đối với giáo sau thì gọi là chân trong tục, cũng đều gọi là tục. Biệt giáo phá tục cũng là chân trong tục. Viên giáo tức tục gọi là chân trong chân. Liễu nghĩa, v.v... y cứ với nghĩa để xếp. Tạng thông nghĩa quyền là bất liễu nghĩa. Biệt đối với giáo đạo mà nói trong đó là liễu trong bất liễu. Viên giáo đối với Biệt gọi là liễu trong liễu. Ba thứ như huyền, v.v... là y cứ tên khen lý để xếp. Biệt lý là huyền, viên lý lại huyền. Biệt y cứ chứng đạo gọi là diệu trong thô. Tiếng tămViên giáo là diệu trong diệu. Thiên lý gọi là không thể nghĩ bàn trong nghĩ

bàn. Viên lý gọi là không thể nghĩ bàn trong không thể nghĩ bàn. Cho nên Đại luận quyển 67 chép: Không thể nghĩ bàn cũng không thể nghĩ bàn, ai đáng tin, chỉ không thể nghĩ bàn cũng không thể nghĩ bàn huống chi là không thể nghĩ bàn lại không thể nghĩ bàn ư! Người phát tâm lâu thì có thể tin thọ. Thế nào là lâu? Đối với tất cả pháp chẳng sanh phân biệt gọi là lâu, so với các nghĩa trước đều như thế. Nếu hay trở xuống là kết chung các ý. Chẳng chấp ở quyền lầm cho là thật gọi là thể quyền. Biết quyền là quyền, ngoài quyền không thật gọi là biết thật, gồm mười ba thứ trước, ba thứ trước đều là quyền, một sau là thật y thật phát tâm, sanh ra Chư Phật gọi là hạt giống Phật, cũng lại ở trong giáo viên diệu mà sanh Pháp chủng, Tăng chủng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm quyển 7 chép: Phát tâm Bồ-đề để hạt giống Phật chẳng dứt, mở bày pháp tạng để hạt giống pháp chẳng dứt. Trì giới đầy đủ không thiếu oai nghi để hạt giống Tăng chẳng dứt. Lại nói gieo hạt giống Phật xuống ruộng chúng sanh, nẩy mầm Chánh giác để hạt giống Phật chẳng dứt. Chẳng tiếc thân mạng giữ gìn chánh pháp để hạt giống pháp chẳng dứt. Khéo ngự đại chúng tâm không sầu khổ để hạt giống tăng chẳng dứt. Lại chép: Khen ngợi đại nguyện khiến Phật chủng chẳng dứt. Nói mười hai bộ kinh để hạt giống pháp chẳng dứt, thực hành sáu hòa kính để hạt giống tăng chẳng dứt. Một trước gồm tự hạnh, hai sau gồm hóa tha. Nay ý văn này gồm nghĩa ba Phật chủng, chính ở tự hành, vì hạnh tự tha đều giúp cho Tam bảo chẳng dứt. Thí như trở xuống là nêu mười thí dụ khen đức. Đây tức y cứ lý để khen đức sanh thiện ác. Vì tâm Bồ-đề đều y lý như Kim cương, v.v... năm đức sanh thiện, như đàn sư tử v.v... năm đức diệt ác. Trước nói Kim cương từ tánh Kim cương sanh. Đại luận ba mươi sáu chép: Như núi Kim cương từ trên xuyên xuống, đến lớp mé Kim cương tự tánh liền ngưng. Tất cả Kim cương đều lấy lớp Kim cương làm tự tánh. Lại, tòa Kim cương cùng từ tự tánh mé Kim cương mà khởi. Cho nên Phật Bồ-đề Đại Bi làm tánh từ đại bi mà khởi. Thuốc A-bà-la chưa rõ tướng trạng, nếu muốn uống thì trước phải nước trong, muốn phát tâm Bồ-đề thì trước phải vận tâm đại bi, nếu mạng căn còn thì các căn trụ. Luận này hữu lậu dị thục các căn. Nếu Đại bi còn thì tâm Bồ-đề chẳng mất. Có công năng giữ gìn các căn nên gọi là Thắng. Như Thái tử, v.v..., Đại luận bốn mươi chép: Như Luân vương Thái tử tuy chưa thành tựu, phước lực oai đức hơn các vua khác, huống chi là lớn lên nối ngôi Luân vương. Bồ-tát cũng như thế. Tuy chưa thành Phật phước hơn Nhị thừa trụ cực quả. Cho nên kinh Phổ Minh Bồ-tát chép: Thinh văn tuy sanh không phải hạt giống Như lai. Như phu nhân của vua chung với

hạ tiện, sanh ra không gọi là Vương tử. Bồ-tát sơ tâm gọi là Phật tử chân thật. Như vua Sát-lợi dẫu thông với giặc nhưng mang thai vẫn là tôn quí nên gọi là Vương tử. Cho nên biết chân tánh phu nhân hợp với giáo Nhị thừa sanh tâm Nhị thừa không phải là đệ tử Phật. Giáo pháp Vô thượng dẫu hợp với phu nhân giặc chúng sanh sanh tâm Bồ-đề thì gọi là thật đệ tử Phật. Sơ tâm Bồ-đề và rốt ráo v.v... gọi là có tướng Vương nghi. Ca-lăng-tần-già trong Đại luận quyển hai mươi tám và bốn mươi chép: Chim này còn trong trứng thì tiếng hót đã hơn các loài chim khác. Đại Bồ-tát cũng giống như thế, chưa ra khỏi vỏ trứng vô minh mà pháp âm đã hơn Nhị thừa. Kế trong diệt ác khảy đờn Viên giáo thì dây đờn thiên lệch dứt mất. Tấu là tấu nhạc. Được sữa Nhất thừa ba bệnh tự tiêu vận chùy chủng trí đập nát ngọn núi Thiên sơn, mũi tên Na-la-diên đâm thấu Thiết-vi, Vô duyên đại bi phá khắp tất cả. Ba trâu xanh lớn nhỏ, phàm dã tám nha. Hương Tuyết sơn thơm trăng xanh vàng đỏ và Ưu-bát, câu-vật, Phân-đà-lợi như thế mười sáu lớp. Đại lực trong loài người tên là Bát-kiện-đề đều mười mười tăng, Na-la-diên sau cùng, như ý ở trước nói phát tâm Đại thừa còn hơn công đức quả địa Nhị thừa. Nói cốt yếu trở xuống là kết yếu khen ngợi. Chư Phật ba đời đâu có vị nào chẳng từ phát tâm Bồ-đề sanh. Nếu giải trở xuống là dùng một chỉ quán mà kết. Cũng kết phát tâm gọi là chỉ quán. Chỉ quán trở xuống là nói tên khác. Tên khác nghĩa đồng cho nên tức nhau. Bảo Lương trở xuống là y cứ sự để nói sanh thiện diệt ác, khen ngợi tâm Bồ-đề. Trước dẫn Bảo Lương tức là sanh thiện. Kinh ấy, phẩm Tỳ-kheo và phẩm Sa-môn chép: Tỳ-kheo có ba mươi sáu cấu, tức là sân nhuế cõi Dục, tự khen mình, bác bỏ người, cầu lợi nhân lợi cầu lợi tổn hại người khác, che giấu tội lỗi, gần gũi kẻ tại gia, gần gũi người xuất gia, thích ồn ào, chẳng kính Tam bảo, v.v... Như thế những không chẳng tu pháp Tỳ-kheo, mà còn làm ô nhục hạnh Tỳ-kheo. Kinh lại chép: Như chẳng phải phạm hạnh nói là phạm hạnh, phá giới nói là trì giới, nhận người giữ giới lễ bái cung kính, chẳng biết xấu ác, là Tỳ-kheo ấy tám pháp khinh gọi là si, ngọng câm, thân xấu xí, bị bịnh cùi, nghèo hèn làm tôi tớ, chết yểu, người chẳng kính bị tiếng ác xấu, chẳng thấy Phật. Người ấy cho đến đất bằng không khạc nhổ, huống chi là tới lui co duỗi. Vì sao? Vì quá khứ đại vương thí đất này cho Tỳ-kheo trì giới, người có đức ở trong đó hành đạo, huống chi lại các vật dụng khác như tăng phòng, bốn thứ cúng dường. Nếu chẻ một sợi lông ra một trăm phần thì người ấy không thể được một phần, vì chẳng thể đền ân thí chủ. Lúc đó, trong chúng. Có hai trăm người có tịnh hạnh lìa sắc dục bạch Phật (nay văn nói sáu

mươi, tức là phiên dịch trước sau khác nhau chưa xem các bộ khác) nói rằng chúng con chợt chết đi, chẳng vì không được quả mà thọ nhận người khác thí cho một bữa ăn. Phật nói: Lành thay, lành thay! Như thế là người biết hổ thẹn, sợ tội đời sau. Phật nói có hai hạng người đáng thọ nhận. Một là người siêng năng, hai là người giải thoát. Phật nói nếu được giải thoát làm pháp lành, trì giới bền chắc, quán tất cả là vô thường mà cầu Niết-bàn vắng lặng. Như thế Tỳ-kheo ăn của người cúng thí nhiều như núi Tu-di thì phước cũng có thể báo đáp được ơn thí chủ. Kinh ấy nói đối với một công đức nhỏ còn như thế, huống nay chỉ quán thì sẽ báo được ân thí chủ. Lại như Thần Nghiệm Ký nói có ngoại đạo nghe kinh Phật nói thọ nhận của tín thí sau làm trâu ngựa để đền. Bèn thỉnh năm trăm vị Tỳ-kheo, lúc đó Thượng tọa biết liền bảo năm trăm vị Tỳ-kheo tụng kệ rồi ăn cơm Xong, ngoại đạo chép: Đền nợ đã xong trâu ngựa nào thấy thì Ngoại đạo liền phát tâm. Thượng tọa chép: Nói một lời pháp có thể tiêu hết núi Tu-di huống gì một bữa ăn. Một lời nói còn thế, huống chi là phát tâm muốn lợi ích tất cả. Nếu không có đức mà thọ nhận cúng thí, như luận nói luống thọ của tín thí sau làm núi thịt, tự xét trong thân làm nấm mốc thì biết của tín thí tiêu hay không tiêu. Như lai Mật tạng trở xuống là đức dứt ác. Văn trước là nói ác được diệt. Kinh ấy Ca-diếp hỏi Phật thế nào là ác trong mười ác. Phật nói: Có một người cha được quả Duyên giác bị con giết là tội giết nặng nhất, trộm của Tam bảo là tội trộm nặng nhất. Nếu người có mẹ xuất gia được quả A-la-hán mà cùng làm việc bất tịnh thì là tội dâm nặng nhất. Dùng việc chẳng thật mà bác bỏ bai Như lai là tội nói dối nặng nhất. Hoặc nói hai lưỡi phá hoại hiền thánh tăng là tội hai lưỡi nặng nhất. Nếu mắng chửi bậc Thánh là tội ác miệng nặng nhất. Nếu nói hoại loạn người cầu pháp là tội nói thêu dệt nặng nhất. Trong năm tội nghịch, nghiệp đầu giận dữ là nặng nhất. Nếu cướp vật của người trì giới là tội tham nặng nhất. Biên kiến là nặng nhất trong tà kiến. Kinh nói năm tội nghịch nghiệp đầu là sân giận nặng nhất, là khi thân miệng chưa làm thì trước đã khởi ý tìm cách giết cha, thì tướng giận này phải nặng nhất. Nếu khởi mười ác ở trong cảnh trung hạ, đã gọi là ác thì đối với ruộng ân đức kia gọi là ác trong ác. Cho nên Đại luận chép: Người đánh mà đánh lại thì gọi là ác, người chẳng đánh mà đánh người thì gọi là đại ác, người có ân với minh mà đánh thì gọi là ác trong ác. Lại trong mười thứ này, bốn thứ ác trước là tâm cảnh lý giáo trong Đại Tiểu thừa thì bốn thứ này đều nặng, huống chi là giết cha lại thêm nghịch thánh, sáu ác sau thì Đại Tiểu thừa có khác, cho nên miệng ba ác và ý sân thì Đại thừa đều nặng. Vì nói lỗi

người, khen bác bỏ và bác bỏ bai cùng miệng ba lỗi liên quan nhau Tiểu thừa thì nhẹ, hai lỗi ý kia thì trong Đại Tiểu thừa ba thứ tâm, cảnh, lý đều nặng cả. Chỉ có giáo gọi là nhẹ. Như các tội này chẳng phải ruộng ân đức còn là nặng huống chi gia thêm ruộng ân đức. Nếu hay trở xuống là nói diệt Bồ-đề. Trước pháp kế dụ, trong pháp trước nêu kế xếp. Trước nêu, kinh nói nếu có người đủ mười điều ác trên, nếu biết rõ Như lai nói pháp nhân duyên chẳng có chúng sanh thọ mạng trời người trượng phu, vô ngã vô chủ, không có người làm người thấy, người biết (Sơ giáo), không sanh, không diệt, không hạnh, ấy là tận pháp, không đắm nhiễm, không thiện và bất thiện (Thông giáo), bản tánh thanh tịnh (Biệt giáo), tất cả pháp bản tánh thanh tịnh (Viên giáo) Giải tri tín nhập chẳng nói người ấy tiến đến đường ác. Vì sao trở xuống? Là văn nay giải thích ra nghĩa đầu của tâm Bồ-đề. Như trăm năm trở xuống là nêu dụ diệt ác. Kinh ấy chép: Như trăm ngàn năm ở mãi trong nhà tối chẳng đốt đèn sáng, không có cửa lớn, cửa sổ. Cho đến không có một lỗ nhỏ như kim có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và ngọc sáng. Nếu trong nhà tối này mà đốt đèn thì tối trước sẽ không đúng nói trăm ngàn năm ta vẫn ở đây không đi. Này Ca-diếp, nếu khi đốt đèn tối ấy đã đi thì muôn kiếp tội chướng tu ở định tuệ thì đèn vô ngã chiếu sáng đen tối chẳng còn. Ấy là văn kinh lại dụ sơ tâm Bồ-đề mà thôi. Kinh này đủ bốn trở xuống là xếp văn kinh trước để đối bốn giáo như chú văn ở trước. Sơ Bồ-đề trở xuống là nêu cạn so sánh sâu. Khi chưa làm tôi đều chấp ngã nhân, ngã thêm sanh tử, nay quán sanh diệt tìm ngã không thật có, phát bốn hoằng thệ rộng lợi ích cho người, còn đến Bồ-đề sao chỉ có mình diệt tội mà thôi. Sơ giáo vụng độ mà công còn thế huống chi là ba giáo sau giảng môn Bồ-đề. Hành giả trở xuống là khuyên cố gắng. Như chỗ tối trở xuống là nếu thí dụ khuyên gắng. Đại Kinh quyển mười tám nói: Xà-vương hiểu rằng: “Y Lan Tử tức là thân (con), không có tín căn “. Phật khen ngợi rằng: Đại vương đã ở thời Phật Tỳ-bà-thi mới phát tâm bình đẳng. Từ đó đến khi ta ra đời không hề đọa địa ngục chịu khổ. Tâm Bồ-đề có quả báo như thế. Đại vương phải tu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì từ khi được tâm Bồ-đề thì diệt vô lượng tội. Giải thích rằng: Tội thân như y lan, ba ác như chỗ tối, phát tâm như chiên đèn, quán hạnh như ánh sáng. Hỏi: trở xuống là phân biệt. Hỏi: Trong bốn hoằng trước, bốn giáo quán chung nhân duyên mà sanh tâm, vì sao chỉ riêng Mật tạng sơ giáo mà đối nhân duyên? Đáp: Trong hai ý, thì ý đầu đối bốn câu thứ lớp mà đáp, ở đầu trong bốn pháp sanh diệt nhân duyên lại ở đầu trong bốn câu, lấy đầu đối đầu nên chỉ nói tên đầu tiên mà thôi. Kế từ nhân duyên

trở xuống là y cứ pháp tướng chung biệt mà đáp. Pháp nhân duyên đã là sự tướng, quán trước quán sự đối đầu là tiện, sự tướng là thông, chung cho bốn giáo là cảnh được quán. Nếu nói trở xuống tức là từ biệt. Sơ giáo cũng do từ biệt mà được tên, ba thông sau lấy nhân duyên làm cảnh. Vô sanh vô lượng cho đến vô tác tức là từ biệt. Kế y cứ sáu tức. Đời có người giảng đều cho Sơ trụ là quả Phật, là cũng do ý mất ở sáu tức. Người giảng còn như thế huống chi là ám thiền. Trước nói lý do sáu tức, cho nên trước hỏi rằng: Đó là sơ tâm hay hậu tâm, trước tức là lý, sau là rốt ráo. Hỏi: Nay phát tâm là y cứ lý cụ gọi là hiển bày hay y cứ rốt ráo mới gọi là hiển bày? Đáp: Trở xuống là y cứ Đại luận mà đáp. Đại phẩm Tu-bồ-đề hỏi Phật là dùng sơ tâm được Bồ-đề hay dùng hậu tâm mà được Bồ-đề. Luận bảy mươi lăm giải thích rằng: vì sao Tu-bồ-đề hỏi câu này? Đáp: Tu-bồ-đề nghe các pháp trên không thêm không bớt tâm tự sanh nghi. Nếu pháp chẳng thêm bớt vì đâu được Bồ-đề? Chỉ có Phật được như thế, đâu quan hệ gì đến Bồ-tát. Phật dùng nhân duyên sâu đáp rằng: Nghĩa là chẳng chỉ sơ tâm, chẳng lìa sơ tâm. Vì sao? Vì nếu chỉ sơ tâm thì Bồ-tát sơ tâm phải là Phật, nếu không sơ tâm thì làm sao có hai tâm được. Hậu lấy sơ làm gốc, sơ lấy hậu làm hẹn. Phật dùng hiện dụ mà dụ trước sau này. Thí như đốt đèn, chẳng phải sơ mà chẳng lìa sơ, chẳng phải hậu mà chẳng lìa hậu. Đèn dụ cho đạo Bồ-tát, tim dụ cho lửa vô minh, như Sơ địa tương ưng với trí tuệ cho đến Kim Cương Tam-muội tương ưng với trí tuệ. Đốt hoặc vô minh chẳng phải trí đầu mà chẳng lìa trí đầu, chẳng phải trí sau mà chẳng lìa trí sau. Nói chung ba giáo cho nên y cứ đoạn vị. Nay chuyên y cứ viên nên chung phàm thánh. Lý tánh còn được gọi là Bồ-đề và chỉ quán, huống chi danh tự cho đến rốt ráo. Nay nói phát tâm ở tại địa vị danh tự. Đây gọi y lý hẹn tâm quả đầu. Lý quả đầu trước sau chẳng khác, y cứ sự sai phần sáu vị đều giáng, gọi là Lục gọi là Tức, chẳng tức chẳng lìa, nghĩ rất dễ hiểu. Cho nên Bồ-đề chẳng phải sơ chẳng lìa sơ, chẳng phải hậu, chẳng lìa hậu. Kinh luận y cứ đoạn, văn nay thông lý, lý chẳng thể phát gọi là chẳng phải lý, phát ắt y lý gọi là chẳng lìa lý. Phát tâm ở nhân gọi là chẳng phải hậu. Hẹn tâm quả sau gọi là chẳng lìa hậu. Cho nên phát tâm này phải biết sáu tức. Sơ chỉ gọi là lý cho nên chẳng phải sơ, lý tức là cố nên chẳng lìa sơ. Tên sau ở cực cho nên chẳng phải hậu, đến hậu mới cực nên gọi chẳng lìa hậu. Ở đây và đoạn vị nghĩa tuy khác chẳng tức chẳng lìa, ý ấy nhã hợp. Nếu trí tín trở xuống là giải thích ý. Tín sơ tâm đủ chẳng bác bỏ nói không trí cực mới mãn chẳng sơ không phần, thì sơ hậu đều phải, nói là cùng cực ở Phật, phàm phu thì không hẳn gọi

là hậu phi, nghĩa là phàm có lý, lý tức là Phật gọi là sơ phi. Lìa sơ hậu phi phải biết sáu tức. Sơ tâm tuy tức nhưng chỉ gọi là lý. Cho nên lìa sơ phi cực quả tuy xa cũng nên có phần, cho nên lìa hậu phi. Nghĩa sáu tức này khởi từ một nhà, rất phù hợp viên chỉ, không bao giờ có các lỗi. Ám thiền là có nhiều Tăng thượng mạn. Văn tự là suy công người trên đều do chẳng hiểu sáu mà lại tức nghĩa, lý trở xuống là nêu tên. Sáu thứ này trở xuống là giải thích tên lìa lỗi. Tức cho nên phàm cũng đủ. Sáu cho nên cực chỉ ở Phật, cho nên thỉ phàm lý đủ mà chẳng nghi, không thú cầu, không khiếp sợ. Trọn thánh ở Phật mà không tăng thượng mạn vì sanh tự đại. Phàm là thường, cũng chẳng phải một, phẩm kế có nhiều. Thánh: Phong tục gọi chung Thánh là tiếng, vì nghe tiếng biết tình thông trời đất, suốt muôn vật. Kinh Dịch chép: bậc Thánh, là hợp với trời đất, đức hợp sáng với nhật nguyệt, hợp thứ lớp với bốn thời, hợp lành dữ với quỉ thần. Nay Thánh ra đời chẳng nghe tiếng ấy, biết chín giới tình thông đế lý, sướng các cơ hợp đức với Phật giáo, hợp sáng với hai trí, hợp tiết với bốn cơ, hợp minh hiển với các thành. Lý tức trở xuống là giải thích sáu tức. Trước giải thích lý tức, y cứ lý Như lai tạng mà giải thích ba đế. Tất cả chúng sanh có Như lai tạng, ba đế không thiếu. Như trong Viên giáo là trên bốn đế, bốn hoằng mà nói, từ vô thỉ lý đủ không hề nghe tên. Lý này không mảy may khác với Phật. Kế cũng là trở xuống là hiểu tên khác. Kế tức Tịch trở xuống là dùng một chỉ quán mà kết. Văn dưới rất giống. Danh tự trở xuống là giải thích tên gọi, tức vì có lý nên có sanh từ. Sanh tử dùng lý, chẳng biết sanh tử tức là lý, cho nên tên nhật dụng chẳng biết, như người đời dùng mặt trời mà chẳng biết ân ánh sáng. Chưa nghe tên gọi nên chẳng biết lý tánh đủ ba đế. Cho nên, chẳng biết Phật pháp ở trong phàm. Như trâu dê trở xuống là nêu thí dụ chẳng biết. Bốn phương gọi là phương, bốn duy gọi là ngung, trâu dê tuy thấy mà không biết rõ. Cho nên biết phàm tiểu chẳng các pháp thật tướng phương ngung. Thật trong thật như phương, quyền trong thật như ngung. Đây là nêu chẳng biết để nói lên biết. Kế hoặc từ nhân sau mà nghe cho nên biết, là biết lý thật tướng ở trên đã nói. nếu chẳng nghe tên thì do đâu mà hiểu. Người đời xem thường giáo là còn lý quán, lầm thay lầm thay. Quán hạnh trở xuống là giải thích quán hạnh, tức trước dùng hơn bác bỏ kém, cho nên làm thắng nghe, nghe ý ở làm, chẳng phải miệng nói. Cho nên nêu thí dụ như mọt đục gỗ. Như Đại Kinh quyển hai nói thầy thuốc bảo vua rằng: nay ông chẳng nên nói như thế, như mọt đục gỗ tình cờ được thành chữ. Sâu này chẳng biết là chữ hay không phải chữ. Người trí chẳng hề nói là mọt biết chữ, cũng

chẳng ngạc nhiên. Các ngoại đạo được tên thường lạc mà chẳng hề hiểu nghĩa thường lạc. Nay cũng như thế. Nghe chẳng tu, hạnh chẳng hiểu, văn chỉ như nét mọt ăn, cho nên phải khiến nghe làm đầy đủ. Phải trở xuống là lại khuyên răn. Tâm quán rõ ràng là khuyên hiểu. Phải trước đối với lý mà khởi hạnh, lý tuệ tương ưng, khuyên hạnh phải trước ở lý mà sanh (hiểu), tâm này quán tương ưng với lý, Sở hạnh là y lý khởi quán, Sở ngôn là y hạnh mà nói. Dẫn hoa đầu, là đây trách nói mà chẳng làm, không phải bảo chẳng cần nói. Cho nên lại dẫn luận văn tuệ bốn câu. Đại luận quyển chín mươi ba chép: Có tuệ mà không học rộng thì cũng chẳng biết thật tướng. Ví như trong tối đen có mắt cũng chẳng thấy được học rộng mà không trí tuệ cũng chẳng biết thật tướng. Ví như trong sáng có đèn mà không chiếu không nghe, không trí tuệ, ví như trâu có thân người. Cho nên Đại luận nói như có người sanh ở vùng biên giới nước An Tức, tuy sanh ở giữa nước mà không thể giáo hóa, căn chẳng đủ, chi chẳng trọn, chẳng biết nghĩa lý, chấp tà kiến, v.v... thì đều gọi là trâu thân người. Có nghe có trí tuệ là chỗ nói nên chịu. Danh tự là nghe, quán hạnh là tuệ. Cho nên quán hạnh tức là người câu thứ tư. Nếu nghe thắng chân mà không hiểu ba đế thì nghe này chẳng phải tức. Nếu ở trong tối tăm mà chứng, thì không bằng ở trong tuệ mà không nghe, chẳng phải thứ tư mà sợ là thứ ba. Như mắt được mặt trời, đây là lại nêu thí dụ, thí dụ câu thứ tư. Đây là dẫn kinh Kim cương như người có mắt, ánh sáng mặt trời chiếu sáng. Mặt trời như học rộng, mắt như quán tuệ, văn tuệ đầy đủ, thấy ba đế lý gọi là các thứ sắc, tuy nói thấy sắc mà chẳng phải chứng đắc, tuy chẳng phải chứng đắc mà chứng phải do đây. Nên dẫn kinh Hoa-nghiêm để khuyên tập quán. Như kinh Lăng-nghiêm v.v..., quyển thượng nói rằng: Vì sao phải học Tam-muội ấy? Phật nói: Thí như học bắn tên trước phải tập bắn chuẩn lớn, kế bắn chuẩn nhỏ. Kế học bắn đích, kế học bắn tiền kế học bắn gậy, kế học bắn lông, kế bắn một lông, kế bắn 1/100 của lông. Như thế gọi là học bắn khéo thành. Âm thanh nghe được trong đêm tối, nếu người chẳng phải người không dùng tâm lực mà bắn thì đều trúng. Người tu Tam-muội cũng giống như thế. Trước học ái lạc, học ái lạc xong kế học thâm tâm, học thâm tâm xong, kế học tâm đại bi, học tâm đại bi xong thì học bốn vô lượng, học bốn vô lượng xong thì học năm thần thông, học năm thần thông xong thì sẽ tự thành tựu sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật xong rồi thì liền thành tựu quán đất thứ ba. Chuẩn là vòng tròn lớn nhỏ bao quanh. Đích là hình con thỏ trong vòng. Văn kinh nói bắt đầu từ ái lạc, cuối đến Ba-la-mật, thành tựu ba địa, phải biết đích dần dần

sẽ trúng, giống như vị Thông giáo. Địa quán thứ ba tức là đoạn kiến gọi là một phần thành. Nay mượn dụ ấy mà chẳng dùng pháp ấy. Cho nên người viên tức quán đốn lý. Như lúc đầu bắn trúng đích từ thân sơ, bắn là không hai. Cho nên kinh ấy văn dưới tự nói ý viên. Kiên Chí lại hỏi Thiên Tử Hiện Ý rằng: Bồ-tát phải tu pháp nào để được Tam-muội ấy. Thiên Tử đáp: Muốn được Tam-muội phải thực hành pháp phàm. Nếu thấy pháp phàm chẳng hợp chẳng tan, đó gọi là tu hành Tam-muội Lăng-nghiêm. Lại hỏi: Trong các Phật pháp có hợp tan chăng? Thiên Tử đáp: Pháp phàm còn chẳng hợp tan, huống chi là pháp Phật. Tu tập thế nào? Nếu thấy pháp phàm và pháp Phật chẳng hai, ấy là tu tập. Lại hỏi: Tam-muội ấy đến chỗ nào? Đáp: Đến tâm hạnh chúng sanh, tùy tâm hạnh chúng sanh mà chẳng bị ô nhiễm, tùy đến chỗ Phật là chỗ Tam-muội đến. Đây là tướng Tam-muội viên đốn. Nếu không có sáu tức thì làm sao tu tập mà chẳng lạm, cho nên mượn dụ bắn đích là sáu tức. Tương tự trở xuống là giải thích tương tự tức. Đã nói càng quán càng sàng. Càng chỉ càng tịnh, như bắn đích gần cho nên khác nhau. Trước học bắn chuẩn sau mới học bắn đích, tất cả thế gian trở xuống là dẫn kinh Pháp Hoa, chỉ là thuận theo tương tự thật tướng gọi là chẳng trái nghịch. Chỉ nói tư tưởng đều là trong kinh Phật nói trước mà chẳng được nói cái gọi là kinh. Nếu thế thì phần chân tám tướng thành Phật, tức như kinh Tịnh Danh tuy xoay bánh xe pháp vẫn gọi là hạnh Bồ-tát, tức Sơ trụ trở xuống là hạnh Bồ-tát. Phần chân trở xuống là giải thích Phần chân tức. Vào Đồng Luân, là kinh Bản Nghiệp Anh Lạc quyển thượng ý dùng sáu nhân vị mà dụ cho sáu luân, cho đến sáu tánh, sáu kiên, sáu nhẫn, sáu định, sáu quán, v.v... đều đặt tên Anh Lạc, vì lấy vị này để trang nghiêm pháp thân. Nói sáu Luân, tức là Thiết luân Mười Tín, Đồng luân Mười Trụ, Ngôn luân Mười Hạnh, Kim luân Mười Hướng, Lưu ly luân Mười Địa, Ma-ni luân Đẳng giác. Luân là nghĩa nghiền nát và dẹp bỏ các hoặc. Trước phá một phẩm thấy ba Phật tánh, khai ba đức tạng, hiển một phần lý. Cho đến Đẳng giác dần sâu dần rõ là Tiệm của viên gia. Như từ trở xuống là nêu Nguyệt Dụ Phẩm của Đại Kinh mà dụ cho vị. Như Pháp Hoa Huyền bốn câu phân biệt, khai trước hợp sau, như tầng trời ba mươi ba, khai sau hợp trước như mười bốn Bát-nhã, v.v... trước sau đều hợp như khai thị ngộ nhập. Trước sau đều khai như bốn mươi hai chữ. Nếu người phải trở xuống là giải thích phần chứng vị ngoại công dụng. Thân Cõi Phật: cho đến chín giới đủ như Tam-muội Phổ Hiện sắc thân, ba mươi ba thân mười chín nói pháp. Văn kinh đầy đủ ý mười giới. Tám bộ là: trời, quỉ, súc, A-tu-la cho đến đáng

dùng địa ngục để độ thì liền ở cõi địa ngục mà độ. Bốn chúng là người và Bồ-tát, Nhị thừa diệu âm thêm Phật mười giới đầy đủ. Nói Phổ Môn, là như Pháp Hoa Sớ mười nghĩa giải thích khắp. Rốt ráo trở xuống là giải thích rốt ráo tức Trí Quang tròn đầy cũng là dụng ý Nguyệt Ái trong Đại Kinh. Bồ-đề thuộc về trí đức, Niết-bàn thuộc về đoạn đức. Cho nên nói Đại Niết-bàn đoạn. Hai đức Trí - Đoạn không còn khác lúc, Bồ-đề dịch là Đạo, phải đặt tên trí, Niết-bàn vắng lặng phải đặt tên đoạn. Chỗ trí đức mãn lại có đoạn đức. Cho nên nói quả và quả quả rốt ráo mà luận. Ba Bồ-đề mãn tức ba đức mãn, quả và quả quả vẫn thành giáo đạo. Quá đồ vô đạo, đạo vốn năng thông cho đến sở thông, sở thông đã rốt thì năng thông cũng hết. Rông như đầu quyển. Lại đạo là nghĩa nhân, vì quả mãn nên chẳng có nhân. Vì bốn mươi hai chữ rốt ráo cùng tột. Lại trong mỗi tức đều nói Bồ-đề cũng gọi chỉ quán, tức lá tên khác. Trong mỗi tức cuối cùng đều dùng một chỉ quán mà kết. Cho nên biết ở lý danh tự và quả đều gọi là chỉ quán. Đều dùng trở xuống là chung làm sáu tức mà nêu thí dụ. Đây là bần Nữ Dụ trong Đại Kinh ý có đủ sáu ý, nhà có kho báu lý tức, tri thức chỉ cho danh tự tức. Làm cỏ dứt các uế là Quán hạnh tức. Dần dần được gần là Tương tự tức. Gần rồi mở kho là Phần chân tức, lấy hết mà dùng là rốt ráo tức. Cho nên thứ tám nói ta tức là nghĩa Như lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa Ngã. Từ vô thỉ đến nay bị phiền não che lấp chẳng thấy được. Thí như trong nhà cô gái nghèo có kho vàng, người trong nhà lớn nhỏ đều không biết. Lúc đó có người lạ khéo biết cách bảo cô gái rằng: nay ta nghĩ đến cô, cô nên vì ta mà quét sạch các thứ dơ bẩn. Cô gái đáp tôi chẳng thể làm được. Nếu chỉ cho con tôi kho vàng thì tôi mới nhanh chóng làm cho ông. Người ấy đáp: Tôi biết phương tiện có thể chỉ bày cho con cô. Người nữ chép: Nhà tôi lớn nhỏ còn chẳng biết, huống chi ông biết. Người ấy chép: nay ta xét biết. Cô gái đáp: Tôi cũng muốn thấy vậy có thể cùng chỉ cho tôi. Người ấy liền ở trong nhà mà đào kho lấy vàng ra. Cô gái thấy rồi tâm rất vui mừng, nghĩ việc lạ lùng khiến bao gồm khắp nhà. Dụ này trước sau chẳng ngoài sáu tức, là gồm hết ý dụ. Thích Châm quyển năm dẫn sớ giải thích rõ, v.v... Hỏi trở xuống là phân biệt. Có ba lớp hỏi đáp. Một là hỏi: Sáu tức đã được tên sáu Bồ-đề phải biết Bồ-đề cũng dính thỉ chung. Lý chung phàm hạ nên bỏ chẳng nói, năm thứ tức kia gọi là năm Bồ-đề, cùng nói đâu khác. Cho nên luận quyển năm mươi tám chép: Một là phát tâm Bồ-đề, ở trong vô lượng sanh tử thành A-nậu Bồ-đề. Hai là phục tâm Bồ-đề, là đối với các phiền não điều phục tâm ấy, khiến thực hành các Ba-la-mật. Ba là sáng tâm

Bồ-đề, là quán pháp ba đời, tướng chung tướng riêng các pháp thật tướng, các Ba-la-mật. Bốn là xuất đáo Bồ-đề, là đối với Bát-nhã chẳng mê đắm Bát-nhã, dứt được các hoặc, thấy Phật mười phương ra khỏi ba cõi, đến Tát-bà-nhã. Năm là Vô thượng Bồ-đề, nghĩa là ngồi ở đạo tràng mà được Bồ-đề. Ý đáp, là trước xếp khác nên nói khác nhau. Kế hiểu nghĩa tuy vốn là khác, nay hiểu khiến đồng là sao, Luận chẳng nói tức cho nên thành khác, lấy năm cặp năm nghĩa hơi đồng. Phát tâm vô hạnh đồng với danh tự, phục tâm chưa dứt, đồng với quán hạnh, sáng tâm trừ tối đồng với tương tự, Xuất đáo tát vân đồng với phần chân, Vô thượng không ai hơn, đồng với rốt ráo. Tìm kỹ luận văn để đối năm tức, từ dung đối đương, lý rõ ràng bằng nhau. Lại dùng trở xuống là dùng năm danh để đối năm tức, nên có thể dùng năm danh mà đối viên vị. Nói viên vị là vị viên đoạn. Trụ đối phát tâm cho đến Mười Địa Đẳng giác để đối xuất đáo, Diệu giác đối Vô thượng. Kế hỏi: Vừa giải thích đối viên vị nghĩa các giáo điều phục trước, dứt sau. Vì sao văn này nói mười trụ dứt sau mà làm đối phục? Đáp: Trong đó nói chân đạo phục là Sơ trụ trở lên, đều là chân đoạn. Sao ngại trụ trở xuống là dứt trước phục sau. Như thế, cho đến Đẳng giác cũng còn phục. Tên gọi Phổ Hiền do đó ở đây. Ví như trở xuống là nêu Tiểu thừa lệ với dứt trước phục sau, thứ lớp riêng đối với đây mà dọc hội (hiểu). Lại từ trở xuống là hội ngang, mỗi vị đủ năm, nên gọi là ngang. Cho nên nghĩa trở xuống là kế dẫn Địa Luận, trong mỗi địa có các công đức, cùng trong các vị có năm nghĩa đồng. Kế hỏi: Sáu đã y cứ vị cũng phải gồm Biệt, sao ý dùng riêng Viên vị mà giải thích. Ý đáp là ba giáo trước các pháp chẳng phải tức, Thông tuy gọi tức chỉ là giới nội. Cho nên tên tức chỉ ở Viên giáo. Như các kinh luận nói sanh tử tức Niết-bàn, nếu không có sáu vị thì đâu khỏi tăng thượng mạn, nếu chẳng sáng thì lấy gì mà nói, Viên khác ba thứ trước nên nói chẳng như thế. Ở giáo ấy trở xuống là từ nghĩa dung mà giải thích, chẳng phải chánh ý của văn. Phải ba giáo trước, mỗi giáo đều đặt tên sáu tức, cái gì mà dung chẳng được, hồ giống như sao. Nói cạn gần, một là sáu nghĩa chẳng phải tức; hai là giáo trước chưa sâu, như trong ba tạng dúng chân đế làm lý tức, thuyên chân là Danh tự, ngoại phàm là Quán hạnh, nội phàm là tương tự kiến đạo là Phần chân, La-hán là rốt ráo. Ba tạng Bồ-tát đến, dưới cây cũng ở tự vị, ba mươi bốn tâm phần chân rốt ráo. Hai giáo Thông, Biệt so sánh, nói rất dễ hiểu. Nhưng từ trên trở xuống là kết thúc hiển bày. Trong phân biệt phi ở trước, chín phược y cứ khổ đế là Trầm, một thoát y cứ khổ đế là Thăng, tuy có thăng trầm mà đều chẳng phải hiển bày. Thị cho nên đều phân biệt chấp y cứ trí bốn đế, là

trong bốn thứ bốn đế đều dùng phát tâm, nhìn chung Tiểu thừa đều là cong vạy, v.v... Kế y cứ bốn hoằng, là trước y cứ bốn đế ở cảnh khởi giải đã có hơn kém, phân biệt kém từ hơn để hiển bày. Nay y cứ bốn hoằng từ giải khởi nguyện, biết phải lấp làm. Lại cũng tùy cảnh khác nhau khác nhau. Cho nên y cứ bốn hoằng hạnh nguyện mà phân biệt. Dẫu có hạnh nguyện thì ba trước chẳng phải diệu. Cho nên lại dùng sáu tức mà phân biệt. Cho nên nói xoay vần càng sâu bèn mới hiển bày. Cho nên biết trăng sáng thần châu v.v... là dụ ở văn kết thúc hiển bày. Đại luận quyển thứ chín mươi chín chép: Minh nguyệt ma-ni, châu này phi thường nên gọi Thần châu. Nay nói chín lớp là cùng cực của số dương, cho nên nêu ra để dụ cho rất sâu, cũng chẳng cần dùng văn này mà phối chín. Ly Long là mầu đen chẳng có sừng, là rồng cái. Lại ly ngựa mầu đen, nay vì mầu đen nên gọi là long. Lãnh là xương dưới đầu gọi là lãnh xa cốt. Luận nói châu này ở trong não rồng, người có phước mới được, như đồ tra khảo ở địa ngục, người có tội mới gặp. Châu này bay sanh ra bốn sự, cho đến lửa chẳng đốt cháy v.v... Cho nên biết rồng ở cực châu, châu ở cằm rồng. Rồng ấy lại độc, kẻ bạc đức đâu có được. Như thế hiển bày, trước chỉ y cứ khổ đế, kế y cứ bốn là bốn đế, kế y cứ bốn thứ bốn hoằng, sau y cứ sáu tức. Từ rộng đến hẹp, từ thô đến tế, mới là hiển bày ở viên diệu, chín chỉ hiển bày sâu chẳng nhọc đối riêng. Phàm lập thí dụ đâu cần phải lấy hết. Như đối số (đếm) thì chẳng tiện, huống là đem rồng ở vực mà hợp dụ. Pháp thì nặng ở nghĩa chẳng phải gấp, huống chi sáu tức chẳng khác bốn đế. Lại trong bốn hoằng thứ tư vô tác, nếu khai quyền rồi ba thứ trước đều thật. Cho nên văn cuối bốn hoằng phân biệt rằng: Nay hiển bày vì sao đều nói thị. Khai quyền hiển thật thì bốn thứ đều thị, lấy gì mà phân biệt nên chẳng thật có. Một lần chung lấy phân biệt phi làm một, hai. Bốn là tám hợp thành chín lớp. Sáu tức xem là hiển bày Bồ-đề, dùng ngọc làm dụ có gì chẳng được. Nhưng bốn đế, bốn hoằng, cho đến sáu tức đều là năng hiển, phát tâm Bồ-đề đều là sở hiển, vì mỗi pháp đều hiển bày tâm Bồ-đề, đều là thần châu, cho nên cũng bất tiện. Nói có chí có đức mới được là như Đại luận quyển mười bốn chép: Năng thí Thái tử hay tìm ngọc này để cứu chúng sanh. Trước sanh cung rồng mà làm Thái tử, cha mẹ yêu thương tức dùng thân mình mà nuôi chim cánh vàng, sanh vào cõi Diêm-phù-đề làm Thái tử gọi là Năng thí. Sanh rồi liền đòi vật để bố thí, kho tàng trống rỗng chẳng đủ. Nghe nói châu rồng bèn muốn xuống biển tìm. Cha mẹ chép: Cho con một kho tàng, mặc tình bố thí, v.v... Hẹn ngày, cùng năm trăm người lái buôn ra biển. Có mười người mù từng bảy lần ra biển, v.v... Đến núi bảy

báu mọi người muốn lấy. Bồ-tát chép: Chẳng lấy. Các người được rồi đem về, Bồ-tát riêng đi một mình, bảy ngày đi nước đến rún, bảy ngày đi nước đến eo, bảy ngày đi nước đến gối, bảy ngày đi bùn, bảy ngày đi hoa, bảy ngày đi đầu rắn dữ, qua đây thì đến thành bảy báu, có bảy lớp hào rãnh, hào có rắn độc, thấy Bồ-tát bèn nói: Đây không phải là người phàm, ắt là Bồ-tát có phước đức lớn. Trước nghe vào cửa. Rồng này mất con chưa bao lâu cũng than khóc. Thấy Bồ-tát đến, vợ có trí thông minh biết là con mình, hai vú chảy sữa, cho Bồ-tát bú, bảo rằng ngươi là con ta. Bồ-tát cũng biết là cha mẹ mình. Hỏi: Ngươi sanh ở đâu? Đáp: Sanh ở Diêm-phù-đề, làm Vương Thái tử, thương xót chúng sanh tìm ngọc Như ý. Mẹ chép: Trên đầu cha con chỉ có hạt ngọc này để trang năng lực, rất khó thể được. Các kho cứ mặc tình mà lấy. Bồ-tát chẳng chịu liền đến gặp cha. Cha thương con nên nói cứ mặc tình lấy. Ngọc này khó được. Người ở cõi Diêm-phù-đề vì phước mỏng nên chẳng thấy được. Thái tử chép: trước lấy ngọc thí, kế dùng pháp dẫn dắt. Người Cha chép: Khi ngươi chết rồi phải trả ngọc lại cho ta. Đáp rằng xin vâng. Bồ-tát được ngọc bèn bay lên hư không mà trở về trước trường biểu thượng lập thệ mưa báu cho nên ít phước mà chẳng thể phương, nếu chẳng cùng ở trong vực sâu sanh tử rồng độc phiền não, thì do đâu mà được rốt ráo Bồ-đề. Cho nên dùng khổ đế thăng trầm khúc chiết hạnh nguyện sáu tức v.v... mà phân biệt mới hiển bày Viên Thị. Tranh chấp v.v... là lại nêu thí dụ, so sánh. Đại Kinh quyển hai bác bỏ ba tu rằng: Các ngươi phải biết trước chỗ tu tập vô thường, khổ v.v... không phải chân thật. Ví như mùa xuân có nhiều người xuống ao tắm, ngồi thuyền dạo chơi, mất báu lưu ly chìm sâu dưới đáy nước. Khi đó mọi người đều xuống nước, tranh nhau mò lấy ngói đá, gạch sõi đều tự bảo đã được châu lưu ly và vui mừng vớt lên, mới biết là không phải thật. Lúc đó, châu quý vẫn còn dưới đáy nước. Cũng như ngy cứ nhìn trăng trên hư không. Bấy giờ, mọi người dùng năng lực phương tiện từ từ xuống nước, liền lấy được hạt ngọc. Cho nên chẳng cần phải tu vô thường, khổ, v.v... vì là chân thật. Chương An chép: Mùa xuân vui thích là dụ cho cảnh Dục, mọi người là dụ cho đám người chơi bời lêu lổng. Ao lớn dụ cho sanh tử, tắm dụ cho sân mạn, ngồi thuyền dụ cho các nghiệp, dạo chơi dụ cho ái quả, mất báu dụ cho không hiểu, xuống nước dụ cho Sơ giáo, mò lặn dụ cho kém ba tu, ngói gạch dụ cho chứng kém ba tu, đều nghĩ là mình đã được diệt độ. Trong chấp ấp ủ nên gọi là vui mừng, hướng Phật ngợi khen nên nói đem ra, mới biết chẳng phải thật là dụ cho thường hiểu. Nay lấy ba giáo lệ chung cho ba tu, tức dùng

cảnh sở quán của ba giáo gọi là cảnh dục. Các văn khác thứ lớp dùng ý ba giáo mà thay thế ba tu kia, cũng rất dễ hiểu. Nếu lấy chung bốn giáo Bồ-tát, cũng phải bác bỏ ba tu Thanh văn. Thế nên, cùng với ví dụ ao rất là phù hợp. Từ xưa, người giảng nên dụ văn này. Chưa phải đúng lắm, kẻ học thấp học ngoài da. Người đời sau học cạn chẳng biết hiển bày cái đúng chỉ ở viên diệu, cho đến khai hiển trong một tâm, thì sẽ lấy gì làm kỳ hạn cho phát tâm. Kỳ hạn ấy đã không, thì phát hướng về đâu? Phát đại tâm đã xong.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 2
(PHẦN 1)

Kế giải thích: Tu đại hạnh. Trước nói ý nghĩa phát tâm chẳng có hành chẳng có vị để luận, cho nên nói tu hành vào vị Bồ-tát gọi là tu Đại hạnh chỉ quán là nêu, tự phàm phu trở xuống là giải thích. "Khéo hiểu trở xuống là nêu thí dụ. Vị Lạc phải luyện mới thành vị tô, như khuấy cho chín. Cho nên Đại Kinh quyển hai mươi sáu nói: Như sữa phải có công người làm, đổ nước vào bình sữa chế luyện sẽ thành bơ lạc, bơ đã xong thì vị đề hồ sẽ được. Trụ hạnh tiền hạnh cũng như chế luyện. Phàm phu năm phẩm đồng dụ cho sữa, sáu căn như lạc và sanh tô thục tô. Sơ trụ trở lên gọi là đề hồ. Khéo có thể điều đình bốn thứ Tam-muội. Phải biết sáu căn Sơ trụ có thể được. Từ (hơn) mà nói, nên gọi là đề hồ. Dẫn chứng như văn hành pháp trở xuống là nêu lược nhiếp rộng để nêu bốn tên, gọi chung trở xuống là giải thích tên. Gọi Tam-muội là chung, ngồi v.v... là riêng. gọi Đại luận trở xuống là dẫn chứng. Luận nói tất cả tâm thiền định đều gọi là Tam-ma-địa, đời Tần dịch là Chánh tâm hành xứ chỗ hành của chánh tâm, tâm ấy từ vô thỉ thường cong chẳng ngay, vào chỗ chánh hạnh thì tâm ngay thẳng, như rắn thường bò cong mà vào ống thì bỏ thẳng. Nay văn còn lược, nên nói tâm khéo trụ một chỗ (tâm khéo trụ một chỗ). Trước giải thích lại lược. Chỉ nói điều trực. Luận lại chép: Tam-muội là chung, một trăm lẻ tám là riêng. Nay chỉ đối bốn để nói chung riêng. Pháp giới trở xuống là giải thích luận văn. Bốn hạnh chung y pháp giới một chỗ, lại trong tên riêng mà nói thường ngồi. Cho đến chẳng phải đi chẳng phải ngồi là y cứ thân nghi làm tên. Nếu từ pháp làm tên thì thường ngồi gọi là Nhất hạnh, thường đi gọi là Phật lập, nửa đi nửa ngồi gọi là Phương Đẳng Pháp Hoa, không đi không ngồi gọi là Tùy tự ý v.v... Một thường ngồi trở xuống là nói giáo được theo, giáo ấy đặt tên giáo lý Nhất hạnh. Cắt bỏ

thân nghi chẳng gồm việc khác gọi là Nhất hạnh, chẳng phải lý được duyên được gọi là nhất hạnh. Nếu lý được duyên gọi là nhất hạnh thì bốn hạnh đều duyên thật tướng. Nay trước trở xuống là khai chương. Phương pháp trở xuống là nêu tướng phương pháp phải đủ ba nghiệp. Thân trong khai giá nói hoặc có thể ở trong chúng tức là ở, chỗ riêng cao quý nhất nên gọi là di thiện (thiện lớn). Ngồi kiết già, thì chân trái trước, chân phải sau cùng đặt lên đùi. Đại luận quyển chín hỏi: Có nhiều cách ngồi sao chỉ dạy ngồi kiết già? Đáp đó là rất an ổn, giữ chặt tay chân tâm không tán động. Ma vương sợ hãi, nên kệ chép: "Người được đạo hổ thẹn, ngồi yên như rồng phục, thấy dáng ngồi kiết già, Ma vương đều kinh sợ." Chẳng đồng cách ngồi thế tục và khác ngoại đạo đứng kiểng chân. Tự Thư chép: Kiết già là ngồi lớn, cho nên biết xứ này chưa hiểu cách ngồi, chỉ nói đại tọa. Nay Phật pháp ngồi tướng ấy như kết, hai chân gài vào nhau nên gọi là kiết già. Thân phải hẹn đến thấy lý chẳng tạm nằm, huống chi là như thây chết. Nói thi ngọa là nằm ngửa, cũng gọi là dâm nữ nằm, Tu-la nằm sấp, đều chẳng nên làm. Thánh cho nằm nghiêng hông phải, còn chẳng nên làm, huống chi là như thây chết (Lễ chép: Chết nằm trên giường là thi, nằm trong quan tài gọi là cửu) đây là ý riêng của người giảng, không phải văn này. Trừ khi đi kinh hành, để khỏi buồn ngủ nên Phật, khai cho đi kinh hành. Nếu đi kinh hành thì phải tánh đất có côn trùng, luật Thập Tụng chép: Nếu đi kinh hành thì phải đi thẳng, không chậm không nhanh. Lại Kinh Tam Thiên Oai Nghi chép: Kinh hành có năm chỗ: Một là chỗ vắng; hai là trước nhà; ba là trước giảng đường; bốn là dưới tháp; năm là dưới giác. Luật Tứ Phần chép: Đi kinh hành có năm lợi ích: Một là đi được xa; hai là có thể suy nghĩ; ba là ít bịnh; bốn là tiêu thực; năm là được định trụ lâu. Ăn và tiện lợi, v.v... đồng với chỗ cho phép, chẳng được do đây mà lợi dụng kéo dài chậm trễ. Nếu ngủ rồi dậy, ăn xong các việc thì chẳng phải việc được khai. Tùy một phương mà nhìn thấy Phật. Hướng phải theo phía Tây. Nếu khởi niệm Phật thì chỗ hướng về Phật là tiện. Kinh tuy chẳng bắt buộc phải hướng về phương Tây, nhưng chương khởi đã khiến đọc tên một. Các giáo phần lớn đều khen Di-đà, nên dùng phương Tây làm chuẩn. Về Thời khắc, trong một ngày đêm có một trăm khắc, lại phụ tục nghi nên nói khắc. Nói tu du, một ngày một đêm có ba mươi Tu-du, chưa hẳn chỉ cho đây, chỉ là nói chung chẳng cho tạm bỏ nên gọi là Tu-du, còn chẳng cho cách một sát-na, huống chi là khắc hay Tu-du. Cho nên trong truyện Đại sư chép: Nói chẳng dối thì hơi thở chẳng hư, chỗ khai ở sau lại răn khai già ở trước. Chẳng khinh Phật, khinh vật gọi

là lăng. Luận Ngữ nói quân tử còn chẳng lừa, huống chi là Phật? Đại luận sáu mươi mốt chép: Khi Bồ-tát cầu Phật đạo thì chẳng tiếc thân mạng, Chư Phật các Đại Bồ-tát mười phương đều cùng hộ niệm, thành tựu Phật đạo. Nếu làm Bồ-tát mà biếng lười, là tham đắm danh đời chẳng chuyên siêng cầu, ấy là tự dối lừa mình mà cũng dối lừa Chư Phật và các Bồ-tát. Vì sao? Vì tự nói ta vì chúng sanh mà cầu Phật đạo lại làm tạp hạnh, nên ma được dịp làm hại. Chẳng phụ tâm, phụ là chẳng khắc, sau chẳng toại trước, gọi là chẳng khắc, cũng là tự dối mình. Chẳng lừa dối chúng sanh, trá là khi, là lừa dối, lầm lẫn, tức làm cho người khác hiểu sai, trái với lời nói trước mà làm tạp hạnh. Cho nên lừa dối là tự phụ tâm mình, phụ tâm mình tức là lừa dối Phật. Miệng nói nín thuận hành nên nín, trừ chướng nên nói. Bì là mỗi một biếng lười. Câu dưới nói tật bịnh là bốn đại chẳng điều, chẳng do ngồi mà mệt mỏi, nên nói là bịnh tật. Nội ngoại chướng, là phiền não, kiến mạn v.v... gọi là nội chướng, ma ác tri thức v.v... gọi là ngoại chướng. Chỉ được chuyên xưng niệm danh hiệu Phật là sám, suốt đời không hối, nên nói dùng mạng tự qui y. Cùng xưng niệm Phật mười phương, là giải thích nghi, sợ có người nghi rằng vì sao chỉ khiến niệm Phật A-di-đà. Cho nên giải thích rằng: Công đức Chánh đẳng dứt loạn nên chuyên. Vì sao trở xuống là nêu thí dụ. Như người quá buồn khóc lớn lên thì thoải mái, nếu có việc quá vui hát lên thì thoải mái. Niềm vui nỗi buồn trong lòng chưa tiết lộ ra nên phải dùng miệng mà ca mà khóc lớn để giúp. Người tu trở xuống là hợp thí, Đại luận quyển sáu mươi giải thích dụ tiếng vang nói rằng: Như người khi nói thì hơi trong miệng phát ra, gọi là Ưu-đà-na đụng rún mà đi lên, hơi ấy đụng bảy chỗ là đầu, lợi, răng, môi, lưỡi, cổ họng và ngực. Từ đó, lời nói sanh ra. Người ngu chẳng hiểu đây, đắm mê mà sanh tham si. Trong người có trí tuệ chẳng sân cũng chẳng mê đắm, cũng lại không ngu si, chỉ tùy các pháp tướng, cong ngay, co duỗi, tới lui, nhìn nói đều không có tác giả. Năm câu trước là nói thân nghiệp, câu thứ sáu là nói miệng nghiệp, một câu hai hàng sau là xếp vào tướng ngu trí. Tuy dùng thân miệng giúp ý thành cơ nhưng phải hiểu rõ tướng ngu trí, tức là ba nghiệp cùng làm cơ. Huyền văn tuy lập nghĩa cơ ý nghiệp nhưng không phải ý văn này. Ý nay chỉ duyên, ý riêng chẳng thành, cho nên khiến tu mà giúp. Kinh Bộ tuy tức nghĩa chung ba thừa, ý nay ở viên chẳng chung cho Thông Biệt. Nay là trừ chướng tuy niệm ứng Phật. Ý dưới chỉ quán khiến nhớ nghĩ pháp thân cho nên chỉ ở viên. Như người trở xuống là dụ giúp ý. Người tu trở xuống là hợp. Nếu đối với pháp môn chưa hiểu trở xuống là vì dứt mê nên gần gũi hiểu rõ giải, vì hai kinh ấy

là Bộ Bát-nhã, nên khiến gần gũi hiểu Bát-nhã, Ý thì chung với hạnh môn Đại thừa. Lại trong Bát-nhã có nói nhiều về pháp quán hạnh của Bồ-tát. Tụng kinh, v.v... là nêu so sánh. Việc này tuy là thường ngồi bị bỏ đi chớ dùng lời này mà so sánh ba Tam-muội. Cho nên trong thường ngồi còn bỏ tụng kinh, huống chi là lời thế tục, ngăn tụng hạn cục ở đây, ngăn nói thông bốn, vì thế bốn Tam-muội đều phải dứt việc tiếp xúc người ngoài, không đi không ngồi, y kinh cũng chế. Tuy chung cho tác thọ nhưng nhiễm tục chẳng khai, ý chỉ quán. Đây cho đến không đi không ngồi đều là thô chuẩn. Kinh nầy chỉ bày quán môn. Dẫu dường như có tướng mười quán mà văn đều y cứ lược, chưa thể phân biệt quán pháp trước sau. Mới phát đại tâm trở xuống là ba lược cũng giống như thế. Cho nên năm chương này chỉ gọi đại ý. Văn này chỉ y hai kinh thô nêu, lời gọn ý xa chẳng nên xếp lầm. Nếu muốn tiêu thích thì khéo trở xuống là văn quán pháp mười thừa mới có thể lìa nhẫm lẫn. Nếu y cứ vào văn sau là không có bốn hành tướng thì văn sau thành lược. Nay y cứ vào quán pháp mười thừa chưa trọn thì trong đây thành lược. Cho nên năm lược từ quán mà lược chớ chẳng từ sự. Trong văn này dùng nghĩa mà suy mười thừa lược đủ pháp giới v.v... tức gọi là diệu cảnh. Vì giáo hóa chúng sanh tức là phát tâm, buộc duyên trong một niệm tức là chỉ quán. Quán ở ba đường gọi là phá pháp, trải khắp tất cả pháp tức là thông bít, mà tu Phật đạo tức là đạo phẩm, quán nghiệp khổ tức là trợ đạo, thức quán chẳng lạm tức là thứ vị. Trong thứ vị gồm hai thứ kia, ba Tam-muội dưới ý văn chỉ quán phụ sự tùy lược. Nếu dùng nghĩa mà nói y theo đây rất dễ hiểu. Trước ngồi thẳng là chung cùng chỉ quán mà lập ra tướng thân tâm. Kế dứt trừ trở xuống là pháp tu quán. Từ đầu đến loạn tưởng là nói trị của chỉ, từ chớ tạp đến tướng mạo là nói tự của quán, từ chỉ chuyên đến quán ấy là nói về Năng quán, tịch chiếu chỉ quán. Tuy buộc tuy niệm chẳng ngoài pháp giới, tuy chỉ quán tuy tịch chiếu đồng thời, tin tất cả pháp trở xuống là chẳng khuyên tin. Phải tin pháp giới chẳng phải nghiệp ba đời, cho nên chẳng có trước sau. Pháp giới thể khắp nên không có bến bờ. Nội chứng là biết, hóa tha là nói, năng tri năng thuyết chẳng khác pháp giới, cho nên nói không biết, không nói. Pháp giới không bờ mé nên chẳng phải có không, chẳng phải tục nên chẳng phải biết, chẳng phải không nên chẳng phải chẳng biết. Từ thắng mà nói nên nói lìa bên, trung biên tức nhau nên trụ ở vô trụ. Tất cả Chư Phật đều dùng pháp giới làm chỗ an. Ta trụ pháp giới như Chư Phật đã trụ. Cho nên nói chỗ an, nghe đây trở xuống là khuyên răn khiến phàm phu này trụ ở chỗ Chư Phật, chớ sanh quái lạ. Pháp giới này trở xuống là tên

khác của pháp giới. Như thế trở xuống là kết các tên khác đều đồng pháp giới. Hay như thế trở xuống là kế quán pháp thân. Đây tức là nêu cảnh sở quán ở trước để làm khuyến tiến lên, kết pháp cảnh ở trước để thành mười hiệu. Văn này là quán pháp giới bình đẳng, hay quán mười hiệu ấy như thế. Tướng mười hiệu là thế nào? Đáp: Chỉ quán pháp giới tức thấy Ứng thân Như lai mười hiệu bằng với pháp giới. Cũng biết pháp thân Như lai mười hiệu. Vì sao? Vì nương trí không hai mà lại hợp chánh cảnh nên gọi Như lai, dùng lý không hai khắp vào các pháp gọi là ứng cúng, rõ trí chẳng hai, trí thể không (thiên lệch) nên gọi là Chánh biến tri, biết pháp không hai chung với pháp giới, tuy không qua lại (tới lui) nhưng vào khắp ba cõi, nên gọi là Minh Hạnh Túc. Pháp không hai tánh ngầm chứa ba đức nên gọi là Thiện thệ, lý khắp tất cả, đủ cả ba thế gian, hiểu lý này nên gọi Thế gian giải. Hiểu lý này thì không hoặc nào chẳng dứt, lại hơn tất cả nên gọi là Vô thượng sĩ. Vì hiểu lý nay điều phục việc khó phục trong mười pháp giới, nên gọi là Điều ngự. Liễu pháp trong pháp giới nên gọi là Trượng phu. Khế hợp lý này nên tất cả kính ngưỡng, trên cả ba giáo trời người, gọi là Thiên nhân sư. Biết lý này nên gọi là Phật. Hiểu lý này nên được ba thế gian tôn kính, nên gọi là Thế tôn. Trí khế pháp thân, đủ hiệu pháp giới, cho nên hiện bày Ứng thân mười hiệu. Pháp ứng một hiệu một thể không hai. Tên mười hiệu này kinh luận nói khác nhau. Đại Kinh giải thích thành mười một câu. Đại luận thứ ba hợp Vô thượng sĩ và Điều Ngự Trượng phu thành mười câu. Cho đến Thế tôn là câu thứ mười. Kinh Bổn nghiệp Anh Lạc chép: Một là Như lai cho đến mười là Phật-đà. Đầy đủ mười hiệu gọi là Thế tôn, lại dịch ý khác chẳng phải tiêu hội. Quán Như lai trở xuống là nói cảnh trí chẳng hai. Văn trước nhắc lại pháp thân trước làm cảnh. Làm sao biết cảnh do quán trí? Cho nên lập ở trước nói: Chẳng gọi Như lai, chẳng gọi tức là trí chẳng thật có, không có trở xuống là nói cảnh vô tướng, cũng không có Như lai Trí trở xuống là nói Trí vô tướng. Như lai và Trí trở xuống là nói cảnh trí chẳng hai. Cho nên kinh chép: Như lai chẳng tức ấm, Như lai chẳng ở tai ấm. Kia đây chẳng cùng ở, chỗ nào có Như lai cảnh trí ngầm một gọi là tướng không hai? Cảnh trí thể khắp, gọi là tướng vô động, cảnh trí vốn có gọi là tướng bất tác, khắp không khắp tướng gọi là chẳng ở phương, không tướng mà khắp gọi là chẳng lìa phương. Không phải thế tục nên gọi là chẳng phải ba đời, chẳng phải ngoài thế tục nên gọi là chẳng phải không ba đời. Trung đạo cùng chẳng sai, gọi là chẳng phải hai tướng. Trung đạo cùng chiếu, gọi là chẳng phải chẳng hai, chẳng chung với hoặc, gọi là chẳng phải Cấu, chẳng

cùng trí đủ gọi là chẳng phải Tịnh. Quán này trở xuống là kết khen quán trí. Riêng dứt bất cộng gọi là ít có vì khắp vì mất là dụ như hư không, chẳng ý theo thứ lớp gọi là không lỗi lầm. Tiến vào tùy khế gọi là thêm lớn chánh niệm. Thấy tướng tốt Phật trở xuống là nói quán thành thấy Phật. Do quán này nên nói thấy sắc thân Phật, vì không phải vốn năng lực quán khiến cho như thế, nên chỗ thấy cũng như hình ảnh trong gương, chẳng vận thần thông mà thấy mười phương. Trụ trong pháp giới thấy được Chư Phật. Cho nên nghe chỗ nói chẳng trái nghĩa thật. Vì chúng sanh trở xuống là nói năng lực Bi trí thệ nguyện trang nghiêm, dùng năng lực đại bi vì thấy chúng sanh, dùng năng lực đại trí mà chẳng chấp tướng. Niết-bàn trang nghiêm cũng giống như thế. Nói trang nghiêm, chỉ là bi trí phước tuệ trang nghiêm, cũng là duyên rõ định tuệ, v.v... cho nên luận Bát-nhã chép: chẳng phải trang nghiêm mà trang nghiêm cõi Thường tịch quang pháp thân thanh tịnh, không có sở trang nghiêm, không có năng trang nghiêm, vì chúng sanh mà lấy ba cõi, quên sở quán nên vô hình vô tướng. Pháp thể nói biểu ngoài hình là tướng, tuy thấy Như lai và nghe nói pháp, biết pháp nghĩa thật không có thấy nghe, v.v... Phật chẳng chứng đắc trở xuống là dẫn ví dụ. Phật tự đối với pháp không có chỗ chứng đắc, vì sao người tu lại gọi là đắc ư? Vì sao trở xuống là giải thích dẫn ví dụ trên? Phật sở chứng là chỉ một pháp giới, pháp giới không chứng cũng không đắc, lấy quả làm chứng, đấm pháp làm đắc, quên hai thứ này nên gọi là Không. Quán chúng sanh trở xuống là nói quán ba đạo. Trước quán chúng sanh tức là khổ đạo. Trước nói quán sanh như Phật, là ba đức lý bình đẳng, nên nói là Như. Nói chúng sanh và Phật lượng bình đẳng tức chúng sanh và Phật không khác nhau về ranh giới và số lượng. Vì lý bình đẳng nên số loại cũng bình đẳng chớ chấp nghĩa sự mà ngại nhau. Nói chúng sanh và cõi Phật lượng không thể nghĩ bàn. Lại giải thích văn ở trước nói Như, vì chúng sanh như Phật, nay không thể nghĩ bàn vì Phật như chúng sanh. Lại trước y cứ số lượng và tướng bình đẳng y cứ lý chẳng hai nên gọi là Như. Nay khen Như ở trước nên nói không thể nghĩ bàn. Chúng sanh giới trụ trở xuống vì quán sanh chánh ý lại kết văn trước. Trước nói chúng sanh và Phật tướng Như, ý ở quán chúng sanh như Phật, thể Như vô tướng nên dụ như hư không. Tuy như hư không, lấy trí như hư không mà cảnh quán hư không, nên nói dùng pháp bất trụ mà trụ trong Bát-nhã. Vì chúng sanh như Phật nên không có phàm để bỏ, vì Phật như chúng sanh nên không có Thánh vô tác để lấy. Sanh tử Niết-bàn y cứ Khổ đế, diệt đế, cấu tịnh y cứ Tập đế, đạo đế. Bốn đế vô tác không có chỗ lấy bỏ cũng giống như thế. Chẳng lấy bỏ là

do trụ thật tế. Như thế trở xuống là tổng kết khổ quán. Quán phiền não ở trong hai phen, trước là y cứ ba đế mà nói hành tướng. Hạnh vắng lặng tức là hạnh chân đế. Hạnh vô động tức là hạnh tục đế. Chẳng phải sanh tử, v.v... tức là hạnh Trung đạo. Chẳng bỏ trở xuống là y cứ ba quán khế lý. Chẳng bỏ các kiến tức giả, chẳng bỏ vô vi tức không, mà tu Phật đạo tức Trung. Như trên nói chẳng bỏ tức là cùng chiếu, nay chẳng phải tu trở xuống tức là cùng chẳng sai. Cho nên trong kinh Tịnh Danh chẳng bỏ các kiến mà tu ba mươi bảy đạo phẩm. Đó nói kiến tức là đạo phẩm Trung đạo. Đây nói Biên tức là đạo phẩm Trung đạo, nghĩa Biên đồng với kiến, cho nên dùng ý đó mà làm văn nầy, kế quán nghiệp, lấy nghiệp cực nặng mà làm cảnh quán, cho nên chỉ năm tội nghịch tức là bình đẳng. Nói năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng làm thân Phật chảy máu, ba giết, một nói dối, một sát sanh gia hạnh. Nói về nặng nhẹ, Như Ưu-bà-tắc giới kinh trong nghiệp phẩm, vì nghiệp sau nặng hơn nghiệp trước. Lại tâm cảnh đối nhau phân biệt bốn câu, và ba thời như phương tiện, v.v... chẳng phải đệ tử chẳng phải chánh ý này nên không phân biệt rõ. Nếu trong Đại thừa tự mình giết Hòa thượng và A-xà-lê cho đến bảy tội nghịch, năm tội nghịch này thể tánh vắng lặng. Cho nên Kinh Vô Hành chép: Năm tội nghịch tức Bồ-đề, Bồ-đề tức năm tội nghịch. Nếu ở quán hạnh mà nói năm tội nghịch, thì năm pháp nghịch ở đời gọi là năm tội nghịch, cho nên Lăng-già quyển ba chép: Giết cha vô minh hại mẹ tham ái, dứt bỏ tùy miên ái hoại ấm hòa hợp, cắt dứt bảy thức thân. Nếu có tác giả hiện chứng thật pháp thì nghịch này thuận, chẳng phải cảnh quán nay. Y cứ đây tức là quán Năng quán, kinh ấy ý gồm, văn này hiển riêng. Nghịch và Bồ-đề chẳng ngoài tâm tánh. Cho nên gọi là giác giả. Giác giả cũng không, không tên giác giả. Đối cảnh gọi là giác, trong liễu gọi là tri. Tri và giác một thể, ý nghĩa chẳng khác. Không phân biệt chủ tể trong ngoài nên gọi là không phân biệt. Lại nói biết tánh năm tội nghịch gọi là giác giả, soi rõ Bồ-đề gọi là Tri giả. Tri hai pháp này gọi là phân biệt. Đây đều quên nên nói là đều không. Nghịch và thật tướng, thể đã chẳng hai nên chẳng thể hoại. Vì nghịch xưa nay vốn không có tự tánh. Cho nên tất cả trở xuống là so sánh nhẹ với nặng. Năm tội nghịch đã như thế, các nghiệp cũng như thế. Cho nên trụ ở thật tế, chẳng tới chẳng lui nói nghịch mà không sanh diệt, không nhân không quả, nói là quán không thỉ chung. Pháp giới ấn trở xuống lại dùng bốn ma mà giải thích thành năm tội nghịch. Trước lập thuận theo ba đạo nên ma được dịp làm hại, quán pháp giới nên chẳng thể hoại. Ma tức ấn, khổ tức thật tướng, hai ma ấm, chết tức ấn pháp giới.

Phiền não tức thật tướng là ma phiền não tức ấn pháp giới. Nghiệp tức thật tướng, là ma Thiên tử tức ấn pháp giới. Kế trong giải thích ma đã tức ấn, ấn đâu hoại ấn. Như Đại luận chép: Có Bồ-tát dạy người tu không, dứt tất cả niệm, lúc sau vừa khởi một niệm có tâm liền là ma động, liền nhớ lại vốn tu Không thì ma liền biến mất. Tu không còn như thế huống chi là quán, tức ấn pháp giới. Cho nên Thiền sư Tín vốn dùng tâm này để làm tâm yếu. Người sau nhân dùng tình kiến khác nhau, đến nỗi khiến Giang Biểu, Kinh Hà Thiền tông trái nhau. Kế khuyên tu, trước nói nghe chẳng kinh sợ v.v... là do đời trước trồng gốc lành sâu. Kế thí như trở xuống là nêu dụ. Hạt giống lành kiếp xưa như châu, trong quên như mất, nghe pháp sanh vui như lại được châu, bốn chúng trở xuống là hợp dụ. Chẳng nghe là hợp mất, châu nghe tin hợp lại được. Phải biết thấy Phật là xưa từ Phật nghe, nay lại nghe lại, nghĩa đồng với thấy Phật. Từ Văn-thù nghe, là Phật cũng nghe từ Văn-thù. Thân Tử trở xuống tức là kinh ấy ba người hiểu rõ. Cho nên nay dùng pháp mà xếp người ấy. Vì Đại Bồ-tát hiểu sâu chắc nghĩa này cho nên năng liễu nói là Đại Bồ-tát gần tòa Phật, tòa là chỗ nương, nương vào thật lý nghe pháp này là gần với thật lý, nên nói gần tòa Phật là Năng giác, pháp là sở giác, gần sở giác của Phật nên gọi là gần tòa Phật. Nếu sự mà giải là ngồi tòa nói pháp, nghe pháp Phật, nên gọi là gần tòa Phật. Tuy có sự giải thì mất Phật giác là nghĩa pháp này. Cho nên chỉ y vào sơ giải làm chánh, nghe pháp chẳng kinh, thấy pháp thân Phật, Phật nói trở xuống là dẫn lời Phật nói thành. Nếu được Sơ trụ thấy pháp thân Phật thực hành niệm bất thối, sáu căn thanh tịnh, tương tự thấy Phật, thực hành hạnh vị bất thối. Ba thứ bất thối này đầy đủ các độ, gọi là Ba-la-mật. Nếu thuật chung thành, người tu đời sau, tức là nghĩa chung nên đều được dự vào hàng bất thối. Vì viên sáu tức nêu tên ba bất thối và Ba-la-mật thông tra sau. Nếu người trở xuống là chánh khuyên tu. Từ đầu đến được vào là đủ như phẩm khuyên học của Bát-nhã, vì Tam-muội này tức là hạt giống trí Bát-nhã. Như tự ma-ni trở xuống là nêu dụ. Kinh ấy nói như được ma-ni khiến thợ ngọc mài giũa. Cho nên kinh Hoa Nghiêm quyển hai mươi mốt chép: Đầy đủ mười việc phải là thợ khéo giũa mài khiến cho càng đẹp, sau mới phát ra ánh sáng mưa báu, v.v... Một là ra khỏi biển lớn; hai là thợ khéo giũa mài, ba là đổi thành tinh diệu; bốn là dứt nhơ; năm là lửa luyện; sáu là trang nghiêm; bảy là xỏ thành chuỗi báu; tám là đặt trên cột lưu ly; chín là ánh sáng chiếu bốn phía; mười là tùy ý vua mưa xuống. Người tu Nhị thừa như giũa mài ngọc phàm, Tam-muội Nhất hạnh như giũa mài ma-ni, ánh sáng như giải sanh, mưa như

hạnh đủ. Bồ-tát hay biết, v.v..., là Bồ-tát ba giáo tuy có phát tâm mà chẳng gọi là mau được nghe Nhất hạnh này mới gọi là mau được. Từ pháp xếp người, ý như giải thích ở trước. Tỳ-kheo, v.v... cũng giống như thế. Hai chúng chưa nghe chẳng gọi xuất gia. Cho nên kinh Tịnh Danh chép: Người xuất gia thực hành pháp vô vi ra khỏi hai thứ chết, mới gọi là vô vi. Nếu chẳng như thế, vì sao hai chúng nghe pháp này xong gọi là xuất gia? cũng như kinh Thiện Trụ Thiên Tử chép: Thiên tử hỏi Văn-thù rằng: Nếu có người đến xin xuất gia thì phải đáp thế nào? Văn-thù nói: Nếu chẳng phát tâm xuất gia thì phải dạy ông phát chân xuất gia. Vì sao? Nếu cầu xuất gia là cầu báo vị lai ở ba cõi và năm dục, người ấy chẳng thấy tâm nên chẳng chứng pháp. Vì tâm vô vi nên chẳng phát tâm. Nếu cạo tóc làm người xuất gia là còn mê đắm ngã nhân, cho nên biết hình thức không phải là chân xuất gia. Tín sĩ, v.v... cũng dùng ý vừa rồi rất dễ thấy, nghe chân pháp mới được gọi là chân qui y.

Kế giải thích Thường hành, trước khai chương. Kinh này nhân Bồ-tát Bạt-đà-hòa chép: Trí Luận và các kinh gọi là Bạt-đà-bà-la, âm nặng nhẹ, đó là Bồ-tát tại gia. Kế pháp này trở xuống là nói chỗ phát ra kinh. Ba lực là chẳng thể nói khắp. Nhân duyên hòa hợp, đường cảm ứng giao nhau, cho nên phải ba lực. Kinh ấy chép: Hễ phương nào Phật muốn thấy liền thấy. Vì sao? Vì năng lực Tam-muội của Phật như thế mà thành, thấy Phật đứng trong Tam-muội, có ba việc là năng lực Phật ấy gia trì, năng lực Tam-muội gia trì, năng lực bổn công đức gia trì. Dùng ba việc này nên thấy Phật, ở trong định thấy Phật mười phương, là do ba năng lực nên Tam-muội thấy Phật. Cho nên kinh này cũng gọi là hiện tại Phật lập định kinh, được ba năng lực ấy nên thấy Chư Phật. Trong kinh ấy hỏi từ chỗ nào được Tam-muội ấy. Đáp: Từ niệm Phật mà được. Nếu người chẳng niệm Phật, khen ngợi thân Phật thì là mất hẳn. Đời nay đời sau lợi lạc nhân duyên, bộ thuộc Phương Đẳng, cơ chung bốn người. Nhị thừa bị bác bỏ không phải ý chánh văn, cho nên Bồ-tát bốn giáo cũng chung làm. Ý nầy ở viên. Cho nên ý chỉ quán mượn sắc thân Phật để thành ba quán. Trong kệ nói chỗ ở tương ưng với Tam-muội, tương ưng khác nhau, Tam-muội chẳng giống nhau, kinh nói hoặc khi nói có giác có quán v.v... ba địa tương ưng. Hoặc nói Hỷ lạc, v.v... năm thọ căn tương ưng, hoặc nói các chi tương ưng, hoặc nói giới hệ tương ưng, hoặc nói chẳng phải giới hệ, v.v... Như thế giúp niệm Phật Tam-muội tương ưng với pháp trụ xứ. Chẳng được không nói chỗ cạn sâu. Cho nên nói phải luận nghị. Văn giải thích ý kinh nên từ chung mà nói. Tuy nói các tướng có giác, v.v... nhưng đều khác nhau. Vì ni Phật cho

nên hoàn toàn khác căn bản. Trong thân khai giá nói tránh người si, v.v... là tránh làm bạn với ác tri thức, vì có thể sanh bất thiện căn cho người. Cho nên kinh Bảo Tích chép: Có bốn pháp nên mau lìa bỏ: Một là lợi dưỡng, hai là bạn xấu ác, ba là các điều ác; bốn là ở chung với người hoặc giỡn cười, hoặc giận hờn, đấu tranh, phải cách xa một trăm do-tuần. Ưa quấy não người khác nên gọi là si nhân, người lân gần gũi thuộc, hoặc cùng làm việc, phải mau xa lìa, chẳng được trông mong đến thỉnh riêng. Kinh nói chuyên đi khất thực tự nuôi sống, có nhiều thành tựu. Luận Thập Trụ Bà-sa nói khất thực có mười điều lợi: Một là nuôi sống, tự thuộc mình không thuộc người khác; Hai là người thí cho ta ăn thì khiến trụ vào Tam bảo sau mới nhận; Ba là chúng sanh bi tâm; bốn là thuận theo lời Phật dạy. Năm là dễ thỏa mãn dễ nuôi dưỡng, sáu là phá kiêu mạn, bảy là gốc lành vô kiến đảnh; Tám là thấy ta khất thực nhiều người lành khác bắt chước; chín là chẳng có các việc với nam nữ lớn nhỏ. Mười là thứ lớp khất thực tâm bình đẳng. Như trong kinh Tịnh Danh chép: Ca-diếp bỏ giàu theo nghèo, Không Sanh bỏ nghèo theo giàu, ngoài hiện dấu riêng, chỉ bày quở trách. Văn các luật nói khất thực không phải ở một chỗ mà đủ, vì làm phước cho người nên phải đến bảy nhà thuận theo pháp ít muốn chẳng hao tốn thí chủ. Chẳng nhận thỉnh riêng, là khiến khắp mười phương đều được lợi ích. Cũng thuận theo Phật giáo ít muốn và khiến thí chủ được phước bình đẳng. Cho nên kinh Ưu-bà-tắc giới nói: “Phật dạy Lộc mẫu tuy thỉnh Phật và năm trăm vị La-hán, cũng chẳng được gọi là thỉnh ruộng phước tăng. Nếu ở trong tăng mà thỉnh một vị giống Tỳ-kheo cực ác thì được vô lượng phước. Tuy là người ác cũng có khả năng nói giới, định, tuệ và ba Bồ-đề, cho người nghe, có nhân có quả, chẳng hủy báng Tam bảo, giữ gìn thắng phướn Vô thượng của Như lai, Thắng phướn là áo ca sa. Vì nghĩa ấy nên chẳng nhận thỉnh riêng. Luật mở cho nhiều duyên Phạm Võng chỉ ngăn cấm, Luật bộ tuy cho tăng Thích-ca làm, nay vào Tam-muội tất cả đều cấm. Huống chi Đại thừa này phải thuận theo Phạm Võng. Đại luận chép: Ở trong tăng mà ăn thì sanh các lậu duyên. Nếu nhận người thỉnh riêng thì chướng ngại tu Tam-muội. Luận nói hoặc được người thỉnh hoặc được chỗ thỉnh, cho ta là người có phước đức. Nếu chẳng được thì sanh giận hờn, tức là người ấy chẳng biết nên thỉnh mà chẳng thỉnh, chẳng nên thỉnh mà thỉnh, hoặc tự phiền não. Nếu vào chúng mà ăn thì phải theo pháp chung mà lo liệu việc tăng, tâm thì tán loạn ngại bỏ ra đạo cho nên khiến khất thực. Trang nghiêm đạo tràng, tràng là nơi người thế tục dùng làm chỗ tế Thần, nay dùng chỗ cúng dường Phật gọi là

Đạo tràng. Tả hữu là tả thì ra, hữu thì vào. Ra từ nhỏ, vào từ tịnh. Luật nội ngoại, luật nghi thân và miệng là ngoại, luật nghi ý là nội. Nói Đại Tiểu thừa đều có ý, chỗ khởi phương xa liền tội và trong mười thiện ác ba thứ sau chính là đó. Đời chép: Tiểu thừa ngăn thân miệng, Đại thừa ngăn ý. Chẳng phải hoàn toàn như thế, phải biết hai thừa Đại Tiểu nếu kết tội đều từ thân miệng. Phương xa đều phòng ở ý. Cho nên biết hai thừa Đại Tiểu đều ngăn cấm để đề phòng ở ý. Nếu chế theo ý riêng nghĩa là tu định tuệ thì Đại Tiểu đều như thế. Ngoài ra, tâm niệm pháp khác và sám cấu nhẹ đều thêm thân miệng chấp tay giảng nói. hoặc có đãn tâm như sám hối tội cát là nhẹ, hoặc Đại thừa quán lý sám tội nặng, cũng thêm thân miệng. Lại, Tiểu thừa là ngoại, Đại thừa là nội. Nếu chỉ giỏi luật nghi chẳng am tường chướng ngại, cũng không phải sư vị, đối với Tam-muội đã nghe như thấy Thế tôn, là cũng xuất từ kinh ấy. Lại Đại luận quyển bốn mươi chín chép: Bồ-tát nhân thấy mà được Bồ-đề, vì sao chẳng kính, đâu có người thượng trí cao minh nào chẳng kính thầy. Nếu chẳng kính thầy thì mất lợi lớn. Như giếng mà không dùng gàu kéo thì nước không nhờ đâu mà có. Người có kiêu mạn như trước không ở trên đỉnh núi. Nếu nương vào Thiện sư thì ba học thêm lớn, như cây có rễ nhánh lá sẽ mọc nhiều, cho nên Phật nói kính thầy như Phật. Luận hỏi: Thiện sư còn chẳng thể kính. Ác sư làm sao kính mà bảo kính thầy. Đáp: Chớ thuận theo thế pháp đắm thiện mà xa ác. Nếu khai thích thâm Bát-nhã thì kính hết chẳng nghĩ điều ác khác, chẳng vì túi hôi mà bỏ vàng trong ấy. Như ban đêm đi trên đường hiểm, có người ác cầm đuốc, chẳng vì người ác mà chẳng nhờ ánh sáng đuốc. Bồ-tát cũng như thế, được ánh sáng trí tuệ chẳng kể điều ác ấy. Như trên hư không có tiếng bảo Ba luân rằng: Đối với thầy chẳng nghĩ điều ác ấy, lại nữa, chỗ tốt xấu của thầy có can dự gì đến mình. Ta cầu pháp lợi chẳng cầu điều ác. Như tượng đất gỗ không có công đức, vì nghĩ đó là Phật nên có vô lượng phước đức, huống chi là đối với người. Lại xem thầy như Phật, xem các pháp đều rốt ráo không xem các chúng sanh như thấy Phật, huống chi là với thầy. Luận Thập Trụ Bà-sa chép: Từ người khác cầu trí tuệ chẳng tiếc thân mạng nên phải kính thầy. Nếu thầy khinh miệt cho đến yêu kính tâm cũng không khác, chẳng nhân thầy mà cầu lợi. Thầy có lỗi thì phải giấu, lỗi thầy bày ra thì phải phương tiện giấu đi. Thầy có công đức thì nên khen ngợi truyền khắp. Vì sao? Vì người tu Tam-muội phải khéo giữ tâm, sợ khinh thầy mà Tam-muội chẳng thành. Cho nên văn dưới chép: Nếu đối với thầy mà sanh ác cầu thì Tam-muội sẽ khó được. Nhưng người làm thầy thì phải không có lỗi. Nay nói thầy phàm,

chưa thể thiện hết, cho nên răn người học chớ thấy lỗi phải, giỏi dở của thầy. Phải cắt, v.v... là nêu nặng so sánh nhẹ. Cơ là da, các thứ khác ở ngoài thân là y báo. Bộc là tôi tớ. Xưa, nam nữ bị tội đều bắt làm tôi tớ, phải ngoại hộ là chẳng no như vừa yêu vừa đốc thúc. Kẻ đồng hành như cùng đi đường hiểm, mất một thì đều chết. Đồng hành phải như thế, phải cần y cứ hẹn, dùng nguyện tự hẹn tâm Tam-muội. Khởi Đại Tín, là tin tất cả pháp đều là Phật pháp, cho nên chẳng thể động, vì pháp này mà tinh tấn gọi là Đại tinh tấn. Đối với pháp không nhiễm gọi là Tinh, niệm niệm mong cầu gọi là Tấn. Trí Nhất thiết chủng dẫn dắt các hạnh nên không gì bằng. Thường cùng thầy giỏi, là cầu thầy phải tốt. Thờ thầy phải quên lỗi thầy. Vì Tam-muội nên phải hộ tâm, sợ luống bỏ ngày tháng cho nên phải phân biệt. Lại nói thiện là khéo hiểu tướng Tam-muội thông bít, dắt dẫn người tu khiến thì giờ không luống uổng. Nằm xuất: có người nói chỉ gọi nằm là xuất có gì chẳng được. Nhưng chỉ được nằm mà thiếu xuất, xuất chưa hẳn là nằm, khi nằm phải xuất. Cho nên phải ra mà giải thích. Văn kinh chỉ nói ngủ nghỉ. Luận nói có bốn pháp sanh ra Tam-muội: Một là ba tháng không hề ngủ trừ lúc tiểu tiện ăn uống, đi ngồi; hai là ba tháng cho đến trong khoảng búng ngón tay chẳng sanh tâm ngã; ba là trong ba tháng kinh hành không nghỉ ngơi; bốn là trong ba tháng gồm nói pháp không cầu lợi dưỡng. Nay văn tùy tiện không theo thứ lớp, lấy thứ hai ngã tâm làm dục tưởng, thứ nhất ngủ nghỉ làm nằm xuất để dứt tiểu tiện v.v... cùng ba bốn hợp nói. Một bài kệ gần gũi thiện tri thức, v.v.... Luận lại hỏi: Pháp báu như thế Tam-muội nào có thể được? Đáp: Chính là một bài kệ Gần gũi thiện tri thức. Kệ đủ bốn nghĩa: Một là tri thức; hai là tinh tấn; ba là trí tuệ; bốn là tín lực. Lại có Tam-muội giúp pháp tu tập có năm mươi pháp v.v... Kế miệng nói nín: trước từ chín mươi ngày trở xuống dốc lòng niệm A-di-đà không nghỉ. Giáo dụng ba nghiệp, kế hoặc xướng niệm trở xuống là giáo dụng niệm pháp, tuy nói trước sau và tâm đều vận, trong niệm niệm không để thiếu một. Cho nên nói nối nhau. Kế như xướng trở xuống là giải thích nghi, đủ như giải thích ở trước. Trong đây lại thêm pháp môn chính. Nêu yếu trở xuống là kết khuyên ba nghiệp, mỗi bước là thân nghiệp, mỗi tiếng là miệng nghiệp, niệm niệm là ý nghiệp. Đại ý trong chỉ quán trước nghĩ ba mươi hai tướng để làm cảnh quán. Nói Phật sát, nói đủ phải là sát-ma, Hán dịch là Điền, tức là chỗ một Đức Phật làm vua pháp pháp. Có chỗ nói biểu sát, là dùng gậy nói lên cho sát là chỗ ở. Ba tháng thường niệm, là kinh ấy nói Bồ-tát nhập vào Tam-muội liền thấy Phật A-di-đà, bèn hỏi Phật ấy nhờ nhân duyên gì

mà được sanh về cõi nước ấy. Phật liền đáp: người Thiện nam, tu Tam-muội niệm Phật chẳng quên mất, nên được sanh về nước ta, cho đến ba mươi hai tướng. Nay văn nói vì sao niệm tức là văn hỏi Bồ-tát ở trong Tam-muội thấy Phật. Từ niệm ba mươi hai tướng trở xuống đến tướng ngàn bánh xe căm là văn trong Tam-muội Phật đáp. Vì ba mươi hai tướng nghịch duyên, thuận duyên, khiến ta cũng có tướng ấy, là văn phát nguyện trong Tam-muội thấy Phật. Thấy tướng tốt từ thân phát ra ánh sáng khắp các cõi mười phương. Như đống vàng ròng, như núi Tu-di ở trong biển lớn, mặt trời chiếu sáng. Người tu bấy giờ dứt bỏ các ý tưởng khác gọi là núi rừng, v.v... Chỉ tướng thân Phật như trong lưu ly có tượng vàng đỏ. Kế lại niệm trở xuống là chánh nói cảnh để tu ba quán. Trước là quán không, văn trước nói lược, suy thân tâm ta và Tam-muội Phật. Sắc tâm của Phật từ ai mà được, hai câu đầu là chánh suy. Kể từ Phật chẳng dùng trở xuống là suy mình, tức biết tâm Phật không thật có, há do sắc tâm của ta mà thấy sắc tâm Phật. Đây là nêu bốn câu: Một là nói Phật chẳng dùng tâm mà được là chẳng dùng tâm ta mà được tâm Phật. Chẳng dùng thân mà được là chẳng dùng thân ta mà được thân Phật. Chẳng dùng tâm mà được sắc Phật, v.v... hai câu giao nhau, là chỉ lược bỏ chữ Ta mà thôi. Vì sao trở xuống là giải thích? Sắc tâm của Phật là vô tướng vô đắc, sắc tâm ta cũng giống như thế. Thân miệng là sắc, trí tuệ là tâm. Sắc tâm có là do có (ngã), vì ngã không nên nói pháp vốn không. Phá gốc không này nên nói phá hoại gốc. Cũng dứt hoại này nên nói dứt gốc. Kế quán giả, văn nêu sáu dụ ba mộng, một báu, một xương, một tượng. Ý nó đại đồng, chỉ nói lại mà thôi. Nay đều lược hợp. Mộng là tâm tánh như cảnh quán, như duyên tưởng, quán thành như mộng. Đây là thuần y cứ người mà hợp. Lại pháp thân như cảnh, Báo thân như tưởng, Ứng thân như mộng. Đây là thuần y cứ cảnh Phật mà hợp. Lại Phật ấy như cảnh, người tu như tưởng, thấy Phật như mộng. Đây là y cứ cảm ứng mà hợp luận. Ba mộng đều như thế, cho nên hễ khởi quán tưởng, tưởng thành thì thấy tướng đều đủ ba ý. Rốt ráo trong không cầu, Phật không thật có. Cho nên biết trước sau hai mộng nói thấy mà chẳng thật có. Trung gian một mộng (một mộng ở giữa) nói chẳng thật có mà thấy. Cho nên mộng đầu nói thức rồi đuổi theo niệm, chẳng biết ở đâu. Mộng sau cùng nói thức rồi lại không, mộng ở giữa nói chẳng đi chẳng đến mà có việc vui rõ ràng. Cho nên Đại luận quyển bảy chép: Như khi Phật còn ở đời có ba người bạn, nghe ở Tỳ-xá-ly có dâm nữ tên là Am-la-bà-lợi, nước Xá-vệ có dâm nữ tên là Tu-man-na, thành Vương-xá có dâm nữ tên là Ưu-bát-la-bàn-na xinh đẹp không ai sánh bằng, ba người

đều nghe, luôn nghĩ tâm mê đắm liền ở trong mộng mà làm việc, thức rồi thì tâm niệm nó không qua lại với ta, mà việc dâm được thành. Nhân đó liền ngộ các pháp cũng như thế. Do đó cùng đến chỗ Bồ-tát Bạt-đà-bà-la mà hỏi việc ấy. Bồ-tát đáp rằng: Các pháp thật như thế, đầu tư niệm sanh. Bồ-tát dùng phương tiện nói pháp cho nghe, thì được địa bất thối. Văn nầy chỉ dẫn một trong ba. Bát-chu văn đồng. Ba thứ báu như v.v... rất giống với mộng. Bảo như tâm năng duyên, lưu lý như cảnh sở duyên, ảnh hiện như việc trong mộng. Quán xương, gướng, tượng đều có ba nghĩa, cũng giống như thế. Nếu làm khác chỗ gọi là y theo không mà hiện giả. Lưu ly như hư không, ảnh hiện như giả, không xương như không, khởi ánh sáng như giả, gương sạch như không, ảnh hiện như giả. Ba thứ trước cũng đủ hai nghĩa không, giả. Vì mang tâm không mà xuất giả. Người tu trở xuống là kinh lược hợp. Cảnh dụ cho khởi quán. Hạnh tức sắc của người tu, sắc tức là thân. Do niệm tướng hiện gọi là chỗ có, thấy rồi liền hỏi. Phật đáp chỗ hỏi nghe Phật nói tâm rất vui mừng, tuy ở trong Tam-muội người nói đó là Phật, nên nói nghe kinh. Kế quán văn trước, tức là kinh ấy Bồ-tát được Tam-muội rồi liền nghĩ, nay văn còn lược và tùy nghĩa tiện lợi nói cũng khó thấy. Trước đối ghi văn ấy, khiến văn này có thể hiểu. Kế lại giải thích văn này. Nay nói từ niệm đến không chỗ đến. Kinh ấy nói Bồ-tát nghĩ rằng: Phật từ đâu đến, ta cũng không có chỗ đến. Tức biết Chư Phật không từ đâu đến ta cũng không có chỗ đến. Nay nói chỗ ta niệm tức là thấy. Kinh ấy nói khi nghĩ như thế thì ba cõi đều không, đều do tâm làm ra. Vì sao? Vì hễ tâm nghĩ thì đều được thấy. Nay chép: Tâm làm tâm Phật, tự thấy tâm mình là thấy tâm Phật. Kinh ấy nói, vì tâm thấy Phật, tâm thành Phật. Nay nói tâm Phật ấy là tâm ta thấy Phật. Kinh ấy nói tâm tức là Phật tâm tức thân ta. Nay nói tâm chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm. Kinh ấy nói tâm chẳng tự biết tâm cũng chẳng tự thấy tâm. Nếu lấy tướng tâm thì đều là vô trí, đều từ vô minh sanh ra. Nhân tướng tâm ấy liền vào thật tướng các pháp. Được trí tuệ Tam-muội ấy, vì hai lực cho nên tùy ý hai nguyện định tuệ hai lực.

Kế giải thích văn nầy, câu đầu y theo kinh rất dễ hiểu. Kế là chỗ ta nghĩ, v.v... trong các câu của Phật nói... đều có hai ý: Một là tự tâm Tam-muội chỗ thấy Phật, hai là phương Tây từ nhân cảm quả Phật. Nay gồm đủ hai nghĩa cùng làm một cảnh là thuận lý, cho nên từ nghĩa đầu mà giải thích. Tam-muội đã thành, tùy niệm liền thấy. Thấy là tâm tánh gọi là tâm thành Phật. Phật đã tâm làm cho nên khi thấy Phật gọi là thấy tự tâm (tâm mình). Nếu thấy tự tâm tức là thấy tâm Phật, vì tâm Phật kia là tâm ta, là tâm Phật cho đến thấy Phật là nói chỗ thấy Phật

chẳng khác tâm ta. Tâm chẳng tự biết tâm cho đến thấy tâm là nói tuy thấy Phật cầu năng kiến, và ý duyên biết, rốt ráo không thật có. Cho nên ý trong đây chỉ quán tự tâm và chỗ thấy Phật chẳng ngoài pháp tánh. Cho nên thấy tâm Phật tức là thấy tâm mình. Tâm mình, tâm Phật tức là Trung đạo, chẳng cần phải nói cùng chẳng sai. Từ tâm có tưởng đến Nê-Hoàn là giải thích tâm trên không thật có tức là Niết-bàn. Pháp ấy chẳng thể bày, là chẳng phải nói chỗ biết. Đều niệm đến không mà thôi, là nói Niết-bàn lìa niệm. Nếu có niệm cũng biết, năng sở đều vắng lặng. Kế là bải kệ năm chữ tức bài tụng, văn trước đối rất dễ thấy. Kế Chư Phật trở xuống là kệ bảy chữ, lại chuyển giải thích kệ bốn chữ. Câu đầu là tất cả Chư Phật do quán tâm mình chẳng khác tâm Phật, nên được thành Phật. Câu kế, là giải thích câu đầu, tâm được quán tâm như tâm Phật, tâm Phật không cấu, tâm mình cũng không. Câu kế: Năm đường do tâm, tâm thể vốn tịnh. tuy khắp năm đường chẳng thọ sắc ấy. Như người bịnh mắt thấy hoa đốm cùng khắp. Hoa tuy đầy khắp hư không, hưng hư không chẳng hề nhận. Băng sóng nước ướt cũng giống như thế. Câu kế là tổng kết ý quán. Hiểu đây thì thành đạo viên dung. Phật Ấn là giải thích chỗ quán ở trước. Đã là thật tướng nên gọi là Phật ấn. Không tham trở xuống là giải thích tướng xuất quán, chẳng tham ở có, chẳng đắm ở không, chẳng cầu ở trung, chẳng có ba tướng, nên có chỗ muốn đều đã nói hết. Có là cảnh quán, muốn là quán trí, năng sở đều mất, vì mất không sanh nên chẳng từ đâu sanh, vì chẳng sanh nên cũng chẳng có diệt, bị hoại gọi là diệt, tự diệt gọi là hoại, thể nó vốn không nên gọi là không diệt, vốn diệt tự không nên gọi là không bại hoại,đến được với đạo phải nhờ lý này, gọi là đạo yếu, từ thỉ đến chung, lý này là gốc, gọi là gốc đạo. Là ấn v.v... là nêu tiểu sánh với mê, Tiểu thừa dứt hoặc nghĩa như hoại ấn. Nhị thừa tự gọi sanh diệt độ tưởng mà làm ấy vốn là Phật đạo. Nhị thừa diệt hẳn còn chẳng thể hoại, huống chi là cõi ma thuận với sanh tử. Thể của sanh tử tức là Niết-bàn, đâu có Niết-bàn lại hoại Niết-bàn ư? Bà-sa nói trở xuống là dẫn luận mà xét lường. Luận nhờ thứ lớp, cho nên trước niệm sắc lại nhờ giáo tướng mà nói thể tướng, tạng thông tu được, biệt viên phát được, riêng còn giáo đạo chỗ nương hơi khác. Lại nếu dùng chỗ nương, tạng nương phước đức, chung nương không tuệ, riêng nương duyên tu, viên nương thật tướng. Đây tức là bốn tướng nhân khác nhau. Nhờ giáo tuy thế, văn luận phần nhiều y vào nghĩa hai giáo sau. Lại vì hạnh đầu khiến quán sắc tướng. Lại nhân ba tạng văn cũng chẳng nhất định. Hoặc một nhân một tướng, như Đại Kinh quyển ba mươi sáu, Sư Tử Hống hỏi: Làm đâu được ba mươi hai

tướng của Phật, Phật nhân đó đáp rộng nhân đều khác nhau. Nếu Đại luận quyển năm thì có chung có riêng đầy đủ như: Pháp giới thứ lớp, Báo Ân bảy, Thiên Vương quyển bảy. Gọi là nhân tức là tướng nghiệp, nói tướng quả tức là ba mươi hai, kết thúc trong một bài kệ rằng:

Cả hai tay chân ngón nhọn dài
Tay chân mềm mại đều có màng
Gót tròn mu cao bắp vế dài
Thân ngay các lông đều xoáy lên
Trượng sắc vàng bảy chỗ tròn đầy
Nách đầy ngực thẳng tròn đủ trắng
Răng má vị lưỡi phạm như tần
Mắt vàng mị trâu hào nhục kế.

Nên phải dùng pháp giới thứ lớp, tra xét thì biết mức độ thế nào. Khi tướng này hiện tức là Tạng thông cực quả, Biệt viên chân như. Chỗ chứng lý thể mà làm thể tướng. Nói tướng dụng, là mỗi tướng đều có dụng lợi tha. Biệt viên phần quả tuy ở địa trụ, mà dụng lợi tha lại thắng tạng thông nên khiến cho chúng sanh đến chỉ cực diệu. Cho nên của Đại Kinh Phẩm Tánh chép: Phật tánh không thể nghĩ bàn như thế, thì ba mươi hai tướng cũng không thể nghĩ bàn. Văn Bà-sa không có ý Tiểu thừa. Chỉ là thỉ hành bàng tích tiểu tông. Trong pháp bốn mươi bất cộng phải nói Báo thân. Nói Pháp thân, tức là dùng Báo thân bất cộng pháp gọi là Pháp thân. Kế nói thật tướng tức là Pháp thân. Luận quyển sáu chép: Đã nghĩ ba mươi hai tướng sanh thân rồi kế niệm công đức của pháp, tức là bốn mươi Bất cộng, kệ rằng:

Pháp thân của Chư Phật
Không phải chỉ nhục thân,
Phật pháp tuy vô lượng,
Không giống với mọi người.
Nếu người nhớ nghĩ
Thì được vui vẻ,

Tóm tắt trong bài kệ rằng:

Bay đi tự tại
Biến hóa vô lượng
Như ý vô biên
Thanh văn tự tại
Trí biết tâm người
Tâm được tự tại
Thường ở an tuệ

Thường chẳng quên lầm
Tam-muội Kim cương
Biết việc bất bình
Biết sự vô sắc
Thông suốt các sự.
Biết tâm chẳng tương ưng
Ba-la-mật Đại thế
Vô lượng Ba-la-mật
Nghe được Ba-la-mật
Đủ ba luân nói pháp
Chỗ nói chẳng luống uổng
Nói pháp không nhầm lẫn
Không có người năng hại
Đại tướng trong Thánh Hiền
Bốn chẳng hộ là bốn
Bốn vô úy là bốn
Mười lực ấy là mười
Đều giải thoát vô ngại
Đó là bốn mươi pháp.

Bốn chẳng hộ là thân miệng ý và tư sanh. Văn luận giải thích rộng bốn mươi pháp này, nay lược dẫn tên. Như Phẩm Thành Thục của luận Địa Trì có một trăm bốn mươi pháp bất cộng tức là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô ngại giải, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, bảy vô thượng: một là thân vô thượng, tức là tướng tốt, hai là hạnh vô thượng tức là độ người, ba là chánh vô thượng, tức là chánh kiến oai nghi tịnh mạng, bốn là trí vô thượng, năm là thần lực vô thượng tức là sáu thông, sáu là đoạn vô thượng tức là hết phiền não, bảy là trụ vô thượng tức là thánh Phạm Thiên, v.v... các trụ. Các văn như Đại luận nói: Mười tám pháp bất cộng, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, ba niệm xứ đại bi là bốn mươi bất cộng. Nay dùng văn Bà-sa lại y Bà-sa, số tuy khác nhau nhưng ý nghĩa chẳng khác. Bà-sa chép: Niệm Phật càng sâu thấy thật tướng của thân. cho nên kệ chép: Chẳng tham đắm sắc pháp hai thân, v.v... là trụng tụng về ba thân. Khéo biết tất cả pháp thường vắng lặng như hư không. Luận rằng: Các pháp xưa nay vốn không sanh không diệt. Bồ-tát tin ưa sắc pháp hai thân cũng như hư không, nên ở tất cả chỗ được không chướng ngại. Chướng ngại tức là núi Tu-di v.v... Vì sao? Vì người ấy chưa được thiên nhãn, niệm Phật phương khác, được pháp thiền định, được vui Tam-muội cao quý ấy tướng thành thì tùy ý

thấy Phật. Trong khuyên tu thật trí là mẹ Phật, trong thấy là mắt Phật, phương tiện Thiện quyền là cha, đại bi Vô duyên là mẹ. Hỏi: Mẹ đâu có hai. Đáp: Đại trí là chỗ sanh, Đại bi là chỗ nuôi, Bi trí chẳng đủ thì con thật chẳng thành. Tất cả Chư Phật đều như thế. Như làm sữa, trong một lát thì có được một thùng. Cấu là làm, nghĩa là lấy sữa trâu. Nếu nghe Tam-muội ấy như trên bốn phen công đức. Nay văn và luận ít có qua lại, là có ý sâu. Nay văn luận kế nói tướng giúp nhau. Luận chép: như người nhanh nhẹn, nói nhanh như gió đi trăm năm không ngưng nghỉ, ở khắp mười phương. Người ấy đi chỉ trừ Như lai, còn ai đều chẳng biết số ấy người ấy đến đâu đều bố thí vàng ròng. Nếu người ấy ở trong Tam-muội bốn thứ tùy hỷ hồi hướng Bồ-đề, thường cầu học rộng. Như Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát tùy hỷ Tam-muội ấy, ta cũng tùy hỷ như thế. Ở vị lai hiện tại cũng giống như thế, Phật ba đời là ba phen, ba đời Bồ-tát là một phen, thì phước tùy hỷ cao hơn phước thí vàng gấp trăm ngàn ức lần, chẳng bằng một phần. Cho nên nghe Tam-muội ấy chẳng kinh sợ, được vô biên quả báo. Nếu rơi vào kiếp lửa thì lửa liền tắt, nếu gặp việc quan hoặc sư tử cọp sói thú dữ, rồng dữ và các trùng độc, dạ-xoa, la-sát, Cưu-bàn-trà, v.v... đều bị hủy hại, thì không có việc đó. Chỉ trừ nghiệp báo phải chịu. Nếu bị các bịnh như: Tai mắt phong thì không có việc đó. Thường được tám bộ trời rồng che chở, các vị trời và Phật đều đến chỗ người ấy, dẫu một kiếp cũng nói chẳng thể hết, huống chi là tin chắc mà tu tịnh tâm, rồi được thành tựu, đó là so sánh phước. Lại có bốn phen quả báo: Một là chẳng sợ, hai là tin nhận, ba là tu định tâm, bốn là thành tựu. Kế nói giúp nhau, nay văn dùng đi nhanh làm trần giới, thí vàng cho bàu tên khác mà ý đồng. Trước đem quả báo bốn phen để xét lượng công đức thí báu. Kế dùng bốn phen tùy hỷ để xét lường quả báo bốn phen. Nghĩa là tự thành chẳng bằng tùy hỷ, có phước nhiều hơn. Kinh này chung Tiểu thừa. Nếu chẳng hồi hướng và tùy hỷ v.v..., chỉ tự tu thì thành Tiểu thừa, cho nên phải hồi hướng bốn phen hình bác bỏ quả báo bốn phen. Đây là lời một lần khuyên giúp mà thôi. Nếu chẳng tu là Tam-muội trùng bảo chẳng tu pháp này ở trong trời người, có tu Tam-muội ấy thì bị buồn khổ, buồn làcó khổ thì mất lợi lớn. Như người nghẹt mũi là dụ cho người chẳng thực hành pháp này. Nghẹt mũi thì không biết mùi vị. Kinh sách như chiên-đàn, gặp kinh ấy như tay cầm, phá giới không tin như mũi nghẹt, chẳng chịu tu hành như chẳng ngửi. Như người làm ruộng là dụ cho người chẳng biết pháp. Tam-muội hành pháp như ngọc ma-ni mà người không biết, như người làm ruộng, bỏ pháp Diệu hạnh, trở lại tham năm dục, như trâu châu bác. Cho nên

kinh ấy quyển thượng chép: Như con người ngu si cho đầy chiên-đàn mà chẳng chịu nhận, tức là bất tịnh, hương chủ nói rằng: đây là chiên-đàn, chẳng gọi là bất tịnh lại lấy mà ngửi. Người ngu như thế nhắm mắt quay lưng chẳng nhìn chẳng ngửi. Người nghe Tam-muội chẳng nhận, bỏ mà chẳng trì giới, bỏ kinh mầu ấy. Lại nói như có khách buôn được châu ma-ni đưa cho người làm ruộng xem. Người ấy hỏi khách buôn giá bao nhiêu tiền, khách buôn đáp: Đêm ở chỗ tối thì nó chiếu sáng đầy báu trong đó. Người ấy chẳng hiểu mặt trái châu này, bèn hỏi: Đổi được một đầu trâu chăng? Khách buôn không chịu đổi, lại đem cho người ấy. Cũng như kinh Thí Dụ nói có con vị Trưởng giả chẳng có tài sản riêng. Cha sai ra nước ngoài buôn bán. Ban đầu, chở chiên-đàn đến xứ người, bán lâu mà chẳng được. Bèn hỏi người khác ở đầu chợ có gì quí. Người ấy đáp ở chợ có than quí. Bèn đem chiên-đàn đốt thành than.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 2
(PHẦN 2)

Kế nói nửa đi nửa ngồi: Trước giải thích Phương Đẳng, cũng chung bốn giáo, cho nên văn kinh ấy nghe Tam-muội kết được Đạo ích chung cho ba thừa và bốn chúng. Kinh và văn này ý cũng khác theo, chỉ là thành viên, cho nên ý chỉ quán bí mật. Nương vào tu hành này sự nghi chưa đủ. Trong văn tự chỉ trăm lục, v.v... Liên là được, trước cầu mộng vương, v.v... là như Pháp Hoa Sớ có dẫn năm thứ mộng, nhân tâm nghi phân biệt học tập đều hiện sự, không phải người đến nói với, nhân mộng năm việc này tức chẳng phải người đến nói với. Liệt tử có sáu mộng tức là Chánh mộng, Ngạc mộng, Tư mộng, Ngộ mộng, Cụ mộng v.v.... đây tức là Chánh mộng, Tư mộng. Cho nên Chu Lễ chép: Bói sáu mộng lành dữ. Phương Đẳng chép: Phật bảo Văn-thù và tín nam tín nữ mà nói rộng chín mươi hai ức các Đà-la-ni, mỗi Đà-la-ni lại có chín mươi hai ức môn Đà-la-ni. Phật bảo Hoa Tụ: Chớ dối tuyên truyền, phải dùng thần minh làm chứng. Ví sao? Vì Thần minh có mười hai mộng vương, gặp một vương có thể nói cho nghe Đà-la-ni này. Thế nào là mười hai mộng vương? Là xưa Lôi Âm bị chín mươi hai ức ma bắt trói rất khổ não, liền lớn tiếng niệm Tam bảo mười phương ba đời, Chư Phật mười phương đồng thanh nói rằng: Ai cứu khổ được Bồ-tát này. Có Bảo Vương Như lai, cùng nhắc lại lời hỏi của các Bồ-tát, thì có Bồ-tát Hoa Tụ bạch Phật rằng: Phải dùng pháp nào đến cứu? Phật bảo: Phải dùng Ma-ha Đãn-trì Đà-la-ni chương cú mà hàng phục ma vương ấy. Hoa Tụ đến chỗ ấy hàng phục ma rồi khiến các ma thọ trì Đà-la-ni này. Các ma đều cởi áo cúng dường, đoạn đến chỗ Phật tự chép: Chúng con mười hai vương đều thọ trì. Hoa Tụ hỏi: Mười hai vương là gì? Bèn nói tên mười hai vương. Đến phẩm Mộng Hành thì nói mười hai tướng mộng. Phật bảo Văn-thù: Nếu cầu pháp này thì dạy cầu mười hai mộng vương. Nếu

được thấy một vương thì trao pháp bảy ngày: Một là nếu ở trong mộng được thần thông bay đi có phướn lọng theo sau, gọi là Đãn trà-la tướng; Hai là nếu thấy hình tượng tháp miếu đại chúng nhóm họp, đó gọi là Cân-đề-la tướng; Ba là nếu thấy có vị thần mặc áo sạch sẽ cỡi ngựa trắng, đó gọi là Mậu-trì-la tướng; Bốn là nếu thấy ngồi voi trắng mà lội qua sông thì gọi là Càn-cơ-la tướng; năm là nếu thấy ngồi lạc đà đi lên núi cao thì gọi là Đa-lâm-la tướng; Sáu là nếu thấy ngồi trên tòa cao mà chuyển Bát-nhã, đó là Ba-lâm-la tướng; Bảy là nếu thấy dưới cây đèn đàn thọ giới, ấy gọi là Đàn-lâm-la tướng; Tám là nếu thấy bày tượng Phật, thỉnh tăng cúng dường thì gọi là Thiền-lâm-la tướng; Chín là nếu thấy cây trổ hoa nhập vào Thiền định, đó gọi là Cùng-lâm-la tướng; mười là nếu thấy Đại vương mang kiếm đi dạo thì gọi là Ca-lâm-la tướng; mười một là nếu thấy vua tắm gội thoa hương thơm mặc áo sạch đó gọi là Già-lâm-la tướng; mười hai là nếu thấy vợ vua ngồi xe xuống nước gặp rắn, đó gọi là Bà-lâm-la tướng. Trước phải phát tinh tấn mạnh mẽ, sanh ý tưởng khó gặp, tự thương mình thương người như bị tội tử hình từ người mà cầu thoát. Như thế niệm niệm cầu về mộng vương. Nếu chẳng được cảm, thì dù làm cũng vô ích, phải hết năng lực phá san tham (bỏn xẻn) mà tu cúng dường. Đời nhiều trực hạnh cũng thành vô ích. Ở chỗ vắng lặng, là phải ở tăng-già-lam, lan-nhã mà dựng lập đạo tràng. Nếu có sự duyên cũng cho ở nhà thế tục, tức là hai chúng tại gia. Cho nên kinh chép: A-nan bạch Phật rằng: Người ấy bỏ nhà thì phải nói thế nào? Phật bảo: Nói cha mẹ rằng con thực hành pháp Đà-la-ni, nếu cha mẹ cho thì con sẽ ra đi. Nói thế rồi trong tâm nghĩ thầm ta muốn bỏ vợ con gia thuộc mà thực hành pháp Đà-la-ni. A-nan bạch Phật: Cha mẹ, v.v... không cho thì lại uống thuốc gì đến đạo tràng? Phật nói: Phải hướng về cha mẹ đốt hương mà xin ba lần, nếu cho thì phải ở trong nhà mà thầm nghĩ tụng kinh này. Nếu khi tu hành thì ở trong nhà sạch mà đốt hương cúng dường, mỗi việc như pháp người vào đạo tràng. Nếu làm được như thế thì trong bảy ngày. Bồ-tát Quan Âm sẽ nói pháp cho nghe. Nếu ở trong mộng thì hiện trước người ấy không khác với đạo tràng. Nếu tâm tán loạn lại bị đọa vào ba đường. Ở ba đường ra rồi lại làm tôi tớ. Phải dốc lòng sau có hối cũng vô ích. Nếu chỗ tăng-già-lam, trước phải có đạo tràng nghiêm sạch y theo phương pháp của kinh, nếu không thì phải xây mới. Ngoài đàn trong nhà cho đến ngoài nhà đều phải thoa hương cho nên nói trong ngoài nhà. Làm đàn tròn. Lễ nói: xây đất mà làm. Phật pháp y theo đây làm hình hoa sen. Cho nên nói hình tròn và sơn vẽ, v.v... phướn năm mầu là nêu chung năm mầu, cũng

không vẽ mầu trung gian. Chữ phải làm phướn, phướn là gọi chung cờ xí. Trong kinh thường nói làm phướn này, là phướn chữ nô. Nay Phật pháp đồ cúng hình dạng giống đó, nên nói là phướn. Cách làm phướn không được để tượng Phật, Bồ-tát. Phướn là vật cúng dường ở chỗ cúng, vì sao lại đề hình tượng. Hải Ngạn Hương, kinh nói bờ biển này có hương chiên đàn. Thỉnh hai mươi bốn tượng, hễ lập đạo tràng trước phải nghiêm tịnh sau mới thỉnh tượng. Người đời miệng nói cầu đạo diệt chướng. Khi lập đạo tràng thì sai đứa trẻ khờ trần truồng nói đem tượng đến, thấy việc nầy mà buồn. Phần sau Niết-bàn, A-nan hỏi Phật: Phật diệt độ rồi cúng dường thế nào. Phật nói khi ta diệt độ rồi thì cúng dường tượng cũng với ta ở đời không khác. Cho nên cúng dường phước giúp Chánh đạo, sanh thiện tiêu chướng đâu có lỗi ư? Tục Lễ còn nói: địa vị quá tôn quí sẽ đổ xô đến, tuy đặt đạo tràng mà ngạo mạn tôn tượng thì lại vời lấy tội, diệt chướng ngại sẽ khó. Như chỗ vừa dẫn là văn Phương Đẳng. Hào soạn, hào như trước đã giải. Soạn là ngọc Thiên ý nói bày thức ăn uống ra, cũng là đồ ăn uống. Hài lý tức là dép guốc. Trong ngoài đạo tràng đều để riêng, bảy ngày ăn chay trường. Văn nay thông tục nên nói bảy ngày, trai là sạch. Húy Khang Bá chép: Rửa tâm gọi là Trai, phòng hoạn nạn gọi là Giới. Cho nên biết sách tục chưa hiểu ý về rửa phòng. Có lời không ý, cạn thấp thô mỏng. Trong đây lại cấm chẳng ăn quá ngọ. Ba lần rửa là dẫu không có duyên khác cũng phải rửa ba lần, vì có chỗ nói lên. Nều thêm xuất nhập thì tùy việc mà làm. Ngày đầu cúng tăng, tuy thân miệng tinh thành nhưng phải giả lấy phước giúp. Hằng ngày làm thì càng tăng thượng, sợ năng lực chẳng kịp nên cho từ ngày đầu, trước khi khoa lễ phải bỏ hết tiền của. Cho nên văn kinh nói hết năng lực phá bỏ bỏn sẻn (keo kiệt). Thỉnh tăng riêng: Nam Sơn nói phải y Đại luận nói giải luật trong ngoài mà y theo đó nêu tội ra, cho đến bảy chúng cũng như thế. Thọ hai mươi bốn giới là kinh chép: Bấy giờ Thượng Thủ rộng vì Hằng-già nói hai mươi bốn giới. Nhưng giới này là thuận luật nghi Bồ-tát đều gọi là tội nặng, dẫu trước đã có thọ giới Cụ túc, hoặc trước đã có thọ giới Phạm Võng, thì cũng phải thọ lại. Nặng nhẹ khác nhau, khai giá khác nhau. Lại người trao giới cũng phải có thọ không thể vội y kinh mà trao cho người, đủ ở kinh ấy phải xem lại. Kinh chép: Lại phải thọ sáu trọng như pháp Ưu-bà-tắc đã nói trong kinh Ưu-bà-tắc; tức năm chúng cũng thọ. A-nan hỏi rằng: Người nữ có được đắp y chăng? Phật nói được, chỉ không được mặc nữ sắc. Lại hỏi: Chẳng thọ sáu trọng được vào đạo tràng chăng? Phật nói: Tùy ý nay khi hành sự phần nhiều đều không thọ, chỉ thọ hai mươi bốn

giới, tức y theo văn này. A-nan lại hỏi: Như vừa nói có nhất định như thế chăng? Phật nói Chư Phật ba đời đều do pháp này mà được thành bình đẳng. Chỉ trừ hai người là bác bỏ Phương Đẳng và dùng tóc tăng cho đến một vật của Tỳ-kheo, nói kịp Đà-la-ni, là y theo kinh cả bốn phen đều thuận tụng đủ ở văn kinh. Kinh chép: Nếu có người trì Đà-la-ni ấy, nếu có lửa bùng lên sẽ biến thành hoa báu. Người tu nghe công đức vô thượng ấy như chết mà được sống lại. Đối trước thầy nói tội. Cho nên biết phải thanh tịnh hiểu rõ giáo tướng. Biết phòng chướng là nếu tự thân phạm tội chẳng hiểu phòng chướng thì làm sao thực hành được cảnh diệt tội. Ngày 15 tháng 8, trắng đen hai tháng đều có hai ngày, phần nhiều dùng tháng trắng. Pháp Hoa sám nghi lấy chung ngày trai phải dùng bảy ngày, v.v... ít nhất chẳng thể ít hơn đây. Nếu muốn tiến hành thì tùy ý nhiều ít. Cho nên Nam Nhạc bảy năm, mười người trở lên, là kinh nói mười người chẳng được hơn. Nam Sơn chép: Tôi thấy người đi kinh ấp, hoặc trăm hoặc phân nửa ồn ào hỏi luận lại thêm tội lỗi. Thỉnh chỉ y kinh chỗ phàm không hiểu được. Bỗng có nhiều người riêng bày đàn tràng có gì chẳng được. Người tục cũng cho phép, là kinh chép: Khi đến đạo tràng phải đúng như pháp Tỳ-kheo tu hành tịnh hạnh, đủ ba pháp y, dương chi, nước tắm, đồ ăn uống (bình bát), tọa cụ. Đã nói khi đến đạo tràng, nên biết khi ra đạo tràng cũng phải mặc đủ áo tục. Kinh chép: Pháp y này khi ra phải thường theo bên thân, nếu lìa xa hai trượng thị mắc vô lượng tội. A-nan hỏi: Nếu khi bỏ nhà ra đi có cần cạo tóc không? Phật nói không, nay thì hành sự có ít người cạo đầu chẳng biết lấy từ đâu. A-nan hỏi: Nếu thế, đâu cần ba y. Phật nói: Ba y: Một là đơn phùng, hai là áo tục, còn áo người xuất gia phải làm nghi thức ba đời Phật. Áo tục là khi ra khỏi đạo tràng thì mặc; ba y là khi vào đạo tràng thì mặc, gang tấc chẳng lìa, nếu lìa áo này thì bị tội chướng đạo. Trước nói hai trượng, là hai y kia. Chỉ nói bị tội không nói chướng đạo. Nói đơn phùng, là không có khước thích, nếu khước thích tức là y của Đại tăng thọ trì. Cho nên y này phải làm riêng. thế gian có người mượn áo xuất gia rất không được. Cho nên biết tuy chế ba y mà không phải y phục xuất gia. Trong miệng nói nín: nói khác miệng đồng âm là ở phần đầu trong ngày gọi là buổi sáng. Trong chúng phải lấy âm thinh mà hiểu, xem là người dẫn đầu. Dẫn hỷ tiếng hét thì người khác tiếp họa theo mười Phật ở trong Bách Lục gọi là Phật Vân Lôi Âm Vương ở Quá Khứ v.v... đều là bảy Phật. Cha mẹ Phương Đẳng: kinh nói Bồ-tát Lôi Âm được lìa ma rồi bạch với Hoa Tụ rằng: Trì Đà-la-ni này đến cứu tôi làm cho tôi tăng thêm tuổi thọ. Trong Phật pháp sống như chết rồi sống

lại, ông là mẹ các pháp. Hoa Tụ chép: Ta không phải mẹ các pháp, Đà-la-ni ấy có thể là cha, cũng có thể là mẹ. Cho nên biết Đà-la-ni này chính là thật tướng, thật tướng có đủ hai trí quyền, thật, cho nên cha mẹ năng sanh vì Phương Đẳng chánh là không. Mười pháp Vương tử: Phật là Pháp vương, Bồ-tát là tử, tức là Văn-thù, v.v... Bách Lạc và Nam Sơn thành nghi đều nêu mười hai Bồ-tát. Tức kinh ấy trước nêu chúng Bồ-tát đều được gọi là Pháp Vương tử. Nói Bách Lục, là Đại sư khi còn ở đời chưa có ý này. Khi Đại sư mất rồi, Chương An mới tập hợp sự tích của Sứ, có đến trăm điều nên gọi là Bách Lục. Khi nói chỉ quán thì chùa chưa xây, khi sửa chữa thì chùa đã xây xong, soạn Bách lục rồi nên có ý chỉ này. Ba nghiệp cúng dường là thân quì lạy, miệng đọc, ý vận tưởng Nam Sơn chép: Từ xưa truyền cho nhau không khác chuẩn đích, như lập ở đây. Vận tưởng sự nghi đủ như trong Thiên Thai Phổ Hiền Sám chép: Lễ thỉnh ý đều phải rất tinh thành, thân rất kính lễ. Pháp lễ phải hai gối hai cùi chỏ và trán đều đụng đất, gan mật tưởng ở dưới chân Phật, tay rờ chân Phật như đối trước mắt. Quì xuống ba chỗ ngay thẳng, cúi mình chắp tay mắt nhìn chân dung. Đời gần đây bạc bẽo đều không quì, khinh mạn chưa dứt, thì biển nghiệp khó cạn, còn buông lung uế thân, sao mong được đại đạo.

Trần Hối: Trần là bày ra, kể ra riêng thì nhớ lỗi vừa phạm, chung thì từ vô thỉ đến nay tùy ý nói rộng, theo trí lực mình, chẳng chậm chẳng nhanh, phải khiến hành truyền cùng chú đều hết. Tư duy là trong như ý chỉ quán. Từ thời thứ hai tức là buổi sáng thời thứ nhất vừa xong thì thời thứ hai bắt đầu không cần mời gọi. Ngay đó lễ Phật. Ý chỉ quán là trong nghi Nam sơn nói tu pháp quán, cần phải y theo đây chẳng dám làm khác. Nay trước nói pháp quán thật tướng, kế nói pháp quán sáu việc. Nhưng trải việc quán pháp kinh luận đều nói thế, không phải chỉ có văn này. Như Đại kinh chép: Đầu là Điện Đường, v.v... Pháp Hoa nói áo nhẫn nhục, v.v..., Tịnh Danh nói vợ Pháp Hỷ, v.v..., trong Đại luận chép: Sư tử gầm thét v.v... Đâu chỉ có Thích giáo, sách tục cũng như thế. Như Đông A Vương hỏi Tử Hoa rằng: Quân tử có cây cối không? Tử Hoa chép: Nhổ cỏ nuôi mầm mống nhà, là người nông dân làm cỏ. Tu chánh tánh, đổi hạnh ác là quân tử làm cỏ. Bàn-đặc quét rác, chi Phật hoa bay đều là mượn sự mà thấy lý, văn rất rõ ràng. Người chẳng thấy chỉ bảo Đại sư trong hợp mà thôi. Văn trước nói tư duy, tức là chánh quán. Ma-ha v.v... là chánh cảnh, nói lên không phải thiên tiểu nên gọi là Đại. Tất cả pháp tức một pháp nên nói là Bí, một pháp nhiếp tất cả pháp nên nói là Yếu. Thể ngăn ba hoặc, tánh giữ ba trí. Không phải hai thứ Biên,

Thiên nên gọi là Chánh. Chánh thể vô tướng nên gọi là Không. Kinh nói trở xuống là kế nói quán pháp. Kinh nói Phật vì Lôi Âm nói nhân duyên xưa của Hoa Tụ xong, lại nói quá khứ có Đức Phật hiệu là Chiên-đàn Hoa. Phật ấy niết-bàn đã lâu, lúc ấy ta như ông chẳng khác. Lúc đó, có Bồ-tát hiệu là Thượng Thủ là một vị khất sĩ, vào thành khất thực. Lúc đó, có vị Tỳ-kheo tên là Hằng-già hỏi khất sĩ rằng: Ông từ đâu đến. Đáp rằng: Ta từ chân thật đến. Lại hỏi: Thế nào là chân thật. Đáp: Vì tướng vắng lặng nên gọi là chân thật. Lại hỏi trong tướng vắng lặng có chỗ cầu hay không có chỗ cầu? Đáp: Không có chỗ cầu. Lại hỏi không có chỗ cầu thì dùng cái gì mà cầu. Đáp: Không có chỗ cầu mà ta cầu. Lại hỏi: Không có chỗ cầu thì dùng cái gì mà cầu? Đáp: Có chỗ cầu thì tất cả đều không, được cũng không, mê đắm cũng không, thật cũng khác nhau mà cầu cũng không, nói cũng không, hỏi cũng không. Vắng lặng Niết-bàn tất cả hư không phần giới cũng đều là không. Ta thực hành pháp không thứ lớp như thế mà cầu chân thật. Lại hỏi Bồ-tát ở chỗ nào mà cầu? Đáp: Ở trong sáu Ba-la-mật mà cầu. Hằng-già nghe xong thì bán thân mà cúng dường. Thượng Thủ nói Đà-la-ni cho nghe, nghe rồi lại hỏi làm sao vâng giữ? Thượng Thủ lại nói pháp hai mươi mốt ngày đủ như văn nay đã nói phương pháp. Nay văn lược nêu, phải y theo rộng kia cũng rất dễ hiểu. Trong tu quán pháp kia lại trở về không chỗ cầu, văn vì ở sau, là muốn hết các văn không chỗ cầu. Nay y theo đây mượn văn quán kia mà thành Tam-muội nay cầu tức là người cầu Tam-muội. Mê đắm là đối với Tam-muội mà mê đắm. Thật là năng hành, sở hành chấp ngã ngã sở. Đến là người thực hành Tam-muội ra vào tới lui. Nói hỏi là y theo lời nói rất dễ hiểu. Đây đồng với mười tám không của Đại phẩm. Dẫn là nêu. Vì sao tới lui cho đến Niết-bàn tất cả đều không? Cũng như mười tám không trong Đại phẩm thì pháp nào chẳng không. Mười tám không đến quyển năm có giải thích. Đại kinh trở xuống là dẫn Đại Kinh nghĩa không cũng đồng. Như lai Niết-bàn còn tự đều không, huống chi là các pháp khác. Cho nên quyển hai mươi bốn chép: Phật bảo Đức Vương: Ông nói thấy không, không là pháp vô thì làm sao thấy. Bồ-tát thật không có chỗ thấy, nếu có chỗ thấy thì chẳng thấy Phật tánh, chẳng thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng thể vào Niết-bàn. Bồ-tát chẳng những nhân không mà thấy Bát-nhã cũng không. Sáu Ba-la-mật, năm ấm Như lai Đại Niết-bàn v.v... tất cả đều không. Xưa Như lai ở tại thành Ca-tỳ-la bảo A-nan rằng: Ông chớ sầu khổ. A-nan thưa: Nay con thân thuộc đều chết hết, làm sao chẳng buồn. Như lai và con sanh ở tại thành này, cũng là quyến thuộc dòng họ Thích, vì sao chỉ có

Như lai chẳng sầu khổ mà nhan sắc càng sáng. Ta lại bảo rằng: Ông thấy có thành chứ ta thấy trống không, ông thấy thân thích, còn ta tu không nên tất cả đều thấy không. Vì nhân duyên ấy mà ta càng sáng. Do đây nên ta tu quán trong trải việc. Trước y cứ kinh gọi Phương tiện, kế y cứ tôn dung đạo cụ. Trước Phương Đẳng trở xuống là trước y cứ kinh gọi tu quán. Khiến cầu trở xuống là y cứ phương tiện tu quán. Sự nghĩ đã trước cầu Mộng Vương, Tập Quán cũng trước tu không giả, là mượn sự làm quán. Lại nói trước tu là chẳng Biệt, mà Biệt tức là thắng Biệt, nghĩa là trước tu chẳng thật có không, cho đến giả sự nghi. Do phương tiện này để vào Đãn Trì. Tràng là chỗ nương, nói lên cho cảnh tịnh. Ở đời dùng để làm lúa và để cúng tế Thần, đều gọi là Tràng. Thuyết văn nói chẳng cày ruộng gọi là tràng. Thi nói tháng chín lập tràng kho để làm lúa. Nay nương cảnh tịnh để trị năm trụ nên gọi là Đạo tràng, cũng là đó. Tràng là sở nghiêm, năng nghiêm tuy nhiều như chẳng ngoài định tuệ, đồ cúng tuy nhiều nhưng chẳng ngoài động và chẳng động. Rốt ráo giới hương khắp xoa thật lý, quán ấm vốn không là cột thỏ con, vô duyên từ ấm cho nên cùng khắp pháp giới, lật lại ba hoặc mê quán hoặc pháp giới. Mê tức pháp giới nên gọi bất ly, giới hương xông khắp, đèn trí viên chiếu, cùng tịnh cảnh đẳng phương nên nói cùng khắp. Trí Phật giác ở lý cảnh quán không hai mươi bốn chi nghịch thuận. Từ cảnh lập số nói là hai mươi bốn. Như trong Pháp Hoa quán vô minh cho đến già chết, quán vô minh diệt đến gài chết diệt, Như thế mà lập là thuận quán nhân duyên. Trung A-hàm quyển năm mươi bốn nói già chết duyên sanh cho đến vô minh, vô minh duyên hành cho đến già chết đó là nghịch thuận quán nhân duyên sanh. già chết diệt cho đến vô minh diệt, vô minh diệt cho đến vô tướng diệt, ấy là thuận nghịch quán nhân duyên diệt. Cho nên nghịch thuận nhân duyên sanh diệt đều có hai mươi bốn phen trí giác liễu. Cảnh tuy gởi trí xưa phải nương Viên hào soạn các vị như kinh Pháp Hoa nói muối giấm. Văn ấy dụ quyền nay dùng giúp thật tịch, đó xứng với thể như áo trên thân, đối nhẫn làm tên nên gọi là sân. Sân gồm các hoặc toàn trái gọi là Tân, bảy ngày quán ở Đản Trì như dùng bảy trí quán thật, chỗ trừ như hoặc, tẩy trừ gọi là quán. Thân không nhơ nên năng sở đều tịnh. Thầy cũng chỗ nương nên đồng nghĩa đế. Cũng y chỗ quán mà thuận nghịch theo số, nên lập hai mươi bốn thứ vô tđường ác cộng thuộc đối tên chú nghĩa đặt tên này. Nếu pháp chẳng sai nên gọi là thuộc đối. Chú phá ba đạo, chẳng sai gọi là đối. Anh Lạc mười thứ, trong bổn nghiệp Anh Lạc quán pháp duyên khởi thì quán mười hai duyên có mười thứ: Một là ta

thấy chẳng hai; hai là tâm làm; ba là vô minh; bốn là tướng duyên; năm là giúp thành; sáu là ba nghiệp; bảy là ba đời; tám là ba khổ; chín là tánh không; mười là duyên sanh. Kinh ấy giải thích đủ chẳng thể chép hết. Kế nói phá chướng, sự lý đầy đủ như trong sám tịnh thứ tư nói. Đủ ở sự lý mới sám ba đạo. Văn nói đẳng (v.v...) là dẫn chứng sự lý. Kinh Hư Không Tạng Thần Chú chép: Nếu Đại Tỳ-kheo dốc lòng đối với Phương Đẳng Tụng Đà-la-ni mười ngàn bốn trăm biến là một sám, như thế thứ lớp tám mươi bảy ngày hành đạo. Tỳ-kheo-ni thì bốn mươi chín biến một sám, chín mươi bảy ngày hành đạo. Sa-di, Sa-di ni, tín nam tín nữ bốn trăm biến một sám sáu mươi bảy ngày hành đạo. Trong kinh tùy chúng đều có tiểu chú. Văn trước đã dùng bảy ngày làm giới hạn. Lại nói hành đạo tám mươi bảy ngày, v.v... tức là tám mươi lần bảy cho đến sáu mươi lần bảy. Nguyện hạnh thì đủ như bảy ngày hành pháp, chỉ có chú là khác nhau mà thôi. Ni chúng đều phải nhờ Đại tăng làm sanh. Như thế người sám đều luận tội ba-la-di, phạm tội này rồi như người chết trong Phật pháp, nay lại thanh tịnh nên giới thể sống lại. Nếu hối pháp thành thì không tội nào chẳng diệt, nên nói nếu chẳng sống lại thì không có việc đó. Nhưng giáo môn Tiểu thừa còn chẳng khai sám, tuy nói sống lại mà không nhậm vận tăng dụng. Sa-di phạm rồi sám thành tựu mới cho thọ giới cụ túc. Đại thừa cho phép sự có thể chung làm. Nếu nghe Đại tăng gọi mời mà gian trá, huống chi bảo lương thành chế đủ số mà vô văn. Tin Đại Tiểu chia riêng, Thính chế điều khác, tiểu không nói sám trong vẫn thành tội nặng chưa mất, sao dùng Đại giáo mà sám di cho đủ, Tiểu thừa tăng số y vào đại sám rồi trong, tiến lên đạo, Đâu cần hỗn loạn để hoặc thời tình. Nhãn, v.v... thanh tịnh, là chỉ đến sáu căn mới gọi tương tự khổ Đạo tịnh mà thôi. Ngày thứ bảy thấy Phật mười phương, là kinh ấy hằng ngày đều có tướng trạng. Trước khổ đạo tịnh, vị ở sáu căn, trong đây địa vị Bất thối ở Sơ trụ, phá vô minh gọi là phiền não tịnh, ba chướng trở xuống tức cây nhân duyên chết, v.v... là Luận Bà-sa nói hai chi quá khứ là gốc, năm chi hiện tại là chất, ba chi hiện tại là Hoa, ba chi vị lai là quả. Có hoa có quả gọi là phàm phu, không hoa có quả gọi là người học, không hoa không quả gọi là vô dư, nghĩa suy cũng ứng. Lại chép: Thiếu hoa có quả gọi là người học, không hoa có quả gọi là hữu dư. Đây chính là tạng thông y cứ giới nội mà nói. Nếu theo Luận Bảo Tánh duyên tướng sanh hoại, bốn việc đều không mới gọi là hoại hẳn, nghĩa là duyên là gốc, tướng là chất, sanh là hoa, hoại là quả, tức giới ngoại hai thứ mười hai duyên. Cũng là năm ấm nhà không, v.v... là các giáo khác nhau, ấm không cũng khác, v.v... Nay lại

bỏ Biệt mà giữ Viên. Kinh Tịnh Danh chép: Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, sắc giả, như không tức cùng chẳng sai. Không giả để hiển bày Trung đạo. Bốn ấm cũng như thế. Đại phẩm nói sắc tịnh cho đến Thức tịnh. Phẩm Kim cương trong Đại kinh nói: Thân Như lai không phải ấm, giới, nhập mà chẳng lìa ấm giới nhập, chẳng thêm chẳng bớt v.v... đều là quán ấm rốt ráo không. Cho nên biết nhân quả đều nói ấm không. Trong quán tu ba phần báu, là lý thật tướng không có giai cấp, tâm hành hơn kém nên khiến cho khác nhau. Tu vọng trung hạ tuy gọi toàn phần, phải phân ra sáu tức để xếp vào cạn sâu. Cho nên kinh ấy văn nói rộng công năng đã xong, kế văn kết rằng: Nếu tu hành thọ trì tụng đọc phải biết người ấy được toàn phần báu. Nếu lại có người chỉ tụng đọc, phải biết người ấy được trung phần báu, các thứ cúng dường là được hạ phần báu. Cho nên biết toàn phần đủ thì cần phải tu hành và đọc tụng. Cứ theo lý cũng phải gồm cúng dường. Trong văn kinh khác nói rộng hạ phần, v.v... Nếu từ địa, v.v... là kinh nói Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Có người bỏ đầu mắt, thân thể, vợ con, bảy báu cúng dường ta thì không bằng người ấy lễ bái kinh này. Nếu người chứa báu đầy cả bốn thiên hạ, lên đến Phạm thiên cúng dường ta, thì chẳng bằng cúng dường người trì kinh này một bữa ăn để nuôi thân. Nếu lại có người chứa báu đến trời Phạm thiên cúng dường ta thì chẳng bằng trì chương cú này một ngày một đêm v.v... Chỉ cúng dường người trung phần báu mà công đức còn như thế huống chi là cúng dường người được thượng phần ư? Lại như xưa có Trưởng giả tên là Cưu-lưu, không tin nhân quả, năm trăm người cùng đi xa thấy rừng cây tưởng là nhà ở, đến đó chỉ thấy thần cây, làm lễ xong nói mình đói khát. Thần liền chỉ tay năm ngón tự nhiên sanh ra rất nhiều thức ăn uống ngon quí. Ăn xong bèn khóc rống lên. Thần hỏi vì sao? Liền đáp: Có năm trăm người bạn cũng rất đói khát. Thần bảo gọi đến bèn cho ăn như trước, mọi người no đủ. Trưởng giả hỏi vì đâu được phước như thế. Thần đáp ta xưa vào thời Phật Ca-diếp rất nghèo khổ, mài gương trước cửa thành, mỗi khi có Sa-môn khất thực ta thường dùng ngón tay chỉ đường chỗ khất thực và tinh xá Phật, như thế không phải một, chết rồi sanh lên đây. Trưởng giả tỉnh ngộ, mỗi ngày cúng cơm tám ngàn vị tăng, nước vo gạo chảy ra ngoài thành sông, có thể đi thuyền được. Chỉ chỗ người thường khất thực mà phước còn như thế, huống chi là đích thân cho ăn và trì kinh này. Kế giải thích kinh Pháp Hoa. Bộ thuộc đề hồ chẳng Thông giáo khác. Trước trong khai chương nói gồm nói nín, cũng có thể nói gồm ý chỉ quán, văn biệt hành đó chỉ suy bốn câu, cho nên trong văn này rộng tu quán tượng. Để làm

rộng đó, trước dẫn Quán kinh để làm chứng có tướng, kế dẫn hạnh An lạc để chứng tướng không. Quán Kinh chép: Nếu có bốn chúng, tám bộ tụng Đại thừa, là người tu Đại thừa, người phát ý Đại thừa, người ưa thấy sắc thân Phổ Hiền, người ưa thấy Phật Đa Bảo, Thích-ca và phân thân, người ưa sáu căn thanh tịnh... phải học quán ấy. Công đức quán này dứt trừ các chướng ngại, thấy sắc thượng diệu, không vào Tam-muội vì chỉ tụng trì nên gọi là có tướng. Kinh này đầy đủ như hạnh An lạc mười tám câu, cho nên biết tướng và vô tướng đều thành phương tiện, chỉ tùy nghi ưa thích làm môn mới vào. Hai kinh trở xuống là giải thích ý trái nhau. Hạnh An lạc trở xuống là là dẫn văn gồm đủ. Bốn hạnh trong văn hạnh An lạc dòng thứ nhất tuy dạy quán tất cả không, như thật tướng, v.v... Văn đầu lại chép: Ở đời ác sau này mà hộ trì đọc tụng. Trong văn thứ ba chép: Các Đại Bồ-tát ở mười phương thường phải thâm tâm cung kính lễ bái. Nói đẳng: đẳng là dùng đáp câu hỏi lìa não loạn v.v... Trong văn Quán kinh tuy nói đọc tụng cũng gồm vô tướng. Nam Nhạc trở xuống là hạnh An lạc, văn chép:

Tu tập các thiền định
Được các Tam-muội Phật
Sáu căn tánh thanh tịnh
Bồ-tát học Pháp Hoa
Đầy đủ hai thứ hạnh
Một là hạnh hữu tướng
Hai là hạnh vô tướng
Hạnh An lạc Vô tướng
Sâu xa mầu thiền định
Quán sát sáu tình căn
Hạnh An lạc hữu tướng
Đây y tha khuyến phát
Tán tâm tụng Pháp Hoa
Chẳng vào thiền Tam-muội
Ngồi đứng đi một tâm,
Tụng văn tự Pháp Hoa
Nếu như hạnh thành tựu
Liền thấy thân Phổ Hiền.

Đây cũng là một lần phân ở hai người, rốt ráo mà nói hai hạnh cùng hiển. Đặc thị trở xuống là nói hai người này đều là chứng tiền nói theo phương tiện. Có tướng soạn tựa, là như Nam Nhạc tụng kinh cảm được Phổ Hiền, Người trí thì ở đạo tràng thấy đời trước. Vô tướng làm

tựa, là cũng như Nam Nhạc một hạ khuyên quán đủ phát các thiền. Người trí một hạ hàng mà tiến hạnh v.v... Diệu chứng trở xuống là nguyên ý văn. Mục đích là chứng pháp, chứng ở chân tợ. Tợ tức là gần vào vị Tương tự, chân tức là xa vào vị Sơ trụ. Vì trong phẩm đầu thì quyền thật lý tức trong thứ năm sự lý không hai. Nay trải văn trở xuống là trải sự tu quán, thí dụ như Đại luận quyển hai mươi tám pháp môn Sư Tử Hống, Đại Kinh quyển hai mươi bảy pháp môn Ba-lợi-thọ v.v..., pháp môn tượng thân nghĩa rất rõ ràng, chỉ phải tìm văn ý thú thứ lớp. Sáu thông như trở xuống là nói trong trợ đạo, tám giải như trở xuống là nói trong thiền cảnh. Bốn nhiếp: Là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Bố thí là đúng pháp cầu tiền của, thường nghĩ bố thí. Ái ngữ là bố thí rồi an ủi khiến trụ an vui. Lợi hành là tự lợi lợi tha bình đẳng nhiếp lấy. Đồng sự là vì lợi ích nên đồng sự nghiệp. Lại như hạnh mà nói là bố thí, vô nhiễm tâm mà nói là ái ngữ, dạy người không mệt mỏi gọi là lợi hành. Lìa lỗi, an ổn người, gọi là đồng sự. Trước là nói về tài, sau là nói về pháp. Cho nên hai thí tài, pháp phải đủ bốn giáo khai hiển. Cho nên nói dẫn vật nhiều mối, v.v... Pháp Hoa trở xuống là kết. Như văn trong khuyên tu nói tiếu, Thuyết Văn chép: Cốt pháp tương tự, nghĩa là trừ nó ra thì không cùng Phật thừa cốt pháp tương tự. Kế giải thích không đi không đứng. Trước giải thích lý do được tên. Do là đối bốn câu. Thật thông v.v... là y cứ hạnh thật mà nói. Kế Nam Nhạc Đại Phẩm đều giải thích tùy hạnh đặt tên. Nam Nhạc tức là Biệt Hành một quyển, tên là Tam-muội Tùy tự ý. Đủ y cứ bốn nghi ăn và nói nín. Văn đó hỏi rằng: Đây lấy từ kinh nào ra. Đáp: Từ kinh Thủ-lăng-nghiêm. Cho nên văn sau giải thích các thiện cũng dẫn đủ Thủ-lăng-nghiêm. Đại phẩm chép: Nếu được Tam-muội ấy khiến cho các Tam-muội biến thành vô lậu. Như một cân nước đá biến thành ngàn cân đồng bằng vàng. Người trí cũng có Biệt hành giác ý Tam-muội. Tuy lại trở xuống là hội thông. Tuy có chẳng đi chẳng ngồi v.v... ba tên khác nhau mà chỉ là pháp bốn nghi tu quán. Nay y trở xuống là lại y theo giáo giải thích tên có bằng cớ. Các số trở xuống là hỏi. Kinh Đại thừa, Tiểu thừa số các tâm sở đều chẳng phải một, vì sao chỉ lấy ý làm cảnh quán. Cùng các trở xuống là đáp. Các số đã nhiều chẳng thể nêu hết. Ý là năng tạo, nêu một mà nói các thứ. Đối cảnh trở xuống là giải thích tên khác của ý. Quán tâm tánh là thể đồng mà tên khác, tùy tâm tưởng thấy cho nên có ba thứ khác nhau, cho nên văn sau chẳng phải một, chẳng phải khác. Hỏi: Lý tánh nếu thế sao lại lập ba. Như trong Bà-sa hỏi: Ba thứ này có gì khác? Đáp: Khác hoặc chẳng khác. Nói chẳng khác, là tâm tức ý thức. Như lửa gọi

là ngọn lửa cũng gọi là cháy bùng, cũng gọi là củi cháy, chỉ là một tâm mà khác nhau. Nói có khác tức tên khác nhau. Hoặc nói quá khứ gọi là ý, vị lai gọi là Tâm, hiện tại gọi là thức. Hoặc nói ở giới gọi là Tâm, ở nhập gọi là Ý ở ấm gọi là Thức. Hoặc nói nhiều mầu gọi là Tâm, như sáu đường do tâm, hệ thuộc gọi là ý, như năm căn thuộc ý. Nói tưởng gọi là Thức, như phân biệt thuộc về Thức. Câu-xá nói tập khởi gọi là Tâm, trù lượng gọi là Ý, liễu biệt gọi là Thức. Lại y theo Tiểu tông, thì ba tên chỉ là một pháp khác tên mà thôi. Cho nên nay nói ba - một hợp tan chẳng thể chấp nhất định. Như thế, v.v... là muốn quán lược. Tâm tưởng thấy trái ngược, là Bà-sa chép: Vô thường gọi là thường là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, thấy điên đảo. Ngã lạc tịnh cũng giống như thế. Xưa chép: Trong bốn ấm ba tâm không đảo, thức tâm có đảo. Có người nói thức tâm không đảo, ba tâm có đảo. Nghĩa là tưởng có tưởng đảo. Thọ có tâm đảo, hạnh có kiến đảo. Có người nói chung ở bốn tâm, thức có tâm đảo, tưởng thọ có tưởng đảo, hành có kiến đảo. Có người chép: Sơ tâm vọng chấp gọi là Tâm đảo, tâm kế tưởng thành gọi là Tưởng đảo, tưởng thành ngoại chấp gọi là Kiến đảo. Trước Bà-sa giải thích: Chính lúc văn này rơi vào tâm tưởng kiến đảo để thấy ba khác. Chấp là thường v.v... chẳng gọi là giác, biết rõ đảo này không phải tướng một - khác. Chỉ quán pháp tánh mới gọi là Giác. Giác là hiểu biết trở xuống là chánh lập quán. Ba tên đối nhau đều thành sáu câu, có nêu đủ trong kinh Bát-chu Tam-muội. Phân biệt ba tên đã chế là quấy (không đúng), phải quán thể nó tánh lìa văn tự, nên trong sáu câu nói chẳng thật có, tức là thể đồng, nói chẳng phải không tức là tên khác. Lại phải chớ (chấp) danh thể đồng khác, cho nên lại biết rằng: Chẳng phải một mà nói ba, chẳng phải ba mà nói một. Các hợp tam khác y cứ theo đây mà biết. Nếu biết tên chẳng phải tên trở xuống là chung có sáu câu, phức tạp nêu giải thích lại. Sáu thứ này đều là cùng chẳng sai cùng chiếu. Giả danh và tánh đều chẳng thật có. Nếu mượn văn này lập ba quán, là chẳng phải một mà lập ba là giả, chẳng phải ba mà nói một là không, danh chẳng phải danh, tánh chẳng phải tánh là Trung. Năm thứ kia y cứ theo đây, do đó phức sơ đạt được tâm tánh mới là không thể nghĩ bàn diệu cảnh ba đế. Nếu quán trở xuống là ý đặt tên. Ý có công năng tạo khắp, cho nên chỉ quán ý là nhiếp tất cả. Nếu phá trở xuống là phá các sử, như thế là viên quán chẳng phải chỉ quán ý làm gốc các pháp, cũng phá hết nguồn vô minh các hoặc, cho nên biết không phải chỉ ý nhiếp tất cả. Cũng chính là ý tức vô minh, khi vô minh hết thì các hoặc sao còn, vì thế đều hết cho nên các trở xuống là nhiếp lược kết tên. Tuy có

các tên cho đến các số, nay chỉ đặt tên Tam-muội giác ý là do đây. Tùy tự trở xuống là hai tên chỉ là tên khác của giác ý, tên ấy tuy khác nhưng nghĩa đồng giác ý. Ở đây trở xuống là khai chương. Hễ có hình lụy khi dứt việc rất hiếm có, ba Tam-muội trên duyên đủ thật khó, nếu chẳng tùy cảnh dùng quán ý khởi thì tăng thêm. Ba tánh không sót, bốn vận xem xét, trải duyên đối cảnh đều gặp như một, đâu có khắc kỳ đại đạo. Trong các kinh đầu, trước nói chương này nhiếp rộng. Kế chánh giải thích. Trước kinh thỉnh Quán Âm cũng thuộc Phương Đẳng, văn chung ba thừa cho nên trong ý chỉ quán nêu đủ ba tướng. Nếu dùng hai mươi lăm Tam-muội nghĩa chỉ có Viên Biệt. Trước y cứ sự nghi, hai âm chữ thỉnh thọ thí là âm tịnh, hỏi Tôn là âm thỉnh. Nay văn chánh ở nghĩa thứ hai. Thỉnh đủ ba nghĩa một là tự, hai là tha, ba là hộ chánh pháp. Trong kinh trước mượn Ưu-ba-tư-na tức là tự thỉnh, nguyệt cái là tha, Kệ bảy chữ là hộ pháp, cũng phải đủ ba mươi sáu câu. Văn nay chỉ là hiển cơ hiển ứng, vừa ngầm vừa hiển cơ hiển ứng. Thỉnh lại có ba nghĩa. Diên thỉnh là thân nghiệp, kỳ thỉnh là miệng nghiệp, nguyện thỉnh là ý nghiệp. Lại năm thể là thân nghiệp. Bốn bài kệ là miệng nghiệp, buộc niệm là ý nghiệp. Lại diên là thỉnh người, kỳ là thỉnh pháp, nguyện là gồm cả người và pháp. Cơ đã khai thì ba ứng cũng như thế, ba nghiệp cũng phải đều có hai câu cơ ứng khác nhau. Ba Tam-muội trước y cứ đây so sánh mà biết. Tên Quán Âm cũng y cứ với bốn tất-đậu-vật khác nhau. Đủ như phẩm Phổ môn trong Pháp Hoa Sớ có giải thích rõ. Lại y theo Quán Âm Sớ mà nói phương pháp rằng: Xưa chia làm mười: Một là nghiêm tịnh (làm sạch) đạo tràng; hai là làm lễ; ba là đốt hương rải hoa; bốn là buộc niệm; năm là có nhành dương; sáu là thỉnh Tam bảo, bảy là tụng chú, tám là tỏ bày, chín là lễ bái, mười là ngồi thiền. Y theo Phương Đẳng trước đều phải có hai giải lý sự. Văn nay có ý, sự lý cũng đủ, thứ lớp hơi khác, ở trong Bách Lục. Lập cành dương là đặt bên tay trái Quan Âm là cành dương, tay phải là bình nước, cho nên thỉnh phải đủ hai vật. Nếu làm nói lên thì cành dương phất là nói lên cho tuệ, tịnh bịnh lắng trong nói lên cho định. Năm vóc sát đất, như các vị tăng thường làm, theo Địa trì, A-hàm đều dùng hai gối, hai cùi chỏ và trán sát đất gọi là năm vóc sát đất, cũng gọi là năm luân, năm chỗ hướng hạ là trong năm vóc như cây đổ nhào. Lại Lý quán giải, Quán Âm Sớ chép: Nếu khởi năm ấm lìa Tát-bà-nhã gọi là bình lập đứng thẳng chân trái như sắc, chân phải như thọ, tay trái như tưởng, tay phải như hành, đầu như thức. Nếu vào Tát-bà-nhã thành năm phần gọi là sát đất, thì giới như sắc, định như thọ, tuệ như tưởng giải thoát như hành, giải thoát tri kiến như thức. Phải nói đủ lý do nghĩ

rất dễ hiểu. Buộc niệm đếm hơi thở là văn nay theo kinh chỉ đến số mười. Sở nhân hơi thở mà khởi các hành. Vì sao? Vì hơi thở gió là sắc, lãnh nạp hơi thở này, duyên tưởng hơi thở này, các tâm sở là hành, tâm vương là thức. Trong quán hơi thở này năm ấm bốn niệm thành pháp Thanh văn. Nếu quán hơi thở là quá khứ vô minh nhân duyên thành hiện báo hơi thở đến vị lai, đó gọi là quán hơi thở thành pháp Duyên giác. Lại chẳng mê đắm thọ, hơi thở gọi là đàn (bố thí), chẳng khởi bất thiện gọi là thí (giới), đến được hơi thở này gọi là Nhẫn, niệm niệm tiếp nối gọi là Tấn, ở duyên chẳng loạn gọi là Thiền. Phân biệt hơi gió, biết rõ tà chánh gọi là Trí. Đây gọi là quán hơi thở thành pháp sáu độ của Bồ-tát. Nếu quán hơi thở thành các tuệ vô tướng gọi là quán hơi thở thành pháp Thông giáo. Thấy hơi thở chẳng phải không chẳng phải tục, Trung đạo Phật tánh, trước sau mà quán, đó là pháp Biệt giáo. Nếu quán hơi thở này một tâm ba đế là pháp Viên giáo. Đếm hơi thở đã như thế thì các hành cũng so sánh như thế. Cho đến các văn khác cũng phải phân biệt. Ba là xưng niệm Tam bảo là nói lên trừ ba chướng, nói rõ xưng niệm Tam bảo là nói lên trừ ba chướng, nói rõ hành pháp đều có đủ trong Bách Lục và Nghi Chánh Hạnh đều ở trong kinh ấy. Cho nên nói có thể tìm kinh bổ ích. Văn nay Bách Lục và Chánh Hạnh Nghi đều chẳng chép bốn bài kệ hạnh, kệ rằng:

Nguyện cứu khổ ách con
Đại bi che tất cả
Phát ánh sáng tịnh khắp
Diệt trừ si tối tăm.
Vì tránh khổ độc hại
Phiền não và các bịnh
Ắt sẽ đến chỗ con
Cho con an vui lớn.
Nay con cúi đầu lạy
Nghe tên cứu nguy ách
Nay con tự qui y
Thế gian cha từ bi.
Cúi xin chắc chắn đến
Thương con ba khổ độc
Cho con vui đời này
Và cho đại Niết-bàn.

Trong bốn bài kệ này hai bài kệ đầu là chánh thỉnh, hai bài kệ kế là kết thỉnh. Hai bài kệ đầu lại có hai: Một là thỉnh chung, hai là thỉnh

riêng. Hàng đầu lại có hai: Câu đầu chỉ tự thỉnh, ba câu kế chung tự tha. Khổ ách là bịnh của sáu căn. Che tất cả, là chẳng riêng nhà, lìa chung mười giới. Hai câu kế là thỉnh trị si. Kế trong thỉnh riêng là thỉnh trừ ba chướng. Độc tức là nghiệp. Phiền não như văn, các bịnh là báo, vui là Niết-bàn. Niết-bàn là ba đức, ba đức phá ba chướng, kết thúc như văn. Tụng bốn bài kệ này là chuyển chướng duyên cũng là vào gốc quán tương ưng, cho nên phải lược biết. Lại tụng ba bài chú, chú là văn ở kinh Thỉnh Quán Âm, nếu người tu hành đến đó tìm. Phát lồ rửa giặt, như áo dơ thì phải giặt rửa phát lồ như chỉ cho người, sự nghi như nước tro. Lý quán như nước trong, lý thể như áo sạch. Che giấu nhơ chẳng sám hối phải đọa đường ác mãi. Trước ngọ v.v... phương giống như pháp, ngày đêm hai thời đều lấy phần đầu nên nói là ngọ tiền và sơ dạ (trước giờ ngọ và đầu đêm) các thứ khác gọi là bốn thời, phải theo thường nghi chẳng nên bỏ. Kinh nói trở xuống là chánh nói tu quán. Trước y cứ sáu trần cho đến năm ấm mà thực hành quán. Trước quán sáu trần, tuy dẫn Đại Tập như không như tâm, vẫn gọi là thông chung. Cứ trở xuống là quán ấm chỉ lìa tánh tướng thành Thanh văn không. Cho nên kế lại phải tu huyễn hóa và thật quán. Đất không cứng trở xuống là kế quán năm ấm. Trong đây trước quán sắc ấm, sắc tức bốn đại. Trước quán địa đại, địa là sự bền chắc, nhân duyên mà thành, có vốn chẳng thật có, mà tình cho là có, có là bền chắc. Cho nên ở Địa đại mà khởi tình chấp chặt. Nay mượn sự cứng để phá tình chấp. Cho nên nói có là nghĩa cứng. Hai câu không v.v... và ba đại kia lệ theo mà biết. Kinh ấy nhân Ưu-ba-tư-na hỏi, Thân Tử đáp. Trong phần đáp chép: Phải quán Địa đại không bền chắc, thủy đại không dừng, phong đại vô ngại, từ điên đảo sanh. Hỏa đại chẳng thật, giả nhân duyên mà sanh. Thọ tưởng hành thức, mỗi ấm tánh đồng nhau, ở bốn đại đều vào bờ cõi như thật. Ưu-ba-tư-na được bốn Đại định, thông suốt năm ấm, được quả La-hán. Văn nay y theo kinh dùng nghĩa khai thác làm pháp quán. Cho nên ở bốn đại đều dùng bốn tánh suy khiến như không. Đời mạt pháp độn căn khác nhau Phật nhật. Cho nên y theo Trung Luận mà quán hai không. Như trong Địa đại câu đầu nói có là nghĩa cứng. Đây thì chỉ gọi đị là nhất định có vì phòng chuyển chấp phá ba câu. Chấp rằng: Có đã là cứng, không đâu được cứng. Cho đến chuyển nhập câu thứ tư chấp chẳng phải có, chẳng phải không, cũng gọi là không bền chắc. Nay đều phá đều chấp bền chắc. Nhưng mặt đất này vốn chẳng phải bốn câu, không danh tự bền chắc nhân tình mà gọi bền chắc, cho nên dụng bốn câu nhờ bền chắc mà phá chấp. Ba đại kia y theo Địa đại suy nghĩ mà biết. Đó gọi là sắc ấm để

vào tánh không. Như trong Địa đại ban đầu nói rốt ráo chẳng thật có. Kế trong Thủy đại, Phong đại đều nói cũng chẳng trụ không có bốn câu, cũng chẳng trụ trong chẳng thể nói đều là văn tướng không. Chỉ có trong Hỏa đại thì tướng không văn lược. Tánh tướng của các ấm như thọ v.v... y theo đây cũng rất dễ thấy. Hỏi: Suy ra ba đại trước đều dùng bốn câu như có v.v... mà phá. Đến Hỏa đại thì văn bèn dùng Bốn câu như tự v.v... mà phá là sao? Đáp: Có hai nghĩa: Một là y theo kinh, kinh nói Hỏa đại chẳng thật, từ nhân duyên sanh. Nhân duyên phải làm tên tự tha mà nói; hai là tên khác nghĩa đồng. Có chỉ là tự, không chỉ là tha, cho đến cùng chẳng sai chỉ là không nhân. Văn kinh còn lược các ấm khác chẳng nói. Phải nói thọ không lãnh nạp tánh chẳng thật có. Nếu bảo thọ là có là lãnh nạp cho đến bảo thọ chẳng phải có chẳng phải không, cũng là lãnh nạp. Cho đến thức là liễu biệt cũng giống như thế. Đầy đủ phải như trong quyển năm mà phá giả bốn câu. Như thế mà quán là pháp Thanh văn, tức dùng chân đế gọi là như thật. Hỏi: Nếu pháp Thanh văn phải quán bốn đế? Đáp: Ấm là khổ đế, tánh chấp là tập, quán pháp là đạo, thật tế là diệt. Quán ấm đã thế trở xuống là kế nói quán pháp Duyên giác. Đầu tiên từ vô minh, cuối đến già chết, đều như tiếng vang trong hang trống đều phá tánh tướng, vì sao? Vì nếu có bốn câu tức là vô minh cho đến già chết. Nếu vào thật tế gọi là quán không đã thành. Gốc của quán tuệ v.v..., nếu không có quán tuệ bèn thành khổ hạnh vô ích. Cho nên phải dùng các quán Như Huyễn v.v... mà được tánh tướng không, vào mé như thật. Mé thật có hai. Nhị thừa y thông, thông tức chân đế. Biệt viên y trung, chẳng chung với Tiểu thừa. Nay lại từ thông đến dưới (thấp nhất) sáu chữ ba Đà-la-ni mới từ Trung đạo huống chi văn dưới quán ác thường dùng Viên quán. Phải biết văn nay bổn ý ở viên. Tỏa phục trở xuống là y cứ ba Đà-la-ni đối phá ba chướng. Nói tiêu phục, tiêu là tiêu trừ, phục là điều phục độc của báo chướng giết hại người tu, dùng tổng trì này mà chiết phục. Người Tỳ-xá-ly trở xuống là nói công năng phá chướng. Kinh chép: Bấy giờ, ở nước Tỳ-xá-ly tất cả người dân bị bịnh truyền nhiễm: Một là mắt đỏ như máu; hai là hai lỗ tai ra mủ; ba là mũi chảy máu; bốn là lưỡi sưng nói không ra tiếng; năm là thức ăn biến thành rắn rít; sáu là thần thức u mê như người say. Sớ nói: Năm căn bịnh làm cho ý thức hôn mê. Cho nên chép: ý thức cho đến như say. Kinh nói: Có năm quỉ dạ-xoa ăn tinh khí người. Sớ chép: Như là bịnh quỉ từ năm căn vào, kẻ gây ra bịnh gọi là năm Dạ-xoa. Kinh chép: Khi ấy, Trưởng giả tên là Nguyệt Cái cùng năm trăm trưởng giả đều đến chỗ Phật bạch Phật rằng: Người dân nước

này bịnh dữ, thầy thuốc Kỳ-bà dùng hết đạo thuật cũng không cứu được. Cúi mong Đức Thế tôn cứu cho bịnh khổ này. Phật bảo Trưởng giả rằng: Cách đây không xa ở về phương Tây có Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, ở đó có Bồ-tát hiệu là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, thường dùng đại bi mà cứu giúp khổ ách. Nay các ông nên thỉnh. Khi nói lời này thì trong ánh sáng thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Nhờ năng lực Như lai nên Phật và Bồ-tát đều đến thành này đứng ở trước cửa thành phát ra ánh sáng chiếu khắp. Do đó, Trưởng giả nói bốn hàng kệ, xưng danh Tam bảo tụng Đà-la-ni nên bình phục như xưa. Sớ chép: Ở phương Tây cực xa, sao nói không xa. Có nói rằng: Ở phàm thì xa, ở Thánh không xa, nay nói nếu cơ hợp thời tuy xa mà gần, nêu cơ chưa thục tuy gần mà xa. Hỏi: Vì sao chẳng thỉnh phương Tây? Đáp: Nếu y cứ ngũ hành thì phương Tây đứng đầu về kim là nghĩa quyết đoán. Nếu y cứ bốn đế thì Đông tập, Nam khổ, Tây đạo, Bắc diệt. Phương Tây thuộc đạo là nghĩa năng thông. Nếu thế, Đông Tây đuổi nhau với Pháp Hoa Sớ để ví cho khổ tập chẳng trái nhau ư? Đáp: Đều tùy nghĩa tiện lợi cũng chẳng trái nhau. Nếu là ngạ quỉ đối nhau để phối thì Đông tập, Tây khổ, Nam đạo, Bắc diệt, đây thì y cứ nhân quả thứ lớp sanh nhau, đều có lý do để thành chỗ nói lên. Nếu y cứ nơi chốn thì mặt trời mọc ở Đông mà lặn ở Tây, nói lên ở Đông độ Thích-ca sanh ra vật thiện, ở Tây độ Di-đà dứt trừ các hoặc, sanh Vô Lượng Thọ, có nói Phật có hai thân sanh - pháp, hai cõi hai Phật đều có hai thân sanh pháp. Ở trong sanh thân vì hóa duyên nên tuổi thọ này có lượng mà tuổi thọ kia vô lượng. Có thứ làm Bổn tích mà giải thích, có thứ làm Chân ứng mà giải thích. Thấy ứng tích chẳng thể dứt chướng, thấy chân bổn thì sẽ trừ chướng. Ở đây đều chẳng thể. Chỉ tùy cơ phải dùng đây làm nhân, dùng kia làm duyên, chẳng cần giải thích riêng. Hỏi: Vì sao thỉnh ba? Đáp: Vì cơ duyên ở ba, nếu y cứ theo sự nói lên thì Phật là nói lên cho pháp thân, Quan Âm nói lên cho trí, Thế Chí nói lên cho phước. Thông luận đầy đủ lại từ Biệt nói. Hỏi: Vì sao thỉnh ba, kinh đề từ một? Đáp: Vì Trí làm tiêu độc, tức nghĩa phá hoặc, từ nghĩa tiện nên lại đề từ một. Phật nói điều phục Đà-la-ni xong, bảo: Nếu có bốn Bộ Trì tên Bồ-tát ấy và tụng chú thì tất cả bất thiện như lửa đốt củi. Phá ác trở xuống là phá ác thuyết Đà-la-ni thích danh mà biết. Phá phạm hạnh trở xuống là kế nói công năng. Kinh chép: Người phá phạm hạnh làm mười nghiệp ác khi nghe chú này thì trừ sạch các uế cấu mà được thanh tịnh. Nếu có nghiệp chướng các ác bất thiện, mà xưng danh hiệu Bồ-tát ấy và tụng Đà-la-ni thì liền phá nghiệp chướng, hiện tiền thấy Phật, sáu chữ trở xuống là kế giải thích sáu chữ

Đà-la-ni. Nói sáu chữ có người nói xưng danh Tam bảo. Hai chữ Nhất bảo tức là Phật-đà, Đạt-ma, Tăng-già. Có người nói Tam bảo là ba chữ, Quán Thế Âm là ba chữ. Đây đều không có nêu chương kết cú, cho nên chẳng dùng. Sớ xét văn kinh phải làm ba thứ nghĩa sáu chữ: Một là y cứ quả báo để làm sáu chữ. Nói kệ xong bảo rằng: Có bốn bộ chúng nghe sáu chữ này liền nói rộng công năng cứu khổ sáu đường; Hai là y cứ tu nhân dùng làm sáu chữ. Như Ưu-ba-tư-na nghe chương cú sáu chữ khiến quán tâm mạch liền nói rộng sáu Diệu môn; Ba là y cứ sáu căn để làm sáu chữ. Như Xá-lợi-phất ở trong rừng lạnh đáp lời hỏi của Tư-na rằng: Mắt tương ưng với sắc, v.v... liền nói rộng sáu căn; Ba văn sau mỗi căn kết rằng: Vì nghe chương cú sáu chữ này, cho nên nghĩa sáu chữ chẳng ngoài ba thứ này. Nay văn chánh dùng hai nghĩa trước sau. Đại bi v.v... là nói các nhà hiện nay lập nghĩa. Tịnh trở xuống là nói công năng sáu chữ. Ở trong văn đầu trước y cứ năng phá hoặc căn bản, ba độc là gốc gọi là gốc ba độc. Ba thứ này sanh ra tất cả bất thiện, lý chung tất cả. Cho nên nay văn này tịnh căn ba độc, vì thế phá rồi rất dễ thấy Phật đạo. Lại lấy vô minh làm gốc ba độc cho nên phá rồi sẽ thấy Phật đạo. Sáu chữ tức là trở xuống là chánh giải thích công năng sáu chữ, có thể phá sáu đường ba chướng, hai mươi lăm hữu, thành hai mươi lăm Vương Tam-muội. Nói sáu đường thì các luận và A-hàm Chánh Pháp Niệm Xứ nói rộng tướng ấy. Đại luận quyển ba mươi ba hỏi: Vì sao sáu đường lại nói năm đường. Đáp: Sau khi Phật mất năm trăm năm thì tụng bộ riêng khác nhau đều trả kinh Phật mà theo nghĩa của mình cho nên khiến một đường Tu-la có không khác nhau. Trong đây nói chung ba chướng nặng nhẹ khác nhau, nên phải nói sáu đường ba chướng. Địa ngục từ nghĩa đặt tên, nghĩa là ngục ở dưới đất nên gọi Địa ngục. Tiếng Phạm là Nại-lạc-ca, Hán dịch là khổ cụ. Tám ngục lạnh tám ngục nóng nói đủ như Thích châm quyển bốn. Quỉ, tiếng Phạm là Xà-lê-di, Hán dịch là Tổ phụ. Nhĩ Nhà nói quỉ là về, Thi Lữ chép: Người xưa gọi người chết là người về (qui). Lại chép: Nhân thần gọi là quỉ, Địa thần gọi là kỳ, Thiên thần gọi là linh. Có người nói đói khát gọi là ngạ quỉ, thường bị xô đuổi sai khiến, đường này ở dưới cõi Diêm-phù năm trăm do-tuần, có cõi Diêm-phù là chỗ ở căn bản, cũng có thứ ở châu Diêm-phù. Có đức thì ở trong rừng cây hoa quả, không có đức thì ở chỗ bất tịnh - hai châu Đông Tây cũng có quỉ. Ở Bắc châu chỉ có quỉ oai đức. Các trời cũng có, tùy chỗ sanh hình. Trong tục có Nguyễn Tịch anh của Tôn Chiêm thường nói là không có quỉ. Bỗng có khách đến nói việc quỉ thần. Khách đuối lý đổi sắc mặt bảo rằng: Quỉ thần xưa nay Hiền thánh cùng chấp nhận,

sao ông lại nói không? Đáp rằng: Nay có người thấy quỉ nói mặc áo lúc còn sống, vậy người có áo quỉ cũng là có quỉ sao. Người luận đuối lý. Đây cũng người luận chẳng biết quỉ hóa thành áo, khiến giống áo người ấy còn sống đã mặc. Tục tuy nói có chẳng phải đều biết. Cho nên trong tục giáo chỉ thấy phần nhỏ người súc, chẳng thấy bốn đường kia. Cho nên Khổng Tử chép: Sống cùng người việc này còn chưa biết, chết cùng quỉ thần ta làm sao biết được. Súc sanh tức Lục súc, là trâu ngựa gà heo chó dê thì nhiếp thú chẳng hết. Nay nói chung đạo này chẳng hạn cục ở sáu. Bà-sa chép: Bàng sanh thân đi ngang nên nói Bàng sanh hoặc nói khắp có, là khắp trong năm đường đều có. Vô minh nặng chẳng loài nào hơn súc sanh. Lại Đại luận dùng ba loại mà nhiếp, tức đi ban ngày, đi ban đêm, đi cả ngày đêm. Lại có ba là ở trên đất, ở dưới nước, ở trên hư không. Trường A-hàm nói rộng về A-tu-la: A là không, tu-la là trời, tức không phải trời. Lại Tu-la, Hán dịch là đoan chánh, vì nó không xinh đẹp nên gọi là Thế. Lại nói không rượu. Khi thế giới mới thành ở trên đỉnh núi Tu-di cũng có cung điện. Sau trời Quang Âm xuống, như thế lần lượt đến trời thứ năm. Tu-la giận bèn tránh đi không sanh đến đây nữa. Lại ganh ghét Phật nói pháp. Phật vì các trời nói bốn niệm xứ, thì nói năm niệm, xứ Phật nói ba mươi bảy phẩm thì nói ba mươi tám phẩm, thường làm tâm tà vạy mà che. Tinh là nghi sợ. Thi truyền rằng: Vì sắc thì nói đố, vì hạnh thí nói kỵ, hai hiền thì nói tật. Nghi như giải thích ở sau, cho nên biết Tu-la có thói xấu là ganh ghét người Hiền. Người, tiếng Phạm là Ma-hiểu-xa, Hán dịch là Ý, vì người khi làm việc đều phải suy nghĩ. Kinh Dịch chép: Chỉ người là loài linh thiêng của muôn vật. Lễ chép: Người là tâm của trời đất, đầu mối của năm hành. Đây cùng chưa biết năm đường. Bà-sa chép: Năm đường nặng về ngạo mạn không loài nào hơn loài người. Lại chép: Trong năm đường hay tức ý cũng không gì hơn loài người. Chỗ ở có bốn. Phá ba chướng người mà nói trời người, vì trong nhân đạo có sự lý, cho nên thêm trời mà hàng phục người. Nói trượng phu, là một người cao một trượng nên nói trượng phu, đây chỉ người hơn hết mới gọi trượng phu. Bạch Hổ Thông nói phu là phò (nâng giúp) dùng đạo mà tiếp giúp. Nay cũng như thế. Dùng lý mà phò nên gọi là trượng phu. Thấy lý Phật tánh mới gọi Trượng phu. Nên kinh Niết-bàn chép: Người thấy Phật tánh tuy là người nữ cũng gọi là người nam, người nam tức trượng phu. Nếu y cứ vào ý này. Thiên đạo cũng phải có nghĩa bậc nhất thiên và hai thứ sự lý để giải thích thiên (trời), thì tục giải thích như quyển một. Tục cũng chưa biết ba cõi các trời cho nên chỉ dùng đục trong mà phân. Nay trong sách giải thích nói

Thiên (trời) cũng gọi là tối thắng, cũng gọi là quang minh, dục sắc và vô sắc. Nêu chúa được quan. Đại Phạm Thiên Vương đứng đầu ba cõi, các trời khác đều thuộc về đại thần. Nay chỉ nêu chủ mà nhiếp Thần. Thần là tiện xưng nam tử, nhượng chủ là quí sáu thứ này được tên hoặc từ đối trị như bốn đường ác và người mới giải thích. Hoặc từ lý mà nói như giải thích người sau. Thiên từ tiện nghi rộng sáu trở xuống là trong y cứ hai mươi lăm Tam-muội nói bốn thứ như huyễn v.v.... Nam dùng như huyễn, Đông dùng nhật quang, Tây dùng nguyệt quang, Bắc dùng nhiệt diệm. Mười bảy thứ như bất động v.v..., là Dục giới dùng sáu, Sắc giới dùng bảy, Vô sắc giới dùng bốn. Dục có sáu là bất động phá bố vương, nam phục phá Đao-lợi, Duyệt ý phá Dạ ma, Thanh sắc phá Đâu-suất, Huỳnh sắc phá hóa lạc và Xích sắc phá tha hóa. Sắc giới có bảy là Bạch sắc phá Sơ thiền, các thứ phá Phạm vương, song phá Nhị thiền, Lôi Âm phá Tam thiền, Chú Vũ phá Tứ thiền, Chiếu cảnh phá Na-hàm, Như hư không phá vô tưởng. Vô sắc có bốn, vô ngại phá không xứ, thường phá thức xứ, lạc phá bất dụng xứ, ngã phá phi tưởng phi phi tưởng xứ. hai mươi lăm hữu chung làm bài tụng rằng:

Bốn vực bốn đường ác
Sáu dục và Phạm vương
Bốn thiền bốn Vô sắc
Vô tưởng năm A-hàm.

Hai mươi lăm Tam-muội phá hai mươi lăm hữu, ở phẩm Thánh Hạnh trong đại kinh đủ như trong Huyền Văn quyển bốn giải thích. Kinh này chung ba thừa trở xuống là kết thành ba thừa dụng quán khác nhau. Sáu đường và hai mươi lăm hữu nghĩa ấy là một, vì hay quán trí khác nhau nên phân ra ba người khác nhau. Tuy nói ba thừa giáo nhưng phải chia làm bốn: trước nói pháp Nhị thừa, pháp này chung với hai Bồ-tát. Nay phá hai mươi lăm hữu thấy ngã tánh. Cho nên trong Bồ-tát thừa chỉ ở Biệt Viên, phá chương là chung ba, phá hữu thì riêng. Tự điều là từ nhân làm tên, tự độ là từ quả làm tên. Sát tặc (giết giặc) là từ nghĩa đặt tên, tức hại vật thì nói là giặc, vì phá hại bậc Thánh. Nhĩ Nhã chép: Trùng ăn mầm tiết là giặc ba giới, kết trùng ăn mầm vô lậu, nên A-la-hán dịch là Sát tặc. Phước dày là trăm kiếp tu phước, nên nói phước dầy. Phước nhiều giúp trí cho nên căn cơ lanh lợi. Nếu khởi trở xuống là do khởi đại bi duyên mé như thật được không lui sụt. Vị này phải ở Sơ trụ Sơ địa niệm không lui sụt. Hỏi: Như thế, vì sao kinh ấy nói Phật bảo Kiên Ý rằng: Định Thủ-lăng-nghiêm không phải Sơ Địa mà được, cho đến không phải Chín địa mà được, chỉ có Thập Địa mới được. Đáp: Đây

thì Biệt giáo giáo đạo mà nói, vì Thủ-lăng-nghiêm tên là Kiện Tướng, cho nên hạ địa không được. Nghĩa viên đủ như cuối quyển I. Sơ tâm còn được quán Niết-bàn chẳng lẽ không được quán Thủ-lăng-nghiêm ư? Bảy Phật, tám Bồ-tát, v.v... là kế y cứ các kinh. Bảy Phật trong kinh thần chú trước nói bảy Phật đều có Đà-la-ni và nói công năng để thực hành sám pháp. Kế văn nói tám Bồ-tát: Một là Văn-thù, hai là Hư Không Tạng, ba là Quán Thế Âm, bốn là Cầu Thoát, năm là Bạt-đà-hòa, sáu là Đại Thế Chí, bảy là Kiên Dũng, tám là Thích-ma-nam, cũng đều có thần chú và công năng hối pháp. Cho đến kinh dưới văn lại có Bồ-tát Phổ Hiền và tám vị Long Vương, cũng đều có chú diệt tội. Lại như bảy Phật Cu-chi Đà-la-ni và tám Đại Bồ-tát trong Du-già đều có Đà-la-ni, tức là Quan Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền, Hư Không Tạng, Kim cương Tạng, Trừ Chướng Cái, Di-lặc. Hư Không Tạng tám trăm ngày dọn dẹp nhà xí, xí nghĩa là xen lẫn. Trên cõi người ở chỗ ấy rất tạp uế nên gọi Thế. Kinh Hư Không Tạng chép: Ở đời vị lai người giỏi tỳ-ni phải dạy chúng sanh nói pháp, trị tội có ba mươi lăm Phật cứu thế đại bi, phải lập đạo tràng, đủ các thứ cúng dường. Trước lễ Phật mười phương xưng ba mươi lăm danh hiệu Phật, riêng xưng tên Đại Bi Hư Không Tạng. Vì sao? Vì Hư Không Tạng trên đầu có mão trời, trong mão có châu như ý, có ba mươi lăm vị Phật hiện. Bồ-tát ấy ngồi kiết già hoặc có lúc hiện làm tượng tất cả sắc. Người tu hoặc ở trong mộng, hoặc trong lúc ngồi thiền khi thấy tướng này là do Ma-ni châu ấn chúng người tu, trên vách làm chữ diệt tội. Tướng Phật này lại vào trong tăng đúng pháp nói giới. Nam Sơn Hành Nghi cũng dùng văn này. Nếu y theo ý này đủ số thì được. Cho nên trong phó pháp tạng diệt tội nặng rồi, người thời ấy gọi là Luật Sư Thanh Tịnh. Nếu Ưu-bà-tắc được chữ chẳng chướng thọ giới. Cho nên sao chủ y đối tục mà nói đều có bằng cớ. Nếu chẳng được chữ trong không xướng rằng tội diệt, tội diệt. Lại không có tướng này. Người giỏi tỳ-ni mộng thấy Hư Không Tạng bảo rằng: Tỳ-ni-tát, Tỳ-ni-tát. Tỳ-kheo và Ưu-bà-tắc lại bảo sám hối. Một ngày đến bảy ngày lễ ba mươi lăm Phật, nhờ năng lực Bồ-tát nên tội ấy nhẹ dần. Người biết pháp lại dạy tám trăm ngày dọn dẹp nhà xí. Ngày ngày bảo rằng: Ông làm việc bất tịnh hết lòng chùi rửa tất cả nhà xí, chớ để người biết. Chùi rửa xong, tắm gội mà lễ ba mươi lăm Phật, xưng tên Hư Không Tạng, hướng về mười hai bộ kinh, năm vóc sát đất tự nói bày tội lỗi trải hai mươi mốt ngày mà nhóm họp thân ở trước tượng Phật mà xưng danh hiệu ba mươi lăm vị Phật. Bồ-tát Văn-thù kiếp hiền làm chứng minh, bạch bốn lần Yết-ma như trước thọ giới lại. Đây cũng là văn phạm trọng mất giới. Nếu không

mất vì sao sám hối rồi khiến thọ lại. Kinh chép: Phật bảo Ba-ly: ông vì người ở vị lai không hổ thẹn nhiều phạm giới, phải đúng như pháp sám hối này, có đủ trong Nam Sơn Nghi. Nói nhóm họp bạn thân là không phải quyến thuộc thế tục, so với những người phạm tội nặng đến thẳng mà thọ chưa thấy ích phương. Nếu thọ rồi mà sanh hổ thẹn thì cũng hơn trần tục. Tự bảo chẳng bỏ lại vào trong tăng. Căn bản đã không thì chỗ ngồi đâu còn. Văn này lại thuận ý Hư Không Tạng. Nếu theo luật văn một chi một cảnh, tuy đã hoại, khác chi khác cảnh cũng chuyển như cũ. Cho nên y luật thì chỗ ngồi chẳng không.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 2
(PHẦN 3)

Kế trong các thiện, trước phân biệt bốn vận. Vận là động. Từ vị đến dục, từ dục đến chánh, từ chánh đến dĩ. Cho nên nói chung là động. Lại Quốc Ngữ chép: Chở bằng đường bộ gọi là vận, chở bằng đường thủy gọi là Tào. Chữ Tào thường vì chín giới bốn tâm mà chuyên chở nên gọi là Vận. Nay nhiếp chín vận khiến Vô sanh vào Phật vận, nhưng vẫn xem Phật vận chẳng ngoài chín vận. Thể của Phật vận tánh vốn không. Cho nên phải phân biệt bốn vận. Đây là phân biệt môn quán trở xuống tác thọ, trước chẳng nói về quán tâm vô thác, cho nên chép: Tâm thứ vô minh dùng bốn tướng mà phân biệt. Lại vì người đời phần nhiều nói sanh tâm là vọng, tu quán diệt tâm chẳng phải vọng, đều chẳng quán mà bảo là Vô sanh là rất lầm. Người đời tu thiền đều quán Vô sanh chẳng biết Vô sanh ở đâu, là trước có hay không. Nếu trước có thì đã chứng Vô sanh, nếu trước không thì sao gọi Quán. Nếu biết chín giới làm cảnh quán, thì giới Bồ-tát đã khởi chưa khởi còn phải quán sát, huống chi các thứ khác. Nay nói đã là y cứ duyên trong ngoại có tâm, không tâm. Có tâm, không tâm xưa nay là hữu lậu, đâu cho y cứ theo đây mà phán Sanh, Vô sanh. Như người phòng lửa tất cả đều phòng, nếu chỉ phòng phát chẳng phòng chưa phát thì sẽ bị lửa chưa phát đốt tiêu, quán rồi dùng tâm Phật phòng ở dục sanh, chánh sanh. Người quán Vô sanh chỉ quán ở tâm chánh khởi, khiến tâm chẳng khởi, chẳng khởi quán ở tâm chưa khởi, tâm thể vốn không đã vốn không, khởi cũng chẳng khởi. Đây là đối sáu trần trong nhân gian mà khởi diệt tâm sanh Vô sanh. Như diệt tâm này còn chẳng tự biết huống chi là biết, tâm Dục Sắc Vô sắc, huống chi lại chiết thể và thiên tiểu. Viên Vô sanh tâm còn phải quán sát, huống chi lại các thứ khác. Lại quán bốn vận, là tùy tự ý mình, từ sự mà tu quán pháp. Như thường ngồi hoặc chỉ quán lý, nghĩa

là tất cả pháp đều là pháp tánh. Cho nên phải biết người tu Tam-muội ở hai đường này chẳng thể bỏ một. Cho nên kinh Chiêm Sát chép: Quán có hai thứ: Một là duy thức, nghĩa là tất cả chỉ là tâm (duy tâm); hai là Thật quán, nghĩa là quán chân như. Duy thức thì trải việc, chân như thì quán lý. Nay văn quán mười giới bốn vận, nghĩa phải xem xét tất cả duy tâm. Cho nên văn nay chép: Hiểu rõ được bốn thứ này thì vào vô tướng. Nếu cũng thứ lớp quán mười bốn vận gọi là cảnh không thể nghĩ bàn. Đạt chín giới tức là Phật pháp giới thì gọi là không thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải phát tâm cho đến lìa ái, mới thành tướng một nhà vào đạo. Cho nên Phó Đại sĩ có bài thơ rằng:

Riêng mình tự hỏi tâm ta mê đắm gì.
Xem xét bốn vận và Vô sanh,
Muôn ngàn mối manh sao cột được.

Phải biết Đại sĩ Vô Cấu cũng dùng bốn vận mà làm tâm yếu, Đại sĩ tuy tức chẳng nói mười giới, đã nói muôn mối ý cũng gồm. Như sáu mươi bốn câu sau lần lượt suy tìm. Cho nên Đại sĩ cũng nói xem xét. Nói nhất tướng, vô tướng, là chín giới bốn tướng đều chẳng thật có gọi là một tướng. Một tướng tự không gọi là vô tướng. Hỏi: trở xuống là phân biệt hai tâm đã và chưa ý hỏi là bác bỏ người, chỉ quán chánh khởi, cho nên trước chép: Hai thứ vô tâm này làm sao quán được. Đáp: Trong hai phen trước đáp chưa niệm, kế đáp đã niệm, hai phen đều có pháp thị hợp. Pháp đầu, chỉ là vị khởi, gọi là không, đã chẳng phải hẳn không cho nên phải quán. Như người trở xuống là thí, làm và chẳng làm tự y cứ sự trước, sự tuy có không nhưng người chẳng thể diệt. Tâm cũng trở xuống là hợp. Niệm và chưa niệm, tự y cứ duyên trước. Duyên tuy có không nhưng tâm chẳng thể diệt. Tâm đã chẳng diệt thì do đây mà có thể rộng khởi tất cả tâm. Cho nên quán nó chẳng khiến duyên hoặc, hoặc tức chín giới quán vào tâm Phật. Tác tác là làm việc nên gọi tác tác. Kế niệm dĩ trở xuống là đáp phen thứ hai. Nhìn sự làm tâm mình chẳng thể không. Như người trở xuống là thí, niệm dĩ trở xuống là hợp. Kế hỏi, là dẫn kinh Kim cương Tâm ba đời chẳng thật có, Dĩ tức quá khứ, vị tức vị lai, hiện tại còn không, làm sao nói quán tâm ba đời. Đáp: ở trước đều không phải. Nếu quá khứ trở xuống là đáp riêng. Trước nhắc lại câu hỏi trước, kế hỏi vì sao trở xuống là chánh đáp. Như điều ông hỏi chẳng quán ba đời, vì sao bậc Thánh quán tâm ba đời. Quỉ thần trở xuống là nêu kém bày hơn. Vì sao trở xuống là bác bỏ ngược lại, quỉ thần là loại thấp còn biết ba đời, chẳng lẽ trong Phật pháp khiến không có ba đời. Hỏi: vì sao Quỉ thần biết ba đời? Đáp: Như trong Bà-sa có quỉ

nhập vào cô gái. Thầy bùa hỏi vì sao quấy nhiễu người khác, thì đáp: Cô gái trong năm trăm đời là kẻ thù của ta, vì thường giết ta, ta cũng thường giết nó. Nếu nó bỏ âm, oán thì ta cũng bỏ. Người ta liền bảo cô gái bỏ tâm oán, cô gái nói bỏ rồi. Quỉ thấy cô gái tuy miệng nói bỏ mà tâm chưa bỏ, liền giết chết cô gái. Đã biết mình người quá khứ, hiện tại, vị lai thì y theo đây mà biết. Đề phòng oán vị lai nên giết hiện tại. Lại như địa ngục là thấp nhất, cũng biết quá khứ, như nói xưa làm vua nước Bà-la-môn, vì ta nói pháp mà chẳng chịu tin nhận nên phải chịu khổ này. Lại biết cùng tạo tội ấy mà vào địa ngục. Quỉ và địa ngục còn biết nhân quả cách sanh ba đời, vì sao làm người mà chẳng biết sát-na sanh diệt ba đời. Lông rùa sừng thỏ lấy hai vật này dụ cho đoạn kiến. Ông dẫn ba đời đều chẳng thật có, liền bảo không tâm như hai vật kia, một bề đều không. Đây gọi là đoạn kiến. Cho nên Thành Luận chép: Lông rùa sừng thỏ, muối thơm chân rắn, mầu gió, v.v... nên gọi là không. Đây là lấy thỏ chạy rùa nước làm dụ, nếu thỏ bay rùa đất thì cho có lông sừng. Cho nên Đại Kinh chép: Như lông rùa nước như sừng thỏ chạy. Phải biết trở xuống là kết. Tâm ba đời là cảnh quán. Không phải đoạn không phải thường vì sao? Vì chẳng phải thường cho nên không thật, chẳng phải đoạn cho nên có thể quán. Vì chẳng thật mà nói mãi không, vì chẳng thật cho nên có thể làm cảnh quán. Cho nên dẫn kệ. Lời Phật nói ra đều không phải đoạn thường, vì sao lại khởi kiến chấp đoạn diệt. Nếu khởi trở xuống là kết thúc bác bỏ. Khởi kiến đoạn diệt không có cảnh quán. Cảnh quán đã không, tất cả nhân quả muôn hạnh đều mất, cho nên phải quán hai tâm Vị Dĩ, vì thế mà biết kinh ông dẫn chẳng hợp giáo chỉ. Cái gọi là ba đời chẳng thật có. Chỉ nói không thật ai bảo mãi không. Cho nên phải biết hai đế của Phật pháp. Tục đế cho nên có, chân đế cho nên không. Chẳng thể vì không mà khó có. Cho nên Kim cương quán tục đế, Tục thể chẳng thật gọi là chẳng thật có. Hành giả trở xuống là khuyến tấn, đã biết tâm có mười giới bốn vận tùy khởi mà quán, thiện ác tức là sáu đường, các niệm chung bốn thánh. Chẳng trụ chín giới tức quán chín cõi, nên gọi phản chiếu. Lại, thiện ác là bày sự thiện ác, đều phải quán sát. Cho nên văn sau liền dùng thiện trải tác thọ mà làm cảnh quán. Cho nên trải mười giới để hiển bày vô trụ. Kế trải trở xuống là chánh y cứ các thiện. Trước bày bỏ rộng theo lược. kế nói ý trải mười hai sự, trải mười hai sự và luận bàn. Thọ nghĩa là lãnh nạp sáu trần. Tác là làm, thực hành đây là sáu tướng. Hỏi: vì sao im lặng gọi là thực hành? Đáp: Là thực hành sự im lặng, chẳng ngoài mười giới. Trước nói nếu có các trần, trần sanh thọ, cho nên khiến có trần là y cứ

thọ khởi quán. Nên nói phải bỏ. Tuy dùng bỏ nêu trước ắt sáu độ đầy đủ rộng như giải thích ở sau. Nếu không có tài vật, v.v..., là tài vật tuy nhiều mà không ngoài sáu trần. Cho nên không có tài vật lại bỏ các trần, chỉ chuyên sáu tác để đủ sáu độ. Tu sáu tác là đều quán trần, tùy giới hạn mà tu quán cho nên tu quán, vì vậy cùng nói. Trong ba chánh giải thích trước thọ kế tác, tác thọ cùng tu, trong sự đàn thiện khiến thành pháp giới. Sau đều luận sáu sáu cũng như thế, mới gọi là tùy tự ý quán. Ba quán trọng thọ, trước không kế giả, sau nói Quán trung. Trong trước quán không còn trước nhắc lại bốn vận mà làm cảnh quán. Lại quán ngược trở xuống là chánh nói không. Trong quán chép: Trong ra chẳng đợi nhân duyên, đây là theo lời nói tiện, đáng lẽ nói trong ra, nhân chẳng đợi duyên. Chỗ quán trở xuống là quán không thành tướng. Hỏi: kinh Tịnh Danh chép: sắc Sở quán và người mù. Nay vì sao nói sở quán như không, năng quán như người mù? Đáp: kinh Tịnh Danh chép: Sở chánh hiển năng, năng như mù nên sở thấy như không, sở thấy không nên năng như mù. Bản dịch đó là khéo dùng sở mà nói năng. Nay giải thích ý đó nên phân ra năng sở không minh đều chẳng thấy, khi mắt thấy sắc thì năm duyên hòa hợp mới thấy được. Gọi là không minh là căn cảnh thức tai mũi lưỡi thân chẳng nhờ duyên minh. Bốn duyên kia chẳng khác với mắt. Nay văn nói lược nên chẳng nói Thức. Cũng là thức đủ như các duyên trên mà được thành thấy. Chẳng đồng Tiểu thừa hoặc nói thức thấy hoặc nói căn thấy. Nhân duyên trở xuống là kế nói quán giả. Văn đầu nhắc lại quán không ở trước, từ duyên sanh pháp, vì mười giới mà làm nhân chung, lại dùng vô gián diệt ý để làm nhân căn trần không minh để làm duyên. nhân duyên hòa hợp mà sanh nhãn thức. Nhãn thức nhân duyên sanh ý thức, là nhãn thức làm nhân cũng dùng căn trần không minh làm duyên. Vô gián thứ lớp sanh từ ý thức, nương ý thức mà có nhãn thức. Chỉ do ý thức vô gián diệt nhân thành ý căn, khi đối các cảnh khác lai sanh nhãn thức. Cho nên hai thức lại làm nhân cho nhau. Kế nói riêng mười giới, trước trong bốn đường, nhãn thức năng thấy v.v... Đây là y theo Kinh bộ, nương gần Tiểu thừa nên nói thức thấy. Do đây mà lần lượt lại làm nhân duyên cho nhau. Thứ lớp như thế sanh ở mười giới, tham nhiễm ở sắc, v.v..., tham là hoặc gốc, hủy giới đọa địa ngục. Hủy giới nói đủ như trong Thiên tụ trì phạm. Thật yêu mà nói thì chẳng rơi vào siểm cuống. Chấp ngã, ngã sở. Hỏi: tất cả phàm phu ai được khỏi mà riêng xếp vào súc sanh bốn vận. Đáp: Lời chung mà ý riêng. Nếu ngang với thánh mà dứt thì đây là thuộc ý chung, trong đây dùng quyến thuộc làm sở. Kế trong trời, người, tha tuệ

ngã sắc chẳng cho thì chẳng lấy, tha tuệ bèn lấy lìa chẳng cho mà lấy. Câu dưới hiển trên thành nghĩa tha tuệ. Chẳng tuệ chẳng lấy nên nói chẳng cho thì chẳng lấy. Vì lễ mà quên tiền tài gọi là tha tuệ. Nếu vì cha mẹ, người chồng mà hộ trì Phật pháp, thì chẳng tuệ mà lấy gọi là chẳng cho mà lấy, tha tuệ lại lìa phi thời, phi xứ, phi lý, phi lượng và huyễn mại v.v... Luận riêng tuy như thế, ý chung rất dễ hiểu. Sắc kia trần kia giới kia đều như hế. Cho nên phải nói về năm thứ như nhân nhượng, v.v.... Nhượng là nghĩa, Trinh là chánh, thanh chánh tự giữ tức là lễ, là qui cũ trong động. minh là trí có quyền biến. Các tên xưa, năm thường nếu đủ, năm giới sẽ toàn, nếu mười thiện đủ, thì mười ác sẽ dứt. Bắt đầu là cõi Dục địa cư trời người, cõi Dục không cư và Sắc, Vô sắc, văn lược nên chẳng nói. Quán bốn vận trở xuống là nói Nhị thừa bốn vận. Trong văn trước nêu bốn niệm xứ quán, hiển bày Thanh văn thừa, vô thường nên sanh diệt, bất tịnh nên chẳng trụ, khổ nên ba thọ, vô ngã nên chẳng tự tại. Kế một câu nhân duyên hiển bày Phật giới. Quán rồi trở xuống là trong giới Bồ-tát mở ba Bồ-tát. So sánh với văn sau các cảnh của Bồ-tát nghĩ bàn cũng có ba. Trước là sáu độ, Tự thương xót nên tổn hại mình, thương kia nên quán khác. Vì sao trở xuống là giải thích tướng sáu độ. Bỏ chẳng thể mất một câu bác bỏ ba tạng gồm ý minh thông. Bác bỏ ba tạng là cũng gồm phàm phu, vì các phàm phu cũng làm sự độ. Tuy tức chẳng kịp, Bồ-tát ba tạng là y cứ nghĩa chẳng thể mất. Nay quán trở xuống là chánh nói là quán chung ba việc đều không. Trong đây ba việc tùy cảnh khởi quán, không gọi là người thí và tài vật. Phải nói căn trần cho đến người nhận. Kim cương trở xuống là dẫn chứng. Kinh chép: Chẳng trụ chánh đáng, chẳng trụ sáu trần thực hành thí. Nếu chẳng trụ trần tức là chẳng trụ căn và thọ giả. Bố thí đã như thế thì năm thứ kia cũng như thế. Lại trần tức tài vật thấy trần là không cho nên thí và nhận đều không. Cho nên nghĩa hai chỗ ba việc bằng nhau. Như người trở xuống là nêu thí dụ. Trụ tướng như tối thì trí nhãn (mất trí) chẳng mở, chẳng thể thấy tất cả đều vô tướng. Không trì như mắt, chẳng trụ như mặt trời có mắt mặt trời nên thấy ba việc là không. Cho nên biết hai nghĩa vô trước và không tuệ đều cần, mới thấy ba việc là không. Cho đến sáu mươi hai kiến tất cả đều không, nên nói các thứ. Nói thẳng trở xuống là trùng tiêu kinh ý, kinh bị lợi căn nói thẳng chẳng thấy. Vì nói lược nên tướng cũng khó hiểu. Cho nên nay lại giải thích chẳng trụ bốn câu mới gọi là chẳng trụ, cho đến chẳng trụ sáu mươi hai kiến gọi là đàn vô tướng, cho nên biết văn trước không có bốn tướng, chỉ lìa sáu mươi hai kiến thành Kim cương lìa ngã nhân, v.v... gọi

là Bồ-tát, không phải chỉ có Sơ quả phá kiến mà thôi. Cho nên biết chỉ là chân đế vô tướng. Nói sáu mươi hai kiến, thì Đại Kinh quyển hai mươi tám giải thích công đức thứ tám có nói bảo lìa năm việc tức năm kiến, nhân năm kiến ấy sanh sáu mươi hai. Chương An chép: ở đây có hai ý: Một là ngã kiến có năm mươi sáu, nghĩa là năm ấm cõi Dục đều kể bốn câu, hợp thành hai mươi, cõi sắc cũng như thế, Vô sắc trừ sắc chỉ có mười sáu. Cho nên biết ba cõi hợp thành năm mươi sáu y. Biên kiến có sáu, ba cõi đều có hai, đó là đoạn thường kiến hợp thêm trước thành sáu mươi hai kiến; Hai là năm ấm ba đời đều kể đoạn thường, dùng hai kiến có không làm căn bản. Ở đây y theo văn Đại luận quyển sáu mươi tám, nghĩa là sắc như trở xuống v.v... bốn câu, bốn ấm cũng như thế, hợp thành hai mươi câu, đây là kể đời quá khứ. Lại kể sắc thường, v.v... bốn câu, bốn ấm cũng như thế, hợp hai mươi câu, đây là chấp hiện tại. Lại chấp sắc có biến, v.v... bốn câu, bốn ấm cũng như thế hợp thành hai mươi câu, tức chấp vị lai. Mỗi câu sau đều nói thần và thế gian, ba đời sáu mươi đều có không hai. Luận Thích nói phàm phu chấp trước có thần ngã. Nếu người chấp thường thì tu phước diệt tội, nếu người chấp vô thường thì vì danh lợi thế gian nên có chỗ làm. Nếu chấp vừa thường vừa vô thường thì chỉ là song chấp hai câu một và hai, cho nên đối với thần ngã vì chấp thô tế làm câu thứ ba. Chấp thần thô thì thân chết vô thường. Chấp thần tế thì thân chết bất diệt. Chấp cùng chẳng sai thì thấy chấp thứ ba, hai thứ đều có lỗi. Vì sao? Vì thường thì chẳng biến cũng như hư không gió mưa chẳng động. Nếu vô thường thì có biến động, như mưa ở da thì có hư rã. Lìa hai lỗi này do tâm ta nên lại nói có thần, thần chỉ có chẳng phải thường chẳng phải vô thường mà thôi. Phật nói bốn thứ đều tà kiến, đây là chấp thần. Thế gian tức là cõi nước. Cho nên thần ở thế gian cũng có bốn kiến. Nói chấp thường, thì hỏi rằng nếu cõi vốn không thì chấp phải có lầm. Thế gian là có vì sao tà kiến. Đáp: Phá thế gian là phá tư tưởng thường. Chẳng phá thế gian như người không có mắt lấy rắn làm đẹp. Người có mắt nói đó là rắn, không phải chuỗi anh lạc. Phá đảo cũng như thế. Hiện thấy vô thường chẳng được nói là thường. Hai câu ba, bốn y theo nói mà biết. Có biên, v.v... là người ngoài cầu độ không được thỉ ấy liền nói không có chung. Trong vô thỉ mà chung thì gọi là không biên, chấp có ba thứ này gọi là có biên. Như người có thiền chấp tám muôn kiếp. Hai câu ba, bốn chuẩn đây mà biết. Cũng có người chép: Câu thứ ba là tám phương có biên giới, trên dưới không biên giới. Có người chép: Trên đến trời Hữu Đảnh, dưới đến địa ngục mà tám phương không biên giới, là chấp thần hoặc như hạt cải,

v.v. Cũng có chấp độ và dùng thần ngã cùng chấp có không thành hai câu ba, bốn. Y theo đây rất dễ hiểu. Như đi, v.v... là như người ấy tới lui đến đời sau gọi là như đi, nghĩa là đời trước không đến, chết rồi cũng không đi thì gọi là chẳng như đi. Nếu bảo chết rồi là đi mà thần vẫn không đi thì gọi là câu thứ ba. Thấy đều có lỗi chấp câu thứ tư. Luận văn rất rộng, phải ở trong đó mà tìm. Như trong Bà-sa cũng lập sáu mươi lăm kiến, tức ở trong năm ấm đều chấp bốn ấm làm ngã sở, gọi sắc là ngã, thọ là tôi tớ, anh lạc là nhà cửa. Ba ấm cũng như thế. Hợp ngã và ngã sở đều có mười ba câu; Ba là ngã sở, do đó Phật nói lìa sáu mươi lăm, vì nói Đạo phẩm thành đạo Thanh văn, cho đến Bồ-đề. Cho nên biết phá kiến được pháp khác nhau. Nay đây chưa đủ Hằng sa Phật pháp, lại có thể lợi tha thành thông Bồ-tát, mới bắt đầu (vượt qua) ở phần đoạn bờ kia. Nói tất cả pháp thú. Nói trong đây Thông giáo vì sao nói tất cả pháp thú. Nhưng chỉ nói thú chẳng nói thú ấy chẳng lỗi và chẳng thật có. Cho nên thuộc về Thông giáo. Do đó tất cả nói pháp thú tên ấy cũng thông. Như Huyền Văn chép: Đi khắp các cõi mười phương, trở lại như ở trong bình. Nay văn dưới nơi nơi dẫn tất cả pháp thú, v.v... để chứng ba đế, ý nói thì viên. Lại dùng Luận ấy không phải chuyên một văn, vì theo nghĩa nên chẳng thể chấp văn. Đại phẩm chép: Tất cả pháp thú là một pháp. Đại luận hai văn cùng giải thích câu này. Câu đầu nói vì sao Bồ-tát là thế gian thú, cho nên phát tâm Bồ-đề? Bồ-tát vì chúng sanh nói sắc thú là không, cho đến chủng trí, vì chúng sanh cho nên sắc chẳng phải thú, chẳng phải chẳng thú, cho đến chủng trí. Kế văn chép: Vì chúng sanh nên nói tất cả pháp thú không, vô tướng, vô nguyện, thú ấy chẳng lỗi. Vì sao? Vì trong không, vô tướng, thú và chẳng thú không thật có. Vãn đầu lấy năng thù làm giả, trải đủ sắc tâm cho đến chủng trí. Cho nên biết tất cả pháp tức là giả. Sở thú là không, chẳng phải thú chẳng phải chẳng thú là trung. Văn kế năng từ sở làm không Thú ấy bất quá là giả, thú chẳng thú chẳng thật có là trung. Sau đây các văn dùng lời tiêu dị. Hai ý trong giả toàn là nương luận văn, kế chỉ so sánh ra. Cho nên nói tất cả pháp thú sắc sắc còn chẳng thật có, làm sao có thú và chẳng phải thú. Vì sao? Vì tất cả pháp thú sắc năng sở đều giả, sắc chẳng thật có, tất cả pháp cũng chẳng thật có. Năng sở đều không, thú chẳng thú chẳng thật có, tức chẳng trụ hai bên là chánh hiển bày Trung đạo. Lời khác mà ý đồng suy nghĩ sẽ thấy. Lại quán trở xuống là Phật bốn vận Thông giáo, nên bốn đức danh nghĩa chẳng chẳng liên quan với Biệt. Chân đế như không, chẳng thay đổi nên Thường, chẳng chịu ba khổ giới nội nên lạc. Chẳng bị sáu đường khởi

nghiệp nên Ngã, chẳng bị kiến tư làm ô nhiễm nên Tịnh. Cho nên biết tức là chung bốn đức của Phật. Như thế trở xuống là nêu giả bốn vận. Tuy như Thông giáo quán ở tức không, trong không thấy đủ mười giới bốn vận. Cho nên nói các thứ, ở đây thuộc Biệt giáo, cho nên nói giả danh. Nếu lấy bốn đức làm viên Phật giới, trong văn Bồ-tát hoàn toàn không có Hằng sa tướng trạng Biệt giáo. cho nên thông bốn đức Phật của chỉ nói hư không cho đến chẳng nhiễm. Đến đây mới gọi là giả danh bốn vận. Nếu không trở xuống là Trung đạo bốn vận, cho nên biết Trung đạo phải ở mười giới không giả mà nói về trung, mới gọi Viên Trung. Trung là Phật giới đối trước mà thành mười, do đó chín thứ trước nghĩa là nghĩ bàn, còn Phật giới là không thể nghĩ bàn. Trong so sánh với năm trần khác chỉ dùng viên tâm mà giác liễu ba đế, v.v... Kế quán trở xuống là y cứ sáu tác. Trung Chu cũng nói xuất xử nói nín, xuất xử tức là đi đứng ngồi nằm, nhưng Trang Chu chẳng nói lấy làm cảnh quán. Nay có ba quán, quán không y theo ý trước cũng rất dễ thấy. Nhưng do trở xuống là quán giả. Do tâm động dịch làm. Do mười giới nghĩa là do tâm này làm việc gì đi đứng, v.v... Hủy giới là địa ngục, gạt người là quỉ, quyến thuộc là súc, thắng người khác là tu-la, nghĩa nhương là người. Thiện là mười trời thiện dục. Thiền là Tứ thiền sắc thiên. Lược không có Vô sắc, Niết-bàn là Nhị thừa. Từ bi trở xuống là sáu độ Bồ-tát. Phương tiện trở xuống là Bồ-tát thông giáo. Huống gì làso sánh dáng mạo vô hình chẳng thật. Giở chân, hạ chân cùng không tương ưng, vì thế mất năng sở, cho đến gần xa. Hễ có làm gì, nếu có một niệm chẳng phải ở không thì gọi là chết uổng. Như thế trở xuống là Biệt giáo. Không tâm vào giả, nên nói như thế, nhiếp không thành giả nên nói Hằng sa. Tướng Văn đã hẹp nghĩa cũng gồm Thông giáo xuất giả, vừa nói Thông giáo chỉ nói không gian, chẳng chia ba thừa không giả khác nhau. Lại người Biệt giáo chỉ chín giới trước nên nói như thế. Chín giới đã không, không tức chín giới. Cho nên thành Biệt giáo Hằng sa Phật pháp. Lại quán một vận trở xuống là quán Trung đạo. Chẳng phải một chẳng phải mười, y theo trước nói. Cho nên Pháp Hoa trở xuống là dẫn chứng. Hỏi: Sao dẫn bỏ y để thọ đàn chứng tác. Đáp: Văn thế theo nhau, chung dẫn bỏ phục để thọ đàn chứng tác, và dẫn Phật đạo để chứng Viên trung. Trước y cứ trở xuống là y cứ mười hai việc đều nói sáu. Trước nêu đồng khác. Mười hai sự trước đều nói đàn (bố thí) nên nói cộng. Nay mỗi việc đều nói đủ sáu, nên nói là đều. Lại trước nói chung về đàn ở mười hai sự, mỗi chỗ đều nói tướng đàn mười giới. Nay đều trong luận y cứ ví dụ cũng phải đầy đủ như trước nêu mười hai việc. Mỗi chỗ đều nói sáu độ

mười giới. Văn vì theo lược, có khi chín giới có khi chỉ có Phật giới. Rộng lược đồng hình cùng thành viên ý. Lại vì sao chỉ mười hai mỗi có sáu, trong sáu mỗi đều đủ sáu, cho nên mỗi cõi dùng năm thứ kia để trang nghiêm tức là dùng năm nghiêm để đàn cho đến dùng năm để nghiêm, trí năng sở hợp nói chung đều gọi đủ sáu. Các kinh Đại thừa, Thủ-lăng-nghiêm, Đại luận, Đại Phẩm v.v... sáu độ đều như thế. Cho nên nay y theo đó để nói tướng của độ. Văn này dùng Thủ-lăng-nghiêm cũng như phẩm nhiếp nhau của Đại luận chép: Phú-lâu-na bạch Phật rằng: Nay con muốn nói hạnh Bồ-tát. Phật bảo: Tùy ý ông nói. Bèn nói rộng sáu độ, lại hiển bày nhau, bèn thành sáu lần sáu là ba mươi sáu (6.6 = 36) độ. Cho nên chép: Hoặc dùng thí làm tên mà nói các Ba-la-mật. Cho đến hoặc dùng Bát-nhã làm tên mà nói các Ba-la-mật. Năm độ vào một, từ một làm tên. Lại luận Nhiếp Đại thừa cùng hiển chương. Phẩm Vô Đoạn trong kinh Anh Lạc thì ý đồng với Lăng-nghiêm. Đại luận quyển tám mươi hai hỏi rằng: Nếu trang nghiêm nhau, vì sao chỉ dùng đàn làm đầu? Đáp: Do nhiếp sanh tiện, sang hèn cho đến súc sanh thì đàn đều nhiếp, cho đến xoay vần làm thân các tướng tốt Phật đều từ thí mà sanh, như nói này thì vẫn thuộc giáo đạo. Nếu nói theo chứng đạo thì đều là pháp giới. Nhiếp không trước sau, ai nói thứ lớp, trong hành văn đầu đủ sáu đàn cùng năng nghiêm văn tướng thứ lớp chẳng giả, nói riêng năng nghiêm sở nghiêm. Văn đầu nói mắt đại bi, như Thắng Thiên Vương nói Bồ-tát khi đi nhìn về trước sáu thước, song chỗ đất bằng phẳng chẳng nhìn hai bên, chẳng khuấy não chúng sanh, thấy các chúng sanh như con ruột không nghiêng lệch gọi là mắt đại bi. Cho nên biết Bồ-tát nhìn các chúng sanh, tự tướng muốn ban cho nó một vui thật và cứu hai khổ. Mắt nhìn đã thế thì năm căn cũng theo đó. Ở Bồ-tát được vô úy, thì chánh đáng không tài, vận ở sáu tác, vì thí vô úy nên gọi là Đàn. Ở chúng sanh không thương tổn là xứng lý mà quán chẳng nghiêng lệch không giả, chẳng làm hoại thật tướng nên nói không tổn. Tổn cũng là giảm bớt. Tức là Ương-quật chẳng bớt tu. Thấy tội phước pháp giới gọi là không tội phước, chẳng thuộc về không giả gọi là tâm tưởng chẳng khởi. Tưởng chẳng khởi nên gọi là không lay động. Khắp tất cả chỗ gọi là vô trụ. Âm là pháp giới nên cũng bất động. Tâm không có nghĩ trước, v.v... là niệm niệm xứng lý không chấp ngang trái tư sau mới giác liễu. Cho nên Khởi Tín chép: Biết niệm trước khởi ác, cấm ngăn niệm sau khiến nó chẳng khởi. Tuy gọi giác nhưng tức là chẳng giác. Tư tức pháp giới thì người giác là ai. Tuy là chẳng giác nhưng gọi là giác. Đối với tất cả pháp v.v... niệm niệm pháp giới. Cho

nên chẳng bị sanh diệt làm đứt quãng. Chẳng có thân tâm v.v... Chẳng được hai biên, biên tức là Trung. Trong thiền đã thế. Trước sau lệ theo đó, lời khác mà ý đồng, phải khéo phân biệt. Không thọ, v.v... là chẳng lãnh thọ biên, chẳng nghĩ chấp Trung, chẳng vì Niết-bàn, chẳng loạn sanh tử, đầu v.v... là sáu phân. Hành thời (khi đi) như ảnh (bóng), chẳng bảo lại có hai tay hai chân thân và đầu khác nhau. Như mây như ảnh trở xuống là trong mười dụ mà nói. Tuy đủ pháp giới mà có tới lui. Tới lui không thật nên gọi là như ảnh (bóng). Chẳng đồng Thông giáo, huyễn hóa tức không. Không có sanh của sanh tử, diệt của Niết-bàn, Nhị thừa không đoạn phàm phu chấp thường. Năm ấm tức là rốt ráo không. Cho nên không có hai bên buộc và thoát. Đủ như trở xuống là chánh chỉ Lăng-nghiêm để bày công thức cùng trang nghiêm nhau. Kinh ấy Phật bảo Kiên Ý rằng: Làm sao trong một niệm mà thực hành sáu độ? Đáp: Bồ-tát ấy tất cả đều bỏ, tâm không tham đắm nên gọi là Đàn. Tâm khéo vắng lặng rốt ráo không ác, nên gọi là Thi (giới). Biết pháp tướng hết ở trong các trần mà không có sự thương tổn, gọi là sằn-đề, siêng quán chọn tâm, hay biết lìa tướng nên gọi Tỳ-lê-da. Rốt ráo thiên tịch điều phục tâm ấy, gọi là Thiền-na. Biết tâm không tâm, thông suốt tướng tâm gọi là Bát-nhã. Văn nay rộng theo ý văn kinh ấy. Cho nên cùng nó đại đồng mà tiểu khác. Hỏi: Lời văn đã thông, vì sao biết được văn ấy ở Viên mà dẫn ra chứng viên. Đáp: Trong kinh ấy Phật vì Kiên Ý mà nói rộng văn thứ lớp xong, Phật hỏi Kiên Ý vì sao một niệm mà thực hành đủ sáu độ. Kiên Ý bèn dùng văn này đáp lời Phật. Cho nên biết thứ lớp sau giải thích viên mà nói. Chẳng thấy ý kinh này liền bảo giải thích này là vọng đoán. Cho nên đời gần đây giải thích mười lực đều bỏ văn này. Khiến kẻ học sau viên hạnh không có chỗ gửi gắm. Văn này y theo đó trải qua tất cả pháp đều là tướng sáu độ vô tác. Cho nên Pháp Hoa chép: xưa nhân giả nhận châu báu anh lạc pháp thí nầy. Anh lạc là tài, tài tức pháp. Lại trong hạnh trở xuống là biện lại thiền tuệ Ba-la-mật, đều trước nêu lỗi, sau nói đức. Văn trước tức là nêu lỗi của thiền. Tuy nói Lăng-nghiêm ở pháp khởi mê đắm nên nói sanh nhiễm. Nay quán trở xuống là nói đức, quán tâm năng trước, trước còn không tâm, chẳng lẽ lại chấp Lăng-nghiêm là chỗ nhất định. Phải biết trở xuống là xếp lại. Nói có định là từ điên đảo sanh, như thế trở xuống là kết. Có tướng định loạn chẳng lẽ lại thấy không và chẳng không, tức phá tướng định, sanh nhiễm tức lìa phược tham đắm thiền vị. Thể đồng pháp giới, ứng khắp tất cả, gọi là phương tiện sanh. Hành giả trở xuống là nêu lỗi tuệ. Có người hay chấp mình là thô, huống chi là tự cao đâu gọi là tuệ.

Trước tâm chướng trí gọi là trí chướng ngại. Tất cả ngoại đạo đều tự cho là đúng. Nay đã tự cao lại đồng ngoại đạo đâu chỉ lỗi trong trí mà thôi. Đại luận chép: Nếu có Bồ-tát đối với các Bồ-tát khác nghĩ rằng: Ông không có việc đó, chỉ riêng ta có. Vì nhân duyên ấy nên lại mất đạo. Cho nên Đại Phẩm chép: Có Bồ-tát kia khinh các Bồ-tát khác trải một niệm, trải qua một kiếp xa với Phật đạo. Lại trải một kiếp tu hành Phật đạo. Cho nên chẳng tự cao, cũng chẳng hạ thấp người khác. Tức phản trở xuống là nói đức. Phản quán năng tâm trước là trung trí. Người quán là ta, người không phải quán là người tán tâm, tâm trung trí không có hai đối đãi đó. Người quán đã không trở xuống là rõ chấp, không có chỗ quán cũng phá. Chẳng được trở xuống là lại phá năng chấp. Đây là ý chánh nên lại nói. Đại luận trở xuống là dẫn chứng phá tưởng chấp năng quán có trung trí gọi là hý luận. Niệm tưởng ở ý hý luận thường ở miệng. Nói hẳn giả tâm gọi là Tâm hý luận. Nay diệt gốc ấy nên niệm tưởng dứt hết gọi là hý luận diệt. Do hý luận mà sanh các tội, nên hý luận diệt thì gọi là các tội trừ. Gốc tu trung trí do dính mắc, chướng ngại trung. Cho nên các tội trừ, còn gốc thường là một. Như thế, v.v... người vô trước ở đây mới thấy diệu trí. Đại Tập quán tâm tâm, tức là tâm sở quán và tưởng năng quán, gọi là quán tâm tâm. Nếu chẳng đều quán lại sanh hý luận. Chiếu được như thế thì cũng gọi là Thường một. Cho nên nói tức tưởng này. Như thế trở xuống là kết thành văn trước thành ba Tam-muội. Sau đạo phẩm đã mở ba thoát sáu độ đạo phẩm tên khác mà nghĩa đồng. Cho nên sáu độ sau kết thành ba thoát sáu độ đạo phẩm là tướng đồng khác, đến quyển thứ bảy trong Trợ Đạo có nói. Nay sáu độ này đã là vô tác, nên ba Tam-muội phải từ viên mà giải thích, cũng như quyển bảy giải thích đạo phẩm sau. Lại phá trở xuống là kết thành các Ba-la-mật, phá đảo cho nên độc diệt, đạo diệt cho nên việt, có việt nên có hàng ma, hàng ma cho nên đủ Ba-la-mật, ba đảo tức là tâm, tưởng, kiến nầy thuộc về kiến hoặc. Ba độc tức là tham, sân, si. Đây thuộc tu hoặc. Ba hữu lưu, tức là Dục, Sắc và Vô sắc nhân quả chẳng dừng nên gọi là lưu (dòng chảy), nhận chìm hành giả nên gọi là lưu. Bốn ma tức là phiền não, v.v... ở dưới cảnh ma. Ma là kẻ thù của Phật nên gọi ma oán. Ba đảo này văn gần mà nghĩa xa, nên phân làm hai ý. Nếu thô hoặc, tức là người viên thô hoặc trừ trước. Nếu tế hoặc, thì phải cùng y cứ giới ngoại mà giải thích đồng thể, kiêm tu biến dịch ba cõi, giới ngoại bốn ma cho đến thô tế thể một, mới gọi là Viên Ba-la-mật. Nhiếp thọ trạch diệt là huống thích còn thành tất cả, huống là chỗ phá ba đảo như trên và phá bốn ma, thành ba Tam-muội. Kế lại trở

xuống là dùng Thi làm đầu, dùng năm trang nghiêm trải mười hai việc. Trước nói thi để trải mười hai, là trước nói trong đàn dẫn đầu là Lăng-nghiêm nghĩa viên lời chung. Trong nói thi này nêu riêng tướng quán. Trước y cứ tác thọ để nói cảnh quán. Quán cảnh kể lại sự tướng mà thôi. Đối trần chế tâm nên dụ bát dầu. Sáu tác cử động nên nói oai nghi. Nói bát dầu là Đại Kinh quyển hai mươi chép: Thí như ở thế gian có các đại chúng đầy khắp hai mươi lăm dặm, vua ra ví dụnh cho một vị quan cầm một cái bát dầu để đi ngang qua đó mà không làm đổ dầu, nếu mất một giọt sẽ bị giết chết. Lại sai một người vác dao theo sau. Ông quan vâng lịnh vua đi mà hết lòng giữ gìn, đi qua giữa chúng đông, tuy thấy năm dục mà tâm luôn buộc niệm, nếu buông lung mà bỏ giữ gìn mạng sống thì hết cứu. Cho nên người này sợ sệt chẳng đổ một giọt dầu. Bồ-tát cũng như thế, ở trong sanh tử chẳng mất niệm tuệ. Tuy thấy năm dục mà tâm chẳng tham đắm. Chỉ quán ấm khổ chẳng sanh chẳng diệt năm căn thanh tịnh mà được giới căn. Kinh Hoan Hỷ Hành lời khác sự đồng. Chỉ gọi trở xuống là bác bỏ sự. Sự tướng trì giới chỉ có thể thoát khỏi ba đường, trời người yêu kính, chẳng gọi là ba đế Tam-muội hai chết bờ kia. Theo lý cũng phải bác bỏ trì giới đọa ba đường ác. Như trong Đại kinh nói có ba thiên sự đọa ba đường ác. Nay chưa rảnh để nói sanh lên cõi trời cõi người còn bác bỏ vô lý, huống chi là việc này ư, cho nên chẳng luận. Nếu được trở xuống là nói ý dùng quán, phải đủ như đàn trong sáu độ, chỉ ứng nghĩa mà giải thích khiến năm nghiêm thi, bốn dưới cũng như thế, Bảo quán dưới là quán không, người chưa thấy lại nêu trước sáu thọ, sáu tác văn lược, tức là cho sáu đường bốn vận làm cảnh, hai thánh bốn vận làm quán, bốn vận bốn câu cho đến bốn vận sáu mươi bốn câu, cho nên nói các thứ. Chỗ khởi tức là sáu đường bốn vận. Năng quán gọi là suy ra quán tuệ. Năng sở đều mất mới thành môn Đại thừa. Chẳng trong ngoài, là nói sáu thọ không. Chẳng tới lui là nói sáu tác không. làm được như thế trở xuống là kế nói quán giả. Nêu thẳng mười giới chẳng ngoài mười pháp giới. Sự giới còn bác bỏ thành cảnh quán, cho nên chẳng nói lại. Tịnh như hư không là nhắc lại cảnh sở quán của quán không ở trước, bảy chi vô nhiễm dụ như hư không. Nếu dùng mười giới mà đối ba quán, v.v... đến quán thứ tư phải tự giải thích. Tâm đã trở xuống là Quán trung. Sắc là sắc pháp trở xuống là kế nói dùng để năm nghiêm thi. Văn tướng dần lược. Sắc tức là năng thấy biết. Sắc pháp là sắc được thấy. Thọ là phân biệt lãnh nạp. Ba sư chỉ là sắc, v.v... ba thứ nầy đều y cứ viên ý mà giải thích. Lệ như trước dẫn văn Thủ-lăng-nghiêm. Sau đàn nêu nhẫn. Thi là chỗ nghiêm nên chẳng nói

lại. Sắc sắc, v.v... ở đây văn lược. Đầy đủ phải nói như văn trước nêu sắc và sắc pháp, cho đến thọ trở xuống lệ như thế. Đây trở xuống là kết thành ba Tam-muội. Văn lược ví dụ trước. Sao chỉ trở xuống là so sánh ra tất cả, ý cũng đồng trước. Quán sắc trở xuống là lệ với tác thọ kia. Theo văn chỉ phải lại nói sáu tác, hoặc là văn lầm. Dẫn Pháp Hoa: là oai nghi chứng thành Phật đạo ý thông. Kế trải trở xuống là nói nhẫn độ làm đầu để năm trang nghiêm. Văn tướng rất lược. Chỉ nêu sự nhẫn, cho đến quán không. Các thứ khác đều lược không có. Trước vừa ý hay không vừa ý tức là sự nhẫn. Kế ở vi trở xuống là quán không, chẳng thấy nêu riêng sáu thọ ở trước, vô tác nêu chung sáu tác. Kiến là năng kiến, sở kiến, nghĩa là thấy sắc phân biệt mà chấp ngã. Tác cũng như thế, còn bao nhiêu nhờ quán trung và kết thành đều lược bỏ. Kế trải tinh tấn trở xuống là dùng tấn làm đầu để trang nghiêm năm độ kia. Ở trong tác phẩm giải thích cũ nói không phân biệt thể, là chỉ siêng thực hành năm độ thì gọi là Tinh tấn. Tức chỉ năm độ làm các hạnh. Nghĩa mà suy trở xuống là muốn nêu biệt thể, trước hoặc bác bỏ cũ, nghĩa chung không phải vô lý, không phải hoàn toàn đúng. Cho nên ung dung nói nghĩa suy mà thôi. Nếu chỉ chung thì lẽ ra chỉ có năm độ, vì sao các giáo đều nêu sáu? Như Đại luận quyển mười tám chép: Đại Bồ-tát lấy tinh tấn làm đầu đối với năm độ gọi là tinh tấn. Đây đủ cả hai ý chung riêng. Cho nên ý nay phải có tự thể riêng. Lệ vô minh trở xuống là ví dụ giải thích. Như vô minh hoặc cũng có chung riêng. Chung là tương ưng vào các sử, riêng là độc đầu, chẳng vào các sử. Vì so với tinh tấn mà nói rất dễ hiểu. Nay lại trở xuống là chánh nêu tướng riêng. Lưu truyền không phải chỉ dựa vào tụng kinh, đã không phải năm thâu xét mà biết là có riêng, chẳng phải bác bỏ trở xuống là bác bỏ sự. Tam-muội là định, hai pháp định, tuệ dẫn dắt tất cả pháp, cho đến thành Ba-la-mật. Nếu Đại sư tụng kinh quán pháp thì sự lý đều đầy đủ. Như niên hiệu Khai Hoàng một có vị tăng ở Dương Châu tụng thuộc Niết-bàn tự kiêu nghiệp mình. Lại ở Kỳ Châu có Sa-di ở Lâm Tự dưới núi Đông sơn chỉ tụng một phẩm Quan Âm. Cả hai cũng chết đồng gặp vua Diêm-la. Diêm-la bèn mời Sa-di ngồi tòa vàng và rất cung kính. Còn vị tăng tụng kinh Niết-bàn mời ngồi tòa bạc không kính trọng lắm. Việc xong hỏi rằng: Cả hai đều còn tuổi thọ nên đều được thả về. Vị tăng tụng kinh Niết-bàn rất hận, ỷ mình tụng nhiều, do đó bèn hỏi Sa-di chỗ ở rồi từ biệt mà tỉnh dậy. Tăng tụng kinh Niết-bàn bèn đến Kỳ Châu hỏi thăm thì quả gặp được Sa-di, hỏi lý do thì Sa-di chép: trước tụng Quan Âm, riêng áo riêng tòa, đốt hương phát nguyện, sau rồi mới tụng pháp ấy không biếng lười, không

còn có việc gì khác. Vị tăng tụng Niết-bàn tạ rằng tội mình rất nặng. Khi tụng Niết-bàn oai nghi không nghiêm chỉnh, thân miệng bất tịnh, chỉ mong khỏi quên. Cho nên người xưa nói nhiều mà ác, không bằng ít mà thiện, nên xét vào đây. Đây cũng tinh tấn không phải Ba-la-mật. Nay quán trở xuống là lý quán. Trước nêu quán không. Niệm niệm trở xuống là lược nói Trung đạo. Phiền não chẳng xen vào gọi là Tinh, Niệm niệm lưu nhập gọi là Tấn. Hỏi: Chỉ nhờ tụng kinh vì sao phải suy xét sáu thọ sáu tác mà nói thọ giả, tác giả. Đáp: Nói chung tác thọ đâu cần đủ sáu, cho nên tác thọ, nhiếp tất cả thiện. Nhờ khiến riêng y cứ tụng kinh mà nói tức đối sáu trần tụng không đứt quãng, tức là ở thọ mà làm tinh tấn. Chỉ đối sáu tác thiếu ở nằm im, khi bịnh mở tụng nên cũng được nằm. Tụng thầm không đứt quãng ở lý cũng được. Cho nên biết tụng kinh tác thọ đầy đủ. Kế trải các thiền trở xuống là lấy thiền làm đầu trang nghiêm năm độ. Văn đầu nêu chung sự thiền. Chỉ là trở xuống là bác bỏ sự, quán nhập định trở xuống là chánh nói lý quán. Dùng tâm so sánh định, tâm là tán tâm, tán tâm còn không huống gì là chấp định. Định tức chín tưởng, tám bối xả, v.v... chẳng chấp định tán là thấy thiền thật tướng. Thật tướng nhiếp khắp tất cả pháp. Cho nên luận thứ năm trở xuống là dẫn luận chứng thành, thiền là thật tướng, trước dẫn văn luận. Kế các sư trở xuống là nói các luận sư giải lầm ý luận. Ý luận chánh vì quán chín tưởng tức là thật tướng. Cho nên tám tưởng sau tức nói mười lực, bốn vô sở úy. Vì sa? Vì như chẳng hoại pháp nhân tu thứ tám xong đối với tưởng xương còn đủ tất cả thần thông biến hóa. Cho nên người Đại thừa ở đây lại có thể đủ các Phật pháp, đâu phải chỉ có luận văn. Phẩm Quảng Thừa trong Đại Phẩm chép: Thân niệm xứ, Phật vì Tu-bồ-đề giải thích rộng. Giải thích chín tưởng xong, kết rằng đó gọi là Đại Bồ-tát kế giải thích rộng ba mươi bảy phẩm cho đến mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng. Đại luận quyển ba mươi tám văn dưới vẫn giải thích kinh. Luận sư chép: Rất lầm lẫn. Hỏi: Bảy tưởng kia cũng có thể phát chăng? Đáp: Nếu luận bất định và như dụng trợ, cũng có nghĩa phát mà phần nhiều ở quyển tám. Vì tưởng thứ tám sanh các thiền. Kế trải trí tuệ trở xuống là dùng trí làm đầu năm trang nghiêm kia. Vì văn lược nên nói thẳng rằng: Đại luận có tám thứ giải có đủ sự lý. Đại luận mười một trong giải thích pháp bất trụ có hỏi rằng: Bát-nhã là gì? Đáp: có người nói là căn vô lậu, vì tuệ vô lậu là bậc nhất. Có người nói khi đến cây đạo thì nói dứt hoặc, trí hữu lậu trước chỉ là phước đức. Vì phiền não chưa dứt chỉ là hữu lậu. Có người nói từ mới phát tâm đến cây đạo đều gọi Bát-nhã, đến khi thành Phật thì gọi là Tát-bà-nhã.

Có người chép: Hữu lậu, vô lậu gọi chung là Bát-nhã. Vì sao? Vì thường quán Niết-bàn hành đạo nên gọi vô lậu, kết trước chưa dứt nên nói hữu lậu. Có người nói Bồ-tát Bát-nhã vô lậu vô vi chẳng thể thấy là vô đối. Có người nói Bát-nhã dứt bốn câu, cũng như ngọn lửa bốn bên chẳng thể lấy, chẳng thể chạm. Có người chép: Từ trước các lời nói đều có lý. Như năm trăm vị Tỳ-kheo đều nói hai bên và nghĩa Trung đạo. Phật nói đều có đạo lý. Có người chép: Cuối cùng là đúng vì có pháp như mảy may đều có lỗi. Nhân tuy có tám nghĩa mà chỉ có sáu, cái thứ bảy là hứa chung sáu thứ trước, thứ tám chỉ còn thứ sáu, thứ nhất trong sáu thứ đã chỉ riêng vô lậu, không ngoài Nhị thừa. Nhân thứ hai là hữu lậu chỉ thành Bồ-tát ba tạng. Quả thứ ba gọi là Tát-bà-nhã. Phần nhiều thuộc ý thông. Thứ tư nghĩa thông Viên Biệt đắc là Bát-nhã, là Ba-la-mật. Thứ năm cũng thuộc Bồ-tát cộng giáo nhưng vẫn chung Tiểu thừa. Thứ sáu nghĩa chung ba giáo nên cũng lý sự đầy đủ. Bảy, tám hai Sư cùng cho sáu trước cũng chung Viên Biệt. Cho nên lược dẫn để chứng ý nay. Nay lại trở xuống là chánh giải thích. Văn trước là sự nên thuộc cái biết của đời. bốn vận suy trở xuống tức là y cứ lý. Lý là ba trí nên nói như trên. Trải mười một việc nên gọi là kia. Phải nói tất cả pháp thiện mỗi pháp phải trải mười hai sự, chỉ là văn lược. Hỏi: Trở xuống là phân biệt chính phải phân biệt sáu Ba-la-mật. Chỉ quán nhân tiện lấy đây làm câu hỏi. Lại còn sáu độ chẳng ngoài chỉ quán như trong pháp nhiếp lại dẫn Đại Phẩm thành tướng sáu độ để làm lời đáp này. Nhưng sự sáu độ nếu không cùng nghiêm còn gọi chẳng kín, huống chi là lý ư? Vì sao? Vì như đàn không giới chẳng sanh đường lành, không nhẫn thì cảm báo thấp kém, không tấn thì hình chất nhỏ bé. Không thiền thì liền thành tán thiện. Không trí thì chẳng hiểu vô thường. Cũng như người giàu việc khác đều thiếu, năm thứ còn lại không có năm y theo nói rất dễ hiểu. Như mặc áo giáp vào trận, là tưởng thí dụ hành. Luận hỏi vì sao một độ phải năm trang nghiêm. Đáp: Đều là hạnh giúp làm có sức. Như người không tập luyện thì không có sức chiến đấu. Đại quân đều trang nghiêm đầy đủ khí trượng (binh khí) thì có thể phá trận. Bồ-tát cũng như thế, sáu độ cùng nghiêm mới phá được hoặc, mau được Bồ-đề. Đại luận quyển mười chín giải thích rằng: Một niệm tâm đầy đủ sáu độ, tất cả pháp và sáu độ nhiếp nhau đều là ý này. Quán như trở xuống là kế đáp chỉ quán. Nói nhà kín là có tuệ mà không có định, như đèn trong gió chiếu vật chẳng rõ cho nên dùng nhà định mà tránh gió cuồng tán. Đèn tuệ mới phá được đêm tối vô minh khiến cho báu thật tướng hiển bày sáng tỏ rất dễ thấy. Cho nên nói tu tuệ nhiều nên thêm lớn tà kiến,

nhiều tu định nên thêm lớn ngu si, nên phải tu bằng nhau thì không bị nạn này. Nếu tu không bằng thì Tiểu thừa còn thiếu huống chi là Đại thừa. Cán y v.v... là Đại Kinh quyển hai mươi chín chép: Đại Bồ-tát có đủ hai trang nghiêm làm lợi ích lớn, một định hai tuệ, như giặt áo dơ trước phải xả nước tro (xà bông) rồi mới dùng nước trong. Nay dùng tro định Lăng-nghiêm nước tuệ chủng trí, giặt dơ ba hoặc, sạch áo thật tướng. Như cắt ống tre, cầm gấp thì đứt, đứt là năng lực vận. Nếu vật thể đã lìa không phải ý ở đây so người chẳng hiểu một khái mà dùng Đại luận quyển hai mươi bảy chép: Như cầm ống tre nếu nắm lỏng thì đứt tay, nếu nắm chặt thì không bị thương, ngại là cắt lấy, cũng là giết. Nhĩ Nhã chép: "Bạch Hoa dã quản" Quách Bộc nói thuộc cỏ tranh, tay định nắm yên, dao tuệ cắt đứt. Như chặt gỗ cứng, trước phải dùng tay định mà động sau mới dùng tay tuệ mà nhổ. Đại kinh ấy văn đều có tám dụ, mỗi pháp đều hợp định tuệ của Bồ-tát. Lại Bát-nhã trở xuống là nhắc lại Bát-nhã chánh nêu ý viên. Pháp tướng thứ lớp phải nêu đủ sáu. Nếu nói về pháp thể mỗi pháp đều nhiếp tất cả pháp, đâu cần dùng sáu. Lại Bát-nhã trở xuống là nói lại điều pháp giới nhiếp tất cả pháp. Tất cả pháp cũng tức là sáu độ. Cho nên giải thích lại rằng: các pháp Bát-nhã kia đây tức nhau cũng đâu phân biệt ở một và sáu. Muốn nêu viên chỉ cho nên làm câu hỏi này mà sanh đáp ấy.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 2
(PHẦN 4)

Kế trong các điều ác, trước nói cảnh quán nói rằng: Thiện ác không nhất định, v.v... trước nói tướng chung của thiện ác. Đây thì chưa thể lấy hết làm cảnh quán. Vì sao? Vì xoay vần nhìn nhau được tên gọi thiện ác thì người nào không thiện người nào không ác, cho nên chẳng dùng làm cảnh quán. Nay nói đâu khởi, v.v..., tâm hung là ác, thân bịnh là cùi hủi. Chợt khởi tâm ba đường, chẳng sanh niệm Nhị thừa. Độc khí là Đại luận bác bỏ Bồ-tát Tam Tạng rằng: Còn đủ ba độc, làm sao nhóm hội vô lượng công đức? Ví như bịnh độc dù chứa đầy cam lộ cũng chẳng nên ăn. Bồ-tát tu các công đức thuần tịnh mới được thành Phật. Nếu có xen lẫn ba độc làm sao có thể còn đủ pháp môn thanh tịnh. Thân Bồ-tát cũng như bình độc, đầy đủ phiền não gọi là có độc, tu tập Phật pháp như chứa cam lộ. Pháp này dạy người khiến người mất mạng thường trụ. Đại Kinh chép: Từ đây, v.v... là dẫn chứng Biệt giáo. Cho nên trong phẩm Bốn Tướng, Ca-diếp nói tựa rằng: trước khi ta nghe bốn đức thì đều là tà kiến. Đây là Ca-diếp khiêm nhường tự bác bỏ trách. Nghĩa đồng ở tà, chẳng lẽ từ đây trở về trước đốn đồng ba thứ bên ngoại. Nay cũng như thế chưa hiểu lý nên nói là tà kiến. Tá tức là ác. Cho nên phải biết chỉ có viên là thiện. Lại có hai ý: Một là lấy thuận làm thiện lấy trái làm ác, là ý đối đãi. Kế là nêu thấu suốt làm thiện, là đối đãi dụng đối đãi, đều phải lìa ác, mê đắm viên còn ác huống chi là các thứ khác. Như thế trở xuống là kết thành tướng chung. Nay ở trở xuống là nói riêng cực ác để làm cảnh quán. Trong đây trước nêu thể ác tức sáu tế. Pháp thiện trở xuống là kết trước sanh sau. Trước tuy trở xuống là nói quán ý ác, vì thuần ác nên chẳng thể chẳng quán. Nếu chẳng quán thì chỉ có ác không có thiện, mình người đều thế, nên phải tu quán. Dẫu chẳng trở xuống là giải thích. Người khác dẫu chẳng hoàn toàn khởi bất

thiện, thiện ác chẳng không, xuất gia lìa đời trở xuống là huống thích khởi riêng. Xuất gia chẳng đủ lý đáng thiện ác, cư sĩ tại gia thuần ác huống là thiện ư? La-hán tập khí thừa cũng vẫn còn ác. Phàm phu trở xuống là nói nguyện do dùng quán, thánh còn tập khí thừa, phàm phu làm sao có thể buông lung. Như Phật ở đời trở xuống là trước nêu Phật ở đời dùng quán có ích dẫn người làm chứng. Trong trước quán ác ý mà nói chẳng thể tưởng vui, trong Đại luận quyển mười tưởng giải thích tất cả thế gian chẳng thể tưởng vui, nói rằng: Thế gian có hai thứ: Một là chúng sanh, hai là cõi nước. Nói chúng sanh chẳng thể vui là ba ác, tám khổ, mười bốn ác v.v... hoặc nghèo mà ưa bố thí, nhiều tiền mà keo kiệt, hoặc nghèo mà đẹp, giàu mà xấu, hoặc kiêu ngạo chẳng khiêm nhường, hoặc tiếp người thì dối gạt. Như thế vô lượng chẳng thể nói hết. Cõi nước chẳng thể vui là hoặc nhiều suy không tốt, đói khát lạnh nóng dịch bịnh khí độc, các thứ như thế, cho đến thượng giới (cõi trời) cũng có những khốn khổ hơn ở hạ giới, như ở trên cao rớt xuống thấp thì khổ chẳng nói được. Văn nói không có người tốt là lời lược chúng sanh lấy người khác mà so mình chỉ thuần chẳng thiên lệch. Cho nên chẳng thể chẳng quán ác. Kế trong Túng thích nói nhiều keo kiệt, là lược nêu sáu tế để giải thích Thiên khởi. Bốn thứ trước như văn. Rượu là nguồn loạn tức loạn ý tê, căn tánh dịch đoạt tức là ngu si tế. Nếu người có tuệ thì chẳng bị ác đổi hay sanh là căn, sác tập thành tánh, thường thường đổi trao nên nói dịch đoạt. Lại tùy cảnh mà chuyển thành dịch, hoặc ép mất chân gọi là đoạt, hoặc lấy ngu thay trí là dịch, trí bị chân chế là đoạt. Kế trong huống thích nói La-hán tập khí dư thừa, là Thân tử có tập khí sân. Vì từ đời quá khứ từ rắn mà sanh, có tập lăng mạn vì đời trước từng làm Bà-la-môn mà đến. Như khi Phật còn tại thế có một vị Tỳ-kheo thường soi gương là đời đời làm thân nữ mà sanh. Có một Tỳ-kheo thường thích theo nhiễm là đời đời làm thân khỉ mà sanh. Dẫn người làm chứng ở tại gia, tức lại nêu chung có người ác. Ương-quật trở xuống là nêu riêng người ác. Trước nói người ác có đạo, Ương-quật, v.v... là kinh Ương-quật chép: Thôn phía Bắc của thành Xá-vệ tên là Tát-na có con gái của Bà-la-môn nghèo tên là Bạt-đà, có một con trai tên là Nhất Thiết Thế Gian Hiện nhưng sớm mất cha, đến năm mười hai tuổi thì năng lực vóc đầy đủ thông minh khéo ăn nói. Có thôn khác gọi là Phá-ha-tư, có vị Bà-la-môn tên là Ma-ni-bạt-đà rất giỏi bốn bộ Vi-đà. Nhất Thiết Thế Gian Hiện theo ông ấy học, thầy được vua mời bèn nhờ Thế Gian Hiện coi nhà. Vợ Bà-la-môn thấy Thế Gian Hiện đẹp trai bèn sanh tâm nhiễm đến nam áo. Khi đó, Thế Gian Hiện nói Bà là mẹ

con, con đâu thể đối với bậc tôn túc mà sanh bất thiện. Bà ấy hổ thẹn buông áo lánh xa, rồi tự lấy móng tay cào trầy xy cứ mặt mày, lại lấy dây tự cột mà chân không rời đất. Khi người chồng về, bà sợ Thế Gian Hiện kể lại việc xấu, bèn dùng lời ác mà vu cáo Thế Gian Hiện, khi ông đi rồi nó đã có điều không phải với tôi. Thầy nói: "khi Nó mới sanh đã có điềm lạ, chắc chắn không có lỗi ấy," liền bảo Hiện rằng: "ngươi hãy đi giết mười ngàn người thì khỏi tội." Thế Gian Hiện nghe nói thì bạch rằng: "Than ôi, việc giết ngàn người con không làm được." Thầy nói "ngươi là người ác, chẳng thích sống làm Bà-la-môn hay sao? Đáp rằng: "Lành thay! Con xin vâng lời" rồi lễ dưới chân thầy, thầy thấy vậy nghĩ là người ít có, ông là người đại ác chẳng chết hay sao? Bèn sai giết mỗi người rồi lấy ngón tay làm tóc đội trên đầu thì thành Bà-la-môn. Do duyên đó nên gọi Ương-quật-ma, khéo vâng lời dạy. Tăng Nhất chép: Như thế lần lượt giết ngàn người lấy ngón tay làm tóc. Có người tâu vua Ba-tư-nặc trong nước có người rắn giết hại vô số người. Tỳ-kheo tu hạnh khất thực nghe xong liền bạch Phật. Phật tìm đến chỗ ấy. Các người lấy củi và bắt trâu dê đều chẳng qua được bảo là có giặc. Phật cứ tiến lên từ xa thấy Phật đến bảo ngón tay làm tóc của ta chưa đủ số. Người Mẹ nhân đem đồ ăn đến, lại tự nghĩ thầy ta nói giết mẹ thì sanh lên cõi trời. Liền nắm đầu mẹ rút kiếm định giết. Phật phát ra ánh sáng. Quật chép: Chẳng phải trời phạt ta sao? Mẹ nói: Không phải ánh sáng của mặt trời mặt trăng, chính là ánh sáng của Thế tôn. Quật nghe tên Phật, bảo rằng thầy ta có nói giết Sa-môn cũng được sanh lên cõi trời. Bảo mẹ đứng đây, tôi đi giết Sa-môn, bèn bỏ mẹ mà rượt theo Phật, thấy Phật như núi vàng. Phật cứ đi trên đường, rượt theo không kịp, bạch Phật nói kệ, đồng với kinh Ương-quật. Kinh Ương-quật chép: Ngừng lại đi Đại Sa-môn con vua Tịnh Phạn, tôi là Ương-quật-ma nay đến xin một ngón tay. Như thế gồm có ba mươi chín bài kệ chỉ đổi câu thứ hai nói rằng:

Người nhuộm áo không tham,
Người cạo đầu hủy hình,
Người biết đủ ôm bát.

Phật dùng hai trăm sáu mươi bảy hàng kệ đáp rằng:

Dừng lại Ương-quật-ma
Ông phải trụ tịnh giới,
Ta là Đẳng Chánh Giác
Hơn ông kiếm trí tuệ.

Chỉ đổi câu thứ ba, các câu khác đều đồng, các câu thứ ba khác

nói:

Ta trụ mé Vô sanh,
Ta trụ ở mé thật,
Ta trụ mé vô tác.

Đều dùng chỗ chứng mà đáp Ương-quật, Ương-quật nghe rồi bèn dùng Phật lực mà khiến cho ngộ. Trong bản Phạm chép: Như lai ra đời ức kiếp mới được gặp, kẻ chưa độ thì đều độ (bốn hoằng). Có người thấy Phật liền vì nói diệt, rượt theo không kịp hẳn là Như lai, bỏ kiếm hầm sâu liền lễ Phật, Phật nói lành đến, liền thành Sa-môn được pháp nhãn thanh tịnh. Vua Tịnh Phạm thống lãnh bốn binh đến đánh. Vua nghĩ trước phải gặp Thế tôn mà chưa rõ mọi việc. Phật hỏi có ý gì, vua đáp đầy đủ ý mình. Phật bảo vua rằng: Thấy người xuất gia hành đạo thì phải làm sao? Vua nói: Phải cúng dường lễ bái. Nó không có chút thiện, làm sao phát được tâm này. Bấy giờ Ương-quật ngồi kiết già chánh ý, cách Phật rất xa. Phật chỉ cho vua thấy. Vua lễ bái cúng dường rồi khen Phật khéo hàng phục người ác ấy. Sau Phật nói pháp cho nghe mà được quả A-la-hán, đủ sáu thần thông. Vào thành khất thực, có người thấy biết. Có người đàn bà thai sản rất khó gặp Phật, Phật nói Hiền thánh xưa nay không hề giết người, người đàn bà ấy không ai khác.Có Tỳ-kheo hỏi Phật bổn duyên v.v... vốn là Bà-la-môn muốn cầu pháp sanh lên cõi trời chẳng trái với lời thầy dạy, gồm bảo vệ người bà dối trá kia mà giết hại. Cho nên văn chép: "giết lắm mà từ cũng lắm" Kỳ-đà-mạt-lợi, v.v... là y theo kinh Vị Tằng Hữu quyển hạ chép: Thái tử Kỳ-đà bạch Phật rằng xưa thọ năm giới, giới cấm rượu là khó giữ bèn muốn bỏ năm giới mà giữ mười điều lành. Phật nói: Khi uống thì có lỗi gì. Đáp: Trong nước các bậc Hào Hiền mang đến cùng uống cũng không có lỗi khác. Phật nói: Như thế thì trọn đời không lỗi. thiện có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu. Uống mà chẳng khởi nghiệp ác là thiện báo, gọi là thiện hữu lậu. Phật nhân đó nói nhân duyên xưa. Xưa, ở nước Xá-vệ có vị vua, vì tranh việc nhỏ mà có thù oán lớn, bèn dấy binh đánh nhau. Có vị Đại thần tên là Đề-vi-la ỷ mình giàu sang mà khinh mạn. Lúc đó, Thái tử muốn giết đi. Cha không cho bèn ôm hận buồn rầu. Thái hậu thấy bèn mang rượu ngon đến khuyên. Con nói Tổ tiên từ trước đến nay chẳng hề uống rượu. Nếu uống rượu thì trời Na-la giận, Bà-la-môn phạt con. Thái hậu giữa đêm sâu mở cửa cung khuyên con ba lần, uống rồi thì quên ưu phiền. Trong ba ngày rất vui sướng, do đó mà dứt oán cừu. Vua cha lại can phàm phu đức trải nhiều đời sao vì việc nhỏ mà gây oán như thế. Nếu chẳng nhẫn thì mất nước, do đó mà hòa bình, đó là năng lực của uống

rượu. Mạt-lợi, kinh nói: Vốn tôi tớ Bà-la-môn Da-nhã-đạt ở thành Vương-xá tên là Huỳnh Đầu, thường biết giữ vườn, nhân đem lương khô mà cúng Phật cầu phước. Sau, vua Ba-tư-nặc đi săn vào vườn mà gặp, người tớ ấy cung cấp cho vua và xoa bóp rất vừa ý vua hỏi Bà-la-môn có bán không thì đáp: Kẻ tôi tớ hèn của tôi sao kham được. Vua lại hỏi thì đáp rằng bán ngàn lượng vàng, vua đem trăm ngàn lượng vàng mà mua về làm phu nhân bậc nhất. Kinh Vị Tằng Hữu chép: Nặc vương bạch Phật: Như Phật nói tâm rất vui mừng, chẳng khởi nghiệp ác gọi là thiện hữu lậu. Việc ấy chẳng đúng, như người uống rượu tâm rất vui vẻ, chẳng sanh phiền não. Vì chẳng sanh phiền não nên chẳng giết hại. Con nhớ thuở xưa khi đi săn, quên đem người nấu bếp theo, vào rừng, khi đói thì các người hầu nói: lúc sáng Vua chẳng bảo đem đầu bếp theo nên bây giờ không có gì ăn. Ta nghe rồi phóng ngựa về cung sai đem đồ ăn. Người đầu bếp tên Tu-ca-la thưa: Hiện không có đồ ăn, bây giờ mới làm. Vua đói quá nổi giận, ra lệnh giết người đầu bếp, các quan cùng bàn cả nước chỉ có một người đầu bếp này, giết rồi không ai nấu ăn vừa ý vua. Lúc đó, phu nhân Mạt-lợi nghe xong liền khiến đem rượu quí, thức ăn ngon, rồi tắm gội sạch sẽ, xức hương thơm, tô điểm thân thể xinh đẹp cùng các kỹ nữ đến chỗ con, con thấy phu nhân thì liền hết giận dữ. Phu nhân vội sai Huỳnh môn chớ giết đầu bếp. Đến sáng thì con hối hận buồn rầu chẳng vui. Phu nhân hỏi con: Vì sao chẳng vui? Con đáp: Hôm qua bị lửa đói thiêu đốt mà giết lầm người đầu bếp, nên nay hối hận chẳng vui. Phu nhân cười, nói: “Người ấy còn sống, xin vua chớ buồn.” Vua hỏi “chuyện thật hay đùa?” Đáp: “Thật”. Rồi gọi người đầu bếp đến, con rất vui mừng. Vua bạch Phật rằng: “Phu nhân thọ năm giới, mỗi tháng đều ăn sáu ngày chay. Trong năm giới thì phạm hai giới rượu và nói dối. Trong tám giới thì phạm năm giới là ăn quá ngọ, thoa xức hương thơm, ca múa, nằm giường cao rộng, uống rượu, nói dối. Tội phá giới ấy nặng hay nhẹ. Phật nói: Người phạm như thế được công đức lớn. Vì sao? Vì làm lợi ích. Đây là y cứ phạm giới vì cứu người. Bồ-tát lợi tha được gọi là trong ác có thiên. Cho nên chép: Chỉ có rượu chỉ có giới muốn từ đây làm ví dụ khéo tự châm chước. Nếu thuận theo tâm tham thì chẳng phải trì giới. Hòa-tu-mật-đa v.v... Thuyết Văn chép: Dâm là tư thông, ở truyện nói là tham sắc. Kinh Hoa Nghiêm chép: Kế lại đi về phái Nam có thành tên Trang Nghiêm, có con gái của Thiện tri thức tên Hòa-tu-mật-đa. Thiện Tài đến đó xin gặp cô gái ấy. Trong thành có người chẳng biết nói đồng tử này các căn vắng lặng trí tuệ sáng suốt, quán kỹ một tầm mắt nhìn chẳng nháy, tâm chẳng lay động, chẳng có

tâm tham nhiễm với cô gái ấy. Đồng tử này chẳng làm ma cột, v.v... Trong đó có người biết trước cô gái ấy có trí tuệ, bèn bảo Thiện Tài rằng: Lành thay, lành thay! Nay Ông hãy gặp cô gái ấy, ông đã được gốc lành rộng lớn, ông phải quyết định cầu quả Phật các thứ khuyên răn. Phá tất cả chúng sanh có tâm tham nhiễm với nữ sắc. Này người thiện nam, cô gái này ở phía Bắc thành thường ở trong nhà. Nghe rồi thì vui mừng đến trước nhà cô thấy nhà cửa các thứ trang nghiêm, thấy cô gái dung mạo xinh đẹp nói năng khéo léo, vào trí Như huyễn pháp môn phương tiện, các thứ trang nghiêm thân, từ thân phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu sáng khắp nhà. Ai thấy ánh sáng thì thân thể được thanh tịnh, đến lạy dưới chân chắp tay bạch rằng: Kính Thưa bậc Thánh, con vì trước phát, v.v... cô gái nói tôi được giải thoát tên là Ly Dục Tế, hễ muốn hiện thân thì hiện thân, đều khiến thấy khác nhau. Nếu người bị ý dục ràng buộc đến chỗ tôi nghe pháp, gặp gỡ, chấp tay, ngồi tạm trên giường, thấy tôi mà khấn vái, thấy tôi mà nháy mắt, v.v... thì đều được lìa dục, ôm ấp hun hít chạm môi đều được pháp môn. Tôi vào thời quá khứ, ở chỗ Cao Hạnh Vương Như lai là một vị Trưởng giả, cúng thí một đồng tiền vàng. Khi ấy, Văn-thù là thị giả Phật nói pháp cho tôi nghe, khiến phát tâm Bồ-đề. Do đó mà được pháp môn Ly Dục Tế của Bồ-tát. Cho nên biết năng hóa sở hóa đều là nhờ dục mà được lìa dục. Cho nên nói trong ác có thiện. Lại, như kinh Tuệ Thượng Bồ-tát quyển thượng chép: A-nan vào thành khất thực, thấy Bồ-tát Trọng Thắng Vương ngồi cúng dường với người nữ. Tôi bảo phạm uế chẳng khác mọi người, người tu học phạm hạnh phải dùng giáo Như lai mà tưởng thấy nghe không phạm. Khi nói thế thì Đại thiên rung chuyển. Bồ-tát tức thì bay lên hư không cách mặt đất bốn trượng chín thước bảo A-nan rằng: Người phạm dục thân có bay lên hư không được chăng? A-nan nằm mọp sát đất tự sám hối, như thế ở chỗ rồng lớn mà tìm lỗi được chăng? Đây cũng vì dục mà làm pháp môn. Sợ thấy hổ thẹn hoặc gọi vô ngại hoặc nói lý dung. Nếu người được lý phải như hàng Mật-đa Tuệ Thượng, thân bay lên hư không y chánh đều nghiêm đẹp, khiến người ấy ngộ nhập vô lượng pháp môn. Nếu có hiện thần thông còn nên hỏi rằng thông do đâu mà được. Nếu tự chứng pháp môn thì gọi là gì, từ chỗ Đức Phật nào mà phát tâm đầu tiên từng cúng dường bao nhiêu Phật? Ở vị lai lúc nào sẽ thành Bồ-đề, từng ở chỗ Phật được thọ ký, ở vị lai thanh tịnh cõi Phật ở phương nào, thánh Phật hiệu gì, mấy hội nói pháp, thị giả Bổ xứ tên gì, Phật thọ bao nhiêu kiếp, chánh pháp tượng pháp trụ được bao lâu? Nếu chẳng thể đáp câu hỏi như thế thì là quỉ thông, ngoại đạo căn bản, thần thông hữu lậu. Sanh

tâm nhiễm rồi thì thần thông này mất, hoặc người nói dối không biết hổ thẹn. Như bảo thân này tức là Phật. Thích Tôn đã diệt, Từ Thị chưa ra đời lại không phải là Phật từ phương khác đến, nếu không phải ma tặc thì gọi là gì? Nếu ông chẳng tin có Phật mười phương tự gọi là Phật thì rất trái nghịch. Cho nên biết người này tự diệt đạo tâm phá gốc thiện của người khác. Nếu đại quyền nghịch hóa thì chẳng tự xưng ta làm vô ngại. Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát lại chép: Quá khứ vô số kiếp có Phạm chí tên là Đăng Quang ở trong rừng rậm thực hành nguyện cát tường trải qua bốn trăm hai mươi năm, đến nước Ma-kiệt, có con gái người thợ gốm thấy Phạm Chí khôi ngô bèn nằm mọp trước Phạm Chí. Phạm Chí đáp: Ta chẳng thích. Cô gái nói nếu chẳng được thì tôi sẽ tự sát. Phạm Chí tự nghĩ ta thường giữ giới, nếu phạm vài giới thì chẳng phải cát tường, bước ra bảy bước liền khởi tâm từ bi mà sắp phạm giới, chẳng thế thì cô gái chết, thà khiến cô gái được yên mà ta vào địa ngục bèn làm theo nguyện ấy. Mười hai năm sau thì chết, sanh lên cõi trời Phạm. Trước là pháp thân hóa hiện không thể nghĩ bàn, đây là thật hạnh quên phạm cứu người. Người bắt chước đây nên tự xét nghĩ. Thế gian khổ nhỏ còn chẳng thể chịu nổi mà có thể phạm giới để vào địa ngục ư? Đề-bà-đạt-đa tà kiến tức chánh. Hai chữ Đa Đâu tùy còn một chữ, nếu còn cả hai thì e văn lầm. Lược như quyển một chép: hiện ở A-tỳ chịu khổ vô gián. Pháp Hoa lại chép: do Điều-đạt nên đầy đủ tướng tốt, thọ ký sẽ được thành Phật hiệu là Thiên Vương. Trừ Pháp Hoa ra còn tất cả giáo chỉ nói đời đời bị tướng ác quấy rối. Đây chính là giáo pháp quyền thật khác nhau. Nếu các trở xuống là kết. Đại quyền bày tích sâu cạn khó lường. Một lần xem văn như Ương-quật, v.v... giống như phàm phu, như Hòa-tu-mật vào vị đã lâu, tuy đã vào vị tức chỉ lúc đầu làm vợ Khi ấy Trưởng giả có thể lìa dục, gọi là trong ác có thiện. Nếu mãi mãi là phàm, chẳng chứng được pháp môn lìa dục. Cho nên biết Ương-quật lại nói theo tích, nếu nói theo bổn, thì cũng lúc xưa ở trong giết ác mà lìa bỏ được. Cho nên trong tích cũng dùng giết mà làm pháp môn lợi tha. Lại hễ nói chỉ bày, thì thị là thực hành khiến vô lượng người chẳng còn làm ác. Nói theo thực hành thì đối với lý không thương tổn, người đời phần nhiều mê ý quyền tích. các thắng hạnh đều bác bỏ quyền. Nếu như thế thì việc làm của các Bồ-tát đồng với hư cấu. Chỉ duyên thật ác thì rớt, bỏ ác thì lên. Cho nên bậc Thánh bày việc rớt lên, khiến người thực hành đổi ác theo thiện. Cho nên văn chép: Tuy làm các tệ mà được thành Thánh. Nói chẳng ngăn ngừa, nghĩa là ác có thể đổi, khiến đối với ác mà tu chỉ quán. Chẳng thể mặc tính làm ác mà mãi mãi làm

phàm phu. Chẳng phải nói còn ác mà gọi là không ngăn ngừa. Lại đạo chẳng năgn ngừa ác trở xuống là nói tuy được đạo mà cũng có dư ác. Tu-đà-hoàn: kinh Xuất Diệu quyển mười một chép: Xưa, có người chứng sở quả, ý duyên nữ sắc mà tư thông trong mộng. Người vợ đem tệ này gặp tri thức Tỳ-kheo bà con hỏi rằng: Tôi muốn trình bày sự tình ra đây được chăng? Tỳ-kheo chép: Không khổ nào bằng che giấu việc kín. Người vợ nói chồng tôi nặng về dục chẳng màng ăn uống, do đó sanh bịnh e mạng khó toàn. Tỳ-kheo chép: Hễ nếu khi gần ngươi thì ngươi phải nói pháp Tu-đà-hoàn thế sao? Sau làm theo lời dạy, người chồng nghe nói thì hổ thẹn mà được quả thứ ba, bèn không làm việc ấy nữa. Bà vợ hỏi chồng vì sao dứt hẳn. Chồng nói ta xét thấy bà vì sao đến đây. Vợ nói tôi có lỗi gì mà ông nói xét thấy. Bèn nhóm hợp bà con lại nói chồng thấy sơ khí dứt hẳn tình thân. Chồng nói dẫn chứng tự rõ, bèn làm một cái bình trong đựng đầy cứt đái, bịt miệng lại mà chơi. Rồi lấy gậy đập bể bình chất dơ tuôn ra, bà có lấy chơi nữa được chăng? Vợ nói thà ôm thây chết, hầm lửa nước sâu trên núi cao rơi xuống, chớ chẳng gao giờ dám gần. Chồng nói ta quán thấy thân bà con hơn như thế. Bèn nói kệ rằng:

Người mạnh vào định quán
Chổ thân tâm khởi trụ
Thấy rồi sanh oán ghét
Như bình vẽ hình kia.

Tất-lăng kiêu mạn: là qua sông nước chảy gấp khó qua, liền quát rằng: Tiểu tỳ hãy ngừng chảy, thần sông nổi giận đến chỗ Phật trách rằng: Tất-lăng mắng con. Phật khiến Tất-lăng-già đến sám hối thần sông. Tất-lăng chép: Tiểu Tỳ đến, ta sám hối ngươi. Mọi người cười rằng: Sám hối mà còn mắng. Phật hỏi Thần sông: Ông có thấy Tất-lăng chắp tay chưa? Đáp rằng thấy, Phật nói sám hối xong thì không còn kiêu mạn mà có lời nói này. Phải biết người ấy trong năm trăm đời làm Bà-la-môn, lại thấy thần sông đời trước làm tôi tớ cho mình thường hay cao mạn, khinh bác bỏ người khác, xưa nay quen miệng mà thôi. Thân Tử nổi giận, lúc đó La-vân theo Phật kinh hành. Phật hỏi La-vân vì sao gầy ốm như thế? La-vân dùng kệ đáp Phật:

Nếu người ăn dầu thì có sức khỏe
Nếu người ăn bơ thì xinh đẹp
Ăn mè rau thì không khỏe đẹp
Đại Đức Thế tôn tự nên biết.

Phật hỏi La-vân: Ở trong chúng ấy ai là Thượng Tọa? La-vân đáp

Hòa-thượng Xá-lợi-phất. Phật nói Xá-lợi-phất ăn bất tịnh. Lúc đó, Xá-lợi-phất nghe lời nói ấy, liền nhổ đồ ăn ra, thề rằng ta từ nay chẳng thọ người nữ thỉnh. Khi ấy vua Ba-tư-nặc, Tu-đạt-đa, v.v... đến chỗ Thân Tử, Phật chẳng vì vô sự mà thọ thỉnh. Nay chẳng thọ thỉnh ta, vì đâu được thanh tịnh tín. Thân Tử kể lại lời Phật bác bỏ trách vua. Vua bạch Phật, Phật sai trở về thọ thỉnh như cũ, nhưng vẫn chẳng thọ. Phật bảo người ấy tâm bền chắc chẳng thể lay chuyển. Vì xưa từng làm rắn hại vua. Thầy thuốc bắt phải uống nọc độc, nếu chẳng uống phải nhảy vào lửa. Suy nghĩ mà bảo rằng độc tôi đã bỏ vì sao phải uống, bèn nhảy vào lửa mà chết. Vì thiện ác chẳng ngại nhau, cho nên được cực quả cũng còn có ác. Thí như trở xuống là nêu thí dụ. Trong hư không lớn đều không có sáng tối. Sáng tối y cứ sắc nên có trừ nhau. Pháp tánh Hư không vốn không thiện ác. Phàm phu theo tình bảo là thiện ác trừ nhau. Cho nên Ký Tiểu Thừa và các phàm phu. Hai pháp thiện ác chẳng hại nhau, vì thể tánh vốn chẳng hai. Người thấu suốt như thế mới hiển bày Bồ-đề. Sở dĩ ở ác khiến tu chỉ quán thấu suốt ác, chẳng ác. Thấy thể tánh ác liền biết thể tánh vốn không thiện ác. Nếu người trở xuống là chánh nói ác tu quán. Đây lại nói chung đối ác mà lập quán. Tuy dùng chín tưởng, v.v... chiết phục càng dữ dội, nên phải dùng bốn vận mà suy xét mặc ý chế thân miệng để quán suy cùng. Nay muốn phá hoại nên nói tệ, nếu chẳng khởi chẳng được tu quán. Thí như trở xuống là nêu thí dụ. Câu pháp giống luân nên nói luân câu. Đại luận chép: Cá nuốt lưỡi dù ở trong ao nhưng ở dưới nước không lâu. Người ta cũng như thế, tin sâu Bát-nhã phải biết là ở trong sanh tử không lâu. Ở đây quán tham dục, Luận chép: Sanh tử là trong nhân nói quả nên nói sanh tử. Dục nặng như cá mạnh, quán yếu như bị dây trói. Sợ năng lực quán yếu mà dục được dịp làm hại. Chẳng cần dứt dụng tứ chi ngay. Cho nên khuyên răn chẳng thể tranh kéo, quán pháp là lưỡi câu, tha hồ khởi là mồi, mồi là đồ ăn. Muốn vượt quán gọi là vào miệng. Thời gian dài là xa, thời gian ngắn là gần. Tăng mạnh là phù, yếu là trầm. Thường dùng quán này mà đuổi theo chẳng bỏ, chẳng để thành nhân đến ở quả sau, gọi là chẳng lâu. Dục dứt quán thành gọi là thâu hoạch. Mới thành là thâu, vào vị là hoạch. Ở tế trở xuống là lời trong hợp. Nếu vô đẳng, là quán này có công năng trị dục, khởi nặng về dục nặng, càng bày Diệu quán. Cho nên nói có cá lớn nhiều chỉ tốt, thường dùng Diệu quán mà theo chẳng bỏ, khởi nhiều là nhiều, sâu nặng là lớn. Tệ này chẳng lâu, v.v... là mượn dụ để kết văn pháp. Ngự là tiến, Đại kinh quyển chín chép: Như dùng chú thuật chú khiến cho lành bịnh, dùng chất thoa da giày khiến chạm trùng độc,

độc sẽ tiêu. Tệ cũng như thế, lấy quán mà quán, tệ ấy chẳng lâu cũng làm quán được. Thể tệ toàn chuyển nên gọi là kham nhậm. Dục như da giày, quán như thuốc tốt. Dùng pháp pháp dục nghĩa giống như thoa. Quán thành vào dục, dục đều phá bỏ. Như chạm độc trùng thì độc liền tiêu. Dục chuyển thành trí, trí có thể tiến đạo. Vận đến Niết-bàn gọi là có kảh năng ngồi. Vì sao trở xuống là nói dụng quán? trước tham dục ở trong sáu tệ tức thuộc tệ đầu, tham dục tức là thí dụ về san. Ở trong ba độc chính là độc đầu, tức là ba quán chú cả ba là đó. Trước trong quán không, văn đầu bốn vận dùng phương pháp quán. Vi đương trở xuống là chánh dùng quán suy nay. Trước là vận đầu đối với vận thứ hai, bốn câu suy pháp. Trước nêu bốn câu, nếu chưa trở xuống là liền xem xét, tức diệt mà sanh. Sanh diệt trái nhau, tức diệt trái với sanh. Nếu tức diệt sanh nên thành trái nhau thì như chỗ đèn tắt tức là sáng thì không có việc đó. Nếu lìa sanh thì không nhân, tức lìa chỗ diệt này thì cố nhiên tự sanh nên thành không nhân. Như lìa chỗ đèn tắt thì tự nhiên sanh ra ngọn lửa. Lại nếu cho không nhân mà có sanh thì các chỗ không nhân cũng phải có sanh. Như chỗ không sữa cũng phải có lạc, cho đến gỗ đá cũng phải có tâm sanh. Kế là chưa tham cho đến vô nhân: Tham tuy chưa khởi, thể tánh là sanh. Lập câu đầu xong, kế tức là lìa, là trước định. Nếu tức trở xuống là câu hỏi kế. Cu6 hỏi trước chính là đó. Chẳng diệt mà sanh, tức chẳng diệt này lại sanh dục tham. Cho nên thành chưa tham cùng dục tham đều có. Nếu cho cả hai đều có thì phải ở bên sanh lại sanh ở sanh. Cho nên nói vô cùng. Nếu lìa trở xuống là khó lìa câu. Không nhân đồng trước nên nói cũng. Nếu cũng diệt trở xuống là câu (hỏi), nếu đều còn thì như nhân trái nghịch mà sanh quả. Nghĩa ấy không đúng. Pháp trái nghịch nhau là hai pháp chẳng cùng có, đâu chung làm nhân mà sanh được quả. Cho nên lại trách rằng: Chẳng cần nhau cũng ở diệt, lại là chẳng diệt, nên nói bất định. Nhân bất định này đâu sanh mà muốn sanh quả quyết định. Nhược kỳ trở xuống là lại dùng một lớp khác mà trách nhân. Nếu nói pháp thể một trái nhau thì thể chẳng phải một. Nếu nói thể khác diệt và chẳng diệt thì chẳng liên quan nhau, đâu được hai pháp cùng là một nhân mà sanh ra quả. Như nói sữa vừa diệt vừa chẳng diệt mà sanh lạc, thì không có việc đó. Nếu chẳng phải trở xuống là hỏi câu bốn, phàm câu cùng chẳng sai vốn cũng phá hai, hai cũng tức là câu ba cho nên thứ ba bị phá lại đến thứ tư, nên cũng trách là có hay không, nếu là có là không thì đồng với thứ ba, riêng có riêng không lại đồng với thứ hai. Ấy thì cùng chẳng sai chẳng khác ba ở trước, đâu cần lập lại. Cho nên kết vì sao gọi là cùng chẳng sai, lấy sữa

làm thí dụ y theo trước rất dễ hiểu.

Môn Diệu Quán này giả lập chủ khách, niệm niệm xem xét, không để một sát-na trốn thoát, tánh tướng đều mất mới gọi tức không. Không cho nên chẳng thấy dục tham, dục sanh. Kế lại chuyển trở xuống là y cứ theo nghĩa phải có sáu mươi bốn câu, hiện văn chỉ có mười sáu câu, như hướng bốn câu tức là trách dục tham dục sanh chẳng thật xong được. Lại chuyển hướng pháp bốn câu, suy ba câu dưới chỉ phải hợp rằng chẳng sanh, cho đến chẳng phải sanh, chẳng phải chẳng sanh, văn nay nói sanh, cho đến chẳng phải sanh, chẳng phải chẳng sanh, hoặc nêu lại hoặc là văn thừa. Hỏi: Vì sao lại suy ba câu sau. Trước tuy suy ở dục tham, dục sanh đã chẳng thấy sanh, sợ chấp Vô sanh cho đến chuyển chấp chẳng phải sanh chẳng phải Vô sanh cho nên lại phải suy ba ở dưới. Nếu suy Vô sanh phải nói là chưa tham muốn diệt dục, tham dục chẳng sanh sẽ là chưa tham dục chẳng diệt dục tham dục chỗ sanh vi đương chưa tham dục chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt dục tham dục chẳng sanh. Mỗi pháp cũng phải phức suy trách, lại có không tức lòa cho đến tánh v.v..., đủ như câu đầu chỉ dùng chẳng sanh để giúp sanh là khác mà thôi. lại phải dùng chưa tham muốn diệt v.v... đối suy dục tham dục vừa sanh vừa chẳng sanh, chẳng phải sanh chẳng phải chẳng sanh, cũng như thế. Đây gọi là suy ở tướng, đầy đủ bốn câu, nên lại phải suy chánh tham dục cho đến đã và chưa lại sanh ba cái mười sáu câu. Cho nên biết văn nay chỉ suy câu đầu, câu đầu đã thế thì ba câu kia cũng y theo đó mà biết. Đều dùng trong bốn câu chưa tham dục mà mê đắm, trong một câu dục tham dục ở sau tức dùng bốn dục như sanh, v.v... tham dục đối bốn cái chưa tham dục ở trước nên thành mười sáu câu. Nay lại làm đủ ba bản đồ mười sáu câu, giúp văn rất dễ thấy, thì đã nhìn chưa mà so y cứ, sẽ biết. Mười sáu câu đầu như vừa giải thích. Lại làm bản đồ.

1. Chưa tham muốn diệt
Chưa tham dục chẳng diệt
- Dục tham dục sanh
Chưa tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chưa tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
2. Chưa tham muốn diệt
Chưa tham dục chẳng diệt
- Dục tham dục chẳng sanh
Chưa tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chưa tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.

3. Chưa tham muốn diệt
Chưa tham dục chẳng diệt
- Dục tham dục vừa sanh vừa chẳng sanh
Chưa tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chưa tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
4. Dục, tham muốn diệt
Dục, tham dục chẳng diệt
- Chánh tham dục chẳng sanh chẳng bất sanh
Dục tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Dục tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
Ba câu dưới ví dụ bốn câu đầu mà làm.

Ba câu dưới ví dụ bốn câu đầu mà làm phải được giải thích cho nên trong văn nay chẳng cần viết rõ, như thế xem xét. Trong Chưa tham dục cầu bốn câu dục tham dục không thật có, còn chẳng thấy có tâm dục tham dục chẳng phải sanh chẳng phải chẳng sanh, huống chi là sanh. Tuy đây có suy dục tâm thô mạnh, hoặc lại chưa suy tâm dục tham dục cho đến chánh khởi. Tuy thế, không phải thân trao cảnh gọi là chánh, chỉ là khởi tâm suy khiến chẳng khởi, cho nên phải dùng mười sáu câu trong dục, tham dục vừa rồi để cầu chánh tham dục không bao giờ. Vì sao? Vì chánh khởi này phải nhờ dục khởi, cho nên suy dục khởi cầu chánh chẳng thật có.

1. Dục, tham muốn diệt
Dục, tham dục chẳng diệt
- Chánh tham dục sanh
Dục, tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Dục, tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
2. Dục, tham muốn diệt
Dục, tham dục chẳng diệt
- Chánh tham dục chẳng sanh
Dục, tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Dục, tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
3. Dục, tham muốn diệt
Dục, tham dục chẳng diệt
- Chánh tham dục cũng sanh cũng chẳng sanh
Dục, tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Dục, tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
4. Dục, tham muốn diệt
Dục, tham dục chẳng diệt

- Chánh tham dục chẳng sanh chẳng bất sanh
Dục, tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Dục, tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.

Như thế xem xét còn chẳng thấy chánh tham dục chẳng sanh chẳng bất sanh, huống chi là thấy sanh. Tuy chẳng còn khởi hoặc đã chưa đoạn, chỉ là tạm dứt và duyên cảnh tạ gọi là tham dục rồi. Phòng sau khởi nên lại suy. Nếu gọi tâm này là Vô sanh, thì rất sai lầm.

1. Chánh tham muốn diệt
Chánh tham dục chẳng diệt
- Tham dục đã sanh
Chánh tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chánh tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
2. Chánh tham muốn diệt
Chánh tham dục chẳng diệt
- Tham dục đã chẳng sanh
Chánh tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chánh tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
3. Chánh tham muốn diệt
Chánh tham dục chẳng diệt
- Tham dục cũng sanh cũng chẳng sanh
Chánh tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chánh tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.
4. Chánh tham muốn diệt
Chánh tham dục chẳng diệt
- Tham dục đã chẳng sanh chẳng bất sanh
Chánh tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt
Chánh tham dục chẳng diệt chẳng bất diệt.

Tham dục trước này tuy lại tạm dứt gọi là tham dục, nhưng khi đối cảnh khác lại gọi là chưa. Đã chưa tuy tức đồng là chẳng khởi, đối cảnh lúc khác thì đối đãi nhau mà thành khác. Trước dứt gọi là đã, dứt rồi gọi là chưa. Cho nên tâm chưa này chung đối mười giới, sau nếu khởi riêng thì chưa này thuộc về riêng. Sợ thuộc riêng cho nên cũng phải đối khởi đã quán. Phải nói rằng là tâm đã tham muốn diệt, tâm chưa tham dục sanh, hay tâm đã tham dục chẳng diệt, tâm chưa tham dục sanh. Tâm đã tham dục vừa diệt vừa chẳng diệt, tâm chưa tham dục sanh, tâm đã tham dục chẳng diệt chẳng phải chẳng diệt, tâm chưa tham dục sanh. Cho đến tâm chưa tham dục chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, thành mười sáu câu.

Hỏi: Đã chỉ gọi là diệt, chưa gọi là chẳng sanh, vì sao đều đủ bốn câu sanh, v.v.... Đáp: Nay quán niệm niệm đều là ở sanh, chỉ nhìn cảnh tạm dứt cho đến chưa khởi, đã được tên chưa, ở đã chưa này sợ chấp sanh v.v..., cho nên lại phải dùng bốn câu mà suy. Nếu nói tâm đã chỉ gọi là diệt, thì chánh tâm cũng phải chỉ gọi là Sanh, đâu được cũng có ba câu như không, v.v.... cho nên phải biết đều dùng bốn câu. Lại ở tâm đã nói mà suy tâm chưa, một là đề phòng sẽ khởi, hai là chưa khế chân. Phòng lỗi vào lý, cho nên phải xét, đều mười sáu này hợp thành bốn cái mười sáu câu. Nếu vừa quán liền ngộ, một câu liền đủ, đâu phải khổ đến sáu mươi bốn ư. Vì người độn căn xoay vần sanh chấp. Cho nên đủ phá sáu mươi bốn câu. Nếu đủ nêu tướng chuyển chấp. Đến quyển thứ năm ba giả bốn câu nói đầy đủ. Nếu luận ý văn liền phải suy nhanh từng ý một, khiến thành cảnh không thể nghĩ bàn. Văn nay đã nhờ thứ lớp nói riêng, cho nên sáu mươi bốn câu chỉ gọi là vào không, huống chi lại biết trước. Lý không thể nghĩ bàn. Dục tâm vừa phá Diệu giác rõ ràng. Sự trợ còn phải chánh trợ hợp thành huống chi đây suy cùng thà chẳng tức lý. Khi tức lý mới thấy bốn vận tâm tánh chân như. Quán tham dục trở xuống là kết thành quán không. Nói cùng chiếu, tham dục là giả, suy phá là không. Không chẳng có tướng không, không tức là giả, giả chẳng có tướng giả, giả tức là không. Nhưng vong cùng chiếu, không giả như thế ai chẳng bảo là ba quán một tâm, phải khéo suy nghĩ, lời đồng ý khác. Cho nên nay chỉ là vào quán không. Đều như trên nói, là dây lại chuyển câu, đây đều như văn đầu quán ở câu sanh. Nếu là một trong ba quán mà nói thành lý do không. Cho nên viên quán sẽ nói rằng: Trăm giới là không giả trung. Nếu nói không này tuy nói một thứ, thì trong không đã đủ quán giả, Trung. Hai quán Giả trung nêu ra cũng như thế. Văn trong quán giả vì sao nêu thẳng mười giới mà thôi. Nếu tệ luôn khởi sau quán thành khí phần. Hằng khởi, v.v.... Hỏi: Bốn câu xem xét, tham dục, đâu được lại nói mà khởi mà chiếu? Đáp: Nói khởi chiếu, là chánh nói có khởi thì không lúc nào chẳng chiếu, khi chiếu thì phải khởi, nay nói quán này có công năng phá tệ, cho nên phải nói mà khởi mà chiếu. Lại khi phòng khởi thì phải phòng chiếu. Cho nên lại nói mà khởi mà chiếu. Lý phải khởi chẳng khởi đều chiếu, chiếu chẳng chiếu đều mất, mất chẳng mất dứt, dứt chẳng dứt đều trống không. Như thế mới thành đạo nhập không. Cho nên nay chép: Chẳng thấy khởi chiếu mà khởi chiếu rõ ràng. Lại quán trở xuống là quán giả, lại nêu tác thọ mười hai sự, thứ mười giới gọi đó là giả. Một nhà giáo môn Tạng thông liền y cứ sáu đường mà nói giả. Dụng quán liền có tức chẳng tức khác

nhau, pháp ấy tức là Tạng thông nhập môn. Biệt viên quán giả phải y cứ mười giới, chỉ vì thứ lớp và chẳng thứ lớp khác nhau, tâm một tâm khác nói cảnh thô diệu. So sánh là từng nghe quán trụ duyên sanh. Duyên sanh tức không, không và giả chẳng hai, gọi là ba quán, làm và nói này còn chưa thành thông. Thông phải bốn câu thành tánh tướng không. Nếu có tên Trung là khác Thông giáo. Thông giáo sau không hề có tên Trung đạo, huống chi là Thông giáo vẫn phải bốn môn, mỗi môn đều có mười thừa mới gọi là thông quán, người chẳng thấy đây nào khác ám không. Vì sáu độ trở xuống là kết thành ba Tam-muội, v.v... hằng sa Phật pháp. Như thế trở xuống là Quán trung. Trước nói tướng quán lại nắm hai quán không giả trước đây tức bên mà trước mới gọi là Diệu trung. Cho nên trước chép: Như thế khi quán chỉ hai quán trước, đều ở tác thọ suy thành không giả. Nay ở không giả mà thấy tức trung, nên nói rõ ràng. Huyễn hóa tức mười pháp giới giả ở trước, cùng không tức tánh tướng. Không giả và tánh ba pháp tức nhau, cho nên không ngại có hại. Cho nên biết Trung nầy tên cùng chiếu rất khác với trước. Phó Đại Sĩ tự làm thơ rằng: Riêng tự tinh, thật ra lìa thanh danh ba quán, một tâm chứa muôn phẩm, gai góc bụi rậm đều tự bằng. Cho nên biết Đại sĩ cũng ở Tát-thọ dùng tu ba quán. Vì sao trở xuống là lại giải thích tướng tức nhau của ba quán? Trong quán không ở trước chỉ nói khởi chiếu, chẳng kịp thấy, v.v..., trong đây pháp tánh cùng tệ tức nhau cho nên Trung quan rất khác với không. Tham dục cực thô, còn tức pháp tánh huống chi là các pháp khác mà không phải ba đế. Nếu tệ ngại pháp tánh, v.v... thì pháp tánh chẳng ngại với tệ là nói theo lý, như nước và sóng chẳng ngại nhau. Cho đến pháp tánh và tệ khởi dứt tức nhau, là chánh nói khiến quán pháp tánh trong tệ. Pháp tánh không khởi cũng không tức. Vì tệ khởi (dứt) nên nói khởi tức. Nếu thế, tánh không khởi tức tệ thì có khởi tức, tánh đó rất khác sao gọi một thể? Đáp: Chỉ vì tệ tánh thể nói không hai, nên nói pháp tánh không còn khởi tức. Cho nên theo lý đều không khởi tức. Nói theo sự thì tệ, có khởi tức, tánh không khởi tức. Nếu dứt đối đãi thì không tệ không tánh cũng không khởi tức. Nếu được ý này thì chỉ quán tham dục tức là pháp tánh, pháp tánh vô tánh, nên gọi là Thế đế, phá tánh tức là tánh không. Tánh này tức pháp, pháp thể tức không, nên gọi là tướng không. Kinh Vô Hạnh nói trở xuống là dẫn chứng. Kinh nói tham dục tức là đạo, sân si cũng như thế, như thế trong ba pháp, vô lượng các Phật pháp, nếu có người phân biệt, dâm nộ si và đạo thì người ấy cách Phật xa như trời và đất. Là ý kinh chánh nói tệ tánh chẳng hai, cho nên phải răn chẳng cho phân biệt. Tịnh

Danh trở xuống là lại dẫn Tịnh Danh. Phi đạo là ví dụ, Phật đạo là tánh, chúng sanh tức Bồ-đề Niết-bàn, là phải nói đủ rằng tất cả chúng sanh tức là Bồ-đề, chẳng còn được nữa. Tất cả chúng sanh tức tướng Niết-bàn chẳng còn diệt nữa. Bồ-đề trở thành đạo chứng đắc. Đã tức chúng sanh nên không hề được Niết-bàn, tức là quả vắng lặng, đã tức chúng sanh cũng chẳng diệt khác. Bồ-đề, Niết-bàn là quả thượng pháp, còn tức chúng sanh, đâu thể khiến pháp tánh lìa tham dục. Vì tăng thượng trở xuống là dứt nghi. Nghi rằng: Nếu thế sao trong kinh dạy dứt tham dục, cho nên làm dứt nghi rằng vì tăng thượng mạn mà nói dứt tham dục. Phàm phu gọi là chứng, Nhị thừa gọi là cực, vì hai người này mà nói lìa dâm nộ. Vì sao? Vì phàm phu si mạn nên dạy phải dứt, Nhị thừa cơ gần nên nói dứt. Nếu không có hai thứ này mà thuận theo các Bồ-tát thì phải nói tánh dậm nộ si tức là giải thoát. Cho nên nay quán tệ, chẳng bảo hai thứ người thượng mạn này. Tất cả trần lao là hạt giống Như lai. Kinh sau đều nói ba thứ chủng tánh. Trần lao tức là hạt giống liễu nhân, năm vô gián, v.v... là hạt giống nhân duyên, sáu nhập bảy thức là hạt giống chánh nhân, nên biết dục tệ tức pháp tánh chủng. Văn kinh riêng đối, văn này theo chung. Cho nên chỉ chép: Tệ tức pháp tánh. Núi biển sắc vị v.v... là nêu thí dụ, như mầu núi Tu-di, như vị biển lớn. Tỳ-đàm, Câu-xá đều chép: núi Diệu Cao bốn mặt mỗi mặt đều có một mầu, phía Đông mầu vàng ròng, phía Nam mầu lưu ly, phía Tây mầu bạc trắng, phía Bắc mầu pha-lê. Tùy phương của mặt mà nước đồng mầu núi. Chúng sanh vào đó đều đồng mầu nước. Đại luận quyển một trăm nói: Sách ngoài nói núi này toàn mầu vàng ròng, chúng sanh nhảy vào đó mầu ấy không hai, nên nói là mầu núi. Về vị biển, Đại Kinh chép: Các sông chảy ra biển đồng một vị mặn, nên nói vị của biển Văn cách chữ đối nên chép: Núi biển sắc vị. Pháp tánh cũng như thế, các pháp vào trung đồng một lý vị. Cho nên ngoài pháp tánh chẳng có một pháp nào khác. Cho nên nói chẳng hai chẳng khác. Thường tu quán trở xuống là kết vị, tức quán tham dục, nếu chẳng kết vị sợ người mê lạm, cho nên phải kết. Trong sáu tức chẳng nói lý, vì hiện tu quán, lý sở quán tức là lý. Phá tệ căn bản, quán pháp tuy viên, Đồng Luân trở xuống là trước thô hoặc đi trước, cho nên đến vị này mới phá căn bản. Ở trong tham tệ trở xuống là kết thành ngang dọc. Sáu tức cạn sâu, nên gọi là dọc. Các độ nhìn nhau không có trước sau nên gọi là ngang. So sánh sáu độ trên đều phải kết. Trong thiện ít lạm nên chẳng kết. Kế quán tệ sân rộng phải đồng trước. Văn này dẫn lược. Văn trước lập cảnh, tức lại chỉ sân làm cảnh quán nay. Đương tứ nhậm trở xuống là khởi quán phương tiện.

Lệ với tham dục ở trước có thể dùng y cứ mà biết. Kế khởi quán, ví dụ trên cũng phải sáu mươi bốn câu. Trong văn lược còn tám câu đầu trong mười sáu câu, đó là sanh và Vô sanh, mười hai câu (ba, bốn) đều lược văn từ, tiện nói chỉ nói đã chẳng được sanh, cũng chẳng được diệt, diệt tức chẳng sanh. Nói từ ai, v.v... là qua mười hai sự phải thuộc một sự, chung suy tể chủ nên chỉ nói ai. Tướng mạo vắng lặng là quán không, mười giới là quán giả bốn đức là quán trung. Đó là trở xuống là dẫn chứng, trước dẫn vô hạnh, nói đủ ba độc cho nên trong đây chẳng dẫn lại. Tịnh Danh nói chúng sanh, Bồ-đề, Niết-bàn, ý đồng như trước. Quán phạm giới trở xuống là lược so sánh tệ khác, độc khác, thuộc độc tệ khác, nên nói tất cả. Si trệ ở tà nên nói tà si. Cho nên dùng nhân duyên làm năng trị là nhân duyên một pháp trị tà si, nên nói vào sâu duyên khởi, dứt các tà kiến.

Bốn là quán vô ký, là trước bày quán cảnh nêu tướng vô ký, khác với hai tướng các thiện, các ác ở trước. Sở dĩ trở xuống là dụng quán ý. Có một cơ này nên nay biết đây là vô ký, lại có khả năng làm cảnh, cho nên được quán. Đại luận nói trở xuống là dẫn chứng. Tâm vô ký giống như không biết. Trong luận đã nói, vì có Bát-nhã cho nên phải quán. Vừa nói biết làm sao là tánh vị ấy kém, khác nhau với thiện ác, lại phải chiết phục nên nói biết làm sao. Lại dẫn luận mà cho phép là sao, là pháp hữu lậu ba tánh gồm thâu, đã nói thiện ác phải nói vô ký. Nếu chẳng thế thì cảnh quán chẳng khắp. Lại nếu nhậm thiện ác cũng quán không tuệ sao chỉ vô ký. Nếu có Bát-nhã thì được tu quán đâu riêng thiện ác, lại y cứ vào một lần thiện ác dễ động, vô ký khó nâng, khó dễ tuy khác nhưng đều phải dùng quán. Lại vừa từ Báo pháp đại khái mà xếp. Nếu nói rõ thì ngoài tệ độ ra tất cả tâm khác đều gọi vô ký. Cho nên vô ký chẳng thể chẳng quán. Quán này trở xuống là suy thành cảnh quán. Tâm tướng chẳng hiển cảnh ấy khó duyên. Nếu cùng thiện ác đối biện đồng khác thì vô ký nên biết liền thành cảnh quán. Cho nên nói đồng thì chẳng phải vô ký. Khác trở xuống là dùng bốn câu mà suy. Ký tức thiện ác nên đối mà suy, tánh nó mịt mờ bốn vận chẳng hiểu. Cho nên chỉ đối bốn câu thiện ác mà suy. Hiện văn chỉ có bốn câu mà suy, nếu phòng chuyển kế cũng phải dùng đủ mười sáu câu, tức là vô ký sanh chẳng sanh, cũng sanh chẳng sanh, chẳng phải sanh chẳng phải chẳng sanh, cũng đều có bốn câu. Đã không bốn vận chẳng cần chuyển suy, đến sáu mươi bốn câu. Cầu ký chẳng thật có, là cầu ở thiện ác còn không thật có, thì vô ký cùng ai đối biện đồng khác. Đã không đồng khác thì sanh tức Vô sanh, cho nên chẳng thật có. Nếu chuyển kế

thì theo câu sanh này. Văn nay còn lược cho nên chỉ phức nói không, phải họp không phải tan và không phải sanh diệt. Cho nên tâm tánh vô ký chẳng khác với tâm tánh thiện ác ở trước. Thể đồng mà tên khác, cho nên gọi là chẳng phải họp tan v.v... Tánh đã như thế cho nên vô ký có khả năng làm cảnh quán. Lại trải trở xuống là kế đem vô ký mà trải mười hai việc, tức chỉ cho mười hai sự gọi là xứ vô ký cập, là lệ theo trước rất dễ hiểu. Như thế trở xuống là kết thành ba quán. Trước là quán không, mười giới là giả, pháp tánh là trung. Pháp tánh thường vắng lặng trở xuống là kết một chỉ quán. Ở vô ký trở xuống là dẫn chứng, ý cũng đồng ở trước. Cũng phải dẫn đủ các kinh Vô Hành, vô ký tức phải si tệ. Cũng phải dùng ý trong Tịnh Danh: Vô ký tức là Bồ-đề, Niết-bàn. Chỉ suy vô ký và ký đồng khác liền thấy lý vô ký pháp tánh. Cũng phải đối tăng thượng mạn là nói đoạn vô đoạn và kết nhiếp, v.v... y cứ trước rất dễ hiểu. Cho nên nói so sánh với trên, lại kế trở xuống là dùng ba chỉ quán kết ba chương trước. Thiện sau cùng là chỉ các ác mới chung tướng thiện ác, xoay vần nhìn nhau chỉ viên là thiện. Viên ở sau cùng cho nên thành tiệm. Như cảnh nghĩ bàn sau rốt là quả Phật, trước trải chín trước nên thành nghĩ bàn, huống chi lại kết văn không phải tướng tu hành, chẳng cần lại vì viên tiệm làm ngại. Thiện ác đều bình đẳng, tướng riêng là ác, sáu độ là thiện, mỗi pháp đều là ba quán pháp giới. Cho nên gọi là Đốn, đủ như trước nói. Nhiếp nhắc lại thiện là chẳng thuộc hai thứ trước mà chẳng ngoài hai thứ trước, khởi không thuộc không, khởi có thuộc có. Trung đạo từ bi cũng giống như thế. Cho nên nhiếp nhắc lại gọi là bất định, cùng quyển thứ năm ở dưới nhiếp nhắc lại bốn câu. Văn khác nghĩa đồng. Đó chỉ là thành bốn câu.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 2
(PHẦN 5)

"Kế lại bốn thứ" trở xuống là phân biệt. Văn trước lược xếp hạnh khác mà lý đồng, vì tùy ý mình đối ba mà biện riêng. Vì sao? Vì nói chỗ phát động chương khác nhau mà lý quán chẳng riêng. Hỏi: Thường ngồi quán ở ba đường v.v... thường thực hành quán ba mươi hai tướng của Phật, v.v... Phương Đẳng nói quán ở Ma-ha Đản Trì Tôn dung Đạo cụ, v.v... Pháp Hoa nói quán voi trắng sáu ngà, v.v... Tùy ý mình quán thiện, ác vô ký, v.v... bốn quán đều khác, vì sao gọi là đồng? Đáp: Đây đều căn cứ chỗ sự trãi qua mà nói. Nếu năng quán mà quán thì đều một tâm, lý của sở duyên đều là ba đế. Cho nên được nói lý quán đồng. Nếu chỉ trở xuống là nói phải cần lý để thấu suốt sự làm. Lại chẳng được ý lý quán trở xuống là nói phải dùng lý làm chỗ nương cho sự. Nếu sự tướng trở xuống là dùng ba đối này mà phân biệt gián và vô gián. Phương pháp hạn cục ở ba, là đối ba để xếp vào lý sự chung riêng. Trong đây y kinh đều có phương pháp. Huống ba Tam-muội chỗ chẳng nhiếp thì đều thuộc ở đây. Không phải gọi trong đây chẳng cần phương pháp. Chỉ Tam-muội này chẳng cần phương pháp, cho nên phương pháp hạn cục ở ba thứ trước. Hỏi phân biệt bốn Tam-muội có khuyên hay không khuyên? Ý hỏi rất dễ thấy. Ý đáp là trong Tam-muội này tuy chung các kinh và các điều thiện để cho đối với ác mà tu chỉ quán, vì ngăn ngừa độn căn chẳng hiểu ý văn, cho nên nói thẳng quán mà không nói tu. Nếu y cứ theo văn trước mà khởi mà chiếu cũng là ở khởi mà khuyên tu quán, chẳng được bày nói hiển liễu thưởng khuyên. Cho nên nhìn trước gọi là không khuyên tu. Nếu y cứ vào các kinh năng diệt tội nặng, vì có lỗi nặng nên càng khuyên tu. Cho nên thỉnh Quan Âm chép: Trừ sạch dơ bẩn, khiến được thanh tịnh. Các kinh lệ theo đó nên không phải hoàn toàn không. Sông hoài tối thắng là nói Sư có lỗi tự làm. Sông Hoài ở

phía Bắc Hà Bắc người tà không lạm gọi là Đại thừa, vào ác quán không cho nên dụng dụ không cấm bắt rắn. Tham dục như rắn pháp quán như cấm, dùng quán dục như bắt rắn. Bốn câu bất thiện như không cấm. Như kinh A-lê-tra chép: Phật ở chỗ ông Cấp Cô Độc vì sao Lê-tra-già-đà-bà-lợi sanh ác kiến: " tôi biết Thế tôn nói hành dâm dục chẳng chướng đạo." Tỳ-kheo ba lần khuyên can chẳng bỏ, bèn đến bạch Phật, Phật bảo gọi đến. Khi đến Phật hỏi thì tăng nói đúng thế. Phật hỏi các Tỳ-kheo, thì đều nói Phật chỉ nói dục như lửa, như rắn, như thuốc độc, v.v... Phật bảo ông ấy hiểu trái ngược, nhiễm người muốn bắt rắn luôn đi tìm rắn ở trong khu rừng vắng, gặp một con rắn rất lớn, liền nắm eo rắn, rắn ngoẹo đầu cắn vào tay chân và các nơi khác vì không biết cách bắt rắn, nên phải chịu khổ dữ. Hiểu nghĩa điên đảo cũng như thế. Muốn giỏi bắt rắn, tay cầm gậy sắt, thấy con rắn lớn trước phải lấy gậy sắt đè đầu tay nắm cổ, thì đuôi rắn có quay lại cũng chỉ nắm lấy tay chân và các phần khác, chẳng làm hại được người bắt rắn vì giỏi biết cách bắt rắn. Nay không có quán pháp mà vào ác cũng. nói ác chẳng chướng lại bị ác hại. Nếu dùng gậy Diệu quán vào rừng sáu trần, gặp rắn tham dục đè đầu bốn vận dùng quán nắm cổ chẳng để độc hại đến thành thân nghiệp, mà mất thanh tịnh thường trụ pháp thân. A-lê kia không có gậy chánh quán mà chỉ nói tham dục không chướng, nghĩa vừa muốn đồng nên mượn dụ này. Nay ở dưới đây tức Tiên sư nói tướng không cấm bắt rắn, là Tiên sư vì kẻ độn căn chướng nặng tu thiện không thành tạm cho vào ác tưởng giống quán không nghĩa là hiểu không này xem là chứng sâu tức lỗi tự hành. Chẳng biết trở xuống là lỗi giáo tha. Thiện mình chẳng sanh nên bỏ thiện theo ác. Thuần đem không giải vào ác mà dạy người. Người cũng có lúc sanh không giải, liền lấy làm y cứ, nghĩa là cho ác là thật, từ đây trở xuống không giải cũng quên. Chỉ gây tạo nhiều ác. Mù không mắt trở xuống là lỗi đệ tử học lầm. Mắt không giáo gọi là mắt mù, tu thiện chẳng thành gọi là căn độn, khởi nhiều phiền não là nặng về phiền não. Những người như thế lại nghe sư nói hoàn toàn khiến vào ác, thuận dục thuận tình tạo nhiều các ác. Bèn khiến trăm họ trở xuống là nói lỗi tự tha. Lỗi tự tha cho nên dân khinh vua mất. Nay thời Ngô Việt, các phong tục hãy còn đem cô giới làm Tiểu thừa, để họp tạp làm vô ngại. Đời Tùy cũng có nên nói chưa cải. Sử ký trở xuống là dẫn sư nêu lỗi. Trước dẫn Sử Ký để nêu lỗi sư dối trao. Chu là quốc hiệu họ Cơ. Đế vương Thế Kỷ chép: Vợ Khốc Đế là Khương Nguyên gặp vị Thần mà có thai cho là không tốt, bỏ vào hẻm quê, trâu dê chẳng đạp, bỏ vào băng lạnh chim xòe cánh che, Nguyên xem là Thần nên đem về nuôi. xem là

Nông hầu. Thuấn dâng lên vua Nghiêu cho làm tắc quan (quan coi việc lúa thóc) nên gọi là Hậu tắc, ban họ là Cơ, trước Võ sau Noãn, gồm ba mươi bảy vua. Tụng rằng: Võ Thành Khang Thiệu Mục cung Ý, Hiếu Vi Lệ Nghi Thuyết Huề Bình, Hằng Trang Hy Tuệ Tương Hạng Uông, Định Phân biệt Linh Cảnh Trác Kính Nguyên, Trinh Ai Tư Triết Oai An Liệt, Hiển Thuận Noãn (tên ba mươi bảy vị vua nối nhau) Huề làm vua không quá một năm. Có chỗ nói ba mươi tám. Tả Truyện chép: trước Bình vương dời về Đông Tân, có Địch Y Xuyên thấy đội tóc mà tế ở Dã giã rằng:chẳng kịp trăm năm. Đây là rợ nhung ư? Lễ nó trước mất. Nói Chu Mạt, chỉ là lời cuối của cuối chớ không phải cuối cùng. Nói Đại Nhung là sáu Nhung, Trước gọi sáu Hỗn, nay thì đất ở huyện Lục Hỗn. Tức là Đường Ngu về trước có Khuyển Nhung v.v... ở biên giới phía bắc nước Hán. Theo chăn nuôi mà dời đi, theo cỏ cây mà dời đến. Không cày cấy có chăn nuôi đều có địa phân mà không văn thư, cho nên nói năng theo thắt nút con trai hay cỡi dê bắn cung, tập cung tên, không lễ nghĩa, Quân vương trở xuống đều ăn thịt súc vật, trẻ thì ăn đồ ngon béo, già thì ăn đồ dư, nhỏ sang già hèn. Cha chết thì lấy mẹ làm vợ, anh chết thì lấy chị dâu làm vợ. Từ nhà Ân Chu trở xuống thì xâm lấn Trung quốc chẳng dứt giống như diên. Nhà Chu bị xâm lấn, Tông Xã sắp tận, còn bất tận giả, thì giống như diên. Sau Tây Bá đánh Khuyển Nhung đuổi về Lạc Bắc. Luôn luôn vào cống gọi là Hoang Phục. Từ đó trở xuống Khuyển Nhung chẳng đến, Bị Đãn từ đó nhà Chu suy tàn đâu nên bắt chước. Lúc đó, quấy nhiễu như cuối đời Chu, Tà sư như thay áo chánh giáo như thức giả, phá giới như thất lễ, dục cảnh như Khuyển Nhung, phá hại chánh quán như xâm lấn Trung quốc, chánh nhân chẳng dứt như giống một Diên. Duyên liễu dần mất nghĩa như dần hết. Lại Nguyễn Tịch trở xuống là lỗi đệ tử lầm nhận. Trong đó, trước nêu Công Khanh hiệu Nguyễn làm loại. Liệt Truyện chép: Nguyễn Tịch tên là Từ Tông, là người họ Trần Lưu Úy, dung mạo khôi ngô chí khí rộng lớn, riêng được nhận tánh chẳng nhờ ai, vui giận chẳng đổi sắc mặt, hoặc đóng cửa đọc sách nhiều ngày chẳng ra, hoặc dạo chơi núi sông, ở đêm quên về, thích uống rượu say, quên mất hình hài. Người thời ấy thường gọi là gã khờ. Đời Tấn Ngụy thiên hạ có nhiều danh sĩ mà ít người hoàn hảo. Nhân chẳng giao tiếp việc đời, thường uống rượu đến say nhè. Đến khi Văn Đế phụ chánh mời làm Đông Bình Tướng, cỡi trâu mà đến, được một tuần lễ thì về. Tuy tánh chí hiếu mà chẳng câu chấp lễ giáo. Mẹ chết thì đánh cờ với người, người xin thôi thì quyết giữ lại để đánh bạc. Đánh bạc xong thì uống rượu hai thăng, hô lên một tiếng ói máu mấy

thăng. Bùi Giai đến điếu chỉ ngồi say nhìn thẳng mà thôi. Chỉ nhìn người tục lễ bằng đôi mắt thờ ơ, nên người lễ tục ghen tức như kẻ thù. Có lúc vội đến nằm bên thiếu phụ ở cạnh nhà, nếu có người chết không thân thuộc thì đến điếu. Đi không theo đường, cùng đường thì khóc mà trở về. Tông tập chẳng còn dùng bôi ngồi vây quanh chậu cùng uống. Như thế mà xa đản đâu thể bắt chước. Đó là Tư Mã Thị diệt (tướng mất của họ Tư Mã). Ny cứ là Tấn họ Tu Mã, con của Cao Dương Lệ, làm hạ quan. Khi Chu làm quan Tư Mã nhà Hạ thì lấy đó làm họ. Hoài Mẫn đến Hiếu Võ năm thứ mười lăm, vua thời Mẫn Đế nước Tấn mất, do các Hiền đạt chẳng tập binh qua, còn Văn thì xa đản. Sau con cháu Công Khanh bắt chước, bèn bị Ngũ Hồ xâm lấn. Nhân đi Giang Đông, nên có Đồng dao rằng: Năm ngựa nổi trên sông, một ngựa hóa thành rồng. Do đây con của Tuệ Đế là Duệ dời đô về Kiến Nghiệp hiệu là Đông Tấn, xưng là vua đầu tiên. Đến thời Hiếu Võ lại đam mê tửu sắc. Do đây mà nước suy. Nhà Tấn mất do con cháu công khánh bắt chước Nguyễn Tịch. Trước có nạn ganh người Hiền lánh đời giả điên sau không có ánh kỵ tài, đâu cần bắt chước Đản. lại con của anh Nguyễn Tịch là Hàm, con thứ của Hàm là phù, thời Nguyên Đế làm Tham quân, gục đầu uống rượu mà chẳng lo việc vua, thường bị Sở ty xét xử, Đế tha cho. Sau cho làm trưởng sử Dương châu. Vua bảo khanh trấn giữ quân phủ phải bớt uống rượu. Thưa rằng: Bệ hạ chẳng vì thần bất tài mà giao cho trọng trách quân binh. Thần chẳng dám nói gì. Nay Vương vị làm oai, phong giáo hiển hách Hoàng Trạch rảnh rang, giặc cướp mất dấu, khí xấu đã lắng thì, nhật nguyệt sáng tỏ. Cũng có thể lửa đuốc chẳng dứt. Chính phải Đoan Cũng ngâm vịnh, để vui suốt năm, vừa bị Tô Tuấn làm nạn, đây cũng do lỗi không sửa soạn binh giáp. Tập Tam-muội cũng giống như thế, bị nạn gặp chướng ở ác mà tu quán, không có nạn đâu cần bỏ thiện theo ác. Y giáo tu quán như dùng văn võ, vô cớ mà vào ác bắt chước buông lung, quên trao tà pháp như Nguyễn cuồng rượu, đệ tử vọng nhận như con của Công Khanh. Vũ văn trở xuống là nói Chu Võ tin lời sấm để nêu vọng nhận. Trước Viên Đế họ Thần Nông bị Huỳnh Đế diệt, con cháu chạy trốn ở tại Sóc dã. Tiên Tỳ thờ làm chúa, sau gọi Phổ Hồi, nhân đi tuần thú được ấn, Phổ Hồi cho là trời trao cho, Tục gọi trời là Vũ, nên gọi là Vũ Văn. Khi mới lên ngôi cũng tin Phật pháp. Sau tin theo sấm vĩ nói rằng áo đen là vua, bèn trọng Đạo sĩ, vâng theo bùa chú, mũ đen áo vàng thường mặc, tâm ghét đạo Phật, muốn giết sạch hết, nhưng sợ người tin Phật quá nhiều chưa dám chuyên chế. Có Đạo sĩ Trương Tân dối trá quá quất, biết ý đó bèn ngầm đưa Lý Tông bác bỏ

đạo Phật. Sấm Vĩ như ác sư, Chu Võ như đệ tử, cũng do Nguyên Tung ma nghiệp v.v... Chu Võ đã kỵ lại thêm Nguyên Tung cho nên nói cũng do Nguyên Tung ma nghiệp. Nguyên Tung ép vua phải thâu nhận lời mình muốn chế kinh dìm Phật bèn mời tăng vào cung hành đạo bảy đêm, vua cùng đồng dụ bảy đêm không lỗi. Lại sai Tư Lê Đại Phu Chân Loan, biết rõ hai giáo Phật đạo. Loan dâng lên luận Tiếu Đạo ba mươi sáu thiên để cười ba mươi sáu bộ. Lúc đó, có Pháp sư An có tình nặng với vua, có làm luận Nhị Giáo mười hai bài, nói Đạo giáo nằm trong chín lưu, không được làm giáo chủ riêng. Cho nên giáo chỉ có hai. Pháp sư Viễn có luận Kháng Đế. Sau vua đi tuần phía Đông đã nhậm đạo lâm mở Phật pháp. Lại nhân vua nói mà dâng biểu xin mở Phật pháp, vốn là người ở Hà Đông, cùng gốc với Nguyên Tung. Viễn Tổ từ hoạn gia đến Thục Xuyên. Lương Mạt đống đô ở Đông thành tức Hậu Lương Tiêu Sát. Sát chết thì quy lập. Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ mười hai, tức đời Trần Thái Kiến thứ sáu, tức niên hiệu Vũ Văn Kiến Đức ba thì mất. Hai giáo Phật, đạo Vũ Văn trải qua bảy năm, đến niên hiệu Thiên Hòa năm thứ hai, Tung dâng biểu tâu rằng: Đời Đường Ngu không có Phật giáo mà nước yên, Tề Lương có chùa tháp mà nước mất. Chỉ lợi dân ích nước thì xứng tâm Phật. Phật lấy đại từ làm gốc, chẳng hề làm khổ dân đen, kính trọng tượng gỗ đất thỉnh tạo Bình Diên chùa lớn, dung chứa bốn biển muôn tánh, chẳng khuyên lập khúc, thấy già-lam. Riêng an Nhị thừa năm điển. Chùa Bình Diên, không ngớt đạo tục, không phân biệt oan thân, lấy Thành Hoàng làm chùa tháp, tức Chu Võ là Như lai, dùng thành ấp làm tăng phòng, hòa vợ chồng làm thánh chúng. suy khiến đức làm ba cương, tôn tuổi già làm Thượng tọa, chọn nhân trí làm chấp sự, tìm dõng lược làm Pháp sư. Ấy vì sáu hợp không tiếng oán trụ, tám phương có khúc ca chu. Loài bay lội ở yên trong hang ổ, nước đất trường sanh đều đủ năm mươi mốt việc, dâng biểu rồi sau sanh nhọt độc mà chết. Ung là yêu quái diệt pháp, liên quan gì với tùy ý mình. Nguyên Tung như thầy ác, Chu Võ như đệ tử, vì sao thế trở xuống là Thích tin lầm? Người tuy Tam-muội cũng giống như thế. Một là trong không tuệ giải; hai là tin vào thầy mình; ba là tham ưa biết trước. Cho nên biết phải dùng giáo tự làm khuôn phép mới tin thầy, nếu không thì toàn làm ác mà cho là chánh đạo. Biết rồi sửa đổi đến lý không xa. Như kinh Thí Dụ chép: Có lừa kéo xe ngày đi mấy trăm dặm. Ở chỗ nghĩ gặp anh, anh bảo em rằng: Chớ để lừa này gặp các lừa khác. Em nói: Cũng như người thiện chơi với nhau, kẻ siểm nịnh gặp nhau, vật cùng loại gặp nhau, ắt đều vui mừng. Người em bèn cho lừa này gặp các

lừa khác. Thấy rồi thì lại chẳng kêu chẳng ăn chỉ ngửi nhau mà thôi, sau anh cỡi liền nằm chẳng đi. Người anh nổi giận cắt đuôi và tai, bị khổ liền đi. Lừa nói Đại gia ôi, ông thả tôi gặp các ác tri thức. Tôi hỏi sao các anh béo tốt như thế, thì đáp: được cấp cho ông đào chở đất. Nếu gặp đường xấu thì liền nằm chẳng đi, ông ấy bèn chất gánh nặng ra thả ta ở bên đường, ăn được cỏ tốt, trở về được cỏ non nên mập ra. Hỏi tôi sao ốm nhom thế, tôi đáp kéo xe ngày đi mấy trăm dặm ăn uống cực khổ, nay tôi bắt chước nó để được thả ra nhưng bị cắt đuôi mà chẳng dám nằm, xin được tha sống. Chủ thương bèn thả. Người cũng như thế tin vào thầy ác phải vời lấy quả ác. Thí như Tây Thi nhăn mày than đau bịnh. Trang Tử chép: Tây Thi đau tim nhăn mặt trong làng, người xấu trong làng thấy đẹp, bèn về vỗ ngực mà nhăn mặt, người giàu trong làng thấy thì đóng chặt cửa chẳng ra, người nghèo thấy thì đánh vợ con mà bỏ chạy. Người ấy biết nhăn đẹp mà không biết lý do nhăn đẹp. Huyệt là chìm sâu, phi là bay cao hai câu này ở trong văn Mao Tường Lệ Cơ nói: Như một cô gái người thấy thì yêu thích, chim thấy thì bay cao, cá thấy thì lặn sâu. Nay văn đem hai câu này cùng thành văn Tây Thi, người ấy chú văn Tây Thi rằng: Lễ nghĩa đương thời mà dùng thì Tây Thi, quá thời mà chẳng bỏ tức là lân nữ. Phàm lễ nghĩa pháp độ của Tam Hoàng Ngũ Đế cũng như thô lê quất tụ, vị nó trái nhau mà đều ăn ngon. Cho nên lễ nghĩa pháp độ phải hợp thời mà dùng. Nay lại lấy áo khỉ vượn mà mặc cho Chu Công. Ấy thì răng nứu xé rách (cắn nát) hết. Xem người xưa cùng người nay cũng như khỉ vượn khác Chu Công. Tùy ý mình cũng giống như thế. Phải đúng lúc mà biến, biết nên làm hay không nên làm, đâu chỉ bắt chước vào ác mà không biết lý do vào ác. nay dùng dụ Tây Thi là để nói người vào ác tu quán. Căn lợi được lúc như Tây Thi, tánh nhiều tham dục như bịnh tim. Ở dục khéo tu như nhăn mày đẹp, càng thêm sáng sạch như càng đẹp. Căn độn thất thời như cô gái lân cận. Trí không phải khéo léo như vốn xấu, vào ác như bắt chước nhăn mày chỉ làm lớn ác tà như di kịch. Có người làm Tướng quốc, vua Đại thần, v.v... họp người nghèo thì cách xa văn, lời không tương đương, lại không phải văn kế. Nay thử hợp thì thuận ý văn. Người Tiểu thừa như kẻ nghèo, người Đại thừa như người giàu. Người tu thiện như ở trong hang, người tập tu định như đang bay, là bốn thứ người chẳng ưa thấy ác, thấy ác ấy thì càng tự cố gắng. Niết-bàn Tiểu thừa là dời xa, Bí Tạng Đại Thừa như đóng cửa, giữ giới bền chắc là lặn sâu, tâm mong hẹn thượng giới là bay cao. Văn trước là nêu lỗi của bổn sư, văn này là nêu lỗi của đệ tử. Như thế mà nêu lên giải thích thì gặp văn. Các người

ấy trở xuống là lại trách. Tham dục điên nên đuổi theo sấm sét dữ, phàm phu quán không như ruồi xanh mà mà chuyên vào ác là dục đờm dãi. Lỗi thầy trở xuống là nói lỗi thầy mê ý chỉ sai cơ, vị thầy này chẳng hiểu lời nói vào ác. Kế dẫn ý Phật có pháp thí hợp. Pháp đầu như văn. Thí như trở xuống là nêu thí dụ. Nóng nhiều cấm miệng phải dùng huỳnh thang mà trị, chẳng thể tiếc răng mà phải chết. Khởi tham dục nặng như quá nóng, chẳng nhẫn đối trị như cấm miệng, pháp theo ý mình như huỳnh thang. Ở ác tu quán như cạy răng. Vào ác tuy xấu nhưng để giữ gìn tuệ mạng. Theo ác chẳng quán như đổ thuốc không vào. Phật cũng như trở xuống là hợp. Chung hợp đậu cơ. Trước trong ác cơ nói như ngựa chạy nhanh, v.v..., kẻ lợi căn như ngựa chạy nhanh, khởi ác như lạc đường, nghe nói như bóng cây roi, dục dứt như đường chánh. Tạp A-hàm chép: Phật bảo Tỳ-kheo có bốn thứ ngựa: Một là thấy bóng roi liền sợ mà theo ý người cỡi; hai là roi chạm lông thì liền như trên; ba là roi phải chạm vào thịt thì mới sợ; bốn là thấu xương rồi mới biết. Kinh Hợp Dụ rằng: Ngựa đầu như trong xóm khác có người chết thì liền chán sợ, ngựa kế như trong xóm mình có người chết thì chán sợ, ngựa ba là người thân của mình chết mới sợ. Bốn là phải chính thân mình bịnh khổ mới sợ. Trong Giải Thích Điều Ngự của Đại Kinh quyển mười sáu cũng dùng dụ bốn ngựa nghe sanh già bịnh chết. Cho nên biết hai kinh đều dùng ý dụ của ba tạng. Nay mượn dụ này để đối bốn giáo. Ngựa chạy nhanh tức là viên cơ, tham dục tức đường đi. Nếu lấy ý tránh song mà thực hành tham dục thì đều không phải bốn giáo. Nếu người căn cơ cạn thấp kế dùng Biệt giáo cho đến thông tạng như ba ngựa kia ở trong viên cơ cũng phải xứng cơ mà phải có thiện, phải có ác. Nếu có trở xuống là cơ thiện. Phật nói có hai thứ trở xuống là kết bác bỏ. Công chống Phật mà sai vật cơ. Lại nữa, trở xuống là nêu thời kết lỗi. Văn đầu nêu thời nghi ở trong ác mà tập chỉ quán. Nay ông trở xuống là dẫn dụ dẫn sự. Ba phá hoại trở xuống là kết lỗi. Không phải lúc có nạn chẳng nên dùng ác, sao ý thuần dụng v.v... là dẫn kinh nêu giải thích. Sự chẳng được nên khiến ở ác mà tu, ông chẳng quán cơ thuần khiến dùng ác như các ngoại đạo thường dùng tà thường. Nên Đại kinh nói thí như thầy thuốc xưa thường dùng thuốc sữa, như ngoại đạo kia chỉ nói tà thường. Khách thầy thuốc Như lai cấm uống sữa, như nói vô thường để phá tà thường. Thành vô thường rồi lại dùng chân thường mà phá vô thường. Hai sữa mới cũ, tên sữa tuy đồng mà nghĩa tà chánh khác, tiến thoát thích hợp, không đồng ngoại đạo chỉ dùng tà thường, đầu độc tuệ mạng người. Nay cũng như thế. Đã dùng chẳng phải nghi mà tổn hại tuệ

mạng người. Cho nên A-hàm trở xuống là dẫn việc trong kinh để chứng hợp thời là ý kết lỗi. Kinh Tăng Nhất quyển bốn mươi sáu chép: Trâu hợp bầy có lợi ích lâu dài. Kết dùng bài tụng rằng:

Hiểu sắc và tương ưng
Chà sạch vết lở loét
Thả khói và cỏ tốt,
An ổn và qua khỏi
Thời nghi để lại dư
Hộ nhau ở trâu lớn
Tỳ-kheo cũng như thế
Biết sắc bốn đại tạo
Khéo biết tướng trí ngu
Chà sát sáu tình căn
Khéo che mười tưởng lành
Truyền chỗ tụng làm khói
Bốn ý chỉ cỏ tươi
Mười hai bộ chỗ an
Tám chi Thánh chỗ thoát
Chớ nhận thỉnh xem thường
Gọi là biết thời nghi
Biết đủ là dư thừa
Kính hộ là tướng hộ.

Phật nói kệ rằng:

Thả trâu không buông
Người chủ sẽ được phước
Sáu trâu trải sáu năm
Xoay vần sáu mươi trâu
Tỳ-kheo giới thành tựu
Đối thiền được tự tại
Sáu căn mà vắng lặng
Sáu năm thành sáu thông.

Nay văn dẫn kinh an ổn chỗ thoát qua tức là bờ bến, tức là chỗ lội nước qua sông. Đây gồm Tự hành hóa tha. Tự hành có nạn nên cho theo hiểm, như việc vua v.v... khiến ở ác mà tu, không nạn ác dứt thì phải theo thiện. Căn cơ khác cũng lệ theo như thế. Cần phải xét rõ. Lại nữa, trở xuống cho nên dùng các việc nước lửa mà xét. Lại chẳng trở xuống là trách sai cơ toàn khiến dùng ác. Tịnh Danh trở xuống là dẫn chứng. Nêu Nhị thừa để so sánh với phàm sư. Từ đó trở xuống là thương

than. Thì biển giới, v.v... là dụ những người này ở trong Phật pháp gọi đó là chết. Luật chép: Ví như thây chết kia biển lớn không dung chứa, bị gió mạnh thổi giạt vào bờ. Phạm tội nặng như thây chết, các biển chẳng nhận. Làm pháp tẩn đuổi đi như gió mạnh thổi, ra khỏi chúng như giạt vào bờ gồm bày Tự tha. Cho nên nói Hành, nếu chưa hành chỉ nói thì đồng lê tra, trái với tăng bình gián. Chỉ kết đề cát, nghĩa là đối với ác chứng đọa lỗi nhân pháp. Tự hành miệng nói. lại nói chứng đắc thì hai Di một Đề. Văn y cứ vào trọng Di cho nên nói đuổi bỏ. Nếu chỉ tự hành giáo tha thì một Di một Đề. Không khiến cây độc là dẫn dắt đuổi bỏ. Đại Kinh quyển ba chép: Ví như chỗ ở của Trưởng giả ruộng vườn nhà cửa sanh các cây độc, Trưởng giả biết rồi chặt phá dứt sạch. Nhà Trưởng giả là chỗ chúng thanh tịnh ở, cây độc là Tỳ-kheo phạm tội trọng, sanh ra sẽ chặt hết tức phạm thì phải đuổi bỏ. Kinh có ba dụ: Một là nước gần đến đánh trong cây độc có nhà; một là đầu có tóc bạc. Chương An hai giải thích chính dùng ý sau. Một là đối ba hoặc mà giải thích. Ny cứ gần đến đánh là dụ cho bốn trụ hoặc trí đánh nhau. Trừ tên cây độc, ví như trừ trần sa hoặc ngoại thể. Nhổ bỏ tóc bạc, ví như trừ bỏ vô minh hoặc đồng thể. Kế đối đuổi bỏ mà giải thích là trị đồng trụ đều học mà làm việc quấy. Tóc bạc là dụ trị đồng trụ đồng học mà làm quấy. Văn tuy dẫn một ý cũng gồm ba. Đồng trụ đều trụ, hoặc làm hoặc nói đều phải đuổi bỏ. Lại nữa, xét ác hạnh trở xuống là bác bỏ thầy tự làm hạnh riêng trái tâm. Trước dụng vặn hỏi mà nạn hạnh riêng. Thí như trở xuống là ví hạnh riêng ấy mà có chúng uế thanh. Nạn trở xuống là vặn hỏi trái tâm. Sở dĩ trở xuống là nói ý khuyên răn của phân biệt này vào ác giống dễ mà còn răn kiêng kỵ, đâu được ở đây mà khuyên tu. Như uống thang Huỳnh trở xuống là dụ răn kiêng kỵ. Vào ác xứng bịnh như uống huỳnh thang, chỉ ác làm đạo gọi là quá độ, cần phải luật giáo mà bổ để ngăn.

Hỏi: Chánh quán như nước, lý tánh như ngọc, các hạnh như gió, gió nhiều sóng dậy. Sự nghi xao động đổi dời khiến quán nổi đục, sao phải dùng bốn Tam-muội này. Hai phen trong đáp đều có thí hợp: Một là dụ người nghèo trách chẳng đủ. Nếu một trở xuống là hợp, nếu ở một thứ Tam-muội quán tâm liền đủ. Nếu tâm lạc hành và các nghi khác, vì sao lại vui với tâm lạc dục này. Nếu dụng trở xuống là hóa tha, tu hành đã như thế, hóa tha y theo tự hành này, thì trước sau khác nhau, tha cơ thì đó đây chẳng phải một thí như trở xuống là lại thí dụ. Lại cho tự hành một thức làm được, nếu dùng hóa tha chuyên nhất thì lỗi. Phiền não trở xuống là hợp. Trước y cứ một người, nếu hóa tha thì phải đủ bốn tất,

bèn thành bốn phen bốn thứ Tam-muội, đâu chỉ là bốn. Kế y cứ nhiều người. Trước y cứ chung bốn thứ Tam-muội. Nếu là nhiều người thì đó đây đối nhau, lại phải 4.4, lại y cứ trở xuống là sao chỉ như vừa rồi bốn thứ Tam-muội đối nhau là bốn. Mỗi Tam-muội còn có bốn tất huống chi lại là bốn ư? Nếu lạc hành v.v... lạc hành trở xuống là thế giới, nếu gốc lành trở xuống là người, nếu khi ngồi trở xuống là đối trị, nếu khi đi trở xuống là nghĩa đệ nhất. Trước y cứ thường đi mượn ngồi đối mà nói, nếu chẳng đối nói chẳng thể chỉ nói thích đi thì đi chẳng thích chẳng đi. Ở đây lại mở môn biếng lười, sao gọi là cần đủ bốn thứ Tam-muội. Cho nên trước nêu rằng: Một thứ đủ bốn. Dưới lại kết rằng ba thứ kia lệ theo đó. Thường đi đã thế, nếu nói thường ngồi cho nên lại phải đối đi v.v... mà nói. Hỏi: Thiện phu trở xuống là phân biệt căn già. Thiện tức là ba thứ trên và tùy trong tự ý các kinh và thiện. Thiện này thuận lý có thể tu chỉ quán. Như luận Khởi Tín chép: đã biết pháp tánh thể không san tham, thuận theo tu hành đàn Ba-la-mật, v.v... Ác đã trái ý, sao chẳng bỏ ác ở thiện mà tu tập lại khiến ở ác tu chỉ quán ư? Đáp: Chỉ y cứ bốn câu nên phải quán ác. Đại luận quyển hai mươi bốn chép: Thế tôn trí lực biết chúng sanh căn thượng trung hạ, là người căn lợi thì vì kết chỗ già, cũng như Ương-quật, là người căn lợi chẳng vì kết giá cũng như thân tử, là người căn độn mà không kết giá cũng như Bàn-Đặc, là người căn độn mà vì kết giá, tức là các phàm phu. Luận nhờ Tiểu thừa cho nên dẫn bốn thứ này mà nói chung bốn giáo, so sánh phải có. Lại Luận văn nói chung Như lai khéo biết các căn chẳng vì căn lợi không quá làm đầu, nay nói tu hành cho nên dùng riêng căn lợi không giá mà làm thượng phẩm. Trước Thân Tử một nghe ba đế mà được sơ quả gặp cậu đọa phụ chúng A-la-hán. Đến Hội Pháp Hoa trước được thọ ký. Người đi trở xuống là nêu, nay dùng ví dụ, chuẩn nay mà biết xưa, dẫn hiện tại biết vị lai. Cho nên biết văn nay hai tu thiện ác tức là có giá không giá khác nhau. Vì phá giá nên phải có tu tập. Xưa không hai nghĩa, là xưa đã chẳng từng ở thiện tu tập, cho nên thiếu căn lợi không giá. Câu kế như Xà vương Ương-quật là nói đã nhờ tiểu nên không có Xà vương. Nay hiện có gió cho nên đều nêu, Xà vương gây ra tội nghịch buộc rất chặt, ngồi trong hội Pháp Hoa là chướng chưa phát, là chúng phàm phu nghe Diệu kinh này. Ở hội Niết-bàn cô phát chướng động tâm, sanh hối nhiệt khắp thân sanh ghẻ. Đời không có thuốc hay để trị thân tâm, là sáu thần tuy dẫn lời của sáu sư, (chẳng biết) có thể trị được bịnh nặng của ta (chăng), anh là Kỳ-bà dẫn đến chỗ Phật chỗ Phật cứu mạng mà hổ thẹn sợ sệt. Nghe nói ấm huyễn biết tội không sanh, như từ y lan sanh cây chiên đàn. Chướng trừ cơ

thục, vô căn tín thành, phát tâm Bồ-đề nói nguyện rộng của mình. Nói vô căn tín, tức là vị Sơ quả của Tiểu thừa, Đại thừa tức là Biệt trụ viên tín. Ương-quật là như trong kinh Ương-quật được Vô sanh nhẫn. Trong kinh A-hàm trước nghe kệ Phật liền được sơ quả Nặc vương chết sau được A-la-hán. Chướng tuy chẳng bằng Xà vương gây ra tội nghịch, đã thành phương tiện hại Phật và mẹ gồm giết chín trăm chín mươi người, như thế trọng giá bất chướng thì chứng pháp. Nhờ lợi căn nên khiến được như thế. Roi để khuyên cố gắng. Người tu thời nay trở xuống là nêu nay để so sánh, chính là để đáp lại câu ở ác tu quán trước. Khéo tự xét lường xem có thể làm được hay không. Nêu phải vào ác chuyên thiện lại lỗi, giống xưa khó biết chẳng thể nói thế. Thứ lớp ba câu như Bàn-đặc. Kinh Pháp Cú quyển một chép: Phật ở nước Xá-vệ có người tà kiến tên là Bàn-đặc mới xuất gia, bản tánh ngang bướng. Phật khiến năm trăm La-hán hằng ngày chỉ dạy, ba năm mới được một bài kệ. Văn nay y theo A-hàm Đại luận nên nói chín mươi ngày. Phật biết thương xót bèn gọi đến dạy cho một bài kệ, kệ rằng:

Giữ miệng nhiếp ý thân chớ phạm
Như thế người tu được thoát đời.

Bàn-đặc cảm ân sâu của Phật mà tụng thuộc từ miệng. Phật bảo Bàn-đặc: Nay ông tuổi đã già chỉ tụng được một bài kệ. Người đều biết chẳng chẳng có gì kỳ lạ. Phải giải thích nghĩa ấy. Nói thân ba, miệng bốn, ý ba, quán chỗ khởi, xét chỗ diệt. Do đó mà sanh lên cõi trời, mà đọa xuống vực sâu, do đó mà được đạo Nê-hoàn tự nhiên. Phân biệt cho đến vô lượng pháp mầu. Tâm khai ý giải được A-la-hán. Do không già cho nên căn tuy độn mà dễ được đạo quả. Được đạo quả rồi thì năm trăm Tỳ-kheo thỉnh Ngài nói pháp chỉ dạy. Kế, Bàn-đặc đến đó ăn xong, các ni đều cười. Lên tòa xong tự hổ thẹn nói rằng: Tôi đức mỏng may được làm Sa-môn, trước rất ngu ngơ, học được một bài kệ chỉ biết sơ nghĩa lý nay sẽ nói. Các ni trẻ biết trước kệ ấy muốn đọc trước nhưng miệng không mở ra được, nên rất sợ sệt hối lỗi. Bàn-đặc do đó y lời Phật nói thứ lớp nói bày, các ni đều được quả A-la-hán. Sau Nặc vương thỉnh Phật và các Tỳ-kheo ngồi trong chánh điện. Phật muốn thử thần lực khiếntay Bàn-đặc cầm bát đến trước trước cửa cung, người giữ cửa không cho vào, bèn ở ngoài cửa mà thò tay đưa bát. Vua kinh sợ hỏi Phật: Tay ai thế? Phật nói tay Bàn-đặc. Vua hỏi chỉ tụng một bài kệ đâu được như thế? Phật nói: Tuy tụng ngàn chương mà không hiểu nghĩa thì có ích lợi gì, chẳng bằng một yếu nghe mà diệt được ý, tuy tụng ngàn chương không hiểu nghĩa thì có ích lợi gì, chẳng bằng mười

yếu nghe làm được độ. Tuy tụng ngàn chương không hiểu thì có ích gì, hiểu một câu câu pháp, nghe có thể được đạo. Hai trăm Tỳ-kheo nghe xong liền được A-la-hán, vua và phu nhân không còn nghi. Kệ này đối kẻ cực độn mà mà nói đâu thể so với người học rộng tăng trí tuệ. Đọc nhiều các luận khác thì biết ý của Trí Giả. Như thế đều có ý chớ dối lấy bỏ. Như kinh Tăng Nhất quyển sáu chép: Anh thấy em tụng pháp cú khó khăn nên nói rằng: Ông nếu chẳng thể tụng pháp cú thì trở lại làm người tại gia, người em nghe liền đến trước cửa Kỳ-hoàn đứng khóc. Phật thấy hỏi thì đáp đủ như lời anh nói. Phật bảo thành Bồ-đề có thể do anh ông. Phật nắm tay dắt về Tịnh thất khiến tụng Tảo chửu, còn gọi là Trừ Cấu. Bàn-đặc nghĩ rằng: Tro đất ngói đá trừ sẽ được thanh tịnh, trói buộc là cấu, trí tuệ là trừ, nay dùng trí tuệ mà quét ty cứ trừ hết các cấu. Văn nay đã dẫn văn kệ tức ở Đại luận và Đại Kinh quyển hai mươi bốn. Kinh chép: Bốn sự là nhân Niết-bàn, nếu nói siêng tu khổ hạnh là nhân Niết-bàn thì không có việc ấy. Cho nên Bàn-đặc suy nghĩ một bài kệ thì được quả thứ tư. Nói Cưu-ma-la, Hán dịch là Đồng Chân, cũng dịch là Hào Đồng, cũng dịch là Danh Đồng, tức Đồng Kệ Chân Vô Nhiễm. Ba nghiệp vô nhiễm thì được quả vô nhiễm. Nếu y cứ vào được quả thì quá khứ cũng chẳng phải hoàn toàn chẳng tập quán. Năng lực quán mỏng yếu cho nên căn vẫn độn. Vì không ngăn cho nên nghe dễ được đạo. Thứ lớp bốn câu, rất dễ hiểu dưới là kết khuyên. Đạo là Thừa chủng, hai hạnh Tín pháp có thể đều là thừa, cũng đều được gọi là chỉ quán, cho nên khuyên người tu chẳng thể bỏ mà chẳng tu tập Thừa chủng. Đại kinh chép: Trở xuống là dẫn thừa giới bốn câu giải thích thành căn già bốn câu. Thứ sáu chép: Nếu người không giữ giới thanh tịnh thì thêm tổn bớt, nếu có người giữ giới thanh tịnh thì chẳng mất bày giới. Nầy người thiện nam! Đối với thừa mà hoãn thì gọi là hoãn, đối với giới hoãn thì không gọi là hoãn. Bồ-tát đối với tâm Đại thừa này chẳng lười biếng, đó gọi là vâng giữ giới. Văn kinh trước nêu sự giới. Kế người thiện nam trở xuống là nêu thừa huống chi giải thích. Nếu không có Đại thừa dầu có sự giới cũng không gọi là vâng giữ giới. Nếu có thừa dầu nói giới hoãn cũng chẳng gọi là hoãn. Chính ý muốn cho thừa giới đều gấp. Nay thừa nhà đây mở thành bốn câu để đối căn già, căn già là quả, thừa giới là nhân. Cho nên có giá do giới hoãn, căn độn do thừa rộng. Đều gấp thì căn lợi không giá, đều hoàn thì căn độn có giá giới cấp thừa hoãn thì căn độn không giá, thừa gấp giới hoãn thì căn lợi có giá. Kinh nói thà làm v.v... là dẫn chứng về thừa. Cho nên Nguyện Văn của Lương Võ Đế nói: Thà làm Đề-bà-đạt-đa chìm mãi

trong địa ngục, chẳng làm Uất-đầu-lam-phất tạm được sanh lên cõi trời. Cho nên biết Điều-đạt tụng kinh rồi là Tín hạnh thừa chúng, tuy đọa địa ngục nhưng cũng do đây mà được thoát. Còn Sư Lam-phất Định không thừa xuất thế, dẫu được sanh lên cõi trời thì vẫn phải chìm trong đường ác. Phải siêng nghe, v.v... là khuyên tu thừa. Nghe tực là tín hạnh, tư tức là pháp hạnh, hai hạnh đã siêng thì trí căn sẽ lợi. Như Bà-la-môn say rượu đi là dẫn chứng về giới. Đại luận quyển mười ba chép: Khi Phật ở tại Kỳ Hoàn có một vị Bà-la-môn say rượu đến chỗ Phật muốn làm Tỳ-kheo. Phật sai các Tỳ-kheo cạo tóc và mặc ca-sa cho. Khi tỉnh rượu rồi thì sợ hãi thấy thân bỗng biến thành Tỳ-kheo, liền bỏ chạy. Các Tỳ-kheo hỏi Phật. Vì sao cho Bà-la-môn say làm Tỳ-kheo rồi cho trở về, Phật nói Bà-la-môn này trong vô lượng kiếp không có tâm xuất gia. Nay do say mà tạm phát tâm chút ít. Do duyên này nên về sau sẽ xuất gia. Các thứ nhân duyên xuất gia mà phá giới như thế còn hơn tại gia mà trì giới. Vì giới tại gia chẳng phải giải thoát. Cô gái giỡn chơi mặc áo ca-sa, Như kinh Uất-bát Tỳ-kheo Bản Sanh chép: Khi Phật còn tại thế, Tỳ-kheo ni này đã được quả A-la-hán có sáu thần thông vào nhà người giàu sang thường khen xuất gia, bảo vợ và con gái các nhà giàu sang rằng: Chị hãy xuất gia. Các cô gái chép: Tôi còn trẻ đẹp sợ sẽ phá giới. Tỳ-kheo ni chép: Muốn phá thì phá. Các cô gái hỏi phá giới có đọa địa ngục chăng? Tỳ-kheo ni nói muốn đọa thì đọa. Các cô gái cười nói đọa địa ngục thì phải chịu khổ. Tỳ-kheo-ni nói: Ta nhớ kiếp xưa, lúc ta là cô gái giỡn chơi mặc các y phục. Có lúc mặc áo Tỳ-kheo-ni mà đùa giỡn. Vì nhân duyên ấy mà thời Phật Ca-diếp ta làm Tỳ-kheo ni, tự ỷ mình sang trọng xinh đẹp, tâm sanh kiêu mạn mà phá giới cấm. Vì Phá giới bị tội nên phải đọa địa ngục chịu các khổ. Chịu tội xong rồi gặp Phật Thích-ca, xuất gia đắc đạo, thành A-la-hán, sáu thần thông tự tại. Cho nên biết xuất gia thọ giới đều ở từ xưa, xem là nhân xa. Cho đến khi gặp Phật được quả đều do nhân xưa, cho nên cô gái đùa giỡn còn xa giúp thừa chủng, huống chi là giới ư?

Trong quả báo thứ ba ở trước là chánh nói quả báo là ở cõi Thật Báo. Nếu nói cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại thì ngoài Phương Tiện Hữu Dư. Nếu nói quả báo riêng thì tên ấy cũng chung. Cho nên ở Biệt phân biệt thông đối mà hiện diệu, trái rộng mà thuận hẹp. Diệu khắc bên thông thâu giáo, bèn nhiếp khắp người mới khắp. Cho nên đối Phương Tiện Đồng Cư gọi là biên, riêng dùng Thật Báo thuận gọi là Diệu, cho nên nếu chưa phá vô minh, chưa chứng Trung đạo thì đều gọi là trái. Sơ trụ trở lên chỗ pháp thân ở mới gọi là thuận. Cho nên sáu đường Bồ-tát

Tam Tạng thông ở hai địa đầu, hai giáo vị phương tiện Nhị thừa. Biệt viên ngoại phàm, đây đều thuộc có biên. Báo ở giới nội, người học hai giáo biệt bảy trụ về trước, viên bảy trí về trước tàn tư chưa hết cũng có quả báo Hữu Biên quả báo, hai giáo Nhị thừa chung bảy địa trở lên, biệt bảy trụ trở lên, viên bảy tín trở lên, thuộc về không biên, báo ở trong cõi Phương Tiện, Biệt giáo Hạnh Hướng, viên bảy tín trở xuống dẫu phá trần sa và hàng phục vô minh, trần sa đã chẳng nhuận sanh giới ngoại, kéo bào đều do vô lậu làm nhân. Sở dĩ ở cõi Phương Tiện đều thuộc về không biên. Chỉ có Sơ địa, Sơ trụ của Biệt viên mới được diệu quả báo. Không có hai bên gọi chung là quả báo. Thông có báo do nhân cảm quả chưa vào thật báo nên gọi là Thô. Nếu chưa xuất trở xuống là nói Tập quả, nói quả báo là từ báo quả làm tên. Nếu phá vô minh được Vô sanh nhẫn. Nếu chưa ra khỏi phần đoạn cũng chưa vào diệt, độ ở gọi là hoa báo. Nói khác bảy thứ phương tiện, là đồng y cứ nói theo hoa báo. Nếu bảy phương tiện sanh cõi Phương Tiện. Tướng độ cũng phải chẳng kém Hương Thành. Đại luận chép: Từ đây đi về phía Đông năm trăm do-tuần có một tòa thành lớn tên là Chúng Hương, thành ấy có bảy lớp báu trang nghiêm, bảy lớp hàng cây báu. Thành ấy rộng mỗi bề đều hai ngàn do-tuần có năm trăm chợ búa đường đi, tòa cao năm dặm, các thứ trang nghiêm. Mỗi ngày ba thời nói Bát-nhã, trăm ngàn chúng sanh nghe Bát-nhã, thường siêng cúng dường, đã nói năm trăm do-tuần phải biết cách năm trời chẳng xa. Luận hỏi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là sanh thân hay hóa thân? Nếu là hóa thân, sao dùng sáu muôn thể nữ, vườn rừng ao tắm để tự vui chơi. Nếu là sanh thân, vì sao có thể khiến đồ cúng ở trên hư không hóa thành đài báu, vào các Tam-muội, trải qua bảy năm. Có người nói được các pháp thật tướng và các Tam-muội, năng lực thần thông vì muốn độc thoát chúng sanh thành này. Như các Bồ-tát khi các thiền thì cũng vào dục pháp, nhiếp các chúng sanh, cho nên thọ dục lạc mà chẳng mất thiền định. Như tránh nóng vào nằm trong bùn, tăm gội thì như cũ. Phàm người căn độn chẳng thể như thế. Cũng nói hóa thành đài báu tuy là sanh thân chưa lìa phiền não mà tu tập được tất cả pháp lành. Có người nói là pháp thân, nếu sanh thân vì sao khiến Phật mười phương khen ngợi, lại khiến ba luân được sáu muôn Tam-muội. Nay nói đã dứt vô minh sẽ ra khỏi phần đoạn, nếu là chúng sanh thì chưa ra khỏi phần đoạn. Hoa báo như thế, bảy phương tiện tức là trời người, Nhị thừa, Bồ-tát ba giáo riênglấy giáo đạo Địa tiền vị. Nghĩa này sau chỉ rộng đến chương lớn thứ tám mới nói rộng. Sau rốt tuy duyên thiếu chẳng nói nhưng ngại gì đến đây lại chỉ văn sau. Thứ

chín thứ mười chỉ sau cũng. Hỏi trở xuống là phân biệt. Ý hỏi trong thiền thứ nhất đại chương thứ bảy là nói tu chứng. Do tu mà được chứng nên nói tu chứng. Chứng tức là quả, có đồng khác gì với quả báo này. Trong ý đáp rằng: Tu và chứng tuy giống nhân quả nhưng chỉ là tập nhân tập quả. Cho nên chép: Tu gọi là tập hạnh, tức là tập nhân. Chứng gọi phát đắc, tức là tập quả, đều ở hiện đời. Nay nói quả báo, v.v..., quả báo đã ở đời sau nên khác nhau với thiền môn. Nhị thừa chỉ có tập quả, v.v... là xếp Đại Tiểu thừa. Tên quả báo nói chẳng hợp tiểu, tuy được La-hán nhưng chỉ gọi là tập quả. Tập quả mất rồi chẳng nói có sanh. Cho nên giáo pháp Tiểu thừa chẳng nói Nhị thừa còn có chỗ. Nói cõi Phương Tiện là xuất phát từ đại giáo. Bốn là nói xé rách lưới to. Xé rách là phá chấp lưới nghi ở quyền giáo. Văn trước cùng dứt lưới nghi tự tha, cho nên nói chung là xé rách. Cho đến phải hiểu các giáo Tiệm Đốn xuất xứ từ một tâm, nếu chẳng khéo dùng quán không thể nghĩ bàn mà cảnh quán một tâm không thể nghĩ bàn thì do đâu mà xé rách được nghi lớn chấp giáo. Nếu muốn trở xuống là vì lợi tha cho nên xé rách lưới nghi cho người. Nay nói quả báo lại nói Sơ trụ vì mới được. Vượt bỏ khoảng giữa nên nói cho đến Thánh Phật tức chỉ Diệu giác. Sơ trụ trở xuống có thể thông tám tướng mà xé lưới nghi lớn, nên nói xé lưới. Từ đây trở xuống mỗi tiết sanh khởi mười hóa pháp giới. Cho nên Pháp vương cho đến tám bộ đều nói hoặc. Nói đốn tiệm là đều như nay Phật trước đốn sau tiệm. Đối dương và chuyển được phân biệt như trước. Chúng sanh căn cơ thuần thục phải nhờ Bồ-tát nương năng lực Phật mà đáp, Và lập câu hỏi, v.v... thì Như thế tự tha đều do Diệu quán kế với diệu cảnh, cho nên có diệu dụng như thế. Thứ năm là qui đại xứ, văn trước chỉ qui, lại ý trong tựa chung nói: Hễ keo dính tay, v.v... là tâm tánh như tay, hoặc trước như keo, tùy văn đối trệ mê ở chỉ thú. Luận Bà-sa quyển hai mươi bốn chép: Thí như có núi người và thú cùng ở, chỗ khỉ vượn ưa đi thợ săn phủ cỏ lên trên keo dính, khỉ thông minh thì tránh xa, khỉ ngu không biết, lấy tay rờ nhẹ thì keo dính tay, lấy tay kia gỡ ra thì keo lại dính luôn tay ấy, bèn cả chân và miệng đều bị kính keo, nằm dài dưới đất, thợ săn dùng gậy gánh về. Tỳ-kheo cũng như thế, chẳng giữ căn môn bị ma Ba-tuần gánh về. Đại Kinh quyển hai mươi ba đồng. Nay người tu cũng như thế. Chẳng biết giáo tướng, chẳng hiểu chỉ qui, tùy văn mà chấp dính tướng đúng sai, chẳng những không đến được mà mộng sẽ ngủ say, ngủ say thì khó thức. Pháp tánh chấp nặng khó dứt gọi là khó thức. Phong văn, Phong là đóng, là lấp. Các giáo, các môn, các đế, các tất tùy một đều chấp, nên nói tề ý. Cạnh chấp, v.v... đây tức

là ý dụ ao xuân của Đại kinh như trước đã giải thích. Cận sự, v.v... như người ngu si chỉ điểm hiện sự, lời bày thế gian còn chẳng biết, huống chi là lý Trung đạo xa viên thường, Mật giáo đâu thể hiểu. Đây bèn một lần nêu mà so sánh bác bỏ. Cũng có người chẳng hiểu lời thế gian mà đạt lý xa như Thiền sư Đốn Ngộ chùa Đạo Thọ ở Cối Kê ngộ được lý sâu mà chẳng hiểu việc gần làm trích từ sớ kinh Niết-bàn, v.v... Chỉ qui trở xuống là giải thích tên. Văn là giáo, chỉ là ý, qui là thú (chỗ đến). Ý giáo chỗ đến gọi là chỉ qui. Như nước trở xuống là nêu thí dụ. Ny cứ lửa như giáo pháp, thú hướng như văn ý, biển Không như chỗ đến. Cho nên biết, nếu Mật giáo hiểu lý xa thì chẳng xét Hiển giáo, chẳng dính mắc lý gần. Thí như trở xuống là lại thí dụ Mật giáo. Thần, Thuyết Uyển chép: hạnh của thần có sáu chánh sáu tà: Một là dấu băng chưa hiện thấy, cơ còn mất gọi là Thánh thần; Hai là tiến thiện thông đạo, công thuộc về vua, gọi là Đạo thần; Ba là thân hèn tiến hiền xứng cổ làm việc để khích ví dụ ý chúa, gọi là Trung thần; Bốn là xét trước thấy cuối không lo lắng, gọi là Trí thần; Năm là giữ văn vâng pháp, ăn uống tiết độ, gọi là Trinh thần; Sáu là quốc gia rối loạn mà chẳng nghiêm sắc răn dạy thì chúa phạm lỗi. Nói lỗi của chúa mà thân chết nước an thì gọi là Trực thần. Nay tuy nói nghĩa trí gồm Thánh đại, các thứ kia chẳng phải là ý văn. Nói Mật ngữ, Đại Kinh chép: Muối, nước, bình, ngựa, một tên mà bốn thật. Trí thần khéo biết, khi rửa thì dâng nước, khi ăn dâng muối, khi uống dâng bình, khi đi dâng ngựa. Vua đều chỉ chép: đem Tiên-Đà-bà đến. Câu-xá cũng dùng chín nghĩa mà lập một tiếng Cù. Chương An chép: Bốn nghĩa này cũng cùng bốn giáo, bốn môn, bốn câu ý đồng. Đều phải thứ lớp đối bốn thứ muối v.v.... Văn kinh tự hợp. Trước đối bốn thứ vô thường, kế đối bốn thường, đó là bất động, vô tướng, bất biến, Phật tánh. Bốn thứ này cũng là tên khác của bốn môn, cũng có thể dùng đối lý bốn giáo. Tùy nghĩa mà nghĩ, cũng có thể hiểu. Lại như bốn thứ bối mạt, v.v... trong kinh Hợp Dụ, Dụ cho bốn thứ Thường, v.v... có lúc mượn dụ mà dụ cho bốn môn. Ý kinh dẫu khác mượn dùng không lỗi, huống ý dụ này kia đây chẳng khác. Nói Mật là như bốn giáo bốn môn đồng tên có đẳng. Bốn giáo chỉ khác chỗ nói khác nhau. Nếu chưa khai quyền chẻ thật thì gọi là Mật. Nếu khai quyền rồi không ngoài thì nói là mật. Tự chẳng phải Bồ-tát mật biết khai quyền giáo trở xuống là chỉ qui, do đâu mà hiểu được chỉ qui ba đức, làm chỗ nương của trí gọi là Trí, gọi là Trí địa, sanh ra trí nên cũng gọi là Trí địa. Đây là y cứ hoằng giáo mà giải thích. Lại tự nhập trở xuống là y cứ tự hành hóa tha, phân chữ để giải thích. Kế là trong rộng giải trước, chánh giải thích ba

đức, kế mượn hai chữ "chỉ qui" để giải thích. Văn trước là nói hai giải chung riêng. Nhưng trong văn này y cứ nhiều nghĩa mà làm chữ chỉ. Chỉ là chuyển biến, năng chỉ là giáo, y cứ vào năng hóa mà khiến người khác trở về ý chỉ của ba đức. Nên viết chữ chỉ, ý năng hóa là ý ở ba đức, nên nói là an trí. Các con trong Tạng Bí Mật là hóa xong cũng tự vào ba đức, nên nói ta chẳng bao lâu cũng trụ trong đó. Nói tướng chung là chỉ chung cho ba đức, chưa ở ba đức lại đều mở ba. Đại Kinh trở xuống là dẫn chứng. Hỏi: Nếu thế, Như lai chứng ba đức đã lâu, vì sao nay mới nói chẳng bao lâu tự vào trong đó. Đáp: Y cứ hóa nghi mà nói không phải hoàn toàn tự hành. Từ chân mà khởi phải bày đồng phàm phu, hóa đạo muốn nhiếp trọn vẹn thì phải về gốc. Cho nên bày diệt để nói lên tự hành diệt. Trong rừng Song thọ nói lên bốn niệm xứ cũng giống như thế. Cho nên Phẩm Ai Thán chép: nay Ta phải khiến tất cả chúng sanh và bốn bộ chúng các con của ta đều an trụ vào kho Bí Mật. Ta chẳng bao lâu cũng tụng trong đó mà vào Niết-bàn. Kế là nói tướng riêng, đối với đức đều khai ba đức, như thân có ba, hai thứ kia cũng như thế. Chẳng lẽ có khởi ứng mà không có hai đức, hai thứ kia cũng như thế. Nói dứt hóa, là hóa duyên đã hết liền bày vào Niết-bàn, tức là bày về ba Đức Bí Tạng. Kế y cứ không thể nghĩ bàn là cùng ý chung riêng, trước cũng rất giống, chỉ chẳng nêu riêng tên ba thân, ba trí, ba thoát. Ngay đây gọi là thân chẳng phải thân. Vì sao như thế? là nói chung riêng, trước đều làm sáng tỏ nhau. Lại các kinh luận hoặc có lúc gọi thẳng là thân, chẳng phải thân, v.v... tức là một đức có đủ ba đức không thể nghĩ bàn. Kế lại y cứ sự lý trước sau mà giải thích. Ý không thể nghĩ bàn cũng trước chung sau riêng. Trước nói chung là chung y cứ ba tướng cho đến ba đức, đức chướng đối nhau, chẳng khác mà khác. Nếu y cứ lý nói đức chướng, chẳng hai cũng chẳng nói. Nhưng y cứ sự mà nói tên chướng chẳng mới, y cứ bản mà nói tên đức chẳng cũ, y cứ tu được nói sự lý không hai, chẳng hai mà hai. Cho nên mỗi câu đều nói chẳng phải mới chẳng phải cũ mà mới mà cũ. Y cứ tu mà được, nên từ đức đặt tên y cứ tánh mà được, nên gọi là ba chướng. Cho nên có năng chướng, sở chướng, có xưa có nay, có thỉ có chung. Nếu y cứ lý thì không có năng sở, cho đến thỉ chung. Lại nói trở xuống là dùng riêng ba hoặc mà đối ba đức. Nếu đạt trở xuống là kết chung riêng trên. Nói ngang dọc khai hợp, v.v... là nêu ví dụ văn nêu phải trước pháp thân, kế nêu Bát-nhã, sau nêu giải thoát nên gọi là tụng. Y cứ nghĩa mỗi nghĩa lại mở thành ba, nên gọi là (ngang), cũng gọi là khai, ba chỉ là một nên gọi là hợp. Phát tâm làm đầu, rốt ráo làm cuối, lại vườn Nai là đầu, Song Lâm là

cuối. Như thế ngang ngang khai hợp thỉ chung (đầu cuối) đều phải dùng không thể nghĩ bàn và mới cũ mà giải thích hành tướng. Cho nên nói ví dụ đều như thế. Kế là nói theo hai chữ chỉ qui. Năng chỉ cho năng qui tức là giáo ba đức, sở chỉ sở qui tức là lý ba đức. Cho nên lại một thứ này mà giải thích. Ba đức chỉ qui trở xuống là hội tên khác. Ba đức đã được thâu khắp các pháp, cho nên phải hội tất cả tên khác. Phải biết trở xuống là kết. Tương là pháp thân. Thuyết là Bát-nhã, lực là giải thoát. Ba đức đều nói các thứ là trong mỗi đức đều có tất cả pháp, lại gồm thâu nhau nên nói các thứ. Tuy nói các thứ mà chẳng ngoài ba đức, một kho Bí Mật, sao chỉ pháp môn ba đức nhiếp hết. Hóa nghi nói lên cũng chẳng ngoài ba. Như trong Hoa Nghiêm, Giá-na là pháp thân, Xá-na là Bát-nhã, Thích-ca là Giải thoát, Phật là Bát-nhã, đài là pháp thân, tọa là giải thoát. Trong Tịnh Danh tự nghĩ nằm bịnh ngủ trên giường. Giường là pháp thân. Ngủ là Bát-nhã, bịnh là giải thoát. Giường là chỗ nương, nằm ngủ là năng khế, bệnh là thị hiện. Trong Bát-nhã thì thân là pháp thân, ánh sáng là Bát-nhã. Nói là giải thoát. Trong Pháp Hoa thì y (áo) là pháp thân, là Bát-nhã, (nhà) là giải thoát. Lại Bản là pháp thân, tích là giải thoát. Bản tức chẳng hai, là Bát-nhã. Trong Niết-bàn thì nói ba đức như trước đã nói. Nếu sở biểu, thì bốn khô là Bát-nhã, bốn tươi là giải thoát, cùng chẳng sai là pháp thân. Như chỉ qui Phật này nếu chưa hiểu Bồ-tát còn muội huống chi là Nhị thừa. Nay vận ở Tượng mạt, nhìn kỹ chân văn này. Nếu không phải do đời trước đã trồng nhân tốt thì thật là khó gặp, huống chi là mười thừa, mười cảnh, phát xuất từ một nhà. Mười giới mười phi ở chỗ chưa phân biệt. Giáo hạnh không y cứ làm sao chỉ qui. Lại như sáu tông tình hẹn rất đồng, chín tông nói bày hơi khác. Trang sanh qui ở tự nhĩ. Lão tử chuyên khen bỏ xa xí huống chi cúng tế dê ngựa, nhân vời ba ác. Cúng tế nem chả quả bị đốt cháy . Như thế chỉ qui sơ thú chẳng xa, còn chẳng bằng trời người, có quan hệ với tạng thông lậu tận. Như chỗ chấp trước đâu biết phàm có nói gì đều trộn như một. Nguyện các người đồng gặp nên sanh tâm mừng rất may mắn, mong đời sau lại được nghe mà sớm khế Vô sanh nhẫn.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 3
(PHẦN 1)

Chương lớn thứ hai giải thích tên. Hễ đặt tên khác nhau. Như Đại Kinh chép: Hoặc có nhân duyên như Mục-liên, v.v... hoặc không nhân duyên như Đào mận, v.v... Niết-bàn cũng như thế. Không có nhân duyên gượng ép đặt tên. Chỉ quán cũng ép đặt chỉ quán. Tức đây không nhân gọi là có nhân, vì chúng sanh nên tùy cơ mà lập gọi. Như y theo tên thế gian mà gọi là xuất thế. Cho nên các Thánh trước đặt tên thế gian làm tên xuất thế để làm phương tiện. Mà tên thế gian ấy vốn là xuất thế. Cho nên Kim Quang Minh nói tên thế gian đều xuất phát từ kinh Phật. Cho nên biết các tên pháp lý mà đặt tên, đã pháp lý thì lý cũng do tên. Cho nên giả mượn Diệu danh để nói diệu lý. Trang Tử nói "đời quí nói truyện thư chẳng đáng quí." Trang đã dùng nói truyện Thư thì Trang chẳng đáng tự quí. già chết chép: Biết thì chẳng nói, nói thì chẳng biết mà có nói thì đồng chẳng biết. Ý muốn thiên hạ không nói, chỉ riêng bày lời nói của mình. Bất ý lại dùng không nói mà tự bác bỏ người đời, bị lời tự bác bỏ này mà ngầm bác bỏ, lại coi là rất lầm. Ở đây thì chẳng thế. Do bẫy được thỏ được rồi quên bẫy, bẫy nào có mất cái gọi là thỏ. Chữ nghĩa giải thoát mà gọi đây chăng. Đặt tên chỉ quán, ví dụ theo đó sẽ thấy. Trong phân biệt trước gọi là nói rộng, cũng gọi là chung riêng. Chung riêng hai văn làm sáng tỏ lẫn nhau. Cho nên văn trước nói sanh khởi năm lược, hiển ở mười rộng. Lại trước lược sau rộng là giải nghĩa, trước rộng sau lược là nhiếp trì. Nay giảng nói trước lược giúp nghĩa dễ hiểu, nếu vì hai người lợi độn thì khác nhau. Như Đại Kinh quyển ba mươi mốt, Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Ông cẩn thận chớ vì người lợi căn mà nói rộng pháp, vì người độn căn mà lược nói pháp. Xá-lợi-phất chép: Con vì thương xót mà nói, không phải vì đầy đủ căn lực. Phật nói: Rộng lược nói pháp, các Thanh văn Duyên giác không thể biết được. Kinh chép:

Đậu cơ nên bác bỏ Thân Tử, nay luận giải thích gồm vì hai người, huống chi văn lược ở trước lại làm sanh hiểu, hiểu cũng chưa đủ cho nên ở đây luận rộng. Lại văn rộng này cũng cùng năm lớp huyễn nghĩa ý đồng. Năm lớp thì huyền đàm giáo chỉ. Nay thì y kinh khởi hạnh. Do đó kia là giải thích kinh, đây là thành quán. Cho nên thứ lớp hơi khác với kia.

Trước Thích Danh là nêu tên, kế Thể tướng là bày thể. Nhiếp pháp chỉ nói pháp, nhiếp thể phương tiện trở xuống ba tức là nói tông. Khởi giáo là dụng Thiên Viên xếp giáo. Đó là giải thích Pháp Hoa, lý phải phân Biệt giáo môn một đời. Cho nên giáo ở sau phân biệt bốn trước, đó là thành quán, quán do hiểu sanh. Danh thể thiên viên đều thuộc hiểu. Do giải lập hạnh. Cho nên kế giải, sau mới phương tiện chánh quán. Hạnh đầu là nhân, hạnh cuối là quả. Cho nên kế chánh quán thì nói quả báo. Tông là tự hành (lợi mình). Dụng là ích tha (ích người). Do tự hành đã tròn nên hay khởi giáo. Chỉ qui chỉ là tự tha khế nhau. Cho nên huyền văn kia dẫn phẩm Thần Lực mà y cứ giáo thứ lớp. Cho nên danh là dụng, thể là tông, nếu dẫn Phẩm Tựa mà y cứ hạnh thứ lớp, nên danh là thể, tông là dụng. Nay văn chánh ở hạnh y cứ thứ lớp, chỉ dùng giáo tướng ở tông, trước nên y theo trước sau như vừa nói. Nay giải thích tên, trước kết trước sanh sau cũng là ý đến thứ lớp. Đại đồ trở xuống là kết trước, lại vì trở xuống là sanh sau. Đồ là đường chưa luận rõ khê kính nên nói là đại đồ. Ngạnh là lược, khái là bình. Chỉ là thô lược nêu đại cương. Như ý lớn trước tự tha nhân quả hạnh giải lược đủ. Lại vì sao gọi là chỉ quán. Nên văn nay chia thành bốn môn. Nếu không giải thích này thì lấy gì mà nói công đức của danh thể. Cho nên bốn đoạn. Ba thứ trước chánh nói tên năng thuyên, một thứ sau là phụ lập lấy sở để hiển bày năng. Đợi thuyên thì thứ lớp, bặt thuyên thì không thứ lớp. Hội dị chỉ là tên khác của bặt đãi. Tướng đầu là (đối đãi) thì kia đây làm hình cho nhau, gọi là tướng, lấy người khác so với mình là đãi. Như dài ngắn lớn nhỏ cùng đặt tên. Trang Tử chép: Người cao bảy thước chẳng cho là lớn, kiến mốn bảy tấc lại được gọi là lớn. Câu-xá Sớ chép: Đãi nghĩa là quán đãi. Quán trước danh sau là quá, quán sau danh trước là chưa. Cha con anh em lại cùng nhau được tên, so sánh đây sẽ thấy. Nay sám Pháp Hoa chỉ có hai diệu, đó là Đãi và Tuyệt. Nói Đãi là chỉ có đãi thô thành diệu, không có Đãi diệu thành thô. Nếu tích so với bản cũng có thể hổ hình. Nếu Bộ so với Bộ thì một bề chỉ là diệu. Nay y cứ Pháp Hoa Lý tích mà đặt hỗ hình. Do đó Huyền Văn đãi tuyệt đều gọi là Diệu. Cho nên lấy tướng bộ giáo mà so sánh thì lại có ngang dọc, so sánh bốn thời trước gọi là Dọc đãi. Viên so sánh ba giáo gọi là

Ngang đãi. Văn này đã y theo ý kinh Pháp Hoa mà giải thích danh, v.v... đại khái y cứ theo đó. Tương đãi là thô nghĩa phải đãi thô nói diệu. Bặt đãi là diệu, nghĩa phải khai thô nói diệu. Hai thứ này cũng gọi là phế thô, khai thô cho nên trong Pháp Hoa chỉ nói hai Diệu, lại không có tên chẳng phải đãi, chẳng phải tuyệt. Đó là xếp giáo cho nên đãi và tuyệt đồng gọi là diệu. Nay tương đãi thì xếp vào thô, chỉ nói Tuyệt quán không có bộ để đãi thì không có dọc đãi, không có giáo để so sánh thì gọi là không ngang đãi. Cho nên chỉ một tuyệt để làm năng thuyên, tuy lập tương đãi để hiển bặt đãi còn không ở tuyệt, thì làm sao có đãi. Vì nói ba đức nên giả gọi là Tuyệt. Mượn tên tương đãi xếp vào nghĩ bàn cho nên chỉ bặt đãi mới gọi là Diệu. Do đó cảnh nghĩ bàn sau Phật giới tuy diệu, ở cuối giới gọi chung là thô, nên đều xếp vào không phải chỗ dùng nay. Kế cùng chẳng thứ lớp ý cũng như thế. Cho ý thứ lớp chỉ nói Diễn môn, dụng chung dụng riêng chỉ nói tợ chung tợ riêng. tuy nói chẳng dụng chẳng y cứ nghĩ bàn mà nói không thể nghĩ bàn. Khai ở Sở đãi để thành Năng tuyệt, tức là ý Diệu quán của văn nay Thích danh trở xuống là các nghĩa đều thế. Sở dĩ Thích Danh nói về, Đãi Luận tuyệt, thể tướng chỉ luận thứ và chẳng thứ. Nhiếp pháp sáu nghĩa, thiên viên năm môn cũng giống như thế. Tuy không Bộ hội để dùng đối luận. Lại mượn giáo vị để hiển bày Viên diệu. Cảnh cảnh mười quán chỉ ứng chỉ diệu còn mượn ngang dọc để hiển không phải ngang dọc. Cho nên biết văn một bộ cùng thành viên thừa khai quyền diệu quán, đâu chỉ một câu mà nói riêng cao sâu. Nếu y cứ đó khác nhau thể đạp. Bốn đoạn trong đây văn bốn nghĩa hai, ý chỉ ở một. Đãi tuyệt là hai, ý ở tại tuyệt. Lại sở một năng ba, cũng gọi là nghĩa một, dùng sở hiển năng nên nói ý một. Ba chỉ, tuy khai ba tên, tên cũng chung nhau, bao gồm ba đế chưa xếp cạn sâu đến trong Hiển Thể mới phân hơn kém. Ba nghĩa trong quán cũng giống như thế. Các quán ác giác, v.v... là nói giống kiết tư ý, lại nói chung, chỗ dẫn Tịnh Danh cũng lại chứng chung, Nếu mượn thể tướng văn đến đây dự nói, nghĩa là chỉ dứt kiến tư, dừng tâm ở chân lý. Chân lý không phải chỉ và chẳng chỉ. Nếu chỉ dứt trần sa dừng tâm ở tục lý, tục lý chẳng phải chỉ và chẳng chỉ. Nếu chỉ dứt vô minh dừng tâm ở trung lý. Trung lý chẳng phải chỉ và chẳng chỉ. Ở đây thì ba đế đều có ba chỉ. Quán cũng như thế. Y theo lời nói rất dễ hiểu. Cho nên văn dưới chép: Ba trước thành ba kế, một sau có đủ ba trước. Thứ lớp đã thế, một tâm cũng lệ theo đó. Kế trong đình chỉ duyên tâm lý đế và dẫn Nhân vương vào Lý Bát-nhã, chung mà chưa riêng, ý cũng như trước. Cho nên trong đây nói lý. Chỉ nói Trí năng nhập, chưa nói Lý sở nhập.

Quán trung cũng như thế. Thứ ba trong chỉ nói lời chung mà ý khác. Trong đây cũng nói đối với chẳng phải chỉ mà nói chỉ. Lời giống văn trên, hai thứ chỉ trên là dứt đối chẳng dứt, dừng đối chẳng dừng. Nay dùng vô minh đối với pháp tánh một lượt xem qua vô minh dường như chẳng dứt chẳng dừng, pháp tánh dường như dứt dường như dừng. Cho nên lời chung ở trên. Ý thì chẳng thế, vô minh tức pháp tánh, pháp tánh tức vô minh. Thể đồng mà tên khác, đối nhau mà đặt tên.

Cho nên khác hẳn hai chỉ trên, hai thứ trên chẳng thể nói tức nhau. Cho nên nay y cứ riêng, chính là nêu chỉ tướng thứ ba. Nói riêng là vì hai thứ chỉ trên chỉ thuộc đường chung. Nói đường chung, là hai trì đều có một trí một dứt, bên dứt có trí, lại đối sanh tử. Tức y cứ Niết-bàn mà đặt tên dứt. Bên trí có dứt, lại đối lý ngoại. Tức y cứ Bát-nhã mà đặt tên Trí. Đoạn nên gọi dứt, trí nên gọi dừng, trí y cứ năng đoạn. Đoạn y cứ sở đoạn cho nên trí đoạn nói chung hai chỉ. Nay thì chẳng như thế, chuyên y cứ đế lý, lý chẳng phải năng sở, chỉ do đủ hoặc. Hoặc tức là pháp tánh, hoặc tánh đối đãi nhau không liên quan đến trí đoạn. Cho nên thứ ba không đồng hai thứ trước. Lại chỉ thứ ba y cứ lý đặt tên mà chỉ chẳng phải lý. Hai chỉ trước chỉ y trí đoạn, trí đoạn là chỉ, cho nên thứ ba khác nhau hai thứ trước. Lại trí đoạn y lý mà trí đoạn chẳng phải lý. Cho nên hai chỉ trước chỉ dùng trí đoạn mà làm thân y, khác nhau thứ ba chuyên dùng đế lý làm thân y. Cho nên thứ ba khác nhau hai thứ trước. Lại thuận nghĩ bàn cho nên có khác này. Nếu không thể nghĩ bàn ba thể vốn là một. Như kinh trở xuống là dẫn chứng. Dẫn chung các kinh chưa làm chứng riêng, cho nên không y cứ chỉ. Vô minh, pháp tánh đều chẳng phải sanh diệt. Lý tuy đều không phải, nếu nói pháp tánh phải nói vắng lặng. Nếu nói vô minh phải nói sanh diệt, đây thì hai tên đều chung ba đế. Tên đều đối lập, lý đều không sai. Cho nên như Thích Danh lại ở Tiêu Thích, hai chữ chỉ quán danh tức là quán, chưa rảnh nói rõ năng sở cạn sâu. Cho nên văn sau chép: Chẳng thể tìm tên chung lại tìm thể riêng. Ba chỉ đã thế thì ba quán cũng theo đó. Trong quán đầu nói lợi, bừa lớn gọi là Sừ, đây là đồ mài ngọc. Không phải ý nay phải làm đấu này, đấu là phá. Đá lớn gọi là bàng, đá bột gọi là cát, đá nhỏ gọi là thước. Đại Kinh quyển mười tám Tánh Phẩm chép: Thí như có người khéo biết kho tàng ngầm, bèn dùng cuốc bèn mà đào đất, đào đá lớn, đá nhỏ, qua thẳng không khó. Chỉ không thể xuyên qua lớp Kim cương. Nay mượn dụ ấy gồm chung ba hoặc chuẩn chỉ rất dễ hiểu. Phải bỏ Kim cương chỉ còn xuyên qua tức là ý ở đây. Kế dẫn Pháp Hoa về nghĩa đục qua để chứng xuyên qua. Chưa phân ra khô ướt nên cũng

chung. Kế giải thích quán đạt trung mà dẫn văn Dọc y Ứng. Nói tuy có dứt, ý còn bên đạt kế chẳng quán quán và dẫn kinh, v.v... chuẩn chỉ rất dễ hiểu. Cho nên dưới kết như văn.

Kế giải thích Bặt đãi. Trước nêu chung ý văn, kế phá ngang dọc. Kế chánh nói tuyệt. Y văn đầu, là dùng pháp ngang phá phá, khiến thành ngang, khiến biết ngang đãi, chẳng gọi là tuyệt. Dùng pháp dọc phá phá khiến thành dọc. Khiến biết dọc đãi chẳng gọi là tuyệt. Nói ngang là bốn câu đối nhau chưa có cạn sâu, nên gọi là ngang. Sanh sanh đẳng bốn, bốn câu so sánh nhau có sâu cạn nên gọi là dọc. Trước trong ngang phá hai câu trước, đều nói chiếu cảnh làm chánh, trừ hoặc làm phụ. Bàng tức là người, chánh tức là mình. Muốn xếp lỗi tánh trước lập bàng chánh. Bàng chánh là sao? Chỉ là một chỉ mà được tên khác chỗ. Y cứ phá hoặc, liền gọi là dứt, y cứ vào trí, liền gọi là dừng, y cứ thể tánh gọi là chẳng chỉ mà chỉ. Cho nên khiến được tân bàng chánh khác nhau. Vì sao? Vì hễ nói nhập đạo, chánh là dung trí, bàng là dứt hoặc. Nếu từ dứt hoặc mà đặt tên, thì tên từ bàng lập. Nếu từ chiếu cảnh mà đặt tên thì tên từ chánh lập. Chỗ phá là hoặc, hoặc so sánh trí, hoặc tức là người, cho nên chỉ tức chỉ, từ chỗ phá mà lập, liền rơi vào tha tánh. chỉ của năng phá lại từ năng chiếu, chiếu so sánh hoặc chiếu tức là tự, cho nên đỉnh chỉ chỉ từ năng chiếu mà lập, tức rơi vào tự tánh. Trong đây cái gọi là chiếu cảnh, v.v... là y theo lời tiện. Theo lý phải chép: Y đế là chánh, dứt hoặc là bàng. Đến giải thích quán sau mới có thể nói chiếu. Từ nếu chẳng trở xuống là nếu lấy chung tự tha liền rơi vào tánh cộng. Văn dường như Cùng chẳng sai, ý thật lấy chung. Nên nói trí đoạn nhân duyên nên chỉ, chẳng dùng riêng một nên dường như cùng chẳng sai. Chẳng chỉ mà chỉ, nghĩa rơi vào tánh vô nhân. Chánh ra cùng chẳng sai chỉ là đều lìa tự tha. Không phải chỉ là lìa tự, không phải chẳng chỉ là lìa tha. Lìa tha là lìa sở phá, lìa tự là lìa năng y. Cho nên chỉ thứ ba rơi vào tánh vô nhân. Quán cũng như thế, có thể so sánh mà biết. Nhưng năng thuyên gọi là thật chẳng ngoài ba chỉ ba quán này. Cho nên trong bặt đãi và trong hiển thể cũng y cứ tên này mà dùng để biện đốn, vì trừ tình chấp nên phải phá tánh. Cho nên dẫn Long Thọ chẳng tự sanh, v.v... chứng lìa tánh lỗi. Vô sanh trở xuống là kết, bặt đãi Vô sanh chẳng từ tương đãi bốn câu đặt tên. Bốn câu đặt tên trở xuống là bác bỏ thành nghĩa đãi. Hỗ tương nhân y đối đãi mà lập. Có thể nghĩ, có thể nói tức có thể nghĩ bàn. Chấp tánh chưa dứt gọi là kết hoặc. Do kết hoặc nên chưa chứng Vô sanh, gọi là kết hoặc sanh bị ngang pháp phá gọi là năng phá. Hai không nghĩa thành, đối nhau nghĩa hoại gọi là năng hoại. Khởi

diệt trở xuống là riêng y cứ ba chỉ ba quán mà phá. Lược nêu khoảng giữa một chỉ một quán. Đầy đủ phải nói ba chỉ ba quán thảy đều chẳng thành. Trong so sánh trước sau nên lược bỏ chẳng nói. Lại thọ trở xuống là kế phá dọc. Vì từ trước tự tha bốn tánh mà sanh, cho nên là sanh sanh, năng sở đều sanh, nên gọi sanh sanh. chẳng khỏi tánh lỗi tức là hữu vi. Hữu vi tức là bốn tướng đổi dời, đại sanh sanh tiểu sanh, nên gọi là sanh sanh. Lại nhân sanh quả sanh nên gọi là sanh sanh. Nếu ở Trung đạo mà khởi tánh lỗi thì cũng thuộc về sanh tử huống chi là các thứ khác ư? Tuy ba chỉ quán gọi chung là ba đế, nếu khởi bốn chấp còn không có quán đầu, cho nên thuộc về sanh tử, gọi là sanh sanh. Phá đây sanh vào Niết-bàn, gọi là chẳng sanh. Chẳng sanh này (đối) đãi sanh nên được gọi là sanh chẳng sanh, (đối) đãi chân chẳng sanh, nói ở tục sanh, gọi là chẳng sanh sanh. Ở bên đãi nói trung sanh, hai bên đều sanh, phá hai sanh này, gọi là chẳng sanh, chẳng sanh trong mỗi văn đều phải có ba chỉ, ba quán. Trong văn chỉ có tên hai chỉ mà thôi. Trước nói chỉ tức kiến tư, tức chỉ tức chỉ, dừng trụ chân đế tức đình chỉ chỉ. Dưới là hai ví dụ cho nên biết ba đế đều thiếu, chẳng chỉ, mà chỉ cho đến ba quán. Vì chẳng chỉ mà chỉ, chỉ là đế lý cho nên chẳng nói. Nghĩa quán so chỉ cũng rất dễ hiểu. Bốn câu xoay vần sanh, tên là hậu hậu. Cho nên bốn câu đều gọi tương đãi. Cho nên phải đem ngang vào dọc, mỗi câu dọc đều có ngang. Cho nên chỉ tức các tên khắp ở dọc, cần phải ngang dọc hai phá mới hiển bày bặt đãi, tên không thể nghĩ bàn. Đều là trở xuống là bác bỏ chung. Ngang dọc khác nhau nghĩa năng chấp, v.v... cho nên cũng gọi đối đãi cho đến phá hoại, v.v... Hỏi: Chấp ngang tự tha cho đến vô nhân cho nên sanh hoặc. Dọc đến Trung đạo vì sao cũng nói kết hoặc sanh, v.v...? Đáp: Sau sau đều là trước trước kết hoặc, nên đều là Sanh. Lại Trung đạo chưa cực cũng còn thuộc giáo đạo. Giáo đạo có hoặc nên cũng là Sanh. Lại tín giáo đạo ở trong sơ tâm dự kế thứ lớp xoay vần năng Sanh. Cho nên xếp vào sơ tâm sanh kết hoặc v.v... Còn chưa phải trở xuống là cũng bác bỏ riêng. Chấp tên Tương đãi thành Bặt đãi rồi lại dùng tên đãi mà xoay vần so sánh nhau. Cho nên sau so sánh trước, tuy được tên chỉ lại so sánh ở sau lại thành chẳng chỉ. Cho nên gồm ba thứ trong Tương đãi ấy còn chưa thành chỉ, tức đình chỉ trong Bặt đãi huống chi là chẳng chỉ mà chỉ. Quán cũng như thế. Trung đạo tuy là không khác, Đế cảnh được xem là sau. Nếu so sánh với Thật đạo không thể nghĩ bàn thì cũng chưa thành chỉ. Cho nên ba đế chỉ đều chưa gọi chỉ. Vì sao trở xuống là giải thích ý bác bỏ trước trái chấp bất tận? Giải thích trong đối đãi ngang dọc bốn câu tánh chấp chẳng dứt, đường nói năng chẳng dứt,

giải thích sự xoay vần sanh nhau thành có thể nghĩ bàn. Nghiệp thích hoặc, quả thích sanh. Cũng có thể hai thứ nghiệp quả đều sanh. Nói chẳng tuyệt là giải thích có thể phá, có thể hoại. Nay nói trở xuống là chánh giải thích bặt đãi. Trước nói sở tuyệt, sở tuyệt tức là các đãi ngang dọc trên. Phiền não chỉ là chấp bốn tánh. Do tánh chấp nên có nghiệp có quả, Bẩm giáo tu quán thứ lớp chứng đắc. Như thế đều thành có thể nghĩ bàn, cho nên phải phá. Thảy đều trở xuống là kế nói năng tuyệt tức là chỉ quán. Tuy nói năng tuyệt có thể nói ở sở. Vì sao? Vì đã nói bặt đãi, dứt đãi gọi tuyệt nên gọi là chỉ. Chỉ cũng tự mất, tên chẳng thật có. Quán cũng như thế, chẳng phải ngoài sở quán có cái gọi là sở. Cho nói quán minh như cảnh. Quán cũng tự mất, nên nói đâu được có quán. Chỉ quán còn không, đẳng là bác bỏ tương đãi. Bặt đãi còn không, đâu lập tương đãi. Cho nên chỉ quán này không phải chỉ không sở trừ ám tán, cũng bởi thể chỉ quán tự vốn mất. Vì sao? Có sở phá nên nói có năng phá. Sở tức năng nên không có năng để luận, chẳng được gọi như trong tương đãi kia. Đãi năng nói sở, đãi sở nói năng. Lại thứ ba chỉ quán đãi ở vô minh, nói ở pháp tánh gọi là Chỉ, đãi ở pháp tánh, nói ở vô minh gọi là chẳng chỉ. Pháp tánh chẳng phải chỉ và chẳng chỉ, cho nên nói theo pháp tánh thì đãi thứ ba ở trước là khác. Cho nên nói đãi chỉ chẳng chỉ, nói chẳng phải chỉ, chẳng phải chẳng chỉ tức là đãi ở trước hai chỉ nói chỉ thứ ba, hai chỉ đều đối chẳng chỉ mà nói. Cho nên nói chỉ chẳng chỉ. Nếu nói theo dọc, nay bặt đãi chỉ quán còn không bặt đãi, đâu được đãi sanh sanh chẳng chỉ. Nói chỉ quán sanh chẳng sanh, cho đến đãi chẳng sanh sanh chẳng chỉ. Nói chẳng sanh chỉ quán chẳng sanh đâu được hai chữ quán trở xuống ba câu. Cho nên biết trở xuống là kết giải thích ý tuyệt. Trước trong chỉ nói đều chẳng thật có, đãi tức tuyệt, không có đãi để nói. Cho nên nói chỉ cho đến chẳng phải chỉ, chẳng phải chẳng chỉ đều chẳng thật có. Ngang dọc đều thế, nghĩ kỹ mới thấy. Đối đãi đã dứt trở xuống là tổng kết ngang dọc đều dứt, bác bỏ ngang dọc đó đều hữu vi. Nay đã dứt thì nó không phải hữu vi. Chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể lấy bốn câu ngang dọc ở trước, suy nghĩ sẽ thấy. Không phải nói năng, v.v... là nói bặt đãi (dứt đối đãi) chẳng thể nói đã không có bốn câu danh tướng ngang dọc, cho nên trong bốn câu ngang dọc trước chỗ sanh kết hoặc, v.v... tất cả đều diệt, diệt là bặt đãi, cho nên nói diệt tuyệt, năng diệt cũng không nên nói tuyệt diệt. Kế là kết điên đảo trong quán, bốn câu ngang dọc đều gọi là Tưởng. Cũng là bặt hữu vi, là kết thúc được tên khác. Năng tuyệt thể một, tùy chỗ tuyệt mà được tên khác nhau. Bặt đãi chỉ quán là kế nói

lợi tha, trước nói ý đã tự chứng tuyệt có thể tùy bốn cơ, không nói mà nói nên nói có thể nói. Nếu thế sao chỉ ba đều là pháp hóa tha. Nghĩa bậc nhất cũng là hóa tha, cho nên dùng bốn chương để đối bốn tất. Nếu có trở xuống là chánh giải thích. Hỏi: Nay nói thuyết bặt nên chỉ nói bặt mà dùng bốn chương đối bốn tất, nghĩa ấy là sao? Đáp: Tự hành chỉ bặt tha nên khác nhau nên dùng lìa bặt đãi làm bốn thuyết. Cho nên trong huyền văn phân biệt dụng rằng: Ông là tự hành nên phải phân biệt tha. Dụng là ích tha cho nên cùng lấy không thể nghĩ bàn, dùng còn lấy phương tiện huống chi là viên bặt đãi, chẳng được làm viên bốn tất mà nói ư? Cho nên Huyền Văn cuối quyển sáu chép: Khai bốn tất rằng khai thế giới thô thành thế giới diệu, cho đến khai Đệ nhất nghĩa thô đồng thành đệ nhất nghĩa Diệu, cho nên không nói mà thôi. Nói thì bốn tất. Vì sao? Vì dị là cách biệt hơi thành viên dị, chẳng dị mà dị, cho nên đối thế giới, thông là nghĩa sanh, gọi là lý năng thông. Cho nên dùng lý thiện mà đối làm người, đối có năng sở dứt không năng sở, cũng mượn năng sở làm viên đối trị. Bặt đãi y cứ lý, lý tuy không nói, cũng y cứ tuyệt lý nói nghĩa bậc nhất. Nói là chỉ quán. Bốn chương như thế đều là chỉ quán, đều đến Lý bặt đãi. Lại y cứ hóa nghi để nói bặt, như trong Tịnh Danh ba mươi hai Bồ-tát, đều tự nói chỗ nhập môn của mình, môn đều thông lý, nên lý gọi là tuyệt. Cho nên các Bồ-tát nói xong, bảo Văn-thù rằng: Nhân giả phải nói. Văn-thù nói cho đến không có nói năng, chữ nghĩa là thật vào pháp môn không hai, được gọi là diệt tuyệt. Thiền định ngậm miệng không nói, được gọi là tuyệt diệt. Hỏi: Đồng được tuyệt đãi, vì sao khác nhau? Đáp: Gồm có sở hiểu nêu bày đường khác, các Bồ-tát nói lên năng thuyên khác nhau. Văn-thù nói lên sở thuyên chẳng khác. Tịnh Danh nói lên sở thuyên không nói. Lại, các Bồ-tát chỉ nói lên hóa tha, Văn-thù nói lên tự hành, hóa tha. Tịnh Danh chỉ nói lên tự hành. Đều nêu một bên cùng thành diệu sự. Bốn tất bặt đãi, y theo đây rất dễ hiểu. Lại Đại Kinh chẳng thể nói. Đại Tập không nói Bát-nhã thanh tịnh. Pháp Hoa chỉ khen, Niết-bàn chẳng sanh đều là tên khác của bặt đãi. Nhưng lại phải biết các giáo dứt khác,, khai hiển không ngoài mới gọi văn nay. Thử chi trở xuống là kết bặt đãi này để thành hai không. Trước lập, kế là chữ trở xuống là giải thích. Trước nói tánh không. Cũng chẳng trụ trở xuống là kế nói tướng không, tức phá ngang dọc lại đến bốn cơ. Bặt lý vì sao gọi là thật tướng, thể của thật tướng đầy đủ hai không, khác hẳn hai không ở trước từ giả vào không. Chữ ấy chẳng thật có trở xuống là kết tên. Cũng gọi trở xuống là nói tên khác của bặt đãi. Cho nên Như thế trở xuống là giải thích tướng bặt đãi.

Thể bặt đã khắp thì không có chỗ đối, cho nên chẳng do Tiểu gọi là đại. Thí như trở xuống là nêu thí dụ rất dễ hiểu. Chỉ quán cũng như thế, trở xuống là hợp thí. Chẳng nhân ngu nên gọi là quán, chẳng nhân loạn nên gọi là Chỉ. Người đời trở xuống là phá lầm lẫn, trước phá chung người đời, y tâm thế gian mà nói, dùng lời phá lời, lời chẳng thể dứt giải thích bặt chẳng thành, cho nên phải biết lý bặt. Vì sao trở xuống là giải thích người đời nói chẳng thành, ý bặt nói tùy tưởng đổi nên nói chẳng phải bặt, cho nên tuy nói ngộ, chẳng ngộ, v.v... chẳng khởi hoặc nhiễm, đối đãi nhau không thôi nên gọi là luân chuyển. Ngộ y cứ trí chứng, tâm y cứ hoặc cảnh có tâm chẳng phải ngộ, ngộ thì dứt tâm. Chẳng phải chỉ là không, không tâm chín cõi nên gọi là chẳng tâm. thuận tưởng hư đàm, bặt lại thành đãi, không có lý để nương nên nói vô ký. Nếu được ý trở xuống là nêu chánh thể bặt đãi. Đã đạt được lý bặt thì ai còn phân biệt. Tuy là duyên dứt lý, phân biệt chẳng mất, đều gọi là đãi. Ấy thì chỉ chứng gọi là chân tuệ khai. Lại được ý trở xuống là nói bặt chẳng thể luận bàn. Tâm hành trở xuống là nói bặt chẳng thể suy nghĩ. Tuy trí trở xuống là lại nêu bặt vị. Cũng chẳng trở xuống là trái ngược hiểu lầm của người trước. Đẳng là đẳng thủ luân hồi, v.v... Các thứ trở xuống là lại bác bỏ. Chân tuệ trở xuống là lại nêu công năng của vị. Như trước trở xuống là lại nêu thí dụ mà thí dụ bặt. Trước là tiến (dâng lên) nghĩa là tiến gậy lửa, gậy tiến lửa xong thì cũng tự thiêu. Dứt các đối đãi rồi thì tuyệt cũng tự dứt. Cho nên Đại luận hỏi: Chẳng phải nói tướng không. Vì sao? Nếu nói vô tướng tức là ở tướng, nếu không vô tướng thì chẳng phải lại năng phá tướng các pháp. Nếu có vô tướng thì chẳng phải nói tất cả vô tướng? Đáp: Dùng vô tướng mà phá các tướng, nếu có tướng, vô tướng thì rơi vào các pháp, vô tướng diệt các tướng cũng tự diệt vô tướng. Như lửa gỗ trước đã đốt củi rồi cũng lại tự đốt. Cho nên bậc Thánh tu Tam-muội vô tướng vô tướng để phá vô tướng, Tam-muội không không Tam-muội vô tác vô tác cũng giống như thế, bặt rồi lại bặt ý cũng đồng. Nếu thế trở xuống là giải thích nghi. Nghi rằng: Chân tuệ khai phát mới gọi là tuyệt, bèn bị Sơ trụ có ích gì sơ tâm. Nay vì trở xuống là giải thích ở sơ tâm thì không chỗ mất, Thánh ở cực vị chẳng thể lạm sơ.

Ba là Hội dị, Hội các kinh luận đều thành bặt chỉ quán. Văn đầu lại Hội tên khác của tuyệt đãi. Các kinh trở xuống là hội tên khác của chỉ quán, tuy gọi chung là tuyệt mà tịch chiếu rõ ràng. Nên các tất cả tên khác của kinh luận đều là tên khác của tịch chiếu. Cho nên dị danh trở xuống đều nói tuyệt đại không thể nghĩ bàn. Vì sao trở xuống là giải

thích ý Hội khác? Tất cả đều là tên khác của ba đức, cho nên hội khiến ba đức. Trước Bát-nhã trở xuống là quán tên khác tức là đức Bát-nhã, giải thoát trở xuống là tên khác của chỉ, là đức Giải thoát. Như hư không trở xuống là tên khác của chỉ quán chẳng hai, tức là đức Pháp thân. Bát-nhã là một pháp, tức là kệ văn khen Bát-nhã. Giải thoát cũng như thế có rất nhiều tên, tức là Đại Kinh câu văn thứ năm trăm về giải thoát. Gần bảy tám trang, xưa nay giảng là nói dài mà thôi. Tam tạng Chân đế có một quyển ghi giải thích trăm câu này. Đại sư Thiên Thai từng ở chùa Linh Thạch, một mà hạ giảng trăm câu Giải thoát này, mỗi câu đều dùng trăm câu giải thích, trăm câu bèn thành một muôn pháp môn, một muôn tên gọi. Chương An nói trước học tự no mà chẳng ghi chép, nay không có truyền. Tiếc thay tiếc thay, vì đời sau không được nghe. Hư không v.v..., thí như hư không cũng có bốn tên: Một là hư không, hai là không thật có, ba là bất động, bốn là vô ngại. Hư không vô hình còn có bốn tên, huống chi là không thể nghĩ bàn chẳng phải chỉ chẳng phải quán. Hỏi: Trong đây chỉ hội tên khác chỉ quán, sao phải nêu dị pháp thân này. Đáp: Văn sau là đức chung, đã dùng chỉ quán mà chung ba đức, cho nên Hội dị nêu ở pháp thân. Cho nên biết các kinh tuy là nhiều tên nhưng chẳng ngoài chỉ quán. Lại vì chẳng hai cho nên biết chỉ là tên khác của ba đức. Phải biết trở xuống là kết ba đức chỉ là một pháp thật tướng, tùy loại chúng sanh mà đặt tên khác. Nếu nghe trở xuống là khuyên răn. Bặt đãi ý sâu khuyên chớ kinh sợ, gặp tên khác rộng khuyên chớ sanh nghi. Tương đãi nghĩa gần nên chẳng cần khuyên, đức chung chỉ là bặt đãi được chung nên cũng chẳng khuyên. Lại chỉ quán tự gặp nhau sau, nay đã dứt các tên đối đãi nhau ở trước, cho nên tên tương đãi đều thành bặt đãi. Do đó lại nhờ chỉ tức các nghĩa để tự gặp nhau. Chỉ cũng gọi là quán tức đình chỉ chỉ, quán cũng gọi chỉ, tức quán xuyên suốt. Chẳng chỉ tức chẳng chỉ mà chỉ. Chẳng quán tức là chẳng quán mà quán. Đều phải y cứ Viên để giải thích tức. Ba hoặc thể vắng lặng gọi là tức, ba đế lý khắp gọi là đình. Đế lý chẳng phải chỉ và chẳng chỉ, không hoặc có thể phá gọi là không trí có thể chiếu gọi là quán đạt quán. Đạt lý chẳng phải quán cùng chẳng quán. Nếu tin bặt đãi tự gặp nhau, chỉ cũng gọi là quán, tịch tức chiếu, cũng gọi chẳng chỉ, tịch thể tự mất. Quán cũng gọi là chỉ, chiếu tức tịch, cũng gọi chẳng quán, chiếu thể tự mất. Như không chẳng sáng tối, sáng tối tức không, không sáng chẳng phải sáng, không tối chẳng phải tối, chẳng phải tối mà tối, chẳng phải sáng mà sáng. Tịch chiếu chỉ quán ví dụ theo đây sẽ biết.

Bốn là trong chung ba đức, văn đầu trước nói ý dụng tên trước hỏi,

vì đối trở xuống là đáp, kế các pháp trở xuống là lại hỏi. Đại luận trở xuống là lại đáp. Tự Tha trước sau, v.v... là Bồ-tát sơ tâm thường quán Niết-bàn là tự hành mới tu, cũng khiến chúng sanh thường quán Niết-bàn là hóa tha mới tu. An trí các con trong kho Bí Mật là hóa tha hậu nhập (vào sau). Ta cũng chẳng bao lâu tự trụ trong đó là tự hành hậu nhập (vào sau). Cho nên biết tự tha sơ tâm đều tu, tự tha hậu tâm đều vào, tức là một bộ chánh ý, văn nay trước sau chỉ là quán ba đức. Vào ba đức là sao? Lại trong năm lược, mới phát đại tâm trở xuống là tự hành mới tu. Xé rách lưới lớn trở xuống là hóa tha mới tu. Trở về chỗ lớn trở xuống là tự tha hậu nhập. Kế trong giải thích rộng là Thích danh thì tự hành sơ. Khởi giáo thì hóa tha sơ. Chỉ qui thì tự tha hậu. Nếu nói riêng thì nước chỉ quả, nay từ nghĩa chung nên khắp sơ hậu. Cho nên dùng đối để làm hạnh gốc. Kế nêu trở xuống là chánh nói tướng chung. Trước dùng hai chữ cũng chung ba đức, nếu phân hai chữ chẳng thể đủ Đức cho nên phải hai hợp nghĩa mới đủ ba. Hỏi: Trở xuống là giải thích nghi. Phàm tên năng thông, thông ở sở thông. Năng sở tương xứng hẹn chỗ đến. Chỉ dùng hai pháp làm tên năng thông, làm sao chung đến ba pháp sở thông? Đáp: Tạng thông Chỉ quán hai pháp khác nhau, còn chẳng năng thông ba Đức riêng khác. Nếu không thể nghĩ bàn một tâm chỉ quán thì năng thông ở một tâm ba Đức, hai, ba tuy khác không thể nghĩ bàn một chẳng hai mà hai, vì chung hai đức, hai mà chẳng hai vì chung pháp thân. Lại Đại Phẩm trở xuống là dẫn chứng. Cho nên Đại luận quyển năm hai chép: Đều ví dụ thích rõ một trăm lẻ tám Tam-muội xong tức nói mười tám không ở trước. Giải thích Bát-nhã xong, nay dùng một trăm lẻ tám Tam-muội giải thích thiền. Đã là Thủ-lăng-nghiêm Thiền Chủng Trí Bát-nhã, cho nên biết hai thứ này chẳng phải riêng một mình, thế thì trong mỗi không tất cả không, trong mỗi không tất cả định, trong mỗi định tất cả định, trong mỗi định tất cả không. Kinh luận nêu số từ sự mà lập. Phá mười tám có nói mười tám không đối một trăm lẻ tám tán nói một trăm lẻ tám định. Như lửa thiêu vật tùy vật được tên đâu có chỗ thiêu khác khiến lửa riêng khác. Cho nên dẫn mười tám không để chứng ở quán, dẫn một trăm lẻ tám Tam-muội để chứng ở chỉ. Hai mà chẳng hai chứng được pháp thân. Cho nên trở xuống là lại dẫn Đại Kinh, chứng lại hai tên, nghĩa gồm ba đức. Quyển hai mươi lăm chép: Tất cả chúng sanh đều có Định Thủ-lăng-nghiêm. Định Thủ-lăng-nghiêm cũng gọi Bát-nhã, cũng gọi Tam-muội Kim cương, cũng gọi Sư Tử Hống, cũng gọi Phật Tánh. Kinh nói Định Thủ-lăng-nghiêm có năm tên. Lăng-nghiêm cũng ở trong năm tên. Nay dẫn Phật tánh có năm tên.

Phật tánh cũng ở trong năm tên. Nay chỗ dẫn lấy chung gồm riêng, ý ấy thế nào? Đáp: Kinh giải thích chúng sanh có định Lăng-nghiêm, nên nói Lăng-nghiêm có năm tên, nếu luận chung thì nói Sư Tử Hống có năm tên cho đến biếng nhác có năm tên. Đối với lý thì không lỗi. Tuy đều không lỗi nhưng trong năm tên gọi Phật tánh là chung, chung cho định tuệ nên bốn tên gọi kia hai hai ký cục. Bát-nhã Sư Tử Hống từ tuệ làm tên, Kim cương Thủ-lăng-nghiêm từ định làm tên. Nay nói Phật tánh chẳng phải định chẳng phải tuệ mà định mà tuệ. Cho nên nói Phật tánh có năm tên, gọi để chứng văn nay chẳng hai mà hai. Lại kế trở xuống là đều thông. Trước nói ý đều thông. Chỉ và quán cùng nhau mà có cho nên được đều chung. Như chỉ có quán cũng lại tự có, không phải chỉ không phải quán. Quán nếu có, chỉ cũng lại tự có chẳng phải chỉ chẳng phải quán. Cho nên chỉ quán đều được chung cả ba. Như chỉ tức trở xuống là kế chánh đều chung trước chỉ quán. Lại văn trước cùng chung vì từ tên tiện, nay đây đều chung là từ nghĩa tiện. Cho nên hai chỉ để đối hai đức. Chẳng chỉ chỉ nghĩa giống chẳng phải chỉ quán nên chung cho pháp thân. Quán cũng như thế, có thể y cứ mà biết. Lại nữa, chỉ quán trở xuống là nói cùng thông, khác nhau hai chữ cùng thông ở văn trước. Nay đây chỉ quán đều có ba nghĩa, hai hai đều chung nên gọi là cùng. Lại nữa, ba đức trở xuống là lại dùng ba đức mà chỉ chung cho quán. Hỏi: Chỉ quán chung đức là năng thuyên chung đến sở thuyên vì sao lại dùng đức chỉ chung cho quán. Đáp: Danh vời ở lý tên là đức chung, lý ứng ở tên, tên là đức thông. Lý chẳng ứng tên, tên chẳng chỗ thông. Tên không vời lý, lý không thể hiển. Lại tên tức lý nên chỉ quán chung đức, lý tức tên nên đức chung cho chỉ quán. Lại chỉ quán đều có nghĩa ba đức, cho nên chỉ quán chung đức. Ba đức cũng có nghĩa chỉ quán nên đức chung chỉ quán. Vì ba nghĩa này lại phải đức thông, vì hiển lý giáo dung thông vô ngại. Cho nên cùng biện rốt ráo văn nay. Tên chánh lý phụ như trước đã nói. cũng phải lại y cứ hạnh mà nói chỉ quán và đức cùng thông nghĩa ở văn sau nên nay chưa biện. Ở trong đó cũng trước cùng chấp đầu. Cùng nghĩa là ba đức cùng chung chỉ quán và không phải chỉ quán, đều nghĩa là ba đức có đủ ba, như văn rất dễ thấy. Nếu tin trở xuống là nêu ví dụ khuyên tin. Trước nêu tên khác khuyên tin ba đức. Chỗ nói chỉ quán cùng chung nhau là gốc bày chỉ quán tuyệt diệu. Năng thông tuyệt diệu, đức không thể nghĩ bàn. Đã tin ba đức phải tin chỉ quán. Nếu tin trở xuống là dẫn dụ khuyên tin. Mà các kinh trở xuống là tên Thiên ý viên. Các kinh đầu Lăng-nghiêm, Trí Độ như trước dẫn chứng. Chẳng hai mà hai đã lược biết rồi. Mỗi kinh đã

đầy đủ các pháp ấy, phải biết đều là kho Bí Mật. Nói Lăng-nghiêm, người khác nói là tên báu, các đại Bồ-tát đều dùng báu này để trang sức đầu. Bồ-tát được trang báu sức đầu này đầy đủ Tam-muội, từ báu làm tên, tên là Định Lăng-nghiêm. Đại Kinh chép: Thủ-lăng là tất cả sự xong, nghiêm là kiên cố. Tất cả rốt ráo mà được tên kiên cố Thủ-lăng-nghiêm. Đại luận quyển mười tám dịch là Kiện tướng. Đại kinh Đại luận đều dùng ba chữ, đều là tiếng Phạm, đều gọi Tam-muội. Hai giải thích Đường, Phạm không thấy chỗ dựa. Nên biết tên kinh chẳng từ chỗ trang năng lực đầu. Chỉ quán cũng như thế trở xuống là dẫn chỉ quán để so sánh các kinh. Thiên cử trở xuống là so sánh giải thích. Các kinh thiên cử còn đủ ba đức, huống chỉ quán nay là viên cử. Đây là viên cụ chẳng phải viên đốn, nghĩa tuy viên đốn mà lời ý lại như thế. Kế chung các tên khác như văn. Lại chung ba tên, ba tên vô lượng nên nói là tất cả. Nay y theo Kim Quang Minh, Quán Âm Huyền, Tịnh Danh Sớ, v.v... đều dùng mười ba ví dụ giải thích ba đức. Nói mười ba, là tụng rằng: Đạo Thức (biết) Tánh Bát-nhã. Bồ-đề Đại Thừa Thân. Niết-bàn ba Đức báu, mỗi đều ba pháp. Nay văn lược nêu ba thứ Bồ-đề, mà vẫn lược chẳng giải thích. Nay y vào bộ lược ấy mà thuộc đối ba đức như trước. Ba Bồ-đề là thật tánh tức pháp thân, thật trí tức Bát-nhã, phương tiện tức giải thích. Ba Phật tánh là, Chánh nhân tức thực hành, Liễu nhân tức Bát-nhã, Duyên nhân tức Giải thoát. Nói Tam bảo, pháp bảo tức pháp thân, Phật bảo tức Bát-nhã, Tăng bảo tức Giải thoát. Ba đạo là: Phiền não tức Bát-nhã, Kết nghiệp tức Giải thoát, Khổ tức pháp thân. Nói ba thức là: Tam Tạng Chân đế nói thức thứ bảy A-đà-na, Hán dịch là chấp ngã thức. Đây là hoặc tánh thể là nhân duyên. Thức thứ tám A-lại-da, Hán dịch là Tạng thức vì hay giữ chắc trí chủng chẳng mất. Thể là vô một vô minh, tánh của vô minh là tánh Liễu nhân. Thức thứ chín A-ma-la, Hán dịch là thanh tịnh thức, tức là Chánh Nhân Đường Tam Tạng chẳng chịu giải thích này, bảo rằng: Thức thứ chín là tên khác của thức thứ tám. Cho nên Nhiếp Luận Tân Dịch chẳng giữ địa thứ chín. Trong Luận Văn cũng không có thứ chín. Chỉ dùng thứ tám mà đối Chánh nhân, thứ bảy đối Liễu nhân, thứ sáu đối Duyên nhân. Nay y theo Chân Đế vẫn hợp chung sáu, bảy làm duyên nhân. Vì trong thứ sáu sự thiện ác cũng là hoặc tánh. Giải thích nghĩa thức không phải chỗ luận ở đây. Chỉ lấy ba thức thể tánh mà đối với ba đức, ba nhân ở lý là đủ. Luận gia tuy dịch thức là trí mà chẳng tức chiếu ba thức một tâm, tức một tâm này ba trí đầy đủ. Ba Bát-nhã là thật tướng chánh nhân quán chiếu Liễu nhân văn tự nhân duyên đối đức rất dễ hiểu. Ba Đại thừa, lý thừa là

pháp thân, tùy thừa là Bát-nhã, Đắc thừa là giải thoát. Nói ba thân, như trong chỉ qui, ba Niết-bàn là tánh tịnh tức pháp thân, viên tịnh tức Bát-nhã, phương tiện tức giải thoát. Người xưa chẳng lập viên tịnh, vẫn dùng phương tiện đối với báo thân. Các văn có phá v.v... Nhưng mười ba thứ này xoay vần đối nhau ý nghĩa chẳng khác. Nghĩa tuy chẳng khác, mà sanh khởi thứ lớp đều có trước sau. Vô thỉ trôi lăn chẳng ngoài ba đường, trôi lăn do thức, trong thức đủ tánh, chiếu tán học đạo trí, trí đủ thành đạo, đạo từ thừa đến, đến nên thân hiển, hiển sẽ là Niết-bàn. Niết-bàn đủ nên gọi là Tam bảo. Bảo thì đủ đức, cho nên trước sau lại so sánh với mười nầy. Hỏi: Vì sao ở dưới rộng phân biệt đức. Trước nêu giải xưa lại dẫn Đại Kinh hỏi khởi ý ấy. Trong kinh ấy nghĩa tông cực: Lại là một nhà Hạnh giải chỉ qui, cho nên phải phân biệt. Đủ dẫn các sư xưa nay Đại Tiểu thừa so sánh xét lường mới hiển bặt đãi ba đức Bí Tạng, cho nên Phẩm Ai Thán chép: Thế nào gọi là Kho Bí Mật? Cũng như chữ Y ba điểm nếu ngang nhau thì thành chữ y, nằm dọc thì chẳng thành. Như Ma-hê-thủ-la trên mặt có ba mắt mà thành chữ Y. Nếu ba điểm riêng cũng chẳng thành chữ y. Ta cũng như thế, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác, cũng chẳng phải Niết-bàn. Nay ta an trụ ba pháp như thế. Vì chúng sanh gọi là Nhập Niết-bàn, chữ Y như thế. Chương An nói sách tục ở Tây Trúc Y có mới cũ. Chữ y cũ có tung ngang như Ngang Xuyên có thể dụ kinh ấy. Chữ y mới chẳng dọc chẳng ngang, ở đất Hán có thể lấy cỏ mà dụ cho Viên kinh. Muốn giải thích chữ Y mới, trước phải hiểu rõ cách hiểu khác của người mới tránh khỏi lỗi tung ngang của chữ y cũ. Cho đến các lỗi Tà Tông Ngang kế. Cho nên ngoại đạo Đồ Thán cũng chấp trời Đại Tự Tại. Có đủ ba Đức rằng: Pháp thân đầy khắp pháp giới, báo thân ở trời Tự tại ba mắt tám tay tức Ma-hê-thủ-la. Hóa thân tùy hình sáu đường huống chi Đại Tiểu thừa các sự giải thích nghĩa vì nghĩa ấy nêu rõ các sư, là các sư Tiểu thừa. Nói chủng trí đã viên, nghĩa là khi ba mươi bốn tâm dứt kết. Đã có Bát-nhã gọi là Chủng trí. Cha mẹ sanh thân cũng chưa diệt độ gọi là quả phược. Tuy dứt tử phược nhưng quả phược chưa dứt thì chỉ là hữu dư, chưa được vô dư, nên nói chưa đủ. Tuy dứt hoặc chung, chưa có pháp thân, thân là vô thường cũng giúp đoàn thực. Đoàn thực chẳng phải một, nên nói là tạp. Vì ba tạng Phật đồng phàm báo. Một là ưu, nghĩa là Bát-nhã đức chủng trí đã viên; hai là liệt, nghĩa là giải thoát chưa đủ, thân là tạp thực. Hai thứ này tuy kém đã có phần ít, đủ ở chẳng lâu nghĩa phải một lúc. Dụ ở Ngang xuyên cho đến

tẩu hỏa. Tẩu hỏa là lửa dữ, là một bức vẽ dài các bức vẽ khác ngắn. Ba đức cũng như thế, tuy đều có hơn kém khác nhau. Lại nói trong sư thứ hai, trước được tướng tốt, tức là trăm kiếp đã hết. Kế được chủng trí, tức là ba mươi bốn tâm. Hậu diệt thân trí tức là tám mươi tám diệt. Vô dư ở đó nên nói mới đủ. Ý thí dụ rất dễ hiểu, nhưng Sanh công nói: Bát-nhã cư tông ở trên, toàn lạm Tiểu thừa sư đầu ba đức. Dù khác Tiểu thừa nhưng trọn thành nghĩa dù. Vẫn đồng sư kế. Nếu nhập trở xuống là sư thứ ba. Nếu nhập diệt định, v.v... đã có thân ở đó gọi là pháp thân, thọ tưởng tâm sở thức tri chẳng làm, gọi là không Bát-nhã nên nói vô trí. La-hán ở vô sắc, là vô sắc bao gồm ở Vô sắc đó mà được Hữu Dư, gọi là La-hán. Chỉ có tâm trí mà không có sắc thân, giống như có Bát-nhã mà không pháp thân. Nếu vào Vô dư, thân tro cho nên không thân, diệt trí cho nên không trí, riêng một giải thoát nên nói "cô điều." Đây thì ba pháp đều thuộc một người, nói là chẳng tương quan. Nếu khiến ba pháp đều ở một người, tức là diệt định khởi có trí dứt kiết, chẳng ở Vô sắc lại nói có Thân. Định ở vô dư gọi là có giải thoát. Đồng ở một người nên gọi là Đều. Nếu dùng ba pháp lụy ở một người, tức trước được Vô sắc, kế ở diệt định, sau vào vô dư, nên gọi là Tung. Đây thì Tiểu thừa ba sư thiếu hẳn nghĩa chữ y. Kế thầy đầu Đại thừa nói pháp thân là chánh thể pháp thân vốn có thể nên ở đầu, hai đức phải có cho nên ở kế, trong hai đức, Bát-nhã ở trước vô lụy, nên thành nghĩa Tung. Hai Di Hoàn này là Bát-nhã và Giải thoát. Di là đầy, Hoàn là khắp, tuy tu chủng trí, chủng trí chưa đủ mà phần được Giải thoát. Giải thoát chưa đủ cũng được gọi Tịnh, cũng được gọi uế, xoay vần đối nhau cùng làm tịnh uế. Cách vô lượng đời vượt vô lượng kiếp, đời kiếp không khác văn thêu dệt cho nên như thế. Trải nhiều thời gian, ba đức thứ lớp, nên gọi là Tung. Sư kế nói ba đức không có trước sau. Sư đầu chép: Thể chỉ pháp thân, sư này thể đủ ba đức. Tuy đủ ba đức nghĩa đồng sư đầu. Y cứ vào thể đủ lại chẳng làm rõ nhau, nên thành nghĩa Ngang. Vì vốn có nên gọi là thể ngang. Từ tu mà được nên gọi nghĩa dọc. Sư sau chép: Thể nghĩa đều chẳng khác, tức thể và nghĩa đều từ vốn có nên gọi là chẳng khác. Y cứ vào hạnh chứng đắc lại giống trước sau, nên nói ẩn hiển. Pháp thân một đức ở triền là ẩn, ra khỏi triền là hiển. Hai đức kia hạt giống đủ lâu nên gọi là ẩn, rốt ráo quả mãn nên gọi là hiển. Ba đức có đủ hai nghĩa này vốn có ba pháp đều gọi là ngang, đều có Ẩn Hiển nên gọi là Dọc. Vì ẩn hiển mà có trước sau, cho nên thành dọc. Các giải thích như kết sau đều bác bỏ. Đại tiểu sáu thích đều chẳng hội với văn đại kinh. Nay nói trở xuống là nhà nay chánh giải thích, vì ba nghĩa nên mới ứng với (ý) chỉ kinh. Lý

tánh ba đức bao gồm tất cả pháp, nên gọi là Tạng. Một đều đủ ba, ba ba tương minh, ba chỉ là một, một một không một. Cho nên tạng này chẳng thể ba một, ngang dọc một khác, mà nói nghĩ bàn cho nên đều nói không thể nghĩ bàn và na-hốt, v.v... một khác đều là tên khác của biệt, đối khác tiện nói nên gọi là một. Thân thường v.v..., đây là hành nhân tu hướng lý tạng đến khi được quả thì pháp thân đã trọn, nên gọi là thân thường, chủng trí đã thành nên gọi Trí viên, phiền não dứt hẳn nên gọi đoạn cụ, Lý Tạng Thích, là trong sáu tức thì phải lý tức. Hạnh Nhân Thích, là trong sáu tức riêng ở rốt ráo, chung đủ năm tức. Nay đối lý tức riêng từ rốt ráo tuy thân thường mà được chẳng phải trước sau cho nên chẳng thành tụng. Lý cùng tu, nhân cùng giả đều cùng một lúc đầy đủ mà đều dùng lẫn nhau, làm sáng tỏ nhau nên không phải nghĩa ngang. Nói làm sáng tỏ nhau là từ hạnh mà chép: Vì lý tánh sáng mới khiến hạnh sáng. Hành làm hiển lý, cho nên từ hạnh mà nói. Năng chủng chủng là không phải chỉ ba đức có dụng lợi tha mà pháp thân cũng như thế. Cho nên y cứ hóa dụng thì một thân là tất cả thân một trí là tất cả trí, một thoát là tất cả thoát. Cho nên gọi là (các thứ) kiến lập. Dứt hóa luận qui, đồng về minh tịch, cho nên nói nghĩa bậc nhất. Kế tức một trở xuống là y cứ tự nghĩa mà giải thích. Chỉ là ba điểm đồng là một y, tuy là một y mà có ba điểm. Cho nên chữ y không phải dọc không phải ngang, khác nhau nghĩa cũ, nên nói chân y. Phải biết Đại Kinh trước sau ba đức nên ở phẩm Ai Thán đầu kinh dùng nghĩa chữ Y mà giải thích ba đức này. Quyển ba mươi sáu hỏi rộng hiển ba đức. Do đó trong tựa nói về ba đức, phẩm Thuần-đà nói về Niết-bàn là chánh nói ba đức. Từ Trường thọ trở xuống trong mười bốn phẩm nói nghĩa Niết-bàn giải thích ba đức. Nói đem Phật pháp chẳng giao cho Thanh văn mà giao cho các Bồ-tát, chính là giao ba đức Bí tạng này. Từ hiện bịnh trở xuống gồm có năm phẩm, nói Niết-bàn hạnh tu ba đức này. Từ Sư Tử Hống trở xuống đến phẩm Trần Như gồm có ba phẩm là nói dụng của Niết-bàn, tức công năng của ba đức. Nếu hiểu rõ ba đức này ở trong một tâm thì Đại Kinh một bộ ở trong gang tấc, huống chi Pháp Hoa khai hiển mười phương ba đời đồng nói ba quĩ, vì ba quĩ diệu, nên nói Diệu pháp. Hoa Nghiêm Pháp Giới, Tịnh Danh Giải Thoát chẳng cùng Bát-nhã, một thể không khác với ba đức này. Nếu biết ý này, văn này có thể hiểu mười phương Phật pháp ở một sát-na. Hỏi: Trở xuống là phân biệt. Có hai lớp hỏi đáp. Văn đầu là chánh xếp, văn kế là khai thông. Văn đầu hỏi: Ba đức, bốn đức đều ở Niết-bàn, đồng khác thế nào? Đáp: ý Ba, bốn giống khác đều ở Niết-bàn. Niết-bàn chẳng khác, thì ba, bốn chẳng khác. Cho

nên hội thông khiến biết chẳng hai. Ở trong đó lại có hai hội chung riêng. Trước hội thông, là ba đức mỗi đức đều có bốn tính chất nên gọi là chung. Chung lại có hai cách giải: Một là dẫn Đại kinh, pháp thân Thường nên hai đức cũng Thường. Đã có thường há không có Lạc, v.v... Đây bèn so sánh y cứ mà giải thích. Pháp đã có Thường thì có ba thứ kia. Lại lấy hai thứ kia mà lệ với pháp thân. Phật là giác liễu, giác liễu là trí nên thuộc Bát-nhã. Lại hay tùy hình đều phục ở tha, cho nên thuộc giải thoát. Vì thế chữ Phật có đủ hai đức. Kế dẫn Đại Kinh nhân diệt năm ấm có đủ bốn đức. Ấm là pháp thân. Pháp thân đã thế, hai thứ kia cũng lệ như thế. Cho nên biết ba đức đều có đủ bốn đức. Thế thì đối chung có hai giải thích này. Kế nếu y theo dưới lại chuyển năm ấm và bốn niệm xứ để thành bốn đức. Riêng khác đối nhau, nên gọi là khác. Ấy thì riêng đối cũng có hai giải thích tức là ấm và niệm xứ khai hợp khác nhau. Y cứ văn sẽ thấy. Ấy thì kết dưới y viên là nghĩa đốn. Như hướng chỗ đối hai giải chung riêng. Chỉ lấy pháp đối pháp không nói về hành tướng. Nếu sơ tâm quán liền thành nghĩa đốn. Hậu tâm mới hội liền thành nghĩa riêng. Kế trong khai thông là ý hỏi đầu. Cuối quyển hai ở trước nói có phát tâm trị được ba chướng. Cho đến rốt ráo trị được ba chướng. Lại nói có phát tâm mà được ba đức, cho đến rốt ráo được ba đức. Ở đây thì ba chướng, ba đức đều chung chí cực. Nay đem ba đạo, bốn đảo đều làm ba chướng. Chướng và đạo cho đến bốn đảo tên khác mà nghĩa đồng. Che giấu thánh đức gọi là chướng, chung đến sanh tử gọi là Đạo, kiến giải xa lý thì gọi là Đảo. Đảo nên hay chướng, chướng nên sanh tử. Cho nên nay dùng ba đạo, bốn đảo đều có ba chướng khai, tức là mở ra từ gần đến xa. Trong đáp trước cho hỏi, kế vì giải thích. Trước cho hỏi rằng: Đảo đạo và lệ, ba nghĩa đã đồng, đều phải chí cực. Kế vì sao trở xuống là giải thích. Đảo ý vì nghĩa đồng, trong đó lại nói nghĩa chung ba chướng. Thông chí cực cho nên cực mới phá hết, nên nói chí cực. Vì cho ba đạo cũng chí cực. Do đó nghiệp báo phiền não mỗi thứ có mở ra ba. Nói báo do ba thứ phiền não là sợ văn lầm. Phải nói nghiệp do ba thứ phiền não. Từ lại y cứ trở xuống là kế bày bốn đường bốn đảo chí cực, tức là hoặc kiến tư là phiền não đạo, phiền não nhuận nghiệp gọi là nghiệp đạo, giới nội sanh gọi là khổ đạo. Phương tiện ba đạo tức trần sa hoặc, phiền não đạo. Vì nghiệp vô lậu gọi là nghiệp đạo, sanh tử biến dịch gọi là khổ đạo. Thật báo ba đạo, tức là vô minh hoặc, là phiền não đạo. Chẳng phải lậu chẳng phải nghiệp vô lậu là nghiệp đạo. Độ ấy biến dịch gọi là khổ đạo. Hỏi: Sao chẳng cảm tịch quang. Đáp: Nay nói cảm báo chẳng nói tịch quang. Tịch quang không báo nên

chẳng nói. Y cứ ba phiền não đều mở bốn đảo. Phiền não kiến, tư có bốn thứ như thường, v.v.... Trần sa phiền não có vô bốn thứ như thường, v.v.... Vô minh phiền não lại có bốn thứ như thường,v.v.... Hỏi: Văn nay trong ba chương đã nói khổ và phiền não, sao chẳng nói nghiệp mở làm ba? Đáp: Nghiệp do phiền não, cho nên cảm báo, đã nói hai thứ kia nghiệp ở đó cho nên chẳng cần nói. Hỏi: Vì sao các đảo chỉ nói có bốn mà chẳng ba chẳng năm? Trong kinh chỉ chép: Thường và vô thường phải chăng? Đáp: Lý vốn không tên, gượng ép đặt tên, tuy gượng mà lập, đức chẳng ngoài bốn. Phật diệt độ rồi người ngoài trộm của Phật bốn tên như thế thường, v.v... để chấp thần ngã. Cho nên Phật trước nói vô thường v.v... để phá thường. Nhị thừa không hiểu nên chấp vô thường, v.v... để làm cực. Cho nên Phật lại nói, bốn đức như thường, v.v.... Nói vô thường v.v... Bồ-tát xuất giả khác với Nhị thừa gọi là thường, v.v... Bồ-tát chẳng đạt chỉ chấp giáo đạo, lại chép: Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, v.v... để phá thường v.v... Đây là y cứ tiệm giáo hóa nghi để nói. Nếu đốn giáo tức đối với thường, v.v... mà nói vô thường,v.v..., mà đạt vô thường, tức đạt Trung đạo Kho Bí Mật. Y viên là đốn ý, biệt là tiệm ý, cũng đồng ở đây. Chỉ Biệt giáo thứ lớp có khác đôi chút với hóa nghi, suy nghĩ rất dễ thấy.

Kế trong giải thích thể tướng mà chép: Thể được hiển của chỉ quán này. Tuy dùng chỉ quán để làm năng hiển. Chỉ quán là hạnh, hạnh nhờ giáo mà hưng, giáo là năng thuyên, hạnh là lý sở thuyên. Hạnh đối với lý lại làm năng hiển. Năng hiển lại chung nhân quả, được, mất. Đắc tức là năng hiển diệu thể nay, thất tức là chỉ thuộc phương tiện phàm tiểu, cho nên văn bốn chương hiển bày thể. Trong đó trước nói ý đến, cũng là kết trước sanh sau. Từ đầu đến nếu hướng là kết hai chương trước. Đã biết đến như trước là kết thúc đại ý trước. Danh tự đến nếu hướng là kết thích danh ở trước. Phải biết trở xuống là sanh sau hiển thể. Đại ý chung với nhân quả tự tha, nên gọi là rộng lớn. Thích danh khắp ở Thiên viên, ngang dọc nên nói rộng xa. Rộng ngang là rộng, xa dọc là sâu. Như trong Thích Danh nói đối đãi nhau tức là vừa ngang vừa dọc. Bặt đối đãi tức là ngang dọc chẳng hai. Đây là y cứ ngang dọc mà nói chẳng hai. Trước nói như trước, kế nói nếu hướng. Trước cùng với hướng đều đã qua, nghĩa mà suy, thì (hơi xa) là trước, vì (hơi gần) là hướng. Cho nên Phẩm Bất Khinh kinh Pháp Hoa nói bác bỏ bai hủy báng bị tội như trước chép: Chỉ phẩm Pháp sư ở quyển bốn công đức có được như vừa nói. Chỉ ở đầu phẩm sáu Pháp sư công đức phải biết thể lý sâu kia. Lại dùng thể tướng mà so sánh hai trước, hai trước đều ngang, thể tướng chỉ dọc. Cho

nên nói uyên huyền. Uyên là sâu, huyền là kín. Cho nên trong phân biệt nói thể tướng dọc, tám thứ kia ngang. Y cứ đây một lược đại phân mà nói. Cho nên trong Thích Danh lại chung ngang dọc và chẳng hai. Kế trong mở chương giải thích riêng. Sở thuyên, đế lý gọi là thể, phân biệt quyền thật đại tiểu khác nhau nên gọi là Tướng. Cũng nói hiển thể, thì thể là sở hiển, giáo tướng nhãn trí tức là năng hiển. Năng từ sở nên nói hiển thể. Trước nói Thô ký bốn ý thô là lược. Thể tướng khó bày lược ký bốn ý mới biết được thể. Lý tạ trở xuống là nói dụng của chương sở y và sanh khởi. Giáo nói lên lý nên giáo ở đầu. đến lý phải thực hành, thực hành tức nhãn trí, cho nên ở kế. Kế nói về chỗ đến tức là lý cảnh, cho nên ở kế. Nói về lý người, tự tha đắc thất cho nên ở kế. Nếu từ sanh khởi giống như bốn chương cùng thành thể tướng, giải thích văn ý chỉ của văn phải phân ra cao sâu, đều hiển bày thể đâu phải nhờ nhau. Hỏi: trước chương Giáo tướng có gì khác với Thích danh. Đáp: Chương ấy giải thích tên chung chỉ được tên giáo. Nay xếp đồng khác nên nói Giáo tướng. Hỏi: Đã nói thể tướng sao nêu giáo tướng? Đáp: Tuy nói năng thuyên mà ý ở sở thuyên, chẳng y cứ năng thuyên không dùng biện sở, y cứ chương nhãn trí năng sở cũng như thế. Nếu chung đức trước đức là sở thuyên, nói hay chung tên, hay đến với sở, dùng sở hiển năng, nên nói đức chung. Cho nên Thích Danh bốn đoạn ý ở bặt đối đãi. Thể tướng bốn chương ý ở cảnh giới. Cho nên bốn chướng, văn bốn nghĩa hai ý chương ở một. Pháp Hoa trở xuống nói ý dụng chương trong Thích Danh trước đã tụng hai diệu Huyền văn, Đãi tuyệt, cho nên nay hiển thể lại dùng trong sớ bốn, một hiển thật. Thật chẳng khác đó cho nên liền dùng tên bốn, một này vốn xuất xứ từ Quang Trạch. Quang Trạch Sớ ý dùng ba ba làm quyền chỉ ở giáo xưa, dùng bốn, một làm thật chỉ ở Pháp Hoa. Ba xưa không quả cho nên ba chỉ là ba. Nay giáo không ba, bốn thứ đều một, cho nên nói bốn, một. Nay Nhà hòa xưa cũng làm bốn, một. Giáo đồng tên khác chẳng toàn đồng xưa. Xưa nói quả một, nay nói lý một. Nếu không lý ấn tức đồng mà nói. Xưa nói nhân một, nay nói hạnh một, nhân nói thì đơn hạnh chung nhân quả. Người giáo hai, một chẳng khác với xưa. Huyền văn có phá nay chẳng nói đủ. Huyền văn lại dùng mười diệu mà làm mười, một, nay lại y bốn để đối bốn chương. Cho nên kinh chép: Vì giúp chúng sanh khai tri kiến Phật, lấy sở tri kiến mà làm lý một. Chỉ giáo Bồ-tát tức là người một. Thường làm một sự, tức là hạnh một, vì chúng sanh nói tức là giáo một. Sở thích lý một y cứ sẽ thấy biết. Lại vì bốn thích tức là bốn trí, bốn môn, bốn vị quán tâm, năng sở đối nhau, bốn chương nghĩa đủ. Trí là nhãn trí, môn là giáo tướng, quán tâm

chỉ là bẩm giáo, chứng trí vị kế chỉ là thềm hoặc nhãn trí để khế với lý. Trong đó trước nói giáo tướng. Văn trước lại nói ý đến.

Danh tức là giáo nên nói giáo tướng, chỉ là Thích Danh ở trước, Danh chung Phàm Thánh, Đại Tiểu Thiên Viên chẳng thể tìm, cầu ở thể riêng, thể riêng chẳng hiển, muốn bỏ thiên theo viên, không do đâu đến được. Nay nói chương này chia ra tướng khác. Tướng của giáo gia nên nói giáo tướng. Nói chung riêng là như Đại Kinh quyển ba mươi ba chép: Phật nói Tu-đà-hoàn gọi là Nghịch lưu. Ca-diếp hỏi rằng: Nếu thế thì A-la-hán cho đến Phật cũng được gọi là Tu-đà-hoàn ư? Phật cho đến Tu-đà-hoàn cũng gọi là Phật ư? Ca-diếp dùng tên chung mà hỏi thể riêng. Vì tên chung Nghịch lưu là chung cho tất cả. Nếu nói đã dứt ba kiết gọi là Tu-đà-hoàn, cho đến ba mươi bốn tâm gọi là Phật thì tên thể đều riêng. Tên chỉ quán ở trước tên ấy đã chung. Nay dùng thể riêng xét tên chung, cho nên không cần danh thể đều riêng. Lại biết thành luận chỉ quán dị thời, tông Tát-bà-đa chỉ quán đồng thời tuy nói đồng thời, dị thời, đâu thể dùng đồng thời đó làm viên, dị thời làm khác. Cho nên phải dùng giáo tướng để phân biệt. Trong Thích danh trước, ý lại gần nói Diễn môn ba đế, cũng có thể nghĩa gồm Tam Tạng Chân đế. Nay trong hiển thể, muốn phân biệt rõ từ rộng đến hẹp. Do đó bắt đầu từ phàm phu mà rốt đến viên cực đều gọi Chỉ quán. Trước nói hữu lậu là pháp giới nội. Chỉ thiện mà trị tức sát, đạo, v.v..., Hành thiện mà sanh tức là phóng sanh, v.v... do hành do chỉ nên được gọi là thiện, tên chỉ hành thiện bốn thiền, v.v... là y theo nhiếp pháp ở dưới, đây y cứ vào phần nhiều. Nếu nói rõ ra thì như trong bốn thiền đều có một tâm gọi là chỉ tướng, các thứ khác đều thuộc về quán. Lại thiền thứ tư lại là tướng, các thứ khác đều thuộc tướng quán. Nay gọi chung chỉ là chung thuộc định. Bốn tâm Vô lượng thì ba thứ trước là tướng quán, xả tâm là tướng chỉ. Lại Bi khiến lìa khổ, cũng là tướng Chỉ, Từ khiến ban vui là tướng Quán. Tâm Hỷ có hai gồm cả chỉ quán. Nay nói chung là chỉ, là bốn tâm này không phải nhất định chẳng khắc. Sáu hạnh quán là nói riêng có thể chán dưới là chỉ, thích trên là quán. Gọi chung quán là có hân yểm. Cho nên Đại luận trở xuống là y cứ dụ mà bác bỏ. Đại Kinh cũng nói trừ núi Ma-lê mọc cây chiên-đàn, các núi khác không có. Lại dùng xuất thế ba thừa mà nhìn hữu lậu gọi là chân trí tuệ, nên pháp hữu lậu chẳng phải là chỗ nay dùng. Kế nếu Nhị thừa trở xuống là nói Tam Tạng chiết pháp tất cả pháp môn, tất cả sự định phần lớn thuộc chỉ. Lại từ định mười tưởng kiến đạo có ba, là: Vô thường, khổ, vô ngã. Tu đạo có bốn tức là: Thực bất tịnh thế gian chẳng thể vui, chết, bất tịnh, bảy

thứ này thuộc về quán. Đạo Vô học có ba là Đoạn - Ly - Tận, ba thứ này thuộc chỉ, cũng có thể đều quán. Mỗi văn sau đều nói trí tuệ tương ưng. Pháp là chỉ là đã gọi sự thiền, thiền phải thuộc chỉ. Lại vô học sau ba tên ấy gần chỉ, nên xếp thuộc chỉ. Tám bối cũng có thể ba thứ trước thuộc quán, năm thứ sau thuộc chỉ. Sắc đối với vô sắc, vô sắc phải làm tên chỉ mà nói. Chín định thứ lớp luyện tám bốn xả, cũng có thể tùy nó để phân ra chỉ quán. Đã đều nói định nên xếp thuộc về chỉ. Chẳng đồng với đây cho nên trong văn đều nói một lượt, nói có làm bốn đế tuệ v.v... một lượt lại từ thiền mà xếp chỉ. Trong Đại Kinh ấy chín tưởng các căn đều ở trong tuệ thánh hạnh. Đã dùng tuệ làm tên lại xếp thuộc quán. Ở đây sau bác bỏ là pháp chuyết độ, dùng khéo so sánh với vụng, vụng chẳng gọi quán, là hai pháp chỉ quán vì đồng diệt sắc cho nên diệt danh (tên diệt), lại dùng cho chỉ. Kế giải thích như văn.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 3
(PHẦN 2)

Kế nói Xảo Độ. Trước nêu tức thứ lớp ba quán tên chung là xảo (khéo), vụng mà được tên. Như trong Đại luận dẫn Hỷ căn, v.v... gọi là Xảo Độ, tức chỉ ba giáo, ấy thì thứ lớp cùng chẳng thứ lớp, đều gọi là Khéo. Nay từ đầu nói nên cũng gọi xảo. Kế chánh giải thích. Trong thứ lớp đầu, trước là chỉ sau là quán. Trước trong nói chỉ thể đầu là chân chỉ. Thích văn giải thích văn ấy còn lược đủ khởi phải dùng bốn tánh mà xem xét. Phá tánh kể rồi đủ hai không, cho nên mới gọi đắc không. Thứ lớp hai chỉ, trước lại nói chung ba thừa chỗ chứng mà giống nhiều khác ít. Nếu Nhị thừa trở xuống là giải thích chẳng cần phương tiện. Kế dẫn kinh chép: Động chỉ tâm một, chỉ tức là không, động tức vào giả, không tâm vào giả, nên nói thường một. Trong thứ lớp ba chỉ nói thiên hạnh, v.v... là bác bỏ hai chỉ trước. Chỗ ý đến gọi là hạnh, chỗ ý nương gọi là Dụng. Thể trước chân chỉ đều quán hai đế. Thiên thú ở chân, nương chân khởi hạnh. Kế phương tiện chỉ cũng đều quán hai đế. Thiên thú ở tục, tuy nương tục khởi hạnh nhưng vì chưa quán Trung đạo nên đều gọi là Thiên. Nên nay bác là không gặp Trung đạo. Lại Niết-bàn trụ không gọi là Thiên hạnh, xuất giả lưu động gọi là Thiên dụng. Lại biết tục chẳng phải tục nghĩa chung hai thứ. Duyên sanh tục và xuất giả tục, hai tục đều vắng lặng, nên nói tịch nhiên. Ba tên chỉ này, v.v... là giải thích nghi. Đây là lời khiêm nhường của Đại sư. Kế là giải thích luận dưới, chứng ý ba chỉ sao chỉ ánh vọng ba quán, khiến tên có bằng cớ. Đại luận cũng cho tùy nghĩa đặt tên. Nói y quán lập ba chỉ, là kinh Đại Tiểu thừa đều lập hai tên Chỉ Quán, huống chi chỉ quán, chỉ là tên khác của Định Tuệ. Đã tên Định Tuệ mọi chỗ đều nêu, cho nên nay so sánh quán để đặt tên chỉ. Do đó, Anh Lạc ba quán nghĩa phải gồm chỉ, cho nên trong Thành Luận có phẩm Chỉ Quán, trong bốn A-hàm hễ có

Phật giáo khiến tu hai pháp tức là chỉ quán. Lại Bà-sa quyển bảy mươi chép: Các Tỳ-kheo hỏi Thượng tọa rằng: Nhàn phòng dưới cây là tu pháp gì? Thượng tọa đáp: Phải tu hai pháp, đó là chỉ quán. Lại hỏi tu nhiều chỉ quán thì được gì. Đáp: Được sơ quả cho đến quả A-la-hán. Như thế thứ lớp hỏi năm trăm Tỳ-kheo đều nói tu hai pháp chỉ quán. A-nan bạch Phật, Phật cũng nói tu hai pháp chỉ quán. A-nan khen rằng: Lành thay lành thay. Như lai và đệ tử nói ra đều giống, cú nghĩa vị đồng. Lại Tịnh Danh chép: Pháp thân từ chỉ quán mà sanh. Đại Anh Lạc chép: Nếu muốn học các pháp vào sâu Thiên bổn, phải thấy năng lực Bồ-tát tu tập chỉ quán. Đại tiểu kinh luận tất cả đều thế. Kế rõ dưới đây là cùng Thích Danh phân biệt đồng khác. Nói phảng phất là chẳng phải hợp đồng cho nên nói thế. Nói đồng, trước nói chỉ, tức y cứ phiền não (dứt). Nay nói thể chân, thể vọng tức chân. Trước nói đình chỉ y cứ tâm đến lý. Nay nói tùy duyên, là tâm tùy lý tục. Trước chẳng chỉ chỉ là y cứ lý chẳng phải chỉ và chẳng chỉ. Nay dứt hai bên, bên không như chỉ, giả như chẳng chỉ. Trung đạo chẳng phải hai bên không giả giống như chẳng chỉ chỉ. Tướng nói khác là ba chỉ trước cùng thành một đế, nay ba chỉ này đều thành một đế. Ba thứ trước thành ba thứ kế là kế, và sau đều chỉ thể tướng. Văn thêu dệt cùng nói cho nên khác nhau. Ba là Thích Danh trước thành ba thể tướng, cho nên ba thể tướng mỗi thứ tướng đều giả, Thích Danh ba thành. Vì sao như thể chân chỉ thì dứt kiến tư, dừng tâm chân đế và thấy chân lý chẳng phải chỉ chẳng chỉ. Thể chân đã tế, hai thứ kia lệ theo như thế. Cho nên mỗi đều đủ ba trước. Câu dưới chép: Một sau đủ ba trước, câu phức ở trên chép: Một trong thể tướng đều đủ ba trong Thích Danh.

Kế nói ba quán. Trước y kinh nêu. Ở kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc kia văn có hai chỗ nói ba quán này, quyển hạ Phật vì bảy Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền, v.v... nói đủ như quyển một đã dẫn. Quyển thượng nói một trong mười hồi hướng, một hồi hướng đều có mười cảnh giới sở duyên. Quán thứ mười trong mười hướng gọi là vô tướng, Đệ nhất nghĩa quán được vào sơ địa. Sơ địa trở lên ba quán một tâm. Nói ba quán, là từ giả vào không gọi là Nhị đế quán, từ không vào giả gọi là quán Bình đẳng, hai quán là phương tiện nhân là hai quán không được vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán. Chiếu soi cả hai đế, tâm vắng lặng tự nhiên tiến vào Sơ địa pháp lưu thông trung gọi là Ma-ha-tát. Văn nay y đó lược năm ba chữ. Từ chỗ nói trở xuống là giải thích ý kinh. Trước giải thích vào không, còn gọi hai đế. Văn có năm lớp: Một là con đường chung, y cứ thuyên năng sở cùng luận. Là sao, tục là năng thuyên, không

là sở thuyên. Nếu không có năng thuyên thì không nhờ đâu biết được sở thuyên. Cho nên phải đặt tên hai đế. Lại hội không trở xuống là thứ hai y cứ chứng, huống chi tu mà nói. Trước là pháp kế là dụ, sau là hợp. Trong pháp trước nói ngày hội chẳng những phải thấy không, còn không giả đều thấy, huống chi do quán giả thấy chân mà chẳng được, nói hai đế quán ư? Cho nên chẳng được chẳng lập hai đế. Như mây trừ, v.v... kế là nêu dụ, mây tức là chướng, chướng trừ thì tên phát, phát tức là khai mở. Như khi mây tan hết thì trên hư không hiển bày một sắc, dưới muôn tượng sẽ sáng. Trên biển là dụ thấy chân, dưới sáng là dụ thấy tục. Mây là dụ cho hoặc kiến tư. Trên hiển thì dưới sáng. Cho nên phải hai đế. Do chân dưới hợp dụ, do chân hợp trên hiển, giả biển hợp dưới sáng. Do thấy chân nên giả ấy lại hiển. Nay do trở xuống là so sánh giải thích, là nói khi chứng chân còn thấy hai đế. Này trước (mới) tu chân do quán giả mà được, vì sao chẳng gọi hai Đế quán. Cho nên nói nay do, v.v... Lại tục trở xuống là thứ ba y cứ phá dụng mà nói. Nếu có sở phá thì có năng phá. Năng phá tức là chân đế sở dụng, năng sở chẳng lẻ loi cho nên đều lập. Lại phân biệt trở xuống là thứ tự y cứ Tình trí mà nói. Nay (ta) giải thích để làm Đại Tiểu Thừa đều đối Tình Trí, nghĩa mới hết lý. Cho nên dùng Đại Kinh để giải thích Văn Anh Lạc. Đại Kinh quyển ba mươi hai chép: Tùy tự ý, tức như năm trăm Tỳ-kheo đều nói thân nhân, năm trăm Tỳ-kheo đều hỏi Xá-lợi-phất rằng: Phật nói thân nhân là sao? Xá-lợi-phất chép: Các thầy cũng đều được Chánh giải thoát tự phải biết, sao duyên phương tiện mà hỏi như thế... Có Tỳ-kheo chép: Khi chúng con chưa được Chánh giải thoát thì ý bảo vô minh xem là thân nhân, khi quán như thế thì được A-la-hán. Có người nói ái, có người nói hành, có người nói ăn uống và năm dục, v.v... Như thế năm trăm vị đều nói xong, cùng đến chỗ Phật đi nhiễu bên phải xong thì đều nói cái của mình. Thân Tử bạch Phật ai nói đúng? Phật bảo năm trăm Tỳ-kheo đều nói đúng, đều nói chỗ mình chứng gọi là tùy tự ý, cũng gọi là Tùy trí. Như Trưởng giả Ba-tra-la gọi Phật là người huyễn. Phật do đó rộng nói tất cả pháp huyễn, các thứ khác nhau. Thuận theo vật tình mà gọi, theo ý nói, cũng gọi là tùy tình. Như nói tâm thấy của người đời gọi là Thế đế, tâm thấy của người xuất thế gọi là nghĩa đế Đệ nhất. Thế đế thì thuộc tình, nghĩa đế Đệ nhất thì thuộc trí. Tình trí đều hợp thì được tên hai đế, t tùy ý tự tha (mình người) cũng gọi là tùy Tình trí. Đây y cứ hai đế, hai giáo Tạng Thông nghĩa là ý quán đều văn nay. Hai giáo sau chuẩn nói rất dễ hiểu. Như nói ba đức rằng: Danh hiệu Như lai mười muôn khác nhau, Bát-nhã một pháp nói các thứ tên. Giải thoát cũng như thế, phần nhiều

các danh tự là gọi tùy tình, an trí các con cũng tự ở trong đó, nên gọi tùy trí. Đức tu, đức tánh tên tùy tình trí. Nay y theo quán đầu còn đủ tình, v.v... ba thứ hai đế, huống chi là một thứ. Hỏi: Đã chưa khế chân, chỉ phải tùy tình đâu được hai thứ kia. Đáp: Chung trước sau nên phải nói khắp. Nay văn chánh dùng hai thứ giáo, hạnh để hiển sơ tu thành nghĩa hai đế. Kế hỏi trở xuống là phân biệt. Có tám pháp hỏi đáp. Hỏi: Đầu là dùng quán đầu thứ ba mà giải thích ý hỏi quán thứ hai, quán đầu phá tục dùng chân, quán kế phát chân dùng tục, hai quán đã đều phá một dùng một. Cũng phải đều được gọi là hai đế quán, sao tên thứ hai lại là bình đẳng? Đáp: Đều gọi Đế quán đối với lý thì thật thông, chỉ tên trước sau đồng hơn kém lẫn lộn. Cho nên cái thứ ba từ (hơn) mà đặt tên. Nói thắng là được chỉ dùng chân nay có thể dùng tục. Chân chỉ tự lợi, tục thì lợi tha. Tự hành gồm người nên gọi là Thắng. Hỏi: kế Dùng quán thứ ba mà hỏi quán thứ hai, quán hai trông đầu từ thắng mà được tên, thứ ba trông đầu sao chẳng từ thắng? Thứ hai dùng khắp còn gọi Bình đẳng. Thứ ba dùng đẳng phải gọi Bình đẳng mà chỉ gọi là Trung đạo quán ư? Đáp: Hai quán trước đều có phá dụng phải quán mà luận đều chẳng bình đẳng. Thứ hai nhìn đầu trước sau hợp nói, cho nên đến thứ hai mới gọi Bình đẳng. Đây từ phá dụng đối nhau mà gọi tên, nay quán thứ ba phải quán mà luận đã tự bình đẳng nhìn hai quán trước lại làm cuối cho nên chỉ thành lại phá lại dụng. Nay đây đều chiếu chẳng đối phá dụng, cho nên chỉ từ năng dụng mà gọi tên. Vì thế thứ ba, hai thứ này đều không dính mắc. Dẫu ở Địa Tiền chưa vào Trung đạo, bèn dính mắc rồi phá chỉ dùng ở Trung. Lại Trung đạo quán không phải chẳng bình đẳng lại gọi bình đẳng, lại thành lẫn lộn. Kế hỏi: Song nạn hai thứ trước đều quán hai đế cũng phải đều vào, vì sao trước chỉ vào chân, kế chỉ vào tục? Đáp: Chỉ đáp quán đầu y cứ biết thứ hai. Trước đã đều quán mà chẳng đều vào. Thứ hai cũng vì phá không dụng giả, phá dụng chẳng bình đẳng, vào cũng khác nhau. Hỏi: kế trước đã hỏi chân tục phá dụng nay dùng chân trung mà hỏi Tục đế, trong ba đế chỉ nêu chân trung mà hỏi một tục, hai đều gọi tục sao chỉ hỏi riêng. Chân trung tức là giới nội ngoại chân tức có chỗ phá giới nội ngoại tục. Chân trung là lý dung có thể gọi Đế. Chỗ phá chẳng phải lý đâu được gọi đế. Đáp ý: Pháp tánh là lý, lý tức là đế. Dã đều pháp tánh nên đều gọi là đế. Hỏi kế: Đế cho nên không, hoặc cho nên không sanh tử. Đã đều gọi đế thì đều nhập Niết-bàn chăng? Đáp: ý Chân tục tuy khác, đều được gọi đế, thế xuất thế khác, đều gọi là Niết-bàn. Niết-bàn tức là xuất thế an vui, cho nên thế an vui cũng gọi là Niết-bàn. Kế hỏi: Niết-bàn tức là vô lậu vô vi,

hai đế đều được gọi là Niết-bàn, cũng phải đều được gọi là vô lậu? Đáp: ý: Phàm vào vô lậu thì phải chánh kiến, đã cho thế gian cũng có chánh kiến tức gọi là thế gian không hề rõ rĩ (lậu thất). Câu Hỏi kế: Vì vô lậu cho nên là Vô sanh, đã cho chân tục đều gọi vô lậu, thì cũng phải chân tục đều gọi Vô sanh. Tên Vô sanh cũng chung cho hai đế, cho nên mượn Đại Kinh quyển ba mươi hai. Văn ngoại đạo chấp mà đáp. Cũng như thế gian có bốn thứ không: Một là chưa sanh gọi là không, cũng như bùn không có bình; hai là đã diệt gọi là Vô, như bình đã bể; ba là lẫn nhau là không, như trâu ngựa đều không; bốn là rốt ráo nên không, như lông rùa sừng thỏ. Nay mượn thứ ba cùng không mà đáp, tức là xuất thế không sanh thế gian, thế gian cũng không sanh xuất thế. Cái gọi là mượn, là tuy không phải chánh nghĩa nhưng y cứ Thế đế, bốn không chẳng phải nhầm, quyền mượn để làm thích thời mà đáp. Dưới cũng lệ như thế. Hỏi kế: Nói từ giả là phá hay chẳng phá? Đáp: Trong đó khai làm câu ba mươi sáu câu, đủ như văn dưới trong cảnh phiền não. Nay trước lại bốn câu trong đối văn, phá là phá giả, vào là vào không, chẳng phá mà vào tức là thể pháp vô học, phá vào tức là chiết pháp vô học. Phá mà chẳng vào gọi là Đắc thiền ngoại đạo, chẳng phá chẳng vào tức là tất cả phàm phu. Phá và chẳng phá đều gọi từ giã, cũng đều vào không tức là hai câu trước. Tức là phá chẳng phá đều gọi từ giả, mà chẳng vào không tức hai câu sau. Kế đơn thích quán thứ hai, khác thời đối nhau gọi là bình đẳng, quán thứ hai này được gọi bình đẳng, chẳng phải riêng từ quyển hai này mà được. Quán đầu dùng chân mà phá tục, ở đây lại dùng tục phá chân, gồm trước bèn thành song dụng, song phá. Trước sau đối nhau gọi là khác thời, đến đây thứ hai mới gọi là bình đẳng. Kế nay sẽ trở xuống là có hai lớp thí họp. Trước là dụ vào không, kế là hiển vào giả. Phàm phu đui mù chân tục đều chẳng thấy. Mắt tuệ mở rồi thấy chân đế không, cũng thấy tục sắc. Từ giả trở xuống là hợp vào không dụ. Tuy thấy hai đế chỉ có thể dùng chân, chưa thể phân biệt chẳng thể dùng tục. Cho nên trong dụ chép: Chẳng thể phân biệt các thứ, v.v... bốn thứ bốn đế gọi là các thứ. Mãng là tên chung của các thứ cỏ, đều nêu ba cỏ. Mộc là tên chung các thứ cây, đều nêu hai cây, thân rễ nhánh lá trong sớ là dụ cho Tín giới định tuệ, bốn giáo đều có bốn pháp này. Bốn thứ đạo diệt gọi đó là thuốc, bốn thứ khổ tập gọi đó là Độc. Bốn giáo phân riêng nên chủng loại khác nhau. Cho nên mới vào không, chưa thể phân biệt. Cho nên gọi là chẳng thể dùng giả. Lớp thí dụ kế, mắt tuệ mở rồi tức khi vào giả cũng thấy hai đế gọi là thấy không sắc, phân biệt từ trước nay về sắc được phá thì thấy suốt các sắc căn đều

khác nhau, rõ bốn thứ bốn đế gọi là thức chủng loại. Biết rõ thuốc và bịnh, nhân khởi khác nhau, gọi là hiểu nhân duyên, xoay vần nhìn nhau cùng nói thô tế. Bên trị khổ tập gọi đó là Thuốc. Thuốc giúp pháp thân nên gọi là ăn. Biết thuốc biết bịnh, gọi là đều biết, khéo hay trao thuốc gọi là đều dùng. Khắp bốn thứ bốn đế nên nói là đều. Chỗ phá chín giới gọi là ích tha. Thí dụ này trở xuống là hợp. Trước sau hai quán đều quán chân tục, ở đây hay phân biệt nhìn trước cho nên đẳng. Kế giải thích Trung đạo. Trước chánh nêu văn kinh Anh Lạc, trong kinh giải thích hai quán trước đã xong, tức nói nhân là hai không, quán là đạo phương tiện, được vào Trung đạo, chiếu cả hai đế. Tâm tâm vắng lặng tự nhiên tiến vào Sơ địa. Nay trước giải thích phương tiện. Có hai thứ, một là mất cả hai, hai là chiếu cả hai. Trước nói hai không. Không giả không không, không tức là giá, giá tức là mất do khác thời trước, song vong phương tiện. Nay vào Trung đạo nhậm vận song vong. Vong tức là trung, cho nên nói tâm tâm vắng lặng. Lại quán đầu trở xuống là kế giải thích cùng chiếu. Khi hai quán trước dùng không dùng giả. Do khác thời trước, song dụng phương tiện. Dung tức là chiếu, chiếu tức là trung. Cho nên dẫn kinh nói: Nếu tâm ở trong định thì sanh tức là tục, diệt tức là chân. Cho trụ Trung đạo biết được sanh diệt. Biết chỉ là chiếu ý ở tại đây. Vì đều trung nên được nhậm vận. Nhậm vận này do tác ý ở trước, lại cùng vong chiếu mà làm phương tiện. Khi vào Trung đạo nên được như thế. Câu Hỏi kế: Dẫn kinh giải thích ngại để chứng văn nay: Khi vào Sơ địa mới gọi là đẳng. Cho nên trước hỏi tướng Thiên như thế nào. Đáp ý: Cái gọi là Thiên phần nhiều chẳng thấy tánh là y cứ nghĩa thứ lớp. Kế hỏi hướng đáp văn. Hướng đáp: Hai quán thuộc thiên định tuệ cho nên chẳng thấy tánh. Lại dẫn Đại kinh để hỏi đáp ở trước. Mắt tuệ ở trước pháp nhãn còn được gọi là thấy, chỉ nói không rõ vì sao mà nói hai toàn chẳng thấy. Văn này là Đại Kinh Phật đáp Sư Tử Hống rằng mắt tuệ thấy mà chẳng rõ ràng, Phật dùng mắt Phật thì thấy rõ ràng. Hạnh Bồ-tát thấy cũng không rõ, nếu vô hạnh thì thấy rõ ràng. Trụ vào Thập Trụ nên chẳng thấy rõ, chẳng trụ chẳng đi thì thấy rõ ràng. Vì sao mà nói các giai vị hạnh hướng cũng chẳng thấy ư? Đáp: ý nói hai mắt đều chẳng thấy là y cứ nghĩa thứ lớp, hai quán đã thuộc thiên quả thiên không, thì mắt tuệ mắt pháp đều chẳng thấy tánh. Ông dẫn kinh mắt tuệ thấy, tuệ tuy ở vị Mười trụ, nhưng mượn tên riêng viên nên nói mười trụ và mắt tuệ thấy, y viên mà nói. Sơ trụ trở xuống thật là mắt Phật. Cho nên biết đây mượn viên trụ gọi là mắt tuệ, chẳng phải gọi mắt tuệ mười trụ rất dễ thấy. Kế dẫn Pháp Hoa để chứng mắt tuệ. Thế tôn rốt ráo còn

gọi mắt tuệ huống chi là Mười trụ mà chẳng được gọi là tuệ hay sao? Mắt tuệ của Phật thì thấy rốt ráo không. Không tức là trung, mắt tuệ tức là Mắt Phật. Nói như thế là chỉ mắt tuệ trong trụ chẳng thấy rõ, chẳng bằng mắt tuệ rốt ráo của Thế tôn. Như đêm vô minh mà thấy sắc Trung đạo, vô minh khác còn nên thấy không rõ, ngỗng nhạn trong hư không cũng như thế. Có vô minh khác làm chướng cho mắt, nên khiến thấy ngỗng nhạn trong hư không chẳng rõ. Cho nên Đại Kinh quyển tám nói: Ví như nhìn xa ngỗng nhạn trên hư không, đó là hư không hay ngỗng nhạn, nhìn kỹ chẳng thôi thì thấy hơi giống. Bồ-tát Mười trụ đối với Như lai tánh phần ít tri kiến cũng giống như thế. Không như vô minh, ngỗng nhạn như tánh. Nói chẳng rõ là Bồ-tát Thập Trụ Mắt tuệ đó đâu liên quan đến Nhị thừa Thiên không tuệ nhãn. Ấy thì Biệt giáo Địa tiền đều chẳng thấy huống chi là Bồ-tát thông giáo và hai Nhị thừa. Lại dẫn ví dụ đào giếng v.v... trong kinh Pháp Hoa, chứng cho quán thứ ba viên trụ mới thấy. Trong Pháp Hoa sớ vì tiêu văn kinh nên quán y cứ bốn giáo, giáo y cứ năm thời, phải biết giáo quán đều thành y cứ giáo, mới hiển bày ấy gọi là Độc diệu. Nó nhờ bốn giáo để giải thích quán. Trước Tam Tạng giáo lấy chúng sanh làm đất cao (cao nguyên), tập quán làm đào giếng, chứng lý làm nước trong. Thông quán lấy càn tuệ làm đất khô, tánh địa làm đất ướt thấy chân làm nước trong. Biệt quán lấy quán không làm đất khô, quán giả làm đất ướt, thấy trung làm nước trong. Viên quán lấy năm phẩm làm đất khô, lấy sáu căn làm đất ướt, Sơ trụ làm nước trong. Trong y cứ giáo đó có bốn thời giáo thông, ước, tiệm, trung. Ba tạng là đất khô, Phương Đẳng Bát-nhã là đất ướt, Pháp Hoa là bùn, thấy trung là nước. Hai nghĩa đều dùng Sơ trụ làm nước, nay y cứ tu quán, chỉ tu đốn quán. Viên giáo sơ tâm đều gọi là nước trong. Chẳng đồng sớ ấy khắc lấy Sơ trụ mới gọi nước trong. Xếp vị tuy khác, trước sau chẳng hai. Cho nên nay tức là y kinh Khởi Quán hai giáo trở xuống là kết y cứ giáo trước. Nói hai giáo là Tạng và Thông, nên hai giáo ấy như đất khô ướt hoàn toàn chưa có nước. Biệt giáo như bùn, giáo đạo xen lẫn nên chẳng gọi là nước trong. Sơ tâm biết trung, cho nên chỉ nói hai giáo chẳng nói, hai hạnh chẳng đến. Hạnh tức là quán. Kết thúc y cứ quán trước tức là hai quán không giả, tức là Nhị thừa thông biệt vào không, thuộc về hạnh không. Bồ-tát Tam Tạng Thông Biệt xuất giả, nhiếp thuộc giả hạnh. Cho nên nói chung hai quán chẳng đến. Trong quán thứ lớp Trung đạo tuy chẳng phải chỗ dùng của văn nay, vì đồng chứng đạo cho nên lại nói hai hạnh chẳng đến. Quyền giáo còn như thế huống chi là các thứ khác. Nên nói khắp không, cho đến không có việc

ấy. Kế ba quán này trở xuống là cùng Thích Danh ở trước ba quán nói khác. Giải thích theo ý ba chỉ cũng rất dễ hiểu. Đây y theo Đại thừa là xếp vào khéo độ trước, thứ lớp ba quán, tuy có không giả đều thuộc Diễn môn. Cho ba quán này dùng danh nghĩa đối đãi nhau trong giáo xưa để làm giải thích chung, thứ lớp giáo tướng để làm năng hiển, thứ lớp ba đế để làm sở hiển. Vì nghĩa đó nên chẳng phải tướng viên đốn. Tuy chẳng phải viên đốn mà vốn là Viên đốn. Lại chẳng phải Biệt giáo, chỉ nói y diễn. Cho nên dưới kết nhân vị chung cho đại tiểu. Vì nghĩa ấy, ở đây y đại phẩm Đại thừa môn giải thích tướng ba quán. Đã chưa bị hội chỉ thành thứ lớp, lấy nghĩa thứ lớp mà tùy tướng thứ lớp. Ba quán rõ ràng, mỗi quán đều khác. Đây là nêu chung tướng riêng. Nếu luận trở xuống là y cứ người trí quán để giải thích tướng riêng. Nghĩa tức là giáo, giáo tùy tướng riêng, hiển thể khác nhau. Cho nên khiến quán, v.v... chưa thể dung tức; hai quán trước là quyền, Trung đạo quán thật. Ba quán xoay vần kịp làm cạn sâu. Quán và nhân trí là quả, nhân đã khác nhau quả cũng như thế, nên khiến ba trí xoay vần hơn kém có trước có sau, quán pháp tuy thông, người tu đều khác. Cho nên khiến ba quán thuộc về Đại Tiểu. Tất cả các vị đều vào trong đó. Gồm chung hai giáo cho nên nói các vị, phụ hẹp Thanh văn nên chung ở tiểu. Cho nên nếu nói thứ lớp thì chỉ ở Đại. Nếu nói về người thì gồm chung Đại Tiểu, vì thế quán trí sau lại luận ở người. cho nên biết quán không Nhị thừa chỉ tiểu, Bồ-tát Thông giáo nghĩa chung ở Đại. Biệt tuy vào không mà một bề ở Đại. Thông biệt đều có Bồ-tát vào giả cũng một bề đại. Thông giáo lợi căn hậu tâm có phần tức là bị kiếp, là người sơ địa Biệt giáo mới là hiện tiền. Cho nên các vị Đại Tiểu khác nhau. Nếu nói về quyền môn chỉ phải phế tạng. Lại từ thứ lớp nên cũng bỏ viên. Kế nói viên đốn dùng tên gọi tuyệt đãi để làm năng thuyên, một đế ba đế để làm sở hiển. Văn trên dưới đối nhau phải rõ ràng. Trong đó trước chỉ, kế quán, sau nói đồng thời. Trước nói trong chỉ có pháp dụ hợp. Pháp đầu trong văn, chỉ là năng duyên, đế là sở hệ. Cho nên kinh chép: Hệ duyên pháp giới, pháp giới chẳng khác, năng sở là một chấp trong thí dụ, là song thí chỉ đế ba, một chẳng hai. Chỉ đế trở xuống là hợp. Pháp đầu trong nói, chỉ cùng đế đều ngay nơi một là ba. Trong thí thí chung ba, một chẳng hai. Hợp trung đế thì ngay nơi một là ba, chỉ thì ngay nơi ba là một. Văn giống chẳng đồng, ý hiển Chỉ đế ba. Một chẳng hai, chẳng hai mà hai. Vì quán trở xuống là nói quán, quán và cảnh tuy cùng thực hành quán phát tên. Vì quán nên phát, vì phát nên quán. Đồng thời thể khắp, năng sở đều ngay nơi một mà ba. Kế trong dụ cũng dụ ba, một chẳng hai. Hợp

chỉ y cứ đế ngay nơi một là ba, quán và cảnh cũng ngay nơi một là ba. Sở quán là cảnh, sở phát là quán. Hợp quán và chỉ văn lại trái ngược. Cũng chỉ nói thể ở ba, một, v.v... Nhưng chỉ quán đã một, duyên chiếu chẳng khác. Đế cảnh tên khác vốn là một pháp, pháp ở chỉ quán khiến không khác nhau, vẫn phân ra năng sở vừa một vừa ba. Cho nên chẳng nên trước sau chấp nhất định. Trong dụ nói Ma-hê-thủ-la, là Sắc Đảnh Thiên Chủ một mặt ba mắt, nghiêm thiên nhan mà chiếu đại thiên. Nghiêm thiên nhan là ví các đức đầy đủ. Chiếu đại thiên là ví thấy khắp. Chẳng quyền chẳng thật trở xuống là hiển diệu bày thô, chẳng quyền chẳng thật là chê ba quán trước quyền thật cạn sâu. Chẳng hơn chẳng kém là chê ba trí trước hơn kém trước sau, chẳng cùng chẳng khác, mượn chữ y mà dụ chung chê quán trí. Chẳng đại chẳng tiểu là bác bỏ ba người mê đắm các địa vị Đại Tiểu. Kế dẫn Trung Luận là chứng ba quán ba chỉ tức nhau dung nhau. Kế dẫn Kim cương dụ chỉ quán cùng cảnh thể không hai mà hai. Nhãn dụ trở xuống là hợp thí rất dễ thấy. Nhưng chỉ quán đế cảnh chẳng hai mà hai, nghĩa ý dường như đồng mà đều khác nhau. Chỉ quán hai pháp tuy tức là chẳng hai, tịch chiếu rõ ràng. Hai pháp đế cảnh tuy đối chỉ quán chia làm hai tên. Nhưng thật không có hai thể khác nhau. Cho nên văn dụ này phân ra chỉ quán để dụ cho Nhật Nhãn. Hai tên đế, cảnh đồng dụ một sắc. Nhãn nhật sắc ba chẳng trước chẳng sau. Nếu thấy trở xuống là kết khuyến. Khuyên hiểu ý văn, đâu chỉ trở xuống là nói chung khai hiển. Khai trước các tên đồng một thật tướng. Đây tức nêu lên so sánh chung, đâu chỉ viên này ba, một tức nhau. Tất cả thứ lớp trong chung trước gọi là đồng khai vào thật. Tướng nó trở xuống là kế bày tướng khai. Trước khai hiển bày thể thứ lớp ba chỉ ba quán đồng thành bặt đãi một diệu chỉ quán. Giáo đã khai rồi thể không thô nữa. Kế thể chân trở xuống là y cứ hiển bày danh. Khai trong Thích Danh là Tương Đãi tên thô tức thành tên diệu. Danh đã tức diệu, thể cũng chẳng thô. Lại ở thể chân đủ Thích Danh trước ba chỉ ba quán. Y cứ ví dụ cũng phải tùy duyên phương tiện và dứt hai bên, đều nói các diệu ba chỉ ba quán. Chẳng nói lại nữa là thể chân đã diệu, tức là hai sau, cho nên chẳng nói nữa. Người đời phần nhiều mê lấy tên gọi đối đãi nhau mà hiển thể đối đãi nhau, há lại đến đây biết khai thứ lớp và tên gọi tương đãi đều thành bặt đãi ư? Nếu được ý này để tiêu biểu thì văn sau các nghĩa tự hiển bày. Như thế trở xuống là kết. Đã nói các nghĩa chỉ một niệm tâm phải biết một lý ứng hẳn là tên (danh). Cũng là một lý ứng tất cả lý. Cho nên nói bất động cho đến khác nhau. Kinh nói trở xuống là dẫn kinh Tịnh Danh làm chứng. Tuy nhiều trở xuống là dẫn Bát-nhã

làm chứng. Các tên trở xuống là kết thành. Đã khai trước đây tất cả danh nghĩa, ngoài viên không pháp nên nói đều viên, đốn ngộ như tên này hiển ở diệu thể. Cho nên danh là giáo tướng hiển thể. Tương đãi Bặt đãi v.v... là kết khen. Tương đãi Bặt đãi kết thích danh ở trước thành không thể nghĩ bàn, đối thể kết trước thứ lớp giáo tướng chỗ hiển thành không thể nghĩ bàn. Pháp đặt tên đều đứng đầu sở thuyên nên nói đối thể. Nay khai hiển xong, danh không có thú riêng, thể không có lý riêng, đều khắp tất cả, chẳng chướng tất cả, nên nói vô ngại đều nhiếp tất cả, không chỗ nào giảm ít. Cho nên đầy đủ không giảm. Đầy đủ cho nên đốn, không giảm nên viên. Như thế mới có thể hiển thể chỉ quán.

Kế nói Nhãn trí Y giáo khởi hạnh cũng là dùng năng mà hiển sở. Trước giải thích chung cũng gọi ý đốn, trước nói thể thì chẳng phải tri, chẳng phải kiến, v.v... thể được hiển thật không phải nhãn trí cho đến nhân quả. Nói chẳng phải, là chẳng phải do năng hiển mới có sở. Vì có sở nên khiến năng có công, lại do năng nên khiến sở thấy được. Cho nên nói tuy không phải thấy biết nhưng do Nhãn trí thì thấy biết được. Cho nên nhãn thấy trí biết. Ở đây dùng Mắt Phật Nhất thiết chủng trí làm năng tri kiến. Như diệu thể này y theo tên mà nói còn là khó, huống chi tên ở dưới thể mà có thể chỉ bày cho người. Tuy phả trở xuống là nói chung về năng hiển. Lý tuy như thế, y cứ sự thì phải Nhãn trí chỉ quán dùng làm năng hiển. Chỉ quán là nhân trở xuống là xếp riêng. Do chỉ quán mới được Trí nhãn, do Trí nhãn mới hiển được thể, cho nên chỉ quán gọi là nhân xa, Trí nhãn là nhân gần. Thể nó minh diệu trở xuống là giải thích ý năng hiển, thể nó đã diệu đâu thể phân biệt. Nhưng nhờ Nhãn trí mà thể thấy được. Ba chỉ trở xuống là chánh giải thích. Trước giải thích thứ lớp hai nhân gần xa, tức ba chỉ ba quán để đối ba đế mà thành ba nhãn, ba trí.

Trước nói ba chỉ là tùy duyên chỉ mà nói Đà-la-ni, Tổng trì các pháp viên đốn ba chỉ đều được gọi là Đà-la-ni. Nay nói thứ lớp nên y cứ xuất giả trì pháp nghĩa tiện cho nên nói phân biệt thuốc bịnh. Lại Đại luận chép: Đà-la-ni thuộc tuệ tánh cho nên phải đối xuất giả. Nếu nói năm trăm Đà-la-ni, mỗi đà-la-ni đều là Trung đạo chánh tuệ thì chẳng phải trong ý này. Pháp nhãn mở rộng phá chướng chung vô tri, là đủ rất dễ hiểu bịnh biết thuốc cho đến trao thuốc, phá được chướng ngại trong sự ở thần thông, hóa đạo vô tri, chẳng dùng hai tướng thấy các cõi Phật, là tuy dẫn văn nghĩa hơi khác. Đó vì Như lai phát được thiên nhãn đối bác bỏ tiểu tông tu được thiên nhãn, tức hiển Đại thừa trụ không thể nghĩ bàn, gọi là chẳng hai tướng mà cũng thấy được ba cõi khác nhau.

Nay phương tiện tùy duyên thường ở Tục đế, khác nhau với có của phàm phu, khác nhau với không của Nhị thừa, gọi là chẳng hai tướng. Xuất (ra khỏi) giả phân biệt nhân quả Tịnh độ, gọi là thấy các cõi Phật. Ấy thì trở xuống là kết thành ý thứ lớp. Hỏi: Trở xuống là phân biệt. Trước y cứ mắt tuệ tất cả trí rộng bàn, kế hai nhãn hai trí kia mà lược hỏi trước rất dễ thấy, kế trong đáp thì trước y cứ bốn câu, y văn Đại Kinh. Kinh quyển mười lăm ấy giải thích rộng bốn câu, nay chỉ mượn tên Tri kiến, không phải hoàn toàn dùng ý đó. Hỏi: Văn trước nhờ quán mà phát là trí, nay ở đây dùng nhân nghe mà sanh là tri. Văn đã khác nhau vì sao dùng đây mà giải thích? Đáp: Tên khác mà nghĩa đồng. Nghe là tuệ tánh, quán cũng là tuệ tánh. Hỏi: vừa tri vừa kiến đối Tiểu thừa xong, kiến mà chẳng phải tri, đâu được lại đối Bích-chi-phật. Đáp: trước là y cứ vào Phật thế gian giáo Nhị thừa, hai người đều là vừa tri vừa kiến. Kiến mà chẳng phải tri là y cứ vào Độc giác, Bích-chi, không có Phật ra đời. Cho nên lại dùng Bích-chi Phật mà đối riêng. Lại nữa trở xuống là lại y cứ tín pháp để đối tri kiến. Hỏi: Trước nói Nhãn trí chỉ quán làm nhân, nay đâu được dùng tín pháp làm nhân. Đáp: Nghe đồng với quán, nghĩ đồng với chỉ, nghĩa loại giống nhau nên đối được. Kế nói chẳng thứ lớp. Trước là bác bỏ chung rằng: Chẳng đúng như thế, là một tâm khác nhau vì là thứ lớp. Như trước trở xuống là mở lý do xa trước để thành chẳng thứ lớp. Kế được thể trở xuống là mở lý do gần trước mà thành chẳng thứ lớp. Kế nhãn cố trở xuống là nói lý do gần thể đồng, lý do xa là chỉ quán tức nhau, lý do gần cũng phải Nhãn trí chẳng hai, vì nhân quả thuận nhau. Mắt Phật trở xuống là giải thích Nhãn trí. Vương Tam-muội tác dụng là dẫn chứng Phật nhãn có đủ năm nhãn. Nên nói tất cả đều vào trong ấy. Đại Phẩm trở xuống là dẫn chứng trí Phật đủ ba trí, cho nên đều nói là học. Ba trí bốn trí ở sau sẽ giải thích. Hỏi: Trở xuống là phân biệt trí nhãn. Trước hỏi, nói muốn được, là một người trước sau muốn được, hoặc là nhiều người đều muốn được, chỉ nói đương học thì đâu phải gọi một tâm. Đáp ý: Pháp ở một tâm, nói có thứ lớp, đâu nói thứ lớp khiến pháp tung ngang. Kim cương trở xuống là nói năm nhãn, đều nói Phật có nên ở một tâm. Chỉ y cứ một nhãn mà có năm dụng thì phải nói Mắt Phật mà có bốn dụng, sao lại nói năm. Đáp: Ở đây y cứ năm nhãn mà nói về thể dụng. Cho nên Mắt Phật là thể, bốn nhãn là dụng. Nếu làm chung riêng thì như Niết-bàn là chung, ba đức là riêng năm nhãn cũng như thế. Chỉ là viên thường không thể nghĩ bàn gọi là Mắt Phật mà có năm dụng như thấy Trung, cho đến thấy sắc, v. v..., nên được năm tên. Thế thì Phật và mình một thể năm nhãn khai

phát. Không phải là xưa, không đến Phật mới có. Vì sao trở xuống là giải thích? Nhưng năm nhãn này, Thiên Thân và Vô trước đều giải thích không bằng Trí Luận rất rõ ràng. Quyển ba mươi chín chép: Nhục nhãn của Phật thấy nhân duyên thô sắc, cho đến cũng hơn chỗ thấy của người. Gọi Nhục nhãn là thấy hình bày, sắc chẳng khác với người. Người thấy chẳng xa, chỗ thấy lại ngược (đảo), như gần xem nhỏ thì lớn, xa xem lớn thì nhỏ. Cho đến các sắc nếu xem xa thì chỉ thấy ở trên hư không bày một sắc. Đại Phẩm chép: Nhục nhãn của Như lai thấy cả Đại thiên. Luận hỏi: Vì sao Như lai chỉ thấy Đại thiên. Đáp: Nhục nhãn Phật thấy hơn Đại thiên, chỉ vì phong luân che chướng nên chẳng thấy cõi khác. Lại có Bồ-tát ở trên Đại thiên. Y cứ lý cũng sẽ thấy ngoài Đại thiên. Hỏi: Sao chẳng tu Nhục nhãn khiến thấy xa? Đáp: Nếu không có Thiên nhãn thì ép tu Nhục nhãn khiến thấy xa. Lại nói Phật pháp khó nghĩ bàn, Nhục nhãn của Phật cũng có khả năng thấy xa. Nếu chẳng bằng Phật thì giảm dần dần, hai ngàn, một ngàn cho đến một châu, đó gọi là Nhục nhãn tiểu tịnh. Cho nên nói theo lý tận thì Nhục nhãn Phật thấy pháp giới thô sắc. Luận y giáo đạo gần gũi tiểu tông, cho nên chỉ nói thấy Đại thiên. Nếu chỉ vì đời trước thì đèn sáng v.v... cho đến Luân vương trọn chẳng bao giờ thấy đến trăm do-tuần. Nếu tiểu Bồ-tát cũng chẳng hơn đây. Hỏi: Mặt trăng, mặt trời cách đất bốn mươi hai ngàn do-tuần người đều thấy thì trăm do-tuần có gì lạ. Đáp: Mặt trời, mặt trăng có ánh sáng khiến người thấy được các sắc khác không phải thế. Thiên nhãn mới thấy. Người tuy nói thấy mà chỗ thấy cũng trái ngược nhật nguyệt vuông tròn năm mươi do-tuần, thấy chẳng hơn cây quạt to. Bồ-tát thì chẳng như thế. Hỏi: Thấy các sắc gì. Đáp: Thấy các sắc gọi là Nhục nhãn. Trong luận chẳng nói pháp tu Nhục nhãn. Nếu muốn so với thí đèn sáng, v.v... nhân ở dưới. Bồ-tát lại gia thêm từ tâm phục hoặc, cho nên chỗ thấy rộng dần, cho đến Đại thiên. Cũng có khả năng thấy được sắc nhỏ trở xuống là nói Thiên nhãn. Như các bụi gọi là sắc nhỏ. Thiên nhãn các trời dưới chẳng thể thấy trên. Phạm vương chẳng thấy hơn Đại thiên. Phật thấy hơn đây gọi là Thiên nhãn của Phật. Đại Phẩm chép: Phật bảo Tu-bồ-đề rằng Thiên nhãn của Phật thấy ở Ni-tra, cũng thấy Hằng sa thế giới ở mười phương, chết đây sanh kia và các thiện ác, v.v... Luận tướng không tức như Na-luật duyên cũng là việc ấy. Nói hơn cõi trời là các vị trời quả báo được cao tột như Phạm Vương, nay thấy mười phương còn hơn Na-luật huống chi là Phạm Vương. Cho nên Tịnh Danh chính là chê Na-luật, chê bai Phạm vương. Đạt thô tế sắc trở xuống là nói mắt tuệ. Nói như chỗ thấy của Nhị thừa, lại y cứ thứ

lớp một lượt mà nói. Cứ lý thì cũng phải nói hơn Nhị thừa, Nhị thừa chỉ thấy các sắc không thô tế trong Đại thiên mà Phật thấy. Pháp giới giả trung (trong giả) đều không. Đại Phẩm chép: Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tuệ nhãn thanh tịnh? Phật bảo Xá-lợi-phất: Mắt tuệ Bồ-tát không nghĩ gì về hữu vi vô vi, thế xuất thế, lậu vô lậu tất cả tri kiến. Luận chép: Nhục nhãn thấy chẳng xa, cho nên tu thiên nhãn. Thiên nhãn dối gạt nên cầu tuệ nhãn. Luận Văn đã chép: Tất cả tri kiến (thấy biết) cho nên hơn Nhị thừa. Tướng tu là sao? Có người chép: Chính là chánh kiến trong tám chánh đạo, vì thấy được năm ấm trái ngược. Có người nói năng duyên với Niết-bàn. Có người chép: Ba môn giải thoát tương ưng với tuệ có công năng mở cửa Niết-bàn. Có người chép: quán sát thật tế đều biết thông suốt. Có người chép: Định tâm biết các tướng. Có người nói không phải. Có người nói chính là mười tám không. Có người nói chính là thế, xuất thế. Đó gọi là tướng tu mắt tuệ. Lại có người nói ngôn hạnh ở Trung đạo. Hỏi: Nhị thừa cũng có Mắt tuệ, sao chẳng nói không pháp nào chẳng thấy. Đáp: Nhị thừa chỉ thấy tướng chung lại có hạn lượng. Phật thấy vô lượng không có bến bờ. Phật và Nhị thừa đã hai tướng khác nhau, nghiệm mà biết hai nhân tu pháp đều khác. Cho nên trong văn chỗ có các giải thích chẳng ngoài hư không, không thuộc Nhị thừa, Trung thuộc Phật. Di Hiền tu phát hai nghĩa khác nhau. Như ba giải thích đầu và ba giải thích thứ năm dưới là tướng tu cùng Nhị thừa. Vẫn là Thông giáo y tức không tuệ. Nếu ba tạng Nhị thừa phần nhiều nương căn bản, khác với đây. Giải thích thứ tư ở trước và giải thích ở sau cũng tức là Viên tu. Viên tu thật tế thời sau phát được mới gọi mắt tuệ. Cho nên cũng phải nói hơn Nhị thừa, chiếu đạt giả danh chẳng lầm gọi là pháp nhãn. Chỉ nói như chỗ thấy của Bồ-tát. Chính là như chỗ thấy của hạnh hướng trong Biệt Bồ-tát. Cũng nhờ thứ lớp nên gọi là giả danh. Giả danh tức là pháp mười sáu môn. Y cứ lý cũng phải nói là hơn Bồ-tát nhậm vận chân hóa rốt ráo thuốc bịnh, gọi là pháp nhãn của Phật. Đại Phẩm nói: Thế nào gọi là pháp nhãn của Đại Bồ-tát? Phật bảo Xá-lợi-phất: Người có pháp nhãn là tùy tín tùy pháp ba không năm căn, nghiệp này quả này thọ thân ấy mà sanh chỗ đó, Bồ-tát đó: Thối, bất thối, được thọ ký chẳng được thọ ký, v.v... đều phải biết rõ. Luận nói: Khi Đại Bồ-tát khi mới phát tâm tuy được Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, v.v... để thấy chúng sanh các thứ khác nhau, vì sao có thể được thật pháp như thế, cho nên cầu pháp nhãn dẫn dắt khiến vào. Cho nên gọi là pháp nhãn. Lại pháp nhãn có hai: Một là phân biệt Nhị thừa; hai là phân biệt Bồ-tát. Phân biệt Nhị thừa chỗ nào cũng có văn. Phân

biệt Bồ-tát chính là văn này. Rộng nêu tất cả hành tướng nhân quả, tất cả các môn phương tiện, khiến chúng sanh vào đó gọi là pháp nhãn. Đã nói tất cả nhân quả, lại nói phân biệt Bồ-tát. Cho nên phải biết cũng hơn Bồ-tát. Đối với các pháp trở xuống Mắt Phật chỉ nói thấy pháp thật tướng, từ Thắng làm tên. Đại Phẩm chép: Thế nào là Mắt Phật. Phật bảo Xá-lợi-phất: khi Đại Bồ-tát cầu Phật đạo, vào Tam-muội Kim cương được trí Nhất thiết chủng thành tựu năng lực, vô sở úy, mười tám bất cộng, biết tất cả pháp, v.v... Đó gọi là Đại Bồ-tát được Bồ-đề, được Phật nhãn tịnh tướng. Luận rằng có người chép: Bồ-tát Thập trụ được Phật nhãn, không khác với Phật. Như Biến Cát Văn-thù có đủ công đức Phật mà chẳng làm Phật, rộng độ chúng sanh, cho nên sanh nghi. Vì thế nói Mắt Phật thấy khắp mười phương. Bồ-tát ấy đối với các Bồ-tát khác gọi là Đại, đối Phật cũng chẳng biết khắp nghe khắp, v.v... Hỏi: Nhãn phải nói là thấy, sao nói là nghe? Đáp: Chúng sanh trí tuệ từ sáu tình mà vào nên biết sáu trần người gọi Mắt Phật có chỗ chẳng nghe. Nhưng các kinh luận đều nói Phật và Bồ-tát đều được năm nhãn, cho nên biết đều làm chẳng phải mở mắt. Cho nên trong văn nay tuy nói Phật có lý luận chúng sanh tất cả đầy đủ. Vì sao? Vì nhãn trí đã dùng chỉ quán làm nhân. Chỉ quán viên dung nhãn trí cũng như thế. Luận muốn nói khắp, cho nên luận rõ cạn sâu khác nhau. Cho nên kinh nói trở xuống là dẫn thỉnh Quan Âm để chứng Kim cương. Phật Bồ-đề đầy quyền thật trí đủ. Vì hai trí này mà được sanh ba hữu Bồ-đề Phật từ. Lại nói cha mẹ mà riêng khen trở xuống là ý Mắt Phật. Cho nên luận quyển bốn mươi lam phân biệt rằng: Phật thấy tất cả không phải là mắt tuệ, vì sao nói tuệ nhãn là thấy? Đáp: Mắt tuệ khi thành đổi tên là Mắt Phật, cho đến bốn nhãn mất tên cũ, như sông vào biển mất tên sông cũ. Vì sao? Vì nhục nhãn thiên nhãn là nhân duyên hữu lậu, tuệ nhãn, pháp nhãn là tập khí chưa hết cho nên bỏ vị cũ mà vào Mắt Phật. Đây vẫn mượn ở chỗ bỏ thô mà nói. Phật trí trở xuống là giải thích một tâm ba trí, cho nên biết trở xuống là kết lý do được tên. Cảnh và đế trở xuống là nói chỉ quán chẳng hai, trước dùng hai mắt phải trái làm thí dụ, đế và cảnh cũng như một vật mà được hai tên phải trái khác nhau. Một người ở phía trái của vật thì gọi vật là phải, người ở phía phải của vật thì gọi vật là trái, do chỗ người đứng mà phải trái sanh, mà một vật này vốn chưa hề khác. Đế cảnh cũng như thế, đối với chỉ thì gọi là đế, đối với quyển thì gọi là cảnh. Hai pháp nhãn, trí để dụ cho mắt (nhãn mục), chỉ là một vật mà lập hai tên. Nhãn thấy trí biệt cũng giống như thế. Chỉ là một pháp tuy từ hai pháp chỉ quán mà được tên. Viên đốn chỉ quán xưa nay chẳng hai, cho

nên chỗ thành Nhãn trí một thể chẳng khác. Cho nên tri kiến (thấy biết) chỉ từ đương thể mà lập hai tên cũng như mắt. Đế cảnh tuy từ chỗ đối mà lập hai thứ, thì thành chỗ đối thể cũng không khác, đến nỗi khiến năng đối và Đế Cảnh chẳng khác. Nay đem trở xuống là lập khác để hiển bày thể, thể vốn chẳng hai, tạm mượn tên khác mà hiển thể không hai. Vì sao? Vì đế cảnh nhãn trí thể tuy không hai, nhưng trí do quán mà thành. Quán vốn đối cảnh. Nay lại đem cảnh để hiển trí giúp quán dễ sáng, quán sáng tức trí thành, trí thành tức thể hiển. Nhãn do chỉ thành, chỉ vốn đối đế, nay lại đem đế để chỉ nhãn, khiến chỉ có thể hiểu, chỉ giải tức Nhãn khai, Nhãn khai tức thể hiển. Tuy mượn nhân hiển pháp mà chẳng phân chia. Cho nên nói tuy làm ba nói mà thật là một pháp. Dùng đây trở xuống là kết. Dùng năng hiển chánh dùng như hướng một pháp Nhãn trí mà hiển thể chỉ quán viên đốn. Như thế trở xuống là kết về pháp truyền của thầy trò. Kết các văn trên qui về chánh hạnh. Chánh hạnh có đậy là phát xuất từ bản sư. Nói thật không phải đọc kinh, an trí, v.v..., như quán không - giả - trung, trước nói thứ lớp sau chẳng thứ lớp, dẫn các kinh Đại thừa chứng thành môn hộ. Cho đến chỉ quán là nhân, nhãn trí là quả, tức một mà ba tức ma mà một. Các tướng như thế há do văn kinh mà an bày ư? Chỉ tránh chê bai nghi ngờ may phải dẫn chứng. Việc ngoài ý nên nói là may.

Ba là nói cảnh giới, chỉ là giáo tướng Nhãn trí hiển bày ra. Trước đã nói giáo tướng Nhãn trí hiển đủ điều nói chỗ biết điều thấy, không cần nói một khoa ra đây. Người độn căn tuy nói hai trước cũng còn chẳng hiểu, lại khoa này trình bày lại sở hiển. Cho nên biết đây là thân nói sở hiển. Nay trước nói ý đến chẳng nói giáo tướng mà chỉ nói Nhãn trí, là giáo tướng tuy đồng với năng hiển, nhưng giáo nhìn ở hạnh thì hạnh thân mà giáo sơ, nói theo thân, cho nên chỉ nói Nhãn trí. Chung mà nói thì đều có khả năng hiển thể. Phàm nói hạnh trở xuống là nhắc lại hai chương trước để nói ý đến. Tín hạnh nhắc lại giáo tướng, trước phải ở giáo tướng tên còn nghe nhiều (còn gọi học rộng). Viên diệu tức là Diệu cảnh giới nay. Pháp hạnh nhắc lại Nhãn trí trước phải ở định tuệ gọi là tông sâu quán chánh cảnh cũng là Diệu cảnh giới nay. Mượn văn trau chuốt câu nên lập hai tên, chính là hai thứ trước mà nói cảnh sở thủ, cho nên lại luận, kinh nói trở xuống là chánh nói ý cảnh. Việc gì phải có cảnh? Là khiến tự hành biết ba nhãn và đến ba trí các chỗ thấy biết. Biết chỗ thấy biết thì đến được y giáo tướng tu, nhờ chỉ quán mà được quả Nhãn trí. Cho nên phải nói cảnh giới. Nếu vì trở xuống là ý hóa tha, cho nên phải nói cảnh. Nếu chẳng nói cảnh thì lấy gì làm gốc nói pháp.

Gốc tức là cảnh. Tuy có cảnh gốc cũng phải tùy tình, cho nên nêu ba thứ tùy tình, tùy trí, v.v..., khiến người hóa vật y theo cảnh mà nói. Nói ở diệu cảnh là ý ở đây. Trước là ý của Đại sư, kế là ý của Chương An. Trước nêu văn, kế giải thích. Trước thí dụ người nghe là chấp môn mê giáo. Trong đây có bốn thí dụ là dụ trước chấp mê danh, văn kinh vốn dụ ngoại kế tà thường, các kinh trích dẫn đều đồng ý kinh. Văn này mượn dùng ý ấy hơi khác. tuy khác văn ấy lý cũng không mất ý nghĩa chẳng y lời cho nên đổi mà dùng. Là sao? Bối thinh tuy dối, bối thể là thật, nên dụ cho hữu môn. Cây lúa mềm yếu có thể dụ cho không môn, tuyết có mà không thật có nên có thể dụ cho vừa không vừa có. Hạc bay trên hư không mà chẳng ở trên hư không, có thể dụ cho chẳng phải không chẳng phải có. Phàm tình trở xuống là hợp. Lại có ba, trước là nói Đại bi làm thuyết. Kế tuy nghe trở xuống là nói phàm tình đều chấp. Ba là các v.v... là kết lỗi. Phàm phu đều chấp môn năng thông, mê ở chỗ đến nên chẳng thể thấy thường lạc ngã tịnh là mầu sữa thật. Đây thì lại y vào Đại Kinh. Như các ngoại đạo chấp thường lạc, v.v... các lỗi môn năng thông, cho nên lại có lỗi lý sở thông. Cho nên thường đồ trở xuống là người nói mê giáo. Trước nói Sư phàm mê giáo, hạng người chấp giáo chẳng phải một. Như Lương Chiêu Minh viết lời tựa nói các sư nói nghĩa hai đế có hai mươi ba người đều giải thích không đồng. Ở Quảng Hoằng Minh Tập đều, chẳng đạt tùy tình đều trái với ý chỉ của Phật. Cho nên biết chỉ là phó tình tên khác, hai đế chẳng khác, vì thế chẳng thể đều chấp mất phương tiện Phật, đều chấp tên khác mà mất một lý phải hiểu một lý mà được các tên. Như trong Bà-sa có nói Thế đế và nghĩa dế đệ nhất. Tuy tên đồng Đại thừa mà nghĩa trọn qui về Tiểu, huống Đại Tiểu Thừa Đế đều có phó tình. Cho nên biết hai mươi ba nhà còn muội văn tùy tình, huống chi rất dễ hiểu Tình trí v.v... ư? Tuy uống cam lộ, v.v... Thuyết Văn chép: Chưa đến hai mươi tuổi mà chết gọi là thương (chết non). Lễ nói mười chín tuổi trở xuống mà chết gọi là Trưởng thương, mười lăm tuổi trở xuống gọi là Trung thương, mười một trở xuống gọi là Hạ thương, bảy tuổi trở xuống gọi là Vô phục thương. Cho nên gọi thương để nói sớm yểu. Yểu là trung tử. Cam lộ là thuốc bất tử của các vị trời. Cho nên dụ thường trụ như thuốc bất tử. Tuy đều chấp tên hai đế cam lộ là chân thường trụ tuệ mạng ý chỉ Phật. Kinh khen trở xuống là nói nhân xưa của hai thánh để nghiêm thuyết bất liễu tùy tình. Kinh Diệu Thắng định nói: Phật bảo A-nan rằng: xưa Ta là người học rộng cùng Văn-thù-sư-lợi tranh luận nghĩa hai đế, chết rồi đọa vào ba đường. Văn nói Di-lặc sợ lầm. Cho nên chỗ Huyền văn dẫn

tức như kinh ấy. Tranh luận hai đế mà phải trải qua vô lượng kiếp nuốt hoàn sắt nóng. Từ địa ngục ra thì gặp Phật Ca-diếp giải thích cho ta nghe, hai đế có không. Phật Ca-diếp chép: Tất cả các pháp đều không có tánh nhất định, ông nói có không là nghĩa chẳng đúng. Tất cả muôn pháp thảy đều vắng lặng. Hai đế này vừa có vừa không, ông chỉ biết văn mà không hiểu nghĩa, ông đối nghĩa ấy như câm như điếc, làm sao hiểu được nghĩa sâu xa này. Ta nghe rồi liền vào thiền định liền thấy muôn pháp đều vắng lặng. Cho nên biết chẳng thấy lý vắng lặng đều chấp ở văn tùy tình còn đọa vào ba đường làm sao thấy đế được? Nếu nay được xếp ý tùy tình, các giải thích diệu dụng. Đời nay trở xuống là nói đời gần đây phàm phu chẳng hiểu tùy tình. Như thế trở xuống là kết như văn. Nếu biết trở xuống là thức giả đạt giáo (người biết hiểu giáo), biết Phật phó duyên chẳng mê thuyết lạ. Tùy tình trí trở xuống là giải thích trí tùy tình. Trước chánh lập một tình một trí cùng làm ba đế, nên gọi là Tình trí. Nói chẳng được một chỗ nói ba, là viên tu tuy tức, trước sau đều ba. Đã y cứ tình trì để nói ba đế, phải y cứ các vị nhìn nhau mà nói. Kế như tương tự trở xuống y cứ vị để xếp. Cho nên phân ra chân tục để thuộc ở tình vị ở sáu căn, nhượng ở Trung đạo để thuộc về vị trí ở Sơ trụ. Thì Thất Tín trở xuống là thuộc Chân, Bát Tín trở lên là thuộc tục. Ấy thì Sơ trụ trở lên Trung đạo cũng có đồng thể chân tục, sáu căn thanh tịnh cũng có tương tự Trung đạo. Cho nên sau Chương An làm cho lấy mà giải thích, tức là sáu căn đoạt tương tự Trung đạo, và tương tự chân tục. Tùy trí trở xuống là kế nói ba đế trong Tùy trí. Trước y cứ vị mà xếp đều thuộc chỗ chứng của Thánh cho nên từ Sơ trụ trở lên vẫn thuộc phần đắc. Phải biết đối tình, tình chẳng phải chẳng được tương tự ba đế. Chỉ đoạt Trung đạo mà suy cùng Sơ trụ. Không phải chỉ, v.v... là so sánh. Tùy trí ba đế chỉ ở tâm Thánh như trong phẩm không thể nghĩ bàn của Tịnh Danh, đây đều là Bồ-tát Tục không thể nghĩ bàn. Há là sở năng văn kiến hạ địa (chẳng thấy nghe của bậc thấp). Tục đã như thế thì chân cũng như thế. Bồ-tát Sơ trụ chỗ không có sắc thinh, cho nên phàm tiểu không thể thấy nghe. Ba đế trở xuống là khen giải thích ba đế. Từ Thắng mà nói cho nên chỉ nói cùng chẳng sai. Năng phi tức trung, sở phi tức hai, chẳng hai mà hai xem là năng sở. Trong thứ mười chín giải thích mười sự công đức. Trước nói chẳng cho Nhị thừa cùng chung, người nghe không thể nghĩ bàn rất kinh lạ. Cho đến không có tướng mạo thế gian cũng không có. Nay văn nghĩa nói trăm phi bốn câu. Văn kinh chánh khen Sơ địa trở lên chánh đồng Sơ trụ. Cho nên dẫn chứng tùy trí ba đế. Chương an giải thích đây nói rằng: Nghe sâu không

đáy nên kinh nghe rộng không bờ nên lạ. Tánh chẳng tự hiển, nên chẳng phải trong, tánh chẳng tha hiển nên chẳng phải ngoài. Trong ngoài đây chung với nội ngoại giới. Chúng sanh tức như thế nên chẳng phải khó. Bảy phương tiện chẳng lường nên chẳng phải dễ. Chẳng phải sắc pháp nên chẳng phải tướng, chẳng phải tâm pháp nên chẳng phải không phải tướng, lại chẳng phải giới như cho nên chẳng phải tướng, chẳng phải lìa giới như cho nên chẳng phải không phải tướng. Chẳng phải ba đời cho nên chẳng phải thế pháp, không bên không giữa nên không tướng mạo, dứt bốn lìa trăm cho nên thế gian không có. Các chẳng phải đều trái cho nên nói chung là trăm, câu ấy đều mất nên lược là bốn. Bốn nhiếp các bốn nên lại nói bốn. Hỏi: Chương An giải thích câu chẳng giống cùng chẳng sai, sao làm chứng được? Đáp: Chánh nói Trung đạo chẳng phải hai bên. Vì Bát-nhã sâu, vì giải thoát rộng hai đức tức là hai đế chân, tục. Tự là nội chiếu, tha là tùy duyên. Đây cũng là chân tục khác tên mà thôi, chúng sanh tức là nói theo lý, phương tiện chẳng lường là y cứ sự mà nói. Sự lý cũng là chân tục khác tên. Sắc của trăm cõi, tâm của một niệm cũng là chân tục. Hai câu dưới lại làm phức sơ ba đế mà nói. Chỉ Phật trở xuống là dẫn Pháp Hoa cũng chứng tùy trí. Trước y cứ Sơ trụ nay chỉ ở Phật. Chỉ Phật tức là Thích-ca. Cùng Phật tức là mười phương ba đời, tuy có trước sau mà đồng thấy ba đế. Chẳng thể trở xuống là bác bỏ đoạt. Có pháp thí hợp. Trong Sơ trụ một là pháp tánh, ba là ba đế còn không phải sáu căn chưa lường biết được, huống chi là thế tình đồ tưởng rất dễ hiểu được sắc sửa Chân thiệu diệu của ba đế. Năm nhãn mở rộng mới thấy đế cảnh. Ấy là tương tự cũng thuộc mù, vì trong chướng vô minh chưa phá. Nếu y theo Pháp Hoa, phải y cứ ba giáo mà nói người chẳng biết. Như thế trở xuống là kết như văn. Nay lại trở xuống là dẫn hai đế trong kinh mà giải thích thành nghĩa ba đế văn nay. Văn trước lược bày hai đế để hiển ba đế. Hai khai hợp với ba giáo môn, cho nên được dùng hai dụng để hiển ba hai đã có hai, ba há không ba? Trước ba đế thô luận mà chép kỹ, nay y cứ hai đế làm rõ tướng trạng. Nghi giả trở xuống là giải thích nghi. Trước lập nghi rằng: Các Phật chỉ y hai đế mà nói pháp nên có ba phen. Làm sao được ví dụ khiến nói ba đế cũng có ba phen. Nay cũng ví dụ trở xuống là giải thích. Hoặc hai hoặc ba chỉ là khai hợp. Trước nói hai đế nghĩa đã gồm ba. Nay trong nói riêng ví dụ ở hai đế cũng làm ba, nghĩa là thường thích Trung đạo. Đại luận quyển năm nói: Hỏi: Phật vì sao sanh ở cõi trời Đâu-suất. Đáp: Phật thường ở Trung, trời Đâu-suất kia ở trong sáu tầng trời cõi dục và Phạm thiên. Từ tầng trời ấy trở xuống là sanh ở giữa

nước. Giữa ngày giáng thần, nửa đêm vượt thành khi được bình đẳng cũng chứng Trung đạo, vì người nói Trung, nửa đêm nhập diệt. Đại Phẩm cũng chép: Một sắc một hương đều là Trung đạo. Trung này thêm trước lại thành ba phen. Vì sao? Giữa trời, giữa nước, giữa đêm, giữa ngày đều là tùy tha, hành trung, nói trung là tùy tự tha. Nửa đêm nhập diệt và được Trung đạo tức là tùy tự. Lại các Trung này đều là tùy tha. Tự chứng minh tịch gọi là tùy tự, tự tha đối nhau gọi là tự tha. Lại mỗi pháp trở xuống là lại y cứ ba thứ như tùy tình, v.v... mà nói tướng bốn tất. Nếu không có bốn tất thì lấy gì để hiểu tự hành hóa tha. Trước tùy tình rộng, còn hai văn kia lược. Văn đầu, trước là giáo, kế là quán, tức hai hạnh tín pháp. Văn đầu từ hoan hỷ cho đến phát triệt, phải tế y cứ ba đế mà lập mười lực bốn tất. Chớ để lộn lạo chẳng thể ghi (nhớ) đủ. Cho đến quán tâm trở xuống là y cứ quán. Văn lược ba trước nên nói cho đến. Y cứ nghĩa bậc nhất nói tướng bà đế. Tác dụng như thế, v.v... là nói giáo quán hai thứ tướng được lợi ích. Nói phải ở một, chẳng ở hai, v.v... là một là trong ba tùy một, hai là trong ba tùy hai. Theo lời cho tiện nên chẳng nói chân. Đến khi nhìn nhau được lợi ích khác nhau. phải làm bảy câu, nghĩa là phải ở tục chẳng ở chân, trung phải ở chân, chẳng ở trung tục, phải ở trung chẳng ở chân tục. Đây là phải ở một mà chẳng ở hai để thành ba câu, phải ở hai chẳng ở một cũng là ba câu phải ở đủ ba để làm một cú. Mỗi câu đều trung, ba đế đều như thế. Trong văn nêu chung đơn ích, phức ích hai thứ ba cách, họp ba một câu văn lược chẳng luận, đều y cứ sơ môn được lợi ích khác nhau. Bảy câu như thế đều y theo viên. Phải lạc đã khác phó cơ đều khác. Phật nói sanh pháp v.v... là phức giải thích văn tên về tướng khác nhau. Sanh tức là hai đế, Vô sanh tức là trung. Đây lại mượn Trung đạo là một, hai đế là hai. Các thứ khác có hai cái hai hai cái một và có ba, theo lời vừa nói. nếu làm hai đế thì sanh tức là tục, Vô sanh là chân. Nếu thực hành bốn đế thì sanh là ba đế, Vô sanh là diệt, tất cả các pháp so nói này rất dễ hiểu. Tùy được lợi ích vị gọi là được độ. Hỏi: Phật nói sanh pháp, đối với pháp Vô sanh mà được độ, chính là chúng sanh tự độ, có liên quan gì đến Phật? Đáp: Chính do nói sanh mà ngộ pháp Vô sanh chính là giám cơ biết nhân nói sanh mà ngộ Vô sanh thì công ở Phật, sao gọi là tự độ y cứ nghĩa bậc nhất nên được độ. Nếu y cứ ba tất cũng có thể nói rằng: Phật nói sanh pháp ở pháp Vô sanh mà sanh vui mừng, sanh thiện phá ác. Cho nên Pháp Hoa trở xuống là dẫn chứng bốn tất. Trong mỗi tất đều nói các thứ, là trong mỗi tất-đàn có đủ vô lượng. Nay y cứ tu quán lại dùng ba đế hai đế gọi là các thứ. Nếu nói ý kinh tám giáo bốn vị mới gọi là các

thứ. Vì sao như thế trở xuống là giải thích kinh, trước đối bốn tất, kế vì sao tánh thuộc sanh thiện, v.v... là trong phân biệt lại ngăn cách hai tất. Văn trước là hỏi. Ý hỏi rằng: Tánh và hạnh đều chung thiện ác. Vì sao đối kinh thì tánh thuộc về người, hạnh thuộc về đối trị? Nếu thông luận trở xuống là đáp. Tánh là chẳng đổi, thiện xưa chẳng đổi, từ xưa đến nay có nghĩa năng sanh. Nay sanh thiện ấy nên thuộc về sanh thiện. Hạnh nghĩa là làm lành làm ác, nay dứt ác ấy nên thuộc về đối trị. Nói thông luận là làm thông giải, giải thích thông suốt Tánh tuy ở xưa nhưng ở nay cũng thành có minh có hiển. Thân miệng hiện làm là hiển, ngầm chứa ở tâm là minh hạnh tuy hiện tại minh hiển cũng như thế. Nay từ bốn tất nghĩa tiện cho nên theo riêng bỏ chung. Vì người sanh thiện là tìm phục, còn đối trị là trị ác đã hiện bày, nếu hiểu thiện đã sanh còn minh ác chưa khởi thì chẳng phải văn này. Bậc Thánh tùy tình mà đâu vật, như Phật chưa ra đời trở xuống là y cứ Phật Hóa Nghi để lệ cho tướng tánh thiện mà hành ác, ba thừa thiện căn ngầm chứa chẳng hiện, Phật giúp sanh nên gọi là sanh thiện. Phàm phu ngoại đạo hạnh ác lộ bày, Phật bèn đối trị nên gọi là trị ác. Các thứ ức tưởng là Đệ nhất nghĩa, là lại giải thích Đệ nhất nghĩa. Chưa thấy lý đến đều là ức tưởng. Nếu gặp Phật pháp tưởng đều thành tuệ. Trong ba đảo, tưởng đảo ở giữa. Vì trừ diệt chánh nên tâm thấy chánh. Đây là y cứ Đệ nhất nghĩa mà giải thích ba đế. Như bốn tất này đều tùy tình. Hai thứ kia thì lệ theo cũng rất dễ hiểu. Thế thì ba, bốn trở xuống là lấy hợp số này mà trách kia chấp nhầm, khuyên khiến thuận giáo bỏ mạn dứt tranh cãi. Nghiên tâm tu quán, quán thành thì thấy đế, có khả năng bày lời quyết định mà nói. Như mây tan, v.v... ba hoặc chướng dứt tên, hiển tức thấy trung, dưới sáng thấy hai đế. Sư Tử Hống, Đại Kinh nói Sư Tử Hống gọi là quyết định nói, nói các chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh tức Trung đạo. Tư vị trở xuống là Chương An giải thích riêng. Tư là chẳng công. Đã chẳng phải Đại sư nói với chúng, lại không phải thân đối Đại sư mà ấn thuật nên gọi là riêng. Nếu luận hai đế chứng tuy ở Thánh, vốn dạy phàm phu, tuy dạy phàm phu mà thật chưa chứng đắc. Nói chứng thì đoạt, phàm phu không có phần, cho nên nói đều đoạt. Luận giáo thì cho là phàm phu đều được. Nếu ở bên phàm đoạt chân mà cùng với tục cho nên nói nữa cho nửa đoạt).

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 3
(PHẦN 3)

Hai là nói cảnh trí lìa hợp. Trước giải thích đế trung. Trước chung, kế riêng. Trước chung là tựa các kinh, là các kinh luận đế lìa hợp khác nhau. Nay lấy khác nhau y cứ chung bốn giáo. Ba tạng trở xuống tức riêng y cứ bốn giáo. Trong đó trước nói hai, ba lìa hợp, trước nói chỉ có hai, không có ba. Kế Bồ-tát trở xuống là mượn người mà xếp đế. Văn trước là tục, từ hậu tâm trở xuống tức là chân. Cho nên trước sau chỉ có hai đế. Nói khiến mỡ phiền não tan, v.v... là Đại luận chép: Bồ-tát này tuy có năm dục hấp dẫn mà chẳng mê đắm, vì có các quán vô thường, v.v... Ví như có vua có một đại thần tự che giấu tội. Vua muốn phạt tội, bảo rằng: Nếu được con dê mập không có mỡ thì sẽ tha tội cho ông. Đại thần có trí cột một con dê nuôi bằng nước cỏ, ngày ngày ba thời dùng sói đe dọa cho sợ, dê được nuôi mập mà không có mỡ. Vua hỏi vì sao làm được như thế? Bèn đáp rõ việc trên. Bồ-tát cũng như thế, soi thấy vô thường không, khiến mỡ kết sử tan, mà thân công đức mập mạp. Lại Bồ-tát, này chưa dứt kiết sử, như có giặc chưa giết, nhốt chặt một chỗ, tự tu sự nghiệp. Bồ-tát tu quán vô thường cũng như nhốt giặc cũng là hữu lậu mà tự làm việc. Lại lìa năm việc: Một là lìa đường ác, hai là lìa nghèo cùng, ba là lìa thân nữ, bốn là lìa hình tàn, năm là hỷ vong. Mà được năm công đức: Một là sanh vào nhà giàu, hai là sanh lên cõi trời cõi người, ba là được thân nam, bốn là các căn đầy đủ, năm là biết rõ đời trước. Ba A-tăng-kỳ tu hành sáu độ. A-tăng-kỳ Hán dịch là Vô số, kiếp là thời, như trước đã giải thích. Câu-xá chép: Tám mươi Trung đại kiếp, Đại kiếp ba vô số, nghĩa là trong sáu mươi số thì số năm mươi hai gọi là A-tăng-kỳ, nghĩa là chứa đại kiếp này thành vô số, nên nói ba A-tăng-kỳ Hạnh sáu Độ, là Bồ-tát tu sáu độ này đều có lúc mãn. Trước nói đàn mãn, như Bồ-tát Thích-ca xưa làm vua tên Tỳ-thi được Đà-la-ni

qui mạng cứu hộ, nhìn chúng sanh như mẹ thương con. Lúc đó, Thiên đế biết mạng sắp hết, liền, tìm Phật hỏi nghi, tìm hoài không được, liền trở về cõi trời mà buồn rầu khổ não. Lúc đó, Thiên Xảo Sư tên là Tỳ-thủ Yết-ma hỏi Thiên chủ rằng: Vì sao khổ như thế? Đáp rằng: Ta tìm bậc Nhất thiết trí mà không được. Tỳ-thủ chép: Có Đại Bồ-tát đầy đủ sáu độ không bao lâu sẽ thành Phật. Thiên chủ nói kệ đáp rằng:

Bồ-tát phát đại tâm,
Hoa Ngư tử Am-la
Ba việc nhân thì nhiều,
Thành quả thì rất ít.

Tỳ-thủ đáp rằng:

Ưu-thi-na chủng
Sáu độ đầy đủ,
Không lâu thành Phật.

Đế-thích hỏi: Phải đến thử Bồ-tát này mới được. Ngươi làm bồ câu, ta làm chim ưng. Ngươi sợ bay núp vào nách vua. Tỳ-thủ chép: Đại Bồ-tát ấy làm sao dám quấy nhiễu. Đế-thích chép: Ta cũng không có tâm ác, như vàng thật phải thử. Liền theo lời nói mà bay núp vào nách vua, toàn thân run rẩy. Mọi người đều nói vua ấy rất nhân từ tất cả phải cứu giúp, như thế chim bồ câu nhỏ trở về như vào nhà. Bồ-tát ắt không lâu sẽ thành Phật. Lúc đó chim ưng đậu gần đó bảo vua rằng: Trả bồ câu cho tôi. Vua nói: Ta được con bồ câu này trước ngươi. Ta trước đây đã phát nguyện độ tất cả chúng sanh. Chim ưng nói muốn độ tất cả chúng sanh, còn tôi chẳng phải chúng sanh sao, mà lại cướp miếng ăn của tôi? Vua hỏi ngươi ăn gì. Ta trước đó thệ nếu có chúng sanh đến ta sẽ cứu hộ. Chim ưng nói tôi cần thịt máu tươi. Vua nói: đều do giệt hại mà được, làm sao giết một mà cho một, suy nghĩ tâm định mà nói kệ rằng:

Thân thịt của ta đây,
Thường bị già bịnh chết,
Chẳng lâu sẽ thúi rã,
Nó cần ta cho tặng,
Cầm dao tự cắt đùi,
Lấy thịt trao chim ưng.

Chim ưng nói: Theo đạo lý phải cân đúng nặng nhẹ, chớ nên coi thường. Vua nói lấy cân đến cân. Liền đem cân nhưng chim câu càng nặng mà thịt vua càng nhẹ, cho đến hết thân mình. Các quan và thân thích đến xem, liền bảo vua như thế không thể xem. Vua nói cứ mặc

tình xem. Nếu có thành Phật đạo, phải chịu đựng lớn này, vua dùng máu thoa tay muốn đứng lên cân cho ngang bằng chim câu. Chim Ưng nói ta không cần, hãy trả bồ câu cho ta. Vua nói chết thân vô lượng nay để cầu Phật đạo. Thịt hết gần đứt, vua muốn té xuống bèn tự trách rằng: Ta phải vững chắc chớ có hôn mê, chúng sanh rơi vào biển khổ cần được cứu giúp, đâu dám biếng lười, không bằng một phần mười sáu của khổ địa ngục, ta đặc biệt tinh tấn, chớ sợ khổ này, huống chi trong địa ngục không có người trí tuệ. Lúc đó, các vị trời khen rằng: Vì con chim nhỏ mà như thế. Lúc đó, trời đất rung chuyển, nước biển nổi sóng, cây khô sanh hoa, trời mưa nước thơm. Chư Phật đều đến khen chắc chắn sẽ thành Phật. Chim ưng bảo bồ câu rằng: Đây thật là Bồ-tát chân thật. Tỳ-thủ chép: Thiên chủ, Ngài có thần lực nên giúp cho vua bình phục. Đế-thích nói chẳng phải nhờ ta. Vua tự phát thệ, chiêu vời tất cả. Đế-thích hỏi vua rằng: Tâm chẳng buồn chăng? Vua nói tâm ta mừng vui chẳng hề buồn giận. Đế-thích nói lấy gì tin ông? Bồ-tát chép: Nếu nhất tâm chẳng rối loạn, chỉ cầu Phật đạo thì cho bình phục như xưa. Nói xong liền bình phục. Người trời thấy đều mừng đại bi, khen chưa từng có, chắc chắn sẽ thành Phật, chúng ta nên cúng dường.

Tướng Thi mãn là như vua Tu-đà-ma là vua tinh tấn thường y theo lời Phật. Muốn vào vườn dạo chơi. Vừa ra khỏi cửa thành thì có một Bà-la-môn đến xin rằng: Vua là người phước đức xin thương tôi nghèo đói. Vua nói: Phải đợi ta trở về, vua liền đến vườn thì có chim đầu đàn hai cánh tên là Lộc-túc, cùng Thần núi bắt lấy một ngàn vị vua, đã được chín trăm chín mươi chín vua rồi, chỉ thiếu Tu-đà-ma. Từ trên hư không bay xuống dùng chân quấp ly61 vua mang đi, các thể nữ gào khóc một vùng, Lộc-túc bắt vua đến chỗ ở để trong các vua. Vua Tu-đà-ma khóc như mưa. Lộc-túc hỏi làm vua mà khóc như con nít, người có sống phải có chết, có hợp phải có tan. Tu-đà nói ta không sợ chết, tự tiếc rằng từ khi sanh ra đến nay không hề nói dối, nay phải thất tín. Vì hứa bố thí cho Bà-la-môn, phải phụ tâm xưa mang tội lừa dối cho nên ta khóc. Lộc-Túc chép: Cho ông về nhà bảy ngày, thí xong rồi đến chịu chết. Nếu chẳng đến ta sẽ bắt lấy. Vua trở về mặc tình bố thí, lập Thái tử lên làm vua hội họp người dân vua bèn tạ từ rằng trí ta chẳng cùng khắp, nhỏ mà chẳng đúng pháp, phải thấy giận dữ, nay thân ta chẳng phải của ta nữa, ắt phải ra đi. Nhân dân thân thích giữ vua ở lại ban phúc cho nước, chớ vì Lộc-túc quỉ vương mà lo. Bèn lập nhà sắt, kỵ binh canh gác. Lộc-túc là thần nên chẳng sợ. Vua nói kệ rằng:

Lời thật giới bậc nhất,

Lời thật bay lên trời,
Lời thật nhỏ thành lớn,
Nói dối vào địa ngục.
Nay ta giữ lời thật,
Thà mất mạng sống này.

Do đó ra đi đến chỗ Lộc-túc, Lộc-túc thấy vua đến rất vui mừng bảo: Ông là người rất biết giữ lời hứa. Mọi người đều tiếc thân mạng, thoát rồi lại đến, ông là bậc đại nhân. Lúc đó, vua Tu-đà rộng khen lời nói thật bác bỏ trách nói dối. Lộc-túc nghe xong thì tín tâm thanh tịnh. Bèn bảo Tu-đà rằng: Ông nói được như thế, nay ta thả hết, các vua đều trở về mình. Nói như thế xong, các vua đều đi v.v...

Nhẫn thành tướng. Như vị tiên Sằn-đề ở trong rừng tu hành nhẫn nhục. Lúc đó, vua Kha-lợi đem các thể nữ vào vườn dạo chơi, ăn uống xong vua nghỉ ngơi. Các thể nữ đi hái hoa gặp vị Tiên này bèn kính lễ đứng một bên. Khi đó vị Tiên vì các người nữ khen ngợi từ nhẫn, lời lẽ rất hay, nghe mãi không chán nên quên về. Vua thức giấc chẳng thấy thể nữ đâu bèn vác kiếm đi tìm thấy thể nữ ở trước vị Tiên, bèn ghen tức dữ dội, rút kiếm chỉ vị Tiên hỏi: ông làm gì ở đây? Vị Tiên nói tôi tu từ nhẫn. Vua nói nay ta thử ông xem sao, bèn lấy kiếm bén chặt hết tay chân và thẻo tai mũi, nếu không giận thì mới là tu nhẫn. Vị Tiên nói mặc tình. Vua bèn chặt hết tay chân và thẻo tai mũi, hỏi rằng: Ông có động tâm chăng? Đáp: Tôi tu từ nhẫn, tâm chẳng động. Vua nói ông ở đây một mình không có thế lực, tuy nói chẳng động nhưng có ai tin. Lúc đó vị Tiên liền phát thệ rằng: "Nếu tôi thật tu từ nhẫn thì máu biến thành sữa," máu liền biến thành sữa. Vua kinh hồn dắt các thể nữ chạy đi. Lúc đó, trong rừng Long thần vì vị Tiên này mà mưa gió sấm sét đánh chết vua, không trở về cung được.

Tướng Tinh Tấn: Thái tử Như Hảo Thí tìm châu như ý. Như cuối quyển một nói Thái tử được châu rớt xuống biển mà tát cạn biển lớn, khiến gân cốt khô hết, chẳng hề biếng lười, thể được châu như ý để cho chúng sanh cứu thân khổ. Các trời hỏi bèn đáp rằng: Đời đời chẳng nghỉ. Các trời thấy tinh tấn đó bèn giúp năng lực tạt cạn biển, nước biển còn phân nửa. Rồng thấy nước giảm sợ biển khô cạn bèn đưa châu trở lại.

Tướng thiền viên mãn: Như vị Tiên Loa Kế, còn gọi là Xà-lê. Có người làm tượng theo hình vị tăng là không đúng. Được thiền thứ tư, dứt hơi thở ra vào, ngồi dưới gốc cây sừng sững bất động. Chim thấy bất động cho là gỗ, bèn làm tổ trên đầu mà đẻ trứng. vị Tiên xuất định biết

trên đầu có trứng chim, bèn nghĩ nếu ta đi lại chim mẹ không bay đến thì trứng sẽ hư. Liền nhập định trở lại, đến khi chim con biết bay bấy giờ mới đứng dậy đi.

Tướng Bát-nhã viên mãn: Như Đại thần Cù-tân chia đất Diêm-phù-đề thành bảy phần, thành ấp xóm làng đều bằng nhau để dứt đấu tranh. Chủng tướng trăm kiếp, là quá ba kỳ trăm kiếp chủng tướng, chủng tức là tu, tức trong trăm kiếp tu tướng nghiệp. Hỏi: Tu ở chỗ nào?. Đáp: Người ở trong cõi dục thân nam ở Nam châu, Phật ra đời không phải duyên người khác thì có thể tu. Dụng ý nghiệp thức thứ sáu. Hỏi trước tu tướng nào? Đáp: Có người chép: Sơ chủng túc hạ bình, vì trước an lập sau mới tu các tướng khác, có người nói mắt xanh là trước dùng Đại bi mà nhìn chúng sanh. Tuy có lời nói này mà nghĩa không đúng. Khi hợp lại chủng lý không có trước sau. Hỏi: Một nghĩ hay nhiều nghĩ. Đáp: một nghĩ tu một tướng, một tướng dụng trăm phước. Hỏi: Bao nhiêu là một phước? Đáp: Có người chép: Luân vương trong bốn thiên hạ xem là một phước. Có người nói như Đế-thích ở hai trời Tự tại là một phước. Có chỗ nói cho đến sáu trời. Có chỗ nói: Trừ Bổ xứ, tất cả mọi người đều có một phước. Có chép: Tất cả chúng sanh trong Đại thiên cùng là một phước. Có chỗ nói Đại thiên chúng sanh mù có thể trị lành là một phước. Có chỗ nói Đại thiên người uống thuốc độc mà trị lành là một phước. Có chỗ nói thấy tất cả người phá giới mà nói pháp khiến họ bỏ việc ấy là một phước. Có chỗ nói không thể thí dụ. Bồ-tát vào tăng-kỳ thứ ba, tâm nghĩ hạnh lớn chủng tướng nhân duyên, nêu phước vô lượng, chỉ có Phật mới biết được. Luận quyển hai mươi hai lại nói: Bồ-tát tu mười điều thiện đều có năm tâm, tức là hạ, trung, thượng, thượng thượng và thượng trong thượng. Mới phát năm tâm cho đến đầy đủ năm tâm, như thế một trăm tâm gọi là trăm phước thành một tướng. Như thế đến ba mươi hai gọi là thân thanh tịnh, văn đồng với Đại Kinh quyển hai mươi hai.

Được năm thần thông, vì chưa dứt hoặc nên không có vô lậu thông. Năm thông như trong trợ đạo đã nói. Ba mươi bốn tâm: nay lấy ý luận hơi khác với các kinh luận nói dứt. Trong Đại Kinh chép: Các hoặc hạ địa nhân khi chưa dứt, cho đến dưới cây bèn dùng chín địa chín phẩm tư hoặc gọi chung là một cửu. Cho nên nói Bồ-tát Tam Tạng vị đồng phàm phu vì chín vô ngại, chín giải thoát hợp thành mười tám, trong kiến đạo có tám nhẫn, tám trí hợp thành mười sáu tâm, chung các thứ trước hợp thành ba mươi bốn tâm. Câu-xá Bà-sa ý chép: hoặc tám địa dưới khi mới tu thiền thì trước đã dứt xong, chỉ có phi tưởng địa chín phẩm kiến

tư còn nguyên dùng chín vô ngại chín giải thoát vì căn thắng, cho nên chẳng tu lại dưới tám địa định khác nhau Thanh văn cũng khác Duyên giác. Duyên giác trước có lìa tám địa hoặc, một tọa chứng giác. Lại ở chín địa thứ lớp mà tu lại khởi hai đạo vô gián, giải thoát. Trong tám địa dưới tuy chẳng dứt hoặc. Quán hạnh thứ lớp pháp như thế. Mỗi địa đều có mười tám tâm, chín địa liền thành mười trăm sáu mươi hai tâm. Kiến đạo mười sáu hợp thành một trăm bảy mươi tám tâm. Bồ-tát chẳng như thế, cho nên chỉ ba mươi bốn tâm. Ở đây và Câu-xá khác nhau ngài La-thập dịch và ý Long thọ đều chẳng phải lầm. Ý khác nhau là nay lấy một ý mà nêu chung khiến hai luận lý bằng nhau. Câu-xá thấy tu thiền khi đã dứt hoặc xong, chẳng còn dứt nữa. Trí Luận y theo các bộ khác, tuy dứt hữu lậu, nhưng chưa gọi là dứt. Đến cây Bồ-đề chỉ đoạn phi tưởng tám địa đều được gọi là vô lậu. Chỉ là từ bộ được tên khác nhau. Cho nên khiến hai luận dùng nghĩa chẳng bằng. Lại kinh nói trở xuống là dẫn Đại Kinh một niệm có sáu trăm sanh diệt. Và Luận sư Thành Thật giải số khác nhau, chỉ nói một niệm đầy đủ nhiều niệm để chứng vô gián ba mươi bốn tâm chưa đủ ngại. Kế trước đã trở xuống là biện dị lập trung, ba kỳ chiếu tục, dưới cây chiếu chân, nhìn trước gọi song dị ở Nhị thừa và Bồ-tát. Nhị thừa và Bồ-tát ở vị đệ tử. Cho nên nói cùng đệ tử dị mà giả lập ba đế. Bồ-tát chỉ chiếu trở xuống là giải thích tướng xuất giả lập Trung đạo. Đã tự không thể chỉ từ đều chiếu giả đặt tên là Trung. Tên trung đã giả thì chiếu trung nhẫn trí cũng là giả lập. Cho nên nói lại gia thêm. Ly thì trở xuống là nói về ly hợp, nếu phân thuộc đệ tử hoặc Phật tự phần, đã thuộc trước sau. Cho nên chỉ có hai, nếu toàn ở Phật thì người khác không có. Cho nên ở Phật được tên ba đế. Do đó trong năm lớp ba qui không có ba tạng, vì Trung đạo vô thể. Kế người ba thừa vì trong Bồ-tát có lợi căn. Lìa chân ra khỏi trung nên nói có khác. kế dẫn Đại luận, v.v... Người trí (người trí) tức là lợi căn thấy trung, gọi là thấy chẳng không. Chẳng không chỉ là chẳng chỉ không. Ba đức đầy đủ gọi là Đại Niết-bàn. Nhị thừa trở xuống là dẫn văn Đại Phẩm. Như mặt trời trí chiếu dụng. Kẻ độn thì trước sau chỉ thấy không, Pháp Hoa bị hội tức chẳng phải nghĩa trung khai hợp ở đây. Đã không khác trở xuống là chánh nói khai hợp. Chỉ có bất đãn không gọi là không dị. Nhất thiết trí chiếu chỉ không, Nhất trí thiết chủng chiếu chẳng chỉ không gọi là trí biệt. Chân đã gồm hai trí cũng hai biệt. Ở trong chân đế khai xuất (mở ra) Trung đạo. Cho nên nói thì có hai đế khác nhau, mà nay hợp là y theo Thông giáo, nên nói mà nay. Làm thường hai đế chỉ gọi là chân đế. Nhị thừa trở xuống là mở ra lợi độn Bồ-tát của Nhị

thừa, quán đế riêng khác. Vì riêng khác nên có nghĩa bao gồm. Nói thanh tịnh cõi nước Phật là xuất giả Bồ-tát của Thông giáo cũng vì chúng sanh làm nhân Tịnh độ. nơi nơi kết duyên chúng sanh căn cơ thuần thục thì dứt tập thành Phật gọi là thanh tịnh cõi Phật. Khi kết duyên gọi là hạnh Tịnh độ. Cho nên kinh Tịnh Danh nói: Bồ-tát lấy Tịnh độ đều vì lợi ích các chúng sanh. Cho nên nói bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, thì bỏ tất cả chúng sanh sanh đến nước ấy, khi kết duyên thì dùng bố thí mà nhiếp. Khi thành Phật thì đất nhiều châu báu. Các người bố thí đồng sanh về nước ấy mà được năm thứ bố thí hóa ích, do khi nhiếp sanh có năm thứ khác nhau, cho nên gọi đó là trời người và bốn giáo. Tất cả các hạnh không phải hạnh Bồ-tát Tịnh độ, cho nên có bốn độ ngang dọc nhiếp vật, đây là y khoa tiết. Ấy là Tịnh độ nghĩa chung các giáo. Văn nay lại y Bồ-tát Thông giáo chỗ dứt trừ tàn tập làm quả Tịnh độ, chỉ là khác với Nhị thừa mà thôi. Như Đại Kinh quyển hai mươi hai chép: Nghĩa Tịnh độ chỉ nói nguyện nhiếp nghĩa ấy thì chung, các giáo quán riêng nhiếp sanh đều như thế. Bồ-tát Thượng căn trở xuống là nói Bồ-tát lợi căn khai chân xuất trung. Xưa trang nghiêm trở xuống là phá xưa. Trang Nghiêm nói xuất, Khai Thiện nói là chẳng xuất. Đây do Bồ-tát ba thừa cộng học có chỉ, chẳng chỉ. Người xưa chẳng hiểu hai căn lợi độn, chỉ tranh quả Phật xuất và chẳng xuất. Trọn chưa thấy ý nay khai hợp cho nên khiến hai nhà đều nói về kỷ kế. Nay văn đều bị như thế nên đều nói làm cho nghĩa chẳng thành. Cho nên biết hai nhà đều được văn, nay lợi độn một bên, cho nên nói phiến ý, nhưng chẳng thể biết ra ngoài biệt chiếu cảnh Trung đạo, dùng trí Trung đạo mà tiến phá vô minh, cho nên nói phiến ý. Nếu chẳng thể biết độn căn y giáo đồng chứng chân đế với người Nhị thừa, ấy cũng chỉ được phiến ý văn nay. Nếu toàn được ý nay xuất và chẳng xuất thì nghĩa đều thanh. Xưa nay gọi là các thứ này, mặc hai nhà nói đều cho là sâu kín. Đúng sai khó phân, xưa nay khó xếp. Cho nên người xưa hai thuyết song mỹ, gọi hai đế này là phong lưu. Nói phong lưu là cử động hợp nghi, nên cho hai nhà vào ra không lỗi. Ở nay bị phá, vào ra đều quấy, cử động thất nghi, phong lưu đâu còn. Nếu y nay dùng hàm hai đế trung, tới lui đều tốt, phong lưu có dư. Như trong Tăng Truyện có pháp sư Thừa trước cùng một Pháp sư ở chung chùa Khai Thái. Sư này nửa chừng rời chùa Khai Thái. Sau thừa ở chùa cũ khai giảng tựa nói quả Phật này xuất ra nghĩa hai đế. Sư này bèn hỏi là quả Phật sanh ra hai đế hay hai đế sanh ra quả Phật thừa hỏi lại rằng: Là Pháp sư sanh ra Khai Thái hay Khai Thái sanh ra Pháp sư. Đáp rằng: Như chim uyên ương không ở nhà

xí (nhà vệ sinh). Thừa chép: Thích-đề-hoàn Nhân chẳng ở với quỉ. Đáp rằng: Chim Cưu-xí-la chẳng đậu cây khô. Thừa nói cũng như biển lớn không chứa thây chết. Đối qua đáp lại mà lý đẹp rốt chưa hiển. Lại như Đại Kinh cuối quyển ba mươi sáu, Phật nói quán nhân duyên trí bốn thứ khác nhau. Được Bồ-đề dị thuyết là nói lúc mười ngàn Bồ-tát được nhất sanh thật tướng, năm ngàn Bồ-tát được hai sanh pháp giới. Chương An chép: Ba thừa đồng quán nghĩa bậc nhất đế trí giải khác nhau một sanh hai sanh chính là phá vô minh một phẩm hai phẩm. Thật tướng là biệt lý, pháp giới là viên lý, tức là lợi căn tiếp vào Biệt Viên. Phá vô minh rồi tám tướng thành Phật, ấy là nghĩa quả Phật xuất ngoại, chỉ xem các kinh chưa hề được đạo, tức biết chỗ nói có ý chung riêng. Chỉ không trở xuống là nói về khác. Ấy là trở xuống là kết, như văn. Kế là Biệt giáo: trước nói có không là tục vì khác hai trước, hợp tạng thông trước chung cho hai đế chân tục, đồng là Biệt giáo một tục đế mà thôi. Tục trở xuống là giải thích nghĩa Tục đế. nói tục là cách biệt làm nghĩa, gồm có không nghĩa nhiếp phàm tiểu, có khác lạ này nên gọi là tục. Thắng-man trở xuống là chứng người Nhị thừa bị tục nhiếp, vì không loạn nên thuộc về tục. Dẫn Đại Kinh cũng giống như thế. Tục của Bồ-tát, Nhị thừa gọi là chân. Ba mươi hai nói ta tuy nói chúng sanh đều có Phật tánh, là Phật tự ý nói. Nói như thế là Bồ-tát Hậu Thân còn chẳng thể hiểu huống chi là Nhị thừa và các Bồ-tát khác. Một thuở nọ ta trụ núi Kỳ-xà-quật nói thế đế cho Bồ-tát Di-lặc, năm trăm Thanh văn như Xá-lợi-phất v.v..., đối với sự đều chẳng biết, huống chi là nghĩa đế bậc xuất thế. Ý văn kinh, là tùy tình mà nói tục đối với Biệt giáo còn chẳng biết huống chi lại là Tùy trí nghĩa đế bậc nhất. Chương An hỏi: Phật ở đâu mà nói cho năm trăm Thanh văn? Đáp: Chính là trong Hoa Nghiêm nói như đui như điếc. Đây là Biệt giáo chân và tục Nhị thừa đều mê. Nếu luận trở xuống là chánh nói khai hợp. Tuy có khai hợp nhưng phải có hai giáo trung dị ở trước, khác nhau Thông giáo y cứ độn không khai. Kế nói trong Viên giáo ở trước dẫn Đại Kinh. Vốn thật không khai, vì chúng sanh nên phương tiện nói khai. Pháp Hoa cũng như thế. Nói giúp hiển, là ở một thật đế chia ra làm hai, ba tức gọi chỗ khai là phương tiện khác. Vì sao? Vì đã khai xong rồi lại dùng sở khai mà giúp hiển bày thật. Nếu y cứ lý còn không có một thật huống chi là hai, ba. Chỉ khen Phật thừa, sanh hủy báng chìm trong khổ vì nghĩa ấy nên phải nói giúp hiển. Phải dùng hai nghĩa giải thích dị phương tiện. Nói riêng thì Tam Tạng là dị, chung với chân, chứa đựng trung nên chẳng gọi dị, nói chung thì ba giáo đều gọi dị phương tiện. Biệt giáo giáo đạo chẳng phải hoàn toàn đồng,

huống chi lại chung chân cùng mang mà thôi. Cho nên phải biết là tha nên khai, bày thật nên hợp. Kế nói trở xuống là y cứ hai bốn luận khai hợp cùng trước chỉ là ngang dọc khác nhau, nói về đế thể lại không khác. Lại ở trong bốn trước, xếp ngang dọc, chấp thì có trở xuống là nêu. Ba sanh diệt trở xuống là chánh nói khai hợp, bốn dùng luân kệ mà hợp. Hỏi vì sao gọi là ngang dọc? Đáp: Ba đế đối nhau sâu cạn khác nhau, nên nói là dọc. Khổ tập, diệt đạo hai cặp đối nhau, không còn cạn sâu, nên gọi là ngang, lại dùng hai nhìn hai cũng không sâu cạn, chỉ là năng trị, sở trị khác nhau. Cho nên bốn đế gọi là ngang. Hỏi: trước ba, ba bốn dung có thể ngang dọc, viên dung ba bốn làm sao ngang dọc. Đáp: Thật như chỗ hỏi, nay nói ngang dọc, như trong ba đế lại y cứ khai một để làm hai ba, tức gọi hai ba để làm phương tiện. Phương tiện nhìn thật cũng được gọi là dọc, khai quyền bày thật không còn hai ba. Chỗ nào mà nói dọc? Đã ở một thật chẳng phân mà phân, phân làm ba đế, ngại gì ba này không phải ngang không phải dọc mà gọi là dọc. Bốn đế cũng như thế. Y cứ giáo phương tiện. Không làm bốn đế xưa nay tức nhau cùng ai nói về ngang, cũng là chẳng phân mà phân, phân làm bốn đế, sao ngại chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà gọi là ngang. Như vị sáu tức chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà được gọi là dọc. Các Ba-la-mật không phải ngang không phải dọc mà được ngang. Cho nên biết ngang dọc cao rộng chẳng hai. Nay đem trở xuống là dẫn luận Quán trung. Chỉ là quán đế vụng khéo bốn cú, nhiếp trì các đế. Hai nói trở xuống là y cứ Trí luận khai hợp, là trí chẳng tự phân lại phải y cứ đế. Cho nên trong văn nay đều nói chiếu đế, Đế thể luôn ba, trí có thêm bớt. Lại y vào đại thể lấy ba làm chuẩn. Lại còn ba pháp các văn đều định. Nay trước lại y theo các kinh mà nêu trí, đề làm đầu mối mà hỏi. Trong giải thích trước đối một trí đến ba trí. Một trí trở xuống, là trước đối ba đế, trí có lìa hợp. Trước từ một trí cho đến bốn trí để quán ba đế, lấy một đối một, cho đến dùng bốn đối ba. Tướng văn có thể thấy, văn tuy rất dễ thấy, như trước một trí quán một đế, đế cùng bao gồm ba. Cho nên kế giải thích rằng: Trí này quán ba đế. Trí này tức là một trí vừa nói, lại dẫn một trí vừa đến, khai thành ba nghĩa, đã quán ba đế trí cũng thành ba. Nếu hai trí trở xuống, tức là hai trí quán hai đế. Trí đế tuy hai nghĩa đã gồm ba, như nói quyền tức Nhất thiết trí, lại dùng đạo chủng trí. Quán ở Tục Trung hai đế có không. Nếu lìa quyền trí xem là hai trí, lìa tục đế xem là chân tục thì trí đế đều ba, ba trí quán ba, mỗi trí chủ đối không khai hợp dị, cho nên nói rất dễ hiểu. Bốn trí, là bốn trí cũng là hai trí quyền thật, đối nhân quả, v.v... cho nên thành bốn, khai hợp

quán đế chẳng ra ngoài ba, đủ như vừa nói. Nói trí tuệ, nếu nói chung thì trí chỉ là tuệ, đều chung quyền thật cho đến nhân quả. Nếu nói Bát-nhã dịch là trí tuệ. Như Đại luận nói nhân gọi là Bát-nhã, quả gọi là Tát-bà-nhã, cho đến tu tập trí tuệ. Đây tức là trí tuệ đều ở nhân. Như nói chỉ quán là nhân, nhãn trí là quả. Trí tuệ Như lai, trí tuệ Chư Phật, v.v... đây thì trí tuệ đều ở quả. Nếu nói phương tiện trí tuệ, đây thì trí tuệ ở quyền. Như nói trí tuệ sâu xa, đây thì trí tuệ đều ở thật. Nay theo nghĩa riêng nên phân ra nhân quả. Đối với nghĩa riêng mà đối với tuệ lại thêm đạo và chủng, ở trên trí ấy lại thêm tên Nhất thiết và chủng. Đạo nghĩa là nhân, hai văn nhân, quả đều thêm chủng, chủng là hạt giống khác nhau gồm hiển ở quyền, cho đến sự hoại. Nhân thời dụng quyền, quyền trí chưa trọn, đến quả thì trí mãn, nên còn gọi là chủng. Vì quả pháp khắp nên gọi Nhất thiết. Nếu được ý này bốn nghĩa rất dễ hiểu. Hỏi: Ba tuệ phẩm, Trung phẩm gọi là ba tuệ, trong văn đã giải thích đâu có đến bốn. Đáp: Nhân hai, quả hai, khai đều đủ ba, nên nói ba tuệ. Văn từ hợp mà nói, nhân quả cùng luận, nên thành bốn riêng. Trong văn giải thích lại có bốn lớp, đều nói về văn. Đều dính mắc hoặc nói, là khéo xếp văn kinh quyết đoán các giải thích, đâu hơn Long Thọ. Thường đối với một ở văn có nhiều giải thích mà cũng chẳng quyết đoán được chăng? Vì ý Phật có nhiều hàm thuận bộ loại người nay giải thích nghĩa chưa bao gồm hết ý kinh, cho nên phải một mà quấy nhiễu. Cái gọi là nhân trung lý thể là lý hai đế, một niệm đầy đủ. Quả trên đã mãn, vì mãn nên có dụng, cho nên thêm Nhất thiết. Nhân Trung đạo tuệ lý có đủ Trung đạo, nhân Trung đạo chủng lý đủ hai đế. Nếu khi đến quả, thì trí Nhất thiết thấy ở Trung đạo, trí Nhất thiết chủng thấy ở hai đế. Tên Nhất thiết này không đồng với Nhị thừa, đối nghĩa ý khác. Nhân Trung đạo tuệ là thật, đạo chủng là quyền. Nếu khi đến quả thì Nhất thiết là thật, Nhất thiết chủng là quyền. Nói chung riêng, là nói thẳng đạo tuệ Nhất thiết trí nên gọi là chung. Vì đều thêm chủng nên gọi là riêng. Nói thẳng đạo tuệ đạo chủng tuệ nên gọi là Đơn. Chuyển tuệ gọi trí đều thêm Nhất thiết cho nên gọi là phức. Cho nên một quyền tất cả quyền, một thật tất cả thật. Cho nên đơn phức đều chung nhân quả. Nay cũng từ riêng nên tuệ đơn mà trí phức. Như thế trở xuống là kết trí chiếu cảnh, hoặc nhân hoặc quả có đủ ba, lễ trước thể thấy, nên nói chỉ là. Nếu trong kinh trở xuống là nêu ví dụ. Nếu được trước đến một trí đến bốn chỉ quán ba đế, thì hiểu các kinh từ năm đến vô lượng đều thành ba đế, nên nói khiến vào. Cho nên biết Tiểu thừa tất cả các đế khiến vào ba đế, cho đến Đại Tiểu đều vào ba, hoặc hai hoặc một. Kế y cứ mười một trí, các kinh

luận khác chỉ nêu mười trí, chỉ trong Đại Phẩm có thêm trí như Thật. Nói mười trí, thì tạng thông nghĩa đồng, chỉ phân khéo trong thông vì có cộng thừa, lại có bất cộng, nên thêm Như thật. Mười trí Tiểu thừa đầy đủ như trong Trí phẩm của Câu-xá có nói, nghĩa là Thế trí tha tâm khổ tập diệt đạo, pháp so sánh đều Vô sanh, các trí khác nhau chiếu mười một cảnh. Hợp mà nói cũng chẳng ngoài ba đế. Thế và tha tâm vì chiếu tục, lại y cứ vô lậu, khổ tập v.v... tám thứ chiếu chân. Lại y cứ hai trước như thật một trí để chiếu trung, là cùng y cứ hai giáo. Đó gọi là đi là kết qui. Đã nói trí khai mà đế chẳng khai cho nên nói mà ba đế chẳng động. Kế lại nữa trở xuống là nói đều khai, là tùy nhiều ít như mười một trí chiếu mười một cảnh, cho đến như đối hai, ba đây thì rất dễ thấy. Đều chẳng khai, chỉ có Phật thừa, Phật trí chiều thật đã chỉ một thật cũng gọi khai quyền. Nếu trì bỏ kiết qui về hiển thể. Nay cảnh giới ý, ý ở thật cảnh, chỉ có khai hợp thật là chỗ hiển. Kế y cứ đế trí mà hợp nói, là đế trí cùng luận cho nên nói hợp. Bốn giáo gồm tiếp chung là năm đoạn. Trong mỗi đoạn đều trước nói cảnh phát trí, kế nói trí duyên đế. Duyên và phát đều hợp nói. Trước trong ba tạng nói hai đế cùng phát, là chỉ ba tạng Phật chiếu cả hai đế, giả đặt tên trung, nên gọi là cộng. Trong Thông giáo nói chân đế cùng phát hai nhãn hai trí là gồm trung. Kế trong tiếp nói khai chân xuất ra trung. Nếu đã bị tiếp được vào chứng đạo bèn thành ba đế. Hỏi: Đâu riêng tiếp thông mà chẳng nói tạng, đâu riêng tiếp Biệt mà chẳng nói Viên. Đây là hỏi từ trên khai chân xuất ra trung. Trong đáp ở trước nói Thông giáo phải dùng Biệt tiếp, vì cơ Biệt, nếu trước sau chẳng nghe hoàn toàn thuộc hai trước, nếu từ trước tức nghe hoàn toàn thuộc ở hai sau. Lại có một người phá hết hai hoặc, đến địa thứ tám mới nghe Trung đạo. Nghe rồi tu quán tiến phá vô minh được gốc pháp thân, tám tướng thành Phật. Tuy thấy Trung đạo là giả, Thông giáo lấy hai quán không, giả làm phương tiện trước, phải đợi biệt lý mà tiếp mới nghe. Nay nói biệt tiếp, phải có hai nghĩa: Một là Biệt giáo giáo lân cận; hai là biệt lý lý dị chân. Không do đây trở xuống là nói ý chẳng tiếp các giáo khác. Trước nói chẳng tiếp ba tạng nói chẳng lấy quả Phật này, là nếu ở Sơ địa Sơ trụ tùy có tám tướng, nhưng chẳng chịu tên quả. Trong thông chín địa hai quán làm nhân đến địa thứ mười, tám tướng làm quả. Nếu bị tiếp (tiếp đủ) thì phá một phẩm vô minh cũng được tám tướng. Vẫn từ xưa nói nên cũng gọi là quả. Cho nên chỉ đem quả này mà tiếp thông. Chẳng dùng quả này tiếp ba tạng, là có bốn nghĩa: một là tiếp chỗ có thể tiếp, ba tạng do vụng nên chẳng thể tiếp; hai là được tên tiếp mới có thể dùng tiếp, nghĩa là dùng giáo trước có

thỉ không chung, đã dùng bảy, tám chẳng đến chín, mười, tức dùng giáo sau có chung không thỉ. Chỉ dùng hướng địa chẳng cần trụ hạnh. Trong tiếp nối nên được gọi là tiếp; ba là chẳng cần tiếp nên cung chẳng gọi Tiếp. Như Sơ địa, Sơ trụ đã thành chân ngôn. Cũng phá vô minh, tám tướng thành Phật. Nhậm vận lưu nhập đâu cần Tiếp nữa; bốn là được gọi là tiếp, nghĩa là y cứ giới hạn của giáo. Nghĩa trước trong văn tức nghĩa thứ nhất này chẳng thể Tiếp, nghĩa thứ hai này chính là Thông giáo có thể tiếp. Nếu tiếp vào giáo đạo thì ở Hồi hướng, nếu tiếp vào chứng đạo thì ở Sơ địa. Nếu tiếp vào Viên cũng chịu ra giáo chứng, nói đó rất dễ biết. Ba kỳ trăm kiếp lại vào Biệt giáo chỉ ở Mười Tín, nếu lại vào Viên chỉ ở năm phẩm. cho nên chỉ thành hậu giáo sơ tâm. Từ trước (sơ) đến sau (hậu) có thỉ có chung. Tuy từ Tạng đến vẫn đồng với đương giáo. Cho nên ba tạng chẳng được gọi là Tiếp, tuy tiếp thông. Nhưng nếu từ Càn tuệ tánh địa mà đến thì cũng chẳng gọi là tiếp. Nghĩa đồng sơ hậu tâm của ba tạng. Cho nên bốn niệm xứ nói thông có ba thứ: Một là nhân quả đều thông, tức là Thông giáo; hai là nhân thông mà quả chẳng thông, tức là Bị tiếp; ba là thông biệt, thông viên, tức là Biệt viên. Dùng ở Thông giáo mà làm phương tiện, chỉ thành người nhân quả biệt viên. Cho nên Bồ-tát y cứ vị tuy đồng, Càn tuệ tánh địa quán tuệ cũng kém, cho nên cũng chẳng được gọi là tiếp. Văn nói chẳng đem quả này tiếp nhân mười địa tức là nghĩa thứ ba là Biệt tiếp Thông, vẫn chung bảy địa, tám địa làm nhân, cho nên gọi mười địa, tám tướng là quả, đâu đem quả này mà tiếp mười địa Biệt giáo đã phá nhân mười phẩm. Nhân này tự đến quả Diệu giác há chúng ta đến quả một phẩm. Nếu tiếp Sơ địa, sơ địa lại đồng đã phá một phẩm. Đã không hơn kém đâu cần dùng Tiếp, huống chi lại còn thành dùng Biệt tiếp Biệt. Tiếp biệt địa tiền tự dùng quả Diệu giác của Viên giáo, hoặc dùng quả Diệu giác của Biệt giáo, đâu cần dùng quả một phẩm ư? Huống chi Sơ địa giáo này không phải quả, huống chi lại Diệu giác giáo này vốn đối với quả này mà sanh tín tâm. Vì sao đến đây mới nói bị tiếp. Nói chẳng tiếp Thập trụ là mười địa của Biệt giáo tuy phá mười phẩm cũng còn đới giáo đạo, vẫn chưa phải tiếp, huống chi là đem phá một phẩm tám tướng tức tiếp vị Thập Trụ của Viên giáo ư? Nghĩa điên đảo cũng đồng mười địa. Nghĩa thứ tư, tức trong văn nói chỉ được lấy Biệt tiếp Thông, hẳn là lý riêng mà tiếp thông lý chung. Cho nên ý văn nay phải tu quán tiến phá vô minh, chẳng phân ra đãn trung, bất đãn trung khác nhau. Cho nên biết nói địa xong thì gồm có trụ, há có Sơ trụ lại tiếp Mười trụ. Văn nay nhắc lại chẳng tiếp mười trụ cho nên chẳng tiếp Viên. Vẫn còn

Biệt giáo giáo đạo. Huyền văn dùng viên tiếp thông biệt, là phần giáo chứng vị hạnh biệt. Nay chẳng nói, là y cứ chứng đạo cho nên chỉ y cứ quán. Hỏi: Tiếp và chẳng tiếp, cái nào là hơn. Đáp: Bốn Niệm Xứ chép: Người tiếp bị như đất đá là, nền tảng, vàng báu chất lên trên. Há như từ dưới toàn chất kim cương. Đây là khen đầu cuối đều diệu cho nên như thế. Nếu các Bồ-tát trong hiền vị đều từ tiệm đến thì công đó còn gượng ép. Vì sao? vì các pháp trước thục tạng lý dễ sáng. Như trải cực giàu là từ nghèo đến. Cho nên Bồ-tát phương khác đều khen ngợi Bồ-tát sơ tâm cõi này chịu khổ cực nhọc, từ Hương Tích đến đây nghe pháp, là quyền pháp chưa thuần thục nên phải đi khắp.

Kế nói tung Đắc Thất, trước dùng nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn cùng nêu đắc thất. Tự tha đều như thế, nên cùng nêu. Viên lìa tánh kế và năng hóa tha mới gọi là Đắc. Nếu nói trở xuống là tướng ra khỏi tánh lỗi, đây là giải thích nghĩa tánh chẳng khác các văn mà lời hơi khác. Vì trong các văn đều y cứ tự tha mà đơn nói. Như đơn y cứ trí chỉ nói trí tự là trí nên gọi là Tự tánh trí. Do cảnh cho nên trí gọi là trí Tha tánh. Lìa cảnh lìa trí nên gọi là Vô nhân trí. Nếu chỉ y cứ cảnh chuẩn trí rất dễ hiểu. Tuy lại đơn nói hẳn là cùng sáng. Cho nên trong đây cảnh trí đối nhau mà nói. Nay văn đầu nói chẳng phải do nhờ. Văn giống tự nhiên chính là tự tánh. Vì sao? Trí chẳng do cảnh là trí Tự tánh, cảnh chẳng do trí là cảnh Tự tánh, là đối nhau mà nói. Nên nói chẳng phải do nhờ. Cho nên trong trí nói trí do tâm sanh, tự năng chiếu cảnh. Như đuốc chiếu vật trở xuống là dụ cho cảnh tự tánh. Nếu nói trở xuống là cảnh trí Tha tánh. Nói do lẫn nhau mà có, là văn giống như cộng tánh, chính là tha sanh. Trí do ở cảnh gọi là trí Tha tánh, cảnh do ở trí gọi là cảnh Tha tánh, là đối nhau mà nói. Nên nói do nhau, thí như dài ngắn đối nhau cũng là hai hướng đối nói làm thí dụ, dài đối với ngắn như trí Tha tánh, ngắn đối với dài, như cảnh Tha tánh. Nếu nói cảnh chẳng tự cảnh trở xuống là nói cộng tánh cảnh trí. Văn giống không nhân nên là cộng tánh. Là sao? Là chẳng riêng do trí cho nên cảnh, cũng chẳng riêng do cảnh cho nên cảnh. Cảnh trí nhân duyên cho nên cảnh, y cứ trí cũng như thế cho nên thành cộng sanh. đã chẳng chuyên do, nên chẳng riêng. Cũng phải thí dụ rằng chẳng riêng do dài, chẳng riêng do ngắn. Do dài ngắn nên được có ở dài, cũng do dài ngắn nên được có ngắn, như nhân năm tấc cho đến một thước, hòa hợp mới biết một thước là dài. Cho nên cảnh trí đều gọi là nhân duyên. Nếu nói trở xuống là không có chân tánh, đều chẳng có ba thứ như trên. Như nói chẳng do trí cho nên cảnh, cũng chẳng do cảnh cho nên cảnh, cũng chẳng do cảnh trí nhân duyên

cho nên cảnh, trí cũng như thế. cũng phải thí dụ rằng: Chẳng do ngắn mà có dài, chẳng do dài mà có dài, chẳng do dài ngắn mà được có dài. Ngắn cũng như thế. như nói chẳng do năm tấc một thước dài ngắn mà biết một thước là dài. Đây kể ý muốn chẳng phải ba thứ trước mà kể rất kém. Vì sao thế trở xuống là giải thích chấp với lỗi. Lỗi thêm khổ tập mà mất đạo diệt. Văn trước là tập từ nghiệp sanh cho nên trở xuống là khổ. Trong tập trước nói có bốn thủ, v.v..., là y bốn câu mà khởi chấp trước, cho nên gọi là nương tựa, có nương tựa cho nên mình đúng mà người sai gọi là ái nhuế, ái nhuế sanh cho nên cũng sanh si mạn. Thứ lớp như thế tám mươi tám sử, nên nói tất cả. Do ý đúng sai mà sanh hý luận, hý luận thì lấy cạnh tranh làm gốc. Cạnh tranh sanh nên khởi thân nghiệp chuyển đến biển khổ vị lai không thôi. Quả khổ sâu rộng nên gọi là biển. Phải biết trở xuống là kiết chấp thành lỗi là gốc sanh tử. Cho nên bốn chấp hay làm gốc sanh tử, gọi là gốc sanh tử. Cho nên Long Thọ trở xuống là y cứ phá tánh nói đắc. Phạt là nghiêng đổ, tức là phá, phá tha sanh nên nói đâu được là do, là cũng y cứ đối phá nên nói là do. Theo đây phá tự. Văn cũng phải chép: Các pháp chẳng phải tự, đâu được chẳng do cảnh trí. Nếu đơn nói, phá tự chỉ phải nói pháp chẳng tự sanh, đâu được tự cảnh trí cũng như thế. Phá tha phải nói pháp chẳng tha sanh, đâu được do trí cho nên cảnh trí cũng như thế, còn không tự tha cho đến cộng sanh, chẳng lẽ có vô nhân, phá được bốn tánh chẳng riêng phá tha ngoại chấp mà thôi. Long Thọ chánh dùng đây làm pháp quán, cũng là dùng đây chung bày ý Phật, thành các giáo quán mà người đời mê muội lập riêng pháp quán thật là chưa thể được. Cho nên Đại Kinh quyển ba mươi sáu, Phật bảo Tu-bạt nếu ông quán sát thật tướng, thì phá được tất cả các khổ. Tu-bạt chép: Thế nào là thật tướng. Phật nói tướng của vô tướng là thật tướng. Tu-bạt nói thế nào gọi là tướng của vô tướng? Phật nói tất cả không tự tướng, cũng không tha tướng không tướng tự tha chung nhau, cũng không có tướng vô nhân cho đến không có tất cả các tướng. Trong Sư Tử Hống Thán Phật thứ ba mươi nói: Như lai, Thế tôn phá tà đạo, chỉ bày chúng sanh đường chân chánh, người đi đường này được an ổn, cho nên gọi Phật là Đạo sư, không tự không tha là chỗ làm, cũng không cộng làm không nhân làm, nay Tu-bạt nghe thường giữ quả. Tức là ý Biệt Viên gồm tạng thông. Nếu Sư Tử Hống khen Như lai thì chỉ ở viên biệt, cho nên các giáo đều lìa tánh chấp. Chỉ ở chỗ phá cạn sâu khác nhau. Trong các kinh luận so sánh đây rất nhiều. Cho nên phá tánh này tuy ở Diễn môn, ba tạng thường quán nhân duyên sanh diệt. Đã phá sanh diệt cũng không có ba

chấp tự, tha, cộng. Huống chi sanh diệt vốn phá tà không. Cho nên bốn giáo cũng có thể dùng chung. Nay trở xuống là chấp nói nhà nay dùng Long Thọ phá pháp, diệt khổ tập ở trước để thành hai khác nhau. Tánh phá tức tánh không, không y tức tướng không, hai bên không, phi nên nói Thường một, cho nên thấy được Trung Trí Bát-nhã. Kế là cho nên trở xuống là không tự sanh v.v... để đối bốn giáo. Y cứ nên giáo giáo đều phá bốn tánh, vì tùy nghĩa tiên muốn dùng bốn này mà nhiếp bốn kia, cho nên dùng bốn tánh đối bốn giáo gồm biết bốn câu nghĩa ý chỉ rất sâu kín. Cho nên trước sau văn dùng bốn cú này mà đối chung đối riêng. Giáo giáo đều bốn, gọi là đối riêng. bốn câu đối bốn gọi là đối chung. Lại biết bốn giáo nhân duyên khác nhau, cho đến bốn giáo tự nhiên cũng khác, đều ở một niệm một lúc cùng phá. Vì sao? Như ở cõi này sách tục có chấp nguyên khí mà sanh, tức là chấp tự, có chấp cha mẹ mà sanh tức là chấp tha. Có chấp do nguyên khí cho nên nhờ cha mẹ, tức là chấp cộng. Có chấp tự nhiên tức là Vô nhân. Cho nên Trang Tử chép: Thiên là vận, Địa là xứ, nhật nguyệt tranh chỗ nhau, Thục chủ họ trương, thục võng họ duy, Thục cư vô sự mà suy họ hành. Trang đã chẳng hiểu pháp duyên khởi mà cũng chẳng biết ai ở trời ai ở đất, ai suy trời trăng. Chẳng lường được nghiệp ấy, cho nên suy y báo mà thuộc tự nhiên. Lão Tử chấp thủ, tự nhiên vẫn mỏng. Như người chấp này là muốn so sánh phương Tây hơn kém cách nhau như trời vực. Cho nên biết cõi này hôn tục chấp tự nhiên, v.v... có nói mà không làm huống chi văn nay là chỗ chấp tự nhiên của người Viên giáo, cho đến tự sanh là chỗ chấp của người ba tạng giáo. Cho nên biết nghĩa khác mà tên đồng, phải khéo châm chước. Trong văn chỉ nêu trước sau, khoảng giữa y cứ mà biết. Lại quyển mười giải thích vua yếu kém quan cướp ép, v.v..., là chỉ lấy tự tha đều đối với hai giáo: nội giáo và ngoại giáo, như quyển bảy giải thích trong trợ đạo mà dùng sanh v.v... đối bốn giáo tiến. Chỉ vì tên sanh và nghĩa tiến đồng nhau, nhìn nay lại khác. Cho nên biết tùy nghĩa chẳng thể một tiêu chuẩn. Nay Ba tạng này đối với sanh sanh để làm tự. Người ba tạng chép: Cảnh thường sanh diệt đâu liên quan đến trí, cảnh nay sanh diệt gọi là cảnh Tự sanh, vô trí mà thôi, có sanh ắt có diệt, cũng chẳng do cảnh. Nay trí sanh diệt tự sanh trí. Lấy sanh chẳng sanh làm tha tánh, là người Thông giáo nói do trí Vô sanh chiếu cảnh Vô sanh là cảnh tha tánh, do cảnh Vô sanh phát trí Vô sanh là trí tha tánh. Như nói các pháp chẳng sanh cho nên Bát-nhã chẳng sanh, Bát-nhã chẳng sanh cho nên các pháp chẳng sanh, lấy chẳng sanh sanh làm cộng tánh, là người Biệt giáo chép: Do vốn có lý thể làm tự, lại mượn

duyên tu phương tiện làm tha, chân duyên hòa hợp sanh ra tất cả. Lại khi xuất giả do cảnh sở hóa cho đến đại nghiệp, trong ngoài hòa hợp mới lợi tha được. Lại do các pháp cùng tục trí hợp mới lợi tha được, vì chẳng sanh chẳng sanh làm vô nhân, là người Viên giáo chép: Không thể nghĩ bàn không phải cảnh, không phải trí, nếu chiếu, chẳng chiếu, chẳng tự thiên nhiên gọi là cảnh chẳng sanh. Nếu quán, chẳng quán trí thường vốn có, gọi là trí bất sanh.

Cảnh và Trí thầm hợp một, giả lập thành tên. Trong văn lược dẫn Thân tử, Tịnh Danh để chứng minh trước, sau, khoảng giữa phải dùng ba thừa vô thuyết để chứng minh Thông giáo. Bồ-tát Vô Ngôn để làm chứng Nói giáo. Trong mỗi câu đều nói khổ tập chẳng sanh. Bác bỏ tánh chấp trước có tánh chấp nên khổ tập thêm lớn. Vì vậy nay dùng pháp tánh mà quán, cầu sanh mà sanh, tự chẳng thật có. Cho đến cầu vô nhân chẳng sanh, chẳng sanh cũng chẳng thật có. Nếu đương phần thì phải giáo chứng lý vô sanh. Cho nên mỗi câu đều nói chẳng thể nói, tuy chẳng trở xuống là vì tha lại làm bốn cái mà nói, trong mỗi câu tất đều làm bốn nói. Tuy làm trở xuống là kết thành hai không. Nói như trước, là đủ như vừa đến mới theo. Nếu nói trở xuống là cho đến chính là chỗ tâm hành diệt. Cho nên Kim Quang Minh trở xuống là dẫn chứng. Kinh ấy bốn quyển thì quyển thứ ba có phẩm Tán Chỉ chép: Trí quang Bất khả nghĩ bàn, Trí cự Bất khả nghĩ bàn, Trí hạnh Bất khả nghĩ bàn, Trí tụ Bất khả nghĩ bàn, Trí cảnh Bất khả nghĩ bàn. Văn này nói chiếu. Kinh lại nói Quang-Cự-Tụ, chỉ là khen trí đủ đức mà thôi. Trí hạnh chỉ là trí dẫn hạnh. Trí cảnh chỉ là trí chiếu cảnh. Nói chung chỉ là ba thứ Cảnh, Trí, Hạnh mỗi thứ đều nói không thể nghĩ bàn. Nói Cảnh trí hạnh lại làm rõ lẫn nhau, tuy làm rõ nhau, mà cảnh hạnh phải do trí chiếu, trí dắt dẫn. Cho nên mỗi câu đều nói trí. Văn này là nói trí cảnh tức nhau, lại lược bớt hạnh, lý cũng phải đủ. Nếu phá trở xuống là xếp quyền thật. Đây là quyền thật Không thể nghĩ bàn. Như thế trở xuống là y cứ giáo để xếp đắc thất, để nói lên không thể nghĩ bàn. Nay đây trước y cứ Ba tạng giáo, tức trong mỗi giáo đều có bốn tánh từ nghĩa riêng. Vì sao trở xuống là giải thích Tam Tạng giáo, cho nên đối phàm phu mà nói có bốn tánh. Ba giáo dưới đều phải có. Văn không có là lược. Phàm có tánh chấp thì thuộc phàm phu, phàm phu có chấp thành tự hành thất, cho nên ba giáo sau đều y cứ tự hành mà phá tánh luận đắc. Lại hai giáo trước là Thánh, ở sau đồng phàm. Nếu theo hóa tha có bốn tất, vì hay có hóa tha nên gọi là đắc, xoay vần đối với nhau, cho đến Viên giáo cùng làm đắc thất. Biệt giáo chấp nhân duyên v.v... bốn thứ thành tánh lỗi, là

Chư Phật Bồ-tát phó duyên lợi vật, nếu chấp phó cơ thì nói khác nhau, đều nói mình thấy nên thành tánh lỗi, người chấp này đều từ sơ tâm, cho đến hồi hướng mới dần không chấp. Đến trong Viên giáo nói giáo chứng đều chứng thật ý hơi khó hiểu. Người nhiều mê khiến Biệt giáo này nghĩa nó ngăn lấp. Cho nên nay ta mượn Dụng Địa luận giáo chứng hai đạo để nêu Biệt môn. Trong đó trước biết hai ý: Một là theo hạnh thì Địa tiền là giáo, Đăng địa là chứng. Vì sao? Vì Địa tiền ngưỡng tín thì Đăng địa hiện tiền, đâu có thân chứng lại còn cách biệt; Hai là nói: Vì Địa tiền nói trước sau đầu cuối thuộc giáo, vì sao? Vì như nói chân như bị hoặc che lấp, hoặc dùng mười độ để đối mười địa chẳng thâu nhiếp nhau. Hoặc nói: Phải lìa hai bên tu quán chân như. Hoặc nói Đẳng giác vào Trùng huyện môn. Hoặc nói năm địa tập học thế pháp. Hoặc nói Bát địa vào Vô công dụng, một vị Đẳng giác hoặc có hoặc không. dứt mười hai phẩm gọi là Diệu giác. Như thế các ví dụ chẳng chép hết. Đều là quyền thi để dẫn phẩm hạ làm phương tiện nhập địa. Vào địa tự chứng huyền môn tự mở. Cho nên nói Sơ địa tức Sơ trụ vào chứng đạo vận. Lại nói Sơ địa chẳng biết Bồ-tát Sơ địa giở chân hạ chân. Nếu nói theo lý thì danh tự quán hạnh còn tự biết viên, đâu có Sơ địa chẳng biết Nhị địa. Nếu nói vị dưới chẳng biết vị trên, viên cũng xoay vần lần lượt chẳng biết nhau, làm sao chỉ người Biệt giáo nên phương tiện. Văn nay không phải chuyên xét giáo hơn kém, chỉ còn thứ lớp và chẳng thứ lớp mê là còn rộng. Nếu đọa thuyền văn phải khéo hiểu giáo này chứng hai đạo thì Biệt môn sẽ nêu. Nếu y giáo tu hành càng phải khéo biết cho nên văn nay thường lược dụng. Nếu chẳng hiểu, thì sơ tâm nói lý hai thuyết khác nhau. Nếu chẳng biết không có đất đặt tâm. Như nói chính là sơ tâm biết lý. Hoặc nói lý đủ muôn đức đối đãi hạnh. Hoặc nói hiểu viên hạnh phải có thứ lớp. Hoặc nói: Lý có chẳng dùng các pháp như thế nói chẳng phải Biệt, chẳng phải Viên, chẳng phải Thông chẳng phải Tạng. Giáo tướng chẳng nói thỉ làm suy? Vì sao trở xuống là giải thích giáo chứng. Không tự niệm trở xuống là chánh nói tướng tự tha của Viên giáo để nói văn nay không mất hiển thể.

Kế trong nhiếp pháp trước nói ý đến lập nghi, kế nay thì trở xuống là giải thích trung. Trước giải thích chung, chẳng vì danh lược mà khiến thể chẳng khắp. Vì sao trở xuống là giải thích. Chỉ quán đều dùng một dụ mà dụ, như đâu được một huyệt mà trị tất cả bệnh, như được châu như ý gọi là châu vương. Nên Đại Kinh quyển ba mươi mốt nói: Cũng như phương thuộc điều trị các bệnh. Đối với một tên trở xuống là nói vô lượng nghĩa, hoặc đối với một nghĩa mà nói vô lượng tên. Vì sao một

tên mà nói vô lượng nghĩa? Như Đại Niết-bàn cũng gọi là vô sanh vô xuất, vô tác qui y, hang nhà giải thoát, đèn sáng không sợ, bờ kia v.v... Đại Phẩm trở xuống là đại chúng trung. Đã nói tất cả đều học và tất cả vào trung. Phải biết Chỉ quán nhiếp tất cả pháp như đã dẫn ở trước. Nay lại trở xuống là khai chương giải thích riêng. Thật thể Chỉ quán xem là năng nhiếp, sáu thứ như sự v.v... xem là sở nhiếp, sở thì theo năng nên nói nhiếp pháp. Tuy nói thiên viên thứ lớp, chẳng thứ lớp v.v... chỉ nói pháp sở nhiếp thật thể khắp, há sở nhiếp khác nhau khiến thể phân chia. Lại như Thành Luận ba tạng một môn. Trong phẩm Chỉ Quán trước đặt câu hỏi rằng: Trong kinh Chư Phật bảo các Tỳ-kheo tất cả đều phải tu hành hai pháp, đó là Chỉ quán. Hỏi: Tất cả phải tu, đâu chỉ hai pháp? Đáp: Chỉ là định, quán là tuệ. Tất cả pháp thiện hai thứ này nhiếp hết cho đến tán tâm, văn tư v.v... các tuệ cũng ở trong ấy, vì hai pháp này biện được đạo pháp. Vì sao? Chỉ là hay ngăn kết, quán là hay dứt diệt. Chỉ như tay nắm, quán như dùng cái liềm. Chỉ như quét sạch, quán như dẹp bỏ. Chỉ như lau bụi dơ, quán như nước trong. Chỉ như nước ngâm, quán như lửa nóng. Chỉ bác bỏ tâm trạo cử, quán khởi thì vọng tâm mất. Cho đến nhiều nghĩa không thể ghi hết. Trong đây nêu chương lý cho đến giáo. Đủ Y luận ấy sáu lớp nghĩa môn. Tuy Đại tiểu khác nhau hay nói các tên v.v..., tên chung nghĩa riêng tức là ý này. Người khác bảo Thành luận nghĩa chung Đại thừa, nay hỏi vì sao Hoa Nghiêm, Đại phẩm, Đại tập sanh khởi văn tướng rất dễ thấy. Từ sự lý trở xuống là lược bày vừa nêu sáu chương nhiếp nhau. Lược dùng sự v.v... nhiếp sáu chương. Trước sự tức nhiếp năm chương, lý chỉ là lý. Giải tức là trí, vị chung nhân quả. Nhân lại nhiễm lý hoặc, trí hạnh giáo tha chỉ tha, các khác đều là tự, tự hành hóa tha, nhân quả nhiếp hết sáu chương này. Văn sáu nghĩa hai đều có thứ lớp và chẳng thứ lớp. Ý chỉ ở một đồng thuộc về viên đốn chỉ quán nhiếp. Một dĩ trở xuống là giải thích văn trước là giải thích riêng. Nghĩa phải thứ lớp và chẳng thứ lớp. Văn kế nhiếp nhau, chỉ chẳng thứ lớp nghĩa sẽ khai hiển. Trong giải thích riêng trước nói lý. Lý chẳng ngoài hai, chỉ là quyền thật. Khai làm bốn là y cứ giáo Năng thuyên, nay y cứ Sở thuyên cho nên chỉ có hai. Dẫu tùy giáo tướng cũng chẳng ngoài hai. Kế trong nhiếp hoặc cũng y cứ hướng lý để nói hoặc. Cho nên y cứ mê ở hai lý quyền thật để nói hoặc thể chung riêng khác nhau. Gốc mê lý gọi là vô minh, vô minh xem là nhân duyên đầu, cho nên hoặc chung riêng đều y cứ nhân duyên. Trước giải thích mê mờ quyền lý. Trong mười hai duyên nói độc đầu, là trong Bà-sa nói: Bất cộng vô minh chẳng đi chung với sử. Hỏi: Cũng có bất cộng trạo

triền v.v... chăng? Đáp: không. Người bảo đã có bất cộng vô minh, cũng phải có bất cộng trạo v.v..., tất cả nhiễm đều có vô minh. Chỉ có vô minh có bất cộng riêng. Cho nên trong Pháp Hoa dùng con rít mà dụ cho Độc Đầu, dùng con chồn dụ cho tương ưng, đây chỉ dụ cho hai si khác nhau. Chẳng thấy lại có độc đầu trạo v.v... được các vui sướng. Là mười hai trở xuống, là cột mười hai để làm ba đường, mười hai nhân duyên trôi lăn sanh nhau, cho nên ba đường cũng trôi lăn sanh nhau. Đại luận, mười hai nhân duyên, luận Bà-sa, kinh Thập Địa v.v... đồng nhau. Câu-xá nói ba phiền não, hai nghiệp, bảy sự cũng gọi là quả. Lược quả và lược nhân do trung có thể so hai, từ hoặc sanh hoặc nghiệp, từ nghiệp sanh sự, từ sự hoặc sanh. Có lý chỉ đây. Bốn câu đầu dùng lược nhiếp rộng. Cho nên luận nói: Phải biết duyên khởi tuy có mười hai mà hai ba là tánh. Ba là hoặc nghiệp sự, hai là nhân quả. Trong đó lại có hai: Hai câu trước là nói nhiếp nhau, hai câu sau là giải thích ngại. Ngại rằng: Vì sao quá khứ, vị lai lược mà hiện tại rộng. Giải thích rằng: Do trung có thể dùng so biết hiện tại gọi là Trung. Kế từ hoặc sanh, hoặc tức là ái sanh, thủ từ hoặc sanh, nghiệp tức là thủ sanh hữu và vô minh sanh hành. Từ nghiệp sanh sự tức là hành sanh thức và có sanh sanh, từ sự sự hoặc sanh, tức là từ sự sanh sự, tức thức sanh danh sắc cho đến sanh thọ. Từ sự sanh hoặc tức thọ sanh ái. Thành Luận nói trở xuống là kế dẫn luận chứng tướng ba đường. Hỏi: Ba chướng ba đường chỉ có khổ và báo hai tên thì khác. hai thứ Nghiệp, phiền não thì đồng là sao? Đáp: Khổ là khổ báo, cũng báo tức là khổ. Cho nên biết tên khác mà nghĩa đồng. Hỏi: Ba tên đã đồng, hai tên chướng và đạo khác nhau, là sao? Đáp: Ngăn che các Thánh đạo nên gọi là chướng. Xoay vần chung nhau nên gọi là Đạo, đều từ công năng lỗi lầm mà đặt tên. Nay mười hai luân là ba đường, năng thông và trôi lăn nghĩa đồng nhau. Lại cùng Thành Luận cũng đồng. Luận tên Nghiệp đạo, nghiệp phải dùng phiền não làm năng chung, phải lấy khổ này làm sở chung. Văn tuy nêu nghiệp, nghĩa đã đủ ba, nên được dẫn làm chứng. Cho nên luận Phẩm mười Bất Thiện Nghiệp Đạo hỏi rằng: thế nào là Nghiệp đạo? Đáp: Ý tức là nghiệp ở trong hạnh, nên gọi là Nghiệp đạo. Đi trước sau ba trung, đi sau trước bảy trung, ba là nghiệp chẳng phải đạo, bảy vừa là nghiệp vừa là đạo. Đây là chép đủ luận văn. Người chưa thấy luận chỉ thấy tiếp sau mười hai duyên thì thành mười hai nhân duyên mà giải thích rất chẳng thật có. Nay trước nêu luận văn kế hội ba đường. Luận phẩm tuy nêu tên gọi là phẩm nghiệp Đạo. Nay văn vẫn dùng ý chung ba đường. Ý tức là nghiệp, là ý địa suy nghĩ. Hành giả trong đó, hành là thân v.v... nên biết thân v.v... là ý làm ra gọi là Nghiệp đạo,

hạnh trước v.v... là nói khởi trước sau, đem giáo mà nêu đối khởi trước sau. Văn nêu thứ lớp thân nghiệp là trước, ý ba ở sau. Nếu khởi thứ lớp ý ba ở trước, thân nghiệp ở sau, trước khởi ý địa, nên nói tiền hành, văn nêu ở sau nên nói hậu ba. Sau động thân nghiệp nên nói hậu hành. Văn nêu ở trước nên nói tiền bảy. Chữ trung chỉ là giúp câu mà thôi, nói ở đây có bảy và ba trung mà thôi. Cũng như năm ấm cùng nhau khởi thô tế. Bốn đế nhân quả cũng giống như thế. Song ý luận văn ba là nghiệp chẳng phải đạo, chẳng phải thân nghiệp, vừa là nghiệp vừa là đạo, hai nghiệp thân nghiệp là ý nghiệp làm. Lại gọi là Đạo. Năng văn nghĩa lập ý là Năng chung, cũng được gọi là Đạo. Cho nên ba sau chung đến thân nghiệp, nên nói có thể chung bảy. Bảy trước là nghiệp lại là ý hạnh. Cho nên luận rằng vừa là nghiệp vừa là đạo, văn nay trước bảy có lập hai nghĩa: Một là sở hành như ý luận văn, nên nói là nghiệp lại là đạo; hai là Năng chung, chung đến đời sau nên lại gọi Đạo. Ý ba tức là phiền não đạo. Hành ở thân nghiệp tức phiền não chung nghiệp. Nghiệp đến đời sau tức nghiệp chung khổ, cho nên biết chánh dụng thành luận ba nghiệp để giải thích ba đường, dẫn luận giải thích, thành ý ấy ở đây.

Khiên liên v.v... là Tăng Nhất quyển bốn mươi nói: Phật tự xem bệnh các tỳ-kheo, trách các tỳ-kheo rằng: Các thầy vì cái gì mà xuất gia, vì sợ vua hay vì muốn bỏ mười hai khiên liên. Ba đời trói buộc nên gọi là khiên liên. Mười hai luận v.v... và văn Đại Anh Lạc xoay vần chẳng cùng, cũng như bánh xe. Cột trói trở xuống là giải thích tên. Ba đời trở xuống là kết thành nhiếp pháp. Nếu mê thật lý trở xuống là kế nói ngoại giới mười hai nhân duyên trước đối tiểu nói về khác, giới ngoại cũng có tương ưng độc đầu, cũng cùng giới ngoài các sử kiến tư gọi chung là tương ưng. Ngay đó bày lý gọi là độc đầu. Nói tương ưng, là như nói từ đây trở về trước đều gọi Tà kiến. Lại Đẳng giác trở lại tu lìa thấy thiền nầy tức là giới ngoại đồng thể kiến, hai cõi Phương Tiện, Thật Báo năm trần là giới ngoại tư. Như kiến tư này phải có vô minh gọi là tương ưng. Kế y luận mà giải thích tướng, cho nên trong văn nay dẫn luận Thật Tánh. Điên đảo tức là vô minh độc đầu, điên đảo là tương ưng, tức hai vô minh trong ba thứ ý sanh thân, ba thứ đều gọi thân ý sanh, là kinh Lăng-già, Đại Tuệ hỏi Phật thế nào gọi là ý sanh. Phật nói: Thí như ý đi nhanh chóng vô ngại gọi là ý sanh. Đây là từ thí dụ nên nói sanh thân, ví như ý đi. Kinh ấy hai nghĩa mà giải thích tên chung. Trước nói như nói ý thấy trước ngoài mười muôn do-tuần, niệm niệm nối nhau nhanh chóng đến đó. Kế nói Tam-muội như nhà ảo thuật nhớ bổn nguyện sanh vào các Thánh. Trước nói chỗ nhớ, kế nói nhớ nguyện,

hai nghĩa đều là ý nhớ sanh gọi là ý sanh. Nay Sơn Môn ta tác ý sanh gọi là ý sanh. Kinh tức nói nhớ, nhớ là tác ý, cho nên nghĩa đồng. Kế quyển bốn giải thích ba tên riêng một, phẩm Vô Thường nói ý sanh ba thứ: Một là vào Tam-muội lạc ý thành thân, cũng gọi là Chánh thọ, tức ba - bốn - năm địa tâm vắng lặng chẳng động; hai là giác pháp tự tánh ý thành thân, tức là Bát địa vào khắp cõi Phật, nên dùng pháp làm tự tánh, ba thứ loại đều sanh vô tác ý thành thân, tức là liễu Phật chứng pháp thành cùng sanh đều nói theo quả. Đây là y cứ Thông giáo cho đến Biệt tiếp dọc phân ra thứ vị. Huyền Văn ở đây đều nói ở ba giáo trước, để chung các giáo mà giải thích nghĩa. Đã nói Bát địa là giác pháp tự tánh, xét biết văn đầu tuy nói Ngũ địa cũng gồm Thất địa tức vào không vị, tám vị tức sẽ vào giả vị. Chủng loại đều sanh, nói Liễu Phật chứng pháp, tức là vào trung, thuộc chủng loại Phật, chưa hẳn tự chứng. Nếu Tiếp vào Biệt Thất địa về trước vào Biệt mười trụ. Bát địa trở xuống là tiếp vào mười hạnh. Biết Phật chứng pháp là vào hồi hướng đều không phải chứng đạo, nên gọi ý sanh. Vẫn là tên (gọi) chẳng gồm tiếp, là cùng kết vị này nên đều nói địa. Tam-muội lạc ý còn nhiếp người Nhị thừa ba tạng, huống chung với Nhị thừa. Huyền văn nay xếp kinh Lăng-già vị ý sanh, là lấy kém mà nhiếp hơn. Cho nên chỉ Nhị thừa nhiếp lấy Thông Biệt, nếu đối Biệt vị là chưa nhiếp chứng đạo. Cho nên chỉ từ Địa Tiền mà xếp vị. Cho nên biết nay xếp đồng với ý kinh. Văn kinh chưa nhiếp Biệt vị là khác. Nói năm thứ là y cứ khai hợp mà thôi, tên chỉ có ba nghĩa mà khai thành năm. Ở Tam-muội Chánh Thọ khai ra ba tạng Nhị thừa ở trong giác pháp khai ra Biệt giáo mười hạnh. Nếu làm bảy thứ hai giáo Nhị thừa đều khai làm hai. Mười Trụ của Biệt giáo nghĩa vẫn đồng với Thông giáo vào không. Cho nên văn sau nói: Phàm có nhiều thứ, nếu luận trên chín người sanh phương tiện thì lấy Viên giáo sáu căn thanh tịnh vị nhiếp vào ba thứ ý sanh thân, cũng phải dễ hiểu. Vì đều chưa dứt vô minh, chưa sanh Thật báo. Huyền văn chẳng nói nhiếp vào ba là vì quán hơn nên lại bỏ chẳng nói. Lại tên ý sanh phải ở giáo đạo. Ba thứ ý do dời v.v... là nhân dời quả đổi từ hạ sanh thượng. Bó đây trở xuống là y theo luận bó thành ba đường. Đây mười trở xuống là nói đồng khác. Hoặc này trở xuống là kết thành nhiếp pháp, rốt ráo như văn. Trong phân biệt nói và Bồ-tát v.v... Thông giáo đều lấy mười trụ của Biệt giáo. Trần sa tuy chẳng nhuận sanh v.v... là giải thích nghi. Nghi rằng: Giới ngoại nhuận sanh y cứ vào vô minh, đã chẳng do trần sa thì đâu phải trước dứt. Giải thích rằng: Vì chướng hóa đạo nên phải dứt trước, vì chân hóa phương tiện nên phải dứt trước hoặc

này, dứt rồi mới được tiến tu Trung quán, phá Thật báo trung tương ưng độc đầu trần sa là nhánh, vô minh là gốc, nói sâu vị sau nên nói đều bỏ. Cho nên biết quán giả nhiếp được trần sa. Trong ba thứ sanh thân, người trước đã cõi ấy dứt được trần sa, nên nói chánh nhiếp. Phá trần sa rồi thì sẽ tiến phá vô minh nên cũng gọi là nhiếp. Nếu nói khác thì vô minh đầu cuối thuộc về Trung quán, nếu nói hai người Biệt, Viên vì y cứ nhiếp nhau mà nói nên lấy người Viên. Trong đây y cứ ý luận ở chủng loại giác pháp hai người tên là Biệt hoặc nghĩa gồm vô minh, nên nói bị phục. Nếu nói riêng Trần Sa giới nội đã dứt, đâu cần nói phục. Cho nên ở giới ngoại chỉ tu Trung quán mà phá vô minh ấy, nên nói ba đường. Từ đoạn vị mà nói nên nói Sơ địa. Đã chỉ nói địa, nên biết ý sanh lại nói quyền vị. Nếu chẳng như thế thì há viên sáu căn, lại vào Biệt địa. Hai mươi Trí huyền nghĩa Trí diệu mà nêu, tức là ba tạng có bảy: Một là Thế trí, hai là Ngoại phàm, ba là Nội phàm, bốn là Bốn quả, năm là Bích-Chi Phật, sáu là Bồ-tát, bảy là quả Phật. Thông giáo có năm: Một là Bốn quả, hai là Bích-Chi Phật, ba là Bồ-tát Nhập Không, bốn là Bồ-tát Xuất Giả, năm là quả Phật. Biệt giáo có bốn: Một là mười tín, hai là ba mươi tâm, ba là mười địa, bốn là sáu căn, ba là bốn mươi tâm, bốn là quả Phật. Văn ấy ba Phật đồng nêu ở sau, đồng là có giáo không người Thật quả lâu viên mãn. Như thế mà nêu thì lại y cứ vào phần lớn chưa được xong xuôi. Cũng thuộc ba quán, là ba quán có chung có riêng. chung là Tạng chung mười trí là thuộc không, Biệt giáo thuộc giả, Viên giáo thuộc trung. Biệt là tạng thông, Nhị thừa Nhập Không Bồ-tát của Thông giáo, Thập Trụ Bồ-tát của Biệt giáo, cho đến hai Phật trí của Tạng Thông cũng là thuộc về quán không, ba tạng Bồ-tát trí, Thông giáo xuất giả Bồ-tát trí, Biệt giáo hạnh hướng Bồ-tát trí đều thuộc về quán giả. Sơ địa trí của Biệt giáo trở xuống thì thuộc về Trung quán. Đây thì thứ lớp thuộc ba quán. Viên giáo trí tức là thuộc một tâm ba quán. Nếu nói từ một lượt cứ vị thì Thông giáo sáu căn trí bảy tín về trước cũng thuộc quán không. Tám tín trở lên cũng thuộc quán giả Sơ trụ trở lên chỉ thuộc Trung quán. Ba giáo trí trước nếu khai quyền hiển thật lại không thứ lớp. Nếu được ý này, một kỳ Phật giáo nói các trí đều là thuộc ba quán. Cho nên Chỉ quán nhiếp tất cả trí, kế nhiễm tất cả hạnh, chẳng ngoài chánh trợ. Cho nên phải bốn giáo đều nói hai hạnh Tỳ-bát-xá-na v.v... là dẫn chứng chánh trợ. Đại Kinh quyển hai mươi bảy nói: Nếu nói Tỳ-bát-xá-na phá phiền não, vì sao lại tu Xa-ma-tha? Nay nói lấy định trợ tuệ, lại nêu phải trợ, cho nên phải dẫn, thật ra định tuệ đều là chánh tu. Từ v.v... sự quán mới gọi là trợ, bốn giáo đối nhau

đều chung làm trợ trước giáo sau. Tự hành quán nhiếp hạnh bốn giáo. Chánh trợ trở xuống là nói trí dắt hạnh, nên hai giáo trước bó làm không hạnh, Biệt giáo là giả, Viên giáo là trung, tạng chung như văn trong quán giả nói tục lý, là duyên ở Tục đế Hằng sa Tam-muội. Nói Tục sự là duyên chúng sanh bệnh và các việc thần thông lợi sanh. Trong Trung Quán nói đều là Đại thừa, đủ như Đại phẩm rộng thừa phẩm, ở trong đó khéo chọn tướng chung riêng mới phải văn nay. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, tức ba Phật tánh. Đại Kinh quyển hai mươi lăm nói: Vô minh có ái là hai trung gian tức là Trung đạo. Như thế Trung đạo hay phá tất cả sanh tử, cho nên phải phá hai tử ba đường thành ba Phật tánh. Đủ như thứ chín y cứ mười hai duyên nói trong mười thừa. Từ lại nữa trở xuống là nói rộng hành tướng chánh trợ của các giáo. Bắt đầu từ hữu lậu, cuối ở viên cực. Tìm văn sẽ thấy.

Trước nói sự thiền, kế bốn niệm trở xuống là nhập pháp không hành, bốn ý chỉ, chỉ là bốn niệm xứ. Trong kinh Nhân Vương gọi là bốn ý chỉ. Bốn cảnh chỉ tâm nên gọi là Định. Trong ba mươi bảy phẩm đến Ấm Cảnh mười thừa có nói. Trong bốn đế thì ba là hữu vi. Khổ tập là hữu vi hữu lậu. Đạo đế là hữu vi vô lậu. Tuy lậu, vô lậu mà chung thuộc hữu vi. Mười sáu hạnh, luận văn nói rộng nay lược nêu hành tướng. Khổ trở xuống bốn hạnh là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán ấm duyên sanh, niệm niệm sanh diệt nên là vô thường. Bị vô thường ép bức nên khổ, tướng một tướng khác chẳng thật có nên không, ngã ngã sở chẳng thật có nên vô ngã. Tập trở xuống có bốn tức là tập nhân duyên sanh, hữu lậu hòa hợp hay vời lấy quả khổ, nên gọi là tập quán ở sáu, nhân sanh ra quả khổ, nên gọi là nhân. Quán ở bốn duyên sanh ra quả khổ nên gọi là duyên, lại chịu sau có khổ, nên gọi là sanh. Diệt trở xuống bốn hạnh, tức là tận diệt diệu ly, tất cả khổ hết nên gọi là tận các phiền não, diệt hết nên gọi là diệt. Tất cả đệ nhất nên gọi là diệu, vượt qua sanh tử nên gọi là ly. Đạo trở xuống bốn hạnh tức đạo chánh tích thừa. Đến được Niết-bàn nên gọi là Đạo, chẳng phải pháp điên đảo nên gọi là Chánh, chỗ bậc Thánh đi nên gọi là Tích, (chở) đến ba thoát nên gọi là thừa, tên kinh luận mới hơi khác với đây. Xưa nói không thì mới nói Bất tịnh. Xưa nói tận thì mới nói tịnh, xưa nói chánh thì mới nói như, xưa nói tích thì mới nói hạnh, xưa nói thừa thì mới nói xuất. Các tên kia đều đồng, đại ý rất dễ thấy. Bà-sa chép: Khi khổ cũng thấy vô thường, không, vô ngã, vì sao chỉ nói khổ. Đáp: Cũng phải nói thấy vô thường v.v... Chẳng nói là vì có nghĩa khác. Lại nữa nếu nói khổ tức là nói các thứ kia, lại nữa, khổ chỉ ở khổ, còn vô thường ở khắp ba đế, không và

vô ngã thì chung tất cả pháp. Ba đế kia trở xuống là hành tướng đều có phân biệt cũng như thế. Bốn hoằng trở xuống là hành pháp nhập giả, mười tám pháp Bất cộng thấp nhất là trợ đạo. Nay chỉ đối đương mà thôi. Đã đối chín pháp, chín pháp dư chín pháp gọi là Vô dị tưởng, đều là Định tâm, đều là Tri dĩ xã, đều là chỉ nhiếp. Dục tinh tấn niệm tuệ giải thoát giải thoát tri kiến không giảm, đều phải quán nhiếp ba Tam-muội, ba giải thoát, đến quyển bảy sẽ nói. Sáu độ như tùy tự ý và nói trong trợ đạo. Cho đến trở xuống là hành pháp nhập trung. Chín thứ Đại thiền đều ở Địa trì, trong pháp giới thứ lớp đã lược giải thích. Y theo đó mà nêu danh số, một tự tánh thiền ở Văn tư trước một tâm tu Chỉ Quán, hoặc pháp đồng loại với Chỉ Quán.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 3
(PHẦN 4)

- Hai là tất cả thiền, trong đó có hai: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế và xuất thế có ba tên: Một là Hiện pháp lạc, hai là Xuất sanh Tam-muội công đức, ba là Lợi ích chúng sanh. - Ba là cái khó của thiền có ba: Một là bỏ thiền mà sanh cõi Dục là khó; hai là đủ tất cả công đức hơn Nhị thừa là khó; ba là y thiền mà được Bồ-đề là khó. -Bốn là tất cả các môn có bốn tức là bốn thiền, Năm là Thiện nhân thiền có năm, tức là bốn vô lượng và bất vị ở trước (không mê chấp vị). - Sáu là tất cả hạnh thiền có mười ba v.v... - Bảy là trừ não thiền, có tám. - Tám là thiền đời này đời kết quả, có chín. - Chín là ly kiến thiền có mười, một trăm lẻ tám Tam-muội Lăng-nghiêm đứng đầu, tên lấy từ Đại phẩm Đại luận giải thích rộng. Mười tám không quyển năm giải thích rộng. Mười dụ, kệ nói huyễn, diệm, trăng, không, tiếng vang, thành, mộng, ảnh, tượng, hóa có lược giải ở sau. Và năm trăm Đà-la-ni, Văn Trì đứng đầu, tên ở Đại phẩm, Đại luận cũng giải. Ở đây nhiếp tất cả vị, trong ý đến trước nói vô vị. Muốn nói về có trước phải nói không. Phàm kế vị là xuất từ tâm Thánh, tâm Thánh vốn vắng lặng, vị kế sao bày. Đậu vật căn duyên thềm bậc đồng khác. Tự không phải tuyệt vị cực Thánh đâu thể xếp ở các thứ sau. Cho nên trước nói lý vô vị, kế mới y cứ sự mà nói các vị. Lại vô cớ y cứ chân có tức nhờ tục. Chân tục chẳng hai nên trước nói chân. Cho nên Lăng-già quyển bốn Phật nói phẩm tâm rằng trong nghĩa bậc nhất không có thứ lớp. Văn nay từ nghĩa nên nói vắng lặng chân như. Lại trong kệ văn ở dưới nói: Mười địa là mười, Sơ địa là tám, thứ tám thì là bảy, bảy cũng lại là tám, thứ hai là thứ ba, thứ tư là thứ năm, thứ ba là thứ sáu, không có thứ nào chỉ là kinh văn bốn quyển. Các thứ khác đã dẫn đều là văn quyển bảy. Kinh nói vô vị chỉ một văn này. Trên dưới văn đều y theo thứ vị. Nhưng nói nhiều về Thông Biệt mà ít

nói Tạng Viên. Nếu nói Trí Hạnh thì chung đủ bốn giáo. Lấy bộ Phương Đẳng mà chê nhiều Tam Tạng, vị nghĩa lại ít. Phải biết Lăng-già y cứ vào viên lý mà nói vô thứ vị, y cứ sự chẳng phải không. Dẫu nói viên sự nhiều là giới ngoại pháp môn tương tức. Cho nên trong kinh Viên Vị lại ít, riêng trong tựa kinh ấy Thế tôn thọ thỉnh khi vào thành Lăng-già đã dùng thần lực làm vô lượng núi báu, núi đều có Phật, trước mỗi Phật đều có La-sát và chúng hội, mười phương cõi nước đều hiện trong đó. Đây hợp với Tịnh Danh, bởi hiện biến nào có khác, còn chưa kịp thỉnh Bát-nhã mười phương, đều gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Nói thêm đều gọi Thiện Hiện Thân tử xét biết bộ Phương Đẳng ấy nói. Thứ vị đã thế, pháp tướng cũng phải đủ bốn, cũng thiếu ba tạng, ý như vừa nói tức như La-sát Vương bổn cung tư Phật. Phật nói các pháp huyễn hóa tức là Thông giáo, phát được gốc lành lìa tâm ý thức, vào Như-lai-tạng tức là Biệt viên. Nếu theo ý này thì ví dụ kia sẽ biết. Riêng văn của tựa nêu Viên còn thiếu. Xét biết chính nói nghĩa viên không nhiều. Cho nên trong phần Chánh tông, Đại Tuệ hỏi rằng: Tịnh tất cả chúng sanh tự tâm hiện lưu là tiệm hay đốn? Phật nói đó là tiệm chẳng phải đốn. Văn dưới tuy nói Phật tịnh chúng tâm hiện lưu là đốn hiện tất cả. Đây là nói tiệm cực thì nói là đốn, tức riêng vị Diệu giác mà thôi huống chi văn lập năm thứ chủng tánh, nghĩa là Phật, Bồ-tát, Thanh Văn Bất Định Vô tánh, vì chưa khai quyền các tánh còn cách, đâu đồng Pháp Hoa bại chủng được thọ ký, huống chi năm pháp và ba tự tánh tám thức hai vô ngã hoàn toàn là nghĩa riêng, đâu được chấp một lời không có thứ vị ư? Lại Đại thừa trở xuống là nói có thứ vị, vừa nói vô vị cũng là Đại thừa. Nay lại nói có, nên nói lại. Bởi vì trở xuống là hòa hội có không. Như trước đã nói chưa chứng vô vị không thể nói vị. Lại ngại người ngu chấp riêng vô vị. Cho nên kết rằng thứ vị hiềm gì. Nếu chiết trở xuống là chánh nói thứ vị các giáo. Trước ba tạng nói bảy hiền bảy thánh, bảy hiền tức là bảy phương tiện, bảy thánh tức là tính hạnh pháp hạnh, Tín giải kiến đắc thân chứng thời giải thoát bất thời giải thoát, hai mươi bảy Hiền thánh, là khai sơ quả hướng làm ba tức là tín hạnh, pháp hạnh, vô tướng hạnh và sơ quả làm bốn, năm là quả hướng thứ hai, sáu là quả thứ hai, bảy là quả hướng thứ ba, tám là quả thứ ba. Trong quả này lại khai làm mười một tức là Trung sanh, Hành bất hành, Lạc định lạc tuệ, Chuyển thế hiện, Tín giải kiến đắc thân chứng và bảy thứ trước là học nhân mười tám, khai vô học là chín, tức là Thối hộ, Trụ tư, Tử bất thối, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát bất hoại pháp. Câu-xá nói: Thế tôn nói học nhân mười tám tức là bốn hướng ba quả Tín pháp hạnh, Tín giải kiến đắc nhà

nhà một gian năm hàm tức là Trung sanh, Hạnh bất hạnh thượng lưu vô học chín, tức là Thối hộ, Tư trụ, Đạt bất động, Bất thối tuệ giải thoát Câu giải thoát, hai mươi bảy tên gọi này là ruộng phước. Hỏi: Duyên gì tự chứng chẳng nằm trong số ấy. Đáp: ba học Vô lậu là nhân của bậc Thánh, Trạch diệt Niết-bàn và quả của bậc Thánh, Diệt định hữu lậu không phải y nhân nên không dự vào số ấy. Muốn hiểu rõ xin tìm Bổn luận. Trung A-hàm quyển bốn mươi, Trưởng giả hỏi Phật: Ruộng phước có bao nhiêu? Pháp đáp đồng với Câu-xá. Hai môn kia đều có luận, cũng phải có vị. Nay thiếu chẳng nói ba thừa cộng vị như sau trong thứ vị mà nói. Trong Thông giáo đã không có bốn môn luận bộ khác nhau. Cho nên chỉ y kinh mà nêu cộng mười địa. Kế là biệt vị, cũng như Lăng-già Bồ-tát Sơ địa là pháp thêm vào, trăm ngàn muôn kiếp tu tập các gốc lành dần vào các địa đế, địa Pháp Vân ngồi hoa sen lớn. Nay văn chánh dùng Anh Lạc nêu các vị bất đắc ý thành ba mươi tâm v.v... sự chẳng được rồi lập bày giáo đạo, quyền tiếp vật cơ, chẳng phải bổn ý của Phật. Ý ở Sơ địa Trung đạo thật tướng cũng ở Địa tiền phục hoặc, sáu cộng bảy bằng mười ba đều đồng Hoa Nghiêm bác bỏ là tà. Năm hành, đây là bắt đầu từ Huỳnh Đế cảm huyền nữ tinh tinh mà nói năm hành này. Bạch Hổ Thông nói: Hỏa là Dương tôn, thủy là Âm ty, cây là thiếu dương, kim là thiếu âm, thổ là đại bao, cho nên hai âm ba dương. Tôn phối với thiên, thủy là duy, nuôi dưỡng muôn vật. Cây là xúc, là xúc động muôn vật. Hỏa là hoa tức biến hóa muôn vật. Kim là cấm, tức cấm khởi đầu. Thổ là ói ra, là ngậm muôn vật. Cho nên muôn loại đều thuộc năm hành. Sáu giáp, giáp là đầu một giáp năm hành, một hành hai ngày, sáu giáp sáu mươi ngày. Trong một năm giáp trải sáu lần, hành ba mươi sáu lần. Bạch Hổ Thông nói: Giáp có mười can, thời có mười hai. Nói can là số, giáp là đầu muôn vật, như giáp chưa khai, ất là co lại. Như rồng cuộn chưa muốn ra. Bính là minh, tức là muôn vật sáng. Đinh là cương, mậu là thạnh, kỷ là khởi, canh là canh, tân là thỉ (bắt đầu). Nhâm là nhậm vận, quí là đô. Nói mười hai thời, tý là từ, sửu là sửu, dần là diễn, mẹo là mậu, thìn là chấn, tỵ là khởi, ngọ là trưởng, mùi là vị, thân là thân, dậu là thâu, tuất là diệt, hợi là hài. Can và thời này cũng gồm thâu tất cả cho nên nói. Cho đến thành nhuận độ số v.v... chẳng phải điều ở đây nói. Rộng như trong luật lịch. Âm dương là kinh Thái Huyền nói: Doanh đại công, sáng muôn vật gọi là Dương, sâu kín không thể lường gọi là âm. Dịch nói một âm một dương gọi là một Đạo. Âm dương chẳng lường gọi là Thần, tháng năm ngày giờ v.v... cho đến năm hành, tám quái đều thuộc về âm dương. Cho nên pháp âm dương bày

khắp thế gian, ý nghĩa bất tận. Bát quái là Chấn, đoái, ly, khảm, càn, khôn, cấn, tốn. Một quẻ có sáu hào, hào là biến đổi thích thời, lại hào là hiệu, tức là khí âm dương. Dịch nói: Quái một dùng tượng ba mươi có tám biến mà thành quái. Năm kinh, Bạch Hổ Thông nói: Khổng Tử gặp Chu Đạo Lăng Trì từ Vệ trở về Lỗ để định năm kinh mà làm đạo. Lễ Ký Kinh giải rằng: Ôn nhu đôn hậu là thi giáo, Sơ biết chung xa là thư giáo, Quảng bác dịch lương là (nhạc) giáo, Khiết tịnh tinh vi là Dịch giáo, Cung liễm khiêm kính là lễ giáo, thuộc từ tỷ sự là Xuân Thu giáo. Nay gọi Lễ Nhạc Thượng Thư Thi Dịch Xuân Thu. Có người gọi là truyện. Lễ có ba, tức là Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký. Truyện có ba, tức là Công Dương, Cốc Lương, Tả Truyện, nên nói chín kinh. Tử là trăm nhà Hiền triết. Sử là Sử vắng lặng các nước, cho nên dùng bốn thứ để gồm nhiếp tất cả sách, tức là kinh Sử Tử Tập. Tập là các sao chép các bậc Hiền lương xưa nay, như loại Ngự Lãm. Nay vì lược biết Thế pháp đồng khác, chẳng phiền nêu rộng, ý ở biết chung đều từ tâm khởi. Vì sao trở xuống là nói giáo xuất thế hai luận khác nhau. Văn đầu có dụ có hợp, đủ như quyển một đã dẫn Hoa Nghiêm. Kế trong Không Kinh dụ gồm bảy giáo trong tám không bí mật, đủ như trước khai chương, sau phân biệt. Kế từ quán tâm nhân duyên, dưới đến bình đẳng với Như lai, tức là bốn giáo như Tạng v.v.... Kế lại quán tâm trở xuống là Đốn quán. Kế từ quán tâm nhân duyên đến kinh Thục Tô và Tiệm Quán. Pháp Hoa khác nhau các văn, chỉ là Hội tiệm qui đốn. Niết-bàn bốn người đều biết Phật tánh, cho nên bốn câu tức nhau. Nếu theo Đại kinh năm thời ý thì Hoa Nghiêm dụ cho sữa. Nay lại theo tiện liền dùng Hoa Nghiêm làm riêng một đốn. Trong tiệm vẫn còn bốn vị. Cho nên lấy ba tạng dụ cho vị sữa cộng thêm Bát-nhã như lạc, tuy không có bộ khác cùng văn Bát-nhã, bèn lấy Phương Đẳng Bát-nhã hoặc một hội một thời một chương. Nói riêng ý chung loại đó cũng nhiều. Lại nay luận quán lý nhiếp pháp gồm rộng. Cho nên từ dung ở Tiệm giáo mà nói Cộng Bát-nhã. Nếu y cứ xếp giáo thì chẳng dùng văn này. Trong giáo Tiệm thứ đối Phương Đẳng Bát-nhã đều nói tức không v.v... là Năng nhiếp thể tức, Sở nhiếp chưa tức. Tuy còn chưa tức lại từ năng nói, nên đều nói tức. Kế nói Pháp Hoa Niết-bàn, là ý hiển Chỉ quán đều nhiếp khai hiển lượm nhặt giáo ý Niết-bàn, bốn giáo kinh này đều biết thường trụ nên bổn ý ở viên, quyền dụng ba giáo để làm Tô tức. Thật chẳng bảo quyền xem là rốt ráo. Ý vốn biết viên cho nên tức nhau. Nếu Thô tâm dứt thì lại nương vào đốn quán. Hỏi: Phương Đẳng cũng làm bốn câu tức nhau thì có gì khác với Niết-bàn? Đáp: Phương Đẳng chỉ Đại tiểu đối nhau,

một thời cùng nghe bốn thứ chẳng lìa nhau, nghĩa đồng tức nhau, khác nhau Niết-bàn tức giải tức tu. Lại Phương Đẳng này cũng nhờ Trung luận bốn câu tức văn, chẳng phải gọi bốn giáo là tức nhau. Lại văn trong đây là nhờ năm thời thuận bộ kinh ấy hoặc tức hoặc lìa. Cho nên tu hành tùy dùng mấy câu mà được thấy thật. Lại nếu đem quyển kinh trong hạt bụi dụ cho tám giáo, văn ấy tuy lược, đại ý cũng đủ. Tức là trước tiểu sau đại là tiệm. Đại tiểu bất định là bất định. Trong tiệm bốn tức bảy kế trong quán bất định nói: Nếu quán nhân duyên, lại quán nhân duyên tức là Phật tánh. Đây có hai ý: Một là hiện tại tập duyên thành người bất định. Nghĩa là nguyên biết lý viên, hoặc khi quán nhân duyên sanh pháp lại quán nhân duyên tức thành Trung quán, tức thấy Phật tánh. Như trong ba Chỉ quán nói hoặc chỉ thế giới là nghĩa Đệ nhất, hoặc sự hoặc lý tức là tướng ấy; Hai là phát viên túc tập thói quen xưa như ở hiện tại Chỉ quán sanh diệt, sau lại thường quán duyên sanh, tức thấy Phật tánh. Cho nên trong quán nhân duyên như sữa, do quán nhân duyên mà được thấy Phật tánh nên nói như sữa giết người không giả đều có. Lại văn quán ý đều y theo đây. Đến quán Trung đạo cũng có. Lại nói quán thì thiếu một ý, chỉ là lợi căn vượt nhập thâm vị. Nếu làm phát tập thì như vị năm phẩm chỉ là phục hoặc. Nhờ túc tập phát nên phá vô minh, cũng là bất định. Lược nhiếp trở xuống là lấy lược lệ rộng. Lại nữa trở xuống là nói dùng tâm nhiếp ý các giáo. Văn có hai ý tức là Năng hóa, Sở hóa khác nhau: Một là Y cứ sở hóa, nghĩa phá tâm trần chúng, sanh ra tất cả pháp; Hai là Phật đã được trước, nay dạy chúng sanh tức là hóa tha, năng sở cùng thành, nghĩa chẳng thể thiếu. Trên sáu trở xuống là kế nói sáu pháp thu nhiếp lẫn nhau, tức không thể nghĩ bàn. Hỏi: Như trước nói lý cho đến giáo, tự tha nhân quả tất cả đầy đủ, sao lại phải nói mỗi pháp nhiếp năm? Đáp: Như trước nói trong mỗi môn đều có đủ Thiên viên, nghĩa nó dường như đủ. Trong mỗi pháp tự chẳng gồm thâu nhau, giống quyền chẳng nhiếp thật huống năm thứ kia. Nay nói nhiếp, là sáu pháp này chưa gồm thâu nhau, sáu nghĩa trước sau thứ lớp sanh nhau. Cho nên văn nay nói thứ lớp có thể hiểu. Nói thẳng ra là nêu một lệ các thứ, dùng thẳng một văn còn nhiếp tất cả, huống chi sáu ư? Như lý chẳng nhiếp hoặc trí hạnh vị, chỉ lý mà thôi chẳng đủ các pháp. Huống lý quyền thật giống như chưa thâu nhau. Cũng như sáu độ tuy đều tự Viên, vẫn phải mỗi độ rõ ràng nhiếp nhau, đều là pháp giới, mới gọi đầy đủ. Cho nên sáu trước chỉ giống tương đãi, nên lại phải nói tướng bặt đãi. Vì sao? Vì một lý nhiếp tất cả các lý, nghĩa là quyền tức thật, tức lý luận hoặc, nên lý nhiếp hoặc. Tánh đức

Bát-nhã chẳng ngoài lý, lại lìa tánh không có trí, nên lý nhiếp trí. Tánh đức giải thoát duyên nhân chẳng thiếu. Lại lìa lý không có hạnh nên lý thuộc hạnh. Lý tánh mười giới phàm thánh vị đủ. Lại lìa tánh không có vị nên lý nhiếp vị. Tâm trần gồm đủ quyển kinh lớn như cõi Đại Thiên. Lại lìa lý không có (nói), nên lý thuộc về giáo. Kế hoặc nhiếp tất cả, cũng phải nói một hoặc nhiếp tất cả hoặc, chỉ là văn lược. Cho đến giáo cũng giống như thế. Trước một hoặc tất cả hoặc, là tâm đủ ba hoặc như một tâm tham các hoặc đầy đủ, mạnh yếu (che) nhau mà chẳng hiện hành, cho nên hoặc nhiếp các hoặc. Thể hoặc là lý nên hoặc nhiếp lý, hoặc đã tức lý. Trí hạnh vị giáo y theo hoặc y cứ lý mỗi thứ mà nói. Kế trí nhiếp tất cả. Một không thì tất cả không. Không tức giả trung. Một trí nhiếp các trí, trí minh như cảnh, cảnh trí chẳng hai, nên trí nhiếp lý. Phiền não Bát-nhã thể tướng vốn một, lại dùng Năng phá đối Sở phá, dùng năng nhiếp sở, nên trí nhiếp hoặc. Bát-nhã tức giải thoát, duyên liễu thể đồng. Lại phàm có trí đều hay dắt hạnh, nên trí nhiếp hạnh. Tánh đức Bát-nhã chiếu mười giới vị. Lại nêu không có trí thì có vị để bước lên. Lại có hoặc thì có trí, hoặc mất thì trí dứt. Cho nên dùng trí nhiếp vị, hai trí quyền thật không giáo nào chẳng thâu. Cho nên trí nhiếp giáo. Kế hạnh nhiếp tất cả, sáu độ pháp giới gồm thâu tất cả hạnh. Thoát tức pháp thân, duyên chánh thể một. Lại y lý khởi hạnh mảy thiện lý đều, nên hạnh nhiếp lý. Buộc thoát thể một, nghịch tức Bồ-đề. Lại có hoặc tức có hạnh, hoặc cùng thì hạnh dứt. Cho nên được hạnh nhiếp hoặc. Giải thoát tức Bát-nhã. Hạnh thanh tịnh ở trí, cho nên được hạnh nhiếp trí. Không phải hạnh thì chẳng lên vị, vị mãn thì hạnh mới trọn. Cho nên được hạnh thâu vị. Y giáo để tu, hạnh giáo vốn bàn ở hạnh, nên được hạnh thâu giáo. Vị nhiếp tất cả. Tâm Phật và chúng sanh ba pháp không khác. Y cứ hạnh sơ phẩm còn đủ các vị. Nếu chứng đắc, thì Sơ trụ đủ tất cả, một trụ tất cả trụ, cho nên được một vị thâu khắp tất cả vị. Sơ trụ tức pháp giới cho đến vị sáu tức. Mỗi vị đều nói tức cho nên được vị thâu lý. Có vị do hoặc, hoặc cùng thì vị hết, cho nên được vị thâu hoặc. Không có vị thì không có trí, vị mãn nên trí cực. Lại do trí nên tiến vị, vị cùng thì trí mất, nên được vị thâu trí. Vào vị phải do hạnh, hạnh khắp tất cả vị, nên được vị gồm thâu hạnh. Tiến vị nên lập giáo, giáo bàn không ngoài vị, nên được vị thâu giáo. Kế giáo nhiếp tất cả, như nghe môn chữ A thì giải tất cả nghĩa, vì ở một Phật thừa mà phân biệt thành ba. Cho nên được giáo thâu giáo, giáo nói tất cả pháp. Văn tự tức thật tướng, cho nên gồm thâu tất cả lý. Mê giáo sanh các hoặc, giáo nói tất cả hoặc, cho nên được giáo thâu hoặc. Y giáo mà

hiểu. Giải mãn nên giáo hưng, nên được giáo thâu trí. Y giáo nên sanh hạnh, hạnh cùng tất cả giáo, cho nên được giáo thâu hạnh. Giáo nói tất cả vị giáo sanh tất cả vị, nên được giáo thâu vị. Như trên nhiếp nhau vẫn y cứ giáo pháp sanh nhau mà nói. Nếu thẳng y cứ đốn một hướng mà nói, thì trong lý đủ năm, cho đến giáo thể tức năm, đều là pháp giới. Nghĩ sẽ thấy được. Chẳng phân biệt Thiên viên, mỗi đều thế. Cho nên sáu pháp này chẳng ngoài vắng lặng chiếu không thể nghĩ bàn trung một diệu chỉ quán. Chỉ quán nhiếp sáu, sáu cùng nhiếp nhau. Tức là lý tánh chỉ quán, cho đến giáo tha chỉ quán, kia đây chẳng hai. Sáu pháp này tức là thể trước tới chẳng thứ lớp. Thể trung nhiếp pháp không thể nghĩ bàn.

Kế nói Thiên viên Trung, trước nói ý đến. Trước nhắc lại chương trước, chính chỉ thể nhiếp pháp đến trước. Chỉ sáu phen trước, trong mỗi phen nhiếp tất cả pháp, và mỗi pháp lại nhiếp nhau, nên nói không pháp nào chẳng gồm thâu. Thâu pháp đãi nhiều trở xuống là chánh nói ý đến. Thâu pháp đã nhiều, nên mỗi pháp đều phải biết rõ Đại tiểu cho đến ý không thể nghĩ bàn. Đại tiểu tức là lược nêu hai môn một, hai. Cộng bất cộng nói dùng hai môn ba, bốn. Bán mãn và Đại Tiểu nghĩa đồng, nên chẳng nêu riêng. Cho nên biết Viên đốn thật ba, một bề bất cộng. Thiên Tiệm Quyền ba có cộng và bất cộng. Tạng chung là cộng. Biệt là bất cộng quyền thật tuy cùng bốn nghĩa trước đồng, phải đem quyền thật để phân biệt bốn trước. Tiểu bán một bề là quyền, mãn đại có quyền có thật. Hai thứ Viên đốn một bề là thật. hai thứ Thiên Tiệm một bề là quyền, lấy nghĩ bàn và bất nghĩ bàn lại quản năm cặp, lệ theo đây sẽ hiểu. Cho nên năm chương này văn năm nghĩa ba. Bán mãn đồng Đại Tiểu, tiệm đốn đồng Thiên viên. Quyền thật xếp bốn ý trước chỉ ở khai. Phàm đến lý trở xuống là nói ý chương. Ý, chỉ là không nói mà nói, không nói tức là tự hành vì người khác mà nói. Nói sẽ chẳng ngoài cặp này. Hỏi: Đây là xếp thuộc về pháp trước hiển thể, vì sao lại nói vì người khác nói. Đáp: Xếp tức là nói, cho đến quả thành, lấy năm song này vì người khác mà nói, nói chẳng ngoài năm. Vì tiểu trở xuống là nói ý dùng chương. Nói phải biết lý do, há vì phương tiện tên đồng mà khiến Đại Tiểu Lý một, huống chi là trong đại vẫn phải phân biệt. Cho đến quyền thật cũng giống như thế. Cho nên phương tiện các thứ khác nhau. Như Ba tạng giáo một bề là tiểu, toàn là phương tiện, huống chi ba tạng giáo lại có tên mới vào làm phương tiện. Cho nên có thể ngoài thể trong khác nhau, đủ như sớ văn giải thích phẩm Phương tiện, chẳng cùng Tịnh Danh Báo Ân Phương Tiện phẩm đồng. Như kinh Hoa

Nghiêm có phẩm Thọ Lượng khác nhau với phẩm Thọ Lượng của Pháp Hoa. Tiểu trở xuống, là kế trong chánh giải thích trước giải thích về Tiểu. Trước tức tướng pháp quán của Tiểu thừa. Như Thích luận trở xuống là bày tướng tà chiết để hiển bày chánh, hai câu đầu là lập định, kế nêu trở xuống là hai câu giải thích trách. Kế nếu chiết trở xuống là phá. Nói phương phân là vô trần mà thôi, có phải là sắc, sắc ở tại phương, phương ắt có phần, có mười phương phân. Kế phá lại chiết cực vi, chiết cho nên hết. Nếu một trần hết thì các trần đều hết. Nếu hết thì làm sao hòa hợp mà thành thân. Cho nên hết chẳng thể. Nếu chẳng hết, nếu một trần là thường thì các thứ đều là thường. Nếu là thường thì thân phải chẳng diệt, cho nên chẳng phải Phật pháp chánh chiết tướng. Chiết tâm cũng như thế. Nếu một sát-na tâm chẳng thể hết thì làm sao lại có sát-na sau sanh, sát-na sau sanh, tâm trước sẽ diệt. Nếu diệt hẳn thì làm sao lại có sát-na sau sanh. Cho nên biết sát-na niệm niệm sanh diệt chẳng phải đoạn, chẳng phải thường. Luận văn dưới là bày tướng chánh chiết. Ba tạng chiết pháp không phải nói Bổn tông, nên nói vẫn sáng, cũng trước quán sắc, kế quán tâm. Khi quán sắc tâm thì chỉ quán thô tế vô thường, vô ngã. Chẳng cần nói hết và chẳng hết. Nói từ vô minh sanh là từ một niệm vô minh quá khứ mà sanh các hạnh. Lại do các hạnh khi đến Trung ấm, tâm ta một niệm vô minh lại cùng tâm cha mẹ một niệm vô minh hợp, sanh ra sắc thân. Y báo cũng do cộng nghiệp vô minh đồng cảm cát đá. Cho nên y chánh đều từ vô minh mà sanh, thể của vô minh từ nhân duyên mà có, cho nên khiến cho tạo sắc cũng từ nhân duyên. Phải biết nhân quả đều từ vô thường, như thế nào mà kể là hết và chẳng hết, quán tâm cũng như thế,. Sát-na quá khứ chiêu cảm sát-na nay, huống chi sát-na nay lại đối cảnh ngoại nhân duyên mà có. Cho nên niệm niệm đều vô thường. Như thế khi suy sao chỉ biết sắc tâm vô thường. Tiến suy tâm niệm xưa nay chẳng phải có bèn thấy pháp tánh chân như thường trụ như trước đã nói. Giáo tướng bất định nếu quán vô thường, lại quán vô thường thì thấy Phật tánh, tức là ý này. Nếu quán huyễn hóa cho đến giả v.v... cũng giống như thế. Thực hành quán ấy chính là vốn hoại, ba đường rốt ráo, đâu chỉ có giới nội vô minh là hoại. Chiết danh trở xuống được gọi là lý do, chiết danh này vốn ở ngoại đạo, xem sắc cực vi và một sát-na hết hay chẳng hết, nay quán vô thường v.v... cũng gọi chiết là vì đối phá ngoại đạo, ông chiết chẳng phải chánh, đâu chỉ trở xuống là nói công năng phá của chiết này cho đến Viên giáo bốn môn sanh mê đắm cùng có thể phá hết. Phật pháp như cam lộ, thấy trước như uống nhiều mất lý như chết yểu. Ở ngoài

chấp sanh như khóa sắt ở trong, chấp sanh như khóa vàng. Kế do trong tâm nên gọi là tự mình khởi ngã nhân chẳng khác với ngoài, đều làm nhân sanh tử cả. Cho nên Đại luận trở xuống là nói dụng phá ý, nghĩa là phá năng chấp, năng chấp là chấp trước, chẳng phá sở chấp, sở kế là giáo. Cho đến chưa được Niết-bàn mà sanh chấp trước há phá Niết-bàn. Đây là nói công năng đối địch phá kiến. Nếu lại có người bỗng phải tu quán khác mà phá kiến. Như quyển mười dùng bốn thứ quán phá kiến khác nhau, phàm có trở xuống là y môn tu quán, quán tức mười pháp. Người đời cũng nói tu tập pháp quán nói chẳng dính mười. Thừa hoại xe lừa chánh Nam mà đi. Cho nên biết trở xuống là chánh nói ở Tiểu kế với đại cũng trước bày pháp quán. Đại nhân trở xuống là dẫn người năng thừa và giáo năng thuyên, xét mà biết là đại. Trong diễn trở xuống là dẫn chứng cộng thừa thí như trở xuống là dụ. Nay trở xuống là hợp, rất dễ hiểu, ví dụ như trở xuống là dẫn ví dụ, hễ có nghĩa lệ có nghịch có thuận, trong đây là nghịch lấy Tiểu thừa mà lệ Đại. Như trong Tiểu có Đại vẫn gọi là Tiểu. Sao ngại trong Đại có Tiểu vẫn gọi là đại. Cái gọi là trở xuống là đối nói pháp thể. Có hai lớp pháp thí. Trước là chiết, kế là thể. Trong trước chiết nói ba tạng gọi là giả v.v... là nắm chung năm ấm, giả gọi là chúng sanh. Sanh là giả danh, ấm là thật pháp, đã kế pháp thật thì chiết khiến nhập vào không. Nay Đại thừa trở xuống là kế nói thể. Ấm và chúng sanh đều chẳng thật có, cho nên đều giả. Trong đây tuy dùng cảnh tưởng để thí dụ, mượn Sử Thiếu Tông Nghi dụ gương ảnh cũng gọi là Thật. Như luận Bà-sa quyển bốn mươi hai hỏi rằng: Ảnh trong nước và gương là thật hay không thật? Thí dụ nói chẳng thật vì mặt gương chẳng vào. Tỳ-đàm nói ảnh là có pháp. Vì sao? Vì sắc đó là sắc vào nên nhãn thức có được. Hỏi: Đã chẳng vào nhau sao nói là thật? Đáp: đã có sắc như thế là sắc nhập, chẳng phải một thứ sanh sắc mà là sắc nhập. Như nhân mặt trời, do kính sanh lửa, do mặt trăng, do châu sanh nước. Tuy chỗ sanh đều khác, chẳng phải là không thật, duyên gương duyên mặt mà sanh ảnh, chẳng phải không có ảnh dụng, sanh ra nhãn thức, thì chẳng phải không thật, tiếng vang và hóa cũng như thế. Cho nên người tu theo Tỳ-đàm chấp ảnh duyên khởi có riêng một đủ bốn đại tạo sắc, cho nên thật có. Người nói chỗ thấy tất cả chẳng thật, lấy ảnh chẳng thật mà dụ cho ngoài chẳng thật, cho nên lấy dễ mà dụ cho khó. Nói Bà-sa thí dụ sư tức là Chánh Lượng bộ khác chỗ sư thấy chấp là chẳng thật cho nên cũng giống chỗ thấy như huyễn của Đại thừa, chẳng phải là tông Bà-sa. Cho nên Tỳ-dàm Sư chẳng chịu cái thấy này. Dẫn Phật ở một phương trên cây, là chánh bày thể quán. Luận

quyển mười hai chép: Khi Phật ở núi Kỳ-xà-quật cùng các Tỳ-kheo vào thành Vương xá giữa đường thấy có cây gỗ vuông lớn, Phật bèn trải tọa cụ Ni-sư-đàn ngồi trên cây ấy, bảo các Tỳ-kheo rằng: Nếu Tỳ-kheo vào thiền tâm được tự tại, khiến cây này làm đất thì thành đất thật Vì sao? Vì cây có địa thủy hỏa phong, như một sắc đẹp, người dâm thấy là người, người quán bất tịnh thấy là bất tịnh, người vô dư thì tâm không ưa thích. Cho nên tùy người thấy mà chấp lấy khác nhau. Nay văn theo nghĩa mà nói biến vàng thành đất, cũng vì trong vàng có đất, như cây là đất. Lại trích dẫn nhắc lại, luận giải thích trong ba thứ có trước nói nhắc lại mà chiết đến cực vi, nhìn chung thì vô thường vô ngã, ấy là phân tích không. Lại có quán không như quán nhắc lại này, nhắc lại vốn chẳng sanh nay cũng chẳng diệt. Cho nên cũng cùng vàng đất dụ đồng. Khi vàng là đất, vàn gvốn không sanh, nay cũng chẳng diệt v.v... Cho đến mười tám không như quyển năm nói. Cho nên dẫn nhắc lại có không tánh như cây có tánh đất, để chứng tức không. Mười tám không này nghĩa chung với ba giáo v.v... Lại nữa trở xuống là giải thích tùy tình tùy lý. Trong văn đủ làm hai lý cộng và bất cộng. Lại lấy văn này mà giải thích Đại Tiểu. Trước nói tiểu không mà nói Phật tánh, cho nên biết ba tạng không việcng, một bề xếp thuộc tùy tình. Đại thừa trở xuống là y cứ tùy lý để nói Đại không. Vì sao? Vì Ba tạng tuy không, không này do diệt sự mà được, nên gọi là tùy sự. Nếu Đại thừa không, thì không này do tức sự mà được, nên gọi tùy lý. Lý tức sự cho nên tức nghĩa gồm thâu, cho nên trong tức không mà gồm chẳng không, gọi là Phật tánh. Cho nên huyễn hóa không, chung có cả chung riêng. Do đó, dụng ở các thí dụ tìm huyễn v.v.... Nói tìm huyễn được nhà ảo thuật, là thí dụ quán huyễn hóa vì thấy chung lý, nói tìm nhà ảo thuật được pháp huyễn. Là dụ quán lý không để thấy chẳng không. Mộng dụ cũng như thế, tìm mộng được ngủ, tìm ngủ được tâm. So với huyễn sẽ thấy. Nếu thế, tìm huyễn sắc tâm được vô minh trở xuống, tức là hợp văn. Vì sao dùng dụ mà chẳng tương ưng? Chỉ nói tìm huyễn được vô minh, tìm vô minh được Phật tánh, mà sao chẳng nói tìm huyễn được chân, tìm chân được Phật tánh ư? Đáp: Lý chân đế tức là vô minh chỉ quán sâu chân liền thấy Phật tánh, tức là quán vô minh mà thấy tánh. Lại người đời chỉ nói tìm tâm thấy tánh chẳng nói tìm sắc mà được thấy tánh. Lại bỏ sắc ngoại thẳng đây quán ấm, người đời đâu hề thấy ấm Phật tánh. Kế nói thể pháp y môn tu quán. Cũng phải gồm đủ ba thứ bốn môn. Nay cũng từ chung nên chỉ nói bốn. Quán này trở xuống là chánh (nói). Đã nói các môn đại tiểu sanh mê đấm và dùng huyễn để phá, cho nên biết một bề

thuộc Đại thừa. Trong tiểu môn ở trước tức nói các mê đấm đều là quán vô thường. Trong đây Diễn môn đã đủ ba giáo, tức ba giáo ấy đồng dùng huyễn hóa phá chấp, nếu dùng ba quán phá chấp khác nhau. Gồm trước thành bốn, toàn đồng với ý phá chấp thứ mười. Nếu được trở xuống là bác bỏ mà đoạt Đại thừa ba giáo mười hai môn, trước còn phải huyễn hóa, tức không mà phá chẳng bao giờ trở xuống là so sánh bác bỏ. Lão Trang còn tự chẳng biết năng trước sở trước, năng phá sở phá của Tiểu thừa huống chi trong Đại thừa hoặc trước hoặc phá. Cho nên chẳng đồng với Phật pháp. Song người giảng đời thì mê danh tướng, người lạm thiền thì mê lầm chánh lý, muốn đem đạo đức tên nêu dao mà nói ngang bằng với giải thoát của Phật pháp đâu có thể được? Vương Mục Dạ nói: Tiêu dao là ý điều sướng dật dự. Phàm chí lý trong đủ thì không lúc nào chẳng thích, quên hoài ứng vật, đi đâu chẳng chung, lấy đây mà đi khắp thiên hạ nên gọi là nêu dao. Lý không ẩn kín, rõ ràng gánh vác, hình không lớn nhỏ, dao nhiên đều thích nên gọi là tiêu dao, chẳng biết lấy gì làm lý, lấy gì làm hình, quên phiền não làm sao đi khắp thiên hạ,. Cho nên biết pháp đã chẳng bằng người cũng có thể xếp. Lại đặt pháp báo để so sánh với đây, hơn kém cách nhau trời vực phải quấy trái hẳn. Bỏ vị Kim luân Thánh đế, sao bằng mến tiếc trụ sử vi quan. Thân vàng trượng sáu quang minh tướng tốt, đâu bằng chất phàm dung sáu thước. Tướng lạ vô lượng chẳng thể nói hết. Rõ như Lý Trọng Khanh làm mười dị chín mê để bác bỏ Phật pháp. Nam Sơn làm mười dụ chín châm dùng hình tà ma nói. Nay lược còn năm dùng phân biệt tà chánh: Một là Lão Quân nghịch thường gá thai mục nữ mà ra đời, còn Thế tôn thuận hóa do mẹ hiền mà đản sanh; Hai là Lão Đam có sanh có diệt, sợ nạn sanh ra lại chịu bạc đầu, còn Thích-ca thùy tích bày sanh bày diệt trở về vắng lặng bèn sáng rỡ mình vàng; Ba là trẻ thơ giấu hình sanh ra ở huyện khổ Trần châu, còn Năng Nhân thì hiện thân ở Đông hạ thần châu; Bốn là chức quan nhỏ ở Bách dương sau lên Tạng lại (quan giữ kho) chẳng phải mặt trời ở Văn Vương cũng chẳng phải Thầy của Long Chu còn Thích-ca ở ngôi Thái tử, thân chứng đặc tôn, năm thành ở thời Chiêu Vương là Giáo chủ cõi Diêm-phù; Năm là lý thị ẩn ba hiển không giáo nào nói, dù cho năm trăm tuổi cũng kém tuổi rùa hạc, còn Pháp vương một sanh một diệt, thị hiện dung vi trần, tám mươi tuổi dẫn dắt Hằng sa chúng phàm các so sánh này đều là sự thật, đủ để phân biệt chánh luận chánh, Tiếu đạo tâm cảnh phá tà hai giáo, Mâu tử các luận nói rộng tướng lạ nay cũng thấy có xe chẳng ra gì, còn nói đồng đám xuất gia ấy có gì kia đây mà tướng phải trái, ánh sáng mặt

trời với lửa đom đóm rất khác xa nhau. Viên môn sanh trước, trước tâm chẳng vào số Tiểu hiền, còn là ba tạng có môn bị phá, huống chi Trang Lão là chỗ thấy tầm thường không muốn kết bạn với viên lý Phật pháp, thì như đom đóm đối với mặt trời, như sợi lông tơ đối với quả núi. Trong Đại Phẩm chép: Thanh văn như lửa đom đóm, Bồ-tát như ánh sáng mặt trời, nay mượn đây mà ví với Lão Trang còn quá. Mảy may, sắp dứt, là Thiên Tề Vật nói: Mảy may chẳng nhỏ, núi Thái chẳng lớn, nay chẳng dùng nghi tề vật kia, mà mượn văn đại tiểu dứt hẳn cho nên nói sắp dứt. Tự nói Đạo chân v.v... là Ca-diếp thấy Phật hiện Đại thần biến, trong tâm đã biết sức Phật khó lường nhưng vẫn nói lời kiêu ngạo khinh Phật rằng: Cù-đàm tuy Thần chẳng bằng đạo chân của ta như thế ta tránh mà chẳng phá. Như chỗ Ca-diếp khởi duyên rộng như trong luận văn và Thụy Ứng đã nói.

Kế nói Bán Mãn, tên ở Đại Kinh. Bồ-đề-lưu-chi dùng đây xếp giáo chưa phải hết lý, cho nên huyền văn phá bỏ, khiến đây chỉ y cứ pháp môn để nói. Huống chi là bốn thứ kia cùng thành ý này. Cho nên lại đồng với môn đại tiểu, chẳng phải xếp nghĩa một kỳ mà có thể dùng chung. Một lượt lại dùng tự riêng mà xếp. Cho nên dùng chín và mười hai để chia Bán Mãn. Nghĩa chung đủ như trong Huyền văn phân biệt, hoặc đại tiểu đều chín đều mười một, mười hai. Theo truyền thuyết thế gian trở đi là phá xếp giáo nghĩa. Nhiều thầy chấp chung nói truyền thuyết thế gian. Niết-bàn là mãn nghĩa có thể hơi chung, các thứ khác gồm Pháp Hoa cho đến Hoa Nghiêm vì sao đều Bán? Lưu-Chi xếp ra lại chẳng phải chung phương Bát-nhã, bỏ Mãn chẳng chọn Tiểu thừa nghĩa lại chẳng thể. Ba tạng là nghĩa Bán có thể thế. Nay nói trở xuống là chánh nêu ý nay. Đã giúp thành đại tiểu y theo đó mà nói mãn chung hai lý gồm mang người tiểu. Bán chỉ ở tiểu, cách hẳn Đại thừa. Phương Đẳng thì đủ, còn Bán Mãn, Bát-nhã, Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêm chỉ Mãn mà chẳng Bán. Vườn Nai chỉ Bán chẳng Mãn. Cho nên biết nói Bán Mãn là có gồm có toàn. Cho nên khác nhau người khác qui một hạnh nhất định.

Kế nói Thiên Viên. Đối hai chương trước để nói chung cục, gồm lấy thí dụ để hiển bày nghĩa tự sáng. Văn trước giải thích tên gọi. Nói chung riêng, nếu chung đường mà luận, gọi tiểu là thiên đối với lý chẳng lỗi, chỉ nghĩa thiên thì xa chẳng đồng với tiểu. Cho nên phải lấy môn này mà nói khác thí như trở xuống là thí dụ. Nếu cõi này luận trăng thì lấy ngày mười lăm làm Bán. Nay nói Bán: Một là lấy phương Tây trắng đen đều làm Bán; hai là lấy hình mặt trăng thêm bớt đến phân

nửa (bán). Cuối tháng là hối, hối là tối. Đầu tháng là sóc, sóc là tô (sống lại?). Sóc là thí dụ mới đầu tức như chiếc cung. Ngài 15 gọi là vọng, tức ngày 15 mặt trăng, mặt trời thẳng góc nhau, tức trăng tròn, thí như dần đầy. Cho nên văn nói mặt trăng cũng gọi là vọng thư, trăng vọng thì thư. Nay nói Bán tức dùng ở cõi này trên dưới hai nửa gọi là Huyền. Mặt trăng như hình cây cung giương dây cung. Mặt trăng thượng huyền mùng 8 mùng 9, hạ huyền là ngày 20, 23. Do (trước tháng) mặt trăng lớn nhỏ khác nhau. Nếu như sau tháng hai dây xa gần khác nhau. Nay chỉ lấy dây mà dụ cho phân nửa nhỏ, thời khắc nhất định nên từ sóc đến vọng, các tháng khác thiếu một ngày đều dụ cho thiên, thiên nghĩa là dài. Cho nên nói bắt đầu từ cung ngạ đến đêm mười bốn. Vì mặt trăng bắt đầu giống như chân mày lại như chiếc cung đầy. Nên văn nói: Mặt trăng cũng gọi là Hằng nga, cũng gọi là Thường nga. Trăng đầu trăng cuối hằng luôn như nga. Nên biết hai nghĩa Thiên, Bán khác nhau nhau. Tiểu Bán trở xuống là hợp. Cho nên Đại Kinh trở xuống dẫn chứng rằng. Tà nên đồng thiên, phải biết Ca-diếp chưa nghe viên y thường trụ ở trước đó đều gọi là Thiên. Chỉ vì trở xuống là kết bày. Như văn.

Bốn là nói Tiệm Đốn. Trước giải thích tên. Ba quán ba trí thứ lớp mà vào. Tạ là do từ không vào giả, từ giả vào trung, nên nói tạ xiển (do cạn), vì Trung đạo nên trước tu hai quán, vì lợi tha nên trước dứt buộc mình, nên nói do sâu, đủ cực hai tên có chung có riêng. Chung thì đều chung trước sau, riêng thì tột sau đủ đầu. Sơ tâm chỗ quán muôn pháp đều đầy đủ. Hoặc hết đức mãn đến sau mới cực. Đây cũng trở xuống là nói đồng khác. Tiệm giúp thiên, đốn giúp viên. Bàng xuất nghĩa khác lại giúp nhau thành. Đại tiểu Bán Mãn cũng giống như thế. Ba giáo trở xuống là lược giải. Nay lại trở xuống là phân biệt cũng là giải rộng. Trong đó trước y cứ bốn câu mà phân biệt. Cho đến trở xuống là văn y cứ bảy giáo mà phân biệt, nghĩa chánh mở rõ, chỉ chưa như trong chương quyền thật tên ấy rõ ràng. Trong bốn câu đầu, hai giáo trước là tiệm chẳng phải đốn. Cứ lập ý giáo mà được gọi Tiệm. Không phải bẩm giáo mà được gọi Tiệm. Biệt giáo được làm câu thứ ba. Giải đốn mà hạnh tiệm. Giải chỉ biết lý đốn mà thôi, hạnh phải trải qua Hằng sa kiếp số, cho nên biết giáo này trước từ phương tiện. Cho nên phương tiện nói gồm đủ hai nghĩa: Một là tạ Địa tiền phương tiện; hai là Văn Đãn trung phương tiện. Lại nữa trở xuống là y cứ bốn pháp quán, giáo, hạnh, chứng mà phân biệt. Trong đó lại y cứ hai đạo giáo chứng để giải thích bốn pháp, cho nên khiến bốn pháp đều có quyền thật. Hai giáo trước bốn pháp đều quyền Biệt giáo thì ba quyền chứng thật. Viên giáo thì

bốn pháp đều thật. Nói chỉ những thứ này là y cứ người thì đối bác bỏ Nhị thừa, y cứ lý thì đối bác bỏ hai đế. Giáo hạnh ở đây nói rất dễ hiểu. Nói vào thất là nhà từ giải thoát, áo nhẫn pháp thân. Tòa không Bát-nhã. Quán ba đức nên nói hạnh thật. Y cứ vị sáu tức lệ theo đó sẽ thấy. Kế hai quán trước trở xuống là y cứ bốn pháp giáo, hạnh, chứng, nhân, vì bốn pháp phân biệt trước đem ba pháp mà đối chứng để phân biệt. Trong đây hợp quán vào hạnh ba pháp đối giáo để phân biệt quyền thật, thì ba pháp và giáo nhân chung quả lấp, cho nên hai giáo trước ở nhân thì bốn pháp đều có. Bẩm ở quyền giáo, hạnh ở quyền hạnh, để vào nhân vị mà thành nhân người, ở quả thì chỉ có giáo thành Phật, không có người hạnh thật đến chứng quả này, cho nên không. Vì sao trở xuống là giải thích ý không? Vì thân tro lạnh nên đều không ở hạnh chứng và người, dù cho dùng ba mươi bốn tâm chỉ thành diệt hết. Không phải là tướng quả Phật. Lại người vào diệt nói chưa hội trước. Nếu đến Pháp Hoa chuyển thành nhân vị. Nhị thừa còn hiểu huống chi là ba kỳ. Biệt giáo có không giống đồng hai trước, chỉ đến Sơ địa tụ hội vào viên. Cho nên khác nhau biếm trước thành hội đoạn Sơ địa còn như thế trở xuống là nêu cạn so sánh sâu. Ở quả sau phải nói Diệu giác. Sơ địa còn không, huống chi là Diệu giác. Vì Biệt Sơ địa cũng có khả năng tám tướng chân nhân tợ quả, nên phải so sánh nó dùng nhân hiển quả, cho nên nêu nhân, lấy quả của mình mà thành nhân người khác nên nói không có người. Sơ địa vào trụ, đây là chánh văn đối với văn giáo đạo chẳng nên nghi. Lại tên giáo chứng cũng có thể chung Viên. Chưa vào Sơ trụ gọi là giáo đạo. Nếu phá vô minh mới gọi chứng đạo. Nếu xếp vào quyền thật thì khác với Biệt. Mượn nghĩa Địa để giải thích nghĩa Viên. Cho nên Bốn niệm xứ nói Biệt giáo chỉ dứt giáo đạo mà nói viên đủ hai ý. Giáo đạo nói dứt, chứng đạo chẳng dứt, cho nên biết người nhân chẳng đảo quả, là có hai nghĩa: Một là người nhân dẫn phá mười hai phẩm mất vị Diệu giác chỉ thành viên gia hạnh thứ hai; hai là Sơ địa tức vào Sơ trụ huống chi đảo Diệu giác. Cho nên văn nói, huống chi là quả sau. Lại nữa, ba trước trở xuống là y cứ khai hội mà phân biệt. Biệt cũng biết trung nay nói chẳng biết là ba trước chẳng biết lý viên. Pháp Hoa khai xong đều gọi là Đốn. Nói tuy chẳng phải, tức không phải gọi chỗ làm, khai vẫn không phải tức. Chỉ xếp người ấy chỗ làm ngày xưa nay khai thành đốn. Hạnh xưa được làm tiệm đốn gia, không phải ngày xưa tiệm tức là đốn, cho nên nói chẳng phải tức. Hạnh xưa chẳng khai còn chẳng gọi tiệm, đâu phải tiệm đốn cho đến tức đốn. Nay nếu khai xong tiệm tức là đốn. Cho nên nói là đạo Bồ-tát, chỉ vì khác với trước sau đều đốn.

Từ nhân xưa mà nói nên nói tiệm đốn, y bản tập mà vào nên nói các thừa. Vì gọi bản tập nên nói thích nguyện, khai sở tập ấy nên nói quyết liễu. Nếu pháp còn tiệm làm sao gọi kinh Vương? Kinh Vương vốn nói trước lúc chưa khai. Lý vốn viên diệu đâu đợi hội ư? Hội đã vẫn tiệm sao gọi được vào, huống chi từ đốn khai tiệm vì cơ sanh chưa chuyển. Cho nên đến nỗi có lời Biệt Tiếp. Nói Biệt lý là biệt của chung riêng, không phải Biệt của Viên biệt. Song lại nghĩa của Biệt lý chung với Viên biệt. Biệt đeo giáo đạo nay bỏ không nói. Cho nên Niết-bàn trở xuống là dẫn ví dụ giúp giải thích. Nếu Nhị thừa khai quyền chẳng được vào thì vì sao Đại kinh lại được quả Nhị thừa, tình mến viên thường. Chỉ Pháp Hoa trở về trước tình cách nên gọi là dị. Đại kinh chẳng cách, công đức do Pháp Hoa cho nên nói, cũng gọi là khai tiệm hiển đốn. Lại nói: Biệt tiếp thì nghĩa gồm hai ý: một là Pháp Hoa trở về trước phân tích đào thải. Ý này chánh đáng Biệt lý tiếp lấy. Chỉ thật ẩn ở quyền nói chưa rõ ràng, hai là đến hội Pháp Hoa gọi hội là Tiếp, đây là tiếp của tiếp dẫn, không phải tiếp của giao tế, cho nên hai nghĩa trước khác sau đồng. Lại kế bốn thứ trở xuống là y cứ bất định. Trước tiệm đốn bốn câu, nghĩa phải là hai thứ trong tám giáo, kế hai lớp bốn pháp nghĩa phải ở trong tiệm khai bốn. Cho nên lại y cứ bất định mà phân biệt. Chẳng nói bí mật ý ấy y cứ theo trước. Không cần đều độ v.v..., là người ba giáo trước tùy vị tiến vào phải là Bồ-tát, nên nói không cần đều đợi khai tiệm cho nên trở đi là thí dụ. Thí dụ xưa nghe liễu nhân tùy vị hay phát lời. Năm vị là nói vị biến nhưng vẫn giết người, không phải nói Pháp Hoa gọi vị thứ năm. Vì Pháp Hoa gọi là định, chẳng phải bất định. Đây là Pháp Hoa về trước y cứ hạnh năm vị. Nay trong văn này chỉ y cứ có duyên có tướng bất định. Cho nên chẳng phải hoàn toàn y cứ văn trước của Pháp Hoa. Chúng sanh trở xuống là hợp thí dụ nói xa xúc là lý giáo hạnh, chứng kịp luận xa xúc. Y cứ thời, y cứ hạnh hai thứ năm vị, tùy gần xa mà kịp luận xa xúc. Như Bích-chi-phật, là kế dẫn Bích-chi Phật để lệ lý phát, người Tiểu thừa đến đời không Phật chưa có giáo hạnh mà phát ngộ, nên gọi là lý phát. Lý phát cũng như thế trở xuống là dẫn đồng. Người viên tu cũng giống như thế. Hoặc Phật chưa ra đời, hoặc nghe Hoa Nghiêm, gọi chung là bất định đều được gọi là Nhũ. Vì sao? Vì phàm phu hoàn toàn sanh đạo lý như Nhũ. Hoa Nghiêm y cứ thời lại gọi là Nhũ. Trong Hoa Nghiêm nói bốn pháp lại xếp năm vị phát là văn giáo như nhũ phát, quán hạnh như lạc phát, tương tự như hai tô, tăng đạo như đề hồ. Tương tự phát chứng nên nói tương tự chứng phát. Ở chứng lại phát nên nói cũng như thế. Hỏi: Tăng đạo là định, sao

gọi bất định? Đáp: Thứ lớp tăng đạo gọi là định, nếu vượt chứng thì gọi là bất định. Cũng có thể văn giáo và quán đều gọi là Nhũ phát. Trong vị tương tự gồm ba vị thì bảy Tín trở xuống gọi là lạc, Bát Tín trở lên gọi là hai tô. Nếu trước ba giáo trở xuống là y cứ ba giáo trước giáo hạnh các vị mà phát viên, gọi là ba nhà vào thì bất định, ấy là nhà Bác địa văn giáo gọi là giáo phát, trong ngoài phàm vì gọi là hạnh phát chí thánh vị mà phát thì gọi là chứng phát. Nói Hiền thánh tức là Thánh của hiền gia, phương tiện là hiền đâu lại từ hiền. Lại có trở xuống là lại đường chung mà giải thích nghĩa bất định. Bất định tên đồng mà nghĩa khác, nên chẳng phải giết người. Trước lệ hoán đế, như từ năm kinh là tu vô lậu phát được Hoãn giải không phải chỗ trông mong, cũng gọi là chẳng cầu tự phát. Khi giải này khởi thì cũng thuộc về hữu lậu, nên nói hữu lậu chẳng cầu tự phát. Ba hoặc hoàn toàn còn, nên nói toàn chẳng giết hai tử. Hoặc là nhân của tử, trong nhân nói quả, cho nên nói thế. Nếu tu Trung đạo trở xuống là y cứ ước tu trung để nói bất định, cũng chẳng phải giết người, từ mới phát tâm vốn tu viên thường. Thô hoặc trước trở xuống nghĩa đáng vô lậu, vô lậu này là chẳng cầu tự phát chẳng phá vô minh mà chẳng phải giết người. Người chẳng thấy gọi là Tiệm đốn. Lại nữa, bốn thứ chỉ quán trở xuống là y cứ Tiệm viên v.v... mà phân biệt đồng khác. Trước lập bốn giáo đều vì nhân vị gọi đó là tiệm, du kỳ cực quả gọi là viên, vì viên tiệm hai tên này lạm cho nên từ viên viên trở xuống là hai câu cùng phân biệt nhau. Cho nên biết trở xuống là kết. Tuy là phân biệt mà hai nghĩa vẫn còn, cho nên viên quả không phải là quả ba giáo, gọi Viên viên vì không phải Tiệm viên. Viên nhân khác nhau nhân ba giáo trước, nên gọi Viên tiệm, không phải là Tiệm tiệm. Cũng lại phải gọi Tiệm viên không phải là Viên viên, Tiệm tiệm không phải là Viên tiệm.

Văn dưới giải thích nghĩa bốn câu liền đủ. Pháp Hoa Sớ là chỉ trong Huyền Văn cũng nói đủ hai thứ Viên tiệm, lại Hiền thánh v.v... bốn phân biệt. Nhưng Tiệm tiệm trở xuống là phân biệt khai chung thì có thể khai chẳng thể khai, cho nên phải phân biệt. Ba giáo Phật người chẳng thể khai. Khai nhân vị người ba giáo trước đều vào Viên. Tiệm tiệm mà khai đều thành Viên tiệm. Sao thế trở xuống là giải thích. Ba quyền quả trước vốn là viên quả, thùy làm ba tích đâu có thể lại khai, khiến viên thành Phật. Lệ là lệ bốn chương kia, khai chung cũng như thế. Đại tiểu gồm được Bán Mãn, tiệm đốn lại gồm thiên viên. Vì vậy chỉ nói đại tiểu quyền thật. Cho nên nói chẳng rườm văn. Nhưng, đại tiểu Bán Mãn trước phải phân biệt, chung đồ mà nói. Như đại tiểu là

hoặc chỉ người nhân ba giáo trong diễn hoặc chỉ người Nhị thừa trong diễn. Đại đại là hoặc chỉ người quả đầu ba giáo, hoặc chỉ người nhân vị Viên giáo hoặc chỉ chỉ người quả Viên cực. Tiểu đại là hoặc chỉ người Bồ-tát ba tạng, hoặc chỉ quả Phật ba tạng. Đại tiểu đã thế thì Bán Mãn cũng, cho nên khác nhau. Quyền thật ba thứ nay nếu khai chung y cứ lệ mà nói thì cũng nhìn giới hạn ba thứ kia mà nói. Nói Tiểu đại là Phật ba tạng, nói Tiểu tiểu là người nhân ba tạng. Nói Đại đại tức là chỉ quả Phật ba giáo. Nói Đại tiểu tức là người nhân ba giáo. Bán Mãn lệ nói cũng rất dễ hiểu, khai chung tiến chăng so sánh trước rất dễ biết. Quán tâm cho đến suy v.v... là Chư Phật khế tâm, như khế mà nói. Đại sư cũng là suy quán mà nói, tâm hợp với pháp. Cho nên quán tâm suy chẳng trái pháp tướng. Là bất tín, là lại dẫn chứng thành tựu nghĩa đốn tiệm, văn của bốn giáo phải phân ra tiệm viên. Thứ sáu xét văn chưa thấy sợ là văn lầm. Trong văn chẳng nói Bồ-tát, ví chẳng dứt hoặc đồng với phàm phu, văn ở quyển hai mươi hai đủ như đã dẫn, đồng với văn quyển chín. Kinh sau cùng nói: Này người thiện nam, như trâu mới đẻ máu huyết chưa khác, nay trở lại trước lấy nghĩa tiện nói vì hòa máu sữa với sữa sạch trước. Tuyết Sơn v.v... là văn ở quyển hai mươi bảy. Kinh nói núi Tuyết có cỏ tên là Nhẫn nhục, trâu ăn liền thành đề hồ. Thứ tám lại nói: Núi tuyết có cỏ tên là phì nị, trâu ăn vào thuần sạch đề hồ. Đề hồ không có mầu xanh vàng đỏ trắng, nhân duyên nước cỏ khiến có mầu khác. Cho nên chúng sanh cũng vì vô minh nghiệp nhân duyên mà sanh ra hai tướng, nếu vô minh chuyển tức biến thành minh văn, kế lại nói: Núi Tuyết có loại cỏ tên là phì-nị. Nếu trâu ăn vào liền thành đề hồ. Chúng sanh phước mỏng chẳng thấy cỏ ấy. Phật tánh cũng như thế, vì phiền não che lấp nên chẳng thấy Phật tánh. Ba văn đồng có tên đề hồ. Hợp văn khác chút ít. Văn trước tu tám Chánh Đạo kế nói chuyển tức là gọi, đều là viên ý chánh ở văn nay. Sau nói phiền não che tức là ý khác. Kinh nói: Ý mật khéo tu gương sáng. Thứ lớp tám văn chứng bất định, cũng sợ văn lầm. Ở kinh quyển hai mươi bảy, Sư Tử Hống hỏi rằng: Thân chúng sanh sáu đường khác nhau, vì sao nói Phật tánh là một. Phật nói ví như có người bỏ thuốc độc vào sữa, cho đến đề hồ đều có độc, sữa chẳng gọi lạc cho đến đề hồ, tên tuy đổi mà vị độc chẳng mất, nếu uống đề hồ thì cũng giết người, mà thật chẳng để thuốc độc vào đề hồ. Phật tánh cũng như thế. Tuy khắp năm đường chịu thân khác nhau mà Phật tánh ấy thường một chẳng đổi. Từ thí dụ năm đường nay thí dụ năm vị làm sao đồng được. Đáp: Người phải y cứ pháp, Đại kinh y cứ người thân khắp năm đường, giống xưa chẳng dứt ở trong năm

đường độc phát bất định, nay dùng năm đường nghe pháp trải vị nghĩa chẳng trái nhau. Đã y cứ nghe giáo phải trải năm vị, tức tám bộ các kinh trước. Phương Đẳng cũng có chúng ở địa ngục đến nghe, nên kinh lấy năm mươi mốt để dụ năm mươi hai đối với lý không thương tổn. Nay y cứ trở xuống là dẫn ví dụ. Lấy một khoa này mà lệ với văn trước sau, đều phải làm phân biệt mà dẫn chứng. Tuy có thể lệ với đây nhưng có hơi khác. Như ý văn vừa phân biệt khai chung, xem rất dễ hiểu.

Năm là quyền thật. Trước giải thích tên, quyền này vốn là diệu thể của Chư Phật, trong thể phương tiện nên gọi là quyền mưu. Như quyền không thể nghĩ bàn mà bày mưu nên gọi là quyền mưu. Mưu nghĩa là mưu độ. Đây là chẳng mưu mà mưu nên gọi quyền mưu. Không phải tạng chung v.v... có quyền mưu. Đây gọi quyền mưu nên dẫn Pháp Hoa để giải thích quyền thật, tức là quyền ở trong thể. Tạm dùng v.v... là tạm dùng văn thích danh của Pháp Hoa để giải thích tên gọi quyền thật. Hỏi: Vì sao dùng quyền lại dùng thật? Đáp: Trước nói chung về ý dùng giáo, chúng sanh căn cơ kém mỏng dùng quyền để thành dọcc, nếu căn cơ thành dọcc rồi thì khai quyền bỏ quyền, bày khai bỏ đều y cứ vào bốn tất. Vì nghĩa ấy nên dùng quyền thật. Kế nói về sự hưng phế, phán năm vị, nếu chẳng y cứ năm vị thì không do đâu để hiển bày Thật bộ của Pháp Hoa. Cho nên trở xuống là ý kết giáo. Nay lại trở xuống là khai. Trước y cứ bốn tất xoay vần hưng phế không phải theo thời theo bộ bỏ hẳn. Cho nên biết văn trước chỉ là xếp. Cho nên y cứ phân biệt để nói về khai, thì bốn giáo đều thật. Lại bốn thứ trở xuống là dùng giáo đối với lý mà nói quyền thật, thì lý Thật giáo quyền. Trong giáo tuy có tên quyền thật đều vì người khác chẳng được mà nói, nên gọi là gượng ép. Đẳng thị trở xuống là nêu lời vặn hỏi. Quyền thật trong giáo đều đã gượng gọi sao chẳng đem thật làm quyền gọi quyền làm thật. Vì có trở xuống là đáp. Nay nói gượng, là y cứ bèn nói có gọi là gượng nói. Gượng tức là quyền gọi nên gọi là quyền y cứ thẳng bên nói chẳng thể quyền thật lẫn lộn nhau. Lại đây trở xuống là lại xếp trong giáo hoặc quyền hoặc thật, đều chẳng phải quyền thật. Vì sao trở xuống là giải thích, vì quyền thật này chẳng phải quyền chẳng phải thật, chẳng thể làm quyền thật mà nói. Đây chẳng phải quyền, chẳng phải thật trở xuống là bày đồng. Tuy song phi quyền thật nhưng chẳng được khác với vừa nói là thật bỏ quyền. Vừa rồi trở xuống là lại bày lý chẳng khác. Vì khai quyền nên thấy ở thật lý. Thật lý này chỉ là vừa tới hai lớp song phi: Một là song phi quyền thật hai lý; hai là song phi nói quyền lý thật, đều là y cứ lý không thể nói. Cho nên biết lý này tức là thật lý ở trước.

Nếu khác trở xuống là ngăn nghĩa khác. Nếu lý song phi khác lý thật, thì ngoài lý thật phải có lý khác. Đã không có tuệ năng chiếu lý khác lại không có cảnh sở chiếu lý khác, cho nên ngoài thật lý không có song phi khác. Đối quyền trở xuống là giải thích không có lý khác, vì đối phá quyền giáo nên nói thật giáo, cho nên có quyền có thật. Thật cũng nói lý. Nếu bỏ giáo quyền thật thì nói chẳng phải quyền chẳng phải thật, bỏ giáo cũng là hiển một thật, đối phá lý giáo cũng là hiển một thật. Cho nên lý song phi chẳng khác lý một thật, tức giáo trở xuống là khai giáo hiển lý, bỏ giáo bỏ quyền còn tức hiển lý, huống chi tức văn tự là lý thật tướng. Phải biết giáo quyền thật cũng chẳng phải quyền thật. Song phi này lại chẳng khác với song phi ở trước, nên nói không hai không khác, tùy nói khác cho nên chẳng hợp, lý chẳng khác nên chẳng tan. Chẳng phải quyền chẳng phải thật trở xuống là dùng một chỉ quán mà kết. Quán cho nên trở xuống là nói tên khác. Đây không phải chỉ trở xuống là kết chung. Như vừa khai quyền thật đều là lý không quyền thật, cho nên đều chẳng phải quyền và thật. Cũng thuộc v.v... là sợ nghe song phi lại bảo thật lỗi. Cho nên kết rằng chỉ là hiển thật. Hỏi: Huyền văn các nghĩa đều trước khai sau phế, như chỗ vừa dẫn vì sao lại trước phế sau khai? Đáp: Huyền văn y cứ dụ như hoa sen ở đời là trước nở sau rụng, nay từ pháp tiện nên trước phế sau khai. Đã phế quyền rồi thì thật rất dễ thấy, nghĩa nó như khai. Lại văn phế này hơi khác với kia, nó y cứ Pháp Hoa mà phế bỏ giáo quyền trước bộ trước. Lại phải khai quyền bộ quyền giáo trước. Nay y cứ các văn xoay vần bế nhau, cũng giống như chưa khai, vì thế khai ở trước nay đủ hai nghĩa cho nên phế ở trước. Lại phế đồng với đãi khai, đồng với dứt tuyệt, đại trước tuyệt sau, chưa mất pháp thường. Lại người tu Lăng-già nói: Kinh này khai quyền nghĩa đồng với Pháp Hoa. Nếu thế sao các văn trước sau đều chê bai Nhị thừa và ngoại đạo. Cho nên thứ ba nói tất cả kẻ ngu thiền đều gọi là Nhị thừa. Đây là bác bỏ ba tạng; Hai là quán sát thiền, tức là lìa tự tha mà được người vô ngã, cũng lìa ngoại đạo, chẳng lẽ không phải Thông giáo; Ba là chân như thiền, tức là biết niệm chẳng khởi há không phải Biệt giáo; Bốn là Như lai thiền tức là vào Phật địa há không phải là Viên giác. Cho nên biết kinh ấn cũng còn quyền thừa. Dùng Đại mà bác bỏ tiểu, cũng cùng với nghĩa vị trước nói ý đồng. Quyển cuối lại nói: Đạo Nhất thừa chỉ có Như lai được, ngoại đạo, Nhị thừa, Phạm thiên không được, đâu cùng Pháp Hoa Nghiêm Vương Tà Kiến, năm nghịch Điều-đạt, Long nữ súc sanh mất giống Nhị thừa đều được thọ ký làm Phật ư? Hỏi: Vì Phật mà bày quyền trở xuống là lại phân biệt lý giáo

tiếp nghĩa. Từ đầu đến tiếp vào vị nào gồm có năm câu hỏi. Dùng một chữ hỏi mà gồm năm văn: Một là hỏi quyền hay thật; hai là hỏi ý gì chẳng dự bốn số; ba là hỏi vì sao chỉ tiếp chung; bốn là hỏi vị nào bị tiếp; năm là hỏi tiếp vào vị nào. Trong đáp đáp đủ năm câu hỏi vẫn là hai lớp, một là y cứ giáo, hai là y cứ đế. Trong y cứ giáo đáp câu hỏi đầu là bị người biết tiếp ắt chẳng chứng hết, cho nên có quyền thật khác nhau. Bốn giáo trở xuống là đáp câu hỏi hai, vì biệt tiếp nên chỉ dùng chung của Biệt giáo như trước nói. Các giáo trở xuống là đáp câu hỏi ba, Huyền văn nói đủ dùng Viên tiếp Thông dùng Viên tiếp Biệt. Nó y cứ giáo đạo, trong giáo đạo hoặc dùng quyền giáo mà tiếp quyền, hoặc dùng thật giáo mà tiếp quyền. Nay chỉ y cứ giáo sở thuyên lý bên chỉ dùng quyền lý bị thật lý tiếp ở nghĩa lược đủ. Cho nên chỉ nói trong ngoài giao tế phải lập một tiếp, các thứ khác như trước nói. Nếu bằng trở xuống là đáp câu hỏi bốn, Bát địa mới tiếp, đây là y cứ theo hạ căn. Cửu địa trở xuống là đáp câu hỏi năm, là từ hạ căn đến phần nhiều là Sơ địa, người vào trung thượng ở đây thì bất định. Lại xét vị nào thì ở Địa tiền, người hơn tấn vào thì đến Sơ địa. Nói Cửu Địa phục, mười địa phá, là vẫn tên vốn lập gọi là Cửu Địa Thập địa, vào giáo biệt viên phải gọi là Sơ địa cho đến Sơ trụ. Nếu tới trở xuống là y cứ đế để đáp. Chỉ đáp bốn câu hỏi, đáp thiếu câu thứ hai, vì câu hỏi hai chỉ hỏi vì sao chẳng dự vào bốn số, không phải chánh hiển lý nên lược chẳng đáp. Trong đáp bốn câu hỏi vẫn chẳng thứ lớp. Trước đáp câu hỏi một, trung không họp luận, không tức là quyền, trung tức là thật. Phá kiến tư trở xuống là đáp câu hỏi bốn, tức địa thứ tám mới phá tiếp. Hỏi vì sao đến Bát địa mới tiếp đáp vì muốn bày trung ở trong chân, cho nên đợi chứng không mới điểm bày. Khiến quán sâu không liền thấy chẳng không. Nếu thế, hai căn trung thực hành nghĩa ấy thế nào? Đáp: Hai căn trung thượng cũng thấy chân rồi mới bày trung chung. Nhưng hai căn trước chân không còn cạn. Cho nên nói giáo thường giúp hạ căn. Nghe rồi trở xuống là đáp câu hỏi năm. Chỉ nói vị khác chẳng nói tên vị. Một vì người nào bất định vị ấy; hai là riêng ở Sơ địa, vì vị Địa tiền cùng trước chung nhau, cho nên chỉ Sơ địa gọi là Biệt vị, cũng như Viên giáo thỉ chung đều Viên. Nếu xếp viên vị thì ở sở trụ. Bồ-tát Ba tạng trở xuống là đáp câu hỏi ba. Bồ-tát phục hoặc rồi như trước nói, Nhị thừa hai giáo Pháp Hoa mới hội, cũng chẳng nói tiếp. Hỏi: Pháp Hoa Huyền nói tiếp không phải nghĩa hội nay y cứ Pháp Hoa chỉ phải nói hội, sao lại nói tiếp. Đáp: Trước sau các văn hội không phải một nghĩa. Nay nói tu quán cũng có thể kể lại giáo trước Pháp Hoa để lệ với người tu. Nói ở giáo

môn tướng chung bít, cho nên nói chưa ngại hội. Huống chi là tiếp ở Bồ-tát chẳng khác với hội. Lại văn trước sau chỗ nào cũng đều nói có thể nghĩ bàn là chỉ để hiển, không thể trước đãi sau tuyệt, thứ lớp như thế, đâu cần hỏi rằng chẳng nên nói tiếp. Hỏi: Ba quyền trở xuống là phân biệt lý giáo cơ thật, có hai hỏi đáp văn đầu rất dễ thấy, kế là hỏi đáp trung. Trong câu hỏi đầu gồm hai ý, trước hỏi nếu biết vì sao gọi là quyền, hỏi: hai giáo Thông, Biệt cũng gọi là quyền phải không? Kế hỏi: Nếu nói chẳng biết hai kinh trái nhau, là hỏi ba tạng giáo trước sau chẳng biết, liền trái với Niết-bàn, Thắng-man. Hai kinh ấy đều có văn sáng tỏ nói trong đáp Tam Tạng trước, đáp ý đầu có phương tiện riêng, tuy trước nghe thật từ giáo thành quyền, Bát địa Thông giáo có thể tiếp mà biết, cho nên giáo cũng quyền. Nếu nói trở xuống là đáp ý thứ hai, trước là nhắc lại câu hỏi, kế Đại kinh trở xuống là chung nạn. Trong đó, trước chung Đại kinh, vẫn trước nêu Đại kinh về câu hỏi ấy. Y theo văn trước nêu hai kinh để làm lời hỏi. Sau mới kết nạn. Để tránh văn rườm rà nên ở trong đáp mới bắt đầu dẫn lời hỏi kinh, sau đó mới chánh đáp để bày ý kinh. Cho nên Đại kinh quyển ba mươi hai nói tuy tin khác tướng chẳng tin một thể không tướng khác nhau gọi tín chẳng có tín. Vì chẳng có tín nên tất cả cấm giới cũng chẳng đầy đủ, vì tín chẳng đủ nên tất cả họ rộng cũng chẳng đầy đủ. Thứ ba nói rằng: Người thiện nam phải tu tập Phật pháp và tăng mà nghĩ là thường, Tam bảo này không có tướng khác, không có tướng vô thường, không có tướng đổi khác. Nếu đối ba thứ này mà tu tướng lạ, thì phải biết người này thanh tịnh ba qui y không chỗ nương tựa, bao nhiêu giới cấm đều chẳng đầy đủ, chẳng bao giờ được Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác. Nếu tu tưởng thường thì có chỗ về. Như chỗ lập câu hỏi, cứ hai văn này hợp thành một câu hỏi. Từ ngữ nhắc lại lời hỏi đã xong. Kế nghĩa này trở xuống nha nay làm chung. Trước nói không nghe thì chẳng biết. Nói tụ sức mình, là nếu không có sức nguyện của Chư Phật, Bồ-tát gia hộ cho khiến biết thì còn chẳng được ở Phương Đẳng nghe Bát-nhã, huống chi ở Pháp Hoa mà đích thân được thọ ký. Kế nêu thí dụ. Thiên nhãn chưa mở, ví như sức mình chẳng biết, nếu nghe mà biết thí như bị đờn (đạn) v.v... La-hán trở xuống là đều chẳng biết. Cho nên Pháp Hoa trở xuống là dẫn chứng sức mình căn bản, sức khác mới biết. Lại nói trở xuống là kết trước chẳng nghe thì sức mình chẳng biết. Gồm nêu Bồ-tát để so sánh Thanh văn. Kế kinh gọi trở xuống là chánh nêu ý kinh. Nếu nói chẳng biết thì làm sao chung. Cho nên kế nêu rằng cùng biết lý mình sở dĩ Đại kinh nói thế là nêu xưa mà bác bỏ nay. Thanh văn chẳng nghe Chân đế thường trụ

một thể chẳng đổi, Tiểu thừa qui giới còn chẳng đầy đủ, huống chi là chưa nghe Đại thừa thường trụ, đâu có thể đầy đủ đạo bình đẳng cho nên y cứ phẩm từ đây về trước Phật nhãn chưa mở, chưa được thọ ký, vẫn ở chỗ được sanh nghĩ là diệt độ, cho nên trong kinh Tịnh Danh tự buồn hư giống. Nếu Phật diệt độ rồi dẫu sanh diệt tưởng cũng gặp bốn y mà nghe thường trụ. Nam Nhạc giải thích rằng: Phật kia là bốn y. Nếu quyết liễu rồi lại chẳng phải Nhị thừa, cho nên biết Pháp Hoa về trước chẳng được nói biết rõ ràng. Sở dĩ kinh nói biết, là chỉ biết Chân đế. Cho nên dẫn Tu-bồ-đề chẳng lễ sắc thân, vì ở hang đá thấy pháp thân Tiểu thừa không tới lui, cũng như Trần-như được chứng Vô sanh. Chứng Vô sanh chỉ là thường trụ, đây đều là chân đế thường trụ của Tiểu thừa mà thôi. Lại Luật nghi trở xuống là kế bày hai văn qui giới mà hỏi. Nếu thấy không, còn được luật nghi vô lậu đều phát, với đạo gọi là đầy đủ, huống chi là chẳng đủ sự luật nghi ư? Cho nên Hoa Nghiêm trở xuống dẫn chứng Chân đế được gọi thường trụ. Đã nói Thường trụ Nhị thừa cũng được, lại chẳng gọi Phật, phải biết lời chung thường trụ đâu cần phải hạn cục Đại thừa. Nếu chẳng trở xuống là kết thành bày ý hỏi. Nếu y cứ vào văn Thanh văn chẳng biết thì chẳng đủ ở giới cấm. Giới cấm đã đủ thì tên thường không hạn cục ở đại, lại nêu lệ trở xuống là dẫn lệ mà giải thích thành. Trước dẫn kinh. Muốn gọi trở xuống là lệ đều kết thành. Cho nên ba tạng trở xuống là kết đáp. Như chỗ giải thích trước thật chẳng trái với văn Niết-bàn. Cho nên văn kinh Niết-bàn ý gồm hai hướng. Xưa thì phải biết Tiểu thường, nay thì phải biết Diệu thường. Thắng-man trở xuống là chung ý kinh Thắng-man cũng trước nhắc lại lời hỏi, kế bày ý kinh. Nếu muốn làm sáng tỏ ý kinh Thắng-man thì phải làm hai thứ sơ nghiệp mà giải thích. Văn đầu đã nêu sơ nghiệp lâu xa nên nói căn bản, đều kết duyên với mười sáu Vương tử, lại chỉ tích hóa nên nói ra tìm. Nếu lấy trở xuống là chỉ gần đời này. Trước nghe bốn đế diệt lý chân thường, ý này đồng với trước. Nếu xa xưa trở xuống là lại giải thích lâu xa tức là thuận hỏi đáp trước. Ngày nay Thanh văn đầy đủ cấm giới, bởi sơ nghiệp lâu xa nghe thường. Nếu xưa chẳng nghe tiểu còn chẳng đủ huống chi là đại ư? Nếu hoàn toàn chưa hề nghe thường Đại thừa, đã không có Tiểu quả, làm sao nói giới cấm đủ hay chẳng đủ. Vì thật mà bày quyền, che tướng nói đủ, đậu lâu xa ấy, sơ nghiệp nghe thường. Đời này hiển luận được ký mới đủ. Sợ hãi sanh tử là như Xá-lợi-phất lội qua sông bố thí, cho nên Đại luận quyển mười hai nói: Xá-lợi-phất trong sáu mươi kiếp thực hành hạnh Bồ-tát, có Bà-la-môn đến xin mắt Ngài. Xá-lợi-phất nói: Phải xin cái cho được, mắt này

không kham. Bà-la-môn nói không cần thân và tiền của, chỉ cần mắt. Nếu ông thật hành bố thí thì phải cho tôi mắt. Bèn móc một mắt mà cho. Bà-la-môn được rồi thì ngửi mà bảo rằng: mắt này thúi quá, rồi khạc nhổ bỏ đi và dùng chân đạp lên. Xá-lợi-phất nói: Người này quá tệ ác làm sao độ được. Thật không dùng mắt mà ép đòi cho được. Không bằng tự độ mà sớm thoát sanh tử, lui sụt Đại thừa rồi sau bị luân hồi sanh tử gọi là chẳng đến bờ kia. Pháp Tài Vương Tử, là kinh Bản Nghiệp Anh Lạc quyển thượng chép: Bồ-tát trụ thứ sáu, chỉ quán hiện tiền gặp Phật Bồ-tát và thiện tri thức che chở, vào Trụ thứ bảy rồi được bất thối, người vô ngã rốt ráo chẳng sanh. Nếu chẳng thế thì một kiếp cho đến thối tâm Bồ-đề như ta ở hội đầu có tám muôn người lui sụt, tức là Tịnh Mục Thiên Tử, Pháp Tài Vương Tử, Xá-lợi-phất v.v... Muốn vào Thất trụ gặp ác tri thức lui xuống phàm phu. Cho đến ngàn kiếp có tà kiến lớn và năm tội nghịch, không điều ác nào chẳng gây tạo. Và trong Niết-bàn thối chuyển Bồ-tát, là kinh thứ hai mươi sáu, Sư Tử Hống hỏi Phật rằng: Nếu Phật tánh thường sao có lui sụt? Phật nói: Ví như có hai người cùng nghe ở phương khác có núi bảy báu, một người sợ đường xa nhiều hiểm trở, ít thức ăn liền lui sụt chẳng đi. Một người liều mạng đến đó mà được nhiều châu báu. Người lui sụt thấy rồi thì tâm nóng nảy lại đi. Người lui sụt là dụ cho Bồ-tát thối, còn người không lui sụt là dụ cho Bồ-tát Bất thối. Đâu vì lui sụt mà làm cho đạo không thường. Thí như trở xuống là nêu thí dụ. Đại địa là mới phát tâm Bồ-đề, y vào mới phát tâm mà có Tiểu thừa sơ nghiệp các dụng. Tiểu thừa sơ nghiệp như cây mới nảy mầm, đều do đất Bồ-đề mà được thành tựu. Tiểu thừa trở xuống là hợp thí dụ. Nói Yết-ma chẳng thành, là gọi lâu xa, nếu không có đại thì khiến bỉnh pháp Tiểu thừa chẳng thành, vì không có (gốc) nên các hạnh chẳng thành, như cây không rễ chẳng ra hoa quả. Thời cơ chưa thuần dọcc nên quyền đặt tên tiểu nhưng việc làm của các ông là đạo Bồ-tát, không phải mới được thọ ký mới được gọi là Đại nhân. Cho nên biết vô tâm là ở bến báu, đường đến hóa thành một bước chẳng thành đâu thể vào thành mà nghĩ là an ổn. Chẳng tin thường trụ, cấm giới Thanh văn đều chẳng đầy đủ. Lời này có bằng cớ. Đây là đều bác bỏ kẻ chưa phát đại tâm thì thành tựu không gốc. Tuy là không gốc mà y cứ vào tâm thọ giả, y cứ vào bổn hoài của Phật đã bày đại hóa, ý có không cần phải xét kỹ. Nếu có giải thích này, đây là hiển bày ý hai giải thích sở nghiệp. Bốn niệm sơ nghiệp chẳng trái với Tiểu thừa, sơ nghiệp lâu xa chẳng đạt đến Đại thừa.

■